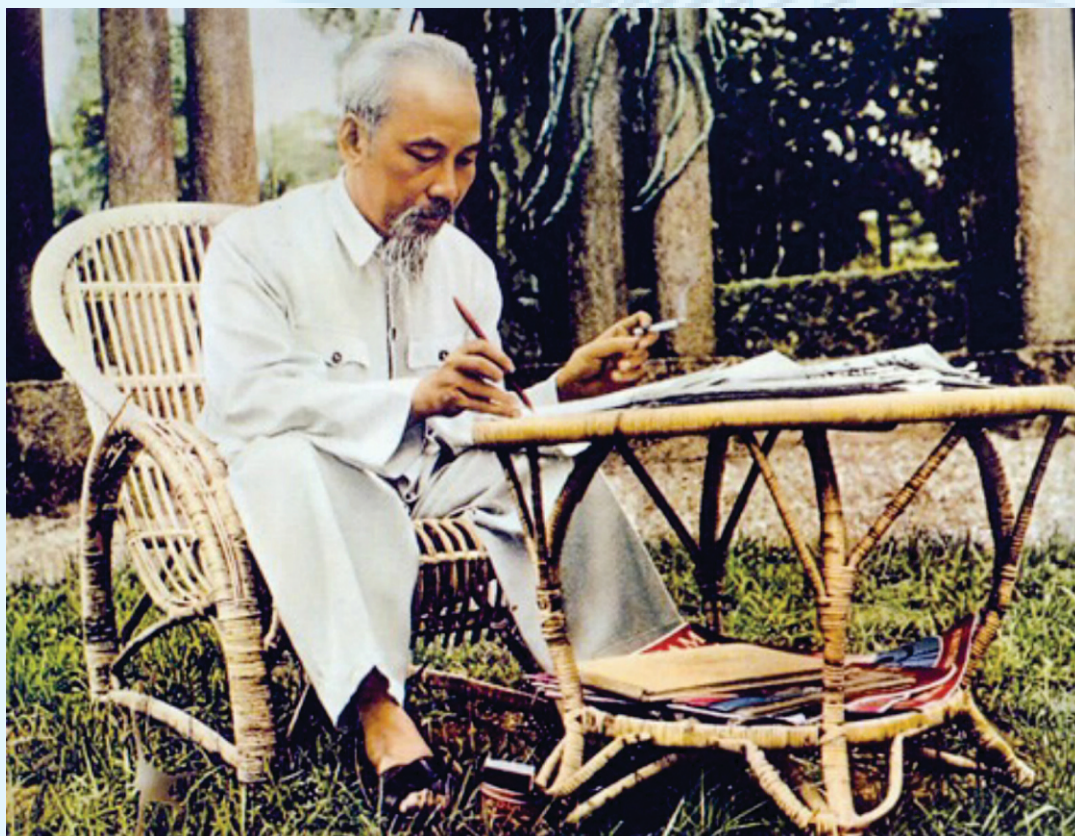


PGS.TS.GVCC. ĐOÀN ĐỨC HIẾU – ThS. PHÙNG THẾ ANH
TS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG - ThS. TRẦN NGỌC CHUNG
(Đồng chủ biên)

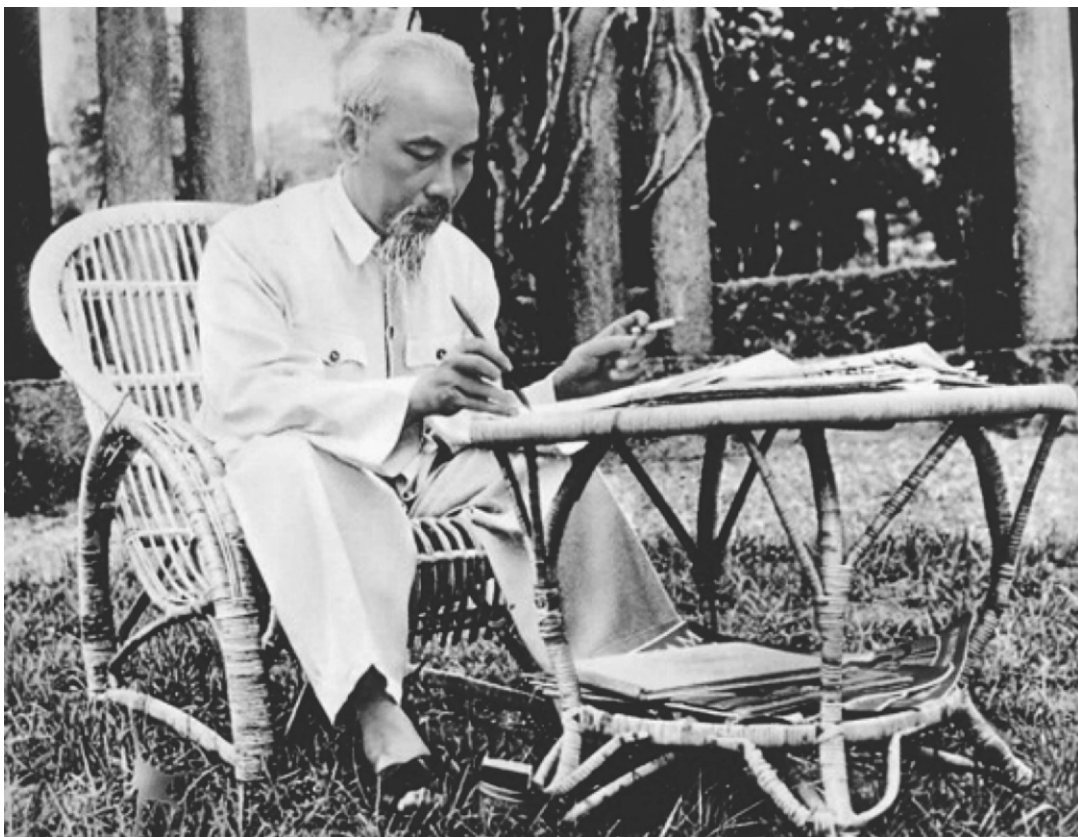
DI CHÚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH

PGS.TS.GVCC. ĐOÀN ĐỨC HIẾU – ThS. PHÙNG THỂ ANH
TS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG – ThS. TRẦN NGỌC CHUNG
(Đồng chủ biên)

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH

**PGS.TS.GVCC. ĐOÀN ĐỨC HIẾU – THS. PHÙNG THẾ ANH
TS. NGUYỄN THỊ PHƯỢNG - THS. TRẦN NGỌC CHUNG**

(Đồng chủ biên)

BAN BIÊN TẬP

PGS.TS.GVCC Đoàn Đức Hiếu	-	Trưởng ban
ThS. Phùng Thế Anh	-	Phó ban
ThS. Trần Ngọc Chung	-	Ủy viên, Thư ký
TS. Nguyễn Thị Phượng	-	Ủy viên
TS. Thái Ngọc Tăng	-	Ủy viên
TS. Nguyễn Đình Cả	-	Ủy viên
TS. Nguyễn Thị Quyết	-	Ủy viên

CÁC TÁC GIẢ

PGS.TS.	Lê Hữu	Ái
ThS.	Dương Hoài	An
ThS.	Huỳnh Ngọc	An
ThS.	Ngô Văn	An
ThS.	Nguyễn Thị Vân	An
ThS.	Nguyễn Hữu	Anh
ThS.	Phùng Thế	Anh
CN.	Nguyễn Tiến	Anh
ThS.	Lê Tuấn	Anh
ThS.	Phan Thị	Ánh
ThS.	Phan Thanh	Bằng
TS.	Trương Văn	Bảy
	Đặng Tiến	Bình
TS	Nguyễn Đình	Cả
TS.	Lê Quang	Cần
CN.	Nguyễn Xuân	Cẩn
ThS.	Trương Thị Mỹ	Châu
TS.	Lê Thị Kim	Chi
ThS.	Lê Mạnh	Chí
ThS.	Lê Quang	Chung
ThS.	Trần Ngọc	Chung
	Bùi Chiến	Công
ThS.	Nguyễn Thành	Công
PGS.TS.	Nguyễn Anh	Cường
TS.	Đỗ Thành	Đô
ThS.	Võ Hoàng	Đông
CN.	Lê Đại	Đồng
ThS.	Nguyễn Văn	Đức

ThS.	Trịnh Quang	Dũng
TS.	Võ Văn	Dũng
ThS.	Từ Thị Cẩm	Giang
ThS.	Hoàng Thị	Giang
ThS.	Dương Tấn	Giàu
TS.	Lê Thị Minh	Hà
TS.	Lê Thị	Hà
ThS.	Nguyễn Thị	Hà
ThS.	Trần Hải	Hà
TS	Phan Thị	Hà
ThS.	Nguyễn Chí	Hải
TS	Hoàng Thị Mỹ	Hạnh
ThS.	Nguyễn Thị	Hiền
ThS.	Vũ Thị	Hiền
NCS.	Nguyễn Thị Thu	Hiền
ThS.	Trần Bá	Hiệp
PGS.TS.	Đoàn Đức	Hiếu
ThS.	Lê Thị Ngọc	Hoa
PGS.TS.	Nguyễn Văn	Hoà
ThS.	Võ Thái	Hoà
CN.	Nguyễn Thị	Hoài
ThS.	Đoàn Thị	Huế
NCS.	Phạm Thị	Huế
TS.	Võ Minh	Hùng
TS.	Lê Thị Kim	Hung
TS.	Dương Đức	Hung
ThS.	Dương Thị Thu	Hương
ThS.	Lưu Thị Xuân	Hương
ThS.	Phan Thị Thanh	Hương
ThS	Võ Thị Mỹ	Hương
HVCH.	Bùi Thị	Hường
CN.	Hà Triệu	Huy
TS.	Nguyễn Khoa	Huy
CN.	Huỳnh Ngọc Lương	Huyền
TS.	Ngô Thị	Huyền
CN.	Nguyễn Thị	Huyền
ThS.	Dư Thị	Huyền
ThS.	Đỗ Thị Thanh	Huyền
TS.	Ngô Bá	Khiêm
ThS.	Đặng Văn	Khoa
ThS.	Nguyễn Cao	Lâm
TS.	Nguyễn Thị Kim	Liên

ThS.	Trần Thị	Liên
TS.	Trịnh Thị Mai	Linh
ThS.	Hồ Yên	Linh
ThS.	Nguyễn Văn	Lĩnh
ThS.	Đinh Thị Kim	Loan
PGS.TS.	Nguyễn Thị Quế	Loan
TS.	Phạm Ngọc	Lợi
ThS.	Lê Bình Phương	Luân
ThS.	Phạm Văn	Lương
TS.	Trần Hồng	Lưu
ThS.	Nguyễn Thị	Lý
ThS.	Nguyễn Văn	Mạnh
ThS.	Nguyễn Văn	Mão
TS.	Đào Văn	Minh
ThS.	Nguyễn Hoàng	Minh
ThS.	Lại Văn	Nam
ThS.	Đỗ Thị	Nga
ThS.	Hoàng Thị	Nga
ThS.	Trần Thị Thuý	Nga
ThS.	Thân Thị Thu	Ngân
ThS.	Đào Thị Mộng	Ngọc
TS.	Hoàng Trần Như	Ngọc
ThS.	Phạm Văn	Ngọc
HVCH.	Trần Nguyễn Sĩ	Nguyên
ThS.	Hoàng Thị Mỹ	Nhân
	Dương Minh	Nhật
ThS.	Đàm Yên	Nhi
TS.	Nguyễn Thị	Như
TS.	Nguyễn Thị Hiền	Oanh
ThS.	Mai Trọng	Phú
TS.	Lê Văn	Phục
NCS.	Trần Hùng Minh	Phương
ThS.	Trần Thị	Phương
TS.	Đặng Thị Minh	Phượng
TS.	Đinh Thị	Phượng
TS	Nguyễn Thị	Phượng
PGS.TS.	Lý Việt	Quang
TS.	Trần Việt	Quân
	Nguyễn Hồng	Quý
ThS.	Nguyễn Văn	Quý
TS	Nguyễn Thị	Quyết
ThS.	Lê Thị Như	Quỳnh

ThS.	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh
ThS.	Tạ Văn	Sang
ThS.	Hoàng Xuân	Sơn
	Nguyễn Hữu	Sơn
NCS.	Trần Thanh	Sơn
ThS.	Dương Vũ	Thái
TS	Thái Ngọc	Tăng
TS.	Nguyễn Thị Toàn	Thắng
ThS.	Lưu Thị Mai	Thanh
ThS.	Nguyễn Thị	Thành
ThS.	Trần Thị	Thảo
NCS.	Hoàng Diệu	Thảo
TS.	Huỳnh Đức	Thiện
ThS.	Hà Văn	Thiều
ThS.	Lê Đức	Thọ
	Lương Thị	Thương
TS.	Cù Thị Thanh	Thúy
ThS.	Huỳnh Thị Phương	Thúy
ThS.	Lê Thị Thanh	Thúy
TS	Nguyễn Thị Như	Thúy
ThS.	Phạm Thị Giang	Thùy
ThS	Tạ Thị	Thùy
ThS.	Nguyễn Thị Thu	Thủy
ThS.	Trần Thị	Thủy
TS.	Vương Thị Bích	Thủy
ThS.	Nguyễn Văn	Toán
TS.	Nguyễn Thị	Trang
TS.	Đỗ Thị Thủy	Trang
ThS.	Tạ Trần	Trọng
TS.	Nguyễn Thị Thanh	Tùng
TS.	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền
CN.	Hoàng Anh	Tuấn
TS	Đặng Thị Minh	Tuấn
ThS	Ngô Quang	Ty
PGS.TS.	Trần Mai	Ước
ThS.	Trần Văn	Vĩ
ThS.	Hoàng Ngọc	Vĩnh
TS.	Nguyễn Hữu	Vượng
TS.	Bùi Thanh	Xuân
ThS.	Nguyễn Thị	Xuyên

DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH | Đoàn Đức Hiếu, Phùng Thế Anh
GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN | Nguyễn Thị Phương, Trần Ngọc Chung

Bản tiếng Việt © TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH, NXB ĐHQG-HCM và CÁC TÁC GIẢ.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ bởi Luật Xuất bản và Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam. Nghiêm cấm mọi hình thức xuất bản, sao chép, phát tán nội dung khi chưa có sự đồng ý của Tác giả và Nhà xuất bản.

ĐỂ CÓ SÁCH HAY, CẦN CHUNG TAY BẢO VỆ TÁC QUYỀN!

**DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**

**Đoàn Đức Hiếu, Phùng Thế Anh
Nguyễn Thị Phương, Trần Ngọc Chung**

Nhà xuất bản ĐHQG-HCM và tác giả/đồng tác giả liên kết
giữ bản quyền ©

Copyright © by VNU-HCM Press and author/
co-partnership All rights reserved

Xuất bản năm 2019

Số lượng 100 cuốn, Khổ 19 x 27 cm
ĐKKHXB số: 5250-2019/CXBIPH/1-
238/ĐHQGTPHCM,

Quyết định XB số 265/QĐ-ĐHQGTPHCM của
NXB ĐHQG-HCM cấp ngày 17/12/2019.

In tại: Công ty TNHH In & Bao bì Hưng Phú;
Đ/c: 162A/1 – KP1A – P.An Phú – TX Thuận An –
Bình Dương.

Nộp lưu chiểu: Quý I/ 2020

NHÀ XUẤT BẢN

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Khu phố 6, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh
Dãy C, số 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1,
TP Hồ Chí Minh

ĐT: 028 6272 6361 – 028 6272 6390

E-mail: vnuhp@vnuhcm.edu.vn

TRUNG TÂM SÁCH ĐẠI HỌC

Dãy C, số 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1,
TP Hồ Chí Minh

ĐT: 028 6272 6350 - 028 6272 6353

Website: www.sachdaihoc.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản

ĐỖ VĂN BIÊN

Chịu trách nhiệm nội dung

ĐỖ VĂN BIÊN

Đồng tác giả liên kết

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
TP. HỒ CHÍ MINH**

Biên tập

**LÊ THỊ THU THẢO
TRẦN THỊ ĐỨC LINH**

Sửa bản in

PHAN KHÔI – ÁI NHẬT

Trình bày bìa

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
TP. HỒ CHÍ MINH**

ISBN: 978 – 604 – 73 – 7400– 7

MỤC LỤC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN.....	7
LỜI NÓI ĐẦU	9
PHẦN THỨ NHẤT	
DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH VỚI VẤN ĐỀ XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC	13
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XII VỀ “CHỈNH ĐỐN LẠI ĐẢNG” THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	15
<i>ThS. Phan Thị Ánh</i>	
LỜI CĂN DẶN ĐỐI VỚI ĐẢNG TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG Ở NƯỚC TA HIỆN NAY	22
<i>TS. Nguyễn Đình Cả</i>	
VẬN DỤNG PHONG CÁCH NÊU GƯƠNG TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀO THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM NÊU GƯƠNG CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	28
<i>Bùi Chiến Công</i> <i>Trần Nguyễn Sĩ Nguyên</i>	
DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG CHỈNH ĐỐN ĐẢNG HIỆN NAY	34
<i>ThS. Nguyễn Thành Công</i> <i>CN. Lê Đại Đồng</i>	
GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA DI CHỨC HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG HIỆN NAY	43
<i>ThS. Nguyễn Thị Hà</i>	
VẤN ĐỀ ĐẢNG CẦM QUYỀN TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH....	49
<i>ThS. Trần Hải Hà</i>	
GIỮ GÌN SỰ ĐOÀN KẾT THỐNG NHẤT CỦA ĐẢNG TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	53
<i>ThS. Vũ Thị Hiền</i>	
Ý NGHĨA DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG HIỆN NAY Ở VIỆT NAM	57
<i>ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền</i>	
GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA DI CHỨC VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM HIỆN NAY	64
<i>ThS. Trần Bá Hiệp</i>	

TRUNG VỚI NƯỚC, HIẾU VỚI DÂN – NỘI DUNG QUAN TRỌNG TRONG HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH CỦA NGƯỜI CÁN BỘ CÁCH MẠNG	69
<i>Đại úy - CN. Nguyễn Thị Hoài</i>	
<i>CN. Huỳnh Ngọc Lương Huyền</i>	
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG CÀM QUYỀN PHỤNG SỰ, LIÊM CHÍNH VÀ ĐOÀN KẾT	78
<i>TS. Dương Đức Hưng</i>	
DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH – TÂM NHÌN CHIẾN LƯỢC TRONG VIỆC XÂY DỰNG, CHÍNH ĐÓN ĐẢNG	85
<i>ThS. Lưu Thị Xuân Hương</i>	
DI CHỨC HỒ CHÍ MINH VỚI VẤN ĐỀ XÂY DỰNG “VĂN MINH CÀM QUYỀN” CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	94
<i>Bùi Thị Hương</i>	
TỪ ÁNH SÁNG DI CHỨC CỦA BÁC, NGHĨ VỀ PHẨM CHẤT CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN HIỆN NAY	100
<i>TS. Nguyễn Khoa Huy</i>	
YÊU CẦU VỀ ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	106
<i>CN. Nguyễn Thị Huyền</i>	
CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CHÍNH ĐÓN ĐẢNG HIỆN NAY THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	111
<i>ThS. Nguyễn Cao Lâm</i>	
DI CHỨC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH – ĐỌC VÀ SUY NGẪM VỀ TINH THẦN ĐOÀN KẾT TRONG ĐẢNG	115
<i>TS. Nguyễn Thị Kim Liên</i>	
GIỮ GÌN SỰ ĐOÀN KẾT NHẤT TRÍ TRONG ĐẢNG THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	119
<i>TS. Phạm Ngọc Lợi</i>	
DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH – BẢO VẬT VÔ GIÁ ĐỐI VỚI VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	125
<i>ThS. Phạm Văn Lương</i>	
TƯ TƯỞNG “DÂN LÀ GỐC” TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - Ý NGHĨA THỰC TIỄN TRONG QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY	131
<i>ThS. Nguyễn Văn Mạnh</i>	
TƯ TƯỞNG VỀ ĐẢNG CÀM QUYỀN TRONG DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH	137
<i>ThS. Trần Thị Thúy Nga</i>	
VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM VỀ QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ THỂ HIỆN TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI CÔNG CUỘC XÂY DỰNG, CHÍNH ĐÓN ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY	141
<i>Trung úy Trần Nguyễn Sĩ Nguyên</i>	
<i>HVCH. Phạm Thế Hiên</i>	

ĐỔI MỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG CHÍNH ĐÓN ĐẢNG HIỆN NAY THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	147
<i>ThS. Mai Trọng Phú</i>	
VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG VIỆC XÂY DỰNG CHÍNH PHỦ KIẾN TẠO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	154
<i>ThS. Trần Thị Phương</i>	
XÂY DỰNG ĐẢNG THỰC SỰ ĐOÀN KẾT, TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	161
<i>TS. Đặng Thị Minh Phương</i>	
DI CHỨC HỒ CHÍ MINH - KIM CHỈ NAM CHO MỖI CÁN BỘ ĐẢNG VIÊN THỰC HIỆN TỐT VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM CỦA MÌNH, GÓP PHẦN XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG SẠCH VỮNG MẠNH	166
<i>TS. Nguyễn Thị Phương</i>	
TỪ QUAN ĐIỂM “CHÍNH PHỦ LÀ CÔNG BỘC CỦA DÂN” CỦA HỒ CHÍ MINH ĐẾN VIỆC XÂY DỰNG “CHÍNH PHỦ KIẾN TẠO” HIỆN NAY	171
<i>Nguyễn Hồng Quý</i>	
GIÁ TRỊ LÝ LUẬN TRONG DI CHỨC HỒ CHÍ MINH	182
<i>TS. Nguyễn Thị Quyết</i>	
SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	189
<i>ThS. Nguyễn Thị Xuân Quỳnh</i>	
QUAN ĐIỂM VỀ XÂY DỰNG VÀ CHÍNH ĐÓN ĐẢNG TRONG DI CHỨC HỒ CHÍ MINH	194
<i>ThS. Tạ Văn Sang</i>	
NHỮNG GIÁ TRỊ VỀ TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG TRONG DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG TA VỀ CÔNG TÁC GIÁO DỤC, RÈN LUYỆN ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.....	200
<i>ThS. Lưu Thị Mai Thanh</i>	
MỐI QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA XÂY DỰNG, CHÍNH ĐÓN ĐẢNG VỚI XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	206
<i>ThS. Nguyễn Thị Thành</i>	
TÌM HIỂU GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TƯ TƯỞNG VỀ ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CỦA CÁN BỘ VÀ ĐẢNG VIÊN TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	214
<i>ThS. Tạ Trần Trọng</i>	
ĐOÀN KẾT THỐNG NHẤT TRONG ĐẢNG THEO DI CHỨC CỦA BÁC HỒ	221
<i>ThS. Hồ Thị Thanh Trúc</i>	
<i>ThS. Hoàng Xuân Sơn</i>	
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ, PHẨM CHẤT VÀ PHONG CÁCH CỦA NGƯỜI CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN - DI SẢN VÀ BÀI HỌC	227
<i>TS. Nguyễn Thị Thanh Tùng</i>	

XÂY DỰNG ĐẢNG - NỘI DUNG TƯ TƯỞNG CỐT YẾU TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	234
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----

TS. Bùi Thanh Xuân

ThS. Lê Tuấn Anh

PHẦN THỨ HAI

DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH VỚI VẤN ĐỀ DÂN CHỦ, DÂN TỘC VÀ NHÂN LOẠI	243
-------------------------------------------------------------------------------	-----

NHỮNG VẤN ĐỀ THỜI ĐẠI TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	245
---------------------------------------------------------------------------	-----

ThS. Nguyễn Hữu Anh

GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	251
------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----

CN. Nguyễn Tiến Anh

DI CHỨC - SỰ THỂ HIỆN TRÁCH NHIỆM TRỌN VẸN CỦA HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI DÂN TỘC VÀ NHÂN LOẠI	255
------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----

ThS. Phan Thanh Bằng

DI CHỨC LÀ “TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP THỨ HAI” CỦA HỒ CHÍ MINH	264
----------------------------------------------------------------------	-----

Đặng Tiến Bình

DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH – GIÁ TRỊ TRƯỜNG TỒN ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM	267
---------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----

CN. Nguyễn Xuân Cẩn

DI CHỨC VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI TRONG TƯ TƯỞNG VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC CỦA HỒ CHÍ MINH	276
------------------------------------------------------------------------------------------------	-----

ThS. Trương Thị Mỹ Châu

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ “LẤY DÂN LÀM GỐC” – GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ Ý NGHĨA THỰC TIỄN	281
-----------------------------------------------------------------------------------------------	-----

ThS. Lê Mạnh Chí

ĐOÀN KẾT THỐNG NHẤT TRONG ĐẢNG THEO DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG QUA CÁC ĐẠI HỘI THỜI KỲ ĐỔI MỚI	286
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----

ThS. Võ Hoàng Đông

DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN HIỆN NAY	292
---------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----

TS. Võ Văn Dũng

BẤT ĐỒNG XÔ - TRUNG VÀ SỰ TRĂN TRỞ VỀ PHONG TRÀO CỘNG SẢN THẾ GIỚI TRONG DI CHỨC BÁC HỒ	299
------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----

ThS. Nguyễn Thị Hiền

“GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG CÔNG CUỘC BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐÀO Ở NƯỚC TA HIỆN NAY”	304
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----

TS. Võ Minh Hùng

TS. Phan Thị Hà

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG DI CHỨC CỦA NGƯỜI (1969) VÀO GIẢI QUYẾT NHỮNG TRANH CHẤP QUỐC TẾ TRÊN BIÊN ĐÔNG HIỆN NAY	310
<i>CN. Hà Triệu Huy</i>	
TƯ TƯỞNG NHÂN DÂN TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	321
<i>ThS. Dư Thị Huyền</i>	
THỰC HIỆN TỰ PHÊ BÌNH VÀ PHÊ BÌNH TRONG ĐẢNG THEO DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH	325
<i>ThS. Đỗ Thị Thanh Huyền</i>	
THỰC HIỆN DI CHỨC HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT	330
<i>TS. Trịnh Thị Mai Linh</i>	
TƯ TƯỞNG ĐOÀN KẾT CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH QUA BẢN DI CHỨC LỊCH SỬ	335
<i>ThS. Nguyễn Văn Lĩnh</i>	
ĐOÀN KẾT XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG QUỐC GIA DÂN TỘC THỐNG NHẤT THEO DI CHỨC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	339
<i>PGS. TS. Nguyễn Thị Quế Loan</i>	
THỰC HÀNH DÂN CHỦ THEO DI CHỨC HỒ CHÍ MINH	345
<i>ThS. Lại Văn Nam</i>	
GIƯỜNG CAO ĐỒNG THỜI HAI NGỌN CỜ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	351
<i>TS. Hoàng Trần Như Ngọc</i>	
<i>ThS. Nguyễn Thị Lý</i>	
SỰ KIẾN ĐỊNH CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	357
<i>TS. Nguyễn Thị Như</i>	
VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG NGOẠI GIAO TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀO TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI VÀ HỘI NHẬP CỦA VIỆT NAM	362
<i>NCS. Trần Hùng Minh Phương</i>	
TƯ TƯỞNG ĐẠI ĐOÀN KẾT TRONG DI CHỨC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ GIÁ TRỊ Ở HIỆN TẠI	371
<i>TS. Trần Việt Quân</i>	
<i>TS. Lê Văn Phục</i>	
50 NĂM TƯ TƯỞNG ĐẠI ĐOÀN KẾT TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (1969 - 2019)	378
<i>ThS. Nguyễn Hữu Sơn</i>	
QUÁ TRÌNH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐẾN VỚI CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN MÁC XÍT	383
<i>Trần Thanh Sơn</i>	
VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG ĐẠI ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG DI CHỨC HỒ CHÍ MINH ĐỂ THỰC HIỆN THẮNG LỢI SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA NƯỚC TA HIỆN NAY	391
<i>TS. Thái Ngọc Tăng</i>	

TƯ TƯỞNG ĐOÀN KẾT TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN HIỆN NAY	396
<i>ThS. Dương Vũ Thái</i>	
TƯ TƯỞNG VỊ DÂN TỘC, VỊ NHÂN SINH TRONG DI CHỨC HỒ CHÍ MINH	406
<i>TS. Nguyễn Thị Toàn Thắng</i>	
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC BỀN VỮNG TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH.....	413
<i>ThS. Hoàng Diệu Thảo</i>	
VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG VÀ THỰC THI CÁC CHỦ TRƯỞNG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở NƯỚC TA TRONG CÁC LĨNH VỰC: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG, TÔN GIÁO HIỆN NAY	419
<i>TS. Cù Thị Thanh Thúy</i>	
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TRONG TÁC PHẨM DI CHỨC VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	426
<i>ThS. Huỳnh Thị Phương Thúy</i>	
GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG ĐẠI ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM HIỆN NAY.....	434
<i>ThS. Lê Thị Thanh Thúy</i>	
NGHIÊN CỨU TƯ TƯỞNG VỀ ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	440
<i>ThS. Phạm Thị Giang Thùy</i>	
TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC VÀ THÀNH TỰU XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI SAU 50 NĂM THỰC HIỆN DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH.....	446
<i>TS. Vương Thị Bích Thủy</i>	
<i>TS. Đinh Thị Phương</i>	
XÂY DỰNG “CHÍNH PHỦ KIẾN TẠO” THỰC HÀNH DÂN CHỦ THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	453
<i>TS. Nguyễn Thị Trang</i>	
DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA LỢI ÍCH GIAI CẤP VÀ LỢI ÍCH DÂN TỘC GIAI ĐOẠN 1930 – 1945 Ở NƯỚC TA	460
<i>ThS. Trần Văn Vĩ</i>	
THỰC HÀNH TƯ TƯỞNG VỀ DÂN CHỦ TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH LÀ ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC HIỆN NAY	468
<i>TS. Nguyễn Hữu Vượng</i>	
PHẦN THỨ BA	
DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH VỚI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO CON NGƯỜI	473
DI CHỨC HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC BỒI DƯỠNG THẾ HỆ CÁCH MẠNG CHO ĐỜI SAU	475
<i>TS. Trương Văn Bảy</i>	
<i>CN. Hoàng Anh Tuấn</i>	

HỒ CHÍ MINH VỚI SỰ NGHIỆP GIẢI PHÓNG DÂN TỘC.....	483
<i>PGS. TS. Nguyễn Anh Cường</i>	
<i>PGS. TS. Trần Mai Ước</i>	
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ GIẢI PHÓNG CON NGƯỜI VÀ SỰ NGHIỆP TRỒNG NGƯỜI TRONG DI CHỨC	490
<i>ThS. Trịnh Quang Dũng</i>	
VAI TRÒ CỦA ĐOÀN VIÊN, THANH NIÊN TRONG DI CHỨC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ VIỆC THỰC HIỆN DI CHỨC CỦA ĐOÀN VIÊN THANH NIÊN HIỆN NAY	499
<i>ThS. Từ Thị Cẩm Giang</i>	
TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH TRONG DI CHỨC VỚI VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY	504
<i>ThS. Dương Tấn Giàu</i>	
<i>ThS. Đào Thị Mộng Ngọc</i>	
BỒI DƯỠNG THỂ HỆ CÁCH MẠNG CHO ĐỜI SAU THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	510
<i>TS. Lê Thị Minh Hà</i>	
QUAN ĐIỂM VỀ CON NGƯỜI VÀ TRÍ THỨC TRONG DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH	515
<i>PGS. TS. GVCC. Đoàn Đức Hiếu</i>	
TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN TRONG DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC GIÁO DỤC NHÂN CÁCH CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	522
<i>ThS. Lê Thị Ngọc Hoa</i>	
ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	530
<i>PGS. TS. Nguyễn Văn Hòa</i>	
<i>ThS. Nguyễn Thị Vân An</i>	
TRIẾT LÝ NHÂN VĂN CỦA CHIẾN LƯỢC “TRỒNG NGƯỜI” TRONG DI CHỨC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH – GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN ĐỐI VỚI GIÁO DỤC Ở TÂY NAM BỘ	536
<i>NCS. Phạm Thị Huệ</i>	
TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH TRONG DI CHỨC VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO SINH VIÊN HIỆN NAY	541
<i>TS. Lê Thị Kim Hưng</i>	
GIÁ TRỊ NHÂN VĂN TRONG DI CHỨC HỒ CHÍ MINH VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ ĐỐI VỚI VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO SINH VIÊN HIỆN NAY	546
<i>ThS. Dương Thị Thu Hương</i>	
THỰC HIỆN “CẦN, KIỂM, LIÊM, CHÍNH” THEO DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH	552
<i>ThS. Đỗ Thị Thanh Huyền</i>	
XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI CĂN BẢN TOÀN DIỆN GIÁO DỤC THEO ÁNH SÁNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	557
<i>TS. Ngô Bá Khiêm</i>	
<i>ThS. Lê Thị Hà</i>	

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VIỆC “BỒI DƯỠNG THỂ HỆ CÁCH MẠNG CHO ĐỜI SAU”	563
<i>ThS. Đặng Văn Khoa</i>	
TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH TRONG DI CHỨC VỚI VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY	568
<i>ThS. Đinh Thị Kim Loan</i>	
TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG, THỰC HIỆN CẦN KIỂM LIÊM CHÍNH, CHỈ CÔNG VÔ TƯ THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	574
<i>ThS. Lê Bình Phương Luân</i>	
CHỐNG CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	580
<i>TS. Trần Hồng Lưu</i>	
VẤN ĐỀ THANH NIÊN TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH.....	586
<i>ThS. Nguyễn Văn Mão</i>	
TÌNH YÊU THƯƠNG CON NGƯỜI TRONG DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH VÀ Ý NGHĨA ĐỐI VỚI XÂY DỰNG NGƯỜI GIẢNG VIÊN HIỆN NAY	590
<i>TS. Đào Văn Minh</i>	
TIẾP TỤC XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	596
<i>ThS. Nguyễn Hoàng Minh</i>	
BỒI DƯỠNG THỂ HỆ TRẺ SINH VIÊN VIỆT NAM Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH.....	601
<i>ThS. Đỗ Thị Nga</i>	
GIÁO DỤC SINH VIÊN TINH THẦN TỰ HỌC THEO TƯ TƯỞNG, TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH.....	609
<i>ThS. Hoàng Thị Nga</i>	
TRIẾT LÝ GIÁO DỤC VÀ CHIẾN LƯỢC “TRỒNG NGƯỜI” TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	615
<i>ThS. Thân Thị Thu Ngân</i>	
<i>ThS. Nguyễn Thị Xuyên</i>	
DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI VẤN ĐỀ GIÁO DỤC, BỒI DƯỠNG THANH NIÊN	620
<i>ThS. Phạm Văn Ngọc</i>	
THỰC HIỆN DI HUẤN CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ GIÁO DỤC LÝ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC CHO ĐOÀN VIÊN THANH NIÊN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	625
<i>ThS. Hoàng Thị Mỹ Nhân</i>	
DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - GIẢI PHÁP VỀ CÔNG TÁC BỒI DƯỠNG THANH NIÊN HIỆN NAY CỦA ĐẢNG	630
<i>Dương Minh Nhật</i>	
NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CỦA SINH VIÊN THEO DI HUẤN CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	635
<i>ThS. Đàm Yến Nhi</i>	

DI CHỨC BÁC HỒ VỚI VIỆC BỒI DƯỠNG THỂ HỆ SINH VIÊN “VỪA HỒNG”, “VỪA CHUYÊN” TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	641
<i>TS. Nguyễn Thị Phương</i>	
TỪ CHIẾN LƯỢC “TRỒNG NGƯỜI” ĐẾN CHÍNH SÁCH TRỌNG DỤNG CÁN BỘ NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN TRẺ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	646
<i>ThS. Nguyễn Văn Quý</i>	
GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CHO THANH NIÊN VIỆT NAM THEO DI CHỨC HỒ CHÍ MINH	652
<i>TS. Nguyễn Thị Quyết</i>	
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI TRONG DI CHỨC HỒ CHÍ MINH VÀ Ý NGHĨA ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI HIỆN NAY	660
<i>ThS. Lê Thị Như Quỳnh</i>	
GIÁ TRỊ DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC ĐÀO TẠO – BỒI DƯỠNG THANH NIÊN VIỆT NAM	666
<i>TS. Thái Ngọc Tăng</i>	
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ QUYỀN CON NGƯỜI VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG ĐỂ ĐẢM BẢO QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM TRONG CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0.....	671
<i>ThS. Trần Thị Thảo</i>	
CÔNG TÁC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THEO TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC VÀ DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	679
<i>TS. Huỳnh Đức Thiện</i>	
TRIẾT LÝ NHÂN SINH TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH.....	693
<i>ThS. Hà Văn Thiều</i>	
THẨM NHUẬN ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG, CẦN KIỆM LIÊM CHÍNH, CHÍ CÔNG VÔ TƯ TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH.....	697
<i>ThS. Tạ Thị Thùy</i>	
VAI TRÒ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG VIỆC CHĂM LO GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CHO ĐOÀN VIÊN – THANH NIÊN THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	701
<i>TS. Nguyễn Thị Như Thúy</i>	
DI CHỨC HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC GIÁO DỤC, BỒI DƯỠNG THỂ HỆ TRẺ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	707
<i>ThS. Trần Thị Thủy</i>	
TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CHO ĐOÀN VIÊN THANH NIÊN THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	715
<i>ThS. Nguyễn Văn Toán</i>	
VẤN ĐỀ NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	722
<i>TS. Đỗ Thị Thùy Trang</i>	

TƯ TƯỞNG VỀ “TRỒNG NGƯỜI” TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH -
GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ Ý NGHĨA THỰC TIỄN TRONG BỒI DƯỠNG THẾ HỆ TRẺ VIỆT
NAM VỪA HỒNG VỪA CHUYỀN..... 728

ThS. Ngô Quang Ty

“BỒI DƯỠNG THẾ HỆ CÁCH MẠNG CHO ĐỜI SAU LÀ MỘT VIỆC RẤT QUAN
TRỌNG VÀ RẤT CẦN THIẾT” – LUẬN ĐIỂM THỂ HIỆN TÂM NHÌN CHIẾN LƯỢC
CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG DI CHỨC..... 734

PGS. TS. Trần Mai Ước

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG VIỆC ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN 740

PGS. TS. Nguyễn Huy Vị

PHẦN THỨ TƯ

DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH VỚI CÁC VẤN ĐỀ KINH TẾ, VĂN HOÁ, XÃ HỘI..... 749

LÓGIC BIỆN CHỨNG CỦA MỘT SỐ LUẬN ĐIỂM CƠ BẢN TRONG DI CHỨC CỦA
CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH 751

NGUT.PGS. TS. Lê Hữu Ái

TS. Nguyễn Thị Thu Hương

SÁNG NGỒI NIỀM TIN TẮT THẰNG CỦA NGƯỜI TRƯỚC LÚC ĐI XA 758

ThS. Dương Hoài An

DI CHỨC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH MỘT BẢO VẬT QUỐC GIA MANG TÍNH NHÂN
VĂN DÂN TỘC 761

ThS. Huỳnh Ngọc An

DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC NÂNG CAO Ý THỨC TRÁCH
NHIỆM CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY 769

ThS. Ngô Văn An

VẤN ĐỀ NÔNG NGHIỆP TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
VÀ SỰ VẬN DỤNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH 775

ThS. Phùng Thế Anh

HỘI NÔNG DÂN TỈNH ĐỒNG NAI THỰC HIỆN DI CHỨC CỦA BÁC HỒ TRONG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI 781

TS. Lê Quan Cần

LỜI DẶN CỦA BÁC VỀ “CÔNG VIỆC ĐỐI VỚI CON NGƯỜI” TRONG DI CHỨC..... 792

TS. Lê Thị Kim Chi

MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH 796

ThS. Trần Ngọc Chung

ThS. Lê Quang Chung

DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH MÃI SOI SÁNG CON ĐƯỜNG CÁCH
MẠNG VIỆT NAM 799

TS. Đỗ Thành Đô

TS. Đỗ Thị Thuỳ Trang

TÌM HIỂU VỀ LOGIC BIỆN CHỨNG TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	805
<i>ThS. Nguyễn Văn Đức</i>	
VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	811
<i>ThS. Hoàng Thị Giang</i>	
MỘT VÀI CẢM NHẬN VỀ Ý NGHĨA VÀ GIÁ TRỊ BẢN DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	817
<i>TS. Phan Thị Hà</i>	
<i>NCS. Nguyễn Thị Thu Hiền</i>	
ĐOÀN VIÊN VÀ THANH NIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG THỰC HIỆN THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH GÓP PHẦN XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC	822
<i>ThS. Nguyễn Chí Hải</i>	
TỪ PHONG TRÀO “NHƯỜNG CƠM SẼ ÁO” NĂM 1945 CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐẾN CÁC CHƯƠNG TRÌNH TÌNH NGUYỆN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÁI NGUYÊN	828
<i>TS. Hoàng Thị Mỹ Hạnh</i>	
<i>ThS. Nguyễn Thị Hòa</i>	
DI CHỨC - VỆNG NGUYÊN GIÁ TRỊ ĐỊNH HƯỚNG, NGỒI SÁNG VỀ ĐẠO ĐỨC VÀ ĐẶC SẮC VỀ PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH	833
<i>ThS. Võ Thái Hòa</i>	
TƯ TƯỞNG VÀ TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH VỀ THỰC HÀNH DÂN CHỦ VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG TA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	839
<i>ThS. Đoàn Thị Huệ</i>	
GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TÁC PHẨM DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG SỰ NGHIỆP BẢO VỆ, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC	845
<i>ThS. Phan Thị Thanh Hương</i>	
GIỮ GÌN ĐẠO ĐỨC NHÀ GIÁO NHÌN TỪ NỘI DUNG ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	855
<i>ThS. Võ Thị Mỹ Hương</i>	
TẠO DỰNG KHÔNG GIAN XÃ HỘI ĐỀ PHỤ NỮ THỰC HIỆN QUYỀN THAM CHÍNH – TỪ DI CHỨC HỒ CHÍ MINH ĐẾN QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	862
<i>TS. Ngô Thị Huyền</i>	
ĐỌC LẠI DI CHỨC CỦA BÁC, NGHĨ VỀ THỰC TRẠNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CHO THẾ HỆ TRẺ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	869
<i>TS. Ngô Thị Huyền</i>	
<i>TS. Lê Thị Kim Chi</i>	
NGHIÊN CỨU CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA LOGIC HỌC BIỆN CHỨNG TRONG BẢN DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	873
<i>ThS. Trần Thị Liên</i>	

DI CHỨC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH QUA GÓC NHÌN BIỆN CHỨNG “ĐĨ BẮT BIẾN ÚNG VẠN BIẾN”	883
<i>ThS. Hồ Yến Linh</i>	
NIỀM TIN VỀ XÃ HỘI “DÂN GIÀU, NƯỚC MẠNH” TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	892
<i>TS. Nguyễn Thị Hiền Oanh</i>	
DI CHỨC – SỰ KẾT TINH VÀ TỎA SÁNG CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN HỒ CHÍ MINH	900
<i>PGS. TS. Lý Việt Quang</i>	
QUẢNG NGÃI - 50 NĂM THỰC HIỆN DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	905
<i>TS. Nguyễn Thị Quyết</i>	
<i>ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền</i>	
TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	913
<i>ThS. Lê Đức Thọ</i>	
DI CHỨC HỒ CHÍ MINH – NGUỒN SÁNG DẪN ĐƯỜNG CHO THANH NIÊN VIỆT NAM	922
<i>Lương Thị Thương</i>	
CHĂM LO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN TRONG DI CHỨC HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG TA	926
<i>ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy</i>	
DI CHỨC – SỰ THỂ HIỆN TINH THẦN BIỆN CHỨNG TRONG PHONG CÁCH TƯ DUY HỒ CHÍ MINH	932
<i>TS. Đặng Thị Minh Tuấn</i>	
DI CHỨC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH – SỰ KẾT TINH CỦA CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN CÁCH MẠNG	937
<i>TS. Nguyễn Thị Mộng Tuyền</i>	
CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN HỒ CHÍ MINH TỎA SÁNG TRONG DI CHỨC CỦA NGƯỜI	942
<i>ThS. Hoàng Ngọc Vĩnh</i>	
<i>TS. Hoàng Trần Như Ngọc</i>	

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Nghiên cứu di sản lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nội dung quan trọng để góp phần làm sâu sắc thêm tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời, nhằm thực hiện cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong toàn Đảng và toàn dân giai đoạn hiện nay.

Hội thảo khoa học nhân dịp kỷ niệm 50 năm ra đời của Di chúc Hồ Chí Minh (1969-2019), được tổ chức tại trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, đã quy tụ được 256 công trình nghiên cứu của các tác giả trên phạm vi toàn quốc. Từ Hội thảo khoa học có quy mô Quốc gia này, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đã xuất bản cuốn sách “*Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - giá trị lý luận và thực tiễn*”.

Cuốn sách là công trình nghiên cứu của nhiều tác giả, với **đồng Chủ biên: PGS. TS.GVCC. Đoàn Đức Hiếu, ThS. Phùng Thế Anh, TS. Nguyễn Thị Phượng, ThS. Trần Ngọc Chung**; đã tập hợp 147 bài viết tiêu biểu, là những nghiên cứu có giá trị của các tác giả từ các trường Đại học, Cao đẳng, Học viện trên cả nước.

Nội dung cuốn sách tập trung vào 4 chủ đề chính:

Di chúc của Hồ Chí Minh với vấn đề xây dựng Đảng và Nhà nước.

Di chúc của Hồ Chí Minh với vấn đề dân chủ, dân tộc và nhân loại.

Di chúc của Hồ Chí Minh với sự nghiệp giáo dục, đào tạo con người.

Di chúc của Hồ Chí Minh với các vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội.

Với phương pháp tiếp cận về nội dung Di chúc của Hồ Chí Minh trên nhiều chủ đề, nhiều khía cạnh khác nhau, các bài viết là những công trình nghiên cứu khá sâu sắc và toàn diện, trên tất cả mọi giác độ, với những phân tích, đánh giá có ý nghĩa khoa học, có tính thực tiễn cao, gắn với hoàn cảnh, điều kiện cụ thể trong giai đoạn hiện nay.

Từ nội dung lý luận của cuốn sách nghiên cứu về Di chúc của Hồ Chí Minh, tiếp cận từ thực tiễn, có thể vận dụng lý luận đó vào nhiều lĩnh vực xây dựng và phát triển đất nước hiện nay - chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội - trong bối cảnh hội nhập quốc tế giữa Việt Nam và các nước trên thế giới.

Đó cũng là vấn đề có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn sâu sắc trong việc nghiên cứu, học tập và làm theo Di chúc của Hồ Chí Minh.

Chúng tôi hy vọng rằng, cuốn sách “*Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - giá trị lý luận và thực tiễn*” là một ấn phẩm khoa học dành được sự chú ý và đón nhận nhiệt tình của các nhà nghiên cứu, các giảng viên, sinh viên và những người quan tâm.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với quý bạn đọc.

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2019
**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LỜI NÓI ĐẦU

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới. Sự nghiệp cách mạng mà Người để lại cho dân tộc Việt Nam và cho nhân loại là vô cùng vĩ đại. Nhân cách cao cả của Người thấm đượm trong tình yêu, trong trái tim của mỗi người dân Việt Nam và nhân dân tiến bộ trên thế giới.

Nghiên cứu di sản lý luận sâu sắc và thực tiễn cách mạng phong phú của Người là một hoạt động có ý nghĩa to lớn, không chỉ là sự nhận thức sâu sắc hơn giá trị đã hiện hữu của tư tưởng lý luận Hồ Chí Minh với tư cách là “Quốc bảo”, mà còn làm cho giá trị cao quý ấy được tỏa sáng, trở thành động lực cho toàn thể dân tộc Việt Nam trong hành trình phát triển hiện tại và tương lai.

Một trong năm “Bảo vật Quốc gia” của Di sản tư tưởng Hồ Chí Minh là bản Di chúc lịch sử. Các công trình nghiên cứu về Di chúc Hồ Chí Minh của 152 tác giả được in trong cuốn sách **“Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - giá trị lý luận và thực tiễn”**, ra mắt bạn đọc hôm nay, không chỉ là những nghiên cứu tư tưởng lý luận về nhận thức, mà cao hơn, đó là tình cảm, là tâm huyết, là tình yêu của những người làm công tác lý luận để dâng lên vị Lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam.

Để kết tinh nên Di chúc của Hồ Chí Minh là một hành trình lịch sử. Vấn đề viết Di chúc được Người suy ngẫm từ năm 1960 của thế kỷ XX. Khởi đầu là ngày 10 tháng 5 năm 1965, Bác Hồ bắt đầu viết những dòng đầu tiên của bản Di chúc, kết thúc vào ngày 15 tháng 5, với độ dài 3 trang. Tiếp theo, từ năm 1968, Người viết bổ sung thêm 6 trang. Đến ngày 10 tháng 5 năm 1969, Bác Hồ viết lại toàn bộ phần Mở đầu của Di chúc. Ngày 19 tháng 5 năm 1969, kỷ niệm Sinh nhật lần thứ 79, Người đã duyệt lại lần cuối cùng toàn bộ bản Di chúc. Hành trình lịch sử để ra đời Di chúc là một quá trình 4 năm, với bao suy ngẫm khởi đầu của một Lãnh tụ thiên tài, là sự kết tinh của trí tuệ bậc Vĩ nhân, để hình thành nên bản Di chúc lịch sử.

Như vậy, Di chúc của Hồ Chí Minh là sự kết tinh của trí tuệ và nhân tâm, của đức và tài, của chủ thể cá nhân và dân tộc, của lịch sử Việt Nam và thời đại, của quá khứ, hiện tại và tương lai, hiện hữu trong nhân cách siêu việt Hồ Chí Minh, vinh quang trong hiện tại và bừng sáng ở tương lai. Một sự khái quát giản dị nhất, có thể khẳng định rằng, Di chúc của Bác Hồ là sự tổng kết cuộc đời cách mạng vẻ vang của một Lãnh tụ vĩ đại và của toàn Đảng, toàn dân tộc, nhưng đồng thời là sự định hướng của bậc vĩ nhân sự phát triển tương lai cho dân tộc Việt Nam.

Với tầm vóc lịch sử và ý nghĩa thời đại của Lãnh tụ Hồ Chí Minh, với chiều rộng và chiều sâu của bản Di chúc lịch sử, rất khó để chúng ta nghiên cứu đầy đủ mọi vấn đề của Di chúc. Trong sự cố gắng nhất định, Hội thảo khoa học **“50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh”** đã quy tụ được 256 công trình nghiên cứu của các tác giả trong các trường Đại học, Cao đẳng, các Học viện, Viện nghiên cứu, các nhà hoạt động thực tiễn của cả nước. Những nghiên cứu trong Hội thảo khoa học đã trình bày toàn diện và sâu sắc nội dung cơ bản của Di chúc. Với 147 bài viết được chọn lọc từ các nghiên cứu trong Hội thảo khoa học, nội dung chủ yếu của cuốn sách tập trung vào bốn chủ đề chính.

Trước hết, các tác giả nghiên cứu từ góc độ **“Di chúc của Hồ Chí Minh với vấn đề xây dựng Đảng và Nhà nước”**. Những vấn đề về vai trò lãnh đạo của Đảng, đoàn kết thống

nhất trong Đảng, tự phê bình và phê bình là nguyên tắc phát triển của Đảng, yêu cầu về phẩm chất đạo đức cách mạng của mỗi cán bộ, đảng viên,... đã được phân tích, đánh giá sâu sắc. Từ đó, khẳng định sự quan tâm của Hồ Chí Minh về vấn đề có ý nghĩa quyết định là xây dựng Đảng và Nhà nước trong sạch, vững mạnh, để mỗi đảng viên, cán bộ “phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”.

Từ chủ đề **“Di chúc của Hồ Chí Minh với vấn đề dân chủ, dân tộc và nhân loại”**, các tác giả trình bày những nghiên cứu về tư tưởng đề cao dân chủ, thực hành dân chủ trong toàn dân. Đoàn kết dân tộc là sức mạnh, là động lực của sự phát triển. Đoàn kết dân tộc và nhân loại là sự kết nối sức mạnh của “chủ nghĩa quốc tế vô sản” trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, vì sự tiến bộ của con người trên toàn thế giới. Đây là chủ đề quy tụ được rất nhiều bài viết của các tác giả, với các cách tiếp cận khác nhau, nhưng đều gặp gỡ và thống nhất với phương pháp phân tích sâu sắc, lập luận chặt chẽ, logic về chủ đề trên Di chúc của Người.

Chủ đề **“Di chúc của Hồ Chí Minh với sự nghiệp giáo dục, đào tạo con người”**, nhiều tác giả đã tiếp cận từ giác độ “bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”, triển khai nội dung đó thông qua xây dựng, phát triển nguồn lực con người “vừa hồng vừa chuyên”, với vai trò của giáo dục đào tạo, vai trò của rèn luyện trong thực tiễn cuộc sống cho sự phát triển con người, hướng đến nền kinh tế tri thức và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. “Vi lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người” là quan điểm chiến lược xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời cũng là một nội dung cơ bản được Người đặc biệt quan tâm trong Di chúc. Vì vậy, nhiều tác giả đã rất tâm huyết nghiên cứu vấn đề này với những cách thức luận giải rất phong phú, có ý nghĩa thực tiễn rất lớn trong sự nghiệp xây dựng và phát triển nguồn lực con người hiện nay theo Di chúc của Bác.

Chủ đề **“Di chúc của Hồ Chí Minh với các vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội”**, là sự tiếp cận trên nhiều bình diện được thể hiện trong nội dung Di chúc. Chủ đề trên đã quy tụ được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, với nhiều nội dung độc đáo, mới mẻ, có sự kết nối chặt chẽ, thống nhất tư tưởng của Di chúc với đời sống hiện thực. Từ vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vấn đề nông nghiệp, bảo vệ môi trường sinh thái cho sự phát triển bền vững; đến nội dung văn hóa, khoa học, logic biện chứng trong tư duy Hồ Chí Minh và kết cấu Di chúc... đều được nhiều tác giả quan tâm. Đây là chủ đề nghiên cứu đa sắc màu, làm nổi bật tính toàn diện trong Di chúc của Hồ Chí Minh. Những nghiên cứu trên càng khẳng định rằng, cho đến cuối cuộc đời cách mạng vẻ vang của mình, Hồ Chí Minh luôn dành sự quan tâm và định hướng phát triển trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, nhằm đem lại ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

Với bốn chủ đề cơ bản thể hiện trong các công trình nghiên cứu được in trong cuốn sách này, như một lẽ tất yếu, chưa thể trình bày đầy đủ tư tưởng vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh qua bản Di chúc lịch sử. Bởi lẽ, mặc dù các tác giả đã rất tâm huyết để nghiên cứu một cách toàn diện nội dung của Di chúc, nhưng giá trị lý luận và thực tiễn, tầm vóc lịch sử và ý nghĩa thời đại của những tư tưởng vĩ đại, sâu sắc mà Lãnh tụ Hồ Chí Minh để lại cho Đảng và nhân dân ta là nguồn trí tuệ và đạo đức vô cùng vô tận của bậc Vĩ nhân. Không ai có thể nghiên cứu hoàn toàn đầy đủ tư tưởng của Người trong Di chúc. Ngược lại, chúng ta càng

nghiên cứu, càng chứa đựng những tư tưởng mới hơn cần làm sáng tỏ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một bậc “đại trí, đại nhân, đại dũng”.

Trong lịch sử nhân loại, Hồ Chí Minh là một Lãnh tụ vĩ đại mang giá trị đặc sắc riêng biệt, một sự kết hợp hài hòa giữa cái cao cả của Vĩ nhân với sự bình dị của quần chúng nhân dân, hài hòa giữa trí tuệ trác tuyệt và đạo đức nhân văn, hài hòa giữa con người Việt Nam với văn minh nhân loại. Vì vậy, bản Di chúc của Người là sự hiện hữu của minh triết Hồ Chí Minh, kết tinh của tư duy lý luận và thực tiễn cách mạng của một con người huyền thoại, mà toàn bộ cuộc đời của Người - từ quá khứ, hiện tại, đến tương lai - đã thuộc về Dân tộc, về Đảng và Nhân dân.

Cuốn sách “**Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - giá trị lý luận và thực tiễn**”, là kết quả nghiên cứu của nhiều tác giả, với mong muốn góp thêm tiếng nói về học thuật trong kho tàng lý luận, vốn đã rất đồ sộ, về tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, trong thời kỳ toàn Đảng, toàn dân ta đang học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, thì việc nghiên cứu về Di chúc của Bác Hồ, đối với những người nghiên cứu và giảng dạy lý luận, là điều tâm nguyện, có ý nghĩa lý luận sâu sắc và thực tiễn cấp thiết hiện nay.

Mặc dù các tác giả đã có nhiều cố gắng trong việc nghiên cứu nội dung của Di chúc Hồ Chí Minh, tuy nhiên do những nguyên nhân chủ quan và khách quan, cuốn sách không thể không có những thiếu sót, hạn chế. Chúng tôi chân thành cảm ơn sự quan tâm đón nhận để nghiên cứu ấn phẩm khoa học này, cũng như sự góp ý chân thành của quý bạn đọc, để nội dung cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2019
Thay mặt đồng chủ biên và các tác giả
PGS.TS.GVCC. ĐOÀN ĐỨC HIẾU

PHẦN THỨ NHẤT
DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH
VỚI VẤN ĐỀ XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XII VỀ “CHỈNH ĐỐN LẠI ĐẢNG” THEO DI CHỨC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*ThS. Phan Thị Ánh**

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vĩnh biệt chúng ta về với thế giới người hiền cách đây vừa tròn 50 năm. Người chủ động chuẩn bị cho cuộc “ra đi này” một cách kỹ càng, thanh thản với bao điều tâm huyết của một vị lãnh tụ, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền. Mặc dù bận trăm công nghìn việc, tuổi cao, sức yếu, nhưng sau bao nhiêu năm trăn trở, Người bắt đầu viết *Di chúc* vào 10 giờ ngày 10 tháng 5 năm 1965, và đã suy đi tính lại, sửa đi sửa lại từng câu, từng chữ trong một thời gian dài để có bản *Di chúc* thiêng liêng. Đây là văn kiện lịch sử vô giá, nhằm dặn lại lớp người hôm nay và con cháu mai sau những điều hệ trọng nhất “bằng muôn vạn tình thân yêu” Bác để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta những chỉ bảo ân cần, sâu sắc và thấm đượm tính nhân văn cao cả để chúng ta học tập và làm theo.

Di chúc chẳng những khẳng định thắng lợi tất yếu của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta mặc dù lúc đó đang diễn ra gay go quyết liệt, mà còn chỉ rõ những định hướng mang tính cương lĩnh cho sự phát triển của đất nước. Người viết:

“Còn non, còn nước, còn người.

Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay”¹.

Sau khi kháng chiến thắng lợi, Tổ quốc ta được thống nhất, Người căn dặn: “Việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng”. Từ đó Người chỉ rõ các yếu tố chính trị - tinh thần đã góp phần đưa đến thắng lợi cho cách mạng Việt Nam. Vì lẽ đó, tác giả chọn vấn đề: “Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm Đại hội Đảng lần thứ XII về “chỉnh đốn Đảng” theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh” làm chủ đề nghiên cứu của mình.

1. Bài học hôm nay từ lời căn dặn của Bác trong *Di chúc*

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vẫn luôn nhớ về và luôn muốn bày tỏ biết ơn người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, Người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta, Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, non sông, đất nước Việt Nam, Người chiến sĩ công sản quốc tế mẫu mực, Người bạn thân thiết của các dân tộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới. Vì vậy, mỗi đảng viên của Đảng luôn khắc ghi lời căn dặn của Người: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền, mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”². Đây là vấn đề có ý nghĩa trọng đại, định hướng, cổ vũ và động viên toàn

* *Trường Đại học An Giang, ĐHQG-HCM*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 1995, t. 12, tr. 511.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 1995, t. 12, tr. 510.

Đảng, toàn dân, toàn quân ta: “Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh”¹ nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Mặc dù trong bọn bề công việc phải dự liệu, trù tính và tổ chức thực hiện, nhưng Người vẫn không quên căn dặn: “Việc phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng”. Điều đó chứng tỏ trong quan niệm của Người, công tác xây dựng Đảng có ý nghĩa cốt tử trong việc đảm bảo cho định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định đưa cách mạng giải phóng dân tộc lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, thực hiện triệt để sứ mệnh giải phóng con người.

Mục đích của việc chỉnh đốn lại Đảng theo lời dặn của Người là “Làm cho cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ, ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân”². Trong *Di chúc*, Người đã khẳng định niềm tin của mình vào bản lĩnh chính trị của một Đảng cầm quyền đã trải qua thử thách, cho nên không thấy Người dặn nhiều về việc kiên định đường lối, hay nói theo cách của Người là “giữ chủ nghĩa cho vững”³, nhưng lại thể hiện mối quan tâm sâu sắc của Người trong việc xử trí các mối quan hệ trong nội bộ Đảng. Chính vì vậy Người dặn: “Phải giữ gìn sự đoàn kết, phải thực hành dân chủ, phải thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình, mỗi đảng viên phải thấm nhuần đạo đức cách mạng”⁴.

Chỉnh đốn lại Đảng là công việc thường xuyên của mỗi đảng chính trị, nhất là ở những giai đoạn chuyển tiếp của cách mạng, trước tình hình mới, đặc điểm mới và yêu cầu công việc mới. Vì lẽ đó, Đại hội Đảng lần thứ XII (2016) xác định tập trung thực hiện mục tiêu trong tình hình mới hiện nay là: “Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tổ chức và đạo đức”⁵. Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, chống suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, bè phái, “lợi ích nhóm”, nói không đi đôi với làm. Hoàn thành tốt nhiệm vụ trọng tâm mà Nghị quyết Đại hội XII đề ra. Đồng thời cũng là thực hiện tốt việc “chỉnh đốn Đảng” mà 50 năm trước đây Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định trong *Di chúc*. Bài học ấy đến hôm nay vẫn còn nguyên giá trị.

2. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân

Khi nói về Đảng với Chủ tịch Hồ Chí Minh, công việc xây dựng đường lối chiến lược, sách lược cho cách mạng Việt Nam luôn gắn liền với việc xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản là Đảng duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam, cho nên trong suốt quá trình nhận thức cũng như hoạt động thực tiễn của mình, Người luôn xác định: Cách mạng Việt Nam “trước hết phải có Đảng cách mệnh”, và “Đảng có vững, cách mệnh

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 55.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 1995, t. 12, tr. 503.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 1995, t. 2, tr. 260.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 1995, t. 12, tr. 510.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 47.

mới thành công”. Vì vậy, Người luôn dành sự quan tâm đặc biệt cho “xây dựng, chỉnh đốn Đảng”. Với Người công tác xây dựng chỉnh đốn Đảng không phải là biện pháp nhất thời, hay giải pháp tình thế mà là nhiệm vụ tất yếu mang tính chiến lược, là công việc thường xuyên của Đảng để thực hiện vai trò lãnh đạo của mình, là sự vận động của Đảng trong tiến trình phát triển của cách mạng.

Nói về Đảng, về công tác xây dựng Đảng, Người luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên, phải thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng. Bởi vì, Đảng đại biểu cho lợi ích chung của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, chứ không phải là mưu cầu lợi ích riêng cho một nhóm người, cho một cá nhân nào, Người nhận xét: “vì chưa gột sạch chủ nghĩa cá nhân, cho nên có đảng viên còn “kê công” với Đảng. Có ít nhiều thành tích thì họ muốn Đảng “cảm ơn” họ, họ đòi ưu đãi, họ đòi danh dự và địa vị... Nếu không được thỏa mãn yêu cầu của họ thì họ oán trách Đảng... rồi dần dần họ xa rời Đảng, thậm trí phá hoại chính sách và kỷ luật của Đảng”¹. Vì vậy, mỗi cán bộ, đảng viên phải nêu cao tinh thần phụ trách trước Đảng, trước quần chúng nhân dân, kính trọng dân, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân. Đồng thời phải nghiêm khắc đấu tranh, khắc phục mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân. Có như thế mới giữ cho Đảng trong sạch và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, làm cho Đảng thật sự là người đầy tớ trung thành của nhân dân trong quá trình tồn tại và phát triển của Đảng.

Ngày nay trong điều kiện kinh tế hội nhập đã và đang có bước khởi sắc, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phấn đấu đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại mà Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX (2001) đã xác định. Bên cạnh những mặt thuận lợi, chúng ta cũng gặp không ít thách thức cần phải giải quyết. Vì vậy, việc giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội, một lòng, một dạ phục vụ nhân dân, là một thử thách và đòi hỏi khách quan đối với mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là những người có chức, có quyền. Thực tế hiện nay cho thấy (thông qua các vụ án đã xảy ra) nguồn gốc của các hiện tượng tham nhũng là do công tác quản lý cán bộ, kể cả cán bộ cấp cao, do những sơ hở trong các chủ trương chính sách, quy định của Nhà nước. Điều đó tuy đúng nhưng chưa đủ. Bởi vì, nếu như những cán bộ, đảng viên có chức, có quyền nắm giữ những công việc cụ thể đó có tư tưởng đúng, phẩm chất tốt, liêm khiết, trong sạch, vững vàng, kiên định trước những cám dỗ vật chất và sự ham muốn làm giàu bất chính, thì những sơ hở của chính sách sẽ không là nguyên nhân gây ra những vụ thất thoát khổng lồ hàng ngàn, vài ngàn tỷ đồng và cán bộ đảng viên trong đó có cán bộ cấp cao phủ nhận lòng tin của nhân dân và đã đánh mất mình, rơi vào vòng lao lý. Vì vậy, nhân dân rất bất bình, phẫn nộ khi phải chứng kiến những cán bộ, đảng viên chuyên quyền độc đoán, hống hách, tham ô, lãng phí, đạo đức suy thoái, cơ hội, cá nhân chủ nghĩa. Hơn lúc nào hết nhân dân mong muốn những tiêu cực trong cán bộ, đảng viên nhanh chóng được khắc phục và những gương tốt ngày càng được phát huy. Đó là điều thật sự hạnh phúc của nhân dân, mà hạnh phúc của nhân dân chính là hạnh phúc của Đảng. Để được như vậy, các cấp bộ đảng, chính quyền phải thực hiện làm trong sạch bộ máy, tiếp tục tiến hành cải cách hành chính, loại bỏ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 1995, t. 9, tr. 289.

dần dần các thủ tục bất hợp lý, gây phiền hà cho dân, ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực, các tệ nạn xã hội, chống tham nhũng, các tệ sách nhiễu dân, đòi hỏi lộ dưới bất kỳ hình thức nào. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở với phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm và dân kiểm tra”, nhằm phát huy tốt vai trò của nhân dân, tham gia xây dựng đảng theo lời căn dặn của Bác.

3. Đoàn kết là một truyền thống, phải giữ gìn sự đoàn kết thống nhất của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình

Đảng ta thật vĩ đại và vô cùng mạnh mẽ, bởi Đảng ta ra đời trong điều kiện chưa có chính quyền trong tay, gặp vô vàn khó khăn, phức tạp và những thử thách rất quyết liệt, thậm trí có lúc một mất, một còn. Trong bối cảnh đó, Đảng không thể không đoàn kết thành một khối thống nhất, với tinh thần và sức mạnh vô bờ bến đó mà Đảng ta đã lớn mạnh và phát triển không ngừng. Chính vì vậy, với 15 tuổi đảng, Đảng đã lãnh đạo nhân dân làm Cách mạng tháng Tám thành công, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và lập ra Nhà nước công nông binh đầu tiên ở khu vực Đông Nam Á. Nhờ đoàn kết triệu triệu người như một mà chúng ta đã chiến thắng hai tên đế quốc to là Pháp và Mỹ để giành được độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, Bắc Nam liền một dải, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đồng thời cũng nhờ ý Đảng, lòng dân mà đất nước ta đã thực hiện thành công công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội trong những năm qua. Đúng như điều mà Bác đã khẳng định trong *Di chúc*: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”¹.

Như vậy, đoàn kết thể hiện được sự nhất trí trong nhận thức và hành động, lời nói và việc làm. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất đường lối, chính sách, lập trường tư tưởng, kiên định trong mọi tình huống, không hoang mang dao động, xa rời lý tưởng của Đảng. Vì vậy, đoàn kết thống nhất luôn đòi hỏi giữ nghiêm ý thức tổ chức, kỷ luật, nói và làm theo Cương lĩnh, Điều lệ, Nghị quyết, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, không được tự do phát ngôn, tự do hành động một cách tùy tiện vô trách nhiệm.

4. Thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên tự phê bình và phê bình

Trong *Di chúc* Bác chỉ rõ: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình... phải có tình đồng chí, thương yêu lẫn nhau”². Đây chính là nguyên tắc tập trung dân chủ, là nguyên tắc vô cùng quan trọng, nguyên tắc không thể thiếu trong tổ chức sinh hoạt Đảng và hoạt động của Đảng. Nội dung cơ bản của nguyên tắc này là phát huy cao độ dân chủ, phát huy tính độc lập sáng tạo của mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi cấp ủy và cơ sở đảng, tạo nên sức mạnh tập trung thống nhất của toàn Đảng, toàn dân. Tập trung không đối lập với dân chủ mà trái lại là điều kiện thuận lợi để dân chủ được phát huy. Bác dạy: phải thực hiện dân chủ rộng rãi trong Đảng. Dân chủ trong việc xây dựng, ban hành các Chỉ thị, Nghị quyết, chính sách pháp luật. Các cấp bộ đảng lấy ý kiến của các cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân vào việc xây dựng Nghị quyết, tổ chức thực hiện trong

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 1995, t. 12, tr. 497.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 1995, t. 12, tr. 497, 498.

cuộc sống... thực hiện dân chủ trên mọi lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa – xã hội, cũng như trong lao động sản xuất, trong cuộc sống hàng ngày. Kết hợp hài hòa cả hai hình thức dân chủ, dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp trong tổ chức sinh hoạt của Đảng.

Muốn vậy, cần khắc phục tệ quan liêu, gia trưởng, hách dịch, cậy quyền, ý thế của những cán bộ thoái hóa biến chất, coi thường ý kiến của người khác, đặc biệt với người dưới quyền, khắc phục tình trạng dân chủ hình thức, không tỏ rõ quan điểm cá nhân trong những trường hợp cần thiết, lựa chiều, ba phải, né tránh những vấn đề gai góc, ảnh hưởng đến lợi ích cá nhân mình. Chính vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để khắc phục những hạn chế nêu trên và thực hiện tốt lời căn dặn của Người: Tự phê bình và phê bình là việc làm thường xuyên như người ta cần rửa mặt hàng ngày, nếu không những vết bẩn trên mặt không biết, không được gột rửa, cũng như những khuyết điểm thiếu sót không được nhận ra để khắc phục thì bệnh càng nặng hơn. Từ đó, Hồ Chí Minh khẳng định: “Một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”¹. Bác xem đó là vũ khí sắc bén nhất để xây dựng Đảng, Bác nói: “Tự phê bình và phê bình đó là thứ vũ khí sắc bén nhất, nó giúp cho Đảng ta mạnh và ngày càng thêm mạnh, nhờ nó mà chúng ta sửa chữa khuyết điểm, phát triển ưu điểm, tiến bộ không ngừng”².

Tự phê bình và phê bình là công việc thiết thực, nhằm làm trong sạch Đảng, bảo vệ Đảng, ngăn chặn kịp thời những thiếu sót của cán bộ, đảng viên.

Tự phê bình và phê bình là trách nhiệm, là tình cảm, nhằm giúp đỡ lẫn nhau, hiểu biết, quý mến và hỗ trợ lẫn nhau trong công tác cũng như trong cuộc sống. Vì vậy, tự phê bình và phê bình phải xác định đúng mục đích, thái độ, phương pháp và tính trung thực khách quan của những người trong cuộc.

5. Đảng phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân

Trong *Di chúc*, Bác căn dặn Đảng ta: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”³. Và “đầu tiên là công việc đối với con người”⁴ mà trước hết là “đối với những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình”⁵. Đảng phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn, chốn ở yên ổn. Kế đến là phụ nữ và công tác cán bộ nữ, để thực hiện cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng cho phụ nữ, Người căn dặn: “Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc giúp đỡ để ngày càng thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo. Bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên”⁶. Đồng thời “Đối với những nạn nhân của chế độ xã hội cũ như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu... thì Nhà

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 1995, t. 5, tr. 261.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 1995, t. 5, tr. 265.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 1995, t. 12, tr. 498.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 1995, t. 12, tr. 503.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 1995, t. 12, tr. 503.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 1995, t. 12, tr. 498.

nước vừa phải dùng giáo dục, vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện”¹. Đối với nông dân, Bác dặn: “Đồng bào nông dân đã luôn luôn hết sức trung thành với Đảng và Chính phủ, ra sức góp của, góp người, vui lòng chịu đựng mọi khó khăn, gian khổ. Nay đã hoàn toàn thắng lợi, tôi có đề nghị miễn thuế nông nghiệp 1 năm, để cho đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm phần phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất”². Đối với thanh niên, Bác dặn: “Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”³.

Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân và mang lại hạnh phúc đích thực cho nhân dân. Vì thế, Bác dặn Đảng phải chăm nom cụ thể, chu đáo đến mọi người thuộc mọi tầng lớp nhân dân không được sót một ai. Chính vì vậy, cùng với việc phát triển kinh tế, Đảng phải có “kế hoạch xây dựng lại thành phố, làng mạc đẹp đẽ hơn, làng hoàng hơn trước chiến tranh. Khôi phục và mở rộng các ngành kinh tế, phát triển công tác vệ sinh, y tế, sửa đổi chế độ giáo dục cho hợp với hoàn cảnh mới của nhân dân”⁴. Từ đó, Bác chỉ rõ: “công việc trên đây là rất to lớn, nặng nề và phức tạp mà cũng là rất vẻ vang. Đây là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi”⁵. Đến đây, Bác còn nhấn mạnh thêm: “Để giành thắng lợi trong cuộc chiến đấu không lồ này... cần phải dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân”⁶.

Tóm lại, cuộc xây dựng và chỉnh đốn Đảng do Trung ương Đảng ta phát động và thực hiện theo *Di chúc* của Người, đã và đang tiến hành một cách thường xuyên, liên tục, chính là nhằm xây dựng Đảng ta trong sạch, vững mạnh trên cả ba mặt: Chính trị, tư tưởng và tổ chức, nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Vì vậy, Đại hội Đảng lần thứ XII vẫn tiếp tục khẳng định: “Trong những năm tới, yêu cầu nhiệm vụ nặng nề của thời kỳ phát triển mới đòi hỏi phải đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng Đảng, trọng tâm là: kiên quyết, kiên trì, tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI”⁷. Đó là chú trọng xây dựng Đảng về chính trị, đổi mới công tác lý luận, tăng cường phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng. Tiếp tục đổi mới kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị. Kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bởi đây là công tác gốc của Đảng. Đồng thời đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác kiểm tra giám sát, kỷ luật Đảng. Tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với dân. Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Đặc biệt là phải đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 1995, t. 12, tr. 504.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 1995, t. 12, tr. 504.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 1995, t. 12, tr. 510.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 1995, t. 12, tr. 504, 505.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 1995, t. 12, tr. 505.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 1995, t. 12, tr. 505.

7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 199.

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Bác đã rất đau xót khi phải y án tử hình đối với các cán bộ cấp cao, điển hình như vụ án Trần Dụ Châu là Đại tá, Cục trưởng Cục Quân nhu lúc bấy giờ, với hành vi vi phạm đạo đức cách mạng nghiêm trọng. Trước sự đau lòng này, Bác Hồ dứt khoát nói: một cái ung nhọt dầu có đau cũng phải cắt bỏ, không để nó lây lan nguy hiểm, và Bác cũng biết rằng những kẻ như vậy vẫn còn không ít trong hàng ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng. Và Bác biết rõ muốn giải quyết vấn đề này, không có cách nào khác là phải chỉnh đốn lại Đảng. Do đó, trong *Di chúc* Bác đã căn dặn: sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước giành được thắng lợi hoàn toàn thì “việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng”¹.

6. Kết luận

Càng đọc, càng ngẫm nghĩ, càng cảm nhận được những lời căn dặn của Bác trong *Di chúc*, sâu sắc và thấm đượm tình người biết bao, chúng ta càng thấy Người vĩ đại biết nhường nào, đúng như Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng – Người bạn chiến đấu – Người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khái quát: “Hồ Chí Minh cao mà không xa, mới mà không lạ, lớn mà không làm ra vĩ đại, soi sáng mà không chói ngợp, gặp lần đầu tiên mà như thân thuộc từ lâu. Hồ Chí Minh càng nhập vào nhân dân và nhân dân càng hòa với tấm lòng bao la của Bác”. Đó chính là tầm nhìn xuyên suốt quá trình lịch sử của một vị “Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất”, danh hiệu cao quý, một phần thưởng tinh thần vô giá mà tổ chức UNESCO đã trao tặng Người.

Ngày nay chúng ta có thể khẳng định rằng: muốn công cuộc đổi mới giành được thắng lợi, thì một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu là, mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng phải là một tấm gương thật sự “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”. Bởi nếu Đảng thoái hóa biến chất, không còn xứng đáng là người lãnh đạo nữa, thì chẳng những không có đổi mới mà những thành quả giành được sau mấy chục năm phấn đấu, hy sinh cũng chẳng còn. Chính vì vậy, hơn bao giờ hết, Đảng ta phải luôn nhớ lời căn dặn của Bác: “Xây dựng Đảng nhằm làm cho Đảng thống nhất về ý chí và hành động, có đường lối đúng, có tư tưởng cách mạng triệt để, có tổ chức vững mạnh, và đội ngũ đảng viên vững vàng về chính trị, tư tưởng, giỏi về chuyên môn”². Người chỉ rõ: “Trong việc xây dựng Đảng cần phải chú ý tới xây dựng Đảng ở cơ sở... Đảng mạnh là do các chi bộ mạnh, chi bộ mạnh là do các đảng viên hăng hái và gương mẫu”³. /.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 1995, t. 12, tr. 503.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 1995, t. 10, tr. 11.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 1995, t. 10, tr. 270.

LỜI CĂN DẶN ĐỐI VỚI ĐẢNG TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

*TS. Nguyễn Đình Cấn**

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra đi, nhưng hệ thống quan điểm lý luận của Người là tài sản tinh thần vô giá của dân tộc ta. Đặc biệt là những nội dung được thể hiện trong *Di chúc*, mặc dù đã thời gian đã qua năm mươi năm nhưng giá trị trường tồn của *Di chúc* mãi mãi soi đường cho Đảng và nhân dân ta thực hiện thắng lợi các mục tiêu của cách mạng. Bài viết này tập trung nghiên cứu về những căn dặn đầy tâm huyết và tình cảm của Người đối với Đảng và những yêu cầu đặt ra khi vận dụng tư tưởng đó vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong bối cảnh hiện nay.

1. Tư tưởng về Đảng và xây dựng Đảng trong *Di chúc* Hồ Chí Minh

Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng và xây dựng Đảng chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống quan điểm của Người trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng vì nước, vì dân. Ở văn bản cuối cùng của mình, có thể nhận thấy, bao trùm lên toàn bộ nội dung *Di chúc* của Người là hai chữ “Đảng” và “Dân”, và đây có lẽ cũng là những mối quan tâm lớn nhất của Người trong những ngày tháng biết mình sắp phải đi xa. Chính vì sự quan trọng của Đảng, vai trò quyết định thành bại của Đảng đối với cách mạng Việt Nam nên những lời căn dặn đầu tiên của Người trong *Di chúc* cũng là dành cho Đảng: “Trước hết nói về Đảng”. Di huấn của Hồ Chí Minh về Đảng và xây dựng Đảng được thể hiện ở những điểm chủ yếu sau:

Thứ nhất, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng

Trong *Di chúc* Người khẳng định: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”¹.

Đảng ta là Đảng của giai cấp công nhân nhưng quyền lợi của giai cấp công nhân và của nhân dân lao động là thống nhất với nhau, nên Đảng không chỉ là đội tiên phong của giai cấp công nhân, mà còn là đội tiên phong của nhân dân lao động và của toàn dân tộc. Sức mạnh của Đảng đến từ sức mạnh của cả dân tộc. Trong khối đại đoàn kết dân tộc, Đảng vừa là thành viên, vừa là lực lượng lãnh đạo khối đại đoàn kết đó. Do vậy, Đảng muốn lãnh đạo được, bản thân Đảng phải là một tổ chức đoàn kết thống nhất chặt chẽ, Đảng phải đoàn kết, thống nhất trong việc thực hiện mục tiêu phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, có như vậy thì sức mạnh của Đảng mới phát huy một cách cao nhất. Đây không phải là một khẩu hiệu

* *Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 2000, t. 12, tr. 510.

chỉ dành để hiệu triệu mà là quan điểm phải được thực thi trong thực tế. Chính vì Đảng “một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc” nên Đảng mới làm tròn vai trò, nhiệm vụ mà giai cấp, nhân dân và dân tộc giao phó, mới được dân tin, dân theo.

Trong *Di chúc*, Người cũng khẳng định lại vai trò trọng yếu của đoàn kết, đặc biệt nhất mạnh vào tính đoàn kết trong Đảng: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”¹. Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc giữ gìn đoàn kết trong Đảng không phải là việc riêng mà là việc chung, không phải chỉ là nhiệm vụ của Trung ương mà còn cần phải có sự tham gia của các chi bộ, của bản thân các Đảng viên. Trong đó, chi bộ được xem là hạt nhân của Đảng, là nhân tố bảo đảm sự đoàn kết bền vững nhất của Đảng và của dân tộc. Người đã dạy: Đảng mạnh là do chi bộ tốt. Chi bộ tốt là do các Đảng viên đều tốt. Người đã dùng hình tượng “con ngươi của mắt” để nói về tầm quan trọng của đoàn kết. Trong Đảng nếu không đoàn kết nhất trí thì Đảng cũng sẽ không nhìn rõ phương hướng, không lãnh đạo được dân tộc và sẽ không thể diu dắt nhân dân thực hiện được nhiệm vụ cách mạng. Người đã nhiều lần khẳng định vai trò của đoàn kết đối với Đảng, đối với dân tộc: “Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết”, “Đoàn kết là điểm mẹ, điểm này mà tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt”, “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”... Những thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và cả công cuộc đổi mới hiện nay đã chứng minh được vị trí, vai trò và tầm quan trọng của đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Thứ hai, thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình

Việc đảm bảo một nền dân chủ rộng rãi cho nhân dân đã được Hồ Chí Minh đề cập không chỉ trong *Di chúc*, mà còn ở rất nhiều bài nói, bài viết khác của mình. Trong *Di chúc*, Người khẳng định: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”².

Dân chủ trong Đảng là sự tự do tranh luận, thảo luận để tìm ra chân lý. Có thể khi thảo luận còn có những ý kiến khác nhau, đó là chuyện bình thường và cần thiết, không thể coi đó là mất đoàn kết, thiếu đoàn kết. Tuy nhiên, để dân chủ trong Đảng trở thành một phương thức củng cố đoàn kết trong Đảng thì phải chân thành, cởi mở, cầu thị, kết luận rõ ràng; không được để chủ nghĩa cá nhân xen vào gây chia rẽ, cục bộ, bè phái, làm mất đoàn kết trong Đảng. Theo Người, dân chủ phải gắn liền với tập trung. Tập trung trên nền tảng của dân chủ, dân chủ dưới sự chỉ đạo của tập trung. Nhờ có dân chủ mà Đảng ta đã khơi dậy, phát huy cao nhất trí tuệ, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Nhờ có dân chủ trong Đảng mà ta đã khắc phục được tình trạng quan liêu, hách dịch, cục bộ địa phương, cửa quyền, xa rời quần chúng nhân dân. Đây là nguyên tắc quan trọng nhất để xây dựng Đảng ta ngày càng vững mạnh.

Mặt khác để xây dựng Đảng ta thành đảng vô sản kiểu mới, một nguyên tắc rất quan

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 2000, t. 12, tr. 510.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 2000, t. 12, tr. 510.

trọng khác là Đảng và mỗi cán bộ Đảng viên phải thường xuyên tự phê bình và phê bình. Đây là nguyên tắc, là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Tự phê bình và phê bình là công việc phải làm thường xuyên của mỗi tổ chức cơ sở Đảng “như rửa mặt hàng ngày”. Mục đích của tự phê bình và phê bình là để phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm, củng cố và tăng cường đoàn kết nội bộ Đảng. Cũng theo Hồ Chí Minh, tự phê bình và phê bình chỉ có ý nghĩa, phát huy tác dụng khi được thực hiện nghiêm túc, với tinh thần “phê bình mình cũng như phê bình người khác, phải ráo riết, triệt để, thật thà, không nể nang, không thêm bớt. Phải vạch rõ cả ưu điểm lẫn khuyết điểm. Đồng thời, chớ dùng những lời mỉa mai, chua cay, đâm thọc. Phê bình việc làm, chứ không phê bình người”¹. Tự phê bình và phê bình là cần thiết, quan trọng, phải làm thường xuyên, lâu dài, nhưng “đúng lúc, đúng cách” và “phải biết tôn trọng nhau”, tuyệt đối không vì mâu thuẫn cá nhân, động cơ vụ lợi cá nhân mà phê bình kiểu “vạch lá tìm sâu”, “bới lông tìm vết” nhằm trừ dập, đả đả, hạ bệ nhau.

Thứ ba, rèn luyện đạo đức cách mạng, nêu cao tinh thần trách nhiệm, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân của mỗi cán bộ, Đảng viên

Trong *Di chúc*, Người viết: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”². Thực tế, Đảng Cộng sản Việt Nam đã trở thành biểu tượng của đất nước, của nhân dân. Vì thông qua bầu cử, nhân dân đã chọn Đảng, tin Đảng, trao quyền của mình cho Đảng. Và cũng vì thế, vấn đề đầu tiên của một Đảng cầm quyền là mỗi đảng viên ở vị trí cầm quyền của mình từ Trung ương đến tận cơ sở đều phải là những mẫu mực về đạo đức, tác phong, ứng xử. Mỗi đảng viên không chỉ phấn đấu tu dưỡng mình là đảng viên của Đảng mà còn phải hoàn thiện mình để xứng đáng với địa vị là lực lượng cầm quyền, là lực lượng quyết định số phận của đất nước, dân tộc, nhân dân. Cán bộ, đảng viên là những người hết lòng, hết sức vì nước, vì dân “trung với nước, hiếu với dân”; luôn luôn trong sạch, không tham lam tiền của, địa vị, danh tiếng, không ham người tâng bốc mình; không đặc quyền, đặc lợi, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo; không chạy theo lợi ích cá nhân và những giá trị vật chất mà quên đi lợi ích của quốc gia, dân tộc và của nhân dân. Người khẳng định: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi đến mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì”³. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng: đã là cán bộ, đảng viên phải là những người mà: “Giàu sang không thể quyến rũ. Nghèo khó không thể chuyển lay. Uy lực không thể khuất phục”⁴. Họ là những người có bản lĩnh, lập trường, một lòng vì sự nghiệp chung của đất nước và hạnh phúc chung của nhân

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 2011, t. 9, tr. 145.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 2000, t. 12, tr. 510.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 2000, t. 5, tr. 252-253.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 2000, t. 6, tr. 184.

dân, không bị dao động trước những mãnh lực và khó khăn của cuộc sống.

Lời trăng trối của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng là lời khẳng định: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”¹. Cụm từ “thật sự” được Hồ Chí Minh nhắc đi nhắc lại trong câu văn đã cho thấy đây là những yêu cầu cơ bản nhất, quan trọng nhất đối với một đảng cầm quyền và đội ngũ đảng viên. Nhấn mạnh đảng cầm quyền “thật trong sạch” của Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa là yêu cầu, vừa là lời kêu gọi, vừa là nguyên tắc và cũng là tiêu chuẩn hàng đầu của một đảng cầm quyền văn minh.

Người đã căn dặn lại: “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”². “Cán bộ, đảng viên, đoàn viên phải làm đầu tàu, gương mẫu. Muốn làm gương mẫu thì điều quan trọng nhất là các chú từ tỉnh đến huyện, đến xã phải đoàn kết, đoàn kết thực sự, làm sao tự mình nêu gương và giáo dục cho đảng viên, đoàn viên, cán bộ giữ gìn, phát triển đạo đức cách mạng, làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm”³.

Từ đó, Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, lấy lợi ích của nhân dân làm mục tiêu cao nhất. Mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng phải xuất phát từ lợi ích của dân, ngoài lợi ích của nhân dân ra, Đảng không còn bất kỳ một đặc quyền, đặc lợi nào khác, “việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh”⁴.

Theo Người, “Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi”⁵. “Dân không đủ muối, Đảng phải lo. Dân không có gạo ăn đủ no, dân không có vải mặc đủ ấm, Đảng phải lo. Các cháu bé không có trường học, Đảng phải lo. Tôi lo chuyện này lắm: các cháu mắt choẹt, da búng. Tất cả mọi việc Đảng phải lo. Việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, đấu tranh giành thống nhất nước nhà, Đảng phải lo. Ngay đến cả tương, cà, mắm, muối của dân, Đảng phải lo”⁶.

Người cán bộ, đảng viên phải luôn yêu dân, thương dân, tin dân, quan tâm dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân; phải luôn luôn “nắm vững dân tình, hiểu rõ dân tâm, cải thiện dân sinh và nâng cao dân trí”; phải lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ; phải “lấy dân làm gốc”; phải “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”;...

Như vậy, “lãnh đạo” và “đầy tớ” nghe có gì đó phi lý, trái ngược và mâu thuẫn, nhưng thực tế hoàn toàn hợp lý và dễ hiểu. Đảng lãnh đạo là vì dân, đường lối của Đảng thực hiện được là nhờ dân, ý Đảng phải chính là lòng dân và do vậy Đảng là “người lãnh đạo” cũng thực sự là “người đầy tớ” của dân.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 516.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 2000, t. 5, tr. 552.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 2000, t. 12, tr. 223.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 2000, t. 4, tr. 56-57.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 2000, t. 7, tr. 572.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 2000, t. 10, tr. 463-464.

2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong công tác xây dựng Đảng hiện nay

Hiện nay, vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong giai đoạn mới là vô cùng quan trọng, cấp thiết nhưng cũng gặp nhiều khó khăn, phức tạp, đòi hỏi chúng ta phải có lộ trình, bước đi, biện pháp và cách làm phù hợp. Bởi đổi mới, chỉnh đốn Đảng không phải là làm thay đổi bản chất, mục tiêu của Đảng, mà làm cho năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng có hiệu quả hơn. Thực hiện di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Đảng, trong giai đoạn hiện nay chúng ta cần tập trung vào những vấn đề sau:

Thứ nhất, tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận có trọng tâm, trọng điểm

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh là Người luôn coi trọng thực tiễn, luôn gắn lý luận với thực tiễn, bởi “lý luận mà không có thực tiễn là lý luận suông; thực tiễn mà không có lý luận dẫn đường là thực tiễn mù quáng”.

Vận dụng quan điểm của Người, trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI đã khẳng định: “Phải tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng; nâng cao bản lĩnh chính trị và trình độ trí tuệ của Đảng. Đảng phải kiên định chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, làm sáng tỏ một số vấn đề về đảng cầm quyền”¹.

Thực tế là muôn hình, muôn vẻ và rất đa dạng, phong phú. Do vậy, chúng ta cần xác định vấn đề nào là trọng tâm, vấn đề nào là trọng điểm, cái nào là cần thiết đối với nước ta thì tập trung tổng kết, nghiên cứu vấn đề đó. Hiện nay, Đảng ta đã xác định mục tiêu xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Do đó, mọi hoạt động của Đảng và nhân dân ta phải đều xoay quanh mục tiêu đó. Lấy đó làm thước đo cao nhất. Muốn đạt được mục tiêu đó, chúng ta cần biết tổng kết kinh nghiệm, cần xuất phát từ thực tiễn để đề ra cách thức, biện pháp, bước đi sao cho phù hợp. Phải thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới đất nước, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế.

Thứ hai, chú trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “Cán bộ là gốc của mọi công việc”². Trong giai đoạn hiện nay, có một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên bị suy thoái về tư tưởng, chính trị; tha hóa về phẩm chất đạo đức; hạn chế về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; phai nhạt lý tưởng, chạy theo chủ nghĩa cá nhân, thực dụng; bị chi phối bởi những danh vọng, tiền tài, địa vị. Do vậy, việc xây dựng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là những cán bộ giữ vị trí chủ chốt có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI của Đảng đã xác định vấn đề trọng tâm, xuyên suốt và cấp bách nhất trong công tác xây dựng Đảng hiện nay cần phải thực hiện là: “Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của đảng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, 2011, tr. 57.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 2000, tập 5, tr. 269.

viên và của nhân dân đối với Đảng”¹.

Muốn vậy, cần phải xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên bao gồm cả đức và tài, phẩm chất và năng lực, vừa “hồng” vừa “chuyên”; phải là những người dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm; phải là những người có bản lĩnh, có lập trường chính trị, không bị dao động trước những ảnh hưởng tiêu cực và tác động của những giá trị vật chất tầm thường; phải thật sự “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” và hết lòng, hết sức “phụng sự đất nước, phục vụ nhân dân”.

Trong công tác quy hoạch, đào tạo, sử dụng, bổ nhiệm đội ngũ cán bộ cần có sự tuyển chọn thật cẩn kẽ, công minh, tránh tình trạng “mua quan bán tước”; cần phân bổ đúng người, đúng việc để đạt hiệu quả cao nhất.

Thứ ba, nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng

Trong bối cảnh thế giới, khu vực và trong nước hiện nay có nhiều biến động, tác động rất lớn đến vai trò cầm quyền của Đảng. Làm thế nào để nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng là một vấn đề không dễ. Theo chúng tôi, trước hết chúng ta cần linh hoạt hơn nữa trong việc đưa ra các quyết định để phù hợp với xu hướng chung của thời đại. Trong các vấn đề lớn của đất nước cần tạo ra bước đột phá, bất ngờ, tránh tình trạng “bảo thủ, trì trệ”, “chây ì”, ngại làm mạnh, ngại đụng chạm.

Cùng với xu thế đa phương hóa, đa dạng hóa, hội nhập quốc tế, chúng ta cần phải giao lưu, hợp tác sâu rộng hơn nữa với khu vực và thế giới. Tận dụng những thành tựu mà nhân loại đã có, đang có để làm giàu cho đất nước - đó là một trong những cách tốt nhất để rút ngắn khoảng cách chênh lệch giữa nước ta với các nước khác. Bởi thực tế cho thấy, khi đất nước giàu mạnh, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao thì vị thế, vai trò của Đảng cầm quyền càng có sức thuyết phục.

3. Kết luận

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành Đảng lãnh đạo Việt Nam. Công lao và đóng góp to lớn của Người đối với Đảng và công tác xây dựng Đảng là những tài sản vô giá của dân tộc. Nửa thế kỷ đã trôi qua kể từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, nhưng những căn dặn của Người về Đảng trong *Di chúc* vẫn còn nguyên giá trị và là những luận điểm cơ bản góp phần vào việc xây dựng Đảng qua nhiều thời kỳ. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, khi Việt Nam đang từng bước xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện sự nghiệp đổi mới đất nước thì những điều căn dặn, nhắc nhở đó càng thiết thực và có tầm quan trọng đặc biệt. /.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, NXB Chính trị Quốc gia, 2012, tr. 26.

VẬN DỤNG PHONG CÁCH NÊU GƯƠNG TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀO THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM NÊU GƯƠNG CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*Bùi Chiến Công**
*Trần Nguyễn Sĩ Nguyên***

1. Đặt vấn đề

Phong cách Hồ Chí Minh là một bộ phận trong nội dung học tập và làm theo gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh do Đảng ta phát động (bao gồm *tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách* Hồ Chí Minh). Đó là một chỉnh thể bao gồm các nội dung đa dạng, phong phú như: *Phong cách tư duy, Phong cách làm việc, Phong cách diễn đạt, Phong cách ứng xử, phong cách sinh hoạt,...* Có thể hiểu khái niệm phong cách Hồ Chí Minh “là một chỉnh thể, bắt đầu từ suy nghĩ (phong cách tư duy) đến *hoạt động thực tiễn* (phong cách làm việc, phong cách diễn đạt, phong cách ứng xử), và cuối cùng là *sinh hoạt thường ngày* (phong cách sinh hoạt)”¹. Phong cách nêu gương được xem là một yếu tố cụ thể trong phong cách làm việc của Hồ Chí Minh², là một trong những yếu tố tác động lớn đến hiệu quả tuyên truyền, giáo dục cách mạng.

Hồ Chí Minh ngay từ rất sớm đã xác định: đối với các dân tộc phương Đông nói chung, Việt Nam nói riêng thì “một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”³. Hay nói cách khác, nêu gương là một phương pháp tuyên truyền, giáo dục cách mạng mang lại hiệu quả cao. Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh đã thể hiện những quan điểm về phong cách nêu gương; nội dung *Di chúc* có thể xem là sự tổng kết những nội dung lớn về đạo đức, lối sống của Hồ Chí Minh, là sự giải quyết các mối quan hệ với mình, với người, với công việc mang tính chất nêu gương đối với cán bộ, đảng viên, nhân dân. Những quan điểm và cách thức thực hành phong cách nêu gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tác phẩm *Di chúc* vẫn còn có giá trị lý luận và thực tiễn hết sức sâu sắc trong thời đại ngày nay.

2. Phong cách nêu gương trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Ở Hồ Chí Minh, nêu gương đã trở thành một phong cách thực sự, định hình trong hệ thống phong cách làm việc của Hồ Chí Minh. Trong tác phẩm cuối đời của Chủ tịch Hồ Chí

* Trường Đại học An ninh nhân dân

** Trường Đại học Cảnh sát nhân dân

1. Đặng Xuân Kỳ: *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 160.
2. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Những nội dung cơ bản của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh (Tài liệu nghiên cứu phục vụ triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 101-102.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 1, tr. 285.

Minh (*Di chúc*), những nội dung về phong cách nêu gương được Người thể hiện ở mấy nội dung cơ bản sau:

Một là, phong cách nêu gương được thể hiện trên thực tế bằng chính cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh không chỉ nói về nêu gương mà chủ yếu bằng hành động để thực thi, tuyên truyền phương pháp nêu gương đối với cán bộ, đảng viên và nhân dân. Trong tác phẩm *Di chúc*, mặc dù về bản chất là lời của người cán bộ cách mạng lão thành sắp đi xa căn dặn lại các thế hệ cách mạng tiếp nối sự nghiệp của Hồ Chí Minh, nhưng mỗi câu, mỗi từ đều xuất phát từ việc tổng kết cuộc đời hoạt động cách mạng lỗi lạc của Người, được minh chứng bằng chính hoạt động thực tiễn trước đây của Người. Khi Hồ Chí Minh căn dặn trong *Di chúc* rằng: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”¹ thì chính bản thân Hồ Chí Minh là tấm gương sáng ngời về đạo đức cách mạng, đặc biệt là các phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Về cần, Hồ Chí Minh là một chiến sĩ cách mạng lỗi lạc của Việt Nam và thế giới đã không quản ngại khó khăn, gian khổ, đi khắp năm châu bốn bể để tìm kiếm con đường cứu nước, cứu dân đúng đắn; điều trăn trở cuối cùng của Hồ Chí Minh là “phục vụ cách mạng, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân được bao lâu nữa?”². Về kiệm, Hồ Chí Minh trong suốt cuộc đời mình luôn kêu gọi toàn dân thực hành tiết kiệm, nêu gương bằng sự nghiêm túc thực hiện của mình từ sinh hoạt hằng ngày đến những việc lớn (như khi phát động nhân dân “mười ngày nhịn ăn một bữa” để diệt nạn đói năm 1945, Hồ Chí Minh đã kiên quyết nêu gương, thực hiện cho bằng được để tạo động lực cho toàn dân). Về liêm, Hồ Chí Minh dù giữ cương vị Chủ tịch Đảng vừa là Chủ tịch nước – những chức danh nắm trong tay quyền lực cao nhất – nhưng Người luôn luôn tôn trọng giữ gìn của công, của nhân dân, luôn giữ lối sống trong sạch, giản dị, coi mình là người phục vụ cho nhân dân, là “đày tớ trung thành của nhân dân”. Về chính, Hồ Chí Minh là hiện thân của đạo đức cao đẹp, đạo đức Mác – Lênin, đạo đức của xã hội tương lai của Việt Nam, luôn thể hiện sự đứng đắn, trong sạch, thanh cao...

Ngay trong nội dung về xử lý việc riêng trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện tinh thần nêu gương của Người sau khi Người mất. Hồ Chí Minh đã chuẩn bị một kế hoạch cụ thể, chu toàn, thực hành đạo đức cách mạng trong việc tổ chức tang lễ của mình: “chớ nên tổ chức đám đình, lãng phí ngày giờ và tiền bạc của nhân dân”; Người yêu cầu thi hài được “hỏa táng” để không tốn đất và tốt về mặt vệ sinh; tro xương tìm một quả đồi mà chôn gần với căn nhà giản dị, rộng rãi, chắn chắn để “những người đến thăm viếng có chỗ nghỉ ngơi”; “Nên có kế hoạch trồng cây trên đồi. Ai đến thăm thì trồng một cây làm kỷ niệm” dần dần gây rừng...³. Những lời căn dặn ấy chính là sự thể hiện sự nêu gương về những phẩm chất đạo đức cách mạng trong Hồ Chí Minh, là cần, kiệm, liêm, chính gắn liền với cách thức xử lý công việc của Người.

Hai là, bất kỳ ai cũng cần nêu gương, từ cán bộ, đảng viên đến nhân dân

Hồ Chí Minh nhấn mạnh trước hết vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, đặc biệt

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 611-612.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 621.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 614.

là cán bộ, đảng viên giữ những chức vụ cao trong bộ máy Đảng, Nhà nước. Mở đầu *Di chúc*, Hồ Chí Minh đề cập trước hết về Đảng, rằng “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”, “thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình”, “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”¹. Bởi vì Hồ Chí Minh thấy rõ: nhân dân đánh giá Đảng, Nhà nước trước hết ở tư cách, đạo đức của người cán bộ, đảng viên, nhân dân chỉ đoàn kết khi Đảng thực sự đoàn kết nhất trí vì Tổ quốc, vì nhân dân, “Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”². Cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cán bộ, đảng viên cấp cao nêu một tấm gương tốt về đạo đức cách mạng, lối sống trong sạch, lành mạnh sẽ tạo nên động lực to lớn cho sự chuyển mình của đất nước, sự phát triển về đạo đức, văn hóa trong nhân dân; ngược lại, cán bộ, đảng viên tha hóa, biến chất, rơi vào chủ nghĩa cá nhân sẽ nêu một tấm gương xấu trong nhân dân, khiến cho những giá trị đạo đức, văn hóa trong xã hội bị đảo lộn...

Bên cạnh đó, phong cách nêu gương của Chủ tịch Hồ Chí thể hiện trong *Di chúc* còn đề cập đến việc nêu gương trong nhân dân. Nếu như trong các triều đại phong kiến trước đây, người ta thường chỉ đề cập việc nêu gương của những bậc vua, quan, quân tử và những nghề cao quý trong xã hội thì Hồ Chí Minh lại quan niệm đó là việc mà tất cả mọi người dân đều phải thực hiện. Trong những năm tháng cuối đời, Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Từng giọt nước nhỏ thấm vào lòng đất, chảy về một hướng mới thành suối, thành sông. Biết bao nhiêu giọt nước nhỏ hợp lại mới thành biển cả. Một pho tượng hay một lâu đài cũng phải có cái nền rất vững chắc mới đứng vững được. Nhưng người ta dễ nhìn thấy pho tượng và lâu đài mà không chú ý đến cái nền. Như thế là chỉ thấy cái ngọn mà quên mất cái gốc! Người tốt, việc tốt nhiều lắm. Ở đâu cũng có. Ngành, giới nào, địa phương nào, lứa tuổi nào cũng có”³. Đó là quan điểm của Hồ Chí Minh về đối tượng thực hành phong cách nêu gương: không chỉ những vị lãnh tụ, cán bộ, đảng viên cấp cao mà cả những người cán bộ, đảng viên cấp thấp và nhân dân, không phân biệt giai tầng, đảng phái, dân tộc, tôn giáo, giới tính, lứa tuổi,... Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh đề cập nhiều đến tinh thần đoàn kết, lòng yêu nước, lạc quan trong nhân dân, nhấn nhủ mọi người cùng nhau phấn đấu, nêu những tấm gương đạo đức tốt đẹp để hướng tới xây dựng xã hội mới tốt đẹp cho dân tộc và nhân loại.

Ba là, nêu gương về đạo đức, lối sống đi liền với đấu tranh chống lại chủ nghĩa cá nhân

Nhấn mạnh nêu gương về đạo đức, lối sống, Hồ Chí Minh không tách rời với cuộc đấu tranh chống lại chủ nghĩa cá nhân cùng các biểu hiện tha hóa, biến chất. Đối với Hồ Chí Minh, “quét sạch chủ nghĩa cá nhân” phải được tiến hành song song, thậm chí tiến hành trước khi “nâng cao đạo đức cách mạng”. Chính vì vậy, trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh trước hết đến việc chống lại những biểu hiện tha hóa, biến chất có thể xuất hiện trong đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng. Người nhấn mạnh: *thật sự thấm nhuần đạo đức cách*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 611-612.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 6, tr. 16.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 663.

*mạng; thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; thật trong sạch; xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân*¹. Hồ Chí Minh nhận thấy sự cần thiết phải nhấn mạnh bốn chữ “thật sự” này khi đề cập đến vai trò cầm quyền của Đảng. Lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất Hồ Chí Minh sử dụng thuật ngữ “Đảng cầm quyền” để chỉ vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và toàn xã hội trong thời kỳ mới – sự cần trọng xuất phát từ tinh thần đấu tranh với các biểu hiện lạm quyền, lộng quyền, bị quyền lực làm cho tha hóa của cán bộ, đảng viên khi nắm giữ các chức vụ trong bộ máy Đảng, Nhà nước. Nêu gương về đạo đức mà chỉ dừng lại ở lời nói suông, ở hành động nhất thời, không gắn liền với cuộc đấu tranh chống lại những biểu hiện tham ô, tham nhũng, lãng phí, cá nhân chủ nghĩa,... thì cũng không mang lại nhiều kết quả cho cách mạng. Phong cách nêu gương của Hồ Chí Minh chính là gắn liền với đấu tranh không khoan nhượng với chủ nghĩa cá nhân và các biểu hiện tiêu cực khác.

3. Vận dụng phong cách nêu gương trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào thực hiện quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam

Gần đây, Quy định số 08-QĐ/TW về “Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng” được ban hành là kết quả của Hội nghị Trung ương 8 (Khóa XII). Trong đó, Ban Chấp hành Trung ương đã nhìn nhận một cách tổng quát những thành tựu bên cạnh những mặt tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện những nhiệm vụ chính trị của Đảng. Suốt một thời kỳ dài thực hiện các biện pháp nêu gương thông qua việc ban hành Quy định số 47-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về những điều Đảng viên không được làm; Quy định số 101 của Ban Bí thư khóa XI về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp; Quy định số 55 của Bộ Chính trị khóa XII về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên... đã mang lại những kết quả tích cực trong việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tuy nhiên, thực tế vẫn còn tồn tại những bất cập, thiếu sót, những vi phạm kỷ luật, kỷ cương của cán bộ, đảng viên thậm chí đến mức phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Bên cạnh đó, Đảng ta cũng thẳng thắn nhìn nhận một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên của Đảng rơi vào các biểu hiện suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống làm giảm sút niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước. Do vậy, việc thực hiện quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam phải được nhấn mạnh và triển khai một cách nghiêm túc để đẩy lùi các biểu hiện tiêu cực nói trên.

Quan điểm và cách thức thực hành phong cách nêu gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tác phẩm *Di chúc* để lại giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc trong việc thực hiện quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Cụ thể, quán triệt phong cách nêu gương trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong thời gian tới Đảng ta cần thiết có thể quán triệt mấy nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò của phương pháp nêu gương đối với cán bộ, đảng viên, nhân dân

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 611- 612.

Đảng Cộng sản Việt Nam phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của phương pháp nêu gương đối với toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân. Phải làm cho cán bộ, đảng viên, nhân dân nhận thức rõ nêu gương là trách nhiệm của mỗi người, không kể chức vụ cao hay thấp, để phấn đấu làm cho xã hội ngày càng tốt hơn, cùng hướng tới xây dựng hoàn thiện chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Công tác tuyên truyền có thể gắn kết với cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh mà Đảng ta đã phát động; trong đó, chú ý tuyên truyền phong cách nêu gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh gắn liền với cuộc đời và sự nghiệp cách mạng lỗi lạc của Người.

Biện pháp để đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về biện pháp nêu gương đối với cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân phải luôn không ngừng được đổi mới, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền từ tài liệu, tuyên truyền miệng, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các hoạt động chính trị - xã hội, đoàn thể,... Đặc biệt, chú trọng tuyên truyền việc nêu gương “người tốt, việc tốt” như Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn trân trọng và thực hiện trong suốt cuộc đời của Người. Đó là “người tốt, việc tốt” từ Trung ương đến địa phương, mọi cơ quan, đơn vị và các giai tầng trong quần chúng nhân dân. Định hướng việc nêu gương chú trọng việc biểu dương, nhân rộng gương điển hình trong toàn thể cán bộ, đảng viên nhân dân về cách làm hay, gương người tốt, việc tốt; song song đó, tích cực đấu tranh tự phê bình và phê bình, lên án và khắc phục những biểu hiện lệch lạc về nhận thức và hành động, các quan điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động...

Thứ hai, nêu cao vai trò nêu gương về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý

Quán triệt theo tinh thần và phong cách nêu gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện trong *Di chúc*, biện pháp nêu gương phải được thi hành ở tất cả người cán bộ, đảng viên, không kể cấp bậc, chức vụ. Cán bộ, đảng viên phải thể hiện tinh thần trách nhiệm, thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, lối sống; tiên phong đi đầu trong việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XI) về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, góp phần đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; việc nêu gương cần được thực hiện toàn diện trên tất cả các mặt về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong của người cán bộ, đảng viên; đẩy mạnh thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt Đảng như nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách, đoàn kết thống nhất trong Đảng, kỷ luật nghiêm minh, tự giác,... Biện pháp nêu gương của cán bộ, đảng viên nên được thực hiện với tinh thần “Trên trước, dưới sau”, “Trong trước, ngoài sau”, “Học đi đôi với làm theo”. Trong đó, cấp ủy Đảng, cán bộ, đảng viên giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phải càng thấu hiểu và triệt để rèn luyện phong cách nêu gương, tạo động lực cho cán bộ, đảng viên cấp dưới học tập theo.

Trong việc thực hiện nêu gương về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên theo phong cách nêu gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thước đo quan trọng nhất là kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao của cán bộ, đảng viên. Những tiêu chí đo lường phải xác

định được ý thức trách nhiệm, tận tụy với công việc, mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao, mức độ tích cực trong học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn,... tùy theo điều kiện đặc thù, tình hình của cơ quan, đơn vị mà cán bộ, đảng viên công tác.

Thứ ba, kiên quyết đấu tranh chống lại mọi biểu hiện tha hóa, biến chất trong đội ngũ cán bộ, đảng viên

Quan triệt phong cách nêu gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện trong *Di chúc* phải gắn với đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống lại các biểu hiện tha hóa, biến chất trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Xác định những biểu hiện tha hóa, biến chất trong cán bộ, đảng viên có thể căn cứ vào 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của cán bộ, đảng viên đã được chỉ ra trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (Khóa XII) về “tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ”. Các cấp ủy, tổ chức Đảng cần có biện pháp chủ động phát hiện, ngăn ngừa, đấu tranh có hiệu quả với những biểu hiện tiêu cực về tư tưởng và hành động của cán bộ, đảng viên trái với quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nâng cao vai trò của công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng. Từ đó, kịp thời đấu tranh phòng, chống sự suy thoái về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Phát hiện, xử lý nghiêm minh những biểu hiện tiêu cực trong nội bộ Đảng cũng chính là thực hành phong cách nêu gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh – đấu tranh không khoan nhượng với “giặc nội xâm”, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất về nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên.

4. Kết luận

Phong cách nêu gương được xem là một yếu tố cụ thể trong phong cách làm việc của Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh ngay từ rất sớm đã xác định nêu gương là một phương pháp tuyên truyền, giáo dục cách mạng mang lại hiệu quả cao. Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh đã thể hiện những quan điểm về phong cách nêu gương là kết quả tổng kết những nội dung lớn về đạo đức, lối sống của Hồ Chí Minh. Cụ thể, phong cách nêu gương được thể hiện trên thực tế bằng chính cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh; Hồ Chí Minh cho rằng bất kỳ ai cũng cần nêu gương, từ cán bộ, đảng viên đến nhân dân; nêu gương về đạo đức, lối sống đi liền với đấu tranh chống lại chủ nghĩa cá nhân. Những quan điểm và cách thức thực hành phong cách nêu gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tác phẩm *Di chúc* vẫn còn có giá trị lý luận và thực tiễn hết sức sâu sắc trong thời đại ngày nay. /.

DI CHÚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG CHÍNH ĐỐN ĐẢNG HIỆN NAY

*ThS. Nguyễn Thành Công**
*CN. Lê Đại Đồng***

Đã 50 năm, kể từ ngày bản *Di chúc* đầu tiên của Chủ tịch Hồ Chí Minh được công bố nhưng cho tới nay, những giá trị về lý luận và thực tiễn của văn kiện quý giá này vẫn còn được giữ nguyên. *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là chúc thư của một lãnh tụ thiên tài, một nhà cách mạng lỗi lạc có tầm nhìn xa, trông rộng, một chiến sĩ cộng sản suốt đời yêu thương, trân trọng con người, phấn đấu hy sinh vì tự do, hạnh phúc của con người. Nội dung bản *Di chúc* bao hàm nhiều vấn đề hết sức quan trọng nhưng bao trùm lên tất cả đó là nội dung về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đây là những tư tưởng có giá trị to lớn trong công tác xây dựng Đảng, là cơ sở để Đảng ta và mỗi cán bộ đảng viên học tập, rèn luyện phấn đấu thực sự là đạo đức là văn minh và những giá trị đó còn mãi tới hôm nay và mai sau.

Ngay sau khi giành được chính quyền, việc xây dựng và chỉnh đốn Đảng đã được Hồ Chí Minh đặt ra và Người luôn coi đó là công việc thường xuyên, cần thiết để hạn chế, đẩy lùi và tẩy trừ mọi tệ nạn do thoái hóa, biến chất gây ra. Người nêu lên một luận điểm quan trọng: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”¹. Trước lúc đi xa, trong bản *Di chúc* thiêng liêng, Người đã răn dạy toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta những công việc phải làm khi Tổ quốc đã thống nhất, trong đó có nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Người viết: “Công việc trên đây là rất to lớn, nặng nề, và phức tạp, mà cũng là rất vẻ vang. Đây là một cuộc chiến đấu chống lại những cái gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi”². Người còn chỉ rõ: “Theo ý tôi, việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi”³.

Thực tiễn lịch sử đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc đã khẳng định sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng. Bước vào giai đoạn cách mạng mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta vượt qua biết bao khó khăn, thử thách trong điều kiện bị bao vây cấm vận của các thế lực thù địch để từng bước đưa nước nhà vượt qua khủng hoảng đạt được nhiều kết quả có tính bước ngoặt trên tất cả

* Trường Đại học Nguyễn Huệ

** Trường Đại học Nguyễn Huệ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 672.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 15, tr. 617.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 15, tr. 616.

các mặt. Tuy vậy, bên cạnh những thành tựu đạt được, công cuộc đổi mới đang đặt ra những vấn đề mới mẻ cả về lý luận và thực tiễn đặt ra đòi hỏi Đảng phải có đủ tâm trí tuệ, bản lĩnh mới có thể đáp ứng được những yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Quán triệt sâu sắc Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Đảng, ngay từ hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 (khóa VIII) đã đề ra nhiệm vụ: “Toàn Đảng tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình”. Đại hội X lại tiếp tục chỉ rõ: “Trong những năm tới, phải dành nhiều công sức tạo sự được chuyển biến rõ rệt về xây dựng Đảng... Đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta”. Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) đã ban hành Nghị quyết “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” trong đó tập trung vào ba vấn đề thực sự cấp bách, cần làm ngay, đó là: Ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là ở cấp Trung ương, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm cá nhân người đứng đầu cấp ủy, chính quyền và mối quan hệ với tập thể cấp ủy, cơ quan, đơn vị. Ngày 30/10/2016, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XII, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã ký ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TW về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ. Vì vậy, nghiên cứu và vận dụng sáng tạo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng và chỉnh đốn Đảng trong công tác xây dựng Đảng hiện nay là vấn đề mang tính bức thiết.

Theo Bác xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải tiến hành trên cả ba mặt: tư tưởng, chính trị và tổ chức.

Xây dựng, chỉnh đốn Đảng về tư tưởng là làm cho hệ thống lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh thật sự trở thành nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của toàn Đảng, toàn dân ta, giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Tại lớp huấn luyện đảng viên mới của Thành uỷ Hà Nội, ngày 14/5/1966. Bác Hồ chỉ rõ: “Để lãnh đạo cách mạng, Đảng phải mạnh. Đảng mạnh là do chi bộ tốt. Chi bộ tốt là do các đảng viên đều tốt. Muốn xây dựng chi bộ “bốn tốt” thì phải bồi dưỡng lập trường vô sản cho đảng viên. Muốn có lập trường vô sản vững chắc, thì đảng viên phải có ý thức giai cấp, đồng thời phải có lý luận cách mạng. Không có lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học thì không thể có lập trường giai cấp vững vàng”¹.

Xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị là kiên định con đường mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn, giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong những bài học mà Đại hội VIII của Đảng đã tổng kết sau mười năm đổi mới, bài học về giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội được đưa lên hàng đầu. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là bài học xuyên suốt trong lịch sử lãnh đạo cách mạng của Đảng ta.

Xây dựng và chỉnh đốn Đảng về tổ chức là tăng cường sức chiến đấu của Đảng từ Trung

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 15, tr. 113.

ương đến cơ sở. Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) của Đảng nhận định: Công tác xây dựng Đảng còn không ít hạn chế, khuyết điểm. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, giảng dạy và học tập Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh chưa đáp ứng yêu cầu. Nội dung sinh hoạt Đảng ở nhiều nơi còn đơn điệu, hình thức, hiệu quả chưa cao. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của không ít tổ chức Đảng còn thấp, thậm chí có nơi mất sức chiến đấu. Công tác tổ chức, cán bộ và quản lý cán bộ, đảng viên còn yếu kém. Nhiều cán bộ, đảng viên, trong đó có người đứng đầu chưa thể hiện tính tiên phong, gương mẫu; còn biểu hiện quan liêu, cửa quyền, chưa thực sự sâu sát cơ sở. Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng chưa đủ sức răn đe, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái.

Công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng muốn có hiệu quả thiết thực, trước hết, phải gắn liền với phong trào quần chúng và phải dựa vào quần chúng.

Thông qua phong trào quần chúng, Đảng kiểm nghiệm, hoàn chỉnh và cụ thể hóa đường lối chính trị. Và cũng từ phong trào cách mạng của quần chúng, Đảng lựa chọn những người ưu tú kết nạp vào Đảng. Thực tiễn cách mạng cho thấy nơi nào có phong trào quần chúng mạnh mẽ thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị thì ở đó, tổ chức Đảng được phát triển và củng cố, cán bộ, đảng viên được rèn luyện và thử thách. Trái lại, công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng làm tốt thì phong trào quần chúng càng lớn mạnh. Quá trình phát triển và lớn mạnh của Đảng gắn liền với sự phát triển của xã hội và sự lớn mạnh của phong trào quần chúng. Phong trào quần chúng là cơ sở, là nguồn sống của Đảng, là mảnh đất tốt, từ đó Đảng lớn lên không ngừng.

Sức mạnh của Đảng và sự thắng lợi của cách mạng bắt nguồn từ chỗ Đảng luôn luôn gắn bó mật thiết với quần chúng nhân dân. Nhân dân ta vốn rất cách mạng, hết mực tin yêu và kính trọng Đảng. Mọi hành động của cán bộ, đảng viên đều có ảnh hưởng đến lợi ích của nhân dân. Vì vậy, quần chúng rất mong muốn và đòi hỏi được góp phần tham gia xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Hàng ngày, tiếp xúc với cán bộ, đảng viên, quần chúng hiểu được và đánh giá đúng hoạt động của các tổ chức Đảng, cán bộ và đảng viên. Dựa vào quần chúng và vận động quần chúng tham gia xây dựng và chỉnh đốn Đảng, nhất định sẽ nâng cao được sức chiến đấu của các tổ chức Đảng, củng cố sự liên hệ giữa Đảng và quần chúng, nâng cao uy tín của Đảng. Tham gia xây dựng và chỉnh đốn Đảng, quần chúng đấu tranh loại bỏ dần tệ quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng, tệ cường hào, gia trưởng, tệ tham nhũng, buôn lậu cùng những biểu hiện tiêu cực khác của một số cán bộ, đảng viên, ngăn chặn việc kết nạp những người không đủ tiêu chuẩn vào Đảng và phát hiện những phần tử cơ hội đang thao túng trong một số tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước. Cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng nhất định sẽ khẳng định vai trò và tác dụng tích cực của quần chúng nhân dân, của Mặt trận và các đoàn thể như Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ,...

Nét đặc sắc trong Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng và chỉnh đốn Đảng chính là mối liên hệ máu thịt giữa Đảng và nhân dân. Bác Hồ nói: “Nhân dân giúp xây dựng Đảng bằng cách: hiểu rõ Đảng, ủng hộ Đảng, hưởng ứng những lời kêu gọi của Đảng, ra sức cho Đảng rõ tình hình trong nhân dân, đối với công tác của Đảng thì thật thà phê bình và nêu ý kiến của mình”¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 8, tr. 281.

Để bảo đảm và phát huy kết quả của việc quần chúng tham gia chỉnh đốn Đảng, các cấp uỷ Đảng thực hiện tốt, có nền nếp, không làm chiếu lệ và hình thức việc tự phê bình của các tổ chức Đảng trước quần chúng và mở rộng chế độ quần chúng phê bình các tổ chức Đảng, cán bộ và đảng viên. Đối với những ý kiến phê bình đúng của quần chúng thì các tổ chức Đảng tiếp thu nghiêm túc và có biện pháp sửa chữa. Đối với những ý kiến không đúng thì phân tích và giải thích đầy đủ với thái độ thực sự “trọng dân” và có ý thức trách nhiệm.

Nhấn mạnh vai trò và tác dụng của quần chúng không có nghĩa là coi nhẹ sự hoạt động và sinh hoạt của các tổ chức Đảng và cũng không thể lấy phê bình của quần chúng thay thế cho tự phê bình và phê bình trong Đảng.

Từ Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Đảng, có thể vận dụng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay mấy vấn đề cơ bản sau đây:

Một là, xác định rõ mục đích của xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Hồ Chí Minh cho rằng, cách mạng là một quá trình luôn luôn vận động và phát triển, trong mỗi thời kỳ, giai đoạn cách mạng cụ thể đều có các mục tiêu, nhiệm vụ và phương pháp cách mạng khác nhau. Do đó, nếu Đảng không thường xuyên tự chỉnh đốn, tự đổi mới thì khi cách mạng chuyển sang giai đoạn mới sẽ không theo kịp với tình hình, và dẫn đến lúng túng trong xác định mục tiêu, nhiệm vụ và phương pháp cách mạng hoặc thiếu sự đoàn kết nhất trí cao trong Đảng. Mặt khác, để xứng đáng với một Đảng Mác xít chân chính, lãnh đạo sự nghiệp cách mạng đi đến thắng lợi hoàn toàn, đòi hỏi Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn, tự đổi mới để đảm bảo cho Đảng luôn thực sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Trong giai đoạn hiện nay, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đang ra sức chống phá cách mạng nước ta, chống phá Đảng với nhiều thủ đoạn tinh vi, điều đó dẫn đến một hệ quả là một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện, sa sút ý chí, phẩm chất, quan liêu, tham nhũng xa rời quần chúng,... Vì vậy, mục đích xây dựng chỉnh đốn Đảng hiện nay là để gột rửa tất cả những lỗi lầm, sai trái ấy, xây dựng Đảng ta thực sự trong sạch, lành mạnh là đạo đức, là văn minh, củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng.

Hai là, nội dung xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải toàn diện.

Theo Hồ Chí Minh, xây dựng chỉnh đốn Đảng trước hết là chỉnh đốn tư tưởng cho cán bộ, đảng viên. Người chỉ giáo: “Cần phải nhất trí về tư tưởng, về hành động, về tình cảm. Đồng thời nhất trí về tình hình và nhiệm vụ, nâng cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng và trước nhân dân mà tăng cường đoàn kết nhất trí - đó là điều chính”¹. Theo Người, chỉnh đốn tư tưởng là nhằm nâng cao trình độ tư tưởng và chính trị của cán bộ, đảng viên, tẩy bỏ tư tưởng phi vô sản, thống nhất tư tưởng, hành động, đoàn kết để Đảng làm tròn nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang của mình.

Nội dung chỉnh huấn tư tưởng chủ yếu là: Học tập lý luận Mác - Lênin, học nghị quyết của Đảng, nâng cao tinh thần và đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân,... Cán bộ, đảng viên và quần chúng cần học lý luận cách mạng. Hồ Chí Minh chỉ dẫn cách học chủ nghĩa Mác - Lênin: “Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là học tập cái tinh thần xử trí mọi việc,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 14, tr. 187.

đôi với mọi người và đôi với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta, học để mà làm, lý luận đi đôi với thực tiễn”¹. Bài học mà Hồ Chí Minh rút ra là nắm được tinh thần và phương pháp cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin để vận dụng một cách sáng tạo vào thực tiễn cách mạng nước ta.

Cán bộ, đảng viên và quần chúng phải học, quán triệt, tổ chức thực hiện tốt nghị quyết của Đảng. Hồ Chí Minh nói về việc này như sau: “Thảo luận các văn kiện Đại hội Đảng là một dịp học tập tiến bộ. Mỗi đảng viên, mỗi chi bộ cần căn cứ vào những văn kiện đó, liên hệ với công tác thực tế của mình, để nâng cao tư tưởng, ý thức tổ chức và kỷ luật, đồng thời đẩy mạnh công tác tiến bộ hơn nữa. Vì mỗi đảng viên tốt, mỗi chi bộ tốt là Đảng được mạnh thêm một phần; còn đảng viên kém, chi bộ kém là những khâu yếu của Đảng”². Người căn dặn, thảo luận để thấm nhuần, nhất trí, cùng nhau quyết tâm thực hiện nghị quyết của Đảng, chống việc nói nghị quyết nhưng làm chưa đúng với nghị quyết, trống đánh xuôi, kèn thổi ngược”, mỗi người một cách, mỗi địa phương, đơn vị một kiểu.

Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân là một nội dung quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh về chỉnh đốn Đảng. Người nhấn mạnh: “Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”³.

Hồ Chí Minh chỉ ra rằng: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”⁴. Chỉnh huấn là thêm dịp tốt để giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Cán bộ, đảng viên phải nhận thức được rằng, Đảng không phải là tổ chức để thăng quan phát tài, vào Đảng để làm đầy tớ cho nhân dân chứ không phải là làm quan cách mạng. Hồ Chí Minh nhấn mạnh, Đảng ta là đảng lãnh đạo cách mạng, ngoài lợi ích của nhân dân, Đảng không có lợi ích nào khác. Người chỉ giáo cho cán bộ và đảng viên phải một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phải là đầy tớ hết sức trung thành của nhân dân. Hồ Chí Minh đưa ra chuẩn mực của đạo đức cách mạng: quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng, giữ vững kỷ luật, thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư,...

Người yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên phải lấy chuẩn mực trên để phấn đấu, rèn luyện mình. Có đạo đức cách mạng thì người cách mạng mới luôn chủ động và vững vàng trước mỗi tình huống, khó khăn không khuất phục, tiền bạc không chuyển lay, thành công không tự mãn. Người có đạo đức cách mạng thường có biểu hiện khiêm tốn, giản dị, “lo trước thiên hạ, hưởng sau thiên hạ”, lo hoàn thành nhiệm vụ cho tốt chứ không kèn cựa về mặt hưởng thụ, không công thần, không quan liêu, không kiêu ngạo, không hủ hóa.

Người cán bộ, đảng viên phải biết nâng niu, tu dưỡng đạo đức cách mạng, tuyệt đối không để cho chủ nghĩa cá nhân xâm lấn đánh bật đạo đức cách mạng. Để đạo đức cách

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 11, tr. 611.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 12, tr. 613.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 6, tr. 16.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 11, tr. 612.

mạng chiến thắng chủ nghĩa cá nhân thì mỗi cán bộ, đảng viên phải ra sức học tập tu dưỡng, tự cải tạo để tiến bộ mãi. Nếu không cố gắng để tiến bộ tức là thoái bộ, là lạc hậu. Mà thoái bộ và lạc hậu thì sẽ bị xã hội tiến bộ sa thải. Chinh huấn là cần thiết, là dịp tốt để cán bộ, đảng viên chấn chỉnh đạo đức tư cách của mình. Chinh đồn Đảng về mặt tư tưởng phải lấy nêu cao đạo đức cách mạng, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân làm căn bản.

Chinh đồn tổ chức là một nội dung quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh về chinh đồn Đảng. Tổ chức là sức mạnh của Đảng. Đảng sinh ra để tổ chức dân chúng làm cách mạng. Muốn tổ chức dân chúng thì trước hết Đảng phải là một tổ chức chặt chẽ nhất. Vì vậy, Hồ Chí Minh hết sức quan tâm đến công tác tổ chức của Đảng từ Trung ương đến cơ sở. Điểm xuất phát của tổ chức Đảng là chi bộ. Hồ Chí Minh cho rằng, “Chi bộ là nền móng của Đảng, chi bộ tốt thì mọi việc sẽ tốt. Cho nên các cô, các chú phải quan tâm đến việc xây dựng chi bộ, phải làm cho chi bộ trở thành “bốn tốt”. Phải làm thiết thực, đừng hình thức, đừng báo cáo sai”¹.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “cần phải ra sức củng cố các chi bộ, để tất cả các chi bộ trở nên thật sự là hạt nhân lãnh đạo của Đảng ở mọi bộ, mọi ngành, mọi nghề, mọi nơi”². Cùng với chi bộ, Đảng bộ các cấp, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị cũng cần được chinh đồn cả về cơ cấu, tổ chức, số lượng, chất lượng, đặc biệt là về lề lối, phong cách làm việc, cho phù hợp với tình hình, nhiệm vụ mới. Toàn Đảng phải kiên quyết chống quan liêu, tham ô, lãng phí, vô trách nhiệm,...

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước. Mỗi thời kỳ lịch sử cụ thể có đặc điểm, nhiệm vụ chính trị riêng nên cách thức lãnh đạo cũng phải khác. Việc điều chỉnh phương thức lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước để đảm bảo nền kinh tế, văn hóa - xã hội phát triển là hết sức quan trọng. Đó là một nội dung của các cuộc chinh đồn Đảng.

Khi có chính quyền, Đảng ta là đảng cầm quyền. Đảng cầm quyền bằng cách đề ra đường lối, chủ trương, chính sách lớn của sự phát triển đất nước, bằng cách tổ chức, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đường lối, chính sách; bằng cách đào tạo, bồi dưỡng, bố trí đội ngũ cán bộ cho cả hệ thống chính trị; bằng công tác kiểm tra; thông qua đội ngũ cán bộ đảng viên của Đảng trong hệ thống chính trị; bằng công tác kiểm tra mà thực hiện quyền lãnh đạo của mình.

Đảng cầm quyền nhưng không chuyên quyền, độc đoán; ngược lại, Đảng chú trọng phát huy dân chủ trong Đảng, trong xã hội. Đảng lãnh đạo, còn quản lý là chức năng của Nhà nước, nhân dân là người làm chủ. Ở Hồ Chí Minh, vai trò của Nhà nước, của nhân dân luôn được đề cao. Đường lối của Đảng phải xuất phát từ nhu cầu và nguyện vọng của nhân dân. Cán bộ, đảng viên phải “đi đúng đường lối quần chúng”, gắn bó với nhân dân. Dù trong hoàn cảnh nào, lúc thuận lợi cũng như khó khăn, Đảng không được xa dân, không quan liêu. Đó là phong cách lãnh đạo của Đảng.

Vai trò quản lý của Nhà nước cần được phát huy đúng với chức năng của nó. Nhà nước thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng thành luật pháp, chính sách và tổ chức quản lý đất nước.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 15, tr. 278.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 13, tr. 30.

Ba là, đổi mới phương pháp xây dựng, chinh đốn Đảng.

Trước hết thực hiện đúng nguyên tắc tự phê bình và phê bình. Hồ Chí Minh coi thực hiện đúng nguyên tắc này là phương pháp sắc bén nhất, chủ yếu nhất để chinh đốn Đảng. Tự phê bình là thật thà nhận, công khai nhận trước mặt mọi người những khuyết điểm của mình để tìm cách sửa chữa. Mục đích của tự phê bình là để sửa chữa, để tiến bộ. Nếu tự ái, không chịu thẳng thắn thừa nhận cái sai, cái dốt, cái kém của mình thì bản thân chẳng những mất uy tín, mà còn gây mất uy tín cho Đảng, cho tổ chức. Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, uy tín của người lãnh đạo là ở chỗ mạnh dạn thực hiện tự phê bình và phê bình, biết học hỏi quần chúng, sửa chữa khuyết điểm để đưa công việc ngày càng tiến bộ chứ không phải ở chỗ giấu giếm khuyết điểm và e sợ quần chúng phê bình. Tự phê bình phải thường xuyên. Người phân tích, chỉ dẫn một cách hình ảnh: “Ngày nào cũng phải ăn cho khỏi đói, rửa mặt cho khỏi bẩn, thì ngày nào cũng phải tự phê bình cho khỏi sai lầm. Tự phê bình phải thật thà. Khi tự mình kiểm điểm cũng như khi tự phê bình trước mọi người, có khuyết điểm gì nói hết, không giấu giếm chút gì. Phải tìm cho ra vì sao mà sai lầm. Sai lầm ấy sẽ thế nào? Dùng cách gì mà sửa chữa? Và phải kiên quyết sửa chữa”¹.

Coi tự phê bình và phê bình là công việc thường ngày, rất quan trọng, không làm không được, nhưng không làm một cách hình thức, không cường điệu nó lên, không hiểu sai và làm lệch lạc đi. Theo Người, tự phê bình là việc không dễ, nhưng phải quyết chí làm bằng được để nhằm tới nhiều mục tiêu của cách mạng: “Tự mình không đánh thắng được khuyết điểm của mình, mà muốn đánh thắng kẻ địch, tự mình không cải tạo được mình, mà muốn cải tạo xã hội, thì thật là vô lý. Vì vậy, người cách mạng nhất định phải thật thà tự phê bình và kiên quyết chữa khuyết điểm”².

Về phê bình, Hồ Chí Minh giải trình một cách dễ hiểu, ngắn gọn và mang tính triết lý sâu sắc: phê bình “tức là nói thật”, “thuốc đắng dã tật, nói thật thì được việc”; khuyết điểm cũng như một chứng bệnh, phê bình là thuốc để chữa các bệnh khuyết điểm. Muốn cách mạng thành công, ắt phải đoàn kết và tiến bộ; muốn đoàn kết càng chặt chẽ, tiến bộ càng nhanh chóng, thì mọi người phải sửa chữa khuyết điểm, phát triển ưu điểm, mà muốn được như thế thì không có cách gì hơn là thật thà phê bình để đoàn kết, tiến bộ, để có lợi cho công việc chung. Nguyên tắc phê bình là phải nhằm vào tư tưởng và công tác. Thái độ của người phê bình là phải đúng mực. Phải vạch rõ vì sao đồng chí mình có khuyết điểm ấy, nó sẽ có kết quả xấu thế nào, dùng phương pháp gì để sửa chữa. Tuyệt đối không nên nói mỉa mai, bới móc, báo thù. Không nên phê bình lấy lệ. Càng không nên “trước mặt không nói, soi mói sau lưng”. Phê bình là quyền lợi và nhiệm vụ của mọi người, là thực hành dân chủ. Cấp dưới có quyền phê bình cấp trên. Nhân dân có quyền phê bình cán bộ, phê bình chính quyền, Đảng và các đoàn thể. Phương pháp phê bình phải đường hoàng, chính đáng, quyết không nên viết thư giấu tên...

Chinh đốn Đảng, phải làm từng bước, có trọng tâm và cách thức tiến hành thích hợp. Bắt đầu từ chinh đốn cán bộ. Cán bộ cao cấp chinh trước. Chinh huấn cán bộ cao cấp do Trung ương trực tiếp lãnh đạo. Với cương vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 7, tr. 82.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 7, tr. 82.

Minh đã trực tiếp chỉ đạo và triển khai các đợt chỉnh huấn của cán bộ cấp cao. Chính từ trên xuống dưới, từ trong Đảng ra ngoài quần chúng. Trên đã mẫu mực thì dưới sẽ chỉnh tề. Đảng sáng trong thì xã hội sẽ tốt đẹp, đất nước phát triển nhanh và bền vững hơn. Mấu chốt của chỉnh đốn là cán bộ, trọng tâm của chỉnh đốn là chi bộ Đảng.

Từ cán bộ lãnh đạo cao cấp đến cán bộ chủ chốt ở địa phương, cơ sở thực hiện nghiêm túc chỉnh huấn, đảng viên và quần chúng noi gương làm theo. Chi bộ thực hiện chỉnh Đảng có kết quả thì chi bộ càng trong sạch, vững mạnh. Chính Đảng gắn với chỉnh đốn chi bộ, xây dựng chi bộ trong sạch, vững mạnh tức là chỉnh Đảng thành công.

Xây dựng và nêu gương người tốt, việc tốt, tổ chức tốt là một biện pháp để tuyên truyền, vận động chỉnh đốn Đảng.

Niềm tin của nhân dân hình thành từ mắt thấy, tai nghe, từ con người và việc làm cụ thể, từ tổ chức Đảng và cán bộ, đảng viên tốt. Niềm tin đó cực kỳ sâu sắc và bền lâu mà không có sự tuyên truyền nào có sức thuyết phục hơn sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên và tổ chức Đảng. Đảng ta mạnh mẽ bởi được dân tin, dân kính, dân ủng hộ. Để dân tin, dân kính, dân ủng hộ thì cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ cao cấp, cán bộ chủ chốt, phải gương mẫu trong công việc và cuộc sống. “Đảng viên đi trước, làng nước theo sau” - nhân dân ta thường nói như thế và Bác Hồ đã từng nhắc lại câu đó để nhắc nhở, cổ vũ, động viên tất cả cán bộ, đảng viên của Đảng.

Thực hiện tốt công tác kiểm tra, kỷ luật, khen thưởng cũng là một biện pháp chỉnh đốn Đảng. Hồ Chí Minh cho rằng, lãnh đạo mà không kiểm tra coi như không lãnh đạo. Chính đốn Đảng là công tác cực kỳ quan trọng, vì vậy phải có sự lãnh đạo, có kiểm tra sát sao. Kiểm tra để phát hiện được nhân tố tích cực, những nhân tố mới để nhân rộng, đồng thời phát hiện được hạn chế, khuyết điểm để khắc phục.

Tổ chức đảng cấp trên kiểm tra cấp dưới, cấp ủy kiểm tra cán bộ, đảng viên tiến hành chỉnh đốn. Bác Hồ và Bộ Chính trị trực tiếp chỉ đạo và kiểm tra việc chỉnh huấn đối với cán bộ cao cấp. Năm 1952, Bác Hồ viết: “Cán bộ quyết định mọi việc. Các đồng chí đều là cán bộ cao cấp, đều giữ những trách nhiệm quan trọng. Công việc thành hay là bại một phần lớn là do nơi tư tưởng đạo đức, thái độ và lề lối làm việc của các đồng chí”¹. Trung ương kiểm tra địa phương, địa phương kiểm tra đơn vị, cơ sở, nhân dân giám sát việc cán bộ, đảng viên thực hiện chỉnh đốn. Kiểm tra phải đúng nguyên tắc, quy chế. Sau khi kiểm tra phải có kết luận. Cá nhân, tổ chức có thành tích được tuyên dương, khen thưởng. Ngược lại, tổ chức và cá nhân mắc khuyết điểm thì cần xử lý đúng sai rõ ràng, tốt xấu phân minh, kiểm tra thật sự đạt yêu cầu, chỉnh huấn mới có kết quả.

Tiến hành đánh giá, rút kinh nghiệm trong công tác cũng là một phương thức chỉnh đốn Đảng. Trên cơ sở mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ và nội dung của cuộc chỉnh đốn, quy định chế độ báo cáo tình hình thực hiện chỉnh đốn ở Đảng bộ địa phương, ban, ngành và đơn vị cơ sở. Năm thông tin hằng tháng, hằng quý và năm về vấn đề đã làm được, đang làm và cả vấn đề không làm được; những khó khăn, thuận lợi, kinh nghiệm cụ thể. Yêu cầu báo cáo phải đúng thực tế, số liệu chính xác, có điển hình người tốt, việc tốt. Nhờ có báo cáo đánh giá tình hình chỉnh đốn thường xuyên ở cấp ủy đảng địa phương, ban, ngành, đơn vị cơ sở

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 7, tr. 415.

ấy mà Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng chỉ đạo sát công tác chỉnh đốn, uốn nắn kịp thời những yếu kém, lệch lạc, động viên, khích lệ những nhân tố tích cực, nhân rộng điển hình tốt, đưa chỉnh đốn đi đúng hướng, đạt được mục đích đặt ra.

Trong và sau cuộc chỉnh đốn Đảng, Trung ương và Hồ Chí Minh rất coi trọng việc tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm. Trong nhiều báo cáo tại các Hội nghị Trung ương và Báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng, Hồ Chí Minh đều dành một phần để đánh giá về chỉnh đốn Đảng, từ đó đề ra nội dung, nhiệm vụ của việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng tiếp theo.

Kết luận

50 năm đã qua kể từ ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh đi xa nhưng những tư tưởng của Người về xây dựng và chỉnh đốn Đảng vẫn còn nguyên giá trị. Hiện nay, trong bối cảnh đời sống chính trị quốc tế và trong nước diễn biến nhanh chóng, phức tạp, nhiều vấn đề mới về xây dựng đảng cầm quyền đang đặt ra cả về lý luận và thực tiễn đòi hỏi Đảng phải luôn phát huy cao nhất trí tuệ để kịp thời luận giải. Để làm tròn sứ mệnh vẻ vang và trách nhiệm nặng nề trước dân tộc, đưa sự nghiệp đổi mới đến thắng lợi, đòi hỏi Đảng phải luôn được xây dựng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thực sự đại diện cho trí tuệ, lương tâm của cả dân tộc. Do vậy, xây dựng và chỉnh đốn Đảng phải được coi là nhiệm vụ thường xuyên, vấn đề then chốt và bức thiết hiện nay. /.

GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA DI CHỨC HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG HIỆN NAY

*ThS. Nguyễn Thị Hà**

Trước lúc đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho nhân dân Việt Nam một tài sản vô giá, đó là bản *Di chúc* thiêng liêng, là sản phẩm được kết tinh từ một tâm lòng, một tâm hồn cao đẹp vì nước, vì dân. Bản *Di chúc* chỉ hơn 1.000 từ nhưng đã khái quát được nhiều nội dung to lớn, có ý nghĩa chính trị, lịch sử, văn hóa sâu sắc, là tài sản vô giá của Đảng ta, dân tộc ta, nhân dân ta. *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh chứa đựng nhiều giá trị lý luận, thực tiễn cách mạng quý báu về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chăm lo đời sống, hạnh phúc nhân dân, chăm lo cho các cụ phụ lão, các em thiếu niên, nhi đồng,... Trong phạm vi bài viết, tôi đề cập đến giá trị lý luận, thực tiễn của bản *Di chúc* đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay.

1. Những vấn đề mang tính nguyên tắc về xây dựng Đảng trong bản *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Khi nói về Đảng, Bác đã khái quát để chúng ta nhận thức, quán triệt sâu sắc và thực hiện những vấn đề mang tính nguyên tắc trong xây dựng Đảng:

Trong bản *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “*TRƯỚC HẾT NÓI VỀ ĐẢNG - Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng, một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác*”¹. “*Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân tộc ta.*”². Đoàn kết là một nguyên tắc, vừa là một nét đẹp truyền thống quý báu của Đảng ta, nhân dân ta, dân tộc ta. Dù trong điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi hay khó khăn, Đảng ta luôn là một Đảng đoàn kết, thống nhất về tư tưởng, chính trị, tổ chức, phải luôn trung thành với chủ nghĩa Mác – Lênin, tôn chỉ, mục đích của Đảng, với độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, với hạnh phúc của nhân dân. Đảng phải thấm nhuần lời căn dặn của Bác: “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết*”. Đoàn kết, thống nhất trước hết từ trong nội bộ Đảng, Đảng được tổ chức chặt chẽ, thống nhất và thật sự trong sạch, vững mạnh từ Bộ Chính trị, Trung ương Đảng đến tổ chức cơ sở Đảng (đảng bộ, chi bộ); đoàn kết thống nhất các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, mọi thành phần xã hội, mọi lứa tuổi, không phân biệt già trẻ, trai gái, giai cấp, mọi thành phần xã hội. Đoàn kết, thống nhất không chỉ trong Đảng, mà còn phải đoàn kết chặt chẽ ngoài Đảng, toàn xã hội, trong công nhân, nông dân, trí thức, trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam,... trong đó, Đảng Cộng sản Việt Nam phải là hạt nhân trung tâm đoàn kết, là nòng cốt lãnh đạo,

* *Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 621-622.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 622.

tổ chức; đoàn kết thống nhất trong cộng đồng quốc tế, trước hết là các đảng cộng sản, các phong trào công nhân, các tổ chức chính trị xã hội, nhân dân tiên bộ trên toàn thế giới, các dân tộc đang bị áp bức, bóc lột,... tạo sự đồng tình, ủng hộ trong các cuộc kháng chiến cũng như trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Hồ Chí Minh yêu cầu tất cả các đảng viên: “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”¹. Những người cộng sản, Đảng Cộng sản phải có chủ nghĩa làm cốt và giữ chủ nghĩa cho vững, nghĩa là phải được trang bị học thuyết lý luận; có cương lĩnh, mục tiêu chính trị rõ ràng, đúng đắn, kỷ luật nghiêm minh, làm cơ sở cho sự đoàn kết, thống nhất của Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần nhấn mạnh, tư tưởng, chính trị và hành động trong Đảng phải thống nhất. Đảng Cộng sản lãnh đạo và cầm quyền không thể có hoạt động chia rẽ, bè phái.

Một nguyên tắc rất quan trọng được Hồ Chí Minh nêu trong *Di chúc* là: “*Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi*”. Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng thực hành dân chủ trong *Đảng* nhằm phát huy trí tuệ, sáng kiến của tập thể và phòng ngừa những biểu hiện quan liêu, độc đoán, chuyên quyền, chủ quan duy ý chí. Vì vậy, những người đứng đầu các cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước cần phải luôn luôn lắng nghe ý kiến của các đồng chí, đồng sự, cấp dưới và nhân dân để cùng với Đảng đề ra chủ trương, quyết sách thích hợp. Dân chủ trong Đảng, trong tập thể lãnh đạo là yêu cầu hàng đầu trong thực hiện sự lãnh đạo. Đó là phương thức lãnh đạo và phong cách làm việc Hồ Chí Minh. Người căn dặn và cũng là đòi hỏi phải thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng. Dân chủ càng rộng rãi, càng tập hợp được những ý kiến đúng, sáng kiến hay để đi đến những quyết định tập trung đúng đắn. Tập trung trên cơ sở phát huy dân chủ, dân chủ hướng tới tập trung đúng đắn, vì vậy dân chủ và tập trung có mối quan hệ mật thiết và quyết định lẫn nhau. Phải phòng ngừa tập trung quan liêu; đồng thời, cũng phải nhận thức đúng đắn vấn đề dân chủ trong Đảng, tránh biểu hiện dân chủ cực đoan, ý kiến thiếu tinh thần xây dựng, thiếu ý thức tập thể. Tập trung dân chủ trong Đảng được thể hiện cả tư tưởng, chính trị, tổ chức. Đảng phải lấy chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng, Đảng phải có đường lối, cương lĩnh chính trị, điều lệ, mục tiêu cách mạng thống nhất để tổ chức Đảng, đảng viên tuân thủ và thực hiện. Về tổ chức, cơ quan lãnh đạo của Đảng, cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Đại hội Đại biểu toàn quốc, giữa hai nhiệm kỳ Đại hội là Ban Chấp hành Trung ương; ở các cấp cho đến chi bộ là đại hội nhiệm kỳ và giữa hai nhiệm kỳ đại hội là Ban Chấp hành Đảng bộ cấp mình, với nguyên tắc thống nhất cả ý chí, hành động theo tôn chỉ, mục đích, kỷ luật của Đảng một cách tự giác, nghiêm minh, bắt buộc mọi tổ chức Đảng, đảng viên phải phục tùng sự lãnh đạo của Đảng. Trước hết là Đại hội Đại biểu toàn quốc, Ban Chấp hành Trung ương, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phải phục tùng tổ chức, thiểu số phục tùng đa số, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Mỗi đảng viên đều có nghĩa vụ, quyền lợi, trách nhiệm bình đẳng như nhau, có chính kiến của mình trong Đảng, khi đã thành chủ trương, nghị quyết thì nhất nhất mọi tư duy, suy nghĩ, lời nói, hành động phải thống nhất theo chủ trương, nghị quyết của Đảng. Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng từ Trung ương đến chi bộ đều do dân chủ bầu cử lập ra, phải có

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 622.

nghĩa vụ, trách nhiệm trước Đảng về mọi hoạt động của Đảng, có thể bị kỷ luật, bãi nhiệm bất cứ lúc nào nếu vi phạm kỷ luật, không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Nguyên tắc tự phê bình và phê bình, Bác căn dặn, Đảng phải “*thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình*”. Đây một nguyên tắc, một quy luật phát triển, quyết định sự sống còn của Đảng, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng. Tự phê bình và phê bình đúng “chẳng những không làm giảm thể diện và uy tín của cán bộ, của Đảng. Trái lại còn làm cho sự lãnh đạo mạnh mẽ hơn, thiết thực hơn, do đó uy tín, thể diện càng tăng thêm”... Do đó, để thực hiện lời căn dặn của Hồ Chí Minh về thường xuyên và nghiêm chỉnh “tự phê bình và phê bình” và phải được tiến hành trên tinh thần “có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”, trong mọi hoàn cảnh, ở mọi cấp, mọi tổ chức Đảng phải thường xuyên nhìn thẳng vào sự thật, phải “có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó”¹ và “mỗi cán bộ, đảng viên hằng ngày phải tự kiểm điểm, tự phê bình, tự sửa chữa như mỗi ngày phải rửa mặt. Được như thế thì trong Đảng sẽ không có bệnh mà Đảng sẽ khỏe vô cùng”². Như vậy, Hồ Chí Minh yêu cầu, tự phê bình và phê bình phải tiến hành thường xuyên, kiên quyết, triệt để, trung thực, thẳng thắn, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Trong bản *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng. Phải thật sự cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”³. Đây cũng là một nguyên tắc, một nội dung quan trọng, xuyên suốt từ khi Đảng ra đời đến nay. Đó chính là bản chất cách mạng của Đảng ta, một đảng của giai cấp công nhân cầm quyền nhưng Đảng lại đại diện cho quyền lợi của nhân dân, dân tộc Việt Nam. Đảng mạnh là do cán bộ mạnh, chi bộ mạnh là do các đồng chí đảng viên hăng hái, gương mẫu. Do đó mỗi cán bộ, đảng viên phải nhận thức, thấm nhuần bản chất của Đảng để tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu, xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh về tư tưởng, chính trị, tổ chức, đạo đức.

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là một phẩm chất đạo đức gắn liền với hoạt động hằng ngày của mỗi người. Cần tức là lao động cần cù, siêng năng, lao động có kế hoạch, sáng tạo, có năng suất cao; lao động với tinh thần tích cực, tự giác, không lười biếng, không ỷ lại, không dựa dẫm. Kiệm tức là tiết kiệm sức lao động, thì giờ, tiền bạc của nhân dân, của Nhà nước và của bản thân; phải tiết kiệm từ cái to đến cái nhỏ, nhiều cái cộng lại thành cái to; “không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi”⁴, không phô trương hình thức, không liên hoan, chè chén lu bù. Tiết kiệm khác với bủn xỉn, Bác dạy cần và kiệm phải đi đôi với nhau, như hai chân của con người. Cần mà không kiệm thì làm từng nào xào từng ấy, không lại hoàn không. Kiệm mà không cần thì không tăng thêm, không phát triển được. Liêm tức là trong sạch, không tham lam, không tham ô, tôn trọng, giữ gìn của công, của dân,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 5, tr. 301.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 5, tr. 279.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 12, tr. 510.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 252.

không chiếm dụng của công làm của tư, sách nhiễu nhân dân. Không tham địa vị, không tham tiền tài, không tham sung sướng, không tham người tâng bốc mình. Vì vậy mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ hóa, chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ. Chính là không tà, thẳng thắn, đúng đắn. Đối với mình - không tự cao, tự đại, luôn chịu khó học tập cầu tiến bộ, luôn tự kiểm điểm để phát triển điều hay, sửa chữa điều dở của bản thân mình. Đối với người - không nịnh hót người trên, không xem khinh người dưới; luôn giữ thái độ chân thành, khiêm tốn, đoàn kết thật thà, không dối tra, lừa lọc. Đối với việc - để công việc lên trên, lên trước việc tư, việc nhà. Đã phụ trách việc gì thì quyết làm cho kỳ được, cho đến nơi đến chốn, không sợ khó khăn, nguy hiểm. Chí công vô tư tức là đem lòng chí công vô tư mà đối với người, với việc. Khi làm bất cứ việc gì cũng đừng nghĩ đến mình trước, khi hưởng thụ thì mình nên đi sau, phải lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ.

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là những phẩm chất đạo đức quan trọng đối với cán bộ, đảng viên. Đạo đức cách mạng là gốc, là phẩm chất nền tảng trong nhân cách người cán bộ. Đạo đức cách mạng của cán bộ được Hồ Chí Minh ví như gốc của cây, ngọn nguồn của sông suối. “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi đến mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”¹. Vì vậy, cán bộ, đảng viên phải thường xuyên bồi dưỡng đạo đức cách mạng.

Những nguyên tắc về xây dựng Đảng trong bản *Di chúc* đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập một cách toàn diện và sâu sắc. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng thể hiện trong *Di chúc* là sự kết tinh tư tưởng của Người và được hình thành, phát triển suốt trong toàn bộ quá trình người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam, thực sự có giá trị lý luận và thực tiễn có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn hiện nay.

2. Ý nghĩa đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay

Nhìn lại chiều dài lịch sử từ khi Đảng ta ra đời (3/2/1930) đến nay, 50 năm thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hơn 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, Đảng ta đã vững tay chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Tổng khởi nghĩa tháng Tám thành công đã đập tan ách thống trị của thực dân Pháp, phát xít Nhật lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, thống nhất đất nước cùng thắng lợi trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước đã xây dựng đất nước ổn định, phát triển bền vững, đời sống nhân dân ngày càng được nâng lên, quốc phòng, an ninh, đối ngoại được tăng cường, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Những thành tựu lớn mà cách mạng Việt Nam đạt được đều do sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng. Đảng ta luôn quán triệt sâu sắc và vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, thấm nhuần lời căn dặn sâu sắc của Bác trong *Di chúc*. Đặc biệt là lời căn dặn của Bác về xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là người đầy tớ trung thành của nhân dân, là hạt nhân đoàn kết, thống nhất trong Đảng, trong nhân dân, giữ vững, duy trì nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình, cán bộ, đảng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính Trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 5, tr. 253-252.

viên phải thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

Trong công cuộc đổi mới hiện nay, Đảng xác định “xây dựng Đảng là then chốt”, phải không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng để đáp ứng những yêu cầu mới. Ban Chấp hành Trung ương từ khóa VI đến khóa XII đã dành những hội nghị chuyên đề về công tác xây dựng chính đôn Đảng. Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI; Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII; Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII; Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII; Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.

Hiện nay, công tác xây dựng chính đôn Đảng không chỉ về tư tưởng, chính trị, tổ chức mà còn về đạo đức. Đại hội lần thứ XII của Đảng khẳng định, cùng với xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, còn xây dựng Đảng cả về đạo đức.

Phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của người cán bộ đảng viên trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thời gian qua đội ngũ cán bộ, đảng viên không ngừng nâng cao bản lĩnh, trí tuệ, nói đi đôi với làm, chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh, Điều lệ, Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt nguyên tắc đoàn kết thống nhất, tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, kiên quyết khắc phục sự suy thoái đạo đức cũng như những tiêu cực trong xã hội theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Ý thức phấn đấu cho chủ quyền dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên được nâng lên một bước. Những đạo lý của dân tộc như sống có tình có nghĩa, lá lành đùm lá rách,... được tiếp tục nhân rộng. Những việc làm thiết thực hướng về cội nguồn, về cách mạng và kháng chiến như tưởng nhớ các anh hùng dân tộc, quý trọng các danh nhân văn hoá, đền ơn đáp nghĩa những người có công, giúp đỡ đồng bào hoạn nạn,... đã trở thành phong trào sôi nổi, trong đó cán bộ Đảng viên luôn là những người gương mẫu, đi đầu, thực hiện đúng lời dạy của Bác “Đảng viên đi trước, làng nước theo sau”. Đa số cán bộ, đảng viên luôn có ý thức rèn luyện, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, gắn bó với Nhân dân, có ý thức phục vụ Nhân dân, tôn trọng dân được Nhân dân tin tưởng.

Bên cạnh đó, một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý có sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, tham ô, tham nhũng, xa rời quần chúng nhân dân... làm ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh của Đảng. Có nhiều nguyên nhân của thực trạng trên, nguyên nhân căn bản nhất là việc vi phạm các nguyên tắc lãnh đạo của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng, thoái hóa biến chất vi phạm phẩm chất, đạo đức cách mạng; sự chống phá của các thế lực thù địch, chúng tăng cường lợi dụng những hạn chế, khuyết điểm của Đảng ta để gây mất đoàn kết nội bộ, trong nhân dân dẫn đến “tự diễn biến, tự chuyển hóa”. Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng cũng đã chỉ rõ: Bốn nguy cơ mà Đảng ta chỉ ra vẫn còn tồn tại, có mặt diễn biến phức tạp. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tệ quan liêu tham nhũng, lãng phí chưa bị đẩy lùi. Để khắc phục tình trạng đó, Đảng ta đã ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hiện nay đang triển khai quán triệt, tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng chính đôn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Nghị quyết Trung

ương 4 khóa XII đã chỉ ra 9 biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống và nhóm giải pháp, trong đó có giải pháp: Xây dựng và thực hiện có hiệu quả nội dung xây dựng Đảng về đạo đức, trong đó chú trọng xây dựng hệ thống chuẩn mực các mối quan hệ của đảng viên với tổ chức Đảng và với nhân dân. Nghị quyết nhấn mạnh: Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị.

Di chúc là sự kết tinh những tư tưởng và tình cảm lớn, những điều hạnh phúc và nỗi day dứt lớn, những mong muốn và kỳ vọng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trước những vấn đề lớn của Đảng, của dân tộc và của nhân loại. Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, với tất cả lòng kính yêu mà toàn Đảng, toàn dân dành cho Người, *Di chúc* của Người đã đi vào thực tiễn sự nghiệp cách mạng của dân tộc một cách mạnh mẽ, sâu sắc. Trong thời kỳ đổi mới, trên phương diện xây dựng, chỉnh đốn Đảng, cán bộ, đảng viên phải thực hiện lời căn dặn của Người, đó là thực hiện tốt nguyên tắc đoàn kết thống nhất, tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, xây dựng phẩm chất, đạo đức cách mạng để Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh.

VẤN ĐỀ ĐẢNG CẦM QUYỀN TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*ThS. Trần Hải Hà**

Vấn đề Đảng cầm quyền trong điều kiện hiện nay tưởng chừng cũ nhưng lại rất mới, có tính thời sự không chỉ trong nước mà cả ở các quốc gia khác trên toàn cầu. Đảng cầm quyền không chỉ là nội dung, phương thức cầm quyền mà còn là năng lực cầm quyền của tổ chức Đảng đối với chính quyền và xã hội. Tưởng chừng như cũ là vì khái niệm Đảng cầm quyền đã có từ lâu trong nền chính trị thế giới, nhất là ở các quốc gia Tây phương, trong khoa học về chính trị, thậm chí ở Việt Nam, Đảng đã cầm quyền suốt hơn 70 năm qua từ năm 1945 đến nay. Mặt khác, nói vấn đề Đảng cầm quyền cũng rất mới, là vì trong suốt hơn 70 năm qua ở vị thế cầm quyền nhà nước và toàn xã hội, cũng còn có rất nhiều vấn đề đặt ra chưa được làm sáng và ít nhiều làm cho chúng ta lúng túng trên cả hai phương diện lý luận về đảng cầm quyền và thực tiễn hoạt động cầm quyền của Đảng. Điều này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định bằng những lời cuối cùng của đời mình trong *Di chúc* cách nay 50 năm trước (1969-2019): “*Đảng ta là một Đảng cầm quyền*”.

1. Vai trò của Đảng trong đấu tranh cách mạng

Trong việc tổ chức hoạt động cách mạng, nhất là quá trình đấu tranh giành chính quyền, giữ chính quyền và sử dụng chính quyền, vai trò của Đảng cầm quyền có một ý nghĩa hết sức hệ trọng. Ngay từ những ngày đầu xây dựng, tập hợp lực lượng và huấn luyện đội ngũ, Hồ Chí Minh đã chỉ ra rất rõ, muốn làm được cách mạng thì: “... trước hết phải có Đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt... Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam”¹. Quan điểm này hình dựa trên sự tiếp cận với nền chính trị của phương Tây trong quá trình tìm đường cứu nước, đặc biệt là khi Hồ Chí Minh tiếp thu tư tưởng của Lênin về đảng kiểu mới của giai cấp công nhân với bản dự thảo lần thứ nhất luận cương về những vấn đề dân tộc và thuộc địa. Từ đó, Hồ Chí Minh khẳng định tính chắc chắn, chân chính và tính cách mạng triệt để nhất là chủ nghĩa Mác - Lênin. Với nền tảng cơ sở lý luận đó đã giúp cho Hồ Chí Minh xây dựng phòng trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân kết hợp với phòng trào yêu nước để hình thành nên Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngay từ khi ra đời trên cơ sở hợp nhất các tổ chức cộng sản ngày 3/2/1930, Đảng đã nắm lấy quyền lãnh đạo cách mạng, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, trở thành nhân tố duy nhất đưa cách mạng Việt Nam giành được những thắng lợi to lớn trong suốt gần 90 năm qua (1930 – 2019).

* *Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 2, tr. 267-268

Hồ Chí Minh đã chỉ ra rất rõ nhiệm vụ và cũng là mục tiêu của Đảng ngay từ ngày đầu thành lập là: “lãnh đạo quần chúng lao khổ làm giai cấp tranh đấu để tiêu trừ tư bản đế quốc chủ nghĩa, làm cho thực hiện xã hội cộng sản”¹. Vì lẽ đó mà Người luôn giáo dục cán bộ, đảng viên của Đảng phải nhận thức một cách đầy đủ rằng: “Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng”² và “Đảng ta chỉ có một điều là phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, phục vụ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Ngoài ra, không còn có lợi ích nào khác”. Có như thế thì Đảng mới được “dân tin, dân phục, dân yêu”.

2. Đại đoàn kết – Sức mạnh của Đảng cầm quyền

Sức mạnh của Đảng không phải nằm ở chỗ tiềm lực quân sự hùng mạnh hay tiềm lực kinh tế to lớn, vì Đảng ra đời trong hoàn cảnh đất nước bị xâm lược làm thuộc địa nửa phong kiến và xuất phát điểm từ một nền nông nghiệp lạc hậu, tiểu thủ công. Chỉ có sức mạnh của ý chí với tinh thần đoàn kết toàn dân tộc, trên dưới một lòng vì độc lập của tổ quốc, vì tự do của nhân dân thì mới có thể giành được những thắng lợi. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Cái sức mạnh vô địch mà ta có thể thắng quân địch giành độc lập thống nhất là sự đoàn kết”, “Bất kỳ khó khăn gì, bất kỳ công việc to mấy ta đoàn kết đều làm được hết cả”, “Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công”. Vì vậy, Đảng phải trở thành trung tâm của khối đại đoàn kết để đoàn kết dân tộc, đoàn kết giai cấp, đoàn kết quốc tế. Trong *Di chúc* của mình, Hồ Chí Minh đã tám lần nhắc đi nhắc lại hai từ “*đoàn kết*” cho thấy tầm quan trọng và ý nghĩa của nó đối với vị thế, vai trò cầm quyền của Đảng trước giai cấp, nhân dân, dân tộc và quốc tế.

Trong *Sách lược vắn tắt* khi thành lập Đảng, Người chỉ rõ: “Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng”. Và để hiện thực hóa quan điểm, đường lối này thì cần phải vật chất hóa nó, biến nó thành lực lượng vật chất theo như nguyên lý mà Mác đã chỉ ra trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Tức là cần phải có tổ chức để tập hợp lực lượng. Tổ chức đó chính là *Mặt trận dân tộc thống nhất* với Đảng Cộng sản (vừa là thành viên của Mặt trận dân tộc thống nhất, vừa là lực lượng lãnh đạo Mặt trận) xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Quyền lãnh đạo Mặt trận không phải Đảng tự phong cho mình, mà là được nhân dân tự giác thừa nhận. Nhân dân ủy quyền cho Đảng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, trong đó có Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, song sự ủy quyền là có điều kiện: Đảng phải trung thành và phụng sự lợi ích của nhân dân và dân tộc, tôn trọng luật lệ của tổ chức do Đảng lập ra. Đảng so với các thành viên khác của Mặt trận Tổ quốc là bình đẳng, nhưng với tư cách là đội tiên phong cách mạng, Đảng được giai cấp, nhân dân và dân tộc thừa nhận là người lãnh đạo của mình. Chỉ có kiên trì nhận thức và hành động như vậy, Đảng mới thiết lập, duy trì và củng cố được mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân trên suốt chặng đường cách mạng lâu dài, anh dũng, gian khổ của dân tộc. Điều này đã được Hồ Chí Minh phân tích rất cặn kẽ: “Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hàng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 3, tr. 5.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 5, tr. 249.

Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo”¹. Nhờ sự xác định một cách đúng đắn những chủ trương và chính sách của công tác đoàn kết, tập hợp quần chúng nhân dân của mặt trận mà Đảng đã có thể hiệu triệu được những lực lượng hùng hậu cho các phong trào cách mạng đấu tranh giải phóng dân tộc. Người luôn căn dặn cán bộ, đảng viên làm công tác mặt trận: “Phải thành thực lắng nghe ý kiến của người ngoài Đảng. Cán bộ và đảng viên không được tự cao tự đại, cho mình là tài giỏi hơn mọi người, trái lại phải học hỏi điều hay, điều tốt ở mọi người”, đồng thời khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng: “Đảng ta là một Đảng lãnh đạo. Tất cả cán bộ và đảng viên dù ở cương vị khác nhau, cũng đều phải đoàn kết nhất trí để làm tròn nhiệm vụ của Đảng giao cho”².

Sức mạnh cầm quyền của Đảng hay nói cách khác là năng lực cầm quyền của Đảng không phải chỉ dừng lại ở việc xây dựng khối đoàn kết trong Đảng, sự tập hợp đoàn kết chặt chẽ gắn bó toàn dân tộc, bằng mà còn là sự gắn kết với bên ngoài. Đó là với bè bạn quốc tế, với các lực lượng dân chủ, tiến bộ và yêu chuộng hòa bình, phát triển. Nghĩa là, Đảng phải biết cách giải quyết các vấn đề dân tộc theo giá trị và chuẩn mực nhân loại; cách mạng Việt Nam chỉ có thể giành thắng lợi khi đoàn kết chặt chẽ với phong trào cách mạng thế giới. Vì vậy, Hồ Chí Minh trong suốt quá trình ra đi tìm đường cứu nước đã hướng về nhân loại và tìm thấy “hình của nước” trong tấm gương nhân loại. Nhờ vậy, Người được nhân loại yêu mến, khâm phục, giúp đỡ với tư cách là một nhà văn hóa lớn, là anh hùng giải phóng dân tộc.

Qua đó cho thấy, trong *Di chúc* của mình, Hồ Chí Minh quan tâm đến Đảng là trước hết nhưng quan tâm đến Đảng lại chính là sự quan tâm đến khối đại đoàn kết dân tộc, sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, sự đoàn kết gắn bó thống nhất giữa Nhân dân với Đảng là cơ sở cho những thành công, thắng lợi của cách mạng Việt Nam: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”³. Chính vì vậy mà “phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”⁴.

3. Đảng cầm quyền bằng đạo đức và pháp luật

Khi đã nắm được chính quyền, trở thành lực lượng lãnh đạo Nhà nước và toàn xã hội bằng sức mạnh vật chất của Nhà nước nghĩa là trở thành Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh đến đòi hỏi tất yếu quan trọng là: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”⁴. Người thường nhắc nhở các tổ chức Đảng và đảng viên: Đảng cầm quyền chứ không phải đảng trị, mọi cán bộ đảng viên của Đảng phải biết tôn trọng Nhà nước dân chủ nhân dân, gương mẫu chấp hành Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại luôn vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tiếp thu có chọn lọc những giá trị tinh

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 3, tr. 138.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 11, tr. 154.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 12, tr. 503.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 12, tr. 503-504.

hoa của nhân loại về nhà nước pháp quyền nhằm xây dựng, hoàn thiện Nhà nước. Chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân đã được khẳng định trong Hiến pháp năm 1946, tiếp đến là trong các Hiến pháp năm 1959, 1980, 1992 và Hiến pháp năm 2013. Mỗi bản hiến pháp là một dấu mốc quan trọng trong quá trình xây dựng, củng cố và hoàn thiện Nhà nước ta. Trải qua các thời kỳ cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân, Nhà nước ta không ngừng lớn mạnh, trưởng thành về mọi mặt, đã làm tròn sứ mệnh vẻ vang của mình trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội đã có bước đổi mới vừa bảo đảm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy trách nhiệm, tính chủ động của các cơ quan nhà nước. Bản chất giai cấp công nhân, tính dân tộc, tính nhân dân của Nhà nước được giữ vững và củng cố. Hệ thống quan điểm, nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước, xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân từng bước được hoàn chỉnh. Những thành tựu to lớn trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại,... trong hơn 30 năm đổi mới càng khẳng định tầm vóc to lớn về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Tuy nhiên, cho đến nay, trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, đời sống của nhân dân vẫn còn nhiều khó khăn. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đảng hiệu quả chưa cao, chưa tạo được sự lan tỏa lớn. Nhiều cán bộ, đảng viên, trong đó có lãnh đạo chủ chốt các cấp chưa xác định rõ trách nhiệm và chưa thật sự gương mẫu trong rèn luyện, giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống, tác phong, còn trục lợi, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Đặc biệt, có cán bộ cấp cao, cả đương chức và nghỉ hưu, đã vi phạm nghiêm trọng kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, gây dư luận xấu trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Để khắc phục những hạn chế của mình, đồng thời thực hiện thắng lợi công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, hơn lúc nào hết Đảng cần và phải nâng cao năng lực lãnh đạo của mình, nói cách khác là giữ vững được vị thế của Đảng cầm quyền, cần phải tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau: *Một là*, tiếp tục củng cố và mở rộng nền tảng xã hội của Đảng, giành được sự ủng hộ tuyệt đối của nhân dân. Đảng không chỉ phải làm tốt vai trò là người lãnh đạo, mà còn phải làm tốt bổn phận người đày tớ thật trung thành của nhân dân. *Hai là*, phòng, chống triệt để những biểu hiện quan liêu, độc đoán, chuyên quyền, cơ hội chủ nghĩa, bệnh kiêu ngạo cộng sản. Mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng quán triệt và thực hiện tốt chức trách và công việc được giao, kiên quyết đấu tranh phòng, chống các biểu hiện: “Miệng thì nói dân chủ, nhưng làm việc thì họ theo lối ‘quan’ chủ. Miệng thì nói ‘phụng sự quần chúng’, nhưng họ làm trái ngược với lợi ích của quần chúng”¹. Nếu lãnh đạo chỉ thiên về quyền lực “làm việc theo cách quan liêu. Cái gì cũng dùng mệnh lệnh. Ép dân chúng làm”², là đồng nghĩa với lãnh đạo thiếu văn hóa. Văn hóa cầm quyền của Đảng là phải “sao cho được lòng dân”, “Chính phủ là công bộc của dân”³.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 6, tr. 292.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 5, tr. 293.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 4, tr. 21.

GIỮ GÌN SỰ ĐOÀN KẾT THỐNG NHẤT CỦA ĐẢNG TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*ThS. Vũ Thị Hiền**

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn hết sức chú trọng tới đoàn kết. Người từng khẳng định rõ sức mạnh của đoàn kết: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công. Nhận thức đúng và thường xuyên giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng lại càng có ý nghĩa cực kì quan trọng đối với một Đảng cầm quyền. Trước lúc đi xa, Hồ Chí Minh đã căn dặn: “giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”¹. Vì vậy, nghiên cứu và vận dụng tư tưởng đoàn kết trong Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh có ý nghĩa quan trọng trong mọi quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam.

1. Nội dung

Tư tưởng đoàn kết được thể hiện rất rõ trong nhiều tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Số liệu thống kê cho thấy, có tới 839/1921 bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh có nói về đoàn kết, 1. 809 lần Người dùng từ đoàn kết, đại đoàn kết. Trong *Di chúc* của Người, có 7 lần nói về đoàn kết. Đoàn kết theo Chủ tịch Hồ Chí Minh là chiến lược, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt đường lối cách mạng Việt Nam. Đặc biệt, Người thường xuyên dành sự quan tâm rất lớn tới đoàn kết trong Đảng. Bởi đoàn kết trong Đảng chính là cội nguồn tạo nên sức mạnh chiến đấu của Đảng. Đoàn kết trong Đảng là tiền đề quan trọng để đoàn kết toàn dân, tạo nên sức mạnh to lớn đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi cuối cùng. Vì thế, Đảng phải thật sự đoàn kết, thống nhất, thật sự trong sạch vững mạnh. Bản thân Người là hiện thân hết sức sinh động của tinh thần đoàn kết dân tộc, đoàn kết trong Đảng. Bằng chính tấm gương trung với Đảng, trung với nước, hiếu với dân, đạo đức trong sáng, lòng thương yêu vô hạn với con người, thủy chung với bạn bè, sự thống nhất cao độ về tư tưởng và hành động của mình, Người đã cảm hóa, lôi cuốn và tập hợp được mọi người, cùng Đảng chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua thác ghềnh tới bến bờ vinh quang. Người đã góp phần tạo dựng nên “truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và dân ta”¹ – truyền thống đoàn kết.

Để “giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình” theo *Di chúc* Hồ Chí Minh cần chú trọng các vấn đề sau:

“Thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất”, theo Hồ Chí Minh, “để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng”².

Đề cao vai trò của tự phê bình và phê bình là cơ sở của sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng. Tự phê bình và phê bình trong Đảng cần

* *Trường Đại học Giao thông Vận tải – Phân hiệu tại Thành phố Hồ Chí Minh*

1. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP HCM, 2008, tr. 45.

2. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP HCM, 2008, tr. 45.

thiết đến mức được Người ví như “người ta luôn luôn cần không khí”¹. Đó cũng là một công việc thường xuyên như cơm ăn, nước uống, nhờ vậy có thể nhanh chóng phát hiện những khuyết điểm để khắc phục kịp thời. Người khẳng định “Muốn đoàn kết càng chặt chẽ, tiến bộ càng mau chóng thì mọi người phải sửa chữa khuyết điểm, phát triển ưu điểm. Mà muốn được như thế thì không có cách gì hơn là thật thà tự phê bình và phê bình”².

Thực tế hiện nay, trong sinh hoạt Đảng, tinh thần tự phê bình và phê bình của không ít cán bộ, Đảng viên rất hạn chế. Điều đó đã ảnh hưởng rất lớn tới sức chiến đấu của Đảng, tới đoàn kết trong Đảng. Báo cáo của Bộ Chính trị (Hội nghị Trung ương 6 lần 2) chỉ rõ: Sinh hoạt tự phê bình và phê bình nhiều nơi không thành nề nếp, nơi thực hiện thì còn rất hình thức, kém hiệu quả. Tự phê bình rất yếu, thiếu tinh thần tự giác. Tình trạng phổ biến là xuề xòa, thỏa hiệp, đặc biệt thường né tránh các vấn đề về nhận thức, quan điểm, đường lối và thực hiện các nguyên tắc tổ chức của Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu. Có thể có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên như: ảnh hưởng bởi đặc điểm tâm lý truyền thống của người Việt Nam “một sự nhịn là chín sự lành”, hoặc “đấu tranh, tránh đầu”... Một số cán bộ, Đảng viên còn do lợi ích cá nhân nên không dám thẳng thắn tự phê bình và phê bình. Mặt khác, cũng cần phải thấy sự biến đổi nhanh chóng của hệ thống định hướng giá trị hiện nay đã gây ra nhiều khó khăn trong đánh giá, nhận xét lẫn nhau. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả của tự phê bình và phê bình, từ đó tạo nên sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, cần giáo dục cho cán bộ, Đảng viên nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của tự phê bình và phê bình – động lực phát triển của Đảng, nguyên tắc, chế độ thường xuyên trong tổ chức và sinh hoạt Đảng. Đó cũng là trách nhiệm chính trị, quyền lợi và nghĩa vụ của cán bộ, Đảng viên. Mỗi người trên cương vị công tác của mình phải có động cơ, thái độ đúng đắn, tích cực tìm ra cách thức tự phê bình và phê bình phù hợp.

“Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi”³

Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nhấn mạnh: đoàn kết trong Đảng phải dựa trên nền tảng tư tưởng Chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối quan điểm của Đảng, trên cơ sở các nguyên tắc, nhiệm vụ của người Đảng viên. Điều đó sẽ tạo nên sự thống nhất cả về tư tưởng và hành động trong Đảng. Người cho rằng: tập trung trên nền tảng dân chủ. Dân chủ dưới sự chỉ đạo của tập trung. Nói tóm lại, để làm cho Đảng vững mạnh thì phải mở rộng dân chủ (thật thà tự phê bình và phê bình), thực hành lãnh đạo tập trung, nâng cao tính tổ chức, tính kỉ luật. Như vậy, với Chủ tịch Hồ Chí Minh, dân chủ phải đi đôi với tập trung, đi đôi với kỉ luật, khi đó dân chủ mới thật sự có tác dụng. Dân chủ trong Đảng được phát huy là điều kiện cơ bản để trí tuệ của mọi người được huy động, tính sáng tạo được nâng cao.

Thực tế, ở một số tổ chức Đảng hiện nay có tình trạng dân chủ bị coi nhẹ, hoặc dân chủ chỉ là hình thức, đề cao vai trò cá nhân nên dẫn tới độc đoán, vi phạm dân chủ. Đây là vấn đề cần phải được nhanh chóng loại trừ và khắc phục mới có thể tạo ra được sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Mọi Đảng viên cần nhận thức rõ nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Đoàn kết nhất trí trong Đảng không phải sự đoàn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 6, tr. 242.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 6, tr. 242.

3. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP HCM, 2008, tr. 45.

kết xuôi chiều, trái lại đoàn kết được xây dựng trên cơ sở đấu tranh để đi đến thống nhất về tư tưởng, hành động. Vì vậy, nhất thiết phải mở rộng dân chủ. Mở rộng dân chủ đi đôi với việc đề cao tính tổ chức, tính kỷ luật, điều đó phải luôn luôn được giữ vững trong sinh hoạt và hoạt động của Đảng.

“Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”¹.

Trong nhân cách của người cán bộ, Đảng viên đạo đức cách mạng có vị trí cực kì quan trọng. Hồ Chí Minh luôn coi trọng vấn đề rèn luyện đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, Đảng viên. Chính vì thế, Hồ Chí Minh là người bàn nhiều về đạo đức cách mạng. “Đức là gốc” là quan điểm cơ bản, xuyên suốt và nhất quán trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Theo Người, đạo đức không chỉ là gốc, là nền tảng, là nhân tố chủ chốt của người cách mạng mà còn là thước đo lòng cao thượng của con người. Người chỉ rõ, cán bộ, Đảng viên phải thực sự là những người mẫu mực về đạo đức, nói đi đôi với làm, có như vậy mới có thể thuyết phục, lôi kéo, cảm hóa những người khác đi theo mình, tạo nên sự đoàn kết, thống nhất trong các tổ chức của Đảng. Đạo đức cùng với chính trị tư tưởng luôn được coi như phẩm chất hàng đầu của người cán bộ, Đảng viên.

Hiện nay, sự xuống cấp và suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của một bộ phận cán bộ, Đảng viên trong đó có cả những người có chức, có quyền dẫn đến tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, những nhiễu nhương, trái với chuẩn mực đạo đức cần kiệm liêm chính, chí công vô tư đang làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới niềm tin của nhân dân vào Đảng, trực tiếp phá hoại sự đoàn kết trong Đảng. Đó thực sự cũng là mảnh đất tốt để chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch tập trung chống phá, nhằm làm xói mòn, hạ thấp uy tín của Đảng, chia rẽ Đảng với nhân dân, chia rẽ chính nội bộ Đảng. Hơn bao giờ hết, cán bộ, Đảng viên phải thấy rõ trách nhiệm của mình, nghiêm túc, thẳng thắn tự nhìn nhận chính mình và tham gia một cách tích cực vào cuộc đấu tranh chống các biểu hiện vi phạm phẩm chất, đạo đức, tư cách của người đảng viên, thực hiện tốt các yêu cầu của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng. Thực hiện nghiêm túc quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, Đảng viên, trước hết là các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Chấp hành trung ương và Bí thư cấp ủy các cấp.²

“Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”³

Đoàn kết trong Đảng theo Chủ tịch Hồ Chí Minh phải dựa trên tình cảm cách mạng trong sáng, tình yêu thương hết lòng vì đồng chí, đồng đội của người cộng sản. Tình cảm cách mạng là một cơ sở không thể thiếu để cán bộ, Đảng viên gắn bó, đồng cam cộng khổ, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình hoạt động. Sức mạnh đoàn kết trong Đảng được tạo nên bởi tổ chức, tổ chức là sự kết nối chặt chẽ giữa các Đảng viên của Đảng. Theo Hồ Chí Minh, “hiểu chủ nghĩa Mác – Lênin tức là phải sống với nhau đầy tình nghĩa như vậy. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống với nhau không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ

1. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP HCM, 2008, tr. 45.

2. Quy định 08-QĐ/TU ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

3. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP HCM, 2008, tr. 45.

nghĩa Mác – Lênin được”¹. Thực tế, mất đoàn kết cũng đã diễn ra trong các tổ chức chỉ vì thiếu tình cảm cách mạng.

Tất cả các phẩm chất trên tạo ra khả năng quy tụ được đội ngũ cán bộ vừa có đức vừa có tài, tạo nên được khối đoàn kết thống nhất trong Đảng. Còn ngược lại sẽ là điều kiện thuận lợi để chủ nghĩa cơ hội, bè phái, cục bộ địa phương, lợi ích nhóm,... nảy sinh và phát triển.

2. Kết luận

Thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng luôn luôn được Đảng ta hết sức coi trọng và gìn giữ. Thấm nhuần sâu sắc tư tưởng “giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình” trong *Di chúc* Chủ tịch Hồ Chí Minh đòi hỏi mỗi cán bộ, Đảng viên của Đảng phải thường xuyên chăm lo, vun đắp cho đoàn kết trong Đảng, coi đó “là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta”².

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 668.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.

Ý NGHĨA DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG HIỆN NAY Ở VIỆT NAM

*ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền**

Hồ Chí Minh - một nhà yêu nước, một doanh nhân văn hóa, vị lãnh tụ kiệt xuất, thiên tài của dân tộc Việt Nam. Cuộc đời và sự nghiệp của Người đã để lại cho nhân dân Việt Nam và bạn bè quốc tế một di sản quý giá về tư tưởng, đạo đức và phong cách của một người cách mạng. Trong di sản ấy, phải kể đến bản Di chúc. Di chúc là tâm nguyện, tình cảm, ý chí, niềm tin, trách nhiệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với Tổ quốc, nhân dân và sự nghiệp cách mạng. Đây là văn kiện có giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại sâu sắc đối với cách mạng Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, trong đó có công tác xây dựng Đảng hiện nay.

1. Công tác xây dựng Đảng trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Nhân dịp sinh nhật lần thứ 75, ngày 10/5/1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh bắt đầu viết những dòng đầu tiên của bản Di chúc. Từ ngày 10/5/1965 đến lúc kết thúc viết Di chúc ngày 10/5/1969, Hồ Chí Minh nhiều lần chỉnh sửa, bổ sung và viết lại. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh lần đầu tiên được công bố trong Lễ tang của Người vào tháng 9/1969. Lúc này, vì những lý do nhất định nên một số vấn đề trong Di chúc chưa được công bố. Trong dịp kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) đã quyết định công bố toàn bộ các bản viết Di chúc của Người.

Trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập đến Đảng, đoàn viên thanh niên, nhân dân lao động, dự báo cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc Việt Nam, về phong trào cộng sản thế giới và một số việc riêng liên quan đến hậu sự của Người... Trong tất cả các vấn đề đó, bản Di chúc “trước hết nói về Đảng”¹, vì Đảng Cộng sản Việt Nam là tổ chức duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định đến mọi thắng lợi của cách mạng, cho nên sứ mệnh lịch sử của Đảng là rất vẻ vang nhưng trách nhiệm cũng rất nặng nề. Khi nói về Đảng thì vấn đề xây dựng Đảng giữ một vị trí vô cùng quan trọng trong bản Di chúc, Người coi đó là “công việc hàng đầu” của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sau một quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, tháng 2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ra đời. Là người có công lao to lớn trong việc sáng lập và rèn luyện nên Đảng, Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến công tác xây dựng Đảng để Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ trung thành của nhân dân.

* *Trường Đại học Tài chính - Kế toán*

1. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Một văn kiện lịch sử*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 58.

Khi nói về Đảng, đầu tiên, Di chúc nhấn mạnh vấn đề “đoàn kết” và đoàn kết trong Đảng được nhắc đến nhiều lần trong bản Di chúc. Bởi lẽ, theo Hồ Chí Minh “đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta”¹. Trải suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, tinh thần đoàn kết muôn người như một đã trở thành truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam. Từ khi có Đảng lãnh đạo, truyền thống đoàn kết toàn dân tộc ngày càng được chú trọng củng cố và phát huy cao độ. Theo Hồ Chí Minh: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này để thắng lợi khác”². Khẳng định này của Hồ Chí Minh đã nêu bật mục tiêu, lý tưởng, bản chất cách mạng và công lao to lớn của Đảng đối với sự nghiệp đấu tranh cách mạng của dân tộc Việt Nam. Mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng là vì nước, vì dân, vì độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đảng một lòng, một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc. Ngoài ra, Đảng không có lợi ích nào khác. Đảng mang bản chất giai cấp công nhân, thống nhất với lợi ích của dân tộc, của nhân dân. Từ đó, Đảng đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân đấu tranh; sức mạnh của nhân dân được tổ chức trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đã quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Như vậy, vấn đề đoàn kết trong Đảng chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trong suy tư, trăn trở của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi nói về Đảng. Trong Di chúc, vấn đề đoàn kết trong Đảng được Hồ Chí Minh đề cập một cách toàn diện và sâu sắc, là sự kết tinh tư tưởng của Người về vấn đề này, vốn được hình thành và phát triển suốt trong toàn bộ quá trình người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là những chỉ dẫn lý luận có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với thực tiễn xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay.

Đoàn kết nói chung và đoàn kết trong Đảng không tự nhiên mà có mà lại rất dễ bị suy yếu và mất đi. Vì thế, để Đảng ngày càng làm tốt hơn vai trò lãnh đạo của mình thì trong Di chúc, công tác xây dựng Đảng cần tập trung vào một số vấn đề sau:

Một là, phải tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng: “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mình”³. Phải xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong Đảng để làm nòng cốt cho việc xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong dân tộc, đoàn kết quốc tế; đồng thời phòng ngừa sự chia rẽ, bè phái, làm suy yếu và mất sức chiến đấu của Đảng. Cơ sở để xây dựng đoàn kết, thống nhất trong Đảng chính là đường lối, quan điểm của Đảng và Điều lệ Đảng. Đây là tiền đề tạo nên sự thống nhất về tư tưởng, tổ chức, từ đó thống nhất về hành động trong toàn Đảng, nhằm đưa đường lối, quan điểm của Đảng vào cuộc sống, biến các chủ trương của Đảng thành hành động cách mạng của quần chúng.

Hai là, phải phát huy dân chủ trong Đảng, tự phê bình và phê bình thường xuyên và nghiêm túc: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự

1. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Một văn kiện lịch sử, Sđd, tr. 58.

2. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Một văn kiện lịch sử, Sđd, tr. 58.

3. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Một văn kiện lịch sử, Sđd, tr. 58.

phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng”¹. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, vì sự phát triển và vững mạnh của Đảng, cần phải mở rộng dân chủ nội bộ Đảng để cán bộ đảng viên có thể tham gia bàn bạc các vấn đề hệ trọng của Đảng; thường xuyên thực hiện tự phê bình và phê bình với tinh thần trung thực, chân thành, thẳng thắn. Đó cũng chính là những vấn đề cơ bản thuộc về nguyên tắc tổ chức, hoạt động, quy luật phát triển của Đảng.

Ba là, thường xuyên rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”². Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, muốn hoàn thành tốt vai trò, nhiệm vụ, xứng đáng với dân tộc và nhân dân thì bản thân mỗi đảng viên phải làm tấm gương về đạo đức cách mạng và sự đoàn kết; ra sức làm tròn nhiệm vụ được giao; toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân. Đây chính là những yêu cầu cơ bản về đạo đức của cán bộ, đảng viên xuất phát từ bản chất cách mạng của Đảng, từ mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân. Đó cũng là chìa khóa dẫn tới sự thành công của cách mạng.

Bên cạnh công tác xây dựng Đảng, bản Di chúc cũng đặc biệt quan tâm đến sự lãnh đạo của Đảng đối với các nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam:

+ Về công tác đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ (đoàn viên, thanh niên): Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên””³. Đây là một nhiệm vụ rất quan trọng và cần thiết.

+ Về chăm lo đời sống nhân dân: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hoá, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”⁴. Đặc biệt, bản Di chúc còn đưa ra một số nhiệm vụ mà Đảng, chính quyền và nhân dân cần làm đối với từng bộ phận nhân dân... Điều này thể hiện sự quan tâm sâu sắc, cả đời vì dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bởi theo Người, trải qua quá trình lãnh đạo cách mạng và trưởng thành, Đảng được nhân dân tin yêu, tin nhiệm và một lòng vì Đảng, vì dân tộc để chống lại mọi kẻ thù. Chính vì vậy, để gìn giữ, củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân, để được nhân dân tin tưởng, nhiệm vụ của Đảng đó là phải chăm lo mọi mặt đời sống cho nhân dân.

+ Về cuộc kháng chiến chống Mỹ, thống nhất đất nước: Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định đây là một việc làm rất khó khăn, gian khổ nhưng Người tin tưởng vào sự thắng lợi cuối cùng của cách mạng, đất nước sẽ được thống nhất, Nam Bắc sum họp một nhà, giang sơn thu về một mối. Để làm được điều đó, Người cho rằng Đảng lãnh đạo nhân dân quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn. Và sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ thắng lợi, Đảng cùng với nhân dân mau chóng hàn gắn vết thương do đế quốc Mỹ gây ra⁵, “chuẩn

1. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Một văn kiện lịch sử, Sđd, tr. 58.

2. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Một văn kiện lịch sử, Sđd, tr. 58.

3. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Một văn kiện lịch sử, Sđd, tr. 58.

4. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Một văn kiện lịch sử, Sđd, tr. 58.

5. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Một văn kiện lịch sử, Sđd, tr. 51.

bị mọi việc để thống nhất Tổ quốc”¹. Đây là một công việc to lớn, khó khăn, đòi hỏi Đảng và Chính phủ phải có kế hoạch sẵn sàng, chu đáo, tránh bị động, thiếu sót và sai lầm; cần động viên, tổ chức, giáo dục, dựa vào sức mạnh vĩ đại của nhân dân.

+ Về phong trào cộng sản thế giới: Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đặc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình”². Gắn bó cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, tích cực góp phần vào thắng lợi của công cuộc giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng loài người khỏi mọi áp bức, bóc lột, bất công.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ của Đảng trước các vấn đề mà lịch sử đặt ra, đặc biệt là sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước sau ngày thống nhất - một “cuộc chiến đấu khổng lồ” đang mở ra phía trước thì công tác xây dựng Đảng lại càng có ý nghĩa sâu sắc và mang tính sống còn. Bởi thế, trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: Sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giành thắng lợi thì “việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng”³. Điều này cho thấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh coi công tác xây dựng Đảng đóng một vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp cách mạng của nước nhà. Theo Hồ Chí Minh, xây dựng Đảng không phải là biện pháp tình thế mà là nhiệm vụ tất yếu, thường xuyên để thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng, là sự vận động của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng. Đặc biệt hiện nay, trước yêu cầu xây dựng Đảng ngang tầm với nhiệm vụ lịch sử mới và trước thực trạng của Đảng Cộng sản Việt Nam thì nhiệm vụ xây dựng Đảng vừa là cơ bản, thường xuyên, lại vừa cấp bách.

2. Ý nghĩa của Di chúc trong công tác xây dựng Đảng hiện nay

50 năm đã trôi qua, thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, công tác xây dựng Đảng được Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt chú trọng, coi đó là nhiệm vụ then chốt trong giai đoạn cách mạng mới - cách mạng xã hội chủ nghĩa. Việc đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng Đảng được đặt ra và giải quyết trong nhiều nghị quyết của Đảng. Vì thế, Đảng Cộng sản Việt Nam không ngừng được xây dựng, củng cố cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, từng bước ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực; từng bước đổi mới tư duy lý luận, tổng kết thực tiễn, sửa chữa những khuyết điểm chủ quan, duy ý chí, nóng vội, thực hiện đổi mới từng phần để đi đến đổi mới toàn diện đất nước. Đây là bước tiến rất quan trọng trong xây dựng và chỉnh đốn Đảng cả về tư tưởng, lý luận, phát triển sáng tạo quan điểm, đường lối, chính sách, chỉnh đốn về tổ chức, cán bộ và phong cách lãnh đạo, làm việc. Ngoài ra, Đảng luôn chú trọng công tác giáo dục, bồi dưỡng, chăm sóc thanh thiếu niên, coi thanh niên là lực lượng xung kích, rường cột của nước nhà; thường xuyên chăm lo đời sống cho mọi tầng lớp dân cư, tạo điều kiện cho nhân dân phát triển toàn diện, có chính sách quan tâm đặc biệt đối với các đối tượng chính sách, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, xây dựng đường lối đối ngoại đoàn kết rộng mở, thực hiện đa phương hóa, đa dạng

1. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Một văn kiện lịch sử*, Sđd, tr. 53.

2. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Một văn kiện lịch sử*, Sđd, tr. 59.

3. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Một văn kiện lịch sử*, Sđd, tr. 51.

hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng,... Nhờ vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cách mạng Việt Nam giành được nhiều thắng lợi trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Bên cạnh đó, công tác xây dựng Đảng vẫn còn có những khuyết điểm, hạn chế: “Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng, tập trung vào số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước”¹. Ngoài ra, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của một số cán bộ, đảng viên chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở Đảng còn yếu,... Đây là một vấn đề gây nhức nhối trong xã hội; làm giảm sút vai trò lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; làm tổn thương tình cảm và suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng; là một nguy cơ trực tiếp đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ.

Hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đang đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về “Tăng cường chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến, tự chuyển hóa” trong nội bộ” với quan điểm nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá đúng sự thật; kết hợp giữa “xây” và “chống”, “xây” là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược lâu dài, “chống” là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách và Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” nên công tác xây dựng Đảng ngày càng được nhận thức đúng đắn và có hành động thiết thực, hiệu quả.

Năm 2019, toàn Đảng và nhân dân Việt Nam kỷ niệm 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Những lời căn dặn của Người trong bản Di chúc dù rất ngắn gọn nhưng rất dễ hiểu và mang đầy ý nghĩa lớn lao. Ngày nay, trước yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế đã, đang và sẽ đặt ra nhiều vấn đề đối với công tác xây dựng Đảng. Thực hiện lời di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bản Di chúc, trong thời gian tới, để Đảng Cộng sản Việt Nam vững mạnh, ngang tầm với những đòi hỏi của nhiệm vụ thời kỳ mới, theo tác giả công tác xây dựng Đảng cần tập trung vào một số giải pháp sau:

+ Một là, đẩy mạnh xây dựng sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Vấn đề này được Hồ Chí Minh đề cập đầu tiên và nhiều lần nhấn mạnh khi nói về công tác xây dựng Đảng trong Di chúc. Đây là nhân tố quyết định sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng. Trong tình hình hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam phải luôn kiên định con đường xã hội chủ nghĩa; trung thành và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với điều kiện thực tiễn đất nước; giữ vững và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng; phê phán những nhận thức sai trái và nguy hiểm về chủ nghĩa đa nguyên chính trị và chế độ đa đảng; kiên quyết đấu tranh, ngăn ngừa sự suy thoái về tư tưởng chính trị, biểu hiện ở sự phai nhạt lý tưởng cách mạng, thiếu niềm tin, sa sút ý chí chiến đấu, không hoàn thành nhiệm vụ được giao, đồng tình với những luận điệu sai trái của các thế lực thù địch.

+ Hai là, tiếp tục phát huy dân chủ, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình trong Đảng.

1. ĐCSVN: *Chỉ thị số 28-CT/TW của Ban Bí thư về “Nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng”*, 2019.

Làm tốt điều này sẽ phát huy được trí tuệ, sáng kiến của tập thể và phòng ngừa những biểu hiện quan liêu, độc đoán, chuyên quyền, chủ quan duy ý chí. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “Phải khéo tập trung ý kiến của quần chúng, hóa nó thành cái đường lối để lãnh đạo quần chúng”¹. Vì vậy, những người đứng đầu các cơ quan lãnh đạo của Đảng cần phải luôn lắng nghe ý kiến của các đồng chí trong tổ chức và nhân dân để từ đó đề ra đường lối, chủ trương thích hợp. Tập trung trên cơ sở phát huy dân chủ, dân chủ hướng tới tập trung đúng đắn. Dân chủ càng thực hiện rộng rãi thì càng tập hợp được những ý kiến đúng, sáng kiến hay để đi đến những quyết định tập trung đúng đắn. Đồng thời, cũng phải nhận thức đúng đắn vấn đề dân chủ trong Đảng, tránh biểu hiện dân chủ cực đoan, ý kiến thiếu tinh thần xây dựng. Còn vấn đề tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển của Đảng, là cách tốt nhất để đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Vì vậy, cần tự phê bình và phê bình nghiêm chỉnh, thường xuyên để sửa chữa khuyết điểm, làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh và thống nhất về ý chí và hành động; phải để tự phê bình và phê bình trở thành một hành động tự giác và dựa trên tình đồng chí thương yêu lẫn nhau. Nếu không có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau thì tự phê bình và phê bình rất dễ rơi vào tình trạng “dĩ hòa vi quý”, bè cánh, che giấu khuyết điểm cho nhau hoặc ngược lại có thể gây ra đấu đá, bôi nhọ, lật đổ nhau...

+ Ba là, tăng cường xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có đạo đức cách mạng trong sáng và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng là cái gốc của người cán bộ; cán bộ là cái gốc của mọi công việc; muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém. Đạo đức cách mạng không phải trên trời rơi xuống mà do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mới có. Vì vậy, mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng; phải giữ gìn Đảng trong sạch, vững mạnh; xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ trung thành của nhân dân. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên được Hồ Chí Minh đặt lên trước hết, cốt lõi là “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”. Để rèn luyện, nâng cao đạo đức cách mạng, thì mỗi cán bộ, đảng viên cần phải suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng; ra sức làm việc, giữ vững kỷ luật, thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng; hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, chăm lo đến đời sống của mọi tầng lớp nhân dân, tạo điều kiện cho họ phát triển toàn diện, có như vậy mới phát huy tối đa sức mạnh của dân tộc trong việc thực hiện các nhiệm vụ của cách mạng; đặt lợi ích của Đảng, nhân dân lên trên lợi ích cá nhân, gương mẫu về mọi mặt; ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, luôn tự phê bình và phê bình để nâng cao tư tưởng, cải tiến công tác; đồng thời phải chống và quét sạch chủ nghĩa cá nhân, vì nó là nguồn gốc của mọi sai lầm, khuyết điểm và sự hư hỏng; ngăn ngừa, đấu tranh với tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống. Ngoài ra, cần xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, đạo đức, trí tuệ, uy tín và năng lực tổ chức, lãnh đạo cần thiết, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ lãnh đạo, nhất là đối với cán bộ lãnh đạo cấp cao. Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả chế độ kiểm tra, giám sát, cán bộ, đảng viên và kiểm soát quyền lực. Cần chú trọng xây dựng những giá trị chuẩn mực đạo đức trong Đảng, ra sức học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 5, tr. 298.

Chí Minh. Cần tiếp tục đẩy mạnh thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 21/1/2019 của Ban Bí thư về “Nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng”. Khi nói về đạo đức cách mạng, Di chúc cũng rất quan tâm đến việc giáo dục đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ. Vì vậy, Đảng cần phải chăm lo đào tạo, bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho họ, để họ đảm nhận tốt vai trò là chủ tương lai nước nhà.

+ Bốn là, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng. Bởi theo Điều 21, điểm 1, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa XI), tổ chức cơ sở Đảng (chi bộ cơ sở, Đảng bộ cơ sở) là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở. Vì vậy, để thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng thì các tổ chức cơ sở Đảng cần tiếp tục củng cố, kiện toàn mô hình tổ chức cơ sở Đảng gắn với việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy; đổi mới và thực hiện hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, phát huy tính tự giác, tinh thần trách nhiệm, thường xuyên học tập để nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức của cán bộ, đảng viên; coi trọng công tác dân vận. Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng ở cấp cơ sở, trọng tâm là nâng cao chất lượng ban hành, tổ chức thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, kế hoạch công tác hàng năm của cấp ủy. Phát huy vai trò của mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong việc xây dựng Đảng.

Vượt qua hình thức của một bản Di chúc thông thường, Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh có ý nghĩa to lớn, là bản chỉ dẫn quan trọng trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, thống nhất đất nước và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong giai đoạn hiện nay, việc nghiên cứu, vận dụng tư tưởng về xây dựng Đảng trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một việc làm hết sức cần thiết. Trong đó, cần chú trọng vấn đề giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng; mở rộng dân chủ, thực hiện tự phê bình và phê bình trong Đảng; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng; rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Việc xây dựng Đảng vững mạnh về mọi mặt, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng theo Di chúc của Hồ Chí Minh là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. /.

GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA DI CHỨC VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM HIỆN NAY

*ThS. Trần Bá Hiệp**

Căn cứ theo quy định tại Điều 624 Bộ luật Dân sự năm 2015, *Di chúc* được hiểu là văn bản hoặc lời nói thể hiện ý chí, nguyện vọng của một người trong việc định đoạt tài sản, chuyển dịch quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản cho người khác sau khi chết. Cách đây 50 năm, Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ thiên tài và vô vàn kính yêu của dân tộc trước khi đi xa, Người cũng đã để lại cho nhân dân ta, Tổ quốc ta một bản *Di chúc* vô giá – là tài sản, bảo vật chung của cả dân tộc Việt Nam. *Di chúc* là một trong 5 tác phẩm bất hủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận bảo vật quốc gia đợt 1 (năm 2012)¹. Cùng với thời gian, chúng ta ngày càng nhận thức sâu sắc hơn về giá trị lý luận và thực tiễn của bản *Di chúc* mà Người để lại cho hậu thế, nhất là đối với công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay.

Nội dung xây dựng Đảng trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh

“Tài liệu tuyệt đôi bí mật” được Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi thảo nhân dịp mừng 75 tuổi của Người (tháng 5/1965) và qua một số lần sửa chữa, bản *Di chúc* được hoàn chỉnh vào tháng 5 năm 1969. Bản *Di chúc* là sản phẩm kết tinh tư tưởng, đạo đức và tâm hồn cao đẹp của Hồ Chí Minh. *Di chúc* trở thành nguồn động viên, cổ vũ to lớn, là chỉ dẫn quan trọng, để quân và dân ta tiến lên giành những thắng lợi vĩ đại trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội; là những chỉ dẫn cơ bản về đường hướng phát triển của cách mạng Việt Nam trong các giai đoạn tiếp theo.

Trong *Di chúc*, nội dung được đề cập trước hết và mang nặng sự lo âu, trăn trở của Bác là khi nói về Đảng, bởi vai trò và tầm quan trọng của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, với cương vị của một Đảng cầm quyền. Những điều Người nói về Đảng tập trung vào những vấn đề lớn gồm: đoàn kết, nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình, sự thấm nhuần đạo đức cách mạng. Chiều sâu của tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện trong *Di chúc* chính là ở chỗ: Người đã chọn ra vấn đề cốt lõi trong hàng loạt vấn đề cần giải quyết và đã chỉ ra phương pháp giải quyết tối ưu để đưa tới sự chuyển biến cho thực tiễn cách mạng. Trong chiều sâu tư tưởng đó sáng lên quan điểm: “chỉ có thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên mới đi tới sự thống nhất về tư tưởng và sự thống nhất tư tưởng đó là cơ sở vững chắc cho thống nhất trong tổ chức và hành động của toàn Đảng. Cũng trên cơ sở thống nhất tư tưởng thì việc tự phê bình và phê bình mới có căn cứ rõ ràng cho sự nghiêm

* Trường Đại học Lao động – Xã hội (CS II), TP. HCM

1. Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch: *Hồ Chí Minh và 5 bảo vật quốc gia*, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2014, tr. 3.

chính. Đồng thời, đó cũng là cơ sở đúng đắn cho tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”¹. Có thể nói, *Di chúc* là tác phẩm duy nhất Chủ tịch Hồ Chí Minh sử dụng chính thức khái niệm “Đảng cầm quyền” với các tiêu chí cụ thể như là các phẩm chất sống còn của Đảng: Đoàn kết thống nhất; vì nhân dân, hết lòng hết sức phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc; thực hành dân chủ rộng rãi; tự phê bình và phê bình nghiêm chỉnh; thâm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư². Người đặc biệt nhấn mạnh đến trọng trách lịch sử của Đảng, tính tiên phong gương mẫu và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trước Đảng, trước nhân dân.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, bên cạnh số đông đảng viên mẫu mực, vẫn còn một bộ phận không nhỏ đảng viên chưa thật vững mạnh, trong sạch về phẩm chất, thậm chí xa cách nhân dân, có tư tưởng làm quan cách mạng; chính vì vậy, cần chỉnh đốn để loại bỏ những lỗi lầm, sai trái. Người nhắc lại, chính nhờ sự đoàn kết, đồng lòng, vì mục tiêu phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân đã giúp Đảng ta lớn mạnh, góp phần tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh, tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác và Người yêu cầu “các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”. Đồng thời, Người cũng nhắc nhở trong Đảng cần thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết thống nhất trong của Đảng và “Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thâm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”³. Trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn Đảng ta: Điều trước hết là vấn đề xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ đảng viên và việc phải làm trước tiên là chỉnh đốn Đảng để Đảng luôn hoàn thành trách nhiệm của mình trước nhân dân. Những lời căn dặn ấy của Người trước lúc đi xa, nếu soi vào quá trình xây dựng Đảng suốt 50 mười năm qua của Đảng ta, có thể thấy đó là những lời dạy nghiêm khắc, ân cần, nhất là trong giai đoạn nước ta đang nỗ lực xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, đạo đức và văn minh.

Công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời gian qua – những bài học từ *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Thực hiện *Di chúc* của Bác, trong suốt nửa thế kỷ qua, Đảng ta luôn tập trung vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi đó là nhiệm vụ chính trị then chốt. Nét nổi bật trong công tác xây dựng Đảng là Đảng chú trọng đến việc củng cố, giữ vững và phát huy sự đoàn kết thống nhất trong Đảng; nguyên tắc tập trung dân chủ được phát huy và có cơ chế để thực hiện; các tổ chức cơ sở Đảng được chăm lo xây dựng trong sạch, vững mạnh, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu không ngừng nâng cao; đại bộ phận cán bộ, đảng viên luôn giữ được vai trò tiên phong, gương mẫu... Điều đó đã làm cho Đảng ta có đủ sức mạnh để lãnh đạo nhân dân vượt qua bao gian nan, thử thách, đưa cách mạng đi từ thắng lợi này đến

1. Phạm Hồng Chương: “Thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh: 45 năm nhìn lại và hướng tới tương lai”, *Tạp chí Cộng sản*, số 865 (11-2014), tr. 57.

2. Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch: *Hồ Chí Minh và 5 bảo vật quốc gia*, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2014, tr. 266.

3. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 24.

thắng lợi khác.

Đề đất nước có được những thành tựu to lớn về mọi mặt như ngày nay, Đảng đã thực hiện được nhiều nội dung theo đúng lời căn dặn của Người. Trong đó, Đảng ta luôn kiên trì thực hiện công tác xây dựng Đảng một cách sáng tạo, khoa học. Hiện nay, chúng ta đang tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII, “*Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ*” gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị “*Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”. Nhờ có các nghị quyết, chỉ thị mà cán bộ, đảng viên đã nhận thức đầy đủ hơn tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng và nhận diện rõ nét hơn những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ để tự soi, tự sửa. Để các nghị quyết, chỉ thị này đi vào cuộc sống, nhiều nơi có cách làm sáng tạo, như biên tập nội dung của nghị quyết, chỉ thị làm tài liệu nghiên cứu, học tập cho cán bộ, đảng viên; tổ chức hội thi tuyên truyền về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; các cơ quan báo chí mở chuyên trang, chuyên mục để tuyên truyền, thi viết về các gương người tốt, việc tốt, làm theo lời Bác,... Thực hiện theo di huấn của Người, nhiều mô hình về xây dựng Đảng đã ra đời và bước đầu mang lại hiệu quả thiết thực, như mô hình “Chi bộ bốn tốt”; “Chi bộ ba tốt, ba không”, “Đảng viên diu đất quần chúng”, “Làm việc theo chức trách, nêu gương trong hành động”, “Đề cao trách nhiệm, giữ nghiêm kỷ luật, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ”, “Mỗi ngày, mỗi cán bộ, đảng viên miêng nói một điều hay, tay làm mười việc tốt”, “Học Bác mỗi ngày”, “Lời Bác dạy ngày này năm xưa”,... Thông qua các mô hình này, những chuyển biến thật sự cả về nhận thức và hành động đã được tạo ra trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đặc biệt, trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực chỉ tính từ sau Đại hội XII của Đảng (tháng 1-2016) đến nay, trong hơn ba năm qua, hàng chục cán bộ cấp cao thuộc diện Trung ương quản lý đã bị xử lý kỷ luật do buông lỏng quản lý, rơi vào chủ nghĩa cá nhân và gây hậu quả nghiêm trọng. Đây là bước đột phá trong công tác xây dựng Đảng và của toàn hệ thống chính trị, góp phần quan trọng củng cố lòng tin của các tầng lớp nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Tuy nhiên, chúng ta cũng còn không ít những hạn chế, yếu kém cần phải ra sức khắc phục, nhất là trong công tác xây dựng Đảng như Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) của Đảng đã chỉ ra. Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, Đảng ta nêu cao dũng khí tự phê bình và phê bình, công khai nói rõ tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, kể cả ở cấp cao. Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) về “một số vấn đề cấp bách trong xây dựng Đảng hiện nay” đã làm rõ thực trạng đáng lo ngại đó đe dọa trực tiếp đến sinh mệnh của Đảng và sự tồn vong của chế độ. Đồng thời, chỉ ra nguyên nhân, xác định nhóm giải pháp trước mắt cũng như lâu dài đối với công tác xây dựng Đảng, đặc biệt là xây dựng Đảng về đạo đức. Văn kiện Đại hội XII của Đảng đã nêu bật tầm quan trọng, nội dung, biện pháp cần thiết trong xây dựng Đảng về đạo đức gắn liền xây dựng với chỉnh đốn Đảng. Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) chỉ ra 27 biểu hiện cần phải phòng, chống và ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển

hóa” trong nội bộ, để Đảng ta thật trong sạch, vững mạnh, mãi là đạo đức, là văn minh đang là tiêu điểm của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và là nhiệm vụ then chốt, hàng đầu của mọi nhiệm vụ hiện nay.

Từ thực tiễn công tác xây dựng Đảng trong thời gian qua cùng với việc nghiên cứu *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta có thể rút ra nhiều bài học quan trọng để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. *Thứ nhất*, tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, đặc biệt chú trọng sự nêu gương của những người đứng đầu trong các cơ quan Đảng, Nhà nước; kiên quyết đấu tranh chống lại các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch. *Thứ hai*, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, thường xuyên thực hành tự phê bình và phê bình, giữ gìn đoàn kết thống nhất, phát huy dân chủ; kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các hiện tượng tiêu cực khác. *Thứ ba*, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có đủ phẩm chất, đạo đức, có trình độ trí tuệ, có bản lĩnh, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, đặt lợi ích của Đảng, Tổ quốc và nhân dân lên trên hết. Cùng với đó là ngăn ngừa sự suy thoái, biến chất và loại bỏ những phần tử cơ hội, tham nhũng ra khỏi hàng ngũ của Đảng. *Thứ tư*, thật sự tôn trọng nhân dân, lấy nhân dân là đối tượng phục vụ. Thường xuyên xây dựng và củng cố mối liên hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân; phát huy vai trò và sức mạnh của nhân dân tham gia xây dựng Đảng.

Một số định hướng nhằm xây dựng Đảng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh ngang tầm nhiệm vụ theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Thứ nhất, đẩy mạnh việc xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, làm tròn trách nhiệm là đội tiên phong lãnh đạo sự nghiệp cách mạng trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0. Muốn vậy, hơn lúc nào hết, Đảng cần phải thay đổi phương thức lãnh đạo cho phù hợp với sự phát triển của bối cảnh mới, phải tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp, giữ vững và tăng cường bản chất cách mạng và tính tiên phong của Đảng, xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức, đổi mới phương thức lãnh đạo, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với nhân dân, bảo đảm cho Đảng đủ sức lãnh đạo sự nghiệp đổi mới của đất nước trong xu thế không ngừng phát triển.

Thứ hai, mỗi tổ chức Đảng phải ra sức tăng cường giáo dục toàn Đảng về lý tưởng cách mạng, đường lối, chính sách của Đảng; đổi mới và nâng cao chất lượng, chế độ sinh hoạt của chi bộ; tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhằm tạo chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động trong việc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến, tự chuyển hóa” trong nội bộ; góp phần thu hẹp “một bộ phận không nhỏ” cán bộ, đảng viên suy thoái.

Thứ ba, mỗi cán bộ, đảng viên trong nhận thức và hành động phải đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng, của nhân dân lên trên hết; thường xuyên rèn luyện, tu dưỡng đạo đức cách mạng, tính tổ chức và tính kỷ luật; đi sâu, đi sát thực tế, gần gũi, gắn bó với nhân dân, thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; thường xuyên nỗ lực cố gắng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn để phục vụ công việc, phục vụ nhân dân. Đồng thời, mỗi đảng viên cần tiếp tục học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Mỗi cán bộ, đảng viên hãy hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, biến quyết tâm thành hành

động, thành chất lượng và hiệu quả công việc.

Thứ tư, mỗi cán bộ từ cấp thấp đến cấp cao nên nghiêm túc tự nhận xét, không những chỉ thấy ưu điểm, mà phải thấy cả khuyết điểm của mình để ra sức khắc phục với tinh thần tự phê bình và phê bình nghiêm túc nhất như Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn trong *Di chúc*. Mỗi cá nhân phải phấn đấu không có khuyết điểm, nhưng khi đã có khuyết điểm thì kiên quyết tự phê bình và sửa chữa. Chỉ khi nào chúng ta thấy rõ khuyết điểm của mình, có quyết tâm sửa chữa, trở thành người đảng viên tốt, người cán bộ tốt, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư thì mới làm cho Đảng ta trong sạch, vững mạnh, được dân tin, dân phục, dân yêu. Chỉ có vậy, chúng ta mới có thể làm tốt công tác xây dựng Đảng theo di nguyện của Người trong *Di chúc*.

Thứ năm, các cấp ủy đảng cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, biểu dương những nơi làm tốt, phản ánh, nhân rộng những việc tốt, người tốt; đồng thời tích cực nhắc nhở, phê phán, uốn nắn những nơi chưa làm tốt. Tiếp tục gắn việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4, Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị với các nghị quyết, chỉ thị, quy định khác của Đảng với tinh thần kiên quyết, kiên trì, gắn giữa “xây” với “chống”; đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Chủ động và tích cực đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng.

50 năm qua, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã ra sức thực hiện những lời dạy của Người trong *Di chúc* thông qua việc giữ trọn trong tâm khảm và thực hiện bằng hành động 5 lời thề thiêng liêng được Tổng Bí thư Lê Duẩn đọc trong lễ truy điệu trước anh linh của Người. Chúng ta đã làm thỏa lòng mong ước của Người: “*Đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào*”, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, với Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Đại thắng mùa Xuân 1975. Cả dân tộc cùng chung sức, đồng lòng thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đặc biệt, hơn 30 năm đổi mới, chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử, uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao.

Thực hiện *Di chúc* của Bác, Đảng ta đã ra sức xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ, từ tổng kết thực tiễn để phát triển lý luận, nỗ lực tìm tòi nhận thức lý luận mới về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội Việt Nam trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

TRUNG VỚI NƯỚC, HIẾU VỚI DÂN – NỘI DUNG QUAN TRỌNG TRONG HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH CỦA NGƯỜI CÁN BỘ CÁCH MẠNG

*Đại úy - CN. Nguyễn Thị Hoài**
*CN. Huỳnh Ngọc Lương Huyền***

Mỗi thời đại, mỗi dân tộc đều có những vĩ nhân của mình. Nhưng hiếm thấy một vĩ nhân nào mà sự nghiệp với vận mệnh dân tộc, của Tổ quốc, gắn với lịch sử của thời đại như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người là vị anh hùng dân tộc vĩ đại của nhân dân Việt Nam, đồng thời là người chiến sĩ lỗi lạc của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Chủ tịch Hồ Chí Minh – vị lãnh tụ kính yêu của nhân dân Việt Nam đã rời xa chúng ta để trở về cõi vĩnh hằng, song tên tuổi của Người và những gì thuộc về Người còn sống mãi. *Người ra đi nhưng đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta một di sản vô cùng to lớn - đó là tư tưởng và tấm gương về đạo đức cách mạng của Người. Trong kho tàng di sản quý giá đó nổi lên phẩm chất sâu sắc, quan trọng có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn đối với nhân cách của con người đặc biệt là người cán bộ cách mạng đó là “hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phụng sự nhân dân, tận trung với nước, tận hiếu với dân”.*

1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về trung với nước, hiếu với dân của người cán bộ, đảng viên trong giai đoạn hiện nay

Nghiên cứu di sản tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, chúng ta thấy từ rất sớm Hồ Chí Minh quan niệm đạo đức cách mạng là gốc của người cách mạng. Theo Người, muốn làm cách mạng thắng lợi thì người cán bộ phải có đạo đức cách mạng. Người viết “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng, không có đạo đức cách mạng thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”¹. Trong đạo đức cách mạng của Hồ Chí Minh thì “Trung với nước, hiếu với dân” là phẩm chất đạo đức hàng đầu – hạt nhân cơ bản nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh (là phẩm chất bao trùm nhất và chi phối các phẩm chất khác). Do đó, khi rèn luyện đạo đức cách mạng thì “Trung với nước, hiếu với dân” trở thành nội dung quan trọng trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh của người cán bộ đảng viên, và tầng lớp nhân dân trong giai đoạn hiện nay.

Trong giai đoạn cách mạng mới, trước sự tấn công của các thế lực thù địch, sự tác động của mặt trái cơ chế thị trường và sự tác động của nhiều nhân tố phức tạp đã làm cho tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng bị phân hóa nghiêm trọng. Chuẩn mực giá trị đạo đức “Trung với nước, hiếu với dân” đang đứng trước những thách

* Đại học Nguyễn Huệ

** Đại học Nguyễn Huệ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 292.

thức mới, nhất là trong khi một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên sa sút về phẩm chất đạo đức, thoái hóa, biến chất, phai nhạt lý tưởng cách mạng đã và đang gây ra hậu quả nghiêm trọng. Có những người đã “tự diễn biến, tự chuyển hóa”, xa rời với truyền thống yêu nước của dân tộc, từ bỏ lý tưởng cách mạng, thay đổi lập trường và phản bội lại Tổ quốc và nhân dân. Không ít cán bộ, đảng viên, công chức thực hiện công vụ lại tự coi mình là người gia ơn cho dân, tự cho mình quyền đòi hỏi sự trả ơn của nhân dân, thậm chí có người coi công vụ của công chức là dịch vụ thị trường. Những hành vi đó khiến cho nhân dân bất bình, giảm sút lòng tin vào sự nghiệp của Đảng, vào chế độ.

Từ những lý do nêu trên, có thể nói phẩm chất “Trung với nước, hiếu với dân” trở thành nội dung quan trọng, cấp thiết có ý nghĩa nhất để rèn luyện đạo đức cách mạng đối với cán bộ đảng viên trong học tập tư tưởng và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh nói riêng cũng như trong rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của người cán bộ cách mạng nói chung.

2. Tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về trung với nước, hiếu với dân

Trước hết phải khẳng định “Trung với nước, hiếu với dân” trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh không phải là những điều mới được đặt ra, mà đó là những phẩm chất đạo đức vốn có từ xa xưa trong tư tưởng đạo đức truyền thống phương Đông nói chung và đạo đức truyền thống Việt Nam nói riêng.

Theo quan niệm cũ, chữ *trung* là đạo thờ vua, chữ *hiếu* là đạo thờ cha mẹ. Tuy đường đạo này có ưu điểm là răn dạy con người luôn biết tu dưỡng đạo đức cá nhân nhưng lại có nhiều yếu tố chật hẹp không phù hợp với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Vì thế qua các thời kỳ lịch sử, ông cha ta đã tiếp biến những khái niệm của Nho giáo, trước hết là chữ Trung, chữ Hiếu để chọn lọc, tiếp thu những mặt tích cực, gạt bỏ những mặt hạn chế từng bước bổ sung, phát triển ngày càng hoàn thiện khái niệm này cho phù hợp với tâm lý, cốt cách, điều kiện của con người Việt Nam.

Trên nền tảng truyền thống yêu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nâng ý nghĩa, phẩm chất của khái niệm trung ở đây là trung với nước, hiếu là hiếu với dân; cải biến, đổi mới thang giá trị cũ thành chuẩn mực giá trị đạo đức mới – đạo đức cách mạng ở phạm vi rộng lớn hơn. Đây là sự chuyển hóa hoàn toàn hợp với lôgic tiến hóa của lịch sử nên con người mới Việt Nam đã tiếp thu dễ dàng và sâu sắc chân lý đạo đức mới của Hồ Chí Minh.

Chuẩn mực đạo đức “Trung với nước, hiếu với dân” theo Hồ Chí Minh cũng chính là giá trị tư tưởng ái quốc, thương dân. Tuy nhiên Người chỉ rõ: Trung là trung với nước, là trung thành với lợi ích của quốc gia, dân tộc, với sự nghiệp đấu tranh cách mạng của Đảng, với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa... Nước ở đây với ý nghĩa “Dân là con nước, nước là mẹ chung”, là nước của dân, của toàn dân tộc chứ không phải của riêng ai, và chính mỗi người dân là những “chủ nhân” của đất nước. Mỗi quan hệ nước - dân, dân - nước mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, hòa quyện với nhau trong một thể thống nhất về trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi công dân với cộng đồng, quốc gia, dân tộc.

Theo Hồ Chí Minh, “hiếu” là hiếu với dân. Không phải chỉ là hiếu với cha mẹ mình như người xưa vẫn nói, mà là hiếu với nhân dân, với toàn dân tộc, vì “nước lấy dân làm gốc”, dân là “gốc” của nước. Với ý nghĩa này, Người khẳng định vai trò, sức mạnh thực sự của nhân dân. Do đó, là người cán bộ, là đảng viên cần phải tin dân, gần dân, quý dân, hiếu

dân, học dân, hỏi dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân, cái gì cũng bàn và giải thích cho dân hiểu, hòa mình với dân thành một khối; tổ chức vận động nhân dân thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước. Dem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho nhân dân. Cho dân biết, dân bàn, dân thực hiện, dân kiểm tra và dân quyết theo tinh thần trung cầu dân ý. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Bác Hồ từng chỉ rõ: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân... Trong xã hội không có gì tốt đẹp, vẻ vang bằng phục vụ cho lợi ích của nhân dân”¹; “Nhân dân ta từ lâu đã sống với nhau có tình có nghĩa như thế. Từ khi có Đảng ta lãnh đạo và giáo dục, tình nghĩa ấy càng cao đẹp hơn, trở thành tình nghĩa đồng bào, đồng chí, tình nghĩa năm châu bốn biển một nhà... đạo đức ngày nay cao rộng hơn: không phải chỉ có hiếu với bố mẹ, mà trung với nước, hiếu với dân”²; “Người kiên quyết cách mạng nhất lại là người đa tình, chí hiếu nhất. Vì sao? Nếu không làm cách mạng thì chẳng những bố mẹ mình mà hàng chục triệu bố mẹ người khác cũng bị đế quốc phong kiến giày vò. Mình không những cứu bố mẹ mình mà còn cứu bố mẹ người khác, bố mẹ của cả nước nữa... Chữ tình, chữ hiếu, cũng phải hiểu một cách rộng và hiểu như thế mới là đúng”³.

Như vậy, nước không đồng nhất với người đứng đầu đất nước, mặc dù người đứng đầu ấy là do dân bầu ra, và là một nhân vật tiêu biểu. Dân không phải là người để nhà cầm quyền sai khiến và chỉ bảo mà là người chủ của đất nước, tức là người trực tiếp hay gián tiếp bầu ra các cơ quan lãnh đạo và người lãnh đạo của các cấp để thay mặt mình quản lý công việc chung, đồng thời chịu sự kiểm tra và giám sát của mình. Cán bộ, đảng viên phải là “người đầy tớ” của nhân dân, tức là người phục vụ nhân dân, tuyệt đối không phải là “quan nhân dân để đê đầu cưỡi cổ nhân dân”. Tư tưởng “hiếu với dân” không còn dừng lại ở chỗ thương dân với tính chất là đối tượng cần phải dạy bảo, dẫn dắt, ban ơn mà là đối tượng phải phục vụ hết lòng. Bác nói: “Đã phụng sự nhân dân, thì phải phụng sự cho ra trò. Nghĩa là việc gì lợi cho dân, thì phải làm cho kỳ được. Việc gì hại cho dân, thì phải hết sức tránh”⁴. So với trước, quan niệm về nước và về dân trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đã hoàn toàn đổi khác.

Có thể nói từ chỗ trung với vua, hiếu với cha mẹ đến trung với nước, hiếu với dân là một cuộc cách mạng, một sự đảo lộn trong quan niệm đạo đức. Hồ Chí Minh đã gạt bỏ điều cốt lõi nhất trong quan niệm Nho giáo là lòng trung thành tuyệt đối với chế độ phong kiến mà ông vua là đại diện. Người không thể chấp nhận lòng trung thành tuyệt đối của nhân dân bị áp bức với kẻ áp bức mình. Hồ Chí Minh đã lật ngược học thuyết đạo đức cũ - đạo đức Nho giáo, xây dựng đạo đạo đức mới “như người hai chân đứng vững được dưới đất, đầu ngẩng lên trời”.

Bản thân Bác Hồ là một tấm gương trong suốt về trọn đời vì nước, vì dân. Kể từ lúc còn là người dân xứ thuộc địa ra đi tìm đường cứu nước cho đến lúc đã trở thành vị Chủ tịch đầu tiên của Nhà nước Việt Nam độc lập, trong con người Hồ Chí Minh luôn luôn thường

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 10, tr. 453.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 673.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 8, tr. 99.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 21.

trực bốn chữ “Yêu nước, thương dân” hay nói cách khác, Người luôn tận trung với nước, tận hiếu với nhân dân. Vì yêu nước, thương dân tha thiết mà ngay từ những ngày đầu tiên hoạt động trên đất Pháp, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã lấy tên là Nguyễn Ái Quốc - bản thân tên gọi là xuất phát từ lòng yêu nước mà thành. Yêu nước, thương dân đối với Người, lúc bấy giờ là đấu tranh cho nước nhà độc lập, tự do, dân ta được giải phóng khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân. Vì yêu nước, thương dân mà trong quá trình tìm đường cứu nước, nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc đã từ chủ nghĩa yêu nước chân chính, tiến lên nắm bắt những tư tưởng lớn của thời đại, bắt gặp chủ nghĩa xã hội và gắn kết chặt chẽ độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, mở ra con đường cho sự nghiệp cứu nước, cứu dân, đồng thời làm cho tư tưởng đạo đức yêu nước, thương dân càng thêm sâu sắc và phong phú hơn.

Ngay từ những ngày đầu - Khi Đảng ta được thành lập, Người luôn nhắc nhở: “Mỗi người đảng viên, mỗi người cán bộ từ trên xuống dưới đều phải hiểu rằng: mình vào Đảng để làm đày tớ cho nhân dân. Bác nhấn mạnh: “Làm đày tớ nhân dân chứ không phải là “quan” nhân dân”¹. Khi Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền, lãnh đạo toàn dân vừa kháng chiến vừa kiến quốc, dù ở đâu, làm gì, Người cũng chỉ tâm niệm một điều rằng: “Đảng ta là Đảng cách mạng. Ngoài lợi ích của nhân dân, Đảng ta không có lợi ích gì khác”², “Chính sách của Đảng và Chính phủ là phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân”³. Chính trong quá trình ấy, Người đã nêu tấm gương sáng về lòng “tận trung với nước, tận hiếu với dân”. Lòng trung, hiếu ở Người là nhất quán, trước sau như một. Ngay từ những ngày đầu ra đi tìm đường cứu nước, hướng tới mục tiêu độc lập cho Tổ quốc, cơm no áo ấm cho đồng bào, Người đã vượt qua bao khó khăn, thử thách. Trong lao tù của bọn thực dân, đế quốc, lòng kiên trung bất khuất, quyết tâm giải phóng dân tộc, cơm no áo ấm cho đồng bào càng được bồi đắp thêm. Khi đất nước giành được độc lập, Người “tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào”, không muốn “dính líu gì với vòng danh lợi” mà “chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”⁴.

Năm 1969, trong *Di chúc* để lại trước lúc đi xa, Bác viết: “Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”⁵. Hay những giây phút cuối cuộc đời, khi trên giường bệnh Người cũng chỉ lo cho dân cho nước. Mỗi lần Đại tướng Võ Nguyên Giáp vào thăm, câu đầu tiên Bác hỏi: Hôm nay miền Nam đánh thắng đâu? Cũng thời gian đó, tức tháng 8 năm 1969, trên các triền đê sông ở miền Bắc đã xảy ra một trận lũ rất lớn, mặc dù đang lâm bệnh nặng, Bác còn gọi đồng chí Bộ trưởng Bộ Thủy lợi là đồng chí Hà Kế Tân đến báo cáo tình hình và ân cần dặn dò, chỉ bảo động viên tổ chức giữ đê, bảo vệ dân, vượt lũ thắng lợi. Cho đến tận lúc trút hơi thở cuối cùng của cuộc đời Người vẫn chỉ lo cho nước, cho dân.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 13, tr. 10.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 12, tr. 435.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 178.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 187.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 615.

Qua tư tưởng và tấm gương đạo đức của Hồ Chủ tịch có thể thấy không có bất kỳ một sự tách rời nào giữa hai loại tình cảm yêu nước và thương dân, hay yêu Tổ quốc và yêu đồng bào. Bởi Tổ quốc và nhân dân (hay dân tộc) là một. Không có Tổ quốc nào không có nhân dân. Cũng không có nhân dân nào không có Tổ quốc của mình. Tổ quốc có độc lập thì nhân dân mới có tự do, hạnh phúc. Nhân dân có tự do, hạnh phúc thì độc lập của Tổ quốc mới vững bền. Điều đó đã được biểu thị rõ ràng trong quốc hiệu và tiêu ngữ của Tổ quốc ta: “Việt Nam dân chủ cộng hòa” nay là “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”. Với ý nghĩa đó, là một công dân, đặc biệt giữa trọng trách là người cán bộ cách mạng thì tiêu chí, phẩm chất đặt lên hàng đầu là trung với nước, hiếu với dân. Với tư tưởng trung với nước, hiếu với dân, Bác Hồ căn dặn cán bộ, đảng viên phải suốt đời hy sinh phấn đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng. Bác nói “điều chủ chốt nhất” của đạo đức cách mạng là “quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng”, là “tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân”, là trung với nước, hiếu với dân, hơn nữa là “tận trung, tận hiếu” thì mới xứng đáng “vừa là người lãnh đạo vừa là đày tớ thật trung thành của nhân dân”.

3. Học tập và làm theo tấm gương tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên hiện nay

Trên con đường phát triển đi lên của đất nước từ ngày có Đảng càng khẳng định, tư tưởng Hồ Chí Minh mãi mãi là ngọn đuốc soi đường trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Nghị quyết của Đảng qua các thời kỳ một lần nữa khẳng định giá trị to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh và tấm gương đạo đức trong sáng của Người. Năm 2006, Bộ Chính trị khóa X ban hành Chỉ thị số 06, ngày 7-11-2006 về tổ chức Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; Bộ Chính trị khóa XI ban hành Chỉ thị 03, ngày 14-5-2011 về tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; Nhằm tiếp tục nâng cao nhận thức ngày càng sâu sắc hơn những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; làm cho tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của đời sống xã hội, xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, ngày 15-5-2016, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Một lần nữa, Bộ Chính trị tiếp tục khẳng định đây là chủ trương lớn của Đảng ta, vừa mang tính cấp bách, vừa có ý nghĩa lâu dài. Theo đó, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội các cấp tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Coi đây là nội dung quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược đủ năng lực phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ. Các cấp ủy, tổ chức Đảng, cơ quan đơn vị đưa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh vào chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, nghị quyết của các cấp ủy, ... gắn với các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, với thực hiện nhiệm vụ chính trị và giải quyết các vấn đề bức xúc, nổi cộm

của từng địa phương, đơn vị.

Qua thực tiễn thực hiện các Chỉ thị của Đảng về học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh nói chung và phẩm chất trung với nước, hiếu với dân của người cán bộ nói riêng cho thấy bên cạnh những mặt tích cực với nhiều hành động, hoạt động thiết thực hiệu quả, vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập (như đã nêu phần đầu). Trong khuôn khổ bài tham luận tôi mạnh dạn đề xuất một số yêu cầu rút ra và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và quần chúng trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về trung với nước, hiếu với dân hiện nay như sau:

Một là, tiếp tục làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền một cách thường xuyên, sâu rộng trong toàn dân để mỗi người nhận thức sâu sắc và đầy đủ về truyền thống trung, hiếu của dân tộc, về những hy sinh to lớn của các thế hệ ông cha ta để chúng ta có được ngày nay, qua đó nâng cao tinh thần yêu nước, tự hào về truyền thống anh hùng của dân tộc, coi đó là lương tâm, trách nhiệm của mỗi người Việt Nam yêu nước nói chung và trách nhiệm, nghĩa vụ của người cán bộ, đảng viên nói chung trên cương vị vai trò là công bộc, đầy tớ trung thành của nhân dân nói riêng.

Thấm nhuần sâu sắc hơn nữa tư tưởng Hồ Chí Minh trong giáo dục, xây dựng phẩm chất đạo đức cách mạng cho cán bộ đảng viên, người lãnh đạo, quản lý ở nước ta hiện nay là yêu cầu đã và đang đặt ra cấp thiết, nhằm góp phần thực hiện thắng lợi Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” do Đảng ta phát động. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, phẩm chất đạo đức của người cán bộ lãnh đạo, quản lý được biểu hiện trước hết là trung với Đảng, trung với nước, hiếu với dân. Người cho rằng, điều chủ chốt nhất của đạo đức cách mạng là tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân, trong bất kỳ hoàn cảnh khó khăn nào cũng kiên quyết làm đúng đường lối, chính sách và nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, ra sức phấn đấu để thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, suốt đời phấn đấu, hy sinh cho mục tiêu lý tưởng của Đảng, vì hạnh phúc của nhân dân. Người cán bộ lãnh đạo, quản lý là người giữ cương vị rất quan trọng trong bộ máy của hệ thống chính trị càng cần có đức hy sinh cho Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân. Hồ Chí Minh chỉ rõ, vào Đảng là tự nguyện; nếu vào Đảng mà sợ hy sinh thì đừng vào hoặc khoan hãy vào, để khi nào rèn được đức hy sinh rồi hãy vào.

Hiện nay, việc giáo dục tuyên truyền phẩm chất trung với nước, hiếu với dân cần phải làm cho cán bộ lãnh đạo, quản lý nhận thức sâu sắc và quyết tâm thực hiện cho bằng được mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Trong điều kiện cơ chế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế, chúng ta cần nêu cao hơn nữa tinh thần độc lập dân tộc, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới chứ không phải lệ thuộc vào ngoại bang để “đánh mất” bản sắc văn hoá dân tộc. Đặc biệt, Đảng ta khuyến khích mọi người, kể cả cán bộ lãnh đạo, quản lý được làm giàu chính đáng theo pháp luật, chứ không phải làm giàu bằng tham nhũng, hối lộ, buôn lậu, trốn thuế, dùng mọi biện pháp chiếm đoạt của công, của dân làm của riêng.

Trung với Đảng, trung với nước là phải luôn đặt lợi ích của Đảng, của Tổ quốc lên trên hết, trước hết. Khi cần, người cán bộ sẵn sàng hy sinh quyền lợi của cá nhân mình, của gia đình mình cho lợi ích của Đảng, của dân tộc. Vì trong lợi ích của Đảng, của Tổ quốc có lợi ích của cá nhân mình. Có người cho rằng, hiện nay không nên nói nhiều tới lợi ích tập thể

và đức hy sinh của người cán bộ mà phải đề cao lợi ích cá nhân mới tạo được động lực cho sự phát triển. Đây là quan niệm rất sai lầm và mang tính võ đoán chủ quan. Trong điều kiện cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khi các lợi ích đặt ra cho mọi người thì phải giải quyết hài hoà giữa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và lợi ích của toàn xã hội, người cán bộ là người có trọng trách trong bộ máy của hệ thống chính trị càng cần phải có đức hy sinh cho lợi ích của Đảng, của Tổ quốc. Có như vậy, người cán bộ mới được dân tin, dân phục, dân yêu. Đức hy sinh chính là biểu hiện cao nhất đạo đức cách mạng trung với nước, hiếu với dân của người cán bộ lãnh đạo, quản lý. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: Tuy năng lực và công việc của mỗi người khác nhau, người làm việc to, người làm việc nhỏ; nhưng ai giữ được đạo đức đều là người cao thượng. Đa số chiến sĩ cách mạng là người có đạo đức cả đời hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, sinh hoạt ngày thường thì làm gương mẫu. Không phải chúng ta ham chuộng khổ hạnh và bần cùng. Trái lại, chúng ta phấn đấu hy sinh, vì chúng ta muốn xây dựng một xã hội ai cũng ấm no, sung sướng... trước hết phải nâng cao mức sống của nhân dân, rồi mới nâng cao mức sống của cá nhân mình. Tức là “*Lo, thì trước thiên hạ; hưởng, thì sau thiên hạ*”¹. Dù thực tiễn có nhiều thay đổi, song quan điểm nêu trên của Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị, tiếp tục định hướng, soi sáng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ trong thời kỳ mới.

Hai là, mỗi cán bộ, đảng viên, lãnh đạo, quản lý phải thấm nhuần sâu sắc quan điểm của Hồ Chí Minh, bản thân phải tự giác, thường xuyên rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất trung với nước, hiếu với dân phải thực sự là công bộc của dân, vừa là người lãnh đạo vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Để có được đạo đức cách mạng là cả một quá trình tự tu dưỡng, tự rèn luyện một cách nghiêm túc, bền bỉ thường xuyên và vô cùng khó khăn của mỗi cán bộ, đảng viên. Có đạo đức cách mạng đã khó nhưng để giữ được đạo đức cách mạng còn khó hơn nhiều, nhất là trong điều kiện hiện nay – khi kẻ thù bên trong chính là chủ nghĩa cá nhân cộng với sự tác động của những yếu tố bên ngoài hàng ngày hàng giờ chi phối. vấn đề lớn nhất, bao trùm nhất của đạo đức cách mạng của mỗi cán bộ, đảng viên là sự trung thành với lý tưởng cách mạng, tận tâm tận lực phục vụ nhân dân.

Như đã nói ở trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, trung với nước không tách rời hiếu với dân. Hiếu với dân đòi hỏi người cán bộ phải thực sự là công bộc của dân, phải gần bó với dân, dựa vào dân, lấy dân làm gốc, phải nắm vững dân tình, hiểu rõ dân tâm, quan tâm tới đời sống vật chất tinh thần của nhân dân. Việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh; chớ có vác mặt quan cách mạng để đề đầu cưỡi cổ nhân dân. Chúng ta không thể chấp nhận tình trạng hiện nay ở không ít nơi, không ít người trong bộ máy của hệ thống chính trị xa dân, không kịp thời lắng nghe và giải quyết tâm tư nguyện vọng, lợi ích chính đáng của nhân dân, sách nhiễu ức hiếp nhân dân, làm cho lòng dân không yên, gây nên tình trạng khiếu kiện vượt cấp ở một số nơi diễn ra trầm trọng, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng và chế độ ta.

Như vậy, sự tu dưỡng rèn luyện đạo đức cách mạng không phải là những nội dung trừu tượng mà nó diễn ra hàng ngày thông qua những việc cụ thể khi thực hiện chức trách,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 5, tr. 95.

bổn phận của cán bộ, công chức; trong mối quan hệ với nhân dân, đồng nghiệp, bạn bè và người thân trong gia đình. Phẩm chất Trung với nước, hiếu với dân phải trở thành văn hóa, chuẩn mực đạo đức cách mạng, theo đó phải trên nguyên tắc: đặt lợi ích của tổ quốc, của nhân dân lên trên hết và trước hết.

. Ba là, mỗi tổ chức, cơ quan, đơn vị cần có cách nhìn khách quan, trung thực trong xem xét đánh giá phẩm chất của người cán bộ trên tiêu chí trung với nước, hiếu với dân. Đồng thời, làm tốt công tác tôn vinh những tấm gương sáng, tiêu biểu về phẩm chất trung với nước, hiếu với dân cũng như về đạo đức cách mạng; song song với đó là lên án và có biện pháp cương quyết, và xử lý nghiêm minh những trường hợp vi phạm chuẩn mực trung, hiếu (cũng như đạo đức) của người cán bộ.

Trung với nước, hiếu với dân theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh được thể hiện trong mọi công việc cách mạng của Đảng, trong từng suy nghĩ, việc làm cụ thể của mỗi cán bộ, đảng viên và mỗi người dân. Dù mục tiêu, nhiệm vụ trong từng thời kỳ cách mạng khác nhau, nhưng yêu cầu về trung, hiếu luôn nhất quán và là tiêu chí chung cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân học tập và rèn luyện. Đó là, lòng yêu nước thương nòi, tự hào với truyền thống vẻ vang của dân tộc; là bổn phận và trách nhiệm của mỗi người dân với cộng đồng, với sự nghiệp của Đảng và dân tộc, với sự hưng vong của đất nước; là ý chí và nghị lực vươn lên vượt qua mọi khó khăn, thử thách, sẵn sàng hy sinh vì mục tiêu chung của sự nghiệp cách mạng; là sự tin yêu, kính trọng nhân dân. Vì vậy, trong suốt quá trình xây dựng Đảng, lãnh đạo cách mạng, Bác thường xuyên quan tâm tới việc nâng cao tinh thần trung, hiếu ở mỗi người dân Việt Nam yêu nước nói chung, cán bộ, đảng viên nói riêng, và đòi hỏi họ phải luôn ghi sâu trong lòng những chữ «trung với nước, hiếu với dân». Và trong xem xét đánh giá người cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng cần phải lấy tiêu chí trung với nước, hiếu với dân làm tiêu chí hàng đầu, quan trọng. Và đòi hỏi mỗi tổ chức, cơ quan, đơn vị trong xem xét đánh giá phải có cách nhìn khách quan, trung thực có như thế mới nhìn đúng, nhìn trúng, phẩm chất đạo đức của người cán bộ. Một khi có cái nhìn đúng đắn, chính xác người cán bộ, đảng viên sẽ có bố trí, sử dụng nguồn nhân lực phù hợp góp phần quá trình xây dựng đất nước.

Bên cạnh đó việc tuyên truyền nêu gương những người tốt, việc tốt không chỉ nhằm tôn vinh, khích lệ, động viên những người có nhiều thành tích mà còn có ý nghĩa giáo dục sâu sắc đối với toàn xã hội. Việc tuyên truyền những tấm gương tiêu biểu phải đi đôi với lên án những hành vi đạo đức sai trái hiện nay, đồng thời mỗi cán bộ đảng viên khi vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức cách mạng phải được xử lý kịp thời, tạo niềm tin cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, đồng thời làm gương cho những cán bộ, đảng viên khác không dám vi phạm. Có như thế thì việc tu dưỡng rèn luyện đạo đức cách mạng nói chung và phẩm chất trung với nước, hiếu với dân nói riêng mới thực sự đi vào cuộc sống, có ý nghĩa thiết thực. Điều đó góp phần làm cho việc học tập và làm theo tư, tưởng, đạo đức của Người không chỉ là phong trào mang tính hô hào, vận động mà nó chứng minh cho nguyên tắc lý luận soi đường cho thực tiễn, thực tiễn là nơi kiểm nghiệm tính đúng đắn của lý luận.

Toàn bộ cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh mãi mãi là tấm gương sáng về đạo đức cách mạng với mọi thế hệ đội ngũ cán bộ của Đảng, Nhà nước và của mỗi người dân Việt

Nam. Và thực tế, nhiều thế hệ cán bộ cách mạng trong công cuộc đấu tranh độc lập dân tộc và xây dựng đất nước đã noi theo Người, rèn luyện giữ gìn đạo đức cách mạng, tận trung với nước, tận hiếu với dân, luôn được nhân dân tin yêu, mến phục. Trong tình hình hiện nay, cho dù hoàn cảnh, những tác động nhiều chiều đến đâu thì mỗi cán bộ đảng viên phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, tình cảm kính yêu vô hạn đối với Bác rèn luyện, nâng cao đạo đức cách mạng xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ trung thành của nhân dân, vì mục tiêu Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; góp phần đưa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh không còn là cuộc vận động có tính chất áp đặt từ bên ngoài mà trở thành mệnh lệnh bên trong trái tim của người cán bộ, đảng viên và mỗi con người Việt Nam.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG CẨM QUYỀN PHỤNG SỰ, LIÊM CHÍNH VÀ ĐOÀN KẾT

*TS. Dương Đức Hưng**

1. Mở đầu

Luôn chú trọng xây dựng và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam thành một Đảng cách mạng phụng sự và liêm chính, được nhân dân tin yêu và ủy thác, vì thế, trước khi đi xa, Hồ Chí Minh dặn lại trong Di chúc: “Đảng ta là một Đảng cẩm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng. Phải thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”¹.

Theo di huấn của Người về xây dựng một Đảng cẩm quyền, Đảng cách mạng luôn phụng sự và liêm chính, luôn trong sạch, vững mạnh, “là đạo đức, là văn minh” không chỉ là tất yếu khách quan, là yêu cầu và nhiệm vụ của một Đảng cẩm quyền mà còn là trách nhiệm của những người cộng sản Việt Nam trước lịch sử, nhân dân và dân tộc, vì vậy cần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng, trách nhiệm và uy tín của đội ngũ cán bộ, đảng viên trước Tổ quốc và nhân dân.

Thực hiện những chỉ dẫn của Người, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xây dựng hệ thống tổ chức Đảng từ Trung ương đến cơ sở vững mạnh về mọi mặt; xây dựng và phát triển đội ngũ đảng viên vừa hồng, vừa chuyên, có đủ phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo, xứng tầm với nhiệm vụ được giao. Trong mọi thời điểm, Đảng đều tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc xây dựng Đảng: Tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; tự phê bình và phê bình; kỷ luật nghiêm minh; đoàn kết thống nhất; gắn bó mật thiết với nhân dân. Đồng thời, mỗi tổ chức Đảng, mỗi cán bộ, đảng viên đã luôn kế thừa, phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất trong tư tưởng và hành động; truyền thống đấu tranh kiên cường bất khuất và giữ kỷ luật nghiêm minh; tính tiên phong gương mẫu, sẵn sàng chấp nhận mọi khó khăn gian khổ, chịu đựng hy sinh, phấn đấu vì mục đích, lý tưởng; để xứng đáng với vai trò tiên phong, để làm tròn bổn phận phụng sự, tính liêm chính và tinh thần đoàn kết.

2. Tư tưởng xây dựng đảng cẩm quyền phụng sự và liêm chính của Hồ Chí Minh

Ngay từ khi chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của một chính đảng vô sản kiểu mới ở Việt Nam, Hồ Chí Minh đã khẳng định trong tác phẩm Đường Cách mệnh (xuất bản năm 1927): “Cách mạng Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mạng thành công thì phải lấy dân chúng công nông làm gốc”². Sau này, khi nói về Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp công nhân và toàn thể dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh

**Trường Đại học Văn Hiến TP.HCM*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự Thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr.611-612.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.2, tr.304.

nhấn mạnh: “Đảng ta đại biểu cho lợi ích chung của giai cấp công nhân, của toàn thể nhân dân lao động, chứ không mưu cầu lợi ích riêng của một nhóm người nào, của cá nhân nào”¹.

Lịch sử cách mạng Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo đã chứng minh rằng, cùng với mỗi bước ngoặt của cách mạng, tình hình và nhiệm vụ của Đảng cũng có sự thay đổi. Song, ở đâu và lúc nào, dù hoạt động bí mật hay đã cầm quyền, thì Đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng cũng luôn thấu hiểu rằng: Đảng cầm quyền, nhưng nhân dân là chủ, quyền là do nhân dân ủy nhiệm, nên đó phải là một Đảng luôn phụng sự (dốc lòng phục vụ, tận tụy phục vụ: phục vụ Tổ quốc²) và liêm chính (trong sạch, ngay thẳng: người liêm chính không có lòng tư tui³), để xứng đáng vừa là người lãnh đạo vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Trong di sản để lại, Hồ Chí Minh đã thể hiện rõ quan điểm của Người về yêu cầu xây dựng một Đảng phụng sự và liêm chính qua các tác phẩm: Chính phủ là công bộc của dân (19/9/1945); Sao cho được lòng dân (12/10/1945); Thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng (17/10/1945); Sửa đổi lỗi làm việc (10/1947); Dân vận (15/10/1949); Tinh thần và trách nhiệm (13/12/1951); Tự phê bình và phê bình (14/2/1952); Thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu (3/1952); Phải xem trọng ý kiến của quần chúng (21/8/1956); Đạo đức cách mạng (12/1958); Nói chuyện tại hội nghị thanh tra (5/3/1960); Một lòng một dạ phục vụ nhân dân (18/1/1961); Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân (3/2/1969); Di chúc (1969), v.v.

Một Đảng cách mạng chân chính luôn phụng sự Tổ quốc và nhân dân theo Hồ Chí Minh phải tuân thủ 12 điều sau: “(1) Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng. (2) Cán bộ của Đảng phải hiểu biết lý luận cách mạng và lý luận cùng thực hành phải luôn luôn đi đôi với nhau. (3) Khi đặt ra khẩu hiệu và chỉ thị, luôn luôn phải dựa vào điều kiện thiết thực và kinh nghiệm cách mạng ở các nước, ở trong nước và ở địa phương. (4) Phải luôn luôn do nơi quần chúng mà kiểm soát những khẩu hiệu và chỉ thị đó có đúng hay không. (5) Phải luôn luôn xem xét lại tất cả công tác của Đảng. Mọi công tác của Đảng luôn luôn phải đứng về phía quần chúng. Phải đem tinh thần yêu nước và cần, kiệm, liêm, chính mà dạy bảo cán bộ, đảng viên và nhân dân. (6) Mỗi công việc của Đảng phải giữ nguyên tắc và phải liên hợp chặt chẽ với dân chúng. Nếu không vậy, thì chẳng những không lãnh đạo được dân chúng mà cũng không học được dân chúng. Chẳng những không nâng cao được dân chúng, mà cũng không biết ý kiến của dân chúng. (7) Mỗi công việc của Đảng phải giữ vững tính cách mạng của nó, lại phải khéo dùng những cách thức thi hành cho hoạt bát. Nếu không vậy thì không biết nắm vững các cách thức tranh đấu và các cách thức tổ chức, không biết liên hợp lợi ích ngày thường và lợi ích lâu dài của dân chúng. (8) Đảng không che giấu những khuyết điểm của mình, không sợ phê bình. Đảng phải nhận khuyết điểm của mình mà tự sửa chữa, để tiến bộ và để dạy bảo cán bộ và đảng viên. (9) Đảng phải chọn lựa những người rất trung thành và rất hăng hái, đoàn kết họ thành nhóm trung kiên lãnh đạo.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.11 tr.607.

2. Nguyễn Như Ý: *Đại từ điển Tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2008, tr. 1275.

3. Nguyễn Như Ý: *Đại từ điển Tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2008, tr. 926.

(10) Đảng phải luôn luôn tẩy bỏ những phần tử hủ hóa ra ngoài. (11) Đảng phải giữ kỷ luật rất nghiêm từ trên xuống dưới. Kỷ luật này là tư tưởng phải nhất trí, hành động phải nhất trí. Kỷ luật này là do lòng tự giác của đảng viên về nhiệm vụ của họ đối với Đảng. (12) Đảng phải luôn luôn xét lại những nghị quyết và những chỉ thị của mình đã thi hành thế nào. Nếu không vậy thì những nghị quyết và chỉ thị đó sẽ hóa ra lời nói suông mà còn hại đến lòng tin cậy của nhân dân đối với Đảng”¹. Vì, “nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân vì dân là chủ”² và “trong xã hội, không có gì tốt đẹp, vẻ vang bằng phục vụ cho lợi ích của nhân dân”³...

Hồ Chí Minh xác định Đảng Cộng sản Việt Nam phải là một Đảng liêm chính. Theo đó: “đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng phải thấm nhuần đạo đức cách mạng, nhất là phải có và thường xuyên rèn luyện 5 đức tính tốt: (1) *NHÂN* là thật thà thương yêu, hết lòng giúp đỡ đồng chí và đồng bào. Vì thế mà kiên quyết chống lại những người, những việc có hại đến Đảng, đến nhân dân, vì thế mà sẵn lòng chịu cực khổ trước mọi người, hưởng hạnh phúc sau thiên hạ. Vì thế mà không ham giàu sang, không e cực khổ, không sợ oai quyền. (2) *NGHĨA* là ngay thẳng, không có tư tâm, không làm việc bậy, không có việc gì phải giấu Đảng, ngoài lợi ích của Đảng, không có lợi ích riêng phải lo toan. Lúc Đảng giao cho việc, thì bất cứ to nhỏ, đều ra sức làm cẩn thận. Thấy việc phải thì làm, thấy việc phải thì nói. Không sợ người ta phê bình mình, mà phê bình người khác cũng đúng đắn. (3) *TRÍ* là vì không có việc tư túi nó làm mù quáng, cho nên đầu óc trong sạch, sáng suốt. Dễ hiểu lý luận. Dễ tìm phương hướng. Biết xem người. Biết xét việc. Vì vậy, mà biết làm việc có lợi, tránh việc có hại cho Đảng, biết vì Đảng mà cân nhắc người tốt, đề phòng người gian. (4) *DŨNG* là dũng cảm, gan góc, gặp việc là phải có gan làm. Thấy khuyết điểm phải có gan sửa chữa. Cực khổ khó khăn, có gan chịu đựng. Có gan chống lại sự vinh hoa, phú quý, không chính đáng. Nếu cần, có gan hy sinh cả tính mệnh cho Đảng, cho Tổ quốc. (5) *LIÊM* là không tham địa vị. Không tham tiền tài. Không tham sung sướng. Không ham người tâng bốc mình. Vì vậy mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ hóa. Chỉ có một thứ là ham học, ham làm, ham tiến bộ”⁴.

Mỗi cán bộ, đảng viên phải là vừa là người lãnh đạo vừa là người đày tớ, công bộc của nhân dân nên phải luôn “đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết; Liên hệ chặt chẽ với nhân dân; Việc gì cũng bàn với nhân dân, giải thích cho nhân dân hiểu rõ; Có khuyết điểm thì thật thà tự phê bình trước nhân dân, và hoan nghênh nhân dân phê bình mình; Sẵn sàng học hỏi nhân dân; Tự mình phải làm gương mẫu cần kiệm liêm chính, để nhân dân noi theo. Cán bộ Đảng và chính quyền ta đều sẵn lòng cầu tiến bộ, sẵn chí phụng sự nhân dân”⁵, để được nhân dân tin yêu và gắn bó. Đồng thời, để phụng sự và liêm chính được tốt, Hồ Chí Minh nhấn mạnh và yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên phải thường xuyên rèn luyện tinh thần, ý chí: “Tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân”, “ra sức phấn đấu để thực hiện mục tiêu của Đảng”; “là quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng. Đó là điều chủ chốt nhất.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.5, tr.289-290.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.7, tr.434.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.10, tr.453.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.5, tr.292.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.7, tr.177.

Ra sức làm việc cho Đảng, giữ vững kỷ luật của Đảng, thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng. Đặt lợi ích của Đảng và của nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc. Ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, luôn dùng tự phê bình và phê bình để nâng cao tư tưởng và cải tiến công tác của mình và cùng đồng chí mình tiến bộ”; “vô luận trong hoàn cảnh nào, người đảng viên cũng phải đặt lợi ích của Đảng lên trên hết” và “hòa mình với quần chúng thành một khối, tin quần chúng, hiểu quần chúng, lắng nghe ý kiến quần chúng”¹.

Sớm tiên lượng nguy cơ suy thoái của đội ngũ cán bộ, đảng viên khi được ủy quyền, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “những người ở các công sở, từ làng cho đến Chính phủ trung ương, đều dễ tìm dịp phát tài, hoặc xoay tiền của Chính phủ, hoặc đục khoét nhân dân”². Do đó, để ngăn ngừa tình trạng “tư túi”, không “dốc lòng phục vụ, tận tụy phục vụ” Tổ quốc và nhân dân, Hồ Chí Minh đã cảnh báo: “Những người trong các công sở đều có nhiều hoặc ít quyền hành. Nếu không giữ đúng Cần, Kiệm, Liêm, Chính thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân”³. Cụ thể, theo Hồ Chí Minh: Muốn liêm chính, “những người trong công sở phải lấy chữ Liêm làm đầu... Minh là người làm việc công, phải có công tâm, công đức. Chớ đem của công dùng vào việc tư. Chớ đem người tư làm việc công. Việc gì cũng phải công bình, chính trực, không nên vì tư ân, tư huệ, hoặc tư thù, tư oán. Minh có quyền dùng người thì phải dùng những người tài năng, làm được việc... Chớ lên mặt làm quan cách mệnh”⁴... Đồng thời, để phụng sự tốt, mỗi cán bộ, đảng viên “cần phải óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm”⁵ để không chỉ lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - văn hóa, xã hội mà còn phải “luôn luôn quan tâm đến những việc nhỏ như tương cà mắm muối cần thiết cho đời sống hàng ngày của nhân dân”⁶, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

3. Tư tưởng về xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong Đảng của Hồ Chí Minh

Trong Di chúc Bác căn dặn: “...Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và nhân dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”.

Theo Hồ Chí Minh, đoàn kết thống nhất trong Đảng phải trên nguyên tắc tôn trọng và thực hiện đúng chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, giữ nghiêm kỷ luật của Đảng. Đoàn kết thống nhất vì mục tiêu lý tưởng cách mạng, vì lợi ích của giai cấp, của Đảng, của nhân dân và toàn thể dân tộc, không phải đoàn kết thống nhất để bảo vệ lợi ích cục bộ của một bộ phận, hay cá nhân, bất chấp sự vi phạm chủ trương chính sách, pháp luật. Đoàn kết thống nhất trên cơ sở đấu tranh tự phê bình, phê bình để phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, không phải đoàn kết theo kiểu “dĩ hoà vi quý”, thủ tiêu đấu tranh

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.11, tr.603-609.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.5, tr.122.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.5, tr.122.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.5, tr.123.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.11, tr.606.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.11, tr.606.

trước các biểu hiện sai phạm, bao che khuyết điểm cho nhau.

Hồ Chí Minh xem đoàn kết, thống nhất trong Đảng là nhân tố đảm bảo cho Đảng vững mạnh, là cơ sở để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tổ chức lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi mục tiêu lý tưởng cách mạng. Trong di chúc phần nói về Đảng, Người khẳng định: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”¹.

Để tăng cường đoàn kết nội bộ phải thường xuyên thực hiện tự phê bình, phê bình với ý thức xây dựng, với tinh thần trung thực, chân thành, thẳng thắn, tự nghiêm khắc với mình và có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau. Phải đưa nội dung tự phê bình, phê bình cán bộ, đảng viên vào định kỳ sinh hoạt của cấp uỷ, đặc biệt là định kỳ sinh hoạt hàng tháng của chi bộ. Hồ Chí Minh xem tự phê bình và phê bình là vũ khí để rèn luyện đảng viên, tăng cường đoàn kết nội bộ. Người chỉ rõ: “một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”². Người yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên phải thường xuyên tự phê bình và phê bình, cán bộ càng cao, trách nhiệm càng lớn, càng phải gương mẫu tự phê bình và phê bình. Người phê phán những thái độ lệch lạc, sai trái thường xảy ra trong tự phê bình và phê bình như thiếu trung thực, che giấu khuyết điểm của bản thân, sợ phê bình, không dám phê bình, nể nang né tránh, dĩ hoà vi quý, hoặc ngược lại lợi dụng phê bình để nói xấu, bôi nhọ, đả kích, vu khống người khác, và như vậy chỉ làm mất đoàn kết nội bộ.

Để xây dựng Đảng thành một khối thống nhất về tư tưởng và hành động, cần phải coi trọng việc thực hiện kỷ luật nghiêm minh và tự giác trong Đảng. Mỗi cán bộ, đảng viên dù ở cương vị nào cũng phải gương mẫu, tự giác chấp hành các chủ trương, nghị quyết của Đảng và tuân thủ các nguyên tắc tổ chức, lãnh đạo và sinh hoạt Đảng; phải nghiêm túc chấp hành kỷ luật của Đảng, biến kỷ luật thành ý thức và hành động tự giác.

Năm mươi năm qua, thực hiện Di chúc của Người, Đảng ta đã gìn giữ sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, xây dựng, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tổ chức lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiến hành sự nghiệp đổi mới đạt nhiều thành tựu quan trọng.

4. Một số ý kiến về xây dựng Đảng cầm quyền phụng sự, liêm chính và đoàn kết trong giai đoạn hiện nay

Thứ nhất, tăng cường bám sát thực tiễn, xuất phát từ thực tiễn để nâng cao chất lượng công tác lãnh đạo và chỉ đạo (từ quán triệt đến đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống) trên tinh thần: “Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, phải hết sức tránh”. Nói đi đôi với làm và phải luôn hướng về cơ sở, gần dân, hiểu dân, trọng dân, tin dân, học dân, dựa vào dân để không chỉ đối thoại, lắng nghe, học hỏi, tiếp thu ý kiến, giải quyết các khó khăn, vướng mắc và yêu cầu chính đáng của nhân dân trong quá trình

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr.616.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr.616.

lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị mà còn củng cố, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân; dựa vào nhân dân để kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên, thiết thực xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Thứ hai, nghiêm túc thực hiện các nguyên tắc xây dựng Đảng, Điều lệ Đảng, kỷ luật Đảng; gắn thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ” với Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, với Quy định về những điều đảng viên không được làm, với các quy định nêu gương, v.v. Mỗi cán bộ, đảng viên nói chung, cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu nói riêng phải thường xuyên, liên tục rèn luyện đạo đức cách mạng, phòng, chống và quét sạch chủ nghĩa cá nhân gắn với đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, chống tham ô, tham nhũng, lãng phí, quan liêu,... nhằm nâng cao tinh thần phụng sự và liêm chính.

Thứ ba, tập trung xây dựng và hoàn chỉnh cơ chế phòng ngừa, kiểm soát quyền lực, đảm bảo mọi quyền lực Nhà nước đều thuộc về nhân dân gắn với chống sự tha hóa quyền lực; đảm bảo công khai và minh bạch trong thực thi chức năng, nhiệm vụ, trong thực thi quyền lực công theo phương châm cấp trên làm gương cho cấp dưới noi theo; quyết liệt và nghiêm khắc trong công tác kiểm tra, giám sát gắn với tự phê bình và phê bình, đảm bảo trên dưới phối hợp, trong ngoài đồng bộ. Thông qua đó, một mặt ngăn chặn những biểu hiện tha hóa quyền lực như lạm quyền, lộng quyền, trục lợi từ quyền, kéo bè kết cánh, “đầu cơ chính trị”, quan hệ “lợi ích nhóm”, xa rời lý tưởng xã hội chủ nghĩa, sa đọa về đạo đức, lối sống...; mặt khác, rèn luyện bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, phòng và chống sự phai nhạt lý tưởng cách mạng, ngăn ngừa sự dao động trước âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

Thứ tư, tôn trọng nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, động viên các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các phong trào thi đua yêu nước, góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng của đất nước, địa phương nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Không để quyền làm chủ của nhân dân chỉ dừng lại ở khẩu hiệu mà phải là hành động, là những việc làm cụ thể, phải tạo điều kiện và có cơ chế để thực thi định chế “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” thật sự và hiệu quả. Coi sự đánh giá của nhân dân là thước đo, là một trong những tiêu chuẩn đánh giá những ưu điểm, khuyết điểm của cấp ủy các cấp, của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong mọi mặt công tác, nhất là trong quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ các cấp.

Thứ năm, thực hiện và mở rộng dân chủ nội bộ để cán bộ, đảng viên có thể tham gia bàn bạc đến nơi đến chốn những vấn đề hệ trọng của Đảng. Trong sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ cần cung cấp cho cán bộ, đảng viên đầy đủ những thông tin về những vấn đề liên quan đến vai trò trách nhiệm lãnh đạo của cấp ủy, của chi bộ, những thông tin về tình hình chính trị, kinh tế - xã hội, nhất là những vấn đề dư luận xã hội quan tâm. Để mở rộng dân chủ nội bộ trong sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ cần đảm bảo tự do tư tưởng. Đối

với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, trao đổi, thảo luận góp phần tìm ra chân lý. Trên cơ sở đó đi đến thống nhất nhận thức tư tưởng và hành động. Tự do tư tưởng, tham gia ý kiến thảo luận, thể hiện chính kiến là quyền lợi và cũng chính là trách nhiệm của mọi đảng viên.

Thứ sáu, mở rộng và đổi mới công tác truyền thông để không chỉ định hướng đúng, kịp thời, đảm bảo sức mạnh của công luận và nhân dân mà còn làm cho việc tuyên truyền các tấm gương người tốt, việc tốt, lấy cái tích cực chống cái tiêu cực, cái đẹp được nhân rộng trong cộng đồng bằng nhiều hình thức phong phú. Đồng thời, phát huy vai trò của các cơ quan truyền thông, của cả hệ thống chính trị tham gia công tác xây dựng Đảng; tham gia giám sát đội ngũ cán bộ, đảng viên ở mọi nơi, mọi lúc. Đẩy nhanh xét xử những vụ án tham ô, tham nhũng nghiêm trọng trên nguyên tắc pháp luật là tối thượng, để không chỉ kịp thời, công minh, bình đẳng, đúng đắn đưa ra khỏi Đảng những kẻ sâu mọt không còn phụng sự và liêm chính mà còn thiết thực làm trong sạch Đảng, làm cho Đảng mạnh khỏe, chắc chắn như Hồ Chí Minh mong muốn.

5. Kết luận

Để đảm bảo sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, để đảng phụng sự và liêm chính mỗi cán bộ, đảng viên phải thường xuyên tu dưỡng đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân. Các cấp ủy Đảng, các chi bộ Đảng phải tổ chức thực hiện tốt cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Gắn việc học tập với tổ chức cho cán bộ, đảng viên đăng ký làm theo tấm gương đạo đức của Người một cách thiết thực. Nội dung học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh phải được thực hiện thường xuyên, liên tục mới đem lại hiệu quả. Mặt khác, phải gắn cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” với công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm. Phát huy tính gương mẫu, tự giác của mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo quản lý trong thực hiện cuộc vận động; đồng thời tăng cường sự giám sát của cấp ủy, của chi bộ và của quần chúng nhân dân.

Năm mươi năm thực hiện di chúc của Người chúng ta tự hào về những kết quả đạt được: Xây dựng Đảng cầm quyền vững mạnh, “là đạo đức, là văn minh”... Nhưng chúng ta cũng thấy chưa thực hiện được đầy đủ lời dặn của Người trước lúc đi xa: “Các đồng chí từ trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”. Để xứng đáng với lòng mong mỏi của Bác mỗi chúng ta hãy cố gắng tu dưỡng rèn luyện “Nâng cao đạo đức cách mạng, quyết sạch chủ nghĩa cá nhân”, góp phần xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng, làm cho Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh, lãnh đạo thắng lợi sự nghiệp đổi mới, đạt được mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”/.

DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH – TÂM NHÌN CHIẾN LƯỢC TRONG VIỆC XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG

*ThS. Lưu Thị Xuân Hương**

Cách đây vừa đúng 50 năm, vào tháng 9/1969, “Di chúc” của Hồ Chí Minh lần đầu tiên được công bố chính thức cho toàn thể nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới. Kể từ đó đến nay, trong kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, tác phẩm này luôn giữ một vị trí đặc biệt quan trọng, bởi đây là một văn kiện chính trị lịch sử bất hủ, biểu hiện tinh thần cách mạng triệt để, đặc biệt Di chúc là cả một công trình lý luận thể hiện một tầm nhìn chiến lược về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong giai đoạn hiện nay và cả mai sau.

Thật vậy, với bản lĩnh chính trị vững vàng, càng ở những năm cuối đời Người càng đón nhận quy luật cuộc sống với một phong thái ung dung, tự tại và đầy tính chủ động. Người chuẩn bị việc ra đi của mình bằng những lời tâm huyết để lại cho toàn Đảng, toàn dân. Cả bản Di chúc để lại tất cả hơn 1000 từ nhưng Người chỉ dành đúng 79 từ cho bản thân, còn lại tất cả Người đều gửi gắm căn dặn cho toàn Đảng, toàn dân. Đó là tất cả tâm tư, nguyện vọng của một lão thành cách mạng 79 tuổi, được gửi gắm vào 10 trang giấy, một bức tâm thư mà người đã nghiền ngẫm và ấp ủ từng câu, từng chữ suốt 5 năm trời. Đây thật sự là một tác phẩm kết tinh những gì tâm huyết nhất, chất lọc những kinh nghiệm, những mong muốn và nguyện vọng đã trở thành khát vọng của một người con yêu nước, yêu chế độ trước lúc đi xa. Và hơn nữa, đó là những suy tư mang tầm chiến lược, quyết định sự tồn tại và phát triển của một dân tộc. Vậy mà Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ viết một cách khiêm tốn rằng Người để lại “*mấy lời*” và chỉ nói “*tóm tắt vài việc*”¹ thôi. Nhân cách khiêm nhường, giản dị của Người được thể hiện từ trong suy nghĩ đến hành động và trong cả lối hành văn rất đỗi chân phương, chất phác. Chỉ “*mấy lời*” thôi mà ý nghĩa của bản Di chúc lại vượt tầm thời đại, mà cho đến nay, trải qua 50 năm nhìn lại, Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là sự kết tinh cả tinh hoa tư tưởng, đạo đức và tâm hồn cao đẹp của một vĩ nhân, một anh hùng giải phóng dân tộc, một danh nhân văn hoá thế giới, mà còn trở thành một văn kiện lịch sử vô giá đối với sự nghiệp cách mạng của chúng ta. Đặc biệt là trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng ở nước ta hiện nay.

Như chúng ta đã biết, vai trò của Hồ Chí Minh trong tổ chức, sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam là vô cùng to lớn. Song, vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng hơn là công lao của Người đối với việc xây dựng và rèn luyện Đảng ta thành một Đảng Mác xít chân chính như ngày hôm nay. Theo Người, việc xây dựng đường lối, chiến lược, sách lược cho cách mạng Việt Nam luôn gắn liền với việc xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng duy nhất lãnh

**Trung tâm bồi dưỡng chính trị TP. Pleiku, Gia Lai*

1. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trung tâm chế bản liên hiệp các xí nghiệp in (in tại: Nhà in báo Nhân dân), Hà Nội, 1989, tr. 35.

đạo cách mạng Việt Nam. Trong quan niệm, trong nhận thức và trong hoạt động thực tiễn cách mạng, Người luôn xác định một cách dứt khoát rằng: Cách mạng Việt Nam “trước hết phải có Đảng cách mệnh”, “Đảng có vững cách mệnh mới thành công”. Với quan niệm ấy, trong suốt những năm tháng lãnh đạo cách mạng nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành sự quan tâm đặc biệt cho xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Ngay từ năm 1927 trong tác phẩm “Đường Kách mệnh”, Người đã dành hẳn một chương, chương đầu tiên, để bàn về “Tu cách người Kách mệnh”. Đúng 20 năm sau, năm 1947, khi cả nước bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp, Người lại dành hẳn chương ba trong tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc”, để nói về “Tu cách và đạo đức cách mạng”. Tiếp những năm sau đó, Người liên tục dặn dò các cán bộ, Đảng viên: *chỉnh đốn Đảng là việc chính, cần gấp mà chúng ta phải làm ngay* (1949), Người tổ chức ra nhiều đợt học tập chính trị như phong trào “*ba xây, ba chống*” (1954). Và rồi, năm 1968, ở cái tuổi xưa nay hiếm nhưng tinh thần vẫn sáng suốt, thân thể vẫn mạnh khỏe, Người cân nhắc đắn đo mãi và cuối cùng quyết định hạ bút: “*trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng*”¹.

Như vậy, với Người, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng không phải là biện pháp nhất thời, giải pháp tình thế, mà là nhiệm vụ tất yếu, là công việc thường xuyên, mang tính chiến lược của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta.

Thứ nhất, trong Di chúc vẫn đề Người quan tâm đầu tiên: “*Trước hết nói về Đảng*”, mà trong Đảng, điều đầu tiên Người căn dặn lại là vấn đề “*đoàn kết*”. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định nguyên nhân thắng lợi của Đảng: “*nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc*”². Sự đoàn kết trong Đảng đã được Hồ Chí Minh đề cập đến một cách toàn diện và sâu sắc. Đó là sự kết tinh của toàn bộ quá trình Người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng, là sự đoàn kết nhất trí, thống nhất trong toàn Đảng cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và được thực hiện trên cơ sở đường lối, chính sách và theo những nguyên tắc tổ chức của Đảng.

Người khẳng định: “*Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta*”³. Truyền thống đó bắt nguồn từ truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, được Đảng ta không ngừng phát huy trong điều kiện lịch sử mới của dân tộc trên lập trường của chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong đó, theo Người “*sự đoàn kết trong Đảng là quan trọng hơn bao giờ hết, nhất là sự đoàn kết chặt chẽ giữa các cán bộ lãnh đạo*”⁴.

Với lời khẳng định đó, với mong muốn đã trở thành khát vọng: việc giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng cần phải trở thành truyền thống của Đảng. Người không quên căn dặn: “*Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình*”⁵. Di chúc của Bác là vậy đấy, đưa chúng ta đi hết từ bắt ngờ này đến bắt ngờ khác. Một phép so sánh chưa từng có trong lịch sử. Người không hoa mỹ, không viết nhiều, nói nhiều, chỉ một câu thôi mà nói lên tất cả tầm quan trọng của sự đoàn kết trong Đảng. Điều ấy cho thấy sự tài hoa của Người cầm bút. Cái

1. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr. 41.

2. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr. 35.

3. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr. 35

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t. 12, tr. 497.

5. *Hồ Chí Minh, Sđd*, t. 12, tr. 498.

“chất” trong cách hành văn của một lão thành cách mạng, một nhà văn, nhà thơ - nhà văn hóa kiệt xuất của thời đại. Và có lẽ cũng chính vì mong muốn tột cùng ấy, vào giờ Người sắp đi xa, Bộ Chính trị đã xếp hàng xung quanh giường bệnh, khoác chặt tay nhau và cùng nhau hát lên bài kết đoàn trong nước mắt để Người yên lòng trước lúc đi xa. Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là chiến thắng, càng khó khăn càng phải đoàn kết đã, đang và sẽ mãi mãi trở thành một triết lý hành động của toàn Đảng, toàn dân ta.

Thứ hai, với cách nhìn nhận đúng đắn về sự đoàn kết trong Đảng, Người khẳng định muốn đoàn kết chặt chẽ trong Đảng phải: “*thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình*”¹. Đúng vậy, đoàn kết phải trên cơ sở giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ - tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, phải thường xuyên thực hiện tự phê bình và phê bình để cùng nhau tiến bộ, để sự đoàn kết trong Đảng ngày càng được củng cố và tăng cường.

Nói về tự phê bình và phê bình, Người nhấn mạnh: coi tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển của Đảng, là phương thức tốt nhất, hiệu quả nhất để giữ gìn, củng cố và phát triển sự đoàn kết trong Đảng. Do đó phải làm sao để tự phê bình và phê bình phải trở thành công việc hàng ngày của mỗi cán bộ, đảng viên, từ cấp trên đến cấp dưới đều phải thường xuyên, nghiêm túc thực hiện “*tự kiểm điểm, tự phê bình, tự sửa chữa như mỗi ngày phải rửa mặt*” làm được như thế thì “*trong Đảng sẽ không có bệnh mà Đảng sẽ mạnh khoẻ vô cùng*”².

Việc thực hiện tự phê bình và phê bình sẽ không có giới hạn nhất định mà cần phải được mở rộng đến mọi tầng lớp nhân dân lao động. Mọi cán bộ, đảng viên đều phải biết lắng nghe ý kiến của quần chúng, phải sẵn sàng nghe quần chúng phê bình và thật thà tự phê bình. Tuy nhiên, Chủ tịch Hồ Chí Minh không quên căn dặn chúng ta phải xác định rõ mục đích của tự phê bình và phê bình. Tự phê bình và phê bình là để giữ gìn và tăng cường hơn nữa sự đoàn kết ấy chứ không phải diễn đàn để tính toán thiệt hơn, mưu lợi cá nhân. Khi mỗi thành viên không còn cá nhân chủ nghĩa nữa thì phê bình và tự phê bình sẽ có lý, có tình, phê bình một cách chân thành, thẳng thắn, trung thực giữa những người cùng lý tưởng, cùng chí hướng, để phấn đấu vì một mục tiêu chung.

Theo người, tự phê bình và phê bình không phải để triệt hạ, xử lý lẫn nhau mà để giúp nhau cùng tiến bộ. Nên trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh không quên căn dặn chúng ta phải dựa trên cái tình, “*tình đồng chí thương yêu lẫn nhau*” khi thực hiện tự phê bình và phê bình. Vẫn cách hành văn quen thuộc, không sử dụng một câu nói, hay từ nói nào để liên kết vấn đề. Người làm cho người đọc phải thật sự suy nghĩ khi đọc: “*phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau*”. Đúng vậy, *tình đồng chí* cực kỳ quan trọng, nó thể hiện sức mạnh của một tập thể, sự bền vững của tinh thần đoàn kết. Khi mà chúng ta luôn giữ gìn cái tình của mình với đồng chí, đồng đội và đồng nghiệp thì mọi mâu thuẫn, khó khăn dường như đơn giản đi rất nhiều. Có lẽ, đó cũng là lý do vì sao Người phải tách ra thành một câu riêng, độc lập để căn dặn mọi người.

Thứ ba, Người không chỉ coi trọng việc giữ gìn và phát triển sự đoàn kết, thống nhất

1. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd, tr. 36

2. Hồ Chí Minh, Sđd, t. 5, tr. 239.

trong Đảng mà Người cũng rất quan tâm đến việc khẳng định vai trò, nền tảng, ý nghĩa quyết định của đạo đức cách mạng cũng như việc rèn luyện đạo đức cách mạng cho các cán bộ, đảng viên.

Trước hết, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở: Đảng viên phải thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng. Trong Di chúc, Người chỉ rõ: *“Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”*¹.

Đồng chí Vũ Kỳ, thư ký của Bác đã từng nhận xét: *“Hoàn toàn không phải ngẫu nhiên mà trong một đoạn văn ngắn chỉ có 56 từ, Bác Hồ dùng đến bốn chữ “thật”. Chúng ta biết, trong cách nói, cách viết, Bác Hồ không bao giờ dùng câu thừa, chữ thừa. Thế nhưng, những chữ “thật” lặp đi, lặp lại ở đây không những không thừa một chữ nào mà lại chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng”*².

Đúng vậy, điều đáng chú ý hơn ở đây là bối cảnh ra đời của của đoạn văn chứa bốn chữ “thật” trên là vào thời điểm năm 1965. Khi đất nước ta bước vào thời kỳ chiến tranh gay go ác liệt nhất. Điều ấy cho thấy, tình thế càng khó khăn, trắc trở bao nhiêu lại càng phải giữ mình thật sự liêm khiết, chính trực bấy nhiêu. Có như vậy mới tạo ra sức mạnh “sâu, bền” để chiến thắng mọi thù trong, giặc ngoài. Bốn chữ “thật” một lần nữa nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng và giữ gìn đạo đức cách mạng của mỗi cán bộ, đảng viên cho cả bây giờ và mãi mãi về sau. Vì theo Người: *“Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”*³. Đây cũng là lời cảnh báo, răn đe chúng ta không được lơ là, chủ quan trong việc rèn luyện đạo đức cách mạng. Ngày hôm nay chúng ta có thể chiến thắng “giặc ngoài” nhưng biết đâu lại gục ngã, bại trận trước “thù trong”. Và thật sự, lời tiên đoán này đã trở thành hiện thực khi một số nơi, do xa rời những lời Người căn dặn nên đã để xảy ra những vấn đề nhức nhối, gây tổn hại đến tài sản quốc gia cũng như niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

Với tầm nhìn chiến lược, Hồ Chí Minh cũng cảnh báo: *“Một dân tộc, một Đảng, và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”*⁴. Và bản thân Người cũng đã có những hành động cứng rắn, quyết liệt để chỉnh đốn Đảng lúc bấy giờ khi quyết định y án tử hình hai trường hợp cán bộ cao cấp vi phạm đạo đức một cách nghiêm trọng. Nhưng điều quan trọng hơn nữa là cách xử lý của Người sau khi thực hiện án tử hình đối với hai trường hợp trên. Thật sự đó là một cách xử lý mang tính tuyên truyền, giáo dục nêu gương vô cùng thiết thực đối với các cán bộ đảng viên lúc bấy giờ, đặc biệt là trong vùng địch hậu. Bởi Người biết rằng, những kẻ như vậy vẫn còn không ít trong hàng ngũ cán bộ Đảng viên của Đảng. Muốn giải quyết vấn

1. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd, tr. 36.

2. Vũ Kỳ, Bác Hồ viết Di chúc, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 16.

3. Hồ Chí Minh, Sđd, t. 5, tr. 252 - 253.

4. Tạp chí Cộng sản, số 11 - 6 - 1999, tr. 4.

đề này không còn cách nào khác là phải thật sự nghiêm khắc trong công tác chỉnh đốn lại Đảng. Thiết nghĩ đó là một bài học mà Đảng và nhân dân ta phải không ngừng noi theo.

Đạo đức cách mạng, theo Người: *“đặt lợi ích của Đảng và của nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân. Vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc... tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân”*¹. Đảng và mỗi đảng viên của Đảng phải coi việc phục vụ nhân dân, chăm lo cho cuộc sống vật chất và tinh thần của nhân dân là trách nhiệm, là vinh dự, là niềm hạnh phúc của mình. Đảng đại biểu cho lợi ích chung của giai cấp công nhân và của toàn thể nhân dân lao động, chứ không phải là mưu cầu lợi ích riêng cho một nhóm người, cho một cá nhân nào. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận xét: *“Vì chưa rửa gột sạch chủ nghĩa cá nhân, cho nên có đảng viên còn “kể công” với Đảng. Có ít nhiều thành tích, thì họ muốn Đảng “cảm ơn” họ. Họ đòi ưu đãi, họ đòi danh dự và địa vị... Nếu không thỏa mãn yêu cầu của họ thì họ oán trách Đảng... Rồi dần dần họ xa rời Đảng, thậm chí phá hoại chính sách và kỷ luật của Đảng”*². Mọi cán bộ, đảng viên đều phải nêu cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước quần chúng nhân dân, kính trọng dân, thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân.

Và cũng với tầm nhìn vượt thời gian đó, Người cũng đã chỉ ra, muốn có đạo đức cách mạng, mỗi cán bộ Đảng viên phải tu dưỡng, rèn luyện suốt đời: Vì theo Người, đạo đức cách mạng không phải trên trời rơi sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong. Trong đó, *“Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”*, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh là phẩm chất cơ bản cần phải có đối với mỗi đảng viên. Chính vì vậy, ngày 18/1/1949, nói chuyện tại Hội nghị cán bộ lần thứ sáu của Đảng, Hồ Chí Minh nêu lên nhiệm vụ: phải chấn chỉnh bộ máy chính quyền từ dưới lên trên, bắt đầu từ xã; dưới làm lên trên, trên làm xuống dưới, tự nhiên mọi việc sẽ thành và muốn làm được những việc trên, trước hết phải chỉnh đốn nội bộ Đảng.

Thứ tư, nói đến đạo đức cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ khẳng định sự cần thiết của việc thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng của người đảng viên, mà còn đề cập tới nhiệm vụ giáo dục đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ. Đạo đức cách mạng ấy là sự triệt để trung thành với cách mạng, một lòng, một dạ phục vụ nhân dân... Từ lúc bước chân vào hoạt động cách mạng cho đến lúc già từ cuộc đời, Người luôn dành mỗi quan tâm sâu sắc đến thế hệ trẻ, nhìn nhận họ một cách toàn diện, thấy rõ vị trí, vai trò và đặt niềm tin trọn vẹn vào họ, những người *“nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ”*, Người nhấn mạnh: *“Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”*³. Vẫn với một niềm tin, niềm hy vọng mãnh liệt như Người đã từng thổ lộ năm 1961 tại Đại hội lần thứ ba của Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam: Từ chỗ chỉ có 1 Lí Tự Trọng đến nay chúng ta đã có 78 vạn đoàn viên hăng hái ra sức giúp Đảng, đấu tranh thống nhất đất nước. Nó làm cho lòng Người như hoa nở trong mùa xuân. Với niềm hy vọng ấy, trước lúc đi xa, Người vẫn không quên căn dặn Đảng: *“cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng”* cho đoàn viên, thanh niên *“đào*

1. Hồ Chí Minh, *Sđd*, t. 5, tr. 264.

2. Hồ Chí Minh, *Sđd*, t. 9, tr. 289.

3. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, *Sđd*, tr. 35.

tao họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên””¹.

Thứ năm, 3 năm sau lần viết Di chúc đầu tiên, Người nhận thấy: “*cần phải viết thêm mấy điểm*”. Người chủ yếu đi sâu vào căn dặn nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân ta sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ: “*phải có kế hoạch sẵn sàng, rõ ràng, chu đáo để tránh khỏi bị động, thiếu sót và sai lầm*”, phải quan tâm trước hết đến “*công việc đối với con người*”. Đúng vậy, vũ khí vạn năng để có thể giành thắng lợi trong “*cuộc chiến đấu không lồ*” của việc khắc phục hậu quả sau chiến tranh chỉ có thể là yếu tố “*con người*”. Những con người cụ thể mà không hề chung chung. Bản Di chúc được Người viết trong 5 năm với vốn vẹn có 10 trang giấy nhưng trong 10 trang ấy, Người không quên một ai và cũng không sót một việc gì. Người dành sự quan tâm đến tất cả mọi lớp người trong xã hội, từ những thương, bệnh binh, tới người thân của những thương, bệnh binh, tới lực lượng vũ trang, thanh niên, phụ nữ mà Người còn quan tâm đến những người vốn là nạn nhân của xã hội cũ như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc... Người yêu cầu: “*Đối với những nạn nhân của chế độ xã hội cũ, như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu... thì Nhà nước phải vừa dùng giáo dục, vừa dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp đỡ họ trở nên những người lao động lương thiện*”². Đây cũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, mà trước hết, trách nhiệm này thuộc về Đảng và Chính phủ: “*Đảng và Chính phủ phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân*”³. Một sự chu toàn đáng khâm phục, chỉ là người có một tấm lòng nhân ái cao cả thì mới có được sự quan tâm tỉ mỉ đến từng tầng lớp xã hội như vậy, nhất là sự quan tâm này lại là sự quan tâm của một người trước lúc đi xa. Người nâng niu, trân trọng tất cả mọi người mà không quên một ai, nếu có quên có lẽ Người chỉ quên mỗi bản thân mình. Có lẽ đây cũng là một trong những điều làm nên một Hồ Chí Minh huyền thoại.

Bên cạnh đó, với tư cách là một trí thức cách mạng, Người nhận thấy công tác giáo dục cũng giữ một vị trí vô cùng quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Chính vì vậy, Người không chỉ yêu cầu Đảng quan tâm đến đời sống vật chất mà còn quan tâm đến vấn đề giáo dục và tìm mọi cách nâng cao đời sống tinh thần cho người dân. Bên cạnh đó, Người vẫn không quên căn dặn Đảng ta những vấn đề then chốt thuộc về phương hướng xây dựng đất nước sau khi đã hòa bình lập lại trên tất cả các lĩnh vực: hàn gắn vết thương chiến tranh; xây dựng lại thành phố và làng mạc; khôi phục và mở rộng các ngành nghề kinh tế; phát triển công tác vệ sinh y tế; sửa đổi chế độ giáo dục cho phù hợp với hoàn cảnh mới... Người cũng xác định trước với toàn Đảng, toàn dân rằng những công việc trên “*là một công việc cực kỳ to lớn, phức tạp và khó khăn*”, là “*cuộc chiến đấu không lồ*”⁴. Và Đảng ta chỉ có thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử vẻ vang đó khi Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, muốn vậy phải thường xuyên chú ý tiến hành công tác xây dựng Đảng và chỉnh đốn Đảng. Qua những lời dặn dò trên, chúng ta thấy nhân cách của Người được thể hiện một cách quá đỗi tự nhiên, như bản chất nội tại vốn có, như tâm hồn dung dị, chất phác của Người vậy. Những điều căn dặn này không những không hề kinh viện, lý luận cao siêu mà vô cùng thiết thực,

1. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd, tr. 36.

2. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd, tr. 42.

3. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd, tr. 37.

4. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd, tr. 43.

hết sức gần gũi, dễ hiểu và cũng rất đổi thiêng liêng, thấm đẫm tình người. Điều đó không chỉ tạo nên sức sống trường tồn của bản Di chúc lịch sử mà còn giữ vai trò là kim chỉ nam định hướng tư tưởng và hành động trong công cuộc đổi mới của nước ta về sau.

Thứ sáu, với tư cách là một chiến sĩ cộng sản quốc tế lỗi lạc, Người luôn dõi theo phong trào cộng sản thế giới. Người càng “tự hào” với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì lại càng “đau lòng” bấy nhiêu. Đúng vậy, từ những năm 1960 trong nội bộ phong trào này đã có sự rạn nứt, đặc biệt là sự bất hòa trong nội bộ các nước anh em, nhất là giữa hai nước lớn Trung Quốc và Liên Xô - những quốc gia đã từng đứng trên cùng một chiến tuyến. Qua cách sử dụng từ ngữ của Người, chúng ta thật sự cảm thấy một sự trăn trở, đau đớn đến thấu lòng của một người chiến sĩ yêu nước, yêu chế độ nhiệt thành. Nhưng Người vẫn hy vọng, vẫn giữ một niềm tin bất diệt: “*các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại*”¹. Chính vì vậy, trước lúc đi xa, Người thật sự mong muốn Đảng ta “ra sức hoạt động” góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết đó. Đó cũng là nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên “cần phải làm” trong công tác xây dựng Đảng trên phương diện quốc tế ngày nay.

Như vậy, trong toàn bộ Di chúc Người không ngừng quan tâm đến công tác chỉnh đốn Đảng mọi lúc, mọi nơi. Kể cả thời chiến và sau khi hòa bình lập lại. Người từng căn dặn: Ngay sau khi cuộc chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta hoàn toàn thắng lợi... việc cần làm *trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng*. Hồ Chí Minh luôn coi xây dựng Đảng gắn liền với chỉnh đốn Đảng là một quy luật tất yếu cho sự tồn tại và phát triển của Đảng. Đây là hai nhiệm vụ quan trọng, thiết yếu, luôn song hành và tác động qua lại lẫn nhau. Trong xây dựng đã bao hàm chỉnh đốn và ngược lại, chỉnh đốn thực chất là đang xây dựng Đảng. Như vậy, chỉnh đốn Đảng không có nghĩa là chỉ thực hiện mỗi khi Đảng phạm phải những sai lầm, thiếu sót thì mới cần phải chỉnh đốn, khắc phục hay sửa chữa, mà chỉnh đốn lại Đảng phải được coi là công việc thường xuyên, chủ động nhằm nâng cao chất lượng, năng lực lãnh đạo của Đảng lên một tầm cao mới, đặc biệt là mỗi khi cách mạng chuyển sang một giai đoạn phát triển mới.

Hơn nữa, khi phân tích kỹ những nội dung về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Ta thấy nổi bật lên một quan điểm dường như đã trở thành một chân lý của Người: nếu như trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng, yếu tố *con người* được Bác coi là công việc đầu tiên thì trong các nội dung về xây dựng, chỉnh đốn con người, yếu tố *phẩm chất đạo đức* cán bộ và tư cách đảng viên lại là yếu tố quyết định nhất. Do đó, Người luôn cho rằng, chỉnh đốn Đảng là để cán bộ, đảng viên khi gặp khó khăn thì củng cố quan điểm, lập trường, không bi quan, tự mãn, chỉnh đốn Đảng là làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân.

Trong suốt những năm tháng lãnh đạo cách mạng, nỗi bận tâm lớn nhất của người là làm sao cho Đảng luôn luôn giữ vững được vai trò lãnh đạo cách mạng, vai trò tiên phong gương mẫu về mọi mặt: “*dĩ công vi thượng*”, “*lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ*”. Làm sao để Đảng phát huy được sức mạnh của mình, làm sao để Đảng không trở thành quan liêu, xa dân, thoái hóa, biến chất, làm mất lòng tin của dân. Coi đây là điều hệ trọng đối với một đảng cầm quyền, Người đặc biệt lưu tâm tới cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân và trau

1. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr. 49.

dồi thường xuyên đạo đức cách mạng trong Đảng. Hơn nữa, một đảng cách mạng, đảng cầm quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ, *phải lãnh đạo nhân dân bằng cách phục vụ nhân dân*, đem lại lợi ích thiết thực cho nhân dân, giáo dục và thuyết phục nhân dân. Người nhấn mạnh, “*phải khéo léo tập trung ý kiến của quần chúng, hóa nó thành cái đường lối để lãnh đạo quần chúng. Phải đem cách nhân dân so sánh, xem xét, giải quyết các vấn đề, mà hóa nó thành cách chỉ đạo nhân dân*”¹. Đặc biệt là Đảng phải đề cao trách nhiệm với dân, trung thực, thật thà với dân, có lỗi thì dũng cảm nhận lỗi... khắc phục bệnh quan liêu và kiêu ngạo cộng sản.

Như vậy, trong xây dựng và chỉnh đốn Đảng, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc phải xây dựng và chỉnh đốn Đảng từ tư tưởng, chính trị tổ chức, đạo đức đến phương thức lãnh đạo và phong cách công tác... tất cả đều phải đảm bảo tính hệ thống, cơ bản, toàn diện và thiết thực.

Năm mươi năm đã trôi qua kể từ khi Bản Di chúc được công bố lần đầu tiên, những luận điểm kinh điển mà người đưa ra vẫn còn nguyên giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại. Chính những luận điểm này làm nên cơ sở lý luận, nền tảng để chúng ta tiếp tục xây dựng và hoàn thiện học thuyết về xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Trên thực tế, Đảng ta đã và đang tích cực tiến hành cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng một cách sâu, rộng và thường xuyên trên tất cả các mặt: tư tưởng - lý luận, chính trị, tổ chức và cán bộ, đạo đức... Hàng loạt các nghị quyết, chỉ thị xoay xung quanh vấn đề này ra đời. Từ bản Cương lĩnh, Điều lệ, các văn kiện đại hội Đảng toàn quốc cho đến các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư qua các thời kỳ cách mạng. Qua mỗi kỳ Đại hội là một lần vấn đề chỉnh đốn, đổi mới và xây dựng Đảng lại được đặt ra, nhất là trong thời kỳ đổi mới. Đại hội VI của Đảng đã đánh dấu một bước tiến dài trong việc thay đổi tư duy, nhận thức của Đảng. Đặc biệt là hàng loạt Nghị quyết quan trọng có tính chiến đấu cao như: Nghị quyết Trung ương 3 (Khóa VII), Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, Nghị quyết Trung ương 9 (Khóa IX, X), Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI), đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII). Đó là cơ sở, tiền đề vững chắc đảm bảo cho Đảng luôn trong sạch, vững mạnh, nâng cao sức chiến đấu, củng cố lòng tin của dân với Đảng, thực hiện *Đảng - dân một ý chí* như di nguyện của Hồ Chí Minh. Qua thực tiễn cách mạng, Bản Di chúc lịch sử như là một thứ ánh sáng soi đường, dẫn dắt toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta vượt qua mọi khó khăn thử thách, tạo ra sự thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận cao trong toàn xã hội, đặc biệt là những thành tựu của hơn 30 năm đổi mới, đã chứng minh sự phát triển và trưởng thành vượt bậc của Đảng, tạo thế và lực cho đất nước tiến lên, vững bước trước thềm kỷ nguyên mới.

Tuy nhiên, với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật, thực tiễn của 50 năm qua, dù Đảng ta không ngừng tích cực đấu tranh chống tệ tham nhũng, quan liêu, lãng phí trên tất cả các lĩnh vực nhưng chúng ta vẫn chưa thật sự ngăn chặn, đẩy lùi được. Thực tế đó cũng cho thấy sự yếu kém, suy thoái và “lệch chuẩn” của một bộ phận không nhỏ các cán bộ, đảng viên là do xa rời những lý luận mà Người đã đưa ra trong Bản Di chúc. Trong khi công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay đang đòi hỏi sự phấn đấu kiên định và bền bỉ để thực hiện mục tiêu, lý tưởng của Đảng ta, thì một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên

1. Hồ Chí Minh, *Sđd*, t. 5, tr. 298.

lại có biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, giảm sút ý chí, phai nhạt về lý tưởng, dao động về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong khi công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang bước vào giai đoạn cần đẩy nhanh tốc độ thì có người lại làm việc cầm chừng, chỉ lo thu vén lợi ích cá nhân, bệnh cơ hội, tệ tham nhũng, quan liêu, lãng phí... gắn với tình trạng coi thường kỷ cương, phép nước ở một bộ phận cán bộ, đảng viên, đặc biệt là các cán bộ lãnh đạo cao cấp vẫn đang diễn ra nghiêm trọng như: Bùi Tiến Dũng (PMU18), Giang Kim Đạt (Vinashin), Dương Chí Dũng (Vinalines), Đinh La Thăng (PNV), Trịnh Xuân Thanh (PVP land và PVC), Phan Văn Anh Vũ - Vũ “Nhôm” (DAB), Nguyễn Thanh Hóa, Phan Văn Vĩnh (đường dây đánh bạc nghìn tỷ tại Phú Thọ), Đinh Ngọc Hệ - “Út Trọc” (Tổng công ty Thái Sơn),... Mặc dù các sai phạm trên đã được xử lý nghiêm minh trên tinh thần kiên quyết, khách quan, công khai và minh bạch và được nhân dân cả nước đồng tình, ủng hộ. Nhưng thiết nghĩ, đây là một bài học đắt giá mà chúng ta phải trả cho những sai phạm trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng trong thời gian qua. Chính vì vậy, hơn lúc nào hết, giờ đây chúng ta cần phải thẳng thắn nhìn lại những khuyết điểm, hạn chế, nhận thức một cách sâu sắc hơn và càng thấm thía hơn những bài học kinh nghiệm xương máu mà chúng ta đã phải trả giá cho việc để mất cán bộ, cũng như những tổn thất nặng nề trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt tổn thất nặng nề nhất chính là mất đi lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Những tồn tại, khuyết điểm nêu trên không chỉ đang hạn chế, kìm hãm bước tiến của công cuộc đổi mới, kiến thiết nước nhà mà còn là nguy cơ đe dọa cho sự tồn vong của Đảng, nhà nước và chế độ. Chính vì vậy, việc chúng ta cùng nhau nhắc lại tư tưởng của Người về xây dựng và chỉnh đốn Đảng với tư cách *việc cần phải làm trước tiên*, có thể nói là việc làm có ý nghĩa thời sự cấp bách và vô cùng thiết thực để thật sự nâng năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng lên một tầm cao mới, xứng đáng là một Đảng cầm quyền, đáp ứng được những yêu cầu và nhiệm vụ lịch sử đặt ra trong thời đại mới đồng thời đáp ứng những di nguyện cuối đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Với tất cả những nội dung trên, những tư tưởng và luận điểm có giá trị bền vững, sau 50 năm tồn tại, giờ đây, Di chúc của Hồ Chí Minh đã và sẽ mãi là cơ sở lý luận nền tảng với những luận điểm quan trọng mang tầm chiến lược và khái quát cao. Đặc biệt là những lý luận kinh điển trong việc xây dựng Đảng và củng cố Đảng cầm quyền của Người đã thể hiện một tầm nhìn toàn diện, tổng thể, bao quát trong một thời gian dài và không gian rộng, vượt qua và đúng với mọi thời đại. Trong tình hình hiện nay, chúng ta càng không được xa rời những lý luận mà Người đã đưa ra trong bản Di chúc mà phải nhận thức và vận dụng một cách sâu sắc, linh hoạt và triệt để hơn nữa. Đúng như lời thề thiêng liêng mà đồng chí Lê Duẩn đã thay mặt toàn Đảng, toàn dân, toàn quân hứa với Người, trước lúc Người đi xa. Trước mắt, chúng ta phải phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) *“Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”*. Với tất cả tinh thần đó, chúng ta có thể nói: Di chúc của Hồ Chí Minh không chỉ là một văn kiện chính trị lịch sử bất hủ, mà còn là kim chỉ nam định hướng và chỉ đạo hành động của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. /.

DI CHÚC HỒ CHÍ MINH VỚI VẤN ĐỀ XÂY DỰNG “VĂN MINH CẨM QUYỀN” CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*Bùi Thị Hương**

1. Văn hóa, văn minh và văn minh cầm quyền

Các định nghĩa về văn hóa, văn minh hiện nay rất đa dạng. Mỗi định nghĩa đề cập đến những dạng thức hoặc những lĩnh vực khác nhau của văn hóa, văn minh. *Nhưng khi xem xét văn hóa, văn minh dưới góc độ chính trị - một lĩnh vực hoạt động rộng lớn và hết sức quan trọng, quyết định vận mệnh của đất nước và sự phát triển của xã hội và con người* do vậy, phạm vi và nội hàm của những thuật ngữ này sẽ được thu gọn. Tuy nhiên, phải nhấn mạnh thêm rằng, trong tư duy cần loại bỏ các quan điểm đồng nhất giữa văn hóa với chính trị, văn hóa chính trị không phải bản thân chính trị, càng không phải bản thân văn hóa mà là chính trị bao gồm tính văn hóa từ bản chất bên trong của nó. Do đó, trong lịch sử phát triển của nhân loại, kể từ khi xã hội có sự phân chia giai cấp cùng sự ra đời và phát triển của các Đảng chính trị, vấn đề này đã được nhiều lần đề cập. Là một trong những nội dung cốt lõi của văn hóa chính trị, vấn đề “văn minh cầm quyền” cũng trở nên thu hút và đặt ra nhiều vấn đề đáng lưu tâm.

Những tranh cãi xoay quanh sự tương đồng và khác biệt giữa hai khái niệm “văn hóa cầm quyền” và “văn minh cầm quyền” đã cho thấy mức độ phức tạp và sâu sắc trong nghiên cứu chính trị. Trên thực tế, cả hai cùng chia sẻ quan điểm nhận thức chung về đối tượng và các vấn đề liên quan đến nội dung, phương thức và năng lực cầm quyền của Đảng chính trị. Nhưng nhìn ở khía cạnh tích cực của nó, “văn minh cầm quyền” phản ánh mức độ đi lên, sự tiến bộ, khoa học và thực tiễn trên cơ sở nền tảng của văn hóa cầm quyền. Tương tự đây là một vấn đề hết sức mới mẻ nhưng trên thực tế, nó đã được Hồ Chí Minh đề cập đến trong các bài viết, bài nói chuyện và tác phẩm của mình, tiêu biểu là bản Di chúc cá nhân. Di chúc viết: “Đảng ta là một đảng cầm quyền”¹. Vậy cầm quyền như thế nào mới được gọi là văn minh? “Văn minh cầm quyền” nên được hiểu như thế nào?

Nhìn lại lịch sử hình thành và phát triển của dân tộc, sau gần 90 năm ở vị thế Đảng cầm quyền, nhiều vấn đề liên quan đến Đảng cầm quyền cả trong lý luận lẫn hoạt động thực tiễn vẫn chưa thực sự sáng tỏ, thậm chí ở nhiều thời điểm việc xử lý còn lúng túng. Vì lẽ đó, tìm hiểu, nghiên cứu bước đầu về “văn minh cầm quyền” qua tác phẩm Di chúc Hồ Chí Minh là một phần quan trọng trong quá trình nhận thức về Đảng và các vấn đề chính trị nóng bỏng hiện nay. Đây cũng là cơ sở để giải thích, làm rõ và bổ sung thêm về mặt lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam trong bối cảnh mới.

* *HVCH Khoa Lịch sử, trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn – ĐHQG TP. HCM*

1. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP. HCM, 2009, tr. 33.

2. Biểu hiện của văn minh cầm quyền trong tác phẩm Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Muốn chỉ ra những biểu hiện của văn minh cầm quyền, trước hết, cần phải nhận thức về đối tượng cầm quyền: Đảng cầm quyền. Ở những quốc gia đa đảng, chính sự tồn tại và phát triển của nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa đã cho phép hình thành tại đó nhiều thực thể chính trị, để đại diện và bảo vệ quyền lợi riêng biệt cho từng giai cấp đã dẫn đến quá trình xung đột và hiện tượng tranh giành quyền lực chính trị. Có nhiều phương thức để các thực thể chính trị (sau là Đảng chính trị) đạt được mục tiêu quyền lực nhưng đấu tranh nghị trường và bạo lực cách mạng được xem là phương thức chủ yếu. Đấu tranh nghị trường trở thành phương thức khá phổ biến ở các quốc gia phương Tây, nơi diễn ra hoạt động tranh giành quyền lực chính trị thông qua bầu cử giữa nhiều Đảng chính trị. Đảng nào đạt được đa số phiếu của cử tri và đại diện trong Nghị viện sẽ đứng ra thành lập chính phủ và trở thành Đảng cầm quyền. Trong một số trường hợp như không đạt được số phiếu mong muốn, các Đảng chính trị có thể liên minh với nhau trong việc nắm chính quyền và chia sẻ quyền lực chính trị. Ngược lại, ở Việt Nam, bối cảnh lịch sử, chính trị, các cơ sở về kinh tế, xã hội và tư tưởng đã quyết định đến vị trí và vai trò của Đảng Cộng sản ngay từ những ngày đầu thành lập. Về lý thuyết, sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành Đảng cầm quyền. Nhưng do những biến động và sự phức tạp của tình hình mà ở nhiều thời điểm, sự cầm quyền của Đảng cộng sản Việt Nam không được trọn vẹn, thậm chí có giai đoạn phải tuyên bố tự giải tán, lui vào hoạt động bí mật, phải đổi tên Đảng. Điều này khiến cho nhận thức về Đảng cầm quyền và vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam chưa thực sự sáng tỏ.

Nhận thức về Đảng cầm quyền, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc xác định nội dung, phương thức và bước đi của Đảng, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay. Mặc dù lãnh đạo trước, cầm quyền sau nhưng Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn luôn thể hiện được vị trí và vai trò tuyệt đối của mình trong mọi vấn đề lịch sử kể từ thời điểm tổ chức chính trị này được thành lập. Với tư cách là người sáng lập Đảng, khởi thảo Đường lối thông qua Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt, điều lệ tóm tắt, và trực tiếp lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam ngay từ những buổi đầu của quá trình đấu tranh giành độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thức rõ ràng và sâu sắc về hai chữ “cầm quyền”, xem xét nó ở mức độ bản chất nhất, cụ thể nhất, rõ ràng nhất. Chính những điều đó đã góp phần hình thành nên cái gọi là “văn minh cầm quyền” của Đảng Cộng sản Việt Nam. “Văn minh cầm quyền” được diễn giải ở những nội dung cơ bản dưới đây:

2. 1. Tinh túy của dân tộc

Tinh túy dân tộc mà Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc đến trong Di chúc không gì khác là truyền thống đoàn kết. “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”¹. Đoàn kết được Người nhắc đến với tư cách là cơ sở quan trọng, là tiền đề cơ bản giúp thống nhất các lực lượng

1. Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd, tr. 33.

trong Đảng, kiên định với mục tiêu độc lập dân tộc, đặt lợi ích giai cấp và phục vụ nhân dân lên đầu mà còn là sợi keo gắn kết giữa Đảng với nhân dân. Đoàn kết là thành tố quan trọng tạo nên nguồn sức mạnh tổng hợp giúp đánh bại kẻ thù, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Hồ Chí Minh không quên nhấn mạnh “Đoàn kết là truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta”¹. Điều đó có nghĩa: đây không phải là một đặc điểm mới, tính cách mới, mà nó là kết quả của quá trình đấu tranh dựng nước, giữ nước kéo dài hàng ngàn năm trong lịch sử dân tộc của nhân dân Việt Nam. Nó được minh chứng qua nhiều thời kỳ, nhiều triều đại phong kiến, qua các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược cho đến tận thời đại ngày nay. Lúc sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh đến việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở đồng thuận của tinh thần yêu nước. “Lòng yêu nước và sự đoàn kết của nhân dân là một lực lượng vô cùng to lớn, không ai thắng nổi. Nhờ lực lượng ấy mà tổ tiên ta đã đánh thắng quân Nguyên, quân Minh, đã giữ vững quyền tự do, tự chủ. Nhờ lực lượng ấy mà chúng ta cách mạng thành công, giành được độc lập”². Chìa khóa vàng và cũng là tư tưởng quan trọng có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đó là xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, mà một trong những nhân tố tạo ra nó chính là tinh thần yêu nước.

Chưa dừng lại ở đó, Người còn đặt ra yêu cầu đối với từng đối tượng cụ thể, đặc biệt là cán bộ Đảng: “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”³. Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng bởi chỉ có duy trì được sự thống nhất trong nội bộ Đảng mới tạo ra sức mạnh nội lực, tăng sức đề kháng của Đảng, hạn chế mâu thuẫn, xung đột và các nguy cơ tan rã từ bên trong, củng cố vững chắc vị trí và vai trò của Đảng đối với cách mạng Việt Nam. Người cũng đưa ra phương thức để đoàn kết và duy trì sự đoàn kết: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh phê bình và tự phê bình... phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”⁴.

Cùng một nội dung “đoàn kết” nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra ba khía cạnh lớn: (1) đoàn kết là cơ sở của sự thống nhất trong Đảng và giữa Đảng với nhân dân; (2) đoàn kết là thành tố có tính chất quyết định đến sự thắng lợi của cách mạng; (3) đoàn kết là truyền thống quý báu của dân tộc, cần phải được gìn giữ và phát huy trong mọi hoàn cảnh. Muốn đoàn kết, phương cách tốt nhất là thực hành dân chủ, nghiêm túc phê bình và tự phê bình, và gắn kết tình đồng chí.

2. 2. Mẫu mực về đạo đức

Vấn đề đạo đức cách mạng đã được Hồ Chí Minh đề cập nhiều lần trong các bài viết, bài nói chuyện và những tác phẩm của mình như Đường cách mệnh (1927), Sửa đổi lỗi làm việc (1947), Đạo đức cách mạng (1958), trong đó có cả Di chúc của mình. Bản thân Người cũng là tấm gương mẫu mực về đạo đức. Các tác phẩm của Người cho phép hình dung một cách toàn diện và hệ thống về nguồn gốc, vai trò cũng như nội dung và giá trị của đạo đức cách mạng dành cho cán bộ, đảng viên. Những chuẩn mực về mặt đạo đức không chỉ có

1. Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, *Sđd*, tr. 33.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 7, tr. 164.

3. Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, *Sđd*, tr. 33.

4. Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, *Sđd*, tr. 33.

mối quan hệ biện chứng với nhau mà trong bản thân từng chuẩn mực, các nội dung được đề cập cũng liên kết chặt chẽ và bổ sung cho nhau. Lần đầu tiên Người đề cập đến vấn đề này là năm 1924, trong bài viết “Lênin và các dân tộc phương Đông”. Người đã chỉ ra sự cao đẹp và vĩ đại của người thầy – Lênin – người mà Chủ tịch Hồ Chí Minh hết lòng yêu mến, kính trọng “là tính coi khinh sự xa hoa, tinh thần yêu lao động, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị”¹. Là một trong những cảm nang quan trọng về đạo đức của người cán bộ, tác phẩm Đường cách mệnh cũng đã khẳng định: “Đạo đức là cái gốc của người cách mạng”² và chỉ rõ tư cách của người cách mạng trên nhiều tiêu chí, trong đó phải thể hiện được ba khía cạnh cụ thể: đối với mình, đối với Người, và đối với việc. Đó cũng là những chuẩn mực cần có của bất kỳ người cán bộ, đảng viên nào.

Di chúc Hồ Chí Minh là sự tiếp tục và hoàn thiện những lý luận của người về vấn đề đạo đức và tư cách người cách mạng, nhưng nó cũng phản ánh tư duy và tầm nhìn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người đã đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò cầm quyền “*Đảng ta là Đảng cầm quyền*” và trọng trách lịch sử của Đảng, tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên trước Đảng và trước nhân dân. Di chúc viết: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”³. Rõ ràng, sự tồn tại của một tổ chức chính trị như Đảng Cộng sản không thể thiếu nhân tố con người, trong đó, các đảng viên giữ vai trò chủ chốt và có tính chất quyết định nhất. Sự trong sạch của hệ thống Đảng, sự lớn mạnh và vững chắc của tổ chức, cơ sở Đảng phụ thuộc rất lớn vào trình độ, phẩm chất và thái độ của người cán bộ, Đảng viên. “*Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*” là những phẩm giá cách mạng cần có và phải có, là những tiêu chuẩn đạo đức mà người cách mạng cần phải đạt được và luôn luôn tìm mọi cách để hoàn thiện chính mình. Từ việc nêu ra nhiệm vụ hoàn thiện tư cách đạo đức người đảng viên, Hồ Chí Minh đặt ra vấn đề có tính chất nguyên tắc: “*Đảng phải xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân*”.

Thể hiện tầm nhìn xa, trông rộng, Người hướng sự chú ý của mình vào Đoàn viên, thanh niên vốn là lực lượng dự bị quan trọng của Đảng. Nhận thức về thế mạnh của Đoàn viên, thanh niên, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận xét: “nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ...”. Đây là những đức tính tốt đẹp của tầng lớp Thanh niên cách mạng Việt Nam. Nó là sự đúc rút từ thực tiễn cách mạng nhưng đồng thời nó cũng thể hiện tình yêu thương, sự quan tâm và niềm tin sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với thế hệ trẻ. Xác định đây là lực lượng có vai trò không thể thiếu đối với mọi thắng lợi của cách mạng, Người căn dặn Đảng ta phải quan tâm chăm lo đào tạo, bồi dưỡng thế hệ kế tục sự nghiệp cách mạng cho đời sau: “chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa hồng vừa chuyên”⁴. Người cũng khẳng định đây là một việc “*rất quan trọng và cần thiết*”.

Giá trị đạo đức mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập trong Di chúc là “đạo đức cách

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 1, tr. 317.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 2, tr. 280.

3. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr. 33.

4. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sđd*, tr. 33.

mạng” với hệ chuẩn mực giá trị người cán bộ Đảng viên phải “cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”. Giá trị đó phải được thể hiện bằng hành động, mà một trong những hành động đặc biệt nhấn mạnh đó là sự tu dưỡng, trui rèn và hoàn thiện mình trong điều kiện Đảng cầm quyền. Đó là đạo đức trong quan hệ giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với tổ chức và giữa tổ chức với nhân dân.

2. 3. Quyết sách khoa học, đột phá, gắn với thực tiễn và mang tính thời đại

Một trong những tiêu chí để xem xét “văn minh cầm quyền” của một Đảng chính trị - Đảng Cộng sản Việt Nam là việc đề ra và thực hiện các quyết sách một cách khoa học, đột phá, gắn với thực tiễn và mang tính thời đại.

Vấn đề cốt lõi của mọi cuộc cách mạng là giành chính quyền và giữ chính quyền. Do vậy, trong bối cảnh đất nước bị đế quốc Mỹ xâm lược, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, trên hết phải là “*quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn*”. Đây rõ ràng là một bài toán khó nhưng với một niềm tin sâu sắc “Đế quốc Mỹ nhất định phải rút khỏi nước ta, Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”¹, cuộc đấu tranh cách mạng sẽ đi đến thắng lợi hoàn toàn. Đặt niềm tin và hy vọng vào sự toàn thắng, song niềm tin ấy lại được Người xây dựng dựa trên những yếu tố thực tế, sẵn có. Đó là sự “anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù... luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng”² nhân dân. Nhiệm vụ to lớn có thực hiện được hay không còn phụ thuộc vào tính khả thi của nó. Như đã khẳng định trước đó, đoàn kết, yêu nước và trung thành với lý tưởng cộng sản là những điều kiện quan trọng quyết định đến sự thắng lợi của cuộc cách mạng của dân tộc ta. Điều này thể hiện được tính thực tiễn của việc giải quyết nhiệm vụ.

Đối với một Đảng cầm quyền, vai trò và vị trí của nó không chỉ được thể hiện trong việc giành phiếu bầu, đưa người của mình vào những cơ quan nhà nước mà còn phải đưa ra những quyết sách phù hợp với lợi ích mà Đảng đó đại diện. Đảng Cộng sản Việt Nam thì khác, vai trò lãnh đạo và cầm quyền vốn được xác lập ngay từ những ngày đầu sau khi thành lập, đứng trên lập trường của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ lãnh đạo giai cấp công nhân mà còn lãnh đạo các giai cấp khác đứng lên giành quyền lực chính trị, đồng thời phải đưa ra những quyết sách hướng đến lợi ích của toàn thể nhân dân. Điều này trong Di chúc, Hồ Chí Minh đã khẳng định rất rõ: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”³. Tức là bên cạnh nhiệm vụ lãnh đạo cách mạng đi đến thắng lợi, Đảng phải đưa ra các chính sách để thúc đẩy sự phát triển về mọi mặt, trong đó có cả phát triển kinh tế và văn hóa. Mục đích cuối cùng là nhằm nâng cao đời sống của nhân dân.

Chỉ khi Đảng cầm quyền đưa ra được các quyết sách khoa học (được chuẩn bị tốt, có lộ trình, có bước đi chắc chắn, mang lại hiệu quả cao), đột phá (tạo giá trị gấp bội), thực tiễn (có khả năng áp dụng trong thực tế) và mang tính thời đại (tính chất sâu rộng, mang tầm quốc tế) thì Đảng đó mới thực sự trở thành một Đảng kiểu mẫu. Về tính thời đại, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến sự lớn mạnh của phong trào công nhân, sự cổ vũ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trong cuộc chiến chống chủ nghĩa thực dân và đế quốc trên phạm vi toàn thế giới. Như vậy

1. Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd, tr. 34.

2. Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd, tr. 34.

3. Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd, tr. 34.

có thể nói rằng, “Văn minh cầm quyền” không hoàn toàn là một hình thức, phương thức lãnh đạo có tính tiến bộ và đột phá. “Văn minh cầm quyền” phải được dựa trên những giá trị cốt lõi cơ bản, chuẩn mực nền tảng và tính khoa học, sáng tạo. Nhưng như vậy vẫn là chưa đủ để một Đảng cầm quyền - ở đây là Đảng Cộng sản Việt Nam để đạt đến cái gọi là “văn minh cầm quyền”. Hệ giá trị mà Đảng Cộng sản Việt Nam tạo ra trong quá trình cầm quyền và lãnh đạo phải luôn luôn đáp ứng được hai mặt: tính thực tiễn và tính thời đại. Di chúc Hồ Chí Minh đã đưa ra những lý luận có giá trị sâu sắc không chỉ về nội dung, phương thức hoạt động mà còn chỉ ra những yêu cầu cần thiết nhằm xây dựng và phát triển Đảng.

3. Những vấn đề đặt ra đối với việc xây dựng “văn minh cầm quyền” của Đảng Cộng sản Việt Nam trong bối cảnh hiện nay

Hơn một nửa thế kỷ kể từ ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt bút viết những dòng cuối cùng, Di chúc của Người vẫn còn nguyên giá trị. Nửa thế kỷ đã trôi qua, Di chúc của Người vẫn luôn đồng hành với Đảng, nhân dân, là ngọn đuốc soi đường cho cách mạng nước ta trên hành trình đấu tranh, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong bối cảnh hiện nay, xây dựng “văn minh cầm quyền” đã trở thành một trong những nhiệm vụ cực kỳ quan trọng và cần thiết đối với Đảng Cộng sản Việt Nam.

Bối cảnh mới không chỉ mang đến những thuận lợi mà còn đặt ra không ít thách thức đối với vị trí và vai trò cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nếu như văn hóa cầm quyền trước đây được nhìn nhận ở tư duy chính trị, đường lối cách mạng và những thành tựu vĩ đại trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội thì ngày nay, ở một mức độ cao hơn, phạm vi rộng hơn và ý nghĩa sâu sắc hơn là “văn minh cầm quyền”. Như đã chỉ ra những biểu hiện cơ bản được thể hiện trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở phần trước, “văn minh cầm quyền” là tổng hợp của 3 yếu tố: tinh túy dân tộc, mẫu mực đạo đức và sự đúng đắn, khoa học, thực tiễn, thời đại của những quyết sách chính trị. Đây là những giá trị cốt lõi, nền tảng khoa học và bao hàm trong nó cả tính mới, toàn diện và sâu sắc. Thế nhưng, sự biến động không ngừng của tình hình thế giới, trong nước đã và đang đặt ra những vấn đề không nhỏ đối với việc xây dựng “văn minh cầm quyền” của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó cần chỉ ra:

Thứ nhất, đó là việc giữ gìn, vận dụng và phát huy giá trị truyền thống của dân tộc trong việc xây dựng văn minh cầm quyền của Đảng.

Thứ hai, đó là việc không ngừng nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ, Đảng viên nhằm tăng cường sức mạnh nội lực cũng như sức đề kháng của Đảng trước thách thức mới.

Thứ ba, mối quan hệ giữa đạo đức và văn minh: giá trị cốt lõi, nền tảng khoa học và tính sáng tạo – làm thế nào để cân bằng các giá trị trong quá trình xây dựng và đổi mới của Đảng.

Không chỉ ở Việt Nam, xây dựng văn hóa chính trị nói chung, văn minh cầm quyền nói riêng là vấn đề hết sức quan trọng và cần thiết tại nhiều quốc gia trên thế giới. Bởi sự “thiếu sự gắn bó chặt chẽ giữa văn hóa với kinh tế, chính trị”¹ đã, đang và sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tác động đến niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Văn minh cầm quyền của Đảng có vai trò quan trọng trong quá trình đổi mới và phát triển đất nước, là cơ sở củng cố sâu sắc mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, là chìa khóa vàng cho việc duy trì và phát triển chế độ./.

1. xaydungdang.org.vn

TỪ ÁNH SÁNG DI CHỨC CỦA BÁC, NGHĨ VỀ PHẨM CHẤT CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN HIỆN NAY

*TS. Nguyễn Khoa Huy**

1. Đặt vấn đề

2/9/1969 toàn thể dân tộc Việt Nam và nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới vô cùng đau xót trước tin vị cha già kính yêu - Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từ già thế gian. Sự ra đi của Người là một mất mát lớn, một nỗi đau lớn. Cả cuộc đời cống hiến, chưa một phút ngơi nghỉ, đến lúc chuẩn bị nhắm mắt xuôi tay, Người vẫn không quên trách nhiệm của mình đối với dân với nước, không quên căn dặn đối với những người ở lại. Những lời căn dặn nhẹ nhàng mà sâu sắc cuối cùng ấy thể hiện đầy đủ trong bản Di chúc thiêng liêng của Người. 50 năm đã qua với biết bao thay đổi, nhưng những nội dung trong bản Di chúc, đặc biệt là tư tưởng đạo đức của Bác đến nay vẫn sống mãi, ngày càng khẳng định giá trị và tính cấp thiết.

2. Thực trạng phẩm chất của người cán bộ, đảng viên hiện nay

Thời đại ngày nay, dưới tác động của cơ chế thị trường đã kích thích sự phát triển kinh tế, nâng cao đời sống xã hội của người dân, tạo điều kiện cho sự phát triển của con người về mọi mặt. Con người sẽ trở nên tự chủ, quyết đoán và năng động hơn. Có không ít những tấm gương sáng về phẩm chất đạo đức, những cán bộ, đảng viên ưu tú như: Đồng chí Trương Thành Hỷ - tổ trưởng tổ dân phố, tổ 7, ấp Nam Thới, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn. Ông là lão thành cách mạng, đảng viên cao tuổi (95 tuổi) nhưng luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, làm nhiều việc tốt; đồng chí Nguyễn Ngọc Ân, chủ tịch Hội Người cao tuổi, Bí thư chi bộ Khu phố 2, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Với vai trò Bí thư Chi bộ, đồng chí luôn sâu sát địa bàn khu phố, có mặt trong nhiều hoạt động xã hội, làm cầu nối đưa chính sách của Đảng về với đảng viên trong Chi bộ và người dân khu phố. Thiếu tá Võ Hồng Hoàng, một Đảng viên gương mẫu trong Chi bộ, Ban Chỉ huy Đội điều tra tổng hợp Công an huyện Bình Chánh. Đồng chí luôn nêu cao ý thức tự giác trong công việc, tích cực học tập và rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ, sẵn sàng giúp đỡ đồng nghiệp, có trách nhiệm với gia đình. Tiến sĩ Vũ Bích Ngọc – giảng viên Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, một đảng viên, một nhà nghiên cứu khoa học trẻ. Đồng chí đã có nhiều cống hiến cho các hoạt động khoa học như: ứng dụng tế bào gốc; nghiên cứu mạch máu; mô sụn nhân tạo,...

Bên cạnh những mặt tích cực, dưới sự tác động của cơ chế thị trường đã gây ra những hiện tượng tiêu cực đối với đạo đức và tiến bộ xã hội. Đó chính là tình trạng tham nhũng, lối sống thực dụng, chủ nghĩa cá nhân hay sự suy thoái về đạo đức của một số cán bộ, đảng viên. Nó trở thành điểm nóng, hồi chuông báo động, cũng như nỗi đau của nhiều gia đình và xã hội. Ví như: Vụ đại án Kinh tế tại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng công ty Xây

**Trường Đại học Nông lâm TP. HCM*

lắp Dầu khí mà người đứng đầu là Đinh La Thăng và Trịnh Xuân Thanh. Lần đầu tiên trong lịch sử tổ tụng Việt Nam, một người từng là Ủy viên bộ chính trị - Đinh La Thăng bị truy tố và đưa ra xét xử về tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng. Dự luận chưa hết bàng hoàng thì tháng 7/2018 một vụ án lớn thứ hai được đưa ra ánh sáng. Người đứng đầu vụ án này lại chính là một vị tá trong quân đội, cựu Thượng tá quân đội Đinh Ngọc Hệ (tức Út “trọc”). Ông bị truy tố về tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thi hành công vụ và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Sau 2 vụ án kinh tế trên không lâu thì vụ án “Đánh bạc nghìn tỷ” qua mạng khiến người dân không khỏi giật mình vì những con số quá lớn (đường dây thu lời bất chính 9. 850 tỷ đồng¹). Điều nhức nhối nhất trong vụ án là sự “nhúng tay” của hai vị tướng công an: cựu Tổng Cục trưởng Tổng Cục Cảnh sát, Anh hùng lựclượng vũ trang, Trung tướng Phan Văn Vĩnh và Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, thiếu tướng Nguyễn Thanh Hoá. Hai ông đã lợi dụng chức vụ quyền hạn trong thi hành công vụ, bảo kê cho đường dây đánh bạc ngàn tỷ do Nguyễn Văn Dương, Phan Sào Nam tổ chức...

Trong bài nói chuyện với bộ đội, công an và cán bộ trước khi vào tiếp quản thủ đô, Bác Hồ từng cảnh báo rằng “Học cái tốt thì khó, ví như người ta leo núi, phải vất vả, khó nhọc mới đến đỉnh. Học cái xấu thì dễ, như ở trên đỉnh núi trượt chân một cái là nhào xuống vực sâu”². Đến bản Di chúc cuối cùng này, một lần nữa Người nhấn mạnh cán bộ, đảng viên phải “là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”³, phải gương mẫu trong lối sống trong công việc để dân tin, dân yêu. Người nhắc đi nhắc lại nhiều là vì Người lo, lo cho các đồng chí, lo cho các đảng viên. Thực tế cho thấy là khi đấu tranh với kẻ thù nhiều người rất anh dũng, nhưng đấu tranh với chính bản thân mình, đấu tranh với những tham vọng thấp hèn thì lại thua cuộc, sống buông thả dễ rồi rơi xuống “cái vực sâu”. Thật xót xa trước thực trạng đạo đức xuống cấp của một số cán bộ, đảng viên hiện nay. Gần đây, dự luận kinh hoàng và bức xúc với vụ án Phó phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Thái Bình, thượng tá - Phạm Văn Lam và 3 người khác đã dâm ô tập thể nữ sinh lớp 9 ở Thái Bình, lại càng căm phẫn hơn vụ sàm sỡ bé gái trong thang máy của Nguyễn Hữu Linh. Một người đại diện cho luật pháp, từng làm đến chức Viện phó Viện kiểm sát nhân dân Đà Nẵng, luật sư Đoàn luật sư Đà Nẵng, nhưng lại có hành động biến thái, vi phạm pháp luật.

“Nhân dân luôn đòi hỏi cán bộ lãnh đạo từ Trung ương tới cơ sở phải thực sự là tấm gương ngời sáng về phẩm chất, năng lực và uy tín”⁴. Với những việc làm, hành động và lối sống thác loạn như thế, liệu người dân có còn trân trọng, có còn dám tin vào các vị ấy nữa không? Ngẫm lại những lời căn dặn trước lúc đi xa của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức, đặc biệt đối với cán bộ, đảng viên càng khiến chúng ta không khỏi giật mình và xót xa: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm

1. Ngọc Long: *Tuyên án 92 bị cáo trong đường dây đánh bạc nghìn tỷ qua mạng*, truy cập ngày 10 tháng 05 năm 2019 từ <http://nhandan.com.vn>

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 7, tr. 346.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 516.

4. Nguyễn Uyển: *Xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng - Quyền lực và phẩm chất quyền lực*, truy cập ngày 1 tháng 06 năm 2019 từ <http://tapchicongsan.org.vn>

liêm chính, chí công vô tư”¹. Mấy chục năm trôi qua, nhưng lời nhắc nhở của Bác Hồ trong Di chúc đối với cán bộ, đảng viên vẫn vang mãi, vẫn nguyên vẹn, rất cảm động và giàu ý nghĩa. Từng câu từng chữ chứa đựng tấm lòng, tình cảm, trách nhiệm của vị cha già kính yêu của dân tộc, vừa cương quyết lại vừa tha thiết. Nếu những con người trên, biết trân trọng và làm theo lời dạy của Bác Hồ, biết sống “cần kiệm liêm chính, chí công vô tư” thì đâu đến nỗi gây ra những sai lầm nghiêm trọng như vậy. Bị cáo Đinh La Thăng bị toà tuyên án 30 năm tù; Đinh Ngọc Hệ bị 12 năm tù; Phan Văn Vĩnh 9 năm tù, Nguyễn Thanh Hoá 10 năm tù giam... là cái giá phải trả cho sự tham lam, lối sống buông thả, xa rời đạo đức cách mạng.

3. Rèn luyện phẩm chất cán bộ, đảng viên theo Di chúc của Bác

“Có thể nói, một xã hội ổn định, phát triển bền vững là một xã hội được xây dựng trên nền tảng kinh tế phát triển, đạo đức và lối sống lành mạnh. Một Đảng muốn vững mạnh phải đứng vững trên nền tảng trí tuệ và đạo đức”². Để giúp cho các cán bộ, đảng viên tránh những sai lầm trên và xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, thiết nghĩ cần có nhiều biện pháp, nhưng trong đó quan trọng nhất là giáo dục đạo đức. Đặc biệt là cần phải giáo dục tinh thần theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Việc giáo dục đạo đức có thể tiến hành bằng nhiều hình thức, nhiều hoạt động khác nhau. Ví như thông qua các lớp bồi dưỡng, học tập theo tấm gương của Bác Hồ... Qua các lớp học này, cán bộ, đảng viên không chỉ nhận thức mà cần phải làm theo tinh thần vì dân vì nước của Bác. Đặc biệt là thấm nhuần tư tưởng đạo đức trong bản Di chúc thiêng liêng. Biến những lời dạy của Bác trong Di chúc trở thành một phần của cuộc sống, cũng như sống mãi trong tâm trí của mỗi cán bộ, đảng viên.

Trong bản Di chúc, Người chú trọng, căn dặn cán bộ, đảng viên: “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”³. Câu nói súc tích, ngắn gọn mà nhiều ý nghĩa và tính cấp thiết. Đặt trong hoàn cảnh hiện nay, tính cấp thiết ấy lại càng thể hiện rõ. Để giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng cũng như phẩm chất trong sáng, các cán bộ, đảng viên cần phải “thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình”⁴. Nếu không phê bình, không tự phê bình thì đó là “thái độ của những đảng viên và cán bộ uơ hèn yếu ớt”⁵. Trước hết đối với “tự phê bình”, người tự phê bình phải trên tinh thần tự giác, mạnh dạn và thẳng thắn nêu ra khuyết điểm của bản thân, không phải qua loa xong chuyện. Vì nếu làm cho xong chuyện, thì sẽ mất tác dụng của việc “tự phê bình” và rơi vào bệnh hình thức. Lúc đó không những mất ý nghĩa của việc tự phê bình mà còn khiến cho nó thêm trầm trọng hơn. Còn đối với “phê bình”, phê bình là chỉ ra những sai lầm và khuyết điểm của người khác. Nhưng để đạt hiệu quả, người phê bình cần có thái độ khách quan, chính xác và công tâm. Tuyệt đối không vì mục đích cá nhân, lợi ích nhóm mà bôi nhọ, xúc phạm hay “hạ bệ” người khác. Do đó, nếu phê bình đúng “chẳng những không làm giảm thể diện và uy tín của cán bộ, của Đảng. Trái lại, còn làm cho sự lãnh

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 516.

2. Nguyễn Hữu Cát, Mạc Văn Nam: Giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, *Tạp chí Triết học*, số 9 (160), 2004, tr. 11-16.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 516.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 516.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 5, tr. 501.

đạo mạnh mẽ hơn, thiết thực hơn, do đó mà uy tín và thể diện càng tăng thêm”¹. Về phía người bị phê bình, cũng cần phải có tâm lý tiếp thu, họ phải “vui lòng nhận xét để sửa đổi, không nên vì bị phê bình mà nản chí, hoặc oán ghét”². “Tự phê bình và phê bình” sẽ giúp cho cán bộ, đảng viên nhận thức được điểm yếu của bản thân, đồng thời tiếp thu được ý kiến đóng góp của người khác. Nó được xem như “thang thuốc” chữa bệnh, là vũ khí chống lại kẻ địch bên trong. Thông qua “thang thuốc hay nhất là thiết thực tự phê bình và phê bình”³, “phần tốt trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân, làm cho mỗi một tổ chức tốt lên, phần xấu bị mất dần đi, tức là nói đến sự vươn tới chân, thiện, mỹ”⁴.

Không chỉ “thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình” mà cán bộ, đảng viên còn phải “thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”⁵. Cần, kiệm, liêm, chính là phẩm chất đạo đức quý giá luôn được Bác Hồ đề cao. Trong bài viết “Cần, kiệm, liêm, chính” đăng trên báo Cứu Quốc năm 1949, ở phần mở đầu Người đã đúc kết:

“Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông.
Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc.
Người có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính.
Thiếu một mùa, thì không thành trời.
Thiếu một phương, thì không thành đất.
Thiếu một đức thì không thành người”⁶.

Đến bản Di chúc, một lần nữa được Người lại nhấn mạnh “mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”. Cán bộ, đảng viên là những người đi đầu nên cần phải siêng năng, chăm chỉ.

Trong thời đại ngày nay, ngoài việc siêng năng, chăm chỉ còn cần phải biết năng động và sáng tạo để đạt hiệu quả cao trên tinh thần tuân thủ pháp luật của Nhà nước. Không chỉ “cần” mà cán bộ, đảng viên còn phải học tập tính tiết kiệm, tiết kiệm về thời gian, công sức và của cải. Các cán bộ, đảng viên phải là người gương mẫu, tuyệt đối tránh xa những hình thức hoang phí, xa hoa, phô trương, gây lãng phí tiền của của nhân dân, của nhà nước. Không được tham lam, sống cuộc sống trong sạch đó chính là “liêm”. Trước cơ chế thị trường, đối mặt với sức mạnh của đồng tiền và đầy rẫy những cám dỗ, để giữ vững được “liêm” đòi hỏi cán bộ, đảng viên càng phải có bản lĩnh và tinh thần cảnh giác cao. Cán bộ, đảng viên phải tuyệt đối nói không với những dục vọng, ham muốn thấp hèn. Cần, kiệm, liêm là gốc rễ của chính. Người cán bộ, đảng viên cần phải ngay thẳng, đứng đắn. Đối với mình, dù bản thân có tài, lập được nhiều thành tích lớn vẫn phải có thái độ khiêm tốn, chịu khó học tập, không được tự cao, tự đại. Đối với người khác thì phải có thái độ yêu thương, kính trọng và giúp đỡ, tránh xa kiểu hành xử “nịnh trên nạt dưới”. Các cán bộ, đảng viên khi xem xét một công việc gì, một vấn đề gì cũng cần phải trên tinh thần “chí công vô tư”.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 5, tr. 284.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 5, tr. 232.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 5, tr. 261.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 130.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 516.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 5, tr. 1312.

Là những người đi đầu, nắm trong tay những trọng trách lớn, các cán bộ, đảng viên phải ý thức, không vì quyền lợi hay lợi ích cá nhân, gia đình, họ hàng hay bè bạn mà làm ảnh hưởng đến lợi ích chung của nhân dân, của nhà nước. Nếu bản thân cán bộ, đảng viên luôn luôn đề cao “chí công vô tư” thì tâm hồn và đầu óc họ mới sáng suốt để làm tốt được công việc. Do đó, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là việc làm quan trọng và có tính cấp thiết. Trong đó, đặc biệt chú trọng đến tư tưởng đạo đức được thể hiện trong bản Di chúc thiêng liêng của Người.

Cán bộ, đảng viên phải luôn ghi nhớ lời căn dặn cuối cùng của Bác trước lúc ra đi, đó là “phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”¹. Một câu nói rất ngắn gọn nhưng chứa đựng ý nghĩa to lớn. Câu nói có hai vế rõ ràng: là người lãnh đạo nhân dân và là người đầy tớ của nhân dân. Thực tế cho thấy một số cán bộ, đảng viên hiện nay chỉ nhớ vế trước “người lãnh đạo” nhân dân, còn xa rời chức trách “người đầy tớ”. Để không mắc phải những sai lầm, gây mất niềm tin cho nhân dân thì họ cần phải ghi nhớ để thực hiện đúng và đủ vai trò, trách nhiệm của mình đối với dân. Vấn đề này không phải đến bản Di chúc thì Người mới đề cập, mà nó đã được quan tâm và nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Cụ thể như: Trong buổi bế mạc Hội nghị cán bộ của Đảng lần thứ sáu, 18/1/1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “Trước mặt quần chúng, không phải ra cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”². Đến ngày 10/02/1967, tại buổi nói chuyện với cán bộ tỉnh Hà Tây, Bác cũng đã nhắc nhở “Mỗi người đảng viên, mỗi người cán bộ từ trên xuống dưới đều phải hiểu rằng: mình vào Đảng để làm đầy tớ cho nhân dân... chứ không phải là quan nhân dân”³. Đến bản Di chúc ra đời năm 1969, là những lời nhắc nhở cuối cùng của Bác về các vấn đề, trong đó có đạo đức cán bộ, đảng viên. Các cán bộ, đảng viên phải: “xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”. Sự khẳng định các cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ của nhân dân, không hề mâu thuẫn mà nó thể hiện sự thống nhất, gắn bó với nhau. Mặt này làm điều kiện, tiền đề cho mặt kia phát triển. Làm người lãnh đạo, cán bộ, đảng viên phải có những phẩm chất của người lãnh đạo. Ví như luôn đi đầu, đưa ra những quyết sách kịp thời và hiệu quả, biết cách tổ chức và quản lý... Nhưng không vì thế mà hống hách, cậy quyền cậy thế, tự kiêu tự đại, không xem người dân ra gì... quên đi trách nhiệm là người đầy tớ của nhân dân. Ngược lại họ cần phải lắng nghe ý kiến của nhân dân, xem xét các đường lối đưa ra có phù hợp với tâm tư người dân không, có đáp ứng nhu cầu thiết thực của nhân dân không... từ đó điều chỉnh và sửa đổi cho hợp lý. Có như vậy, các chủ trương, đường lối, chính sách đó mới thực sự đạt hiệu quả, mới đảm bảo được sự phát triển rộng khắp. Cũng như người dân mới tin tưởng và ủng hộ. Có được sự tin tưởng và ủng hộ của nhân dân sẽ có được tất cả, vì “trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”⁴.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 516.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 5, tr. 552.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 226.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 8, tr. 276.

Mỗi cán bộ, đảng viên học tập tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh chính là học tập và làm theo tinh thần trách nhiệm đối với dân, với nước của Người. Trong bản Di chúc có một phần về việc riêng, tức là nói về bản thân Bác. Nói là về việc riêng, việc cá nhân sau cuối bản Di chúc (sau khi nói hết về việc Đảng, về đoàn viên và thanh niên, nhân dân lao động và cuộc kháng chiến chống Mỹ) nhưng từng câu từng chữ vẫn chứa đựng việc chung, đều mang một nỗi lo lớn, đó là lo cho dân, cho nước. “Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”, chưa dừng lại, Người còn nhấn mạnh: “Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức diếu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân”¹. Người lo, nỗi lo cho dân tộc và lo cho đất nước bị tổn kém về thì giờ và tiền bạc vì đám tang của Người. Một nỗi lo vĩ đại và lớn lao, một nỗi lo mang tên Hồ Chí Minh. Trong Di chúc đó, Người chỉ nói là về việc riêng, nhưng chúng ta nhận thấy đó cũng chính là việc chung, đó cũng chính là việc lấy bản thân làm gương. Qua mấy câu cuối này, tuy ngắn gọn nhưng giúp ta hiểu “mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư” là thế nào, “là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân” là ra sao.

Quan niệm về phẩm chất đạo đức của cán bộ, đảng viên của Bác Hồ thật rõ ràng, giản dị mà sâu sắc. Mỗi cán bộ, đảng viên phải luôn luôn ý thức, đồng thời căn cứ vào tình hình thực tế, từng nhiệm vụ cụ thể để vận dụng tư tưởng đạo đức của Người một cách linh hoạt, tránh máy móc cứng nhắc.

4. Kết luận

Thế kỷ XXI đang mở ra trước mắt ta với bao điều mới lạ, những xu thế mới vận hội mới. Bên cạnh vấn đề phát triển kinh tế, hoà nhập quốc tế, ứng dụng khoa học kỹ thuật... cần chú trọng vấn đề giáo dục đạo đức con người, nhất là đạo đức của người cán bộ, đảng viên theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

50 năm đã trôi qua, kể từ ngày Bác Hồ kính yêu của dân tộc đi vào cõi vĩnh hằng, nhưng những lời căn dặn của Người đến nay vẫn có giá trị và ý nghĩa to lớn. Từng câu từng chữ trong bản Di chúc chan chứa biết bao tư tưởng, tình cảm, cũng như nỗi niềm đối với dân với nước. Đúng như nhà thơ Phạm Tiến Duật đã từng viết:

*“Mặt trời lặn, mặt trời mang theo nắng
Bác ra đi để ánh sáng cho đời”². /.*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 518.

2. Đỗ Chu: *Đã nghe oanh gọi*, truy cập ngày 15 tháng 06 năm 2019 từ <http://antgct.cand.com.vn>

YÊU CẦU VỀ ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*CN. Nguyễn Thị Huyền**

Chủ tịch Hồ Chí Minh – người anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất, đã để lại cho toàn Đảng, dân tộc ta một kho tàng di sản vô giá - tư tưởng Hồ Chí Minh. Di sản tư tưởng đó không chỉ soi đường cho cách mạng Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ xâm lược, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội mà ngày nay trong thời kỳ hội nhập, đổi mới những giá trị tư tưởng đó vẫn còn nguyên vẹn. Đặc biệt là tư tưởng về đạo đức của cán bộ, đảng viên trong *Di chúc* của Bác. Dưới sự tác động của nền kinh tế thị trường, đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên đã và đang bị suy thoái làm ảnh hưởng tới uy tín của Đảng cũng như lòng tin của nhân dân đối với Đảng ta. Vì vậy, cần quán triệt, học tập sâu sắc tư tưởng đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh, góp phần củng cố xây dựng đạo đức của cán bộ, đảng viên nói riêng và xây dựng Đảng về đạo đức nói chung.

Trên thế giới, Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ đã bàn nhiều nhất tới vấn đề đạo đức và thực hành đạo đức, điều này thể hiện sự nhất quán trong tư tưởng của Người. Bởi ngay từ những ngày đầu đi tìm đường cứu nước, trong bài giảng đầu tiên cho lớp cán bộ, thanh niên yêu nước của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Bác đã đặt yêu cầu về đạo đức lên đầu tiên. Trong *Đường cách mệnh*, Bác đã đưa ra 23 điều tư cách người cách mạng lên phần đầu của tác phẩm, điều này cho thấy tầm quan trọng của đạo đức cách mạng và thể hiện ở ba mối quan hệ đối với mình, đối với người và đối với công việc. Cụ thể, *Đối với mình* có 14 tiêu chuẩn: “Cần kiệm. Hoà mà không tự. Cả quyết sửa lỗi mình. Cẩn thận mà không nhút nhát... Ít lòng tham muốn về vật chất. Bí mật”¹. Như vậy, với bản thân cán bộ, đảng viên Bác yêu cầu phải cần, kiệm, không tự cao, tự đại, luôn chịu khó học tập, cầu tiến, biết tự kiểm điểm để phát triển, sửa đổi bản thân. Đặc biệt, Người sử dụng từ “mà” khi yêu cầu “hòa mà không tự”, “cẩn thận mà không nhút nhát”, thể hiện sự hài hòa, không khiên cưỡng, hay Bác yêu cầu “ít ham muốn về vật chất”, thể hiện tư tưởng biện chứng, không cực đoan bởi đã là con người không ai có thể không ham muốn về vật chất, điều quan trọng là có được vật chất đó bằng cách nào và phải “ít” mà không “tham”. Như vậy, đây chính là những yêu cầu, tiêu chuẩn đầu tiên của người cách mạng, cán bộ, đảng viên nói riêng và từ đó Người đã khái quát thành những phẩm chất chung, cơ bản nhất của con người Việt Nam trong thời đại

**Trường Chính trị Trường Chinh Nam Định*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 2, tr. 280.

mới. Nói cách khác đó là những chuẩn mực đạo đức mới, đạo đức cách mạng Việt Nam, là bốn phẩm chất: Trung với nước, hiếu với dân; Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; Yêu thương con người và tinh thần quốc tế trong sáng.

Đối với người: “Với từng người thì khoan thứ; Với đoàn thể thì nghiêm; Có lòng bày vẽ cho người; Trục mà không táo bạo; Hay xem xét người”¹. Ở đây, Hồ Chí Minh đã chỉ ra cách ứng xử của người cách mạng trong các mối quan hệ với cá nhân, với đoàn thể. Cụ thể, với mỗi người thì phải có lòng bao dung, độ lượng, khoan thứ, luôn giúp đỡ, chân tình, thẳng thắn; không nịnh hót người trên, xem khinh người dưới, luôn giữ thái độ chân thành, thật thà, không lừa dối; điều này gắn với tư tưởng tự phê bình và phê bình của Bác. Mục đích của phê bình là phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm; học cái tốt của nhau và phê bình cái sai, khuyết điểm của nhau. Phê bình trên tinh thần yêu thương nhau; phê bình việc chứ không phê bình người, đây là tinh thần phê bình có ý nghĩa củng cố đoàn kết. Trong mối quan hệ với đoàn thể cần chấp hành nghiêm kỷ luật, tôn trọng sự lãnh đạo, quyết định của tập thể. Có thể thấy đây chính là cơ sở để xây dựng các tiêu chuẩn đạo đức phù hợp với các ngành, lĩnh vực công tác cụ thể; ví dụ đối với lực lượng công an nhân dân có 6 điều Bác Hồ dạy...

Đối với công việc phải: “Xem xét hoàn cảnh kỹ càng; Quyết đoán; Dũng cảm; Phục tùng đoàn thể”. Đây là những yêu cầu cụ thể về tinh thần, trách nhiệm của người cách mạng đối với công việc; phải đặt việc chung lên trên, lên trước việc riêng, việc nhà; đã phụ trách thì phải làm cho được, cho dù công việc có khó tới đâu cũng phải cố gắng làm, tìm ra cách giải quyết. Để hoàn thành được nhiệm vụ, người cách mạng cần xem xét, nắm kỹ tình hình cụ thể để tìm ra phương hướng, cách giải quyết cho hiệu quả; cần sự quyết đoán, dũng cảm, bởi trong nhiều tình huống nếu chậm chễ sẽ hỏng việc; không có lòng dũng cảm, sợ gian khổ, sợ nguy hiểm, hy sinh sẽ không thể hoàn thành nhiệm vụ và quan trọng là phục tùng đoàn thể, tuân theo sự chỉ đạo, phân công của tổ chức, đoàn thể. Như vậy, với ba luận điểm ngắn gọn, khái quát với tự mình, với người và với công việc, Hồ Chí Minh đã chỉ ra những yêu cầu về “tư cách” đối với người cách mạng, người cán bộ, đảng viên. Những yêu cầu đó, Người chỉ ra cách đây hơn 90 năm và cho đến hôm nay vẫn còn nguyên ý nghĩa và tính thời sự.

Tại sao Chủ tịch Hồ Chí Minh lại quan tâm đến vấn đề đạo đức cách mạng như vậy. Bởi đạo đức giữ vai trò là nền tảng trong xã hội: “làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp vẻ vang nhưng nó cũng là nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài và gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa, người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng mới hoàn thành được nhiệm vụ vẻ vang”². Và đạo đức là “gốc”, là sức mạnh của mỗi con người. Nó như gốc của cây, nguồn của sông; muốn có nước thì sông phải có nguồn, không có nguồn thì sông cạn, cây mà không có gốc thì cây héo. Người cách mạng muốn có gốc, có nguồn phải có đạo đức cách

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 2, tr. 280. .

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 11, tr. 601.

mạng; không có đạo đức, sẽ không làm nổi việc gì, càng không thể lãnh đạo cho dù tài giỏi mấy cũng không thể quy tụ, lãnh đạo được nhân dân. Hơn nữa, làm cách mạng giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát và nếu tự cán bộ, đảng viên không có đạo đức, không có gốc, thì không thể làm được.

Nếu như trong tác phẩm *Đường cách mạng*, vấn đề đầu tiên Bác quan tâm đến là đạo đức của cán bộ, đảng viên thì trong *Di chúc* – tác phẩm cuối cùng, điều đầu tiên Bác nói tới cũng là vấn đề đạo đức trong Đảng, đạo đức của cán bộ, đảng viên. Sau khi khẳng định vai trò của Đảng, Đảng đã tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải thống nhất, giữ gìn và phát triển sự đoàn kết nhất trí trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình; phải thực hành dân chủ rộng rãi, thực hiện nghiêm tự phê bình và phê bình. Đặc biệt, Bác nhấn mạnh yêu cầu về đạo đức đối với cán bộ, đảng viên: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”¹. Đọc *Di chúc*, ta thấy chỉ trong một đoạn rất ngắn khi nói về yêu cầu đạo đức của cán bộ, đảng viên mà Bác đã sử dụng chữ *thật* và *thật sự* tới bốn lần, điều này thể hiện dụng ý và nghệ thuật dùng từ của Người. Người yêu cầu cán bộ phải *thật sự* thấm nhuần *đạo đức cách mạng* và phải *thật sự* cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Yêu cầu này, thể hiện sự nhất quán trong tư tưởng Hồ Chí Minh, bởi Bác là vị lãnh tụ quan tâm nhiều nhất tới vấn đề đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên; ngay từ những ngày đầu chuẩn bị cho cách mạng Việt Nam, công việc trước tiên là đào tạo con người, chuẩn bị những con người có tố chất để phục vụ cách mạng thì vấn đề đầu tiên Người quan tâm là yêu cầu về tư cách người cách mạng, yêu cầu đạo đức cách mạng đối với cán bộ, đảng viên. Và tới khi Bác chuẩn bị đi xa, viết mấy lời để lại cho nhân dân, thì vấn đề đầu tiên Người quan tâm, nhắc đến vẫn là vấn đề đạo đức cách mạng, mà đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải “thật sự thấm nhuần”. Bởi đạo đức cách mạng không phải tự nhiên có được mà nó phải trải qua quá trình rèn luyện, tu dưỡng khó khăn, gian khổ, phải thực hành thường xuyên, liên tục và triệt để. Nó khác với sự giả dối, nửa vời và qua loa, khác với kiểu nói không làm, nói một đằng làm một nẻo, càng khác với sự suy thoái, tham lam, đạo đức giả, lối sống chạy theo đồng tiền, bị đồng tiền chi phối... những vấn đề này đang diễn ra rất nhiều dưới sự tác động của nền kinh tế thị trường.

Đối với Đảng phải giữ gìn Đảng thật trong sạch, Muốn Đảng trong sạch thì trước hết mỗi cán bộ, đảng viên phải trong sạch, muốn làm được điều đó thì phải thấm nhuần đạo đức cách mạng; mỗi đảng viên trong sạch, thấm nhuần đạo đức, Đảng sẽ trong sạch. Đặc biệt phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, bởi đoàn kết trong Đảng là cơ sở để thực hiện đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế và khi Đảng đoàn kết, thống nhất, tất yếu Đảng sẽ trong sạch, sẽ mạnh. Người yêu cầu cán bộ phải xứng đáng vừa là người lãnh đạo vừa là đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Có ý kiến cho rằng câu nói này của Bác mâu thuẫn, bởi đã là lãnh đạo thì không thể làm đầy tớ, mà đã là đầy tớ thì càng không thể làm lãnh đạo của dân

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 622.

được, nhưng qua đây một lần nữa thể hiện sự biện chứng trong tư tưởng Hồ Chí Minh mà không hề có sự mâu thuẫn. Chúng ta hiểu đó là hai mặt gắn bó, thống nhất chặt chẽ, không thể tách rời của một vấn đề, mặt này làm điều kiện, tiền đề của mặt kia và chỉ có làm tốt cả hai chức trách tương như đây mâu thuẫn này thì một cán bộ, đảng viên mới có thể hoàn thành tốt sứ mệnh của mình. Khi cán bộ là người lãnh đạo cần đề ra đường lối, chủ trương quyết sách đúng đắn dẫn đường cho nhân dân, phải luôn lắng nghe ý kiến nhân dân, phải có mối liên hệ chặt chẽ với dân chúng, gần dân, khiêm tốn học hỏi nhân dân, phải thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của dân, làm cho cuộc sống của nhân dân ngày càng no đủ, hạnh phúc. Muốn vậy, mỗi cán bộ, đảng viên không chỉ có sự nhiệt tình, lòng hăng hái, có tri thức khoa học, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giỏi, mà còn phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng cần kiệm liêm chính, chí công vô tư để phục vụ nhân dân. Khi cán bộ với vai trò là người đầy tớ phải tuyệt đối trung thành với nhân dân, đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết, phục vụ cho mọi lợi ích, quyền hạn của nhân dân, hết lòng vì nhân dân, tin dân, học dân, phải “yêu dân”, “kính dân”, phải biết ơn nhân dân, vì dân là người trả lương cho cán bộ. Như vậy, mỗi cán bộ, đảng viên bên cạnh địa vị, trí tuệ là một người lãnh đạo chưa đủ, cần phải có tinh thần làm việc, phục vụ của một người đầy tớ. Đó là một chỉnh thể thống nhất, biện chứng, không thể tách rời trong phương pháp và phong cách làm việc của Đảng, của cán bộ, đảng viên. Điều này không hề mâu thuẫn bởi điểm chung của “người lãnh đạo xứng đáng” và “người đầy tớ trung thành” đều là vì dân, phục vụ cho lợi ích nhân dân. Vì vậy, người lãnh đạo phải thật sự gần dân, hiểu dân, ngày đêm phải thật sự trăn trở với lợi ích của dân, phải thật sự vì dân phục vụ. Vì thế, làm cán bộ tức là suốt đời làm đầy tớ trung thành của nhân dân.

Di chúc được viết cách đây nửa thế kỷ nhưng khi ta đọc lại tác phẩm của Người ta vẫn thấy giá trị, tính thời sự của vấn đề đạo đức cán bộ, đảng viên trong giai đoạn hiện nay. Trải qua hai kỳ Đại hội XI, XII Đảng ta ban hành liên tiếp hai Nghị quyết về xây dựng đạo đức trong Đảng để ngăn chặn tình trạng suy thoái tư tưởng, đạo đức, chính trị và ngăn ngừa, phòng chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong bộ phận cán bộ, đảng viên. Thiết nghĩ, để đạt được mục tiêu Nghị quyết đề ra và thực hiện có hiệu quả hơn nữa cuộc vận động học tập và làm theo đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chúng ta cần phải:

Một là, toàn đảng phải nêu cao tinh thần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh đặc biệt là xây dựng Đảng về đạo đức. Muốn Đảng vững mạnh về đạo đức thì mỗi cán bộ, đảng viên phải là một con người chuẩn mực về đạo đức, nhiều đảng viên tốt thì tạo nên Đảng tốt và ngược lại nếu cán bộ, đảng viên suy thoái về đạo đức sẽ dẫn đến Đảng bị suy thoái, mất năng lực chiến đấu và giảm uy tín lãnh đạo trong nhân dân. Vì thế Đảng cần phải làm tốt công tác giáo dục lý luận chính trị; giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng; giáo dục đạo đức cho cán bộ, đảng viên; đồng thời bản thân mỗi cán bộ, đảng viên cũng phải tự mình tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân, phải luôn trung thành với mục tiêu lý tưởng của Đảng, phục vụ cho lợi ích của nhân dân, tôn trọng và kính yêu nhân dân.

Hai là, tiếp tục thực hiện hiệu quả cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng đạo

đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với việc thực hiện Nghị quyết TW4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng chính đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ và “Xây dựng ý thức tôn trọng Nhân dân, phát huy dân chủ, chăm lo đời sống Nhân dân theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Đây sẽ là giải pháp mang tính đột phá, là mắt xích quan trọng, tạo động lực trong quá trình gắn kết việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với thực hiện Nghị quyết số 04 khóa XII. Việc thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 05 và Nghị quyết 04 khóa XII của Đảng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, vừa tác động, thúc đẩy nhau trong quá trình xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện.

Ba là, đổi mới phương thức đánh giá, xếp loại cán bộ, đảng viên hàng năm. Cần xây dựng các tiêu chí đánh giá chuẩn, phù hợp theo từng chức danh, vị trí việc làm của cán bộ, đảng viên một cách cụ thể, không chung chung, hình thức. Đồng thời đối với mỗi cán bộ ở các cơ quan khác nhau cũng cần có những yêu cầu về tiêu chuẩn đạo đức công vụ khác nhau và phù hợp với công việc của cán bộ, đảng viên. /.

CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CHÍNH ĐÓN ĐẢNG HIỆN NAY THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*ThS. Nguyễn Cao Lâm**

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tài sản vô giá đối với dân tộc Việt Nam, thể hiện chiều sâu trí tuệ, văn hóa, nhân văn, trong đó vấn đề xây dựng, chính đón Đảng được Bác nhấn mạnh và đặc biệt quan tâm. Di chúc của Người đề cập đến nhiều phương diện, chứa đựng những giá trị lý luận, thực tiễn sâu sắc, trong đó những lời di huấn về Đảng, mà trọng tâm là nhiệm vụ xây dựng, củng cố, tăng cường vai trò cầm quyền của Đảng là nội dung quý giá, mãi soi sáng cho sự nghiệp cách mạng của Đảng ta.

Chủ tịch Hồ Chí Minh bắt đầu viết những dòng đầu tiên của bản Di chúc từ sáng ngày 10/5/1965 và sau nhiều lần chỉnh sửa, bổ sung và viết lại thì hoàn thành vào ngày 15/5/1969. Như vậy, bản Di chúc được chủ tịch Hồ Chí Minh viết trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta ở vào giai đoạn ác liệt nhưng đang trên đà thắng lợi nên đòi hỏi sự đoàn kết chặt chẽ, chiến đấu bền bỉ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân hai miền Nam - Bắc với niềm tin vững chắc vào thắng lợi cuối cùng. Đế quốc Mỹ sau thất bại trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, chúng tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam, đồng thời leo thang “Chiến tranh phá hoại” miền Bắc lần thứ nhất. Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III (3/1965), đã hạ quyết tâm chiến thắng giặc Mỹ xâm lược, chúng ta mở cuộc Tổng tiến công, nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, buộc đế quốc Mỹ phải tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc, chấp nhận đàm phán với ta ở Hội nghị Pa-ri.

Bản Di chúc đầu tiên này dài gần 3 trang, do chính Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh máy, có chữ ký của Người và chữ ký chứng kiến của đồng chí Lê Duẩn - lúc đó là Bí thư Thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Năm 1966 và 1967, Chủ tịch Hồ Chí Minh không viết Bản di chúc riêng mà chỉ viết thêm hai bản bổ sung vào Di chúc năm 1965. Đến năm 1968, Người tiếp tục viết bổ sung một đoạn gồm 6 trang viết tay và ngày 10/5/1969 viết lại toàn bộ phần mở đầu Di chúc, gồm 1 trang viết tay.

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh lần đầu tiên được công bố trong Lễ tang của Người tháng 9/1969, gồm 4 trang in khổ 14,5 cm x 22 cm. Ngày 19/8/1989, Di chúc năm 1969 được công bố chính thức đảm bảo trung thành với bản gốc của Người¹. Nội dung Bản di chúc chủ yếu dựa theo bản Bác viết năm 1965, trong đó đoạn mở đầu là của bản viết năm 1969, đoạn về việc riêng là của bản viết năm 1968.

Trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tư tưởng về xây dựng Đảng giữ một vị trí

**Học viên Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh*

1. Thông báo số 151-TB/TW Về một số vấn đề liên quan đến Di chúc và ngày qua đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

vô cùng quan trọng. Người coi đó là *công việc hàng đầu* của Đảng ta. Bởi lẽ, Đảng ta là một đảng cầm quyền, để hoàn thành sứ mệnh vẻ vang đó, Đảng phải được xây dựng thật sự trong sạch, vững mạnh, đủ sức lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi. “Theo ý tôi, việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi”¹.

Công việc trước tiên là nói về Đảng. Người phân tích nguyên nhân, đồng thời cũng là bài học bảo đảm cho Đảng ta luôn giữ được vai trò lãnh đạo đối với toàn xã hội, đó là: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”². Người yêu cầu mọi cán bộ, đảng viên phải bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng: “*Đoàn kết* là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”³. Theo Người, vấn đề đoàn kết thống nhất trong Đảng chính là cơ sở để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đi đến gắn bó với cách mạng thế giới, mở rộng tình đoàn kết quốc tế. Để giữ gìn sự đoàn kết thống nhất thống nhất ấy, Người yêu cầu: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”. Đó cũng chính là những vấn đề cơ bản thuộc về nguyên tắc tổ chức, hoạt động, quy luật phát triển của Đảng và là yêu cầu rèn luyện cán bộ, đảng viên trong suốt những năm qua.

Người căn dặn: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền, mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự *thấm nhuần đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”⁴. Đây chính là những yêu cầu cơ bản về đạo đức của cán bộ, đảng viên, xuất phát từ bản chất cách mạng của Đảng, từ mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân trong sự nghiệp cách mạng.

Từ lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh và thực tiễn hiện nay, chúng ta có thể thấy chắc chắn một điều rằng, để xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, phải bắt đầu từ việc xây dựng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ đức, đủ tài, những người thực sự là “đầy tớ của nhân dân” như Người nhắc nhở.

Thực hiện những chỉ dẫn của Bác Hồ trong Di chúc, suốt 50 năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam không ngừng chăm lo tự xây dựng, chỉnh đốn cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 616.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 621-622.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 622.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 622.

Nghị quyết Trung ương 23, khóa III (tháng 12/1974) về xây dựng Đảng đã tạo sức mạnh, sự thống nhất ý chí, hành động của Đảng, lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến toàn thắng.

Đại hội VI của Đảng (tháng 12/1986) là sự tự phê bình, phê bình nghiêm túc, một cuộc chỉnh đốn lớn để đi đến hoạch định đường lối đổi mới.

Hội nghị Trung ương 3, khóa VII (tháng 6/1992) về đổi mới, chỉnh đốn Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới phát triển mạnh mẽ vượt qua thách thức của sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô.

Với thành quả của các chặng đường đấu tranh cách mạng, trực tiếp là của công cuộc đổi mới, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đánh giá: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ và vị thế như ngày nay. Đó là kết quả sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, trong đó có sự hy sinh quên mình và đóng góp quan trọng của cán bộ, đảng viên. Chúng ta có quyền tự hào về bản chất tốt đẹp, truyền thống anh hùng và lịch sử vẻ vang của Đảng ta-Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, đại biểu của dân tộc Việt Nam anh hùng”. Có được thành quả đó, một yếu tố hết sức quan trọng là Đảng ta luôn đặc biệt quan tâm xây dựng, chỉnh đốn Đảng, để Đảng ta thực sự trong sạch, vững mạnh.

Hiện nay, công cuộc xây dựng đất nước, kiến tạo chủ nghĩa xã hội đang đòi hỏi phải không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, xây dựng Đảng thực sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, ngang tầm với vị thế cầm quyền và nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới. Quán triệt và thực hiện di huấn thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cần tiến hành đồng bộ các giải pháp về xây dựng Đảng và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, trọng tâm cần thực hiện những vấn đề cốt yếu có mối quan hệ chặt chẽ trong một chỉnh thể thống nhất về xây dựng Đảng cầm quyền.

Đổi mới công tác cán bộ và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ. Cán bộ và công tác cán bộ luôn giữ vị trí, vai trò cơ bản, đặc biệt quan trọng, là nhân tố quyết định đến sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng, của đất nước và chế độ, là khâu then chốt của công tác xây dựng Đảng. Văn kiện Đại hội Đại biểu lần thứ XII của Đảng xác định “Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Thể chế, cụ thể hóa các nguyên tắc về: quan hệ giữa đường lối chính trị với đường lối cán bộ; quan điểm giai cấp và chính sách đại đoàn kết rộng rãi trong công tác cán bộ; quan hệ giữa tiêu chuẩn và cơ cấu; giữa đức và tài; giữa kế thừa và phát triển; giữa quản lý thống nhất của Đảng với phát huy đầy đủ trách nhiệm của các cơ quan trong hệ thống chính trị; giữa thẩm quyền, trách nhiệm cá nhân và tập thể; giữa phân cấp, phân quyền và kiểm tra, giám sát, kiểm soát, để thực hiện thống nhất, đồng bộ trong Đảng và hệ thống chính trị”¹.

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng bằng cách đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về mô hình tổ chức và hoạt

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr. 205-206.

động của hệ thống chính trị (trong đó có lý luận về Đảng cầm quyền); về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, hoạt động của các cơ quan, thiết chế Nhà nước (Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, các cơ quan tư pháp, hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp); về vấn đề phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp... Tiếp tục tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về thẩm quyền và trách nhiệm của Đảng cầm quyền và Nhà nước pháp quyền, mối quan hệ giữa lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, “phương thức lãnh đạo của Đảng phải chủ yếu bằng Nhà nước và thông qua Nhà nước”¹. Như vậy, Đảng lãnh đạo không chỉ thông qua các tổ chức Đảng mà còn thông qua các tổ chức Nhà nước. Cần sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Hiện nay, như Văn kiện Đại hội XII nhận định: “Tổ chức bộ máy của Đảng và toàn hệ thống chính trị còn chồng chéo, nhiều tầng nấc; chức năng, nhiệm vụ ở một số tổ chức còn chồng chéo; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của nhiều tổ chức trong hệ thống chính trị chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ”². Mô hình tổ chức Đảng ở một số lĩnh vực chưa thật hợp lý, nhất là các tập đoàn, tổng công ty.

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản ngày càng vững mạnh. Để bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, trong đó Nhà nước là của nhân dân chứ không phải nhân dân là của Nhà nước, Đảng cần tập trung lãnh đạo đề cao tính hợp hiến, hợp pháp trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, bảo đảm cho sự phát triển tự do tối đa của nhân dân, làm cho cả hai mặt dân chủ và pháp luật trong Nhà nước pháp quyền phải được gắn bó hữu cơ, làm tiền đề tồn tại cho nhau và tạo nên bản chất của Nhà nước pháp quyền. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là cách thức cơ bản để phát huy dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân. Lãnh đạo giải quyết tốt mối quan hệ Nhà nước pháp quyền, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và phát huy dân chủ là bộ ba hợp thành không thể tách rời, là điều kiện và tiền đề cho nhau, bảo đảm cho kết quả của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước không phải chỉ dựa vào quyền uy, mệnh lệnh, mà là bằng trí tuệ, năng lực lãnh đạo của Đảng, ở khả năng vạch ra đường lối chính trị đúng đắn, ở sự gắn bó với nhân dân và khả năng giáo dục, thuyết phục toàn xã hội chấp thuận, ở vai trò tiên phong của đảng viên và tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp... . /.

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 144.

2. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 193.

DI CHỨC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH – ĐỌC VÀ SUY NGÃM VỀ TINH THẦN ĐOÀN KẾT TRONG ĐẢNG

TS. Nguyễn Thị Kim Liên*

Tháng 9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, cùng với những hình ảnh ghi lại tình cảm của toàn dân khắp bốn phương, bản Di chúc của Bác Hồ kính yêu được công bố.

Bản Di chúc đầu tiên (3 trang), tự tay người đánh máy, cuối trang đề ngày 15/5/1965. Đây là bản duy nhất hoàn chỉnh. Năm 1968, Người viết bổ sung thêm một số đoạn gồm 6 trang viết tay. Ngày 10/5/1969, Người viết lại toàn bộ phần mở đầu Di chúc. Bản Di chúc công bố năm 1969 chủ yếu dựa vào bản viết năm 1965 (đoạn mở đầu là bản viết năm 1969, đoạn về việc riêng là phần mở đầu bản viết năm 1968). Đến năm 1989, Bộ Chính trị cho phép công bố các bản thảo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đọc kỹ những bản thảo Di chúc của Bác cũng như bản Di chúc được công bố năm 1969 (mà như thông báo của Bộ Chính trị khẳng định: “Đảm bảo trung thành với bản gốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh”), chúng ta lại càng kính yêu Bác hơn vô hạn. Bởi lẽ, đúng như nhà thơ Tố Hữu đã từng viết: *Nâng niu tất cả chỉ quên mình*. Trước lúc lâm chung, đi gặp “thế giới Người hiền”, Bác vẫn luôn trăn trở, lo lắng cho vận mệnh nước nhà. Bản Di chúc được viết đi, viết lại, bổ sung và hoàn chỉnh chỉ vắn vẹn trong khoảng 1000 từ nhưng chứa đựng trong đó là những lời tâm huyết, chất lọc từ những kinh nghiệm, những mong muốn và nguyện vọng của Người đối với toàn Đảng, toàn dân. Đó là những lời dặn đầy tâm huyết của Bác về Đảng; về đoàn viên và thanh niên; về nhân dân lao động; về những dự báo về cuộc kháng chiến chống Mỹ và cuối cùng mới là về việc riêng. Cả cuộc đời cống hiến cho sự nghiệp cách mạng, hy sinh tất cả cho vận mệnh nước nhà. Trước lúc đi xa, Người cũng chỉ canh cánh những nỗi niềm với nước, với dân. Ý thức được điều đó, mỗi người con Việt Nam cần phải thấm nhuần từng câu, từng chữ trong bản Di chúc để thực hiện cho được tâm nguyện của Người. Nếu không, chúng ta sẽ là người có lỗi với Bác.

Bản Di chúc rất ngắn gọn, nhưng chứa đựng trong đó là sự tổng kết toàn bộ tinh thần, tư tưởng Hồ Chí Minh, làm nền tảng, làm kim chỉ nam cho sự nghiệp phát triển cách mạng. Trong phạm vi của một bài viết, không thể bàn hết tất cả những điều Bác đề cập trong bản Di chúc. Ở đây, chúng tôi chỉ xin trình bày một khía cạnh mà có lẽ cũng đã rất nhiều người bàn đến khi đọc Di chúc của Bác nhưng theo chúng tôi vẫn vẹn nguyên ý nghĩa lý luận và thực tiễn, đó là vấn đề đoàn kết trong Đảng.

Tại sao chúng tôi chọn vấn đề này để bàn, bởi lẽ, đây là điều căn dặn “*trước hết*” và “*việc phải làm trước tiên*” trong Di chúc của Bác. Điều này theo Bác là vô cùng quan trọng, chính vì vậy trong tất cả các bản thảo Di chúc, Người đều căn dặn vấn đề này. Và cho đến tận hôm nay, gần tròn 50 năm thực hiện Di chúc của Người, sự đoàn kết trong Đảng vẫn là vấn đề sống còn, là sức mạnh của Đảng.

**Học viện Chính trị khu vực II*

1. Từ những lời căn dặn về tinh thần đoàn kết trong Di chúc...

Trong bản Di chúc, điều đầu tiên Bác đề cập đó là *Trước hết nói về Đảng*. Nói về Đảng, điều đầu tiên Bác viết: “*Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày độc lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này tới thắng lợi khác*”¹. Như vậy, việc đầu tiên Bác khẳng định vai trò, ý nghĩa của tinh thần đoàn kết trong Đảng. Không có tinh thần ấy thì nhân dân ta khó mà giành được thắng lợi. Quả thật, đất nước Việt Nam đã phải trải qua bao nhiêu cuộc xâm lăng, vậy nhưng cha ông ta vẫn dành và giữ được đất nước. Những kỳ tích đó có được là nhờ một phần vô cùng quan trọng của sự đồng tâm hợp lực của toàn bộ nhân dân. Từ ngày thành lập, Đảng là ngọn cờ tập hợp lực lượng, quy tụ nhân dân thành một khối thống nhất để lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Trong kho tàng lý luận mà Người để lại, Bác nói rất nhiều đến từ “đoàn kết”. Bác khẳng định: “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết/Thành công, thành công, đại thành công*”². Bác cũng chỉ rõ: “*Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình*”³. Với Bác, đoàn kết không phải là cái gì cao siêu, xa lạ mà là truyền thống quý báu của dân tộc. Đã là truyền thống nghĩa là đã có tự ngàn đời nay, nó nằm trong phẩm chất của mỗi người đảng viên và mỗi đảng viên cần phải phát huy truyền thống quý báu ấy. Ở đây Bác dùng tính từ “cực kỳ” quý báu, điều này chứng tỏ, với Bác đây là một điều vô cùng quan trọng và đó cũng là bức thông điệp mà Hồ Chí Minh muốn gửi tới các tổ chức Đảng qua Di chúc. Xác định tầm quan trọng của đoàn kết, Bác căn dặn các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Một sự so sánh vô cùng sâu sắc và tinh tế! Bác ví sự đoàn kết nhất trí giống như con ngươi của mỗi con người, cần phải hết sức giữ gìn. Nếu như không có sự đoàn kết nhất trí thì mọi việc khó mà thành công.

Để có được sự đoàn kết trong Đảng, Hồ Chí Minh căn dặn: “*Trong Đảng thực hiện dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí yêu thương lẫn nhau*”⁴. Giá trị to lớn của Đảng và cũng là bài học kinh nghiệm quý báu trong công tác xây dựng Đảng là thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình. Thực hiện phê bình trong Đảng cũng có nghĩa là thực hành dân chủ trong tổ chức Đảng. Bác luôn đặt vấn đề tự phê bình lên trước tinh thần phê bình. Bởi theo Bác, trước khi phê bình người khác, mình phải tự nhìn lại mình xem có những khuyết điểm nào không. Bác luôn nhắc nhở, trong quá trình phê bình đồng chí cần phải có tình yêu thương thực sự lẫn nhau. Nghĩa là phải thực sự chân thành, xuất phát từ mong muốn phê bình để giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Làm được những điều đó thì nhất định tổ chức Đảng sẽ đoàn kết, sẽ tạo nên sức mạnh để thực hiện tốt những nhiệm vụ cách mạng đặt ra.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.12, tr.497.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.10, tr.350.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.12, tr.497.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.12, tr.497-498.

Điều cuối cùng trong bản Di chúc, một lần nữa Bác nhắc đến hai từ đoàn kết: “*Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới*”¹.

2. ...đến thực hành đoàn kết trong Đảng hiện nay

Nửa thế kỷ trôi qua, đọc và suy ngẫm Di chúc về sự đoàn kết trong Đảng, chúng ta đã thực hiện được những gì từ lời Bác dạy? Thành tựu lớn nhất mà dân tộc đã làm được sau khi Bác đi xa đó là đánh thắng đế quốc xâm lược Mỹ và bè lũ tay sai, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Có được thắng lợi đó là nhờ thực hiện đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại nhằm tạo sức mạnh tổng hợp dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nước nhà đã thống nhất nhưng đất nước Việt Nam còn đứng trước muôn vàn khó khăn, gian khổ, nhờ sức mạnh đoàn kết mà Đảng đã lái con thuyền vượt qua bao thác ghềnh để đạt được như ngày hôm nay. Trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng,... chúng ta đều đạt được những thành tựu nhất định đáng tự hào. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn thấm nhuần lời dạy của Bác và ý thức sâu sắc đoàn kết là cội nguồn của sức mạnh dân tộc, là nhân tố quyết định mọi thắng lợi. Chính vì vậy đã cố gắng, dốc lòng, dốc sức phụng sự giai cấp, dân tộc và phụng sự Tổ quốc tạo nên một khối thống nhất, bền vững.

Bên cạnh những thành công đã đạt được, vẫn còn những tồn tại, bất cập. Ở nơi nào đó, khi nào đó, vẫn còn những tổ chức Đảng chưa thực sự thấm nhuần lời dạy của Bác, thiếu sự thống nhất, mất đoàn kết, dẫn đến hiện tượng chia bè, kết phái, tạo ekip, cục bộ... Trong quá trình thực hiện nguyên tắc tự phê bình và phê bình, vẫn còn hiện tượng lợi dụng nguyên tắc này để tìm cách chụp mũ, nâng quan điểm nhằm tổn hại đến danh dự những đồng chí của mình. Ý thức được điều này, trong Di chúc, Bác căn dặn đầy tâm huyết việc phê bình “*Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau*”. Xuất phát từ lòng chân thành, thương yêu thực sự thì sự phê bình mới đưa lại hiệu quả. Đó là đạo đức làm người, đạo đức của người cách mạng mà Bác luôn mong muốn mỗi người đảng viên phải thấm nhuần. Hiện nay, trên các phương tiện thông tin đại chúng, chúng ta vẫn đọc được những thông tin đáng buồn và đáng phải suy ngẫm trong quá trình thực hiện phê bình ở một số tổ chức Đảng. Thực tế cũng cho thấy, ở nơi nào mà tạo được sự đồng thuận, đoàn kết, thực sự yêu thương và giúp đỡ lẫn nhau thì ở nơi đó tạo nên một khối thống nhất vững mạnh, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Ở nơi nào thiếu thống nhất, mất đoàn kết, mất dân chủ, chia bè, kết phái, a dua, xu nịnh thì chắc chắn tổ chức Đảng nơi đó sẽ lỏng lẻo, rời rạc và khó hoàn tốt được những nhiệm vụ đặt ra. Để cho Đảng ta thực sự trong sạch, vững mạnh như mong muốn của Bác, mỗi người đảng viên và đặc biệt là những người đứng đầu các tổ chức Đảng cần phải thấm nhuần một cách sâu sắc lời dạy của Bác: “*Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thực sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ trung thành của nhân dân*”². Chỉ trong mấy dòng mà Bác lặp đi lặp lại hai từ “*thực sự*”, đó là nỗi mong mỏi không nguôi của Bác. Biết ơn Người, kính yêu Người là quyết tâm thực hiện cho bằng được những điều

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.500.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.498.

Bác căn dặn. Mỗi đảng viên phải không ngừng nâng cao phẩm chất, năng lực, thực sự có uy tín trước Đảng, trước dân, được nhân dân tin yêu, được đồng chí đồng tình, ủng hộ; phải trở thành hạt nhân – trung tâm đoàn kết trong mỗi tổ chức cơ sở Đảng, trong quần chúng nhân dân.

Ngày 14/5/2011, Bộ Chính trị đã ra Chỉ thị 03-CT/TW về việc tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Sau 05 năm thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW, ngày 15/5/2016, Bộ Chính trị đã ban hành tiếp Chỉ thị 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đây thực sự là sự chỉ đạo đúng đắn của Bộ Chính trị. Vấn đề ở chỗ, chúng ta học tập tư tưởng, đạo đức của Bác rồi thì phải cố gắng thực hiện tốt những điều Bác dạy, phải đặc biệt quan tâm đến việc “làm theo” tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh./.

GIỮ GÌN SỰ ĐOÀN KẾT NHẤT TRÍ TRONG ĐẢNG THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*TS. Phạm Ngọc Lợi**

Ngày 01/ 10/ 2012, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1426/QĐ - TTg về việc công nhận (đợt 1) 30 hiện vật, nhóm hiện vật là bảo vật quốc gia.

Trong số 30 bảo vật quốc gia được công nhận đợt đầu này có 5 tác phẩm tiêu biểu trong di sản của Người. Đó là:

1. Cuốn *Đường Kách mệnh*, tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia.

2. Tác phẩm thơ *Ngục trung nhật ký* (Nhật ký trong tù), tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia.

3. Bản thảo *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* (bản viết tay của Chủ tịch Hồ Chí Minh), hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia.

4. Bản thảo *Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước* (văn bản Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc trên đài Tiếng nói Việt Nam sáng ngày 17/7/1966), hiện lưu giữ tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

5. Bản *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (văn bản gốc Bác Hồ viết từ ngày 10/5/1965 đến ngày 19/5/1969), hiện lưu giữ tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

1. Tư tưởng Đoàn kết theo Di chúc của Bác

Đã 50 năm qua, kể từ lúc đi xa để “đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác”¹, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta bản *Di chúc* lịch sử - một bảo vật của quốc gia. Bản *Di chúc* đã đề cập đến các nội dung chính như sau:

1. Về cuộc kháng chiến chống Mỹ; 2. Lời dặn của Hồ Chí Minh về Đảng; 3. Về đoàn viên thanh niên; 4. Với nhân dân lao động; 5. Về phong trào cộng sản thế giới; 6. Kế hoạch xây dựng đất nước sau chiến tranh chống đế quốc Mỹ; 7. Về việc riêng;...

Để làm được những điều đó, đặc biệt những công việc sau khi thắng Mỹ - là một công việc cực kỳ to lớn, phức tạp và khó khăn nhưng cũng rất vẻ vang,... thì một vấn đề chiến lược quan trọng, được Người đặc biệt nhấn mạnh đó là: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”².

Vấn đề *đoàn kết* luôn được Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở khá nhiều trong toàn bộ di sản của mình, điểm lại cho thấy “Trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, Người đề cập đến vấn đề đại đoàn kết trong 839 bài (chiếm 43%) và sử dụng từ *đoàn kết* và *đại đoàn kết* tới 1.809 lần

* *Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh.*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.611.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.614.

trong các trang sách của mình”¹, cho đến bản *Di chúc* cuối đời, tư tưởng cốt lõi vẫn chính là vấn đề *đoàn kết*, đó là sự đúc rút kinh nghiệm của Người trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, tư tưởng đó thể hiện ở ba mặt: đoàn kết trong Đảng, đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. Trong đó, đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là nền tảng mang tính quyết định. Thấm nhuần những truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh thấy rõ sức mạnh của tinh thần đoàn kết, nhất là sự đoàn kết, thống nhất trong một đảng cầm quyền.

Có thể nhận thấy rất rõ điều đó trong bố cục của *Di chúc*. Ngay sau phần khái quát về quá trình đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, khẳng định quyết tâm sắt đá và sự tất thắng của quân và dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề cập ngay đến việc xây dựng, chỉnh đốn lại Đảng. Người viết:

“Trước hết nói về Đảng - Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của nhân dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”².

Trong toàn bộ bản *Di chúc*, cụm từ “đoàn kết” được nhắc đến 8 lần, nhưng chỉ với một đoạn văn ngắn gọn (khoảng hơn 100 từ) nói về Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh sử dụng tới 5 lần cụm từ “đoàn kết”. Bằng sự lặp lại nhiều lần cụm từ này, Người khẳng định vai trò vị trí to lớn của sự đoàn kết trong Đảng đối với mọi thắng lợi mà nhân dân ta đã giành được suốt gần nửa thế kỷ đấu tranh cách mạng và đó cũng chính là quy luật tồn tại, trưởng thành và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng cộng sản có đoàn kết thành một khối thống nhất mới đủ sức mạnh để đánh đổ các thế lực áp bức bóc lột vốn nắm trong tay sức mạnh vật chất to lớn. Vì trong lịch sử, Bác đã từng chỉ ra một trong những nguyên nhân thất bại của phong trào yêu nước đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta là do: chưa hiểu giá trị của sự đoàn kết, chưa biết đoàn kết nhau lại để đấu tranh và thiếu đoàn kết nhất trí để chống kẻ thù chung.

Đảng cộng sản có đoàn kết thành một khối thống nhất mới trở thành hạt nhân lãnh đạo, mới đủ sức hút và tập hợp được đông đảo quần chúng vào chung một trận tuyến cách mạng, lật đổ chế độ cũ, xây dựng chế độ xã hội mới. Do vậy, để tiếp tục gìn giữ truyền thống đoàn kết và phát huy vai trò của Đảng trong sự nghiệp cách mạng và củng cố khối đoàn kết trong Đảng, theo Người, cần phải thực hiện tốt những nội dung sau:

Một là, đối với bản thân người mỗi người đảng viên.

Người đảng viên có khả năng làm cho “làng nước theo sau” hay không thì bản thân họ phải là người có đạo đức cách mạng, là công bộc của dân, hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách

1. Phạm Ngọc Trâm: “Đại đoàn kết theo Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ*, tập 19, số X4-2016, tr.12.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.611.

mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”¹, đồng thời Người còn căn dặn “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”², nhất là trong điều kiện Đảng cầm quyền. Có như vậy mới góp phần để Đảng ta xứng tầm là một Đảng cầm quyền “xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”³.

Sự đoàn kết thống nhất trước hết phải được xây dựng trong Đảng, được thể hiện trong Đảng. Ở đây, Bác nhắc nhở và nhấn mạnh việc giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong Đảng phải được thực hiện một cách đồng bộ và phải làm từ trên xuống. Trong đó, sự gương mẫu, đi đầu của các đồng chí Trung ương đóng vai trò rất quan trọng. Mỗi đảng viên, nhất là đảng viên giữ trọng trách lãnh đạo phải cương quyết chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội trong chính bản thân mình trước những tác động từ bên ngoài. Vì theo Người: chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội chính là căn nguyên của mất đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Hai là, phải thực hiện nghiêm các nguyên tắc của Đảng.

Trong *Di chúc*, Người cũng chỉ rõ: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”⁴.

Để đoàn kết trong Đảng, Người coi nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản và quan trọng; trong từng tổ chức đảng phải thực hành dân chủ, mở rộng dân chủ, phải thực sự mở rộng dân chủ để tất cả đảng viên bày tỏ hết ý kiến của mình; mọi ý kiến, suy nghĩ của mỗi đảng viên đều phải được bày tỏ, được lắng nghe; mọi quyết định quan trọng đều phải được bàn bạc, thảo luận một cách dân chủ. Thực tiễn đã chứng minh nguyên tắc tập trung dân chủ có vị trí, vai trò rất quan trọng trong hoạt động của Đảng.

Chính nhờ có nguyên tắc này đã giúp cho Đảng ta:

- Được xây dựng thành một đội ngũ có kỷ luật chặt chẽ, có sức chiến đấu cao, phát huy cao độ tính chủ động, năng động, sáng tạo của đông đảo cán bộ, đảng viên;
- Đảm bảo cho Đảng luôn là một tổ chức chiến đấu, một tổ chức lãnh đạo, một tổ chức hành động mà không phải là một câu lạc bộ chỉ bàn cãi suông;
- Quy định mối quan hệ giữa đảng viên với tổ chức Đảng, giữa các tổ chức Đảng từ dưới lên trên, giữa cấp uỷ đảng với đại hội đại biểu hay đại hội đảng viên của cấp đó;
- Chỉ đạo mọi hoạt động xây dựng tổ chức, sinh hoạt và lãnh đạo của Đảng, đồng thời cũng chi phối các nguyên tắc tổ chức, hoạt động khác của Đảng.

Bên cạnh việc phải thực hành dân chủ thật tốt thì cũng phải thường xuyên và nghiêm túc *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết thống nhất của Đảng. Vì “Mục đích của tự phê bình và phê bình đều nhằm giúp nhau sửa chữa khuyết điểm, phát triển ưu điểm, cùng nhau tiến bộ”⁵, nhằm giáo dục rèn luyện đảng viên, làm cho bản thân và đồng chí mình không ngừng tiến bộ.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.611 - 612.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.611.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.612.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.611.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.10, tr.386.

Đoàn kết thống nhất trong Đảng đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải thật thà tự phê bình và phê bình trên tinh thần: “Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”¹. Dù chỉ có 9 từ nhưng đã được Bác cẩn thận bổ sung vào bản Di chúc vào năm 1966, đã thể hiện được sự trăn trở của Người đối với việc thực hiện nguyên tắc này. Để có sự đoàn kết thống nhất thực sự thì bên cạnh tinh thần, lý trí, trong mỗi cán bộ, đảng viên phải có tình thương yêu đồng chí, có lòng nhân ái, nhân hậu. Phê bình không phải để nói xấu, để đả kích, hạ uy tín của đồng chí mình mà qua đó, làm cho nội bộ tổ chức Đảng mạnh lên, đoàn kết thống nhất được củng cố, chống chia rẽ, bè phái. Vì vậy, để duy trì và bồi đắp đoàn kết thống nhất thì từng tổ chức Đảng bên cạnh việc phải chú trọng giáo dục ý thức trách nhiệm, còn phải thường xuyên bồi dưỡng tình thân ái, tình thương yêu cảm thông chia sẻ với nhau.

Tóm lại, khi nói về Đảng, vấn đề đầu tiên mà Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh, đó là vấn đề *đoàn kết*. Vấn đề này được đề cập nhiều lần trong *Di chúc*. Và trong những “điều mong muốn cuối cùng”, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nói đến vấn đề *đoàn kết* trong Đảng. Như vậy, có thể thấy rằng: *đoàn kết* trong Đảng chiếm vị trí đặc biệt quan trọng trong những suy tư, trăn trở của Người. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, đòi hỏi “Đảng phải mạnh hơn bao giờ hết”. Đảng mạnh khi khối đoàn kết thống nhất trong Đảng thường xuyên phải được tăng cường. Nếu không sẽ không làm tròn sứ mệnh lịch sử là người lãnh đạo cách mạng, lãnh đạo các đoàn thể quần chúng, không thể thống nhất được lực lượng cách mạng, không thể đoàn kết được toàn dân tộc.

2. Thực hiện tư tưởng đoàn kết theo Di chúc của Bác trong tình hình mới

Qua 90 năm xây dựng và phát triển, trong nhiều kỳ đại hội Đảng, vấn đề đoàn kết thống nhất luôn được đặt ra, được xem xét, đánh giá một cách toàn diện và sâu sắc. Đảng ta đã kế thừa và kiên định thực hiện theo lời dạy của Người về việc “giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng”. Nhờ vậy, Đảng ta trở thành một khối thống nhất, đã quy tụ và phát huy được sức mạnh toàn dân, tạo nên sức mạnh tổng hợp, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân tiến hành thành công cuộc Cách mạng tháng Tám 1945 và hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và hiện nay đang lãnh đạo sự nghiệp đổi mới đất nước, đưa vị thế nước ta ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.

Những thành tựu mà toàn Đảng, toàn dân đã đạt được qua hơn 30 năm đổi mới, chính là kết quả của sự đoàn kết thống nhất của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, là minh chứng cho việc thực hiện kiên định lời dạy của Bác.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được thì cũng còn nhiều thách thức đang ở phía trước như: tình hình thế giới diễn biến phức tạp, khó lường; các thế lực thù địch luôn tìm mọi cách, bằng nhiều âm mưu thâm độc, xảo quyệt, kích động chia rẽ nội bộ, gây mất đoàn kết trong Đảng; “một bộ phận không nhỏ” cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống đã và đang làm giảm sút lòng tin của Dân với Đảng. Nếu cứ để “một bộ phận không nhỏ” ấy nảy nở, “sẽ là thách thức đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và sự tồn vong của chế độ”.

Chính vì vậy, tăng cường đoàn kết và thống nhất trong Đảng từ Trung ương đến cơ sở là điều tất yếu và cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Trong đó, cần tập trung các vấn đề sau:

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.611.

Một là, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát có hiệu quả việc thực hiện Quy định số 08-QĐ/TW, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ngày 25/10/2018, về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là ủy viên Bộ Chính trị, ủy viên Ban Bí thư, ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

Cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương phải nghiêm chỉnh chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; gương mẫu thực hiện Quy định số 101-QĐ/TW, ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, chủ chốt các cấp; Quy định số 55-QĐ/TW, ngày 19/12/2016 của Bộ Chính trị về một số việc cần làm ngay để tăng cường trách nhiệm nêu gương. Cán bộ, đảng viên giữ chức vụ càng cao càng phải gương mẫu nêu gương.

Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng. Các cấp ủy đảng, cán bộ chủ chốt không chỉ là tấm gương, hạt nhân đoàn kết mà phải có những biện pháp cụ thể để xây dựng khối đoàn kết thống nhất của tổ chức Đảng. Bên cạnh đó, các cấp ủy cần chỉ đạo, kiểm tra để kịp thời phát hiện nguyên nhân tiềm ẩn gây mất đoàn kết nội bộ.

Hai là, nâng cao chất lượng *tự phê bình và phê bình* gắn với phát huy dân chủ trong Đảng là phương pháp căn cơ để tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng. Vấn đề này được làm tốt sẽ phát huy ưu điểm, tìm ra khuyết điểm để giúp nhau sửa chữa, giải quyết kịp thời những ý kiến chưa thống nhất trong nội bộ, không để khuyết điểm tích tụ thành khuyết điểm to sẽ rất có hại. Trong quá trình thực hiện, thấy đúng phải cương quyết bảo vệ, thấy sai phải quyết liệt đấu tranh; không tranh công đổ lỗi... trên tinh thần “đồng chí thương yêu lẫn nhau”. Cần phải mở rộng và phát huy dân chủ để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức Đảng vì “nhờ cách dân chủ mà việc khó hóa ra dễ”¹ và “thực hành dân chủ là cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn”², do vậy, Bác luôn mong muốn: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng”³.

Ba là, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa cơ hội. Mỗi cán bộ, đảng viên phải hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, của quốc gia - dân tộc và mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng. Không làm bất cứ việc gì có hại cho Đảng, cho đất nước và nhân dân. Lấy âm no, hạnh phúc và sự hài lòng của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu. Bè phái, phe nhóm là cơ sở tồn tại của chủ nghĩa cơ hội trong Đảng. Đây là thứ giặc trong lòng “không mang gươm, mang súng” luôn là lực cản gây mất đoàn kết. Do đó ngăn chặn, tẩy trừ những cán bộ suy thoái đó không chỉ góp phần củng cố khối đoàn kết mà còn làm tốt công tác bảo vệ Đảng trong điều kiện hiện nay.

Bốn là, tăng cường kiểm tra, giám sát, chỉ đạo của tổ chức Đảng cấp trên, nhất là chủ động phát hiện sớm những hiện tượng có biểu hiện mất đoàn kết để giáo dục, ngăn chặn kịp thời, chú trọng ở đội ngũ cán bộ chủ chốt. Thực tế là ở nhiều nơi, chính người đứng đầu lại

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.324.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.325.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.611.

chưa thực sự gương mẫu, ý thức xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong nội bộ chưa cao. Điều đó, không những gây nguy hại mà còn tạo ra những nguy cơ lớn, khó lường cho Đảng ta trong giai đoạn hiện nay.

Trước thềm Đại hội XIII của Đảng, khi mà các thế lực thù địch đang ra sức chống phá khối đoàn kết thống nhất của Đảng ta bằng nhiều thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, thì hơn bao giờ hết, chúng ta càng phải phát huy truyền thống đoàn kết thống nhất. Đây là trách nhiệm lớn, mà trước hết là của tập thể, cá nhân lãnh đạo từ Trung ương đến từng cơ sở. Mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ giữ trọng trách lãnh đạo từ cấp cao đến cấp cơ sở phải luôn nhớ rằng: chính nhờ sức mạnh đoàn kết thống nhất và chỉ có đoàn kết thống nhất trong Đảng mới có được khối đoàn kết rộng rãi và chặt chẽ toàn dân, đoàn kết quốc tế tạo nên sức mạnh to lớn cho cách mạng Việt Nam.

Chúng ta hãy xiết chặt tay nhau, tiếp tục cùng nhau thực hiện lời thề mà đồng chí Lê Duẩn, trong niềm tiếc thương vô hạn, đã thay mặt những người cộng sản và cả dân tộc ta tuyên thệ trước anh linh của Người vào sáng ngày 9/9/1969:

“Vĩnh biệt Người, chúng ta thề:

Hết lòng, hết sức giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình, tăng cường sức chiến đấu của Đảng, làm hạt nhân cho đoàn kết toàn dân, đảm bảo cho sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam hoàn toàn thắng lợi”¹.

Đọc lại *Di chúc* của Bác để mỗi chúng ta thấy “lòng mình trong sáng hơn”, có trách nhiệm nhiều hơn với chức trách, nhiệm vụ mình đang đảm trách. Giữ gìn sự đoàn kết thống nhất của Đảng mãi mãi là nguyên tắc, là bài học lớn trong công tác xây dựng Đảng cho hôm nay và cho cả mai sau.

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết,
Thành công, thành công, đại thành công”²./.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.628.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.13, tr.120.

DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH – BẢO VẬT VÔ GIÁ ĐỐI VỚI VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

*ThS. Phạm Văn Lương**

Đặt vấn đề

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho dân tộc ta 5 tác phẩm được coi là bảo vật quốc gia của Người, đó là những tác phẩm: Đường cách mệnh, Nhật ký trong tù, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước chống Mỹ và bản Di chúc thiêng liêng. Mặc dù bản Di chúc có khoảng hơn 1000 chữ nhưng có giá trị bao quát giống như một Cương lĩnh, Ngọn đuốc soi đường cho cách mạng Việt Nam, trong đó Người có căn dặn: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”¹. Lời căn dặn quý báu đó là sự tổng kết quá trình lãnh đạo và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đảng phải ra sức tăng cường giáo dục toàn Đảng về lý tưởng cộng sản, về đường lối của Đảng, về nhiệm vụ và đạo đức của cán bộ, đảng viên.

Nội dung

1. Phẩm chất đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Trong bản Di chúc thiêng liêng, Người đã nêu lên phẩm chất đạo đức của người cán bộ, đảng viên cần phải có là những đức tính: cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Người chỉ rõ mỗi đảng viên và cán bộ phải: “thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”.

Theo Người, Cần là lao động cần cù, siêng năng, có kế hoạch chuyên sâu, sáng tạo, thi đua sản xuất cho mau, cho tốt, cho nhiều, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, tự lực cánh sinh, không ỷ lại, không lười biếng, dựa dẫm... Người nhấn mạnh: Cần là “làm việc phải đến đúng giờ, chớ đến trễ, về sớm. Làm cho chóng, cho chu đáo. Việc ngày nào nên làm xong ngày ấy, chớ để ngày mai. Phải nhớ rằng: Dân đã lấy tiền mồ hôi, nước mắt để trả lương cho ta trong những thì giờ đó. Ai lười biếng tức là lừa gạt dân”².

Kiệm là tiết kiệm thời gian, công sức, của cải của nhà nước và nhân dân. Kiệm là không xa xỉ, không hoang phí, không phô trương hình thức. Đối với Người, “Kiệm là tiết kiệm sức lao động, tiết kiệm thì giờ của dân, của nước, của bản thân mình; tiết kiệm từ cái

**Phân hiệu Trường Đại học Giao thông Vận tải tại TP. HCM*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.12, tr. 510.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.5, tr.105.

to, tới cái nhỏ. Kiệm là không xa xỉ, không lãng phí, không bừa bãi”¹. Kiệm không phải là keo kiệt, bủn xỉn, không phải “xem đồng tiền bằng cái nông”. Người cho rằng, cần và kiệm phải đi đôi với nhau, như hai chân của con người. Cần mà không kiệm, “thì làm từng nào, xào từng ấy”, không lại hoàn không. Kiệm mà không cần, “thì không tăng thêm, không phát triển được. Mà vật gì cũng không tiến tức là thoái”.

Liên là trong sạch, không tham lam, không tham ô, tôn trọng, giữ gìn của công, của dân, không chiếm dụng của công làm của tư, sách nhiễu nhân dân. Không tham địa vị, không tham tiền tài, không tham sung sướng... Người luôn nhắc nhở “những người trong công sở phải lấy chữ Liêm làm đầu”². “Vi vậy mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ hoá. Chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ”³.

Chính là không tà, là ngay thẳng, đứng đắn, chính trực. Người yêu cầu: đối với mình không tự cao, tự đại; đối với người không nịnh trên, khinh dưới; không lừa lọc dối trá. Đối với việc thì: “việc phải dù nhỏ mấy cũng làm, việc trái dù nhỏ mấy cũng tránh”⁴. Người đòi hỏi việc gì cũng phải công minh, chính trực; không nên tư ân tư huệ hay tư thù, tư oán.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh thì cần, kiệm, liêm, chính là những đức tính không thể thiếu đối với cán bộ, đảng viên. Bởi vì “cán bộ các cơ quan, đoàn thể; cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ. Dù to hay nhỏ, có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của đút”⁵. “những người trong các công sở đều có nhiều hoặc ít quyền hành. Nếu không giữ đúng cần, kiệm, liêm, chính thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân”⁶. Các đức tính cần kiệm liêm chính phải đi liền với nhau, có quan hệ chặt chẽ với nhau, một người phải cần, kiệm, liêm, nhưng phải chính mới là người hoàn thiện và ai cũng phải thực hiện nhưng cán bộ, đảng viên là người thực hành trước để làm mẫu cho dân. Ở một tầm cao hơn thì cần, kiệm, liêm, chính là thước đo văn minh, tiến bộ của một dân tộc. Theo Người thì một dân tộc cần, kiệm, liêm, chính “là một dân tộc giàu về vật chất, mạnh về tinh thần, là một dân tộc văn minh tiến bộ”⁷.

Chí công vô tư cũng là những phẩm chất quan trọng của người cách mạng. Chí công vô tư là công bằng, công tâm, không thiên tư, thiên vị; làm việc gì cũng không nghĩ đến mình trước, chỉ biết vì Đảng, vì dân tộc mà theo Người là: “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”. Chí công vô tư là không ham công danh địa vị; là ham làm những việc ích nước lợi dân; phải kiên quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân. Người yêu cầu mọi người dân, đặc biệt là cán bộ, đảng viên có chức, có quyền phải rèn luyện, tu dưỡng, bởi vì: cán bộ các cơ quan, các đoàn thể, cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ. Dù to hay nhỏ, có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của đút, có dịp “dĩ công vi tư”. Đây là điều phải loại bỏ ngay.

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn chỉ ra mối quan hệ giữa các phẩm chất: cần, kiệm, liêm,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.5, tr.105.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.5, tr.105.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.5, tr.292.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.392.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.6, tr.127.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.5, tr.104.

7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.5, tr.640.

chính sẽ dẫn đến chí công vô tư. Ngược lại, đã chí công vô tư, một lòng vì nước, vì dân, vì Đảng thì nhất định sẽ thực hiện được cần, kiệm, liêm, chính và có được nhiều đức tính tốt khác.

2. Giá trị của việc giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, để giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên trước hết phải làm cho cán bộ, đảng viên thấy rõ mục đích giáo dục đạo đức cách mạng. Đạo đức cách mạng giữ vai trò quan trọng hàng đầu vì người cán bộ, đảng viên là cái gốc của mọi công việc, “Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém. Đó là một chân lý nhất định”¹. Người nhấn mạnh: “Cũng như sông có nguồn thì mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng dân tộc, giải phóng loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì”².

Chủ tịch Hồ Chí Minh coi đạo đức là cái gốc, là nền tảng của người đảng viên. Theo Người thì đạo đức cách mạng là ra sức thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Trong giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, Người rất chú trọng đến giáo dục những phẩm chất cao quý cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư... Đó là tinh thần lao động tích cực, siêng năng, táo bạo và sáng tạo; ngay thẳng, thật thà. Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải luôn luôn trau dồi đạo đức cách mạng khiêm tốn, giản dị trong lao động, trong học tập, trong công tác, có đời tư trong sáng “vị công vong tư”. Theo Hồ Chí Minh, cần, kiệm, liêm, chính là bốn đức không thể thiếu của một con người, cũng như bốn mùa của trời, bốn phương của đất, “thiếu một mùa thì không thành trời, thiếu một phương thì không thành đất, thiếu một đức thì không thành người”³. Vì vậy, người cán bộ, đảng viên giữ được cần, kiệm, liêm, chính là người chí công vô tư. Đó là người cán bộ thực sự là công bộc của nhân dân, phục vụ nhân dân, đặt lợi ích của nhân dân, của Tổ quốc, của Đảng lên trên hết, trước hết.

Việc giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên là làm cho họ nhận rõ mục đích, động cơ vào Đảng, tự nguyện đứng vào hàng ngũ tiên phong của giai cấp công nhân để phục vụ nhân dân, phục vụ giai cấp. Người chỉ rõ: “mỗi đảng viên, mỗi người cán bộ, từ trên xuống dưới phải hiểu rằng; mình vào Đảng để làm đầy tớ cho nhân dân. Người nhấn mạnh: Làm đầy tớ nhân dân chứ không phải là “quan” nhân dân”⁴. Vào Đảng không phải để thăng quan tiến chức, “làm quan cách mạng đê đầu cưỡi cổ nhân dân” mà để gánh vác nhiệm vụ cách mạng, sẵn sàng chấp nhận mọi khó khăn, gian khổ, kể cả hy sinh tính mạng của mình cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu người cách mạng phải hội đủ 2 yếu tố: đức và tài, hồng và chuyên để có thể hoàn thành nhiệm vụ Tổ quốc và nhân dân giao phó. Theo Người, có đức mà không có tài thì vô dụng, nhưng nếu có tài mà không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy, người cán bộ, đảng viên cũng không quy tụ, lãnh đạo được nhân dân. Đây là hai mặt

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.5, tr.237.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.5, tr.251.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.5, tr.631.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.12, tr. 222.

gắn bó chặt chẽ với nhau, không được thiếu mặt nào. Phẩm chất, năng lực của cán bộ, đảng viên phải căn cứ vào hoàn thành nhiệm vụ được giao phó, chứ không phải căn cứ vào lời nói về đạo đức, khoe khoang về tài năng. Để làm được như vậy mỗi cán bộ, đảng viên phải thường xuyên tự mình rèn luyện đạo đức, hoàn thiện bản thân để quy tụ và hấp dẫn được quần chúng - từ đó, lãnh đạo, tổ chức quần chúng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ được giao.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh để trở thành người cán bộ, đảng viên mẫu mực thì theo cán bộ, đảng viên là phải hòa mình với nhân dân, vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân. Cán bộ, đảng viên phải hòa mình với quần chúng, hiểu quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng. Lời nói và việc làm của cán bộ, đảng viên làm cho dân tin, dân phục, dân yêu, đoàn kết chặt chẽ, tổ chức tuyên truyền vận động quần chúng hăng hái thực hiện chính sách và nghị quyết của Đảng. Người phê phán những cán bộ, đảng viên theo đuôi quần chúng hoặc làm những việc quan liêu mệnh lệnh, gò ép quần chúng, coi thường nhân dân.

Để việc giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên ngày càng hoàn thiện Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh nội dung tự giáo dục, tự rèn luyện, tu dưỡng, chống chủ nghĩa cá nhân. Theo Người “Học cái tốt thì khó, ví như người ta leo núi, phải vất vả, khó nhọc mới lên đến đỉnh. Học cái xấu thì dễ, như ở trên đỉnh núi trượt chân một cái là nhào xuống vực sâu”¹. Vì thế, việc phấn đấu tu dưỡng của cá nhân phải bền bỉ hằng ngày, gạt bỏ mọi cám dỗ của đời thường, để không ngừng tiến bộ vì “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”².

3. Sự vận dụng của Đảng với việc giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên trong giai đoạn hiện nay

Trong 50 năm qua, toàn Đảng, toàn dân ra sức thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Đất nước thống nhất; Công cuộc xây dựng đất nước đã giành được những thành tựu to lớn. Những thành tựu đó là minh chứng cho sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân để đất nước “đàng hoàng hơn, to đẹp hơn” như mong muốn của Người trước lúc đi xa. Trong hành trình lịch sử đó phần lớn cán bộ, đảng viên đã luôn gương mẫu, tu dưỡng và rèn luyện đạo đức cách mạng, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao phó. Đó là, những con người luôn vì Đảng, vì nhân dân mà hết lòng, hết sức hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ. Họ luôn tu dưỡng đạo đức, sống cần, kiệm, liêm, chính, làm việc chí công vô tư.

Tuy nhiên, hiện nay những biểu hiện mặt trái của nền kinh tế thị trường đang có nguy cơ làm làm đảo lộn các giá trị đạo đức của cả cộng đồng, đặc biệt là của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Vẫn còn một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, thoái hoá, biến chất, lập trường tư tưởng không vững vàng, hoang mang, dao động trước những tác động từ bên ngoài. Họ đã sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, hẹp hòi, bị cám dỗ bởi các lợi ích vật chất, nên đã không làm tròn trách nhiệm, bổn phận của mình trước Đảng, trước nhân dân. Vi phạm nghiêm trọng những chuẩn mực đạo đức của người cách mạng – hệ giá trị của chuẩn mực cần kiệm liêm chính, chí công vô tư mà Chủ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.346.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.9, tr.293.

tịch Hồ Chí Minh đã từng căn dặn trong Di chúc.

Thực trạng đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ đảng viên đang trở thành một trong những vấn đề lớn của xã hội. Hậu quả của chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, vụ lợi “với lối sống hưởng lạc, suy đồi, sự lười biếng, phi lao động, buông thả, ham làm giàu bất chính”¹ không những làm cho bộ máy của Đảng và Nhà nước bị ảnh hưởng mà còn làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng, đối với chế độ. Những năm gần đây, nhiều những vụ việc nghiêm trọng đã được phát hiện và xử lý. Nghị quyết Trung ương 4, khóa XI và Nghị quyết Trung ương 4, khóa XII cùng tập trung xây dựng chỉnh đốn Đảng, kiên quyết đẩy lùi suy thoái đạo đức, lối sống trong đội ngũ cán bộ đảng viên. Có thể nói đây là lúc Đảng cần phải kiên quyết làm trong sạch đội ngũ, phải thực sự học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, phải chú trọng việc giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao đạo đức cho cán bộ, đảng viên và luôn coi đây là vấn đề quan trọng, cấp bách hiện nay.

Đề đội ngũ cán bộ, đảng viên thật sự thấm nhuần và rèn luyện đạo đức cách mạng hiệu quả, thiết thực, trong những năm qua, Đảng ta đã đưa ra rất nhiều những Nghị quyết, Chỉ thị để góp phần giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên như: Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ” cùng các Quy định “Về những điều đảng viên không được làm”, Quy định số 101-QĐ/TW “Về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp”, Quy định số 124-QĐ/TW về “Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện, đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên”, Quy định số 109-QĐ/TW về “Công tác kiểm tra của tổ chức Đảng đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên” và gần đây nhất là Quy định số 08-QĐ/TW về “Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương”... Thông qua đó, tạo sự chuyển biến, từ nâng cao nhận thức sang hành động cho mỗi cán bộ, đảng viên, góp phần quan trọng xây dựng Đảng thật sự trong sạch vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng.

Hiện nay, toàn Đảng, toàn dân đang thực hiện cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, để tiếp tục thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Di chúc; để việc rèn luyện đạo đức cách mạng, thực hiện cần kiệm liêm chính, chí công vô tư của đội ngũ cán bộ, đảng viên trở thành việc làm thường xuyên, tự giác, mỗi cấp ủy và mỗi cán bộ, đảng viên cần thực hiện tốt những nhiệm vụ sau:

Một là, cán bộ, đảng viên cần phải nỗ lực học tập lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, học tập và quán triệt nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

Hai là, phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên nói chung, cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu nói riêng trong mọi lĩnh vực công tác và trong cuộc sống đời

1. Nguyễn Duy Quý (chủ biên): *Đạo đức xã hội ở nước ta hiện nay vấn đề và giải pháp*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.123.

thường để làm mẫu mực cho quần chúng.

Ba là, rèn luyện đạo đức cách mạng thường xuyên, liên tục, suốt đời để phòng, chống và đấu tranh tiêu diệt chủ nghĩa cá nhân.

Bốn là, đẩy mạnh hơn nữa việc giáo dục những phẩm chất đạo đức cách mạng đến mỗi cán bộ, đảng viên.

Năm là, đối với tổ chức cơ sở Đảng, cần phải thường xuyên giáo dục nâng cao đạo đức bằng cách coi trọng và nâng cao chất lượng trong sinh hoạt Đảng, tự phê bình và phê bình.

Sáu là, đối với cán bộ, đảng viên phải tự mình phấn đấu tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức.

Kết luận

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi xa, song cuộc đời, sự nghiệp của Người là một mẫu mực của đạo đức cách mạng, luôn thống nhất giữa lời nói và việc làm, gương mẫu đi đầu, đặc biệt là tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức suốt đời. Người luôn khẳng định đạo đức cách mạng là gốc, là nền tảng của người cách mạng và rèn luyện đạo đức cách mạng là nhu cầu tự thân; đồng thời là yêu cầu tất yếu, khách quan của người cán bộ, đảng viên nói chung, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu nói riêng. Không chỉ nêu ra, yêu cầu cho cán bộ, đảng viên phải rèn luyện đạo đức cách mạng, mà suốt cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương đạo đức mà “giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục”.

Thực hiện tốt những điều trong Di chúc của Người về giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên sẽ góp phần quan trọng trong thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” làm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, thực sự là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam./.

TƯ TƯỞNG “DÂN LÀ GỐC” TRONG *DI CHÚC* CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - Ý NGHĨA THỰC TIỄN TRONG QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

ThS. Nguyễn Văn Mạnh*

1. Tư tưởng “dân là gốc” trong *Di chúc*

Chủ tịch Hồ Chí Minh – lãnh tụ thiên tài, người thầy vĩ đại của dân tộc và Đảng ta, Người là một chiến sỹ lỗi lạc, một người bạn chiến đấu kiên cường và thân thiết của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, vì sự nghiệp giải phóng con người và nhân loại. Trước khi đi xa, Người đã để lại cho chúng ta “mấy lời”, đây là bản *Di chúc* lịch sử, có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn về nhiều mặt. “Đó là những lời căn dặn cuối cùng của Bác, là những tình cảm và niềm tin của Bác đối với chúng ta ngày nay và các thế hệ mai sau”¹. Một văn kiện lịch sử vô giá, kết tinh những giá trị văn hóa to lớn của dân tộc và nhân loại, mà cốt lõi là độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội. Sau 50 năm, nay đọc lại bản *Di chúc* bất hủ ấy, ngẫm nghĩ những lời Bác dạy, chúng ta càng xúc động, thấm thía tình cảm bao la mà Người đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, nó là cảm nang thần kỳ cho chúng ta vượt qua bao khó khăn gian khổ, vươn lên để khẳng định vị thế của nước nhà trên trường quốc tế. Trong di sản quý báu ấy, tư tưởng “dân là gốc” là nội dung cơ bản, cốt lõi, là cơ sở cho Đảng ta phát huy khối đại đoàn kết dân tộc trong thực hiện thắng lợi sự nghiệp cách mạng của dân tộc và sự nghiệp đổi mới hiện nay.

Hồ Chí Minh đã tiếp thu những quan điểm sâu sắc của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò của quần chúng nhân dân, coi quần chúng nhân dân là chủ thể sáng tạo nên lịch sử; coi sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Quần chúng nhân dân đóng vai trò là lực lượng quyết định sự thành bại của mọi cuộc cách mạng trong lịch sử. Hoạt động lịch sử càng đi vào chiều sâu thì khối quần chúng lấy hoạt động đó làm sự nghiệp của mình cũng do đó mà trưởng thành lên. Vai trò của quần chúng nhân dân ngày càng tăng lên trong lịch sử; quy mô, tầm vóc của các sự kiện lịch sử tùy thuộc vào lực lượng quần chúng tham gia vào rộng hay hẹp, nhiều hay ít... Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta luôn quán triệt sâu sắc bài học “dân là gốc” và nêu cao tư tưởng *cách mạng là của dân, do dân và vì dân*.

Tư tưởng “dân là gốc” là nội dung cốt lõi xuyên suốt sự nghiệp cách mạng của Người. Trong bản *Di chúc* Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao vai trò của nhân dân, coi nhân dân là yếu tố quyết định thắng lợi của cách mạng. Người nhấn mạnh: “Nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ, bị chế độ phong kiến và

* *Trường Sĩ quan Lục quân 2*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 630.

thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh”¹. Điều này thể hiện Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn thấu hiểu, thông cảm và luôn phấn đấu, cống hiến tột bậc để giải phóng nhân dân ta khỏi xiềng xích nô lệ. Tư tưởng “dân là gốc” còn được thể hiện trong lời căn dặn phải quan tâm đến con người, không chỉ quan tâm, chăm sóc mà phải tin tưởng, tạo điều kiện để con người vươn lên, làm chủ vận mệnh của mình và vận mệnh của toàn dân tộc. Muốn làm được điều đó phải đánh thắng quân xâm lược, thống nhất đất nước để mọi người dân đều được cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Người luôn đánh giá cao công lao của nhân dân trong sự nghiệp cách mạng, cũng như sự tin tưởng của nhân dân vào Đảng, mối quan hệ đoàn kết giữa nhân dân với Đảng. Trong *Di chúc* Người chỉ rõ: “nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng”². Tư tưởng “dân là gốc” trong *Di chúc* còn được thể hiện bằng việc Người luôn đánh giá cao và tin tưởng vào mọi tầng lớp nhân dân trong sự nghiệp cách mạng. Người đánh giá cao và hoàn toàn tin tưởng vào thanh niên, những người tuổi trẻ, chủ nhân tương lai của đất nước và coi việc bồi dưỡng cho thế hệ cách mạng cho đời sau là việc làm cần thiết và thường xuyên của Đảng. Người chỉ rõ: “Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên”³. Người tha thiết mong muốn toàn Đảng, toàn dân ta đời đời ghi nhớ công ơn của những người con ưu tú của dân tộc đã hy sinh bản thân mình vì Tổ quốc, chăm sóc, tạo việc làm cho những người thương tật, chịu nhiều mất mát trong các cuộc chiến tranh.

Tư tưởng “dân là gốc” trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh còn được thể hiện trong luận điểm phải chăm lo, bồi dưỡng sức dân, quan tâm đời sống của nhân dân. Người căn dặn: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”⁴. Bên cạnh đó, Bác còn đặt ra yêu cầu Đảng: “phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”⁵. Để thực sự là người lãnh đạo, mỗi cán bộ, đảng viên phải thực sự có đức và có tài. Đạo đức là cơ sở, nền tảng cho người cán bộ hoàn thành nhiệm vụ của mình. Tài là có trí tuệ, có tri thức khoa học chuyên sâu, có óc sáng tạo, có khả năng lãnh đạo và tổ chức thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao. Tài và đức có mối quan hệ biện chứng với nhau, tài phải nảy nở trên nền tảng của đức, đức là cơ sở để tài phát huy tác dụng. Người cán bộ, đảng viên phải có cả đức và tài mới làm cho quần chúng tin yêu, mới tập hợp và lãnh đạo được quần chúng.

Bác còn dạy phải là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Đây Bác muốn nhấn mạnh bổn phận của Đảng, bổn phận của người cán bộ, đảng viên đối với nhân dân. Tư tưởng này thể hiện bản chất dân chủ, quan điểm nhân dân triết để của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Để trở thành người đầy tớ thật trung thành của nhân dân, Người yêu cầu cán bộ, đảng viên không tham quyền cao chức trọng, không ham danh lợi, tận tâm, tận tụy với công việc, hết

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr. 613.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 613.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 612.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr. 613.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr. 612.

lòng phụng sự Tổ quốc, phụng sự đoàn thể, phụng sự nhân dân. Điều đó chỉ có thể thực hiện được khi người cán bộ đảng viên thấm nhuần đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân.

Với những lời Bác căn dặn trong *Di chúc*, chúng ta thấy rằng tư tưởng “dân là gốc” gắn liền với mục đích là giải phóng con người, giải phóng nhân dân khỏi áp bức, nô lệ, đem lại độc lập cho dân tộc, thống nhất nước nhà. Giải phóng từng con người cụ thể, từng tầng lớp người đối tượng cụ thể như: Thanh niên, phụ nữ, người có công với cách mạng... tất cả đều được Người đề cập rất rõ ràng trong *Di chúc*. Giải phóng ở đây, đã bao trùm lên tất cả các mặt: Giải phóng về mặt chính trị, đấu tranh dành độc lập, tự do cho dân tộc; giải phóng về mặt kinh tế làm cho đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao; giải phóng về mặt tinh thần làm cho nhân dân vui tươi, hạnh phúc.

Tư tưởng “dân là gốc” trong *Di chúc* còn được thể hiện khi Bác đề cập đến việc riêng: “Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân”¹. Điều này một lần nữa chứng minh khát vọng, mong ước, cống hiến cả cuộc đời của Bác là vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng con người, đem lại hạnh phúc cho nhân dân. Bên cạnh đó, Người còn căn dặn: “Sau khi tôi qua đời, chớ nên phúng điếu linh đình, để khỏi lãng phí thời giờ và tiền bạc của nhân dân”². Đến giờ phút về cõi vĩnh hằng với “cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác”, Bác dành phần lớn thời gian, trí tuệ để nghĩ về cách mạng, lo cho nhân dân. Bác dành rất ít cho bản thân mình, nhưng thời gian ít ỏi đó Người cũng nghĩ cho đồng bào, cho nhân dân, cho dân tộc. Đó chính là tư tưởng “dân là gốc” của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho đến phút cuối cuộc đời. Đây chính là một trong những bài học lớn mà Đảng ta đã vận dụng sáng tạo trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam mà đặc biệt là trong quá trình đổi mới ở nước ta.

2. Ý nghĩa thực tiễn trong quá trình đổi mới ở nước ta hiện nay

Công cuộc đổi mới toàn diện trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội của đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo từ đại hội VI (tháng 12/1986). Nhìn tổng thể hơn 32 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được *những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử* trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đổi mới mang tầm vóc và có ý nghĩa cách mạng, là quá trình cải biến sâu sắc, toàn diện, triệt để, là sự nghiệp cách mạng to lớn của toàn Đảng, toàn dân vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Những thành tựu đó gắn liền với sự vận dụng sáng tạo tư tưởng của Người vào thực tiễn quá trình đổi mới mà trực tiếp là tư tưởng “dân là gốc” trong *Di chúc* mà Người đã để lại. Một trong những bài học kinh nghiệm quý báu trong quá trình đổi mới đó là: “đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc”³.

Quan điểm “dân là gốc” đã được ông cha ta đúc kết và chứng minh bằng thực tiễn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.15, tr. 613.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.15, tr. 613.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr. 69.

của lịch sử hàng ngàn năm dựng nước đi đôi với giữ nước của dân tộc. Bài học đó được Đảng ta tiếp tục kế thừa và phát triển trong suốt hơn 32 năm đổi mới. Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân. Do đó, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, lấy đời sống của nhân dân làm thước đo cho thành công của đổi mới, phải gần gũi với nhân dân và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Bảo đảm phát huy dân chủ, “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, giám sát”. Thực tiễn đã chứng minh, mọi ý kiến, nguyện vọng, cũng như sáng kiến của nhân dân là cơ sở, nguồn gốc hình thành chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng, quyết định đến thắng lợi của công cuộc đổi mới, thành tựu của đổi mới gắn liền với công lao của nhân dân, của sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc. Những thành công của sự nghiệp đổi mới luôn gắn liền với sự đồng sức, đồng lòng của nhân dân, cho dù mọi biến động của tình hình thế giới và khu vực, nhân dân ta luôn một lòng theo Đảng, tin tưởng và giao trọng trách lãnh đạo cho Đảng, đóng góp trí tuệ vào đường lối lãnh đạo của Đảng và là người trực tiếp thực hiện thắng lợi đường lối đó.

Thực hiện quan điểm “dân là gốc” trên cơ sở phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Đảng ta đã nhận thức về dân chủ và xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ngày càng đầy đủ và sâu sắc hơn. Điều quan trọng nhất là làm cho dân được hưởng quyền dân chủ thực sự, muốn làm được điều đó phải làm cho dân có năng lực làm chủ, năng lực đó không phải do “ban phát” mà phải trải qua quá trình phát triển, đi từ việc Đảng, Nhà nước tạo ra cơ chế, chính sách, pháp luật phù hợp; người dân phải được học tập nâng cao trình độ hiểu biết về dân chủ và thực hành quyền dân chủ của mình, tránh tình trạng dân chủ hình thức.

Có thể khẳng định, Đại hội VI của Đảng đã tạo ra bước ngoặt lịch sử trong việc phát huy dân chủ để tạo ra động lực mạnh mẽ cho sự phát triển của đất nước. Bài học “dân là gốc” là sự thể hiện cô đọng và sâu sắc nhất tư tưởng dân chủ của Đảng. Đại hội VIII của Đảng (1996) đã khẳng định: “Mục tiêu của đổi mới hệ thống chính trị là nhằm thực hiện tốt dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân”¹. Các kỳ đại hội tiếp theo Đảng ta tiếp tục khẳng định dân chủ là mục tiêu, động lực chủ yếu để phát triển đất nước. Đại hội XI của Đảng khẳng định: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển đất nước”². Theo đó, “dân chủ”, “nhân dân làm chủ” trở thành đặc trưng của chế độ xã hội chủ nghĩa mà ta đang xây dựng. Có dân chủ mới tạo nên sự đồng thuận xã hội mới tạo ra sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước, Đảng, Nhà nước ta luôn coi con người là trung tâm của sự phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và lợi ích của nhân dân. Trong quá trình đổi mới, cho dù khó khăn về kinh tế - xã hội, Đảng,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 71.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.47.

Nhà nước vẫn ưu tiên thực hiện chính sách bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Xóa đói giảm nghèo phát triển giáo dục là những thành quả không chỉ làm thay đổi cuộc sống hàng triệu người dân Việt Nam mà còn được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá rất cao.

Xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực thuộc về nhân dân để nhân dân thực sự là chủ thể tiến hành đổi mới và hưởng thụ thành tựu đổi mới. Đổi mới là sự nghiệp khó khăn, phức tạp cần phải phát huy quyền làm chủ, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Qua hơn 32 năm đổi mới đã tạo ra cho đất nước ta thế và lực mới, đó là tổng hòa những thành tựu hết sức to lớn, và có ý nghĩa lịch sử, kinh tế phát triển, chính trị - xã hội ổn định, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế. Thành quả đạt được gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng và là trí tuệ, thành quả lao động, sáng tạo của nhân dân. Những thành quả và kinh nghiệm đó mà trực tiếp là tư tưởng “dân là gốc” trong *Di chúc* của Người, tiền đề quan trọng cho chúng ta tiếp tục đẩy mạnh toàn diện và đồng bộ công cuộc đổi mới.

Trong những năm tới, đất nước ta tiếp tục đẩy mạnh toàn diện và đồng bộ công cuộc đổi mới. Tình hình thế giới và khu vực có thể tiếp diễn hết sức phức tạp, khó lường, khu vực Châu Á – Thái Bình Dương tiếp tục có những dịch chuyển, biến động, diễn biến phức tạp. Quá trình hình thành trật tự thế giới mới sẽ nảy sinh những diễn biến phức tạp về chính trị, quân sự tại nhiều khu vực và nhiều nước. Các nước lớn điều chỉnh chiến lược vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, đấu tranh giành vị thế và lợi ích trên toàn cầu, trên từng khu vực đặc biệt là khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, khu vực Đông Nam Á. Tuy nhiên, xu hướng hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn tiếp tục được đẩy mạnh. Toàn cầu hóa và liên kết khu vực tiếp tục là các xu thế lớn và các cơ chế đa phương ngày càng có tiếng nói quan trọng trên trường quốc tế. Toàn cầu hóa có thể không diễn ra như trước, nhưng liên kết khu vực vì lợi ích của các quốc gia sẽ diễn ra mạnh mẽ, tạo nên môi liên hệ chằng chịt, nhiều nấc, nhiều lớp. Xu thế dân chủ hóa quốc tế ngày càng được hình thành rõ nét làm cho các chủ thể theo chủ nghĩa cường quốc, bành trướng nước lớn bị ảnh hưởng về lợi ích. Trong những năm tới, chiến tranh thế giới khó có thể xảy ra, nhưng xung đột dân tộc, sắc tộc, tôn giáo, xung đột lợi ích kinh tế, khủng bố, can thiệp vũ trang, tranh chấp biên giới, hải đảo trên thế giới tiếp tục diễn ra một cách phức tạp và khó lường.

Trong bối cảnh đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự đồng lòng và sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy những thành tựu đã đạt được cũng như bài học quý báu của hơn 32 năm đổi mới. Chúng ta tin tưởng rằng công cuộc đổi mới sẽ đưa đất nước ta tiếp tục gặt hái những thành tựu có ý nghĩa lịch sử. Để thực hiện được điều đó, một mặt chúng ta tiếp tục quán triệt quan điểm “dân là gốc” trong *Di chúc* của Người. Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy trí tuệ, trách nhiệm của mọi tổ chức, lực lượng trong toàn xã hội, của kiều bào ta ở nước ngoài đồng sức, đồng lòng quyết tâm thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Thực hiện tốt quan điểm: “Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân,

được nhân dân tham gia ý kiến”¹. Mặt khác, để phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, cần chống đặc quyền, đặc lợi, chống suy thoái, biến chất. Tham ô, tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi là những thói xấu gắn liền với con người mà trực tiếp là cán bộ đảng viên, do đó phải bảo đảm cho Đảng vừa là người lãnh đạo, đồng thời là người đầy tớ của nhân dân. Cán bộ, đảng viên là người đầy tớ trung thành của nhân dân chứ không phải xa rời dân, đứng trên dân. Mục tiêu cao cả là vì cuộc sống của nhân dân, phải chăm lo, cải thiện đời sống, vật chất tinh thần, bồi dưỡng sức dân để nhân dân được hưởng công bằng, xứng đáng của thành quả đổi mới. Không ngừng hoàn thiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, tôn trọng, phát huy quyền làm chủ, năng lực sáng tạo, tính tích cực chính trị - xã hội và nguồn lực của nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, tăng cường sự gắn bó và niềm tin của nhân dân vào Đảng đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương xã hội là vấn đề cốt lõi trong chính sách dựng nước, giữ nước trong thời kỳ phát triển.

Bên cạnh đó, cần phải tăng cường đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch nhằm tách rời Đảng với Nhà nước, Đảng với Quân đội và Đảng với nhân dân, tạo nên sức “đề kháng” ngay từng cán bộ, đảng viên mà đặc biệt là nhân dân bảo đảm sự đồng thuận, tạo sức mạnh tổng hợp hoàn thành thắng lợi công cuộc đổi mới trong những năm tiếp theo.

3. Kết luận

50 năm đã đi qua kể từ ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt bút viết những dòng cuối cùng trong bản *Di chúc*, thời gian không ngừng trôi với biết bao sự biến đổi và phát triển của đất nước, dân tộc và quốc tế. Song những chỉ dẫn của Người trong *Di chúc* vẫn mãi còn in đậm trong trái tim, khối óc của mọi người dân Việt Nam, nhất là cán bộ, đảng viên trong công cuộc đổi mới đất nước. Trong đó tư tưởng “dân là gốc” là vấn đề cốt lõi, giá trị nhân văn cao cả của Người. Trong quá trình đổi mới, Đảng ta luôn quán triệt tư tưởng này của Người. Thành tựu của hơn 32 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng đã chứng minh và khẳng định chân lý đó. Mặc dù Người đã đi xa, nhưng tư tưởng cách mạng, tư tưởng “dân là gốc” trong bản *Di chúc* của Người vẫn còn sáng mãi, soi đường, dẫn dắt toàn Đảng, toàn dân tiếp tục sự nghiệp đổi mới, khẳng định vị thế nước ta trên trường quốc tế, thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh./.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.169.

TU TƯỞNG VỀ ĐẢNG CẦM QUYỀN TRONG DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH

ThS. Trần Thị Thúy Nga*

1. Mở đầu

Di chúc chỉ có 1.431 chữ nhưng gồm 5 nội dung chính; trong đó, Hồ Chí Minh đã cân nhắc và dành để viết “TRƯỚC HẾT NÓI VỀ ĐẢNG” với 108 chữ. Người nhấn mạnh: “*Việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng*”, đây là nhiệm vụ chiến lược, là công việc thường xuyên để giữ vững vai trò lãnh đạo và cầm quyền của Đảng. Người khẳng định “Đảng ta là Đảng cầm quyền” và để làm tròn nhiệm vụ của một Đảng cách mạng, tiên phong, đáp ứng được nhiệm vụ lãnh đạo xã hội, Đảng phải luôn trong sạch, vững mạnh. Đảng phải lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, không ngừng nâng cao bản chất giai cấp công nhân; phải thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt Đảng và Điều lệ Đảng; xây dựng và củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân; chú trọng xây dựng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên có đức, có tài; thường xuyên chỉnh đốn và đổi mới Đảng, chăm lo bồi dưỡng lực lượng kế cận.

2. Nội dung

2.1. Đảng phải đoàn kết thống nhất

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định “*Sức mạnh của Đảng là sự đoàn kết, nhất trí*”¹. Người chỉ rõ: “*Đảng ta là một Đảng lãnh đạo. Tất cả cán bộ và đảng viên dù ở cương vị khác nhau, làm công tác khác nhau, cũng đều phải đoàn kết, nhất trí để làm tròn nhiệm vụ của Đảng giao cho*”². Nếu nội bộ Đảng mất đoàn kết, đảng viên trong Đảng xích mích, thiếu hợp tác, thậm chí cản trở nhau trong công việc, tìm cách hạ bệ, đèm nhau thì công việc chung sẽ không thể trôi chảy. Ngược lại, nếu các đảng viên của Đảng cùng đoàn kết, phối hợp, giúp đỡ nhau thực hiện một nhiệm vụ, mục tiêu chung thì mọi công việc của Đảng dù khó khăn mấy cũng đều làm được. Hơn nữa, sự đoàn kết trong Đảng chính là hạt nhân để đoàn kết toàn dân, toàn quân.

Thực tế trong quá trình lãnh đạo của Đảng, nhờ đoàn kết mà Đảng vượt qua những khó khăn, thách thức để tiếp tục tiến bước, giành được nhiều thắng lợi vĩ đại. Dù những kẻ thù mạnh hơn ta nhiều lần nhưng chúng ta vẫn giành được thắng lợi nhờ sự đoàn kết của toàn dân dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, không chỉ trong đấu tranh giành chính quyền mà khi Đảng đã trở thành Đảng cầm quyền, Đảng phải luôn giữ gìn được truyền thống quý báu này: “*Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần giữ gìn sự đoàn kết, nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 12, tr. 23.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 12, tr. 154.

mắt mình”¹. Chủ tịch Hồ Chí Minh so sánh đoàn kết trong Đảng giống như con người trong mắt mỗi người. Thiếu con người đó, mỗi người sẽ không thấy ánh sáng mà đi, giống như Đảng nếu không có sự đoàn kết thì sẽ không tìm ra lối đi dẫn đường cho cả dân tộc Việt Nam tiến lên. Người cũng dặn dò tất cả mọi đảng viên, dù ở vị trí công tác nào, cao hay thấp đều có nhiệm vụ và trách nhiệm phải giữ gìn sự đoàn kết, nhất trí ấy. Vậy tất cả các đảng viên trong Đảng cần làm gì để giữ gìn sự đoàn kết ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng chỉ dẫn rất cụ thể.

2.2. Phải mở rộng dân chủ trong Đảng

Để Đảng thống nhất về tư tưởng thì phải phát huy dân chủ nội bộ, do đó Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định dân chủ trong Đảng là nền tảng cho sự đoàn kết, nhất trí: “*Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng*”². Dân chủ trong Đảng là sự tự do tranh luận, thảo luận để cùng tìm ra chân lý. Khi thảo luận còn ý kiến khác nhau là chuyện bình thường và cần thiết có những ý kiến khác nhau để tìm ra các chủ trương, biện pháp và kết luận đúng đắn, không thể coi đó là mất đoàn kết. Tuy nhiên, để dân chủ trong Đảng trở thành một phương thức củng cố đoàn kết trong Đảng, thảo luận trong nội bộ phải chân thành, cởi mở, cầu thị, kết luận rõ ràng; chỉ khi đó, nghị quyết thông qua mới bảo đảm tính thống nhất cao. Người lãnh đạo phải tinh táo nâng cao tính kỷ luật, tập trung trong thực hành dân chủ, không để cho chủ nghĩa cá nhân xen vào để gây chia rẽ, bè phái, gây rối, làm mất đoàn kết trong Đảng.

2.3. Phải nghiêm túc thực hiện phê bình và tự phê bình

Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn, để xây dựng sự đoàn kết, thống nhất thì “*trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng*”³. Để thực hiện đoàn kết thống nhất trong Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu phải thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng, đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình. Đây là cách tốt nhất để xây dựng, chỉnh đốn Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh. Người coi nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản và cốt lõi trong công tác xây dựng đảng.

Thực hiện phê bình và tự phê bình vừa tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các đảng viên, vừa giúp phát huy ưu điểm, tìm ra khuyết điểm để các đảng viên cùng nhau sửa chữa, tạo sự nhất trí cao trong tư tưởng và hành động. Tuy nhiên, để phê bình và tự phê bình trở thành một phương thuốc củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng thì cần kiên quyết chống lại các biểu hiện hình thức chủ nghĩa và sai trái trong tự phê bình và phê bình, phê bình không có căn cứ, phê bình sai, phê bình không nhằm thúc đẩy công việc, không nhằm nâng cao chất lượng chấp hành nghị quyết, cải tiến lãnh đạo, gìn giữ phẩm chất cách mạng của đảng viên mà lại nhằm đả kích cá nhân, đi vào những vấn đề vụn vặt thuộc về sinh hoạt.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 12, tr. 497.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 12, tr. 497.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 622.

2.4. Các đảng viên trong Đảng phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau

Trong bản Di chúc được bổ sung năm 1966, cụm từ “*Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau*”¹ được Bác thêm vào. Theo Bác, để có sự đoàn kết, thống nhất thực sự, bên cạnh tinh thần, lý trí, trong mỗi cán bộ, đảng viên phải có tình thương yêu đồng chí và lòng nhân ái.

Đó là cách thức quan trọng để củng cố khối đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Bởi lẽ, thực hiện đúng tinh thần của dân chủ trong thảo luận, tranh luận cũng như tự phê bình và phê bình thì các đảng viên phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau, sự chân thành và tinh thần giúp đỡ nhau. Nếu vì lợi ích, suy nghĩ cá nhân và những thù hằn cá nhân thì các yêu cầu về thực hành dân chủ và tự phê bình và phê bình trong Đảng sẽ không được bảo đảm, từ đó chẳng những không củng cố được sự thống nhất mà lại càng gây mâu thuẫn, chia rẽ. Nếu thực hành dân chủ, tự phê bình và phê bình trong Đảng tạo ra sự thống nhất trên cơ sở lý trí, chân lý, thì tình đồng chí thương yêu lẫn nhau tạo ra sự gắn kết về mặt tình cảm, đạo lý giữa các đảng viên. Các đảng viên Đảng Cộng sản là những người cùng chí hướng hy sinh, phấn đấu vì hạnh phúc của nhân dân lao động, là những con người giàu tính nhân văn và tình yêu thương con người nhất, không có lý gì lại không yêu thương, giúp đỡ và không mong muốn sự tiến bộ cho người đồng chí cùng sống và làm việc với mình.

2.5. Đảng phải coi trọng xây dựng đạo đức cách mạng

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng yếu tố đạo đức trong xây dựng Đảng, chống lại các căn bệnh “quan liêu”, “tham nhũng, lãng phí”, “xa dân”. Đảng ta có nhiệm vụ to lớn là lãnh đạo nhân dân tiến hành “một cuộc chiến đấu khổng lồ” xóa đi những tàn tích của xã hội cũ, xây dựng xã hội mới tốt đẹp. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cao cả đó thì: “*Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ trung thành của nhân dân*”². Người quan niệm đạo đức là nền tảng của người cách mạng, “*đạo đức cách mạng là vô luận trong hoàn cảnh nào, cũng phải quyết tâm đấu tranh, chống mọi kẻ địch, luôn luôn cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, quyết không chịu khuất phục, không chịu cúi đầu. Có như thế mới thắng được địch và thực hiện được nhiệm vụ cách mạng*”³. Người có đạo đức cách mạng thì gặp khó khăn gian khổ, thất bại chẳng sợ sệt, rụt rè, lùi bước, vì lợi ích của cách mạng, của giai cấp, của dân tộc mà không ngại hy sinh lợi ích riêng của mình, khi cần thì sẵn sàng hy sinh cả tính mạng cũng không tiếc; luôn “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”, không kèn cựa, không công thân, không quan liêu, không kiêu ngạo, không hủ hoá. Vì vậy, thường xuyên giáo dục, tuyên truyền cho cán bộ, đảng viên thấm nhuần đạo đức cách mạng là biện pháp quan trọng trong xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Từ chỉ dẫn của Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên “*phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư*”, việc nhận diện và chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm để mau chóng sửa chữa làm cho Đảng “mạnh

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 12, tr. 497.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 622.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 11, tr. 606.

khỏe, chắc chắn” là hết sức cần thiết, có ý nghĩa quan trọng trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Trên cơ sở chỉ ra 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đề ra mục tiêu, quan điểm và đặc biệt lựa chọn 4 nhóm nhiệm vụ với 29 giải pháp hết sức cụ thể để đấu tranh ngăn chặn, khắc phục những khuyết điểm, nâng cao đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Từ đó, tự đổi chiều với tiêu chuẩn, nhiệm vụ của người cán bộ, đảng viên; nghiêm túc tìm ra những biểu hiện suy thoái để tự mình tích cực sửa chữa và khắc phục.

Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII gắn với Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” cũng chính là làm theo những chỉ dẫn của Người nêu ra trong *Di chúc*, để thông qua đó, mỗi cán bộ, đảng viên “thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”, “xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”.

3. Kết luận

Thực hiện Di chúc của Bác, trong suốt 50 năm qua, Đảng ta luôn tập trung vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, *coi đó là nhiệm vụ then chốt*. Nét nổi bật trong công tác xây dựng Đảng là, Đảng đã hết sức chú trọng đến việc củng cố, giữ vững và phát huy sự đoàn kết thống nhất trong Đảng; nguyên tắc tập trung dân chủ được phát huy và có cơ chế để thực hiện; các tổ chức cơ sở Đảng được chăm lo xây dựng trong sạch vững mạnh, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu không ngừng nâng cao; đại bộ phận cán bộ, đảng viên luôn giữ được vai trò tiên phong, gương mẫu, tận tụy với công việc, gắn bó với nhân dân, tích cực tham gia vào sự nghiệp cách mạng của Đảng... Điều đó đã làm cho Đảng ta có đủ sức mạnh để lãnh đạo nhân dân vượt qua bao gian nan, thử thách, đưa cách mạng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác./.

VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM VỀ QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ THỂ HIỆN TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI CÔNG CUỘC XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY

*Trung úy Trần Nguyễn Sĩ Nguyên**
*HVCH. Phạm Thế Hiển***

1. Đặt vấn đề

Tư tưởng chính trị là một trong những nội dung lớn trong tư tưởng của Hồ Chí Minh. Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh đã để lại vô vàn các tác phẩm luận bàn về chính trị, cụ thể là hướng tới những thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. Trong đó, Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một trong những tác phẩm lớn, cô đọng về tư tưởng chính trị, được xem là cuốn cẩm nang định hướng cách mạng Việt Nam cho các thế hệ cách mạng kế tục sự nghiệp của Hồ Chí Minh.

2. Quan điểm về quyền lực chính trị thể hiện trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Quyền lực có thể hiểu là khả năng buộc người khác phải thực hiện theo ý chí của mình dưới sự thừa nhận của họ. Quyền lực chính trị là một dạng của quyền lực, liên quan đến vấn đề chính trị - tức là vấn đề giành, giữ và thực thi quyền lực nhà nước. Có thể hiểu quyền lực chính trị là “quyền lực của một giai cấp hay liên minh giai cấp để thực hiện sự thống trị chính trị trên cơ sở thực hiện chức năng của công quyền, cơ bản bằng quyền lực nhà nước, là năng lực áp đặt và thực thi các giải pháp phân bổ giá trị xã hội có lợi cho giai cấp mình và đảm bảo mức độ nhất định sự công bằng xã hội”¹.

Hồ Chí Minh là nhà hoạt động chính trị lỗi lạc của Việt Nam và thế giới. Trong suốt quá trình hoạt động chính trị của mình, Hồ Chí Minh đã đúc kết nên những tư tưởng chính trị đúng đắn, góp phần lãnh đạo cuộc cách mạng Việt Nam giành lấy những thắng lợi to lớn. Trong bản Di chúc cuối đời của mình, những tư tưởng lớn về chính trị nói chung, về quyền lực chính trị nói riêng đã được Hồ Chí Minh đúc kết, làm cơ sở để các thế hệ cách mạng đời sau kế thừa, phát triển. Cụ thể, tư tưởng về quyền lực chính trị trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện ở mấy luận điểm sau:

Một là, tất cả mọi quyền lực trong Nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân

Mở đầu Di chúc, Hồ Chí Minh – Người vừa nắm giữ chức vụ Chủ tịch Đảng, vừa nắm giữ chức vụ Chủ tịch nước – đã viết: “Năm nay, tôi đã 75 tuổi [...] Ai đoán biết tôi sẽ sống

**Trường Đại học Cảnh sát Nhân dân*

***Khoa Lịch sử, Trường ĐHKHXH và NV*

1. Viện Khoa học Chính trị - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Tập bài giảng Chính trị học (Hệ cao cấp lý luận chính trị)*, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2004, tr. 219.

và phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng mấy năm mấy tháng nữa?”¹. Mở đầu ấy không chỉ là sự trấn trở của Hồ Chí Minh về thời gian phục vụ cách mạng của mình mà còn thể hiện một luận điểm quan trọng về quyền lực nhà nước: Tất cả quyền lực trong nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân; cán bộ từ Chủ tịch nước trở xuống đều là công bộc của dân, phục vụ nhân dân. Quan điểm quyền lực chính trị (mà tập trung ở quyền lực nhà nước) đều thuộc về nhân dân, phục vụ cho lợi ích của nhân dân là nguyên tắc cốt lõi, xuyên suốt trong tư tưởng của Hồ Chí Minh. Vì vậy, cán bộ, đảng viên dù ở chức vụ nào đều phải thấu hiểu quyền lực chính trị mình nắm giữ do nhân dân ủy thác cho; phải góp phần xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Từ nguyên tắc cốt lõi này, Hồ Chí Minh dự định sau khi kháng chiến chống thế lực xâm lược nước ta thành công thì “Đầu tiên là công việc đối với con người”². Đảng, Nhà nước phải thể hiện tinh thần phục vụ nhân dân, thực sự xem cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Trước hết, đối với mỗi người dân từ “những người đã dưng cảm hy sinh một phần xương máu của mình”, “các liệt sĩ”, “cha mẹ, vợ con (của thương binh và liệt sĩ)”, “những chiến sĩ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong”, “phụ nữ”, “nông dân”... Hồ Chí Minh yêu cầu Đảng và Chính phủ cần phải có chính sách hợp lý để động viên tinh thần, vật chất cho những người đã cống hiến cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam, cũng như thể hiện tinh thần phục vụ nhân dân. Hơn nữa, Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh “phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân”³ hay nói cách khác: dựa vào sức mạnh đoàn kết toàn dân để thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam.

Hai là, quyền lực chính trị của Đảng do nhân dân giao phó thể hiện ở vai trò lãnh đạo; Đảng vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân

Trong Di chúc, lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất Hồ Chí Minh sử dụng thuật ngữ “Đảng cầm quyền” để thể hiện vị thế của Đảng Cộng sản Việt Nam. Người viết: “Đảng ta là một đảng cầm quyền”⁴. Qua đó, Hồ Chí Minh muốn khẳng định Đảng nắm trong tay quyền lực chính trị to lớn là lãnh đạo dân tộc và nhân dân hướng tới giành lấy những thắng lợi vĩ đại: đó là thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng nhân loại. Quyền lực chính trị của Đảng thể hiện ở vai trò lãnh đạo, cụ thể là vạch ra cương lĩnh, đường lối, Nghị quyết và đảm bảo thi hành trong thực tiễn; phương pháp và cách thức thi hành chủ yếu là giáo dục, thuyết phục và thông qua hoạt động của bộ máy nhà nước (khi Đảng đã lãnh đạo nhân dân giành được chính quyền nhà nước).

Nhưng quyền lực lãnh đạo của Đảng không phải tự Đảng phong cho mình, cũng không phải lãnh đạo bằng cách “hạ lệnh”, “cưỡng bức” như kiểu “bánh ngọt là một thứ ngon lành, nhưng đem bánh ngọt bắt người ta ăn, nhét vào miệng người ta, thì ai cũng chán!”⁵.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 611.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 616.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 618.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 611 - 612.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 286.

Hồ Chí Minh luôn nhận định một cách rõ ràng rằng: quyền lực lãnh đạo của Đảng là do nhân dân giao phó cho Đảng, được ghi nhận bằng chính khả năng định phương hướng, dẫn dắt nhân dân đi đến giành được những thắng lợi to lớn vì dân tộc, vì nhân dân; Đảng vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân. Người luận giải: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”¹. Chính từ tinh thần phục vụ dân tộc, phục vụ nhân dân toàn tâm, toàn ý nên Đảng mới được nhân dân tin tưởng giao phó quyền lực lãnh đạo, ghi nhận điều này trong Hiến pháp của nhà nước ta.

Ba là, những biện pháp phòng chống sự tha hóa của quyền lực đối với cán bộ, đảng viên

Trên từng thắng lợi của cách mạng, Hồ Chí Minh đã nhìn thấy trước những trở ngại, khó khăn trong tương lai mà dân tộc và nhân dân phải đối mặt. Một trong những trở ngại mà Hồ Chí Minh trăn trở là căn bệnh do chủ nghĩa cá nhân mang lại đối với cán bộ, đảng viên, nhân dân. Đặc biệt, khi Đảng ta lãnh đạo nhân dân giành được thắng lợi Cách mạng tháng Tám, Hồ Chí Minh đã nhắc nhở về tác động của “đạn bọc đường” đối với cán bộ, đảng viên. Hay nói cách khác, đó là sự tha hóa của quyền lực đối với những người cán bộ, đảng viên, biến quyền lực công thành quyền lực của cá nhân mình. Chính vì vậy, trong tác phẩm cuối đời của mình, Hồ Chí Minh tiếp tục nhấn mạnh về sự cần thiết phải có những biện pháp phòng chống sự tha hóa của quyền lực đối với cán bộ, đảng viên. Người viết: “Theo ý tôi, việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi”².

Về biện pháp cụ thể để thực hiện việc phòng chống sự tha hóa của quyền lực đối với cán bộ, đảng viên, Hồ Chí Minh nhấn mạnh một số nội dung như: cán bộ, đảng viên “cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”, “thực hành dân chủ rộng rãi”, “thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình”³, “phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”⁴. Như vậy, để chống lại sự tha hóa của quyền lực chính trị theo Hồ Chí Minh, đảm bảo quyền lực luôn thuộc về nhân dân, vì nhân dân đòi hỏi Đảng ta phải nghiêm túc thực hiện sự đoàn kết nhất trí trong Đảng mở rộng ra đoàn kết trong nhân dân; phải thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc tập trung dân chủ (vừa thống nhất, vừa phân tán quyền lực), nguyên tắc tự phê bình và phê bình;

3. Vận dụng quan điểm về quyền lực chính trị thể hiện trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh với công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng của Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay

Thành phố Hồ Chí Minh là một “đô thị đặc biệt, một trung tâm lớn về kinh tế, văn hoá, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, đầu mối giao lưu và hội nhập quốc tế, là đầu

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 611.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 616.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 611.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 611 - 612.

tàu, động lực, có sức thu hút và sức lan tỏa lớn của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có vị trí chính trị quan trọng của cả nước”¹. Với vai trò là đầu tàu lãnh đạo thành phố, Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh có trọng trách hết sức to lớn trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ đức, đủ tài để gánh vác trách nhiệm thực hiện thắng lợi những định hướng phát triển thành phố trong thời gian tới. Quán triệt quan điểm về quyền lực chính trị thể hiện trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh với công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng của Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay, trong thời gian tới, Đảng bộ Thành phố có thể tiến hành mấy định hướng cơ bản sau:

Một là, Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lãnh đạo xây dựng bộ máy nhà nước của dân, do dân, vì dân

Hồ Chí Minh xác định rõ Đảng ta là Đảng cầm quyền, vai trò cầm quyền của Đảng được nhân dân giao phó cho. Đảng trở thành Đảng cầm quyền có vai trò hoạch định cương lĩnh, đường lối, Nghị quyết... để định hướng con tàu cách mạng Việt Nam đi đúng mục tiêu đã xác định. Một trong những vai trò to lớn của Đảng là lãnh đạo xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân, đảm bảo tất cả mọi quyền lực trong nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân.

Phát huy vai trò lãnh đạo xây dựng bộ máy nhà nước của dân, do dân, vì dân, Đảng bộ Thành phố cần phải xác định rõ vai trò lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý của nhà nước, không được bao biện, làm thay nhà nước; phải hoạt động trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật; mọi đảng viên và tổ chức Đảng phải tuân thủ pháp luật... Đồng thời, phải xác định rõ Đảng là hạt nhân lãnh đạo của hệ thống chính trị nên Đảng cũng có quyền lực chính trị, nhưng Đảng không có quyền lực Nhà nước. Sự lãnh đạo của Đảng bộ thành phố đối với Nhà nước cần tập trung ở những điểm: chú trọng thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng bộ thành phố thành chủ trương, chính sách, văn bản pháp luật và tổ chức thực hiện thông qua bộ máy nhà nước, bảo đảm mọi chính sách, pháp luật đều thực hiện theo định hướng lấy ý kiến, nguyện vọng của nhân dân quay trở lại chỉ đạo nhân dân; Đảng bộ thành phố lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức thành phố đáp ứng yêu cầu đặt ra đối với những mục tiêu phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh; Đảng bộ chú trọng công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, đảm bảo mọi tổ chức và hoạt động đều thực sự của dân, do dân, vì dân; Đảng bộ chú ý bố trí cán bộ, đảng viên của mình giữ những cương vị chủ chốt trong bộ máy chính quyền các cấp ở thành phố trên cơ sở tài năng và đạo đức, xử lý nghiêm những biểu hiện tư túng, chạy chức, chạy quyền, chạy chỗ song song với đấu tranh không khoan nhượng đối với mọi hành vi tham nhũng, lãng phí của cán bộ, đảng viên...

Hai là, đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh trong sạch, vững mạnh; mỗi cán bộ, đảng viên thực sự là người lãnh đạo và người đầy tớ trung thành của nhân dân

Với việc xác định rõ quyền lực chính trị của Đảng trong quá trình lãnh đạo Nhà nước và toàn xã hội là do nhân dân giao phó, Hồ Chí Minh yêu cầu Đảng ta phải “là đạo đức, là văn minh”, mỗi người cán bộ, đảng viên của Đảng “là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật

1. Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10/8/2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020.

trung thành của nhân dân”. Vận dụng quan điểm của Hồ Chí Minh về quyền lực chính trị của Đảng, Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới cần tiếp tục thực hiện một cách hiệu quả định hướng “Xây dựng Đảng bộ thành phố thật trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng, chất lượng cán bộ, đảng viên”¹.

Đảng bộ thành phố đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng cần chú trọng bám sát vào những nội dung xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức. Trong đó, tập trung quán triệt việc học tập, tu dưỡng của mỗi người cán bộ, đảng viên theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”; Nghị quyết Trung ương 4 Khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh... Công tác học tập, nghiên cứu cần được thực hiện bằng những hình thức sinh động, sáng tạo, mang lại hiệu quả cao về phía nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên. Đồng thời, chú trọng phát hiện kịp thời những gương điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt trong việc tu dưỡng, rèn luyện để có biện pháp nhân rộng, tuyên dương, tạo động lực đối với tất cả cán bộ, đảng viên học tập và thực hiện theo.

Ba là, xây dựng hệ tiêu chí đánh giá hiệu quả công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng bằng hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, tổ chức và mỗi cán bộ, đảng viên

Có thể nói thước đo quan trọng nhất trong việc thực hiện công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng là kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của các cấp ủy Đảng, cơ quan, đơn vị và cán bộ, đảng viên. Trong thời gian tới, Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh cần phát huy hơn nữa vai trò lãnh đạo, định hướng các cơ quan, tổ chức cụ thể hóa và góp phần thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển chung của thành phố. Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh cần tập trung vào định hướng trong Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10/8/2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra trong Văn kiện Đại hội X của Đảng bộ, xác định trọng tâm, trọng điểm, chỉ đạo thực hiện thắng lợi 14 chỉ tiêu, 7 chương trình đột phá, phấn đấu xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thành một thành phố “có chất lượng sống tốt, văn minh, hiện đại, nghĩa tình; có vai trò động lực trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; sớm trở thành một trong những trung tâm lớn về kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học - công nghệ của khu vực Đông Nam Á”²... Tất cả đều hướng tới việc không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, phát huy vai trò một trong những trung tâm kinh tế hàng đầu, đầu tàu phát triển của quốc gia – đó chính là cơ sở xác định hệ tiêu chí đánh giá hiệu quả công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng của Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới.

1. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ X nhiệm kỳ 2015 – 2020.

2. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ X nhiệm kỳ 2015 – 2020.

4. Kết luận

Tác phẩm Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh chứa đựng những tư tưởng cô đọng về quyền lực chính trị, thể hiện cụ thể ở các nội dung: tất cả mọi quyền lực trong Nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân; quyền lực chính trị của Đảng do nhân dân giao phó thể hiện ở vai trò lãnh đạo, Đảng vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân; những biện pháp phòng chống sự tha hóa của quyền lực đối với cán bộ, đảng viên. Học tập, nghiên cứu và vận dụng những lời dạy trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về quyền lực chính trị nhằm thực hiện thắng lợi những mục tiêu đề ra trong thời gian tới, Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh có thể thực hiện việc lãnh đạo xây dựng bộ máy nhà nước của dân, do dân, vì dân; đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh trong sạch, vững mạnh, mỗi cán bộ, đảng viên thực sự là người lãnh đạo và người đầy tớ trung thành của nhân dân; xây dựng hệ tiêu chí đánh giá hiệu quả công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng bằng hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, tổ chức và mỗi cán bộ, đảng viên./.

ĐỔI MỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG CHÍNH ĐỐN ĐẢNG HIỆN NAY THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*ThS. Mai Trọng Phú**

Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại và vô cùng kính yêu của Đảng và dân tộc ta đã đi về nơi vĩnh hằng cách nay hơn 50 năm nhưng di sản tư tưởng Người để lại cho nhân dân Việt Nam thật vô giá. Trong những di sản để lại, bản *Di chúc* của Người là tài sản tinh thần thiêng liêng, bất hủ, mãi mãi khắc sâu trong tâm khảm mỗi người dân Việt Nam, mỗi cán bộ, đảng viên, mãi mãi soi sáng con đường đi tới vinh quang và thắng lợi của dân tộc ta, của Đảng ta. *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đúc kết những giá trị tư tưởng lớn lao và những định hướng đúng đắn, cơ bản cho con đường cách mạng Việt Nam về sau. Một trong những nội dung sâu sắc, có ý nghĩa to lớn trong *Di chúc* là tư tưởng của Người về xây dựng và chỉnh đốn Đảng ta.

Theo Người, sở dĩ phải thường xuyên xây dựng và chỉnh đốn Đảng, bởi bên cạnh số đông đảng viên mẫu mực thì vẫn còn một bộ phận đảng viên chưa thật sự trong sạch, vững mạnh về mọi mặt, thậm chí còn có quan cách mạng, không còn xứng đáng danh hiệu người Cộng sản. Vì vậy, phải chỉnh đốn để gột rửa tất cả những lỗi lầm sai trái ấy. Điều này được Hồ Chí Minh lúc sinh thời nhắc đi nhắc lại nhiều lần, nhất là trước lúc đi xa, trong *Di chúc*, Người căn dặn: “việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân”¹. Người đã nêu lên một luận điểm quan trọng: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”².

Đã hơn 50 năm đã trôi qua nhưng những gì mà Người đã để lại trong bản *Di chúc* thiêng liêng vẫn còn nguyên giá trị lịch sử, và chúng ta càng thấy tự hào về những việc mà toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đã làm được theo những lời căn dặn thiêng liêng của Người, chúng ta lại càng vững tin vào con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn là hoàn toàn đúng đắn, hợp với xu thế của thời đại cũng như nguyện vọng chính đáng của cả dân tộc Việt Nam. Đồng thời cũng nghiêm khắc tự phê bình để thấy rõ những điều còn thiếu sót để mỗi đảng viên, cán bộ không ngừng phấn đấu rèn luyện, thực hiện tốt hơn nữa lời dạy của Bác. Đặc biệt là vấn đề xây dựng và chỉnh đốn Đảng đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định trong *Di chúc* của Người.

Nhận thức, vận dụng và sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, xuất phát từ thực tiễn và truyền thống của dân tộc, cũng như trong hoạt động thực tiễn cách mạng của mình, Người

* *Trường Đại học Nguyễn Huệ*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 616.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 672.

luôn xác định một cách dứt khoát rằng, cách mạng Việt Nam “... Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”¹. Với quan niệm ấy, nhận thức ấy, trong suốt những năm tháng lãnh đạo cách mạng nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành sự quan tâm đặc biệt trong công việc xây dựng và chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng luôn xứng đáng là một Đảng cách mạng chân chính lãnh đạo sự nghiệp cách mạng to lớn của giai cấp và dân tộc. Để Đảng Cộng sản Việt Nam là một Đảng “vừa là đạo đức, vừa là văn minh”, một Đảng tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự, lương tâm của dân tộc và thời đại,... thì chính Đảng phải chăm lo đến việc chỉnh đốn và đổi mới bản thân mình. Theo Người, công tác xây dựng chỉnh đốn Đảng không phải là biện pháp nhất thời, giải pháp tình thế, cũng không phải một chủ trương thụ động mà Người coi đó là nhiệm vụ tất yếu mang tính chiến lược, là công việc thường xuyên của Đảng để thực hiện vai trò lãnh đạo cách mạng của mình, là sự vận động của Đảng trong tiến trình phát triển của cách mạng. Chính vì vậy, trong *Di chúc* Bác dặn dò: “việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân”².

1. Nội dung xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Xây dựng chỉnh đốn Đảng theo *Di chúc* của Bác là một tất yếu khách quan, một công việc cơ bản, là việc làm thường xuyên bao gồm nhiều việc trong đó có những nội dung chính sau:

*Một là, “Đảng ta là Đảng cầm quyền ... Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”*³.

Hồ Chí Minh chỉ rõ, Đảng ta là Đảng cầm quyền và lãnh đạo chính quyền cách mạng trực tiếp, toàn diện; và bản chất, mục tiêu, lý tưởng của Đảng là không thay đổi, nên Đảng phải thật sự trong sạch, vững mạnh, thật sự là đội tiên phong, Bộ tham mưu của giai cấp công nhân, của dân tộc. Đảng phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, lập trường tư tưởng kiên định mẫu mực về đạo đức, lối sống, có tầm cao trí tuệ để lãnh đạo đất nước vượt qua mọi khó khăn thử thách và không ngừng phát triển. Giữ cho Đảng trong sạch, phát huy vai trò lãnh đạo thật sự là “người đầy tớ trung thành của nhân dân” là 3 yếu tố được đặt trong một chỉnh thể theo trật tự lôgic biện chứng, gắn bó chặt chẽ với nhau, bổ sung làm tiền đề cho nhau trong quá trình tồn tại và phát triển của Đảng. Nói về sự trong sạch của Đảng, Bác nhiều lần căn dặn cán bộ đảng viên phải tu dưỡng đạo đức cách mạng thực hiện cần kiệm, liêm chính chí công vô tư. Đồng thời phải nghiêm khắc đấu tranh khắc phục biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân.

Là một đảng cầm quyền, như Bác đã chỉ rõ, trách nhiệm của Đảng trước lịch sử là hết sức rất nặng nề. Đảng phải chịu trách nhiệm cho sự hưng thịnh hay suy vong của dân tộc. Điều đó tùy thuộc vào đường lối cách mạng đúng đắn, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng. Chính vì những

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 2, tr. 289.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 616.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 622.

lẽ đó, Bác dành phần hệ trọng nhất, điều trước hết trong bản *Di chúc* để căn dặn chúng ta là phải giữ gìn cho Đảng thật trong sạch, vững mạnh, một lòng một dạ phục vụ nhân dân.

Hai là, “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”¹.

Là tổ chức chính trị gồm hàng triệu đảng viên ở khắp mọi miền của Tổ quốc, có nhiệm vụ lãnh đạo cách mạng trong mọi tình huống cực kỳ khó khăn, phức tạp, những thử thách quyết liệt, có lúc một mất một còn, Đảng không thể không đoàn kết thành một khối thống nhất. Cũng chính nhờ đoàn kết mà Đảng ta lớn mạnh và phát triển không ngừng. Đúng như Bác Hồ đã chỉ ra: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”².

Đoàn kết thể hiện sự nhất trí trong nhận thức và hành động, trong lời nói và việc làm. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất đường lối chính sách, lập trường tư tưởng, kiên định trong mọi tình huống, không hoang mang, dao động xa rời lý tưởng của Đảng, xa rời đội ngũ.

Đoàn kết thống nhất luôn luôn đòi hỏi giữ nghiêm ý thức tổ chức kỷ luật; nói và làm theo Cương lĩnh, Điều lệ, Nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, không được tự do phát ngôn, tự do hành động một cách tùy tiện vô trách nhiệm.

Ba là, thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên thực hiện nghiêm tự phê bình và phê bình.

Tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản nhất trong tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng, để xây dựng Đảng Cộng sản thành một tổ chức chiến đấu chặt chẽ, vừa phát huy sức mạnh của mỗi người, vừa phát huy tất cả trí tuệ của những ai đã tự nguyện gắn bó với nhau trong một tổ chức Đảng. Nguyên tắc đó bảo đảm cho khối đoàn kết thống nhất trong Đảng được giữ vững. Nội dung cơ bản của nguyên tắc này là phát huy cao độ dân chủ, tính độc lập sáng tạo của mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi cấp ủy và cơ sở đảng, tạo nên sức mạnh tập trung thống nhất của toàn đảng, toàn dân. Tập trung không đối lập với dân chủ, mà trái lại là điều kiện thuận lợi cho dân chủ được phát huy. Trong sinh hoạt đảng cũng như trong mọi hoạt động mọi người đều tự do phát huy tính chủ động, sáng tạo của mình, thực hiện tốt đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Dân chủ trong việc xây dựng, ban hành các chỉ thị, nghị quyết, chính sách, pháp luật. Các cấp bộ đảng lấy ý kiến của các cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân vào việc xây dựng nghị quyết, tổ chức thực hiện trong cuộc sống, trong sinh hoạt cấp ủy, bảo đảm thật sự dân chủ, công khai, cởi mở bình đẳng trong sinh hoạt đảng. Dân chủ giữa cấp dưới và cấp trên, giữa các thế hệ. Thực hiện dân chủ trên mọi lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hoá cũng như trong lao động sản xuất sinh hoạt hàng ngày. Kết hợp hài hoà cả hai hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp trong tổ chức sinh hoạt Đảng.

Về tự phê bình và phê bình, Bác Hồ chỉ ra tự phê bình và phê bình là việc làm thường xuyên như người ta cần rửa mặt hàng ngày, nếu không, những vết bẩn trên mặt

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 622.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 621.

không biết, không được gột rửa, cũng như những khuyết điểm thiếu sót không được nhận ra để khắc phục thì bệnh càng nặng hơn. Tự phê bình và phê bình là công việc thiết thực, nhằm làm trong sạch đảng, bảo vệ đảng, ngăn chặn kịp thời những thiếu sót của cán bộ, đảng viên.

Bốn là, "Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hoá, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân".

Với lòng yêu nước, thương dân vô hạn, Bác luôn luôn hướng về dân, chăm lo cho dân từ tương, cà, mắm, muối, học hành, chữa bệnh đến cuộc sống độc lập, tự do hạnh phúc, văn minh tiến bộ. Bác viết: "Nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh. Tuy vậy, nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng"¹. Do vậy, Bác căn dặn Đảng ta nói chung, từng cán bộ, đảng viên nói riêng ở mỗi cương vị cụ thể của mình phải thường xuyên chăm lo cải thiện đời sống cho nhân dân.

Bác dặn chúng ta: "Đầu tiên là công việc đối với con người".

"Đối với những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình (cán bộ, binh sĩ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong,...) Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn [...] mở những lớp dạy nghề thích hợp [...] để họ có thể dần dần "Tự lực cánh sinh"..."

Đối với các liệt sĩ, mỗi địa phương (thành phố, làng, xã)... cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm ghi sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta". Với thân nhân liệt sĩ, Bác chỉ ra, chính quyền địa phương phải chăm sóc giúp đỡ, "quyết không để họ bị đói rét".

Đối với những "chiến sĩ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang, thanh niên xung phong... Đảng và Chính phủ cần chọn những người ưu tú... đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta".

Đối với phụ nữ, Bác dặn: "Đảng và Chính phủ phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cân nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo". Đối với thanh niên, Bác dặn: "Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa 'hồng' vừa 'chuyên'", và "Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc làm rất quan trọng và cần thiết".

Bác dặn Đảng ta phải chăm nom cụ thể, chu đáo đến mọi đối tượng thuộc các tầng lớp nhân dân, không để sót một ai. Bởi lẽ cách mạng là sự nghiệp của nhân dân và mang lại hạnh phúc đích thực cho nhân dân. Chính vì thế, cùng với việc phát triển kinh tế, Đảng phải có "kế hoạch xây dựng lại thành phố và làng mạc đẹp đẽ hơn, đàng hoàng hơn... khôi phục và mở rộng các ngành kinh tế. Phát triển công tác vệ sinh, y tế. Sửa đổi chế độ giáo dục cho phù hợp với hoàn cảnh mới..."².

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 622.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 617.

2. Thực trạng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay

Một là, trong tự phê bình và phê bình, tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm vẫn còn khá phổ biến, một số cán bộ, đảng viên chưa tự giác nhìn nhận đúng mức khuyết điểm và trách nhiệm của mình trong công việc được giao phụ trách. Trên một số vấn đề, qua kiểm điểm của cấp ủy, tổ chức Đảng các cấp từ Trung ương đến cơ sở vẫn chưa làm rõ thực chất, mức độ nghiêm trọng của tình hình, xảy ra ở đâu, ai chịu trách nhiệm, như tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; tình trạng chạy chức, chạy tội, tham nhũng, lợi ích nhóm,...

Hai là, việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định của Đảng và Nhà nước theo hướng đề cao hơn trách nhiệm và quyền hạn của người đứng đầu trong mối quan hệ giữa tập thể và cá nhân chưa thực hiện được.

Ba là, tình trạng tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng với biểu hiện ngày càng tinh vi, phức tạp, gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước.

Bốn là, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi; có mặt, có bộ phận còn diễn biến phức tạp hơn; một số rất ít cán bộ, đảng viên bị phần tử xấu lợi dụng lôi kéo, kích động, xúi giục, mua chuộc, đã có những tư tưởng, việc làm chống đối Đảng, Nhà nước.

Nghị quyết Trung ương 4 – khóa XII về Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ đánh giá:

Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng, tập trung vào số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước. Tình hình mâu thuẫn, mất đoàn kết nội bộ không chỉ ở cấp cơ sở mà ở cả một số cơ quan Trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty. Nhiều tổ chức Đảng, đảng viên còn hạn chế trong nhận thức, lơ là, mất cảnh giác, lúng túng trong nhận diện và đấu tranh, ngăn chặn “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”; việc đấu tranh, phản bác những luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, tổ chức phản động, phần tử cơ hội, bất mãn chính trị còn bị động, thiếu sắc bén và hiệu quả chưa cao,....

Tóm lại: từ những vấn đề trên cho thấy, hơn bao giờ hết Đảng ta phải xây dựng và chỉnh đốn nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu.

3. Nội dung, biện pháp chủ yếu trong đổi mới xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Để tiến hành đổi mới và chỉnh đốn Đảng nhằm nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng, trên cơ sở lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, theo tôi cần tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau:

Một là, chú trọng xây dựng Đảng về chính trị.

Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới. Kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng. Nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chính sách phù hợp với quy luật

khách quan và đặc điểm của Việt Nam, tạo bước đột phá để phát triển. Hoàn thiện cơ chế, quy chế và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả việc tự phê bình, phê bình, chất vấn trong các kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp.

Hai là, đổi mới công tác tư tưởng, lý luận.

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả của công tác tư tưởng phục vụ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, phù hợp với từng giai đoạn, tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội. Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên. Đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Tăng cường đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; chủ động ngăn chặn, phản bác các thông tin, quan điểm xuyên tạc, sai trái, thù địch. Tiếp tục đổi mới tư duy lý luận, đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận. Đổi mới mô hình tổ chức, phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan nghiên cứu lý luận của Đảng. Đổi mới mạnh mẽ công tác giáo dục lý luận chính trị, học tập nghị quyết của Đảng.

Ba là, tăng cường rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng.

Tập trung thực hiện mục tiêu: “Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức”. Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, bè phái, “lợi ích nhóm”, nói không đi đôi với làm. Xây dựng và thực hiện tốt các quy định để phát huy vai trò gương mẫu trong rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, phong cách, tác phong, lễ lối công tác của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo các cấp, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Thực hiện nghiêm cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát của tổ chức Đảng, giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân về phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

Bốn là, tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị

Tiếp tục đổi mới bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tăng cường quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân. Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Nghị quyết TW4, Khóa XII xác định mục tiêu trong xây dựng và chỉnh đốn Đảng đó là: Nhận thức sâu sắc về nguy cơ, nhận diện đúng những biểu hiện và đề ra các giải pháp phù hợp để đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Kiên quyết khắc phục những yếu kém trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có bản lĩnh chính trị vững vàng, có

đạo đức, trách nhiệm, năng lực và động cơ đúng đắn, thực sự tiên phong, gương mẫu, luôn đặt lợi ích của tập thể, quốc gia, dân tộc lên trên lợi ích cá nhân, thực sự là cán bộ của dân, phục vụ nhân dân. Củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

4. Kết luận

Hơn 50 năm qua những quan điểm cơ bản về xây dựng và chỉnh đốn Đảng được Bác để lại trong bản *Di chúc* lịch sử trước lúc Người đi xa đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Tuân theo lời dạy trong *Di chúc* thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn Đảng, toàn dân đã và đang ra sức thực hiện cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, làm cho Đảng luôn trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Đó là nhiệm vụ then chốt, là cội nguồn thắng lợi của sự nghiệp cách mạng nước ta. Tình hình nhiệm vụ cách mạng trong từng thời kỳ có sự thay đổi, song những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác xây dựng Đảng vẫn là những giáo huấn quan trọng đối với các tổ chức Đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên hiện nay. Việc học tập, quán triệt và vận dụng có hiệu quả tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cuộc sống là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG VIỆC XÂY DỰNG CHÍNH PHỦ KIẾN TẠO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*ThS. Trần Thị Phương**

1. Đặt vấn đề

Trong bài phát biểu sau khi tuyên thệ nhậm chức tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa 14 (ngày 26/7/2016), Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã đưa ra thông điệp sẽ “nỗ lực xây dựng Chính phủ kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động quyết liệt, phục vụ nhân dân” trong nhiệm kỳ của mình. Cho đến nay, vấn đề xây dựng một chính phủ kiến tạo, liêm chính đã và đang thu hút sự quan tâm, đồng tình ủng hộ của nhân dân cả nước. Thực ra, đây không hoàn toàn là vấn đề mới mẻ đối với nước ta, mà đó chính là sự kế thừa, phát triển những tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề Nhà nước.

Trong toàn bộ cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, với tư cách là người sáng lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, người đứng đầu Chính phủ, trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng, hoàn thiện bộ máy nhà nước và hệ thống pháp luật của nước Việt Nam mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định phải xây dựng Nhà nước Việt Nam mới thực sự là nhà nước của dân, do dân, vì dân, lấy dân làm gốc, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, thực sự trong sạch, liêm chính. Đây là những tư tưởng vô cùng sâu sắc về một Chính phủ phục vụ, liêm chính, và là hạt nhân quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh, nó chứa đựng những giá trị to lớn về cả phương diện lý luận và thực tiễn đối với cách mạng Việt Nam, là cảm nang để sự nghiệp đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đi tới thành công.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Chính phủ phục vụ, liêm chính

Trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, với hành trang khi đi tìm đường cứu nước là truyền thống tốt đẹp của dân tộc đã được thấm nhuần, Hồ Chí Minh đã tính đến việc ngay sau khi giành được độc lập cho dân tộc, phải thiết lập một chế độ mà ở đó tính dân chủ phải được thực hiện một cách triệt để. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến việc lựa chọn mô hình nhà nước. Trong suốt quá trình hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta di sản vô giá về Nhà nước, tổ chức bộ máy nhà nước, phương thức quản lý xã hội, quản trị quốc gia phù hợp với đặc thù, hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam trong thế kỷ XX. Trong đó, Người đặc biệt coi trọng đến vấn đề nguồn gốc, bản chất của quyền lực nhà nước, quyền lực chính trị, chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ, thái độ, trách nhiệm của người cán bộ cách mạng. Trong rất nhiều bài nói, bài viết, tư tưởng liên quan đến vấn đề Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm có tư tưởng xây dựng một Chính phủ phục vụ, liêm chính. Điều đó, có thể khái quát trên một số nội dung sau:

* Trường Cao đẳng Xây dựng TP.HCM

Một là, Chính phủ phục vụ, liêm chính phải là Chính phủ lấy dân làm gốc, do nhân dân làm chủ, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân

Ngay từ những ngày đầu mới thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh khẳng định: “Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân... Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”¹. Tư tưởng thống nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh về một Nhà nước dân chủ, văn minh và tiến bộ phải là một Nhà nước do toàn thể quần chúng lao động lập nên, bắt nguồn từ nhân dân, nhân dân tổ chức ra quyền lực nhà nước từ xã đến Trung ương. Nhà nước là công cụ của nhân dân, mọi chủ trương, chính sách của nó đều xuất phát từ quyền, lợi ích và nguyện vọng của nhân dân; Nhà nước phải chịu trách nhiệm trước nhân dân về những hoạt động của mình. Đồng thời, nhân dân cũng có nghĩa vụ xây dựng, bảo vệ và phát triển nhà nước, bảo đảm về mọi mặt để nhà nước phát huy hiệu lực, hiệu quả của mình.

Người viết: “Chế độ ta là chế độ dân chủ. Nhân dân là chủ. Chính phủ là đầy tớ của nhân dân. Nhân dân có quyền đôn đốc và phê bình Chính phủ. Chính phủ thì việc to, việc nhỏ đều nhằm mục đích phục vụ lợi ích của nhân dân. Vì vậy, nhân dân lại có nhiệm vụ giúp đỡ Chính phủ và làm đúng chính sách của Chính phủ, để Chính phủ làm tròn phận sự mà nhân dân đã giao phó cho”². Theo Hồ Chí Minh, trong mối quan hệ quyền lực nhà nước thì nhân dân là chủ, nhà nước là đầy tớ, nhân dân là người nắm giữ mọi quyền lực, còn các cơ quan nhà nước do nhân dân tổ chức ra, nhân viên nhà nước là người được ủy quyền, thực hiện ý chí nguyện vọng của nhân dân, trở thành công bộc của nhân dân. Do đó, Nhà nước kiểu mới sinh ra để phục vụ nhân dân, chứ không phải nhân dân phục vụ nhà nước.

Mối quan hệ giữa nhân dân và Chính phủ là mối quan hệ thống nhất biện chứng. “Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng. Nếu không có Chính phủ thì nhân dân không ai dẫn đường. Vậy nên Chính phủ với nhân dân phải đoàn kết thành một khối”³. Theo Người, nhà nước của dân, do dân làm chủ phải là nhà nước luôn luôn đặt dưới sự kiểm tra, kiểm soát của nhân dân. Người viết: “Chính phủ rất mong đồng bào giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình để làm tròn nhiệm vụ của mình là người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân”⁴. Sự kiểm tra, kiểm soát của nhân dân đối với nhà nước không có nghĩa là bó buộc nhà nước, là nhân dân không tin vào Nhà nước, trái lại là để Nhà nước ngày càng trưởng thành và lớn mạnh hơn, luôn giữ vững được bản chất cách mạng của mình.

Hai là, Chính phủ phục vụ, liêm chính là Chính phủ vì dân mà phục vụ.

Triết lý về xây dựng một chính phủ vì nhân dân mà phục vụ được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định tại phiên bế mạc Kỳ họp thứ tư, Quốc hội khóa I nước Việt Nam dân chủ cộng hòa: “Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là người chủ, mà Chính phủ là người

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 698.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 8, tr. 368.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 56.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 7, tr. 392.

đầy tớ trung thành của nhân dân. Chính phủ chỉ có một mục đích là: hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân”¹.

Ngay sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, Hồ Chí Minh đã nêu bật sự khác nhau căn bản về chất giữa Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với các loại hình nhà nước trước đó: “Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh vác việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật. Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh”².

Theo Hồ Chí Minh, phục vụ nhân dân phải luôn luôn quán triệt cán bộ là công bộc, là đầy tớ của dân. Người dạy: “Làm cán bộ tức là suốt đời làm đầy tớ trung thành của nhân dân. Mấy chữ a, b, c này không phải ai cũng thuộc đâu, phải học mãi, học suốt đời mới thuộc được”³. Làm đầy tớ thì phải học dân, hỏi dân, hiểu dân “Không học hỏi dân thì không lãnh đạo được dân. Có biết làm học trò dân, mới làm được thầy học dân”⁴. Đầy tớ là phục vụ dân, có cái gì lo thì lo trước dân, có cái gì vui thì vui sau dân. Tự phê bình trước dân và nếu có khuyết điểm thì nhận; đồng thời hoan nghênh nhân dân phê bình mình. Ý thức phục vụ nhân dân không phải nằm ở nghị quyết, chỉ thị, kêu gọi, hô hào, nói suông. Người yêu cầu: các vị bộ trưởng nên luyện cho mình có đôi chân hay đi, đôi mắt hay nhìn, cái óc hay nghĩ, không nên chỉ ngồi ở bàn giấy hoặc hội mà không nghị, nghị mà không quyết, quyết mà không làm.

Phục vụ nhân dân theo Hồ Chí Minh là phải quan tâm, chăm lo mọi mặt của đời sống nhân dân, tìm cách thoả mãn các nhu cầu, lợi ích của nhân dân, trước hết là những nhu cầu thiết yếu. Mục đích hoạt động của các cấp, các ngành, của mọi cán bộ, đảng viên là nhằm không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân, cả đời sống vật chất và cả đời sống tinh thần. Cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân là tiêu chí số một đánh giá năng lực, khả năng hoàn thành nhiệm vụ của mỗi người, trong các lĩnh vực hoạt động khác nhau. Người thường xuyên căn dặn cán bộ phải quan tâm đến những kiến nghị, đề đạt của nhân dân: “Phải chú ý giải quyết hết các vấn đề đau khổ đến đâu mặc lòng, những vấn đề quan hệ tới đời sống của dân. Phải chấp đơn, phải xử kiện cho dân mỗi khi người ta đem tới. Phải chăm lo việc cứu tế nạn nhân cho chu đáo, phải chú ý trừ nạn mù chữ cho dân. Nói tóm lại, hết thảy những việc có thể nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân phải được ta đặc biệt chú ý”⁵, “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ. Chúng ta phải thực hiện ngay: Làm cho dân có ăn; Làm cho dân có mặc; Làm cho dân có chỗ ở; Làm cho dân có học hành. Cái mục đích chúng ta đi đến là 4 điều đó. Đi đến để dân nước ta xứng đáng với tự do độc lập và giúp sức được cho tự do độc lập”⁶. Đồng thời, Người căn dặn: phải biết kết hợp các loại lợi ích khác nhau: Lợi ích gần và lợi ích xa, trước mắt và lâu dài; lợi ích của Trung ương và lợi ích của địa phương; lợi ích của các giai cấp, tầng lớp xã hội,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 9, tr. 382.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 56-57.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 12, tr. 55

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 6, tr. 69.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 47-48.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 152.

làm cho ai cũng cảm nhận được rằng họ đang là đối tượng được phục vụ.

Phục vụ nhân dân, theo Hồ Chí Minh còn là hướng dẫn nhân dân tự chăm lo cho đời sống của mình. Sự hướng dẫn này được thực hiện bằng nhiều con đường khác nhau, chủ yếu là tập trung vào những nội dung cơ bản: Hướng dẫn nhân dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất; hướng dẫn nhân dân biết cách thực hành tiết kiệm, hướng dẫn nhân dân phân phối cho công bằng những phúc lợi xã hội theo phương châm “Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng; không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên”¹.

Phục vụ nhân dân còn phải đề ra được các chủ trương, chính sách đúng đắn, vì lợi ích của nhân dân. Người dạy: “Cách tổ chức và cách làm việc nào không hợp với quần chúng thì ta phải có gan đề nghị lên cấp trên để bỏ đi hoặc sửa lại. Cách nào hợp với quần chúng, quần chúng cần, thì dù chưa có sẵn, ta phải đề nghị lên cấp trên mà đặt ra. Nếu cần làm thì cứ đặt ra, rồi báo cáo sau, miễn là được việc”². Việc to, việc nhỏ đều phải phù hợp với lòng ham, ý muốn, tình hình thiết thực của quần chúng, thì mới có thể phục vụ được quần chúng “Đưa mọi vấn đề cho dân chúng thảo luận và tìm cách giải quyết. Chúng ta có khuyết điểm, thì thật thà thừa nhận trước mặt dân chúng. Nghị quyết gì mà dân chúng cho là không hợp thì để họ đề nghị sửa chữa. Dựa vào ý kiến của dân chúng mà sửa chữa cán bộ và tổ chức của ta”³.

Ba là, Chính phủ phục vụ, liêm chính là Chính phủ phải thực sự liêm chính, trong sạch.

Theo Hồ Chí Minh, Liêm là liêm khiết “Không tham ô và luôn luôn tôn trọng, giữ gìn của công và của dân”⁴. Liêm còn là trong sạch, không tham lam “Không tham địa vị. Không tham tiền tài. Không tham sung sướng. Không ham người tâng bốc mình”⁵. Ngược lại, tham tiền của, tham địa vị, tham danh tiếng, tham ăn ngon, sống yên đều là bất liêm. Tài đức thực sự do Liêm mang lại có khả năng tự tỏa sáng, tự thu hút nên người có đức Liêm sẽ tạo được uy tín và sự kính nể của những người xung quanh. Đức Liêm của người cán bộ sẽ tạo lòng tin của nhân dân vào Chính phủ, vào chế độ. Trên quy mô dân tộc thì đức Liêm cùng với Cần và Kiệm giúp cho dân tộc đó “Giàu về vật chất, mạnh về tinh thần, là một dân tộc văn minh và tiến bộ”⁶. Theo Hồ Chí Minh, cán bộ phải ra sức thực hành chữ Liêm bằng những việc cụ thể như “Tuyệt đối không đem của công dùng vào việc tư, không động đến cái kim sợi chỉ của dân... mua bán phải công bình, mượn cái gì phải trả tử tế, hỏng cái gì phải bồi thường”⁷.

Cán bộ nhất thiết phải Liêm vì họ cần làm gương cho dân, vì quyền hành mà họ có nếu không đi liền với lương tâm và liêm sỉ sẽ tạo cho họ cơ hội đục khoét của công, ăn của đút của dân. Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ không chỉ thực hành chữ Liêm mà còn phải có trách nhiệm giáo dục đức liêm cho người khác, nếu không, dù họ trong sạch đến mấy vẫn chỉ là “Liêm một nửa”. Bên cạnh đó, ở Hồ Chí Minh có sự hòa quyện chặt chẽ giữa đức trị và pháp trị. Người kiên trì giáo dục cán bộ thực hành đức Liêm, đồng thời ban hành nhiều

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 12, tr. 185.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 246.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 297.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 9, tr. 145.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 292.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 6, tr. 128.

7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 135.

sắc lệnh và đạo luật để răn đe, ngăn chặn, trừng trị những kẻ bất liêm, như Quốc lệnh (ký ngày 26/01/1946) quy định hai vấn đề trọng yếu là thưởng và phạt, trong đó quy định tội trộm cắp của công phải bị tử hình. Sự kiên trì giáo dục đức Liêm của Hồ Chí Minh đã hình thành nên những lớp cán bộ vàng đầy đức hy sinh và một lòng liêm chính.

Kế thừa những hạt nhân hợp lý trong thuyết Chính danh, Hồ Chí Minh đưa ra quan điểm của mình về Chính: “Chính nghĩa là không tà, nghĩa là thẳng thắn, đứng đắn”¹, “Là việc phải thì dù nhỏ cũng làm, việc trái thì dù nhỏ cũng tránh”². Người có đức Chính là người chính trực, đứng mực, công tâm, họ luôn hành động theo lẽ phải, kiên quyết bảo vệ lẽ phải. Người cho rằng: “Một người phải Cần, Kiệm, Liêm, nhưng phải Chính mới là người hoàn toàn”³. Theo Hồ Chí Minh, để có được đức Chính thì: Đối với mình thì không tự cao, tự đại, luôn chịu khó học tập cầu tiến bộ, luôn tự phê bình và lắng nghe phê bình để phát triển điều hay, sửa đổi điều dở của bản thân. Đối với người thì phải yêu quý, kính trọng, giúp đỡ, không nịnh hót người trên, không xem khinh người dưới, luôn có thái độ chân thành, khiêm tốn, đoàn kết thật thà. Đối với việc thì phải để việc công, lợi chung lên trước việc tư, lợi tư; đã phụ trách việc gì thì quyết làm cho kỳ được, làm đến nơi đến chốn, không sợ khó khăn, nguy hiểm; việc thiện thì dù nhỏ mấy cũng làm, việc ác thì dù nhỏ mấy cũng tránh; mỗi ngày cố làm một việc lợi cho nước, cho dân bởi trong tiền đồ chung có tiền đồ của mỗi con người.

Trên cương vị là người lãnh đạo của Đảng, Chính phủ, ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quyết tâm xây dựng Chính phủ liêm khiết. Người khẳng định: “*Chính phủ sau đây phải là một Chính phủ liêm khiết*”⁴. Muốn đạt được mục đích đó, vấn đề đặt ra là phải bằng mọi cách giữ cho được định hướng hoạt động của nhà nước, bảo đảm cho bộ máy thật sự trong sạch. Nếu hoạt động của nhà nước kém hiệu quả, bộ máy quan liêu, đội ngũ cán bộ công chức, nhất là cán bộ chủ chốt, bị thoái hóa, biến chất thì nhà nước đó đã trượt ra khỏi quỹ đạo dân chủ nhân dân, trở thành một thế lực đối lập với nhân dân.

Theo Hồ Chí Minh, nguy hại nhất là khi được nhân dân ủy quyền, một số cán bộ, công chức đã vác mặt làm quan cách mạng, kéo bè, kéo cánh, chia rẽ, kiêu ngạo, cậy thế, hủ hóa, tư túng để thu vén lợi ích cá nhân. Người gọi đó là “giặc nội xâm” hết sức nguy hiểm và gây hậu họa nghiêm trọng, làm thất thoát tiền của Nhà nước, chậm tốc độ phát triển, nhất là làm xói mòn niềm tin của dân, làm cho dân xa nhà nước. Để giữ trong sạch cho bộ máy, Người đã có rất nhiều biện pháp để phòng, chống tham ô, lãng phí, quan liêu, trong đó Hồ Chí Minh coi các biện pháp về tư tưởng như giáo dục, thuyết phục, các biện pháp phòng ngừa là nền tảng. Người nói: Trong phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu, giáo dục là chính, trừng phạt là phụ. Đồng thời, Người luôn nhấn mạnh việc nghiêm trị các hành vi tham ô, lãng phí, không được nể nang người có chức vụ, địa vị, với mục đích bảo vệ công lý, đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, răn đe, làm gương cho những người đang hoặc có ý định tham ô. Người chỉ thị: Pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 6, tr. 129.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 9, tr. 145.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 6, tr. 129.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 478.

kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì.

3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc xây dựng Chính phủ kiến tạo, liêm chính ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

Thứ nhất, từng bước thay đổi tư duy điều hành nền kinh tế, thực hiện cải cách hành chính theo hướng vì dân và gần dân.

Thay vì can thiệp vào nền kinh tế bằng quyền lực và mệnh lệnh hành chính, Chính phủ kiến tạo sẽ phải tập trung vào việc xây dựng, hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách cho đầu tư phát triển, từ phương thức mệnh lệnh hành chính sang Nhà nước kiến tạo, phục vụ, chính quyền không được trở thành gánh nặng của người dân, doanh nghiệp; tuân thủ đầy đủ các quy luật kinh tế thị trường, cần phân định rõ chức năng quản lý Nhà nước và chức năng thị trường, hạn chế, tiến tới xóa bỏ cơ chế xin - cho để phòng, chống tệ quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu, tham nhũng, lãng phí,...

Việc cải cách thể chế, cắt giảm thủ tục hành chính để cải thiện môi trường kinh doanh là một đòi hỏi bắt buộc trong hành trình xây dựng mô hình Chính phủ kiến tạo, phục vụ, liêm chính. Do vậy, Chính phủ cần có mục tiêu “hành động vì dân”. Thông qua bộ máy chính quyền, chỉ cần người dân hiểu rằng tâm tư, nguyện vọng của mình dù là nhỏ nhất luôn được lắng nghe, ghi nhận thì họ sẽ thấy bản thân phải có trách nhiệm để giữ gìn, bảo vệ nền hành chính mẫu mực ấy. Do vậy, Chính phủ cần tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, những nhiễu, giảm thiểu chi phí và thời gian thực hiện thủ tục hành chính. Các thủ tục hành chính phải đơn giản hóa, công khai, công bằng, thống nhất, nhanh chóng và trực tiếp. Đơn giản hóa các quy trình, thủ tục hành chính nhờ công nghệ thông minh, công nghệ số và các công nghệ của cách mạng công nghiệp 4.0. Đổi mới tư duy của cán bộ, công chức từ tư duy quản lý sang tư duy phục vụ. Trong quan hệ chính quyền và người dân cần bảo đảm tinh thần lễ lối làm việc văn minh, dân chủ và cởi mở để xây dựng niềm tin của nhân dân vào bộ máy chính quyền.

Thứ hai, xây dựng một Chính phủ minh bạch để người dân có quyền được biết.

Tính minh bạch đòi hỏi quá trình ra quyết định can thiệp của Chính phủ phải được công khai cho mọi đối tượng có liên quan. Đảm bảo tính dân chủ trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, người dân có quyền được biết về các chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước; các chính sách và pháp luật do các cơ quan nhà nước ban hành cần phải xuất phát từ thực tiễn, phản ánh thực tiễn nên cần có sự tham gia của người dân, người dân cần được tham gia sớm; xây dựng một cơ chế minh bạch, hữu hiệu để tuyển dụng người tài vào các cơ quan nhà nước. Việc công khai, minh bạch hoạt động là công cụ hữu hiệu để ngăn ngừa và phòng chống một cách có hiệu quả những tệ nạn của bộ máy quản lý nhà nước như hối lộ, tham nhũng,...

Thứ ba, xây dựng đội ngũ công chức vững mạnh, trong sạch, có đạo đức, phẩm chất, có năng lực.

Theo Hồ Chí Minh, cán bộ là nguồn vốn của Nhà nước, là cái gốc của mọi công việc; công việc thành công hay thất bại do cán bộ quyết định. Vì thế, chất lượng, năng lực, hiệu lực của Nhà nước phụ thuộc một phần lớn vào chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Để có đội ngũ cán bộ công chức nhà nước theo đúng mục tiêu đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ cách mạng mới cần tiếp tục điều chỉnh, hoàn thiện chiến lược xây dựng đội ngũ cán bộ; đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ công chức đáp ứng sự đòi hỏi của yêu cầu cách mạng

mới; tạo động lực mạnh mẽ để thu hút đội ngũ công chức có chất lượng cao; đổi mới cơ chế tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá, phân loại cán bộ, công chức phù hợp với vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ cụ thể. Nâng cao ý thức trách nhiệm và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức: Giáo dục tính liêm chính, đạo đức công vụ cho cán bộ, công chức trong chương trình giáo dục ở các cấp; xây dựng và thực thi chế tài nghiêm khắc, nghiêm trị những hành vi vi phạm pháp luật để cán bộ, công chức “không dám” thực hiện những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức công vụ trái với lương tâm và đạo đức xã hội; thiết lập thể chế chặt chẽ, minh bạch, công khai nhằm ngăn ngừa những hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức; thực hiện chế độ công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình về tài sản của cán bộ, công chức trước, trong và sau khi rời khỏi nhiệm sở.

Thứ tư, kiên quyết đấu tranh, phòng chống tệ nạn tham nhũng, quan liêu, lãng phí.

Đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu cần phải bằng hệ thống các biện pháp đồng bộ, cả trước mắt và lâu dài, cả về nhận thức tư tưởng, tổ chức, luật pháp và chính sách, kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”. Cùng với việc xây dựng cơ chế phòng, chống, tấn công tham ô, lãng phí trên tất cả các lĩnh vực, cần xác định và tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm. Yếu tố quan trọng, quyết định hiệu lực, hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng, chống tham ô, lãng phí chính là công tác lãnh đạo. Sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Đảng, thông qua các chủ trương, chính sách mang tính chỉ đạo, thông qua các cấp ủy đảng quyết định sự thành bại của cuộc đấu tranh chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu.

Đồng thời, phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong cuộc đấu tranh này có vai trò và nhiệm vụ rất quan trọng. Họ vừa là hạt nhân, vừa đi đầu trong cuộc đấu tranh này; tự mình nêu gương sáng theo lời dạy của Bác Hồ: “Cần, kiệm, liêm, chính...”; phải thực hiện nghiêm chỉnh mọi chủ trương của Đảng và Nhà nước về chống quan liêu, tham nhũng. Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác giáo dục, xây dựng tinh thần chống tham nhũng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân; hoàn thiện cơ chế để huy động nhân dân tham gia phòng, chống tham nhũng; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra giám sát và kê khai tài sản cá nhân; hoàn thiện pháp luật phòng, chống tham nhũng...

4. Kết luận

Xây dựng Chính phủ kiến tạo, liêm chính là sự cụ thể hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về Chính phủ phục vụ, liêm chính, đồng thời là yêu cầu khách quan, đòi hỏi bức thiết từ thực tiễn quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Để xây dựng được Chính phủ phục vụ, liêm chính theo đúng nghĩa cần sự đồng lòng và quyết tâm hành động nhất quán, triệt để của cả hệ thống chính trị và hành động quyết liệt của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, các cơ quan, ban, ngành Trung ương và chính quyền địa phương ở các cấp.

Từ cách nhìn trên, chúng ta thấy rằng, xây dựng Chính phủ kiến tạo, liêm chính hiện nay, hay nói chính xác hơn là liêm chính, kiến tạo (bởi vì, có thực sự liêm chính mới có thực sự kiến tạo) không có sự đồng nhất về mặt câu từ với tư tưởng Hồ Chí Minh, nhưng lại rất gần với tư tưởng Hồ Chí Minh. Ý nghĩa căn cốt, gốc rễ, bản chất của một Chính phủ liêm chính, kiến tạo ở Việt Nam, mang bản sắc Việt Nam, chúng ta đều có thể tìm thấy trong tư tưởng của Người. Do đó, đi sâu nghiên cứu, tiếp cận trên cơ sở tư tưởng của Người về Chính phủ liêm chính, kiến tạo, sẽ cung cấp cho chúng ta những chỉ dẫn lý luận hết sức quan trọng, là “kim chỉ nam” để thực hiện có hiệu quả quá trình này ở Việt Nam.

XÂY DỰNG ĐẢNG THỰC SỰ ĐOÀN KẾT, TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*TS. Đặng Thị Minh Phượng**

“Nhân dịp mừng 75 tuổi”¹ của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết một bức thư rất đặc biệt gửi lại cho đời sau. Một bức thư mà Chủ tịch Hồ Chí Minh gọi là “tài liệu đặc biệt” được tự tay đánh máy, sửa chữa, thêm bớt bằng cả mực đỏ suốt 4 năm trời, từ năm 1965 đến năm 1969 để khi “đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước và đồng chí trong Đảng khỏi cảm thấy đột ngột”² được Đảng Lao động Việt Nam và thế hệ chúng ta ngày nay gọi là Di chúc.

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là một văn kiện có giá trị lịch sử, lý luận, một bảo vật quốc gia mà còn kết tinh giá trị thời đại sâu sắc. 50 năm những “lời dặn lại” của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề nâng cao đời sống cho nhân dân, vấn đề giải quyết công việc đầu tiên là đối với con người, vấn đề chỉnh đốn Đảng, vấn đề đoàn kết quốc tế... vẫn còn nguyên giá trị. Lúc sinh thời, đoàn kết thống nhất trong Đảng là một vấn đề được Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng và cố công xây dựng trong suốt cuộc đời hoạt động của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh xem đoàn kết thống nhất trong Đảng là yếu tố cốt lõi làm nên sự sống còn của đất nước. Trong phạm vi bài viết này chúng tôi tập trung đi sâu vào nội dung xây dựng Đảng thực sự đoàn kết, trong sạch, vững mạnh trong Di chúc.

Di chúc nêu những vấn đề cốt yếu của công tác xây dựng Đảng, đó là giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc tự phê bình và phê bình, rèn luyện đạo đức cách mạng, nêu cao tinh thần trách nhiệm, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân của mỗi cán bộ, đảng viên. Công tác chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ chiến lược, là công việc thường xuyên để giữ vững vai trò lãnh đạo của đảng cầm quyền. Sự nghiệp cách mạng là một sự nghiệp bền bỉ, dài lâu, tiếp nối từ thế hệ này sang thế hệ khác. Đảng cầm quyền phải chăm lo phát triển lực lượng cho hiện tại và chuẩn bị cho tương lai một thế hệ trẻ vừa “hồng” vừa “chuyên”, có như vậy mới thực hiện thành công lý tưởng xây dựng một xã hội mới, tiến bộ, văn minh. Sự vững mạnh của Đảng còn được khẳng định trong mối quan hệ đoàn kết chặt chẽ với các Đảng Cộng sản và bè bạn quốc tế. Những điều Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn trong Di chúc về phong trào cộng sản thế giới là định hướng quan trọng cho quan hệ đối ngoại của Đảng, đó là nguyên tắc đoàn kết quốc tế dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Nhờ có đoàn kết quốc tế mà Đảng ta đã được thế giới đồng tình ủng hộ trong công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước, nhân dân ta có những

**Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM.*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.611.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.15, tr.611.

điều kiện góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, cùng với nhân dân thế giới đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định “Đảng ta là Đảng cầm quyền”. Là người sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến vấn đề xây dựng Đảng để Đảng thật sự là đạo đức, là văn minh. Để thực hiện tốt nhiệm vụ lãnh đạo đất nước, xứng đáng là người lãnh đạo và người đầy tớ trung thành của nhân dân, Hồ Chủ tịch luôn chăm lo xây dựng đoàn kết trong Đảng: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”¹.

Đảng là người lãnh đạo nhân dân thực hiện các nhiệm vụ qua các giai đoạn cách mạng nên Đảng phải nhìn rộng, hiểu sâu và để làm được điều đó thì Đảng phải đoàn kết thống nhất. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng nhờ sự đoàn kết thống nhất trong Đảng mà qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ mới có thể vực dậy được toàn bộ sức dân, tài dân để làm nên chiến thắng. Đảng cũng là một bộ phận của lực lượng toàn dân, từ nhân dân mà ra. Đảng đoàn kết thống nhất sẽ là tiền đề để lãnh đạo cả nước đoàn kết thống nhất. Sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc cũng từ đó được tạo nên. Đảng mất đi sự đoàn kết thống nhất là mất đi cả sức mạnh trên mọi bình diện, bởi khi đó chủ nghĩa cá nhân sẽ trỗi dậy, lợi ích cá nhân sẽ được đề cao, sinh ra sự chia rẽ, bất đồng chính kiến, dẫn đến sự lệch lạc về đường lối, về tư tưởng và dần trở nên yếu kém, gây mất lòng tin đối với nhân dân là điều tất yếu. Chính vì thế, trong bản *Di chúc* đầy tâm huyết để lại cho dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề cao tầm quan trọng của sự đoàn kết thống nhất trong Đảng và coi đó là việc trước tiên mà Đảng phải làm. Đây không phải là vấn đề được đặt ra trong một sớm, một chiều vì đoàn kết luôn là điểm đến trong mọi chủ trương của Hồ Chủ tịch. Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự đoàn kết, thống nhất của Đảng phải được thể hiện trên tất cả các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đất nước càng phát triển, nhiệm vụ càng nặng nề, sự đoàn kết, nhất trí trong tư tưởng và hành động của Đảng càng quan trọng, nhất là đối với cán bộ lãnh đạo. Đoàn kết, thống nhất trong Đảng là hạt nhân của khối đại đoàn kết. Muốn thực hiện được đoàn kết cần thường xuyên chỉnh đốn Đảng. Chính vì vậy, mỗi khi cách mạng chuyển giai đoạn chiến lược, Chủ tịch Hồ Chí Minh đều nhắc nhở mỗi cán bộ, đảng viên trong Đảng phải thường xuyên chỉnh đốn Đảng coi đây là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng, làm cho Đảng xứng đáng với yêu cầu nhiệm vụ mới. Trong Di chúc viết tháng 5/1968, Người nhắc nhở: “Việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn Đảng”, bởi theo Người xây dựng, chỉnh đốn Đảng vừa là vấn đề thường xuyên, vừa hết sức cấp bách. Trước lúc đi xa, điều Người quan tâm trước hết cũng là “nói về Đảng”. Ngày nay, trong sự nghiệp đổi mới, tiếp tục thực hiện lời căn dặn của Người, công việc xây dựng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.611.

chỉnh đốn Đảng được triển khai tích cực và thường xuyên hơn bao giờ hết.

Theo Hồ Chí Minh, tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển, là phương thức giáo dục, rèn luyện đảng viên và xây dựng Đảng, làm cho Đảng ta thường xuyên trong sạch, vững mạnh. Đây là một luận điểm quan trọng của Hồ Chí Minh, góp phần làm phong phú thêm lý luận xây dựng Đảng. Hồ Chí Minh cho rằng, tự phê bình và phê bình trước hết là để soi vào mình và người khác giúp mình thấy rõ mình hơn nhằm phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm; để tư tưởng và hành động đúng hơn, tốt hơn, tiến bộ hơn; để xây dựng đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Hồ Chí Minh yêu cầu “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng”¹. Muốn thực hiện nguyên tắc này, theo Hồ Chí Minh, mỗi đảng viên phải tự phê bình mình trước, sau đó mới phê bình người khác. Hồ Chí Minh nhắc nhở, cán bộ trọng trách càng cao, đảng viên trách nhiệm càng lớn càng phải gương mẫu tự phê bình và phê bình. Bên cạnh tính kiên quyết trong thực hiện nguyên tắc tự phê bình và phê bình, Hồ Chí Minh rất coi trọng cái tâm trong sáng khi phê bình “phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”², phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, để xứng đáng là đội quân tiên phong và người lãnh đạo xuất sắc trong mọi hoàn cảnh.

Thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng không chỉ có đường lối chính trị đúng, mà còn thể hiện ở sức mạnh tổ chức của Đảng. Do vậy, xây dựng hệ thống tổ chức Đảng vững mạnh về mọi mặt từ Trung ương đến cơ sở, đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng, củng cố tổ chức, tăng cường sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của các tổ chức cơ sở Đảng là những vấn đề có ý nghĩa quyết định để củng cố, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng.

Trong quá trình lãnh đạo, Đảng đã biết kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống của dân tộc và của chính bản thân Đảng. Trước hết, đó là truyền thống đoàn kết thống nhất, truyền thống quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân, tinh thần đoàn kết, thống nhất trong Đảng, trên cơ sở: thống nhất về hệ tư tưởng, thống nhất về đường lối chính trị; đoàn kết trên cơ sở phê bình và tự phê bình với ý thức xây dựng, có lý, có tình. Đó cũng chính là kinh nghiệm mà Đảng đã rút ra từ thực tiễn thực hiện đường lối đổi mới: “Đoàn kết thống nhất trong Đảng, trước hết là ở cơ quan lãnh đạo, có ý nghĩa quyết định sự thành công của cách mạng. Cán bộ, đảng viên giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng trên cơ sở đường lối chính trị, nguyên tắc tổ chức và tình thương yêu đồng chí”³.

Đoàn kết là truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam tạo nên sức mạnh to lớn của dân tộc trong mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước. Để tập hợp, đoàn kết toàn dân, Đảng đề ra những mục tiêu cụ thể phù hợp với từng giai đoạn lịch sử, đáp ứng lợi ích, nguyện vọng chính đáng của mọi tầng lớp nhân dân, của toàn dân tộc. Sức mạnh của Đảng không chỉ thể hiện ở chỗ mọi hoạt động của Đảng phải xuất phát vì lợi ích của nhân dân mà còn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.611.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.611.

3. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.143-144.

thể hiện Đảng luôn luôn gắn bó chặt chẽ với nhân dân, được nhân dân tin tưởng, ủng hộ và che chở. Trước hết, về mục tiêu chính trị, đường lối chính trị của Đảng phải xuất phát từ lợi ích của nhân dân.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam từ khi thành lập Đảng cho đến nay đã chứng minh: Đảng tồn tại, trưởng thành và phát triển trong phong trào cách mạng của quần chúng. Đó chẳng những là nguyên tắc của Đảng đã quán triệt trong xây dựng Đảng mà còn là quy luật tồn tại và phát triển của bản thân Đảng và phong trào cách mạng của quần chúng. Liên hệ mật thiết với nhân dân đã trở thành một truyền thống tốt đẹp của Đảng và cũng là cội nguồn sức mạnh của Đảng. Chính vì Đảng đã nhận thức sâu sắc: “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chứ không phải là sự nghiệp của cá nhân anh hùng nào. Thành công của Đảng ta là ở nơi Đảng đã tổ chức và phát huy được lực lượng cách mạng vô tận của nhân dân”¹. Một trong những truyền thống của Đảng, đó là truyền thống đấu tranh kiên cường bất khuất, sẵn sàng chấp nhận mọi khó khăn gian khổ, hy sinh, phấn đấu vì mục đích, lý tưởng của Đảng, của các thế hệ đảng viên. Bởi vì, Đảng thực hiện chức năng lãnh đạo không chỉ thông qua hệ thống tổ chức Đảng, mà còn thông qua đội ngũ cán bộ đảng viên, bằng công tác thuyết phục, giáo dục và bằng hành vi gương mẫu của cán bộ đảng viên. Nhìn lại lịch sử Đảng từ khi ra đời cho đến nay, đặc biệt trong 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta luôn đứng vững trên lập trường, quan điểm của giai cấp công nhân, tuyệt đối trung thành với lợi ích của nhân dân, của dân tộc, coi đó là điểm xuất phát, là mục tiêu của mọi đường lối, chính sách của Đảng.

Trong chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, cũng như trong công cuộc xây dựng đất nước thời bình, trong cơ chế thị trường và mở cửa với bên ngoài, đa số cán bộ, đảng viên vẫn giữ vững phẩm chất cách mạng, không sợ gian khổ, hi sinh, với lòng yêu nước nồng nàn và với ý chí cách mạng tiến công không ngừng, đã từng vượt qua bao nhiêu thách thức khó khăn dững cảm, năng động, sáng tạo để lãnh đạo nhân dân ta hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Kiên định chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, kiên định sự lãnh đạo của Đảng – nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Với tất cả tinh thần khiêm tốn của người cách mạng, chúng ta vẫn có thể nói rằng Đảng ta thật là vĩ đại. “Đảng ta là một đảng cách mạng, ngoài lợi ích của công nhân và nông dân, Đảng ta không có lợi ích gì khác”². Đó chính là cơ sở thực tiễn để qua các kỳ Đại hội Đảng, Đảng bổ sung cách diễn đạt một cách đầy đủ và đúng bản chất về Đảng: Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc.

Nhận thức sâu sắc rằng, trong bối cảnh thời cơ và thách thức đan xen nhau bởi những tiêu cực xã hội chưa được ngăn chặn, đẩy lùi; bởi những mưu toan thâm độc của các thế lực thù địch... Song, với một Đảng có bề dày truyền thống và bản lĩnh cách mạng kiên cường, với tất cả những gì toàn Đảng và toàn dân ta đã được tạo dựng gần 90 năm qua là cơ sở quan

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 12, tr. 587.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 614.

trọng, bồi đắp niềm tin, cổ vũ toàn thể dân tộc ta vững vàng, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, tiến bước mạnh mẽ trong tiến trình đổi mới toàn diện, đáp ứng mong muốn cuối cùng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới” thành hiện thực sinh động trên đất nước ta.

Ngày nay, đất nước ta đang đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập sâu rộng vào quá trình toàn cầu hóa kinh tế quốc tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa thì sự đoàn kết thống nhất trong Đảng là yếu tố quyết định nhất để làm nên thắng lợi trong quá trình đấu tranh chống lại những luận điệu và hành động sai trái của các thế lực thù địch. Đặc biệt khi thời gian gần đây trước việc nhóm tàu khảo sát Hải Dương 8 của Trung Quốc đã có hành vi vi phạm vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam ở khu vực phía Nam Biển Đông – Bãi Tư Chính – đây là vùng biển hoàn toàn thuộc chủ quyền của Việt Nam, được xác định theo đúng các quy định của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS) năm 1982. Một lần nữa, đây chính là cơ hội để Đảng ta phát huy tinh thần đoàn kết nhất trí trong Đảng, làm cơ sở cho đoàn kết nhất trí toàn dân tộc, minh chứng cho lời hứa: quyết tâm thực hiện Di chúc của Hồ Chủ tịch./.

DI CHỨC HỒ CHÍ MINH - KIM CHỈ NAM CHO MỖI CÁN BỘ ĐẢNG VIÊN THỰC HIỆN TỐT VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM CỦA MÌNH, GÓP PHẦN XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG SẠCH VỮNG MẠNH

TS. Nguyễn Thị Phụng*

Cách đây 50 năm, Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ thiên tài, người con ưu tú của dân tộc Việt Nam - trước khi đi xa, đã để lại cho nhân dân ta, Tổ quốc ta một bản Di chúc mang giá trị vượt thời gian. Nửa thế kỷ Bác đi xa, nhưng tất cả nội dung trong *Di chúc* của Người vẫn mãi mãi là kim chỉ nam cho dân tộc Việt Nam đi đến thắng lợi cuối cùng. Bản Di chúc thiêng liêng của Người là kết tinh những tinh hoa đạo đức và nhân cách cao đẹp suốt đời vì nước, vì dân của Người, chứa đựng trọn vẹn những nội dung cơ bản, quan điểm cốt yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là lời căn dặn cuối cùng của Người - một lãnh tụ thiên tài, một nhà cách mạng lỗi lạc có tầm, nhìn xa, trông rộng. Đó là một văn kiện vạch ra phương hướng phát triển cho cách mạng Việt Nam. 50 năm qua, Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đồng hành với Đảng và nhân dân ta trên con đường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cùng với thời gian, chúng ta ngày càng nhận thức sâu sắc hơn về giá trị lý luận và thực tiễn của bản Di chúc, nhất là đối với công tác xây dựng Đảng hiện nay.

1. Những chỉ dẫn của Người trong *Di chúc* về xây dựng Đảng

Trong bản *Di chúc* để lại trước khi về cõi vĩnh hằng, điều Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm “trước hết” và “trước tiên” là về Đảng và chỉnh đốn Đảng, nhằm xây dựng Đảng ta là một Đảng cầm quyền trong sạch, vững mạnh. Chuẩn bị hành trang cho cuộc đi xa vạn dặm về với thế giới người hiền, Người đã dự cảm về bề nổi và khoảng khuất của vấn đề đoàn kết trong Đảng. Cho nên trong Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh lưu ý: “*Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và nhân dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ con ngươi của mắt mình*”. Nếu ví sự tồn vong của dân tộc, của Đảng là con mắt, thì đoàn kết chính là con ngươi – là yếu tố quan trọng nhất, là vấn đề cốt tử để nhìn rõ đục, trong, để mà hành động. Cho nên Người yêu cầu: “*Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau*”. Đoàn kết trong Đảng được dựa trên cơ sở đường lối, chính sách và theo những nguyên tắc tổ chức của Đảng. Muốn có sự đoàn kết, nhất trí vững chắc, trong Đảng phải thực hành dân chủ rộng rãi; đảng viên phải nêu cao kỷ luật tự giác, phải thực hiện tự phê bình và phê bình. Tuy nhiên, Bác cũng nhắc nhở khi phê bình phải có *tình đồng chí yêu thương lẫn nhau*. Tự phê bình và phê bình là nhằm giúp đồng chí nhận rõ khuyết điểm, thói hư tật xấu, vì vậy nếu không đồng hành với tình thương yêu

* Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM

thì rất dễ dẫn đến tư thù cá nhân, trù dập dập hạ bệ lẫn nhau; tình đoàn kết theo đó khó có thể củng cố và phát triển. Sự hòa quyện giữa biện pháp “cứng rắn” với tình yêu thương con người, tình đồng chí, đồng đội – điều mà trở thành chân lý và kim chỉ nam trong hành động cho cán bộ, đảng viên và tổ chức Đảng hiện nay noi theo.

Bồi dưỡng đạo đức cách mạng cũng chiếm một vị trí đặc biệt trong toàn bộ *Di chúc*, Người căn dặn: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật sự trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, người đày tớ thật trung thành của nhân dân”¹.

Người đã không ngừng chăm lo giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ đảng viên và nhân dân dân. Người nói: “Cũng như sông có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi đến mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”². Trong tư tưởng của Người, đạo đức là gốc, là nguồn, là nền tảng, là sức mạnh tinh thần của người cán bộ đảng viên thể hiện trong các mối quan hệ xã hội hàng ngày với nhân dân, với nước với đồng chí đồng bào, đồng nghiệp và những người xung quanh mình.

Sau khi Đảng lãnh đạo nhân dân giành chính quyền, Hồ Chí Minh càng quan tâm nhiều đến đạo đức của cán bộ đảng viên, của đảng cầm quyền. Người hiểu rất rõ rằng suy thoái về đạo đức là khởi điểm của sự tha hóa, mà tha hóa về đạo đức sẽ dẫn đến tha hóa về chính trị, nên mong muốn Đảng phải trong sạch vững mạnh trong đó đội ngũ cán bộ đảng viên không để chức quyền, danh lợi làm hoen ố lương tâm, bôi nhọ danh dự dẫn đến suy thoái biến chất... Cũng theo Người, trong bất kỳ thời điểm nào, làm công việc gì, muốn quy tụ và hấp dẫn quần chúng, người cán bộ đảng viên cũng phải đặt lợi ích của Đảng ra trước lợi ích cá nhân lại sau và đó là nguyên tắc cao nhất của Đảng, đó là tính Đảng.

Trong nội dung cốt lõi của *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh dành một thời lượng lớn để nói về Đảng cầm quyền. Vai trò của Đảng cầm quyền được Người nêu trong *Di chúc* nhắc nhở cho ta thấy vai trò, sứ mệnh của Đảng đó là: “Nó phải làm tròn trách nhiệm giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng”. Đảng ta là đảng cầm quyền nhưng “Đảng không phải là một tổ chức để làm quan, phát tài”³, và “Ngoài lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc thì Đảng phải không có lợi ích gì khác”. Nhiệm vụ của đảng cầm quyền là “Phải ra sức tổ chức nhân dân, lãnh đạo nhân dân để giải phóng nhân dân và để nâng cao sinh hoạt, văn hóa, chính trị của nhân dân”⁴.

Thực tiễn xây dựng và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam Nam gần 90 năm qua cho thấy, uy tín, sức mạnh và năng lực lãnh đạo của Đảng phụ thuộc vào sự vững mạnh trong sạch của mỗi đảng viên hay nói cách khác các là sự trong sạch vững mạnh của Đảng quyết định uy tín và năng lực lãnh đạo của đảng cầm quyền. Chính vì thế, phải xây dựng Đảng làm cho Đảng vững mạnh, ngang tầm với đòi hỏi của dân tộc và thời đại, đặc biệt là

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 12, tr. 516.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 12, tr. 299.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 10, tr. 4.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 10, tr. 290.

trong điều kiện là một đảng cầm quyền. Làm cho Đảng phải thật sự trong sạch, thật sự đạo đức và văn minh.

50 năm đã trôi qua, những chỉ dẫn của Người trong Di chúc lúc vẫn còn có ý nghĩa thời sự góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”.

2. Vai trò, trách nhiệm của mỗi đảng viên với công tác xây dựng Đảng

Ngày nay, do tác động của mặt trái kinh tế thị trường cùng với sự chống phá trên nhiều lĩnh vực của các thế lực thù địch, trong khi đó một bộ phận đảng viên lại thiếu tu dưỡng rèn luyện, không gương mẫu về phẩm chất và lối sống, nói không đi đôi với làm... “tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, những tiêu cực và tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn, đẩy lùi mà còn tiếp tục diễn biến phức tạp, cùng với sự phân hóa giàu nghèo và sự yếu kém trong quản lý, điều hành của nhiều cấp, nhiều ngành làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, đe dọa sự ổn định, phát triển đất nước”¹ như Đại hội XI của Đảng đã nghiêm túc chỉ ra.

Đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt và cấp bách về xây dựng Đảng trong tình hình hiện nay.

Nhiệm vụ đó yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên phải thực hiện tốt vai trò của người chiến sĩ tiên phong, nêu gương đi đầu trong việc tự rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng trong sáng, đấu tranh kiên quyết với những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống trong nội bộ Đảng. Việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng của từng cán bộ đảng viên có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc giữ gìn, nêu cao danh hiệu, uy tín của người đảng viên, của tổ chức Đảng, để cán bộ, đảng viên hoàn thành mọi chức trách nhiệm vụ được giao, để “đảng ta thực sự là đạo đức là văn minh” và còn có tác động tích cực đối với xã hội, góp phần làm lan tỏa những giá trị đạo đức tốt đẹp, ngăn chặn đẩy lùi các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức lối sống.

Nhiệm vụ đó yêu cầu mỗi cán bộ đảng viên nhận thức được trách nhiệm của mình trong việc bền bỉ thường xuyên tra dồi các phẩm chất cách mạng “như rửa mặt hàng ngày”, phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, đấu tranh tự phê bình và phê bình, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, bài trừ quan liêu, xa rời quần chúng thực sự là người đầy tớ, là công bộc của nhân dân và là ngọn cờ dẫn đường, là chỗ dựa tin cậy của quần chúng. Bên cạnh việc rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng để chúng ta nâng cao khả năng cảnh giác, “miễn dịch” với hiện tượng “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, cán bộ, đảng viên còn phải quan tâm phát hiện kịp thời và đấu tranh ngăn chặn các quan điểm sai trái, các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động, đồng thời phải tích cực tuyên truyền để nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Để thực sự thấm nhuần tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, và

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 173.

thực hiện tốt lời Người để lại trong *Di chúc*, mọi cán bộ, đảng viên phải tự soi rọi lại mình qua tấm gương của Bác, nghiêm túc thực hiện vai trò nêu gương về đạo đức, lối sống, ý thức “*cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*” và tinh thần trách nhiệm “*hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân*”.

Hai nội dung xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh và việc cán bộ, đảng viên thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm của mình trong việc tự rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng trong sáng, đấu tranh kiên quyết với những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, phải được tiến hành đồng bộ, và không thể không có sự định hướng, tác động và quản lý chặt chẽ của tổ chức Đảng. Trong đó, cần thực hiện tốt những nội dung sau:

- Trước hết, các cấp ủy đảng cần nghiên cứu nhận thức đúng và có kế hoạch triển khai hiệu quả 4 nhóm giải pháp trong công tác xây dựng Đảng hiện nay mà Nghị quyết Trung ương 4 đề ra, chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo các mặt công tác chính trị, tư tưởng gắn với các hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị. Phải rà soát, đánh giá đúng thực trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống của đảng viên thuộc tổ chức mình: Cần xác định rõ những thành phần, đối tượng nào là chủ yếu; vấn đề nào là then chốt, cấp bách cần phải đấu tranh khắc phục ngay; lựa chọn phương thức phù hợp và xác định thời hạn giải quyết. Việc giáo dục thuyết phục, uốn nắn những tư tưởng lệch lạc, sai trái phải kiên trì với thái độ thẳng thắn, cởi mở, không áp đặt, không nóng vội.

- Phải tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo tinh thần Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị; gắn việc thực hiện Chỉ thị 05 với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4. “Học và làm theo” phải được thực hiện một cách thật sự, không hình thức, để việc làm theo trở thành ý thức, tự giác trở thành công việc thường xuyên của mọi đảng viên trong các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể ở mọi cấp mọi ngành.

- Cần tăng cường giáo dục quốc phòng – an ninh, nâng cao cảnh giác cách mạng cho cán bộ, đảng viên về âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; tăng cường công tác giáo dục về chủ nghĩa yêu nước, về lịch sử, truyền thống, về định hướng xã hội chủ nghĩa, qua đó nâng cao nhận thức cho mỗi cán bộ, đảng viên về mục tiêu, lý tưởng cách mạng mà Đảng và Bác Hồ đã chọn.

Là một đảng viên trẻ, tôi nhận thấy mình càng phải có trách nhiệm tự rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng trong sáng, đấu tranh kiên quyết với những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống trong nội bộ Đảng. Đó là rèn luyện lối sống cần cù, siêng năng, lao động có kế hoạch, sáng tạo, có năng suất lao động cao, lao động với tinh thần tự lực cánh sinh, không lười biếng, không ỷ lại, không dựa dẫm; là thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (tiết kiệm trong chi tiêu, trong sinh hoạt của bản thân và gia đình; tiết kiệm thời gian; không được lãng phí, xa hoa của cải vật chất của Nhà nước, của nhân dân và của chính mình...); là sống khiêm tốn, giản dị; là sống ngay thẳng, đúng đắn, chính trực. Rèn luyện được những điều này, cũng chính là học và làm theo bài học “cần, kiệm, liêm, chính” mà Bác Hồ đã đúc kết.

Bên cạnh đó, là một giảng viên trẻ, lại dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, cá nhân tôi luôn cho rằng mình phải tự trang bị cho mình một nền tảng chuyên môn tốt, có lối sống lành

mạnh, cần thực hành nêu gương và sống gần gũi với nhân dân. Đồng thời, tôi phải không ngừng trau dồi kỹ năng, phương pháp sư phạm, thay đổi phương pháp tuyên truyền để giúp cho sinh viên hứng thú với môn học từ đó góp phần giáo dục lý tưởng cách mạng, nâng cao bản lĩnh chính trị, xây dựng những lớp người kế tục trung thành với với lý tưởng của Đảng và dân tộc. Góp phần giúp viên không chỉ có kiến thức chuyên môn vững vàng mà còn có phẩm chất chính trị, đạo đức, kỹ năng và lý tưởng sống cao đẹp. Thông qua môn học của mình giảng dạy phần nào trang bị thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng và phương pháp luận khoa học, phương pháp tư duy biện chứng góp phần phát huy tính tích cực của sinh viên trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Kỷ niệm 50 năm thực hiện *Di chúc* của Bác là dịp để mỗi chúng báo cáo với Bác những công việc mà mình đã, đang và sẽ thực hiện theo những lời dặn dò, nhắn nhủ của Bác. Là dịp để ta tự soi mình vào những điều Bác dạy mà tự phê bình và phê bình, xem xét lại một cách nghiêm túc để điều chỉnh, để sửa chữa. Và đây cũng là dịp để mỗi người chúng ta tiếp tục học tập, nghiên cứu, những giá trị to lớn của *Di chúc* và biến những nhận thức, tư tưởng, tình cảm cao đẹp của mình thành những việc làm thiết thực để thể hiện lòng kính yêu Bác, tưởng nhớ Bác, biết ơn Bác, để tiếp tục trau dồi đạo đức cách mạng, để làm được nhiều điều tốt đẹp cho gia đình và xã hội.

TỪ QUAN ĐIỂM “CHÍNH PHỦ LÀ CÔNG BỘC CỦA DÂN” CỦA HỒ CHÍ MINH ĐẾN VIỆC XÂY DỰNG “CHÍNH PHỦ KIẾN TẠO” HIỆN NAY

*Nguyễn Hồng Quý**

1. Đặt vấn đề

Lịch sử phát triển của nhân loại là lịch sử phát triển của sự sáng tạo không ngừng. Nhờ sáng tạo, con người đã làm thay đổi chính bản thân mình và thế giới xung quanh theo cách mà con người không bao giờ nghĩ tới. Trong đó, sự sáng tạo mô hình quản trị quốc gia có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại. Tất cả các quốc gia trên thế giới từ Mỹ, Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản,... cho đến Việt Nam đều, đã, đang và sẽ tìm kiếm cho mình một mô hình lý tưởng nhất, hoàn hảo nhất nhằm phát triển tốt nhất đất nước mình.

Trong lịch sử, Việt Nam từng trải qua các mô hình Nhà nước khác nhau, song mô hình Nhà nước “Dân chủ Cộng hòa” tức Nhà nước của dân, do dân và vì dân hay “Chính phủ là công bộc của dân” được Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi xướng là thành công và tiến bộ hơn cả. Vậy, mô hình này có đặc điểm nổi bật và những giá trị ưu việt đặc sắc nào có thể áp dụng vào xây dựng “Nhà nước kiến tạo phát triển” (Developmental State) hay “Chính phủ kiến tạo” (Developmental Government) tại Việt Nam hiện nay sẽ là nội dung mà tác giả bài viết hướng đến.

2. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về “Chính phủ là công bộc của dân”

Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng lao động Việt Nam do đồng chí Lê Duẩn đọc trong Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh (09/9/1969) có đoạn viết: “Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta”. Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, vị lãnh tụ thiên tài, nhà văn hóa, tư tưởng lớn của dân tộc Việt Nam và thế giới trong thế kỷ XX.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại một di sản tư tưởng vô cùng quý giá cho nhân dân Việt Nam nói riêng và nhân loại yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới nói chung trong công cuộc đấu tranh cho hòa bình, độc lập, tự do, thống nhất, dân chủ, bình đẳng, chính nghĩa, công bằng, lẽ phải... cho hôm nay và mãi mãi mai sau. Trong di sản tư tưởng của Người, tư tưởng về xây dựng một Nhà nước, Chính phủ của dân, do dân và vì dân hay “Chính phủ là công bộc của dân” có ý nghĩa quan trọng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cũng như Nhà nước kiến tạo, Chính phủ kiến tạo ở Việt Nam hiện nay.

Thuật ngữ “Chính phủ là công bộc của dân” được Hồ Chí Minh sử dụng lần đầu tiên trong bài viết “Chính phủ là công bộc của dân” đăng trên báo Cứu quốc số 46, ngày

* Trường Đại học FPT

19/9/1945, với bút danh Chiến Thắng. Mục đích của Hồ Chí Minh khi viết bài này là giúp đồng bào, chiến sĩ cả nước cũng như nhân dân và các Chính phủ trên toàn thế giới hiểu được bản chất thực sự của Chính phủ, của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là gì? Chính phủ đó là của ai? Chính phủ đó ra đời nhằm mục đích gì? Để đạt được mục đích cao cả đó Chính phủ cần phải làm gì? Đây là những câu hỏi, những vấn đề có tính chất sống còn đối với bất kỳ một chế độ, một thể chế chính trị, một Nhà nước, một Chính phủ hay một nền quản trị nào trên thế giới, trong đó có các Nhà nước và Chính phủ kiến tạo hiện nay.

Hồ Chí Minh được biết đến như là một nhà chính trị tài năng, một chính khách tầm cỡ quốc tế đó là điều mà không ai có thể phủ nhận. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh chưa bao giờ nhận mình là một nhà chính trị mà chỉ khiêm tốn nhận mình là người hoạt động trong lĩnh vực chính trị nhằm mục đích cứu nước, cứu dân. Nhờ đó, trong quá trình tuyên truyền, hoạt động chính trị Người đã biến những học thuyết, văn bản, ngôn ngữ chính trị trừu tượng, khó hiểu trở nên bình dị, đời thường, dễ dàng đi vào trái tim và khối óc của mọi tầng lớp nhân dân. Đó chính là nghệ thuật Hồ Chí Minh.

Năm 1945, Việt Nam giành được độc lập, tự do sau hơn 80 năm dưới sự cai trị của thực dân, đế quốc và hàng ngàn năm sống dưới chế độ phong kiến. Song, Việt Nam lại đứng trước tình thế “Ngàn cân treo trên sợi tóc” với trên 2 triệu người bị chết đói, xuất phát điểm từ một nước nông nghiệp lạc hậu, trình độ dân trí thấp (với trên 90% dân số mù chữ). Vấn đề đặt ra là, với một đất nước mà người dân ăn chưa đủ no, mặc chưa đủ ấm, chữ viết còn chưa biết thì làm thế nào để hiểu được Chính phủ là gì? Chính phủ là của ai? Chính phủ để làm gì? Đó là điều không hề dễ dàng với Hồ Chí Minh và Chính phủ khi đó.

Tuy nhiên, vấn đề tưởng chừng khó khăn này đã được Hồ Chí Minh giải quyết một cách khéo léo và đầy thuyết phục. Thay vì đưa ra một định nghĩa trừu tượng nào đó về Chính phủ được trích dẫn từ một học thuyết hoặc một tác phẩm kinh điển của một nhà tư tưởng nào đó, Người đã tối giản hóa khái niệm này bằng cách so sánh Chính phủ hiện tại với cái gọi là “Chính phủ của chế độ cũ” để giúp người dân có thể nhìn nhận, so sánh và đánh giá một cách trực tiếp, khách quan nhất về Chính phủ hiện tại, Người nói: “Non hai tháng trước đây, trước cuộc khởi nghĩa 19/8/1945, nói tới hai chữ Chính phủ người ta nghĩ ngay tới một bọn đầu đảng cướp nguy hiểm, xảo quyệt. Trái lại, ai ai đối với Chính phủ nhân dân hiện nay cũng đều có một cảm tình thân mật xen lẫn với một tôn kính sâu xa: Chính phủ đối với ta như người “anh cả trong gia đình, một đồng chí phụ trách trong một địa phương, một người đứng mũi chịu sào ta có thể vững lòng trông cậy và gửi số mệnh vào. Người xưa nói: quan là công bộc của dân, ta cũng có thể nói: Chính phủ là công bộc của dân vậy”¹

Theo Người, Chính phủ của chế độ cũ là Chính phủ của chế độ bù nhìn, của thiểu số người có quyền lực làm tay sai bán nước cho thực dân, đế quốc đàn áp, bóc lột chính nhân dân và đồng bào mình. Trong khi đó, Chính phủ hiện tại được Hồ Chí Minh ví như người anh cả lo toan, gánh vác mọi công việc trong gia đình; là một đồng chí đứng đầu, sẵn sàng chịu trách nhiệm trước mọi nhiệm vụ mà nhân dân tin tưởng và giao phó, nó cũng giống như những vị quan thanh liêm lo cho dân, cho nước trước đây... Người đi đến kết luận “Chính phủ là công bộc của dân vậy”, tức “Chính phủ nhân dân”. Đây là bài học kinh nghiệm quý

1. Nhiều tác giả: *Danh nhân Hồ Chí Minh*, NXB Lao Động, Hà Nội, 2009, tr. 1076.

báo cho Chính phủ hiện tại trong quá trình tuyên truyền cho người dân hiểu về Chính phủ kiến tạo hiện nay.

Vậy, “Chính phủ là công bộc của dân” hay “Chính phủ nhân dân” thực chất là gì? Trước đây, người Việt Nam thường dùng khái niệm “Công bộc” để chỉ những người đầy tớ trung thành, tận tụy, không tư lợi, hết lòng vì dân, vì nước. Do đó, “Chính phủ là công bộc của dân” mà Hồ Chí Minh sử dụng chính là xác định bản chất thật sự của Chính phủ, của Nhà nước và của chế độ này là những người hết lòng, hết sức phụng sự, phục vụ nhân dân, tức là những người đầy tớ trung thành của nhân dân “Chính phủ rất mong đồng bào giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình để làm tròn nhiệm vụ của mình là người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân”¹. Đó cũng chính là Chính phủ nhân dân, Chính phủ của dân, do dân và vì dân được Hồ Chí Minh chủ trương thành lập ở Việt Nam ngay sau khi giành chính quyền “Chế độ ta là chế độ dân chủ. Nhân dân là chủ. Chính phủ là đầy tớ của nhân dân”². Trước đó, trong cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội, Người đã khẳng định: “Do tổng tuyển cử mà toàn dân bầu ra Quốc hội. Quốc hội sẽ cử ra Chính phủ. Chính phủ đó thật là Chính phủ của toàn dân”³. Đây chính là tuyên ngôn, chân lý mà Hồ Chí Minh giành trọn cuộc đời của mình để tranh đấu.

Nhằm giúp nhân dân hiểu rõ hơn về bản chất thật sự của Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên mục đích ra đời của “Chính phủ công bộc”, “Chính phủ nhân dân”. Theo Người: “Chính phủ ta là Chính phủ của nhân dân, chỉ có một mục đích là phụng sự cho lợi ích của nhân dân”⁴. Vậy lợi ích của nhân dân là gì? đó là đem lại độc lập, tự do, hạnh phúc, công bằng, môi trường và điều kiện phát triển tốt nhất cho người dân “Các công việc Chính phủ làm phải nhằm vào một mục đích duy nhất là mưu tự do hạnh phúc cho mọi người”⁵. Và cũng chính Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành tấm gương sáng ngời cho tinh thần liêm chính, chí công vô tư, không màng danh lợi, Hồ Chí Minh từng tuyên bố thẳng thắn trước nhân dân trong nước và quốc tế rằng “Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận. Bao giờ đồng bào cho tôi lui thì tôi rất vui lòng lui. Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành. Riêng phần tôi thì làm một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh nước biếc để câu cá, trồng hoa. Sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, em trẻ chăn trâu, không dính líu gì với vòng danh lợi”⁶.

Theo Hồ Chí Minh, để Chính phủ thực sự trở thành công bộc, thành người đầy tớ trung thành phục vụ nhân dân thì Chính phủ đó cần hội tụ được những tiêu chí sau:

Thứ nhất, Chính phủ đó phải xác định được vị trí, vai trò và trách nhiệm thật sự của mình là gì?

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 2011, t. 7, tr. 361-362.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 7, tr. 368.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 4, tr. 133.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 7, tr. 361-362.

5. Nhiều tác giả: *Danh nhân Hồ Chí Minh*, Sđd, tr. 1076.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 4, tr. 161.

Theo Hồ Chí Minh “Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải hết sức tránh”¹.

Trong nhận thức của Hồ Chí Minh thì Chính phủ và những người làm việc cho Chính phủ là “công bộc”, là người đầy tớ trung thành của nhân dân, chứ không phải “làm quan cách mạng” để đê đầu cuỡi cổ nhân dân, “làm quan phát tài” để thăng quan tiến chức, mà phải một lòng, một dạ, hết lòng, hết sức vì dân, vì nước. Hồ Chí Minh đã luận giải hết sức thuyết phục như sau: “Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh vác việc chung cho dân, chứ không phải để đê đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta”². Đặc biệt là hệ thống chính quyền ở cấp cơ sở, gần bó trực tiếp với nhân dân, là những người gần dân nhất. Do đó, mỗi cán bộ, công chức trong Chính phủ phải thường xuyên lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, cùng với nhân dân thực hiện những nhiệm vụ mà Chính phủ giao phó “Ủy ban nhân dân là Ủy ban có nhiệm vụ thực hiện tự do dân chủ cho dân chúng. Nó phải hành động đúng tinh thần tự do dân chủ đó”³.

Thứ hai, Chính phủ đó phải xác định được nhiệm vụ cấp bách và quan trọng nhất cần thực hiện là gì?

Trong hoàn cảnh Việt Nam vừa giành được chính quyền, đất nước gặp nhiều khó khăn trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, phải đối phó với thù trong, giặc ngoài. Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định nhiệm vụ quan trọng nhất lúc này là “Kháng chiến kiến quốc”. Bởi vì hai nhiệm vụ này có mối quan hệ mật thiết và biện chứng với nhau. Mục đích cuối cùng của kháng chiến là tạo môi trường, điều kiện tốt nhất để dựng xây, kiến thiết, phát triển đất nước. Mục đích của kiến quốc trong điều kiện đất nước có chiến tranh là cung cấp nhân, tài, vật, lực phục vụ kháng chiến. Trong bài “Nhân tài và kiến quốc” Hồ Chí Minh viết: “Nay muốn giữ vững nền độc lập thì chúng ta phải đem hết lòng hăng hái đổ vào con đường kiến quốc. Kháng chiến phải đi đôi với kiến quốc. Kháng chiến có thắng lợi thì kiến quốc mới thành công. Kiến quốc có chắc thành công, kháng chiến mới mau thắng lợi”⁴. Như vậy, ngay từ đầu, Hồ Chí Minh và Chính phủ đã xác định “Kiến quốc” là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu cần thực hiện ngay sau khi thành lập Chính phủ.

Khái niệm “Kiến quốc” theo quan điểm của Hồ Chí Minh có thể hiểu là kiến thiết, kiến tạo, dựng xây Tổ quốc, đất nước trên tất cả các lĩnh vực. Nhưng trong điều kiện đất nước có chiến tranh thì chủ yếu tập trung vào những mặt sau: “Chúng ta cần nhất bây giờ là: Kiến thiết ngoại giao. Kiến thiết kinh tế. Kiến thiết quân sự. Kiến thiết giáo dục”⁵. Có thể nói, những lĩnh vực cấp bách cần kiến thiết mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra không những cần thiết trong điều kiện đất nước có chiến tranh mà còn phù hợp với công cuộc tái thiết,

1. Nhiều tác giả: *Danh nhân Hồ Chí Minh*, Sđd, tr. 1076.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 4, tr. 56-57.

3. Nhiều tác giả: *Danh nhân Hồ Chí Minh*, Sđd, tr. 1077.

4. Nhiều tác giả: *Danh nhân Hồ Chí Minh*, Sđd, tr. 1078.

5. Nhiều tác giả: *Danh nhân Hồ Chí Minh*, Sđd, tr. 1078.

xây dựng đất nước trong điều kiện hòa bình của các quốc gia trên thế giới hiện nay, trong đó có Việt Nam. Bởi lẽ, theo Hồ Chí Minh, mục đích cuối cùng của kiến thiết và kháng chiến không phải chỉ là giành được độc lập, tự do mà phải là dân chủ, hạnh phúc, bình đẳng và phát triển thịnh vượng “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ. Chúng ta phải thực hiện ngay: Làm cho dân có ăn; Làm cho dân có mặc; Làm cho dân có chỗ ở; Làm cho dân có học hành. Cái mục đích chúng ta đi đến là 4 điều đó. Đi đến để dân nước ta xứng đáng với tự do độc lập và giúp sức được cho tự do độc lập”¹. Đó chính là mục tiêu và lý tưởng mà Hồ Chí Minh muốn tạo dựng ở một Nhà nước và Chính phủ của nhân dân.

Như vậy, khái niệm “Kiến quốc” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh sử dụng cách đây hơn 70 năm về cơ bản giống với khái niệm “Kiến tạo” mà chúng ta sử dụng ngày nay. Trong đó, khái niệm “Kiến quốc” có nội hàm rộng hơn khái niệm “Kiến tạo” vì trong “Kiến quốc” không chỉ có “Kiến tạo” mà còn có nhiều thứ kiến khác như: kiến thiết, kiến nghị, kiến trúc, dựng xây, phát triển đất nước toàn diện trên tất cả các lĩnh vực từ chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng, quản trị quốc gia,... và thường được sử dụng trong điều kiện đất nước có chiến tranh hoặc trong công cuộc tái thiết đất nước sau khi chiến tranh kết thúc. Khái niệm “Kiến tạo” thường gắn với “Chính phủ kiến tạo” (Development Government), hay “Nhà nước kiến tạo phát triển” (Developmental State) hiện nay được dùng để thể hiện vai trò chủ động, tích cực của cơ quan hành pháp (Chính phủ) trong nền quản trị quốc gia, điều tiết, vận hành bộ máy Nhà nước nhằm ổn định, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Khái niệm này được nhà nghiên cứu Chalmers Johnson đưa ra vào những năm 80 của thế kỷ XX khi nghiên cứu về “Sự phát triển thần kỳ của Nhật Bản”. Theo Chalmers Johnson, Chính phủ kiến tạo phát triển là sự kết hợp, giao thoa giữa hai mô hình Chính phủ: một là mô hình Chính phủ kế hoạch hóa tập trung quan liêu (tức Chính phủ phủ nhận vai trò của thị trường) hai là mô hình Chính phủ điều chỉnh (tức thừa nhận thị trường tự do một cách tích cực). Mô hình Chính phủ kiến tạo phát triển thừa nhận vai trò tích cực của thị trường và sự can thiệp chủ động, tích cực của Nhà nước (có sự kết hợp chủ động, tích cực giữa bàn tay vô hình của thị trường và bàn tay hữu hình của Chính phủ, Nhà nước). Như vậy, xây dựng “Chính phủ kiến tạo” mà Chính phủ đang phát động hiện nay cũng chính là sự kế thừa và phát triển tư tưởng xây dựng “Chính phủ công bộc”, “Chính phủ nhân dân”, “Chính phủ kiến quốc” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi xướng nhưng trong điều kiện, hoàn cảnh đất nước và thời đại mới.

Thứ ba, Chính phủ đó phải được vận hành bởi một đội ngũ cán bộ, công chức có tâm, có tài và có tầm

Nhận thức được tầm quan trọng của nhân tài, ngay sau khi Chính phủ được thành lập, với cương vị người đứng đầu Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện chiến lược tuyển chọn nhân tài giúp sức cho Chính phủ trong công cuộc kháng chiến kiến quốc. Theo Hồ Chí Minh muốn xây dựng một Chính phủ là công bộc, là đầy tớ trung thành của nhân

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 4, tr. 152.

dân thì phải có những con người tài năng, đức độ, tận tâm, tận lực, hết mình vì dân vì nước. Người nói: “Các Ủy ban nhân dân làng, phủ là hình thức Chính phủ địa phương phải chọn trong những người có công tâm, trung thành, sốt sắng với quyền lợi dân chúng, có năng lực làm việc, được đông đảo dân làng tín nhiệm. Không thể nhờ tiền tài hay một thế lực gì khác mà chui vào lọt các Ủy ban đó”¹.

Theo Hồ Chí Minh, hiền tài hay người tài đức trong nhân dân không thiếu nhưng quan trọng là Chính phủ có tìm kiếm, sử dụng và trọng dụng được hay không mà thôi “Việc dùng nhân tài, ta không nên căn cứ vào những điều kiện quá khắt khe. Miễn là không phản lại quyền lợi dân chúng, không là Việt gian, thân Pháp, thân Nhật, có lòng trung thành với Tổ quốc là có thể dùng được. Tài to ta dùng làm việc to, tài nhỏ ta cắt làm việc nhỏ, ai có năng lực về việc gì, ta đặt ngay vào việc ấy”².

Hồ Chí Minh là người có năng lực phát hiện và trọng dụng nhân tài, ở Người luôn có một niềm tin mãnh liệt vào con người nói chung, đặc biệt là những người có tài năng, đức độ. Trong bài “Tìm người tài đức” đăng trên báo Cứu quốc ra ngày 20/11/1946 Hồ Chí Minh viết “Nước nhà cần phải kiến thiết, kiến thiết cần phải có nhân tài. Trong số 20 triệu đồng bào chắc không thiếu người có tài đức. E vì Chính phủ nghe không đến, thấy không khắp đến nỗi những bậc tài đức không thể xuất thân. Khuyết điểm đó tôi xin thừa nhận. Nay muốn sửa đổi điều đó, và trọng dụng những kẻ hiền năng, các địa phương phải lập tức điều tra nơi nào có người tài đức, có thể làm được những việc ích nước lợi dân, thì phải báo cáo ngay cho Chính phủ biết”³.

Để Chính phủ thực sự là “Chính phủ công bộc”, là “Chính phủ nhân dân”, Hồ Chí Minh hết sức quan tâm tới giáo dục, đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong Chính phủ. Hồ Chí Minh nghiêm khắc phê phán tư tưởng “Một người làm quan, cả họ được nhờ”, tham quyền cố vị trong Chính phủ. Người cho rằng: “Vấn đề lo cho con cháu các đồng chí. Cái đó là đúng. Nhưng, nếu là con tôi - à, tôi không có con - mà nó không có khả năng, nó xấu cũng phải dẹp lại. Không phải hễ cứ bố là cán bộ thì con là “cậu ấm”. Bố có việc của bố, con có việc của con. Cố nhiên, con của những đồng chí đã mất đi, Đảng phải lo. Nhưng bố mẹ nó đang còn, nó xấu, mà đòi hỏi đặc biệt chú ý, thì chú ý cái gì?”⁴.

Người cũng nghiêm khắc phê phán những cán bộ, công chức ham công danh, chức vụ nhưng lại không chịu phấn đấu, cống hiến, lẩn lộn với công việc, phong trào “Chỉ biết lên mà không biết xuống. Chỉ chịu được sướng mà không chịu được khổ. Chỉ ham làm chủ tịch này, ủy viên nọ, chớ không ham công tác thiết thực”⁵. Nhờ đó, Chính phủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyển chọn được một lực lượng lớn nhân tài, trong đó, nhiều người là nhân sĩ, trí thức có tâm, có tài và có tầm tham gia vào sự nghiệp kháng chiến kiến quốc như: Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Văn Tố, Phan Anh, Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Mạnh

1. Nhiều tác giả: *Danh nhân Hồ Chí Minh*, Sđd, tr. 1078.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 4, tr. 39.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 4, tr. 99.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 10, tr. 469.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 5, tr. 525.

Hà, Phan Kế Toại, Vũ Đình Hoè, Vi Văn Định, Phạm Khắc Hoè, Ngô Tử Hạ, Bùi Bằng Đoàn, Trịnh Văn Bính, Trần Huy Liệu, Phạm Ngọc Thạch, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp,...

Thứ tư, Chính phủ đó phải gần dân, thân dân và chịu sự kiểm tra, giám sát từ nhân dân

Theo Hồ Chí Minh vì Chính phủ là Chính phủ của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân - tức do nhân dân làm chủ nên Chính phủ đó phải thực sự gần gũi, thân thiết, gắn bó với nhân dân giống như cá không thể thiếu được nước "... Phải làm sao cho dân yêu mến. Phải nhớ rằng dân là chủ. Dân như nước, mình như cá. Lực lượng bao nhiêu là nhờ ở dân hết"¹. Hồ Chí Minh cho rằng muốn nhân dân tin tưởng, ủng hộ và đồng hành cùng Chính phủ thì Chính phủ và nhân viên trong Chính phủ phải chiếm trọn được tình cảm từ trái tim của nhân dân "... Phải làm cho dân mến, khi sắp tới dân mong, khi đi dân tiếc, chớ vác mặt làm quan cách mạng cho dân ghét, dân khinh, dân không ủng hộ"².

Theo Hồ Chí Minh giữa nhân dân và Chính phủ có mối quan hệ mật thiết, biện chứng với nhau, Chính phủ sinh ra để phục vụ nhân dân. Do đó, nếu không có nhân dân sẽ không có Chính phủ và ngược lại nếu không có Chính phủ thì nhân dân cũng sẽ không có người dẫn đường, phục vụ "Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng. Nếu không có Chính phủ, thì nhân dân không ai dẫn đường. Vậy nên Chính phủ với nhân dân phải đoàn kết thành một khối. Ngày nay, chúng ta đã xây dựng nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì"³. Cũng theo Hồ Chí Minh, để Chính phủ thực sự là của dân, do dân và vì dân thì nhân dân phải được tham gia vào quá trình kiểm tra, giám sát hoạt động của Chính phủ, vì chỉ nhân dân mới biết Chính phủ làm việc đúng hay sai? Hiệu quả hay không hiệu quả?

Theo Hồ Chí Minh "Chính phủ ta là Chính phủ của nhân dân, chỉ có một mục đích là phụng sự cho lợi ích của nhân dân. Chính phủ rất mong đồng bào giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình để làm tròn nhiệm vụ của mình là người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân"⁴. Do Chính phủ là Chính phủ của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân nên nhân dân có quyền phê bình, góp ý để giúp Chính phủ khắc phục, sửa chữa, hoàn thiện tốt hơn, thậm chí có quyền thay thế Chính phủ này bằng Chính phủ khác nếu thấy Chính phủ đó không xứng đáng với tâm nguyện của nhân dân "Chế độ ta là chế độ dân chủ. Nhân dân là chủ. Chính phủ là đầy tớ của nhân dân. Nhân dân có quyền đôn đốc và phê bình Chính phủ. Chính phủ thì việc to, việc nhỏ đều nhằm mục đích phục vụ lợi ích của nhân dân. Vì vậy, nhân dân lại có nhiệm vụ giúp đỡ Chính phủ và làm đúng chính sách của Chính phủ, để Chính phủ làm tròn phận sự mà nhân dân đã giao phó cho"⁵.

Thứ năm, Chính phủ đó phải xác định được hệ giá trị mà mình theo đuổi là gì?

1. Nhiều tác giả: *Danh nhân Hồ Chí Minh*, Sđd, tr. 394.

2. Nhiều tác giả: *Danh nhân Hồ Chí Minh*, Sđd, tr. 394-395.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 4, tr. 56.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 7, tr. 361-362.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 7, tr. 368.

Đó là phát huy truyền thống đoàn kết, thực hiện “Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư”, dám nhìn thẳng vào sự thật, “Tự phê bình và phê bình” không ngừng hoàn thiện, đổi mới và sáng tạo. Đây là những phẩm chất quan trọng và hết sức cần thiết mà mỗi cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân đều phải cố gắng phấn đấu hoàn thiện, trong đó có Chính phủ. Hồ Chí Minh rất coi trọng sức mạnh của đoàn kết, theo Người đoàn kết là sức mạnh, là nguyên nhân dẫn đến mọi thành công: “Đoàn kết là một lực lượng vô địch của chúng ta để khắc phục khó khăn, giành lấy thắng lợi”¹.

Trong bài viết “Cần, Kiệm, Liêm, Chính” đăng trên báo Cứu quốc năm 1949 Chủ tịch Hồ Chí Minh viết:

“Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông,
Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc
Người có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính
Thiếu một phương, thì không thành đất
Thiếu một đức, thì không thành người”

Theo Hồ Chí Minh, “Cần” là siêng năng, chăm chỉ, tự lực, tự cường; “Kiệm” là tiết kiệm, không hoang phí, không phô trương; “Liêm” là trong sạch, không tham lam; “Chính” là thẳng thắn, trung thực; “Chí công vô tư” là công bằng, công tâm, không thiên vị “Lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”. Để xây dựng một Chính phủ có đầy đủ những đức tính đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức chú trọng rèn luyện đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong Chính phủ.

Như chúng ta biết, chỉ hơn một tháng sau khi thành lập chính quyền cách mạng, trong thư gửi Ủy ban nhân dân các cấp Người đã chỉ rõ “Tôi vẫn biết trong các bạn có nhiều người làm theo đúng chương trình của Chính phủ, và rất được lòng dân. Song cũng có nhiều người phạm những lầm lỗi nặng nề như: trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư túi, chia rẽ, kiêu ngạo”². Hồ Chí Minh phê phán những cán bộ, công chức có tư tưởng quan liêu, đặc quyền, đặc lợi, thái độ hách dịch với nhân dân, xa rời quần chúng “Cán bộ ta nhiều người “cung cúc tận tụy”, hết sức trung thành với nhiệm vụ, với Chính phủ, với quốc dân. Nhưng cũng có người hủ hóa, lên mặt làm quan cách mạng, hoặc là độc hành độc đoán, hoặc là dĩ công dinh tư. Thậm chí dùng pháp công để báo thù tư, làm cho dân oán đến Chính phủ và Đoàn thể”³. Nhưng quan trọng hơn, theo Hồ Chí Minh Chính phủ phải nghiêm túc thực hiện tự phê bình và phê bình, dám nhìn thẳng vào sự thật, nhận trách nhiệm, sai lầm, khuyết điểm trước nhân dân: “Chính sách của Đảng và Chính phủ phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân, nếu dân đói là Đảng và Chính phủ có lỗi, nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi, nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi, nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi”⁴. Sau khi đã nhận ra lỗi lầm thì phải kiên quyết sửa chữa, khắc phục, phấn đấu hoàn thiện bản thân “Chúng ta không sợ sai lầm, nhưng đã nhận biết sai lầm thì phải ra sức sửa chữa. Vậy nên, ai không phạm những lầm lỗi trên này, thì nên

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 11, tr. 154.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 4, tr. 57.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 4, 2011, tr. 21.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 7, tr. 572-573.

chú ý tránh đi, và gắng sức cho thêm tiến bộ. Ai đã phạm những lầm lỗi trên này, thì phải hết sức sửa chữa; nếu không tự sửa chữa thì Chính phủ sẽ không khoan dung”¹.

Hồ Chí Minh cũng nghiêm khắc phê phán tư tưởng trì trệ, bảo thủ với ý nghĩ “Chắc chân trong Chính phủ”, “Sống lâu lên lão làng”, không chịu học hỏi, đổi mới, sáng tạo, trau dồi kiến thức, hoàn thiện bản thân “Có người nay còn lãnh đạo đó, nhưng sau này tiến lên máy móc, nếu không biết kỹ thuật, có lãnh đạo được không? Nếu không biết, phải mời anh ra, cho người khác giỏi hơn vào làm... chớ không phải như ngày xưa mà tưởng rằng: sống lâu lên lão làng”². Như vậy, ngay từ đầu Hồ Chí Minh đã chủ trương xây dựng một Chính phủ liêm chính, phục vụ nhân dân và không ngừng tự hoàn thiện, tự đổi mới, sáng tạo. Đó là hệ giá trị mà Chính phủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh hướng đến với một tâm nguyện là hết lòng, hết sức phụng sự và phục vụ Nhân dân.

Thứ sáu, Chính phủ đó phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

Hồ Chí Minh xác định rất rõ vị trí, vai trò và mối quan hệ giữa Đảng, Chính phủ với Nhà nước theo nguyên tắc “Đảng lãnh đạo Nhà nước” nhưng không làm giảm đi vai trò của Nhà nước, Chính phủ và hệ thống pháp quyền. Tất cả nhằm mục đích cao nhất là phụng sự nhân dân, Tổ quốc, đặt lợi ích của nhân dân, của quốc gia, dân tộc lên hàng đầu như chính Hồ Chí Minh - Người vừa là Chủ tịch Đảng, vừa là Chủ tịch nước đồng thời đứng đầu Chính phủ đã từng tuyên bố rằng: “Tôi xin tuyên bố trước Quốc hội, trước quốc dân, trước thế giới. Tôi chỉ có một Đảng, Đảng Việt Nam”³. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chính phủ và Nhà nước đã hoàn thành vẻ vang sứ mạng lịch sử mà nhân dân giao phó là cùng với Đảng lãnh đạo nhân dân vượt qua muôn vàn khó khăn thử thách, vươn lên giành những thắng lợi to lớn cho nhân dân, cho Tổ quốc.

3. Từ “Chính phủ là công bộc của dân” đến bài học xây dựng “Chính phủ kiến tạo” hiện nay

Qua nghiên cứu tìm hiểu quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng Chính phủ là công bộc của dân (Chính phủ nhân dân), chúng ta có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm vận dụng vào việc xây dựng Chính phủ kiến tạo tại Việt Nam hiện nay như sau:

Một là, bài học về xác định mục tiêu, lý tưởng của Chính phủ

Đảng, Nhà nước, Chính phủ, các nhà khoa học cần nghiên cứu thật kỹ lưỡng bản chất thật sự của Chính phủ kiến tạo sẽ triển khai tại Việt Nam hiện nay là gì? Chính phủ đó là của ai? Chính phủ đó nhằm mục đích gì? Chính phủ đó có phải hoàn toàn mới ở Việt Nam hay không? Mô hình đó có phù hợp với đặc điểm lịch sử, văn hóa và hoàn cảnh của Việt Nam hay không? Đây là những vấn đề hết sức quan trọng mà Chính phủ cần phải làm ngay.

Hai là, bài học về triết lý Chính phủ lấy dân làm gốc

Nghĩa là, Chính phủ kiến tạo sẽ phải được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát triển tư tưởng của Hồ Chí Minh về Nhà nước, Chính phủ của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân Việt Nam. Chính phủ cần phát huy được vai trò tích cực, chủ động, sáng tạo của quần

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t. 4, 2011, tr. 58.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 10, tr. 469.

3. Nhiều tác giả: *Danh nhân Hồ Chí Minh*, Sđd, tr. 444.

chúng nhân dân trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động của Chính phủ nhằm hoàn thiện Chính phủ theo hướng ưu việt nhất, phù hợp với đặc điểm và hoàn cảnh của Việt Nam.

Ba là, bài học truyền thông trong xây dựng Chính phủ hiện nay

Từ nghệ thuật tuyên truyền về “Chính phủ công bộc”, “Chính phủ nhân dân” của Hồ Chí Minh, Chính phủ cần tiến hành nghiên cứu triển khai một cuộc vận động sâu rộng về mục đích, ý nghĩa và vai trò của Chính phủ kiến tạo đến các tầng lớp nhân dân nhằm khơi dậy và phát huy trí tuệ và sức sáng tạo của nhân dân trong công cuộc xây dựng Chính phủ kiến tạo tại Việt Nam hiện nay.

Bốn là, bài học về “Nhân tài kiến quốc”

Chính phủ cần phải có chiến lược tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và trọng dụng nhân tài (ở cả trong và ngoài nước) tham gia vào xây dựng Chính phủ kiến tạo ở Việt Nam hiện nay. Bài học về tuyển dụng nhân tài trong công cuộc kháng chiến kiến quốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị cho Chính phủ hiện nay. Đặc biệt, trong bối cảnh vấn nạn chảy máu chất xám đang trở lên nhức nhối tại Việt Nam và nhiều quốc gia khác trên thế giới.

Năm là, bài học về xác định hệ giá trị của Chính phủ

Chính phủ cần phát huy truyền thống đoàn kết, sáng tạo, dám nghĩ dám làm, dám nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật; tự phê bình và phê bình; thực hiện “Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư” theo tinh thần của Hồ Chí Minh và Chính phủ nhân dân, Chính phủ công bộc đã thực hiện rất thành công trước đây. Đặc biệt là tinh thần hành động, chủ động, tích cực, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm cần phát huy hơn nữa trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay.

Sáu là, bài học về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và Chính phủ

Tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và Chính phủ. Bài học từ sự thành công của Chính phủ Hồ Chí Minh trong sự nghiệp kháng chiến kiến quốc là luôn đề cao vai trò lãnh đạo của Đảng với Nhà nước, Chính phủ trong mọi hoàn cảnh lịch sử. Đặc biệt là bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp như hiện nay thì nguyên tắc này càng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết nhằm tạo môi trường hòa bình, ổn định, thực hiện thành công Chính phủ kiến tạo...

Bảy là, bài học “Hòa đồng nhưng không hòa tan” trong xây dựng Chính phủ

Đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn, sáng tạo giữa truyền thống dân tộc với tinh hoa văn hóa nhân loại. Nghiên cứu, đánh giá về Chính phủ và Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa của Chủ tịch Hồ Chí Minh, giới học giả, chuyên gia, các nhà khoa học đều cho rằng đó là một Nhà nước tương đối hiện đại và tiên bộ về thể chế và pháp luật trên thế giới vào thời điểm đó nhưng vẫn mang đậm dấu ấn, bản sắc và phong cách Việt Nam. Do đó, Chính phủ kiến tạo ở Việt Nam trong thời gian tới cũng phải thể hiện được tinh thần và sức sống ấy.

4. Kết luận

Có thể nói, hơn 70 năm đã trôi qua nhưng những tư tưởng và triết lý của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng một Nhà nước, “Chính phủ là công bộc”, là người đầy tớ trung thành thật sự của nhân dân vẫn còn nguyên giá trị và sức sống trường tồn theo thời gian

cùng với lịch sử dân tộc và thời đại. Dường như, bánh xe lịch sử đang chứng kiến sự trỗi dậy của chân lý “Lấy người dân làm trung tâm” của sự phát triển của rất nhiều Nhà nước và Chính phủ trên thế giới; tiêu biểu là Tổng thống Hợp chủng quốc Hoa Kỳ Donald Trump với tuyên ngôn “Nước Mỹ trên Mỹ”, “Việc làm cho người Mỹ”, hay Tổng thống Liên bang Nga Vladimir Putin với phương châm “Tất cả vì nước Nga và người dân Nga”.

Việc xây dựng một nhà nước tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả là đòi hỏi tất yếu của công cuộc đổi mới đất nước, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay khi sức sản xuất xã hội đã có nhiều sự thay đổi cả về lượng và chất. Tìm trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước, chúng ta đã thấy được những tư tưởng cơ bản cho việc xây dựng một mô hình nhà nước hiện đại mà nhiều nước trên thế giới đã áp dụng thành công, đó chính là tư tưởng về một nhà nước hành động vì nhân dân, hướng tới phục vụ nhân dân, lấy dân là mục đích hoạt động của mình; hay nói cách khác, đó là tư tưởng về nhà nước kiến tạo đã được nhắc đến bởi các học giả trên thế giới và được thử nghiệm thành công. Hy vọng Chính phủ kiến tạo mà chúng ta xây dựng trong thời gian tới sẽ là một Chính phủ hành động, hội nhập, hiện đại, tiến bộ, văn minh, mang bản sắc, bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam thời đại mới.

GIÁ TRỊ LÝ LUẬN TRONG DI CHỨC HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Thị Quyết*

Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ thiên tài của dân tộc Việt Nam, đã cống hiến cả cuộc đời mình cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc. Trước khi đi xa, Người đã để lại bản *Di chúc* thiêng liêng chứa đựng muôn vàn tình yêu thương đối với nhân dân Việt Nam. *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là di sản tinh thần vô giá của dân tộc và nhân loại. *Di chúc* không những phản ánh khí phách hào hùng của dân tộc trong suốt lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, thể hiện tư tưởng nhân văn, niềm tin sâu sắc và tình cảm cao đẹp của Người dành cho Đảng, cho dân tộc và cho nhân loại tiến bộ, mà còn là chiến lược phát triển lâu dài và bền vững của Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. *Di chúc* là một văn kiện lịch sử chứa đựng những giá trị lý luận sâu sắc về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; về bản chất, mục tiêu và phương thức để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

1. Lý luận về xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một trong những nội dung Người đặc biệt quan tâm là công tác xây dựng Đảng. Vì vậy, điều trước tiên mà Người đề cập trong *Di chúc* là: “Trước hết nói về Đảng”¹. Nội dung “nói về Đảng” của Người chỉ gói gọn, súc tích trong bốn khổ văn, nhưng đã chứa đựng đầy đủ giá trị lý luận cho quá trình xây dựng Đảng một cách sâu sắc.

Người viết: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”². Lời nhấn nhủ của Người chính là sự khẳng định vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng, với dân tộc. Theo Hồ Chí Minh, những thắng lợi mà chúng ta đã giành được trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ là do Đảng đã giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của mình. Vai trò lãnh đạo của Đảng được thể hiện ở cương lĩnh, đường lối chính trị của Đảng. Trước những khó khăn và bước ngoặt của cách mạng, Đảng luôn sáng suốt phát huy năng lực trí tuệ, bản lĩnh chính trị, đề ra các quyết sách đúng đắn, đồng thời, Đảng là một tổ chức chặt chẽ, đoàn kết thống nhất, một lòng, một dạ quyết tâm phấn đấu vì dân, vì nước.

Thực tiễn cách mạng cho thấy, chỉ có xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức thì Đảng mới có thể giữ vững và phát huy được vai trò lãnh đạo của mình. Chính vì vậy, trong *Di chúc*, Người đã căn dặn nhiều vấn đề, trong đó tập trung vào ba vấn đề cơ bản là: Xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng; tự phê bình và phê bình; xây dựng và rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Nhấn mạnh sự cần thiết phải xây dựng khối đoàn kết trong Đảng, Chủ tịch Hồ Chí

* *Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM*

1. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP.HCM, 2006, tr. 58.

2. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Sđd, tr. 58.

Minh căn dặn: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”¹. Sự đoàn kết theo Chủ tịch Hồ Chí Minh là đoàn kết trên cơ sở thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng vì mục tiêu, lý tưởng cộng sản, từ nguyên tắc tổ chức và kỷ luật của Đảng. Đoàn kết trong Đảng từ Trung ương đến các chi bộ, đoàn kết giữa Đảng với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Đoàn kết giữa Đảng với nhân dân và cả dân tộc. Mọi cán bộ, đảng viên phải luôn phấn đấu củng cố, phát triển sự đoàn kết thống nhất của Đảng. Đoàn kết là sức mạnh và đã trở thành bản chất, truyền thống của Đảng ta.

Để củng cố, phát triển đoàn kết thống nhất trong Đảng, theo Hồ Chí Minh, cách tốt nhất là nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình, trong *Di chúc*, Người viết: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết, thống nhất của Đảng”². Đảng ta là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy nguyên tắc tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng, coi trọng thực hiện tự phê bình và phê bình. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, phê bình và tự phê bình là công việc thường xuyên, nếu ngừng phê bình và tự phê bình tức là ngừng tiến bộ và thoái bộ. Phê bình và tự phê bình là thứ vũ khí sắc bén để sửa chữa khuyết điểm và phát triển ưu điểm. Do vậy, mỗi đảng viên, cán bộ, mỗi tổ chức trong Đảng và trong cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội đều phải tuân thủ triệt để nguyên tắc này.

Để xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”³. Mỗi người tùy theo chức năng, nhiệm vụ được giao phải tận tâm, tận lực thực hiện đúng và thực hiện tốt chức trách của mình; đi trước, làm gương cho quần chúng noi theo, tránh kiểu “đánh trống bỏ dùi”, phải dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám nhận lỗi, sửa lỗi và làm gì cũng phải nghĩ đến lợi ích của nhân dân, của đất nước, tránh vì lợi ích của bản thân mà vi phạm tư cách, đạo đức, lối sống của người cán bộ, đảng viên.

Có thể nói, xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, đảng viên là vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của Đảng, là nội dung cơ bản của công tác xây dựng Đảng. Trong mọi thời kỳ cách mạng, việc chăm lo xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, đảng viên phải luôn được đặt lên hàng đầu. Trong đó, vấn đề trước tiên là phải bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng cho họ vì chính họ là những người quyết định đến việc xây dựng đường lối, chính sách của Đảng và cũng chính họ là người đem đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng vào trong quần chúng và hướng dẫn, động viên, tổ chức quần chúng thực hiện. Do đó, trong suốt quá trình xây dựng và phát triển của Đảng từ khi mới ra đời cho đến nay, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đặc biệt đến công tác bồi dưỡng, nâng

1. Toàn văn *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Sđd, tr. 58.

2. Toàn văn *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Sđd, tr. 58.

3. Toàn văn *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Sđd, tr. 58.

cao đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đó là một trong những nhân tố quyết định mọi thắng lợi của sự nghiệp cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Như vậy, có thể khẳng định, trong bộn bề công việc, vấn đề Đảng cầm quyền luôn được Bác đặc biệt chú ý. Điều đó lý giải tại sao trước lúc đi xa, điều đầu tiên mà Bác căn dặn trong *Di chúc* chính là vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Lý luận về Đảng cầm quyền là một bộ phận rường cột của lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học. Những tư tưởng, luận điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền trong *Di chúc* thực sự là những cống hiến quan trọng của Người vào việc phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về Đảng Cộng sản, về xây dựng Đảng nói chung và đặc biệt là trong điều kiện Đảng cầm quyền ở Việt Nam hiện nay.

2. Lý luận về chủ nghĩa xã hội

2.1. Về mục tiêu, bản chất của chủ nghĩa xã hội

Nói về chủ nghĩa xã hội, *Di chúc* nói ít nhất xét về phương diện ngôn ngữ. Chỉ có hai lần Bác dùng từ xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa xã hội nhưng lại nói được nhiều nhất về chủ nghĩa xã hội xét về phương diện nội dung tư tưởng. Theo Giáo sư Hoàng Chí Bảo: “Toàn bộ tinh thần và lời văn trong *Di chúc* đã nói lên quan điểm của Người về chủ nghĩa xã hội, bản chất, đặc trưng, mục tiêu và phương thức đi tới chủ nghĩa xã hội từ phát triển kinh tế và văn hóa, từ quản lý xã hội, chính sách xã hội, từ con người đến tổ chức, từ dân tộc đến quốc tế, từ xã hội đến môi trường, từ xây dựng chủ nghĩa xã hội đến bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa”¹. Mục tiêu sâu xa và động lực căn bản của chủ nghĩa xã hội được đề cập trong *Di chúc* đó là chăm lo cuộc sống của nhân dân, lấy con người làm mục tiêu và động lực, mà quan trọng và trực tiếp nhất là lợi ích và dân chủ, nhất là thực hành dân chủ trong Đảng.

Trước khi ra đi về cõi vĩnh hằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”². Câu nói đó mặc dù rất ngắn gọn, nhưng đã khái quát rất rõ mục tiêu cao nhất của sự nghiệp cách mạng và của chủ nghĩa xã hội là mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân, đồng thời đó cũng là lời căn dặn tâm huyết của Người đối với toàn Đảng.

Không phải đến *Di chúc* Chủ tịch Hồ Chí Minh mới nêu ra vấn đề này mà trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Người luôn luôn hướng tới mục tiêu giải phóng con người khỏi mọi áp bức bất công, phấn đấu mang lại ấm no, hạnh phúc cho mỗi con người, trước hết là nhân dân lao động. Đó cũng chính là quan điểm nhất quán trong tư tưởng và hành động của Người.

“Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hoá, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”, câu nói này cũng đã thể hiện rất rõ ràng quan điểm của Bác về bản chất của chủ nghĩa xã hội. Phải khẳng định rằng, không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân là một mặt bản chất quan trọng nhất của chủ nghĩa xã hội, làm cho chủ nghĩa xã hội khác với các chế độ xã hội khác, là mục đích cuối cùng của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, của mọi hoạt động lãnh đạo, của mọi chính sách phát triển kinh tế - xã

1. Hoàng Chí Bảo: *Sự kết tinh tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh trong Di chúc của Người*, Tạp chí Khoa học Đại học Văn Lang, số 7/2018.

2. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Sđd, tr. 59.

hội. Càng đổi mới thành công thì càng chứng tỏ “không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân” là quy luật vận động cơ bản, vừa là mục tiêu vừa là động lực của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Trong tư tưởng của Bác, luôn luôn thể hiện rõ, mọi việc làm đều vì hạnh phúc của con người, giải phóng cho con người. Trước đây, Bác từng nói: “Giành được độc lập là quan trọng, nhưng nếu nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”¹. Mặt khác, độc lập phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội, độc lập phải đem lại cơm no áo ấm, đem lại hạnh phúc cho nhân dân.

Khái niệm *nhân dân* trong *Di chúc* không phải là một khái niệm chung chung, trừu tượng, Người đã chỉ rõ những đối tượng cụ thể mà Đảng cần chăm lo là: “Những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình (cán bộ, binh sĩ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong...)”². Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh căn dặn Đảng, Chính phủ phải chăm lo đến những quyền lợi thiết thực nhất của những người ấy, phải tạo điều kiện cho họ “có nơi ăn chốn ở yên ổn”³.

Đối với những liệt sĩ đã anh dũng hy sinh cho Tổ quốc, Bác căn dặn những người còn sống phải xây vườn hoa và bia tưởng niệm đề đời đời biết ơn và giáo dục lòng yêu nước cho các thế hệ sau. Đối với cha mẹ, vợ con (của thương binh và liệt sĩ) mà thiếu sức lao động và túng thiếu, thì “chính quyền địa phương (nếu ở nông thôn thì chính quyền xã cùng hợp tác xã nông nghiệp) phải giúp đỡ họ có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ bị đói rét”⁴.

Đánh giá rất cao sự đóng góp của phụ nữ trong cuộc kháng chiến chống thực dân đế quốc và luôn quan tâm đến quyền bình đẳng thực sự của phụ nữ, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày càng có thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo...”⁵.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người cảm thông và hiểu rất rõ sự chịu đựng gian khổ của nông dân qua hàng trăm năm bị phong kiến và thực dân đàn áp, bóc lột; sự hy sinh to lớn qua hàng chục năm chiến tranh nên Người không chỉ căn dặn phải chăm lo nâng cao đời sống chung chung mà còn muốn một điều rất cụ thể và thiết thực là “miễn thuế nông nghiệp một năm cho các hợp tác xã nông nghiệp”⁶. Người hiểu rất rõ rằng, đối với nông dân, một năm thuế nông nghiệp là quá nhỏ bé so với tất cả những gì mà họ đã đóng góp trong suốt mấy chục năm qua cho kháng chiến nhưng nếu được miễn chắc chắn sẽ là niềm vui lớn nhất của mỗi gia đình. Người muốn đem đến cho nông dân những hạt thóc củ khoai để họ có cuộc sống ấm no, hạnh phúc thực sự chứ không phải là những lời động viên, ca ngợi hoa mỹ. Người đề nghị miễn thuế nông nghiệp một năm cho nông dân để “đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất”⁷ sau nhiều năm liên tục đã ra sức

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 5, tr. 56.

2. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Sđd, tr. 51.

3. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Sđd, tr. 51.

4. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Sđd, tr. 52.

5. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Sđd, tr. 52.

6. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Sđd, tr. 53.

7. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Sđd, tr. 53.

đóng góp sức người, sức của, chịu đựng mọi khó khăn gian khổ vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc.

Không chỉ quan tâm đến việc chăm lo cho các tầng lớp có công trong sự nghiệp cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn căn dặn Đảng và Chính phủ phải quan tâm giúp đỡ cả những người là nạn nhân của chế độ cũ: “Đối với những nạn nhân của chế độ xã hội cũ như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu, v.v., thì Nhà nước phải dùng vừa giáo dục, vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện”¹.

Sự quan tâm, chăm lo đời sống của nhân dân, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở sự giúp đỡ về vật chất mà quan trọng hơn là Đảng và Nhà nước phải tổ chức, tạo điều kiện cho nhân dân tự xây dựng đời sống hạnh phúc cho mình. Trong *Di chúc*, Người căn dặn: “Khôi phục và mở rộng các ngành kinh tế. Phát triển công tác vệ sinh, y tế. Sửa đổi chế độ giáo dục cho hợp với hoàn cảnh mới của nhân dân, như phát triển các trường nửa ngày học tập nửa ngày lao động, củng cố quốc phòng, chuẩn bị mọi việc để thống nhất Tổ quốc...”².

Như vậy, với các tầng lớp người cụ thể khác nhau trong xã hội, Bác đã có những định hướng, chỉ dẫn rất chu đáo để chăm lo đời sống cho họ. Thực hiện lời dạy của Người, chúng ta đã và đang quyết tâm làm tốt để phát huy vai trò nhân tố con người trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

2.2. Về phương thức xây dựng chủ nghĩa xã hội

Nói về phương thức xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh cho rằng: Muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội thì trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa. Vì lợi ích mười năm phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm phải trồng người. Văn hóa soi đường quốc dân đi, văn hóa không ở bên ngoài mà ở bên trong kinh tế và chính trị. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là xây dựng một xã hội văn hóa cao, làm cho dân tộc Việt Nam trở thành một dân tộc thông thái. Vì vậy, để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh khẳng định: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là việc làm vô cùng quan trọng và cần thiết”³ mà Đảng phải đặc biệt quan tâm. Đây là nội dung quan trọng trong *Di chúc* của Bác thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Người đến thế hệ trẻ. Bác luôn đánh giá cao vai trò của thanh niên, nhi đồng đối với sự nghiệp cách mạng. Từ khi bắt đầu hoạt động cách mạng cho đến lúc đi xa, Người luôn xác định, Đảng và Nhà nước phải thường xuyên chăm lo đến sự phát triển của thế hệ trẻ. Chăm sóc và giáo dục tốt thế hệ trẻ là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân. Công tác đó phải được làm thường xuyên, lâu dài, kiên trì, bền bỉ. Đây là một việc làm có ý nghĩa, quyết định tương lai, vận mệnh của chế độ và của cả dân tộc bởi theo Người: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc

1. Toàn văn *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd, tr. 52.

2. Toàn văn *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd, tr. 53.

3. Toàn văn *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd, tr. 58.

năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu”¹ và “thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà... Nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên”². Vì vậy, “Đảng phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng họ trở thành những người kế thừa xây dựng chủ nghĩa xã hội nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên”³. Mỗi liên hệ giữa “hồng” và “chuyên” trong lời dặn của Bác trước lúc đi xa có ý nghĩa sâu sắc, là hai mặt trong một vấn đề có mối liên hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau, hỗ trợ nhau tạo nên một nhân cách mới - nhân cách cách mạng. Đó là điều kiện cần và đủ để tuổi trẻ hoàn thành vai trò, sứ mệnh của mình với tư cách là những người chủ tương lai của đất nước. Nói về mối quan hệ giữa đức và tài, Người ví có tài mà không có đức như một anh làm kế toán giỏi nhưng lại đi đến thụt két thì chẳng những không làm được gì ích lợi cho xã hội mà còn gây hại cho xã hội nữa. Ngược lại, có đức mà không có tài thì cũng như ông bụt không làm hại gì nhưng cũng không đem lại lợi ích gì. Đạo đức như gốc của cây, như nguồn của sông “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo”⁴. Người cách mạng phải có đạo đức để hoàn thành mọi nhiệm vụ một cách tốt đẹp. Đạo đức cách mạng là một quá trình rèn luyện bền bỉ, kiên trì như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng rất quan tâm đến các chiến sĩ trẻ tuổi, những người đã đóng góp công sức trong việc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở nước ta, đây là lực lượng đi đầu trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, những con người đã được tôi luyện trong chiến đấu, sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp chung của đất nước. Người căn dặn: “Đảng và Chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, các nghề, để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta”⁵. Với tầm nhìn chiến lược, với kinh nghiệm của một nhà quản lý, lãnh đạo đất nước trong nhiều năm, Người đã tiên đoán một cách chính xác về sự cần thiết phải xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý vừa hồng vừa chuyên trong tương lai. Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Đối với những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc (cán bộ, binh sĩ, dân, quân, du kích, thanh niên xung phong,...) và cả những người đã hy sinh tuổi xuân cho cách mạng, họ là những người giàu ý chí nghị lực nhưng thiệt thòi không được học hành, Đảng và Chính phủ phải quan tâm đào tạo họ thành người kế tục sự nghiệp xây dựng nước nhà. Người căn dặn rất cụ thể: “Phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người”⁶. Chúng ta đã thành công khi mở các trường dạy nghề, ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng cho những người đã bước ra từ trong khói lửa chiến tranh và chính những người đó hiện nay đã trở thành đội ngũ công nhân, viên chức lãnh nghề, góp phần quyết định sự thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, t. 5, tr. 33.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 5, tr. 85.

3. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Sđd, tr. 58.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 5, tr. 252- 253.

5. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Sđd, tr. 52.

6. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Sđd, tr. 51.

Như vậy, có thể nói, *Di chúc* Hồ Chí Minh là Cương lĩnh chính trị và Cương lĩnh hành động trước mắt và lâu dài của Đảng và nhân dân ta. *Di chúc* chỉ có 1.000 từ nhưng chứa đựng nhiều tư tưởng lớn. “Đó thực sự là một cuộc đại tổng kết lý luận về sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và của dân tộc “đánh thắng hai đế quốc to”, là một thiết kế lý luận về đổi mới và phát triển, trù tính cho tương lai đất nước, sau khi cách mạng hoàn toàn thắng lợi, đi vào kiến thiết, xây dựng, phát triển kinh tế và văn hóa mà mục tiêu cao nhất là hướng tới quyền làm chủ và hạnh phúc của nhân dân”¹. Những tư tưởng lớn trong *Di chúc* đã và đang soi đường cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước ngày nay. Những tư tưởng đó ở tầm chiến lược, là những chỉ dẫn cho Đảng xác định đường lối, phương hướng, nhiệm vụ, từ đó, hoạch định chính sách nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước trong thời kỳ mới.

1. Hoàng Chí Bảo: “Sự kết tinh tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh trong Di chúc của Người”, *Tạp chí Khoa học Đại học Văn Lang*, số 7/2018.

SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*ThS. Nguyễn Thị Xuân Quỳnh**

“Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”¹. Những lời tâm huyết cuối cùng trước khi đi vào cõi vĩnh hằng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trở thành điều thiêng liêng, bất tử đối với mỗi một con người Việt Nam nói riêng và bạn bè quốc tế nói chung. Bản *Di chúc* lịch sử ra đời cách đây 50 năm vẫn luôn mang ý nghĩa thời đại, trở thành kim chỉ nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và là cương lĩnh đổi mới trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

Là Người sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh coi sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Bởi vậy, vai trò và trách nhiệm của một Đảng cầm quyền luôn là điều Người trăn trở trước tiên, bởi Đảng vững mạnh sẽ nâng lên sức mạnh vĩ đại của dân tộc ta, góp phần vào sự nghiệp cách mạng chung của nhân loại nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

1. Nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng

“*Trước hết nói về Đảng*”, Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của toàn thể dân tộc, là lực lượng lãnh đạo sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và đi lên chủ nghĩa xã hội. Là người sáng lập Đảng, cùng Đảng lãnh đạo nhân dân vượt qua rất nhiều khó khăn thử thách, giành được thắng lợi to lớn, Hồ Chí Minh thường xuyên trăn trở, suy nghĩ về xây dựng Đảng ta thật trong sạch, vững mạnh.

Vấn đề cốt yếu trong xây dựng Đảng là đoàn kết trong Đảng, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”². Người nhấn mạnh: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của nhân dân ta”. Trải qua mấy ngàn năm lịch sử, nhờ đoàn kết nhân dân ta mới có đủ sức mạnh chiến thắng mọi kẻ thù hung bạo, mạnh hơn gấp nhiều lần. Nhờ đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, Đảng ta mới có đủ uy tín tập hợp được các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia kháng chiến và kiến quốc. Sự nghiệp cách mạng còn nhiều khó khăn phức tạp, vì vậy Người căn dặn: “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”³. Đoàn kết là tài sản tinh thần quý báu nhất, là vũ khí cần được bảo vệ

**Trường Đại học Đà Lạt*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.623.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.15, tr.611.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.15, tr.611.

ngghiêm ngặt nhất. Nếu để mất đoàn kết, cách mạng sẽ không thể thành công, bao nhiêu hy sinh của đồng chí, đồng bào trở nên vô nghĩa, chúng ta sẽ mắc tội với lịch sử. Để giữ gìn đoàn kết, Hồ Chí Minh nhắc nhở: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”¹. Dân chủ là chìa khóa của thành công, phải thực hành dân chủ thì mới phát huy được trí tuệ, sức mạnh tập thể. Hồ Chí Minh từng nói: “Hiểu chủ nghĩa Mác – Lênin là phải sống với nhau có tình, có nghĩa”. Tình thương yêu lẫn nhau giữa những người đồng chí trong Đảng là nền tảng vững chắc để đoàn kết toàn Đảng.

Hồ Chí Minh khẳng định: Đảng ta một đảng cầm quyền, mọi quyết định của Đảng là điều liên quan trực tiếp đến vận mệnh dân tộc, đất nước. Đảng có sứ mệnh lịch sử là lãnh đạo nhân dân hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Để Đảng xứng đáng là Đảng cầm quyền, Người yêu cầu: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự *cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”². Đạo đức cách mạng là vấn đề mà Hồ Chí Minh luôn quan tâm và nói đến nhiều trong các bài nói, bài viết của mình, nhưng trong *Di chúc*, Người vẫn nhắc lại, khẳng định tầm quan trọng của đạo đức đối với một đảng cách mạng cầm quyền. Quan niệm “Đảng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân” là khái quát hóa mục tiêu, lý tưởng của Đảng cộng sản, trái ngược với các đảng tư sản trước hết chỉ bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản. Hồ Chí Minh là lãnh tụ đầu tiên trên thế giới đề ra khái niệm mới về đảng cộng sản cầm quyền. Khái niệm này vừa làm sáng tỏ sứ mệnh lịch sử mới của Đảng là: có chính quyền rồi thì nhân dân (chứ không phải Đảng) thực sự trở thành người chủ xã hội.

Những vấn đề về công tác xây dựng Đảng được đề cập trong *Di chúc* là vấn đề trọng yếu nhất đối với một đảng cộng sản cầm quyền, là sự tổng kết sâu sắc công tác xây dựng Đảng và khẳng định vai trò của lãnh đạo của Đảng Cộng sản trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

2. Đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ là công việc thường xuyên của Đảng

Về thế hệ trẻ, Hồ Chí Minh nhận xét: “Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ”³. Có thể thấy rằng, trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Người đã sớm thấy vai trò lịch sử và khả năng to lớn của thế hệ thanh niên đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng bảo vệ Tổ quốc. Từ những năm 1920, trên diễn đàn của Đảng Xã hội Pháp, Người đã lên tiếng phản đối chế độ thực dân gây ra những tội ác tày trời đối với nhân dân và thanh niên thông qua *Bức thư gửi thanh niên Việt Nam (1925)*, *Bản án chế độ thực dân Pháp (1925)*, và *Đường cách mệnh (1927)*. Người lên án chế độ thực dân đầu độc, nô dịch, bóc lột nhân dân bản xứ, trước hết là thanh niên. Sau Cách mạng tháng Tám, Người chỉ rõ: Nước nhà mạnh hay suy, một phần do thanh niên. Thanh niên là chủ đất nước. Nhận thức vai trò chủ nhân tương lai đất

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.611.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.611-612.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.612.

nước của thanh niên, Người căn dặn: “Đảng cần phải *chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng* cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa ‘hồng’ vừa ‘chuyên’”¹. Người cũng nhấn mạnh: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”. Đoàn viên thanh niên là đội quân hậu bị của Đảng, là tương lai của đất nước, vì vậy Đảng phải có kế hoạch đào tạo, giáo dục đạo đức cách mạng, nâng cao trình độ học vấn và khả năng chuyên môn, nghiệp vụ cho thanh niên. Điều này cũng thể hiện tình yêu thương, sự quan tâm và niềm tin của Hồ Chí Minh dành cho thế hệ trẻ.

3. Nâng cao đời sống nhân dân là trách nhiệm của Đảng

Nhân dân lao động là đông đảo quần chúng nhân dân, lao động sản xuất và sáng tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội. Mục tiêu đầu tiên của Đảng là đấu tranh giải phóng nhân dân lao động khỏi ách áp bức, bóc lột, phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hồ Chí Minh đưa ra nhận xét chung: “Nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh”². Đồng thời, Người rất trân trọng công lao rất to lớn cùng với những phẩm chất cách mạng tốt đẹp, đáng quý của nhân dân ta: “Nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng”. Người xác định rõ “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”, do đó Người luôn đề cao vai trò của nhân dân lao động, cho rằng họ chính là động lực, là nòng cốt của cách mạng. Không có nhân dân lao động sẽ không có Đảng và không có những thắng lợi vẻ vang của dân tộc. Đảng chỉ khẳng định được vai trò lãnh đạo của mình khi lãnh đạo, tập hợp và tổ chức được quần chúng đấu tranh. Vì vậy, trong *Di chúc*, một lần nữa Hồ Chí Minh yêu cầu: “Đảng cần phải có *kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân*”³. Rõ ràng, Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến sự phát triển toàn diện của con người và cả đời Người chỉ mưu cầu hạnh phúc cho con người, trước hết là cho nhân dân lao động.

4. Đảng ta phải ra sức hoạt động, góp phần khôi phục đoàn kết, nhất trí trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế

Là người hoạt động nhiều năm trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh thấm nhuần chủ nghĩa quốc tế vô sản. Ngay từ những năm 1920, Người đã khẳng định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của nhân dân ta đều nhận được sự đồng tình và ủng hộ hiệu quả của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và bạn bè khắp nơi trên thế giới. Vì vậy, trong bối cảnh nội bộ các nước xã hội chủ nghĩa xảy ra lục đục, bất đồng, Người vô cùng lo lắng: “Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hòa hiện nay giữa các đảng anh em!”⁴. Với thái độ khách quan và phương pháp tư tưởng tinh tế, Hồ Chí Minh không can ngăn, khuyên nhủ hay nhận xét đúng sai với người này, người khác,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.612.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.612.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.612.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.612.

mà Người xác định trách nhiệm của Đảng ta, đồng thời của các Đảng cộng sản anh em đối với sự bất hòa ấy. Người bày tỏ quan điểm: “Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình.”¹. Điều đó thể hiện tinh thần cao cả của người chiến sĩ cộng sản, muốn góp sức hàn gắn, củng cố tình đoàn kết quốc tế, để cùng nhau chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc, thực hiện mục tiêu giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng con người. Người tin rằng “các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại”. Niềm tin ấy xuất phát từ tinh thần quốc tế vô sản trong sáng và triệt để của một người chiến sĩ cộng sản ở Hồ Chí Minh.

5. Sau khi hòa bình lập lại, Đảng phải lãnh đạo nhân dân ra sức làm việc xây dựng đất nước, hàn gắn vết thương chiến tranh

Là người có tầm nhìn xa trông rộng, có niềm tin chắc chắn vào thắng lợi của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, vì vậy mặc dù viết *Di chúc* trong hoàn cảnh cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn biến, gay go phức tạp, Hồ Chí Minh vẫn phác thảo những công việc cần làm sau khi thống nhất đất nước. Người biết khó có thể chứng kiến được sự kiện lịch sử đó, đồng thời còn lường trước được cả những khó khăn mà chúng ta phải đối mặt trong những ngày đầu hòa bình, Người dặn dò cẩn thận, tỉ mỉ từng công việc cụ thể:

Xây dựng đất nước, hàn gắn vết thương chiến tranh là “một công việc cực kỳ to lớn, phức tạp, khó khăn”, vì vậy, chúng ta phải “có kế hoạch sẵn sàng, rõ ràng, chu đáo, để tránh khỏi bị động, thiếu sót và sai lầm”. Theo Hồ Chí Minh, việc cần làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân. Khi Đảng trong sạch, vững mạnh, sẽ lãnh đạo nhân dân xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh.

Coi con người là nhân tố quyết định trong sự nghiệp cách mạng, Người chỉ rõ: Đầu tiên là công việc đối với con người – những con người cụ thể thuộc mọi tầng lớp xã hội. Đảng và Nhà nước phải quan tâm đến tất cả các thành phần, đối tượng xã hội, không được quên một ai.

Đối với cán bộ, binh sĩ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong,... những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình, Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách giúp đỡ họ, để họ ổn định cuộc sống, có nghề nghiệp để dần dần “tự lực cánh sinh”. Đối với các liệt sĩ, “mỗi địa phương (thành phố, làng xã) cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm ghi sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta”². Đối với cha mẹ, vợ con của thương binh liệt sĩ mà thiếu sức lao động và túng thiếu thì chính quyền địa phương phải giúp đỡ họ có công ăn việc làm thích hợp, quyết không để họ bị đói rét.

Đối với những người trẻ tuổi tham gia bộ đội, thanh niên xung phong – những người đã được rèn luyện trong chiến đấu, có lòng dũng cảm và tương lai của họ còn dài, Đảng và Chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất cho đi học thêm để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững vàng. Hồ Chí Minh khẳng định, đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.613.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.616.

Hồ Chí Minh đề cao vai trò của phụ nữ trong cuộc kháng chiến và trong sản xuất. Khi hòa bình lập lại, Đảng và Chính phủ phải thực hiện hai nhiệm vụ để triệt để giải phóng phụ nữ: 1) Có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ phụ nữ để ngày càng thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc, kể cả công việc lãnh đạo; 2) Bản thân phụ nữ cũng phải tự cố gắng vươn lên. Nếu thực hiện được cả hai điều này, sẽ là một cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thực sự cho phụ nữ. Đối với nạn nhân của chế độ cũ, như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu,... thì Nhà nước phải vừa giáo dục, vừa dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện.

Đối với nông dân, lực lượng đông đảo nhất trong xã hội ta, Hồ Chí Minh đánh giá cao vai trò của họ, những người đã ra sức góp của góp người, sẵn sàng chịu đựng mọi khó khăn, gian khổ, luôn trung thành với Đảng và Chính phủ. Người đề nghị “miễn thuế nông nghiệp 1 năm cho các hợp tác xã nông nghiệp để đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đề cập đến những công việc cụ thể trên các lĩnh vực: “Khôi phục và mở rộng các ngành kinh tế. Phát triển công tác vệ sinh, y tế. Sửa đổi chế độ giáo dục cho hợp với hoàn cảnh mới của nhân dân... Củng cố quốc phòng. Chuẩn bị mọi việc để thống nhất Tổ quốc...”¹. Người lưu ý rằng, đây là những công việc rất khó khăn, nhưng nhất định chúng ta sẽ làm được. Công cuộc xây dựng cái mới, cải tạo cái cũ phức tạp không kém so với thời kỳ chiến tranh, vì vậy Người coi đây là cuộc chiến mới, đòi hỏi mỗi người phải xác định tinh thần chủ động tấn công, không được phép chủ quan, coi nhẹ. Người xác định rõ: “Đây là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi. Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu không lồ này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân”². Trước sau như một, Hồ Chí Minh đều coi trọng sức mạnh của nhân dân. Công việc dù khó khăn, gian khổ đến đâu, nếu được nhân dân đồng tình ủng hộ nhất định sẽ thắng lợi.

Sinh thời Hồ Chí Minh luôn tự hào về Đảng: “Đảng ta là đạo đức, là văn minh. Là thống nhất, độc lập, là hòa bình ấm no”³; Đảng đại diện cho “trí tuệ, danh dự và lương tâm của dân tộc”⁴.

Người khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam, và sức mạnh của Đảng chính là sức mạnh và lòng tin của quần chúng nhân dân. Tăng cường sức mạnh của Đảng chính là tăng cường mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng và dân. Hồ Chí Minh đặt lòng tin trọn vẹn vào sự nghiệp cách mạng do Đảng ta lãnh đạo nhằm “xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”⁵ như điều thiêng liêng nhất Người dặn lại cho toàn Đảng, cho toàn thể dân tộc ta trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam đến thắng lợi hoàn toàn./.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.617.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.617.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.404.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.412.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.624.

QUAN ĐIỂM VỀ XÂY DỰNG VÀ CHỈNH ĐỐN ĐẢNG TRONG DI CHỨC HỒ CHÍ MINH

ThS. Tạ Văn Sang*

1. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng và chỉnh đốn Đảng được thể hiện trong Di chúc

Là người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, Hồ Chí Minh hiểu rất rõ vấn đề cần thiết phải xây dựng, chỉnh đốn Đảng và Người xem đây là quy luật tồn tại của Đảng để Đảng hoàn thành được sứ mệnh mà Nhân dân giao phó, xứng đáng là người lãnh đạo và người đầy tớ trung thành của nhân dân. *Di chúc* vồn vẹn trên dưới 1.000 từ mà Người đã dành hơn 200 chữ cho vấn đề về Đảng, điều đó cho thấy đây là vấn đề thường trực trong suy nghĩ của Hồ Chí Minh.

Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh căn dặn vấn đề trước hết là về *Đảng* và điều này cũng được điều chỉnh theo thời gian và nhận thức về vị trí, vai trò quan trọng của vấn đề. Nếu trong bản *Di chúc* 1965, Hồ Chí Minh viết *trước hết nói về Đảng* thì đến bản *Di chúc* bổ sung 5/1968, Hồ Chí Minh sửa lại thành *trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng*. Tuy cùng đề cập đến Đảng nhưng cấp độ, tính chất đã có sự phát triển rất lớn. Trong *Di chúc*, Người viết: “Việc cần phải làm trước tiên là *chỉnh đốn lại Đảng*, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân”¹. Đồng thời, để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh Hồ Chí Minh yêu cầu phải thực hành đoàn kết; phải thực hiện tốt vấn đề dân chủ; vấn đề tự phê bình và phê bình; phải xây dựng đảng về đạo đức cách mạng; phải bồi dưỡng cách mạng cho đời sau. Điều này được cụ thể như sau:

Trước hết, về vấn đề đoàn kết, Hồ Chí Minh căn dặn: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”². Và theo Người, nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Như vậy, vấn đề đoàn kết trong Đảng được Hồ Chí Minh đề cập ở *Di chúc* được xem như cội nguồn của sức mạnh, là vấn đề có ý nghĩa chiến lược quyết định thành công của cách mạng và phải được xây dựng, củng cố trên cơ sở vì mục đích chung cao cả. Khi khối đoàn kết thống nhất trong Đảng vững mạnh nó sẽ phát huy được tư cách, trí tuệ, bản lĩnh của một đảng cầm quyền và khi đó sẽ trở thành hạt nhân đoàn kết trong toàn xã hội và rộng ra là đoàn kết quốc tế. Do đó, Hồ Chí Minh mong muốn Đảng ta tích cực hoạt động góp phần khôi phục tình đoàn kết giữa các

*Trường Đại học An Giang, ĐHQG-HCM

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.616.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.15, tr.622.

đảng và các nước anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Với việc nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của đoàn kết nên trong Đảng nên Hồ Chí Minh yêu cầu tất cả cán bộ, đảng viên cho dù bất cứ ở cương vị nào cũng đều phải có trách nhiệm giữ vững và phát huy truyền thống quý báu đó. Cùng với đó, Người cũng lưu ý khi thực hành đoàn kết phải trên cơ sở chân thành, chặt chẽ, phải đi đến thống nhất cả về tư tưởng và hành động không được hình thức, tạm bợ nhất thời vì mọi sự hình thức, tạm bợ nhất thời sẽ phá vỡ đoàn kết, gây tổn hại cho cách mạng.

Thứ hai, để xây dựng và chính đôn Đảng, thực hành đoàn kết trong Đảng, trong Dân thì biện pháp hữu hiệu là phải nghiêm túc thực hành dân chủ và tự phê bình và phê bình. Người viết: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”¹. Đây thực chất là nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng.

Về vấn đề thực hành dân chủ. Theo Hồ Chí Minh dân chủ là *dân là chủ và dân làm chủ*, thực hành dân chủ là cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn và chỉ có thực hành dân chủ mới phát huy được trí tuệ của tập thể và cá nhân trong Đảng. Điều đó sẽ giúp cho Đảng ta có đủ sức mạnh và dũng khí để làm nhiều việc to tát mà trước tiên là làm cách mạng giải phóng dân tộc. Thực hiện dân chủ trong nội bộ Đảng là điều kiện để thực hành dân chủ rộng rãi trong toàn xã hội. Vì vậy, thực hành dân chủ là nguyên tắc hàng đầu của Đảng nhưng dân chủ phải đi đôi tập trung, mở rộng dân chủ phải đi đôi với đề cao kỷ luật trong Đảng. Do vậy, để thực hiện nguyên tắc này hiệu quả phải phòng chống thói độ đoán, chuyên quyền, hách dịch, đồng thời phải đề phòng và chống mọi biểu hiện dân chủ quá trớn trong hoạt động của Đảng.

Về vấn đề tự phê bình và phê bình. Hồ Chí Minh coi tự phê bình và phê bình được xem là quy luật sinh hoạt của Đảng. Trước hết, mỗi cán bộ đảng viên phải luôn với tinh thần “tiên trách kỷ, hậu trách nhân”, phải phê bình mình trước sau đó mới phê bình người. Chỉ thông qua tự phê bình và phê bình trong Đảng thì cán bộ, đảng viên mới phát huy được ưu điểm, khắc phục được khuyết điểm và quyết không để những khuyết điểm, u nhọt mãi tồn tại, di căn vào xương tủy trở thành sâu mọt, có tội với Đảng, với Nhân dân. Điều đặc biệt, khi đề cập đến nguyên tắc tự phê bình và phê bình Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh và căn dặn là “phải có tình đồng chí yêu thương lẫn nhau”. Đây là nét đặc sắc chỉ riêng có ở Hồ Chí Minh đó là chính trị được hòa quyện, chuyển hóa vào đạo đức để thực hiện mục tiêu cách mạng. Tình yêu thương con người luôn là cội rễ để nuôi dưỡng nhân cách của người cách mạng. Bởi chỉ có tình yêu thương chân thành từ trái tim mới có thể lay động, tạo sự rung cảm đến trái tim người khác. Với tư cách là những người đồng chí của nhau chúng ta không giúp nhau thì cũng đừng có hại nhau và điều đau khổ nhất là sống bên đồng chí mà người ta không coi mình là đồng chí. Chính vì vậy, để công tác tự phê bình và phê bình trong Đảng đạt hiệu quả thì ngoài việc cần phải có mục đích, phương pháp, nghệ thuật cũng cần phải *có sự chân thành* để giúp nhau cùng tiến bộ.

Thứ ba, về xây dựng Đảng về đạo đức cách mạng. Từ rất sớm, trong tác phẩm *Đường*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.622.

cách mệnh (1927), Hồ Chí Minh đã đề cập tới tư cách người cách mệnh và đặt nó lên vị trí hàng đầu với tổng số 23 điều, được thể hiện qua 3 mối quan hệ chủ yếu là: đối với tự mình, đối với người và đối với việc làm. Đặc biệt, đến tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* (1947), Hồ Chí Minh đã đề cập một cách hệ thống về tư cách của một Đảng chân chính cách mạng, thể hiện ở 12 điều. 12 điều ấy thực chất là những vấn đề cơ bản về Đảng và xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền mà bất kỳ cá nhân và tổ chức Đảng không được phép quên điều nào.

Là người sáng lập và rèn luyện Đảng, Hồ Chí Minh luôn chú trọng đến việc xây dựng Đảng toàn diện để Đảng xứng đáng với lương tâm, trí tuệ, danh dự của cả một dân tộc. Tuy nhiên, vấn đề Người quan tâm nhiều nhất với một đảng cầm quyền là đạo đức. Người nhắc nhở: “Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì?”¹. Đến *Di chúc* thì vấn đề này được cô đọng lại trở thành triết lý hành động của Đảng ta. Người khẳng định: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân”². Trong một đoạn rất ngắn Hồ Chí Minh dùng đến 4 chữ “thật”/ “thật sự”, điều này muốn nhắc đến sự trung thực của cán bộ đảng viên, không dối trá, không được đạo đức giả. Điều này hoàn toàn ứng nghiệm trong giai đoạn hiện nay bởi một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên giữ chức vụ trong Nhà nước không hoặc chưa thực sự “thật” với Đảng với dân tộc.

Thứ tư, Đảng phải bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau.

Ngay phần Phụ lục của tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925), Hồ Chí Minh đã kết thúc bằng lời kêu gọi: “Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám thanh niên già cỗi của Người không sớm hồi sinh”³. Điều đó cho thấy Người đã thấy được vai trò to lớn của thanh niên trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Nhất quán với quan điểm trên, Hồ Chí Minh đã tiếp tục khẳng định về vai trò của đoàn viên, thanh niên trong lời di huấn cuối cùng. Đồng thời, Người yêu cầu: Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Đây được xem là một trong những công việc hệ trọng của Đảng để xây dựng đội ngũ cán bộ “hồng thắm”, “chuyên sâu” tiếp tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Lực lượng cách mạng của quần chúng nhân dân là vô cùng tận. Trong đó, lực lượng thanh niên với tinh thần “hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ” giữ vai trò cực kỳ quan trọng. Vì vậy, Đảng cần tập hợp, giáo dục, giác ngộ để họ thực sự trở thành người làm chủ và kế tục sự nghiệp cách mạng. Một thực tế cho thấy, lực lượng cách mạng không phải tự dung mà có, chúng ta cần phải xây dựng, củng cố và phát triển. Nếu

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.292.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.622.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.144.

không thực tiễn nó sẽ bị lịch sử đào thải khi không đáp ứng được yêu cầu của lịch sử. Do đó, việc xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng có thể được xem là một trong những công tác gốc của Đảng. Đảng phải thông qua công tác tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện, bồi dưỡng liên tục, không ngừng để tạo ra đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu về sứ mệnh lịch sử và nhiệm vụ mà dân tộc giao phó. Chính vì lẽ đó, Hồ Chí Minh căn dặn: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất trọng và rất cần thiết” để đảm bảo cho tiền đồ của dân tộc.

2. Năm mươi năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng và chỉnh đốn Đảng của Đảng ta

Tại Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 9/9/1969, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta đã đọc Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam với nội dung thể hiện sự tiếc thương vô hạn, sự tôn vinh cuộc đời, sự nghiệp và công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam. Cùng với đó là 6 lời thề quyết tâm đưa ngọn cờ của Hồ Chí Minh đi tới thắng lợi cuối cùng. Về vấn đề xây dựng và chỉnh đốn Đảng chúng ta cũng đã thề trước anh linh của Người: “Hết lòng hết sức giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình, tăng cường sức chiến đấu của Đảng, làm hạt nhân cho khối đoàn kết toàn dân, bảo đảm cho sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam hoàn toàn thắng lợi”.

Để thực hiện lời thề ấy, 50 năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam không ngừng chăm lo xây dựng, chỉnh đốn trên tất cả các mặt: về tư tưởng - lý luận; về chính trị; về hệ thống tổ chức và công tác cán bộ; về đạo đức. Với nhiều nghị quyết như:

Nghị quyết Trung ương 23, khóa III (tháng 12/1974) tăng cường sự lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của Đảng.

Nghị quyết Trung ương 5, khóa VI (6/1988) Một số vấn đề cấp bách về xây dựng đảng bảo đảm thực hiện Nghị quyết đại hội VI của Đảng.

Nghị quyết Trung ương 3, khóa VII (6/1992) Về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng.

Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII, (2/1999) Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay.

Nghị quyết Trung ương 6, khóa X (02/2008) Về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Nghị quyết Trung ương 4, khóa XI (01/2012) Về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay.

Nghị quyết Trung ương 4, khóa XII (10/2016) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Có thể khẳng định rằng, vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng luôn được Đảng ta quan tâm và xem là nhiệm vụ then chốt để không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của đảng. Với sự quyết tâm trong công tác xây dựng và chỉnh đốn đảng nên Đảng ta đã lãnh đạo dân tộc Việt Nam giành được nhiều thắng lợi to lớn đúng như Nghị quyết Trung ương 4, khóa XII đánh giá: “Đảng ta xứng đáng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ và vị thế như ngày nay. Đó là kết quả sự nỗ lực phấn

đầu không ngừng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, trong đó có sự hy sinh quên mình và đóng góp quan trọng của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Chúng ta có quyền tự hào về bản chất tốt đẹp, truyền thống anh hùng và lịch sử vẻ vang của Đảng ta - Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, đại biểu của dân tộc Việt Nam anh hùng”¹. Có được điều đó là do Đảng ta luôn chăm lo cho công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng để Đảng trở nên trong sạch, vững mạnh. Tuy nhiên, một thực tế mà Nghị quyết Trung ương 4, khóa XI vạch ra: “Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc...”² và Đại hội XII, Đảng tiếp tục cảnh báo: “Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi; có mặt, có bộ phận còn diễn biến phức tạp hơn; một số rất ít cán bộ, đảng viên bị phần tử xấu lợi dụng lôi kéo, kích động, xúi giục, mua chuộc đã có tư tưởng, việc làm chống đối Đảng, Nhà nước”³. Về vấn đề này Nghị quyết Trung ương 4, khóa XII cũng thẳng thắn chỉ rõ: một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và cụ thể hóa bằng 27 biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Với quyết tâm chính trị rất cao, toàn Đảng đã và đang đẩy mạnh đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, lấy lại niềm tin của Nhân dân với Đảng. Theo thông tin từ bài viết: “Kỷ luật, xử lý hình sự trên 70 cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý” đăng trên báo *Tiền Phong*: “Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã kỷ luật đối với 1 tổ chức đảng, 13 đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, cả đương chức và đã nghỉ hưu. Tính từ đầu nhiệm kỳ đến nay, đã thi hành kỷ luật Đảng và xử lý hình sự trên 70 cán bộ, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý”⁴. Đây là một thực tế đáng buồn nhưng cũng phải thấy đây là một cuộc chiến “không lờ”, không ngừng nghỉ của toàn Đảng, toàn quân và toàn Dân trong công tác “đốt lờ” để tiêu trừ những cái tiêu cực, hư hỏng, suy thoái trong Đảng và đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng nhằm làm cho cơ thể Đảng trở nên khỏe mạnh đủ sức lãnh đạo dân tộc, xây dựng đất nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ, tự do, phú cường như mong ước của Hồ Chí Minh.

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong tình hình hiện nay chúng ta cần làm tốt những di huấn của Người về vấn đề này. Đồng thời chú ý đến việc giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và phải không ngừng tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng; nghiêm chỉnh thực hành đoàn kết trong nội bộ Đảng, tuân thủ các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt Đảng; chú

1. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Tài liệu chuyên đề nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, khóa XI (Dùng phục vụ Hội nghị Toàn quốc triển khai Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về xây dựng Đảng)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Tài liệu nghiên cứu các văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (Dùng cho cán bộ chủ chốt và báo cáo viên)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016.

3. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.185.

4. <https://www.tienphong.vn/xa-hoi/ky-luat-xu-ly-hinh-su-tren-70-can-bo-dien-bo-chinh-tri-ban-bi-thu-quan-ly-1445161.tpo>

trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng lực lượng cán bộ kế cận đủ phẩm chất, năng lực và đặc biệt toàn Đảng phải ra sức học tập, nâng cao đạo đức cách mạng và quét sạch chủ nghĩa cá nhân để luôn là ngọn cờ đầu trong dẫn dắt dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Tóm lại: Xây dựng, chỉnh đốn Đảng luôn là quy luật tồn tại của Đảng, giúp Đảng ta trong sạch, vững mạnh, đủ tư cách, trí tuệ, bản lĩnh lãnh đạo dân tộc vượt qua thách thức khó khăn để đi đến bến bờ thắng lợi. Vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng được thể hiện trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh thực chất là triết lý phát triển Việt Nam bởi xây dựng Đảng cốt là để phát triển đất nước giàu mạnh, làm cho dân được ấm no, tự do, hạnh phúc. Đây không chỉ là khát vọng của dân tộc Việt Nam mà còn của nhiều dân tộc khác trên thế giới. Quan điểm của Người về vấn đề này trở thành tài sản tinh thần vô giá, là kim chỉ nam cho việc xây dựng và chỉnh đốn Đảng ta trong giai đoạn hiện nay./.

NHỮNG GIÁ TRỊ VỀ TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG TRONG DI CHÚC CỦA HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG TA VỀ CÔNG TÁC GIÁO DỤC, RÈN LUYỆN ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

*ThS. Lưu Thị Mai Thanh**

Chủ tịch Hồ Chí Minh trước khi đi xa đã để lại cho chúng ta một bản *Di chúc*, là một văn kiện lịch sử vô giá, hàm chứa trong đó là trí tuệ, đạo đức, tâm hồn, khí phách của một nhân cách cao đẹp, là tình cảm sâu nặng và vô cùng lớn lao mà Người gửi lại cho toàn Đảng, toàn dân và thế hệ mai sau. *Di chúc* của Người có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn về nhiều mặt. Trong 50 năm qua, *Di chúc* của Người đã trở thành Cương lĩnh hành động của toàn Đảng, toàn dân ta trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước vì mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Được viết vào ngày 10 tháng 5 năm 1969, *Di chúc* của Người là một tác phẩm ngắn khoảng 1.000 từ, nhưng đây là tác phẩm chứa đựng nhiều nội dung liên quan đến cách mạng Việt Nam, cả trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. *Di chúc* được thể hiện trên những nội dung chính, bao gồm: Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; xây dựng đất nước sau chiến tranh; đoàn kết quốc tế;... Trong đó, tư tưởng về đạo đức cách mạng của người đảng viên được bàn trong tác phẩm được coi là tư tưởng cốt lõi và là biểu tượng về đạo đức mới.

1. Giá trị về tư tưởng đạo đức cách mạng trong *Di chúc* Hồ Chí Minh

Suốt cuộc đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến công tác giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng cho những người yêu nước, cán bộ, đảng viên, thanh niên và cho quần chúng nhân dân. Hầu như bài nói, bài viết nào của Người cũng đều đề cập đến vấn đề đạo đức cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh là một mẫu mực của đạo đức cách mạng, ở Người luôn thống nhất giữa lời nói và việc làm, gương mẫu đi đầu trong việc tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức suốt đời.

Người luôn khẳng định đạo đức cách mạng là gốc, là nền tảng của người cách mạng. Rèn luyện đạo đức cách mạng là nhu cầu tự thân; là yêu cầu tất yếu, khách quan của người cán bộ, đảng viên nói chung, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu nói riêng. Chính vì lẽ đó, trong *Di chúc* công bố năm 1969, Người đã căn dặn: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”¹. Hồ Chí Minh viết: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không

**Trường Đại học Kinh tế – Đại học Đà Nẵng.*

1. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr.26.

có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”¹. Trong *Thư gửi các nhân viên cơ quan Chính phủ (1947)*, Người chỉ rõ: “Mọi việc thành hay là bại, chủ chốt là do cán bộ có phẩm chất đạo đức cách mạng hay không”².

Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang. Người nhân mạnh, đạo đức cách mạng cần phải được rèn luyện, tu dưỡng không chỉ trong học tập ở trường lớp mà cả trong mọi hoạt động cách mạng. Điều này một lần nữa cho thấy sự thống nhất trong tư tưởng của Người về con đường, phương thức rèn luyện đạo đức cách mạng là gắn học và hành, lý luận gắn liền với thực tiễn.

Tư tưởng đạo đức cách mạng của Hồ Chí Minh thể hiện ở những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, đạo đức cách mạng là phải trung với nước, hiếu với dân. Đây là nội dung cơ bản, đầu tiên của đạo đức cách mạng. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng, đạo đức mới là đạo đức phục vụ cách mạng, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân. Người đã từng căn dặn: “Đạo đức cách mạng là vô luận trong hoàn cảnh nào, người đảng viên cũng phải đặt lợi ích của Đảng lên trên hết. Nếu khi lợi ích của Đảng và lợi ích của cá nhân mâu thuẫn với nhau, thì lợi ích cá nhân phải tuyệt đối phục tùng lợi ích của Đảng”³.

Mặt khác, trung với nước, hiếu với dân không phải là một khẩu hiệu mà đó là một công việc mà người cán bộ phải làm theo tinh thần là khi gặp khó khăn, gian khổ hay thất bại cũng không lo sợ hay chùn bước. Phải hết lòng phục vụ nhân dân; cái gì lợi cho dân thì phải hết sức làm, cái gì có hại cho dân thì phải hết sức tránh. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Đạo đức cách mạng là ở bất kỳ cương vị nào, bất kỳ làm công việc gì, đều không sợ khó, không sợ khổ, đều một lòng một dạ phục vụ lợi ích chung của giai cấp, của nhân dân, đều nhằm mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội”⁴. Người tiếp tục nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải làm thế nào để xứng đáng vừa là “người lãnh đạo”, vừa là “người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”. Cuối cùng, Người mong muốn: “...phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”. Đó là biểu hiện thực tế sinh động nhất của tư tưởng “trung với nước, hiếu với dân” của Người.

Thứ hai, đạo đức cách mạng là phải yêu thương con người. Đây là một trong những phẩm chất đạo đức cách mạng cao đẹp nhất. Từ khi ra đi tìm đường cứu nước, cho đến trước lúc đi xa, Người luôn quan tâm đến con người, trước hết là những người cùng khổ. Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng là phải nhằm đem lại tự do, hạnh phúc, đem lại cho con người phát triển nhân cách toàn diện. Bởi vậy, trong bản *Tuyên ngôn độc lập*, Người đã nói: Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Người không chỉ quan tâm đến vận mệnh chung của toàn dân tộc, mà Người còn chăm lo đến từng cá nhân con người cụ thể. Bất kỳ ai khi tiếp xúc với Người đều nhận được ở Người tình cảm nhân ái, yêu thương chân thành,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.292-293.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.9, tr.354.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t.9, tr.289.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t.10, tr.306.

gần gũi, bình dị. Với Người, “mỗi thanh niên Việt Nam hy sinh, như tôi mất đi từng khúc ruột”, “Máu thanh niên Pháp cũng quý như máu thanh niên Việt Nam”, trận đánh tiêu diệt được nhiều địch không thể coi là đẹp, mà cơ bản là phải đánh để cho đối phương phải “cút”, phải “nhào” để giành lại độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc.

Trong bút tích *Di chúc*, Người coi: “Đầu tiên là công việc đối với con người” và Người căn dặn Đảng, Nhà nước cần quan tâm đến các đối tượng cụ thể: những người đã hy sinh một phần xương máu, liệt sĩ, gia đình liệt sĩ, thanh niên, thiếu niên, phụ nữ, những người là nạn nhân của chế độ cũ... Người đề nghị miễn thuế cho nông dân... quan tâm mọi mặt để nâng cao đời sống nhân dân...

Cuối cùng, trong *Di chúc*, Người không quên, “để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng... gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn, và các thanh niên nhi đồng quốc tế”. Đúng như nhà thơ Tố Hữu viết:

“Bác ơi tim Bác mênh mông thế
Ôm cả non sông mọi kiếp người” (*Bác Oi!*)

Thứ ba, đạo đức cách mạng là phải “cần”, “kiệm”, “liêm”, “chính”, “chí công vô tư”; đây là những phẩm chất đạo đức của người cách mạng được Người đề cập ngay từ tác phẩm *Đường Kách mệnh* viết năm 1927 đến *Di chúc* trước lúc đi xa. Không phải ngẫu nhiên mà chỉ trong một đoạn văn ngắn, Hồ Chí Minh nhấn mạnh hai lần chữ “thật” và “thật sự”. Chữ “Thật” là biểu hiện của chữ “Chính” trong tứ đức: cần, kiệm, liêm, chính. Chữ “Thật” cũng là chữ “Liêm”. Có thật thà thì mới có Liêm, tức là trong sạch, không tham lam. Vì thế, ngay từ những ngày hoạt động chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh đã nêu rõ yêu cầu về phẩm chất đạo đức và năng lực của người cán bộ cách mạng bao gồm 23 điều răn: “Tự mình phải: Cần kiệm. Hòa mà không tư. Cả quyết sửa lỗi mình. Cần thận mà không nhút nhát. Hay hỏi. Nhẫn nại (chịu khó). Hay nghiên cứu, xem xét. Vị công vong tư. Không hiếu danh, không kiêu ngạo. Nói thì phải làm. Giữ chủ nghĩa cho vững. Hy sinh. Ít lòng ham muốn về vật chất. Bí mật. Đối người phải: Với từng người thì khoan thứ. Với đoàn thể thì nghiêm. Có lòng bày vẽ cho người. Trục mà không táo bạo. Hay xem xét người. Làm việc phải: Xem xét hoàn cảnh kỹ càng. Quyết đoán. Dũng cảm. Phục tùng đoàn thể”¹. Theo Người, đây là các đức tính cần có của người cách mạng. Tất yếu như tự nhiên: Trời có bốn mùa xuân hạ thu đông, Người có bốn đức: cần kiệm liêm chính. Cần, kiệm, liêm, chính là những phẩm chất đạo đức cần có của mỗi cán bộ. Bởi vì họ là những người có quyền lực, nếu thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, tham ô, nhận hối lộ. Bác viết: “Trước nhất là cán bộ các cơ quan, các đoàn thể, cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ. Dù to hay nhỏ, có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của đút, có dịp ‘dĩ công vi tư’”². Theo Bác, mặt trái của quyền lực dễ làm cán bộ, đảng viên tha hóa: “Những người trong các công sở đều có nhiều hoặc ít quyền hành. Nếu không giữ đúng cần, kiệm, liêm, chính thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân”³.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.280-281.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.127-128.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.122.

Cuộc đời của Người là một hình mẫu lý tưởng về sự cần, kiệm, liêm, chính. Ngay cả đối với tang lễ, di hài của bản thân mình, để tiết kiệm, Người yêu cầu: “Sau khi tôi qua đời, chớ nên tổ chức diếu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân”; thi hài thì nên “đốt đi” để “đối với người sống tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất”. “Trên mộ nên xây một cái nhài giản đơn, rộng rãi, chắc chắn, mát mẻ để những người đến thăm có chỗ nghỉ ngơi”. Người hy sinh, không màng danh lợi, kể cả sau khi vĩnh biệt thế giới này, đó cũng là sự giản dị thanh cao trong sáng đến vĩ đại.

Thứ tư, đạo đức cách mạng là phải đặt lợi ích tập thể lên trên lợi ích cá nhân, phải chống chủ nghĩa cá nhân, nghĩa là phải “Chí công vô tư”. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: “có đạo đức cách mạng thì khi gặp khó khăn, gian khổ, thất bại, cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước. Vì lợi ích chung của Đảng, của cách mạng, của giai cấp, của dân tộc và của loài người mà không ngần ngại hy sinh tất cả lợi ích riêng của cá nhân mình. Khi cần thì sẵn sàng hy sinh cả tính mạng của mình cũng không tiếc. Đó là biểu hiện rất rõ rệt, rất cao quý của đạo đức cách mạng”; “khi gặp thuận lợi, thành công vẫn giữ vững tinh thần gian khổ, chất phác, khiêm tốn, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”, lo hoàn thành nhiệm vụ cho tốt chứ không kèn cựa về mặt hưởng thụ, không công thần, không quan liêu, không kiêu ngạo, không hủ hóa”¹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “Đạo đức cách mạng là ở bất kỳ cương vị nào, bất kỳ làm công việc gì, đều không sợ khó, không sợ khổ, đều một lòng, một dạ phục vụ lợi ích chung của giai cấp, của nhân dân, đều nhằm mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đạo đức cách mạng là đạo đức tập thể, nó phải đánh thắng và tiêu diệt đạo đức cá nhân”². Khi bàn về tư cách của đảng viên và cán bộ, Người nói: “Người đảng viên, người cán bộ tốt muốn trở nên người cách mạng chân chính, không có gì là khó cả. Điều đó hoàn toàn do lòng mình mà ra, lòng mình chỉ biết vì Đảng, vì Tổ quốc, vì đồng bào thì mình sẽ tiến bộ đến chỗ chí công vô tư. Mình đã chí công vô tư thì khuyết điểm sẽ càng ít, mà những tính tốt như càng thêm. Nói tóm tắt, tính tốt ấy gồm có 5 điều: Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng, Liêm”³. *Nhân* là thật thà thương yêu, hết lòng giúp đỡ đồng chí và đồng bào. Vì thế mà kiên quyết chống lại những người, những việc có hại đến Đảng, đến nhân dân. Vì thế mà không ham giàu sang, không e ngại khổ cực. *Nghĩa* là ngay thẳng, không có tư tâm, không làm việc bậy, không có việc gì phải giấu Đảng. Ngoài lợi ích của Đảng, không có lợi ích riêng phải lo toan. Không sợ người ta phê bình mình, mà phê bình người khác cũng luôn luôn đúng đắn. *Trí* nghĩa là đầu óc trong sạch, sáng suốt, dễ hiểu lý luận, dễ tìm phương hướng. Biết xem người. Biết xét việc. Vì vậy mà biết làm việc có lợi, tránh việc có hại cho Đảng, biết vì Đảng mà cất nhắc người có đức có tài, đề phòng người gian. *Dũng* là dũng cảm, gan góc. Có khuyết điểm phải có gan sửa chữa. Cực khổ, gian nan phải có gan chịu đựng. Có gan thì không bao giờ rụt rè, nhút nhát. *Liêm* là không tham địa vị, không tham tiền tài, không tham sung sướng... nên luôn trong sạch, không bị hủ hóa.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr. 602-603.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.90.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.291.

2. Sự vận dụng của Đảng ta về công tác giáo dục rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên giai đoạn hiện nay

Thực hiện lời căn dặn của Bác trong *Di chúc*, trong 50 năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tư tưởng của Người. Đảng ta đã có những bước trưởng thành về xây dựng, phát triển đường lối cách mạng, giữ vững vai trò của một đảng cầm quyền. Trong công tác cán bộ, Đảng luôn chú ý bồi dưỡng lý luận chính trị, coi đây là nền tảng việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một nội dung quan trọng.

Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong quá trình xây dựng và phát triển, bên cạnh việc coi trọng đào tạo chuyên môn, trang bị lý luận chính trị và tri thức, Đảng ta đặc biệt quan tâm đến công tác rèn luyện phẩm chất đạo đức đối với cán bộ, đảng viên; coi giáo dục đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên là yếu tố hết sức quan trọng, trực tiếp ảnh hưởng đến năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và uy tín của Đảng, là nhiệm vụ hết sức cần thiết và thường xuyên của công tác đào tạo đội ngũ cán bộ. Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn xác định, đạo đức của người cán bộ là cái gốc và người cán bộ có tài mà không có đức cũng là người vô dụng, tức là không thể lãnh đạo được nhân dân, không thể lôi kéo, tập hợp và tổ chức quần chúng đấu tranh. Tất nhiên, đối với người cán bộ, đảng viên, đức và tài có mối liên hệ biện chứng và do đó, Đảng luôn xử lý đúng đắn mối quan hệ này và không tuyệt đối hóa mặt nào trong công tác đào tạo cán bộ. Nhờ được trang bị lý luận Mác - Lênin, trang bị tri thức, người cán bộ, đảng viên mới củng cố được đạo đức cách mạng, giữ vững lập trường và ngược lại, nhờ có đạo đức cách mạng, họ mới luôn nỗ lực phấn đấu học tập để nâng cao trình độ, tránh thói kiêu căng, tự phụ, thực hiện lối sống lành mạnh, cố gắng hoàn thành và có khả năng hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và cách mạng giao phó.

Thấm nhuần lời dạy đó, phần lớn cán bộ, đảng viên của Đảng đã luôn gương mẫu, tu dưỡng và rèn luyện đạo đức cách mạng, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao phó. Đó là những con người luôn lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ, luôn đi đầu trên mọi trận tuyến, trong thời chiến cũng như trong thời bình, xứng đáng với vai trò vừa là người lãnh đạo vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Họ là những người đã luôn nỗ lực học tập, trau dồi tri thức, kỹ năng, nghiệp vụ và luôn vì Đảng, vì nhân dân mà hết lòng, hết sức hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ. Họ luôn tu dưỡng đạo đức, sống cần, kiệm, liêm, chính, làm việc chí công vô tư; không công thân, không lo kèn cựa chế độ đãi ngộ; không quan liêu, kiêu ngạo, tham ô, tham nhũng, lãng phí, chạy tuổi, chạy bằng cấp; luôn gắn bó mật thiết với nhân dân; luôn nghiêm khắc, thường xuyên tự phê bình và phê bình;... để ngày càng tiến bộ. Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn còn một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, thoái hóa, biến chất, lập trường tư tưởng không vững vàng, hoang mang, dao động trước những tác động từ bên ngoài. Họ sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, hẹp hòi, bị cám dỗ bởi các lợi ích vật chất, của lợi ích nhóm,... nên đã không làm tròn trách nhiệm, bổn phận của mình trước Đảng, trước nhân dân.

Có thể khẳng định, tư tưởng về đạo đức cách mạng trong *Di chúc* của Hồ Chí Minh luôn có ý nghĩa lý luận và thực tiễn rất sâu sắc đối với việc giáo dục đạo đức cho cán bộ, đảng viên ở nước ta hiện nay. Khi mà - như Đảng ta nhận định - trong Đảng đang bộc lộ một số yếu kém: sự suy thoái về tư tưởng chính trị; tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí

của một bộ phận cán bộ, đảng viên có chiều hướng phát triển nghiêm trọng hơn... thì việc quán triệt, học tập và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức lại càng trở nên cấp bách và thiết thực hơn bao giờ hết.

Trong giai đoạn cách mạng mới, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định sự cần thiết phải thường xuyên xây dựng và chỉnh đốn Đảng, thực hiện nghiêm túc *Di chúc* của Bác, nhằm nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng. Với những giá trị về tư tưởng đạo đức cách mạng trong tác phẩm *Di chúc* của Hồ Chí Minh; trong thời gian qua, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương khóa XII đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết quan trọng, như: Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 4 về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến” và “tự chuyển hóa” trong nội bộ; Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 7 về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; Quy định 08 của Ban Chấp hành Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Và sắp tới đây, Bộ Chính trị sẽ ban hành Quy định về kiểm soát quyền lực và chống chạy chức, chạy quyền; Ban Bí thư sẽ ban hành Chỉ thị về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những người không còn đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng,... Với những chỉ thị và những nghị quyết trên đã được cán bộ, đảng viên nghiên cứu và học tập một cách nghiêm túc, đồng thời có sự hưởng ứng mạnh mẽ và có sức lan tỏa đến mọi tầng lớp nhân dân; đã tạo nên những xung lực mới trong công tác giáo dục đạo đức cho cán bộ, đảng viên hiện nay; đồng thời cũng đã phát huy được tác dụng trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng trong giai đoạn hiện nay./.

MỐI QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG VỚI XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM TRONG “DI CHÚC” CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*ThS. Nguyễn Thị Thành**

Tác phẩm *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự tổng kết và định hướng cho công tác xây dựng, chỉnh đốn và phát triển Đảng. Trước sự thay đổi không ngừng của các quan hệ sản xuất xã hội như hiện nay thì công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng lại càng trở thành một yêu cầu bức thiết để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - chính trị - văn hóa - con người.

1. Mối quan hệ biện chứng giữa xây dựng với chỉnh đốn Đảng Cộng sản Việt Nam

Chủ tịch Hồ Chí Minh là lãnh tụ cách mạng đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ khi thành lập Đảng vào năm 1930 đến năm 1969 thì mối quan tâm trước tiên của Người chính là công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đặc biệt khi Đảng cầm quyền vào năm 1945 trong điều kiện đất nước có chiến tranh và sau này là lãnh đạo đất nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội với xuất phát điểm thấp và nhiều điều kiện không thuận lợi. Theo đó, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng là hai mặt của một quá trình phát triển: xây dựng Đảng phải luôn gắn liền với chỉnh đốn Đảng, bởi suy đến cùng, cách mạng không phát triển thuận chiều, nó có những khúc quanh, những biến thiên mang tính thời cuộc. Mặt khác, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng cũng chịu những tác động của các yếu tố vật chất bên ngoài nên không tránh khỏi một bộ phận không nhỏ còn mang nặng chủ nghĩa cá nhân. Đảng là một thực thể sống, là chủ thể lãnh đạo xã hội, muốn cho cơ thể đó khỏe mạnh thì công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải được tiến hành thường xuyên; phải có mối liên hệ tương hỗ cho nhau trong quá trình phát triển.

Hồ Chí Minh khẳng định: Đảng chỉ có thể vững mạnh, chỉ trở thành đội tiên phong và giành được vai trò lãnh đạo cách mạng khi Đảng thường xuyên tiến hành công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng và phải coi đây là nhiệm vụ then chốt. Do đó, xây dựng và chỉnh đốn Đảng trong tư tưởng Hồ Chí Minh có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau. Vì vậy, trong *Di chúc*, Người đặc biệt nhấn mạnh những nội dung sau:

Thứ nhất, để xứng đáng là Đảng lãnh đạo, Đảng phải tự xây dựng thành “một đảng to lớn, mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để” và trong điều kiện Đảng cầm quyền, người đảng viên phải “suốt đời làm người đầy tớ tận tụy của nhân dân”. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Đảng phải xứng đáng vừa là người lãnh đạo sáng suốt, vừa là người đầy

* Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

tớ thật trung thành của nhân dân. Để làm tròn sứ mệnh đó. Một mặt, Đảng phải ra sức nâng cao trí tuệ cho ngang tầm nhiệm vụ lịch sử; mặt khác, phải trau dồi đạo đức cách mạng, không ngừng tăng cường mối quan hệ máu thịt với dân.

Chính vì vậy, trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, trong quá trình lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn giữ vững quan điểm gắn việc xây dựng đường lối, chiến lược, sách lược cho cách mạng Việt Nam với việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng Cộng sản Việt Nam. Quá trình đó bao gồm hai mặt thống nhất: xây dựng Đảng, không ngừng nâng cao bản lĩnh và trí tuệ Đảng phải gắn liền với chỉnh đốn Đảng, thường xuyên nâng cao sức chiến đấu của Đảng, làm cho Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh trên cơ sở tự phê bình và phê bình.

Thứ hai, sự gắn kết giữa xây dựng Đảng với chỉnh đốn Đảng là một quy luật tất yếu, là sự vận động và phát triển của Đảng trong tiến trình phát triển của cách mạng do Đảng lãnh đạo. Xây dựng và chỉnh đốn Đảng không chỉ là nhiệm vụ then chốt, mang tầm chiến lược, mà còn là công việc thường xuyên của Đảng trong vai trò lãnh đạo cách mạng. Điều này được thể hiện trong việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, mà trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh đã hết sức nhấn mạnh các vấn đề cụ thể sau:

Một là, trong *Di chúc*, Người căn dặn: “*Trước hết nói về Đảng*”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói về việc giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng. Người đặc biệt thấu hiểu được truyền thống đoàn kết của Đảng ta ngay từ những ngày đầu thành lập, nhận thức sâu sắc hơn ai hết vai trò cực kỳ quan trọng của sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng, Người khẳng định: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta” và chính là “nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”. Với khẳng định này, Người mong muốn việc giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng cần phải trở thành truyền thống của Đảng ta, để tạo thành sức mạnh nội sinh trong Đảng. Người không quên căn dặn: “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”¹.

Theo Hồ Chí Minh, một mặt là giữ gìn, củng cố và phát triển sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng là giữ gìn, củng cố và phát triển sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng, từ Trung ương đến các chi bộ, về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Mặt khác, đoàn kết phải trên cơ sở giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, nhất là phải thực hiện dân chủ rộng rãi và thường xuyên, nghiêm chỉnh tự phê và phê bình. Hơn nữa, “trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng”².

Hai là, trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh vai trò của tự phê bình và phê bình, coi tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển của Đảng, là phương thức tối ưu, hiệu quả nhất để giữ gìn, củng cố và phát triển sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Về yêu cầu đối với công tác này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định:

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 622.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.15, tr. 622.

Trước hết, tự phê bình và phê bình phải trở thành công việc hàng ngày của mỗi cán bộ, đảng viên, từ người lãnh đạo đến đảng viên thường, từ cấp trên đến cấp dưới đều phải thường xuyên, nghiêm túc thực hiện “tự kiểm điểm, tự phê bình, tự sửa chữa như mỗi ngày phải rửa mặt” làm được như thế thì “trong Đảng sẽ không có bệnh mà Đảng sẽ mạnh khoẻ vô cùng”¹. Người lưu ý tự phê bình và phê bình không chỉ giới hạn trong phạm vi nội bộ Đảng, mà cần phải được mở rộng đến mọi tầng lớp nhân dân lao động. Để tiến bộ, mọi cán bộ, đảng viên đều phải biết “lắng nghe ý kiến của quần chúng”, “phải sẵn sàng nghe quần chúng phê bình và thật thà tự phê bình”².

Đặc biệt, Người nhấn mạnh mỗi cán bộ, đảng viên đều phải thường xuyên nâng cao tính tự giác và luôn giữ thái độ trung thực, đúng mực trong tự phê bình và phê bình, phải “biết thật thà tự phê bình và thành khẩn phê bình đồng chí khác để cùng nhau tiến bộ”³. Trong tự phê bình và phê bình không được cá nhân chủ nghĩa, không được phép mưu cầu lợi ích cá nhân, không được kiêu ngạo, công thần, tự cao tự đại, phê bình người khác nhưng lại không muốn người khác phê bình mình, không tự phê bình hoặc tự phê bình một cách không nghiêm túc, không thật thà, “sợ tự phê bình thì sẽ mất thể diện, mất uy tín”. Phải làm sao cho tự phê bình và phê bình không phải chủ yếu là để xử lý, mà cái chính là để mỗi cán bộ, đảng viên nhận thức rõ mặt tốt mà phát huy, mặt còn yếu kém mà khắc phục sửa chữa, nhất là để cùng nhau tiến bộ. Do vậy, trong *Di chúc*, Người không quên căn dặn chúng ta rằng, trong tự phê bình và phê bình phải lấy “tình đồng chí thương yêu lẫn nhau” làm phương châm.

Ba là, trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn khẳng định vai trò nền tảng, ý nghĩa quyết định của đạo đức cách mạng trong việc gìn giữ, củng cố và phát triển sự đoàn kết, thống nhất, trong xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Coi đạo đức là cái gốc của người cách mạng, đạo đức cách mạng là cơ sở nền tảng của một đảng cầm quyền, Người đặc biệt quan tâm đến việc giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, đến việc xây dựng Đảng ta thành một Đảng đạo đức, văn minh.

Hồ Chí Minh quan niệm: đạo đức cách mạng là “quyết tâm suốt đời” đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng, “ra sức làm việc” cho Đảng, giữ vững kỷ luật của Đảng, thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng, đặt lợi ích của Đảng và của nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích cá nhân mình; “hết lòng hết sức phục vụ nhân dân”, vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi công việc, “ra sức học tập” chủ nghĩa Mác - Lênin, luôn luôn dùng tự phê bình và phê bình để nâng cao tư tưởng và cải tiến công tác của mình để cùng tiến bộ, Người đã khẳng định: “Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang”⁴. Với Người, làm cách mạng là để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới, đó là một sự nghiệp rất vẻ vang song cũng vô cùng khó khăn, gian khổ mà Đảng là người lãnh đạo, do vậy, “cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr. 279.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr. 608.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr. 608.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr. 601.

cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”¹.

Với quan niệm như vậy về vai trò nền tảng, ý nghĩa quyết định của đạo đức cách mạng, với việc thường xuyên nhắc nhở đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng phải không ngừng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, với việc tự mình phấn đấu trở thành tấm gương sáng về đạo đức cách mạng, về thực hành đạo đức cách mạng. Trong *Di chúc*, khi nói về vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh không quên căn dặn chúng ta: “Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực hiện sự thắm nhuần đạo đức cách mạng. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”².

Vận dụng quan điểm trên của Hồ Chí Minh, nội dung xây dựng Đảng về đạo đức được Đại hội XII xác định: Thứ nhất, tăng cường rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân. Đưa việc thường xuyên giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức thành một nội dung quan trọng trong mục tiêu xây dựng Đảng. Thứ hai, tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tăng cường quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân. Thứ ba, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Có thực hiện được các yêu cầu này, Đảng ta mới có thể hoàn thành những mục tiêu cách mạng gian khó để phục vụ tốt hơn nữa cho nhân dân.

Thứ ba, đặc biệt, với Chủ tịch Hồ Chí Minh, xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh phải gắn bó chặt chẽ với “chỉnh đốn lại Đảng”. Nếu xây dựng là điều kiện tiên quyết thì chỉnh đốn Đảng là phương pháp cốt yếu để xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh và đối với một đảng cầm quyền, lãnh đạo cách mạng, khi cách mạng chuyển sang một giai đoạn mới, chỉnh đốn Đảng cũng là “việc cần phải làm trước tiên”.

Chỉnh đốn Đảng, trong quan niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh là “làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân”³. Chỉnh đốn Đảng cũng là để xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, để Đảng luôn giữ được vai trò lãnh đạo cách mạng, để Đảng phát huy được sức mạnh, bản lĩnh và trí tuệ của mình, để Đảng không trở thành quan liêu, xa dân, thoái hóa, biến chất, để củng cố lòng tin của dân với Đảng, để thực hiện cho được các mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Với Người, chỉnh đốn Đảng không có nghĩa là Đảng phạm phải những sai lầm, thiếu sót nào đó cần phải sửa chữa, khắc phục, chỉnh đốn lại. Chỉnh đốn lại Đảng cái chính là để nâng chất lượng, năng lực lãnh đạo của Đảng lên một tầm cao mới, đủ sức hoàn thành những nhiệm vụ chiến lược của cách mạng, nhất là mỗi khi cách mạng chuyển sang một giai đoạn phát triển mới, phải giải quyết nhiều vấn đề mới nảy sinh, kể cả những vấn đề nảy sinh trong tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trong nội dung, phương thức, phương pháp hoạt động cách mạng và lãnh đạo cách mạng. Chính vì vậy, khi thấy trước cách mạng nước ta sắp chuyển sang một giai đoạn phát triển mới, Người căn dặn chúng ta phải tiến hành “chỉnh

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr. 292.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr. 622.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr. 616.

đồn lại Đảng” và coi đó là “việc cần phải làm trước tiên” để “tránh khỏi bị động, thiếu sót và sai lầm” khi thực thi “một công việc cực kỳ to lớn, phức tạp và khó khăn” - xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

2. Mối quan hệ biện chứng giữa xây dựng, chỉnh đốn Đảng với việc bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

Trong quan niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh phải đặc biệt quan tâm đến việc đào tạo đội ngũ những người kế thừa sự nghiệp cách mạng của Đảng. Coi việc “bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”, trong *Di chúc* khi nói về đội ngũ những người kế thừa sự nghiệp cách mạng của Đảng - đoàn viên và thanh niên, Người đã không quên căn dặn Đảng ta “cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên”¹.

Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa và có tư tưởng xã hội chủ nghĩa”. Điều này thể hiện quan điểm của Hồ Chí Minh trong việc xác lập mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại của lực lượng sản xuất đối với sự phát triển xã hội. Thực tiễn cho thấy, Người luôn luôn quan tâm đến vấn đề con người; từ quan niệm về Dân đến Dân tộc – Dân chủ – Dân vận, Hồ Chí Minh đều khẳng định vị trí, vai trò của con người trong quá trình phát triển của xã hội nói chung và với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng nói riêng.

Trước hết, có thể nhận thấy rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đánh giá cao vai trò, vị trí của thanh niên trong tiến trình cách mạng của Đảng và dân tộc. Do đó, Người luôn luôn coi trọng việc chăm sóc, bồi dưỡng thế hệ trẻ. Trong nội dung bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau, Hồ Chí Minh đặt lên hàng đầu vấn đề bồi dưỡng lý tưởng và đạo đức cách mạng. Đặc biệt, trong quá trình phát triển đất nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, phẩm chất hàng đầu mà họ cần có là sự trung thành với lý tưởng, ý chí kiên định đấu tranh cho thắng lợi của lý tưởng và phải có đạo đức cách mạng để làm gương, lôi cuốn quần chúng. Người nhắc nhở: Đảng ta phải ra sức tăng cường giáo dục toàn Đảng về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, về đường lối chính sách của Đảng, về nhiệm vụ và đạo đức của người đảng viên.

Lý tưởng mà Hồ Chí Minh quan tâm giáo dục cho thanh niên là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tức là kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa Mác - Lênin. Lý tưởng và chí khí cách mạng đó chỉ có thể duy trì và phát triển trên nền tảng của đạo đức cách mạng, bởi nếu không có đạo đức cách mạng, người thanh niên dễ dàng sa vào chủ nghĩa cá nhân. Vì thế mà đánh mất bản chất cách mạng, vai trò và sức mạnh của chính họ; gây ảnh hưởng rất lớn đến công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, bởi vì: chính thanh niên là lực lượng kế cận, chủ chốt cho đội ngũ cán bộ của Đảng; sự thiếu sót về đạo đức cách mạng của họ là lực cản rất lớn cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Thứ hai, trong tư tưởng Hồ Chí Minh về việc bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau có mối quan hệ chặt chẽ đối với quan điểm của Người đối với đội ngũ cán bộ, công chức của Đảng. Người nhấn mạnh: “Cán bộ là sợi dây chuyền của bộ máy”, “Muôn việc thành công hay thất bại đều là do cán bộ tốt hay kém”. Trong *Di chúc*, Người nhắc nhở, cần chăm

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.15, tr. 622.

lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ. Đạo đức cách mạng theo quan điểm Hồ Chí Minh là đạo đức chân chính: “Đạo đức đó không phải là đạo đức thủ cựu, nó là đạo đức mới, đạo đức vĩ đại, nó không phải vì danh vọng cá nhân, mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc, của loài người”¹. Người yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên phải đặt lợi ích của cách mạng, của Đảng, của nhân dân lên trên hết, trước hết. Phải kiên quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng, bồi dưỡng tư tưởng tập thể, tinh thần đoàn kết, tính tổ chức và tính kỷ luật. Phải đi sâu, đi sát thực tế, gần gũi quần chúng, thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Phải cố gắng học tập, rèn luyện nâng cao trình độ hiểu biết để làm tốt mọi nhiệm vụ được giao. Có như vậy, mới có thể xây dựng Đảng ta ngày một trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả.

3. Mối quan hệ biện chứng giữa xây dựng, chỉnh đốn Đảng với thực hiện các mục tiêu của chủ nghĩa xã hội

Công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng vì mục tiêu lâu dài là phải làm cho Đảng và mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng thấy rõ việc phục vụ nhân dân, chăm lo cho hạnh phúc của nhân dân là trách nhiệm, là nghĩa vụ, là niềm vinh dự, là nguồn hạnh phúc của chính mình. Bởi lẽ, trong quan niệm của Người, Đảng ta - “Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam”², ngoài lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, Đảng không có lợi ích nào khác, Đảng đại biểu cho lợi ích chung của giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân lao động chứ không phải là mưu cầu lợi ích riêng cho một nhóm người, cho một cá nhân nào. Và, cũng do Đảng ta là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nên Đảng phải xây dựng “quan hệ máu thịt” với nhân dân, có trách nhiệm phục vụ nhân dân, vì nhân dân mà phục vụ; mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng đều phải nêu cao tinh thần phụ trách trước Đảng, trước nhân dân. Trong *Di chúc*, Người nhấn mạnh mục tiêu hoạt động của Đảng chính là: “Đảng phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”³.

Mối quan hệ giữa công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng với việc thực hiện các mục tiêu của chủ nghĩa xã hội trong *Di chúc* được biểu hiện cụ thể trong các mối quan hệ sau: giữa xây dựng, chỉnh đốn Đảng với phát triển kinh tế và văn hóa; giữa xây dựng, chỉnh đốn Đảng với việc không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân; giữa xây dựng, chỉnh đốn Đảng – phát triển kinh tế, văn hóa – nâng cao đời sống nhân dân. Những mối quan hệ tác động qua lại này như các hằng đẳng thức mà Đảng phải tìm ra phương pháp giải quyết để đạt được mục tiêu cuối cùng là không ngừng nâng cao đời sống nhân dân và để khẳng định vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng trong quá trình đất nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Và chính từ trong thực tiễn hoạt động, từng kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa mà công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được không ngừng tăng cường, hoàn chỉnh nhờ mối liên hệ, tác động qua lại về mặt lợi ích giữa Đảng – nhân dân, giữa Đảng với đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng và giữa họ với nhân dân.

Như vậy, nhân dân vừa là chủ thể, vừa là khách thể, vừa là mục tiêu sống và hoạt động của Đảng. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là chủ thể, vừa là khách thể, sự lãnh đạo của Đảng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr. 292.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr. 41.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr. 622.

vừa đóng vai trò là phương pháp, là nhân tố quyết định việc xây dựng các kế hoạch phát triển kinh tế và văn hóa để không ngừng phục vụ tốt hơn nữa cho nhân dân. Ở đây tồn tại mối quan hệ tác động hai chiều, vừa tương hỗ, vừa thúc đẩy và bổ sung cho nhau, thể hiện sự thống nhất và đấu tranh của lý luận và thực tiễn công tác xây dựng, chinh đốn Đảng ở nước ta trong thời kỳ cả nước quá độ đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bởi, như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định:

“Thực hành sinh ra hiểu biết
Hiểu biết tiến lên lý luận
Lý luận lãnh đạo thực hành”¹.

Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ có đắm mình trong thực tiễn phát triển kinh tế và văn hóa cho đất nước; phải dựa vào dân thì mới có thể đúc rút ra được những bài học xương máu cho chính công tác xây dựng, chinh đốn chính mình. Từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân chính là thước đo quan trọng nhất đối với sự vững mạnh và trong sạch của Đảng..

4. Mối quan hệ biện chứng giữa xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam với các Đảng Cộng sản khác trên thế giới

Trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh bày tỏ: “Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”².

Là một người chiến sĩ cộng sản quốc tế, Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến phong trào cộng sản thế giới. Người suốt đời phục vụ không chỉ cho sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân Việt Nam, mà cả cho sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân toàn thế giới. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh luôn “tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế” và cũng luôn thấy “đau lòng” trước “sự bất hoà” giữa các Đảng cộng sản và giai cấp công nhân trong phong trào cách mạng thế giới. Trong *Di chúc*, Người đã bày tỏ mong muốn: “Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đặc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình”³ và coi đó cũng là một nhiệm vụ cần phải làm trong công tác xây dựng Đảng.

“Từ khi ra đời đến cuối những năm 1940 của thế kỷ XX, bên cạnh thành tựu to lớn, phong trào cộng sản quốc tế cũng gặp nhiều khó khăn và trải qua những thời điểm khủng hoảng nghiêm trọng. Ở giai đoạn này, sự phát triển vượt bậc, sự thống nhất là dòng chính của phong trào cộng sản quốc tế; song cũng chính ở giai đoạn này đã nảy sinh những rạn nứt, những bất đồng quan điểm, chính kiến về những vấn đề quốc tế, và đường lối chiến lược, sách lược của các Đảng Cộng sản. Đáng chú ý là mâu thuẫn giữa Đảng Cộng sản Liên Xô và Đảng Cộng sản Trung Quốc - hai đảng cầm quyền ở hai nước xã hội chủ nghĩa lớn nhất - dần dần trở thành mâu thuẫn giữa hai nước với nhau. Chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa xét lại tác động tiêu cực đến sự thống nhất, đoàn kết của phong trào cộng sản quốc tế lúc đó làm cho hàng ngũ các Đảng Cộng sản bị chia rẽ, phân biệt.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr. 120.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr. 623.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr. 623.

Sự lạc hậu về lý luận và đường lối chiến lược, sách lược thiếu căn cứ khoa học xác đáng đã dẫn đến việc sự nghiệp cách mạng của nhiều Đảng Cộng sản trong giai đoạn này bị tổn thất lớn, hoặc gặp nhiều khó khăn. Đó là khủng hoảng trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Hunggari (1956), ở Ba Lan (1956, 1970-1971), ở Tiệp Khắc (1968), ở Trung Quốc trong thời “đại nhảy vọt” và “Cách mạng văn hóa vô sản” (1959-1976), thất bại của đường lối xây dựng chủ nghĩa cộng sản đầu những năm 60 của Khorutxốp và những cuộc cải cách từ 1965 đến 1969 của Côxughin ở Liên Xô. Đó là những thất bại nặng nề của phong trào cộng sản ở nhiều nước Đông Nam Á giữa những năm 60, trong đó có Đảng Cộng sản Indônêxia với hơn 3 triệu đảng viên, có cơ sở quần chúng rộng rãi và vai trò quan trọng trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. Một số Đảng Cộng sản không còn vai trò trong cuộc đấu tranh cách mạng của dân tộc (như Angiêri)...”¹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một chiến sĩ hoạt động tích cực trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Người thấu hiểu rất rõ những mâu thuẫn đang tồn tại trong đó và nguy cơ từ đó mà sản sinh ra có tác hại lớn như thế nào đối với sự phát triển của chủ nghĩa xã hội trên thế giới, cũng như ở Việt Nam. Chính vì vậy, trong *Di chúc*, Người đã nhấn mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải hết sức quan tâm đến việc khôi phục lại tinh đoàn kết giữa các đảng anh em để tạo thành sức mạnh tổng hợp chống lại mọi biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa xét lại làm phương hại tới công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới.

Ra đi tìm đường cứu nước cho dân tộc từ những năm đầu thế kỷ XX, Chủ tịch Hồ Chí Minh thấu hiểu rất rõ vai trò và sức mạnh của thời đại đối với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, cũng như đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Người đã hết lòng hết sức quan tâm xây dựng mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản Việt Nam với các Đảng Cộng sản khác trên thế giới, đặc biệt là đối với Đảng Cộng sản Pháp. Bởi, chủ nghĩa xã hội chỉ có thể chiến thắng chủ nghĩa tư bản khi nó có sự đoàn kết, nhất trí giữa các Đảng Cộng sản anh em. Vì vậy, đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng Cộng sản Việt Nam, Người đã hết sức lưu ý đến việc thực hiện nguyên tắc: Đoàn kết thống nhất trong Đảng gắn với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng. Đây cũng được xem như là phương pháp thực hiện phương châm: quét sạch chủ nghĩa cá nhân và nâng cao đạo đức cách mạng trong nội bộ Đảng và làm điểm tựa cho mối quan hệ giữa Đảng ta với các Đảng Cộng sản khác trên thế giới nhằm giải quyết các mâu thuẫn, nêu cao sự thống nhất, tăng cường sức mạnh cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế trước những thử thách ngày càng cam go của lịch sử.

Tác phẩm *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tác phẩm trọng tâm đề cập tới công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và mối quan hệ của nó với các nội dung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trong tác phẩm, Hồ Chí Minh hết sức lưu ý đến các nội dung của công tác xây dựng Đảng về: chính trị, tư tưởng, tổ chức, đặc biệt là nội dung xây dựng Đảng về đạo đức. Bởi suy đến cùng, đạo đức chính là con người, là sức mạnh của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Có đạo đức, người Đảng viên mới hoàn thành được nhiệm vụ, mới giúp Đảng thực hiện được mục tiêu cao nhất của mình là: không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, góp phần xứng đáng vào thúc đẩy mọi hành động vì mục tiêu: hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên thế giới./.

1. <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ho-so-su-kien-nhan-chung/su-kien-va-nhan-chung/phong-trao-cong-san-va-cong-nhan-quoc-te-1917-1995-3336>

TÌM HIỂU GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TƯ TƯỞNG VỀ ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CỦA CÁN BỘ VÀ ĐẢNG VIÊN TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*ThS. Tạ Trần Trọng**

Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho Đảng ta, nhân dân và dân tộc ta hệ thống di sản vô cùng phong phú và quý báu, hệ thống di sản đó không chỉ được phản ánh trong các tác phẩm, văn phẩm, bài nói và viết, mà còn được thể hiện trong hoạt động thực tiễn sôi nổi và hết sức phong phú của Người. Đặc biệt, trước lúc đi xa, Người đã để lại bản Di chúc lịch sử thấm đượm và kết tinh trong đó tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người mà những thế hệ sau cần quan tâm nghiên cứu, tìm hiểu, học tập.

Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong Di chúc không chỉ là trách nhiệm để từ đó tìm ra được giải pháp thực hiện, mà còn là tình cảm thiêng liêng, sự trân trọng của mỗi đảng viên, cán bộ và nhân dân ta đối với Người trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay.

1. Tư tưởng về đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Nghiên ngẫm trong suốt bốn năm (năm 1965 Bác viết Di chúc, qua nhiều lần điều chỉnh, hoàn thành Di chúc năm 1969); chất lọc tinh cảm và suy nghĩ của cả cuộc đời, Di chúc để lại những điều căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền và sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; về chăm lo đối với con người và thế hệ trẻ; về quản lý xã hội, chính sách xã hội, an sinh xã hội sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta giành thắng lợi... Di chúc của Hồ Chí Minh một mặt là sự tổng kết lý luận và thực tiễn về sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và của dân tộc Việt Nam, đồng thời cũng là lý luận về đổi mới và về tương lai phát triển của đất nước.

Tư tưởng Hồ Chí Minh được phản ánh trong Di chúc, trước hết thể hiện rõ quyết tâm chiến lược của Đảng, nhân dân và các lực lượng vũ trang ta trong việc đánh bại chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Di chúc đã khẳng định niềm tin mãnh liệt vào thắng lợi cuối cùng của nhân dân ta là giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, Nam - Bắc sum họp một nhà. Người đặt niềm tin vào sự tất thắng đó: “Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn”¹.

Điều đầu tiên Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm, đó là căn dặn Đảng ta phải chăm lo củng cố sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, thường xuyên đổi mới và chỉnh đốn Đảng để có đủ sức mạnh và uy tín của người cầm lái, dẫn

* *Trường Đại học Văn Hiến*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.621.

đường cho quần chúng hướng theo. Người khẳng định: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta”¹. Người nêu rõ: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”². Người nhắc nhở trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc bảo vệ, củng cố và giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình, Người nêu rõ: “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”³. Theo Người, muốn có được sự đoàn kết chân thành và thực sự lâu dài thì phải “thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”⁴.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò cầm quyền và trọng trách lịch sử của Đảng, tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên trước Đảng và trước nhân dân. Nổi bật là “Trước hết nói về Đảng”, Người căn dặn: “...việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi”⁵. Đồng thời, Người yêu cầu phải chăm lo chu đáo tới đời sống vật chất và tinh thần cho mọi người dân, nhất là thực hiện chính sách “đền ơn, đáp nghĩa” đối với thương binh, gia đình liệt sĩ và những người có công với cách mạng sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giành được thắng lợi. Người nêu lên những vấn đề hết sức cụ thể: “Đối với những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình (cán bộ, binh sĩ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong...), Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để họ có thể dần dần “tự lực cánh sinh”. Đối với các liệt sĩ, mỗi địa phương (thành phố, làng, xã) cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm ghi sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta”⁶.

Chủ tịch Hồ Chí Minh dành cho thế hệ trẻ của đất nước tình yêu thương, sự quan tâm và niềm tin sâu sắc, Người căn dặn Đảng ta phải quan tâm chăm lo đào tạo, bồi dưỡng thế hệ kế tục sự nghiệp cách mạng cho đời sau. Người nêu rõ: “Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”⁷. Người căn dặn Đảng và Chính phủ phải quan tâm tạo mọi điều kiện giúp đỡ chị em phụ nữ để họ tiến bộ và trưởng thành, đồng thời

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tr.622.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tr.621-622.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tr.622.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tr.622.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tr.616.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tr.616.

7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tr.622.

bản thân chị em phụ nữ cũng phải tích cực phấn đấu vươn lên đáp ứng với trách nhiệm của mình. Người viết: “Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, phụ nữ đảm đang ta đã góp phần xứng đáng trong chiến đấu và trong sản xuất, Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo. Bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên”¹.

Trước lúc đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng rất trăn trở, lo nghĩ nhiều về đoàn kết quốc tế, nhất là trước sự bất đồng giữa các Đảng Cộng sản anh em. Người coi đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa và các Đảng anh em, nhất là Đảng Cộng sản Liên Xô và Đảng Cộng sản Trung Quốc là điều kiện quan trọng bảo đảm cho phong trào Cộng sản và công nhân đến toàn thắng. Người viết: “Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào Cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hòa hiện nay giữa các Đảng anh em! Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đặc lực vào việc khôi phục lại khối đại đoàn kết giữa các Đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình. Tôi tin rằng các Đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại”².

Tư tưởng Hồ Chí Minh phản ánh trong Di chúc có tầm chiến lược, là những chỉ dẫn quan trọng của Đảng trong hoạch định đường lối, phương hướng, xác định nhiệm vụ, kế hoạch, chính sách, chương trình hành động cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhằm đưa đất nước phát triển bền vững, nhất là trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

Tư tưởng về Đạo đức là điểm nổi bật cả trong tư tưởng và phong cách Hồ Chí Minh, những tư tưởng đạo đức của Người được chứa đựng trong nhiều bài nói, bài viết hết sức cô đọng và hàm súc theo lối nói của người phương Đông, rất gần gũi với con người Việt Nam.

Đạo đức mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập trong Di chúc là đạo đức cách mạng với hệ chuẩn mực giá trị cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Tư tưởng đạo đức của Hồ Chí Minh cũng là đạo đức hành động, mà điểm đặc biệt nhấn mạnh là đạo đức và sự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên trong điều kiện Đảng cầm quyền. Cũng theo Hồ Chí Minh, tư tưởng đạo đức được thể hiện trong quan hệ giữa Đảng với nhân dân, giữa Nhà nước với nhân dân, thể hiện ở sự quan tâm chăm lo của Đảng đối với giáo dục, rèn luyện đạo đức trong các tầng lớp nhân dân, nhất là đối với thế hệ trẻ tương lai của đất nước. Trong Di chúc, Người căn dặn: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”³. Người cũng nhắc nhở trong Đảng phải thực hành dân chủ rộng rãi, phải thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình, trong Đảng, cán bộ, đảng viên phải sống với nhau có tình, có nghĩa, phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau, phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, ra sức thực hành dân chủ và cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, để luôn xứng đáng là người lãnh đạo và người đầy tớ thật trung thành của nhân

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tr.617.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tr.623.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tr.622.

dân. Người viết: “thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”¹.

**Sự kết đọng trong trái tim của vị lãnh tụ cách mạng thiên tài*

Cuối bản Di chúc lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh dành những dòng tâm sự đề cập về “việc riêng” một cách hết sức khiêm tốn, giản dị. Người viết: “Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”². Những dòng chữ này càng phản ánh sâu sắc phẩm chất đạo đức cao quý của một con người, một lãnh tụ cách mạng suốt đời chỉ biết phấn đấu hy sinh vì dân, vì nước.

Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh - tư tưởng luôn gắn liền với đạo đức, tư tưởng đạo đức trở thành hành động đạo đức, thể hiện một cách cảm động qua hành vi, lối sống và trở thành phong cách nổi bật của Người. Phong cách Hồ Chí Minh bao gồm một chỉnh thể thống nhất, từ phong cách tư duy, phong cách diễn đạt, phong cách làm việc, phong cách ứng xử, phong cách sinh hoạt, những đặc trưng phong cách đó, được phản ánh cô đọng, sâu sắc trong Di chúc của Người.

Trước hết, phong cách tư duy của Người có tầm nhìn xa, trông rộng về mục tiêu, phương hướng của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Di chúc của Hồ Chí Minh còn hàm chứa tư tưởng đổi mới và hội nhập, tư tưởng đó không những chỉ ra việc cấp bách, trước mắt mà còn chỉ ra những chiến lược trong tương lai, những kế hoạch xây dựng đất nước ta “đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”. Đó chính là mục tiêu sâu xa và là động lực căn bản của chủ nghĩa xã hội, đó là sự chăm lo cho cuộc sống của nhân dân, lấy con người làm mục tiêu và động lực, mà quan trọng và trực tiếp nhất là phải bảo đảm lợi ích và dân chủ, là thực hành dân chủ, nhất là thực hành dân chủ trong Đảng. Như Người đã viết: “Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh...”³.

Hồ Chí Minh chuẩn bị cho sự trở về với cõi vĩnh hằng cũng hết sức thanh thản, nhẹ nhàng, Người không lo gì cho mình mà luôn nghĩ về những người ở lại, Người viết: “... tôi để sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi khỏi cảm thấy đột ngột”⁴. Người đã ung dung khởi thảo bản Di chúc lịch sử trong tiếng bom đạn của kẻ thù.

Di chúc phản ánh sự cẩn trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi diễn đạt từng câu, từng chữ với tất cả sự khiêm nhường cao quý, Người chỉ gọi đây là bức thư, mấy lời để lại. Người đã dồn tâm, dồn trí để viết, nghiền ngẫm, chỉnh sửa, bổ sung trong suốt 4 năm. Năm 1969, 4 tháng trước khi trút hơi thở cuối cùng, Người đã dành 10 ngày đọc lại, sửa lại lần cuối bản Di chúc như đã hoàn thành một công việc hệ trọng đối với Đảng ta, nhân dân và đất nước ta trước khi ra đi.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tr.622.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tr.623.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tr.624.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tr.621.

Nửa thế kỷ đã đi qua kể từ ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt bút viết những dòng cuối cùng trong bản Di chúc, thời gian không ngừng trôi với biết bao sự biến đổi và phát triển của đất nước, dân tộc và quốc tế, song những chỉ dẫn của Người trong Di chúc vẫn mãi còn in đậm trong trái tim, khối óc của mọi người dân Việt Nam, nhất là cán bộ, đảng viên trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay...

2. Cán bộ và đảng viên rèn luyện đạo đức cách mạng theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Công cuộc đổi mới hiện nay đang đặt ra những nhiệm vụ mới, với những khó khăn, thử thách mới, “Tình trạng suy thoái về tư tưởng, đạo đức lối sống, bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận cán bộ, công chức diễn ra nghiêm trọng”¹. Thực trạng đó thực sự là một nguy cơ đe dọa sự tồn vong của chế độ. Bởi nó làm mất tiền của của nhân dân, làm hư hỏng không ít cán bộ, đảng viên, gây bất bình trong nhân dân, làm giảm lòng tin của nhân dân với chế độ, đó chính là “giặc nội xâm”.

Chú trọng vấn đề rèn luyện đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, trước khi đi về cõi vĩnh hằng, trong bản Di chúc Người căn dặn: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng. Phải thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”²... Để thực hiện lời dạy của Người trong bản Di chúc, chúng ta cần phải:

Một là, hàng ngày, mỗi cán bộ, đảng viên cần phải nỗ lực học tập lý luận chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, học tập và quán triệt nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị của Đảng... Thông qua đó, giúp mỗi người rèn luyện và giữ vững bản lĩnh chính trị, kiên định lý tưởng cách mạng, luôn đặt lợi ích của Đảng, của đất nước, dân tộc lên trên hết, trước hết; đồng thời, thiết thực lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức quần chúng nhân dân đưa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào thực tiễn cuộc sống. Cùng với đó, đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; cụ thể cần chú trọng: 1) Phòng và đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, bè phái, tham ô, tham nhũng, lợi ích nhóm... 2) Thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; hết lòng, hết sức phục vụ Tổ quốc, phụng sự nhân dân... 3) Yêu thương con người, đồng bào, đồng chí; gần dân, trọng dân, chăm lo đời sống nhân dân một cách thiết thực, hiệu quả trên tinh thần tự nguyện và tự giác, thường xuyên và lâu dài...

Hai là, phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên nói chung và cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu nói riêng trong mọi lĩnh vực công tác và cuộc sống đời thường để làm gương cho quần chúng. Trong đó, mỗi người, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị phải nêu gương về đạo đức, thống nhất giữa nói và làm, cao hơn là làm rồi mới nói, làm nhiều nói ít...; xây đi đôi với chống, trong xây có chống và ngược lại, khi xây dựng và bồi dưỡng những phẩm chất đạo đức tốt đẹp phải gắn liền với chống lại những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân. Mỗi người tùy chức năng, nhiệm vụ được giao phải tận tâm, tận lực thực hiện đúng và tốt chức trách được giao; đi trước, làm

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.611-612.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.611-612.

gương cho quần chúng noi theo, tránh kiểu “đánh trống bỏ dùi”; phải dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám “cả quyết sửa lỗi mình; làm gì cũng phải nghĩ đến lợi ích của nhân dân, của đất nước, tránh vì lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm mà vi phạm tư cách, đạo đức, lối sống, phải tự soi và sửa mình, phải nghiêm túc tự phê bình và phê bình nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm của bản thân.

Ba là, rèn luyện đạo đức cách mạng là việc phải làm thường xuyên, liên tục, suốt đời; phải coi đó là một trong những biện pháp quan trọng hàng đầu để phòng, chống và đấu tranh loại bỏ chủ nghĩa cá nhân. Quá trình rèn luyện đạo đức phải được thực hiện trong mọi hoạt động thực tiễn, trong mọi mối quan hệ, với tổ chức và cá nhân, trong đời tư cũng như trong sinh hoạt cộng đồng; phải được sự theo dõi, giám sát của cấp ủy, của nhân dân trên tinh thần: dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng có 24 năm đứng ở vị trí đỉnh cao của quyền lực, song với Người - đó chỉ là nhận sự ủy thác của nhân dân để tận tâm, tận lực cống hiến. Tấm gương của vị lãnh tụ xuyên suốt và nhất quán trong tư tưởng và hành động, “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”¹ đã hấp dẫn, quy tụ mọi người xung quanh mình và ngời sáng cho muôn đời các thế hệ con cháu mai sau suy ngẫm, học tập, noi theo.

Thấu triệt những chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về rèn luyện đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là lời Người để lại trong bản Di chúc lịch sử: “Trước hết nói về Đảng” và yêu cầu đội ngũ cán bộ, đảng viên phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư..., trong các văn kiện của Đảng, nhất là từ khi đất nước tiến hành công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế, yêu cầu về rèn luyện đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên đã được Đảng ta đặc biệt quan tâm. Nghị quyết Đại hội XII của Đảng xác định, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ trọng tâm, được đặt lên hàng đầu để Đảng “là đạo đức, là văn minh”; trong đó, tăng cường rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên là nội dung cần thiết, hệ trọng, có ý nghĩa sống còn đối với sự tồn vong của Đảng, của chế độ. Nghị quyết khẳng định xây dựng Đảng là một trong 6 nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ (2016-2020), với nội dung cơ bản là: “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”²; “Tập trung thực hiện mục tiêu: xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức”³...

Để đội ngũ cán bộ, đảng viên thật sự thấm nhuần và rèn luyện đạo đức cách mạng hiệu quả, thiết thực, trong những năm qua, cấp ủy các cấp đã và đang triển khai sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.187.

2. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.217.

3. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.202.

đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyên hóa” trong nội bộ” cùng các Quy định “Về những điều đảng viên không được làm”, Quy định số 101-QĐ/TW “Về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp”, Quy định số 124-QĐ/TW về “Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện, đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên”, Quy định số 109-QĐ/TW về “Công tác kiểm tra của tổ chức đảng đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên” và gần đây nhất là Quy định số 08-QĐi/TW về “Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương”... Thông qua đó, tạo sự chuyển biến, từ nâng cao nhận thức sang hành động cho mỗi cán bộ, đảng viên, tại mỗi tổ chức cơ sở Đảng bằng cách gắn thực hành đạo đức cách mạng với phòng chống, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyên hóa” trong nội bộ; phát huy cái tích cực, đẩy lùi tiêu cực, lấy cái đẹp dẹp cái xấu, góp phần quan trọng xây dựng Đảng thật sự trong sạch vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng./.

ĐOÀN KẾT THÔNG NHẤT TRONG ĐẢNG THEO DI CHỨC CỦA BÁC HỒ

*ThS. Hồ Thị Thanh Trúc**

*ThS. Hoàng Xuân Sơn***

1. Tư tưởng đoàn kết của Bác Hồ

Đảng lãnh đạo nhân dân làm cách mạng, nhưng cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân đông đảo, mà không phải là công việc của một số người, của riêng Đảng Cộng sản. Đảng lãnh đạo nhân dân để đứng lên đấu tranh tự giải phóng và xây dựng xã hội mới do mình làm chủ. Sự nghiệp ấy chỉ có thể được thực hiện bằng sức mạnh của cả dân tộc, bằng đại đoàn kết. Điều này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nói khá cặn kẽ. Vì vậy, theo quan điểm của Người, đại đoàn kết là một trong những nhân tố quan trọng nhất bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Về vấn đề này Người từng viết “Đoàn kết là điểm mẹ. Điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt”.

Khi tiến hành thống kê, phân tích những bài viết, bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được công bố trong Hồ Chí Minh: Toàn tập, kết quả cho thấy vấn đề đoàn kết và đại đoàn kết thường xuyên xuất hiện trong các bài viết, bài nói của Người. Người đề cập đến vấn đề đại đoàn kết trong 839 bài (chiếm 43%) và sử dụng từ đoàn kết và đại đoàn kết tới 1.809 lần trong các trang sách của mình¹. Trong một số bài, Người đã nhiều lần nói đến đoàn kết, đại đoàn kết: 16 lần trong *Sửa đổi lối làm việc* (tập 5), 17 lần trong *Bài nói tại buổi khai mạc Đại hội thống nhất Việt Minh – Liên Việt* (tập 6), 19 lần trong *Diễn văn nhân lễ kỷ niệm ngày Quốc khánh của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa* (tập 8),...

Đoàn kết là một nội dung lớn, xuyên suốt trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chúng ta thường hay nhắc tới lời huấn thị nổi tiếng của Người: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết/ Thành công, thành công, đại thành công”. Huấn thị này luôn là phương châm hành động của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta và thực sự đã phát huy cao nhất sức mạnh đại đoàn kết dân tộc để giành thắng lợi trong mỗi thời kỳ lịch sử của dân tộc.

Bác Hồ quan tâm đến vấn đề đoàn kết đến như vậy là xuất phát từ hai lý do chính. **Thứ nhất**, như Bác đã nêu trong *Di chúc* là “nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”². **Thứ hai**, là xuất phát từ tình hình mâu thuẫn nảy sinh trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Bác đã viết “tôi càng tự hào về sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công

* *Trường Đại học Tài chính – Marketing*

** *Trường Đại học Kinh tế TP. HCM*

1. Phạm Ngọc Trâm: “Đại đoàn kết trong Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Phát triển Khoa học và công nghệ*, 2016, số 19, tr.12.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.621-622.

nhân quốc tế bao nhiêu, thắng lợi của nhân dân ta bao nhiêu thì càng đau lòng bấy nhiêu về sự bất hòa hiện nay giữa các đảng anh em”¹.

Về cơ bản, tư tưởng đoàn kết trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh được thể hiện cô đọng ở ba khía cạnh chính: (i) đại đoàn kết, hòa bình, hữu nghị giữa các dân tộc; (ii) đoàn kết trong Đảng; (iii) đoàn kết toàn dân xây dựng một đất nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập dân chủ và giàu mạnh.

2. Vài nét về *Di chúc* Bác Hồ

Được Người viết và sửa đi sửa lại trong suốt bốn năm (1965 - 1969), chất lọc tình cảm và suy nghĩ của cả cuộc đời, *Di chúc* để lại những điều căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền và sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; về chăm lo đối với con người và thế hệ trẻ; về quản lý xã hội, chính sách xã hội, an sinh xã hội sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta giành thắng lợi. *Di chúc* là sự tổng kết lý luận và thực tiễn về sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và của dân tộc Việt Nam, là lý luận về đổi mới và tương lai phát triển của đất nước.

Tư tưởng Hồ Chí Minh được phản ánh trong *Di chúc*, trước hết là sự thể hiện rõ quyết tâm chiến lược của Đảng, nhân dân và các lực lượng vũ trang ta trong việc đánh bại chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Khẳng định niềm tin mãnh liệt vào thắng lợi cuối cùng của cả dân tộc là giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, Nam - Bắc sum họp một nhà. Người đặt niềm tin vào sự tất thắng đó bằng đoạn viết “Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn”².

Trong *Di chúc*, điều đầu tiên mà Bác quan tâm, đó là căn dặn Đảng ta phải chăm lo củng cố sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bằng cách đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, thường xuyên đổi mới và chỉnh đốn Đảng để có đủ sức mạnh và uy tín của người cầm lái, dẫn đường cho quần chúng hướng theo. Về vấn đề này, Người khẳng định: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta” và: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”³. Nhắc nhở trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc bảo vệ và củng cố, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng như giữ gìn con người của mắt mình, Người viết: “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con người của mắt mình”. Tuy nhiên, muốn có được sự đoàn kết chân thành và thực sự lâu dài, theo Người, phải “thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”⁴.

Bác cũng đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò cầm quyền và trọng trách lịch sử của Đảng, tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên trước Đảng và trước nhân dân. Nội bật

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.623.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.623.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.623.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.623.

là “Trước hết nói về Đảng”, Người căn dặn: “việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi”¹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh dành cho thế hệ trẻ của đất nước tình yêu thương, sự quan tâm và niềm tin sâu sắc. Người căn dặn Đảng ta phải quan tâm chăm lo đào tạo, bồi dưỡng thế hệ kế tục sự nghiệp cách mạng cho đời sau. Người nêu rõ: “đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”².

Bác cũng căn dặn Đảng và Chính phủ phải quan tâm tạo mọi điều kiện giúp đỡ chị em phụ nữ để họ tiến bộ và trưởng thành, đồng thời bản thân chị em phụ nữ cũng phải tích cực phấn đấu vươn lên, đáp ứng trách nhiệm của mình. Về vấn đề này, Người viết: “Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, phụ nữ đảm đang ta đã góp phần xứng đáng trong chiến đấu và trong sản xuất. Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo. Bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên”³.

Trước lúc đi xa, Người cũng rất trăn trở, lo nghĩ nhiều về đoàn kết quốc tế, nhất là trước sự bất đồng giữa các đảng cộng sản anh em. Người coi đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa và các đảng anh em, nhất là Đảng Cộng sản Liên Xô và Đảng Cộng sản Trung Quốc là điều kiện quan trọng bảo đảm cho phong trào cộng sản và công nhân đến toàn thắng. Về vấn đề này, Bác viết: “Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hòa hiện nay giữa các đảng anh em! Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đại đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình. Tôi tin rằng các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại”⁴.

3. Đoàn kết thống nhất trong Đảng theo *Di chúc* của Bác Hồ

Xây dựng và giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng luôn được Chủ tịch Hồ Chí Minh coi là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là nền tảng cho mọi thành công. Đoàn kết, thống nhất không chỉ là vấn đề sinh tử của từng tổ chức đảng các cấp, mà còn là sinh mệnh của toàn Đảng, là vấn đề sống còn của cách mạng.

Trong *Di chúc*, Người viết: “Trước hết nói về Đảng - Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.623.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.623.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.623.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.623.

nhân dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”¹.

Trong đoạn văn ngắn trên, ta dễ dàng nhận thấy từ “đoàn kết” được Người nhắc lại đến 3 lần. Qua đó, Người khẳng định vai trò to lớn của khối đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Theo Người, đây là một trong những yếu tố quan trọng tạo nên sức mạnh của Đảng để lãnh đạo nhân dân ta vượt qua muôn vàn thử thách, khó khăn, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu cách mạng. Điều này đã được chứng minh qua thực tiễn đấu tranh và trở thành một truyền thống, một tài sản quý báu của Đảng. Đoàn kết trong Đảng được hình thành từ chính truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, được phát triển ngày càng phong phú, khắc họa ngày càng đậm nét trong văn hóa, bản sắc dân tộc và là bộ phận hợp thành sức mạnh dân tộc.

Sự đoàn kết thống nhất trong Đảng không chỉ là mối quan tâm lớn hàng đầu của Người, mà còn là sự trăn trở khi Người nghĩ về cả mai sau. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh vai trò, ý nghĩa quan trọng của đoàn kết thống nhất. Người không chỉ nêu ra yêu cầu phải đoàn kết trong Đảng mà còn chỉ rõ sự đoàn kết ấy phải là đoàn kết nhất trí, đoàn kết thống nhất, đó không phải là đoàn kết giả tạo, hình thức, mà phải thể hiện cả ở tư tưởng lẫn trong hành động. Tư tưởng và hành động phải thống nhất. Không thể bề ngoài là đoàn kết nhưng những khi cần ra một quyết định, ban hành một quyết sách thì không có được sự thống nhất, hay khi cần thì liên minh nhau lại nhân danh đoàn kết, khi không cần thì tìm cách cản trở công việc của nhau.

Trong tư tưởng của Bác, đoàn kết phải là đoàn kết thống nhất, trước sau như một, tức là phải dựa trên nền tảng đường lối, quan điểm của Đảng và vì lợi ích của cách mạng, của nhân dân, của tập thể. Người luôn nhấn mạnh: Đảng tuy có nhiều đảng viên, song khi tiến hành nhiệm vụ cách mạng thì chỉ như một người, trong Đảng không cho phép có tình trạng “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược”.

Đảng là tổ chức chính trị cao nhất của nhân dân, của dân tộc, các đảng viên đều tham gia tổ chức một cách tự giác, tự nguyện; việc giữ vững và thực hiện nghiêm minh các nguyên tắc của Đảng không chỉ là nguyện vọng của nhân dân mà còn là trách nhiệm của mỗi đảng viên.

Đối với nước ta, thắng lợi trong đấu tranh giành chính quyền, trong đấu tranh dựng nước, giữ nước và những thành quả trong xây dựng chủ nghĩa xã hội (đặc biệt là những thành tựu của hơn 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới của đất nước), xét đến cùng, đều là kết quả của sự đoàn kết thống nhất của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Nói cách khác, sự đoàn kết truyền thống trong Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đoàn kết trong Đảng còn được coi là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Trong Đại hội Đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ II (1961), Bác nói: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”. Vì vậy, theo Bác, để tiếp tục thành công thì chính trong nội bộ Đảng, từ trên xuống dưới cần phải giữ gìn và phát huy truyền thống đó “như giữ gìn con ngươi của mắt mình”.

Để đoàn kết trong Đảng, Người coi nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.623.

và quan trọng; trong từng tổ chức đảng phải thực hành dân chủ, mở rộng dân chủ, phải thực sự mở rộng dân chủ để tất cả đảng viên bày tỏ hết ý kiến của mình; mọi ý kiến, suy nghĩ của mỗi đảng viên đều phải được bày tỏ, được lắng nghe; mọi quyết định quan trọng đều phải được bàn bạc, thảo luận một cách dân chủ.

Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm túc tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết thống nhất của Đảng. Đoàn kết thống nhất trong Đảng đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải thật thà tự phê bình và phê bình. Đây chính là một hình thức rèn luyện đảng viên để xây dựng, chỉnh đốn Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Tự phê bình và phê bình là để giúp nhau sửa chữa, giúp nhau tiến bộ, để công việc được hiệu quả hơn, để đoàn kết và thống nhất trong nội bộ. Để thực hiện đoàn kết thống nhất trong Đảng, Người yêu cầu phải thực hiện các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng, đặc biệt là nguyên tắc dân chủ, nguyên tắc tự phê bình và phê bình. Trong *Di chúc*, Người căn dặn: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng”¹.

Để có sự đoàn kết thật sự, không chỉ cần thực hiện nguyên tắc, bản lĩnh, lý trí mà còn rất cần tình thương yêu, sự đồng cảm và chia sẻ với nhau. Năm 1966, Người bổ sung vào bản *Di chúc* cụm từ “phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”. Để có sự đoàn kết thống nhất thực sự, bên cạnh tinh thần, lý trí, trong mỗi cán bộ, đảng viên phải có tình thương yêu đồng chí, có lòng nhân ái, nhân hậu. Trong thực hành công việc, không chỉ là đặt ra yêu cầu hoàn thành công việc mà còn phải có sự cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ nhau cùng hoàn thành công việc. Vì vậy, để duy trì và bồi đắp đoàn kết thống nhất thì từng tổ chức đảng bên cạnh việc phải chú trọng giáo dục ý thức trách nhiệm, còn phải thường xuyên bồi dưỡng tình thân ái, tình thương yêu, cảm thông chia sẻ, tình đồng chí.

Sự đoàn kết thống nhất trước hết phải được xây dựng trong Đảng, được thể hiện trong Đảng. Mỗi đảng viên, nhất là đảng viên giữ trọng trách lãnh đạo phải cương quyết chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội trong chính bản thân mình trước những tác động từ bên ngoài. Bởi theo Bác: chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội chính là căn nguyên của mất đoàn kết thống nhất trong Đảng.

4. Đại đoàn kết dân tộc trong bối cảnh hiện nay

Thấm nhuần tư tưởng và thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, những năm qua, Đảng luôn coi trọng, giữ gìn và phát huy đoàn kết thống nhất. Nhờ đó, Đảng đã quy tụ và phát huy được sức mạnh toàn dân, tạo nên sức mạnh tổng hợp để hoàn thành nhiệm vụ lãnh đạo đất nước mà nhân dân đã tin tưởng giao phó. Trong nhiều kỳ đại hội Đảng, vấn đề đoàn kết thống nhất đều được nghiêm túc đặt ra, được xem xét, đánh giá một cách toàn diện và sâu sắc.

Với tinh thần đoàn kết, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII với chủ đề: “Đoàn kết – Dân chủ - Kỷ cương – Đổi mới” đã thành công tốt đẹp với những kết quả bước đầu qua hơn nửa nhiệm kỳ thực hiện đã đem lại niềm tin trong toàn Đảng, toàn dân.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.623.

Trong thời điểm đất nước đang đứng trước những thời cơ, vận hội mới nhưng cũng đầy những thử thách lớn lao, những thành tựu mà toàn Đảng, toàn dân đạt được qua hơn 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước chính là kết quả của sự đoàn kết thống nhất của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, là minh chứng khẳng định sự trưởng thành và vững mạnh của Đảng. Tuy nhiên, trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến phức tạp, khó lường, bên cạnh những thành tựu đạt được, Việt Nam vẫn đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, phức tạp. Các thế lực thù địch luôn tìm mọi cách, bằng nhiều âm mưu thâm độc, xảo quyệt, kích động chia rẽ nội bộ, gây mất đoàn kết trong Đảng. Chính vì vậy, tăng cường đoàn kết và thống nhất trong Đảng từ Trung ương đến cơ sở là điều tất yếu và cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

Hiện nay, đoàn kết thống nhất trong Đảng càng phải được xem là một chiến lược lâu dài đối với sự nghiệp cách mạng. Là Đảng duy nhất cầm quyền, Đảng càng phải xây dựng, củng cố sự đoàn kết thống nhất, có như vậy thì hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân, các dân tộc mới đoàn kết xung quanh Đảng. Đoàn kết của Đảng chính là tấm gương cho cả hệ thống chính trị và là nhân tố quyết định bảo đảm đoàn kết dân tộc.

Trước thềm Đại hội XIII của Đảng, khi đất nước đang đứng trước thời điểm phải lựa chọn những người xứng đáng, vừa có tài, vừa có đức để đảm nhận những trọng trách lãnh đạo đất nước, thì hơn bao giờ hết, chúng ta càng phải phát huy truyền thống đoàn kết thống nhất. Đây là trách nhiệm lớn, mà trước hết là của tập thể, cá nhân lãnh đạo từ Trung ương đến từng cơ sở. Mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ giữ trọng trách lãnh đạo từ cấp cao đến cấp cơ sở phải thực sự thực hiện nghiêm lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong *Di chúc*: “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”¹.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết thống nhất trong Đảng được Bác căn dặn trong *Di chúc* có tầm chiến lược, là những chỉ dẫn quan trọng của Đảng trong hoạch định đường lối, phương hướng, xác định nhiệm vụ, kế hoạch, chính sách, chương trình hành động cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhằm đưa đất nước phát triển bền vững, nhất là trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay. Trước mắt là chuẩn bị tốt cho Đại hội XIII của Đảng./.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.623.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ, PHẨM CHẤT VÀ PHONG CÁCH CỦA NGƯỜI CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN - DI SẢN VÀ BÀI HỌC

*TS. Nguyễn Thị Thanh Tùng**

Trong lịch sử dân tộc, ngay từ những ngày đầu dựng nước và giữ nước, ông cha ta đã ý thức rõ việc dùng người và chọn tướng để tạo nên một yếu tố vững mạnh trong quân sự. Tuy không phải là nguyên nhân duy nhất nhưng quan điểm trọng dụng hiền tài đó đã có tác dụng trực tiếp đến sự tồn vong của quốc gia, sự trường tồn và phát triển của dân tộc. Phát huy truyền thống và phương sách dùng người của ông cha ta để lại, kết hợp sự vận dụng và phát triển sáng tạo những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về cán bộ và công tác cán bộ vào điều kiện hoàn cảnh cụ thể của nước ta, cùng với hoạt động thực tiễn của mình, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm và có nhận thức đúng đắn, toàn diện, đầy đủ về vị trí của cán bộ. Theo Hồ Chí Minh, việc xác định vị trí của cán bộ là công việc rất quan trọng, có ý nghĩa to lớn đến sự thành bại của sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vị trí và vai trò của cán bộ, đảng viên trong đấu tranh cách mạng và kiến thiết nước nhà

1.1. Về vị trí người cán bộ, đảng viên

Có thể thấy rằng xuyên suốt và nhất quán trong toàn bộ tư tưởng của Hồ Chí Minh đó là chiến lược “trồng người”, mà trước hết là chiến lược xây dựng người cán bộ cách mạng. Người nói: “vì lợi ích trăm năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người”¹. Đây cũng là vấn đề đầu tiên được Người viết trong tác phẩm Di chúc “đầu tiên là công việc đối với con người”². Như vậy, vai trò của con người đặc biệt là vai trò và vị trí của người cán bộ thật sự rất quan trọng và đó là vấn đề trung tâm của mọi công việc.

Trước hết theo Hồ Chí Minh, vị trí người cán bộ được ví như một “mắt xích” quan trọng không thể thiếu trong mọi hoạt động của sự nghiệp cách mạng. Để làm sáng tỏ vị trí là một “mắt xích” ấy, Hồ Chí Minh đánh giá: “cán bộ là cái dây chuyền của bộ máy. Nếu dây chuyền không tốt, không chạy thì động cơ dù tốt, dù chạy toàn bộ máy cũng tê liệt. Cán bộ là những người đem chính sách của chính phủ, của đoàn thể thi hành trong nhân dân, nếu cán bộ dở thì chính sách hay cũng không thể thực hiện được”³. Với tư tưởng và cái nhìn biện chứng, Hồ Chí Minh còn nhìn nhận người cán bộ là “cầu nối” trung gian giữa nhà nước và nhân dân. Cán bộ không chỉ là người đem chính sách của Đảng, chính phủ đi thực hiện, thi hành trong nhân dân mà còn là những người thay mặt nhân dân nói lên ý chí, tâm tư, nguyện vọng đến Đảng và nhà nước. Cán bộ không những là người đề ra chủ trương, đường lối, biện

* *Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr. 258.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.15, tr. 616.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.5, tr. 68.

pháp hoạt động cách mạng mà còn là người tham gia thực hiện nhiệm vụ cách mạng. Vì vậy, vai trò chủ thể của cán bộ luôn được khẳng định trong sự nghiệp cách mạng đất nước.

Để xứng đáng với vị trí đó, người cán bộ phải không ngừng rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất đạo đức, tài năng để hoàn thành suất sắc công việc của Đảng và nhà nước giao phó mà bên cạnh phải lấy được lòng dân, có được sự tin tưởng và tình cảm của nhân dân. Đây thật sự là một nhiệm vụ hết sức khó khăn đặt ra cho bất cứ mỗi người cán bộ. Tuy nhiên, dù khó khăn đến đâu người cán bộ cũng phải làm tốt song song hai nhiệm vụ cao cả ấy.

Người cán bộ không chỉ là một “mắt xích”, “cầu nối” giữa Đảng, chính phủ với nhân dân mà còn là đầy tớ trung thành của nhân dân. Người thường xuyên nhắc nhở và yêu cầu cán bộ phải nhận thức cho đúng vị trí của mình đối với nhân dân. Cán bộ là đầy tớ trung thành của nhân dân cho nên trong từng suy nghĩ, hành động phải kính trọng, lễ phép với nhân dân. Người cán bộ luôn phải lấy lợi ích nhân dân làm mục tiêu cao cả của sự nghiệp cách mạng, luôn hết lòng hết sức đem sức mình phụng sự cho nhân dân, vì nhân dân mà làm việc không quản ngại khó khăn, gian khổ. Làm rõ nội dung này, Hồ Chí Minh có viết: “Cán bộ là đầy tớ của nhân dân, chỗ nào nhân dân cần đến mình là mình phải đến, bất kỳ chỗ nào cũng là Tổ quốc, là đất nước, cũng là cương vị công tác của cán bộ. Vì vậy cán bộ các nơi đến phải yên tâm, tích cực công tác, phải gương mẫu, phải đoàn kết chặt chẽ, giúp đỡ cán bộ địa phương được tốt. Vì vậy cán bộ địa phương cùng cán bộ nơi khác đến phải đoàn kết yêu thương nhau, làm gương cho nhân dân địa phương”¹.

1.2. Về vai trò của cán bộ, đảng viên

Trên cơ sở đánh giá đúng vị trí của người cán bộ, Hồ Chí Minh khẳng định: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”². Người cán bộ là điểm gốc, điểm mấu chốt của công việc. Đây là yếu tố chính làm nên sức mạnh nội lực của Đảng ta trong mọi giai đoạn phát triển của đất nước, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới. Người cán bộ là ngọn nguồn, gốc rễ của mọi công việc được thể hiện ở chỗ: Cán bộ là người nghiên cứu thực tiễn đất nước để từ đó xây dựng, đề xuất, triển khai mọi đường lối, chủ trương, chính sách, chiến lược và sách lược của Đảng, nhà nước. Đồng thời, cán bộ là người góp phần tuyên truyền, phổ biến chính sách của nhà nước, là cầu nối để đưa đường lối chính sách đó đến với nhân dân, cán bộ cũng là lực lượng tham gia thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước.

Cùng với ý nghĩa đó, cán bộ còn có vai trò là nhân tố quyết định trực tiếp tới hiệu quả công việc. Trong tác phẩm “sửa đổi lối làm việc” một trong những tác phẩm được Bác bàn nhiều về vấn đề cán bộ và công tác cán bộ, Người viết: “công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém. Vì vậy, Đảng phải nuôi dạy cán bộ, như người làm vườn vun trồng những cây cối quý báu. Phải trọng nhân tài, trọng cán bộ, trọng mỗi một người có ích cho công việc chung của chúng ta”³. Một mặt tư tưởng này khẳng định vai trò của người cán bộ đối với công việc, mặt khác cũng khẳng định rõ trách nhiệm của người cán bộ đối với công việc. Công việc thành công hay thất bại đều xuất phát từ phía người cán bộ, cán bộ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 212.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr. 309.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr. 313.

tốt thì công việc thành công, cán bộ yếu kém, suy thoái phẩm chất thì công việc thất bại. Từ đó Đảng ta phải hết sức chú ý đến việc “nuôi dạy” cán bộ thường xuyên, liên tục nhằm tạo nên đội ngũ cán bộ hùng hậu, vững vàng bản lĩnh chính trị cũng như năng lực chuyên môn và đạo đức cách mạng, qua đó đảm bảo được vai trò là chủ thể là cái gốc mọi công việc của người cán bộ.

Như vậy, có thể thấy rằng những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò của cán bộ đã trở thành chân lý, triết lý đúng đắn, sâu sắc và toàn diện. Mặc dù bối cảnh lịch sử đất nước ta ngày nay có nhiều thay đổi, song tư tưởng của Người về vị trí, vai trò của cán bộ vẫn mãi mãi đúng đắn, trường tồn và bất diệt. Những tư tưởng ấy là cơ sở lý luận quan trọng định hướng soi đường cho Đảng và nhà nước ta xác định, đánh giá đúng đắn, sáng tạo, khoa học về vị trí, vai trò của người cán bộ trong giai đoạn hiện nay.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về tiêu chuẩn năng lực và phẩm chất của người cán bộ, đảng viên

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm chăm lo giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ đảng viên, đào tạo họ trở thành những cán bộ có nhân cách phát triển toàn diện về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống cũng như trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Những phẩm chất đó của người cán bộ được Người khái quát ngắn gọn trong hai chữ “đức” và “tài”. Đây là chuẩn mực để mỗi cán bộ tu dưỡng rèn luyện, phấn đấu, đồng thời là tiêu chuẩn để xem xét, đánh giá, sử dụng cán bộ của Đảng.

2.1. Về năng lực của cán bộ

Hồ Chí Minh cho rằng, muốn hoàn thành nhiệm vụ cách mạng đầu tiên phải là người cán bộ có tài. Tài của người cán bộ là trình độ, năng lực để hoàn thành nhiệm vụ một cách tốt nhất, có hiệu quả nhất.

Tài được thể hiện ở trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, khả năng nhận thức đúng các quy luật, sáng tạo trong giải quyết công việc; luôn làm chủ được tri thức khoa học và có khả năng hiểu biết sâu rộng về các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực chuyên môn của mình. Bác nói: “Phải có chính trị trước rồi có chuyên môn; chính trị là đức, chuyên môn là tài”. “Tài” còn là khả năng hoạt động thực tiễn, kỹ năng và hiệu quả thực hành các công việc được giao. Người cán bộ cách mạng phải có năng lực trí tuệ và năng lực hoạt động thực tiễn, có trình độ kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng hoạt động tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Dù hoạt động trên bất kỳ lĩnh vực nào thì người có “Tài” phải là người có sự hiểu biết thấu đáo và thực hành thành thạo các công việc mà mình đảm nhiệm.

2.2. Về phẩm chất của cán bộ

Đạo đức cách mạng của người cán bộ là một tư tưởng lớn trong tư tưởng của Hồ Chí Minh. Người cho rằng, người cán bộ cách mạng phải lấy “đạo đức làm cốt”, đạo đức là gốc, là nền tảng của người cán bộ cách mạng. Đây là một quan điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh. Đạo đức cách mạng của người cán bộ được Hồ Chí Minh trình bày khác so với những chuẩn mực đạo đức của chế độ thực dân phong kiến. Đạo đức của người cán bộ cách mạng ở đây là đạo đức vì sự nghiệp cách mạng, đạo đức để xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn, xây dựng một nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân.

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh thì một người cán bộ có đức là người hội tụ trong mình những chuẩn mực giá trị đạo đức như sau:

Một là, trung với nước, hiếu với dân. Hai phạm trù “trung” và “hiếu” trong tư tưởng của Hồ Chí Minh cũng là sự kế thừa nội dung của chữ trung và chữ hiếu trong đạo đức truyền thống của nho giáo nguyên thủy. Tuy nhiên, quan điểm của Hồ Chí Minh về trung và hiếu có sự khác biệt và thể hiện sự sáng tạo, thích hợp trong điều kiện mới.

Người khẳng định: “Có người cho đạo đức cũ và đạo đức mới không có gì khác nhau. Nói như vậy là lầm to. Đạo đức cũ và đạo đức mới khác nhau nhiều. Đạo đức cũ như người đầu ngược xuống đất chân chống lên trời. Đạo đức mới như người hai chân đứng vững được dưới đất, đầu ngẩng lên trời”¹. Hồ Chí Minh từng nói: “đạo đức ngày trước thì chỉ trung với vua, hiếu với cha mẹ. Ngày nay, thời đại mới, đạo đức cũng phải mới, phải trung với nước phải hiếu với toàn dân, với đồng bào”². Như vậy, trung với hiếu ở đây nội dung rộng hơn trước, trung với nước không chỉ là một lòng một dạ với Tổ quốc, sẵn sàng hy sinh bản thân mình cho đất nước khi cần mà trung còn là niềm tin tuyệt đối với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn. Hiếu cũng không chỉ gói gọn trong quan hệ gia đình với người thân mà được mở rộng ra với toàn thể nhân dân. Người cán bộ cần phải gần dân, đối với nhân dân phải kính trọng, lễ phép, phải học dân, phải dựa vào dân mà làm việc.

Để xây dựng phẩm chất đạo đức cách mạng, người cán bộ phải thường xuyên đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân. Bởi lẽ, chủ nghĩa cá nhân là một căn bệnh hết sức nguy hiểm, là ung nhọt cần phải loại bỏ, kẻ thù của tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Trong tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc” Hồ Chí Minh đã dành phần lớn nói về chủ nghĩa cá nhân và Người gọi đây là một căn bệnh phá chủ nghĩa tập thể, chủ nghĩa xã hội mà Đảng Ta đang xây dựng. Vì vậy, cần phải loại bỏ chủ nghĩa cá nhân trong đội ngũ cán bộ.

Trên những cơ sở phân tích về tài và đức của người cán bộ, ta thấy được trong tư tưởng của Hồ Chí Minh người cán bộ phải vừa có tài vừa có đức, vừa hồng vừa chuyên. Đức là cái gốc, là nền tảng, ngọn nguồn của sức mạnh còn tài là điều kiện cần và đủ của người cán bộ. Do đó, không được tuyệt đối hóa vai trò một mặt cần phải nhìn thấy vai trò của cả đức và tài, thấy được sự tác động biện chứng qua lại của hai yếu tố ấy để hướng đến xây dựng một người cán bộ đủ đức đủ tài phụng sự đất nước. Phân tích mối quan hệ giữa tài và đức, Hồ Chí Minh viết: “Có tài phải có đức, có tài không có đức, tham ô hủ hoá có hại cho nhà nước. Có đức không có tài, như ông Bụt ngồi trong chùa, không giúp ích gì được ai”³.

Hai là, nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm: Năm phẩm chất đạo đức này được kế thừa dựa trên những phẩm chất đạo đức cơ bản của truyền thống dân tộc mà cơ bản là tư tưởng của nho giáo về đạo đức người quân tử. Theo đó Người giải thích:

Nhân là thật thà yêu thương, hết lòng giúp đỡ đồng chí và đồng bào.

Nghĩa là ngay thẳng không có tâm tư, không làm việc gì phải giấu Đảng, hở thẹn với bản thân. Ngoài lợi ích của Đảng, không có lợi ích riêng, lợi ích cá nhân. Không sợ người khác phê bình, mà phê bình người khác cũng luôn luôn đúng đắn mang tính khuyên bảo chứ không phải phê bình để lăng mạ người khác mang tính chất tiêu cực.

Trí là suy nghĩ, ý nghĩ trong sáng, sáng suốt, dễ hiểu lý luận, dễ tìm phương hướng. vì

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr. 220.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr. 170.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr. 345-346.

vậy, biết làm những điều có lợi tránh điều có hại cho Đảng.

Dũng là sự dũng cảm, gan góc, không ngại khó khăn gian khổ, mạnh dạn nhìn vào khuyết điểm của mình mà sửa đổi. Khi Tổ quốc cần luôn sẵn sàng hy sinh cả tính mạng cho Tổ quốc, cho đồng bào.

Liêm là sự liêm khiết không màng đến địa vị, danh lợi, tiền tài. Vì vậy luôn nỗ lực cố gắng, ham học hỏi.

Ba là, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Đây là những phẩm chất đạo đức cơ bản mà người cán bộ cần phải có, ví như trời có bốn mùa, đất có bốn phương. Nếu thiếu một mùa thì không thành trời, thiếu một phương thì không thành đất và con người nếu thiếu một đức thì không thành người. Tất cả những phẩm chất đạo đức này được Hồ Chí Minh thể hiện trong tác phẩm “Cần, kiệm, liêm, chính” đăng trên báo Cứu quốc vào năm 1949. Theo Người, nếu người cán bộ thực hiện được cần, kiệm, liêm, chính tốt thì sẽ dẫn tới trí công vô tư và ngược lại nếu chí công vô tư thì nhất định sẽ thực hiện được cần, kiệm, liêm, chính. Điều đó thể hiện tư tưởng vô cùng biện chứng của Hồ Chí Minh trong mọi vấn đề.

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về phong cách người cán bộ, đảng viên

Theo Hồ Chí Minh, phong cách người cán bộ có quan hệ mật thiết với tư tưởng, đường lối và phương pháp cách mạng. Phong cách người cán bộ có quan hệ chặt chẽ với đạo đức cách mạng của người cán bộ đó là: trung với nước, hiếu với dân, cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư... Những phẩm chất đạo đức này được thể hiện cụ thể qua phong cách khác nhau của từng người. Phong cách người cán bộ là một chỉnh thể bắt đầu từ suy nghĩ (phong cách tư duy) đến hoạt động thực tiễn như phong cách làm việc, phong cách diễn đạt, phong cách ứng xử và cuối cùng là phong cách trong sinh hoạt đời thường.

Về phong cách tư duy, mỗi cán bộ đảng viên phải có tính độc lập, tự chủ, sáng tạo, tìm tòi cái mới phù hợp quy luật khách quan, trả lời được những câu hỏi thực tiễn đặt ra. Tư duy phải xuất phát từ thực tế Việt Nam, địa phương, ngành mình, phù hợp với những điều kiện lịch sử cụ thể.

Về phong cách làm việc, trong tác phẩm “sửa đổi lối làm việc” Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “bao nhiêu cách tổ chức và cách làm việc, đều vì lợi ích của quần chúng, vì cần cho quần chúng. Vì vậy cách tổ chức và cách làm việc nào không hợp với quần chúng ta phải có gan đề nghị lên cấp trên để bỏ đi hoặc sửa lại. Cách nào hợp với quần chúng, quần chúng cần, thì dù chưa có sẵn, ta phải đề nghị lên cấp trên mà đặt ra. Nếu cần làm thì cứ đặt ra, rồi báo cáo sau, miễn là được việc”¹. Phong cách làm việc được thể hiện qua ba tác phong cơ bản đó là tác phong quần chúng, tác phong tập thể dân chủ và tác phong khoa học.

Tác phong quần chúng: người cán bộ tu dưỡng rèn luyện theo phong cách quần chúng của Hồ Chí Minh là phải theo đúng đường lối nhân dân. Tức là phải đặt lợi ích của quần chúng nhân dân lên trên hết; phải liên hệ với nhân dân; việc gì cũng bàn với nhân dân, giải thích cho nhân dân hiểu rõ; Có khuyết điểm thì thật thà tự phê bình trước nhân dân và hoan nghênh nhân dân khi nhìn ra khuyết điểm mình rồi phê bình; sẵn sàng học hỏi nhân dân; chống bệnh quan liêu.

Tác phong tập thể dân chủ: tức là dân chủ trong Đảng (phát huy sức mạnh trí tuệ của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr. 246.

tập thể, tôn trọng và đặt mình trong tập thể, mở rộng dân chủ trong sinh hoạt Đảng, nhận trách nhiệm cá nhân, tuyệt đối tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách) và phát huy quyền làm chủ của nhân dân (cán bộ phải làm cho nhân dân có năng lực làm chủ, biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm. coi trọng nâng cao dân trí, bồi dưỡng ý thức làm chủ, phát triển văn hóa chính trị và tính tích cực của công dân).

Tác phong khoa học: khắc phục thói quen tự do, tùy tiện, thiếu kế hoạch, chậm chạp lè mè. Làm việc phải đi sâu đi sát nắm tình hình cụ thể, phải nắm thông tin và xử lý thông tin một cách khoa học, phải có mục đích, kế hoạch rõ ràng và thường xuyên rút kinh nghiệm. Cán bộ lãnh đạo phải kiểm tra việc thực hiện của cấp dưới, lãnh đạo phải toàn diện và cụ thể, phải cẩn thận mà nhanh nhẹn, kịp thời, có trọng điểm và có điển hình.

Về phong cách diễn đạt, cán bộ phải xác định rõ chủ đề, đối tượng và mục đích của việc nói và viết từ đó tìm ra cách nói, cách viết phù hợp với đối tượng, rõ chủ đề và mục đích đề ra. Viết và nói phải chân thực, không nên nói ầu, không được bịa ra. Chưa điều tra nghiên cứu, chưa biết rõ chớ nói, chớ viết. Viết và nói đúng sự thật, nói cả những sai lầm khuyết điểm. Viết, nói ngắn gọn, diễn đạt phải giản dị dễ hiểu dễ nhớ dễ làm để dễ dàng tuyên truyền cho quần chúng nhân dân.

Về phong cách ứng xử, mỗi người cán bộ phải chú ý ứng xử với các đối tượng khác nhau, trước hết và quan trọng nhất là với các tầng lớp nhân dân. Cán bộ phải chân thực, luôn luôn xem mình là người bình thường. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, tuyệt đối không được dùng sức mạnh của quyền lực trong ứng xử với nhân dân.

Về phong cách sinh hoạt, trong sinh hoạt ngày ngày, mỗi người cán bộ phải đặt cho mình một kỷ luật chặt chẽ, giữ nếp trật tự, ngăn nắp, gọn gàng, chú ý rèn luyện sức khỏe, sắp xếp thời gian tiến hành mọi việc hợp lý và có hiệu quả nhất.

Trên cơ sở nhận thức vị trí, vai trò của cán bộ Hồ Chí Minh đi đến quan điểm về vị trí, vai trò của công tác cán bộ. Giữa cán bộ và công tác cán bộ liên hệ mật thiết, khăng khít với nhau. Để xây dựng đội ngũ cán bộ vững mạnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong từng giai đoạn cách mạng tất yếu phải làm tốt công tác cán bộ. Ngược lại chỉ khi Đảng ta làm tốt công tác cán bộ thì mới có người cán bộ giỏi, tạo nên những thế hệ trẻ có năng lực và phẩm chất cách mạng.

Sau hơn 30 năm đổi mới, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đã thu được những thành quả nhất định, trong đó có sự đóng góp to lớn của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc thực hiện chức trách của mình, cán bộ, đảng viên bộc lộ nhiều khuyết điểm yếu kém, đặc biệt là tình trạng xuống cấp, suy thoái đạo đức, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của một số cán bộ trong hệ thống chính trị. Nghị quyết số 12-NQ/TW Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tư khóa XI (tháng 1 năm 2012) và Nghị quyết số 04-NQ/TW Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tư khóa XII (tháng 10 năm 2016) của Đảng đã khẳng định, đây là vấn đề cấp bách, cần phải giải quyết trong công tác cán bộ. Đảng ta đã chỉ rõ 27 biểu hiện của tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, về đạo đức, lối sống và biểu hiện của “tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ”¹ cán bộ, đảng viên. Từ thực trạng trên, Đảng ta đã đưa ra hệ thống các giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả

1. <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-xii/nghi-quyet-so-04nq-tw-ngay-30102016-hoi-nghi-lan-thu-tu-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xii-ve-tang-cuong-xay-dung-chinh-550>

của công tác đánh giá cán bộ. Tuy nhiên, để thực hiện tốt các giải pháp đó, bản thân người cán bộ cách mạng phải tự nhận thức, tự đánh giá được phẩm chất, tư cách đạo đức của bản thân và nghiêm khắc khắc phục những sai lầm, khuyết điểm, trau dồi phẩm chất và năng lực, hoàn thiện đạo đức và chuyên môn của bản thân, hoàn thành nhiệm vụ Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó.

Vận dụng và phát triển sáng tạo những lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin vào điều kiện hoàn cảnh lịch sử cụ thể đất nước ta và xuất phát từ những kinh nghiệm đúc rút từ trong hoạt động thực tiễn, Hồ Chí Minh đã thấu suốt ý nghĩa, tầm quan trọng đặc biệt của công tác cán bộ. Trong quá trình xây dựng Đảng, thì công tác cán bộ là một trong những công tác chiếm vị trí quan trọng hàng đầu, có vai trò quyết định thành công tới toàn bộ công tác xây dựng lực lượng cách mạng của Đảng. Như vậy công tác cán bộ là điều kiện để làm nên thành công của cách mạng.

Trên cơ sở đánh giá đúng vị trí vai trò của cán bộ và công tác cán bộ “cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, “công tác cán bộ có ý nghĩa chiến lược đối với sự nghiệp cách mạng”, Hồ Chí Minh xây dựng nên hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về cán bộ và công tác cán bộ, trở thành tri thức lý luận sâu sắc, bài học quý báu trang bị cho Đảng Cộng sản Việt Nam vững bước trên con đường lãnh đạo nhân dân cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thế kỷ XXI. Qua đó cũng cho chúng ta thấy rõ, trong tư duy của Hồ Chí Minh, vị trí vai trò, tầm quan trọng của người cán bộ và công tác cán bộ có mối liên hệ biện chứng với nhau. Muốn có đội ngũ cán bộ tốt, đội ngũ cán bộ thật sự là “gốc của mọi công việc” thì công tác cán bộ là một cơ sở, điều kiện để xây dựng đội ngũ cán bộ tốt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác.

Thực hiện tinh thần của chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, Đảng và nhà nước ta đã và đang vận dụng sáng tạo và đi đúng hướng trong công tác cán bộ. Đặc biệt, tại đại hội XI đã khẳng định: “tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ công tác cán bộ, thực hiện tốt chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa: đổi mới tư duy cách làm, khắc phục những yếu kém trong từng khâu của công tác cán bộ... sử dụng đúng cán bộ trên cơ sở những tiêu chuẩn, quy trình đã được bổ sung, hoàn thiện, lấy hiệu quả công tác thực tế và sự tín nhiệm của nhân dân làm thước đo chủ yếu”¹. Nhằm phát huy năng lực, sở trường của cán bộ, nâng cao hiệu quả công việc, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới./.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 261

XÂY DỰNG ĐẢNG - NỘI DUNG TƯ TƯỞNG CỐT YẾU TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

*TS. Bùi Thanh Xuân**

*ThS. Lê Tuấn Anh***

Đã 50 năm trôi qua, kể từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đi xa, Người để lại cho muôn đời sau một bản Di chúc thiêng liêng. Di chúc đã trở thành di sản tinh thần vô cùng quý giá, kết tinh những tinh hoa đạo đức và tâm hồn cao đẹp, những nội dung tư tưởng cốt yếu định hướng phát triển lâu dài cho cách mạng Việt Nam. Đó là những tình cảm thấm thiết và niềm tin vững chắc của Người đối với nhân loại tiến bộ, mà trước hết là với Đảng ta, nhân dân ta và các thế hệ mai sau.

Di chúc là một văn kiện lịch sử phản ánh tập trung nhất tư tưởng, đạo đức và tác phong của Người, thể hiện tinh thần trách nhiệm lớn lao, lo lắng mọi bề đến tương lai của dân tộc ta, của chế độ xã hội chủ nghĩa và loài người. Tư tưởng trong Di chúc thể hiện nguyện vọng, ý chí và quyết tâm đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất nước nhà. Với ý nghĩa đặc biệt đó mà “Di chúc của Người hiện nay cũng như sau này không những chỉ là của nhân dân Việt Nam mà còn dành cho tất cả dân tộc, các đảng đang đấu tranh vì chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, dù ở châu Á, châu Âu hay ở bất cứ nơi nào trên các lục địa”¹.

1. Xây dựng Đảng - Nội dung tư tưởng cốt yếu trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Trong Di chúc để lại cho dân tộc ta, vấn đề “*trước hết*” được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập là về Đảng. Như vậy, vấn đề xây dựng Đảng được Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm không chỉ sinh thời mà còn đặc biệt lưu ý, căn dặn lại cho toàn Đảng ta trước khi đi xa. Vượt qua ngôn ngữ, hình thức của một bản Di chúc thông thường, những vấn đề viết về xây dựng Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Di chúc mang tầm lý luận sâu sắc. Đây là nét độc đáo trong tư tưởng và đạo đức cách mạng của Người. Tư tưởng xây dựng đảng trong Di chúc bao gồm những vấn đề rất cơ bản và phong phú mà nội dung quan trọng là giáo dục, rèn luyện đảng viên, nâng cao trình độ lý luận, nhận thức, năng lực trí tuệ của đội ngũ; chống giáo điều, chủ nghĩa cá nhân; tuân thủ triệt để và vận dụng sáng tạo nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ.

Là người sáng lập, rèn luyện Đảng ta, suốt đời Bác chăm lo cho công tác xây dựng Đảng. Bài học đầu tiên Người huấn luyện cho lớp thanh niên yêu nước giác ngộ cách mạng, chuẩn bị cho việc thành lập Đảng, Người viết rằng: “Cách mệnh trước hết phải có cái gì?

* *Trường Đại học Thủ Dầu Một*

** *Trường Đại học Thủ Dầu Một*

1. *Hồ Chí Minh - Sự hội tụ tinh hoa tư tưởng đạo đức nhân loại*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2007, tr.595.

Trước hết phải có Đảng cách mệnh... Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam”¹.

Bằng lời lẽ mộc mạc nhưng vô cùng súc tích, Di chúc tuy ngắn gọn nhưng bao chứa toàn bộ tinh cảm và tư tưởng của Người đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam, với các thế hệ Việt Nam. Trong Di chúc, ngoài 79 chữ nói “Về việc riêng” tương ứng với 79 mùa xuân của mình, Người dành trọn tình cảm cho dân, cho Đảng. “Trước hết nói về Đảng”, thể hiện sự quan tâm đặc biệt của Người đến vấn đề xây dựng Đảng và xuyên suốt là tư tưởng về tăng cường, củng cố, giữ vững sự đoàn kết thống nhất cội nguồn sức mạnh của Đảng. Người viết: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”². Người không chỉ khẳng định vị trí, vai trò của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng nước ta, trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn đúc kết, khái quát mang tầm lý luận sâu sắc về những nguyên nhân, yếu tố cốt lõi dẫn đến sự tổ chức, lãnh đạo thành công của Đảng ta. Người viết: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc”. Như vậy, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, nguyên nhân tạo cho Đảng ta có khả năng tổ chức, lãnh đạo, tập hợp được đông đảo quần chúng nhân dân, phát huy được sức mạnh của cả dân tộc trong sự nghiệp cách mạng là sự đoàn kết chặt chẽ trong Đảng và Đảng một lòng, một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc. Đặt nguyên nhân dẫn đến sự tổ chức, lãnh đạo thành công của Đảng ta trong một mệnh đề, Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn chỉ ra mối quan hệ nhân quả, chặt chẽ giữa đoàn kết và kiên định tôn chỉ, mục đích của Đảng. Đảng có đoàn kết chặt chẽ thì mới thực hiện được tôn chỉ, mục đích phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc. Ngược lại, phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc là cơ sở để tạo ra và củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Kết hợp cả hai yếu tố: đoàn kết chặt chẽ trong Đảng và phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc là nguyên nhân của mọi nguyên nhân. Đảng ta tổ chức, lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Như vậy, Người khẳng định sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng phải được xây dựng, củng cố trên cơ sở vì mục đích cao cả “một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc”. Chỉ trên cơ sở đó trong Đảng mới có sự thống nhất về ý chí và hành động “triệu người như một” để chiến thắng bất cứ kẻ thù nào, vượt qua bất cứ khó khăn trở ngại nào.

Thực tiễn lịch sử đã chứng minh, nhờ đoàn kết chặt chẽ mà mới tròn một tuổi, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta làm nên cao trào cách mạng 1930-1931; 15 tuổi, Đảng đã lãnh đạo nhân dân tiến hành Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám thành công, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Nhờ đoàn kết, thống nhất mà Đảng đã tập hợp được lực lượng, phát huy được sức mạnh của cả dân tộc và thời đại vào cuộc kháng chiến trường kỳ suốt 30 năm, đánh thắng hai đế quốc là Pháp và Mỹ, hoàn thành thắng lợi sự nghiệp đấu tranh giải

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.2, tr.267-268.

2. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.36.

phóng miền Nam thống nhất nước nhà. Cũng chính nhờ sự đoàn kết, thống nhất ấy mà hơn hai mươi năm qua, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành thắng lợi sự nghiệp Đổi mới.

Trong công tác xây dựng Đảng, Người đặt lên hàng đầu vấn đề đoàn kết. Đoàn kết là một nội dung quan trọng trong hệ giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam được hình thành, củng cố và phát triển lâu dài trong công cuộc dựng nước và giữ nước đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh kế thừa và phát triển lên tầm cao mới. Bản thân Người là mẫu mực tuyệt vời trong việc thực hiện truyền thống đoàn kết. Người khẳng định: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân tộc ta”¹. Sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng được Hồ Chí Minh so sánh với “con người” trong đôi mắt, Người căn dặn: “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong Đảng như giữ gìn con người của mắt mình”². Sự so sánh giữa “giữ gìn đoàn kết nhất trí trong Đảng như giữ gìn con người của mắt mình” hàm chứa ẩn ý rất sâu sắc. Đối với mỗi người, không giữ được con người thì đôi mắt sẽ hỏng, nhận thức và hành động sẽ khó khăn, kém hiệu quả. Đối với Đảng, không có sự đoàn kết, thống nhất thì Đảng sẽ không đủ năng lực, trí tuệ lãnh đạo nhân dân. Do đó, Đảng có giữ gìn được đoàn kết trong Đảng mới giúp cho Đảng ta sáng suốt trong tổ chức, lãnh đạo nhân dân, trong xác định đường lối cách mạng. Ngược lại, Đảng không giữ gìn được sự đoàn kết, khác nào “con mắt bị hỏng con người”, như người mù không thấy tỏ đường đi.

Trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ căn dặn toàn Đảng giữ gìn đoàn kết nhất trí, mà còn chỉ ra cách thức, phương pháp để thực hiện đoàn kết nhất trí trong Đảng. Người viết: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”³. Đây không chỉ là sự đúc kết, khái quát mang tầm lý luận sâu sắc mà còn là biểu hiện tầm cao trí tuệ, tình thương yêu rộng lớn đối với con người của một nhân cách lớn ở Người. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra nguyên lý của đoàn kết trong Đảng: Không thực hiện dân chủ thì không đoàn kết được, nhất là dân chủ trong Đảng. Vì Đảng ta cầm quyền, không dân chủ trong Đảng thì làm sao dân chủ trong dân được. Việc chỉ ra cách thức, phương pháp để thực hiện đoàn kết trong Đảng bằng “thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình”, là sự trung thành với những nguyên tắc xây dựng đảng kiểu mới của chủ nghĩa Mác - Lênin, là sự vận dụng đúng đắn quy luật tồn tại và phát triển, giải quyết mâu thuẫn trong Đảng bằng phương pháp hòa bình, đó là phê bình và tự phê bình.

Nhờ dân chủ mà Đảng ta đã khơi dậy, phát huy cao nhất trí tuệ, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình. Nhờ dân chủ mà trong Đảng đã khắc phục được tình trạng bè cánh, cục bộ, địa phương chủ nghĩa, quan liêu, hách dịch, cửa quyền, xa rời quần chúng. Thực hành dân chủ rộng rãi nghĩa là phải dân chủ thực sự, dân chủ thường xuyên, dân chủ từ Trung ương đến cơ sở. Nhưng, dân chủ phải gắn với tập trung. Tập trung dân chủ là nguyên tắc sống còn và cũng là biện pháp tốt nhất để xây dựng Đảng ta. Tám mươi tư năm qua, nhờ

1. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr.36.

2. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr.36.

3. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr.36.

quán triệt sâu sắc và thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ mà Đảng ta không ngừng lớn mạnh, vượt qua bao thử thách, lãnh đạo nhân dân ta xây dựng, bảo vệ thành công Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa và đặc biệt trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay. Kiên quyết đấu tranh chống lại những biểu hiện trong thực hành dân chủ hình thức. Lợi dụng dân chủ để truyền bá những quan điểm, tư tưởng cá nhân, xâm hại đến lợi ích chung, gây mất đoàn kết trong Đảng, trong xã hội.

Trong Di chúc, khi căn dặn về thực hiện phê bình và tự phê bình trong Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh lưu ý phải tiến hành “thường xuyên và nghiêm chỉnh”. Đây là sự căn dặn cực kỳ sâu sắc, thể hiện sự sâu sát thực tiễn ở Người. Bởi vì, tự phê bình và phê bình phải thường xuyên, nghiêm túc, không nể nang, qua loa đại khái, hình thức “dĩ hòa vi quý”. Người hiểu rõ, đã là con người thì ít, nhiều đều có khuyết điểm, nhưng quan trọng là phải nhận rõ khuyết điểm, không được che giấu khuyết điểm, tự phê bình để sửa chữa, khắc phục, vươn lên tự chiến thắng thói hư tật xấu của mình. Đối với đồng chí, đồng đội, Người yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên phải phê bình một cách thẳng thắn, chân thành nhằm giúp đồng chí, đồng đội nhận rõ sai lầm, sửa chữa để không ngừng tiến bộ.

Trong Di chúc, khi nói về phê bình và tự phê bình, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn căn dặn: “Phải có tình thương yêu lẫn nhau”. Đây là lời căn dặn thật chí tình, chí nghĩa thể hiện tình cảm bao dung, nhân văn ở Người. Phê bình và tự phê bình không có nghĩa là “đao to, búa lớn”, “việc bé xé ra to”, là để đồng chí của mình nhận thức ra khuyết điểm và sửa chữa, phấn đấu. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “Phê bình mình cũng như phê bình người phải ráo riết, triệt để, thật thà, không nể nang, không thêm bớt. Phải vạch rõ cả ưu điểm và khuyết điểm. Đồng thời chớ dùng những lời mỉa mai, chua cay, đâm chọc. Phê bình việc làm, chứ không phải phê bình người”. Như vậy, mục đích của tự phê bình và phê bình là giúp cho bản thân và đồng đội ngày càng tiến bộ hơn; tuyệt đối không vì mâu thuẫn cá nhân, động cơ cá nhân mà phê bình theo kiểu “vạch lá tìm sâu”, “bới lông tìm vết” nhằm trù dập, đả đả, hạ bệ lẫn nhau. Theo Hồ Chí Minh, tự phê bình và phê bình là công việc thường xuyên; ngừng tự phê bình và phê bình tức là ngừng tiến bộ, là thoái bộ. Rõ ràng là, Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn căn dặn, nhắc nhở chúng ta giải quyết vấn đề mất đoàn kết trong Đảng phải được tiến hành một cách bao dung, xử lý dựa trên nguyên tắc, Điều lệ Đảng, nhưng thấm đẫm tình người.

Là người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm đặc biệt tới việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo học thuyết xây dựng Đảng kiểu mới của V.I. Lênin. Theo Hồ Chí Minh, “chỉnh đốn lại Đảng” là sự sửa sang, sắp đặt lại cho đúng nguyên tắc, cho có nề nếp về bộ máy tổ chức, các nguyên tắc, quy tắc hoạt động, về đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng... để luôn phù hợp và luôn ngang tầm với những yêu cầu mới của mỗi giai đoạn cách mạng, mỗi khi cách mạng chuyển giai đoạn. Trong xây dựng và chỉnh đốn Đảng, *vấn đề con người* (cán bộ, đảng viên) là *công việc đầu tiên*. Và trong các nội dung về xây dựng, chỉnh đốn con người thì vấn đề phẩm chất cán bộ và tư cách đảng viên là *yếu tố quyết định* để có một Đảng thực sự chân chính, cách mạng, trong sạch và vững mạnh. Vì vậy, mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng phải thường xuyên tự giáo dục và rèn luyện về đạo đức và năng lực công tác. Trong Di chúc viết tháng 5/1968, Người nhắc nhở: “theo ý tôi, việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn

viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi”¹, bởi theo Người xây dựng, chinh đốn Đảng vừa là vấn đề thường xuyên, vừa hết sức cấp bách.

Về chinh đốn Đảng, Người không coi đó là biện pháp tình thế mà là nhiệm vụ tất yếu, thường xuyên để thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng, là sự vận động trong quá trình phát triển. Khi cách mạng khó khăn, chinh đốn Đảng để xây dựng thái độ bình tĩnh, sáng suốt, kiên định lập trường, không để rơi vào tình trạng dao động, bi quan; khi cách mạng trên đà thắng lợi, chinh đốn Đảng để ngăn ngừa bệnh kiêu ngạo, chủ quan, tự mãn, lạc quan tếu; khi Đảng cầm quyền, đảng viên rất dễ đánh mất mình, ngày hôm qua vĩ đại, không nhất định hôm nay vẫn được mọi người yêu mến nếu họ không trong sáng, sa vào chủ nghĩa cá nhân. Vì vậy lại càng cần coi trọng chinh đốn Đảng. Đặc biệt, trước yêu cầu xây dựng đảng ngang tầm với nhiệm vụ lịch sử mới và trước thực trạng của Đảng ta hiện nay thì nhiệm vụ xây dựng, chinh đốn Đảng vừa là cơ bản, thường xuyên lại vừa rất cấp bách.

Theo Hồ Chí Minh, Đảng ta là một Đảng cầm quyền, vì vậy, xây dựng và chinh đốn Đảng là hai mặt của một quá trình thống nhất biện chứng, tác động qua lại với nhau, mặt này lấy mặt kia làm điều kiện, tiền đề của nhau. Trong xây dựng có chinh đốn, chinh đốn về thực chất là xây dựng. Chinh đốn Đảng là nâng tầm năng lực của mỗi đảng viên, mỗi chi bộ để đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ mới. Muốn chinh đốn Đảng thì trước hết “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”². Sinh thời, trong nhiều bài nói, viết, Người đã luôn luôn nhắc đến việc chính quyền do Đảng Cộng sản tổ chức và lãnh đạo phải là chính quyền của dân, do dân và vì dân. Ngay từ năm 1947, Người viết tác phẩm “*Sửa đổi lối làm việc*” để giáo dục lề lối làm việc, tác phong lãnh đạo, tư cách đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên; khắc phục nguy cơ quan liêu, xa rời quần chúng, bệnh cục bộ địa phương, bè phái, hẹp hòi ích kỷ, quân phiệt, vô tổ chức, vô kỷ luật,... trong bộ máy Nhà nước và đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhằm củng cố, xây dựng Đảng vững mạnh, gắn bó mật thiết với nhân dân, xứng đáng là lực lượng lãnh đạo và quyết định thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của dân tộc.

Để Đảng ta thật trong sạch, xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân, sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn cán bộ, đảng viên: “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “Cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã nhắc nhở rằng, trong học tập, lao động, công tác cũng như trong cuộc sống đời thường của từng người ở xã hội ta vào thời kỳ cách mạng nào cũng thế, nếu sự bất liêm, bất chính, lãng phí, tham ô, lười biếng, vô trách nhiệm, thu vén cá nhân, ích kỷ vì lợi ta hại người... còn lẫn

1. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr.36.

2. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr.24.

khuất đầu đó bằng sự đối trá với chính mình, với tập thể và cộng đồng thì đó là “kẻ thù nội tâm” nguy hiểm khôn lường.

Như vậy, có thể thấy rằng, những vấn đề nói về Đảng trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự khái quát lý luận sâu sắc những vấn đề cốt lõi về xây dựng Đảng. Di chúc của Người đã khẳng định vị trí, vai trò to lớn của Đảng trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc; chỉ ra nguyên nhân cốt lõi dẫn đến sự lãnh đạo thành công của Đảng là do Đảng đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc; đúc rút phương pháp tốt nhất để thực hiện đoàn kết nhất trí trong Đảng là thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình; căn dặn cán bộ, đảng viên phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, Đảng phải trong sạch, xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

2. Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng Đảng trong giai đoạn hiện nay

Từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta xây dựng và củng cố được đội ngũ đảng viên đông đảo vững vàng, từng bước nâng cao năng lực, nhanh chóng đáp ứng yêu cầu cách mạng, hoàn thành những trọng trách được giao phó, được nhân dân tin cậy và ủng hộ là do Đảng ta luôn quán triệt và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đảng. Ngay cả sau hơn 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới, Việt Nam càng thấm thía rằng, chỉ có nắm vững và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta mới có thể xây dựng Đảng ta trong sạch vững mạnh. Đây là yếu tố quan trọng quyết định thắng lợi của cách mạng nước ta. Cùng với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng thì cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” là thể hiện trách nhiệm và tình cảm của Đảng đối với Bác. Đó là những cuộc vận động liên quan đến vận mệnh của Đảng, của chế độ, của dân tộc. Vì vậy, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ của toàn Đảng và cũng là nguyện vọng, trách nhiệm của toàn dân.

Tuy nhiên, nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá một cách khách quan, hiện nay trong Đảng còn rất nhiều vấn đề phải giải quyết như Đại hội X của Đảng đã đánh giá: “Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng còn nhiều mặt chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới”; “Dân chủ trong Đảng và trong xã hội còn bị vi phạm”; “Bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân trong một bộ phận cán bộ đảng viên có chiều hướng gia tăng”; “Thoái hóa, biến chất về chính trị, tư tưởng, về đạo đức, lối sống; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu nhân dân trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên diễn ra nghiêm trọng, kéo dài chưa được ngăn chặn, đẩy lùi”; “cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình trong các cấp ủy, tổ chức Đảng, đảng viên chưa đạt yêu cầu đề ra”¹.

Xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là mọi cán bộ, đảng viên phải không ngừng rèn luyện đạo đức cách mạng, kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, xây dựng lối sống lành mạnh. Việc tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng, lối sống lành mạnh cho cán bộ, đảng viên trong giai đoạn hiện nay có ý nghĩa rất quan trọng nhằm kiện toàn về tổ chức, đoàn kết thống nhất, nâng cao sức chiến

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.262-263-268.

đầu của Đảng và củng cố niềm tin của nhân dân. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ là vấn đề trọng yếu bảo đảm sức mạnh đoàn kết, tinh chiến đấu và uy tín của Đảng. Việc tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với dân phải được coi là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng, nhân tố quyết định tạo nên sức mạnh của Đảng. Cùng với việc chăm lo xây dựng đội ngũ, phải đổi mới quan niệm và phương pháp tiến hành công tác cán bộ theo hướng thực sự dân chủ, khách quan.

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác xây dựng Đảng vẫn còn không ít hạn chế, yếu kém, thậm chí có những yếu kém khuyết điểm kéo dài qua nhiều nhiệm kỳ chậm được khắc phục, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng; nếu không được sửa chữa sẽ là thách thức đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và sự tồn vong của chế độ.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, đánh giá: Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc,... Nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách trên thực tế ở nhiều nơi rơi vào hình thức, do không xác định rõ cơ chế trách nhiệm, mối quan hệ giữa tập thể và cá nhân; khi sai sót, khuyết điểm không ai chịu trách nhiệm. Do vậy, vừa có hiện tượng dựa dẫm vào tập thể, không rõ trách nhiệm cá nhân, vừa không khuyến khích người đứng đầu có nhiệt tình, tâm huyết, dám nghĩ, dám làm; tạo kẽ hở cho cách làm việc tắc trách, trì trệ, hoặc lạm dụng quyền lực một cách tinh vi để mưu cầu lợi ích cá nhân.

Để nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, khắc phục những yếu kém, nâng lên ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với nền kinh tế tri thức, Đảng ta chủ trương tiến hành cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng sâu rộng và thường xuyên. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” chỉ rõ: Phải tạo được sự chuyển biến rõ rệt, khắc phục được những hạn chế, yếu kém trong công tác xây dựng Đảng, nhằm xây dựng Đảng ta thật sự là đảng cách mạng chân chính, ngày càng trong sạch, vững mạnh, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin trong Đảng và nhân dân, động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thực hiện thắng lợi các chủ trương, nghị quyết của Đảng.

Trong 6 nhiệm vụ trọng tâm của cả nhiệm kỳ được Đại hội XII của Đảng xác định thì xây dựng Đảng được đặt ở nhiệm vụ trọng tâm thứ nhất và thứ hai. Hai nhiệm vụ trọng tâm về công tác xây dựng Đảng mà Đại hội XII đã xác định là: (1) Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. (2) Xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu¹.

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.51-52.

Để thực hiện hai nhiệm vụ trọng tâm nêu trên, Trung ương đã cụ thể hóa ở 3 Hội nghị Trung ương và ban hành 4 nghị quyết chuyên đề về xây dựng Đảng, là: Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 30/10/2016 về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”; Nghị quyết số 18 và 19 ngày 25/10/2017 về “Tiếp tục đổi mới, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; “Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”; Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 về “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”.

Từ Đại hội XII của Đảng đến Hội nghị Trung ương 8, Trung ương đã ban hành 14 nghị quyết, trong đó, có 6 nghị quyết về phát triển kinh tế; 4 nghị quyết về xây dựng Đảng và 4 nghị quyết về những lĩnh vực khác. Điều đó cho thấy, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã bám sát Nghị quyết Đại hội XII, thể hiện rõ, nhất quán quan điểm của Đảng đã xác định trong Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) là: “Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội”.

Đối với công tác xây dựng Đảng, đã được triển khai thực hiện toàn diện, đồng bộ thể hiện ở các mặt cụ thể sau:

Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” và cụ thể hóa nhiệm vụ trọng tâm thứ nhất trong nhiệm kỳ, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết 04 về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ” và chỉ đạo thực hiện quyết liệt với quyết tâm chính trị cao. Đây là lần đầu tiên Ban Chấp hành Trung ương thảo luận và đưa vào Nghị quyết một hệ thống các biểu hiện suy thoái trong cán bộ, đảng viên, gồm 9 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, 9 biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống và 9 biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, phải kiên quyết, kiên trì đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi; bởi vì, những biểu hiện suy thoái này sẽ là nguy cơ dẫn đến sự suy vong của Đảng và của chế độ ta.

Thứ hai, thực hiện nhiệm vụ trọng tâm thứ hai trong nhiệm kỳ, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 18, 19 về “Tiếp tục đổi mới, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. Đây là một trong những nghị quyết của Trung ương được dư luận đặc biệt quan tâm và sớm đi vào thực tiễn cuộc sống. Sau khi Nghị quyết được ban hành, các cấp ủy, tổ chức Đảng từ Trung ương đến địa phương đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt và triển khai đồng bộ, đem lại những kết quả cụ thể, thiết thực, góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, giảm chi thường xuyên.

50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta luôn lấy tự phê bình và phê bình làm nguyên tắc xây dựng và phát triển Đảng. Từ thực tiễn trong Đảng, cho thấy những vấn đề khái quát lý luận về xây dựng Đảng trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị và tính thời sự. Trong tình hình hiện nay, để lãnh đạo nhân dân ta thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã

hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh đòi hỏi toàn Đảng phải chú trọng giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng; thực hành dân chủ rộng rãi và nghiêm chỉnh thực hiện tự phê bình và phê bình trong Đảng; đồng thời, đẩy mạnh chỉnh đốn Đảng, kiên quyết đưa những phần tử thoái hóa, biến chất ra khỏi Đảng, nhằm xây dựng Đảng ta xứng đáng là đảng cầm quyền, mọi cán bộ, đảng viên của Đảng thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, Đảng phải thật sự trong sạch, xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn trong Di chúc của Người, nhằm góp phần hiện thực hóa điều mong muốn cuối cùng của Người là: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”¹. Để hiện thực hóa điều mong muốn thiêng liêng cuối cùng của Bác trước lúc đi xa gửi lại cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, thì chúng ta càng phải nỗ lực quyết tâm vượt qua khó khăn thử thách, trong đó vai trò lãnh đạo của Đảng là tiên quyết để chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam đến thành công như lời căn dặn trước lúc đi xa của Bác: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”².

Trong giai đoạn cách mạng mới hiện nay, bên cạnh những thời cơ mới, vận hội mới, dân tộc ta cũng đứng trước không ít những khó khăn, thách thức. Vai trò lãnh đạo của Đảng càng phải được khẳng định, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng cần được nâng cao hơn bao giờ hết để xứng tầm với các yêu cầu, nhiệm vụ mà lịch sử dân tộc giao phó. Đảng cần xác định xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, trong đó, quán triệt tư tưởng về xây dựng Đảng trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sẽ góp phần làm cho Đảng ta trong sạch, vững mạnh, “là đạo đức, là văn minh”, vững vàng trước mọi thử thách của lịch sử./.

1. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr.38.

2. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr.36.

PHẦN THỨ HAI

**DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH VỚI VẤN ĐỀ DÂN CHỦ,
DÂN TỘC VÀ NHÂN LOẠI**

NHỮNG VẤN ĐỀ THỜI ĐẠI TRONG *DI CHỨC* CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

ThS. Nguyễn Hữu Anh*

1. Năm 1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh lần đầu viết *Di chúc* nhằm “*để lại mấy lời*” căn dặn cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân. Bản *Di chúc* sau đó được Hồ Chí Minh chỉnh sửa hai lần trong các năm 1968 và 1969. Gần 20 năm qua của Thế kỷ XXI, nhân loại nói chung và Việt Nam nói riêng đang đứng trước những thách thức to lớn của những vấn đề thời đại đã và đang diễn ra. Tuy vậy, những vấn đề đó Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhìn thấy và đề cập tới trong những điều “*tóm tắt*” dặn lại từ năm hơn 50 năm trước (tính từ 1965). Đọc *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngoài những việc căn dặn đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc, chúng ta còn nhận thấy những vấn đề của thời đại mà con người đang phải đối mặt; cùng với đó là phương cách giải quyết những thách thức của thời đại. Bài viết này bước đầu làm rõ những vấn đề nổi bật của thời đại được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập đến trong *Di chúc* như một minh chứng cho sự rộng lớn, sâu sắc và nhân văn trong “*mấy lời*” mà Người để lại.

2. Hiểu một cách đơn giản nhất, *Di chúc* là một giấy tờ hợp pháp thể hiện nguyện vọng, mong muốn của một người về cách phân chia tài sản mình có được sau khi chết, đồng thời *Di chúc* cũng là sự thể hiện ý chí của cá nhân sở hữu tài sản mà không phải bất kì một người nào khác; mục đích của việc lập *Di chúc* là chuyển giao tài sản là di sản của mình cho người khác. Đọc *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta hoàn toàn không tìm thấy bất kì một chữ nào, dòng nào Bác nói đến tài sản riêng hay cách xử lí tài sản riêng của mình cho người khác. Cả cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, kể cả khi viết *Di chúc* cũng là việc làm sao cho đất nước độc lập, nhân dân tự do, hạnh phúc, thế giới hòa bình.

2.1. Vào những năm cuối đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh dành gần 4 năm để viết và chỉnh sửa *Di chúc*, xem đó như “tài sản” để lại cho Đảng, cho dân. Quá trình viết *Di chúc* của Bác có thể tóm tắt trong mấy giai đoạn như sau. Năm 1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh bắt đầu viết *Di chúc*, vào lúc mà đồng bào và chiến sĩ cả nước đang sôi nổi thi đua lập thành tích chúc thọ Bác 75 tuổi. Từ đầu đến giữa tháng 5 năm 1965, mỗi ngày Hồ Chí Minh dành từ 1 đến 2 giờ đồng hồ để viết và hoàn thành bản thảo *Di chúc* gồm 3 trang, do chính Người tự đánh máy, ở cuối đề ngày 15 tháng 5 năm 1965.

Ngày 11 tháng 5 năm 1966, từ 9h đến 10h sáng Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc lại *Tài liệu tuyệt đối bí mật (Di chúc)*, suy nghĩ nhưng không viết gì thêm. Ngày 16 tháng 5, từ 9h đến 10h sáng, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục đọc lại *Tài liệu tuyệt đối bí mật*. Trong năm 1967, Bác Hồ không sửa gì thêm đối với *Tài liệu tuyệt đối bí mật* của mình.

Năm 1968, ngày 10 tháng 5, đúng 9h sáng Chủ tịch Hồ Chí Minh viết lại phần mở

* Trường Đại học Khánh Hòa

đầu của bản *Di chúc* và phân về việc riêng. Ngày 11 tháng 5, đúng 9h sáng, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục viết *Di chúc*, phần nói về công tác chỉnh đốn Đảng: “Theo ý tôi, việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao cho mình...”¹. Ngày 12 tháng 5, đúng 9h sáng, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục viết *Di chúc*, đọc và sửa chữa những phần đã viết. Người căn dặn thêm nhiều điểm cụ thể về việc chăm lo đời sống của nhân dân sau chiến tranh. Ngày 13 tháng 5, đúng 9h sáng, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục sửa *Di chúc*. Người sửa đoạn viết về chăm lo hạnh phúc đối với con người. Ngày 14 tháng 5, đúng 9h sáng, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục sửa bản *Di chúc*. Từ ngày ngày 15 đến ngày 19 tháng 5, đúng 9h mỗi ngày, Chủ tịch Hồ Chí Minh dành một giờ đồng hồ để đọc lại và sửa chữa bản *Di chúc*.

Năm 1969, ngày 10 tháng 5, từ 9h30 đến 10h30, Người tiếp tục sửa bản *Di chúc*, Bác viết lại toàn bộ đoạn mở đầu *Di chúc* vào mặt sau tờ *Tin tham khảo đặc biệt* của Thông tấn xã Việt Nam ra ngày 3 tháng 5 năm 1969. Từ ngày 11 đến ngày 18 tháng 5, mỗi ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh đều tiếp tục sửa chữa bản *Di chúc* vào khoảng thời gian từ 9h đến 10h sáng (riêng ngày 12 tháng 5, buổi sáng Người bận họp với Bộ Chính trị, nên đến 15h chiều, Người mới sửa bản *Di chúc* phần mở đầu và phần viết thêm của năm 1965). Ngày 19 tháng 5, từ 9h đến 10h, Chủ tịch Hồ Chí Minh sửa chữa bản *Di chúc* của các năm 1965, 1968 và 1969. Người xem lại tài liệu lần cuối và xếp vào phong bì. Như vậy, có thể thấy từ năm 1965 đến 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành rất nhiều thời gian để đọc và sửa chữa bản *Di chúc*. Một điều đáng chú ý trong những lần sửa *Di chúc* của Bác, đó là hầu hết đều diễn ra vào khoảng thời gian từ 9h đến 10h sáng mỗi ngày, và chủ yếu diễn ra từ ngày 10 đến ngày 19 tháng 5 của các năm 1965, 1968 và 1969 (trong năm 1967, Chủ tịch Hồ Chí Minh không sửa *Di chúc* lần nào). Việc lựa chọn thời gian như trên để viết (sửa chữa) *Di chúc* cho thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh rất cẩn thận, nghiêm túc, suy nghĩ rất nhiều, đồng thời cho thấy Người làm việc rất khoa học và minh mẫn đối với “những lời cuối cùng” mặc dù tuổi đã cao.

Nhìn một cách khái quát, trong 200 từ với 3 trang giấy viết tay, *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hàm chứa những nội dung cơ bản, to lớn và sâu sắc dù chỉ gói gọn trong “*mấy lời*”. Những việc mà Người nhắc đến trong *Di chúc* đều là việc chung của đất nước, của Đảng và của nhân dân. Những tưởng *Di chúc* là tâm nguyện, mong muốn riêng, thì *Di chúc* của Hồ Chủ tịch lại không một dòng nào dành riêng cho lợi ích hay mong muốn của bản thân. Ngay cả khi nói “*Về việc riêng*”, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng mong muốn sau khi mình qua đời, chớ nên tổ chức đám đình, lãng phí ngày giờ và tiền bạc của nhân dân. Và mong muốn được hỏa táng khi Người đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin. Như vậy, ngoài việc đề cập đến “việc riêng”, có thể thấy *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh bao gồm những nội dung cơ bản sau: *thứ nhất*, về Đảng; *thứ hai*, về Đoàn kết; *thứ ba*, về Cuộc kháng chiến chống Mỹ; *thứ tư*, về Nhân dân lao động; *thứ năm*, về Đoàn viên, thanh niên; *thứ sáu*, về Công tác đối với phụ nữ; *thứ bảy*, về Xây dựng đất nước sau chiến tranh và *cuối cùng* là về Phong trào cộng sản thế giới.

2.2. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh chưa bàn đến những vấn đề toàn cầu (theo cách hiểu vấn đề toàn cầu, thời đại như hiện nay), song những gì Người cống hiến cho dân tộc

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 503.

Việt Nam và cho nhân loại đã hàm chứa những định hướng và những cách giải quyết những vấn đề toàn cầu một cách thiết thực, cụ thể và sâu sắc. Từ những nội dung cơ bản được đề cập đến trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, có thể thấy, những vấn đề của thời đại đã được Bác đặt ra và cùng với đó là những đề xuất cách giải quyết những vấn đề đó. Những vấn đề lớn của thời đại được đề cập đến trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, có thể bao quát lại thành mấy vấn đề lớn sau: *một là*, xây dựng và bảo vệ hòa bình; *hai là*, vấn đề bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống; *ba là*, chính sách đối với con người.

2.2.1. Từ rất sớm dân tộc ta đã rất quan tâm đến vấn đề độc lập, tự chủ và hòa bình, xem đó là vấn đề xuyên suốt trong quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đến đầu thế kỷ XX, mặc dù vẫn đang là một nước nông nghiệp lạc hậu và chịu sự cai trị của thực dân Pháp, nhưng đã có rất nhiều phong trào yêu nước nổ ra nhằm đấu tranh giành độc lập dân tộc, hòa bình. Trong bối cảnh đó, Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước với ý chí và quyết tâm giải phóng dân tộc. Hồ Chí Minh ý thức rất rõ ràng vấn đề độc lập dân tộc và hòa bình cho nhân loại, đặc biệt là hòa bình trong khối các nước vô sản. Trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng, Người cho rằng, mục tiêu lâu dài và cuối cùng của cách mạng Việt Nam là “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”¹. Trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, với Hồ Chí Minh, con đường hòa bình cho dân tộc không chỉ là giảm tối thiểu những tổn thất về sức người, sức của, mà còn là tinh thần quốc tế trong sáng đối với các nước láng giềng, với các dân tộc bị áp bức, phụ thuộc; đó còn là sự mềm dẻo, tinh tế trong cách ứng xử sau những thắng lợi để không làm tổn thương danh dự của các dân tộc khác. Chính điều đó trong quan điểm của Hồ Chí Minh đã giúp hình thành nên một tầm nhìn rộng lớn trong tương lai về việc phát triển những quan hệ hòa bình, hợp tác thuận lợi cho nước ta trong một thế giới hòa bình.

Vì vậy, “trong điều mong muốn cuối cùng” để lại, Người dặn: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”². Những trăn trở trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề hòa bình của dân tộc và thế giới càng lớn bao nhiêu thì Người cũng càng đau lòng bấy nhiêu về sự bất hòa giữa các đảng anh em. Bởi vậy Người cho rằng, Đảng ta sẽ cần có trách nhiệm trong việc “góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em”³. Thực hiện *Di chúc* của Bác (đồng thời cũng là phương cách xây dựng hòa bình thế giới), Đảng ta đã đưa ra các chủ trương, chính sách lớn nhằm phá thế bao vây cấm vận của các thế lực bên ngoài, đồng thời không ngừng củng cố, mở rộng các mối quan hệ ngoại giao với các nước láng giềng trên tinh thần độc lập, tự chủ. Với mong muốn góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đại đoàn kết giữa các đảng anh em, toàn Đảng và toàn dân ta đã không ngừng phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, đồng thời không ngừng hỗ trợ, hợp tác với các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt hơn, đó là những thắng lợi của công cuộc Đổi mới mà Đảng ta đã chủ trương thực hiện một cách toàn diện. Thực tiễn

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, t. 2, tr. 2.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 12, tr. 512.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 12, tr. 511.

đã cho thấy, bên cạnh đời sống vật chất của nhân dân ngày một nâng cao thì đời sống tinh thần của nhân dân ta cũng không kém phần phong phú, đa dạng và ngày càng hòa nhập tốt với những giá trị văn hóa lớn trên thế giới. Với tinh thần xây dựng xã hội Việt Nam công bằng, dân chủ, văn minh, có thể nói, những thắng lợi trong công cuộc cải cách chính trị, đổi mới phương cách quản lý của Đảng không hề tách rời với những nỗ lực của nhân loại nhằm đấu tranh để thoát khỏi đói nghèo, bệnh tật và chiến tranh.

Trong những thập niên gần đây, với những nỗ lực không ngừng của mình trên nhiều lĩnh vực, Việt Nam đã thể hiện là một quốc gia ổn định về chính trị, là điểm đến đáng tin cậy của nhiều nhà đầu tư cũng như là nơi gặp gỡ lý tưởng của các hội nghị, tọa đàm, đối thoại mang tầm quốc tế. Với quan điểm Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy với các nước trên thế giới, phấn đấu vì hòa bình, hợp tác và phát triển, Việt Nam đang thể hiện rõ tinh thần vì sự phồn vinh, hạnh phúc và hòa bình của nhân loại. Đó cũng là sự nỗ lực không ngừng nghỉ, để thực hiện bằng được lời dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại trong *Di chúc*.

2.2.2. Môi trường có tầm quan trọng và đặc biệt đối với đời sống của con người, sinh vật và sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của mỗi quốc gia, dân tộc và toàn thể nhân loại. Vì vậy, việc bảo vệ môi trường và ý thức sinh thái vì sự phát triển vững là nhiệm vụ cấp bách, lâu dài của nhân loại. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường, và Người xem đó như một thú vui, đồng thời là nhiệm vụ của con người. Năm 1946, Người nói, nếu được nhân dân cho phép thì “sẽ làm một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh nước biếc để câu cá, trồng hoa, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, em trẻ chăn trâu, không dính líu gì với danh lợi”¹. Thời gian ở chiến khu dẫu còn nhiều gian khó với điều kiện sinh hoạt thiếu thốn thì Người vẫn bày tỏ niềm vui khi được gần gũi với thiên nhiên, môi trường xung quanh thông qua những câu thơ tươi vui “Sáng ra bờ suối, tối vào hang/ Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng/ Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng/ Cuộc đời cách mạng thật là sang”. Với quan điểm bảo vệ thiên nhiên và môi trường sinh thái cũng chính là bảo vệ cuộc sống của con người, trong công cuộc xây dựng miền Bắc, Bác đã tổ chức Tết Trồng cây, “Người đã tự tay trồng nhiều cây đa để lấy bóng mát, từ đó dần dần trở thành một tập quán tốt đẹp của nhân dân ta, mang lại hiệu quả kinh tế và môi trường thiết thực”². Bên cạnh khuyến khích và vận động nhân dân tham gia trồng cây, Bác cũng đồng thời cảnh báo hậu quả của việc khai thác rừng bừa bãi, gây hại đến tài nguyên, môi trường sống của con người và động vật khi Người xem phá rừng là hành vi “đem vàng đổ xuống biển”. Nạn phá rừng bừa bãi cho đến ngày nay, đã khiến nhân loại đứng trước những vấn nạn to lớn về sự ô nhiễm môi trường, lũ lụt, hạn hán và sự biến mất của nhiều loại động vật, thảm thực vật quý hiếm.

Trong những năm cuối đời của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết trong *Di chúc* như sau: “Tôi yêu cầu thi hài tôi được đốt đi, tức là “hỏa táng”. Tôi mong rằng cách “hỏa táng” này sẽ được phổ biến. Vì như thế đối với người sống đã tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr. 161.

2. Trường Đại học Khoa học Huế - Khoa Lịch sử - Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *40 năm thực hiện Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh – Lý luận và thực tiễn*, TP Huế, 2009, tr. 53.

ruộng. Khi ta có nhiều điện, thì “điện táng” càng tốt hơn”¹. Như vậy có thể thấy, bảo vệ môi trường đối với Bác không chỉ là hoạt động trồng cây mà còn là việc bảo vệ đất đai, nguồn nước và bảo vệ tài nguyên. Đồng với thời đó, chúng ta nhìn thấy tư duy và tầm nhìn vượt thời đại của Bác trong phương cách ứng xử với thi hài của mình. Đó đồng thời là sự tiến bộ trong quan điểm “hỏa táng”, “điện táng” cũng là sự gọi mở một nét văn hóa mới trong cách mai táng của người Việt. Người viết tiếp trong *Di chúc* về quan điểm này như sau: “Tro thì chia làm 3 phần, bỏ vào 3 cái hộp sành. Một hộp cho miền Bắc. Một hộp cho miền Trung. Một hộp cho miền Nam. Đồng bào mỗi miền nên chọn 1 quả đồi mà chôn hộp tro đó... Nên có kế hoạch trồng cây trên và chung quanh đồi. Ai đến thăm thì trồng một vài cây làm kỉ niệm. Lâu ngày, cây nhiều thành rừng sẽ tốt cho phong cảnh và lợi cho nông nghiệp”².

Trong những thập niên gần đây, khi nhân loại nhìn thấy những hậu quả khôn lường của việc ô nhiễm môi trường, tài nguyên bị tàn phá một cách nặng nề thì cũng là lúc con người đứng trước những thách thức to lớn trong việc bảo vệ môi trường. Nghĩ về *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, lần nữa chúng ta thấy những điều Người đặt ra cách đây nửa thế kỷ nay đã trở thành một trong những vấn đề cấp bách của nhân loại.

2.2.3. Bảo vệ môi trường thiên nhiên, môi trường sống là một trong những mối quan tâm lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc sinh thời. Nhưng điều quan tâm lớn nhất của Người đó là vấn đề bảo vệ và phát triển con người. Với Hồ Chí Minh, làm cách mạng, giải phóng dân tộc xét cho đến cùng là nhằm đảm bảo cho con người có quyền được sống, quyền được tự do và hạnh phúc. Người chỉ rõ trách nhiệm của Đảng và Nhà nước là phải hết sức quan tâm đến đời sống nhân dân. Phải lãnh đạo, tổ chức, giáo dục nhân dân tăng gia sản xuất, tiết kiệm. Dân đủ ăn, đủ mặc thì những chính sách của Đảng và Chính phủ đưa xuống sẽ dễ dàng thực hiện được. Nếu dân đói, rét, bệnh tật thì chính sách dù có hay mấy cũng không thực hiện được. Từ những quan điểm trên, chúng ta thấy rằng Hồ Chí Minh đã xem dân sinh là vấn đề quan trọng hàng đầu của mỗi quốc gia, là vấn đề cốt lõi trong đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước Việt Nam.

Tháng 5 năm 1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết riêng một đoạn trong *Di chúc* về công việc hàn gắn vết thương chiến tranh, trong đó, Người chủ yếu nêu lên những vấn đề về chính sách đối với con người. Người viết: “Điều đầu tiên là công việc đối với con người...”³. Người đã đề cập đến gần như là tất cả các tầng lớp trong xã hội, đồng thời với đó là những đề xuất để Đảng và Nhà nước có chính sách cụ thể, rõ ràng nhằm đảm bảo cho các tầng lớp trong xã hội được thụ hưởng một môi trường sống, học tập và lao động... đầy đủ và tốt đẹp nhất. Có thể nói đây là một chương trình kinh tế - xã hội toàn diện để cải tạo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ta theo hướng tạo dựng môi trường xã hội có tính nhân văn cao. Hơn nữa Người cho rằng, những công việc đối với con người là công việc nhất định phải làm, dầu khó khăn, phức tạp đến mấy cũng phải ra sức làm. Đối với Hồ Chí Minh, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội là đặc trưng của chủ nghĩa xã hội. Khi trả lời cho câu hỏi, Chủ nghĩa xã hội là gì, Người đã đưa ra quan điểm, đó là “mọi người được ăn no, mặc ấm, sung sướng, tự do”. Về kế sách để thực hiện an

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 12, tr. 501.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 12, tr. 501.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 12, tr. 503.

sinh xã hội, theo Hồ Chí Minh, phải thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, tích cực tăng gia sản xuất, phát triển kinh tế. Đồng thời với đó là các kế sách cụ thể cho từng đối tượng xã hội mà Đảng và Nhà nước cần phải thực hiện như: giúp đỡ cho cha mẹ, vợ con của thương binh liệt sĩ có công ăn việc làm; giúp đỡ cho những chiến sĩ trẻ tuổi đi học thêm các ngành, các nghề...; miễn thuế cho đồng bào nông dân;....

Một vấn đề về con người, về an sinh xã hội khác mà Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm và đã được Người trực tiếp đề cập đến trong *Di chúc*, đó là vấn đề bình đẳng, công bằng cho tất cả mọi đối tượng trong xã hội. Với Hồ Chí Minh, công bằng và bình đẳng không chỉ là những quy định trong văn bản pháp luật, mà đó còn là quyền có điều kiện ngang nhau để phát triển của mọi người, mọi quốc gia. Vì thế Người viết: “Đảng và Chính phủ phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo... Đó là một cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ”. Và “Với những nạn nhân của chế độ xã hội cũ, như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu, v.v., thì Nhà nước phải dùng vừa giáo dục, vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện”¹.

Chăm lo đời sống cho người dân, giải quyết tốt những vấn đề an sinh không chỉ là yêu cầu cụ thể, lâu dài của Việt Nam mà còn là của các quốc gia trên thế giới. Trong những năm gần đây, với nhiều chính sách hiệu quả trong hoạt động xóa đói, giảm nghèo, giải quyết thất nghiệp, nâng cao chất lượng y tế... Việt Nam đã từng bước tiếp cận và tạo ra được tầm nhìn mới trong việc thực hiện an sinh xã hội so với thế giới. Đồng thời với đó, đứng trước những thách thức to lớn của việc giải quyết các chính sách liên quan đến con người, Việt Nam đã không ngừng nỗ lực phối hợp với các quốc gia, các tổ chức lớn trên thế giới để đảm bảo xây dựng tốt nhất những điều kiện, môi trường sống chung của nhân loại. Đọc *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta thấy những chỉ dẫn sáng suốt không chỉ đối với Việt Nam mà còn với các quốc gia đang phát triển trong cuộc đấu tranh để chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu trong bối cảnh hiện nay.

3. Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam viết trong ngày mất của Chủ tịch Hồ Chí Minh có đoạn: “Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta”². Đọc *Di chúc* Bác, ngoài những căn dặn quan trọng nhất, cần làm trước nhất, chúng ta luôn cảm thấy được sự ấm áp, gần gũi và bao dung của Người. Những điều mà cả cuộc đời Bác đã cống hiến cho dân tộc ta và cho nhân loại đã hàm chứa nhiều quan điểm, cách nhìn nhận và hành động mang tính toàn cầu. Đó không chỉ là phương cách để giải quyết những xung đột hòa bình; những thách thức của ô nhiễm môi trường; mà còn là sự hết mực tôn trọng và yêu thương trong mong muốn tự do, hạnh phúc, bình đẳng cho toàn thể nhân dân Việt Nam. Vĩnh biệt Người, chúng ta thề: “Đem hết sức mình tiếp tục phấn đấu thực hiện lí tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa cao đẹp mà Người đã vạch ra cho giai cấp công nhân và nhân dân ta, đem lại phồn vinh cho đất nước, hạnh phúc cho đồng bào”³.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 12, tr. 504.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 12, tr. 516.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 12, tr. 517.

GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

CN. Nguyễn Tiên Anh*

1. Đặt vấn đề

Suốt cuộc đời đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng con người, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ có một ham muốn tốt bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, ai cũng có quyền mưu cầu hạnh phúc. Bởi vậy, trước lúc đi xa Người không chỉ để lại cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân một nhân cách lớn, một tư tưởng lớn, một sự nghiệp lớn mà Người còn để lại bản *Di chúc* lịch sử. Mặc dù Người viết rằng: “để lại mấy lời và chỉ nói tóm tắt vài việc thôi”¹ nhưng *Di chúc* của Người là một văn kiện lịch sử vô giá, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, to lớn về nhiều mặt. Đó là những lời căn dặn cuối cùng của Bác, là những tình cảm và niềm tin của Bác đối với chúng ta ngày nay và các thế hệ mai sau. Đó là một văn kiện lịch sử kết tinh những giá trị văn hóa to lớn của dân tộc và nhân loại, mà cốt lõi là đoàn kết dân tộc và độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội.

2. Đoàn kết dân tộc trong Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh

Trước hết là tư tưởng của Người về đoàn kết dân tộc đó là đoàn kết ở trong Đảng. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đoàn kết là sức mạnh, là cội nguồn của chiến thắng, thành công. Xây dựng Đảng thành một khối đoàn kết, thống nhất là hạt nhân để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Ngay trong bản *Di chúc* viết năm 1965, điều quan tâm đầu tiên của Chủ tịch Hồ Chí Minh là nói về Đảng, trước hết là vấn đề đoàn kết trong Đảng. Người khẳng định: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và nhân dân ta”². Truyền thống đó được bắt nguồn từ truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam trong lịch sử dựng nước và giữ nước, được Đảng ta kế thừa và phát huy trong giai đoạn lịch sử mới. Thấm nhuần những truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh thấy rõ sức mạnh của tinh thần đoàn kết, nhất là sự đoàn kết, thống nhất trong một đảng cầm quyền, trong hạt nhân lãnh đạo. Đoàn kết, thống nhất là quy luật tồn tại, trưởng thành và phát triển của Đảng Cộng sản. Đảng Cộng sản có đoàn kết thành một khối thống nhất thì mới đủ sức mạnh để đánh đổ các thế lực áp bức bóc lột vốn nắm trong tay sức mạnh vật chất to lớn. Đảng Cộng sản có đoàn kết thành một khối thống nhất mới đủ sức lôi cuốn, tập hợp đông đảo quần chúng cùng lao vào trận tuyến cách mạng, lật đổ chế độ cũ, xây dựng chế độ xã hội mới. Trong *Di chúc*, Người đã khẳng định “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng

* *Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Đại học Huế.*

1. Quốc Linh, 50 năm thực hiện di chúc Bác Hồ, *Báo Tuổi Trẻ Online*, tại <https://tuoitre.vn/di-chuc-cua-chu-tich-ho-chi-minh-nhu-ngon-duoc-soi-duong-cho-dan-toc-20190514112848222.htm>, truy cập ngày 5/11/2019.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 622.

lợi này đến thắng lợi khác”¹. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, từ một Đảng hoạt động bí mật, Đảng ta trở thành đảng cầm quyền. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặc biệt quan tâm đến xây dựng Đảng trong điều kiện đảng cầm quyền. Người chỉ rõ: Ngày nay, sự đoàn kết trong Đảng là quan trọng hơn bao giờ hết, nhất là sự đoàn kết chặt chẽ giữa các cán bộ lãnh đạo. Vì vậy, khi đặt bút viết *Di chúc*, điều đầu tiên nói về Đảng, Người nhấn mạnh: “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”². Theo Người, sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng phải xây dựng trên cơ sở một mục tiêu, một lý tưởng thống nhất. Người căn dặn các đảng viên cộng sản: “Đảng ta vĩ đại, vì ngoài lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích gì khác”³; “Đối với Đảng, đối với nhân dân, chúng ta có một nghĩa vụ vẻ vang là: suốt đời làm người con trung thành của Đảng, người đầy tớ tận tụy của nhân dân”⁴. Người nhấn mạnh quan điểm đoàn kết, thống nhất giữa các đảng viên cộng sản trên cơ sở mục tiêu chung: vì Đảng, vì nhân dân.

Sự đoàn kết trong Đảng, theo quan niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự đoàn kết nhất trí, thống nhất trong toàn Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đoàn kết nhất trí trong Đảng Cộng sản phải được xây dựng, bồi đắp trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin. Đoàn kết trong Đảng được dựa trên cơ sở đường lối, chính sách và theo những nguyên tắc tổ chức của Đảng. Muốn có sự đoàn kết, nhất trí vững chắc, trong Đảng phải thực hành dân chủ rộng rãi; Đảng viên phải nêu cao kỷ luật tự giác, phải thực hiện tự phê bình và phê bình. Trong *Di chúc*, Người khẳng định: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng”⁵. Trong xây dựng Đảng vững mạnh, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng tự phê bình và phê bình, coi đây là nguyên tắc sống còn trong hoạt động lãnh đạo của Đảng. Trong *Di chúc* Bác Hồ cũng đã dặn lại rằng: Muốn giữ gìn và phát huy sức mạnh đoàn kết thì trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và nhất trí trong Đảng. Ta thường nói phê bình và tự phê bình. Nhưng ở đây Bác đặt yêu cầu tự phê bình lên trước, điều đó cũng có nghĩa phải đặt trách nhiệm của mỗi đảng viên đối với chính bản thân mình lên trước. Tự phê bình là tự soi mình trước, tự gột rửa mình, tự trau dồi đạo đức cách mạng cho mình trước. Tiếp đến mới là phê bình, nghĩa là sự quan tâm giúp đỡ của tập thể đối với cá nhân. Đồng thời Người căn dặn: phê bình và tự phê bình cần có lý, có tình; phê bình một cách chân thành, thẳng thắn, trung thực, phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau, giúp nhau cùng tiến bộ, trên cơ sở cùng phấn đấu cho sự nghiệp cách mạng chung của Đảng và dân tộc.

Theo Người, đoàn kết nhất trí phải xuất phát từ tình thương yêu thiêng liêng nhất, sâu sắc nhất, bền vững nhất giữa những người cộng sản. Người nói: “Đồng chí ta, tuy có khi

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 621-622.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 622.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1984, t. 8, tr. 587.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1984, t. 9, tr. 65.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 622.

khác nhau về chủng tộc hay khác nhau về nguồn gốc giai cấp, nhưng là những người cùng chủ nghĩa, cùng mục đích, cùng sống, cùng chết, chung sướng, chung khổ, cho nên phải thật thà đoàn kết. Muốn đi tới mục đích, không phải chỉ tổ chức là đủ, phải chân thành trong tư tưởng nữa”¹. Vì vậy, để giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức quan tâm đến công việc giáo dục, bồi dưỡng nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Đảng viên, cán bộ là nhân tố quan trọng gắn liền với vận mệnh của Đảng. Đảng muốn đoàn kết, đủ sức lãnh đạo đưa sự nghiệp cách mạng của dân tộc đi đến bến bờ thắng lợi thì dứt khoát phải có các tổ chức Đảng mạnh, phải có các đảng viên ưu tú. Chính vì vậy, trong công tác xây dựng Đảng, để Đảng được đoàn kết vững mạnh, Người thường nhắc nhở mọi cán bộ, đảng viên phải thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện bản thân mình. Người chỉ rõ: “Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật sự trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là đày tớ thật trung thành của nhân dân”². Mỗi đảng viên phải biết đặt lợi ích của Đảng và của nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình, phải hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân; vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc và tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân. Có như vậy, mới giữ được sự đoàn kết, thống nhất trong đảng. Những tư tưởng cơ bản về vấn đề đoàn kết, thống nhất trong Đảng trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành quan điểm chỉ đạo, bài học kinh nghiệm quý báu và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay.

Xây dựng Đảng thực sự đoàn kết, trong sạch, vững mạnh, tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong Đảng và trong toàn xã hội; Quan tâm chăm lo, xây dựng đào tạo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; Xây dựng tinh thần quốc tế vô sản chân chính, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, nâng cao vị thế đất nước trong hội nhập quốc tế. Tư tưởng lớn về sức mạnh đoàn kết cũng được Bác thể hiện trong *Di chúc* viết từ trước khi Người qua đời. Trong bản *Di chúc* vô cùng cô đọng súc tích, Bác đã dành những tâm huyết sâu sắc để dặn lại các thế hệ mai sau về vấn đề đoàn kết. Đoàn kết là một nội dung lớn, xuyên suốt trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Lời huấn thị nổi tiếng của Người: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công”³ đã trở thành phương châm hành động của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta và thực sự đã phát huy cao nhất sức mạnh đại đoàn kết dân tộc để giành thắng lợi trong mỗi thời kỳ lịch sử.

3. Kết luận

Trong giai đoạn hiện nay, tiếp tục thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh cần tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống trong cán bộ, đảng viên; sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố cơ bản hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong gần 90 năm đã qua, cả hôm nay và mai sau. Nghị quyết Đại hội XI (2011) tiếp tục chỉ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1984, t. 5, tr. 185.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 622.

3. Đại hội Đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ II, ngày 25-4-1961.

rõ: “Kỷ luật, kỷ cương ở nhiều tổ chức Đảng không nghiêm. Sự đoàn kết, nhất trí ở không ít cấp ủy chưa tốt”¹. Vì vậy phải thường xuyên xây dựng và chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng vững mạnh. Đảng có mạnh thì cách mạng mới thành công; đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; tăng cường bồi dưỡng, đào tạo, rèn luyện cán bộ, đáp ứng thực hiện nhiệm vụ cách mạng; mở rộng quan hệ đối ngoại, nâng cao vị thế Việt Nam trong hội nhập quốc tế.

Làm theo *Di chúc* của Bác, năm mươi năm qua, các thế hệ lãnh đạo của Đảng, Nhà nước ta lúc nào cũng gương cao ngọn cờ đại đoàn kết. Đoàn kết trong Đảng, đoàn kết toàn dân tộc. Sức mạnh đại đoàn kết đã giúp đất nước vượt qua nhiều khó khăn thử thách, giành được những thắng lợi lớn. Dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, chúng ta đã bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ, bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ thành công công cuộc đổi mới. Hình ảnh một Việt Nam ổn định, hòa bình, phát triển đang ngày càng trở nên rõ rệt, một nhà nước Việt Nam với thể chế dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh đang ngày càng trở nên hấp dẫn đối với thế giới. Những thành tựu đó đã tạo cho chúng ta niềm tin chắc chắn rằng đất nước Việt Nam sẽ có những bước tiến xa trong những năm tới. Thực hiện theo *Di chúc* của Người để góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình, Đảng ta đã làm hết sức mình. Với tư duy đổi mới, trong xu thế hội nhập của bối cảnh thế giới mới và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, chúng ta đã có nhiều đóng góp quan trọng. Chúng ta tin tưởng về một tương lai tốt đẹp đang chờ đợi và cũng nhận thức rằng, muốn giành được tương lai tốt đẹp đó thì chúng ta cần phải củng cố, xây dựng và phát huy cao hơn nữa sức mạnh đại đoàn kết mà trước hết là đoàn kết trong Đảng như *Di chúc* của Bác. Muốn có được sự đoàn kết nhất trí thì phải luôn luôn xây dựng Đảng vững mạnh về mọi mặt để luôn vượt qua thách thức, chiến thắng khó khăn. Đó chính là nền tảng vững chắc cho sức mạnh đại đoàn kết mà mỗi đảng viên trong bất kỳ giai đoạn lịch sử nào cũng phải thực hiện bằng được./.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 175.

DI CHÚC - SỰ THỂ HIỆN TRÁCH NHIỆM TRỌN VẸN CỦA HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI DÂN TỘC VÀ NHÂN LOẠI

*ThS. Phan Thanh Bằng**

1. Đặt vấn đề

Đã 50 năm (1969 – 2019) trôi qua kể từ ngày *Di chúc* Chủ tịch Hồ Chí Minh được công bố. Thời gian càng lùi xa, chúng ta càng thấy rõ giá trị, tư tưởng, tầm nhìn và tấm lòng của Hồ Chí Minh đối với toàn Đảng, toàn dân và toàn thể nhân loại được thể hiện trong *Di chúc*.

Di chúc không chỉ chứa đựng những thông tin, định hướng, mà còn thể hiện trách nhiệm cao cả của Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và phong trào cộng sản quốc tế. Đó là trách nhiệm của một đảng viên cộng sản, trách nhiệm của một vị lãnh tụ, trách nhiệm của một chiến sĩ cộng sản thủy chung, son sắt. Trách nhiệm thể hiện qua những suy nghĩ, những mong muốn, những dự định của Người và cả những chỉ dẫn quý báu cho các thế hệ cách mạng muôn đời sau của Đảng và dân tộc Việt Nam.

2. Nội dung

Trách nhiệm là vấn đề được đặt ra đối với một cá nhân đang sống và có ý thức đầy đủ về mọi hành vi của mình. Trách nhiệm là những công việc mà cá nhân ấy phải thực hiện trong mối quan hệ với tổ chức, với cộng đồng, với xã hội. Trách nhiệm luôn gắn bó với thực tại, với quan hệ hiện hữu của cá nhân với cá nhân, của cá nhân với gia đình, với cộng đồng, với xã hội và với môi trường xung quanh. Trách nhiệm cũng là vấn đề được đặt ra đối với tập thể, tổ chức và cộng đồng rộng lớn.

Bình thường, người “ra đi” không còn trách nhiệm phải thực hiện bất kỳ điều gì đối với cộng đồng và xã hội mà họ không còn là thành viên. Bởi nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, Hồ Chí Minh là một trường hợp ngoại lệ. Hồ Chí Minh là người đã tổ chức nên Đảng Cộng sản Việt Nam và xác định con đường đúng đắn cho cách mạng Việt Nam. Người ý thức rõ rằng, sau sự “ra đi” của mình thì vẫn còn bao nhiêu việc trong và ngoài nước cần phải thực hiện, bao nhiêu điều phải sắp đặt. Người cũng ý thức rất rõ việc không thể tránh được quy luật sinh - lão - bệnh - tử của cuộc sống. Người đón nhận quy luật đó, nhưng không quên chuẩn bị mọi việc cho mai sau. Người không chuẩn bị gì cho cá nhân, cho gia đình, mà chuẩn bị hành trình cho Đảng, cho dân tộc tiếp tục sự nghiệp cách mạng mà Người đã đặt nền móng, thiết lập các tiền đề. Đó chính là tinh thần trách nhiệm cao cả của Người. Người đặt bút viết *Di chúc* từ năm 1965 và bổ sung, sửa chữa vào các năm 1968, 1969. Điều đó chứng tỏ, *Di chúc* là kết tinh cô đọng nhất trong suy nghĩ của Người về con đường cách mạng của dân tộc và cả những vấn đề chung của cách mạng thế giới.

* Trường Đại học Thủ Dầu Một

Bản *Di chúc* toát lên tinh thần trách nhiệm cao cả của Hồ Chí Minh. Tinh thần trách nhiệm đó được thể hiện qua sự phác thảo khái quát, toàn diện của Người về những vấn đề quan trọng, cốt lõi của cách mạng Việt Nam: vấn đề Đảng và xây dựng Đảng; vấn đề con người; vấn đề kiến thiết xã hội mới; vấn đề phong trào cách mạng thế giới;...

2.1. Trách nhiệm đối với Đảng

- Trách nhiệm chăm lo sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng

Quá trình cách mạng Việt Nam được vun đắp và củng cố từ sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Sinh thời, Hồ Chí Minh là người đã hợp nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam (1930). Người coi đoàn kết, thống nhất trong Đảng là một trong những nguyên tắc cơ bản nhất của xây dựng Đảng. Đoàn kết, thống nhất là quy luật vận động và phát triển của Đảng cách mạng. Đoàn kết, thống nhất là sinh mệnh của Đảng, là vấn đề sống còn của sự nghiệp cách mạng, là cơ sở để xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Người luôn vun đắp cho sự đoàn kết, thống nhất ấy, đặc biệt là những lúc quá trình cách mạng gặp phải khó khăn, trải qua những bước ngoặt, những chuyển biến quan trọng. Người nhấn mạnh: “Ngày nay, sự đoàn kết trong Đảng là quan trọng hơn bao giờ hết, nhất là sự đoàn kết chặt chẽ giữa các cán bộ lãnh đạo”¹. Người khẳng định, khái quát và chỉ ra ý nghĩa của vấn đề đoàn kết, thống nhất toàn Đảng trong *Di chúc*: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng, một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”².

Hồ Chí Minh không chỉ nói về tầm quan trọng của vấn đề đoàn kết, thống nhất trong Đảng, mà còn vạch ra ba quan điểm chỉ đạo cho Đảng ta về vấn đề này:

1) Đoàn kết là xuyên suốt và nhất quán trong tư tưởng và hành động, là một “truyền thống quý báu của Đảng và của dân ta”.

2) Đoàn kết trong Đảng là cơ sở của khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.

3) Đoàn kết phải được bảo vệ, gìn giữ và không ngừng củng cố, phát triển trong Đảng. “Các đồng chí từ trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”³.

Hồ Chí Minh chỉ dẫn cho toàn Đảng các nguyên tắc thực hiện và giữ gìn đoàn kết, thống nhất nội bộ: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”⁴. Các chỉ dẫn này đã trở thành cơ sở hình thành và phát triển lý luận về xây dựng Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân ở Việt Nam.

Chỉ vài dòng trong *Di chúc* cũng đủ để cho thấy tinh thần trách nhiệm cao cả của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 9, tr. 368.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 611.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 611.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 611.

Hồ Chí Minh trong việc xây dựng và củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Đoàn kết, thống nhất trong Đảng là điểm mấu chốt của sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

- Trách nhiệm về xây dựng Đảng

Hồ Chí Minh đã sáng lập và tổ chức nên Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự tồn tại và phát triển của Đảng gắn liền với quá trình cách mạng của dân tộc Việt Nam từ năm 1930 trở đi. Người nhấn mạnh: “Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”¹. Để Đảng đủ sức lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng phải được chú trọng đặc biệt.

Hồ Chí Minh là người đầu tiên đưa ra quan điểm gắn kết xây dựng Đảng với chỉnh đốn Đảng và luôn kiên định giữ vững quan điểm này. Theo Người, xây dựng Đảng gắn với chỉnh đốn Đảng không chỉ là quy luật, mà còn là nhiệm vụ vừa cấp bách vừa thường xuyên của Đảng trong suốt tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng không chỉ làm cho nội bộ Đảng luôn đoàn kết, thống nhất, mà còn làm cho năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng luôn được củng cố và phát triển, đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng.

Tháng 5 năm 1968, Hồ Chí Minh đã bổ sung *Di chúc*: “Theo ý tôi, việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi”². Đây là điều Người trăn trở suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, đặc biệt là vào những thời điểm cách mạng chuẩn bị bước sang giai đoạn mới thì cán bộ, đảng viên lại càng phải cần nhận thức đúng, hành động đúng trước thực tiễn mới và nhiệm vụ mới của cách mạng. Niềm trăn trở này tiếp tục được thể hiện trong *Di chúc* càng chứng tỏ Người là một đảng viên rất có trách nhiệm.

Trong quá trình xây dựng và chỉnh đốn Đảng, sự tu dưỡng và rèn luyện của mỗi cán bộ, đảng viên có ý nghĩa quyết định đối với vai trò và sức mạnh của Đảng, đặc biệt là khi Đảng trở thành lực lượng cầm quyền. Hồ Chí Minh nhắc nhở: “Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”³. Xây dựng Đảng về đạo đức là chìa khóa tạo nên sự gắn kết giữa Đảng với Nhân dân, là động lực để cán bộ, đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công. Xây dựng Đảng về đạo đức là nội dung không thể thiếu trong quá trình đổi mới đất nước, đặc biệt được nhấn mạnh trong Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng.

Hồ Chí Minh không chỉ giáo dục, rèn luyện Đảng về đạo đức cách mạng, mà còn là tấm gương sáng về thực hành đạo đức cho toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân noi theo. Đó là tinh thần trách nhiệm nêu gương của Hồ Chí Minh - người chiến sĩ cộng sản giàu sức chiến đấu, kiên định vun đắp cho lý tưởng, cho tổ chức đến giây phút cuối cùng.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 2, tr. 289.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 616.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 611 - 612.

2.2. Trách nhiệm trong hoạch định sự nghiệp cách mạng của dân tộc

- Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh không nói nhiều về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc. Người chỉ dự báo trong hai câu thơ có tính định hướng:

“Còn non, còn nước, còn người,

Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!”¹.

Dự báo đó thể hiện lòng lạc quan, niềm tin tất thắng của sự nghiệp chiến đấu chính nghĩa. Hồ Chí Minh luôn động viên và truyền cảm hứng, tin tưởng cho toàn thể cán bộ, chiến sĩ và nhân dân. Nhờ đó, mọi nguồn lực của dân tộc được huy động cho sự nghiệp kháng chiến một cách tích cực và hiệu quả, đưa đến chiến thắng sau cùng.

Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh đã vạch ra lộ trình cuộc kháng chiến vĩ đại của Nhân dân ta: “Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to - là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc”². Thực tế cách mạng Việt Nam đã diễn ra đúng như vậy. Dân tộc Việt Nam đã đóng góp không nhỏ vào sự nghiệp đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc trong thế kỷ XX.

- Hồ Chí Minh suy nghĩ về xã hội mới của dân tộc, đặc biệt là sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân ta kết thúc thắng lợi. Người chỉ dẫn: “Ngay sau khi cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi, công việc toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta phải ra sức làm là mau chóng hàn gắn vết thương nghiêm trọng do đế quốc Mỹ gây ra trong cuộc chiến tranh xâm lược dã man. Đó là một công việc cực kỳ to lớn, phức tạp và khó khăn. Chúng ta phải có kế hoạch sẵn sàng, rõ ràng, chu đáo, để tránh khỏi bị động, thiếu sót và sai lầm”³. Người hoạch định: “Khôi phục và mở rộng các ngành kinh tế. Phát triển công tác vệ sinh, y tế. Sửa đổi chế độ giáo dục cho hợp với hoàn cảnh mới của nhân dân, như phát triển các trường nửa ngày học tập nửa ngày lao động”⁴. Người hình dung rõ ràng: “Đây là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi. Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu không lồ này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân”⁵.

Hồ Chí Minh đã tiên lượng hết sức khái quát nhưng đầy đủ về các vấn đề quan trọng của sự nghiệp xây dựng đất nước sau chiến tranh. Người thể hiện trách nhiệm chu toàn, trước sau trọn vẹn đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

2.3. Trách nhiệm trong vấn đề chăm lo động lực con người

Đây là vấn đề Hồ Chí Minh lo lắng, trăn trở nhiều nhất. Người lưu ý trong *Di chúc* về vấn đề này: “Đầu tiên là công việc đối với con người”⁶. Con người là lực lượng tạo nên

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 612.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 612.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 616.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 617.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 617.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 616.

mọi giá trị vật chất và tinh thần cho xã hội. “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống nhân dân”¹. Đời sống nhân dân là thước đo sự phát triển của xã hội. Đó là ham muốn tột bậc của Người.

Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh thể hiện sự quan tâm sâu sắc đến mọi tầng lớp trong xã hội.

- *Chăm lo cho thế hệ trẻ, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau.*

Hồ Chí Minh đánh giá về đóng góp của thế hệ trẻ đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc: “Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ”². Thanh niên là rường cột của nước nhà, là đội hậu bị của Đảng, chính vì thế, chăm lo cho thanh niên nói riêng và thế hệ trẻ nói chung cũng là chăm lo cho tương lai của đất nước, của dân tộc.

Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn lực con người Việt Nam. Tri thức là sức mạnh vô địch của dân tộc để vừa kháng chiến, vừa kiến quốc. Trong xây dựng xã hội mới, đất nước cần phải có lực lượng lao động có trình độ cao. Người căn dặn Đảng ta: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”³. Người lưu ý: “Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên”⁴. Người không thể quên những người trẻ tuổi đã trực tiếp đóng góp công sức vào sự nghiệp giải phóng dân tộc: “Những chiến sĩ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong đều đã được rèn luyện trong chiến đấu và đều tỏ ra dũng cảm. Đảng và Chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, các nghề, để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta”⁵.

Như vậy, Hồ Chí Minh đã dành tình cảm tốt đẹp cho thế hệ trẻ, lực lượng xung kích trên mặt trận xây dựng xã hội mới của dân tộc.

- *Chăm lo cho mọi tầng lớp nhân dân*

Hồ Chí Minh không quên bất cứ đối tượng nào trong xã hội, từ những người đã hy sinh một phần xương máu trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, các liệt sĩ, cho đến thân nhân thương binh, liệt sĩ,... Theo Người, họ phải được Đảng và Nhà nước quan tâm, được tạo điều kiện ổn định cuộc sống. Sự ưu ái của Người dành cho những người đã xả thân vì Tổ quốc và thân nhân của họ cũng chính là nét đẹp của truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây” của dân tộc Việt Nam. Người thấu hiểu, tôn trọng và tôn vinh những người có công với nước. Người mong muốn toàn Đảng, toàn dân chăm lo cho những người đã hy sinh xương máu trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và thân nhân của họ để tạo sự yên bình của xóm làng, sự bền chặt của xã hội.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 612.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 612.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 612.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 612.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 616-617.

Hồ Chí Minh cũng không bỏ rơi những nạn nhân của xã hội cũ. Người nói: “Nhà nước phải dùng vừa giáo dục vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện”¹. Người thể hiện lòng khoan dung, độ lượng, mong họ hoàn lương, trở về sống trong tình thương yêu, đoàn kết, hòa hợp dân tộc và trở thành những con người có ích cho xã hội.

Hồ Chí Minh luôn dành tình cảm trân trọng, quý mến cho phụ nữ. Người luôn ghi nhận khách quan công lao của họ: “Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, phụ nữ đảm đang ta đã góp phần xứng đáng trong chiến đấu và trong sản xuất”². Và Người yêu cầu: “Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc, kể cả công việc lãnh đạo. Bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên. Đó là một cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ”³. Chăm lo cho phụ nữ là chăm lo cho một nửa xã hội. Sự tiến bộ của phụ nữ là biểu hiện tập trung nhất của sự phát triển xã hội. Do đó, Hồ Chí Minh không bao giờ quên vấn đề phụ nữ hay vấn đề bình đẳng giới trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Hồ Chí Minh có suy nghĩ hết sức sâu sắc về nông dân, quân chủ lực của mặt trận nông nghiệp. Nông dân là lực lượng chủ yếu trong xã hội Việt Nam. Gia cấp nông dân đã đóng góp rất nhiều công sức cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Khi cách mạng thắng lợi, Người nghĩ ngay đến việc chăm lo cho nông dân: “Tôi có ý đề nghị miễn thuế nông nghiệp 1 năm cho các hợp tác xã nông nghiệp để cho đồng bào hỉ hỷ, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất”⁴. Việc làm này là sự tiếp nối chính sách “khoan thư sức dân” của cha ông, tạo động lực cho lực lượng nông dân hăng hái tham gia vào quá trình xây dựng xã hội mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Ngày 30 tháng 6 năm 1990, Quốc hội nước ta đã ban hành Nghị quyết về việc thực hiện miễn thuế nông nghiệp trong năm 1990 và 1991 theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nghị quyết đã tạo sự phấn chấn cho toàn thể Nhân dân Việt Nam trong những năm đầu thực hiện đổi mới đất nước.

Như vậy, Hồ Chí Minh nhìn thấy rất sớm và chọn vấn đề nông dân giải quyết để tạo sức bật mới cho cách mạng Việt Nam. Vấn đề này là minh chứng sinh động về tinh thần trách nhiệm của vị lãnh tụ suốt đời vì dân, vì nước.

- Tiết kiệm cho Nhân dân ngay trong việc “ra đi” của mình. Hồ Chí Minh luôn thể hiện sự quan tâm, lo lắng đến người khác trong mọi mối quan hệ. Sinh thời, Người luôn lưu ý để tránh làm phiền đến những người xung quanh, kể cả nhân viên giúp việc và cán bộ phục vụ. Do đó, Người mong muốn việc từ giã thế giới này của mình cũng không được làm phiền đến nhân dân cả nước. Người căn dặn: “Sau khi tôi qua đời, chớ nên tổ chức đám đình, lãng phí ngày giờ và tiền bạc của nhân dân”⁵. Đó là tấm lòng, là trách nhiệm cao cả của con người vĩ đại, của nhân cách cao đẹp - Hồ Chí Minh.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 617.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 617.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 617.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 617.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 613.

2.4. Trách nhiệm đối với phong trào cộng sản quốc tế

Hồ Chí Minh là tấm gương mẫu mực về chăm lo cho phong trào cộng sản, công nhân quốc tế. Người đã tạo lập, giữ gìn, vun đắp xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa dân tộc Việt Nam với cộng đồng quốc tế. Người đã nỗ lực gây dựng, thiết lập và chăm chút tình cảm tốt đẹp giữa phong trào cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới, nhất là với phong trào cộng sản, phong trào công nhân và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.

Từ những năm 1950, phong trào cách mạng thế giới bắt đầu có sự rạn nứt trong mối quan hệ giữa các đảng cộng sản lớn. Đây là điều làm Hồ Chí Minh rất lo lắng. Người đã tích cực tìm cách hàn gắn phong trào, nhưng kết quả chưa đạt được như mong muốn. Người bày tỏ trong *Di chúc*: “Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hòa hiện nay giữa các đảng anh em!”¹. Nhìn lại lịch sử, hiếm có lãnh tụ nào trên thế giới có tình cảm thủy chung và tràn đầy trách nhiệm với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế như Hồ Chí Minh. Chính vì vậy, Người không quên nhắc nhở Đảng ta: “Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình”².

Qua đó, Hồ Chí Minh chứng tỏ là một chiến sĩ cộng sản nhiệt huyết, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm vì sự nghiệp cách mạng chung của thế giới, vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ của nhân loại.

Ngày nay, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế không còn thể hiện tính tích cực trong thế giới hiện đại. Phong trào này vẫn còn bị rạn nứt và xung đột xuất phát từ mâu thuẫn lợi ích giữa các đảng và giữa quyền lợi riêng của các dân tộc. Tuy nhiên, Đảng ta vẫn giữ mối quan hệ tốt đẹp với các đảng cộng sản, các đảng công nhân và các đảng cầm quyền trên thế giới như mong muốn của Hồ Chí Minh.

3. Những bài học quý giá cho Đảng, Nhà nước và cách mạng Việt Nam

1) Chăm lo, vun đắp cho sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng, toàn dân tộc và cộng đồng quốc tế:

Hồ Chí Minh bộc bạch trong *Di chúc*: “Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”³. Người luôn đặt sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam trong mối quan hệ chặt chẽ với phong trào cách mạng thế giới.

Đại hội VII của Đảng đã rút ra bài học thứ tư (Mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc) và bài học thứ năm (Mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 613.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 613.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 614.

sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại)¹.

Đây chính là các bài học đã được tổng kết, rút ra từ Đại hội VI của Đảng và tiếp tục khẳng định trong Cương lĩnh Đại hội VII: “Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. Ngày nay, trước cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, trước sự phát triển vũ bão của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại và quá trình quốc tế hóa mạnh mẽ nền kinh tế thế giới, càng cần phải kết hợp chặt chẽ yếu tố dân tộc với yếu tố quốc tế, yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại để đưa đất nước tiến lên”².

2) Xây dựng và chỉnh đốn Đảng:

Đại hội X của Đảng đã chỉ ra bài học quan trọng: “Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là khâu then chốt, là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp đổi mới”³. Bài học này được đúc kết từ chỉ dẫn của Hồ Chí Minh và thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Trên cơ sở đó, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh tại Hội nghị Toàn quốc triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng: “Đảng ta đã tiến hành nhiều cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, khắc phục những hiện tượng hư hỏng trong bộ máy nhà nước, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Đảng yêu cầu phải làm tốt việc giáo dục, nâng cao phẩm chất cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, coi đây là một nội dung trọng yếu của công tác xây dựng Đảng”⁴. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã trở thành nội dung thường trực trong hoạt động và sinh hoạt của các tổ chức Đảng từ Trung ương đến cơ sở.

3) Lo cho Nhân dân, quan tâm, động viên người khác:

Hồ Chí Minh từng nói: “Ồ đời và làm người phải thương nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ bị áp bức”⁵. Người chỉ ra chân lý: “Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”⁶.

Điều đó đã trở thành tâm niệm thực hiện của Đảng ta. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng khái quát: “Chăm lo lợi ích, hạnh phúc của nhân dân là mục đích thiêng liêng, là lý tưởng cao quý của Đảng. Trong điều kiện hòa bình, xây dựng, chăm lo đời sống

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-viii/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-vii-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quooc-lan-thu-viii-cua-dang-1549>, truy cập ngày 22/2/2019.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-vii/cuong-linh-xay-dung-dat-nuoc-trong-thoi-ky-qua-do-len-chu-nghia-xa-hoi-1558>, truy cập ngày 22/2/2019.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, *Cổng thông tin điện tử Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, <http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/NuocCHXHCNVietNam/ThongTinTongHop/noidungvankiendaihoidang?categoryId=10000715&articleId=10038386>, truy cập ngày 24/9/2019.

4. Nguyễn Phú Trọng: Chăm lo lợi ích, hạnh phúc của nhân dân, thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, *Báo Nhân Dân điện tử*, <https://nhandan.com.vn/chinhtri/item/29712802-cham-lo-loi-ich-hanh-phuc-cua-nhan-dan-that-su-ton-trong-va-phat-huy-quyen-lam-chu-cua-nhan-dan.html>, truy cập ngày 27/05/2019.

5. Hồ Chí Minh: *Nhà nước và pháp luật*, NXB Pháp lý, Hà Nội, 1990, tr. 174.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 64.

nhân dân là mục đích trực tiếp, là một nội dung quan trọng trong hoạt động của Đảng và các cơ quan nhà nước, là vấn đề quyết định sự tín nhiệm và sự gắn bó của nhân dân đối với Đảng, là một động lực to lớn tạo ra phong trào hành động cách mạng của quần chúng”¹.

Đó còn là ý thức trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên, không được vô cảm trước những quan tâm, lợi ích chính đáng và quyền lợi hợp pháp của Nhân dân.

4) Sự cẩn trọng, chu toàn:

Trách nhiệm với việc “ra đi” của mình, để “đồng bào cả nước và đồng chí trong Đảng khỏi cảm thấy đột ngột”², Hồ Chí Minh đã bắt đầu viết *Di chúc* từ năm 1965. Các năm tiếp theo, Người đều dành ra một khoảng thời gian để sửa chữa, bổ sung *Di chúc* đảm bảo tính đầy đủ nhưng vẫn súc tích cô đọng. Do đó, nội dung *Di chúc* là một bản tổng kết chứa đựng nhiều thông tin và chỉ dẫn quý báu cho Đảng và dân tộc ta.

Hồ Chí Minh chu toàn trong việc thể hiện tình cảm với mọi tầng lớp nhân dân và bạn bè quốc tế: “Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng. Tôi cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn, và các cháu thanh niên nhi đồng quốc tế”³.

Trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng và Nhà nước ta luôn lấy lợi ích quốc gia, dân tộc làm trọng, nhưng không quên lợi ích của cộng đồng quốc tế. Đảng chủ trương thực hiện ngoại giao, đối ngoại nhân dân. Đối ngoại nhân dân luôn được hỗ trợ hiệu quả từ đối ngoại Đảng và ngoại giao Nhà nước trong việc thực hiện mục tiêu: Duy trì môi trường hòa bình, ổn định; tranh thủ sự ủng hộ và nguồn lực quốc tế để xây dựng và bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền của Tổ quốc; nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Đoàn kết hợp tác với bên ngoài để tăng cường sức mạnh bên trong, phát huy nguồn sức mạnh của bên trong, vì vậy, phải xây dựng thực lực, sức mạnh đất nước, chính nghĩa của dân tộc làm nền tảng, để thu hút sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế.

4. Kết luận

Bản *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh toát lên tất cả ý thức trách nhiệm của người chiến sĩ cộng sản nhiệt thành, của vị lãnh tụ thiên tài với năng lực tư duy biện chứng, đúng đắn và sáng suốt đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc và nhân loại. Không dừng lại ở những giá trị nội dung, bao trùm lên trong toàn bộ *Di chúc* đó là tinh thần trách nhiệm xuất phát từ tình yêu thương, thủy chung sâu sắc, trọn vẹn của một con người Việt Nam nhân hậu tuyệt vời. Hồ Chí Minh là tấm gương sáng về ý thức trách nhiệm tận trung với nước, tận hiếu với dân; hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Toàn Đảng, toàn dân Việt Nam tiếp tục sự nghiệp cách mạng mà Hồ Chí Minh đã chuẩn bị, đã đặt cơ sở ban đầu. Đó là sự tiếp nối trách nhiệm của các thế hệ để xây dựng và phát triển tiền đồ cha ông để lại mà Người đã căn dặn: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”⁴./.

1. Nguyễn Phú Trọng: Chăm lo lợi ích, hạnh phúc của nhân dân, thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, *Báo Nhân Dân điện tử*, <https://nhandan.com.vn/chinhtri/item/29712802-cham-lo-loi-ich-hanh-phuc-cua-nhan-dan-that-su-ton-trong-va-phat-huy-quyen-lam-chu-cua-nhan-dan.html>, truy cập ngày 27/05/2019.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 611.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 613.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 9, tr. 59.

DI CHÚC LÀ “TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP THỨ HAI” CỦA HỒ CHÍ MINH

*Đặng Tiến Bình**

Khi bắt tay vào viết tài liệu này, Hồ Chí Minh đã ghi “tuyệt đối bí mật”. Tất cả các bản thảo từ năm 1965 đến năm 1969 đều chưa có tiêu đề. Một điều đặc biệt là qua từng năm, các bản thảo đều có sự bổ sung, một số nội dung có sự phát triển làm rõ hơn, cụ thể hơn, chi tiết hơn. *Di chúc* gồm có hai phần: phần việc chung và phần việc riêng. Phần việc chung chiếm phần lớn nội dung của *Di chúc*. Phần việc riêng hết sức ngắn gọn, cụ thể, khiêm nhường so với cuộc đời hoạt động cách mạng sôi động và đầy hấp dẫn như một huyền thoại của Hồ Chí Minh. Trong phần “việc chung”, chúng ta nhận thấy rõ sự tổng kết thực tiễn đất nước sôi động từ khi Đảng ra đời cho đến khi Đảng cầm quyền của Hồ Chí Minh. Từ đó, Người đã nêu lên những điểm mà trước đó là tuyệt mật và chưa bao giờ được đề cập hoặc có đề cập cũng chỉ nói đến một cách sơ lược, ngắn gọn. Đặc biệt, với một tầm nhìn vượt thời đại của một siêu vĩ nhân, Hồ Chí Minh đã chỉ ra lộ trình tiếp tục của con đường cách mạng Việt Nam để đi đến đài vinh quang. Với những nội dung này, tài liệu tuyệt đối bí mật có thể được gọi là Tuyên ngôn độc lập cuối cùng của cuộc đời và sự nghiệp Hồ Chí Minh.

Di chúc Hồ Chí Minh là một văn kiện lịch sử đặc biệt, là sự kết tinh cả cuộc đời Hồ Chí Minh với tiến trình lịch sử hiện đại Việt Nam.

Chưa có một bài báo, một tác phẩm lý luận nào của Người có một thời gian sinh thành và kết thúc dài như thời gian viết *Di chúc*. Viết *Di chúc* không phải là viết về mình mà là viết về sự nghiệp của cả dân tộc, về cái tốt và cả những điều còn dang dở, có cả những điều viết lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng. *Di chúc* trở nên thiêng liêng vì đã đề cập đến những vấn đề sống còn của cả dân tộc. Sinh thời, Hồ Chí Minh đã có nhiều bài viết đề cập đến Đảng. Nhưng, phải đến *Di chúc* thì chúng ta thấy rằng Người luôn giành cho Đảng sự ưu tiên đặc biệt. Đầu tiên, Người khẳng định vai trò của Đảng ta là Đảng cầm quyền! Đây chính là trọng trách lớn nhất của Đảng đối với đất nước. Người đã chỉ ra vai trò thực chất của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng. Vai trò của Đảng là nhân tố quyết định sự thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Xây dựng lại đất nước sau chiến tranh là một nhiệm vụ “to lớn, nặng nề”, là một cuộc chiến đấu “không lồ”¹. Đây là lần đầu tiên trong một tác phẩm của mình, Hồ Chí Minh đã tập trung nêu lên những vấn đề chiến lược của cách mạng Việt Nam đánh Mỹ, thắng Mỹ và xây dựng lại đất nước. Người đã chỉ ra hết sức chi tiết những việc cần làm cho đất nước sau chiến tranh. Người cảnh báo những khó khăn, thách thức khi tiến hành xây dựng đất nước. Để từ đó, Người nêu lên ước nguyện cuối cùng của đời mình và cũng là mục đích cuối cùng của cách mạng Việt Nam: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu

* *Trưởng Chính trị tỉnh Thái Nguyên.*

1. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 31.

manh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”¹. Đối với sự nghiệp cách mạng thế giới, cũng là lần đầu tiên Người nêu lên nỗi đau của bản thân mình trước sự bất hòa của các đảng anh em. Là một chiến sĩ cộng sản quốc tế, Hồ Chí Minh đã có những đóng góp to lớn cho phong trào cộng sản quốc tế. Nói ra nỗi đau này của bản thân, Người muốn gửi một thông điệp đoàn kết đến các đảng anh em và mong muốn Đảng ta sẽ có những hoạt động thiết thực để góp phần thúc đẩy phong trào cộng sản và công nhân quốc tế phát triển. Từ đó, tranh thủ được sự ủng hộ của bè bạn năm châu cho con đường cách mạng Việt Nam.

Ra đời trong những điều kiện lịch sử mang tính bước ngoặt của cách mạng, Di chúc là vũ khí tư tưởng lý luận tràn đầy niềm tin, khát vọng chiến thắng để đi đến tương lai của dân tộc Việt Nam.

Đối với sự phát triển của một đất nước, một dân tộc nhỏ bé, nghèo nàn thì chiến tranh mà đặc biệt là sự đối mặt với một kẻ thù là siêu cường số một thế giới là một thách thức vô cùng to lớn và nghiệt ngã. *Di chúc* ra đời vào những năm tháng mà cuộc chiến tranh chống xâm lược lên đến đỉnh điểm. Chưa bao giờ trên đất nước ta có một cuộc chiến lâu dài và một số lượng kẻ thù nhiều như vậy. Chính vào thời khắc lịch sử đó, *Di chúc* Hồ Chí Minh được khởi thảo và đi vào khói lửa của cuộc chiến sinh tử. Như đã hòa nhập vào hồn thiêng sông núi đất Việt, Hồ Chí Minh đã đóng đinh vào quan tài của kẻ thù trước lúc ra đi vào cõi vĩnh hằng: “Cuộc chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn”². Với dân tộc Việt Nam, đây không phải là nguyện ước của người sắp đi xa mà là mệnh lệnh, là niềm tin vào sức mạnh của dân tộc, là quy luật của nhân nghĩa thắng bạo ngược, bất công. Với cuộc chống Mỹ cứu nước, *Di chúc* đã trở thành một siêu vũ khí mà kẻ thù không bao giờ có được. Trong một số tác phẩm của những người ở bên kia chiến tuyến sau này có đề cập đến những nguyên nhân thất bại nhưng chưa thấy tác giả nào nói đến sức mạnh của *Di chúc* Hồ Chí Minh. Những người ở bên kia chiến tuyến không thể nào “tiêu hóa” được một loại vũ khí độc đáo như *Di chúc* Hồ Chí Minh. Với *Di chúc*, Hồ Chí Minh đã tiếp thêm nguồn sức mạnh tin thần khổng lồ cho toàn thể nhân dân Việt Nam về niềm tin chiến thắng để đối mặt với những thách thức đến từ một kẻ thù siêu mạnh về vật chất. Và quả thực, dân tộc Việt Nam đã tự mình “đưa sức ta mà giải phóng cho ta” để “rũ bùn đứng dậy chói lòa” trong một chiến thắng như cổ tích ở thế kỷ XX.

Từ khi được công bố cách đây nửa thế kỷ, Di chúc Hồ Chí Minh là văn kiện có giá trị dẫn đường, chỉ lối cho cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Với sự huy động sức mạnh tổng lực của dân tộc và thời đại, chúng ta đã đánh thắng kẻ thù từng bước, tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn vào ngày 30/4/1975. Theo chỉ dẫn của Người và nguyện vọng của nhân dân, quá trình thống nhất đất nước đã diễn ra một cách nhanh chóng, toàn diện. Công cuộc xây dựng đất nước sau chiến tranh đã được tiến hành nhanh chóng và mạnh mẽ. Đúng như chỉ bảo của Hồ Chí Minh, đây là một cuộc chiến đấu mới, một cuộc chiến đấu tự thân, tự mình, chiến thắng chính mình. Trong những năm sau ngày chiến thắng, tình hình kinh tế - xã hội ngày càng khó khăn và đã dẫn đến khủng hoảng

1. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 38.

2. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 35.

kinh tế, hàng hóa khan hiếm, đồng tiền mất giá, lạm phát phi mã... Chính trong bối cảnh đó, tư tưởng Hồ Chí Minh dần dần được nhận thức và vận dụng vào thực tế của đất nước. Soi vào *Di chúc*, chúng ta mới thấy được sự tiên đoán chính xác của Hồ Chí Minh. Sau Đại hội VI của Đảng, đất nước đổi mới mạnh mẽ. Từng vấn đề trong *Di chúc* của Người đã hiện hữu vào cuộc sống bằng một loạt các quyết sách kinh tế - xã hội cơ bản như kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường; là đổi mới văn hóa, giáo dục, nhà nước pháp quyền; đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa, lấy con người là trung tâm. Đây là một trong những việc làm theo *Di chúc* Hồ Chí Minh có ý nghĩa như là kim chỉ nam của sự phát triển: Nghị quyết lần thứ 6 (lần 2) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng ra đời. Đây là sự trở lại với *Di chúc* Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền, về sứ mệnh thiêng liêng của Đảng đối với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được khẳng định là có vị trí là then chốt của sự nghiệp cách mạng. Đặc biệt từ Đại hội XI đến nay, công tác xây dựng chỉnh đốn Đảng đã được đẩy mạnh với tinh thần “không có vùng cấm”, bước đầu đã mang lại niềm tin mạnh mẽ cho nhân dân. Cả hệ thống chính trị từng bước khẳng định: kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội gắn với xây dựng con người. Có thể nói rằng, thực hiện sự nghiệp đổi mới là chúng ta đang hiện thực hóa *Di chúc* Hồ Chí Minh vào các lĩnh vực cơ bản của sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Cả đất nước Việt Nam đã và đang làm theo chỉ dẫn của Hồ Chí Minh được viết trong tác phẩm cuối cùng của Người là *Di chúc*. Những thành quả mà nhân dân Việt Nam đạt được trong 50 năm qua là minh chứng cho một bản Tuyên ngôn độc lập lần thứ hai và cũng là lần cuối cùng của Hồ Chí Minh. *Di chúc* là một trong những tác phẩm lý luận đặc biệt nhất của Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam và phát triển đất nước trong thời kỳ mới. Dù mai sau đất nước Việt Nam có nhiều đổi thay kỳ diệu mà hiện tại chúng ta chưa thể hình dung được, thì *Di chúc* vẫn là những di huấn dẫn dắt các thế hệ tiếp theo đưa đất nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh, dân chủ và văn minh, nhân dân ta được sống trong cảnh hòa bình, độc lập, thống nhất như khát vọng suốt đời của người anh hùng dân tộc Hồ Chí Minh./.

DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH – GIÁ TRỊ TRƯỜNG TỒN ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM

CN. Nguyễn Xuân Cẩn*

1. Mở đầu

Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam, người Thầy vĩ đại của nhân dân Việt Nam, một *chiến sĩ cách mạng kiên trung và người bạn thân thiết của các dân tộc và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới*. Người đã trải qua một cuộc đời oanh liệt, đầy gian khổ hy sinh, vô cùng phong phú, cao đẹp, Người đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc. Tên tuổi và sự nghiệp của Người sẽ sống mãi với các dân tộc yêu chuộng hòa bình trên thế giới, với non sông đất nước và sống mãi trong lòng mỗi chúng ta. Một trong những tài sản vô giá Người để lại cho chúng ta là *Di chúc* của Người. Nói về giá trị *Di chúc* Hồ Chí Minh và những cống hiến của Người đối với sự nghiệp đấu tranh giành độc lập của Việt Nam và phong trào cách mạng giải phóng dân tộc trên thế giới, *Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc (UNESCO)* đã khẳng định: Chủ tịch Hồ Chí Minh là một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Di chúc Hồ Chí Minh là sự kết tinh toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của những năm bôn ba trong hoạt động thực tiễn, nghiên cứu, học tập, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, sự kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là sự đúc kết, là tâm nguyện “để sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột”¹. Những nội dung được Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày trong bản *Di chúc* bao gồm những vấn đề cơ bản nói về Đảng; về Đoàn viên và thanh niên; về Nhân dân lao động; về Cuộc kháng chiến chống Mỹ; về Phong trào cộng sản thế giới và về Việc riêng. *Di chúc* Hồ Chí Minh là tài sản vô giá, mãi mãi là ngọn đuốc soi đường, chỉ lối cho cuộc đấu tranh vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội của nhân dân Việt Nam, là sự kết tinh cho ý chí, nguyện vọng và tư tưởng của Hồ Chí Minh. Do đó Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII Đảng ta khẳng định, lấy: “Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng”².

* *Trường Đại học Nguyễn Huệ*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 618.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1991, tr. 15.

2. Nội dung

2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp đấu tranh giành độc lập cho dân tộc Việt Nam

Trong công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra đường lối cách mạng đúng đắn. Trong đó chủ trương sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; lãnh đạo khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại; đồng thời, nắm vững tình thế, thời cơ cách mạng để đấu tranh lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân - phong kiến, giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động, làm nên cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội (CNXH). Nhờ đó, Việt Nam từ một nước không có tên trên bản đồ chính trị thế giới đã trở thành một nước độc lập, có chủ quyền; nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo nhân dân nhất tề đứng lên, chiến đấu kiên cường, đánh bại các kiểu chiến tranh xâm lược của chúng, bảo vệ thành quả cách mạng, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, mở ra một kỷ nguyên mới: độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Đất nước Việt Nam thống nhất và cùng đi lên xây dựng CNXH. Đây là sự thật lịch sử không thể bác bỏ, đồng thời là minh chứng hùng hồn cho sự tất thắng của cách mạng Việt Nam, sự tin tưởng, niềm tin chiến thắng được kết tinh trong *Di chúc* Hồ Chí Minh. Với thắng lợi, niềm tin và sự thật đó, Việt Nam trở thành một dân tộc tiên phong trong đấu tranh chống chế độ thực dân kiểu cũ, đứng đầu là thực dân Pháp và chế độ thực dân kiểu mới mà đại diện là đế quốc Mỹ. Thế kỷ XX ghi đậm dấu ấn của nhân dân Việt Nam do Đảng Cộng sản lãnh đạo luôn thấm nhuần lý luận giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người được đúc kết trong tư tưởng, hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mà rõ nhất là trong *Di chúc* của Người.

Bước vào thời kỳ đổi mới, trải qua hơn 30 năm đứng vững trên nền tảng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta đã lãnh đạo toàn dân và toàn quân, thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Thời kỳ mà các nước XHCN ở Đông Âu và Liên Xô tan rã, Việt Nam rơi vào tình thế muôn vàn khó khăn, nhưng Đảng Cộng sản Việt Nam với chế độ XHCN vẫn đứng vững và phát triển. Điều đó khẳng định cách mạng Việt Nam đi đúng hướng; Đảng, Bác Hồ đã vận dụng và phát triển sáng tạo, hiệu quả chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể ở nước ta. Trên thực tế, chủ nghĩa Mác - Lênin luôn là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng, là động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững của cả dân tộc Việt Nam.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ khi ra đời đến nay, trước những biến cố thăng trầm của lịch sử, Đảng ta luôn trung thành và vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Độc lập dân tộc gắn liền với CNXH nên đã đạt được những thành tựu hết sức cơ bản, vượt qua những khó khăn thử thách, đã đưa đất nước ta thoát khỏi khủng hoảng trầm trọng vào những năm cuối thế kỷ XX. Tạo nên một diện mạo mới của Việt Nam trong phát triển kinh tế, giữ vững hòa bình, ổn định chính

trị, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc; tăng cường đối ngoại, hội nhập quốc tế, là cơ sở tiền đề vững chắc để sớm đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, làm cho uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng cao.

2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (XHCN) hiện nay, cần phải phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, sức mạnh của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng; không ngừng tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Đặc biệt là việc chăm lo xây dựng “thể trận lòng dân”¹ vững chắc; gắn quá trình phát triển kinh tế - xã hội với phát triển các tiềm lực quốc phòng, quân sự với xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, làm nòng cốt trong thể trận quốc phòng toàn dân, sẵn sàng đánh thắng mọi kẻ thù, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. Quán triệt Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN trong giai đoạn hiện nay. Trước tiên cần phải kết hợp xây dựng các tiềm lực về kinh tế, chính trị, quốc phòng, quân sự và văn hóa, xã hội, thể hiện tính bền vững của nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với quốc phòng, an ninh vào thực tiễn trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trước tình hình mới. Chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu “*diễn biến hòa bình*”², bạo loạn lật đổ của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch chống phá công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

Đối với mọi cán bộ, chiến sĩ quân đội, việc nghiên cứu, học tập, thực hiện theo Tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh nói riêng, không những là trách nhiệm chính trị lớn lao, mà còn là thể hiện sâu sắc nhất, thiêng liêng nhất tình cảm của mình đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, đối với Đảng, đất nước và nhân dân; góp phần thiết thực vào nhiệm vụ xây dựng đất nước ta “đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”³ cũng như bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN như lời căn dặn của Người.

Ngay sau khi Cách mạng tháng 8 năm 1945 thắng lợi, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Đảng đề ra nhiều biện pháp thiết thực, cụ thể để giữ vững chính quyền nhân dân chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài.

Trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến ngày 19/12/1946, Người nói: “chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ... Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!...”⁴.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển đất nước theo tinh thần “nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”⁵ chính là quy luật của

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 34.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 146.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 131.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 534.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 64.

cách mạng Việt Nam. Nội dung của quy luật này gồm học thuyết giải phóng và học thuyết phát triển, trong đó chứa đựng cả xây dựng và bảo vệ.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, gồm cả xây dựng kinh tế, chính trị (Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân) văn hóa, xã hội, đặc biệt là xây dựng con người mới. Trong nội dung xây dựng có cả bảo vệ Tổ quốc và là một cách tự bảo vệ có hiệu quả nhất. Bởi vì chỉ có dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh thì đất nước mới đứng vững được trước mọi sự chống phá điên cuồng của kẻ thù.

Bảo vệ Tổ quốc là quan điểm nhất quán, xuyên suốt trong sự nghiệp, Tư tưởng Hồ Chí Minh. Người đúc kết: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước. Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”¹. Ngay từ những ngày đầu “trúng nước” của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chủ tịch đã tuyên bố “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập”²; “chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”³. Để bảo vệ Tổ quốc XHCN, Người nhấn mạnh “Lúc này chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng nhất của mọi người Việt Nam yêu nước”⁴. “Không có gì quý hơn độc lập, tự do!”⁵.

Tư tưởng Hồ Chí Minh cho thấy tư duy sâu rộng của mối quan hệ chặt chẽ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo vệ Tổ quốc trong Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là tư tưởng quân sự, quốc phòng, an ninh, kháng chiến, mà kháng chiến bao giờ cũng đi liền với kiến quốc. Xây dựng Đảng, Nhà nước chính là nhằm bảo vệ Đảng và Nhà nước, bảo vệ Tổ quốc. Bảo vệ Đảng, Nhà nước là phải tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Nhà nước. Trong xây có chống, phải tập trung chống lại những thói hư tật xấu trong Đảng, của đội ngũ cán bộ, đảng viên, làm trong sạch bộ máy Đảng, Nhà nước. Chống cũng nhằm xây và đó chính là phương thức hữu hiệu nhất để bảo vệ Đảng và chế độ.

Hồ Chí Minh đã sớm cảnh báo về những căn bệnh của Đảng cầm quyền. Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, tệ quan liêu, những lạm, lãng phí, thiếu tinh thần trách nhiệm, xa dân,... của cán bộ đảng viên sẽ làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng, là nguy cơ sống còn của Đảng, của chế độ. Theo Hồ Chí Minh, xây dựng lòng tin của nhân dân với Đảng chính là bảo vệ Đảng và chế độ. Một khi nhân dân đã mất lòng tin vào Đảng và Chính phủ nghĩa là đã mất tất cả.

Bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa không có nghĩa chỉ chống kẻ thù xâm lược và các thế lực thù địch. Điều quan trọng nhất là chống giặc nội xâm, khó chiến thắng hơn giặc ngoại xâm. Chính chủ nghĩa cá nhân sẽ tạo ra loại kẻ thù không gươm không súng, vô ảnh vô hình nhưng vô cùng nguy hiểm. Nếu chúng ta không cảnh giác, loại kẻ thù nội xâm này sẽ làm tiêu tan chế độ này, đảng này bất cứ lúc nào bằng cách làm cho đảng viên, cán bộ tự diễn biến. Hồ Chí Minh dạy: “Chủ nghĩa cá nhân là một trở ngại lớn cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cho nên thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 9, tr. 59.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 6, tr. 587.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 627.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 14, tr. 533.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 1, tr. 1.

tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân”¹. Tư tưởng Hồ Chí Minh cho thấy không ai có thể bơi nhỏ được chúng ta ngoại trừ chúng ta tự bơi nhỏ; không ai có thể làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta ngoại trừ chúng ta tự thay đổi bằng chính tề quan liêu, tham ô, tham nhũng, xa dân, vô cảm trước đời sống nhân dân, dẫn tới mất lòng tin của nhân dân. Quan điểm này thật sự chứa đựng hàm lượng khoa học và cách mạng trong tư duy Hồ Chí Minh về mối quan hệ hữu cơ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Các nội dung đó trong Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng quan điểm của Đảng về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bởi vì chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới không phải chỉ là vấn đề của quốc phòng - an ninh, tăng cường quốc phòng an ninh mà là “phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế, kiên quyết, kiên trì, đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ công cuộc đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ lợi ích quốc gia – dân tộc; bảo vệ nền văn hóa dân tộc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội”².

Với tư duy mới mẻ đó, một lần nữa cần nhấn mạnh và khẳng định trong bảo vệ có xây dựng, trong xây dựng có bảo vệ; xây dựng chính là bảo vệ và bảo vệ nhằm tạo điều kiện cho xây dựng. Muốn bảo vệ Tổ quốc cần phải chống lại các cản lực, mà trở lực lớn nhất trên con đường phát triển của đất nước chính là sự thoái hóa, biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cảnh báo.

Mối quan hệ chặt chẽ giữa xây dựng và bảo vệ còn được thể hiện ở lực lượng xây dựng cũng là lực lượng bảo vệ và lực lượng bảo vệ cũng là lực lượng xây dựng, tức là toàn dân, toàn quân, cả hệ thống chính trị. Xây dựng không chỉ là việc riêng của kinh tế - xã hội, của dân sự mà cũng là câu chuyện của quốc phòng - an ninh. Cũng cố quốc phòng - an ninh không phải chỉ là việc riêng của quốc phòng, của bảo vệ mà còn nhằm phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, theo yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội.

Trước khi đi xa, trong bản *Di chúc* Người căn dặn: “cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước có thể còn kéo dài, đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn”³.

Sự kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh mới của tình hình khu vực và thế giới, trước yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới được Đảng ta xác định trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và trên từng địa bàn. Đây là tư duy hết sức khoa học, thể hiện tính nhất quán chặt chẽ vừa xuyên suốt, vừa cụ thể trên cả hai mặt thời gian và không gian. Quan điểm này khắc phục những nhận thức hời hợt, chỉ thấy chiến lược mà không thấy cụ thể từng kế hoạch, từng quy hoạch, từng chính sách; chỉ thấy vĩ mô mà không quan tâm tới vi mô; chỉ thấy tầm quan trọng ở Trung ương mà không thấy vai trò trọng yếu của địa phương;

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 11, tr. 609.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 33.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 621.

chỉ thấy kinh tế mà không thấy quốc phòng - an ninh; chỉ thấy địa bàn này là ưu tiên kinh tế, địa bàn khác ưu tiên quốc phòng mà không thấy địa bàn nào cũng có cả kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, v.v..

Phải nhận thức đầy đủ, sâu sắc một cách khoa học và cách mạng rằng, sớm hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh chỉ có thể thắng lợi khi mà quốc phòng - an ninh được giữ vững, môi trường hòa bình được bảo đảm, tình hình chính trị ổn định. Từng giờ, từng phút, các thế lực thù địch tìm mọi cách chống phá chúng ta, không muốn cho chúng ta được sống trong hòa bình. Vì vậy phải quan tâm đúng mức, luôn luôn nêu cao cảnh giác đập tan mọi âm mưu và hành động chống phá của kẻ thù. Chỉ có như vậy thì mới có điều kiện để xây dựng đất nước. Bên cạnh đó, phải thấy rằng, chỉ khi kinh tế phát triển nhanh, bền vững, các lĩnh vực xã hội được bảo đảm thì nền độc lập của chúng ta mới được giữ vững. Những quan điểm chỉ muốn làm giàu về kinh tế bằng mọi giá, không quan tâm đến quốc phòng - an ninh, bảo vệ Tổ quốc, cần phải được lên án mạnh mẽ.

Trong những năm tới, “Nước ta sẽ thực hiện đầy đủ các cam kết trong Cộng đồng ASEAN và WTO, tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, hội nhập quốc tế với tầm mức sâu rộng hơn nhiều so với giai đoạn trước. Thời cơ, vận hội phát triển mở ra rộng lớn. Tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra vẫn tồn tại, nhất là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới; nguy cơ “*diễn biến hòa bình*” của thế lực thù địch nhằm chống phá nước ta; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện, “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; sự tồn tại và những diễn biến phức tạp của tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí,...”¹. Vì vậy, muốn bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa thì phải tiếp tục nâng cao năng lực, hiệu quả lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới theo con đường xã hội chủ nghĩa theo Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.3. Một số nội dung, biện pháp trong thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh hiện nay

Để khẳng định tính đúng đắn, khách quan, khoa học cũng như sức sống mãnh liệt trong giai đoạn hiện nay đối với *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta cần thực hiện tốt một số nội dung, biện pháp sau:

Một là, Phải kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, để từ đó thường xuyên giáo dục ý nghĩa, giá trị bản *Di chúc* thiêng liêng của Người, lấy đó làm nền tảng tư tưởng, là kim chỉ nam cho hành động của Đảng.

Đây là một nội dung biện pháp cơ bản, có ý nghĩa quan trọng hàng đầu, là vấn đề có tính nguyên tắc đảm bảo cho Đảng ta tiếp tục hoàn thành sứ mệnh được giao, thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng thành công CNXH và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN trong giai đoạn hiện nay. Để làm được điều đó, đòi hỏi Đảng ta phải thấm nhuần sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh; nhất là những lời căn dặn tâm huyết,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 19.

khúc chiết và vô cùng quan trọng được thể hiện trong nội dung *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng thời biết vận dụng sáng tạo, khoa học và phát triển toàn diện nội dung *Di chúc* của Người phù hợp với thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước và xu thế hội nhập quốc tế ngày càng tăng bằng những chủ trương, chính sách khoa học sát đúng với điều kiện nước ta, hợp với lòng dân, sớm đưa công cuộc đổi mới toàn diện của đất nước ta phát triển nhanh và bền vững, đúng với tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trước hết nói về Đảng, Bác căn dặn: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau.

Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”¹. Do đó, Đảng ta cần phải tập trung xây dựng hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là Đảng Cộng sản Việt Nam thật sự trong sạch, vững mạnh. Đảng phải luôn xứng đáng là lương tâm, trí tuệ, danh dự của dân tộc, vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân; xứng đáng là tổ chức chính trị tin cậy được nhân dân giao phó trách nhiệm lãnh đạo Nhà nước và xã hội tiến bước trên con đường CNXH theo đúng Hiến pháp Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (năm 2013). Kiên trì thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII: “Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”². Đấu tranh chống mọi biểu hiện tham ô, tham nhũng, lãng phí và “lợi ích nhóm”³ trong Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị, xã hội,... Cùng với việc thực hiện học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XII), để mỗi cán bộ, đảng viên thực sự là tấm gương sáng được quần chúng nhân dân học tập và làm theo.

Quá trình thực hiện luôn phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin và quyết tâm thực hiện thành công *Di chúc* của Người, quá trình thực hiện biết vận dụng khoa học, sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của đất nước, chống giáo điều, chủ quan, duy ý chí. Chú trọng làm tốt công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại. Phát huy sức mạnh nội lực, tăng cường củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đảm bảo cho mọi tầng lớp nhân dân trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài đều hướng tới sự phát triển bền vững của đất nước. Triển khai thực hiện có hiệu quả Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên xây dựng CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011); Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII; đồng thời tích cực nghiên cứu, tổng kết rút ra những bài học kinh nghiệm bổ ích trong 33 năm đổi mới (1986-2019); tiếp tục làm sáng tỏ hơn nữa những vấn đề bức xúc trong

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 622.

2. Ban Chấp hành Trung ương: *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4, BCHTW Đảng khóa XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 1.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 47.

xây dựng, chinh đốn Đảng và thực tiễn đổi mới đặt ra hiện nay. Trước hết, cần đẩy mạnh và tạo điều kiện để kinh tế tư nhân phát triển hơn nữa, tạo môi trường thuận lợi cho đảng viên làm kinh tế; về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về Đảng cầm quyền và công tác xây dựng, chinh đốn Đảng; làm rõ hơn mô hình và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nghiên cứu, vận dụng sáng tạo kinh nghiệm của các nước vào công cuộc đổi mới, chinh đốn Đảng, đẩy mạnh hơn nữa sự nghiệp CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế...

Hai là, tích cực học tập, nghiên cứu nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của những nội dung cơ bản trong *Di chúc* Hồ Chí Minh; từ đó, thực hành một cách đúng đắn, sáng tạo vào điều kiện cụ thể của từng cấp, từng ngành, từng địa phương và tổ chức, cơ quan, đơn vị.

Bởi lẽ, nếu không nắm được bản chất cách mạng và khoa học, không nắm chắc nội dung cơ bản, cốt lõi của Chủ nghĩa Mác - Lênin cũng như giá trị trường tồn của *Di chúc* Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm của Đảng thì không những người cán bộ, đảng viên không làm tốt công tác giáo dục chính trị, mà còn không lý giải được những vấn đề thực tiễn đặt ra. Do đó, không có cơ sở khoa học để đấu tranh, phản bác có hiệu quả chống lại các quan điểm sai trái, thù địch phủ nhận, xuyên tạc Chủ nghĩa Mác - Lênin, phủ nhận đường lối, chính sách của Đảng. Mặt khác, phải thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và *Di chúc* của Người mãi mãi giữ vững vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của Đảng và toàn xã hội. Cần căn cứ vào đường lối, quan điểm của Đảng, Nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn của cấp trên và điều kiện thực tiễn của địa phương, nhà trường và đơn vị để xác định rõ nội dung, hình thức, phương pháp tiến hành tổ chức nghiên cứu, quán triệt học tập *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh phù hợp với từng đối tượng. Nội dung tuyên truyền, giáo dục và học tập *Di chúc* của Người luôn phải đảm bảo tính toàn diện, tính hệ thống và chuyên sâu gắn với tình hình thực tiễn của từng địa phương, nhà trường, đơn vị.

Ba là, đi đôi với việc hiện thực hóa các nội dung trong *Di chúc* của Hồ Chí Minh, phải kiên quyết, kiên trì đấu tranh chống những quan điểm, sai trái, thù địch, bảo vệ giá trị vĩnh hằng và là ước muốn ngàn đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh được kết tinh trong *Di chúc*.

Cần thường xuyên nghiên cứu, nhận diện các quan điểm sai trái, thù địch xuyên tạc, phủ nhận Chủ nghĩa Mác - Lênin, phủ nhận những tư tưởng, quan điểm thể hiện trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ những luận điểm chung đến những luận điểm cụ thể trên các lĩnh vực về Đảng; về Đoàn viên và thanh niên; về Nhân dân lao động; về Cuộc kháng chiến chống Mỹ; về Phong trào cộng sản thế giới; và về Việc riêng. Cần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của các cấp ủy đảng trong đấu tranh chống mọi quan điểm sai trái, thù địch, bảo đảm các hoạt động đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận theo đúng định hướng của Đảng, chặt chẽ về nguyên tắc, vững vàng về quan điểm chính trị, sâu sắc về lý luận khoa học, sắc bén trong phương pháp và đạt hiệu quả cao. Huy động lực lượng rộng rãi trong các cơ quan nghiên cứu lý luận, các cơ quan nghiên cứu khoa học, các cơ quan truyền thông, báo chí, nhất là phát huy vai trò của các cơ quan nghiên cứu, các nhà khoa học trong đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch. Nâng cao chất lượng đấu tranh phản bác, tiến công trên mặt trận tư tưởng, lý luận chống các quan điểm sai trái, thù địch theo hướng tăng hàm lượng khoa học, tăng bề rộng chiều sâu lý luận, cập nhật thông tin, luận cứ, luận chứng sắc bén, có lý, có tình, có sức thuyết phục cao. Cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến vấn đề đấu

tranh dưới nhiều hình thức. Quan tâm đầu tư kinh phí, phương tiện, điều kiện cho các hoạt động đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch. Chủ động đấu tranh mạnh mẽ, không khoan nhượng với những hành động xuyên tạc tâm nguyên, ước mong lớn nhất trong cuộc đời, sự nghiệp của Hồ Chí Minh. Đây là cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận của những người cộng sản chân chính, nó diễn ra hết sức gay go, quyết liệt, nên phải được tiến hành thường xuyên; Để đấu tranh đạt hiệu quả, cần tích cực tuyên truyền, giáo dục những nội dung cơ bản của *Di chúc* Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm của Đảng, từng bước hiện thực hóa những nội dung đó trong cuộc sống nhằm nâng cao hơn nữa đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Đó là cách tốt nhất để bảo vệ nền tảng của Đảng, sức sống mãnh liệt của *Di chúc* trước sự chống phá của các thế lực thù địch và sự xuyên tạc của các phần tử phản động.

3. Kết luận

Di chúc của Hồ Chí Minh là tài sản vô giá, có giá trị to lớn và ý nghĩa sâu sắc đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Trung thành, vận dụng sáng tạo và từng bước hiện thực hiện hóa những nội dung trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là điều kiện tiên quyết để Đảng ta giữ vững bản chất cách mạng, vai trò lãnh đạo Nhà nước và xã hội; là nền tảng, tư tưởng vững chắc, kim chỉ nam để Đảng ta hoạch định đường lối xây dựng thành công CNXH và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. Điều đó đã được thực tiễn kiểm nghiệm và đó chính là cơ sở vững chắc để khẳng định giá trị trường tồn, sức sống mãnh liệt *Di chúc* của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam./.

DI CHỨC VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI TRONG TƯ TƯỞNG VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC CỦA HỒ CHÍ MINH

*ThS. Trương Thị Mỹ Châu**

Nghiên cứu *Di chúc* và hệ thống lý luận vô cùng sâu sắc về tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh luôn phải đặt trong mối quan hệ thống nhất giữa nội dung lý luận và nguyên tắc phương pháp luận. Tách rời mối quan hệ thống nhất giữa nội dung và phương pháp trong tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ không nhận thức hết được đầy đủ giá trị về nội dung cũng như tầm vóc lịch sử và ý nghĩa thời đại của tư tưởng đại đoàn kết - một trong những nội dung lý luận cơ bản có vai trò quan trọng nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Bản chất của phép biện chứng là khoa học về mối liên hệ phổ biến và sự phát triển. Bản chất của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết là mối liên hệ thống nhất từ mục đích của vấn đề đoàn kết, nội dung của đoàn kết, đến vai trò, phương pháp của đoàn kết trong thực tiễn cách mạng Việt Nam. Vì vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết là một hệ thống mở, thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong cách mạng Việt Nam từ quá khứ, hiện tại đến tương lai để các thế hệ sau học tập và vận dụng vào thực tiễn.

Trong *Di chúc* của Hồ Chí Minh, vấn đề đoàn kết dân tộc trở thành một nội dung cơ bản, quan trọng nhất, vừa là sách lược, vừa là chiến lược, vừa là vấn đề cấp bách trước mắt cần giải quyết không thể chậm trễ, vừa là vấn đề cơ bản lâu dài, then chốt của cách mạng Việt Nam. Bởi vì, đoàn kết dân tộc nhằm mục đích cuối cùng là đưa cách mạng đến thắng lợi hoàn toàn, đưa đất nước đến độc lập, đưa nhân dân đến tự do, hạnh phúc.

Trong tiến trình phát triển của lịch sử cách mạng, sợi chỉ đỏ xuyên suốt là mục đích độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thì vấn đề đoàn kết dân tộc có vai trò là nền tảng quan trọng nhất để thực hiện thắng lợi mục tiêu đó. Đoàn kết dân tộc vì vậy vừa là mục đích, vừa là điều kiện để đạt được mục đích đó. Vì vậy, Hồ Chí Minh đã khái quát mục đích và vai trò của đoàn kết, là chân lý trong mọi hoàn cảnh và điều kiện lịch sử xã hội: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”¹. Sự khái quát đó của Hồ Chí Minh trở thành chân lý tuyệt đối đúng trong toàn bộ lịch sử cách mạng Việt Nam, là nhân tố có ý nghĩa quyết định để tập hợp tất cả mọi lực lượng của dân tộc, làm nên sức mạnh to lớn của thời đại Hồ Chí Minh, là nguồn gốc cơ bản nhất để tạo nên mọi thắng lợi trong công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng khoa học và cách mạng về đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh đã trở thành tư tưởng hạt nhân giúp quy tụ mọi nguồn lực, đã liên kết mọi tầng lớp nhân dân, mọi lực lượng xã hội, đoàn kết thống nhất mọi giai cấp trở thành một khối thống nhất, trở thành sức mạnh vô địch, chiến thắng trước mọi kẻ thù, đem lại thành quả to lớn cho cách mạng Việt Nam trong tiến trình lịch sử vẻ vang của dân tộc.

* *Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 10, tr. 607.

Từ mục đích và vai trò của đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh đã xác lập nội dung cơ bản của vấn đề đoàn kết dân tộc chính là đoàn kết tất cả mọi con người Việt Nam, mọi tầng lớp, mọi giai cấp trong xã hội, vì mục tiêu chung của cách mạng. Tất nhiên, đây là một vấn đề vô cùng rộng lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh với rất nhiều chủ đề khác nhau, nhưng có lẽ yếu tố cốt lõi nhất chính là đoàn kết mọi người dân Việt Nam, không phân biệt nghề nghiệp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, giàu nghèo, hễ ai là người Việt Nam thì đều tập hợp lại thành một lực lượng thống nhất, một sức mạnh thống nhất, trong khối đại đoàn kết toàn dân.

Nguyên tắc của khối đại đoàn kết toàn dân, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, là phải dựa trên cơ sở nhân dân lao động, mà nòng cốt là liên minh công nhân, nông dân. Bởi vì, họ là lực lượng lao động đông đảo nhất và chủ yếu nhất trong xã hội, bị đế quốc, phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề nhất, vì vậy, họ là lực lượng tham gia cách mạng hăng hái nhất, triệt để nhất, là cơ sở để tập hợp các lực lượng xã hội khác. Theo nghĩa rộng của khái niệm “quần chúng nhân dân”, thì có thể thống nhất khái niệm này với nhân dân lao động trong xã hội, là giai cấp công nhân và nông dân. Bởi vậy, công, nông là tập hợp cơ bản và có ý nghĩa quyết định của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hồ Chí Minh khẳng định rằng: “Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đa số nhân dân, mà đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác”¹. Quan điểm trên của Hồ Chí Minh vừa thể hiện tính nguyên tắc khoa học và cách mạng trong lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò quần chúng nhân dân đối với sự phát triển xã hội, vừa vận dụng sáng tạo phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam.

Hồ Chí Minh là một Lãnh tụ vĩ đại có tầm nhìn định hướng cho sự phát triển của tương lai. Tuy nhiên, điều cao cả nhất để làm nên sự khác biệt trong nhân cách của Lãnh tụ Hồ Chí Minh so với các vĩ nhân khác của nhân loại, đó là tình thương yêu con người, lòng nhân ái bao la đối với mọi người trong xã hội, là hạt nhân của tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh. Triết lý về con người của Hồ Chí Minh là chủ nghĩa nhân đạo, là tình yêu bao la và vô cùng sâu sắc đối với con người. *Di chúc* của Người là hiện thân của lòng từ bi, bác ái mà tinh thần nhân đạo của các triết lý nhân văn tiến bộ trong lịch sử kết tinh nên trong chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh. Đây là yếu tố cốt lõi để làm nên sức sống mãnh liệt bên trong, sự lan tỏa rộng lớn và lâu bền, tính thuyết phục mạnh mẽ của tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh đối với tất cả mọi tầng lớp con người trong xã hội. Vì vậy, bản chất tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh là biểu hiện mối quan hệ biện chứng giữa nhân cách vĩ đại của Người với nội dung tư tưởng đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết mọi con người trong xã hội. Nhân cách vĩ đại của Hồ Chí Minh là nội lực để kết nối tất cả mọi người, mọi tầng lớp, mọi giai cấp thành một khối thống nhất trong chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc. Chúng ta có thể chứng minh sự nhận thức đó thông qua luận đề sau đây của Hồ Chí Minh: “Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối làm đường, ta phải

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 7, tr. 438.

dùng tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc chắn sẽ về vang”¹. Như vậy, chính tình yêu thương con người của Hồ Chí Minh là nhân tố quyết định để vượt qua mọi sự khác biệt của mỗi con người, trở thành sự liên kết và thống nhất trong đại gia đình dân tộc Việt Nam.

Lòng nhân ái, tình yêu thương sâu sắc con người của Hồ Chí Minh đối với tất cả mọi người, trở thành cơ sở bền vững cho chiến lược đại đoàn kết dân tộc, được thể hiện trong mọi hoàn cảnh, mọi lúc, mọi nơi. Người quan tâm yêu thương tất cả, từ cụ già đến trẻ em, “sửa đê em thơ, lụa tặng già”; thương các chú bộ đội, các anh, chị dân công, “Bác thương đoàn dân công, hôm nay ngủ ngoài rừng”; Người tiếc thương vô hạn đối với những chí sĩ, những nhà cách mạng đã từ trần như Cụ Huỳnh Thúc Kháng, Cụ Nguyễn Văn Tố, Cụ Bùi Kỳ, ... Tất cả mọi người đều nhận được tình cảm yêu thương vô cùng sâu sắc của Bác. Thủ tướng Phạm Văn Đồng, một nhà cách mạng tiêu biểu, một học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã viết: “Lòng Hồ Chủ tịch rộng như biển cả, bao dung, cảm hóa tất cả mọi người, diu dặt mọi người đoàn kết chiến đấu... Đối với kẻ làm đường lạc lối, lòng Hồ Chủ tịch còn rộng hơn biển cả. Người dạy phải khoan hồng, vui mừng đón rước những đứa con vì hoàn cảnh mà lạc bầy... Hồ Chủ tịch không chỉ chủ trương kêu gọi đoàn kết, mà ngày đêm thực hiện sự đoàn kết ấy. Hơn nữa, Hồ Chủ tịch tiêu biểu cho sự đoàn kết. Chính Hồ Chủ tịch là sự đoàn kết ấy”².

Trong nội dung đoàn kết dân tộc, khái niệm “đồng bào” luôn được Hồ Chí Minh đề cập đến, vì khái niệm này có sức lan tỏa, gọi nên những ý nghĩa tương đồng, lay động lý trí và tình cảm của mọi người, hướng đến sự thống nhất. Từ khái niệm “đồng bào”, Hồ Chí Minh đã xác lập các giá trị như nghĩa đồng bào, tình đồng chí, sự đồng tâm, đồng lòng, đồng sức, vì mục đích lợi ích chung là cứu nước, giành độc lập, tự do. Trong lời kêu gọi “Kính cáo đồng bào”, Hồ Chí Minh đã viết: “Hỡi các bậc phụ huynh! Hỡi các hiền nhân, chí sĩ! Hỡi các bạn sĩ, nông, công, thương, binh! Hiện thời muốn đánh Pháp, Nhật, ta chỉ cần một điều: toàn dân đoàn kết... Việc cứu nước là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kể vai gánh vác một phần trách nhiệm: người có tiền góp tiền, người có của góp của, người có sức góp sức, người có tài năng góp tài năng”³. Trong tâm khảm của mình, Hồ Chí Minh luôn quan niệm rằng, đã là con người thì ai cũng có mặt tốt, mặt xấu, vì vậy, cần phải luôn nâng niu, quý trọng và phát huy mặt tốt của mỗi con người, làm cho mặt tốt “nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi”. Mặt khác, phát huy cái thiện, loại trừ cái bất thiện trong đạo đức con người là một quá trình lâu dài, cho nên Hồ Chí Minh căn dặn rằng: “Xóa điều xấu, làm điều tốt không thể gấp gáp được. Vì nếu có nấu cơm cũng mười lăm phút mới chín, huống chi là sửa chữa một nước đã tám mươi năm nô lệ, người tốt có, người xấu có, một đám ruộng có lúa lại có cỏ, muốn nhổ cỏ thì cũng vài ba giờ mới xong”⁴. Tình yêu thương con người và đặt tất cả niềm tin vào những điều tốt đẹp của mỗi con người là biểu hiện của chủ nghĩa nhân văn cao cả trong tư tưởng Hồ Chí Minh, là tiền đề cho việc xác lập khối đoàn kết toàn dân một cách bền vững nhất. Yếu tố cốt lõi nhất xuyên suốt trong tư tưởng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 4, tr. 246-247.

2. Phạm Văn Đồng, *Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ*, NXB Văn học, Hà Nội, 1969, tr. 171- 172.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 3, tr. 197-198.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 5, tr. 61.

đại đoàn kết của Hồ Chí Minh chính là giá trị đạo đức, là chủ nghĩa nhân văn, là niềm tin khoa học vào cái đẹp và cái thiện. Bất kỳ lúc nào, giá trị nhân văn đó cũng hiện hữu trong tư tưởng đại đoàn kết của Người: “Tôi khuyên đồng bào đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi. Năm ngón tay cũng có ngón vắn ngón dài. Nhưng vắn dài đều họp nhau lại ở nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thể này thể khác, nhưng thể này hay thể khác cũng là dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ”¹. Đó là giá trị đặc sắc trong tư tưởng đại đoàn kết chỉ có ở Lãnh tụ Hồ Chí Minh, khó tìm thấy trong bất cứ vĩ nhân nào của thế giới đương đại.

Từ tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh, trải qua một quá trình lịch sử lâu dài trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, tư tưởng đại đoàn kết đã trở thành một truyền thống có ý nghĩa chiến lược và có vai trò quyết định trong mọi thành quả của cách mạng Việt Nam, là nội dung then chốt trong đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và của toàn dân tộc. Hồ Chí Minh khẳng định trong *Di chúc* rằng: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”². Là một Lãnh tụ vĩ đại suốt cả cuộc đời hy sinh vì độc lập, tự do của dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân, có thể khẳng định rằng, vấn đề đoàn kết dân tộc là một nội dung thường trực trong mọi suy nghĩ và hành động cách mạng của Người, là nội dung cơ bản, cốt yếu và quan trọng nhất trong tư duy chính trị của Hồ Chí Minh. Đoàn kết dân tộc là sự thống nhất biện chứng của tư tưởng chiến lược cơ bản lâu dài với những vấn đề sách lược cụ thể trong từng giai đoạn của cách mạng; là sự hòa quyện không tách rời và vô cùng sâu sắc của giá trị đạo đức, chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh với nội dung cụ thể của chiến lược đại đoàn kết.

Thống nhất biện chứng giữa nội dung đoàn kết dân tộc và phương pháp để xây dựng khối đại đoàn kết là một giá trị có tính đặc trưng nổi bật trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Là một danh nhân văn hóa của dân tộc và nhân loại, một nhà hiền triết, một nhà đạo đức có trái tim nhân ái bao la, Người thường sử dụng các hình ảnh cụ thể, thiết thực, rất gần gũi và có sức truyền cảm rất lớn để tuyên truyền, giáo dục, kêu gọi toàn dân đoàn kết. Những khái niệm, hình ảnh được Người hay dùng trong phương pháp tuyên truyền, giáo dục đoàn kết như “đồng bào”, “con Lạc cháu Hồng”, “con Rồng cháu Tiên”, “con cháu Hồng Bàng”, “nhóm lửa”, “trẻ chăn trâu”, “bàn tay”, “sợi chỉ”, “hòn đá”, “con cáo và tổ ong”,... Trong bài thơ “Hòn đá to”, trên Báo *Việt Nam Độc lập* số 123 ra ngày 21 tháng 4 năm 1942, Người đã viết: “Hòn đá to, hòn đá nặng, chỉ một người, nhắc khôngặng. Hòn đá nặng, hòn đá bèn, chỉ ít người, nhắc không nên. Hòn đá to, hòn đá nặng, nhiều người nhắc, nhắc lênặng. Biết đồng sức, biết đồng lòng, việc gì khó, làm cũng xong...”. trong bài thơ “Con cáo và tổ ong” (trên Báo *Việt Nam Độc lập*, số 130, ra ngày 01-7-1942), Hồ Chí Minh dùng hình ảnh loài vật để giáo dục con người: “...Ong kia yêu giống, yêu nòi, đồng tâm, hợp lực đuổi loài cáo đi. Bây giờ ta thử so bì? Ong còn đoàn kết, huống chi là người! Nhật, Tây áp bức giống nòi, ta nên đoàn kết để đòi tự do”. Còn rất nhiều những hình ảnh, những sự so sánh cụ thể như vậy đã được Người sử dụng để kêu gọi toàn dân đoàn kết, trở thành phương pháp độc

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 4, tr. 246.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 12, tr. 497.

đạo, “độc nhất vô nhị”, trong phong cách tuyên truyền, giáo dục tinh thần đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh.

Phép biện chứng trong tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh, thể hiện qua *Di chúc*, là sự thống nhất, mối liên hệ và sự phát triển của các yếu tố: mục đích, vai trò, nội dung và phương pháp đại đoàn kết dân tộc. Hạt nhân của phép biện chứng là sự thống nhất của tình cảm đạo đức trong sáng, cao cả, lòng nhân ái, chủ nghĩa nhân đạo sâu sắc của Hồ Chí Minh đối với con người và tư tưởng chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Người. Đó là sự thống nhất biện chứng giữa Lãnh tụ Hồ Chí Minh và nhân dân, dân tộc; biện chứng giữa đạo đức với chính trị, giữa lý luận và thực tiễn, giữa tình cảm và lý trí trong tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Người. Sự thống nhất biện chứng đó dựa trên nền tảng chủ nghĩa nhân văn, giá trị đạo đức, triết lý tất cả do con người và vì con người của Hồ Chí Minh. Đó là yếu tố xuyên suốt, là sợi chỉ đỏ kết nối mọi nhân tố, mọi giá trị khác, làm nên tài sản tinh thần vô giá là tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc. Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc, trong *Di chúc*, cũng như toàn bộ hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, mãi mãi là nền tảng tư tưởng, soi đường cho toàn Đảng và toàn dân trong sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam “sánh vai với các cường quốc năm châu” như mong muốn của Người. Công lao trời biển và giá trị trường tồn của lý luận Hồ Chí Minh đã được Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi”¹.

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII cũng khẳng định: “Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới. Nâng cao bản lĩnh chính trị, trí tuệ, tính chiến đấu của toàn Đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp; không dao động trong bất cứ tình huống nào. Giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên”².

Nhận thức sâu sắc tư duy biện chứng và giá trị cốt lõi tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh trong “*Di chúc*”, cũng như trong lý luận của Người, không những là sự khẳng định vai trò to lớn tư tưởng của Hồ Chí Minh đối với thành quả của cách mạng Việt Nam trong lịch sử, mà còn là động lực, là nhân tố cơ bản, trực tiếp, có ý nghĩa nhân văn và giá trị thời đại, để kết nối mọi nguồn lực, làm nên sức mạnh vĩ đại của dân tộc Việt Nam trong hiện tại và tương lai./.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 88.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 46.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ “LẤY DÂN LÀM GỐC” – GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ Ý NGHĨA THỰC TIỄN

*ThS. Lê Mạnh Chí**

Năm 2019 là năm toàn Đảng, toàn dân kỷ niệm 50 năm làm theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người là vị lãnh tụ thiên tài của cách mạng Việt Nam, đã dành cả cuộc đời, hy sinh cho sự nghiệp cách mạng của đảng và dân tộc, cho cuộc sống ấm no, tự do hạnh phúc của nhân dân. Ngay cả những giây phút cuối cuộc đời mình, Người đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta một bản Di chúc vô cùng quý báu. Những nội dung cốt lõi bao trùm nhất làm nên giá trị cách mạng, thực tiễn sâu sắc của Di chúc là tư tưởng về dân chủ, lấy dân làm gốc; tư tưởng về đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên. Nhân dân, đất nước với Đảng là một khái niệm hòa quyện, không thể tách rời trong tư duy của Người. Mong muốn lớn nhất, tha thiết nhất của Người cho muôn vàn thế hệ mai sau vẫn là chăm lo cho nhân dân. Trong Di chúc, Người dặn dò:

“Nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ, bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh.

Tuy vậy, nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng.

Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”¹.

Tư tưởng “lấy dân làm gốc”, chăm lo tới đời sống của dân luôn là tư tưởng chính thống, chủ đạo, là quy chuẩn quan trọng nhất, là sách lược ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc, trở thành cảm nang điều hành đất nước từ xưa đến nay. Vai trò của nhân dân đã được ông cha ta rút ra từ thực tiễn hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước: “Dân là gốc của nước nhà, gốc có vững thì nước mới yên”, “Cái gì dân muốn thì trời cũng phải thuận theo”,... Trần Hưng Đạo trước lúc lâm chung từng dặn dò “khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc; đó là thượng sách của giữ nước”². Nguyễn Trãi cũng minh định: “Chở thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân” hay “Lật thuyền mới biết dân như nước”³,... Chính vì vậy, Nguyễn Trãi luôn nhắc nhở những nhà lãnh đạo đất nước: “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân, quân điều phạt trước lo trừ bạo” (trích từ *Bình Ngô đại cáo*).

Thực tiễn lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam đã cho thấy, trong suốt chiều dài lịch sử của mình, hiếm có dân tộc nào trên thế giới phải trải qua nhiều cuộc kháng chiến trường kỳ để bảo vệ độc lập, chủ quyền như Việt Nam. Từ những phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân trong hơn một nghìn năm Bắc thuộc, đến ba lần kháng

* *Trường Đại học Nguyễn Huệ*

1. Trích: *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh* - Bản viết năm 1969.

2. Trích “Thành trì lòng dân”, *Lao Động cuối tuần*, ngày 29-3-2013.

3. Đây là hai cách dịch câu “Phúc chu thủy, tín dân do thủy” trích từ bài thơ *Quan hải* của Nguyễn Trãi.

chiến chống Mông - Nguyên của nhà Trần, cuộc đấu tranh chống quân Minh xâm lược thời nhà Lê, rồi phong trào Tây Sơn đánh bại quân Thanh và hơn 80 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược... đã thể hiện rõ điều đó. Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, nhân dân ta lại tiếp tục bước vào cuộc kháng chiến ròng rã 9 năm chống thực dân Pháp và sau đó, 20 năm chống đế quốc Mỹ và tay sai. Năm 1975, đất nước hoàn toàn thống nhất và dân tộc Việt Nam bước vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc và đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong toàn bộ quá trình lịch sử ấy, bài học “lấy dân làm gốc” vừa là nền tảng, vừa là sợi chỉ đỏ xuyên suốt.

Kế thừa và phát triển tư tưởng “dĩ dân vi bản” trong truyền thống lịch sử của dân tộc, Hồ Chí Minh khẳng định: Dân là “gốc của nước”, gốc có vững thì cây mới bền, xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân. Toàn bộ di sản tư tưởng cũng như thực tiễn hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh luôn quán triệt sâu sắc bài học “lấy dân làm gốc” và nêu cao tư tưởng cách mạng là của dân, do dân và vì dân. Người luôn nhắc nhở “Quan tâm đến đời sống của quần chúng thì quần chúng sẽ theo ta, ta được lòng dân thì ta không sợ gì cả, nếu không được lòng dân thì ta không thể làm tốt công tác”¹.

Hồ Chí Minh đã tiếp thu những quan điểm sâu sắc của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò của quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh của cả dân tộc Việt Nam. Trong bài phát biểu tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ 3 năm 1960 của Đảng Lao động Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chứ không phải là sự nghiệp của cá nhân anh hùng nào”, đồng thời xác định lực lượng chính trong công cuộc kháng chiến kiến quốc là nhân dân, xác định đây là “lực lượng quyết định sự thành bại của mọi cuộc cách mạng trong lịch sử” và là “lực lượng vĩ đại hơn hết. Không ai chiến thắng được lực lượng đó”. Nhân dân đã và sẽ mãi mãi là người làm nên lịch sử.

Người khẳng định: “Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân... Quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”².

Khi nước nhà vừa giành được độc lập, Người nêu rõ quan điểm: “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”³. Người yêu cầu Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để “phát triển kinh tế và văn hoá”, “Làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động thì được nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần dần được xoá bỏ”. Người giải thích rõ: “Dân chủ nghĩa là dân là chủ và dân làm chủ”; “thực hành dân chủ là cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn”. Theo Người, “có dân chủ mới làm cho cán bộ và quần chúng đề ra sáng kiến”, “có dân chủ thì dân mới tin, mới dám nói, mới có sự sáng tạo”⁴, nhờ đó mới tạo nên động lực. Xác định dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 142.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 232.

3. Hồ Chí Minh, *Báo Cứu quốc*, số 139, ngày 11-1-1946.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 284.

của sự nghiệp đấu tranh cách mạng, Hồ Chí Minh nhấn mạnh có phát huy dân chủ đến cao độ thì mới động viên được tất cả lực lượng của nhân dân tham gia vào sự nghiệp cách mạng và đưa sự nghiệp đó tiến lên. Người yêu cầu tất cả các cơ quan nhà nước đều phải dựa vào nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến của dân và chịu sự kiểm soát của nhân dân. Người căn dặn cán bộ, đảng viên rằng, mỗi cán bộ trước hết là người “đầy tớ của dân” nên phải hết lòng phục vụ nhân dân, đồng thời, làm người lãnh đạo hướng dẫn nhân dân thì người cán bộ nên phải có trí tuệ hơn người, biết nhìn xa trông rộng và phải gần gũi nhân dân. Người nghiêm khắc phê phán những biểu hiện của tệ quan liêu, xa dân, khinh dân, đặc biệt là thói kiêu ngạo “quan cách mạng”, ra lệnh, ra oai, “không tin dân” để dẫn đến chỗ “dân không tin” làm hại đến uy tín của Đảng, của Chính phủ.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, để thực sự “lấy dân làm gốc”, cần phải:

Thứ nhất, luôn tôn trọng và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; phải lấy mục đích bảo vệ cho nhân dân sống yên vui, hạnh phúc làm đầu, phải vì lợi ích của nhân dân mà phục vụ; lấy niềm vui, hạnh phúc của nhân dân làm lẽ sống của mình. Người từng nói: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”¹. Bác luôn nhắc nhở mỗi cán bộ, đảng viên phải luôn kiên quyết đấu tranh xóa bỏ những vi phạm ảnh hưởng đến lợi ích chung của nhân dân. Đồng thời, phải nâng cao đạo đức cách mạng, phòng và chống tham ô, tham nhũng, lãng phí, quan liêu, sự cửa quyền, hách dịch,... gây mất niềm tin trong nhân dân. Người khẳng định “Ngoài lợi ích của nhân dân, Đảng ta không có lợi ích nào khác”².

Thứ hai, làm tốt công tác dân vận nhằm xây dựng, củng cố mối quan hệ đoàn kết, gắn bó giữa các giai cấp, tầng lớp để tạo ra phong trào cách mạng sâu rộng và phát huy sức mạnh to lớn của quần chúng nhân dân. Điều đó có nghĩa là, phải “vận động tất cả lực lượng của mỗi một người dân không để sót một người dân nào, góp thành lực lượng toàn dân, để thực hành những công việc nên làm, những công việc Chính phủ và Đoàn thể đã giao cho”. Bác viết: “Dân vận không chỉ dùng báo chương, sách vở, mít tinh, khẩu hiệu, truyền đơn, chỉ thị mà đủ. Trước hết là phải tìm mọi cách giải thích cho mỗi một người dân hiểu rõ rằng: Việc đó là lợi ích cho họ và nhiệm vụ của họ, họ phải hăng hái làm cho kỳ được. Điều thứ hai là bất cứ việc gì đều phải bàn bạc với dân, hỏi ý kiến và kinh nghiệm của dân, cùng với dân đặt kế hoạch cho thiết thực với hoàn cảnh địa phương, rồi động viên và tổ chức toàn dân ra thi hành. Trong lúc thi hành phải theo dõi, giúp đỡ, đôn đốc”³. Bác thường căn dặn cán bộ: làm dân vận phải chân đi, mắt thấy, tai nghe, miệng nói, tay làm, óc nghĩ; không được lãnh đạo chung chung. Người cán bộ phải thường xuyên đi xuống dân, gắn bó với dân; tăng cường đối thoại với nhân dân, trực tiếp gặp gỡ, hỏi han và bàn bạc với dân, để nghe dân nói, xem dân làm, thấy được cách sinh hoạt, làm việc, cuộc sống của dân, và quan trọng hơn là

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 1995, t. 4, tr.161.

2. Hồ Chí Minh dùng trong bài viết “Phải theo đúng kỷ luật của Đảng”, Báo *Nhân dân*, số 217 từ ngày 22 đến ngày 24/8/1954, bút danh C.B.

3. Hồ Chí Minh (1949), “Dân vận”, đăng trên Báo *Sự Thật*, số 120, ngày 15-10-1949; bút danh X.Y.Z.

đi sâu tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng, thắc mắc của họ, biết họ đang nghĩ gì, cần cái gì, muốn cái gì, lo cái gì v.v.. Tóm lại, phải thật sự tin dân, trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân để kiến tạo những vấn đề cơ bản của sự phát triển, đồng thời giải quyết kịp thời, có hiệu quả những bức xúc, những kiến nghị chính đáng của nhân dân và cả những khiếu nại, tố cáo của công dân. Từ đó, đề ra, sửa đổi, bổ sung những chủ trương, chính sách đúng đắn, kịp thời, thực sự hướng tới người dân, vì lợi ích của nhân dân.

Thứ ba, phải nâng cao trách nhiệm của nhân dân đối với sự nghiệp cách mạng, huy động được nhân dân tham gia tích cực vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đặc biệt là chống tham nhũng, quan liêu, suy thoái; nâng cao ý thức cảnh giác của nhân dân đối với những âm mưu phá hoại, những luận điệu xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch nhằm hạ thấp uy tín của Đảng, làm cho nhân dân mất lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, kích động nhân dân chống lại chế độ, gây mất ổn định chính trị và chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân.

Phát huy quyền làm chủ của nhân dân được coi là một biểu hiện tập trung của tư tưởng “lấy dân làm gốc”, là một yếu tố bảo đảm sự thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đây là quan điểm có tính cách mạng và khoa học, là biện pháp tích cực của Đảng trong quá trình phát triển xã hội theo nguyên tắc “lấy dân làm gốc”. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là trong công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ngày nay, Đảng ta tiếp tục khẳng định lấy dân làm gốc là bài học kinh nghiệm hàng đầu, là cơ sở cho việc hoạch định đường lối phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, “đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo”¹, trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc.

Suốt 79 mùa xuân thanh bạch, Người luôn tận trung với nước, trung thành với lý tưởng của Đảng, mỗi quan tâm duy nhất của Người chỉ là chăm lo cho hạnh phúc của nhân dân. Người viết: “Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh...”. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi xa, nhưng bài học “lấy dân làm gốc” trong Di chúc của Người để lại vẫn là những giá trị trường tồn với thời gian, làm nền tảng tư tưởng và trở thành kim chỉ nam trong mỗi hành động của Đảng, của các cấp chính quyền, của cán bộ, đảng viên trong công cuộc xây dựng đất nước.

Trong điều kiện ngày nay, chúng ta cần phát huy cao độ quyền làm chủ của nhân dân để khai thác và sử dụng có hiệu quả sức mạnh to lớn của nhân dân. Thực tiễn cho thấy, chỉ có phát huy sức mạnh làm chủ của nhân dân mới có thể đẩy lùi được những tiêu cực, suy thoái và tệ tham nhũng, lãng phí một cách hiệu quả, từ đó mới có thể củng cố Đảng, làm trong sạch bộ máy Nhà nước. Những thắng lợi vẻ vang của ông cha ta trong các cuộc chiến tranh dựng nước và giữ nước cũng như những thành tựu to lớn mà chúng ta đã đạt được trong những giai đoạn cách mạng trước đây đều bắt nguồn từ đường lối “lấy dân làm gốc”. Ngày nay, bài học đó vẫn giữ nguyên giá trị. Để bài học “lấy dân làm gốc” không phải chỉ là khẩu hiệu, hoặc thực hiện nó một cách hình thức mà phải biến tư tưởng đó trở thành hiện

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 81.

thực, phải được thể hiện một cách sinh động, nhất quán trong các hoạt động thực tiễn của mỗi cán bộ, đảng viên và các tổ chức Đảng. Cán bộ, đảng viên phải thực sự là “người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”; phải tôn trọng nhân dân, vừa lãnh đạo vừa phát huy quyền làm chủ của nhân dân, vừa giáo dục vừa không ngừng học hỏi nhân dân; phải làm cho dân tin, dân yêu, dân ủng hộ; phải sống gần gũi với nhân dân, quan tâm đến đời sống của nhân dân, biết chia sẻ niềm vui, nỗi buồn cùng nhân dân, phải xây dựng cho mình tác phong, thái độ và hành động đúng với vị trí, vai trò của mình, xứng đáng là người mà nhân dân đặt trọn niềm tin cũng như giao phó trách nhiệm.

Kết luận

Trước những đòi hỏi của thực tiễn phát triển đất nước, trong bối cảnh thế giới đang biến đổi sâu sắc và nhanh chóng, toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Đồng thời cũng phải đề ra quyền lợi và nghĩa vụ rõ ràng cho mỗi công dân làm theo đúng Hiến pháp và pháp luật. Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng. Đó là mối quan hệ khăng khít “Vì dân” và “Do dân”.

Sức mạnh của Đảng là từ sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, tham nhũng, xa rời dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng. Chỉ có như vậy thì mới được dân tin, dân phục, dân yêu, giữ được lòng tin của dân với Đảng và chính phủ. Trận địa lòng dân là vững chắc nhất để bảo vệ Đảng và chế độ. Đây là những nền tảng giúp chúng ta góp phần tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ, tích cực và tiến bộ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, từng bước hiện thực hóa mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã lựa chọn.

*“Gốc có vững, cây mới bền
Xây lâu hạnh phúc trên nền nhân dân”¹*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 1995, t. 5, tr. 79.

ĐOÀN KẾT THỐNG NHẤT TRONG ĐẢNG THEO DI CHÚC CỦA HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG QUA CÁC ĐẠI HỘI THỜI KỲ ĐỔI MỚI

*ThS. Võ Hoàng Đông**

1. Đặt vấn đề

Trước lúc đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho muôn đời sau bản *Di chúc* thiêng liêng, đó là một tác phẩm “đặc biệt”, một tài sản tinh thần vô giá của Đảng và dân tộc, có ý nghĩa lịch sử và giá trị lý luận, thực tiễn sâu sắc, không chỉ trong quá khứ mà cả trong hiện tại và tương lai. Tuy ngắn gọn, song những vấn đề mà *Di chúc* đề cập đến đều là những vấn đề trọng đại đối với cách mạng Việt Nam và thế giới. “*Đoàn kết thống nhất*” là nội dung đầu tiên Người đề cập tới *Di chúc*, đó là một trong những nguyên tắc cơ bản nhất trong xây dựng đảng, là nền tảng cho mọi thành công. Những căn dặn của Người về đoàn kết thống nhất trong Đảng để xây dựng Đảng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là Đảng duy nhất cầm quyền ở Việt Nam có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc trong mọi thời đại.

2. Nội dung

2.1. Nội dung đoàn kết thống nhất trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh nói đến “vài việc”, trong đó, trước hết là “nói về Đảng”. Khi nói về Đảng, vấn đề đầu tiên mà Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh, đó là vấn đề “đoàn kết thống nhất”. Vấn đề đoàn kết trong Đảng được nhắc đến nhiều lần trong *Di chúc*. Trong những “điều mong muốn cuối cùng”, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nói đến vấn đề đoàn kết trong Đảng. Như vậy, có thể thấy rõ rằng, vấn đề đoàn kết trong Đảng chiếm vị trí đặc biệt quan trọng trong những suy tư, trăn trở của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trong *Di chúc*, vấn đề đoàn kết trong Đảng được Hồ Chí Minh đề cập trên ba phương diện cốt lõi:

Thứ nhất, “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”¹. Vì thế, có thể khẳng định, đoàn kết thống nhất trong Đảng là một cơ sở của đoàn kết nhân dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, là một cội nguồn làm nên những thắng lợi to lớn trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Điều này đã được chứng minh qua thực tiễn của cách mạng Việt Nam, từ khi Nguyễn Ái Quốc tiến hành hợp nhất 3 tổ chức cộng sản để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam cho đến khi đề ra đường lối kháng chiến kiến quốc qua hai cuộc trường chinh chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, cũng như trong thời kỳ đất nước đổi mới.

* Trường Đại học An Giang, ĐHQG-HCM

1. Hồ Chí Minh: *Di chúc*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 36.

Thứ hai, suốt chiều dài lịch sử của dân tộc cũng như đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, đoàn kết đã trở thành “một truyền thống quý báu của Đảng và của dân ta”¹. Đã là truyền thống quý báu thì cần phải giữ gìn và phát huy nó, đó là nguồn năng lực vô song của dân tộc, của Đảng. Vì thế, trong *Di chúc*, Người đã căn dặn “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”².

Thứ ba, Người cũng đã nhắc nhở là cần phải “thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình”, “phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”³ đó là cách tốt nhất để củng cố, phát triển sự đoàn kết thống nhất của Đảng theo nguyên tắc xây dựng đảng kiểu mới của Lênin.

Với ba phương diện về giá trị, tầm quan trọng, thái độ và cách thức ứng xử cần có đối với sự đoàn kết thống nhất trong Đảng như trên, có thể thấy rằng, vấn đề đoàn kết trong Đảng đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập một cách toàn diện và sâu sắc. Vấn đề được Người đề cập trước tiên đó, xuất phát từ truyền thống đoàn kết của dân tộc ta qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước; được khẳng định trong thực tiễn cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và trở thành ý chí, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Đoàn kết trong Đảng phải là sự đoàn kết nhất trí, đoàn kết thống nhất, trước sau như một, đặt lợi ích của đất nước, của nhân dân lên hàng đầu; đó càng không phải là đoàn kết giả tạo, hình thức, nửa vời, mà phải thể hiện cả ở tư tưởng lẫn trong hành động. Giữ vững sự đoàn kết thống nhất trong Đảng là một trong những nguyên tắc cơ bản xây dựng Đảng vì thế việc giữ vững và thực hiện nghiêm minh nó là trách nhiệm của người đảng viên. Hơn thế nữa, đoàn kết thống nhất trong Đảng là điều kiện, hạt nhân cốt lõi của khối đại đoàn kết toàn dân tộc và sự sống còn của cách mạng Việt Nam. Đó thực sự là những chỉ dẫn lý luận có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với thực tiễn công tác xây dựng đảng trong giai đoạn hiện nay.

2.2. Sự vận dụng của Đảng qua các Đại hội thời kỳ đổi mới

Thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Người, 50 năm qua, Đảng ta luôn coi trọng giữ gìn sự đoàn kết thống nhất, lấy đó làm cơ sở của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; quy tụ và phát huy sức mạnh toàn dân, tạo nên sức mạnh tổng hợp để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng. Qua các kỳ Đại hội Đảng, vấn đề đoàn kết thống nhất đều được xem xét, đánh giá một cách nghiêm túc và sâu sắc. Nhờ đó, Đảng đã không ngừng mạnh lên, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới hiện nay.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI (năm 1986) - Đại hội khởi xướng công cuộc đổi mới toàn diện, diễn ra trong bối cảnh thế giới và trong nước có rất nhiều khó khăn, thách thức to lớn. Đổi mới để tồn tại và phát triển đã trở thành một đòi hỏi sống còn mà thực tiễn đặt ra cho Đảng. Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, Đại hội đã phân tích những nguyên nhân khách quan dẫn đến tình hình khó khăn của đất nước, đồng thời cũng đã kiên quyết chỉ rõ những nguyên nhân chủ quan dẫn đến tình trạng này. Đại hội cũng đã rút ra 4 bài học kinh nghiệm quý, trong đó có bài học: “Trong Đảng, phải tăng cường sự đoàn kết nhất trí, sự

1. Hồ Chí Minh: *Di chúc*, Sđd, tr. 36.

2. Hồ Chí Minh: *Di chúc*, Sđd, tr. 36.

3. Hồ Chí Minh: *Di chúc*, Sđd, tr. 36

thống nhất ý chí và hành động”¹. Khi phân tích thực trạng, nguyên nhân của những hạn chế trong công tác xây dựng Đảng, Đại hội đã thẳng thắn chỉ rõ những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, gia trưởng, địa phương, cục bộ,... đã gây ra những hậu quả xấu đối với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và sự đoàn kết trong Đảng. Để khắc phục, sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm đó, Đại hội cũng đã nêu lên những luận điểm quan trọng, quyết tâm thực hiện đúng những lời căn dặn báu của Hồ Chí Minh trong *Di chúc* như: Một là, đoàn kết nhất trí là “bản chất của Đảng”; Hai là, Đảng có truyền thống đoàn kết nhất trí tốt đẹp, nhờ đó đã đoàn kết được đông đảo nhân dân, đưa sự nghiệp cách mạng đến những thắng lợi vẻ vang; Ba là, tăng cường đoàn kết, nhất trí về chính trị, tư tưởng và tổ chức trên cơ sở hệ tư tưởng Mác - Lênin, đường lối, quan điểm và nguyên tắc tổ chức của Đảng luôn luôn là vấn đề sống còn của cách mạng; Bốn là, đoàn kết trong Đảng không phải là “bằng mặt mà không bằng lòng”; mà là sự đoàn kết được xây dựng trên cơ sở đấu tranh để bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng; Năm là, phải chăm lo giữ gìn sự đoàn kết trong các cơ quan lãnh đạo của Đảng, trên cơ sở đó, tăng cường đoàn kết trong toàn Đảng².

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII (năm 1991) của Đảng diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội trong nước bước đầu có những chuyển biến theo hướng tích cực; đường lối đổi mới đã bắt đầu phát huy tác dụng. Tuy nhiên, tình hình quốc tế thì lại có nhiều thách thức mới, hệ thống XHCN ở Liên Xô và Đông Âu lâm vào khủng hoảng dẫn đến sụp đổ, các lực lượng thù địch tăng cường các hoạt động chống phá, đẩy mạnh thực hiện âm mưu “Diễn biến hòa bình”, thì việc đặt ra vấn đề bảo vệ đoàn kết trong Đảng cũng như trong nhân dân là rất cần thiết. Đại hội VII xác định phương châm chỉ đạo chiến lược là “Giữ vững đoàn kết trong Đảng, thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân”³. Về nhiệm vụ cụ thể trong xây dựng và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, Đại hội xác định: Một là, giữ vững và thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng bằng những cơ chế và quy định cụ thể. Đấu tranh chống những quan điểm lệch lạc, những biểu hiện vi phạm dân chủ, lợi lỏng kỷ luật, mất đoàn kết đang xảy ra ở nhiều Đảng bộ; Hai là, xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng trên cơ sở đường lối, chính sách của Đảng, giữ vững các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng, bồi dưỡng tình đồng chí, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, tư tưởng bè phái, cục bộ địa phương⁴.

Báo cáo chính trị tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (năm 1996) đã chỉ rõ thực trạng trong công tác xây dựng đảng có “Không ít nơi nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng”⁵, và coi đây là một trong số những vấn đề lớn đang đặt ra trước Đảng. Về các giải pháp khắc phục, Đại hội đã nêu một số quan điểm như: Một là, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thường xuyên tự phê bình và phê bình, giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng; Hai là, đoàn kết thống nhất trong Đảng, trước hết là

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 24.

2. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập*, Sdd, tr. 112-113.

3. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập*, Sdd, tr. 196.

4. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập*, Sdd, tr. 220-222.

5. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập*, Sdd, tr. 377.

ở cơ quan lãnh đạo, có ý nghĩa quyết định sự thành công của cách mạng. Cán bộ, đảng viên giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng trên cơ sở đường lối chính trị, nguyên tắc tổ chức và tình thương yêu đồng chí; Ba là, phát hiện sớm hiện tượng mất đoàn kết, tập trung giải quyết và xử lý dứt điểm; Bốn là, không đồng nhất việc trong Đảng có những ý kiến khác nhau khi thảo luận, tranh luận trong tổ chức với tình trạng mất đoàn kết. Trước sự phát triển của cách mạng, có nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn rất phức tạp, chưa sáng tỏ, trong Đảng cần có sự thảo luận, tranh luận. Mọi cán bộ, đảng viên phải biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của nhau, thật sự vì chân lý, lẽ phải; Năm là, những nơi nội bộ mất đoàn kết, cán bộ chủ chốt có nhiều biểu hiện tiêu cực thì cấp trên phải chỉ đạo, giúp đỡ trực tiếp¹.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX (năm 2001) đã nêu bật các quan điểm liên quan trực tiếp đến vấn đề củng cố đoàn kết trong Đảng như sau: Thứ nhất, kiện toàn tổ chức và cán bộ ở những cơ quan, đơn vị để xảy ra những biểu hiện không chấp hành nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước, làm việc trì trệ, độc đoán, chuyên quyền, kéo bè, kéo cánh, mất đoàn kết nội bộ; Thứ hai, cấp uỷ cấp trên tập trung chỉ đạo củng cố các đảng bộ, chi bộ yếu kém, kịp thời kiện toàn cấp uỷ và tăng cường cán bộ ở những nơi có nhiều khó khăn, nội bộ mất đoàn kết; Thứ ba, từng đảng bộ giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong tập thể lãnh đạo. Đối với những cấp uỷ, tổ chức Đảng vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, cán bộ lãnh đạo độc đoán, chuyên quyền, kéo bè, kéo cánh, gây mất đoàn kết nội bộ, cấp uỷ cấp trên phải chỉ đạo kiểm điểm làm rõ đúng sai, xử lý nghiêm những người có khuyết điểm, kiện toàn tổ chức cán bộ; nơi không có khả năng khắc phục khuyết điểm thì giải tán về tổ chức, lập tổ chức mới theo quy định của Điều lệ Đảng².

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X (năm 2006) khi đề cập đến vấn đề đoàn kết thống nhất trong Đảng, đã nêu lên hai quan điểm rất mới: *Thứ nhất*, xử lý kiên quyết, kịp thời, công khai những người tham nhũng, bắt kẻ ở chức vụ nào, đương chức hay đã nghỉ hưu, tịch thu, sung công tài sản có nguồn gốc từ tham nhũng; những người bao che cho tham nhũng, cố tình ngăn cản việc chống tham nhũng hoặc lợi dụng việc tố cáo tham nhũng để vu khống, làm hại người khác, gây mất đoàn kết nội bộ. Có cơ chế khuyến khích và bảo vệ những người tích cực đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực. Biểu dương và nhân rộng những gương cần kiệm liêm chính, chí công vô tư³; *Thứ hai*, Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị, thực hiện luân chuyển cán bộ, khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ về cán bộ. Tăng cường trách nhiệm của cán bộ, đảng viên là thủ trưởng cơ quan nhà nước. Cơ quan nào vi phạm chính sách, pháp luật, để xảy ra tình trạng tiêu cực, mất đoàn kết nội bộ thì người đứng đầu phải chịu trách nhiệm⁴. Điều đó thể hiện quyết tâm rất cao của Đảng trong việc gìn giữ, củng cố và tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI (năm 2011), trong phần đánh giá kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ trước đã chỉ rõ: “*Sự đoàn kết, nhất trí ở không*

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập*, Sdd, tr. 380-381.

2. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập*, Sdd, tr. 496-498

3. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập*, Sdd, tr. 732

4. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập*, Sdd, tr. 666

*ít cấp ủy chưa tốt*¹. Trong phần trình bày mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ công tác trong nhiệm kỳ tới, Báo cáo chính trị đã nêu lên một số luận điểm quan trọng về đoàn kết trong Đảng, cụ thể là: Thứ nhất, đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; Thứ hai, công tác tư tưởng phải giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận xã hội; Thứ ba, tập trung chỉ đạo, củng cố những tổ chức đảng yếu kém; kịp thời kiện toàn cấp ủy và tăng cường cán bộ ở nơi có nhiều khó khăn, nội bộ mất đoàn kết; Thứ tư, tập trung kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước; việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ...; Việc Đại hội XI nhấn mạnh quan điểm coi “*đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc*”, từ đó nhấn mạnh các giải pháp về chính trị tư tưởng, tổ chức, kiểm tra, giám sát... như trên là những điểm mới trong quan điểm của Đảng về đoàn kết trong Đảng, và trong đó, chúng ta cũng có thể thấy ra những dấu ấn đậm nét của tư tưởng Hồ Chí Minh².

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII (năm 2016) cũng tiếp tục khẳng định quan điểm “*đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc*”³. Trong công tác xây dựng Đảng, thì “*công tác tư tưởng được coi trọng và tăng cường, góp phần tạo sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội*”⁴. Tuy nhiên trong thực tế vẫn còn “*tình trạng dân chủ hình thức, thống nhất một chiều, thiếu sự tranh luận, thảo luận thấu đáo hoặc hiểu không đúng nguyên tắc này, dẫn đến mất đoàn kết nội bộ ở một số nơi*”⁵. Những nguyên nhân của hạn chế đã được chỉ ra rất cụ thể từ tư duy về công tác xây dựng Đảng chậm đổi mới; việc tổ chức thực hiện nghị quyết, chủ trương về xây dựng Đảng chưa nghiêm; nhiều cấp ủy và người đứng đầu chưa quan tâm đầy đủ đến công tác xây dựng Đảng... nguyên nhân của những hạn chế trong việc thực hiện đoàn kết thống nhất chính là nhận thức chưa đầy đủ và sâu sắc, có mặt chưa rõ, chưa thống nhất một số vấn đề quan trọng ở tầm quan điểm, chủ trương. Để xây dựng đoàn kết thống nhất trong Đảng đòi hỏi các cấp ủy và mỗi đảng viên cần nêu cao tinh thần gương mẫu, trách nhiệm trong công việc và lối sống trên tinh thần đồng chí thương yêu lẫn nhau; Xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn, tạo sự thống nhất về chính trị, tư tưởng, bởi đây là cơ sở quan trọng nhất để xây dựng đoàn kết thống nhất trong Đảng; Thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; Tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng, chăm lo củng cố tinh đồng chí trong Đảng, chống chủ nghĩa cá nhân; Lựa chọn, bố trí người đứng đầu có đủ phẩm chất, năng lực, có vai trò tiên phong, gương mẫu; Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền phải thực sự công bằng, công tâm trong xử lý công việc, phải thực sự là trung tâm quy tụ, đoàn kết của

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 175

2. Lại Quốc Khánh: *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh với vấn đề đoàn kết trong Đảng thời kỳ đổi mới*, <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/Tieu-diem/2014/28944/Di-chuc-cua-Chu-tich-Ho-Chi-Minh-voi-van-de-doan.aspx>, 02/9/2014

3. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 160

4. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr. 186

5. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr. 335

tổ chức đảng, của tập thể cơ quan, đơn vị. Phát hiện sớm và tập trung xử lý dứt điểm tình trạng mất đoàn kết từ khi những biểu hiện này mới manh nha;...

Trải qua hơn 30 năm đổi mới, trên phương diện xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tư tưởng của Hồ Chí Minh về đoàn kết thống nhất trong Đảng đã thể hiện giá trị một cách đậm nét. Qua các kỳ Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng, bắt đầu từ Đại hội VI đến nay đã cho chúng ta thấy rõ việc quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, vấn đề đoàn kết thống nhất trong Đảng luôn luôn được quan tâm, đặc biệt là ở những giai đoạn có ý quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của Đảng, của sự nghiệp cách mạng của dân tộc, khi phải đứng trước những thời cơ và cả những khó khăn, thách thức lớn. Đó là một bằng chứng mạnh mẽ khẳng định giá trị thực tiễn của *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

3. Kết luận

Là một đảng cách mạng chân chính, đặt lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết, Đảng Cộng sản Việt Nam kế thừa truyền thống đoàn kết quý báu của dân tộc, luôn coi trọng giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng như “*giữ gìn con người của mắt mình*” - theo đúng lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong *Di chúc*. Qua thực tiễn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, để đưa sự nghiệp đổi mới đất nước đi đến thành công thì lời dạy của Người về đoàn kết thống nhất trong Đảng vẫn còn vẹn nguyên giá trị, là gốc rễ, nền tảng của mọi sự thắng lợi./.

DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN HIỆN NAY

TS. Võ Văn Dũng*

Chủ tịch Hồ Chí Minh – vị lãnh tụ đã cống hiến cả cuộc đời cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thể hiện lòng yêu thương vô hạn với đồng chí, đồng bào và tình hữu nghị quốc tế. Do vậy, tư tưởng về đại đoàn kết giữ một vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống tư tưởng của Người, đặc biệt là trong *Di chúc*. Có thể nói, điểm nổi bật trong toàn bộ Di huấn mà Người để lại trước lúc đi xa là kêu gọi sự đại đoàn kết toàn dân; bởi Người đã nhìn thấy đại đoàn kết chính là cội nguồn của sức mạnh, là nhân tố quyết định đến sự tồn vong của dân tộc.

1. Tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh qua *Di chúc*

Với một con người mà trước lúc ra đi chỉ có một nuối tiếc là không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa thì điều trăn trở lớn nhất của Người chính là vấn đề xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Là Người trực tiếp sáng lập và rèn luyện ra tổ chức Đảng nên Người cũng khẳng định sức mạnh to lớn của đoàn kết qua thực tiễn cách mạng nước ta: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và dân tộc ta”¹. Như vậy có thể thấy, đoàn kết thống nhất trong Đảng không chỉ là mối quan tâm lớn hàng đầu của Hồ Chí Minh mà còn là sự trăn trở khi Người nghĩ về mai sau. Phải chăng từ trong tâm khảm của mình, Hồ Chí Minh đòi hỏi những người cộng sản Việt Nam phải luôn nhớ rằng nếu như cách mạng trước hết cần có Đảng, thì để đảm nhận được sứ mệnh lịch sử của mình, trước hết Đảng phải kết thành một khối thống nhất, chặt chẽ.

Để có sự đoàn kết thật sự, không chỉ cần có nguyên tắc, bản lĩnh, lý trí mà còn rất cần tình thương yêu, sự đồng cảm và chia sẻ với nhau. Người căn dặn “Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”. Để có sự đoàn kết thống nhất thực sự thì đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải có tình thương yêu đồng chí, có lòng nhân ái, nhân hậu. Trong công việc không chỉ là đặt ra yêu cầu hoàn thành công việc mà còn phải có sự cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ nhau cùng hoàn thành công việc. Vì vậy, để duy trì và củng cố đoàn kết thống nhất thì từng tổ chức Đảng bên cạnh việc phải chú trọng giáo dục ý thức trách nhiệm, đồng thời còn phải thường xuyên bồi dưỡng tình thân ái, tình thương yêu cảm thông chia sẻ, tình đồng chí.

Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng yếu tố đạo đức trong Đảng, đấu tranh chống lại các căn bệnh “quan liêu”, “tham nhũng, lãng phí”, “xa dân”. Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh đặc biệt

* Trường Đại học Khánh Hòa

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 510.

nhấn mạnh, “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”¹. Như vậy, để Đảng ta thực sự trong sạch vững mạnh, đủ sức để gánh vác những nhiệm vụ do nhân dân giao phó; đồng thời, để quét sạch nạn quan liêu, tham nhũng, lãng phí thì chỉ có đại đoàn kết mới có thể tạo ra sức mạnh đó. Do đó, giữ gìn sự đoàn kết và thống nhất trong Đảng là điều hết sức cấp thiết. Nhận thấy tầm quan trọng đó, Người đã chỉ ra “Đảng phải thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng”². Như vậy, Hồ Chí Minh đã chỉ ra cho chúng ta cách thức, phương pháp để thực hiện đại đoàn kết toàn dân.

Bên cạnh những trăn trở về xây dựng và tổ chức Đảng, Người còn thể hiện sự quan tâm đến sự nghiệp đấu tranh và thống nhất nước nhà còn đang dang dở. Nhưng với một lòng đoàn kết và quyết tâm cao độ thì Người khẳng định, sau khi đánh bại Đế quốc Mỹ xâm lược, “Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”³. Người đã hết sức khéo léo sử dụng cụm từ “sum họp một nhà” để nói lên tình cảm gắn bó của người dân hai miền Nam, Bắc như anh em ruột thịt; qua đó nói lên sự đoàn kết thống nhất, không thể chia rẽ mặc cho bọn thực dân, đế quốc ra sức chống phá với những thủ đoạn tàn bạo. Có thể thấy, đối với Người, dân tộc Việt Nam là một, là anh em chung một nhà. Do đó, tình cảm mà Người dành cho hai miền Nam Bắc, đồng bào, chiến sĩ và các cháu thanh thiếu niên, nhi đồng là thứ tình cảm ruột thịt chứa vô vàn tình yêu thương. Người có ý định, đến ngày nước nhà hoàn toàn thống nhất, Người sẽ đi khắp hai miền Nam Bắc, để chúc mừng đồng bào, cán bộ và chiến sĩ anh hùng, thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quý của chúng ta. Qua đó, Người đã bồi đắp thêm cho tinh thần đoàn kết của dân tộc và luôn nhắc nhở thế hệ mai sau phải luôn giữ gìn sự đoàn kết, keo sơn gắn bó này.

Cũng xuất phát từ sự đoàn kết, yêu thương nhân dân mà Người đã dặn dò thật kỹ lưỡng, sau khi đánh đuổi giặc Mỹ xâm lược thì cần thiết phải có chính sách quan tâm, giúp đỡ để những cán bộ, binh sĩ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong, ... có thể ổn định cuộc sống. Đối với những người thân trong gia đình họ thì cần được giúp đỡ để họ có công ăn việc làm phù hợp, không để họ bị đói rét. Đối với những đồng bào luôn gắn bó trung thành với Đảng, góp sức người và sức của cho cuộc kháng chiến đầy gian khổ của dân tộc, Người còn có ý đề nghị “miễn thuế nông nghiệp một năm cho các hợp tác xã nông nghiệp để cho đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất”⁴.

Sự nghiệp xây dựng đất nước cần có khối đoàn kết đông đảo, rộng rãi, mạnh mẽ và chắc chắn. Khối đoàn kết đó không chỉ gồm toàn bộ những người từ phía “bên này” mà có cả người của phía “bên kia”. Người cho rằng sự nghiệp xây dựng đất nước cần đến lực lượng của tất cả mọi người “không để sót một người nào”. Hồ Chí Minh viết trong *Di chúc*:

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 516.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 503.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 504.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 511.

“Đối với những nạn nhân của xã hội cũ như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu... thì cần phải vừa dùng giáo dục, vừa dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện”¹. Đây không chỉ là quan điểm tập hợp lực lượng hết sức rộng rãi mà còn thể hiện sâu sắc tư tưởng bao dung, nhân ái; chứ không thể gạt bỏ họ ra khỏi đời sống xã hội. Hồ Chí Minh. Như vậy, tình yêu thương bao la của Người đã bao trùm khắp nơi, dành cho mọi đối tượng và tầng lớp người. Người đã dùng tình yêu thương để kết nối sự đoàn kết của cả dân tộc. Theo Người, đã là đồng bào – “sinh ra cùng trong một bọc” thì phải đoàn kết lại, tương thân tương ái, yêu thương và giúp đỡ lẫn nhau. Đoàn kết là để yêu thương và để cùng nhau tiến bộ; đồng thời tình yêu thương đó sẽ giúp cả dân tộc đoàn kết, gắn bó chung một nhà với nhau.

Trước hết, Hồ Chí Minh khẳng định, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam không thể tách rời sự đoàn kết, sự ủng hộ, giúp đỡ tận tình của các nước xã hội chủ nghĩa và bầu bạn khắp năm châu. Vì vậy, một trong những dự kiến đầu tiên, ngay sau khi chiến tranh kết thúc của Hồ Chí Minh là sẽ thay mặt nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa và các nước bè bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Như vậy, Người mong muốn mở rộng hơn nữa tình đoàn kết quốc tế đối với Việt Nam.

Và Người cho rằng, đoàn kết là cội nguồn của sức mạnh và đặt trọn niềm tin vào sức mạnh ấy nên ngay từ khi bắt đầu hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt cách mạng Việt Nam trong vị trí là bộ phận của cách mạng thế giới, gắn nhân dân ta với nhân dân thế giới và luôn luôn chủ trương tăng cường đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. Người chủ trương kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, xây dựng mối quan hệ gắn bó Đảng ta với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Trong nhiều thập kỷ, Người quan tâm thường xuyên đến việc tăng cường đoàn kết quốc tế trong phong trào cộng sản và công nhân trên thế giới và trong các nước xã hội chủ nghĩa. Chính Người đã trực tiếp hoạt động để góp phần xây dựng khối đoàn kết giữa các đảng anh em. Người tự hào biết bao về sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Càng tự hào bao nhiêu thì càng day dứt và rất đau lòng bấy nhiêu trước sự bất hòa giữa các đảng anh em. Trước khi về cõi vĩnh hằng, đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin, người cộng sản chân chính ấy đã tự sự: “Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hòa hiện nay giữa các đảng anh em”². Từ đó, Người mong muốn “Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đặc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình”³. Và Người tin chắc rằng, các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại. Do đó, có thể nói, *Di chúc* của Người là một tuyên ngôn, một lời kêu gọi tha thiết đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Kết thúc bản *Di chúc*, Người đã thể hiện điều mong muốn cuối cùng và cũng là mong muốn cao nhất “Toàn Đảng toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 510.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 505.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 505.

hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”¹. Hồ Chí Minh đặt yếu tố đoàn kết lên hàng đầu, bởi lẽ, chỉ có đoàn kết mới tập hợp được lực lượng, hình thành được tổ chức cách mạng, mới tạo được sức mạnh để biến lý luận khoa học, đường lối, chính sách thành hiện thực. Để có một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, giàu mạnh và phát triển thì đòi hỏi phải có sự đoàn kết thống nhất về tư tưởng và hành động.

2. Ý nghĩa của *Di chúc* đối với việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân hiện nay

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết trong *Di chúc* nói riêng và trong toàn bộ hệ thống tư tưởng của Người nói chung có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân hiện nay. Thực hiện lời căn dặn của Người, chúng ta đã thực hiện chính sách đại đoàn kết một cách rộng rãi từ đoàn kết trong Đảng, đoàn kết toàn dân và đoàn kết quốc tế.

Thứ nhất, đoàn kết trong Đảng là hạt nhân của khối đại đoàn kết toàn dân

Khi đất nước bước vào thời kỳ xây dựng và phát triển, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Đảng cần phải mạnh hơn bao giờ hết” để hoàn thành một công việc nặng nề hơn, khó khăn hơn. Đảng phải mạnh hơn và chỉ thực sự mạnh hơn khi sự đoàn kết thống nhất trong Đảng được tăng cường. Là tổ chức chính trị cao nhất gồm hàng triệu đảng viên ở khắp mọi miền của Tổ quốc, có nhiệm vụ lãnh đạo cách mạng trong mọi tình huống cực kỳ khó khăn, phức tạp, mang tính sống còn, Đảng không thể không giữ gìn sự đoàn kết. Người đã chỉ rõ: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”². Lịch sử đã chứng minh, chính nhờ đoàn kết mà Đảng ta lớn mạnh và phát triển không ngừng. Nhờ đoàn kết mà chỉ với 15 tuổi, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân làm Cách mạng tháng Tám thành công, lập ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Nhờ đoàn kết, thống nhất triệu người như một mà chúng ta đã đánh thắng hai đế quốc lớn là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhờ đoàn kết, thống nhất ý Đảng lòng dân mà chúng ta thực hiện công cuộc đổi mới thành công, thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trong những năm qua. Chính nhờ sự đoàn kết thống nhất cả về tư tưởng lẫn hành động đã giúp mỗi cán bộ, đảng viên có đầy đủ bản lĩnh vững vàng, vượt qua được những cám dỗ, nêu cao lý tưởng và tỏ rõ tấm lòng kiên trung của mình với nước, với dân.

Đoàn kết thống nhất trong Đảng là một trong những nguyên tắc cơ bản nhất trong xây dựng Đảng, là sự vận động và phát triển theo đúng quy luật của Đảng. Đoàn kết thống nhất trong Đảng là cơ sở để xây dựng khối đoàn kết toàn dân. Sự đoàn kết thống nhất trước hết phải được xây dựng trong Đảng, được thể hiện trong Đảng. Với tinh thần “đảng viên đi trước, làng nước theo sau”, mỗi đảng viên, nhất là đảng viên giữ trọng trách lãnh đạo phải cương quyết chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội trong chính bản thân mình trước những tác động từ bên ngoài; bởi chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội chính là căn nguyên

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 506.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 516.

của sự mất đoàn kết thống nhất trong Đảng. Do đó, xây dựng và giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng luôn được Hồ Chí Minh coi là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là nền tảng cho mọi thành công. Đoàn kết thống nhất không chỉ là vấn đề sinh tử của từng tổ chức Đảng các cấp, mà còn là sinh mệnh của toàn Đảng, là vấn đề sống còn của cách mạng. Để Đảng ta được trong sạch, vững mạnh, có đủ sức và đủ tầm để lãnh đạo đất nước thì sự đoàn kết ấy phải là đoàn kết nhất trí, đoàn kết thống nhất; chứ không phải là đoàn kết giả tạo, hình thức, nó phải thể hiện ở tư tưởng và trong hành động. Tư tưởng và hành động phải thống nhất. Tránh hiện tượng bề ngoài là đoàn kết nhưng những khi cần ra một quyết định, ban hành một quyết sách thì không có được sự thống nhất hay khi cần thì liên minh nhau lại nhân danh đoàn kết, khi không cần thì tìm cách cản trở công việc của nhau. Đảng tuy có nhiều đảng viên, song khi tiến hành nhiệm vụ cách mạng thì chỉ như một người, trong Đảng không cho phép có tình trạng “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược”.

Đảng là tổ chức chính trị cao nhất của Nhân dân, của dân tộc, các đảng viên đều tham gia tổ chức một cách tự giác, tự nguyện, việc giữ vững và thực hiện nghiêm minh các nguyên tắc của Đảng không chỉ là nguyện vọng của nhân dân mà còn là trách nhiệm của mỗi đảng viên; đồng thời mỗi đảng viên cần phải tự ý thức trong việc giữ gìn sự đoàn kết. Để làm được điều đó, cần thiết phải lấy nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản và quan trọng; trong từng tổ chức Đảng phải thực hành dân chủ, mở rộng dân chủ, “phải thực sự mở rộng dân chủ để tất cả đảng viên bày tỏ hết ý kiến của mình”¹, mọi ý kiến, suy nghĩ của mỗi đảng viên đều phải được bày tỏ, được lắng nghe; mọi quyết định quan trọng đều phải được bàn bạc, thảo luận một cách dân chủ. Trong Đảng “thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm túc tự phê bình và phê bình” là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Nhờ giữ gìn sự đoàn kết thống nhất đó mà Đảng mới có thể trở thành hạt nhân lãnh đạo khối đại đoàn kết toàn dân.

Thứ hai, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân vững chắc nhằm tạo ra sức mạnh nội sinh của dân tộc

Theo Hồ Chí Minh, “Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác”². Trong đó, “quan trọng bậc nhất là phải tăng cường đoàn kết: đoàn kết giữa học viên và cán bộ, giữa nhà trường và đơn vị, đoàn kết giữa học viên mới tốt nghiệp với cán bộ và chiến sĩ ở đơn vị, đoàn kết giữa đơn vị miền Bắc và đơn vị miền Nam, giữa đơn vị chiến đấu và đơn vị sản xuất, đoàn kết chặt chẽ giữa quân đội và nhân dân...”³. Do đó, có thể hiểu đoàn kết là sự tập hợp lại, cùng nhau chung sức người, chung sức của, để cùng cố gắng vươn lên đạt được mục đích mà tất cả cùng mong đợi. Nhờ có đại đoàn kết, mọi tầng lớp nhân dân phát huy nhiệt tình cách mạng, tinh thần lao động của mỗi người, của tập thể để hoàn thành công việc, nhiệm vụ được giao.

Do mỗi giai cấp có vị trí, vai trò, nhiệm vụ khác nhau; nếu biết đoàn kết thì khai thác,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 10, tr. 118.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 10, tr. 438.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 9, tr. 112.

phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp của nhân dân. Trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam, mỗi giai cấp, tầng lớp lại có những lợi ích khác nhau nhưng đều có chung mục đích là độc lập, thống nhất, chủ quyền dân tộc. Quyền lợi tối cao của quốc gia dân tộc là cơ sở phát huy những yếu tố tương đồng, thu hẹp đến mức thấp nhất các lợi ích khác biệt, mâu thuẫn giữa các giai cấp, thành phần khác nhau. Vì vậy, lời kêu gọi toàn dân phát huy sức mạnh đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn có ý nghĩa hết sức quan trọng trong mọi giai đoạn của cách mạng và công cuộc phát triển đất nước nói chung, cũng như từng địa phương nói riêng. Do vậy, việc thực hiện đại đoàn kết và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân đã trở thành hoạt động hết sức sôi nổi, được tổ chức và chỉ đạo một cách rộng khắp từ Trung ương đến địa phương, dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước.

Ở các thời điểm khác nhau và ở các địa phương khác nhau, việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết sẽ mang những tiêu chí, nội dung và nhiệm vụ khác nhau nhưng chung quy lại thì tất cả hướng đến mục tiêu cao nhất là lợi ích chung nhất cho cá nhân, cho cộng đồng và đất nước. Các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân cần phải nhận thức rõ vai trò không thể thiếu cũng như tính tất yếu của việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết đối với việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Đã hơn nửa thế kỷ trôi qua, tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh luôn là nguồn động lực đưa con thuyền cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác và giành được thắng lợi cuối cùng. Thực tiễn cho thấy, phong trào đại đoàn kết đã không ngừng phát triển, trở thành mục tiêu và động lực quan trọng góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng đặt ra trong các thời kỳ. Qua phong trào đại đoàn kết, mọi người được xích lại gần nhau, hiểu nhau hơn, và cảm thông cho nhau hơn. Điều này đã kích thích, động viên mọi tầng lớp nhân dân đồng sức, đồng lòng; cùng nhau mang hết mọi sức lực và trí tuệ phục vụ cho công việc, sản xuất và chiến đấu. Những thành tựu to lớn mà nước ta đạt được qua các thời kỳ đã luôn gắn liền và có sự đóng góp quan trọng của việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết. Đại đoàn kết toàn dân đã tạo ra sức mạnh nội sinh mà không thể có bất kỳ một lực lượng có thể đánh bại hay khó khăn nào có thể khiến dân tộc lùi bước; đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”.

Thứ ba, đoàn kết toàn dân gắn liền với đoàn kết quốc tế

Hồ Chí Minh không những là vị Lãnh tụ vĩ đại của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, là một Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, là Nhà văn hóa lớn của nhân loại mà còn là người sáng lập, lãnh đạo đầu tiên của ngoại giao Việt Nam, là một nhà ngoại giao kiệt xuất của nước ta. Do đó, đoàn kết quốc tế là một trong những vấn đề quan trọng trong tư tưởng của Người. Hồ Chí Minh còn chỉ rõ cho các tổ chức cách mạng thế giới rằng, sự đoàn kết đó có cơ sở từ sự thống nhất về lợi ích, thống nhất về sứ mệnh lịch sử trong sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc và giải phóng nhân loại. Ghi nhớ lời dạy của Người, ngày nay, Đảng và Nhà nước ta đã thực hiện đường lối đối ngoại giữ vững độc lập tự chủ, mở rộng hợp tác quốc tế, đoàn kết, hữu nghị với nhân dân các nước, trước hết là các nước láng giềng và khu vực, thực hiện chính sách ngoại giao hòa bình, tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Những phương châm đối ngoại do Người đề

ra là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của ngành ngoại giao nước ta: dĩ bất biến, ứng vạn biến; thêm bạn bớt thù; kiên trì nguyên tắc, giữ vững mục tiêu chiến lược nhưng mềm dẻo, linh hoạt về sách lược; biết mình, biết người; không gây thù oán với một ai; coi trọng việc xây dựng thực lực, kịp thời nắm bắt thời cơ; lợi dụng mâu thuẫn giữa các thế lực thù địch, phân hóa, thu hẹp, cô lập tới mức cao nhất kẻ thù của cách mạng; đồng thời, hết sức coi trọng đoàn kết mọi lực lượng có thể đoàn kết, tranh thủ mọi lực lượng có thể tranh thủ; biết cách thương lượng, khi cần có thể nhân nhượng, nhưng nhân nhượng có nguyên tắc.

Hồ Chí Minh đã phát hiện ra đoàn kết là quy luật sống còn và phát triển của cách mạng Việt Nam. Để phát huy được sức mạnh tổng hợp của dân tộc thì đoàn kết toàn dân cần phải gắn liền với đoàn kết quốc tế với phương châm dựa vào sức mình là chính nhưng đồng thời cũng tranh thủ sự viện trợ và giúp đỡ từ bên ngoài để phát triển đất nước. Trong thời gian qua, chúng ta đã tranh thủ nguồn vốn, khoa học công nghệ tiên tiến, kỹ thuật quản lý của nước ngoài để xây dựng và phát triển đất nước, Việt Nam cũng đã tiến một bước dài trong việc hội nhập, gia nhập AFTA, APEC, WTO,... Nhờ quán triệt tư tưởng đại đoàn kết mà đã 50 năm kể từ khi thực hiện *Di chúc* của Người, chúng ta đã giữ vững hòa bình, ổn định và phát triển, tăng cường vị thế của nước ta trên trường quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Nhìn chung, quan hệ giữa nước ta với các nước lớn trong những năm qua đã có những tiến bộ rõ rệt. Điều này thể hiện chính sách đoàn kết toàn dân gắn liền với đoàn kết quốc tế của ta là hoàn toàn đúng đắn. Như vậy, dù tình hình thế giới nói chung, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế nói riêng, đến nay có rất nhiều thay đổi. Song, có một chân lý Hồ Chí Minh đưa ra không thay đổi: đó là tình đoàn kết, hữu nghị giữa các đảng, giữa các dân tộc chỉ có thể được xây dựng một cách bền vững trên cơ sở nền tảng tin cậy và hiểu biết lẫn nhau, đó là khởi nguồn của sức mạnh và là con đường đi đến thành công. Điều này chứng tỏ tầm nhìn sâu rộng của lãnh tụ thiên tài đã sớm nhìn thấy rõ tương lai của đất nước, thế và lực của Việt Nam trên trường quốc tế được quyết định bởi chính truyền thống đoàn kết.

3. Kết luận

Đất nước Việt Nam hôm nay đã đổi mới, rạng rỡ và lớn mạnh lên nhiều so với trước. Năm mươi năm trôi qua, Đảng ta và nhân dân ta tự hào đã thực hiện nghiêm túc *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, luôn luôn giữ gìn sự đoàn kết và thống nhất trong Đảng để làm hạt nhân của khối đại đoàn kết toàn dân. Hạt nhân có vững mạnh thì khối đại đoàn kết mới thực sự trở thành sức mạnh nội sinh đưa nước ta vượt qua mọi khó khăn thử thách, tạo nên thế và lực mới cho đất nước, sánh vai cùng các nước trên thế giới; do đó, đoàn kết toàn dân gắn liền với đoàn kết quốc tế. Học tập tư tưởng của Người, hiểu được vai trò của đại đoàn kết, chúng ta luôn giữ gìn sự đoàn kết được thể hiện ở sự nhất trí trong nhận thức và hành động, trong lời nói và việc làm. Khối đại đoàn kết đó được xây dựng trên cơ sở thống nhất đường lối, chính sách, lập trường tư tưởng, kiên định trong mọi tình huống; không hoang mang, dao động xa rời lý tưởng của Đảng, với con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân đã lựa chọn./.

BẤT ĐỒNG XÔ - TRUNG VÀ SỰ TRĂN TRỞ VỀ PHONG TRÀO CỘNG SẢN THẾ GIỚI TRONG “DI CHỨC” BÁC HỒ

*ThS. Nguyễn Thị Hiền**

Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh không chỉ là lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam, mà Người còn là một chiến sĩ xuất sắc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Cùng với quá trình tạo nên thời đại mang tên mình trên đất nước Việt Nam – thời đại Hồ Chí Minh, Bác đã có những đóng góp đáng kể vào công cuộc kiến tạo nên một kỷ nguyên mới trong lịch sử tiến hóa của nhân loại: kỷ nguyên độc lập dân tộc tiến lên chủ dân nghĩa xã hội. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng sôi nổi của Người, bên cạnh việc củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, Bác đã tham gia tích cực vào quá trình thiết lập, mở rộng, củng cố, tăng cường đoàn kết quốc tế, đặc biệt là sự đoàn kết, thống nhất trong phong trào cộng sản thế giới. Vì vậy, chứng kiến mâu thuẫn giữa hai đảng cộng sản – hai nước lớn trong hệ thống xã hội chủ nghĩa (Liên Xô và Trung Quốc), kéo theo sự bất hòa trong phong trào cộng sản thế giới lúc bấy giờ, Bác đã rất đau lòng. Trong “mấy lời dặn lại” trước khi “đi gặp Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác”¹¹, Người đã viết những dòng đầy trăn trở về phong trào cộng sản thế giới: “Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hòa hiện nay giữa các đảng anh em...”¹².

1. Khái quát lịch sử bất đồng Xô-Trung (từ đầu những năm 30 đến cuối những năm 60, thế kỷ XX)

Mâu thuẫn Xô-Trung là một cuộc xung đột chính trị và ý thức hệ giữa hai đảng cộng sản-hai quốc gia (Liên Xô và TRung Quốc) trong thời kỳ chiến tranh lạnh. Bất đồng giữa Liên Xô với Trung Quốc đã dẫn đến sự đến sự chia rẽ trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế lúc bấy giờ, đồng thời gây trở ngại đối với cách mạng Việt Nam.

Ngay từ những năm 1930, đã xuất hiện sự bất đồng giữa Liên Xô với Trung Quốc và Quốc tế cộng sản, bắt nguồn từ việc người sáng lập ra Đảng Cộng sản Trung Quốc không đi theo đường lối và làm theo chỉ thị của người đứng đầu Đảng Cộng sản Liên Xô và Đệ tam quốc tế. Phớt lờ khuyến cáo của Xtalin và Quốc tế cộng sản về việc không được gây chiến với Tưởng Giới Thạch; Mao Trạch Đông đã thực hiện chủ trương vừa đuổi Nhật vừa đánh Quốc dân đảng. Bên cạnh đó, Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng không nhất trí với một số nội dung trong tư tưởng của Lênin, nhất là khi nó bị đẩy lên thành giáo điều không có phản biện tại Liên Xô; đó là, trong cách mạng thì công nhân đô thị sẽ là lực lượng đông đảo và quyết định, trong khi thực tế ở Trung Quốc lại rất khác Liên Xô, nên Mao Trạch Đông khẳng định nông dân nông thôn mới là đội quân chủ lực của cách mạng; khái quát về

**Trường Đại học Khoa học Huế*

1. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.25.

cách mạng Trung Quốc, ông từng nhấn mạnh: “dùng nông thôn bao vây thành thị”. Trong Thế chiến thứ hai, Xtalin khuyên Mao Trạch Đông nên thành lập liên minh với Tưởng Giới Thạch để chống Nhật và đừng mưu toan giành quyền lực mà nên thương lượng với Quốc dân đảng để tìm ra một phương án phù hợp cho Trung Quốc; Xtalin còn ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác với Tưởng vào giữa năm 1945. Mao Trạch Đông ngoài mặt thì chấp thuận lời khuyên của Stalin, nhưng thực tế lại không tuân theo lời khuyên đó mà đánh đuổi Tưởng Giới Thạch khỏi Trung Quốc lục địa và tuyên bố thành lập Cộng hòa nhân dân Trung Hoa vào tháng 10 năm 1949. Tuy nhiên, ngay sau đó người sáng lập Đảng Cộng sản Trung Quốc đã có chuyến thăm lịch sử kéo dài hai tháng đến Liên Xô và kết quả là hai bên đã ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác Xô-Trung (1950), Liên Xô hỗ trợ về kinh tế và quân sự cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chế độ mới ở Trung Quốc.

Đến đầu thập niên 50 của thế kỷ XX, Bắc Kinh đã bắt đầu tìm cách làm giảm vai trò lãnh đạo phong trào cộng sản và công nhân quốc tế của Mát-cơ-va; Mao Trạch Đông và những người ủng hộ ông đã tranh thủ mọi diễn đàn để tích cực quảng bá cho ý tưởng cách mạng Trung Quốc mới thật sự là tấm gương của phong trào cách mạng châu Á cũng như phần còn lại của thế giới. Nhất là sau khi Stalin qua đời (1953), với tuổi đời cũng như quá trình hoạt động cách mạng, Mao Trạch Đông cảm thấy mình xứng đáng trở thành người lãnh đạo tối cao của phong trào cộng sản thế giới lúc bấy giờ, trong khi các lãnh đạo mới của Liên Xô như Ma-len-cô và Khrushchốp lại không ủng hộ ông. Tuy nhiên, sau đó trong chuyến thăm của Khrushchốp đến Trung Quốc (1954), Liên Xô đã trả lại Trung Quốc căn cứ Lữ Thuận Khẩu-một phần lãnh thổ mà thời Nga Hoàng đã chiếm của nhà Thanh. Xô-Trung mới xích lại gần nhau chưa được bao lâu, thì rạn nứt giữa hai bên lại xuất hiện khi Khrushchốp trong đại hội lần thứ 20 của Đảng Cộng sản Liên Xô đã công khai lên án tệ sùng bái cá nhân của Xtalin, mà Trung Quốc nghĩ ít nhiều nhắm vào Mao Trạch Đông. Tiếp đó, là chủ trương “3 hòa” với Mỹ mà Khrushchốp đưa ra trong chuyến thăm của ông tới Mỹ vào 1959, đó là “Chung sống hòa bình, quá độ hòa bình, cạnh tranh hòa bình”. Bắc Kinh phê phán chủ trương này là “chủ nghĩa xét lại”, “phản bội chủ nghĩa Mác-Lênin”. Cũng năm này (1959), khi Khrushchốp thăm Trung Quốc thì hai bên đã xảy ra tranh cãi gay gắt; sau đó Liên Xô đã không thực hiện nhiều lời hứa hỗ trợ Trung Quốc, trong đó có phát triển vũ khí nguyên tử mà trước đó đã cam kết; Liên Xô cũng từ chối hỗ trợ Trung Quốc trong tranh chấp biên giới Trung-Ấn.

. Bước sang thập niên 60, mâu thuẫn Xô-Trung cũng như nội bộ các nước cộng sản không dịu đi mà còn ngày càng trầm trọng, công khai. Những cuộc tranh luận gay gắt và kéo dài giữa hai đảng này xoay quanh các vấn đề lý luận, đường lối chung của phong trào cộng sản quốc tế, dẫn đến sự phân liệt thực sự của phong trào cộng sản thành hai phái. Hai đảng lớn, hai nước lớn tranh nhau vị trí trung tâm cách mạng, công kích lẫn nhau, đảng nào cũng muốn độc quyền chân lý và tranh nhau vai trò lãnh đạo các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản quốc tế. Sự phân liệt và tập hợp lực lượng của hai đảng này ngày càng trở nên ráo riết, công khai; các đảng cộng sản trên thế giới cũng bị chia rẽ về tổ chức theo hai khuynh hướng hoặc ngã theo Liên Xô hoặc ngã về Trung Quốc. Hai đảng này công kích nhau ở mọi diễn đàn, Khrushchốp gọi Mao Trạch Đông là “một người theo chủ nghĩa quốc gia, một kẻ cơ hội và kẻ xa rời Đảng”; Trung Quốc gọi Khrushchốp là “xét lại, gia trưởng,

độc đoán và chuyên chế”... Không dừng lại ở việc công kích lẫn nhau, hai đảng này còn lên án đồng minh của nhau, Liên Xô chỉ trích Hô-cha của An-ba-ni – đồng minh Trung Quốc; còn Trung Quốc phê phán Ti-to của Nam-tư là đồng minh Liên Xô.

Tại Đại hội lần thứ 22 của Đảng Cộng sản Liên Xô (10/1961), bắt đồng Xô-Trung lại bùng lên, Liên Xô sau đó đã cắt đứt quan hệ ngoại giao với An-ba-ni vốn là đồng minh của Trung Quốc, khiến mâu thuẫn giữa đảng với đảng chuyển thành quốc gia đối đầu quốc gia. Năm 1962, các sự kiện quốc tế đã đẩy hai đảng, hai nước đến bất hòa nghiêm trọng hơn. Mao Trạch Đông chỉ trích Khrushchov đã lùi bước trong cuộc Khủng hoảng Tên lửa Cuba và Khrushchov đáp lại rằng chính sách của Mao Trạch Đông sẽ dẫn đến một cuộc chiến tranh hạt nhân; đồng thời, lúc này Liên Xô công khai ủng hộ Ấn Độ trong cuộc chiến Trung-Ấn. Năm 1964, Bắc Kinh quả quyết rằng đang có một cuộc phản cách mạng xảy ra tại Liên Xô và chủ nghĩa tư bản đã được phục hồi. Quan hệ giữa hai đảng lớn đứt đoạn và quan hệ giữa Đảng Cộng sản Trung Quốc với các đảng cộng sản trong Khối Vác-sa-va-đồng minh của Liên Xô cũng cùng chung số phận.

Sau năm 1965, chia rẽ Xô-Trung đã phát triển đến mức không thể cứu vãn. Đến năm 1967, thì sự đối đầu Xô-Trung đã trở thành một cuộc xung đột quốc gia, khi Hồng Vệ binh Trung Quốc bao vây Đại sứ quán Liên Xô tại Bắc Kinh và quan hệ giữa hai nước rơi vào tình trạng đóng băng nặng nề. Cũng thời gian này, Trung Quốc muốn Liên Xô xem lại các hiệp ước bất bình đẳng mà Nga Hoàng đã áp đặt lên nhà Thanh yếu thế trong thế kỷ XIX, tức là muốn Liên Xô trả lại đất mà trước đây nước Nga thời Nga Hoàng đã chiếm của Trung Quốc, trong khi đó Liên Xô lại thẳng thừng tuyên bố từ chối thảo luận vấn đề. Liên Xô và Trung Quốc mâu thuẫn nhiều về vấn đề lãnh thổ và biên giới và một trong số những vấn đề đó là về Cộng hòa nhân dân Mông Cổ. Ngay từ khi Xtalin còn sống, Mao Trạch Đông đã nhiều lần nêu ý định sáp nhập Mông Cổ vào Trung Quốc nhưng Xtalin không tán thành. Mong muốn biến Mông Cổ thành một phần lãnh thổ của Trung Quốc luôn gặp phải sự phản đối từ Liên Xô và Mông Cổ, nên Trung Quốc đã không thực hiện được tham vọng của mình, trong khi Trung Quốc nhiều lần đề nghị Liên Xô xem xét trả lại đất cho Trung Quốc dọc biên giới do Nga Hoàng chiếm của nhà Thanh, thì Liên Xô lại khước từ. Nên sau sự kiện Mát-cơ-va can thiệp quân sự vào Tiệp Khắc (8/1968), Bắc Kinh đã lên án Liên Xô là “đế quốc xã hội chủ nghĩa”, “Đại bá Xô viết”. Căng thẳng Xô-Trung lên đến đỉnh điểm khi hai nước gia tăng các hoạt động quân sự dọc biên giới và xảy ra xung đột vũ trang tại nhiều nơi dọc biên giới Xô-Trung vào mùa hè và mùa thu năm 1969. Từ đồng chí, anh em, hai đảng cộng sản, hai nước lớn trong hệ thống xã hội chủ nghĩa xem nhau như kẻ thù không đội trời chung và cuộc chiến tranh hạt nhân giữa hai nước có nguy cơ xảy ra. Rất may là đến phút cuối, hai nước đã kiềm chế kịp thời và cuộc chiến tranh toàn diện giữa hai nước đã không xảy ra. Tuy nhiên, thực tế này đã ảnh hưởng vô cùng tiêu cực đến sự đoàn kết, thống nhất của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, cũng như gây bất lợi cho cách mạng Việt Nam.

2. Sự trăn trở trong “Di chúc” của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phong trào cộng sản quốc tế

Trong quãng thời gian Bác viết “Di chúc” (1965-1969), cũng chính là thời điểm quan hệ Xô-Trung xấu đi rất nhanh và sự chia rẽ trong phong trào cộng sản thế giới ngày càng

ng nghiêm trọng. Là một chiến sĩ cộng sản quốc tế, Bác đã rất đau lòng khi chứng kiến sự bất hòa giữa các đảng cộng sản trên thế giới. Trong “Di chúc”, Bác viết: “Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hòa hiện nay giữa các đảng anh em”¹¹. Trước khi đi xa, Bác dặn Đảng: “Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình”¹². Trên thực tế, khi còn sống, Bác và Đảng có nhiều cố gắng trong việc làm giảm sự bất hòa giữa hai đảng lớn cũng như giữa các đảng cộng sản trên thế giới; đó vừa thể hiện tinh thần quốc tế vô sản của Đảng ta, đồng thời ta cũng muốn tranh thủ tối đa sự ủng hộ của cả hai đảng, hai nước đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam, nhất là trong hai cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập.

Trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp và trong suốt những năm kháng chiến chống Mỹ, cả Liên Xô và Trung Quốc đều giúp đỡ chúng ta rất nhiều, nhưng hai nước lại mâu thuẫn sâu sắc với nhau. Thông qua việc ủng hộ Việt Nam, cả hai nước đều muốn tranh thủ Việt Nam nhằm khẳng định đường lối và vị trí của mình. Điều này đã gây khó khăn rất lớn cho nước ta trong quan hệ với Liên Xô cũng như Trung Quốc. Một trong những lý do chính để Trung Quốc và Liên Xô giúp đỡ Việt Nam là muốn chứng tỏ mình là nước xã hội chủ nghĩa đích thực, mong muốn chứng tỏ vị trí tiên phong và lãnh đạo của mình trong phong trào giải phóng dân tộc của các nước thế giới thứ ba, lôi kéo Việt Nam về phe mình. Mặc dù nhận thức được mâu thuẫn Xô-Trung từ rất sớm, nhưng vì muốn tranh thủ sự ủng hộ của cả hai nước nên chúng ta đã tránh không công khai đề cập đến vấn đề này. Chỉ khi mâu thuẫn Xô-Trung đã tác động sâu sắc đến khối đoàn kết trong phong trào cộng và công nhân quốc tế, ảnh hưởng đến nội bộ các đảng cộng sản anh em, thì Đảng ta mới chính thức kêu gọi các đảng chấm dứt công kích lẫn nhau và triệu tập hội nghị các đảng cộng sản để bàn về vấn đề này. Trong tình hình mâu thuẫn Xô-Trung trở nên sâu sắc, Đảng ta đã nghiên cứu tìm ra điểm tương đồng và khác biệt trong quan hệ giữa mỗi nước với Việt Nam, xác định lợi ích và chính sách của mỗi nước trong vấn đề chiến tranh Việt Nam, tìm ra mẫu số chung là ủng hộ, giúp đỡ nhân dân Việt Nam chống Mỹ, làm nghĩa vụ quốc tế đối với một nước xã hội chủ nghĩa, đảm bảo hòa bình trên thế giới. Tuy nhiên, trong quan hệ giữa Đảng ta với Liên Xô và Trung Quốc, đã tồn tại một số bất đồng. Đối với Liên Xô là sự bất đồng trong việc đánh giá Mỹ, Liên Xô muốn Việt Nam tiến hành đàm phán chấm dứt chiến tranh, vì thực sự Liên Xô không muốn đối đầu trực tiếp với Mỹ thông qua sự giúp đỡ Việt Nam. Còn Trung Quốc, tuy ủng hộ Việt Nam nhưng luôn gắn sự ủng hộ đó với việc lên án Liên Xô, lo sợ Việt Nam bị Liên Xô lôi kéo. Trong bối cảnh đó, chủ trương của ta là không tham gia trực tiếp vào mâu thuẫn hai nước. Cách xử lý này gặp rất nhiều khó khăn, thậm chí có lúc ta bị cả hai nước chỉ trích.

Giai đoạn này đặt ra cho đối ngoại Việt Nam nhiệm vụ hết sức nặng nề và phức tạp, đó là vừa phải đấu tranh chống lại thủ đoạn và chính sách ngoại giao thâm độc của Mỹ (Mỹ luôn tìm cách làm trầm trọng thêm sự chia rẽ giữa Liên Xô và Trung Quốc cũng như cô lập

1. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Sđd, tr.25.

cách mạng Việt Nam), vừa đảm bảo duy trì sự ủng hộ, viện trợ và đoàn kết của cả Liên Xô và Trung Quốc bằng việc sử dụng chính sách cân bằng. Chính sách cân bằng là chính sách đối ngoại được Đảng ta sử dụng trong kháng chiến chống Mỹ nhằm mục đích đạt được và duy trì thế cân bằng khi đứng giữa Liên Xô và Trung Quốc. Việt Nam muốn tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ từ cả hai nước, nhưng đồng thời phải tránh được sự ảnh hưởng bởi những biến đổi trong quan hệ giữa hai nước lớn nhất trong phe xã hội chủ nghĩa lúc bấy giờ.

Sự giúp đỡ của cả Liên Xô và Trung Quốc đều rất có lợi cho Việt Nam, nhưng kèm theo đó cũng là những hạn chế không nhỏ. Xét về thực lực, thì Liên Xô là một quốc gia có sức mạnh về kinh tế, quân sự hàng đầu trong khối xã hội chủ nghĩa và thực sự là đối trọng của Mỹ. Liên Xô đã giúp đỡ nhiều nước và đồng thời cũng là anh cả trong khối các nước xã hội chủ nghĩa, có ảnh hưởng lớn đến các nước khác trong khối, vì vậy nếu Liên Xô đứng ra ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam sẽ tạo cơ hội thuận lợi cho Việt Nam tìm kiếm thêm sự ủng hộ của các quốc gia khác trong khối. Tuy nhiên, cũng chính vì Liên Xô đóng vai trò lớn như thế, nên Việt Nam sẽ chịu áp lực không nhỏ nếu nhận được sự giúp đỡ của Liên Xô. Ngoài ra, tiến trình hòa hoãn Xô-Mỹ cũng khiến Liên Xô trở nên dè dặt hơn trong vấn đề Việt Nam; nhưng với vai trò là đầu tàu của phe xã hội chủ nghĩa thì Liên Xô cũng không thể hoàn toàn bỏ mặc Việt Nam trong cuộc chiến với Mỹ. Hơn nữa, hệ lụy từ cuộc đối đầu Xô-Mỹ thời chiến tranh lạnh là ở đâu có sự hiện diện của Liên Xô thì ở đó Mỹ sẽ không bỏ qua, nên chiến tranh Việt Nam ngày càng trở nên khốc liệt. Trong khi đó, nếu quan hệ tốt với Trung Quốc thì vấn đề biên giới phía Bắc của nước ta sẽ được đảm bảo-đó là một lợi thế. Trung Quốc cũng đã dành ủng hộ rất lớn trong cuộc chiến đấu bảo vệ độc lập nhân dân ta. Ngoài ra, Trung Quốc cũng là một thành viên của Phong trào Không liên kết, Việt Nam có thể thông qua đó mà tìm kiếm sự ủng hộ của các nước tham gia Phong trào này. Thế nhưng, cũng chính vì có chung đường biên giới phía Bắc với Trung Quốc mà chúng ta cũng chịu áp lực không nhỏ từ quốc gia láng giềng. Tuy nhiên, ngay cả khi bất đồng Xô-Trung lên đến đỉnh điểm, chiến tranh biên giới giữa hai nước đã nổ ra, thì Đảng ta vẫn cố gắng thực hiện chính sách cân bằng trong quan hệ với hai nước.

Như vậy, thông qua việc đưa ra nhiều nhất những tình huống có thể dựa trên tình hình thực tế lúc bấy giờ, có thể thấy việc chọn chính sách cân bằng Xô-Trung của Việt Nam là một chính sách đúng đắn và phù hợp với thực tiễn. Và lịch sử đã chứng minh rằng, Đảng đã thành công trong việc tranh thủ sự ủng hộ từ cả hai nước để đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ đi đến thắng lợi hoàn toàn; đồng thời, góp phần hàn gắn sự rạn nứt trong quan hệ giữa các đảng cộng sản trên thế giới, tăng cường đoàn kết trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, như niềm tin của Bác trước lúc đi xa: “Tôi tin chắc rằng các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại”¹./.

1. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Sđd, tr.25.

GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG CÔNG CUỘC BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO NƯỚC TA HIỆN NAY

*TS. Võ Minh Hùng**

*TS. Phan Thị Hà***

Như chúng ta đã biết, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành trọn cuộc đời, tâm huyết của mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Hôm nay, Người đã mãi đi xa, nhưng hình ảnh về một lãnh tụ vĩ đại, đáng kính, được nhân loại biết đến và kính nể thì mãi vĩnh hằng trong trái tim mỗi thế hệ người Việt Nam chúng ta và bạn bè quốc tế.

Khi tôi đang du học ở Trung Quốc, nhắc đến cái tên Hồ Chí Minh, các bạn lưu học sinh quốc tế ai ai cũng biết và đều tỏ ra rất ngưỡng mộ, tôn trọng, khâm phục, thậm chí có những bạn mỗi khi gặp tôi đều hô lên ba chữ “Hồ Chí Minh”... Có lẽ, từ lâu hình ảnh của Người trong con mắt của bạn bè quốc tế đã là hình ảnh của một vị lãnh tụ vĩ đại của một dân tộc anh hùng, mà ở đó con người thật hiền hoà, chịu thương chịu khó trong lao động sản xuất, nhưng cũng vô cùng dũng cảm, kiên gan trong đấu tranh giành lại độc lập, tự do cho chính mình.

Không những thế, Hồ Chí Minh còn để lại cho chúng ta một di sản tinh thần vô cùng quý giá, một hệ thống quan điểm, tư tưởng bao gồm tất cả các phương diện về đạo đức, về chính trị, về kinh tế, văn hóa,... Trong đó, tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân tộc là tư tưởng nổi bật, có giá trị trường tồn đối với quá trình phát triển của dân tộc ta và của toàn nhân loại. Và ngày hôm nay, tư tưởng đó vẫn còn nguyên giá trị, đặc biệt là đối với vấn đề bảo vệ độc lập, chủ quyền biển đảo của nước ta hiện nay.

Thứ nhất, theo Hồ Chí Minh, đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định sự thành công của cách mạng.

Cách mạng muốn thành công phải có lực lượng đủ mạnh để chiến thắng kẻ thù và xây dựng xã hội mới. Vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương đoàn kết rộng rãi, chặt chẽ và lâu dài của toàn dân tộc thành một khối. Đoàn kết dân tộc kết hợp với đoàn kết quốc tế sẽ tạo ra sức mạnh to lớn để chiến thắng mọi kẻ thù. Cho nên, trong tư tưởng cũng như trong hoạt động lãnh đạo cách mạng, Hồ Chí Minh thường xuyên nhấn mạnh: “*Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta hay Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công*”¹, “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công*”². Theo Người, trong từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng, có thể và cần thiết phải điều chỉnh chính sách và phương pháp tập hợp lực lượng cho phù hợp với những đối tượng khác nhau, nhưng đại

**Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu*

***Trường Cao đẳng Kinh Tế - Tài chính Vĩnh Long*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.11, tr.154.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.10, tr.607.

đoàn kết dân tộc luôn luôn được Người coi là vấn đề sống còn của cách mạng. Vì vậy, ngay trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tập hợp được sức mạnh của toàn dân tộc, không phân biệt bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ... Người nói: *“Chúng ta muốn hoà bình, chúng bắt chúng ta nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới. Vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa.*

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên. Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không phân biệt tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt thì phải đứng lên chống thực dân Pháp. Ai có súng cầm súng, ai có gươm cầm gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc, ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.

Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân giờ cứu nước đã đến, ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng để giữ gìn đất nước...”¹.

Hồ Chí Minh còn coi đoàn kết dân tộc là một chiến lược lâu dài, quyết định thành công của cách mạng. Lịch sử Việt Nam từ xưa cho tới nay chỉ ra rằng, chỉ có đoàn kết mới mang đến thắng lợi. Ví dụ, Pháp và Mỹ là hai kẻ đầu sỏ đứng đầu các nước tư bản chủ nghĩa, có đội quân hùng mạnh được trang bị kỹ thuật chiến đấu hiện đại. Tuy nhiên phải chịu thất bại trước một Việt Nam nghèo nàn, lạc hậu trong cuộc chiến xâm lược. Một trong những nguyên nhân quan trọng thành quả đó chính là sức mạnh của đại đoàn kết dân tộc của chúng ta như Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: *“Toàn dân Việt Nam chỉ có một lòng: Quyết không làm nô lệ. Chỉ có một chí: Quyết không chịu mất nước. Chỉ có một mục đích: Quyết kháng chiến để tranh thủ thống nhất và độc lập cho Tổ quốc. Sự đồng tâm của đồng bào ta đúc thành một bức tường đồng vững chắc xung quanh Tổ quốc. Dù địch hung tàn, xảo quyệt đến mức nào, đụng đầu nhằm bức tường đó, chúng cũng phải thất bại”².*

Thứ hai, đại đoàn kết toàn dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng

Hồ Chí Minh cho rằng *“Đại đoàn kết dân tộc không chỉ là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng mà còn là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc”*. Bởi vì, đại đoàn kết dân tộc chính là nhiệm vụ của quần chúng, do quần chúng, vì quần chúng. Từ trong phong trào đấu tranh để giải phóng và xây dựng xã hội mới tốt đẹp, quần chúng nảy sinh nhu cầu đoàn kết và sự hợp tác. Đảng có sứ mệnh thức tỉnh, tập hợp, đoàn kết quần chúng tạo thành sức mạnh vô địch trong cuộc đấu tranh vì độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, hạnh phúc cho con người.

Thứ ba, theo Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân

Theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, “dân” chỉ mọi con dân đất Việt, con rồng cháu tiên, không phân biệt dân tộc đa số, người tín ngưỡng với người không tín ngưỡng, không phân biệt già trẻ, gái, trai, giàu, nghèo. Nói đến đại đoàn kết dân tộc cũng có nghĩa phải tập hợp mọi người dân vào một khối trong cuộc đấu tranh chung. Người đã nhiều lần nói rõ: *“ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập tổ quốc; ta còn phải đoàn kết để*

1. Lê Mậu Hãn (Chủ biên): *Đại cương lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr.49.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t.15, tr.151.

xây dựng nước nhà. Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phụng sự nhân dân thì ta đoàn kết với họ”¹.

Muốn thực hiện đại đoàn kết toàn dân thì phải kế thừa truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết của dân tộc, phải có tấm lòng khoan dung, độ lượng với con người. Vì vậy, nguyên tắc tối cao và xuyên suốt trong nhận thức và hoạt động thực tiễn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đó là *“lấy dân làm gốc”*. Phải yêu dân, tin dân, dựa vào dân, sống chết vì dân, vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân. Quán triệt tư tưởng đó của Hồ Chí Minh, Nghị quyết Đại hội VI của Đảng (năm 1986) đã hoạch định đường lối đổi mới đất nước, chỉ rõ bốn bài học kinh nghiệm lớn, trong đó bài học đầu tiên là: *“Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”², xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động. Đến Đại hội VII của Đảng (năm 1991) đã nêu năm bài học lớn được rút ra từ thực tiễn cách mạng, trong đó có bài học: “sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Chính nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử”³ và “không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế”⁴. Đại hội VII của Đảng chỉ rõ: “Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Quan hệ giữa Đảng với nhân dân bao giờ cũng là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp cách mạng. Nguồn sức mạnh làm nên thắng lợi của chúng ta chính là ở chỗ Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân”⁵. Tiếp đến Nghị quyết Đại hội X của Đảng đã chỉ rõ: “Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng, là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”;... “Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu”⁶. Nghị quyết Đại hội XI khẳng định: “Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh làm điểm tương đồng; xóa bỏ mặc cảm, định kiến về quá khứ, thành phần giai cấp, chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống nhân*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.438.

2. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.213.

3. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.311.

4. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.311.

5. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1991, tr.124-25.

6. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.40-41.

nghĩa, khoan dung... để tập hợp, đoàn kết mọi người vào mặt trận chung, tăng cường đồng thuận xã hội”¹.

Và ngày nay, hơn bao giờ hết, đại đoàn toàn kết dân tộc có ý nghĩa và vai trò cực kỳ to lớn trong công cuộc đấu tranh và bảo vệ vững chắc về chủ quyền biển đảo của Việt Nam.

Như chúng ta biết, kể từ khi Trung Quốc vươn lên ngôi vị thứ hai thế giới sau Mỹ về phát triển kinh tế, thì Trung Quốc đã lộ rõ bản chất của mình với nhiều tham vọng, đặc biệt là tham vọng trở thành cường quốc lớn về biển. Nhìn lại lịch sử, sau thời gian dài “*bé quan tòa cảng*”, từ đầu thế kỷ XX, Trung Quốc bắt đầu dòm ngó và tranh chấp Biển Đông, bước đầu là khu vực biển đảo phía Bắc, đến giữa thế kỷ hình thành yêu sách trên toàn bộ Biển Đông với các mốc chủ yếu sau: năm 1909 ra Hoàng Sa; năm 1946 vẽ yêu sách “*lưỡi bò*” (chiếm khoảng 80% diện tích Biển Đông nhưng chỉ đến tháng 5/2009 mới chính thức đưa ra yêu sách này). Năm 1958, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra tuyên bố chính thức yêu sách chủ quyền hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; năm 1974, chiếm một phần phía Tây của quần đảo Hoàng Sa; năm 1988, đánh chiếm một số điểm trên quần đảo Trường Sa; năm 1995 đánh chiếm thêm Vành Khăn, phía Nam quần đảo Trường Sa². Đặc biệt hơn là tháng 4/2014, Trung Quốc đưa tàu chở du khách đến tham quan quần đảo Hoàng Sa, vi phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo này, Bộ Ngoại giao Việt Nam đã trao công hàm phản đối và yêu cầu Trung Quốc phải dừng lại. Phía Trung Quốc không những không dừng lại mà còn ngoan cố thực hiện phương thức như trên thêm một lần nữa vào tháng 9/2014 hòng bành trướng bá quyền. Không dừng lại ở đó, để biến Biển Đông thành ao nhà của mình, Trung Quốc sẵn sàng đánh mất hình ảnh về một đất nước văn minh, trỗi dậy hòa bình, đánh mất tình hữu nghị với các nước láng giềng... Khi Trung Quốc kéo giàn khoan HD 981 đặt trái phép tại vùng biển thuộc chủ quyền Việt Nam. Hành động đó của Trung Quốc đã vi phạm nghiêm trọng và trắng trợn quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam ở các vùng thềm lục địa, vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam. Đối phó với hành động ngang ngược đó của Trung Quốc, Đảng và Nhà nước ta đã thực hiện đường lối đối ngoại hòa bình, hợp tác trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền của nhau; kết hợp ngoại giao song phương với ngoại giao đa phương; kết hợp ngoại giao nhà nước với ngoại giao nhân dân; kết hợp sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc với sức mạnh của thời đại... Đảng và nhà nước ta đã bước đầu giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh và bảo vệ chủ quyền biển đảo của mình. Buộc Trung Quốc phải rút giàn khoan ra khỏi biển Việt Nam. Tuy nhiên, âm mưu hiện thực hóa đường lưỡi bò, độc chiếm Biển Đông của họ là không thay đổi mà cuộc đấu tranh này sẽ chuyển sang giai đoạn khác, thậm chí quyết liệt hơn, phức tạp hơn. Vì vậy, việc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo là một nhiệm vụ lâu dài, khó khăn và phức tạp như Thứ trưởng Đỗ Bá Ty nói “*việc đấu tranh bảo vệ chủ quyền trên Biển Đông sẽ còn lâu dài chứ không phải ngày một ngày hai nữa với phương châm: quyết liệt nên phải hết sức bình tĩnh, kiên trì, mềm dẻo. Bên cạnh đó phải chuẩn bị điều kiện thật tốt để nếu có xung đột quân sự thì sẵn sàng chủ động*”. Ông đề nghị các địa phương cũng cần tích cực hơn nữa trong việc xây dựng khu vực phòng thủ địa phương vững chắc, trang bị vũ khí cho quân đội

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.48.

2. <https://infonet.vn/chu-quyen-hoang-sa-truong-sa-cua-viet-nam-qua-chung-cu-tu-trung-quoc-post104906.info>

đề đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trong tình huống xấu nhất. “*Chúng ta không thể lơ là mất cảnh giác. Các cụ của ta cũng đã nói rồi: Nếu không muốn chiến tranh thì chúng ta phải chuẩn bị thật tốt cho chiến tranh. Công tác chuẩn bị sẽ là một yếu tố để người ta tính đến khi muốn tấn công mình*”¹.

Cho nên, chúng tôi nghĩ một trong những yếu tố quyết định đến sự thành bại trong việc bảo vệ chủ quyền biển đảo đó là ***phải tập hợp được sức mạnh của đại đoàn kết toàn dân tộc thành một khối*** mà Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng ta đã từng làm và đánh bại đế quốc Pháp cũng như đế quốc Mỹ. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “*Sử dạy cho ta bài học này: Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại, lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn*”.

Và Người khuyên dân ta rằng:

*“Dân ta xin nhớ chữ đồng:
Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh”*²

Vậy để phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong giai đoạn hiện nay, Đảng và nhà nước ta phải làm gì?

. Theo chúng tôi, đó là:

Thứ nhất, để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chúng ta phải kế thừa truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết của dân tộc. Đây là truyền thống được hình thành và phát triển trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước hàng nghìn năm của dân tộc, trở thành giá trị bền vững, thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm, tâm hồn của mỗi con người Việt Nam. Đồng thời, phải có lòng khoan dung, độ lượng với con người. Hồ Chí Minh chỉ rõ, trong mỗi cá nhân cũng như mỗi cộng đồng đều có những ưu điểm, khuyết điểm, mặt tốt, mặt xấu... Cho nên, vì lợi ích cách mạng cần có lòng khoan dung, độ lượng để quy tụ, tập hợp họ lại với nhau. Người nói: “*trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên phải khoan hồng độ lượng... Có như thế mới có thể đoàn kết, có đoàn kết thì tương lai chắc chắn sẽ vẻ vang*”³.

Thứ hai, chúng ta phải không ngừng nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân về sức mạnh của đại đoàn kết trong giai đoạn hiện nay. Đoàn kết toàn dân không chỉ đối với người dân Việt Nam ở trong nước mà phải đoàn kết với tất cả mọi người có dòng máu con rồng cháu tiên ở khắp thế giới. Đại đoàn kết dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế, Hồ Chí Minh luôn luôn khẳng định “*Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới*”, “*Cách mạng Việt Nam chỉ giành được thắng lợi khi đoàn kết chặt chẽ với phong trào cách mạng thế giới*”. Người là hình mẫu của những hoạt động không mệt mỏi vì sự đoàn kết giai cấp công nhân, Đảng Cộng sản và các dân tộc trên thế giới. Nếu làm được như vậy, sức mạnh tổng hợp của chúng ta sẽ ngày một tăng lên, không một kẻ thù nào có thể đánh bại. Thực tế, thời gian vừa qua chúng ta đã làm rất tốt công việc này trong việc đấu tranh và bảo vệ chủ quyền biển đảo của mình.

Thứ ba, quan tâm đến giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển tất cả các giai cấp, tầng

1. <https://thanhnien.vn/thoi-su/am-muu-doc-chiem-bien-dong-cua-trung-quoc-khong-thay-doi-504298.html>

2. <https://www.bqllang.gov.vn/tin-tuc/tin-tong-hop/4187-chu-dong-cua-bac-ho.html>

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.4, tr.246.

lớp trong xã hội như giai cấp công nhân, nông dân, trí thức, doanh nhân,... cả về số lượng lẫn chất lượng. Nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, có trình độ quản lý, kinh doanh giỏi, có chất lượng cao... nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế hiện nay.

Thứ tư, làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, truyền thống, đạo đức và lối sống; tạo điều kiện học tập, lao động, giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ cho thế hệ trẻ. Khuyến khích, cổ vũ thanh niên nuôi dưỡng mơ ước, hoài bão, xung kích, sáng tạo, làm chủ khoa học, công nghệ hiện đại và có tinh thần đoàn kết dân tộc, phát huy truyền thống yêu nước của ông cha ta từ ngàn xưa để chung vai xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ năm, phải có chính sách chú trọng và quan tâm đến phụ nữ, người già, trẻ em về mặt đời sống vật chất cũng như tinh thần để họ có thể sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc và có nhiều đóng góp cho xã hội, cho đất nước.

Thứ sáu, tiếp tục hoàn thiện chính sách, phát luật về tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp với quan điểm của Đảng. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo; động viên các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống tốt đời, đẹp đạo, tham gia đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để mê hoặc, chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

Và cuối cùng, trong bối cảnh quốc tế đang có nhiều diễn biến phức tạp như hiện nay, đặc biệt là vấn đề tranh chấp chủ quyền biển đảo, đòi hỏi chúng ta phải chú trọng, tăng cường hơn nữa sự cố kết cộng đồng, phát huy tinh thần đại đoàn kết của toàn dân tộc để tạo thành một sức mạnh to lớn mà không kẻ thù nào có thể đánh bại như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: *“Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hằng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”*¹. Đồng thời phải nắm vững phương châm ngoại giao mềm dẻo, vừa hợp tác, vừa đấu tranh, thực hiện phương châm đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; tạo môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước. Tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước láng giềng; thúc đẩy giải quyết các vấn đề còn tồn tại về biên giới, lãnh thổ, ranh giới biển và thềm lục địa với các nước liên quan trên cơ sở luật pháp quốc tế quy tắc ứng xử của khu vực để bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền lãnh thổ./.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.611.

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG DI CHỨC CỦA NGƯỜI (1969) VÀO GIẢI QUYẾT NHỮNG TRANH CHẤP QUỐC TẾ TRÊN BIỂN ĐÔNG HIỆN NAY

CN. Hà Triệu Huy*

1. Dẫn nhập

Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hóa thế giới. Người là linh hồn của cách mạng Việt Nam, là người trực tiếp dẫn dắt con đường cách mạng Việt Nam đi tới thắng lợi cuối cùng. Di chúc của Người là tác phẩm cuối cùng mà Người viết, là một bản tổng kết hết sức ngắn gọn, súc tích, khoa học về quá trình đấu tranh cách mạng gần nửa thế kỷ của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, là lời dặn dò của Người với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân về cách mạng Việt Nam. Dù Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra đi cách đây trọn một nửa thế kỷ nhưng những lời căn dặn của Người trong Di chúc vẫn mang nguyên vẹn những giá trị nhân văn cao cả, sâu sắc; trở thành lời chỉ đạo trực tiếp của Người với sự phát triển của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới. Sau 50 năm thực hiện Di chúc của Người, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, công cuộc Đổi mới do Đảng ta lãnh đạo từ năm 1986 đến nay đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, nhất là trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. Bước sang thế kỷ XXI, tình hình thế giới có rất nhiều thay đổi với xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế; sự thay đổi địa chính trị trên thế giới và sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Biển Đông trở thành một vùng biển “nóng” với những xung đột, tranh chấp liên tục diễn ra giữa Trung Quốc và các nước ASEAN, trong đó có Việt Nam. Không những thế, xung đột tranh chấp trên Biển Đông còn ảnh hưởng đến các nước lớn như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc,... Trước những tình hình mới của khu vực và thế giới, Đảng ta tiếp tục vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác đối ngoại và quan hệ ngoại giao với các nước, trong đó vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế vào giải quyết những mâu thuẫn, tranh chấp, xung đột trên Biển Đông là một vấn đề hết sức quan trọng, kế thừa và phát huy tư tưởng và nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh nhằm xây dựng môi trường hòa bình, ổn định là mục tiêu sống còn của dân tộc ta.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế và quan điểm đoàn kết quốc tế trong “Di chúc” (1969) của Hồ Chí Minh

Đã có rất nhiều ý kiến khác nhau về khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế. Theo tác giả, Tư tưởng đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh là tập hợp những quan điểm của Người về mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới, góp phần tạo nên một mặt trận nhân dân thế giới, tranh thủ sự ủng hộ và đồng tình của bạn bè quốc

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQH-HCM

tế, kết hợp sức mạnh dân tộc Việt Nam với sức mạnh thời đại, sức mạnh của lực lượng yêu chuộng hòa bình và nhân dân thế giới, chống lại âm mưu xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa bá quyền; xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất; xây dựng thế giới đại đồng, vì tương lai tiến bộ của nhân loại.

Tư tưởng đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh được hình thành dựa trên nền tảng của truyền thống văn hóa dân tộc: đó là lòng yêu nước, tinh thần độc lập, tự chủ của dân tộc Việt Nam; truyền thống yêu thương, sẻ chia, gắn bó, đoàn kết được đúc kết qua lịch sử hàng ngàn năm của dân tộc; ý thức giá trị của hòa bình, của độc lập tự do, kiên quyết chống những thế lực ngoại xâm. Tư tưởng đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh còn được hình thành nên từ việc tiếp thu những giá trị tinh hoa của văn hóa thế giới của Hồ Chí Minh. Hoạt động quốc tế của Người trong suốt những năm tháng bôn ba hải ngoại rồi trở về trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam đã giúp cho Hồ Chí Minh tiếp xúc với những giá trị tốt đẹp của Phật giáo, Nho giáo, những giá trị đích thực của tự do, dân chủ phương Tây mà đặc sắc nhất đó là Người đã tiếp thu trọn vẹn quan điểm lý luận và những nguyên tắc trong quan hệ quốc tế của chủ nghĩa Mác Lênin - chủ nghĩa cách mạng nhất, chân chính nhất,... Đây chính là những cơ sở hình thành nên tư tưởng đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh.

Trong sự nghiệp cách mạng của mình, xuất phát từ chủ nghĩa nhân văn cao đẹp, Nguyễn Ái Quốc là một trong những người có công thành lập các tổ chức: “Liên minh các dân tộc thuộc địa”, “Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông”... Người viết: “*Đồng bào thân mến, nếu câu phương ngôn “Đoàn kết làm ra sức mạnh” không phải là một câu nói suông, nếu đồng bào muốn giúp đỡ lẫn nhau, nếu đồng bào muốn bênh vực cho quyền lợi của bản thân mình, cũng như quyền lợi của tất cả đồng bào ở các xứ thuộc địa, hãy gia nhập Hội liên hiệp thuộc địa*”¹. Trong thời kỳ hoạt động tại Trung Quốc, Người đã cùng các đồng chí Trung Quốc, Ấn Độ, Triều Tiên, In-đô-nê-xi-a, Miến Điện... đoàn kết các dân tộc nhỏ yếu bị áp bức trong một tổ chức cách mạng vì mục tiêu giải phóng đất nước khỏi ách thực dân.

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930), Người đã tranh thủ sự ủng hộ của thế giới với cách mạng Đông Dương. Trong những năm 1938 - 1940, Hồ Chí Minh hoạt động và chiến đấu bên cạnh nhân dân Trung Quốc do Đảng Trung Quốc lãnh đạo. Hoạt động này của Người đã gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng Trung Quốc, tạo cơ sở vững chắc cho quan hệ đoàn kết Việt - Trung.

Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Người mạnh dạn đứng về phe Đồng minh chống phát xít. Trong những ngày đầu, chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đang còn “trong trứng nước”, Người đã viết thư gửi tới nguyên thủ quốc gia của các nước lớn để mong nhận được sự công nhận với chính quyền Việt Nam non trẻ. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Người tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân Pháp yêu chuộng hòa bình. Năm 1950, với thiện chí của Người và những thắng lợi liên tiếp của ta, nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa như Liên Xô, Trung Quốc,... Trong Diễn văn đọc tại lễ kỷ niệm ngày Quốc khánh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (2/9/1957), Người khẳng định: “*Chúng tôi đều nhất trí cần tăng cường đoàn kết trên tinh thần quốc tế chủ nghĩa, trên*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009, t.1, tr. 447.

*nguyên tắc tương trợ hợp tác, tôn trọng chủ quyền của nhau giữa các nước anh em trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa*¹.

Trong đoàn kết với các nước phe xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý đến mối quan hệ đoàn kết giữa các Đảng Cộng sản cầm quyền. Người quan niệm mối quan hệ này là gắn bó, tương trợ lẫn nhau trên tinh thần quốc tế vô sản chân chính. Người cho rằng: *“Các đảng dù lớn dù nhỏ đều độc lập và bình đẳng, đồng thời đoàn kết nhất trí giúp đỡ lẫn nhau”*². Sự viện trợ và ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em đã trở thành một động lực kịp thời, thể hiện tính chính nghĩa trong hai cuộc kháng chiến của ta, góp phần đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi.

Bên cạnh đó, Người còn có quan điểm đoàn kết với các nước láng giềng. Ngay từ những năm cuối thập niên 20 thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã nhận thấy vai trò của đoàn kết giữa các nước trong khu vực. Theo Người, châu Á là châu lục đất rộng, người đông với nhiều nước có nền văn minh lâu đời như Trung Quốc, Ấn Độ..., Việt Nam là một thành viên không tách rời, có số phận liên quan chặt chẽ trong đó. Người nói: *“Việt Nam là một bộ phận trong đại gia đình châu Á. Tranh đấu cho tự do độc lập của Việt Nam tức là tranh đấu cho tự do, độc lập của đại gia đình châu Á”*. Chính vì thế, liên minh Việt Nam - Lào - Campuchia đã trở thành một liên minh chiến đấu đặc biệt trong suốt gần nửa thế kỷ tiến hành chiến tranh cách mạng trên toàn cõi Đông Dương, giúp cho cả ba dân tộc giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

Bên cạnh đó, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng mà đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh, Việt Nam không chỉ tranh thủ được sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa mà còn tranh thủ được sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, đặc biệt là nhân dân Mỹ, phản đối cuộc chiến tranh bẩn thỉu mà người Mỹ đang gây ra cho Việt Nam. Người khẳng định rõ: *“nhân dân Việt Nam chiến đấu hy sinh chẳng những vì tự do, độc lập của riêng mình, mà còn vì tự do, độc lập chung của các dân tộc và hòa bình thế giới, nhằm đạt đến “một nền hòa bình chân chính xây trên công bình và lý tưởng dân chủ”*. Cho đến những ngày cuối cuộc đời, dù đang bệnh nặng nhưng trong Thư gửi Tổng thống Mỹ Ních-xon ngày 25/8/1969, Hồ Chí Minh một lần nữa khẳng định: *“Nhân dân Việt Nam chúng tôi rất yêu chuộng hòa bình, một nền hòa bình chân chính trong độc lập và tự do thật sự”*³.

Như vậy, xuyên suốt những năm tháng hoạt động cách mạng, tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế đều thống nhất với quan điểm cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, đồng thời Việt Nam luôn muốn cùng với nhân dân thế giới bảo vệ những giá trị đích thực của hòa bình, dân chủ, độc lập, tự do; thể hiện thiện chí hòa bình, yêu hòa bình của nhân dân Việt Nam. Tư tưởng đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh không chỉ thể hiện trong sự nghiệp cách mạng sôi nổi của Người mà còn được thể hiện trong tác phẩm

1. Hồ Chí Minh, Diễn văn nhân lễ kỷ niệm ngày Quốc khánh của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (2-9-1957), *Báo Nhân dân*, số 1274, ngày 4-9-1957, dẫn theo <https://tennguoidenphat.net/2012/05/09/dien-v%C7%8En-nhan-le-ky-niem-ngay-quoc-khanh-cua-nuoc-viet-nam-dan-chu-cong-hoa-2-9-1957/>, truy cập ngày 1/8/2019.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.10, tr.235.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009, t. 12, tr.488.

cuối cùng mà Người viết: Di chúc. Mặc dù chỉ là một văn bản với những lời căn dặn của Người với việc nước, việc dân nhưng nó thấm đẫm giá trị tư tưởng của Người, là một văn bản tiếp tục khẳng định sự xuyên suốt, nhất quán trong tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam, thể hiện những dự đoán thiên tài của Hồ Chí Minh, trong đó những giá trị lý luận sâu sắc mà Người để lại trong Di chúc về vấn đề đoàn kết quốc tế vẫn còn nguyên vẹn:

Mở đầu Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “*Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn. Tôi có ý định đến ngày đó, tôi sẽ đi khắp hai miền Nam - Bắc, để chúc mừng đồng bào, cán bộ và chiến sĩ anh hùng, thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quý của chúng ta. Kế theo đó, tôi sẽ thay mặt nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, và các nước bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta*”¹. Ngay mở đầu bản Di chúc, Hồ Chí Minh đã khẳng định một cách chắc nịch về sự thắng lợi tất yếu của cách mạng Việt Nam. Và kết quả đó như là một kết quả tất yếu từ việc vận dụng sức mạnh tổng lực của toàn dân tộc Việt Nam kết hợp với sức mạnh thời đại, chính là sự ủng hộ của quốc tế. Sức mạnh dân tộc ấy chính là sự tổng hợp các yếu tố vật chất và tinh thần, truyền thống và hiện đại, là sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Sức mạnh thời đại đó chính là những trào lưu tiến bộ của thời đại và sự gắn kết của cách mạng Việt Nam với cuộc đấu tranh của nhân loại tiến bộ. Hồ Chí Minh đã phá thế đơn độc của cách mạng Việt Nam, tranh thủ hợp tác quốc tế, kết hợp nhuần nhuyễn giữa cách mạng Việt Nam và phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc của toàn nhân loại. Cũng trong một cuộc trao đổi giữa Hồ Chí Minh với Đại sứ nước ta tại Liên Xô, Người đã khẳng định rằng: “*Khí thế đang lên, và mức độ, hình thức đấu tranh tới đây sẽ không dừng lại ở đó. Có sức mạnh cả nước một lòng đó lại có sự ủng hộ của nhân dân thế giới, chúng ta sẽ có một sức mạnh tổng hợp cộng với phương pháp cách mạng thích hợp, nhất định nước ta sẽ đi đến đích cuối cùng*”². Trong một trả lời phỏng vấn phóng viên báo Granma (Cuba), Người đã nêu bật: “*Sức mạnh, sự vĩ đại và sự bền bỉ của nhân dân Việt Nam cơ bản là ở sự đoàn kết của nhân dân Việt Nam và sự ủng hộ của nhân dân thế giới*”³. Như vậy, trong quan điểm của Người, đoàn kết quốc tế chính là liên minh các lực lượng dân chủ, hòa bình, tiến bộ thành một khối thống nhất, ấy chính là tinh thần đoàn kết. Ấy chính là sự kết hợp giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, thể hiện một dự cảm và tầm nhìn vượt thời đại của Người.

Trên thực tế lịch sử, đặt trong hoàn cảnh ra đời của bản Di chúc, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đang diễn ra hết sức ác liệt trên cả nước nhưng cách mạng Việt Nam không hề bị cô lập. Không chỉ nhận được sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em mà Việt Nam còn nhận được sự đồng tình ủng hộ của các lực lượng hòa bình, dân chủ trên thế giới, trong đó đặc biệt là nhân dân Mỹ,... thì niềm tin của Người về tương lai thắng lợi

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 14, tr.467

2. Dẫn theo Hà Bình Nhưỡng: “Trái tim nhân ái”, *Tap chí Nhà văn* của Hội Nhà văn Việt Nam, số 3-2000, tr.19-20.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 12, tr.561.

của cách mạng Việt Nam là một niềm tin tất thắng. Đó chính là quan điểm thể hiện tư duy biện chứng của Hồ Chí Minh về mối quan hệ gắn bó khăng khít giữa đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế nhằm tạo ra một sức mạnh tổng lực để đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược.

Bên cạnh thắng lợi tất yếu của nhân dân Việt Nam, Hồ Chí Minh không quên thể hiện tình cảm, lòng biết ơn sâu sắc của Người tới sự ủng hộ của bạn bè quốc tế: *“Kể theo đó, tôi sẽ thay mặt nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, và các nước bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta”*. Hồ Chí Minh đã ý thức rất rõ về vai trò và ý nghĩa của sự ủng hộ đến từ bạn bè quốc tế tới cách mạng Việt Nam. Thứ nhất, đó là sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, đó là Liên Xô, Trung Quốc, là hai quốc gia lớn đã ủng hộ Việt Nam về sức người, sức của trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Không chỉ dừng lại ở tấm lòng với bầu bạn quốc tế trong hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa, tấm lòng quốc tế rộng mở của Người còn muốn nói lời cảm ơn tới nhân dân thế giới, những người yêu chuộng hòa bình và tiến bộ nhân loại ở khắp năm châu, đã dõi theo hai cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam, động viên tinh thần, khích lệ để nhân dân Việt Nam hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Tư tưởng này của Hồ Chí Minh đã thể hiện truyền thống đoàn kết, thủy chung, trọng tình trọng nghĩa của dân tộc Việt Nam, mà Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân cao đẹp nhất.

Bên cạnh đó, Người cũng bày tỏ những lo lắng về mối bất hòa trong quan hệ quốc tế. Trong Di chúc của mình, Người viết: *“Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hòa hiện nay giữa các đảng anh em”*¹. Trong quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới, bên cạnh việc giữ mối quan hệ hòa hiếu và tạo nên một liên minh đoàn kết quốc tế vững chắc thì những mối rạn nứt không mong muốn là rất khó tránh khỏi, trong điều kiện tình hình quốc tế không ngừng thay đổi, ảnh hưởng đến lợi ích của mỗi quốc gia sẽ khiến mỗi quốc gia phải điều chỉnh chiến lược của mình trong quan hệ quốc tế. Điều đó vừa có thể là thuận lợi, vừa có thể là bất lợi cho cách mạng Việt Nam. Trong bối cảnh lịch sử ấy, sự ngã về phía Mỹ của Trung Quốc và mối bất hòa giữa Trung Quốc với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em trong bối cảnh hòa hoãn Đông - Tây đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh dự đoán từ trước. Những mối bất hòa này xảy ra trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của ta đang đến giai đoạn ác liệt nhất, đã làm ảnh hưởng đến đoàn kết quốc tế giữa các nước xã hội chủ nghĩa, gây nhiều tổn thất cho cách mạng ta khi không thể tranh thủ được sự ủng hộ của Trung Quốc - vừa là nước láng giềng, vừa là nước xã hội chủ nghĩa anh em. Những mâu thuẫn này càng trở nên âm ỉ và đã trở thành mâu thuẫn Việt - Trung hết sức căng thẳng, gây ra xung đột quân sự ở biên giới phía Bắc nước ta vào năm 1979. Những dự đoán thiên tài của Hồ Chí Minh đã cho thấy rằng, giữ mối quan hệ hòa hiếu, xây dựng khối đoàn kết quốc tế trên thế giới để chống lại chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa bá quyền là không hề đơn giản và những mâu thuẫn giữa Việt Nam và Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay vẫn là biểu hiện cho mối bất hòa khó lòng giải quyết trong quan hệ ngoại giao giữa hai nước, điều mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm dự cảm và

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr.623.

viết trong Di chúc của mình. Không chỉ bất hòa trong nội bộ các nước xã hội chủ nghĩa mà đánh mất sự liên lạc giữa cách mạng Việt Nam và thế giới cũng là một điều hết sức nguy hiểm. Nó thực sự là một đe dọa khi nước ta không thể tranh thủ được sự ủng hộ của bạn bè quốc tế trong các vấn đề trong nước và khu vực; rơi vào thế cô lập trong công chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa bá quyền; không tập trung được sức mạnh thời đại để hoàn thành nhiệm vụ của cách mạng trong thời đại mới. Chính vì thế, mối quan ngại của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Di chúc năm 1969, một lần nữa thể hiện tư duy biện chứng của Người về mối quan hệ giữa đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. Nếu chỉ tập trung phát triển nội lực quốc gia mà đánh mất mối liên lạc với quốc tế sẽ gây ra tổn thất lớn cho cách mạng Việt Nam, đặt Việt Nam trong thế cô lập, tạo điều kiện cho kẻ thù phá hoại cách mạng bên trong.

Người còn viết trong Di chúc: *“Tôi mong rằng, Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình”*¹. Không chỉ thể hiện mối quan ngại của mình về những rạn nứt trong khối đại đoàn kết quốc tế, Hồ Chí Minh còn chỉ ra phương hướng giải quyết những mâu thuẫn ấy đó là phải xây dựng lại khối đoàn kết quốc tế trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình. Khối đoàn kết quốc tế ấy phải kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, đó chính là nhận thức mới của thời đại tác động đến quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc. Ý thức Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới nên phải tăng cường thiết lập quan hệ giữa Việt Nam và phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; thể hiện thiện chí hòa bình; kiên quyết bảo vệ nền độc lập, tự chủ của nhân dân Việt Nam; đối sách ngoại giao mềm dẻo, khôn khéo, giữ vững lợi ích quốc gia của Việt Nam trong quan hệ quốc tế; giải quyết những tranh chấp, xung đột bằng phương pháp hòa bình. Trong những dòng cuối của Di chúc, Người tin tưởng và căn dặn: *“Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”*². Như vậy, kết thúc Di chúc, Người đã kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phải tiếp tục giữ vững khối đại đoàn kết dân tộc, chính là vấn đề phát huy nội lực của dân tộc Việt Nam để xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, và những thành tựu của cách mạng Việt Nam xứng đáng trở thành một thành tựu của sự nghiệp cách mạng, hòa bình, dân chủ và tiến bộ của nhân loại. Đó là một mong ước thiết tha của Người trước lúc đi xa về tương lai của dân tộc và tương lai của nhân loại.

3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế trong Di chúc (1969) của Hồ Chí Minh vào giải quyết những tranh chấp, xung đột trên Biển Đông hiện nay

Tư tưởng đoàn kết quốc tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Di chúc của Người viết năm 1969 đã được Đảng ta phát huy và vận dụng sáng tạo trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng. Sau 50 năm thực hiện Di chúc của Người (1969 - 2019), dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, từ tuyên bố *“muốn là bạn”* (Đại hội Đảng lần thứ VII), *“sẵn sàng là bạn”* (Đại hội Đảng lần thứ VIII), *“là bạn và đối tác tin cậy”* (Đại hội Đảng lần thứ IX) đến Đại hội Đảng lần thứ XI, Đảng ta khẳng định: Việt Nam là *“thành viên có trách nhiệm trong cộng*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr.624.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr.624.

đồng quốc tế". Tinh thần đoàn kết quốc tế, huy động tối đa sức mạnh toàn dân tộc kết hợp sức mạnh thời đại để "*Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi*"¹ (Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII). Sự khẳng định theo đuổi lợi ích quốc gia - dân tộc còn làm cơ sở cho chúng ta áp dụng bài học đối ngoại rất thành công trong thời đại Hồ Chí Minh là "*đi bất biến, ứng vạn biến*."

Biển Đông là một biển nửa kín và là một trong những khu vực chiến lược quan trọng bậc nhất trên thế giới, được bờ biển của các nước Trung Quốc (bao gồm cả đảo Đài Loan), Việt Nam, Campuchia, Thái Lan, Malaysia, Singapore, Indonesia, Brunei, Philippines bao bọc xung quanh. Với diện tích bề mặt khoảng 3.939.245 km², Biển Đông là một trong những biển lớn nhất thế giới. Khu vực Biển Đông bao gồm những tuyến đường hàng hải nhộn nhịp bậc nhất của thế giới, nối khu vực Đông Bắc Á và Tây Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương và Trung Đông. Trung bình một năm có khoảng hơn 41.000 lượt tàu biển qua lại khu vực này². Ngoài việc đây là con đường hàng hải quan trọng thì Biển Đông cũng là một khu vực giàu tài nguyên gồm cả nguồn hải sản và tiềm năng dầu khí. Sinh thời, ngày 10/4/1956, khi nói chuyện tại Hội nghị cán bộ cải cách miền biển, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "*Đông bằng là nhà, mà biển là cửa. Giữ nhà mà không giữ cửa có được không? Kẻ gian tế nó sẽ vào chỗ nào trước? Nó vào ở cửa trước. Vì vậy ta phải giáo dục cho đồng bào biết bảo vệ bờ biển. Vì bọn địch thường thả bom mật thám, gián điệp vào tìm chỗ nấp ở miền biển. Nếu để nó lọt vào, thì người bị thiệt hại trước là đồng bào miền biển. Nếu mình không lo bảo vệ miền biển, thì đánh cá, làm muối cũng không yên. Cho nên một nhiệm vụ quan trọng của đồng bào miền biển là phải bảo vệ bờ biển. Đồng bào miền biển là người canh cửa cho Tổ quốc*"³. Từ đó có thể thấy rằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh ngay từ sớm đã quan tâm đến vấn đề chủ quyền biển đảo Việt Nam và nhiệm vụ bám biển sống còn trong bảo vệ hòa bình, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Biển Đông là vùng biển nhạy cảm, thường xuyên xảy ra những tranh chấp, xung đột, nhất là việc Trung Quốc đang chiếm đóng trái phép quần đảo Hoàng Sa và xâm phạm đến chủ quyền của ta trên quần đảo Trường Sa. Âm mưu bá quyền của Trung Quốc ngày càng thể hiện rõ khi trong thời gian trở lại đây, Trung Quốc liên tục có những hành động xâm phạm chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam trên Biển Đông, qua một số sự kiện nổi bật như sau:

Năm 2011, căng thẳng dâng lên khi các tranh chấp giữa Trung Quốc với Việt Nam và Philippines nổ ra. Ngày 26/5/2011, 3 tàu hải giám của Trung Quốc xâm nhập lãnh hải của Việt Nam, phá hoại thiết bị và cản trở tàu khảo sát địa chấn Bình Minh 02 của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đang hoạt động tại vùng biển miền Trung chỉ cách mũi Đại Lãnh của tỉnh Phú Yên 120 hải lý. Tiếp đó là sự kiện một tàu thăm dò dầu khí khác của Việt Nam thuê vừa bị tàu Trung Quốc phá hoại thiết bị vào ngày 9/6/2011⁴.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.34.

2. Ji Guoxing, "*Rough Water in the South China Sea: Navigation Issues and Confidence – building Measure*", East-West Center, 2001.

3. Mâu chuyện về Bác Hồ: "*Bác Hồ với biển đảo Việt Nam*", dẫn theo <http://mitc.edu.vn/tu-tuong-ho-chi-minh/mau-chuyen-ve-bac-ho-bac-ho-voi-bien-dao-viet-nam.html>, truy cập ngày 31/7/2019.

4. Theo PetroTimes (ngày 10 tháng 6 năm 2011). "*Tàu Viking II bị tàu Trung Quốc uy hiếp*". dẫn theo VnExpress. 31/7/2019.

Tháng 5 năm 2014, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đưa giàn khoan HD-981 vào khu vực Biển Đông vào ngày 1/5/2014, dẫn tới việc Bộ Ngoại giao Việt Nam ra tuyên bố phản đối, đồng thời tàu thuyền của hai quốc gia đã có một số va chạm¹.

Mới đây nhất, vào ngày 18/6/2019, là sự xâm phạm của tàu Trung Quốc ở Bãi Tư Chính mà do nhóm tàu Hải Dương 8 của Trung Quốc hoạt động trái phép. Đây là vùng biển hoàn toàn nằm trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam được quy định tại Công ước UNCLOS 1982 mà chính Trung Quốc đã ký kết tham gia và cam kết có trách nhiệm tuân thủ².

Đối với vấn đề Biển Đông, mặc dù Bộ Ngoại giao Việt Nam luôn đưa ra những tuyên bố phản đối việc Trung Quốc xâm phạm trực tiếp đến chủ quyền lãnh thổ nhưng các hành động xâm phạm của Trung Quốc trên Biển Đông vẫn tiếp tục diễn ra. Việc Trung Quốc gây ra những tranh chấp, xung đột không chỉ động chạm đến quyền lợi của Việt Nam mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của các quốc gia trong khu vực ASEAN. Trước âm mưu bá quyền Biển Đông của Trung Quốc cũng như việc Trung Quốc liên tục gây sức ép lên ASEAN về vấn đề Biển Đông, thực hiện ước nguyện trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh “*Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới*”, mong muốn của Người về một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, tự chủ và Việt Nam sẵn sàng là bạn với các nước trên thế giới, đồng thời vận dụng sáng tạo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong đoàn kết quốc tế ứng với giai đoạn hiện nay, Đảng và Nhà nước ta cần thực hiện những biện pháp sau nhằm bảo vệ chủ quyền quốc gia và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế:

Một là, với quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “*Nước ta là một bộ phận của thế giới. Tình hình của nước ta có ảnh hưởng đến thế giới mà tình hình thế giới cũng có quan hệ đến nước ta*” nhưng phải độc lập, tự chủ, khôn khéo, vạch rõ những phương pháp, biện pháp của riêng mình, đó chính là quan điểm kết hợp giữa tự lực cánh sinh (nội lực) và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế (sức mạnh thời đại). Đảng và Nhà nước ta cần vận dụng sáng tạo nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh vào giải quyết những xung đột trên Biển Đông phải thực hiện một kênh ngoại giao có hiệu quả với nhân dân thế giới, đặc biệt là nhân dân Trung Quốc, hiểu rõ về những văn bản, bản đồ, hiện vật chứng minh chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “*Dùng binh giỏi nhất là đánh bằng mưu. Thứ hai đánh bằng ngoại giao. Thứ ba mới là đánh bằng binh*”³. Kết hợp đấu tranh ngoại giao nhà nước và ngoại giao nhân dân, trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất thành công khi phát huy sức mạnh của ngoại giao nhân dân, biểu dương sức mạnh của quần chúng nhân dân trong những ngày đầu của nền dân chủ cộng hòa. Đảng và Nhà nước ta phải vận dụng sáng tạo quan hệ biện chứng giữa đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, phải làm cho nhân dân thế giới hiểu rõ về Việt Nam, về cuộc đấu tranh chính

1. “*Bộ Ngoại giao: Nga hy vọng Trung Quốc và Việt Nam sẽ khắc phục được tranh chấp lãnh thổ thông qua thương lượng*”. Đài Tiếng nói nước Nga. Ngày 15 tháng 5 năm 2014. Truy cập ngày 31/7/2019.

2. “*Sức mạnh chính nghĩa của Việt Nam trên bãi Tư Chính*”, dẫn theo <https://anninhthudo.vn/>, truy cập ngày 31/7/2019.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009, t.4, tr. 126.

nghĩa của nhân dân ta. Tuy nhiên cùng với đoàn kết hợp tác với bên ngoài thì phải cường sức mạnh bên trong, nhân nguồn sức mạnh của bên trong, vì vậy, phải xây dựng thực lực sức mạnh đất nước, chính nghĩa của dân tộc làm nền tảng, để thu hút sự ủng hộ của quốc tế. Đó chính là vấn đề phải đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, tăng cường hoạt động khai thác kinh tế trên vùng biển thuộc chủ quyền lãnh hải và đặc quyền kinh tế của ta. Song song với đó, lan truyền rộng rãi những tư liệu lịch sử quý giá, có giá trị pháp lý, kết hợp với Công ước Liên hợp quốc về chủ quyền biển, đảo Việt Nam để cho thấy chủ quyền nước ta đang bị Trung Quốc xâm phạm một cách trắng trợn. Đó là một trong những giải pháp đầu tiên trong việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế để giải quyết những xung đột hiện nay trên Biển Đông.

Thứ hai là trong xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa đang diễn ra mạnh mẽ, vấn đề Biển Đông không còn là vấn đề của riêng Việt Nam mà nó còn là vấn đề của khu vực ASEAN và lợi ích của những nước lớn trên vùng biển này, trong đó của Hoa Kỳ, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan,... Trong bối cảnh đó, xung đột quốc tế trên Biển Đông cần thiết phải được giải quyết bằng biện pháp hòa bình. Nguyên tắc hòa bình giải quyết tranh chấp đã được ghi nhận và nhắc lại nhiều lần trong các văn kiện song phương và khu vực. Năm 2002, ASEAN và Trung Quốc đã ký Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC). Trong tuyên bố này, các bên khẳng định cam kết tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và “cam kết giải quyết các tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình, không sử dụng vũ lực, thông qua tham vấn, đàm phán hữu nghị giữa các quốc gia trực tiếp liên quan”. Việt Nam đã thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của một quốc gia ven biển theo Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982. Năm 1977, Chính phủ ra Tuyên bố về lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa; năm 1982, Chính phủ ra Tuyên bố về đường cơ sở; năm 1994, Quốc hội phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982; năm 2003, Quốc hội thông qua Luật Biên giới quốc gia; và năm 2012, tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật Biển Việt Nam. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng khẳng định chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và các vùng biển của mình theo quy định của luật pháp quốc tế. Trong bối cảnh Việt Nam ngày càng mở rộng quan hệ ngoại giao song phương và đa phương trên thế giới, Đảng và Nhà nước ta cần tích cực quốc tế hóa vấn đề Biển Đông và tranh chấp ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, đưa vấn đề Biển Đông ra Tòa án quốc tế và bảo vệ quan điểm, lập trường của Việt Nam dựa trên tinh thần của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và Tuyên bố về ứng xử của các bên trên Biển Đông (DOC); Trên cơ sở đó, Đảng và Nhà nước ta phải vận dụng hết sức khéo léo nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh “mềm dẻo về sách lược, cứng rắn về nguyên tắc”, được cụ thể hóa trong bối cảnh lịch sử mới bằng nhiều sách lược, nhiều chủ trương cụ thể. Ví dụ như chủ trương giải quyết tranh chấp trong không khí hòa bình, trên tinh thần đối tác và với trách nhiệm cộng đồng. Vấn đề là bởi trong tranh chấp, mỗi nước đều phải bảo vệ lợi ích của mình. Nếu không tạo được không khí hòa bình thì nguy cơ xung đột, thậm chí là nguy cơ chiến tranh sẽ hình thành. Cho nên, Việt Nam cần phải tạo được không khí hòa bình trong việc giải quyết tranh chấp giữa các nước, nhóm nước với nhau. Tinh thần ấy rất phù hợp với nguyện vọng hòa bình mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam hằng mong ước trong lịch sử đấu tranh và bảo vệ Tổ quốc của dân tộc

ta. Bên cạnh đó, trên cơ sở quốc tế hóa vấn đề Biển Đông, Việt Nam cần tranh thủ sự ủng hộ của các nước lớn, trên cơ sở lợi ích chung về an ninh, tự do hàng hải, lợi ích kinh tế trên Biển Đông, trong đó ràng buộc các nước lớn trong quan hệ lợi ích với Việt Nam để họ ủng hộ chủ quyền và quyền lợi chính đáng của Việt Nam, trong đó có quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ, Việt Nam - Nhật Bản, Việt Nam - Hàn Quốc là những nước vừa có lợi ích tự do hàng hải trên Biển Đông, vừa có lợi ích trong việc độc chiếm, chi phối Biển Đông của Trung Quốc.

Ba là, đối với tổ chức ASEAN, ngoài 4 nước thành viên (Philippines, Việt Nam, Malaysia và Brunei) có các tuyên bố chủ quyền trên Biển Đông, liên quan trực tiếp đến yêu sách “Đường lưỡi bò” của Trung Quốc, Biển Đông còn là chủ đề quan trọng gắn với xây dựng môi trường hòa bình và ổn định cho phát triển và phồn vinh của khu vực - một lợi ích hàng đầu của các nước Đông Nam Á. Điều đó được thể hiện qua việc ASEAN đã có nhiều Tuyên bố về tình hình Biển Đông. Năm 2002, ASEAN cùng Trung Quốc ký *Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC)*; ngày 20/7/2012, Ngoại trưởng các nước ASEAN đã đạt được một *Tuyên bố về nguyên tắc 6 điểm về Biển Đông*, tạo cơ sở để đảm bảo các bên liên quan tôn trọng, tuân thủ trong hành xử ở Biển Đông và khẳng định các hành vi vi phạm những nguyên tắc này sẽ ảnh hưởng tới ASEAN¹. Hiện nay, ASEAN đã sẵn sàng tiến tới ký kết một Bộ quy tắc ứng xử (COC) với Trung Quốc, đóng góp vào duy trì hòa bình, ổn định trong khu vực². Như vậy, các thành viên của tổ chức ASEAN có chung lợi ích chiến lược trong việc bảo vệ an ninh và tự do hàng hải trên Biển Đông; mặt khác, việc chủ quyền biển, đảo của Việt Nam được bảo đảm bằng cơ sở pháp lý và lịch sử, phù hợp Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển, nên cộng đồng quốc tế đều cảm nhận được tính chính nghĩa của nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Vì vậy, ta cần phải tăng cường đoàn kết quốc tế trong khối ASEAN, cần thể hiện tính tích cực của Việt Nam trong việc giải quyết vấn đề Biển Đông; củng cố đoàn kết, tăng cường quan hệ hữu nghị giữa các thành viên, giữ vững và phát huy vai trò trung tâm của ASEAN trong khu vực; củng cố mối quan tâm chung của ASEAN đó là hòa bình, ổn định, an ninh trên Biển Đông; thực hiện đầy đủ và hiệu quả Tuyên bố về ứng xử các bên trên Biển Đông (DOC); thúc đẩy xây dựng Bộ quy tắc ứng xử trên Biển Đông (DOC). Các nước có liên quan trong khu vực ASEAN cần phải có những thống nhất với nhau. Đặc biệt từng nước một phải có thống nhất với nhau để có phương án đối phó hiệu quả nhất, phù hợp nhất với những quy định của luật pháp quốc tế. Thậm chí phải có việc kiểm tra, kiểm soát, rồi lập biên bản, giải quyết những sai phạm đó bằng những thủ tục pháp lý đã qui định, và công ước luật biển đã quy định. Vấn đề chủ quyền dù không thể thỏa hiệp, nhưng nếu không có tinh thần hợp tác tốt, nếu chỉ coi nhau như “đối tượng” thì không thể có kết quả tốt đẹp. Cho nên, cần có tinh thần đối tác cùng hợp tác để giải quyết sự khác biệt. Và cuối cùng là cùng phối hợp với nhau để giải quyết tranh chấp chứ không đóng kín, vì trách nhiệm với cộng đồng quốc tế, với khu vực; bảo vệ lợi ích của mình nhưng cũng tôn trọng lợi ích của tất cả các quốc gia khác trong tranh chấp đó.

1. ASEAN ra Tuyên bố về Biển Đông, dẫn theo <http://vietnamnet.vn/>, truy cập ngày 31/7/2019.

2. Hướng tới Cộng đồng ASEAN đoàn kết, vững mạnh và rộng mở, dẫn theo <http://www.qdnd.vn/>, truy cập ngày 31/7/2019.

4. Kết luận

Sau 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Việt Nam đã hoàn thành thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đánh đuổi đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Sau đó, cả nước đã bắt tay vào công cuộc tái thiết đất nước, quá độ lên chủ nghĩa xã hội với công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay đã gặt hái được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội. Riêng với lĩnh vực ngoại giao, xây dựng khối đoàn kết quốc tế, Việt Nam đã tiếp tục hội nhập sâu rộng và có hiệu quả vào khu vực Đông Nam Á và thế giới; thiết lập quan hệ ngoại giao với nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ; tham gia vào nhiều tổ chức quốc tế và khu vực. Vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế vào giải quyết những xung đột, tranh chấp trên Biển Đông, Đảng và Nhà nước ta đã kiên trì nguyên tắc ngoại giao Hồ Chí Minh: tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ, không xâm phạm lãnh thổ lẫn nhau; bình đẳng hợp tác cùng có lợi và tích cực chung sống hòa bình, mở rộng quan hệ quốc tế theo hướng đa phương và đa dạng các mối quan hệ. Trước những quan điểm nhất quán theo nguyên tắc ngoại giao Hồ Chí Minh và những di nguyện cuối đời của Người về đoàn kết quốc tế, khắc phục những mối bất hòa trong quan hệ quốc tế, đáp lại sự ủng hộ của nhân dân yêu hòa bình và tiến bộ trên thế giới, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân cả nước quyết tâm xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; góp phần thắng lợi vào sự nghiệp cách mạng thế giới./.

TƯ TƯỞNG NHÂN DÂN TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*ThS. Dư Thị Huyền**

Suốt cuộc đời đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng con người; chủ tịch Hồ Chí Minh “chỉ có một ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân tộc ta hoàn toàn được tự do, ai cũng có mưu cầu hạnh phúc”. Bởi vậy, trước lúc đi xa, Người không chỉ để lại cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta một nhân cách lớn, một tư tưởng lớn, một sự nghiệp lớn; mà Người còn để lại một bản Di chúc thiêng liêng, tài sản tinh thần vô cùng quý giá. Những điều căn dặn của Người trong bản Di chúc là những quan điểm, tư tưởng sâu sắc về một số vấn đề cơ bản đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam; đặc biệt, trong đó, tư tưởng nhân dân được Bác thể hiện đầy tính nhân văn, sâu sắc...

Trong Di chúc, Người không chỉ để lại “muôn vàn tình thân yêu cho toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng” mà còn cho “các đồng chí, các bầu bạn và các cháu thanh niên nhi đồng quốc tế”. Đó là tình thương yêu không quốc gia, chủng tộc, không biên giới; không phải là lòng thương yêu mang tính chung chung, trừu tượng; mà là tình thương yêu vô cùng rộng lớn đối với nhân dân lao động, đối với người cùng khổ.

Lớn lên trong thân phận của một người dân mất nước, hơn ai hết, Bác đã thấy và cảm nhận rất rõ cuộc sống lầm than của nhân dân mình. Yêu nước, thương dân là lẽ sống của Bác, là động lực thôi thúc Bác quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước. “Dân” trong tư tưởng Hồ Chí Minh là nhân dân lao động, những con người bị đọa đày, áp bức; là những kiếp người lầm than. Do vậy, trong “muôn vàn tình thân yêu” đó, Người không để sót một ai, không quên một ai. Bởi suốt cả cuộc đời của Bác, mọi suy nghĩ, mọi hành động, mọi việc làm đều vì một điều rất bình dị, mộc mạc và rất rõ ràng là vì “nhân dân”, vì mục tiêu mang đến cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho từng người dân.

Trong Di chúc, Người nói về nhân dân vừa chứa chan tình yêu thương, vừa rất tự hào: “Nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ, bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh. Tuy vậy, nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng. Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”¹.

Ở Bác, tình thương yêu dành cho nhân dân được đặt lên tầm cao sâu sắc, song lại rất thiết thực, thiết thực đến mức cứ mười ngày Bác nhin ăn một bữa để lấy gạo giúp đồng bào cứu đói. Càng yêu dân, càng hiểu dân, tấm lòng của Người dành cho dân càng chan chứa ân tình. Với trái tim đầy tình thương yêu, Người thấu hiểu và đồng cảm với nỗi thống khổ vì

* *Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr.612.

áp bức bất công, vì những gian lao, vất vả trong chiến tranh của nhân dân ta, đồng bào ta.

Không chỉ vậy, trong Di chúc, Người còn nhắc đến từng số phận, từng con người, từng hoàn cảnh rõ ràng, cụ thể. Đó là những con người đã dành một phần xương máu cống hiến cho sự nghiệp của đất nước, là các thương binh, liệt sĩ, cha mẹ, vợ con của họ. Người căn dặn, phải có một chính sách đặc biệt đối với mọi tầng lớp nhân dân đã vì Tổ quốc mà hy sinh. Theo Người, đó là công việc nhất thiết phải làm, đầu khó khăn, phức tạp đến mấy cũng phải ra sức làm.

“Đối với những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình...; Đảng, chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn, chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để họ có thể dần dần tự lực cánh sinh”¹.

“Đối với các liệt sĩ, mỗi địa phương... cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm ghi sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta”².

“Đối với cha mẹ, vợ con (của thương binh và liệt sĩ) mà thiếu sức lao động và túng thiếu, thì chính quyền địa phương... phải giúp đỡ họ có công ăn việc làm thích hợp, quyết không để họ đói rét”³.

Người còn nhắc đến mọi tầng lớp nhân dân từ phụ nữ, các cháu thanh niên, nhi đồng, nông dân, đồng bào miền xuôi cũng như miền núi,...

Người căn dặn Đảng và Chính phủ phải quan tâm tạo mọi điều kiện giúp đỡ để họ tiến bộ và trưởng thành; bản thân chị em phụ nữ cũng phải tích cực phấn đấu vươn lên đáp ứng với trách nhiệm của mình. Người viết: “Phụ nữ đảm đang ta đã góp phần xứng đáng trong chiến đấu và trong sản xuất. Đảng và chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, căn nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo. Bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên”⁴.

Người dành tình cảm và sự quan tâm đặc biệt cho thế hệ trẻ của dân tộc ta. Bởi Người đã trải qua thời tuổi trẻ với nhiều vất vả, gian lao nên thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng, cũng như thấy được vai trò to lớn của thế hệ thanh niên đối với sự nghiệp cách mạng của nước nhà. “Đoàn viên, thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và cần thiết”⁵.

Với đối tượng là nông dân chiếm đa phần dân số nước ta, Hồ Chí Minh đã khen ngợi sự đóng góp của họ cho thắng lợi của nước nhà và đề xuất “miễn thuế nông nghiệp một năm cho các hợp tác xã nông nghiệp để cho đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất”⁶. Mặc dù, mong muốn của Bác chưa thực hiện được ngay tại thời điểm đó nhưng nó thể hiện tấm lòng của Bác với bà con nông dân, những người vất vả một

1. Hồ Chí Minh, *Sđd*, tr.616.

2. Hồ Chí Minh, *Sđd*, tr.616.

3. Hồ Chí Minh, *Sđd*, tr.616.

4. Hồ Chí Minh, *Sđd*, tr.617.

5. Hồ Chí Minh, *Sđd*, tr.622.

6. Hồ Chí Minh, *Sđd*, tr.617.

nặng hai sương và thể hiện đạo lý của dân tộc “thương người như thể thương thân”. Đó là đạo lý, là lẽ sống của dân tộc ta được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Người nhắc cả đến những đối tượng là trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu,... những người sai đường, lạc lối trong xã hội miền Nam dưới chế độ Mỹ - nguy, Người coi họ là những “nạn nhân của chế độ xã hội cũ”, và dặn dò “Nhà nước phải dùng giáo dục, vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện”.

Trong từng câu, từng chữ của bản Di chúc, tư tưởng vì con người, vì nhân dân đều thấm đượm chủ nghĩa nhân đạo cao cả, lòng khoan dung rộng lớn. Trước khi đi vào cõi vĩnh hằng, Bác đã căn dặn chúng ta phải sống có tình, có nghĩa “phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”¹. Bác muốn nhắc nhở mỗi người chúng ta rằng: tình thương yêu lẫn nhau là bao trùm lên mối quan hệ giữa người với người. Bác là tiêu biểu cho tình thương bao la, lòng nhân ái cao cả. Theo Bác, bàn tay có ngón dài, ngón ngắn, nhưng cả năm ngón tay đều hợp nhau lại nơi bàn tay. Hàng triệu người Việt Nam đều cùng nòi giống Lạc Hồng. Trong Bác luôn có niềm tin vào tinh thần đại nghĩa của dân tộc và lòng hướng thiện của con người.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp từng viết: Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân của chủ nghĩa nhân văn cao cả, của chủ nghĩa nhân văn cộng sản; là một người nhân ái, vị tha; con người mà trái tim yêu thương luôn dành cho đồng bào mình và cho nhân loại cần lao. Người có niềm tin không bờ bến vào nghị lực sáng tạo và lương tri của con người, khơi dậy ở mỗi người khả năng, tự giải phóng và hoàn thiện mình.

Tư tưởng nhân dân của Bác không chỉ bó hẹp trong tình yêu thương đồng bào, đồng chí, nhân dân trong nước. Tư tưởng nhân văn của Bác còn mở rộng ra cả loài người trên khắp năm châu bốn biển. Ngay từ khi còn trẻ tuổi ở Pháp, Bác đã lên tiếng phản đối những bất công trong xã hội tư bản và trong Di chúc, Bác tỏ rõ sự đau xót về mối bất hoà giữa các Đảng anh em. Bác cũng tin tưởng rằng, các Đảng anh em và các nước anh em nhất định phải đoàn kết lại.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Nhân dân là một lực lượng khổng lồ, Đảng vĩ đại là ở nơi Đảng biết tìm thấy sức mạnh từ trong nhân dân, vì nhân dân mà làm việc, cống hiến. Chính vì vậy, Bác căn dặn rất nhiều đến việc chăm lo lợi ích cho nhân dân: “Việc gì có lợi cho dân thì phải làm cho kỳ được. Việc gì có hại cho dân, thì phải hết sức tránh”², “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hoá, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”³.

Ngay từ những năm tháng gian nan vất vả đi tìm đường cứu nước, Người đã nói rõ mục đích của mình là để giải quyết vấn đề dân tộc và dân chủ ở Việt Nam. Dân tộc là đấu tranh để giải phóng dân tộc, dân chủ là giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân. Tư tưởng dân chủ của Người được phát triển từng bước, khi Người khẳng định: Nước ta là nước dân chủ. Một nước dân chủ, theo quan điểm của Người là tất cả lợi ích, quyền hạn, quyền hành, trách nhiệm đều quy về nơi dân, đều ở nơi dân.

“Nhân dân” hai tiếng thiêng liêng luôn tồn tại trong trái tim của vị cha già trọn đời vì

1. Hồ Chí Minh, *Sđd*, tr.622.

2. Hồ Chí Minh, *Sđd*, tr.333.

3. Hồ Chí Minh, *Sđd*, tr.612.

nước. Đó chính là động lực chi phối mọi suy nghĩ, hành động, quyết định toàn bộ mục đích sự nghiệp hoạt động cách mạng của Người.

Cuối bản Di chúc lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh dành những dòng tâm sự đề cập về “việc riêng” một cách hết sức khiêm tốn, giản dị. Người viết: “Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”¹. Những dòng chữ này càng phản ánh sâu sắc phẩm chất đạo đức cao quý của một con người, một lãnh tụ cách mạng suốt đời chỉ biết phấn đấu hy sinh vì dân, vì nước.

Ngay cả đến giây phút cuối cùng, Người vẫn còn lo lắng cho nhân dân, lo lắng cho đồng bào, cho những người ở lại. Bác lo tốn thời gian, tiền bạc, ruộng đất của nhân dân; Bác không muốn làm phiền đến dân, đến nước. Bác yêu cầu thi hài được đốt đi “vì như thế đối với người sống đã tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất”; và còn căn dặn: “sau khi tôi qua đời, chớ nên tổ chức điều phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân”². Bác không bao giờ nghĩ đến cái riêng, không màng danh lợi, ở Bác tình thương yêu nhân dân sâu sắc bao nhiêu thì Bác càng quan tâm đến lợi ích của nhân dân bấy nhiêu. Một con người suốt đời chỉ biết hy sinh và dâng hiến cho dân tộc, cho nhân dân “tôi hiến cả đời tôi cho dân tộc tôi”³.

Bản Di chúc phản ánh sự cẩn trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong diễn đạt từng câu, từng chữ. Với tất cả sự khiêm nhường cao quý; mặc dù Người viết rằng: “để lại mấy lời” và “chỉ nói tóm tắt vài việc thôi”, nhưng có thể nói bản Di chúc của Bác là kết tinh về trí tuệ, tình cảm, ước vọng của Bác đối với Đảng, với đất nước, với dân tộc, với nhân dân. Đây là sự kết đọng sâu sắc cả về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, một con người suốt đời chỉ biết hy sinh và dâng hiến cho dân tộc, cho nhân dân.

Có thể nói, tư tưởng nhân dân của Người quả là xưa nay hiếm. Một vị lãnh tụ ở trong dân, chan hòa với dân như ruột thịt. Bác ra đi nhưng đã để lại muôn vàn tình thương yêu, niềm tin vững chắc cho bao thế hệ con cháu. Mỗi lần đọc lại Di chúc như thấy Bác vẫn đang cùng chúng ta lo toan mọi việc; vẫn như đang đồng hành cùng dân tộc. Năm mươi năm đã trôi qua, bản Di chúc thiêng liêng của Người vẫn sáng rõ tầm nhìn thời đại và vẹn nguyên giá trị, là những chỉ dẫn quý báu, động lực tinh thần vô giá giúp toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta cùng đồng lòng vượt qua khó khăn, quyết tâm thực hiện thành công con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn.

1. Hồ Chí Minh, *Sđd*, tr.623.

2. Hồ Chí Minh, *Sđd*, tr.618.

3. Hồ Chí Minh, *Sđd*, tr.674.

THỰC HIỆN TỰ PHÊ BÌNH VÀ PHÊ BÌNH TRONG ĐẢNG THEO DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH

*ThS. Đỗ Thị Thanh Huyền**

1. Mở đầu

Hiện nay, công cuộc đổi mới đất nước ta đang đứng trước cả thời cơ và thách thức đan xen. Thời cơ và thách thức đó cũng đồng thời đặt ra những yêu cầu rất cao cả về phẩm chất và năng lực đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên. Sự nghiệp đổi mới đất nước không chỉ đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải luôn nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý, mà còn phải thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, nếu không sẽ trở thành lạc hậu và bị đào thải. Trong suốt quá trình hoạt động cách mạng của mình, một trong những vấn đề Hồ Chí Minh quan tâm đầu tiên và nhiều nhất là xây dựng một chính Đảng kiểu mới trong sạch, vững mạnh. Muốn có một Đảng như vậy, trong Di chúc Người đã viết: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết thống nhất của Đảng”¹. Người luôn cho rằng tự phê bình và phê bình là nguyên tắc, là quy luật phát triển của Đảng, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, uy tín của tổ chức đảng; nâng cao chất lượng, uy tín của đội ngũ cán bộ, đảng viên, thiết thực xây dựng và chỉnh đốn Đảng, để Đảng ta luôn trong sạch, vững mạnh. Trong bối cảnh hiện nay, thực hiện lời dạy của Bác là việc làm rất cần thiết.

2. Nội dung

2.1. Tư tưởng của Hồ Chí Minh về tự phê bình và phê bình

Vào những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, mặc dù thời gian cầm quyền của Đảng ta chưa nhiều nhưng cũng đã bộc lộ những thiếu sót, khuyết điểm ở một bộ phận đảng viên, cán bộ. Là một đảng viên và trên cương vị lãnh tụ cao nhất của Đảng, Hồ Chí Minh đã kiên quyết chỉ rõ những khuyết điểm của Đảng cũng như của đảng viên, cán bộ, đồng thời, đặt vấn đề phải tiến hành tự phê bình và phê bình trong Đảng.

Theo Người, tự phê bình và phê bình là nguyên tắc sinh hoạt Đảng, nguyên tắc phát triển Đảng, là “luật phát triển” của Đảng. Trước những ý kiến cho rằng, tiến hành tự phê bình và phê bình là vô hình trung vạch rõ khuyết điểm của Đảng, của Chính phủ, của mình cũng như đồng chí mình, và như vậy kẻ địch sẽ lợi dụng để phá hoại Đảng, Hồ Chí Minh lập luận rằng: làm người khó ai tránh khỏi lỗi lầm, thiếu sót. Đảng ta là một tổ chức chính trị tiên phong của giai cấp công nhân, tập hợp những chiến sĩ trung kiên, thông minh, dũng cảm..., nhưng Đảng cũng từ trong xã hội mà ra, không phải “trên trời rơi xuống” nên không tránh khỏi khuyết điểm, thiếu sót. Người chỉ ra nhiều lý do khách quan, chủ quan dẫn tới nhiều thiếu sót, khuyết điểm, thậm chí sai lầm của cán bộ, đảng viên. Điều đó là lẽ bình

**Trường Đại học Tài chính – Marketing*

1. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2006, tr. 58.

thường, quan trọng là thái độ của những người cộng sản ra sao trước những lỗi lầm mắc phải. Nếu sợ mất uy tín và thể diện, không quyết tâm sửa chữa sai lầm, khuyết điểm, đó là điều bất bình thường. Người khẳng định: “Một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng”¹; “Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình... rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó... là một Đảng tiên bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”². Hồ Chí Minh cho rằng: khuyết điểm cũng như chứng bệnh. Phê bình thì giống như uống thuốc. Nếu sợ phê bình thì cũng khác nào có bệnh mà giấu bệnh, không dám uống thuốc. Như vậy thì bệnh tình lại càng nặng thêm. Do vậy, đối với đảng viên, cán bộ mà “nề nang không phê bình, để cho đồng chí mình cứ sa vào làm lỗi, đến nỗi hỏng việc. Thế thì khác nào thấy đồng chí mình ốm, mà không chữa cho họ. Nề nang mình, không dám tự phê bình, để cho khuyết điểm của mình chứa chất lại. Thế thì khác nào mình tự bỏ thuốc độc cho mình”³.

Hồ Chí Minh cho rằng, con người chứ không phải thần thánh không ai không có khuyết điểm, do vậy tự phê bình và phê bình giúp cho mỗi cá nhân và tổ chức nhận ra khuyết điểm của mình để khắc phục, sửa chữa. Người từng nói: “Đảng ta gồm những người có tài, có đức, phần đông là những người hăng hái nhất, thông minh nhất, yêu nước nhất..., nhưng “không phải là người người đều tốt, việc việc đều hay”⁴, do vậy trong Đảng phải luôn luôn tự phê bình và phê bình. Có lúc, Người đặt phê bình lên trước tự phê bình, có lúc ngược lại nhưng nhiều hơn cả là người đặt tự phê bình trước phê bình, nhấn mạnh tự phê bình hơn phê bình. Vì người cho rằng, mỗi đảng viên trước hết phải thấy rõ mình để phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm. Công việc này như soi gương rửa mặt hàng ngày. Hơn nữa, đảng viên phải biết tự phê bình tốt thì mới phê bình người khác tốt được.

Mục đích của tự phê bình và phê bình là để phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, củng cố và tăng cường đoàn kết nội bộ. Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: tự phê bình là “nêu ưu điểm và vạch ra khuyết điểm của mình”⁵, là thật thà nhận, công khai nhận trước mặt mọi người những khuyết điểm của mình để tìm cách sửa chữa. Đó là cách mỗi người tự đánh giá để mỗi người vừa thấy được cái hay, cái dở của mình, vừa tạo điều kiện để những người xung quanh đóng góp ý kiến, giúp bản thân sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm. Còn phê bình là “nêu ưu điểm, vạch ra khuyết điểm của đồng chí mình”⁶; là tham gia góp ý kiến và nêu cách thức để sửa chữa khuyết điểm. Từ đó, vừa cổ vũ đồng chí mình phát huy những ưu điểm, những cách làm hay, những việc làm tốt, vừa nhằm tìm ra biện pháp khắc phục khuyết điểm, hạn chế sai lầm để cùng nhau ngày càng tiến bộ. Người nói: “phải trung thực, chân thành với bản thân cũng như với người khác, và phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”⁷.

Trong khi tiến hành tự phê bình và phê bình, theo Hồ Chí Minh, người phê bình cần

-
1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 5, tr. 260.
 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 261
 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 5, tr. 261.
 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 5, tr.323.
 5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 5, tr.232.
 6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 5, tr.232.
 7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 5, tr.611.

phải khách quan, trung thực, công tâm và công khai, “không đặt điều”, “không thêm bớt”. Khi góp ý phải thẳng thắn, chân thành, có tình, có lý làm cho người được góp ý “tâm phục, khẩu phục”¹. Muốn vậy, người làm nhiệm vụ phê bình phải lựa chọn phương pháp thích hợp, tế nhị trong lời nói, giọng nói, cách nói. Khi phê bình, cần tránh động cơ vụ lợi, phê bình không đúng đắn vì thành kiến cá nhân, ích kỷ, hẹp hòi, không thừa nhận thành tích của nhau nên lợi dụng phê bình để đả kích, cường điệu khuyết điểm, nhằm hạ uy tín, “hạ bệ” lẫn nhau, gây mất đoàn kết nội bộ. Đặc biệt, không được lợi dụng tự phê bình và phê bình để mĩa mai, chua cay, “đâm thọc”, gây khó chịu, khó tiếp thu, gây ra tự ái hoặc hiểu nhầm cho người bị phê bình; nhất là tránh hiện tượng: “Ai hợp với mình thì người xấu cũng cho là tốt, việc dở cũng cho là hay, rồi che đậy cho nhau, ủng hộ lẫn nhau. Ai không hợp với mình thì người tốt cũng là xấu, việc hay cũng cho là dở, rồi tìm cách dèm pha, nói xấu, tìm cách đìm người đó xuống. Bệnh này rất tai hại cho Đảng, nó làm hại đến sự thống nhất”².

Còn người được phê bình cần phải có thái độ thành khẩn, cầu thị, vui lòng sửa đổi; không vì bị phê bình mà nản chí hoặc oán ghét người phê bình mình rồi im lặng mà không sửa đổi với thái độ không thật thà, không đúng đắn. Thái độ khi tiếp thu phê bình phải biết lắng nghe, thể hiện sự tiếp thu một cách thiện chí và nêu quyết tâm sửa chữa. Trong mọi hoàn cảnh, người bị phê bình không chỉ cần lắng nghe, mà còn phải tránh bức xúc, mất bình tĩnh, phản ứng gay gắt dẫn đến to tiếng, có lời nói thiếu văn hóa, hoặc có thái độ khiêu khích người phê bình. Trong mọi hoàn cảnh, người tiếp thu phê bình cũng cần tránh hiện tượng nhận khuyết điểm một cách qua loa, thiếu ý thức và không quyết tâm sửa chữa, để sau đó vẫn tiếp tục mắc phải những khuyết điểm đó. Trong trường hợp có ý kiến góp ý với mình chưa đúng, chưa trúng, thì phải bình tĩnh, mềm dẻo và khiêm tốn để trình bày.

2.2. Thực hiện tự phê bình và phê bình trong Đảng hiện nay

Tính đến năm 2019 là vừa tròn 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã thu được những thành tựu to lớn, đặc biệt là trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Qua đó, cấp uỷ các cấp đã quan tâm nhiều hơn đến việc phát hiện, ngăn chặn, xử lý tiêu cực, sai phạm; đề cao tinh thần tự phê bình và phê bình của cán bộ, đảng viên; việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo tấm gương của Bác Hồ đã có chuyển biến; tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân, ý thức trách nhiệm được nâng lên. Việc thực hiện Di chúc của Bác Hồ đã thiết thực cổ vũ toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Lịch sử gần 90 năm xây dựng và phát triển của Đảng, hành trình đấu tranh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc, ấm no của nhân dân Việt Nam đã cho thấy trong đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng đã có biết bao những người con ưu tú của Đảng và nhân dân ngời sáng tấm gương đạo đức cách mạng: luôn thống nhất giữa lời nói và việc làm; luôn gương mẫu đi đầu “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”; sống cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; luôn đặt lợi ích của Đảng, của Tổ quốc và nhân dân lên trước lợi ích của bản thân mình như Chủ tịch Hồ Chí Minh mong mỏi và căn dặn.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 5, tr.301.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 5, tr.232.

Tuy nhiên, cùng với sự thay đổi mọi mặt của đời sống xã hội, hệ lụy của nền kinh tế thị trường cùng tác động của bối cảnh toàn cầu hóa đã khiến một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp thiếu tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, giảm sút ý chí chiến đấu, quên đi trách nhiệm, bôn phận trước Đảng, trước nhân dân. Họ không nghiêm túc thực hiện tự phê bình và phê bình, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, sa vào chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc... Bên cạnh đó, ở một số nơi, việc thực hiện tự phê bình và phê bình chưa thực sự nghiêm túc, ảnh hưởng đến chất lượng tự phê bình và phê bình. Trong tự phê bình và phê bình vẫn còn có những vùng cấm, vùng tránh hoặc lợi dụng đấu tranh phê bình để hạ bệ, thanh trừng lẫn nhau gây chia rẽ, bè phái, mất đoàn kết nội bộ. Thực tế trong thời gian gần đây, phê bình và tự phê bình mang tính hình thức, dẫn đến hậu quả là sự suy thoái của từng cá nhân. Vì mỗi cá nhân không nhận thấy trách nhiệm của mình đối với những sai phạm, họ lợi dụng những cái đó để hạ thấp người khác. Hậu quả dẫn đến là từng tổ chức Đảng mất sức chiến đấu, từng cá nhân có những biểu hiện khi thì quá tả, khi thì quá hữu. Đối với mỗi người đảng viên thì đó là những biểu hiện tự suy thoái từ bên trong.

Để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, nhất là ở cấp chi bộ đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng, đòi hỏi các chi bộ trong Đảng ủy Khối phải nâng cao hơn nữa chất lượng tự phê bình và phê bình theo tư tưởng Hồ Chí Minh bằng những giải pháp sau:

Thứ nhất: Hồ Chí Minh cho rằng, các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm và đối với họ “một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”. Bởi vậy, phương pháp nêu gương về tự phê bình và phê bình cần phải được sử dụng rộng rãi để phát huy hiệu quả. Phương pháp này cần phải được thể hiện rõ trong từng ý tưởng, quyết sách, việc làm thường ngày của mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu mỗi địa phương, cơ quan, đơn vị.

Thứ hai: Thiết thực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo tinh thần Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” nói chung, về tự phê bình và phê bình nói riêng, mỗi cán bộ, đảng viên cần phải gương mẫu về mọi mặt, nhất là không sa vào chủ nghĩa cá nhân với các biểu hiện như: tham nhũng, lãng phí, ham danh, chạy chức, chạy quyền, chạy tuổi, chạy bằng cấp; đồng thời phải gương mẫu, nghiêm túc thực hiện tự phê bình và phê bình.

Thứ ba: Gắn học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về “*Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ*”, trong đó có tự phê bình và phê bình, góp phần rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, nhằm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là quan trọng và rất cần thiết. Theo đó, mỗi cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu mỗi địa phương, cơ quan, đơn vị phải tự giác, thành khẩn và gương mẫu thực hiện tự phê bình và phê bình;

Thứ tư: Việc tiến hành tự phê bình và phê bình thường xuyên ở chi bộ, trong sinh hoạt

Đảng phải vừa cẩn thận, vừa kịp thời, để thông qua đó kiểm điểm, đánh giá và phân loại đảng viên chính xác, khách quan.

Năm là, nâng cao trách nhiệm bí thư chi bộ; mở rộng dân chủ; duy trì chặt chẽ chế độ tự phê bình và phê bình. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh, dân chủ phải đặt trong tổ chức, có kỷ luật, kỷ cương. Tuyệt đối không được lợi dụng dân chủ trong sinh hoạt để đả kích, nói xấu nhau, hoặc dân chủ hình thức, mang tính chất xuôi chiều.

Sáu là, tự phê bình và phê bình phải trung thực, thẳng thắn, khách quan gắn với xử lý kỷ luật nghiêm minh. Thực hiện nghiêm các nguyên tắc của Đảng, siết chặt kỷ luật, kỷ cương; cán bộ, đảng viên vi phạm phải có hình thức, biện pháp xử lý kịp thời, chính xác, bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng. Tự phê bình và phê bình phải gắn liền với xử lý nghiêm vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật Nhà nước.

Bảy là, kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện tự phê bình và phê bình. Qua kiểm tra cần chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm, kịp khắc phục những khâu yếu, mặt yếu và đề ra các giải pháp giúp cấp ủy, chi bộ và đảng viên tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, góp phần nâng cao chất lượng tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt và hoạt động của chi bộ.

3. Kết luận

Học tập theo tấm gương vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ khi thành lập Đảng cho tới nay, Đảng ta luôn coi trọng tự phê bình và phê bình, xác định đó là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng, để có những biện pháp sửa chữa và phát huy mặt mạnh, làm cho các tổ chức Đảng ngày càng tiến bộ hơn. Quán triệt và thực hiện tốt việc nâng cao chất lượng tự phê bình và phê bình theo tư tưởng của Người có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và năng lực cầm quyền của Đảng./.

THỰC HIỆN DI CHỨC HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT

*TS. Trịnh Thị Mai Linh**

Di chúc của Hồ Chí Minh là tác phẩm cuối cùng được in trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, được Người chấp bút từ năm 1965. Với niềm tin vào chiến thắng chắc chắn sẽ đến với nhân dân Việt Nam, bất chấp những cố gắng cao nhất của nhà cầm quyền Mỹ, Hồ Chí Minh đã kết tinh sức mạnh làm nên chiến thắng mà Người cho là chắc chắn ấy, đó chính là sức mạnh đại đoàn kết dân tộc và tinh thần đoàn kết quốc tế trong sáng. Di chúc khẳng định: “*Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn*”¹.

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là văn kiện có giá trị vô cùng to lớn đối với quá trình cách mạng và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc ta trên nhiều phương diện, vạch ra phương hướng cho cách mạng Việt Nam cho cả hôm nay và tương lai. Di chúc là văn kiện của một nhà chính trị lớn, lãnh tụ cao nhất của Đảng và dân tộc, Người đã sáng tạo ra thời đại mới, “thời đại Hồ Chí Minh”, thời đại của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của dân tộc Việt Nam; vừa là tác phẩm nghệ thuật tâm hồn của một nhà văn hóa lớn.

Về vấn đề đại đoàn kết, Di chúc của Bác đề cập đến ba nội dung lớn:

1. Thứ nhất, đoàn kết trong Đảng

Di chúc Hồ Chí Minh đề cập đến nhiều nội dung, trong đó, trước hết đề cập đến Đảng. Khi nói về Đảng, vấn đề đầu tiên mà Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh, đó là vấn đề “đoàn kết”. Vấn đề đoàn kết trong Đảng được trở đi trở lại nhiều lần trong Di chúc. Trong những “điều mong muốn cuối cùng”, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nói đến vấn đề đoàn kết trong Đảng. Như vậy, có thể thấy rõ rằng, vấn đề đoàn kết trong Đảng chiếm vị trí đặc biệt quan trọng trong những suy tư, trăn trở của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong Di chúc, vấn đề đoàn kết trong Đảng được Hồ Chí Minh đề cập trên ba phương diện:

Thứ nhất, đoàn kết trong Đảng là một cơ sở của đoàn kết nhân dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, là một cội nguồn làm nên những thắng lợi to lớn trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Thứ hai, đi qua sự nghiệp cách mạng trường kỳ, đoàn kết đã trở thành một truyền thống cực quý báu của Đảng và của dân ta. Chính vì thế, toàn thể đảng viên từ Trung ương đến các chi bộ đều có trách nhiệm phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Thứ ba, không chỉ cần được bảo vệ, gìn giữ, sự đoàn kết trong Đảng còn cần được không ngừng củng cố và phát triển. Cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết, thống nhất của Đảng là thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình, phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau.

* *Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà nội, 2000, t.15, tr. 168.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết trong Đảng mà một phần quan trọng được thể hiện trong Di chúc đã đi vào thực tiễn xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam một cách sinh động, qua đó chứng minh giá trị thực tiễn của nó.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 1986), Đại hội của đổi mới, diễn ra trong bối cảnh thế giới và trong nước có rất nhiều khó khăn, thách thức to lớn. Đổi mới để tồn tại và phát triển đã trở thành một đòi hỏi sống còn mà thực tiễn đặt ra cho Đảng. Báo cáo Chính trị tại Đại hội đã nêu lên một loạt luận điểm quan trọng về đoàn kết trong Đảng. Cụ thể là:

Một là, đoàn kết nhất trí là “bản chất của Đảng”.

Hai là, Đảng có truyền thống đoàn kết nhất trí tốt đẹp, nhờ đó đã đoàn kết được đông đảo nhân dân, đưa sự nghiệp cách mạng đến những thắng lợi vẻ vang.

Ba là, tăng cường đoàn kết, nhất trí về chính trị, tư tưởng và tổ chức trên cơ sở hệ tư tưởng Mác - Lênin, đường lối, quan điểm và nguyên tắc tổ chức của Đảng luôn luôn là vấn đề sống còn của cách mạng.

Bốn là, đoàn kết trong Đảng không phải là “bằng mặt mà không bằng lòng”; mà là sự đoàn kết được xây dựng trên cơ sở đấu tranh để bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng. Đoàn kết không có nghĩa là không có ý kiến khác nhau.

Năm là, phải chăm lo giữ gìn sự đoàn kết trong các cơ quan lãnh đạo của Đảng, trên cơ sở đó, tăng cường đoàn kết trong toàn Đảng. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII (năm 1991) của Đảng diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội trong nước bước đầu có những chuyển biến theo hướng tích cực; đường lối đổi mới đúng đắn bắt đầu phát huy tác dụng. Nếu so sánh với những nhận định, đánh giá về vấn đề đoàn kết trong Đảng được nêu ở từ Đại hội VI, thì việc Đại hội VII nhấn mạnh khuyết điểm “chưa giải quyết kịp thời và triệt để tình trạng mất đoàn kết ở một số cấp uỷ và đảng bộ trực thuộc Trung ương” có thể coi là một nhận định, đánh giá mới. Trong bối cảnh hệ thống xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng, các lực lượng thù địch tăng cường các hoạt động chống phá Đảng, chống phá chế độ, đẩy mạnh thực hiện âm mưu “Diễn biến hòa bình”, thì việc đặt ra vấn đề “bảo vệ sự đoàn kết trong Đảng, trong nhân dân” như trên là hết sức đúng đắn và cần thiết. Về nhiệm vụ xây dựng và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, Báo cáo Chính trị tại Đại hội VII xác định một trong những nội dung then chốt là “giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng”, cụ thể là:

Một là, giữ vững và thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng bằng những cơ chế và quy định cụ thể. Đấu tranh chống những quan điểm lệch lạc, những biểu hiện vi phạm dân chủ, lợi lỏng kỷ luật, mất đoàn kết đang xảy ra ở nhiều đảng bộ.

Hai là, xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng trên cơ sở đường lối, chính sách của Đảng, giữ vững các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng, bồi dưỡng tinh đồng chí, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, tư tưởng bè phái, cục bộ địa phương.

Trong Báo cáo Chính trị tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 1996). Báo cáo Chính trị chỉ rõ thực trạng: “Không ít nơi nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng”, và coi đây là một trong số những vấn đề lớn đang đặt ra trước Đảng. Về các giải pháp khắc phục thực trạng trên, Báo cáo Chính trị nêu một số quan điểm:

Một là, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thường xuyên tự phê bình và phê bình, giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng; Hai là, đoàn kết thống nhất trong Đảng, trước hết là ở cơ quan lãnh đạo, có ý nghĩa quyết định sự thành công của cách mạng; Ba là, phát hiện sớm hiện tượng mất đoàn kết, tập trung giải quyết và xử lý dứt điểm; Bốn là, không đồng nhất việc trong Đảng có những ý kiến khác nhau khi thảo luận, tranh luận trong tổ chức với tình trạng mất đoàn kết; Năm là, những nơi nội bộ mất đoàn kết, cán bộ chủ chốt có nhiều biểu hiện tiêu cực thì cấp trên phải chỉ đạo, giúp đỡ trực tiếp.

Báo cáo Chính trị tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 2001) dành một mức độ quan tâm đến vấn đề đoàn kết trong Đảng tương tự như trong Báo cáo Chính trị tại Đại hội VIII. Báo cáo Chính trị nêu mấy quan điểm:

Thứ nhất, kiện toàn tổ chức và cán bộ ở những cơ quan, đơn vị để xảy ra những biểu hiện không chấp hành nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước, làm việc trì trệ, độc đoán, chuyên quyền, kéo bè, kéo cánh, mất đoàn kết nội bộ; Thứ hai, cấp uỷ cấp trên tập trung chỉ đạo củng cố các đảng bộ, chi bộ yếu kém, kịp thời kiện toàn cấp uỷ và tăng cường cán bộ ở những nơi có nhiều khó khăn, nội bộ mất đoàn kết; Thứ ba, từng đảng bộ giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong tập thể lãnh đạo.

So với Báo cáo Chính trị tại các Đại hội Đảng VI, VII, VIII và IX, Báo cáo chính trị tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 2006) ít đề cập nhất đến vấn đề đoàn kết trong Đảng. Tuy nhiên, khi đề cập đến vấn đề đoàn kết trong Đảng, Báo cáo Chính trị tại Đại hội X lại nêu lên hai quan điểm rất mới:

Thứ nhất, “xử lý kiên quyết, kịp thời, công khai những người tham nhũng, bất kể ở chức vụ nào, đương chức hay đã nghỉ hưu, tịch thu, sung công tài sản có nguồn gốc từ tham nhũng; những người bao che cho tham nhũng, cố tình ngăn cản việc chống tham nhũng hoặc lợi dụng việc tố cáo tham nhũng để vu khống, làm hại người khác, gây mất đoàn kết nội bộ. Có cơ chế khuyến khích và bảo vệ những người tích cực đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực. Biểu dương và nhân rộng những gương cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”¹.

Thứ hai, “Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị, thực hiện luân chuyển cán bộ, khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ về cán bộ. Tăng cường trách nhiệm của cán bộ, đảng viên là thủ trưởng cơ quan nhà nước. Cơ quan nào vi phạm chính sách, pháp luật, để xảy ra tình trạng tiêu cực, mất đoàn kết nội bộ thì người đứng đầu phải chịu trách nhiệm”².

Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 2011) trở lại quan tâm mạnh mẽ đến vấn đề đoàn kết trong Đảng. Số lượng các cụm từ “đoàn kết”, các quan điểm về đoàn kết trong Đảng xuất hiện trong Báo cáo Chính trị nhiều, cao hơn so với trong Báo cáo Chính trị tại Đại hội VIII, IX và cao hơn hẳn so với trong Báo cáo Chính trị tại Đại hội X, nội dung cũng phong phú hơn.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.12.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.12.

Đại hội XI là đại hội thể hiện quyết tâm rất cao của Đảng Cộng sản Việt Nam trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Báo cáo chỉ rõ: “Sự đoàn kết, nhất trí ở không ít cấp uỷ chưa tốt”, và “nguyên tắc tập trung dân chủ còn bị vi phạm, ảnh hưởng đến sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng”. Việc Đại hội XI nhấn mạnh quan điểm coi “đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc”, từ đó nhấn mạnh các giải pháp về chính trị tư tưởng, tổ chức, kiểm tra, giám sát... như trên là những điểm mới trong quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về đoàn kết trong Đảng, và trong đó, chúng ta cũng có thể thấy ra những dấu ấn đậm nét của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đại hội XII chỉ rõ: “Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách, bảo đảm các dân tộc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, giúp nhau cùng phát triển, tạo chuyển biến rõ rệt trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, tây duyên hải miền Trung. Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực và chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, người tiêu biểu có uy tín trong cộng đồng các dân tộc. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ở các cấp. Chống kỳ thị dân tộc; nghiêm trị những âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc”¹.

2. Về đại đoàn kết dân tộc

Trong bản Di chúc, Người đã đề ra các chính sách cụ thể đối với các tầng lớp nhân dân: Với đoàn viên thanh niên, “Đảng cần chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên”; Với người nông dân cần có chính sách miễn thuế nông nghiệp một năm; Với phụ nữ, “Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo”; Với thương binh, thân nhân gia đình thương binh liệt sỹ “Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn”. Và cả những nạn nhân của chế độ cũ như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu... “Nhà nước phải dùng vừa giáo dục, vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện”.

Thông qua những chính sách đó, Hồ Chí Minh đã quy tụ được sức mạnh toàn dân tộc, sức mạnh đó không chỉ từ những người ở “phía bên này” mà còn có cả những người ở “phía bên kia”, không bỏ sót bất kỳ ai miễn là những người Việt Nam yêu nước không có sự phân biệt đối xử. Đồng thời còn thể hiện tư tưởng nhân ái, độ lượng, bao dung mang đậm phong cách Hồ Chí Minh. Làm tốt được những việc nêu trên, Đảng ta sẽ hiện thực được điều mong muốn cuối cùng của Người: là toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

3. Về đoàn kết quốc tế

Trong quá trình tìm đường cứu nước, hoạt động và lãnh đạo cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thức được rằng trong xu thế mới của thời đại khi tiến hành cách mạng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.11.

giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản nhất thiết phải cần đến sức mạnh đoàn kết quốc tế. Từ thực tiễn hoạt động và lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho thấy, Người thường xuyên quan tâm, vun đắp cho tình đoàn kết quốc tế để làm sao chúng ta tranh thủ tới mức cao nhất sự ủng hộ của bạn bè quốc tế đối với cách mạng nước ta. Người chính là hình ảnh sáng ngời của tình đoàn kết quốc tế.

Thực tiễn lịch sử cho thấy, chúng ta có thể chiến thắng được những kẻ thù mạnh hơn ta nhiều lần là do dân tộc ta luôn biết đoàn kết đồng lòng, đồng thời còn có sự ủng hộ, đoàn kết của các dân tộc trên thế giới cả về sức người, sức của. Chính vì vậy, trong Di chúc của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: những thắng lợi mà nhân dân Việt Nam giành được không thể tách rời tình đoàn kết giúp đỡ của bạn bè quốc tế. Trên cơ sở đó, Người đã bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với các dân tộc anh em trên thế giới đã giúp đỡ nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và một trong những dự định đầu tiên sau khi chiến tranh kết thúc của Người là: “tôi sẽ thay mặt nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, và các nước bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta”¹. Đó chính là truyền thống tốt đẹp của nhân dân Việt Nam “ăn quả nhớ kẻ trồng cây” và Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân tốt đẹp nhất của truyền thống đó.

Người đã không quên “gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn và các cháu thanh niên, nhi đồng quốc tế” và hy vọng “Đảng ta, nhân dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”. Gần nửa thế kỷ trôi qua, những tư tưởng đại đoàn kết trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị. Trong bản Di chúc Người đã vạch ra quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam một cách khách quan, khoa học và cách mạng, vừa phát huy được sức mạnh đoàn kết trong đảng, đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, vừa phù hợp với tư duy của thời đại. Tư tưởng đoàn kết trong Di chúc của Người cho đến nay vẫn luôn tỏa sáng, soi đường cho dân tộc ta vững bước trên con đường phát triển vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh”.

Thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, 50 năm qua, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã phát huy cao độ vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc, luôn gắn đoàn kết trong đảng với đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế phát huy sức mạnh tổng hợp làm nên những thắng lợi to lớn trấn động địa cầu trong cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và những thắng lợi bước đầu của công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

Di chúc là tâm nguyện, tình cảm, ý chí, niềm tin, trách nhiệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh với Tổ quốc, nhân dân và sự nghiệp cách mạng. Di chúc là công trình lý luận về xây dựng và củng cố Đảng cầm quyền. Di chúc là tác phẩm bàn về xây dựng xã hội XHCN ở Việt Nam, là phác thảo lý luận sự nghiệp đổi mới ở nước ta./.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.15, tr.515.

TƯ TƯỞNG ĐOÀN KẾT CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH QUA BẢN DI CHỨC LỊCH SỬ

*ThS. Nguyễn Văn Linh**

Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ thiên tài, người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Suốt cuộc đời hoạt động của mình, mỗi quan tâm hàng đầu của Người là vấn đề đoàn kết nhằm tập hợp lực lượng, phát huy đến mức cao nhất sức mạnh dân tộc và sức mạnh quốc tế, vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Người luôn coi đoàn kết là vấn đề có *tính chiến lược*, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là nền tảng cho mọi thành công của cách mạng. Điều này được thể hiện nhất quán, xuyên suốt trong tư tưởng của Người, kể từ khi Người ra đi tìm đường cứu nước cho đến khi viết Di chúc cuối cùng để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta. Trong Di chúc, mặc dù không đề cập đến đoàn kết theo hệ thống những quan điểm cụ thể, nhưng khi nghiên cứu chúng ta thấy Người vẫn luôn quan tâm đến vấn đề có tính chiến lược này và được thể hiện ở ba nội dung lớn đó là: Đoàn kết trong Đảng, đoàn kết toàn dân và đoàn kết quốc tế.

Về đoàn kết trong Đảng

Trong Di chúc, Người dành phần “trước hết” và nhiều nhất nói về Đảng. Bởi theo Người, Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Người khẳng định: “Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”¹. Khi quan tâm đến xây dựng Đảng, Người đề cập trực tiếp và đặt lên hàng đầu đó là vấn đề đoàn kết trong Đảng. Phải chăng từ trong sâu thẳm tâm khảm của mình, Hồ Chí Minh đòi hỏi những người cộng sản Việt Nam phải luôn nhớ rằng nếu như cách mạng trước hết cần có Đảng, thì để đảm nhận được sứ mệnh lịch sử của mình, Đảng phải kết thành một khối thống nhất, chặt chẽ. Trong Di chúc, Hồ Chí Minh nêu lên hai quan điểm lớn có ý nghĩa phương pháp luận về vấn đề đoàn kết trong Đảng.

Thứ nhất, Hồ Chí Minh khẳng định vị trí, vai trò của đoàn kết trong Đảng đối với mọi thắng lợi mà nhân dân ta đã giành được.

Bản Di chúc viết năm 1965 Người đề cập: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”. Vấn đề đoàn kết trong Đảng mà Bác căn dặn ở đây, vừa khẳng định vị trí, vai trò, ý nghĩa của đoàn kết, nhưng đồng thời, cũng vừa chiếm vị trí quan trọng đối với toàn bộ công tác xây dựng Đảng. Vì theo Người, nhờ đoàn kết mà Đảng dồi dào sức chiến đấu, nhờ thống nhất mà Đảng có sức mạnh, đoàn kết là cội nguồn của thành công. Người cũng từng nhiều lần khẳng định: “Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta”²; “Đoàn kết là then

**Trường Chính trị tỉnh Quảng Nam*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.268.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.9, tr.145.

chốt của thành công”¹; “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”². Đoàn kết trong Đảng là cơ sở, là điều kiện để xây dựng, củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế. Nhận thức rõ ý nghĩa sống còn của vấn đề đoàn kết trong Đảng, nên một lần nữa Người nhấn mạnh và yêu cầu: “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”. Có thể nói, với mỗi con người, con mắt là tài sản quan trọng nhất, bởi lẽ lâu nay người ta thường quan niệm “giàu đôi con mắt”. Sự nhấn mạnh cuối cùng ở mức khái quát nhất, mạnh mẽ nhất cho thấy Hồ Chí Minh ý thức sâu sắc hơn ai hết tầm quan trọng đặc biệt của việc xây dựng khối đoàn kết trong Đảng.

Thứ hai, điều quan trọng hơn, Hồ Chí Minh đặt ra những yêu cầu và giải pháp để có được khối đoàn kết chặt chẽ trong Đảng.

Để tạo lập được khối đoàn kết thống nhất trong Đảng, Người đòi hỏi và yêu cầu những người cộng sản và các tổ chức Đảng phải thực hiện các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, phải làm cho Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh. Người căn dặn: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình”. Người coi đây là “cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng”; đồng thời, “phải có tình đồng chí yêu thương lẫn nhau”. Đoạn viết “phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau” được Người viết thêm, sau khi toàn bộ bản Di chúc viết ngày 15/5/1965 đã được đánh máy. Chỉ một câu bổ sung ngắn gọn, khái quát, nhưng suy cho cùng đó là *điểm cơ bản nhất* của vấn đề đoàn kết. Bởi theo Người nếu không xuất phát từ “tình đồng chí thương yêu lẫn nhau” thì dù có “tự phê bình và phê bình” đến mấy, dù được gọi là “có tinh thần đấu tranh thẳng thắn” đến mấy, hiệu quả cũng chẳng là bao. Đoạn viết bổ sung này cho thấy Hồ Chí Minh rất coi trọng tình cảm giai cấp và tình đồng chí trong Đảng, coi đó là nhân tố quan trọng để đoàn kết trong Đảng, nhưng đồng thời, cũng cho thấy sự nhất quán trong triết lý sống mà Hồ Chí Minh thường nêu lên là sống với nhau có lý, có tình.

Về đoàn kết toàn dân

Theo Hồ Chí Minh, đoàn kết trong Đảng và đoàn kết toàn dân có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Người từng chỉ rõ: “...chỉ đoàn kết trong Đảng, cách mạng cũng không thành công được, còn phải đoàn kết nhân dân cả nước”³. Vì sức mạnh của Đảng không phải chỉ ở tổ chức Đảng, ở từng người đảng viên, mà quan trọng hơn là củng cố được mối liên hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân. Có như vậy Đảng mới có đủ năng lực và làm trọn sứ mệnh lịch sử vẻ vang của mình. Người đánh giá rất cao sức mạnh của nhân dân, nhưng theo Người sức mạnh đó chỉ phát huy được khi quần chúng nhân dân được tập hợp trong một tổ chức, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Người cũng từng đề cập: nhờ sự đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của một đảng tiên phong mà sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta đã giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Tuy nhiên, cũng cần nhận thức rõ thêm, sức mạnh của toàn thể dân tộc Việt Nam không chỉ là phép tính đơn giản của sự đoàn kết trong Đảng cộng với khối đoàn kết những người ngoài Đảng, mà đó chính là sức mạnh tổng hợp của sự đoàn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.186.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.349.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.278.

kết, sự gắn bó máu thịt giữa Đảng với dân. Theo Hồ Chí Minh, tương lai của đất nước, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được quyết định bởi chính sự đoàn kết trong Đảng và kết hợp với đoàn kết toàn dân. Vì lẽ đó, những dòng Di chúc cuối cùng Người viết ra với một tâm nguyện: “Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”.

Về phương thức để thực hiện đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh đề cập đến hai vấn đề:

Trước tiên, trong điều kiện Đảng cầm quyền, muốn thực hiện đoàn kết toàn dân cần phải giải quyết hài hòa lợi ích giai cấp, đáp ứng lợi ích thiết thực cho nhân dân, Hồ Chí Minh gọi đó là “công việc đối với con người”.

Trong Di chúc, Người căn dặn khá cụ thể, tỉ mỉ. Đó không chỉ là việc đền ơn đáp nghĩa đối với thương binh, gia đình liệt sĩ mà còn là lựa chọn những người đã trực tiếp chiến đấu ngoài mặt trận đưa đi đào tạo, bồi dưỡng để họ trở thành “đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta”. Đối với những người ở hậu phương, như công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ thì cần phải có những chính sách phù hợp để họ ổn định cuộc sống, đồng thời, phải biết phát huy họ, để họ tiếp tục làm “cuộc chiến khổng lồ” chống lại nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng xã hội mới tốt đẹp. Còn đối với nông dân, lực lượng cách mạng đông đảo nhất, luôn trung thành với Đảng và Chính phủ, chịu nhiều khó khăn, gian khổ trong cách mạng cũng như trong kháng chiến, Người đề nghị Chính phủ, khi sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước toàn thắng hãy “miễn thuế nông nghiệp 1 năm cho hợp tác xã nông nghiệp để cho đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất”. Đây không chỉ là sự quan tâm đối với lực lượng cách mạng đông đảo nhất, mà còn là giải pháp thích hợp Người đề ra nhằm tiếp tục tạo động lực thúc đẩy phong trào cách mạng, biến chủ nghĩa anh hùng của người nông dân trong chiến đấu thành tinh thần phấn khởi, niềm say mê trong xây dựng đất nước khi hòa bình.

Điều quan trọng hơn, để thực hiện đoàn kết rộng rãi mọi lực lượng “không để sót một người dân nào” cần phải có lòng khoan dung, độ lượng, tin vào nhân dân, tin vào con người.

Theo Hồ Chí Minh, trong mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng đều có những ưu, nhược điểm. Cho nên, vì lợi ích của cách mạng phải có lòng khoan dung, độ lượng, trân trọng cái phần thiện dù là nhỏ nhất ở mỗi con người mới có thể tập hợp, quy tụ rộng rãi mọi lực lượng. Người đã từng nói: trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều là dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ, ta phải nhận thức rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối, lầm đường, ta phải dùng tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc chắn vẻ vang¹. Vì lẽ đó, trong Di chúc Người căn dặn: “Đối với những nạn nhân của chế độ cũ, như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu, v.v., thì Nhà nước phải vừa giáo dục, vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện”. Đây không chỉ là những chỉ dẫn quý báu, những phương thức giúp chúng ta thực hiện đoàn kết dân tộc mà còn thể hiện sâu sắc tư tưởng bao dung, nhân văn Hồ Chí Minh.

Về đoàn kết quốc tế

Từ thực tiễn hoạt động cách mạng sinh động và với phong cách tư duy biện chứng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.280-281.

đầy tính khoa học, Hồ Chí Minh đã nhận định rất rõ vai trò của cách mạng thế giới đối với cách mạng Việt Nam và mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, Người khẳng định: “Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới”¹; sự đoàn kết, ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân tiên bộ thế giới có ý nghĩa quan trọng đối với thắng lợi của cách mạng Việt Nam; ngược lại, thắng lợi của cách mạng Việt Nam sẽ góp phần tích cực đối với sự nghiệp cách mạng thế giới. Người cũng từng đề cập: cách mạng Việt Nam muốn giành lấy thắng lợi, đòi hỏi cần phải phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, phải thực hiện cho được khối đại đoàn kết toàn dân tộc; nhưng, muốn giành lấy thắng lợi hoàn toàn, cách mạng Việt Nam nhất thiết phải gắn kết mật thiết với cách mạng thế giới, thực hiện trên thực tế sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Nhận thức về tầm quan trọng của cách mạng thế giới nên trong Di chúc, Người dự định đến ngày chiến thắng “sẽ thay mặt nhân dân đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa và bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ cuộc chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta”.

Trước khi qua đời, điều Người băn khoăn, day dứt nhất là sự bất hòa trong phong trào cộng sản quốc tế. Người tự sự: “Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hòa hiện nay giữa các đảng anh em”. Đây chính là một hình thức gián tiếp, Người gửi tới những người cộng sản chân chính trên thế giới quan điểm và trách nhiệm của mình về sự đoàn kết quốc tế của những người cộng sản. Với tinh thần quốc tế trong sáng, trong Di chúc Người không bày tỏ nhận xét đúng sai với người này, người khác hay tổ chức này, tổ chức khác, mà Người mong muốn Đảng ta phải có trách nhiệm đối với sự bất hòa ấy, Người viết: “Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đặc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình”. Lời nhắc nhở này của Bác không chỉ là sự thể hiện tâm huyết, tình cảm, trách nhiệm của một vị lãnh tụ cách mạng, một chiến sĩ cộng sản quốc tế; mà còn thể hiện rõ tư tưởng của Người về nguyên tắc trong quan hệ giữa các đảng cộng sản và công nhân quốc tế để tạo nên sức mạnh chung cho cách mạng thế giới và mỗi quốc gia, dân tộc.

Nghiên cứu tư tưởng đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh qua bản Di chúc lịch sử, điều chúng ta thấy có giá trị ý nghĩa nhất là Người đã rút ra bài học có tính chiến lược đối với cách mạng Việt Nam đó là: muốn cách mạng thành công nhất thiết phải có Đảng lãnh đạo với sự đoàn kết, thống nhất và đường lối đúng đắn sáng tạo; cần phải đoàn kết toàn dân trong Mặt trận dân tộc thống nhất, và phải dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân; đồng thời, phải có sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân tiên bộ trên thế giới. Kế thừa, vận dụng, phát triển tư tưởng trên của Người và qua thực tiễn xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội một lần nữa Đảng ta khẳng định: “Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Đó là truyền thống quý báu và là nguồn sức mạnh to lớn của cách mạng nước ta”². Tất cả điều đó là minh chứng cho những giá trị và sức sống trường tồn của tư tưởng đoàn kết mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập trong Di chúc cách đây 50 năm./.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.301.

2. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.66.

ĐOÀN KẾT XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG QUỐC GIA DÂN TỘC THỐNG NHẤT THEO DI CHỨC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*PGS.TS. Nguyễn Thị Quế Loan**

1. Mở đầu

Bản Di chúc được Chủ tịch Hồ Chí Minh viết năm 1965 trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta đang trong giai đoạn ác liệt. Từ khi bắt đầu viết đến năm 1969, bản Di chúc đã nhiều lần được Bác chỉnh sửa, bổ sung và viết lại. Tháng 9/1969, lần đầu tiên bản Di chúc được công bố trong Lễ tang của Người. Tuy nhiên, vì những lý do nhất định, một số vấn đề trong Di chúc chưa được công bố hết. Năm 1989, trong dịp Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) đã công bố toàn bộ bản Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

50 năm kể từ khi công bố lần đầu, Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn là văn kiện có giá trị quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Tư tưởng của Người trong Di chúc là sự tổng kết lý luận và thực tiễn về sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc Việt Nam; khẳng định niềm tin vào việc giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Thực hiện Di chúc của Người, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, năm 1975, Việt Nam đã giành được toàn vẹn lãnh thổ, tạo cơ sở vững chắc cho công cuộc xây dựng cộng đồng quốc gia dân tộc hiện đại thống nhất.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vài nét về cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam

Trong tiếng Việt, thuật ngữ dân tộc được dùng với hai nghĩa tùy theo bối cảnh cụ thể: i) Dân tộc với hàm ý chỉ các tộc người của một quốc gia (Ethnicity/Ethnicgroup) (ví dụ: dân tộc Tày, dân tộc Nùng,...; nước Việt Nam có 54 dân tộc) - cách dùng này mang tính phổ biến kể cả trong văn bản hành chính nhà nước; ii) Dân tộc chỉ cộng đồng người ổn định hợp thành nhân dân một nước hay còn gọi là quốc gia dân tộc (Nation) (chẳng hạn, dân tộc Việt Nam, dân tộc Lào, dân tộc Thái Lan,...). Theo nghĩa này, dân tộc gồm các tộc người và nhóm xã hội khác nhau, có chung lãnh thổ quốc gia, có chung lợi ích, có quốc ngữ và được quản trị bởi một nhà nước. Cộng đồng quốc gia dân tộc được hình thành dựa trên các yếu tố cơ bản sau: i) Có chung một lãnh thổ, có một biên giới được xác định; ii) Dưới sự quản trị của một nhà nước được thế giới công nhận; iii) Có chung một nền văn hóa.

Trước năm 1975, dân tộc Việt Nam trải qua nhiều biến động lịch sử. Thời kỳ thực dân Pháp đô hộ (1858-1945), với mục đích chia để trị, Pháp chia Việt Nam thành ba kỳ với chế độ cai trị khác nhau: Xứ Nam Kỳ là thuộc địa; xứ Trung Kỳ “bảo hộ”- triều đình nhà Nguyễn cai trị song thực chất là bù nhìn; xứ Bắc Kỳ “nửa bảo hộ”, tại nhiều địa phương ở

**Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên*

miền Bắc như Cao Bằng, Lạng Sơn, Hòa Bình, Hà Giang, Lai Châu,... thực dân Pháp cho phép dòng họ quý tộc là lãnh chúa của địa phương và thực hiện chế độ cai trị cha truyền con nối.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, thực dân Pháp quay lại xâm lược Việt Nam một lần nữa. Pháp lập các xứ tự trị: Thái, Mường và Nùng. Tại những xứ tự trị này, việc cai trị dựa theo phong tục, tập quán của địa phương, đồng thời các xứ còn thành lập lực lượng binh lính riêng.

Năm 1954, Mỹ xâm lược Việt Nam và dựng chính quyền thân Mỹ ở miền Nam. Dưới sự tác động của người Mỹ với chiêu thức chia để trị, chính quyền Sài Gòn một mặt tạo nên sự đối lập về tộc người và dân tộc với nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, mặt khác đàn áp các phong trào yêu nước ở đồng bằng, miền núi và vùng dân tộc, gây nên sự mâu thuẫn trong cộng đồng các tộc người.

Năm 1975, miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất về lãnh thổ, chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và quản trị của Nhà nước Việt Nam, cộng đồng quốc gia dân tộc đã có bước phát triển mới.

2.2. Xây dựng cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam thống nhất

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, từ khi thành lập cho đến giai đoạn hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định giải quyết vấn đề dân tộc đúng đắn là nhiệm vụ có tầm chiến lược quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng để xây dựng cộng đồng quốc gia dân tộc thống nhất. Trên cơ sở kế thừa, phát huy những mặt tích cực trong chính sách dân tộc của các triều đại trước, đứng trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và dựa vào đặc điểm cụ thể của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, Đảng ta đã thực hiện xây dựng cộng đồng quốc gia dân tộc trên nguyên tắc: Đoàn kết, bình đẳng và giúp nhau cùng phát triển.

2.2.1. Đoàn kết tạo nên sức mạnh, thống nhất lãnh thổ, chính trị, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền của Tổ quốc

Đoàn kết là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Theo Người, “Đoàn kết là một lực lượng vô địch của chúng ta để khắc phục khó khăn, giành lấy thắng lợi”¹; Hồ Chủ tịch nhấn mạnh: “Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều là dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ, ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối, lầm đường, ta phải dùng tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc chắn vẻ vang”². “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công”³ đã trở thành phương châm hành động của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong suốt chặng đường lịch sử. Trước khi qua đời, Bác đã dành hết tâm huyết căn dặn lại các thế hệ mai sau về vấn đề đoàn kết. Hồ Chí Minh viết: “Đoàn kết là một truyền thống cực kì quý báu của Đảng và nhân dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.9, tr. 177.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr. 280-281.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.13, tr. 119.

các chi bộ cần giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”¹.

Thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh và làm theo Di chúc của Bác, Đảng và Nhà nước giương cao ngọn cờ đại đoàn kết, coi đó là nguyên tắc quan trọng nhất trong xây dựng cộng đồng quốc gia - dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Việt Nam một lòng đoàn kết, anh dũng chiến đấu 30 năm chống hai đế quốc lớn là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Đến năm 1975, chúng ta đã thống nhất được lãnh thổ (điều kiện tiên quyết để xây dựng cộng đồng quốc gia dân tộc).

Cùng với sự thống nhất về lãnh thổ, sự thống nhất về chính trị của cộng đồng quốc gia dân tộc cũng được xác lập. Năm 1976, trong bối cảnh đất nước hòa bình, các Khu tự trị Việt Bắc cho đồng bào Tày, Nùng và một số dân tộc cộng cư; Khu tự trị Tây Bắc cho đồng bào Thái, Hmông và một số dân tộc khác xây dựng năm 1954 được giải thể. Cho đến nay, dưới sự quản trị của nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hệ thống chính trị càng thống nhất cao trong cả nước. Điều 2 Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 28/11/2013) khẳng định vai trò của Nhà nước “1. Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; 2. Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức; 3. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”². Hệ thống hành chính 4 cấp (Trung ương, tỉnh/thành phố, huyện/quận và xã/phường) có các tổ chức Đảng, đoàn thể chính trị theo cấp hành chính tương ứng. Ở cấp thôn/bản vùng dân tộc thiểu số có già làng và người có uy tín.

Như vậy, thấm nhuần tư tưởng của Bác “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công”, Đảng Cộng sản Việt Nam đã quy tụ được quần chúng nhân dân, tạo nên sức mạnh để thống nhất đất nước về lãnh thổ, về chính trị, tạo cơ sở cho sự thống nhất về ngôn ngữ, văn hóa, giữ vững sự ổn định và phát triển của cộng đồng quốc gia dân tộc.

2.2.2. Thống nhất về văn hóa quốc gia

Ngay từ năm 1943, Hồ Chí Minh đã đưa ra quan điểm của mình về văn hóa: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng với những nhu cầu của đời

1. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, trên trang <http://baochinhphu.vn/45-nam-thuc-hien-Di-chuc-Bac-Ho/Toan-van-Di-chuc-cua-Chu-tich-Ho-Chi-Minh/206578.vgp>, truy cập ngày 27/4/2019.

2. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, trên trang <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nam-2013-215627.aspx>, truy cập ngày 25/4/2019.

sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”¹. Từ nhận thức tầm quan trọng của văn hóa chính là vì sự sinh tồn, nên Hồ Chí Minh luôn đề cao văn hóa dân tộc, coi văn hoá là tinh hoa của dân tộc.

Trong Báo cáo Chính trị trình tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (từ ngày 11- 19/2/1951), Hồ Chí Minh đã chỉ rõ cách mạng Việt Nam phải đạt được mục tiêu cơ bản trong lĩnh vực văn hóa: “Tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc. Đồng thời phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ cái mới của văn hóa tiên bộ thế giới, để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng”². Trong Di chúc, Người căn dặn “Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*”³.

Tư tưởng của Hồ Chí Minh về văn hóa là cơ sở để Đảng đề ra các chủ trương, chính sách xây dựng và phát triển văn hoá Việt Nam. Từ đặc điểm Việt Nam là quốc gia đa tộc người, mỗi tộc người đều có đặc trưng văn hóa của riêng mình, bởi vậy, mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn nhất quán quan điểm xây dựng nền văn hóa Việt Nam “Thống nhất trong đa dạng”. Sự thống nhất văn hóa quốc gia được chúng tôi xem xét ở yếu tố chủ yếu như ý thức quốc gia - dân tộc (với các thành tố: ngôn ngữ quốc gia, biểu tượng quốc gia - dân tộc và thiết chế văn hóa cơ sở). Sự thống nhất này không làm ảnh hưởng tới đa dạng văn hóa của các tộc người ở Việt Nam.

Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp của con người. Đối với quốc gia đa tộc người, xác định ngôn ngữ quốc gia là một hiện tượng phổ biến cho mọi quốc gia nhằm xoá bỏ hàng rào ngăn cách về ngôn ngữ, việc chế định/hiển định ngôn ngữ quốc gia là một công cụ của Nhà nước để điều hành xã hội. Mặt khác, xác định ngôn ngữ quốc gia còn thể hiện ý thức quốc gia thống nhất.

Ở Việt Nam, tiếng Việt (còn gọi là tiếng Việt Nam, Việt ngữ) là tiếng mẹ đẻ của khoảng 85% dân cư. Mặc dù sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, các văn bản được Nhà nước ban hành đều sử dụng tiếng Việt, song chỉ đến khi Hiến pháp năm 2013 được ban hành và có hiệu lực thì tiếng Việt mới được chính thức ghi nhận trong hiến pháp là ngôn ngữ quốc gia của Việt Nam “Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình”⁴ (Chương 1, Điều 5, khoản 3). Việc hiến định là “ngôn ngữ quốc gia” đã khẳng định vị thế của tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ giao tiếp chung của quốc gia, phát huy tác dụng trong tăng cường giao lưu kinh tế, văn hoá, khoa học – kỹ thuật giữa các tộc người, các vùng miền.

Ý thức quốc gia - dân tộc còn được thể hiện ở việc tiếp nhận các biểu tượng của quốc gia – dân tộc như quốc kỳ, quốc ca, lãnh tụ, thủ đô của đất nước, biên giới quốc gia..., đây chính là cơ sở cho sự thống nhất của các tộc người trong quốc gia đa dân tộc.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr. 431.

2. Hồ Chí Minh: *Vì độc lập, tự do vì chủ nghĩa xã hội*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 117-118.

3. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Đã dẫn.

4. *Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Đã dẫn.

Sau khi miền Nam được giải phóng, tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI- Quốc hội thống nhất đất nước đầu tiên (từ ngày 24/6 đến ngày 3/7/1976) đã ra quyết nghị : “1) Việt Nam là một nước độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa lấy tên là nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam; 2) Quốc kỳ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam màu đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh; 3) Quốc huy nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam hình tròn, màu đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh, chung quanh có bông lúa, ở dưới có nửa bánh xe răng cưa và dòng chữ “Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam”; 4) Thủ đô nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Hà Nội; 5) Quốc ca nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Tiến quân ca”¹.

Năm 2013, Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (ngày 28/11/2013) tiếp tục khẳng định trong Điều 13 “1) Quốc kỳ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam hình chữ nhật, chiều rộng bằng hai phần ba chiều dài, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh; 2) Quốc huy nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam hình tròn, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh, xung quanh có bông lúa, ở dưới có nửa bánh xe răng cưa và dòng chữ Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam; 3) Quốc ca nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhạc và lời của bài Tiến quân ca; 4) Quốc khánh nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là ngày Tuyên ngôn độc lập 2 tháng 9 năm 1945; 5) Thủ đô nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Hà Nội”².

Cùng với việc tiếp nhận các biểu tượng của quốc gia dân tộc đặt nền móng cho sự thống nhất ý thức quốc gia dân tộc, đề hoạt động văn hóa của cơ sở được định chế và có tính thống nhất trong toàn quốc, các phong trào: “Đời sống mới” (năm 1961); xây dựng “Gia đình văn hóa”, “Làng văn hóa” (năm 1991); “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư » (năm 1995); “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” (năm 2000) được phát động toàn quốc. Ngày 12/1/1998, Bộ Chính trị khóa VIII ban hành Chỉ thị 27-CT/TW về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Ngày 23/6/2006, Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) đã ban hành Quyết định số 62/2006/QĐ-BVHTT về Quy chế công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”. Nếp sống văn hóa mới do Nhà nước quy định đã tạo nên sự thống nhất trong thực hành một số khía cạnh văn hóa của các tộc người, qua đó, hạn chế và loại bỏ những hủ tục trong việc cưới xin, tang ma, lễ hội, giữ gìn vệ sinh làng xóm,... Các yếu tố của văn hóa quốc gia như sống theo pháp luật, ý thức về quốc gia - dân tộc có điều kiện thấm sâu vào đời sống người dân ở mọi vùng miền.

3. Kết luận

Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho Đảng, nhân dân và dân tộc ta hệ thống di sản vô cùng quý báu. Đặc biệt, trong bản Di chúc lịch sử được Bác nghiên ngẫm trong suốt bốn năm (1965 - 1969) đã chất lọc tình cảm, suy nghĩ, những điều căn dặn của Người về sự nghiệp

1. *Nghị quyết Kỳ họp thứ nhất (từ ngày 24/6 đến ngày 3/7/1976) Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VI về tên nước, quốc kỳ, quốc huy, thủ đô, quốc ca, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, phong Quốc hội, hồ sơ 2306, tờ 01, 02.*

2. *Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Đã dẫn.*

cách mạng của Đảng và của dân tộc Việt Nam; khẳng định niềm tin vào sự thống nhất đất nước, Nam - Bắc sum họp một nhà. Thực hiện Di chúc của Người, 50 năm qua “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”¹,

Trong bối cảnh hiện nay, khi vấn đề lịch sử tộc người và lãnh thổ quốc gia thường bị các thế lực thù địch xuyên tạc để chia rẽ khối đại đoàn kết quốc gia dân tộc, thì những lời di huấn của trong Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh càng có ý nghĩa lịch sử và thời đại sâu sắc, trở thành kim chỉ nam cho mọi quyết sách của Đảng trong việc xây dựng cộng đồng quốc gia dân tộc thống nhất.

Để bảo vệ, xây dựng và phát triển cộng đồng quốc gia dân tộc, Đảng và Nhà nước cần tiếp tục thực hiện thấu triệt nguyên tắc “Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển”², bởi ý thức về quốc gia dân tộc chỉ bền chặt khi các tộc người được bình đẳng về lợi ích, cùng đoàn kết xây dựng, bảo vệ đất nước./.

1. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Đã dẫn.

2. *Điều 5, Khoản 2, Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Đã dẫn.

THỰC HÀNH DÂN CHỦ THEO DI CHỨC HỒ CHÍ MINH

ThS. Lại Văn Nam*

1. Mở đầu

Trong tiến trình lịch sử nhân loại, sự phát triển của xã hội không chỉ được đánh dấu bằng sự phát triển của đời sống vật chất mà còn được khẳng định bởi các giá trị tinh thần; không chỉ được biểu hiện bởi sự phát triển của kinh tế mà còn được khẳng định bởi các thành tựu trong lĩnh vực chính trị, văn hóa, xã hội... trong đó vấn đề dân chủ là một trong những vấn đề quan trọng đối với sự phát triển và tiến bộ của xã hội.

Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam, trước lúc ra đi người đã để lại cho chúng ta một di sản vô giá là bản *Di chúc*. Di chúc không chỉ là tâm nguyện, tình cảm, niềm tin, trách nhiệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh với Tổ quốc, nhân dân và sự nghiệp cách mạng mà còn là một văn kiện có giá trị vô cùng to lớn đối với quá trình cách mạng và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trên nhiều phương diện. Những nội dung cơ bản, những quan điểm của tư tưởng Hồ Chí Minh đã vạch ra phương hướng phát triển cho cách mạng Việt Nam trong quá khứ, hôm nay và mãi mãi về sau, trong đó phải kể đến lời dặn của Người về thực hành dân chủ trong Đảng. Việc nghiên cứu Di chúc Hồ Chí Minh về thực hành dân chủ trong Đảng không chỉ giúp chúng ta hiểu được mong mỏi của Bác, khát vọng lớn lao của Bác về xây dựng một Đảng đạo đức, văn minh mà còn là ngọn đèn để mỗi cán bộ, đảng viên, giảng viên, viên chức trong các trường đại học rút ra được những bài học bổ ích và phương hướng hành động trong thực tiễn công tác.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ và lời căn dặn thực hành dân chủ trong trong Di chúc

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp cách mạng, tùy vào hoàn cảnh, tùy vào trình độ người nghe, người tiếp thu và thực hành dân chủ mà Hồ Chí Minh có cách tiếp cận và định nghĩa khác nhau về dân chủ cũng như nhà nước dân chủ, tuy nhiên, tựu trung lại theo Người: “Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là người chủ”¹. Hay Người nói: “Nhà nước ta là dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”²; “Các cơ quan của chính phủ từ toàn quốc cho đến làng, đều là công bộc của nhân dân, nghĩa là gánh vác việc chung cho dân, chứ không phải là đẽ đề đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật”³. Vì vậy Người căn dặn cán bộ: “Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì có hại đến dân ta phải hết sức tránh, chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính

**Trường Đại học Tài chính - Marketing*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 2011, t. 9, tr.12.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 2011, t.7, tr.434.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 2011, t.4, tr.9.

ta”¹. Còn đối với Đảng, Người nhất quán khẳng định: “Đảng ta là đảng cách mạng. Ngoài lợi ích của nhân dân, Đảng ta không có lợi ích gì khác”².

Dân chủ đối với Hồ Chí Minh không chỉ là lý luận, là các học thuyết mà còn là lẽ sống, mỗi suy nghĩ, mỗi hành động ở mọi thời khắc trong cuộc đời Người luôn theo đuổi và sống vì dân, tôn trọng nhân dân, tôn trọng con người. Thậm chí trước lúc ra đi, người không để lại của cải, hay thứ gì cho cá nhân, người thân của mình mà trong bản Di chúc thiêng liêng, Người đã thể hiện sự tận tụy, hiến dâng cả cuộc đời cho nhân dân, cho cách mạng. Trong các lời tâm huyết sau cùng ấy, Người căn dặn phải “*Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau*”³.

Thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là biện pháp quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Sức mạnh của Đảng bắt nguồn từ sự đoàn kết nhất trí. Nếu đoàn kết thống nhất trong Đảng là vấn đề quan trọng hàng đầu thì cách tốt nhất để phát triển sự đoàn kết thống nhất ấy là phải thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng và trong nhân dân, trong việc xây dựng, ban hành các chỉ thị, nghị quyết, chính sách. Để thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng, khi xây dựng các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, trong tổ chức thực tiễn cuộc sống, công tác của các đoàn thể quần chúng, các cấp bộ đảng cần lấy ý kiến rộng rãi của cán bộ, đảng viên. Trong sinh hoạt Đảng phải bảo đảm thực sự dân chủ, công khai, cởi mở, bình đẳng giữa cấp trên và cấp dưới, thực hiện dân chủ trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa..., kết hợp hài hoà giữa dân chủ gián tiếp và dân chủ trực tiếp, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Trong thực hiện dân chủ rộng rãi, cần khắc phục tệ quan liêu, gia trưởng, mệnh lệnh, cửa quyền, độc đoán, coi thường ý kiến người khác, dân chủ hình thức; đồng thời cũng phải ngăn chặn tình trạng lợi dụng dân chủ để gây rối, vô tổ chức, vô kỷ luật, tự do vô chính phủ.

Để giữ gìn uy tín của Đảng, việc tự phê bình và phê bình trong nội bộ Đảng là yếu tố giữ vai trò quyết định. Tự phê bình và phê bình sẽ giúp cho cán bộ, đảng viên nhìn rõ ưu điểm và khuyết điểm của bản thân, từ đó có những giải pháp để sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm. Tự phê bình và phê bình chỉ phát huy hiệu quả khi được thực hiện trên cơ sở đề cao dân chủ trong Đảng. Tổ chức đảng và đảng viên của Đảng phải nghiêm túc tự phê bình và phê bình. Trong phê bình phải có thái độ khách quan, trung thực, chân thành, thẳng thắn, có lý có tình, có trách nhiệm giữa những người cùng chung lý tưởng, cùng chung chí hướng, phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau. Tuy nhiên, cũng phải nghiêm khắc với tình trạng lợi dụng phê bình để đả kích, bôi nhọ, mạ sát đồng chí mình, gây mất đoàn kết nội bộ. Muốn lãnh đạo được quần chúng, cán bộ lãnh đạo phải nghiêm túc tự phê bình, tiếp thu ý kiến phê bình của cấp dưới, của đồng chí mình một cách chân thành với tinh thần cầu thị; đồng thời phải động viên cấp dưới và quần chúng mạnh dạn tham gia phê bình tổ chức Đảng và đảng viên. Chỉ có một đảng dám mạnh dạn tự phê bình và phê bình mới có khả năng tập hợp, đoàn kết được đông đảo quần chúng dưới ngọn cờ của Đảng nhằm thực hiện

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 2011, t.4, tr.65.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 2011, t.3, tr.447.

3. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2006, tr. 58.

thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng.

Phải thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng thì mới có được sự đồng lòng, đồng sức để phát huy sức mạnh tập thể trong việc thực thi nhiệm vụ cách mạng. Chính dân chủ sẽ góp phần giúp cho cán bộ, đảng viên tránh được sai lầm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo nhất là trong bối cảnh Đảng ta trở thành đảng cầm quyền.

2.2. Đảng Cộng sản Việt Nam thực hành dân chủ theo lời căn dặn của Bác

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin và dưới sự rèn luyện, dẫn dắt của Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn nhận thức rõ vai trò to lớn của dân chủ đối với sự nghiệp cách mạng nói chung và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc nói riêng. Vì vậy, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn quan tâm đến việc thực hiện dân chủ hóa đời sống xã hội ở các phương diện khác nhau. Trong hơn tám mươi năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn coi dân chủ là bản chất của Đảng, là mục tiêu và lý tưởng phấn đấu của dân tộc, ngày càng nhận thức đầy đủ và rõ hơn về vai trò của dân chủ cũng như thực thi dân chủ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Trong văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, Đại hội của đổi mới, của bước ngoặt về thực thi dân chủ đã khẳng định: “Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “Lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động”¹. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII tiếp tục khẳng định đường lối cách mạng *Lấy dân làm gốc* là đường lối đúng đắn và tiếp tục được bổ sung và vận dụng vào điều kiện mới của cách mạng Việt Nam. Đại hội VIII của Đảng (năm 1996), khẳng định: “Mục tiêu chủ yếu của đổi mới hệ thống chính trị là nhằm thực hiện tốt dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Bài học lớn là dân chủ nhất thiết phải đi đôi với kỷ luật, kỷ cương”².

Tiếp tục tinh thần của Đại hội IX, Đại hội X của Đảng khẳng định: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân”³. Để thực hành dân chủ, Đảng ta chủ trương phải hoàn thiện, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; không ngừng củng cố, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tăng cường sự đồng thuận xã hội; tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Xây dựng một xã hội dân chủ, trong đó cán bộ, đảng viên và công chức phải thực sự là công bộc của nhân dân. Xác định các hình thức tổ chức và có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền dân chủ trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội.

Đại hội XII tiếp tục nhấn mạnh việc thực hành dân chủ đề: “Quyền làm chủ của nhân dân được phát huy ngày càng tốt hơn trong các lĩnh vực của đời sống xã hội bằng dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp. Nhiều cấp ủy, chính quyền đã lắng nghe, tăng cường tiếp xúc, đối thoại với nhân dân, tôn trọng các ý kiến khác nhau”⁴.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.29.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1996, tr.71.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Sự thật, Hà Nội, 2006, tr.125.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.167.

Chính nhờ lãnh đạo theo đường lối dân chủ và đặc biệt phát huy sức mạnh của toàn thể nhân dân cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, dân tộc Việt Nam từ kiếp nô lệ bước lên kỷ nguyên độc lập, đất nước Việt Nam từ việc không có tên trên bản đồ thế giới đã được bạn bè năm châu biết đến và ủng hộ, đời sống nhân dân được thăng tiến.

Thực hiện Di chúc của Người, trải qua 9 kỳ Đại hội Đảng, kể từ Đại hội IV đến Đại hội XII, Đảng ta đã ngày càng xác định rõ hơn những quan niệm về chủ nghĩa xã hội và về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Thực hiện đường lối đổi mới toàn diện, Đảng ta luôn coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, đồng thời ra sức xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực của phát triển kinh tế - xã hội.

Công cuộc đổi mới đất nước sau hơn 30 năm đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Kinh tế tăng trưởng khá, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành, phát triển. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường. Văn hóa - xã hội có bước phát triển; bộ mặt đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi. Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng. Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên; độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững. Quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

Những thành tựu đó tạo tiền đề quan trọng để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm tới; khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử.

2.3. Đảng viên, giảng viên, viên chức các trường đại học thực hành dân chủ theo Di chúc của Bác

Việc thực hành đường lối dân chủ của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh hết sức đặc biệt, đặc biệt ở chỗ xuất phát điểm từ một nước bị đô hộ, trình độ dân trí còn thấp, vừa kháng chiến vừa kiến quốc, thậm chí sau khi đất nước được thống nhất khi hậu quả của chiến tranh còn nặng nề, chịu cảnh bao vây cấm vận, dân tộc ta lại phải đương đầu với hai cuộc chiến tranh biên giới bảo vệ Tổ quốc. Chính trong bối cảnh đặc biệt ấy, bên cạnh những thành tựu to lớn về dân chủ mà chúng ta đạt được thì cũng tồn tại rất nhiều hạn chế, vẫn còn có nơi cán bộ đảng viên xa dân, quan liêu, thậm chí mất dân chủ.

Như đã trình bày ở trên, do tính đặc thù của cách mạng Việt Nam, thực hiện *Lý luận cách mạng không ngừng*, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, do điều kiện chiến tranh, do trình độ dân trí... dân chủ có nơi, có chỗ chưa thực hiện đầy đủ như mục tiêu đề ra. Đặc biệt, trong bối cảnh hội nhập hiện nay, nhất là bối cảnh phát triển mạnh mẽ của Internet, của mạng xã hội, khi người dân có điều kiện để nắm bắt thông tin đa chiều, nhiều nguồn

một mặt đem lại cơ hội để người dân phát huy tinh thần làm chủ của mình mặt khác đặt ra những thách thức to lớn trong việc chọn lọc thông tin, định hướng dư luận đối với các vấn đề của đời sống xã hội, nhất là những vấn đề về dân chủ và nhân quyền. Tác động tích cực của hội nhập của Internet, của mạng xã hội là rất lớn đối với việc thực thi quyền dân chủ của người dân. Những thành tựu liên quan đến việc chống tham nhũng, chống tiêu cực cũng như lan tỏa các gương điển hình về thực thi dân chủ và tiến bộ trong thời gian qua là minh chứng xác đáng. Tuy nhiên, bên cạnh các tác động tích cực đến tiến trình dân chủ hóa đời sống xã hội trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội mà hội nhập của Internet, của mạng xã hội... mang lại thì nó cũng tạo ra những thách thức vô cùng to lớn đối với mục tiêu vì dân chủ, văn minh và phồn thịnh của đất nước. Trong bối cảnh bùng nổ thông tin như hiện nay, việc nâng cao khả năng nhận thức, xử lý thông tin của mỗi người dân, mỗi cán bộ đảng viên trong *thế giới phẳng* là hết sức cần thiết bên cạnh chính sách định hướng, quản lý của nhà nước, của các cơ quan chức năng. Chỉ khi người dân cũng như cán bộ có đủ trình độ chọn lọc, thẩm định thông tin, đủ tinh táo để phân biệt thật giả, đúng sai thì quyền dân chủ mới được đảm bảo, mới phát huy được hiệu quả, ngược lại quyền tự do dân chủ sẽ bị lợi dụng, ổn định trật tự xã hội sẽ bị xâm phạm.

Với tư cách là một đảng viên, giảng viên, viên chức trong môi trường đại học, mỗi một đảng viên trong bối cảnh hiện nay trước hết phải học tập, nghiên cứu thấu đáo, nghiêm túc lời chỉ dạy của Bác, quan điểm, đường lối chủ trương của Đảng về thực hành dân chủ. Bởi lẽ, một khi đảng viên, giảng viên, viên chức nghiên cứu thấu đáo và trang bị đầy đủ lý luận về dân chủ và thực hành dân chủ sẽ giúp bản thân phát huy được vai trò làm chủ, vai trò nêu gương của mình.

Một thực tế vẫn đang diễn ra là một số lớn đảng viên hoặc do e ngại, hoặc do không nắm chắc các quy định, chính sách, chủ trương mà không phát huy vai trò tích cực, đi đầu trong việc đóng góp ý kiến, lên tiếng chống lại cái sai, chống tiêu cực. Việc đảng viên, giảng viên, viên chức không dám hoặc lảng tránh trong việc lên tiếng bảo vệ cái đúng, đấu tranh chống cái sai là một biểu hiện thiếu năng lực, thiếu trách nhiệm làm chủ của chính bản thân họ. Bên cạnh đó cũng không ít đảng viên, giảng viên, viên chức do chưa được trang bị lý luận đầy đủ lại dễ bị lôi kéo, thể hiện các quan điểm không đúng đắn thậm chí trái với đường lối, chủ trương.

Việc thực hành dân chủ rộng rãi nơi làm việc còn có tác dụng tạo sự đoàn kết, nhất trí trong việc thực hiện mục tiêu chính trị của nhà trường, hơn thế nữa nó còn có tác dụng kịp thời phát hiện ra cái sai, phát hiện tiêu cực, nó giúp cho việc phòng chống tham nhũng đạt hiệu quả hơn, giúp bảo vệ đồng chí, đồng nghiệp của mình trong quá trình công tác.

Với tư cách là một đảng viên, giảng viên, viên chức trong môi trường giáo dục đại học thì việc thực hành dân chủ còn phải đòi hỏi thực hành trong khi thực thi nhiệm vụ, đặc biệt trong việc giảng dạy, phục vụ người học. Việc thực hành dân chủ trong khi thực thi nhiệm vụ hàng ngày chính là xu thế hiện đại của nền giáo dục, là thể hiện công bằng, công khai minh bạch trong nhà trường, chính môi trường dân chủ trong giáo dục sẽ giúp cho những sinh viên, những người lao động, quản lý trong tương lai có phong cách làm việc dân chủ, lối sống dân chủ.

3. Kết luận

Cả cuộc đời Hồ Chí Minh đã hiến dâng trọn vẹn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và hạnh phúc của nhân dân. Trước lúc ra đi, Bác đã để lại cho chúng ta bản *Di chúc* quý giá, đó là những lời chỉ dẫn, dặn dò, nhắn gửi của Người về các vấn đề then chốt của Cách mạng Việt Nam, trong đó có lời nhắn nhủ về xây dựng Đảng mà ở đó việc thực hành dân chủ trong Đảng là một nội dung cốt lõi nhất. Để xây dựng Đảng thì trước hết Đảng phải giữ gìn được sự đoàn kết như giữ gìn con ngươi của mắt mình vậy. Để giữ gìn được đoàn kết thì một nội dung cốt lõi là phải thực hành dân chủ trong Đảng. Chính thực hành dân chủ sẽ giúp đảng viên phát huy được sự đóng góp, cống hiến của mình, phát huy sức mạnh của các tổ chức Đảng. Thực hành dân chủ vừa giúp bản thân đảng viên tránh được những sai lầm, sai phạm trong quá trình thực thi nhiệm vụ vừa giúp bảo vệ cán bộ, đồng chí, đồng nghiệp của mình tránh được những sai lầm đáng tiếc trong lúc thực thi chức trách, nhiệm vụ của mình.

Trong môi trường giáo dục đại học, với chức năng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức và người lao động có trình độ cao thì việc thực hành dân chủ là một đòi hỏi tất yếu, vì việc điều hành, quản lý, đào tạo mà thiên về mệnh lệnh, mất dân chủ sẽ không phát huy được sự đóng góp, cống hiến của họ. Thực hiện Di chúc của Bác về thực hành dân chủ là một điều tất yếu, xu thế phát triển của quản lý hiện đại trong kỷ nguyên kỹ thuật số hiện nay. Việc thực hành dân chủ rộng rãi sẽ giúp mỗi người hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao, tránh được những sai phạm, tránh được tình trạng cửa quyền, tham ô, lãng phí./.

GIƯỜNG CAO ĐỒNG THỜI HAI NGỌN CỜ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG “DI CHỨC” CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*TS. Hoàng Trần Như Ngọc**
*ThS. Nguyễn Thị Lý***

Cách đây đúng 50 năm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta một di sản vô cùng quý báu. Đó là bản Di chúc lịch sử - “bản tổng kết” cả một cuộc đời, là những lời dặn dò hết sức tâm huyết của một con người trước lúc đi xa. Những lời Di huấn bất diệt trong bản “Di chúc” thiêng liêng mang ý nghĩa thực tiễn sâu sắc đối với cách mạng Việt Nam. Một trong những tư tưởng lớn trong “Di chúc” của Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là nội dung cốt lõi trong tư duy lý luận và hoạt động thực tiễn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là tư tưởng chỉ đạo giải quyết các nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện đại, là sự lựa chọn tất yếu duy nhất đúng của cách mạng Việt Nam. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội chính là sự phản ánh chính xác mục đích, lý tưởng, khát vọng và ham muốn tốt bậc của Người: “*Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tốt bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành*”¹; độc lập thống nhất có chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia thống nhất biện chứng với tự do và hạnh phúc của nhân dân. Bởi thế, sự nghiệp mà Hồ Chí Minh theo đuổi không chỉ là giải phóng dân tộc mà còn phát triển dân tộc Việt Nam, thực hiện chủ nghĩa xã hội bằng cách mạng vô sản do đội tiên phong của giai cấp công nhân là Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Đó là lý tưởng chính trị, đạo đức và nhân văn của Người. Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, giải phóng con người trước hết là giải phóng họ khỏi những tai họa do cái đói, cái rét, cái dốt gây nên. Cuộc chiến đấu đó không thể tách rời cuộc chiến đấu để giải phóng dân tộc. Chỉ có thoát khỏi thân phận nô lệ, mỗi con người mới lấy lại được phẩm giá làm người. Hơn nữa, đó còn là cuộc chiến đấu vì hoà bình và tình hữu nghị giữa các dân tộc, vì sự giải phóng của toàn nhân loại. Sự nghiệp đó phải thống nhất biện chứng giữa độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Với Người, độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để tiến lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội là nhân tố đảm bảo độc lập dân tộc được thực hiện trọn vẹn: Độc lập dân tộc thống nhất với tự do và hạnh phúc của nhân dân.

Trong hành trình cứu nước, Nguyễn Tất Thành-Nguyễn Ái Quốc- Hồ Chí Minh đã đến với “các đất tự do, các trời nô lệ” ở châu Á, châu Phi, châu Âu, châu Mỹ để khảo sát,

**Trường Đại học Khoa học Huế*

***Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr.187.

tìm hiểu cuộc sống của người dân phương Tây. Từ thực tiễn đó, Người nhận ra ở đâu chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa thực dân cũng tàn bạo như nhau. Lăn lộn trong thực tế tìm đường cứu nước, Người nhanh chóng nhận ra cách mạng tư sản là cách mạng không đến nơi, mang tiếng là cộng hòa dân chủ, nhưng kỳ thực bên trong thì bóc lột công nông, ngoài thì áp bức thuộc địa. Sau khi đọc “*Sơ thảo lần thứ nhất luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa*” của V.I.Lênin, Người đã có sự chuyển biến vượt bậc về lập trường chính trị, đã định hình một đường hướng cách mạng có khả năng giải quyết những đòi hỏi khách quan đang đặt ra lúc bấy giờ của dân tộc Việt Nam: “*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*”¹. Người đã tìm ra con đường cứu nước mới phù hợp với quy luật của Việt Nam và xu thế của thời đại: Từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội không kinh qua phát triển tư bản chủ nghĩa; thống nhất biện chứng giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Theo Người, “*Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ*”². Ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia và thực hiện dân chủ - dân quyền là một thể thống nhất, có quan hệ mật thiết gắn bó biện chứng với nhau. Có quyền con người phải có quyền dân chủ, bởi dân chủ là cái gốc của dân quyền, là bản chất của chế độ mới. Quốc hiệu của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa “*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*” đã thể hiện rõ tiêu chí này ngay khi nước ta giành lại nền độc lập. Vì nước ta là nước dân chủ, “*quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân*”³.

Dân chủ chính là sự thể hiện quyền con người của cá nhân và cộng đồng ở mức độ cao nhất; “*Dân chủ là của quý báu nhất của nhân dân*”⁴. Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ giành lại quyền con người cho nhân dân Việt Nam mà còn đáp ứng mọi điều kiện để thực hiện quyền “*làm người*”. Bởi vì, quyền con người không chỉ cần ăn, mặc, ở để sinh tồn, mà còn cần phải có điều kiện để hoàn thiện và phát triển cá nhân người. Con người phải có đủ điều kiện vượt lên trên cái quyền tồn tại, vươn tới sự chủ động sáng tạo, thực hiện quyền “*làm người*” của mình. Và vì thế, mà Người yêu cầu những cán bộ, đảng viên phải là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Dân là chủ thì Chính phủ phải là người đầy tớ, nếu Chính phủ làm hại dân thì người dân có quyền đuổi Chính phủ. Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải biết tôn kính dân, yêu dân, phải làm cho dân tin, phải làm gương cho dân. Trong “*Di chúc*” của Người, điều mà Bác quan tâm trước hết là “*chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi*”⁵. Người căn dặn: “*Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân*”⁶.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 12, tr. 30.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 12, tr. 563.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr. 232.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 10, tr. 457.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 616.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 611-612.

Quyền dân chủ của dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh là quan điểm hệ thống và toàn diện. Theo Người, dân chủ nhưng dân phải nhận thức rõ quyền đó: Dân chủ phải có tổ chức, có lãnh đạo; dân chủ phải được thể chế hóa trong Hiến pháp và pháp luật; dân chủ phải được thực hiện trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Quyền lợi bao giờ cũng gắn liền với nghĩa vụ. Người dân phải có nghĩa vụ đối với Nhà nước, với Đất nước để xứng đáng với “*Dân chủ là dân là chủ và dân làm chủ*”. Muốn thực hiện quyền con người thì mỗi người, mọi người phải nhận thức rõ quyền và nghĩa vụ của mình, mà trước hết phải tự mình làm chủ. Tư tưởng dân chủ chính là cốt lõi nhất, bản chất nhất trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân dân, về con người, về quyền con người, quyền công dân. Những tư tưởng về nhân quyền và dân quyền: “Quyền lực là của nhân dân”, “nhà nước là của dân, do dân, vì dân” hay “chính phủ do dân lập nên”, trên thực tế không phải Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đầu tiên nói đến, nhưng Người là người đầu tiên thực hiện những tư tưởng đó một cách toàn diện và triệt để nhất. Người cho rằng, chúng ta đã hy sinh làm cách mạng thì nên làm cho đến nơi, để khỏi phải hy sinh nhiều lần, hãy giao quyền cho dân chúng số nhiều, để bảo đảm cho dân chúng được hạnh phúc. Cách mạng như thế mới là cách mạng “*làm cho đến nơi*”. Để làm được điều đó thì phải thực hiện cách mạng vô sản, cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đây là con đường duy nhất đúng để giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người, bảo đảm thực hiện quyền con người một cách đầy đủ và toàn diện.

Trong “*Yêu sách của nhân dân An Nam*”, Nguyễn Ái Quốc là người đầu tiên của Việt Nam thống nhất độc lập dân tộc với tự do và hạnh phúc của nhân dân cả về lý luận và thực tiễn. Trong “*Đường cách mệnh*” 1927 đến “*Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng*” 1930, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc là người đầu tiên của nhân loại giương cao đồng thời độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Từ “*Tuyên ngôn Độc lập*” 1945 đến những “*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*” viết từ 1946 đến 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn thống nhất giương cao đồng thời hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội với quyết tâm cao nhất của dân tộc Việt Nam trong đấu tranh giữ gìn độc lập dân tộc. Vì thế, trong “*Di chúc*” của mình, tin tưởng vào sự tất thắng của dân tộc Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Người khẳng định: “*Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn*”¹. Người căn dặn: “*Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể sẽ kéo dài mấy năm nữa. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.*

Còn non, còn nước, còn người,

Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!

Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng 2 đế quốc to - là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc”².

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 618.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 612.

Chủ nghĩa xã hội được Chủ tịch Hồ Chí Minh diễn tả, biểu đạt một cách mộc mạc, đơn giản, dễ hiểu: Chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát khỏi nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no, hạnh phúc; chủ nghĩa xã hội là giải phóng nhân dân lao động khỏi nghèo nàn lạc hậu; “*chủ nghĩa xã hội là lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng, v.v., làm của chung. Ai làm nhiều thì ăn nhiều, ai làm ít thì ăn ít, ai không làm thì không ăn, tất nhiên là trừ những người già cả, đau yếu và trẻ con*”¹. Chủ nghĩa xã hội theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, với tính chất là một xã hội mới sẽ là một xã hội tốt đẹp, dần xóa bỏ mọi bóc lột và bất công, thực hiện công bằng xã hội, ai làm nhiều hưởng nhiều, ai làm ít hưởng ít, ai không làm không hưởng; là một xã hội phát triển cao về lực lượng sản xuất, công-nông nghiệp hiện đại, khoa học-kỹ thuật tiên tiến, dần xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, tiến tới thực hiện chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Đó là một xã hội có kỷ cương, đạo đức và lối sống lành mạnh, văn minh, con người mới xã hội chủ nghĩa được phát triển toàn diện về mọi mặt; có quan hệ bình đẳng, hữu nghị với các quốc gia, dân tộc trên thế giới trên tinh thần tôn trọng độc lập chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của nhau và cùng có lợi; “*Đó là công trình tập thể của quần chúng lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng ta*”²; một xã hội tất cả quyền hành, lực lượng và lợi ích đều thuộc về nhân dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Theo Hồ Chí Minh, xây dựng chủ nghĩa xã hội chính là xây dựng tiềm lực phát triển cho dân tộc trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Chủ nghĩa xã hội càng phát triển, càng đạt đến độ chín muồi thì các tiềm lực, nhất là tiềm lực vật chất kỹ thuật của dân tộc càng mạnh, đất nước càng có điều kiện củng cố độc lập của mình, tăng cường khả năng phòng thủ.

Không có một chế độ xã hội nào có thể đảm bảo vững chắc độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia và quyền con người triệt để bằng chủ nghĩa xã hội. Tách độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, hoặc hướng dân tộc theo sự phát triển khác, con đường khác đều là sự phản bội lịch sử dân tộc. Điều đó sẽ làm cho dân tộc bị lệ thuộc, phụ thuộc vào các thế lực đế quốc, tư bản, trái với xu thế phát triển của thời đại. Ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, dân chủ, nhân quyền luôn gắn liền biện chứng với chủ nghĩa xã hội. Độc lập dân tộc luôn gắn liền với chủ nghĩa xã hội: Có độc lập dân tộc thì mới xây dựng được chủ nghĩa xã hội; chỉ có đưa đất nước phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội thì nền độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia và quyền con người mới được bảo đảm vững chắc và triệt để. Người đã sớm khẳng định: “*Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hoà thế giới chân chính*”³.

Việc xây dựng lại đất nước sau chiến tranh để tiến lên chủ nghĩa xã hội là một cuộc chiến đấu không lồ, lâu dài, đầy gian khổ. Vì thế, trong “*Di chúc*” Người căn dặn: “*Ngay sau khi cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi, công việc toàn*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 10, tr. 390.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 11, tr. 609.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 1, tr. 496.

Đảng, toàn quân và toàn dân ta phải ra sức làm là mau chóng hàn gắn vết thương nghiêm trọng do đế quốc Mỹ gây ra trong cuộc chiến tranh xâm lược dã man. Đó là một công việc cực kỳ to lớn, phức tạp và khó khăn. Chúng ta phải có kế hoạch sẵn sàng, rõ ràng, chu đáo, để tránh khỏi bị động, thiếu sót và sai lầm”¹; “Ở đây nói về kế hoạch xây dựng lại thành phố và làng mạc đẹp đẽ, đàng hoàng hơn trước chiến tranh. Khôi phục và mở rộng các ngành kinh tế. Phát triển công tác vệ sinh, y tế. Sửa đổi chế độ giáo dục cho hợp với hoàn cảnh mới của nhân dân, như phát triển trường nửa ngày học tập nửa ngày lao động. Cùng cố quốc phòng Chuẩn bị mọi việc để thống nhất Tổ quốc... Công việc trên đây là rất to lớn, nặng nề, và phức tạp mà cũng là rất vẻ vang. Đây là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi. Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu không lồ này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân”².

Mác, Ăngghen là những người đầu tiên xây dựng và tuyên bố lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học. Song nhân loại cho đến nay vẫn chưa có chủ nghĩa xã hội đích thực. Chủ nghĩa xã hội hiện thực vừa qua và hiện nay chỉ là các cách tiếp cận khác nhau đến chủ nghĩa xã hội đích thực: Có đại công nghiệp phát triển cao hơn đại công nghiệp của chủ nghĩa tư bản phát triển ở trình độ cao và phát triển trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất; có chủ nghĩa nhân đạo phát triển cao hơn nhân đạo chủ nghĩa của chủ nghĩa tư bản về giải phóng con người. Chính lẽ đó, trong “Di chúc” có 3 lần Hồ Chí Minh nhắc đến cụm từ xã hội chủ nghĩa, thì 2 lần gắn liền với thanh niên. Người chỉ rõ lực lượng to lớn để xây dựng đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa là thanh niên, cán bộ nòng cốt lãnh đạo công cuộc xây dựng đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa là thanh niên: “Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên””³; “Những chiến sĩ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong đều đã được rèn luyện trong chiến đấu và đều tỏ ra dũng cảm. Đảng và Chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, các nghề, để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta”⁴; “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết... Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hoá, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”⁵.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, thể hiện sâu sắc mối quan hệ biện chứng giữa vấn đề dân tộc, vấn đề giai cấp và vấn đề con người; là sự kết tinh giữa chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam với tinh hoa nhân loại và chủ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 616.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 617.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 612.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 616-617.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 612.

nghĩa quốc tế vô sản trong sáng về chủ quyền quốc gia và quyền con người; đồng thời giải quyết đúng đắn, sáng tạo về mối quan hệ giữa giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội cùng với sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới của nhân dân Việt Nam hiện nay, là đóng góp quan trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng và nhân dân Việt Nam vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin. Đây là giá trị to lớn cả về lý luận và thực tiễn có ảnh hưởng sâu sắc đối với phong trào cách mạng thế giới, phong trào giải phóng dân tộc: Đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta sẽ luôn giương cao độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiếp tục tiến lên giành nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa theo đúng ý nguyện cuối cùng trong “Di chúc” của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *“Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”*./.

SỰ KIÊN ĐỊNH CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Thị Như*

1. Đặt vấn đề

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, nhà văn hóa kiệt xuất không chỉ của Việt Nam mà còn của cả nhân loại, đã cống hiến suốt cả cuộc đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trước lúc đi xa, Người đã để lại cho Đảng, cho nhân dân bản *Di chúc* thiêng liêng, kết tinh trong đó tinh hoa tư tưởng, đạo đức và tâm hồn cao đẹp của một vĩ nhân suốt đời phấn đấu, hy sinh vì Tổ quốc và nhân loại.

Bản *Di chúc* đã trở thành nguồn động viên, cổ vũ và soi sáng cho dân tộc Việt Nam không chỉ trong thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, mà còn đóng vai trò hết sức quan trọng trong sự nghiệp xây dựng đất nước giai đoạn hiện nay.

Vừa qua, Ban Tuyên giáo Trung ương cũng đã soạn thảo và công bố “*Đề cương tuyên truyền 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*” để khẳng định lại những giá trị cốt lõi của bản *Di chúc*. Bản *Đề cương* đã tổng kết những thành tựu to lớn và bài học rút ra qua 50 năm thực hiện *Di chúc*, qua đó thể hiện sự tôn vinh và tri ân sâu sắc công lao, cống hiến vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Đồng thời, bản *Đề cương* cũng vạch rõ, trong giai đoạn hiện nay, chúng ta cần quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi *Di chúc* thiêng liêng và con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.

Thế nhưng, ước nguyện cao cả của Chủ tịch Hồ Chí Minh trước lúc đi xa đã để lại trong *Di chúc*, thì có thể là, những người đọc khác nhau lại không hiểu như nhau. Không ít những lực lượng chống đối chế độ hiện nay, chống phá thành quả của cách mạng Việt Nam, đã có những lời lẽ xuyên tạc đối với tư tưởng Hồ Chí Minh, với bản *Di chúc* thiêng liêng của Người, từ đó, gây hoang mang dư luận. Vì thế, việc lần tìm lại tư tưởng của Người, hiểu rõ hơn về những điều Người dặn dò trong *Di chúc* là điều cần thiết. Bởi lẽ, chỉ có hiểu đúng *Di chúc* mới thực hiện được đúng *Di chúc*.

Trong phạm vi bài viết này, tác giả muốn luận chứng cho việc Chủ tịch Hồ Chí Minh không từ bỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, cho dù trong *Di chúc*, Người không trực tiếp nói đến vấn đề này nhiều.

2. Nội dung

Gần đây, trên các trang mạng, như <http://www.rfa.org>, <http://danlambaovn.blogspot.com>, miscellaneous-land.over-blog.net... xuất hiện nhiều bài báo bôi nhọ, xúc phạm và hạ uy tín của Chủ tịch Hồ Chí Minh với những luận điệu xuyên tạc. Chẳng hạn trên trang <http://www.rfa.org> có bài viết “Góp phần giải mã một thể hệ dân thân” đã cho rằng, việc Nguyễn

*Học viện Quản lý Giáo dục

Ái Quốc tham gia vào Quốc tế III chỉ vì “Đệ Tam Quốc tế rất chú ý đến vấn đề giải phóng thuộc địa”, còn như Đảng là gì, chủ nghĩa Xã hội và chủ nghĩa Cộng sản là gì thì Nguyễn Ái Quốc chưa hiểu; thậm chí họ còn cho rằng Nguyễn Ái Quốc cũng chỉ hiểu loáng thoáng các chữ nghĩa trong *Sơ thảo Luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin... Người viết cũng dẫn chứng một bài viết khác cho rằng, Nguyễn Ái Quốc văn hóa thấp, chỉ mới học hết bậc tiểu học, lại còn quá trẻ nên khi đọc bài của Lênin về giải phóng dân tộc thì đã nhẹ dạ theo ngay Mác, Lênin.

Cùng với đó, có những ý kiến cho rằng, trong những năm tháng cuối đời, Hồ Chí Minh đã không còn mặn mà với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội nữa. Bằng chứng là, chỉ có rất ít lần trong các bản viết *Di chúc*, Hồ Chí Minh sử dụng thuật ngữ “chủ nghĩa xã hội”, trong khi những vấn đề khác lại được nhắc đến rất nhiều. Cụ thể, thuật ngữ “chủ nghĩa xã hội” chỉ được nói đến trong các cụm từ “các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa”, “người thừa kế, xây dựng chủ nghĩa xã hội”, trong khi đó *Di chúc* chỉ có 1.431 chữ thì có tới 108 chữ nói về Đảng. Vì thế có thể khẳng định, một cách gián tiếp, Hồ Chí Minh đã từ bỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Bản thân tôi không đồng ý với khẳng định này, vì một số lý do sau:

Thứ nhất, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết *Di chúc* trong những năm tháng mà cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đang gặp những khó khăn hết sức to lớn. Lúc đó, chúng ta cần phải tập trung lực lượng toàn dân tộc và cả sức mạnh quốc tế từ các phong trào dân tộc dân chủ trên thế giới để có thể vượt qua được những khó khăn nhằm đi tới thắng lợi. Thế nhưng trong thời gian này, nhiều lực lượng dân tộc dân chủ trong nước (chủ yếu là ở miền Nam) và quốc tế vẫn chưa hiểu đúng về những người cộng sản và về cách mạng xã hội chủ nghĩa mà chúng ta theo đuổi, do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có sai lầm của chính những người cộng sản, cả trên hiện thực xây dựng chủ nghĩa xã hội (chẳng hạn như sai lầm từ cuộc cải cách ruộng đất) lẫn trong công tác lý luận và tuyên truyền về các khái niệm “cách mạng vô sản”, “chuyên chính vô sản” và “chủ nghĩa cộng sản”. Cùng các nguyên nhân ấy, còn một nguyên nhân đặc biệt quan trọng là sự phản công quyết liệt của các thế lực thù địch hòng chống phá chủ nghĩa xã hội cả trên phương diện tuyên truyền lý luận lẫn trong hoạt động hiện thực của chúng, nhằm lôi kéo các lực lượng dân tộc dân chủ trung gian ngã về phía chúng, để cô lập tối đa phong trào cộng sản và công nhân quốc tế nói chung, cô lập, làm suy yếu lực lượng của cách mạng Việt Nam nói riêng. Ngay từ khi “chính quyền tầm gửi” Ngô Đình Diệm do Mỹ xây dựng nên dưới cái danh nghĩa một chính thể tự cho mình là tự do, dân chủ, độc lập... thì chính nó đã thực hiện một loạt những hoạt động chống phá nham hiểm đối với công cuộc cách mạng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc Việt Nam, trong đó không thể không kể đến hoạt động cưỡng ép di cư. Mục đích chính trị của cuộc cưỡng ép di cư là làm cho dư luận ở xứ này và dư luận ở nước ngoài tưởng rằng đông đảo nhân dân miền Bắc trốn tránh chế độ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đi theo chế độ miền Nam tốt hơn, hấp dẫn hơn. Chính quyền của Ngô Đình Diệm còn tuyên truyền những luận điệu xuyên tạc đối với Chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa như cho rằng miền Bắc không có dân chủ nên không thể tổng tuyển cử tự do, rồi tiến hành “cải cách điền địa” với nội dung ngược với “cải cách ruộng đất” mà cách mạng Việt Nam đã tiến hành trước đó... Các thủ đoạn chống phá xảo quyệt này quả thực đã mang lại những hệ quả nguy hiểm. Thế cho nên, đến tận sau

này, một bộ phận người gốc Việt sống ở nước ngoài vẫn còn hậm hực coi dịp 30/4 là “ngày hận, tháng đen”, coi cuộc kháng chiến chống Mỹ thống nhất đất nước như một cuộc nội chiến, một công cuộc xâm lăng miền Nam. Việc chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kêu gọi sự ủng hộ của quốc tế, trong đó có việc Phạm Văn Đồng vận động Anh và Liên Xô yêu cầu Mỹ chấm dứt can thiệp vào Việt Nam, lại bị xuyên tạc là cộng sản Việt Nam gây sự chú ý của thế giới để cộng sản quốc tế bắt đầu phối hợp chặt chẽ hơn trong mưu đồ thôn tính miền Nam. Vì thế, họ coi cái chính thể “Việt Nam Cộng hòa” của Ngô Đình Diệm là hoàn toàn hợp pháp, sự sụp đổ của chế độ đó là do sự “cưỡng chiếm” từ miền Bắc...

Bởi thế, có lẽ vì lý do mang tính sách lược trong ứng xử ngoại giao mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã không nhiều lần trực tiếp sử dụng thuật ngữ “chủ nghĩa xã hội”, “chủ nghĩa cộng sản” trong bản *Di chúc* của mình mà sử dụng những cách diễn đạt khác đối với nội dung này. Điều này có lẽ cũng giống với việc sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, do so sánh lực lượng của cách mạng và lực lượng phản cách mạng trong và ngoài nước quá chênh lệch, để bảo toàn được Đảng Cộng sản Việt Nam với tư cách người lãnh đạo và tổ chức duy nhất có khả năng đảm bảo được thắng lợi của cách mạng, để bảo vệ và phát huy thành quả của cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dừng cảm lựa chọn hành động có tính sách lược hết sức quan trọng lúc này là quyết định để Đảng Cộng sản Việt Nam tự tuyên bố giải tán. “Giải tán” ở đây không phải để xóa bỏ Đảng mà là để bảo vệ, củng cố Đảng và giữ vững vai trò lãnh đạo duy nhất chỉ có Đảng mới có thể thực hiện được đối với Nhà nước và cách mạng Việt Nam trong bối cảnh ấy, nhằm đưa cách mạng tới thắng lợi hoàn toàn. Vì thế có thể hiểu, Hồ Chí Minh không trực tiếp nhắc nhiều đến thuật ngữ “chủ nghĩa xã hội” trong *Di chúc* không phải vì Người đã không còn mặn mà với con đường đó, mà là Người tránh sự xuyên tạc từ các thế lực phản động lúc bấy giờ đối với con đường mà cách mạng Việt Nam đang đi mà thôi.

Thứ hai, Hồ Chí Minh đã lựa chọn cách nói gián tiếp để nói về mục tiêu nung nấu trên con đường cách mạng Việt Nam mà Người đã lựa chọn, đó là chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Trong *Di chúc*, Người viết: Theo ý tôi, việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Chúng ta hiểu rằng, Đảng Cộng sản là lực lượng lãnh đạo cách mạng vô sản để tiến lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh đã nêu “Đảng ta là một Đảng cầm quyền”. Vì vậy, không có lý gì Hồ Chí Minh vẫn khẳng định vai trò cầm quyền của Đảng mà không khẳng định mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản của Đảng.

Ngay cả trong phần mở đầu của bản *Di chúc*, Hồ Chí Minh đã nêu: “Tôi để lại mấy lời này, chỉ nói tóm tắt vài việc thôi. Phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước và đồng chí trong Đảng khỏi cảm thấy đột ngột”¹. Điều này xác lập rõ lý tưởng cách mạng cao đẹp của Người, đó là suốt đời trung thành với lý tưởng cộng sản do Mác, Lênin sáng lập và phát triển.

Hồ Chí Minh cũng nhiều lần đề cập đến các nội dung, yêu cầu mà Đảng phải thực hiện, qua đó gián tiếp khẳng định mục tiêu cao đẹp của Đảng ta là phải lãnh đạo xây dựng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.12, tr.511.

đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Hồ Chí Minh từng có nhiều cách diễn đạt về chủ nghĩa xã hội. Người bày tỏ quan niệm của mình về chủ nghĩa xã hội không chỉ trong một bài viết hay một cuộc nói chuyện nào đó, mà tùy từng lúc, từng nơi, tùy từng đối tượng người đọc, người nghe. Chẳng hạn, khi nói chuyện tại lớp hướng dẫn giáo viên cấp II, cấp III và Hội nghị sư phạm, tháng 7/1956, Hồ Chí Minh cho rằng: “Chủ nghĩa xã hội là lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng... làm của chung. Ai làm nhiều thì ăn nhiều, ai làm ít thì ăn ít, ai không làm thì không ăn, tất nhiên là trừ những người già cả, đau yếu và trẻ con”¹. Hồ Chí Minh quan niệm về chủ nghĩa xã hội ở nước ta bằng cách nhấn mạnh mục tiêu vì lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân, là “làm sao cho dân giàu nước mạnh”², là “làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng”, “là nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân”³, là làm cho mọi người được ăn no, mặc ấm, được sung sướng, tự do, là “nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”⁴ như “ham muốn tốt bậc”⁵ mà Người đã trả lời các nhà báo vào tháng 1/1946.

Như vậy, Hồ Chí Minh thường đi vào nội hàm của chủ nghĩa xã hội với những mục tiêu, phương thức, cụ thể, chứ ít khái quát bằng các lý luận. Trên tinh thần đó, trong *Di chúc*, Người viết: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”. Và, điều mong muốn cuối cùng của Hồ Chí Minh là: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”⁶. Điều đó cho thấy, tuy Người chỉ nói một cách gián tiếp, không nhắc đến thuật ngữ “chủ nghĩa xã hội”, nhưng xét về bản chất, đó cũng chính là mục tiêu xây dựng đất nước từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản theo quan niệm của Người.

Thứ ba, Hồ Chí Minh luôn đau đáu con đường đi lên chủ nghĩa xã hội khi nhắc đến yêu cầu đoàn kết của phong trào cộng sản trên thế giới.

Tuyên ngôn của đảng cộng sản ghi: “Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!”. Khẩu hiệu này đã được Lênin phát triển thành: “Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!”. Đây là một phương châm hành động mang tính chiến lược của phong trào cộng sản và công nhân thế giới. Vì vậy, không có gì lạ khi Hồ Chí Minh không ngừng trăn trở về yêu cầu đoàn kết của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Những năm 1960, các nước xã hội chủ nghĩa đã có nhiều biểu hiện thiếu đoàn kết, thậm chí có lúc bất đồng với nhau, giữa các nước Đông Âu, giữa Liên Xô và một số nước Đông Âu, giữa Liên Xô và Trung Quốc... Sự thiếu đoàn kết đó không chỉ làm suy yếu bản thân từng nước mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến khối xã hội chủ nghĩa, ảnh hưởng đến sự phát triển của phong trào cộng sản ở chính các nước xã hội chủ nghĩa và nhiều nước khác.

-
1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.8, tr.226.
 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.8, tr.226.
 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.10, tr.556.
 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.4, tr.161.
 5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.4, tr.161.
 6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.4, tr.512.

Trong bản *Di chúc* viết năm 1965 và năm 1969, trước khi nói về “việc riêng”, Hồ Chí Minh dành một đoạn nói về phong trào cộng sản thế giới, “là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hòa hiện nay giữa các đảng anh em! Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình. Tôi tin chắc rằng các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại”¹. Tức là trong 4 năm đó, Người vẫn đau đầu với những vấn đề nội tại của các nước xã hội chủ nghĩa; trên thực tế, sự mất đoàn kết không có dấu hiệu giảm đi mà ngày phức tạp. Nếu không phải một người trung thành với lý tưởng cộng sản thì liệu Hồ Chí Minh có nặng lòng với các vấn đề đó và luôn giữ sự trăn trở đó cho đến cuối đời?

Tóm lại, Chủ tịch Hồ Chí Minh suốt đời trung thành với lý tưởng cộng sản, từ lúc tìm ra con đường giải phóng dân tộc cho đến lúc lãnh đạo cuộc cách mạng giành độc lập, tự do cho dân tộc và sau này lãnh đạo các cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Điều đó hoàn toàn nhất quán trong các tác phẩm của Người, kể cả trong bản *Di chúc* thiêng liêng được viết vào những năm cuối đời.

3. Kết luận

Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam có thể dài lâu hàng nhiều thế kỷ. Khó khăn mà chúng ta gặp phải trên con đường ấy có thể còn rất nhiều, nhưng chúng ta biết rằng đó là lý tưởng và con đường duy nhất đúng đắn mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn cho sự phát triển của dân tộc ta. Đó cũng là định hướng vận động và phát triển tất yếu khách quan của nhân loại mà Việt Nam có thể “góp phần xứng đáng” của mình. Và như vậy, hơn lúc nào hết, chính trong giai đoạn hiện nay, chúng ta cần phải và có thể làm cho mọi người thật sự thấu hiểu đúng đắn về chủ nghĩa Mác-Lênin, về người cộng sản và hoạt động cách mạng của người cộng sản, về cách mạng vô sản - cuộc cách mạng có khả năng mang lại cho con người sự tự do và hạnh phúc.

Chúng ta phải luôn tỉnh táo, không mất cảnh giác trước những luận điệu xuyên tạc của một số thế lực chống phá, lợi dụng cách hiểu sai lầm về *Di chúc* của Hồ Chí Minh để phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng ta, phủ nhận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội do Đảng ta lãnh đạo... Việc đem *Di chúc* để làm phương tiện, công cụ chống phá là một thủ đoạn nguy hiểm, nên mỗi đảng viên cần nghiên cứu đầy đủ bản *Di chúc* này để không mắc bẫy kẻ thù, đồng thời có thể đấu tranh, phản bác các luận điệu sai trái đó./.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.12, tr.512.

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG NGOẠI GIAO TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀO TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI VÀ HỘI NHẬP CỦA VIỆT NAM

*NCS. Trần Hùng Minh Phương**

1. Giá trị tư tưởng ngoại giao trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Ngày 10 tháng 5 năm 1965, nhân dịp sinh nhật lần thứ 75 của Người, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết những dòng đầu tiên của bản *Di chúc*. Sau đó, đến ngày 15 tháng 5 năm 1965, bản *Di chúc* đầu tiên này của Người hoàn thành và đánh máy, dài gần 3 trang có chữ ký của Người và chữ ký của Bí thư Thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Bản *Di chúc* đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần chỉnh sửa, bổ sung hợp lý. Năm 1966 và 1967, bản *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên như bản năm 1965. Năm 1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết bổ sung vào *Di chúc* một đoạn gồm sáu trang viết tay. Ngày 10 tháng 5 năm 1969, Người viết lại toàn bộ phần mở đầu của *Di chúc*, gồm có một trang viết tay của Người.

Sau 50 năm công bố (1969-2019), *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn luôn sáng mãi tầm nhìn thời đại và mang giá trị nhân văn sâu sắc. Những câu, chữ, lời của Người trong *Di chúc* là tâm nguyện, tình cảm, ý chí, niềm tin, tinh thần trách nhiệm của một người con của Tổ quốc Việt Nam đối với nhân dân, với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.

Phần cuối của bản *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trăn trở khi nói về quan hệ quốc tế giữa các đảng cộng sản, về phong trào cộng sản thế giới đang có những chuyển biến quan trọng trong những thập niên 50, 60: “về phong trào cộng sản thế giới – là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hoà hiện nay giữa các đảng anh em!”¹. Người muốn nói về sự bất hoà về chính trị và ý thức hệ giữa hai Đảng Cộng sản Liên Xô và Đảng Cộng sản Trung Quốc. Chính việc này đã dẫn đến sự chia rẽ song song trong phong trào cộng sản quốc tế lúc bấy giờ.

Từ trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh mong muốn các nước trong khối XHCN, các Đảng Cộng sản trên thế giới, cũng như các nước yêu chuộng hoà bình trên thế giới hãy đoàn kết một lòng vì sự nghiệp cách mạng chung: “Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình”. Người vẫn luôn tin tưởng rằng: “Tôi tin chắc rằng các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại”. Cuối bản *Di chúc*, Người luôn tin tưởng và căn dặn: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu

* Trường Đại học KHXH&NV – ĐHQG TP Hồ Chí Minh

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 623.

manh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”¹. Đó là mong muốn của Người và cũng là tư tưởng ngoại giao Việt Nam đã và đang được vận dụng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc và hội nhập của Việt Nam trên trường quốc tế.

2. Vận dụng tư tưởng ngoại giao trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

2.1. Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh trong sự nghiệp giải phóng dân tộc

Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh là sự kế thừa truyền thống lịch sử ngoại giao dân tộc Việt Nam qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước. Tư tưởng ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự kết hợp giữa tinh hoa truyền thống chủ nghĩa yêu nước Việt Nam và tinh thần quốc tế trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, luôn mang đậm dấu ấn truyền thống ngoại giao của dân tộc, đó là tư tưởng ngoại giao hòa bình, hữu nghị, đoàn kết giữa các dân tộc, quốc gia. Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa nhân ái là những món hành trang của người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành từ khi ra đi tìm đường cứu nước, con đường giải phóng dân tộc Việt Nam thoát khỏi ách nô lệ².

Lúc sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã luôn đề cập đến đối ngoại và ngoại giao chính trị: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc và thời đại, độc lập tự chủ, tự lực tự cường và đoàn kết, hợp tác quốc tế, coi trọng quan hệ với các nước láng giềng, khu vực và các cường quốc, ngoại giao tâm công³... Đây chính là cơ sở lý luận về ngoại giao chính trị Hồ Chí Minh được tiếp tục vận dụng trong thời đại ngày nay.

Sau khi thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (02-09-1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố Việt Nam sẵn sàng “làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”⁴. Ngoài ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh với cương vị Chủ tịch kiêm Bộ trưởng ngoại giao, Người đã gửi thư, công hàm ngoại giao đến nhiều chính phủ các nước Á - Phi, đến các tổ chức Liên đoàn Ả-rập, Hội nghị liên Phi,... Trong *Lời kêu gọi Liên hợp quốc* (tháng 12-1946), Người đã nêu lên quan điểm, đường lối ngoại giao của Việt Nam: “Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực”⁵... Ngay cả đối với nước Mỹ và nhân dân Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã luôn mong muốn không xảy ra một cuộc chiến tranh nào, Người nói: “Tôi kính trọng nhân dân Mỹ, nhân dân Mỹ là những người yêu hòa bình và dân chủ. Nhưng nếu họ đến đây giúp đỡ chúng tôi như những nhà kỹ thuật thì chúng tôi rất hoan nghênh họ như những người anh em. Còn bây giờ họ đến đây để giết người và để bị bắn chết. Đó là sỉ nhục. Đối với các ông, các ông khó mà tin rằng tôi lấy làm đau lòng không những khi nhân dân Việt Nam bị giết hại mà tôi cũng rất buồn phiền khi lính Mỹ bị giết. Tôi thông cảm nỗi đau buồn của cha mẹ họ...”

Các ông hãy tin tôi khi tôi nói rằng tôi sẽ rất sung sướng được đón tiếp Tổng thống

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 624.

2. Trần Văn Giàu: *Hồ Chí Minh – Chân dung một tâm hồn và trí tuệ vĩ đại*, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2014, tr.137.

3. Vũ Dương Huân: *Về chính sách đối ngoại và ngoại giao Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2018, tr. 193.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 5, tr. 220.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 4, tr. 470.

Mỹ đến đây một cách hòa bình. Chúng tôi chia bàn tay hữu nghị ra với bất kỳ quốc gia nào thừa nhận - Việt Nam là một nước tự do và độc lập”¹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là tấm gương của lòng nhân đạo của ngoại giao chính trị nhân văn. Các chủ trương biện pháp ngoại giao của Người luôn hướng tới hòa bình chống chiến tranh, luôn muốn giải quyết vấn đề cách mạng bằng phương pháp hòa bình “chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng”. Những hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh tạo nên ảnh hưởng tốt đối với dư luận tiến bộ trên thế giới. Ngay cả giáo sư, linh mục Cao Văn Luận (Viện trưởng Viện Đại học Huế - chính quyền Sài Gòn) cũng phải nhận xét: “Người Pháp có cảm tình với Cụ Hồ nhiều lắm!”².

Đối với hai nước Lào và Campuchia trên cùng bán đảo Đông Dương, tư tưởng ngoại giao chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh là luôn tôn trọng quyền tự quyết của hai dân tộc, không can thiệp vào nội bộ của nhau, sát cánh cùng với hai nước bạn trong liên minh đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung, chính Người đã khẳng định: “Chúng ta kháng chiến, dân tộc bạn Miên, Lào cùng kháng chiến... Vì vậy, ta phải ra sức giúp đỡ anh em Miên, Lào, giúp đỡ kháng chiến Miên, Lào; và tiến đến thành lập Mặt trận thống nhất các dân tộc Việt – Miên – Lào”³.

Lịch sử cách mạng Việt Nam đã chứng minh vào những năm 1945 - 1946, trong thế nước “dầu sôi, lửa bỏng”, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã thể hiện sự vững vàng về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược, lợi dụng được mâu thuẫn giữa các nước lớn với nhau cũng như mâu thuẫn nội bộ của mỗi bên, đã tránh được việc xung đột với Tưởng Giới Thạch, không phải đối đầu với nhiều kẻ thù cùng một lúc.

Sau khi ký kết Hiệp định Geneve 1954, cách mạng Việt Nam chuyển sang một thời kỳ thực hiện cùng một lúc hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng. Ở miền Bắc, xây dựng cách mạng xã hội chủ nghĩa; còn miền Nam thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Đảng và Nhà nước Việt Nam đã tăng cường quan hệ ngoại giao với tất cả các nước trong phe xã hội chủ nghĩa, không kể Liên Xô và Trung Quốc. Ngay cả khi xảy ra những mâu thuẫn trong quan hệ quốc tế giữa Đảng Cộng sản Liên Xô và Đảng Cộng sản Trung Quốc, thì Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thức và xử lý khéo léo, đúng đắn cả với hai bên trên tinh thần quốc tế vô sản trong sáng. *Di chúc* mà Người để lại cho thế hệ mai sau đó chính là việc vận dụng và giải quyết hợp tình, hợp lý trong ứng xử quan hệ quốc tế mà Việt Nam là một thành viên trong đó; Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam đã luôn ghi nhớ, giữ mãi tình đoàn kết, sự đồng tình ủng hộ và viện trợ về mặt tinh thần và vật chất của phong trào giải phóng dân tộc, của các Đảng Cộng sản anh em, của nhân dân yêu chuộng hoà bình trên toàn thế giới cho cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam, để tiến tới giành thắng lợi cuối cùng vào mùa Xuân 1975 lịch sử.

Thực tiễn lịch sử đã cho thấy, việc xử lý quan hệ ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh là rất mềm dẻo, linh hoạt, uyển chuyển, kiên định về lập trường ngoại giao cách mạng, tạo được mối quan hệ lợi ích cộng đồng quốc tế, với mục đích ràng buộc các nước lớn không

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 10, tr. 20-21.

2. Cao Văn Luận: *Bên giòng lịch sử 1940 – 1965*, Cơ sở xuất bản Văn khoa – Trí Dũng, Sài Gòn, 1972, tr. 92.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 7, tr. 40.

chỉ có trách nhiệm với lợi ích của họ, mà còn phải có nhiệm vụ bảo vệ lợi ích của Việt Nam. Ngay cả khi phải tiến hành cuộc đấu tranh với kẻ thù xâm lược để giành độc lập dân tộc, Người cũng luôn luôn tìm kiếm mọi cơ hội đối thoại, đàm phán nhằm tìm ra các giải pháp ngoại giao nếu có thể để né tránh một cuộc chiến tranh bạo lực, phi nghĩa của các thực dân, đế quốc trên thế giới đối với đất nước Việt Nam.

2.2. Vận dụng tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh trong Di chúc của Người vào tiến trình hội nhập của đất nước Việt Nam hiện nay

Có thể thấy, trên nền tảng lý luận về ngoại giao, quan hệ quốc tế trong *Di chúc* mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra, mỗi kỳ Đại hội Đảng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng hợp lý vào thực tiễn cách mạng với mục đích xây dựng đường lối chính trị, ngoại giao phù hợp với tình hình khu vực và thế giới. Đại hội VI (1986) của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện, trong đó Việt Nam chủ trương chính sách đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ. Ngày 20 tháng 5 năm 1988, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 13/NQ/TW *Về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới*. Bộ Chính trị đã đề ra nhiều quan điểm mới và quan trọng là khẳng định “lợi ích cao nhất của Đảng và nhân dân ta là phải củng cố và giữ vững hoà bình để tập trung sức xây dựng và phát triển kinh tế”¹.

Tiếp tục ở Đại hội VII (1991), Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định chủ trương với đường lối đối ngoại rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hoá, chú trọng việc “phát triển quan hệ hữu nghị với các nước Đông Nam Á và châu Á – Thái Bình Dương, phấn đấu cho một Đông Nam Á hoà bình, hữu nghị và hợp tác”². Đại hội XI của Đảng đã vận dụng và phát triển tư tưởng đối ngoại của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngay từ những ngày đầu thành lập nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đó là: “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”³.

Đại hội X (2006) của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực”⁴. Đây chính là việc khẳng định vị thế, tiềm lực của Việt Nam trong khu vực và thế giới, đồng thời còn là sự cam kết của Việt Nam tham gia vào các quan hệ ngoại giao chính trị với các đối tác trên cơ sở các nguyên tắc cùng chung sống và cùng tồn tại hoà bình.

Học tập tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đối ngoại chính trị Việt Nam hiện nay là công cụ chủ yếu, quan trọng để xây dựng khuôn khổ chính trị - pháp lý, thúc đẩy mối quan

1. Nguyễn Cơ Thạch: *Những chuyển biến trên thế giới và tư duy mới của chúng ta*, Tạp chí *Quan hệ quốc tế*, số 1 (1/1990), tr.7.

2. Nguyễn Mạnh Cầm: *Trên đường triển khai chính sách đối ngoại theo định hướng mới*, Tạp chí *Cộng sản*, tháng 4/1993, tr.11-15.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 119.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 112.

hệ hợp tác về chính trị, ngoại giao, văn hoá, kinh tế. Thông qua ngoại giao chính trị, Việt Nam thiết lập quan hệ hữu nghị, tạo sự tin cậy đối với các quốc gia trong khu vực và thế giới, tạo thế chủ động tham gia và đóng góp vào các diễn đàn đa phương, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Thông qua đường lối đối ngoại chính trị chủ động, mở cửa, đa dạng hoá, đa phương hoá nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Việt Nam tích cực tham gia hình thành các khu vực mậu dịch tự do của ASEAN (AFTA), giữa ASEAN và Trung Quốc (CAFTA), góp phần xây dựng quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Nga, ASEAN – Nhật Bản, Việt Nam đã trở thành thành viên của nhiều tổ chức khu vực và thế giới. Đặc biệt, Việt Nam là thành viên của WTO vào cuối năm 2006, và là Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008 – 2009... Cho đến nay, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với trên 179 nước¹, mở rộng quan hệ kinh tế thương mại với nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ.

Đất nước Việt Nam đang trong tiến trình hội nhập khu vực và thế giới một cách rất hiệu quả². Tình hình thế giới luôn biến động thay đổi không ngừng, diễn biến phức tạp. Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhận định việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để tạo nên sức mạnh tổng hợp là một trong những yêu cầu, một trong những bài học kinh nghiệm lớn trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Tại Đại hội Đảng lần thứ XI, bài học kinh nghiệm quý báu này đã được nhấn mạnh: “Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế... phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ ngoại lực, kết hợp yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại”³.

So với Đại hội XI, tại Đại hội XII (2016) Đảng Cộng sản Việt Nam đã bổ sung vào chủ đề nội dung “bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định”⁴ để nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác đối ngoại trong tổng thể đường lối phát triển đất nước và đồng thời nêu rõ hai nhiệm vụ quan trọng nhất của đối ngoại là bảo vệ Tổ quốc và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định. Đại hội XII cũng đề cập rõ hơn và ở mức cao nhất mục tiêu đối ngoại. Lần đầu tiên, mục tiêu đối ngoại “vì lợi ích quốc gia, dân tộc” được nêu lên, ngoài ra Đại hội XII đã làm rõ hơn và phát triển thành “Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi”⁵. Qua đó, Đảng đã khẳng định: *Thứ nhất*, lợi ích quốc gia và lợi ích dân tộc là đồng nhất; *Thứ hai*, lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam được xác định trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của

1. Phạm Bình Minh: *Đường lối, chính sách đối ngoại Việt Nam trong giai đoạn mới*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 29.

2. Carlyle A. Thayer, “Vietnamese Diplomacy, 1975-2015: From Member of the Socialist Camp to Proactive International Integration”, Presentation to International Conference on Vietnam: *40 Years of Reunification, Development and Integration (1975-2015)*, Thủ Dầu Một University, Bình Dương province, Việt Nam, April 25, 2015.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 66.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 147-148.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 153.

luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, không phải là những lợi ích dân tộc vị kỷ, hẹp hòi; *Thứ ba*, bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc phải là nguyên tắc tối cao của mọi hoạt động đối ngoại, lợi ích quốc gia - dân tộc phải là tối thượng, là tiêu chí hàng đầu đánh giá hiệu quả của mọi hoạt động đối ngoại.

Với mục đích vận dụng tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh trong đường lối và chính sách ngoại giao khôn ngoan, mềm dẻo, thích ứng với mọi diễn biến phức tạp của thế giới, Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại Việt Nam rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hoá các quan hệ quốc tế. Khu vực châu Á – Thái Bình Dương nói chung và khu vực Đông Nam Á nói riêng có nhiều sự đan xen về lợi ích và mâu thuẫn giữa các nước lớn trong khu vực và thế giới, đó chính là vấn đề chủ quyền lãnh thổ quốc gia và an ninh biển Đông giữa Việt Nam và các quốc gia trong khu vực. Hiện nay, trước những đòi hỏi của tình hình, ngoại giao Việt Nam tiếp tục vận dụng, phát triển tư tưởng ngoại giao chính trị Hồ Chí Minh, nhằm đổi mới vấn đề tư duy lý luận về quốc tế, đối ngoại chính trị và ngoại giao. Đó chính là các vấn đề chủ yếu sau:

Một là, trong quá trình vận động quan hệ quốc tế hiện nay trên thế giới, các lợi ích và mục tiêu của quốc gia thay đổi nên nhận thức về độc lập, tự chủ cũng cần phải thay đổi. Việt Nam đã và đang xây dựng đường lối ngoại giao độc lập, tự chủ. Theo tư tưởng ngoại giao chính trị của Hồ Chí Minh là “phải luôn luôn vì lợi ích dân tộc”¹, lợi ích quốc gia và lợi ích dân tộc luôn đặt ở vị trí quan trọng đầu tiên của chính sách đối nội cũng như đối ngoại của Việt Nam trong xu thế hội nhập khu vực và thế giới². Để đất nước Việt Nam hội nhập hiệu quả, không thể tuyệt đối hóa độc lập, tự chủ và quan niệm về độc lập, tự chủ theo kiểu nhất thành bất biến và cũng không nên xem trọng hội nhập thái quá, cho rằng hội nhập là “liều thuốc vạn năng” đối với sự phát triển và trong thời đại toàn cầu hóa, không cần và không thể duy trì độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia. Lợi ích dân tộc, ý thức dân tộc, bản sắc dân tộc trở thành một sức mạnh tư tưởng, chính trị có ý nghĩa to lớn trong thế giới cực kỳ biến động hiện nay³. Nếu chúng ta biết khai thác những mối quan hệ tùy thuộc, biết ứng xử khôn khéo, linh hoạt và kịp thời thì có thể hạn chế được những thoả hiệp giữa các nước lớn gây bất lợi cho đất nước⁴ và Việt Nam luôn kiên định con đường hoà bình - ổn định để phát triển kinh tế đất nước.

Chiến lược tổng thể hội nhập quốc tế của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được ban hành vào tháng 1 năm 2016 khẳng định: “mục tiêu tổng quát của hội nhập quốc tế đến năm 2030 là nhằm góp phần tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia”⁵. Đường lối ngoại giao chính trị của Việt Nam về độc lập, tự chủ trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu,

1. Học viện Quan hệ quốc tế: *Bác Hồ nói về ngoại giao*, Hà Nội, Lưu hành nội bộ, 1994, tr. 13.

2. Vũ Văn Hiền: *Giữ vững độc lập, tự chủ trong hội nhập quốc tế*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2017, tr. 162.

3. Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh - Quá khứ, hiện tại và tương lai*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1991, t. 1, tr. 26.

4. Bộ Ngoại giao: *Vận dụng tư tưởng đối ngoại Hồ Chí Minh thời kỳ hội nhập quốc tế*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 90.

5. Chiến lược tổng thể hội nhập quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, ban hành kèm theo Quyết định số 40/QĐ-TTg, ngày 7-1-2016, của Thủ tướng Chính phủ, tr. 8.

rộng cần được vận dụng thận trọng, nhưng không chậm trễ; đồng thời cần phải linh hoạt, khôn khéo, cho phép mở ra những điều chỉnh phù hợp, nhằm bảo đảm mục tiêu an ninh, phát triển và nâng cao vị thế của đất nước.

Hai là, trong mọi giai đoạn lịch sử, các nước lớn luôn có vai trò quan trọng trong quan hệ quốc tế, Việt Nam cần vận dụng linh hoạt phương châm đối thoại, không đối đầu với các cường quốc, không lệ thuộc vào quan hệ với một đối tác, cho dù đó là đối tác mạnh, có tiềm lực quốc phòng và kinh tế trên thế giới. Việc đẩy mạnh quan hệ hợp tác với các nước lớn là chủ trương chiến lược của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam. Tuy nhiên, quan hệ với các nước lớn luôn tồn tại cả thời cơ và thách thức, thậm chí cả sự áp đặt, lệ thuộc nếu không tỉnh táo, khôn khéo, dẫn tới xử lý thiếu đúng đắn, phù hợp, Việt Nam sẽ dễ dàng gặp bất lợi. Ngoài ra hiện nay, trong xu thế toàn cầu hóa, bản thân các nước lớn, vì lợi ích riêng nên họ có nhu cầu quan hệ với các nước khác trong đó có Việt Nam như Huân tước Palmerston, Ngoại trưởng Anh thế kỷ XIX đã nhận định: “Trên thế giới này không có bạn bè vĩnh viễn hay kẻ thù vĩnh viễn, chỉ có lợi ích quốc gia mới là vĩnh viễn”; lợi ích quốc gia chính là sự tự bảo vệ, độc lập và toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quân sự và kinh tế phát triển¹. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng dạy “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”, cái bất biến hiện nay đó chính là lợi ích quốc gia – dân tộc và là cơ sở để chúng ta ứng xử một cách có nguyên tắc nhưng linh hoạt, uyển chuyển, vạn biến đối với các mối quan hệ quốc tế với các cường quốc trong khu vực và thế giới. Phương châm chiến lược này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng trong những ngày đầu thành lập nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1945, khi Người tuyên bố với thế giới: Chính sách đối ngoại của Việt Nam là “sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ nước nào trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam”² và “ký những hiệp ước giao hảo và bình đẳng với mọi nước về các phương diện. Chủ trương các dân tộc được bình đẳng, hết sức giữ gìn hoà bình”³.

Ba là, Việt Nam cần xây dựng chiến lược ngoại giao trong việc giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quan hệ quốc tế ngày nay. Trong đường lối đối ngoại và tiến hành các hoạt động đối ngoại của Việt Nam phải căn cứ vào tình hình trong nước cũng như phải xem xét những yếu tố tác động của bối cảnh quan hệ quốc tế, xem xét chiến lược của các nước lớn và các nước có liên quan lợi ích chính trị, kinh tế, ... với nhau, cần lợi dụng sự khác biệt, mâu thuẫn, bất đồng giữa các cường quốc với nhau để tồn tại⁴. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh thực lực của bản thân là nhân tố quan trọng, quyết định thành công, Người luôn đặt tư duy của mình trong dòng chảy của thời đại, kết hợp sức mạnh dân tộc với quốc tế, đặt cách mạng Việt Nam trong mối quan hệ chung của cách mạng thế giới, với mục đích giành lấy thắng lợi cho dân tộc, cho đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện chính sách ngoại giao rộng mở nhưng có trọng tâm, trọng điểm đã mang đến cho Việt Nam có láng giềng gần,

1. Jack C. Plano and Roy Olton (ed.): *The International Relations Dictionary*, ABC-Clio, Santa Barbara, California and Oxford, England, 1988, p. 10.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.6, tr. 8.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.3, tr. 586.

4. Vũ Dương Huân: *Về chính sách đối ngoại và ngoại giao Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2018, tr. 317.

có anh em xa, có đồng chí thủy chung và bạn bè thân thiết, khiến cho các cường quốc phải quan tâm đến một dân tộc như Việt Nam¹.

Hiện nay, quan hệ giữa Việt Nam với các nước nói chung đang phát triển tốt đẹp, điều đó thiết thực góp phần vào công cuộc đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc, nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế. Đánh giá đúng tình hình thực tiễn nhằm đề ra những quyết sách phù hợp, tranh thủ thời cơ được coi là một phương pháp ngoại giao rất phù hợp với đất nước Việt Nam. Tuy nhiên, không vì thế mà chúng ta chủ quan hoặc tự tin thái quá, dẫn tới sao nhãng những vấn đề nhạy cảm khác có thể gây bất lợi đối với Việt Nam. Nói theo cách khác, mỗi người dân Việt và đất nước Việt Nam cần phải tỉnh táo, hiểu đúng mình và đối tác, thấy rõ mặt tích cực và tiêu cực của mỗi quan hệ với từng nước lớn nhằm có những ứng xử linh hoạt, mềm dẻo theo tình hình chính trị và biến động xảy ra trên thế giới.

Bốn là, Việt Nam trong việc giải quyết vấn đề biển Đông. Cho đến nay, Việt Nam luôn cân nhắc tìm cách tiếp cận có lợi nhất trong việc giải quyết tranh chấp này giữa Việt Nam với các quốc gia và vùng lãnh thổ liên quan. Tuy nhiên, thắng lợi của Philippines sẽ tạo điều kiện để Việt Nam có thể dùng tới điều chỉnh của pháp luật quốc tế để đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền ở biển Đông trước hành động của các cường quốc trong khu vực khi cần thiết.

Chủ trương nhất quán của Việt Nam là giải quyết các tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ cũng như các bất đồng khác liên quan đến biển Đông thông qua thương lượng hòa bình trên tinh thần tôn trọng pháp luật quốc tế, đặc biệt là Công ước của Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Trong khi nỗ lực thúc đẩy đàm phán để tìm giải pháp cơ bản và lâu dài, các bên liên quan cần duy trì ổn định trên cơ sở giữ nguyên trạng không có hành động làm phức tạp thêm tình hình, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực. Để ngăn chặn những hành động đơn phương có thể tạo nên căng thẳng, ngay từ năm 2010, Việt Nam và 9 nước thành viên còn lại trong ASEAN đã cùng với Trung Quốc bắt đầu thảo luận một Bộ Quy tắc hướng tới việc tránh xung đột giữa các bên đưa ra yêu sách ở Biển Đông (COC - The Code of Conduct for the South China Sea). Trong quá trình tham vấn xây dựng COC, các nước lần đầu tiên trao đổi với nhau về bản chất của COC, cách tiếp cận xây dựng COC, thời gian hoàn thành và đề cương COC. Các nước trong khu vực cũng nhất trí đẩy mạnh sớm hoàn tất tài liệu hướng dẫn để đưa vào vận hành đường dây nóng giữa các quan chức ngoại giao ASEAN và Trung Quốc về ứng phó các sự cố khẩn cấp trên biển cũng như hoàn tất xây dựng Tuyên bố chung ASEAN - Trung Quốc về thực hiện Bộ quy tắc ứng xử để tránh va chạm bất ngờ trên biển (CUES) tại Biển Đông. Mặt khác, việc xác lập chủ quyền biển, đảo của Việt Nam đã được bảo đảm bằng cơ sở pháp lý và lịch sử, phù hợp Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982, đó là cơ sở để cộng đồng quốc tế đứng về phía chính nghĩa của nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Đó cũng chính là điều kiện để tập hợp lực lượng quốc tế, nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới đoàn kết, ủng hộ cùng với nhân dân Việt Nam bảo vệ chủ quyền lãnh thổ trên biển Đông.

Việt Nam đã và đang tập trung những nỗ lực quan hệ với Australia, Ấn Độ, Liên bang

1. Trần Thị Minh Tuyết: *Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 256.

Nga, Hàn Quốc và Nhật Bản, cùng một số đối tác ngoài Mỹ trong cấu trúc khu vực Ấn Độ - Thái Bình Dương, Việt Nam đã “đưa quan hệ hợp tác với các đối tác đi vào chiều sâu, thực chất và hiệu quả hơn”¹. Việt Nam chú trọng hơn các quan hệ dựa vào biển và hàng không, vận dụng lợi thế quan hệ với các quốc gia này trong quan hệ giữa Việt Nam với Mỹ và Trung Quốc. Việt Nam đã và đang cố gắng tránh khỏi sự lôi kéo, tập hợp vào vòng xoáy cạnh tranh ảnh hưởng giữa Trung Quốc, Mỹ và các đồng minh... Đây chính là những cơ hội thách thức cho Việt Nam trong tác động của Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Mỹ và Sáng kiến “Vành đai và con đường” của Trung Quốc ở khu vực hiện nay.

3. Kết luận

Sự nghiệp cách mạng Việt Nam gần 90 năm qua của nhân dân ta do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo đã vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, giành được những thắng lợi vĩ đại: đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu cao cả: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Hiện nay, cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng phức tạp và vô cùng quan trọng. Các thế lực thù địch trong và ngoài nước đang tiếp tục chống phá sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam, phủ định chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh – nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Vì vậy, mỗi người dân Việt cần phải tỉnh táo và đủ bản lĩnh để nhận diện và bác bỏ các luận điểm sai trái đó bằng lý luận và minh chứng thực tế trong lịch sử Việt Nam. Mặc dù còn phải đối mặt với nhiều khó khăn và thử thách nhưng cả dân tộc Việt Nam vẫn tràn đầy niềm lạc quan, tin tưởng hướng tới tương lai.

Một trật tự thế giới mới đã và đang dần hình thành, từ “lưỡng cực” có thể chuyển sang “một cực” hay “đa cực”; từ xu thế đối đầu, chuyển sang xu thế liên kết, cùng hoà hoãn, cùng chung sống hoà bình hội nhập và cùng phát triển. Việt Nam dù muốn hay không cũng không thể đi ngược lại với xu thế của thời đại, xu thế của sự phát triển. Vì vậy, Việt Nam cùng với chủ trương phát triển quan hệ ở tầm đối tác toàn diện, đối tác chiến lược toàn diện với từng nước lớn, cần đẩy mạnh quan hệ với các nước lớn khác và các nước đang phát triển với những cơ chế hợp tác, đối thoại, trao đổi phù hợp, tạo thế đan xen lợi ích với từng đối tác và với các nước lớn. Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh trong bản *Di chúc* đã được chứng minh qua cuộc kháng chiến thần thánh chống kẻ thù xâm lược và đang được vận dụng trong hiện thực cách mạng Việt Nam ngày nay. Có thể khẳng định tư tưởng ngoại giao hòa bình Việt Nam trong *Di chúc* của Người suốt 50 năm qua đã và được truyền lại cho thế hệ mỗi con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam hôm nay và mai sau, xin lấy lại câu nói bất hủ của Người một lần nữa để thay lời kết luận: “*Nhân dân Việt Nam chúng tôi yêu chuộng hòa bình, một nền hòa bình chân chính trong độc lập và tự do thực sự*”². Đó chính là khát vọng, là niềm tin, là mơ ước hơn bao giờ hết của đất nước Việt Nam, con người Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập khu vực và thế giới ngày nay.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 245.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.12, tr. 488.

TƯ TƯỞNG ĐẠI ĐOÀN KẾT TRONG DI CHỨC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ GIÁ TRỊ Ở HIỆN TẠI

*TS. Trần Việt Quân**

*TS. Lê Văn Phục***

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh đã trở thành một chiến lược cách mạng nhất quán, là bí quyết thành công của cách mạng Việt Nam. Trong các bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cập đến vấn đề đại đoàn kết. Trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, có đến 839 bài nói về “đại đoàn kết” và hơn 1.000 lần sử dụng từ “đoàn kết” và “đại đoàn kết”. Tư tưởng đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện nhất quán từ đầu đến cuối, trên cả phương diện lý luận và thực tiễn. Ngay trong *Di chúc*, một văn bản mang tính cô đọng, đúc kết mà Bác đã sử dụng 8 lần từ “đại đoàn kết”, thể hiện ba nội dung cơ bản: đoàn kết quốc tế, đoàn kết trong Đảng; đại đoàn kết toàn dân. Như lời nhận xét của Alain Ruscio - nhà sử học người Pháp: “Có thể nói bản *Di chúc* này thu tóm tất cả trong một mong muốn to lớn mà Người luôn ấp ủ: đó là sự đoàn kết¹”.

1. Tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh về đại đoàn kết trong *Di chúc*

1.1. Về đoàn kết quốc tế

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định đoàn kết, hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa các dân tộc là vấn đề chiến lược lâu dài của cách mạng, là nhân tố bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng. Trong *Di chúc*, Người khẳng định: “... Kế theo đó, tôi sẽ thay mặt nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, và các nước bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta”². Như vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh ghi nhận một trong những nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam là nhờ sự đoàn kết, sự ủng hộ, giúp đỡ tận tình của các nước xã hội chủ nghĩa và bầu bạn khắp năm châu. Vì vậy, một trong những dự kiến đầu tiên của Người ngay sau khi chiến tranh kết thúc là thay mặt nhân dân đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, và các nước bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ và qua đó củng cố, mở rộng hơn nữa khối đoàn kết, hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa các dân tộc đối với Việt Nam.

Từ khi đến với Chủ nghĩa Mác - Lênin về sau, với uy tín nhiệt tình cách mạng và chủ nghĩa quốc tế trong sáng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những đóng góp quan trọng vào sự

* *Học viện Chính trị khu vực III*

** *Học viện Chính trị khu vực III*

1. Bài phỏng vấn nhà nghiên cứu sử học người Pháp Alain Ruscio, Chủ tịch Trung tâm thông tin tư liệu Việt Nam tại Pháp, chuyên gia nghiên cứu các vấn đề thuộc địa Pháp và Đông Dương. Trong Nguyễn Thu Hà (11/9/2009), “Đoàn kết là cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh”, *TTXVN*. Truy cập ngày 11/11/2019 tại <https://www.vietnamplus.vn/doan-ket-la-cot-loi-trong-tu-tuong-ho-chi-minh/17884.vnp>

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 621.

đoàn kết, thống nhất giữa các lực lượng cách mạng trên thế giới. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ sự đoàn kết, hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa các dân tộc có cơ sở từ sự thống nhất về lợi ích, thống nhất về sứ mệnh lịch sử trong sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc và giải phóng nhân loại. Người viết: “Hỡi các bạn bị áp bức ở chính quốc! Giai cấp tư sản trong nước các bạn đã lừa dối các bạn, dùng các bạn làm công cụ đi xâm lược đất nước chúng tôi. Ngày nay, vẫn dùng cái chính sách quỷ quyết ấy, giai cấp tư sản nước các bạn lại định dùng chúng tôi để đàn áp mọi cố gắng tự giải phóng của các bạn”¹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh có tầm nhìn vượt thời đại trong tư duy đoàn kết, hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa các dân tộc. Đó là đoàn kết các dân tộc cùng khổ ở châu Á nhằm chống lại các thế lực áp bức. Người chỉ rõ: “Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”². Một trong những luận điểm sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đoàn kết, hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa các dân tộc là “về cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa có thể giành thắng lợi trước và giúp cách mạng vô sản ở chính quốc giành thắng lợi”. Ngay từ năm 1930, Người đã viết: “Rằng đây bốn bề một nhà, Vàng, đen, trắng, đỏ đều là anh em”. Chính từ đó mà sau này Người xác định: “Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực”³.

Theo Hồ Chí Minh lợi ích dân tộc cũng là tiêu chí để phân biệt, đánh giá bạn - thù, phân hoá và tập hợp lực lượng. Người cho rằng: “Đối với người, ai làm gì lợi ích cho dân, cho Tổ quốc ta đều là bạn. Bất kỳ ai làm điều gì có hại cho nhân dân và Tổ quốc ta tức là kẻ thù”⁴. Do vậy, theo Người: “Muốn làm cách mạng thắng lợi thì phải phân biệt rõ ai là bạn ai là thù, phải thực hiện thêm bầu bạn, bớt kẻ thù. Mọi người yêu nước và tiến bộ là bạn của ta”⁵.

Với sự quan tâm và lòng nhiệt huyết với phong trào đoàn kết quốc tế, mà trước lúc đi xa Người vẫn băn khoăn, day dứt nhất với trong phong trào cộng sản quốc tế. Trong *Di chúc*, Người viết: “là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hòa hiện nay giữa các đảng anh em!”⁶.

1.2. Về đoàn kết trong Đảng

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thấy được nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thất bại của phong trào yêu nước những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX là do chưa đoàn kết. Do đó, công việc đầu tiên của Người đối với việc thành lập Đảng là kêu gọi những người cộng sản của ba tổ chức cộng sản trong nước “bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, thành thật hợp tác

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 2, tr. 139.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 1, tr. 48.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 523.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 8, tr. 264.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 13, tr. 453.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 623.

đề thống nhất” thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam là tổ chức đoàn kết thống nhất, là đội tiên phong của liên minh công nông, trí thức, của dân tộc ta lãnh đạo toàn dân ta thực hiện lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định, mục tiêu đoàn kết chính là nguyên tắc, là cái bất biến của Đảng, là “hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”¹. Nếu xa rời mục tiêu này thì nội bộ Đảng sẽ bị phân tán, rệu rã. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: cá nhân chủ nghĩa là căn bệnh nguy hiểm đối với đoàn kết. Mục tiêu đoàn kết là điểm tập trung để quy tụ tất cả mọi tổ chức từ Trung ương xuống tới chi bộ, quy tụ tất cả đảng viên thường đến những đảng viên giữ trọng trách. Bảo đảm cho Đảng có sự thống nhất cao về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Mỗi cán bộ, đảng viên sẽ đặt lợi ích của cách mạng, của Đảng, của nhân dân lên trên hết. Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh, sở dĩ Đảng ta vĩ đại, vì ngoài lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích gì khác.

Để tăng cường sức mạnh, sự đoàn kết thống nhất trong Đảng theo Người phải thực hiện tốt các nguyên tắc: tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, kỷ luật nghiêm minh tự giác, tự phê bình và phê bình trên cơ sở Cương lĩnh, Nghị quyết của Đảng. Tổ chức đảng là đơn vị chiến đấu nên phải mạnh thực sự chứ không phải hình thức, đoàn kết thống nhất phải cả trong tư tưởng và hành động chứ không hình thức xuê xoa, cái vỏ bề ngoài. Người khẳng định: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng.” Dân chủ trong Đảng là nền tảng cho sự đoàn kết, là cơ sở quan trọng để thực hiện dân chủ trong xã hội. Đồng thời, chỉ có trên cơ sở dân chủ nội bộ Đảng thì đảng viên mới thật trung thực, thẳng thắn, chân thành với nhau và do đó tình đồng chí thương yêu lẫn nhau mới được phát huy tốt trong công tác xây dựng Đảng.

Với tầm quan trọng to lớn như vậy, nên trước lúc đi xa trong *Di chúc* Người căn dặn. “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”². Đây là một bài học lớn về sự đoàn kết thống nhất, độc lập, tự chủ về đường lối, về chủ trương chiến lược là bài học có ý nghĩa sống còn đối với Đảng ta.

1.3. Về đại đoàn kết toàn dân

Dựa trên nền tảng tư tưởng truyền thống của dân tộc và quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin về dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát triển lên một bước mới rất độc đáo. Người coi dân là gốc của nước, nước lấy dân làm gốc “Gốc có vững, cây mới bền. Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân”³. Yêu dân, tin dân, quý dân, trọng dân, Người đã từng nói: Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân, dân là quý nhất, quan trọng nhất, trong thế giới không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân, trong xã hội không có gì tốt đẹp, vẻ vang bằng phục vụ lợi ích của nhân dân. Người luôn căn dặn: Chúng ta phải ghi tạc vào đầu cái

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 624.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 622.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 502.

chân lý này: dân rất tốt. Lúc họ đã hiểu thì việc gì khó khăn mấy họ cũng làm được, hy sinh mấy họ cũng không sợ. Nhưng trước hết cần phải chịu khó tìm đủ cách giải thích cho họ hiểu rằng: những việc đó là vì lợi ích của họ mà phải làm. Người đúc kết: “Để mười lần không dân cũng chịu, Khó trăm lần dân liệu cũng xong”¹.

Để thực hiện đại đoàn kết toàn dân, theo Hồ Chí Minh phải kế thừa truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, phải có tấm lòng khoan dung, độ lượng với con người. Người tha thiết kêu gọi tất cả những người thật thà yêu nước, không phân biệt tầng lớp nào, tín ngưỡng nào, chính kiến nào, trước đây hướng về phe nào, hãy thật thà cộng tác vì dân, vì nước. Người đã đưa ra nhiều luận điểm về đoàn kết toàn dân: Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công; Đoàn kết là điểm mẹ; điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt; Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn xác định đại đoàn kết toàn dân là chiến lược của cách mạng. Để xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Nguyễn Ái Quốc, ngày 19/5/1941, Mặt trận Việt Minh được thành lập. Chương trình cứu nước của Việt Minh lập tức được đông đảo nhân dân hưởng ứng mạnh mẽ. Dưới ngọn cờ cứu nước của Việt Minh, phong trào cách mạng phát triển hết sức nhanh chóng vì đáp ứng được nguyện vọng thiết tha nhất của nhân dân là phải đánh đuổi Nhật – Pháp, giành cho được độc lập dân tộc. Người viết thư kêu gọi đồng bào cả nước: Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng... Việc cứu quốc là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kề vai gánh vác một phần trách nhiệm: người có tiền góp tiền, người có của góp của, người có sức góp sức, người có tài năng góp tài năng. Riêng phần tôi, xin đem hết tâm lực đi cùng các bạn, vì đồng bào mưu giành tự do độc lập, dầu phải hy sinh tính mệnh cũng không nề².

Đối với Hồ Chí Minh, đại đoàn kết toàn dân không chỉ là mục tiêu mà còn là khát vọng. Khát vọng ấy thể hiện sâu sắc trong *Di chúc* của Người: “Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”³.

2. Giá trị tư tưởng đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

Thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Đảng ta đã xác định: “Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế”⁴. Thấm nhuần tư tưởng của Bác, trong những năm qua Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta đã xây dựng được đại đoàn kết vững mạnh, chính điều này đã tạo nên sức mạnh to lớn cho trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, trong quá trình hội nhập quốc tế. Ngày nay, Việt Nam đang trên con đường phát triển và hội nhập, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 280.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 3, tr. 230.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 624.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 311.

về đại đoàn kết vẫn là ngọn đuốc soi đường, có giá trị to lớn đối với quá trình xây dựng đại đoàn kết: đoàn kết quốc tế, đoàn kết trong Đảng, đoàn kết toàn dân.

Thứ nhất, đối với đoàn kết quốc tế

Việt Nam bước vào thời kỳ mới trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và đất nước có nhiều biến đổi. Toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập quốc tế ngày càng mở rộng, khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ. Qua hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử và vị thế trên trường quốc tế được nâng lên. Những thành tựu toàn diện của Việt Nam trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, ... được bắt nguồn từ đường lối đúng đắn của Đảng ta, mà đường lối ấy lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Điều đó khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng đoàn kết quốc tế nói riêng có giá trị bền vững, luôn giữ vai trò là cơ sở lý luận cho Đảng Cộng sản Việt Nam xác định đường lối đối ngoại, mở rộng quan hệ quốc tế.

Trong điều kiện mới, tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế vẫn là cơ sở lý luận quan trọng để Đảng Cộng sản Việt Nam xác định chủ trương: “Củng cố và tăng cường quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân, đảng cánh tả, các phong trào độc lập dân tộc, cách mạng và tiến bộ trên thế giới”¹. Đồng thời tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết khu vực, đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào - Campuchia cũng vẫn là cơ sở lý luận, phương pháp luận để Đảng ta xác định: “Thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện và có hiệu quả với các nước Asean, các nước châu Á - Thái Bình Dương... cũng cố quan hệ hợp tác song phương tin cậy với các đối tác chiến lược”².

Trong hoàn cảnh mới, mặc dù quan hệ Việt Nam với các nước có nhiều phát triển mới, song tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết với nhân dân tiến bộ thế giới vẫn là cơ sở lý luận vững chắc, lâu dài cho cách mạng Việt Nam về phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Đó cũng chính là cơ sở để Đảng Cộng sản Việt Nam xác định chủ trương: “Đẩy mạnh công tác văn hóa - thông tin đối ngoại, góp phần tăng cường sự hợp tác, tình hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước”³; “... thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”⁴.

Thứ hai, đối với đoàn kết trong Đảng

Lịch sử 89 năm (1930-2019) tồn tại và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định tính đúng đắn quan điểm đoàn kết trong *Di chúc* Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhờ sức mạnh đoàn kết thống nhất, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành thành công cuộc

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 113.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 114.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 115.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 153.

Cách mạng tháng Tám 1945 và hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ; hiện nay đang lãnh đạo sự nghiệp đổi mới đất nước. Chỉ có đoàn kết thống nhất trong Đảng mới có được khối đoàn kết rộng rãi và chặt chẽ toàn dân, đoàn kết quốc tế tạo nên sức mạnh to lớn cho cách mạng Việt Nam.

Ngày 2 tháng 9 năm 1969, trong niềm tiếc thương vô hạn trước sự ra đi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Lê Duẩn thay mặt những người cộng sản và cả dân tộc ta tuyên thệ: “Vĩnh biệt Người, chúng ta thề: Hết lòng, hết sức giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình, tăng cường sức chiến đấu của Đảng, làm hạt nhân cho đoàn kết toàn dân, đảm bảo cho sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam hoàn toàn thắng lợi”¹. Thực hiện *Di chúc* của Người, trong 50 năm qua đa số những người cộng sản Việt Nam vẫn giữ trọn lời thề, kề vai sát cánh, đoàn kết thống nhất, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng đất nước. Các đảng viên luôn “giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”, kiên định, thống nhất về tư tưởng, tổ chức và hành động kịp thời nâng cao nhận thức, tăng cường bản lĩnh cho đảng viên, đặc biệt là những đảng viên giữ các vị trí lãnh đạo; uốn nắn những quan điểm lệch lạc, những nhận thức mơ hồ, những biểu hiện cơ hội, hữu khuynh, giáo điều đảm bảo điều kiện vững chắc để Đảng lãnh đạo nhân dân thực hiện thành công sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, sớm đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng mãi mãi là nguyên tắc, là bài học lớn trong công tác xây dựng Đảng.

Thứ ba, đối với đại đoàn kết toàn dân

Thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đoàn kết toàn dân, Đảng ta chủ trương mở rộng mặt trận đại đoàn kết, ngày 17/11/1993, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) đã ra Nghị quyết số 07 NQ/TW về “Đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất”. Nghị quyết đã vạch ra chiến lược đại đoàn kết trong thời kỳ phát triển mới của đất nước. Nghị quyết nêu rõ đoàn kết mọi người Việt Nam, lấy mục tiêu chung làm điểm tương đồng, chấp nhận những điểm khác nhau, không trái với lợi ích dân tộc, cùng nhau xóa bỏ định kiến, mặc cảm, hận thù, xây dựng tinh thần đoàn kết, cởi mở, tin cậy lẫn nhau. Tiếp theo Nghị quyết 07, ngày 29/11/1993 Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết 08-NQ/TW về chính sách và công tác đối người Việt Nam ở nước ngoài. Ngày 12 tháng 3 năm 2003, Hội nghị lần thứ bảy (khóa IX) Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã cụ thể hóa tư tưởng đại đoàn kết toàn dân trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng Nghị quyết số 23/NQ -TW về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Trong Văn kiện Đại hội lần thứ XII, Đảng xác định: “Đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”².

Trong tư tưởng đại đoàn kết toàn dân Hồ Chí Minh đề cao vấn đề lợi ích, xem lợi ích là một động lực. Để quán triệt quan điểm về lợi ích, cần khắc phục những lệch lạc trong huy động sức dân, nhất là lạm dụng chủ trương xã hội hóa mà huy động sự đóng góp của dân và

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 628.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 158.

coi nhẹ việc bồi dưỡng sức dân; đồng thời khắc phục tư tưởng mị dân, cục bộ, bản vị, làm hại lợi ích chung. Sự vận dụng tư tưởng đại đoàn kết toàn dân trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh được thể hiện trong Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng đã khẳng định: “Đại đoàn kết dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hòa lợi ích giữa các thành viên trong xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, bảo đảm mỗi người dân đều được thụ hưởng những thành quả của công cuộc đổi mới”¹. Đại đoàn kết toàn dân cũng chính là để phục vụ cho lợi ích của toàn dân.

Tóm lại, trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tư tưởng đại đoàn kết được thể hiện một cách sâu sắc, toàn diện, là nhiệm vụ hàng đầu của dân tộc và của Đảng. Đoàn kết là đòi hỏi khách quan của bản thân quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng mình, là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Một nửa thế kỷ trôi qua, tư tưởng đại đoàn kết trong *Di chúc* của Người vẫn thể hiện một tầm nhìn xuyên thời đại, đúc kết những nội dung cơ bản, những quan điểm cốt yếu và vạch ra phương hướng phát triển cho cách mạng Việt Nam cả quá khứ, hiện tại và mai sau. *Di chúc* là những lời căn dặn và tình cảm thiết tha, là niềm tin sâu sắc của Người để lại cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta cũng như các thế hệ người Việt Nam, đã trở thành cương lĩnh hành động của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 159.

50 NĂM TƯ TƯỞNG ĐẠI ĐOÀN KẾT TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (1969 - 2019)

ThS. Nguyễn Hữu Sơn*

Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất của dân tộc Việt Nam, đã để lại cho chúng ta một di sản tinh thần vô giá, một hệ thống tư tưởng về nhiều mặt. Trong đó tư tưởng về đại đoàn kết là tư tưởng nổi bật, có ý nghĩa, giá trị trường tồn đối với quá trình phát triển của dân tộc ta và của toàn nhân loại. Theo số liệu thống kê, trong 1.921 bài viết có tới 839 bài Người đề cập đến vấn đề đoàn kết thống nhất và có tới 1.809 lần Bác dùng từ *đoàn kết*, *đại đoàn kết*. Đây là tư tưởng xuyên suốt, nhất quán trong tư duy lý luận và trong hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh, đồng thời cũng là chiến lược cách mạng của Đảng, gắn liền với những thắng lợi vẻ vang của dân tộc. Đặc biệt, cho đến những năm tháng cuối cùng của cuộc đời trước lúc đi xa, Người vẫn không nguôi nỗi niềm trăn trở về vận mệnh của Đảng, của đất nước và toàn thể dân tộc Việt Nam mà để lại những dòng *Di chúc* thấm đẫm tinh thần cách mạng suốt đời hy sinh cho nhân dân, đất nước.

Trong *Di chúc* để lại, với nhiều nội dung nhưng tập trung xuyên suốt vẫn là tư tưởng đoàn kết một cách rất sâu sắc. Chỉ vồn vện vài trang giấy nhưng có tám (08) lần Người nhắc đi nhắc lại cụm từ *đoàn kết*. Với Người, đoàn kết trở một chân lý hiển nhiên từ trong tư duy lý luận, cho đến hành động cách mạng. Đoàn kết từ trong Đảng với tư cách là đội tiên phong của giai cấp, của nhân dân và toàn thể dân tộc lãnh đạo cách mạng, giải phóng dân tộc, giải phóng con người, trở thành Đảng cầm quyền, cho tới đoàn kết toàn dân tộc gắn với đoàn kết quốc tế trong sáng vì lý tưởng cao đẹp, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đoàn kết trong *Di chúc* của Người đã bao quát một cách biện chứng mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, dân tộc, giữa quốc gia và quốc tế:

Trước hết, phải đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Chỉ với khoảng 20 dòng nói về Đảng trong *Di chúc* nhưng đã có đến năm (05) lần Hồ Chí Minh nhắc đến cụm từ *đoàn kết*. Người chỉ rõ: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và nhân dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”¹. Hình ảnh giữ gìn con ngươi của mắt mình được Người dùng là hình ảnh sâu sắc và lắng đọng nhất, gợi nên ý nghĩa sâu xa trong tư tưởng. Đoàn kết thống nhất trong Đảng không chỉ là mối quan tâm hàng đầu mà còn là trăn trở khi Bác dự liệu về mai sau. Đoàn kết thống nhất trong Đảng là một trong những nguyên tắc cơ bản nhất trong xây dựng Đảng, là sự vận động và phát triển theo đúng quy luật của Đảng. Đoàn kết thống nhất trong Đảng là cơ sở để xây dựng khối đoàn kết toàn dân. Xây dựng và giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng là nhiệm vụ và là nền tảng cho mọi thành công. Đoàn kết thống nhất không chỉ là vấn đề sinh tử của từng tổ

* Học viện Cán bộ TP.HCM.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.12, tr.503.

chức Đảng các cấp, mà còn là sinh mệnh của toàn Đảng, là vấn đề sống còn của cách mạng. Tổ chức mà mất đi sự đoàn kết thống nhất từ trong nội tại của chính nó thì cũng đồng nghĩa với việc tổ chức đó đã tự đổ vỡ từ bên trong.

Cơ sở cho việc Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến vai trò và ý nghĩa của sự đoàn kết thống nhất trong Đảng chính là nguyên tắc tổ chức của Đảng mà V.I.Lênin đã vạch ra trong xây dựng đảng kiểu mới của giai cấp công nhân. Trong đó, tập trung sự thống nhất, đoàn kết trên nền tảng về tư tưởng (Chủ nghĩa Mác – Lênin), về chính trị (Cương lĩnh, Điều lệ, Nghị quyết, Chỉ thị,... của Đảng), về tổ chức (theo sự tập trung của các tổ chức cơ sở đảng từ Trung ương đến địa phương, cơ sở mà hạt nhân và nòng cốt chính là Chi bộ đảng). Đó không phải là sự đoàn kết giả tạo, hình thức, nó phải được thể hiện cả hai phương diện nhận thức lý luận và thực tiễn trong hành động cách mạng. Tư tưởng và hành động phải thống nhất. Không thể bề ngoài là đoàn kết nhưng những khi cần ra một quyết định, ban hành một quyết sách thì không có được sự thống nhất hay khi cần thì liên minh nhau lại nhân danh đoàn kết, khi không cần thì tìm cách cản trở công việc của nhau. Quan điểm của Hồ Chí Minh cho rằng, đoàn kết thống nhất là sự đoàn kết mang tính biện chứng, chặt chẽ, trước sau như một trên nền lợi ích của Đảng, lợi ích của giai cấp, lợi ích của dân tộc, lợi ích của quốc gia. Người luôn nhấn mạnh: Đảng tuy có nhiều đảng viên, song khi tiến hành nhiệm vụ cách mạng thì chỉ như một người, trong Đảng không cho phép có tình trạng trống đánh xuôi, kèn thổi ngược.

Từ khi ra đời, trải qua nhiều thời kỳ cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thể hiện sự đoàn kết thống nhất, tuy đông nhưng khi tiến đánh chỉ như một. Trong lễ ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam ngày 3-3-1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh trình trọng tuyên bố trước quốc dân đồng bào: Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm tám chữ là: “Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc”¹. Đây không chỉ là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, mà cũng là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc, vì nó là đòi hỏi khách quan của quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh tự giải phóng. Người chỉ rõ vai trò của đoàn kết đối với Đảng rằng: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”². Không chỉ nói đoàn kết, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nói đến các cụm từ như: *đoàn kết chặt chẽ, đoàn kết nhất trí, đoàn kết và thống nhất*. Đặc biệt là Người dùng hình ảnh *con người của mắt* ví với vấn đề đoàn kết. Ở một văn bản quan trọng đã nhiều năm suy ngẫm, ở một con người mà văn phong đã được cân nhắc từng câu, từng chữ, thì những cụm từ này càng có ý nghĩa sâu sắc. Nó không chỉ là điệp khúc trong bản anh hùng ca của Đảng và dân tộc, tạo ra sức mạnh vô địch để làm nên thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Nó còn là ý niệm và hành động thường trực trong bản thân Chủ tịch Hồ Chí Minh và rồi khi Người đi xa, nó sẽ tiếp tục là ý thức thường trực, là phương châm hành động của những người cộng sản Việt Nam.

Bên cạnh những dòng chữ được đánh máy: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát

1. Báo Cứu Quốc: *Đảng Lao động Việt Nam*, số 46, ngày 21 tháng 4 năm 1951.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.503.

triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng”¹, năm 1965 Chủ tịch Hồ Chí Minh còn bổ sung một dòng chữ viết tay bằng màu mực đỏ “phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”². Sự nhắc nhở bằng mực đỏ này là một luận điểm rất quan trọng về đoàn kết trong Đảng ở tư tưởng của Người. Điều đó có ý nghĩa rằng, Bác rất chú trọng tới cái tâm trong sáng trong sinh hoạt Đảng bên cạnh tính kiên quyết của nguyên tắc tự phê bình và phê bình, chính là yếu tố cái *tình* trong đoàn kết, trong cuộc sống của Đảng. Nếu như không xuất phát từ *tình đồng chí thương yêu lẫn nhau* thì mọi cuộc tự phê bình và phê bình sẽ đưa lại kết quả không tốt đẹp, thậm chí, có thể tạo nên một bầu *không khí đấu đá*, một *cuộc thanh trừng* trong Đảng. Do đó nếu không dựa trên tình đồng chí yêu thương đoàn kết lẫn nhau, gấn bó cùng giúp nhau tiến bộ thì hoạt động tự phê bình và phê bình có khi còn phản tác dụng làm suy yếu sức mạnh của Đảng. Kết hợp với dân chủ, tình đồng chí thương yêu lẫn nhau sẽ tạo được bầu không khí cởi mở, chân thành, tin cậy, khơi dậy mọi tiềm năng trong xây dựng Đảng. Có thể nói đây chính là sự kế thừa và sáng tạo một cách biện chứng của Hồ Chí Minh từ quan điểm của V.I.Lênin về xây dựng đảng vô sản kiểu mới, luận điểm này vô cùng phù hợp khi đặt trong hoàn cảnh cụ thể của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như tâm lý truyền thống *có lý, có tình* của người Việt.

Thứ hai là, phải đoàn kết dân tộc.

Hồ Chí Minh cho rằng đại đoàn kết dân tộc không chỉ là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của đảng mà còn là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc. Bởi vì, đại đoàn kết dân tộc chính là nhiệm vụ của quần chúng, do quần chúng, vì quần chúng. Đảng có sứ mệnh thức tỉnh, tập hợp, đoàn kết quần chúng tạo thành sức mạnh vô địch trong cuộc đấu tranh vì độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, hạnh phúc cho con người. Đảng ta phải có những chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn đất nước, thực tế khách quan của thế giới và phải đáp ứng nhu cầu nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp nhân dân. Đó là cách tốt nhất để tập hợp lực lượng cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Theo Hồ Chí Minh, *dân* chỉ mọi người dân Việt Nam, không phân biệt dân tộc đa số, người tín ngưỡng với người không tín ngưỡng, không phân biệt già trẻ, gái, trai, giàu, nghèo. Nói đến đại đoàn kết dân tộc cũng có nghĩa phải tập hợp mọi người dân vào một khối trong cuộc đấu tranh chung. Người đã nhiều lần nói rõ: “ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập Tổ quốc; ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà. Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phụng sự Nhân dân thì ta đoàn kết với họ”³. Muốn thực hiện đại đoàn kết toàn dân thì phải kế thừa truyền thống yêu nước – nhân nghĩa của dân tộc, phải có tấm lòng khoan dung, độ lượng với con người. Xác định khối đại đoàn kết là liên minh công – nông, trí thức. Tin vào dân, dựa vào dân, *phải phấn đấu vì quyền lợi của dân*. Người cho rằng, liên minh công – nông – trí thức làm nền tảng cho khối đại đoàn kết toàn dân, nền tảng được củng cố vững chắc thì khối đại đoàn kết dân tộc càng được mở rộng, không e ngại bất cứ thế lực nào có thể làm suy yếu khối đại đoàn kết dân tộc. Trên cơ sở những quan điểm về ích lợi của người dân trong việc thực hiện đoàn kết dân tộc mà Hồ Chí

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.504.

2. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.15.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.438.

Minh đã đề ra các chính sách cụ thể trong Di chúc của mình đối với các tầng lớp nhân dân: Với đoàn viên và thanh niên, Đảng cần chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên”; Với người nông dân cần có chính sách miễn thuế nông nghiệp một năm; Với phụ nữ, Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo; Với thương binh, thân nhân gia đình thương binh liệt sĩ Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn...; và cả những nạn nhân của chế độ cũ như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu,... thì Nhà nước phải dùng vừa giáo dục, vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện¹.

Ở mỗi quốc gia dân tộc bao giờ cũng tồn tại những tầng lớp, giai cấp khác nhau. Mỗi giai cấp, mỗi tầng lớp lại có lợi ích khác nhau nhưng tất cả lợi ích khác nhau đó đều có điểm chung là lợi ích dân tộc. Quyền lợi của các tầng lớp, giai cấp có thực hiện được hay không còn phụ thuộc vào dân tộc đó có được độc lập tự do, có đoàn kết hay không và việc nhận thức, giải quyết đúng đắn các quan hệ lợi ích đó như thế nào. Nguyên tắc đại đoàn kết dân tộc ở Hồ Chí Minh là tìm kiếm, trân trọng và phát huy những yếu tố tương đồng, thu hẹp đến mức thấp nhất những yếu tố khác biệt, mâu thuẫn, và Người bao giờ cũng tìm ra những yếu tố của đoàn kết dân tộc thay cho sự đào sâu tách biệt, thực hiện sự quy tụ thay cho việc loại trừ những yếu tố khác nhau về lợi ích. Theo Hồ Chí Minh, lợi ích tối cao của dân tộc là độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, là bình đẳng, dân chủ, tự do. Lợi ích tối cao này là ngọn cờ đoàn kết, là sức mạnh dân tộc và là nguyên tắc bất di bất dịch của cách mạng Việt Nam. Đó cũng là nguyên tắc bất biến trong tư tưởng Hồ Chí Minh để Người tìm ra những phương pháp thực hiện nguyên tắc đó trong chiến lược đại đoàn kết dân tộc. Vì những lẽ đó mà mong muốn cuối cùng của cuộc đời với Hồ Chí Minh: “là toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”².

Thứ ba, phải đoàn kết quốc tế.

Ngay khi trở thành người cộng sản tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp, tán thành việc gia nhập Quốc tế III của V.I.Lênin, tiếp cận chủ nghĩa Lênin với lập trường vô sản quốc tế, Hồ Chí Minh đã xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới và chỉ có thể giành được thắng lợi hoàn toàn khi có sự đoàn kết chặt chẽ với phong trào cách mạng thế giới. Trong tiến trình cách mạng, tư tưởng của Người về vấn đề đoàn kết với cách mạng thế giới càng được làm sáng tỏ hơn và đầy đủ hơn. Cách mạng Việt Nam phải gắn với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, với các nước xã hội chủ nghĩa, với tất cả các lực lượng tiến bộ đấu tranh cho dân chủ, tiến bộ và hòa bình thế giới. Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng tình hữu ái vô sản, Người đã từng khẳng định: “Dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản”³.

1. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.29-30.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.5.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.266.

Từ thực tiễn quá trình hoạt động cách mạng cho thấy, Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm, vun đắp cho tình đoàn kết quốc tế để làm sao tranh thủ tới mức cao nhất sự ủng hộ của bạn bè quốc tế đối với cách mạng. Người chính là hình ảnh sáng ngời của tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản. Chính vì vậy, trong *Di chúc* của mình, Người vẫn khẳng định những thắng lợi mà nhân dân Việt Nam giành được không thể tách rời tình đoàn kết giúp đỡ của bạn bè quốc tế. Trên cơ sở đó, Người đã bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với các dân tộc anh em trên thế giới đã giúp đỡ nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc bằng một trong những dự định đầu tiên sau khi chiến tranh kết thúc là: “tôi sẽ thay mặt nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, và các nước bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta”¹. Ở đây cho thấy Hồ Chí Minh là một biểu hiện sinh động của truyền thống dân tộc Việt Nam *uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây*, hiện thân một của một nền văn hóa trong tương lai giữa các quốc gia, dân tộc.

Với phong trào cách mạng thế giới, ở Hồ Chí Minh luôn là toát lên tinh thần quốc tế vô sản trong sáng với quan điểm ủng hộ bạn là ủng hộ mình, giúp đỡ bạn chính là giúp mình. Người luôn kêu gọi các dân tộc, các đảng cộng sản anh em trên thế giới đoàn kết cùng nhau xây dựng một thế giới hòa bình, ổn định. Nhưng chính hiện thực về sự bất hòa bao nhiêu giữa các đảng vô sản anh em và phong trào công nhân các nước thì càng làm cho Hồ Chí Minh *đau lòng bấy nhiêu*. Người đã không quên căn dặn Đảng phải có trách nhiệm khôi phục tình đoàn kết quốc tế, “ra sức hoạt động, góp phần đặc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình”². Đồng thời Người cũng đặt niềm tin trọn vẹn vào tình đoàn kết quốc tế khi “tin chắc rằng các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại”³. Trong những lời chào từ biệt cuối cùng, Người vẫn một niềm tin, hy vọng mãnh liệt “Đảng ta, nhân dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”⁴.

Đoàn kết trong Đảng là cơ sở để đoàn kết toàn dân tộc. Đoàn kết toàn dân tộc là cơ sở để thực hiện đại đoàn kết quốc tế. Làm theo *Di chúc* của Bác, 50 năm qua, các thế hệ lãnh đạo của Đảng, Nhà nước lúc nào cũng giương cao ngọn cờ đại đoàn kết. Sức mạnh đại đoàn kết đã giúp đất nước vượt qua nhiều khó khăn thử thách, giành được những thắng lợi lớn. Dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, Việt Nam đã bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ, bảo vệ thành quả cách mạng, tiến hành công cuộc đổi mới với nhiều thành tựu nâng cao đời sống nhân dân và được bạn bè, cộng đồng quốc tế ghi nhận. Hình ảnh một Việt Nam ổn định, hòa bình, thân thiện, phát triển đang ngày càng trở nên hấp dẫn đối với thế giới. Những lời căn dặn cuối cùng của Bác vẫn luôn đồng hành trong mỗi tâm tưởng của mỗi người Việt Nam cho mục tiêu xây dựng và bảo vệ thành công Tổ quốc xã hội chủ nghĩa./.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.515.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.517.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.518.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.518.

QUÁ TRÌNH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐẾN VỚI CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN MÁC XÍT

*Trần Thanh Sơn**

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một vĩ nhân mà cuộc đời và sự nghiệp, tư tưởng và hành động gắn liền với một giai đoạn lịch sử hào hùng của dân tộc và nhân loại. Người không chỉ được nhân dân Việt Nam yêu mến, kính trọng mà còn được cả thế giới ngưỡng mộ và vinh danh. Chủ nghĩa nhân văn chính là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Đề cập đến lĩnh vực nào, nhìn ở góc độ nào chúng ta cũng thấy những giá trị nhân văn nổi lên hàng đầu. Những giá trị ấy không chỉ có sức ảnh hưởng to lớn, sâu rộng đến mọi người trong quá khứ, hiện tại mà còn là những giá trị tốt đẹp mà con người sẽ hướng đến trong tương lai. Sở dĩ có điều này là vì chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh được hình thành từ truyền thống nhân văn của một dân tộc đã có hàng ngàn năm văn hiến và tinh hoa văn hóa nhân loại mà cốt lõi là chủ nghĩa nhân văn cộng sản - những giá trị nhân văn, nhân đạo đi ngược lại với xã hội đầy rẫy những bạo lực và bất công đương thời, những giá trị mà muôn đời con người theo đuổi và hướng tới.

1. Từ thực tiễn trong nước

Khoảng 5 năm đầu (1901-1906) sau khi đỗ Phó bảng, cụ Nguyễn Sinh Sắc đã không ra làm quan. Cụ dành thời gian cho việc dạy học và đến những nơi có phong trào yêu nước đang hoạt động sôi nổi từ Trung ra Bắc để giao du, tiếp xúc, đàm luận với các sĩ phu yêu nước: Cụ tới quê hương của Bang biện Trần Tấn, thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa Văn Thân (1874); đến Hương Sơn, hậu cứ cuộc khởi nghĩa Phan Đình Phùng; đến Đức Thọ, quê hương của Lê Ninh; đến Võ Liệt, nơi đang sôi nổi luận bàn “Tân thư”; đến Diễn Châu, quê của một tri huyện Thanh Hóa đã treo ấn từ quan; đến Quỳnh Đôi, một nơi nổi tiếng lắm người học giỏi, đỗ đạt cao; ra Kiến Xương (Thái Bình) gặp gỡ bạn hữu, trong đó có cụ Nguyễn Quang Đoàn (con trai nhà ái quốc Nguyễn Quang Bích),... Điều đặc biệt là, đi đến đâu cụ Sắc cũng thường đưa Nguyễn Sinh Cung theo, hoặc cho đi học, hoặc cho hầu giúp cha trong những cuộc đàm luận giữa cha và các sĩ phu. Đó vừa là nhu cầu tự thân biểu hiện lòng yêu nước, quan tâm thời cuộc của cụ, vừa có chủ đích giáo dục, định hướng của người cha – một nhà Nho học luôn quan tâm đến việc học tập, giáo dục con cái – đối với người con được ông yêu thương, đặt nhiều hy vọng nhất. Từ điều kiện gần gũi này mà mọi việc làm, mọi lời nói, cử chỉ hàng ngày của cụ Sắc đều tác động mạnh mẽ và ảnh hưởng sâu sắc tới Nguyễn Sinh Cung. Chính được nghe những câu chuyện ấy mà nhận thức xã hội và lòng yêu nước, thương dân của Nguyễn Sinh Cung cũng đã được nhen nhóm lên từ đây.

Một sự kiện trên quê hương gây ấn tượng sâu sắc đối với Nguyễn Sinh Cung là “tán

**NCS Khoa Lịch sử, trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn - ĐHQG TP.HCM.*

bi kịch con đường Cửa Rào”. Đề gấp rút hoàn thành con đường Vinh – Cửa Rào – Trần Ninh trong năm 1904, chính quyền thực dân đã bắt tất cả dân đinh từ 18 đến 50 tuổi đi phu làm đường. Do điều kiện sống, làm việc vô cùng khắc nghiệt, khiến cho quá nửa dân phu bị chết. Điều đó đã để lại ấn tượng mạnh cho một người yêu nước, thương dân như Nguyễn Tất Thành và “khơi sâu thêm lòng căm thù của nhân dân ta đối với thực dân”¹. Tác giả Trần Dân Tiên kể lại rằng, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là người thiếu niên 15 tuổi, Người “đã sớm hiểu biết và rất đau xót trước cảnh thống khổ của đồng bào”².

Năm 1906, Nguyễn Tất Thành theo cha vào Huế khi cụ Nguyễn Sinh Sắc được bổ nhiệm làm Thừa biện Bộ lễ. Huế là nơi tập trung của hầu hết các cuộc đình công, biểu tình chống sưu cao thuế nặng. Huế lúc này, còn là điểm “trung chuyển” Tân thư, Tân văn vào Việt Nam. Các phong trào yêu nước mới như phong trào Đông Du, cuộc vận động Duy Tân, phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, Việt Nam Quang phục Hội,... đã tác động mạnh mẽ vào kinh đô Huế, cuốn hút mọi tầng lớp nhân dân tham gia. Năm 1907, vua Thành Thái - vị vua yêu nước, có tư tưởng chống Pháp - bị thực dân Pháp phế truất và đưa đi đày ải, càng làm cho khí thế và làn sóng đấu tranh của nhân dân thêm sôi sục. Chính điều đó đã thôi thúc Người tham gia vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân và bắt đầu có những hoạt động yêu nước. Tiêu biểu cho những hoạt động đó, là việc Nguyễn Tất Thành tham gia phong trào nông dân kháng thuế ở Huế, vào tháng 5-1908. Sau “sự kiện Cửa Rào” thì việc trực tiếp tham gia vào một phong trào của quần chúng nhân dân ở Huế, lại được tận mắt chứng kiến cảnh chính quyền thực dân bắt bớ, giết hại những người nông dân “chân tay không, không có khí giới, chỉ yêu cầu giảm thuế”³ đã là điều kiện, cũng như cho thấy tư tưởng yêu nước, thương dân ở Người có sự thay đổi về chất, khi từ nhận thức yêu nước đến hành động yêu nước. Chuyển từ tình cảm đến hành động, Người đứng về phía nhân dân, bênh vực và đấu tranh cho quyền lợi của nhân dân lao động. Cùng với lòng yêu nước thiết tha được hun đúc qua những năm tháng ở quê hương, ý thức dân tộc, nỗi đau của người dân mất nước trước thực tế sôi động trong thời gian ở Huế, đã nảy sinh trong tư tưởng Nguyễn Tất Thành khát vọng cứu nước, giải phóng dân tộc, đem lại cuộc sống ấm no cho nhân dân. Nhận xét về điều này, đồng chí Phạm Văn Đồng viết: “Hồ Chí Minh bắt đầu lớn lên ở một cái nôi của phong trào yêu nước, tiếp thu giáo dục của gia đình, ảnh hưởng của quê hương, bằng sự học tập của bản thân, sự gần gũi quần chúng lao động và những tác động của phong trào chống Pháp năm 1908, bắt đầu hoạt động cách mạng”⁴.

Cũng trong thời gian ở Huế, Nguyễn Tất Thành nhận được tin cụ Phan Chu Trinh bị kết án tử hình; Trần Quý Cáp, Nguyễn Hằng Chi bị xử chém; Huỳnh Thúc Kháng, Đặng Nguyên Cẩn, Ngô Đức Kế bị đày ra Côn Đảo; Hàng nghìn người khác bị giết, bị cầm cố, hoặc bị lưu

1. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1975, tr.11.
2. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, *Sđd*, tr. 12.
3. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, *Sđd*, tr. 12.
4. Phạm Văn Đồng: *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 12.

đày; Các sĩ phu Hoàng Thông, Lê Đình Mộng, Lê Kiệt, Nguyễn Bình, Phạm Toàn, Nguyễn Mạnh,... đều bị kết án khổ sai hoặc bị giam cầm tại nhà lao Thừa phủ...

Tháng 6 - 1909, Nguyễn Tất Thành rời Huế đến Bình Định khi cụ Nguyễn Sinh Sắc bị cách chức xuống làm Tri huyện Bình Khê, một vùng hẻo lánh, bán sơn địa của tỉnh Bình Định. Tại Bình Định, cụ Nguyễn Sinh Sắc có gửi Nguyễn Tất Thành theo học chương trình “cours supérieur” tại nhà thầy Phạm Ngọc Thọ (bố của bác sĩ Phạm Ngọc Thạch) khi đó đang dạy tại trường Pháp - Việt Quy Nhơn. Cuối năm 1909, Nguyễn Tất Thành dự thi lấy Tổng sư ở Quy Nhơn nhưng không có kết quả vì bị gạch tên. Khi đang cùng cha đi thăm các sĩ phu trong vùng thì nhận được tin cụ Nguyễn Quý Song, một nhà Nho yêu nước, hiền tài đức độ, là thầy giáo cũ của Nguyễn Tất Thành bị cách chức Tri huyện Phù Cát. Đầu năm 1910 đến lượt cụ Nguyễn Sinh Sắc bị cách chức Tri huyện Bình Khê và khép vào tội “trảm”, càng khắc sâu hơn trong tâm khảm Nguyễn Tất Thành bản chất thối nát của xã hội đương thời. Trong khi cha bị triệu hồi về kinh thì Nguyễn Tất Thành xin cha ở lại và sau đó tìm cách đi tiếp vào Nam.

Trên đường từ Bình Định vào Phan Thiết, Nguyễn Tất Thành gặp một cảnh tượng khiến Người rất căm giận là việc bọn quan Pháp không đếm xỉa đến tính mạng con người, còn tỏ ra thích thú khi ra lệnh cho công nhân cảng Phan Rang lặn xuống biển tìm cách cứu tàu trong bão to, sóng lớn. Tại Bình Thuận, Người gặp nhiều sĩ phu cấp tiến như Trương Gia Mô, Hồ Tá Bang, Nguyễn Trọng Lợi, Nguyễn Quý Anh,... và biết được bầu không khí ngột ngạt, khó thở về chính trị tại đây.

Tháng 2/1911 Nguyễn Tất Thành từ Bình Thuận vào Sài Gòn, nơi được mệnh danh là Hòn ngọc Viễn Đông, là “kinh đô ánh sáng” của An Nam, là miền đất hứa với anh, nhưng ngay tại chợ Bến Thành, nơi tấp nập người mua, kẻ bán, nơi có cả người ta, kẻ Tây, Nguyễn Tất Thành chứng kiến cảnh: “bọn gác chợ người Âu không ngần ngại dùng roi gân bò, dùi cui đánh phụ nữ bán xú để bắt họ tránh khỏi làm nghẽn lối”¹. Không chỉ dừng lại với “sự kiện Cửa Rào”, “sự kiện kháng thuế”, mà ở đâu đâu trên đất nước mình, Nguyễn Tất Thành cũng thấy dân mình lầm than cực khổ, bị bọn Pháp đối xử tàn tệ, dã man. GS người Nhật Bản, Furuta Motoo có lý khi nhận định rằng: Nhờ những chuyến đi này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có khái niệm cụ thể về Tổ quốc Việt Nam, hiểu thế nào là nỗi nhục của người dân mất nước, và chính vì vậy, mà sau này, ngay cả khi đã nghiên cứu, tiếp thu chủ nghĩa Mác- Lênin, “Hồ Chí Minh vẫn trước sau như một, quyết tâm tìm cho bằng được “nền độc lập cho Việt Nam””². Những biến đổi lớn lao trong đời sống chính trị - xã hội của đất nước ở thời điểm này, đã tác động sâu sắc đến Nguyễn Tất Thành. Chính Chánh Sở Mật thám Đông Dương Paul Arnoux sau này đã viết: “Ho’s life began in an atmosphere of anger, bitterness, of hatred toward France...” (Tạm dịch: Cuộc đời của Hồ Chí Minh đã bắt đầu trong một bầu không khí bất công, cay đắng, hận thù đối với nước Pháp)³.

1. Nguyễn Ái Quốc: *Bản án chế độ thực dân Pháp*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.48.

2. Furuta Motoo: *Hồ Chí Minh giải phóng dân tộc và đổi mới*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.55.

3. Jean Lacouture: *Ho Chi Minh A Political Biography* (Translated from the French by Peter Wiles, Translation edited by Jane Clark Seitz), Random House, New York, 1968, tr.12.

2. Từ khảo sát thực tiễn trong quá trình tìm đường cứu nước

Trong buổi giao thời giữa Nho học và Tây học, cụ Nguyễn Sinh Sắc đã rất tinh táo và nhạy cảm khi quyết định cho hai người con trai đi học ở trường Tiểu học Pháp – bản xứ ở thành phố Vinh, vào tháng 9 – 1905. Đây là loại trường do Pháp mở, chắc chắn không nằm ngoài mục đích: “Làm cho dân ngu để dễ trị”. Để đào tạo ra đội ngũ những người phục vụ cho chính quyền thực dân, thì trong chương trình học này, chúng đã đặt nặng học về tiếng Pháp, chỉ còn một ít giờ học chữ Hán. Chính vì điều này, mà “phần đông các nhà Nho” do tư tưởng coi chữ Pháp là “chữ của giặc”¹, nên đã không cho con cháu mình vào học loại trường này. Cần phải nói thêm rằng, lúc này, việc bàn luận nên học chữ nào gắn rất chặt với việc đi theo con đường nào, làm cách nào để đánh Pháp. Cụ Sắc sau đó còn tiếp tục cho con mình vào học tại trường Pháp – Việt Đông Ba, rồi trường Quốc học Huế trong thời gian cụ làm quan Thừa biện ở Bộ Lễ. Quyết định này của cụ Sắc liệu có mâu thuẫn với tư tưởng và sự định hướng cho con trước đó: Lập thân không bằng con đường văn chương cử nghiệp? Điều này chắc chắn là không. Mục đích cho con vào học trường Pháp – bản xứ, chính là xuất phát từ tư tưởng của ông nghề Nguyễn Quý Song đã nói với cụ: “Muốn đánh Pháp thì phải hiểu Pháp, muốn hiểu Pháp thì phải học chữ Pháp”².

Trong quyển *Những mẩu chuyện về đời của Hồ Chủ tịch*, tác giả Trần Dân Tiên kể lại rằng, trước khi ra đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành đã bàn với một người bạn về ý định ra nước ngoài: “Tôi muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta. Nhưng nếu đi một mình, thật ra cũng có điều mạo hiểm, ví như khi đau ốm... Anh muốn đi với tôi không?”. Khi người bạn hỏi lấy đâu ra tiền mà đi, anh Thành vừa nói vừa giơ hai bàn tay: “Đây, tiền đây! Chúng ta sẽ làm việc. Chúng ta sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi”. Như vậy, Nguyễn Ái Quốc chỉ có hai bàn tay trắng trong hành trang tìm đường cứu nước của mình. Người ra đi với tâm thế của một người vô sản. Có lẽ, đây cũng là lý do để Người dễ đồng cảm với những thân phận lao khổ khắp nơi trên thế giới và nhanh chóng đến được với chủ nghĩa nhân văn Mác xít.

Ngày 5-6-1911, Nguyễn Tất Thành rời cảng Nhà Rồng trên con tàu Amiran Latusơ Torêvin (Amiral Latouche Tréville) bắt đầu hành trình sang phương Tây. Trên hành trình từ Sài Gòn đến Pháp, tàu Amiran Latusơ Torêvin đã dừng chân ở ba hải cảng của ba nước: cảng Singapore của Singapore, cảng Côlôngbô của Ceylan và cảng Sa'id của Ai Cập. Ngày 6-7-1911, tàu cập cảng Marseille, một hải cảng quan trọng của nước Pháp. Nguyễn Tất Thành kiếm sống bằng nghề làm vườn ở thị trấn Saint Adresse và tranh thủ học tiếng Pháp. Từ tháng 7 đến tháng 12-1911, Người theo hành trình của tàu đặt chân đến nhiều địa phương trên đất Pháp. Đây là điều kiện giúp Người nhận thức rõ hơn về nước Pháp về cuộc sống của người dân Pháp.

Không dừng lại ở Pháp, năm 1912, Nguyễn Tất Thành làm thuê cho một chiếc tàu của hãng Chargeurs Réunis đi vòng quanh bờ biển châu Phi. Đây chính là quá trình hiện thực hóa nhận thức đi ra nước ngoài, xem nước Pháp và các nước khác: “Sau khi xem xét

1. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Nghệ An: *Bác Hồ thời niên thiếu*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.53.

2. Song Thành (Chủ biên): *Hồ Chí Minh tiểu sử*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.33.

họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta”¹. Theo chuyến tàu này, Nguyễn Tất Thành có dịp dừng lại và hiểu biết thêm về một số nước đế quốc, như: Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, và nhiều thuộc địa khác ngoài Đông Dương, như: Angiêri, Tuynidi, Cônggô, Dahômây, Xênegan, Rêuyniông, v.v. Đây là giai đoạn Người có những hiểu biết rộng và sâu sắc hơn về chính quốc và thuộc địa.

Người tiếp tục theo con tàu đi qua Máctiních (Trung Mỹ), Urugoay, Áchentina (Nam Mỹ), và dừng lại ở nước Mỹ vào cuối năm 1912. Tại đây, Người vừa đi làm thuê để kiếm sống, vừa tìm hiểu đời sống của những người lao động Mỹ. Người đến những khu phố hoa lệ nổi tiếng thế giới với những ngôi nhà chọc trời, đến thăm tượng Nữ thần Tự Do và đến cả khu nhà ổ chuột ở Háclem để tìm hiểu đời sống và cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc của những người da đen Mỹ. Cũng chính tại đây, Người rút ra câu nói nổi tiếng: “Ánh sáng trên đầu thần Tự Do tỏa rộng khắp trời xanh, còn dưới chân Tượng thần Tự Do thì người da đen đang bị chà đạp. Bao giờ người da đen được bình đẳng với người da trắng? Bao giờ có sự bình đẳng giữa các dân tộc? Và bao giờ người phụ nữ được bình đẳng với nam giới?”². Đây là những tảng đá ban đầu đập tan những nhận thức mơ hồ của Nguyễn Tất Thành về tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái mà chủ nghĩa thực dân Pháp vẫn khoe khoang ở bên An Nam, đặc biệt là những tuyên truyền về Cách mạng Tư sản Pháp và Mỹ, giúp Người có nhận thức ban đầu về bản chất của cách mạng tư sản và nền dân chủ tư sản. Ngoài ra, với việc ở khá lâu tại thành phố Boston, là nơi khởi đầu của cuộc Cách mạng Mỹ (1775-1783), Nguyễn Tất Thành có cơ hội tìm hiểu về cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Bắc Mỹ chống chủ nghĩa thực dân Anh và bản *Tuyên ngôn độc lập* nổi tiếng (1776). Theo báo Caribê (Caribbe), tập IX, số 1, thì thời gian ở Mỹ, Nguyễn Tất Thành đã dự đều đặn các cuộc họp của tổ chức UNIT (Universal Negro Improvement Trust - Hội tin tưởng cải thiện người da đen của thế giới), và hào hiệp góp tiền hưởng ứng lời kêu gọi về tài chính của Hội.

Khoảng đầu năm 1913, Nguyễn Tất Thành theo tàu rời Mỹ trở về Lor Havo, sau đó sang Anh. Tại nước Anh, Nguyễn Tất Thành đi làm công ở cảng Liverpool, quét tuyết cho một trường học, vét bùn ở đường tàu điện ngầm, đốt lò và phụ bếp ở một số khách sạn để kiếm sống và học tiếng Anh. Cũng tại nước Anh, Nguyễn Tất Thành đã hăng hái tham dự những cuộc diễn thuyết ngoài trời của các nhà chính trị và triết học, đã tiếp xúc với tổ chức chính trị Hội những người lao động Trung Quốc ở hải ngoại, tham gia hoạt động của Công đoàn Hải ngoại và cùng Công đoàn Anh biểu tình đòi tự do. Người còn dành nhiều thời gian để tìm hiểu đời sống, các cuộc đấu tranh của nhân dân lao động Anh và các dân tộc bị thực dân Anh thống trị như Trung Quốc, Ấn Độ, Sứăng. Đặc biệt, Nguyễn Tất Thành quan tâm và tổ thái độ ủng hộ cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân Ireland.

Sau khi đến những nơi cần khảo sát, làm những việc cần làm, hiểu biết rõ những nhận thức còn mơ hồ, vào cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp và rút ra hai kết luận quan trọng:

1. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sđd, tr.13.

2. Cao Huy Hùng (2000): “Tôi xin cất lời ca muợn mần của hậu thế về Người”, *Tạp chí Sông Hương*, số ra tháng 4, 2000.

Thư nhất, Người nhận thấy không chỉ nhân dân lao động Việt Nam bị áp bức bóc lột, mà còn có cả một thế giới rộng lớn, trải dài từ châu Á, châu Âu, châu Phi đến châu Mỹ. Từ những ngày đầu đến Pháp Người nhận ra “ở Pháp cũng có những người nghèo như bên ta”¹.

Thư hai, Người nhận thấy không chỉ ở Việt Nam có những người Pháp thực dân cai trị rất hung ác và vô nhân đạo, mà có cả một thế giới những tên thực dân ở “mẫu quốc” Pháp, ở Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha đến Mỹ, Anh,... Đây là cơ sở để sau này, Nguyễn Ái Quốc đi đến kết luận: “Dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: Tình hữu ái vô sản”².

Từ tình yêu nước thương dân, Người đã có tình cảm sâu rộng, yêu thương, đồng cảm với những dân tộc thuộc địa cùng cảnh ngộ, với những người lao động, những người vô sản thuộc mọi màu da bị áp bức bóc lột. Khát vọng cứu nước, cứu dân của Người càng được nhân lên bởi khát vọng giải phóng của nhân dân các dân tộc bị áp bức trên thế giới và giải phóng cho nhân loại đau khổ. Người phẫn nộ trước cảnh hành hình người da đen theo kiểu Linsơ (Lynch) ngay trước tượng Nữ thần Tự Do ở Mỹ. Người xúc động khi đọc báo biết tin nhà yêu nước Ailen tuyệt thực đến chết để chống thực dân Anh. Người đã đau nỗi đau không chỉ của Việt Nam, của Đông Dương, mà của cả nước Pháp và toàn nhân loại: “Khi chép đến đoạn này, tôi run lên, mắt mờ lệ, nước mắt chảy xuống hòa với mực. Tôi không thể nào viết được nữa. Ôi! nước Pháp đau khổ! Đông Tây đau khổ! Nhân loại đau khổ!”³. Luật sư Mác Clanvin Blôngcua (Max Clainville Bloncourt) đã kể về Người rằng: “Mỗi lần nghe tin thực dân Pháp khủng bố tàn sát nhân dân Đahômây, tôi thấy anh căm phẫn, xúc động đau đớn, như chính việc đó xảy ra đối với dân Việt Nam của anh. Anh là một con người đầy tính nhân đạo và tính quốc gia vô sản”⁴. Những bài báo chính luận của Nguyễn Ái Quốc như “Tâm địa thực dân”; “Bình đẳng”; “Vực thẳm thuộc địa”; “Hành hình kiểu Lyn-xơ”; “Một phương diện ít người biết đến của nền văn minh Mỹ”; “Công cuộc khai hóa giết người”,... đã làm xúc động và gây được tiếng vang lớn đối với công luận Pháp cũng như dư luận quốc tế. Điều này cho thấy, ngay từ rất sớm, trên hành trình tìm đường cứu nước, tư tưởng yêu nước của Hồ Chí Minh đã gắn bó chặt chẽ với chủ nghĩa nhân văn cộng sản.

Đồng cảm với những người lao động cùng khổ ở các dân tộc thuộc địa, Người còn phát hiện ra đồng minh của cách mạng Việt Nam là nhân dân bị áp bức trên toàn thế giới. Người nhận thức được sự tương đồng quyền lợi của những người lao động ở các dân tộc thuộc địa bị giai cấp thống trị nước khác bóc lột. Đây là cơ sở quan trọng giúp Người vượt lên trên sự phân biệt về quốc gia, chủng tộc theo quan điểm tư sản hay của nhiều nhà yêu nước tiền bối Việt Nam và dần hình thành ý thức về sự đoàn kết những người cùng lao động, cùng bị áp bức bóc lột; là cơ sở để Người sáng lập và tham gia một loạt các tổ chức nhằm đoàn kết và tập hợp lực lượng như: Hội những người Việt Nam yêu nước sống ở Pháp, Hội

1. Hồng Hà: *Thời thanh niên của Bác Hồ*, NXB Thanh Niên, Hà Nội, 1976, tr.28.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t.1, tr.266.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t.1, tr.52.

4. Hồng Hà: *Bác Hồ ở Pháp*, NXB Văn học, Hà Nội, 1970, tr.49.

Liên hiệp Các dân tộc thuộc địa, Hội Liên hiệp Các dân tộc bị áp bức ở Á đông... và chuyển dần các hoạt động lý luận sang hoạt động thực tiễn.

Nghiên cứu các cuộc cách mạng do giai cấp tư sản lãnh đạo kết hợp với việc khảo sát thực địa trước đó, Người nhận rõ bản chất của nền dân chủ tư sản là: “dùng chữ tự do, bình đẳng, đồng bào để lừa dân, xúi dân đánh đổ phong kiến. Khi đánh đổ phong kiến rồi thì nó lại thay phong kiến mà áp bức dân... tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa”¹. Nguyễn Ái Quốc đã nhận rõ sự “không đến nơi”, “tính nửa vời” của cách mạng tư sản, cũng như “sự giả dối” của các tuyên ngôn Dân chủ, Nhân quyền, những khẩu hiệu Bình đẳng, Bác ái: “Lịch sử việc người Âu xâm chiếm châu Phi – cũng như bất cứ lịch sử xâm chiếm thuộc địa nào – thì từ đầu đến cuối đều được viết bằng máu những người bản xứ”².

Từ nhận thức đó, Người đẩy mạnh hoạt động thực tiễn. Thông qua công việc, Người làm quen và kết thân với những thủ lĩnh có tên tuổi của tổ chức Công đoàn cánh tả, năm 1919, Người gia nhập Công đoàn kim khí Quận 17 Paris thuộc lực lượng Công đoàn phi Chính phủ. Người đã nghiên cứu các hình thức tổ chức Công đoàn ở các nước tư bản, thuộc địa và nửa thuộc địa. Từ đó rút ra kinh nghiệm thực tiễn để manh nha thành lập các tổ chức công đoàn ở Việt Nam và định hướng cho hoạt động của công đoàn ở các nước thuộc địa: “...Việc cần thiết hiện nay là phát động một cuộc tuyên truyền rộng lớn để thành lập các tổ chức Công đoàn ở các nước thuộc địa, nửa thuộc địa và phát triển các công đoàn hiện có dưới hình thức phối thai”³. Xác định rõ tính chất, nhiệm vụ của tổ chức Công hội: “Tổ chức Công hội trước là để cho công nhân đi lại với nhau cho có cảm tình, hai là để nghiên cứu với nhau, ba là để sửa sang cách sinh hoạt của công nhân cho khá hơn bây giờ, bốn là để giữ gìn quyền lợi cho công nhân, năm là để giúp cho Quốc dân, giúp cho thế giới”⁴. Qua đó, Nguyễn Tất Thành không chỉ thấy được sức mạnh đoàn kết của giai cấp công nhân, thấy được ở họ có cùng chí hướng, nỗi khổ, cùng một kẻ thù, mà Người còn phát hiện ra: Mục tiêu, lý tưởng đấu tranh của giai cấp công nhân không chỉ phù hợp, mà còn tạo điều kiện quyết định cho thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc.

Trong khi Người ra sức nỗ lực cố gắng để tìm ra một liên minh chính trị cho phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc thì tháng 3/1919 Quốc tế cộng sản ra đời. Chủ trương của Quốc tế cộng sản là đoàn kết vô sản khắp nơi trên thế giới với các dân tộc bị áp bức để đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc. Tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp, họp ở Tua, Người đã bỏ phiếu tán thành tham gia Quốc tế Cộng sản và trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Đây là mốc thời gian quan trọng, đánh dấu sự chuyển biến mang tính bước ngoặt trong tư tưởng và hành động của Nguyễn Ái Quốc: Từ tình cảm yêu nước, thương dân, Người đã đến được với chủ nghĩa nhân văn Mác

1. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.1, tr.274.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t.1, tr.243.

3. <https://ldld.quangbinh.gov.vn/3cms/chu-tich-ho-chi-minh-voi-phong-trao-cong-nhan-va-to-chuc-cong-doan-viet-nam.htm>

4. <https://ldld.quangbinh.gov.vn/3cms/chu-tich-ho-chi-minh-voi-phong-trao-cong-nhan-va-to-chuc-cong-doan-viet-nam.htm>

xít. Từ tình yêu thương đồng bào, Người đã đi đến tình yêu đồng loại, đấu tranh cho hạnh phúc của những người bị áp bức, bóc lột ở khắp nơi trên thế giới.

Như vậy, từ 1911 – 1920, với một nghị lực phi thường, bằng bản lĩnh, trí tuệ và tình yêu nước, thương dân sâu sắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vượt qua ba đại dương, bốn châu lục: Á, Âu, Phi, Mỹ với gần 30 quốc gia để tìm đường cứu nước. Trên hành trình ấy, Người đã khảo sát, thương xót và đồng cảm với thân phận của nhân dân lao động khắp nơi trên thế giới, xác định được đâu là bạn, đâu là thù và tìm ra liên minh cho cách mạng Việt Nam. Người vừa học tập, vừa lao động, thâm nhập và hòa mình vào đời sống của những người lao động, vừa có những hành động và việc làm thiết thực để bảo vệ công lý, bảo vệ lẽ phải, giúp đỡ và bênh vực những người bị áp bức. Đó là những yếu tố bên trong, biến đổi sâu sắc con người Hồ Chí Minh. Đồng thời, nó là cơ sở để Người nhanh chóng tiếp cận và nhận biết được tư tưởng vĩ đại của chủ nghĩa nhân văn cộng sản đối với sự nghiệp giải phóng cho dân tộc mình, sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa, giải phóng cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động khắp nơi trên thế giới. Hay nói cách khác, chính tình cảm yêu nước thương dân, đồng cảm và thấu hiểu nỗi thống khổ của nhân dân lao động khắp nơi trên thế giới đã giúp Nguyễn Ái Quốc đến được với chủ nghĩa nhân văn Mác xít - một học thuyết thấm đẫm tính nhân văn, hoàn bị nhất để công cuộc giải phóng mang tính triệt để nhất: giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc và đi đến giải phóng toàn xã hội./.

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG ĐẠI ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG DI CHỨC HỒ CHÍ MINH ĐỂ THỰC HIỆN THẮNG LỢI SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA NƯỚC TA HIỆN NAY

*TS. Thái Ngọc Tăng**

Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh rất quan tâm đến vấn đề đoàn kết quốc tế. Những lời căn dặn của Người về đoàn kết quốc tế là định hướng quan trọng cho quan hệ đối ngoại của Đảng, Nhà nước. Để Việt Nam luôn đóng góp xứng đáng vào nền hòa bình, phát triển của khu vực và thế giới. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, những di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đại đoàn kết quốc tế vẫn còn nguyên tính thời sự, tính khoa học và tính thực tiễn.

Quan điểm của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết quốc tế luôn nhất quán, xuyên suốt trong cả quá trình cách mạng, bởi người sớm nhận thức được rằng, cuộc cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản muốn đi đến thắng lợi thì phải huy động và tập hợp được sức mạnh đoàn kết quốc tế. Trong hành trình đi tìm đường cứu nước, lý tưởng cách mạng của Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại giải phóng dân tộc mình, mà còn vì sự nghiệp giải phóng các dân tộc bị áp bức và nhân loại cần lao trên thế giới. Những lời di huấn của Người trong Di chúc về đoàn kết quốc tế đều bắt nguồn từ tình yêu thương đối với con người, đoàn kết quốc tế cũng nhằm mục đích giải phóng các dân tộc bị áp bức, giải phóng giai cấp bị áp bức bóc lột.

Thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong mấy thập kỷ qua là thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, Việt Nam đã tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ quốc tế huy động được sức mạnh của các trào lưu cách mạng thời đại, làm cho sức mạnh dân tộc được nhân lên gấp bội. Trước lúc ra đi, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho dân tộc Việt Nam bản *Di chúc* lịch sử. Đây là một văn kiện quý giá với sự kết tinh và hòa quyện những giá trị cao đẹp nhất của văn hóa phương Đông, văn hóa phương Tây và văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam về chủ nghĩa Mác - Lênin. Những tư tưởng đại đoàn kết của người không chỉ bó hẹp trong phạm vi nội bộ Đảng, trong bộ máy chính quyền nhà nước và trong toàn dân tộc, mà còn được thể hiện trên bình diện rộng lớn hơn, đó là đoàn kết quốc tế.

Hồ Chí Minh cho rằng, chủ nghĩa yêu nước chân chính phải được gắn liền với đoàn kết quốc tế; thực hiện đoàn kết quốc tế không phải chỉ vì thắng lợi của cách mạng mà còn vì sự nghiệp chung của nhân loại tiến bộ trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế vì mục tiêu cách mạng của thời đại.

*Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM

Là người giữ vai trò lãnh đạo đất nước, đã giành được nhiều thành công trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn mong muốn: Đảng ta và toàn thể nhân dân Việt Nam cần phải nâng cao vai trò và nghĩa vụ quốc tế đóng góp thiết thực cho phong trào cách mạng thế giới đi đến thắng lợi. Trong *Di chúc*, Người viết: “Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản có lý, có tình”¹.

Thời đại Hồ Chí Minh bước lên vũ đài chính trị là thời đại chấm dứt thời kỳ biệt lập giữa các quốc gia, mở rộng các quan hệ quốc tế ngày càng sâu rộng cho các dân tộc, làm cho vận mệnh của mỗi dân tộc không thể tách rời vận mệnh chung của cả loài người. Trong suốt quá trình đó, Người không chỉ phát huy triệt để sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần độc lập dân tộc, mà còn kiên trì đấu tranh không mệt mỏi để củng cố và tăng cường đoàn kết các lực lượng cách mạng thế giới, đấu tranh cho mục tiêu chung: “Hòa bình, độc lập, dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội”.

Đoàn kết quốc tế trở thành một chân lý, một phương châm hành động tất yếu phù hợp với quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam. Cuộc cách mạng của nhân dân Việt Nam là cuộc đấu tranh chính nghĩa, do vậy được sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ, yêu chuộng hòa bình thế giới. Trong cuộc cách mạng đó, nhân dân Việt Nam luôn quan tâm thực hiện nghĩa vụ quốc tế trong điều kiện và hoàn cảnh của mình, đóng góp vào sự nghiệp cách mạng trên toàn thế giới.

Hồ Chí Minh - lãnh tụ vĩ đại đã hiến dâng cả cuộc đời mình cho đất nước, cho nhân dân và cho nhân loại mà tư tưởng của Hồ Chí Minh là một trong những di sản quý báu mà Người để lại cho chúng ta. Những căn dặn của Người trong *Di chúc* về phong trào cộng sản quốc tế trên toàn thế giới là định hướng quan trọng cho quan hệ đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta, đóng góp cho nền hòa bình ổn định và sự phát triển trên thế giới. Nghiên cứu, tìm hiểu và thực hiện *Di chúc* Hồ Chí Minh - giúp ta thấm nhuần bài học về quan hệ quốc tế để có định hướng chiến lược đúng đắn, lâu dài cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, mở rộng quan hệ quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế ngày càng mở rộng trên phạm vi toàn thế giới.

Đảng ta trong giai đoạn hiện nay đã vận dụng thành công tư tưởng đoàn kết trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh để tăng cường và phát triển các quan hệ quốc tế trong tình hình mới. Các tư tưởng, các nguyên tắc và các phương châm chỉ đạo đó được thể hiện trong các giai đoạn cách mạng và là nền tảng cho mọi thắng lợi của quan hệ đối ngoại của nước ta trong gần 70 năm qua. Thực tiễn lịch sử đó đã giúp Đảng và Nhà nước ta rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm quý giá.

Quan điểm độc lập tự chủ, tự lực tự cường được thể hiện chính sách đối ngoại của Việt Nam đã góp phần thực hiện mục tiêu cao nhất trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam là: độc lập dân tộc và thống nhất đất nước, được thể hiện cô đọng trong câu nói bất hủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do!”. Đây là mục tiêu cao cả, xuyên suốt

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.623.

quá trình đấu tranh cách mạng trước đây và công cuộc đổi mới hiện nay của nước ta. Đảng ta luôn thấm nhuần quan điểm chân lý là cụ thể, cách mạng là sáng tạo, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam để xác định phương hướng, nhiệm vụ, phương pháp thực hiện trong từng giai đoạn cách mạng cho phù hợp.

Huy động sức mạnh tổng hợp, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại độc lập tự chủ, tự lực tự cường đi lên với đoàn kết và hợp tác quốc tế là tư tưởng chủ đạo trong chính sách kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại. Trong thời đại hiện nay, sức mạnh dân tộc của chúng ta chính là thể và lực của đất nước có được sau hơn 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới; là sức mạnh tổng hợp, bao gồm sức mạnh vật chất, tinh thần của dân tộc, như sức mạnh kinh tế, chính trị, quân sự, dân số, lãnh thổ; các giá trị lịch sử, truyền thống, văn hóa, tinh thần yêu nước, tinh thần lao động cần cù và ý chí vươn lên của con người Việt Nam. Sức mạnh của thế giới hiện nay là sức mạnh của khoa học kỹ thuật công nghệ, xu thế toàn cầu hóa và liên kết khu vực, xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển quá trình của cân lực lượng đổi mới mô hình tăng trưởng.

Quan điểm kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là quan điểm Mác-xít về giải quyết mâu thuẫn dựa trên vai trò quyết định của yếu tố bên trong và tác động, ảnh hưởng của yếu tố bên ngoài. Việt Nam là một bộ phận của thế giới nên việc kết hợp đúng đắn sức mạnh dân tộc với các nguồn lực và trào lưu lớn của thế giới sẽ nhân lên gấp bội sức mạnh của đất nước và là phương sách chiến lược trong quan hệ quốc tế.

Những mục tiêu nhân dân ta theo đuổi luôn phù hợp với mục tiêu của các dân tộc, đó là quyền độc lập quốc gia, quyền tự quyết dân tộc, phù hợp với xu thế chung trên thế giới là hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển. Nhờ vậy mà hơn 70 năm qua, nhân dân ta luôn giành được sự đồng tình ủng hộ quý báu của nhân dân tiến bộ trên thế giới, tạo nên sức mạnh to lớn giúp chúng ta giành thắng lợi trong các cuộc cách mạng.

Nắm vững thời cơ, giành thắng lợi từng bước. Lịch sử các cuộc đấu tranh với đối thủ mạnh hơn mình gấp nhiều lần của dân tộc ta đã hình thành nên nghệ thuật giành thắng lợi từng bước, kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, giữa đánh và đàm. Đó chính là tư tưởng “Lấy ít địch nhiều, lấy yếu đánh mạnh”, vận dụng tổng hợp sức mạnh quân sự, chính trị và ngoại giao. Về ngoại giao, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo phương thức: luôn nắm giữ, chủ động tạo thời cơ, tấn công giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, chúng ta đã đạt được thắng lợi từng bước với việc gia nhập ASEAN năm 1995, gia nhập các tổ chức khu vực và toàn cầu, như: Diễn đàn Hợp tác Á- Âu (ASEM, năm 1996), Diễn đàn Hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC, năm 1998), Tổ chức Thương mại thế giới (WTO, năm 2006), từng bước hội nhập sâu vào nền kinh tế khu vực và thế giới với việc tham gia đàm phán và ký kết các hiệp định thương mại tự do (FTA),...

Những phát triển, đột phá mới trong chính sách đối ngoại thời kỳ đổi mới cụ thể như đổi mới về tư duy đối ngoại. Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị (khóa VI) tháng 5 - 1988 khởi đầu cho quá trình đổi mới tư duy đối ngoại của Đảng ta với nhiệm vụ chủ động chuyển cuộc đấu tranh từ trạng thái đối đầu sang đấu tranh và hợp tác trong cùng tồn tại hòa bình. Tháng

6 - 1992, Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII đề ra chủ trương mở rộng, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, đánh dấu sự hình thành đường lối đối ngoại của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới đã thực hiện xuất sắc nhiệm vụ: Phá thế bao vây, cô lập (1986 - 1996); mở rộng quan hệ hợp tác và đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế (1996 - 2006); đưa các mối quan hệ quốc tế vào chiều sâu và hội nhập quốc tế toàn diện (từ năm 2006 đến nay) với những đột phá và phát triển mới như:

Thứ nhất, các định hướng rõ ưu tiên lợi ích quốc gia, dân tộc; giữ vững độc lập tự chủ; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ. Thời kỳ đổi mới đánh dấu bước ngoặt quan trọng với việc xác định ưu tiên lợi ích quốc gia, dân tộc trong bối cảnh mới, đặt lên hàng đầu mục tiêu phát triển trong khi vẫn kiên định mục tiêu bảo đảm an ninh quốc gia và vị thế quốc tế. Nhiệm vụ lớn nhất của công tác đối ngoại thời kỳ này là “giữ vững môi trường hòa bình, thuận lợi cho đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao vị thế đất nước; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”.

Thứ hai, là đối tác tin cậy, thành viên có trách nhiệm; đưa các mối quan hệ quốc tế đi vào chiều sâu; chủ động tích cực hội nhập quốc tế. Việc xác định Việt Nam “là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”, “hội nhập quốc tế” một cách toàn diện, cũng như làm sâu sắc các mối quan hệ quốc tế của nước ta đã thể hiện những chuyển biến quan trọng trong tư duy đối ngoại của Đảng, phù hợp với sự thay đổi của đất nước và tình hình thế giới. Triển khai chính sách đối ngoại theo định hướng này sẽ tăng cường uy tín, vị thế quốc tế, tập hợp lực lượng, huy động sự ủng hộ, thiện cảm của cộng đồng quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề an ninh và phát triển của ta.

Trong quá trình hội nhập sâu rộng vào “sân chơi” toàn cầu và khu vực, Việt Nam chủ động tham gia xây dựng các quy tắc, luật lệ ứng xử chung trong quan hệ quốc tế phù hợp với lợi ích quốc gia cũng như thế lực và trình độ phát triển của đất nước trước khi hội nhập. Nghị quyết số 22/NQ/TW (ngày 10-4-2013) của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế đã có những chỉ đạo chiến lược, thống nhất nhận thức, làm rõ mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, nội dung cơ bản của hội nhập quốc tế trong các lĩnh vực, các định hướng giải pháp lớn để triển khai thực hiện trong thời gian tới.

Thứ ba, tư duy mới về an ninh trong xử lý mối quan hệ về đối tác - đối tượng. Hội nghị trung ương 3 khóa VII (năm 1992) xác định rõ phương châm xử lý các vấn đề đối ngoại là phải nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế. Đến Hội nghị Trung ương 8 khóa IX (năm 2003), quan điểm này đã được phát triển và cụ thể hóa thêm, nêu cách nhìn nhận có tính biện chứng về đối tượng quan hệ, đưa ra khái niệm “đối tượng” (đấu tranh) và “đối tác” (hợp tác) và cách nhìn nhận mềm dẻo về các khái niệm này.

Đây là đột phá quan trọng về tư duy để tạo được nhận thức chung trong việc tăng cường quan hệ hợp tác và hầu hết các nước trên thế giới, kể cả các nước đang có vấn đề với nước ta. Bên cạnh đổi mới trong cách lựa chọn đối tượng quan hệ, phương châm mới về “đối tác, đối tượng” còn giúp ta nâng cao quyết tâm thúc đẩy quan hệ, đổi mới trong xác định hình thức và nội dung quan hệ với các nước.

Trong thời kỳ đổi mới, tư duy về an ninh của ta đã nhấn mạnh tính tùy thuộc với an ninh và các nước khác trong khu vực và tầm quan trọng của việc đảm bảo môi trường bên

ngoài kề cận Việt Nam hòa bình và ổn định, định hướng cho ưu tiên đối ngoại với các nước Đông Nam Á. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định, “phần đầu cùng các nước Hiệp hội Các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển phồn vinh”. Định hướng ưu tiên hợp tác ASEAN là một bước phát triển cao hơn về tư duy, với việc khẳng định rõ, Việt Nam là một thành viên chủ động, tích cực và có trách nhiệm trong ASEAN, phần đầu cùng các nước thành viên xây dựng một Cộng đồng ASEAN vững mạnh, có quan hệ chặt chẽ với các đối tác bên ngoài, có vai trò ngày càng quan trọng trong các cơ chế hợp tác khu vực.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, hơn 70 năm qua, ngoại giao Việt Nam đã đồng hành cùng dân tộc trong mọi giai đoạn cách mạng, vượt qua những thách thức của thời đại, phần đầu vì độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội, vì lợi ích quốc gia, dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước. Độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia được giữ vững. Nước ta đã trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình với GDP bình quân đầu người năm 2015 đạt khoảng 2.200 USD. Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 185/193 nước thành viên Liên hợp quốc, quan hệ đối tác chiến lược với 13 nước; đối tác toàn diện với 11 nước; quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện với 5 nước Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Chúng ta có quan hệ thương mại với gần 230 quốc gia và vùng lãnh thổ; là thành viên tích cực của trên 70 tổ chức khu vực và quốc tế;... Những thành tựu trên là minh chứng sinh động cho đường lối, chính sách đối ngoại đúng đắn của Đảng ta, đồng thời cũng thể hiện sự vận động sáng tạo và hiệu quả các bài học của 70 năm trưởng thành và phát triển của ngoại giao Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh.

Kế thừa và phát huy truyền thống vẻ vang 70 năm qua, chính sách đối ngoại Việt Nam sẽ tiếp tục cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta tiếp tục thực hiện nhiệm vụ “giữ vững môi trường hòa bình, thuận lợi cho phát triển đất nước; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao vị thế của đất nước; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”¹.

Nửa thế kỷ đã trôi qua, những tư tưởng đại đoàn kết trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị. Trong bản *Di chúc* Người đã vạch ra quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam một cách khách quan, khoa học và cách mạng, vừa phát huy được sức mạnh đoàn kết của Đảng, đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, vừa phù hợp với tư duy của thời đại. Tư tưởng đoàn kết trong *Di chúc* của Người cho đến nay vẫn luôn tỏa sáng, soi đường cho dân tộc ta vững bước trên con đường phát triển vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng văn minh”.

Thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, gần 50 năm qua, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã phát huy cao độ vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc, luôn gắn kết trong Đảng với đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế phát huy sức mạnh tổng hợp làm nên sức mạnh to lớn chấn động địa cầu trong cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và những thắng lợi bước đầu của công cuộc đổi mới đất nước hiện nay./.

1. http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/cs_doingoi/nr070523093001/ns110520170239

TƯ TƯỞNG ĐOÀN KẾT TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN HIỆN NAY

ThS. Dương Vũ Thái*

Chủ tịch Hồ Chí Minh - anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, nhà văn hóa kiệt xuất không chỉ của dân tộc Việt Nam mà còn của nhân loại. Từ khi Người về cõi vĩnh hằng vào ngày 02/9/1969, đến hôm nay cũng đã gần 50 năm trôi qua, nhưng cứ mỗi độ thu về, chúng ta lại bồi hồi, xúc động khi được ôn lại trang sử hào hùng, vẻ vang của cuộc Cách mạng tháng Tám 1945, cùng hình ảnh vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam đứng trước hàng triệu đồng bào giữa quảng trường Ba Đình lịch sử đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trước khi đi vào cõi vĩnh hằng, Người để lại cho Đảng, cho nhân dân bản *Di chúc* thiêng liêng, kết tinh trong đó tinh hoa tư tưởng, đạo đức và tâm hồn cao đẹp của một vĩ nhân suốt đời phấn đấu hy sinh vì Tổ quốc và nhân loại. Bản *Di chúc* thiêng liêng cùng với bốn di sản khác của Người gồm: *Đường Kách mệnh*; *Ngục trung nhật ký (Nhật ký trong tù)*; *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*; *Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước* đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận trong đợt I là “Bảo vật Quốc gia”. Trong năm bảo vật đó, đặc biệt nhất là bản *Di chúc* mang tầm thời đại. Toàn bộ cuộc đời và sự nghiệp hoạt động cách mạng vì nước vì dân, suốt đời hy sinh vì lý tưởng cộng sản, vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì tự do và hạnh phúc của nhân dân cho đến lúc ra đi, Người vẫn trăn trở vì “không được phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”¹. Vì thế hơn 1.000 từ trong bản *Di chúc* được Người dành hết cho dân, cho nước, cho Đảng, cho dân tộc và quốc tế. Người chỉ dành cho mình đúng 79 từ. Như Người viết đơn giản chỉ là “mấy lời để lại”, “tóm tắt vài việc”, nhưng sự đơn giản ấy lại chứa đựng những điều lớn lao, vĩ đại và được Người đã dồn hết tâm lực, trí lực để viết, nghiền ngẫm, chỉnh sửa, bổ sung trong suốt 4 năm. Tháng 5/1969, tức 4 tháng trước khi đi vào cõi vĩnh hằng, Người đã dành 10 ngày đọc lại, sửa lại lần cuối bản *Di chúc* như đã hoàn thành một công việc hệ trọng đối với Đảng ta, nhân dân và đất nước ta. *Di chúc* của Người đã trở thành nguồn động viên, cổ vũ và soi sáng cho dân tộc Việt Nam không chỉ trong thời kỳ giải phóng dân tộc, hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, mà còn đóng vai trò hết sức quan trọng, vạch ra những phương hướng phát triển cho đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Thực tiễn hòa bình, ổn định, phát triển trên đất nước Việt Nam ngày nay và uy tín, vị thế của đất nước ta ngày càng được nâng cao trên thế giới càng chứng minh giá trị định hướng thiên tài trong lời dặn trước lúc đi xa của Người. Nhân dịp

*Trường Đại học Quảng Bình.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr.623.

kỷ niệm 50 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là dịp để chúng ta nhận thức sâu sắc hơn nữa tầm vóc lịch sử và giá trị to lớn của *Di chúc* đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam, góp phần đẩy mạnh giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Xuất phát từ những lý do trên, chúng tôi quyết định chọn vấn đề “Tư tưởng đoàn kết trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Giá trị lý luận và thực tiễn hiện nay” làm đề tài tham luận của mình.

1. Giá trị vĩnh hằng của tư tưởng đoàn kết trong *Di chúc* Chủ tịch Hồ Chí Minh

Xuyên suốt, nổi bật nhất trong toàn bộ bản *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tư tưởng đoàn kết. Người luôn khẳng định một giá trị bất biến, vĩnh hằng đảm bảo cho mọi thắng lợi, thành công đó là đoàn kết. Chính vì thế, Người viết, “Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh,…”¹. Tư tưởng đoàn kết của Người đã thể hiện những giá trị vĩnh hằng, to lớn sau đây:

1.1. Củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng là nhân tố quyết định thường xuyên mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam

Với tư cách là nhân tố quyết định thắng lợi thường xuyên của cách mạng Việt Nam thì Đảng ta phải luôn đoàn kết, thống nhất, phải thật sự trong sạch, vững mạnh. Điều này được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định và nhắc nhở thường xuyên trong rất nhiều tác phẩm và đến bản *Di chúc*, Người tổng kết lại bằng lời căn dặn súc tích: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”². Vậy tại sao Người hết sức chú trọng vấn đề đoàn kết trong Đảng như vậy?

Người đã từng nói, cách mạng muốn thành công trước hết phải có Đảng cách mạng lãnh đạo. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, lấy liên minh công, nông, trí thức làm nền tảng. Đoàn kết, thống nhất trong Đảng là hạt nhân để lôi cuốn, tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thành công “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”³. Nội bộ Đảng phải thực sự đoàn kết chặt chẽ, trước sau như một, khi tiến hành nhiệm vụ cách mạng thì chỉ như một người, đặt lợi ích dân tộc, lợi ích giai cấp lên hàng đầu. Trên cơ sở đó Đảng mới có thể xây dựng, hoạch định được những chủ trương, đường lối đúng đắn, sáng tạo để đưa cách mạng Việt Nam tiến lên giành thắng lợi này đến thắng lợi khác. Không phải ngẫu nhiên mà trong toàn bộ *Di chúc*, Người 8 lần nhắc đến cụm từ đoàn kết thì 5 lần đề cập đến đối với Đảng. Điều này là hoàn toàn có cơ sở, bởi Người là một chuyên gia về lịch sử dân tộc và từng dặn rằng “dân ta phải biết sử ta, cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”⁴.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.624.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.621-622.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.1.

4. Hồ Chí Minh: *Lịch sử nước ta*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2018, tr.1.

Lịch sử dân tộc đã để lại nhiều bài học xương máu về sự mất đoàn kết nội bộ trong hàng ngũ lãnh đạo dẫn đến sự nguy nan của toàn dân tộc. Từ chuyện lục đục của vua - tôi nước Âu Lạc đẩy dân tộc ta rơi vào nghìn năm Bắc thuộc năm 179 TCN, đến sự nghi ngờ hãm hại lẫn nhau trong nội bộ đã kéo theo sự tan rã của cuộc khởi nghĩa Trần Ngỗi năm 1409; hay sự bất hòa trong nội bộ nhà Nguyễn với việc chia thành hai phe chủ chiến và chủ hòa, kéo theo sự sai lầm, thiếu tinh táo trong các quyết sách ngoại giao đã tạo cơ hội cho thực dân Pháp gặm nhấm từng phần lãnh thổ nước ta từ 1858 đến 1884;... Đó là những minh chứng rõ ràng, sinh động nhất từ thực tiễn lịch sử về việc mất đoàn kết trong nội bộ lãnh đạo sẽ tạo ra nguy cơ đầu tiên, lớn nhất báo hiệu sự thất bại của cả một dân tộc. Bởi bất cứ lúc nào, nội bộ lực lượng cầm quyền ở nước ta bị chia rẽ, phân liệt, thì lúc đó kẻ thù luôn triệt để lợi dụng để phá vỡ khối đoàn kết dân tộc và sau đó tiến hành chiến tranh xâm lược. Một bài học nhãn tiền là năm 1929, sự ra đời của ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam: Đông Dương Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn, An Nam Cộng sản đảng, đã đánh dấu sự phát triển vượt bậc của cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, sự tranh giành ảnh hưởng, công kích lẫn nhau tạo nên nguy cơ chia rẽ, mất đoàn kết rất lớn, đồng thời tạo cơ hội cho tay sai thực dân Pháp tìm cách phá hoại và tiêu diệt ngọn cờ của cách mạng Việt Nam. Nhận thức được mối nguy cơ này, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã chủ động triệu tập hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản từ ngày 06/1 đến 07/2/1930 tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc). Xuất phát từ bài học lớn này, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đặt vấn đề đoàn kết, thống nhất trong Đảng lên hàng đầu và coi nó là vấn đề sống còn của Đảng ta, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, đảm bảo cho sự thành công của sự nghiệp cách mạng. Do đó, Người đã khẳng định “giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”¹. Đây là lời dặn rất giản dị mà sâu sắc của Người, hàm chứa trong đó toàn bộ bài học về xây dựng Đảng cầm quyền trong thời đại mới. Để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng, qua *Di chúc* của Người, chúng ta có thể thấy nổi bật nhất là hai giá trị vô cùng to lớn:

Thứ nhất, Di chúc của Người khẳng định, để củng cố và phát triển sự đoàn kết và nhất trí của Đảng thì “trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi...”.² Điều này xuất phát từ nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng ta là tập trung, dân chủ. Hơn ai hết, Người mong muốn những người kế tục lãnh đạo trong Đảng không bao giờ được quên việc thực hành dân chủ rộng rãi nhằm tránh các phát sinh tiêu cực như cục bộ, chuyên quyền, độc đoán, quan liêu, cửa quyền, tham nhũng,.... Theo đó, đối với đảng viên trong toàn Đảng thì mọi chủ trương, đường lối, nghị quyết phải thống nhất từ trên xuống dưới, thông qua bàn bạc, trao đổi trước tập thể, cấp trên phải lắng nghe, tôn trọng ý kiến cấp dưới, tránh sự độc đoán, áp đặt ý kiến cá nhân. Khi đã nhất trí thông qua kết luận, nghị quyết, tất cả các đảng viên phải nghiêm chỉnh chấp hành nhiệm vụ được giao. Vì vậy, thực hành dân chủ rộng rãi nhằm tránh việc các Đảng viên có quyền lực rất dễ tha hóa như trường hợp đại tá Trần Dụ Châu - Cục trưởng Cục Quân nhu bị xử tử hình năm 1948 và một số thành phần cấp cao trong bộ máy lãnh đạo

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.622.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.622.

Đảng, Nhà nước vừa bị thi hành kỷ luật, khởi tố trong thời gian qua. Đó là điển hình về sự chuyên quyền, tư lợi cá nhân trong hàng ngũ của Đảng. Việc thực hành dân chủ rộng rãi nhằm phát huy tối đa sức mạnh trí tuệ, sức sáng tạo của các đảng viên trong Đảng, lấy sức mạnh trí tuệ của tập thể để giải quyết tất cả mọi vấn đề là cơ sở của sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng.

Thứ hai, bên cạnh việc thực hành dân chủ rộng rãi, *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức coi trọng và căn dặn mỗi đảng viên trong Đảng phải "... thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau"¹. Tự phê bình và phê bình phải tiến hành thường xuyên như "rửa mặt hằng ngày". Tự phê bình là để tự nhìn nhận, kiểm điểm lại bản thân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ làm người đầy tớ của nhân dân. Để tự khắc phục khuyết điểm, phát huy ưu điểm, học tập, bổ sung những vấn đề chưa đạt được để ngày càng hoàn thiện hơn, tốt hơn. Tránh được sự tự cao, tự mãn, lạc quan thái quá, trước những thành tích đạt được và sự tự ti, nhút nhát, thiếu kiên nhẫn trong thực thi nhiệm vụ. Còn phê bình là phê bình việc làm chứ không phê bình con người, là nhận xét, đánh giá về việc làm, về thái độ, trách nhiệm, nghĩa vụ, nhằm giúp đỡ các đồng chí khác nhận ra và khắc phục khuyết điểm, động viên, phát huy mặt tích cực, ưu điểm của họ để cùng nhau tiến bộ. Giúp đảng viên tránh được bệnh xa rời quần chúng, tách rời cá nhân khỏi tập thể, để biết hòa mình vào tập thể, biết đặt lợi ích tập thể, lợi ích của Đảng, của Tổ quốc, dân tộc lên trên hết. Tự phê bình và phê bình theo di nguyện của Người cần phải có lý, có tình, phê bình một cách chân thành, thẳng thắn, trung thực, phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau, giúp nhau cùng tiến bộ, trên cơ sở cùng lý tưởng phụng sự cho Đảng và dân tộc. Nếu đoàn kết là xuất phát từ tình thương yêu thiêng liêng nhất, sâu sắc nhất, bền vững nhất của tình cảm con người với nhau, của tình hữu ái giai cấp vô sản thì tự phê bình và phê bình nhằm làm cho bản thân mỗi đảng viên trong sạch hơn, cho tình đoàn kết trong Đảng thêm bền chặt hơn. Trên cơ sở tự phê bình và phê bình để tiêu diệt chủ nghĩa cá nhân, nhằm góp phần nâng cao đạo đức cách mạng của mỗi người đảng viên. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: "Chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội chính là căn nguyên của mất đoàn kết, thống nhất trong Đảng"². Chủ nghĩa cá nhân nguồn gốc của mọi thứ tệ nạn, mọi căn bệnh, làm suy thoái nhân cách, bản chất cách mạng của người đảng viên và sẽ làm suy yếu Đảng, làm Đảng xa rời quần chúng nhân dân, làm nhân dân mất niềm tin vào Đảng. Khi Đảng mất đoàn kết sẽ dẫn đến hỏng con người và kéo theo khối đại đoàn kết dân tộc sẽ bị lung lay, đổ vỡ. Trước đó, trong các tác phẩm *Đường cách mạng* (1927), *Đạo đức cách mạng* (1958), Người nhắc nhở mỗi người đảng viên phải không ngừng rèn luyện, suốt đời sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, không màng danh lợi, chỉ có như vậy mới làm cho chủ nghĩa cá nhân không có cơ hội nảy sinh, tồn tại, phát triển. Đảng viên phải vừa có "đức" vừa có "tài", vừa "hồng" vừa "chuyên" để có thể hoàn thành nhiệm vụ Tổ quốc và nhân dân giao

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.622.

2. <http://www.dangcongsan.vn/tu-tuong-van-hoa/di-chuc-cua-chu-tich-ho-chi-minh-dinh-huong-cho-cach-mang-viet-nam-522058.html>

phó. *Di chúc* của Người căn dặn: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng. Phải thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”¹. Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là một tấm gương sáng ngời về giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng, tự phê bình và phê bình có thể thấy rõ qua mấy lời Người viết về bản thân hết sức khiêm tốn, giản dị trong *Di chúc*. Người viết: “về việc riêng - sau khi tôi qua đời chớ nên tổ chức đám đình, lãng phí ngày giờ và tiền bạc của nhân dân... Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới...”². Qua *Di chúc*, có thể khẳng định giá trị to lớn của việc “thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng” và làm cho Đảng ta thêm trong sạch vững mạnh, góp phần nâng cao sức chiến đấu của Đảng.

1.2. Củng cố và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc là nền tảng vững chắc cho mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam

Di chúc của Người khẳng định: “Đoàn kết là một truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam”³. Do những điều kiện về địa lý tự nhiên, do nằm ở vị trí chiến lược nên lịch sử suốt mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc ta đã đoàn kết cùng nhau trước mọi chông gai, khó khăn, thiên tai, địch họa. Chính những cuộc đấu tranh đó đòi hỏi cộng đồng dân tộc phải sát cánh, đoàn kết với nhau. Vì thế, từ xưa đến nay, kẻ thù luôn tìm mọi cách chia rẽ, phá vỡ khối đại đoàn kết dân tộc với thủ đoạn “chia để trị” để dễ bề đô hộ, nô dịch dân tộc ta. Dưới thời Bắc thuộc, nước ta bị chia thành châu, quận, phủ,... dưới thời Pháp thuộc, chúng chia nước ta ra thành ba miền với ba chế độ khác nhau nằm trong Liên bang Đông Dương. Thực tiễn đã chứng minh lời dặn dò của Chủ tịch Hồ Chí Minh là hoàn toàn đúng đắn. Như Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn khi trả lời vua Trần về nguyên nhân thắng lợi của kháng chiến chống quân Mông – Nguyên, đó là nhờ “Vua tôi đồng tâm, anh em hòa mục, cả nước góp sức, giặc phải bị bắt”. Hay như lời Nguyễn Trãi trong *Bình Ngô Đại Cáo* rằng “phụ tử chi bình nhất tâm”. Cho nên Người khẳng định một chân lý “Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn”⁴.

Bài học đó, lời dặn đó đã không ít lần được Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc đến và lần cuối cùng, được kết tinh trong bản *Di chúc* thiêng liêng, là những điều tâm huyết nhất mà Người để lại với mong muốn đời sau kế tục và hoàn thành. Tuy nhiên, lịch sử nước ta cũng đã chứng kiến một số người kế tục sự nghiệp lãnh đạo và quản lý đất nước không làm theo di nguyện của người đi trước... Điển hình như trước lúc ra đi, Hưng Đạo Đại Vương Trần

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.622.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.623.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.622.

4. <http://ditichhochiminhphuchutich.gov.vn/articledetail.aspx?articleid=136&sitepageid=423#sthash.ZyWK4Qn3.dpbs>

Quốc Tuấn đã cầm tay dẫn dò vua Trần Anh Tông, hãy “khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy”... đó là những lời tâm huyết mà đến hôm nay lịch sử vẫn phải ghi nhận tính chất đúng đắn, phù hợp. Tuy nhiên, Trần Anh Tông và các vị vua đời sau đã không làm theo và dẫn đến kết cục thất bại, suy vong của triều Trần. Đến thời đại Hồ Chí Minh, Người đặc biệt coi trọng sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc. Do đó ngay trong quá trình vận động truyền bá chủ nghĩa Mác -Lênin vào Việt Nam để chuẩn bị những điều kiện về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, Người đã nhận thấy vai trò của quần chúng nhân dân là hết sức quan trọng, mỗi bước đi của cách mạng phải bám sát quần chúng, biến hóa theo thực tiễn nhưng cái quyết định nhất là cố kết mọi thành phần, mọi tầng lớp, đảng phái, tôn giáo vào trong một khối thống nhất. Người đã sớm thấy rõ ngoại trừ những kẻ cam tâm làm tay sai cho thực dân, đế quốc như đại địa chủ phong kiến và tư sản mại bản, thì tất cả mọi tầng lớp, thành phần giai cấp ở Việt Nam đều cùng chung số phận là người dân mất nước. Vì vậy, muốn giành được độc lập dân tộc thì phải khơi dậy được chủ nghĩa yêu nước trong lòng họ và có tổ chức Đảng tập hợp họ vào trong một khối dân tộc thống nhất, để đạt đến cái mục đích tối thượng là độc lập cho toàn thể dân tộc. Điều này càng được chứng minh trong bản *Cương lĩnh chính trị* đầu tiên của Đảng. Trải qua thực tiễn cách mạng những năm 1931-1931 đến khi hoàn thành thống nhất Tổ quốc năm 1975, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta luôn hết sức chú trọng vai trò của các tổ chức mặt trận trong công tác tuyên truyền, vận động quần chúng, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Các tổ chức mặt trận lần lượt ra đời như Hội Phản đế Đồng minh, Mặt trận Dân chủ Đông Dương, Mặt trận Phản đế Đông Dương, Mặt trận Việt Minh, Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam (tức mặt trận Liên Việt), Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam. Các tổ chức mặt trận sau khi hoàn thành sứ mệnh cao cả đều tự nguyện hòa mình vào Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ tháng 2/1977. Điều đó đã chứng minh nhờ có chính sách Mặt trận dân tộc đúng đắn, cho nên Đảng ta đã phát huy được sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, truyền thống yêu nước của dân tộc Việt để làm nên mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam qua các chặng đường lịch sử. Người đã đúc kết vấn đề đoàn kết dân tộc bằng mười ba chữ “Đoàn kết, đoàn kết đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công”. Vì vậy, củng cố và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc là nền tảng vững chắc cho mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

1.3. Đoàn kết quốc tế là cơ sở kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người, khoảng một nửa thời gian là hoạt động ở nước ngoài. Người đã liên tục tham gia và đóng góp cho sự nghiệp chung của cách mạng thế giới. Cho nên, khi Người đang hoạt động trong lòng các nước bản đã xác định đúng đắn bạn, thù của cách mạng Việt Nam, để tìm cách đoàn kết, liên minh, thêm bạn, bớt thù. Từ khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, trở thành người cộng sản, Người đã đặt cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta vào quỹ đạo của cuộc cách mạng vô sản. Nghĩa là sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân ta gắn liền với sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản, những người lao động và các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Người đã khẳng định: Cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng vô sản ở chính quốc như “hai cánh của

một con chim”. Bằng các hoạt động thiết thực, Hồ Chí Minh đã vận động thành lập “Liên minh các dân tộc thuộc địa”, “Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông”... Đến cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Người thường xuyên vận động, thắt chặt mối đoàn kết giữa các Đảng anh em để tranh sự ủng hộ của các dân tộc anh em, những người tiên bộ, yêu chuộng hòa bình trên thế giới cũng như nhân dân lao động ở các nước chính quốc để góp phần đáng kể vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Do vậy, trước lúc đi xa, Người rất trăn trở, lo nghĩ nhiều về tình đoàn kết quốc tế, nhất là trước sự bất đồng giữa các Đảng cộng sản anh em. Người viết: “Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hòa hiện nay giữa các đảng anh em! Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đại đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình. Tôi tin rằng các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại”¹. Sự mâu thuẫn, rạn nứt trong phong trào cách mạng thế giới cũng phần nào gây ảnh hưởng tiêu cực đến cách mạng dân tộc Việt Nam. Những lời căn dặn của Người trong *Di chúc* “về phong trào cộng sản thế giới” là sự tổng kết tư tưởng Hồ Chí Minh tình đoàn kết quốc tế, về sự kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại trong đấu tranh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

2. Phát huy sức mạnh tư tưởng đoàn kết theo *Di chúc* Chủ tịch Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay

Qua toàn bộ nội dung đã trình bày ở trên, chúng ta có thể thấy tư tưởng đoàn kết trong *Di chúc* được Người tập trung vào ba giá trị quyết định nhất: Đoàn kết toàn Đảng, đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế. Những giá trị hết sức to lớn trong bản *Di chúc* để lại cho Đảng ta nhiều bài học, định hướng quan trọng trong công tác kiện toàn, chỉnh đốn Đảng, cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa hiện nay.

2.1. Tăng cường củng cố và phát triển sự đoàn kết, thống nhất của Đảng nhằm nâng cao sức chiến đấu của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay

Để tăng cường củng cố và phát triển sự đoàn kết, thống nhất của Đảng nhằm nâng cao sức chiến đấu của Đảng đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa hiện nay, Đảng ta phải chú trọng thực hiện các biện pháp sau:

Một là, phải đẩy mạnh các phong trào thi đua học tập và làm theo lời dạy trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với toàn thể đảng viên trong Đảng và đưa phong trào thực sự đi vào đời sống của các tầng lớp nhân dân. Điển hình là phong trào “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” theo tinh thần của Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII. Phong trào thi đua trong tuổi trẻ cả nước với chủ đề “Tuổi trẻ Việt Nam nhớ lời *Di chúc* theo chân Bác”, nhân kỷ niệm 50 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1969-2019) do Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phát động... Nhưng các phong trào này phải trở thành hoạt động đời sống hằng ngày, chứ không phải làm theo từng đợt, tô vẽ hình thức “đánh trống bỏ dùi”. Qua các phong trào thi đua, học tập để mỗi đảng viên, đoàn viên, công chức, viên chức, quân chúng nhân

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.623-624.

dân đều thực sự thấm nhuần tư tưởng, đạo đức, phong cách của Hồ Chí Minh, thấm nhuần lý tưởng cách mạng của Đảng. Qua đó góp phần tăng cường khối đoàn kết, thống nhất trong trong toàn Đảng và toàn dân tộc.

Hai là, phải đẩy mạnh “thực hành dân chủ rộng rãi” trong toàn Đảng và toàn dân để tăng cường hơn nữa sự đoàn kết trong Đảng và mối quan hệ bền chặt giữa Đảng và nhân dân. Để “thực hành dân chủ rộng rãi” phải làm cho mỗi đảng viên nhận thức đúng đắn về nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và sự dân chủ trong Đảng bao gồm: dân chủ trong xây dựng đường lối, chủ trương, trong sinh hoạt Đảng và trong công tác cán bộ. Tạo cơ hội cho các đảng viên, quần chúng nhân dân có cơ hội được bày tỏ hết ý kiến, tâm tư, nguyện vọng, đề xuất của mình cho các chủ trương, đường lối của Đảng thật sát với thực tiễn. Đối với nhân dân thì mọi chủ trương, đường lối của Đảng phải để dân biết, dân bàn, dân kiểm tra. Đây thực sự là việc giữ gìn và phát huy nhân quan, thế giới quan của Đảng. Bên cạnh đó, thực hành dân chủ rộng rãi phải gắn liền với tập trung và tập trung phải trên cơ sở dân chủ, phải giữ kỷ luật nghiêm minh, phải đúng đường lối, điều lệ, nghị quyết, quy định của Đảng, không được tùy tiện.

Ba là, trong các tổ chức cơ sở Đảng từ trung ương đến địa phương phải đẩy mạnh việc thường xuyên, nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình, tiêu diệt chủ nghĩa cá nhân qua đó nâng cao đạo đức cách mạng, chất lượng của mỗi người đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Mỗi Đảng viên thực hành tự phê bình và phê bình phải trung thực, thẳng thắn, chân thành, rõ ưu điểm và nhược điểm, không né tránh nhưng cũng không lợi dụng phê bình để đả kích, “hạ bệ” lẫn nhau. Nói đúng sự thật, tôn trọng sự thật và tôn trọng người khác, không thiên vị mà cố tình bao che hoặc vì nịnh bợ lấy lòng mà cố tình thổi phồng thành tích, ưu điểm, bóp méo khuyết điểm,... Suy cho cùng, để tổ chức Đảng có thể tồn tại được thì phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa lợi ích riêng và chung, cá nhân và tập thể, gia đình và xã hội, giai cấp và dân tộc, dân tộc Việt Nam và các dân tộc khác trên thế giới. Trong đó, lợi ích cá nhân là căn nguyên, khởi nguồn của mọi vấn đề, có thể là động lực phát triển, có thể là mầm mống của chủ nghĩa cá nhân, cục bộ, “lợi ích nhóm”. Khi vấn đề lợi ích được đề cao nó sẽ phát bệnh trở thành chủ nghĩa cá nhân, làm nảy sinh mọi tệ nạn, xấu xa trong Đảng như quan liêu, tham nhũng, hách dịch, cửa quyền,... làm mất đi sự trong sáng của người Đảng viên mẫu mực, làm mất đi sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, dẫn đến trong mọi hoạt động đều nhằm vào mục đích các nhân bo bo trục lợi, kiếm chác... Để việc tự phê bình và phê bình có hiệu quả, mỗi chi bộ, tổ chức cơ sở Đảng trong toàn Đảng phải có cơ chế giám sát. Không chỉ là của cấp ủy cơ sở, Đảng bộ, Thường vụ Ban Chấp hành Trung ương mà phải có sự tham gia giám sát của quần chúng nhân dân tại địa bàn nơi cư trú đối với việc thực hiện nhiệm vụ, phẩm chất đạo đức người đảng viên. Đặc biệt, trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, Đảng ta cũng nên thực hiện việc giám sát bằng các phần mềm chuyên dụng qua hệ thống internet kết nối để cập nhật các kế hoạch hành động hằng năm của mỗi đảng viên, và cuối mỗi năm cập nhật, đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ để xem xét tuyên dương thành tích trong toàn Đảng. Tránh việc vị nể, bao che, người làm tốt, làm nhiều không được tuyên dương xứng đáng, lại đi khen thưởng người không làm việc gì. Đồng thời đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng để làm

cho Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao sức chiến đấu của Đảng. Trên cơ sở đó, BCHTU Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua và ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TW về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”, ngày 30/10/2016. Tại Hội nghị Trung ương 8 khóa XII, BCHTU Đảng cũng đã thông qua và ban hành Quy định số 08-QĐi/TW về “Quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương” ngày 25/10/2018... chính là những biểu hiện cụ thể của việc học tập, làm theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác tự phê bình và phê bình, kiện toàn và chỉnh đốn Đảng. Những vụ tham nhũng vừa qua được Đảng và Nhà nước ta kiên quyết xử lý đã phần nào thể hiện sự quyết tâm của Đảng ta trong thực hiện lời dạy theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, làm cho Đảng thêm trong sạch, vững mạnh, nâng cao sức chiến đấu của Đảng. Vì vậy, đối với mỗi đảng viên và công tác cán bộ hiện nay, Đảng ta phải thực hiện tự phê bình và phê bình một cách chặt chẽ, thực chất để vừa giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, vừa củng cố niềm tin của quần chúng nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Những nội dung trên trở thành nhiệm vụ chiến lược trong công tác chỉnh đốn, kiện toàn Đảng để xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, nâng cao sức chiến đấu của Đảng, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng hiện nay.

2.2. Tăng cường củng cố và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh thông qua phát huy vai trò tham mưu, giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Đại đoàn kết dân tộc là nền tảng sức mạnh cho mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Bên cạnh việc không ngừng chăm lo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân thì công tác mặt trận là sợi dây kết nối mọi thành phần giai cấp, tôn giáo trong một khối đoàn kết, thống nhất. Là đại diện cho ý chí nguyện vọng của mọi tầng lớp nhân dân, thành phần dân tộc, tôn giáo trong cộng đồng dân tộc Việt Nam. Vì vậy, trong giai đoạn mới hiện nay, mọi thế lực thù địch luôn cố thực hiện “chiến lược diễn biến hòa bình” nhằm phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với dân tộc, đối với lực lượng vũ trang và các tổ chức quần chúng... thực chất đang tìm cách chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Do vậy, Đảng ta phải tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong các công tác giám sát cá nhân người đứng đầu, cán bộ chủ chốt, cán bộ, đảng viên về thực hiện quy định nêu gương. Tham gia tổ chức, phát động các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động để kích thích tinh thần thi đua yêu nước của mọi tầng lớp nhân dân. Tham mưu đóng góp ý kiến vào các bản dự thảo nghị quyết đại hội, nghị quyết hội nghị trung ương, các chủ trương, chính sách nhằm phân hoàn thiện chủ trương, đường lối chiến lược của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần xây dựng tổ chức bộ máy Đảng và Nhà nước trong sạch, vững mạnh, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

2.3. Tăng cường mở rộng quan hệ ngoại giao, xây dựng tình đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để tạo thành sức mạnh tổng hợp, nâng cao vị thế đất nước trong tiến trình hội nhập quốc tế

Di chúc của Người góp phần định hướng quan trọng cho quan hệ đối ngoại của Đảng,

Nhà nước ta là phải luôn đảm bảo sự đoàn kết dân tộc kết hợp chặt chẽ với đoàn kết quốc tế, để Việt Nam là một thành viên có trách nhiệm, đóng góp xứng đáng vào nền hòa bình, ổn định và phát triển của thế giới. Hiện nay Đảng và Nhà nước ta đang thực hiện chính sách mở cửa - hội nhập theo định hướng “Đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”, Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước vì hòa bình, hợp tác, phát triển nhằm xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, dân chủ xã hội chủ nghĩa tiến bộ trên thế giới. Đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác chiến lược và các nước lớn có vai trò quan trọng đối với phát triển, chủ động, tích cực tham gia các cơ chế đa phương về chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, văn hóa, xã hội,... Những hoạt động tích cực của Việt Nam với tư cách là thành viên tích cực của ASEAN, APEC, Liên hợp quốc,... cùng hình ảnh đất nước Việt Nam ổn định, hòa bình, phát triển đang ngày càng trở nên hấp dẫn đối với thế giới. Những thành tựu đó đã cho chúng ta thêm niềm tin vững chắc vào bước tiến xa trong tương lai của đất nước.

Trong thời đại mới hiện nay, để giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, mở rộng đoàn kết quốc tế đòi hỏi Đảng ta phải luôn quán triệt vận dụng sáng tạo, khoa học chủ nghĩa Mác-Lênin vào thực tiễn, học tập và làm theo di nguyện trong bản *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại. Đoàn kết theo di nguyện của Người phải gắn liền thường xuyên trong mọi chủ trương, chiến lược, chính sách của Đảng, trở thành vấn đề cơ bản, nhất quán, lâu dài, sống còn, xuyên suốt, quyết định thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay./.

TƯ TƯỞNG VỊ DÂN TỘC, VỊ NHÂN SINH TRONG DI CHỨC HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Thị Toàn Thắng*

Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu đã để lại cho chúng ta một bản *Di chúc* thấm đẫm tinh thần nhân văn cách mạng cao đẹp. 50 năm qua, những triết lý, tư tưởng vị dân tộc, vị nhân sinh trong *Di chúc* của người vẫn từng ngày, từng giờ soi sáng cho từng bước tiến của non sông, đất nước.

1. Tư tưởng vị dân tộc, vị nhân sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc mang tính khoa học và cách mạng sâu sắc. Tư tưởng này đã theo Người từ thuở thiếu thời cho đến khi chuẩn bị đi xa. Nội dung cốt lõi của vấn đề dân tộc ở tư tưởng Hồ Chí Minh là độc lập, tự do cho dân tộc. Hồ Chí Minh nói: “Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn; đấy là tất cả những điều tôi hiểu”¹. Do đó, quyết tâm lớn nhất của Người là: “Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”². Cho nên, trong bản *Di chúc* mừng sinh nhật 75 tuổi, Người viết:

“Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể sẽ kéo dài mấy năm nữa, đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

Còn non, còn nước, còn người,

Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!

Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to – là Pháp và Mỹ, và đã góp phần xứng đáng cho phong trào giải phóng dân tộc”³.

Trong *Di chúc* tháng 5-1965, Người viết: “Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”. Trong bản thảo bổ sung tháng 5-1968, Người căn dặn phải “*chuẩn bị mọi việc để thống nhất Tổ quốc*”. Người dùng mực đỏ để viết cụm từ “*thống nhất Tổ quốc*”, nhấn mạnh một nhiệm

* *Học viện Cán bộ TP.HCM.*

1. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.44.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.3.

3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam: *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Hà Nội, 1989, tr.15.

vụ hết sức quan trọng phải làm ngay sau ngày kháng chiến chống Mỹ thắng lợi.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc không theo một khuôn mẫu giáo điều, mà được hình thành và phát triển gắn liền với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, trong đó có phong trào đấu tranh của dân tộc Việt Nam, nhằm xoá bỏ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc và thống nhất đất nước, hình thành nên nhà nước dân tộc độc lập và tiếp tục phát triển theo sự lựa chọn của mỗi quốc gia dân tộc, phản ánh chân lý lớn nhất của thời đại là “Không có gì quý hơn độc lập tự do”.

Giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước là nhiệm vụ quan trọng mà cách mạng Việt Nam phải thực hiện theo mong ước của Người. Tuy nhiên, vẻ đẹp của độc lập, tự do phải được tô điểm bởi cuộc sống ấm no và hạnh phúc của nhân dân. Đó cũng chính là mối quan tâm lớn lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu. Trong *Di chúc* năm 1965, Người viết: “Nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ, bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh. Tuy vậy, nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng. Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”¹.

Yêu dân, thương dân, chăm lo cho nhân dân là tư tưởng vị nhân sinh cao đẹp nhất thể hiện xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh từng nói rằng: “Ở đời và làm người phải thương nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ bị áp bức”². Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng là đội tiên phong của giai cấp và dân tộc; Nhà nước là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, không có lợi ích nào khác ngoài mục tiêu phấn đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc, cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân. Mục tiêu chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng của Hồ Chí Minh không gì quan trọng hơn sự phát triển toàn diện con người. Ngay cả trước lúc chuẩn bị đi xa, trong *Di chúc* của Người vẫn dành một phần đáng kể cho “con người”, nhất là những người có công, chiến sĩ, thương binh và những người yếm thế trong xã hội.

Trong triết lý phát triển Hồ Chí Minh, mục tiêu xây dựng xã hội mới là giải phóng con người thoát khỏi mọi áp bức, bất công, cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí và phát huy dân chủ. Để thực hiện mục tiêu đó, cần quan tâm đến vấn đề hoạch định và thực thi chính sách xã hội trong quản lý phát triển đất nước. Hồ Chí Minh thấu hiểu cuộc sống đói khổ đến cùng cực của nhân dân Việt Nam dưới ách thống trị của thực dân Pháp và phong kiến tay sai. Hậu quả sau gần một thế kỷ dưới chế độ “cướp của, giết người và hiếp dâm” là “người nghèo khổ thì nhiều, người no ấm thì ít”³. Chính sách nô dịch và bóc lột tàn bạo của thực dân Pháp không chỉ để lại đói nghèo, dốt nát của cả một dân tộc mà còn triệt tiêu mọi khả năng để phát triển con người. Hồ Chí Minh chỉ rõ, xây dựng đất nước, xây dựng Chủ nghĩa xã hội phải nhằm mục đích không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân:

“Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam: *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Hà Nội, 1989, tr. 15.

2. Hồ Chí Minh: *Nhà nước và pháp luật*, NXB Pháp lý, Hà Nội, 1990, tr.174.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.175.

cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ.

Chúng ta phải thực hiện ngay:

1. Làm cho dân có ăn.
2. Làm cho dân có mặc.
3. Làm cho dân có chỗ ở.
4. Làm cho dân có học hành”¹.

Có thể coi đây là những phác thảo đầu tiên về chính sách xã hội của Hồ Chí Minh đối với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa giành được độc lập. Người cho rằng, *phát triển kinh tế* nhằm tạo ra điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, nói cách khác các mục tiêu xã hội là đích của các hoạt động kinh tế. Người căn dặn: “Phải luôn luôn nhớ rằng: Điều quan trọng bậc nhất trong kế hoạch kinh tế của chúng ta hiện nay là nhằm cải thiện đời sống của nhân dân”².

Xuất phát từ bản chất nhân văn “Minh muốn ăn no mặc ấm, cũng cần làm sao cho tất cả mọi người được ăn no mặc ấm”³, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất quan tâm đến việc thực hiện các chính sách đảm bảo sự bình đẳng, công bằng xã hội cho con người, đặc biệt là các đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong xã hội. Một mặt, để bảo đảm công bằng xã hội, Hồ Chí Minh nêu quan điểm: “Làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm thì không được hưởng. Những người già yếu hoặc tàn tật sẽ được Nhà nước giúp đỡ chăm nom”⁴. Tuy nhiên, Người cũng cho rằng công bằng trong Chủ nghĩa xã hội là phải hướng đến các đối tượng yếu thế, như người già cô đơn, già yếu, bệnh tật không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi được xã hội nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo; những người có công với Tổ quốc được quan tâm bằng những chính sách ưu đãi xã hội hợp lý. Phân phối theo lao động, theo cống hiến và theo các giá trị truyền thống là một chính sách vừa hợp lý vừa mang tính đạo lý, phù hợp với điều kiện Việt Nam khi phải trải qua gần một thế kỷ chống thực dân Pháp, tiếp đó là kháng chiến chống Mỹ cứu nước... Điều này thể hiện sự nhất quán, tính nhân văn sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giải quyết mối quan hệ lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội, các thành viên trong xã hội. Thực hiện công bằng trong đời sống xã hội, Hồ Chí Minh cảnh báo: “Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng; không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên”⁵. Với những quan điểm trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm chăm sóc cho hết thảy mọi người, mọi tầng lớp trong xã hội. Tháng 5/1968, khi viết lại *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết:

“Đầu tiên là công việc đối với con người.

Đối với những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình (cán bộ, binh sĩ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong...), Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.314.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.221.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.593.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr. 404.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.224.

thích hợp với mỗi người để họ có thể dần dần “tự lực cánh sinh”.

Đối với các liệt sĩ, mỗi địa phương (thành phố, làng xã) cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm ghi sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta.

Đối với cha mẹ, vợ con (của thương binh và liệt sĩ) mà thiếu sức lao động và túng thiếu, thì chính quyền địa phương (nếu ở nông thôn thì chính quyền xã cùng hợp tác xã nông nghiệp) phải giúp đỡ họ có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ bị đói rét.

Những chiến sĩ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong đều đã được rèn luyện trong chiến đấu và đều tỏ ra dũng cảm. Đảng và chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, các nghề, để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, phụ nữ đảm đang ta đã góp phần xứng đáng trong chiến đấu và trong sản xuất. Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo. Bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên. Đó là một cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ.

Đối với những nạn nhân của chế độ xã hội cũ, như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu,... thì Nhà nước phải dùng vừa giáo dục, vừa dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện”¹.

Có thể nói, cả cuộc đời mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ dành cho dân tộc, cho đất nước, cho nhân dân. Người luôn nghĩ đến dân, lo cho dân, đánh giá cao vai trò vị trí của nhân dân. Do đó, người cho rằng: “Hễ còn một người Việt Nam bị bóc lột, bị nghèo nàn, thì Đảng vẫn đau thương, cho đó là vì mình chưa làm tròn trách nhiệm”². Tư tưởng vị nhân sinh cao cả này của Người vẫn ngày ngày nhắc nhở Đảng và Nhà nước trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

2. Quá trình hiện thực hóa tư tưởng của Người vào trong thực tiễn

Thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã nỗ lực chiến đấu, sẵn sàng hy sinh, làm nên cuộc Tổng tiến công mùa Xuân 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Tiến hành xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng Xã hội chủ nghĩa mà Bác đã cùng với nhân dân lựa chọn.

Sau chiến tranh, Đảng và Nhà nước đã nỗ lực không ngừng vượt qua những đổ nát do chiến tranh để lại, phát triển kinh tế, chăm lo đời sống của nhân dân trong các chính sách cụ thể. Đặc biệt là việc thực hiện các chính sách xã hội.

Đối với những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình cho đất nước, những thân nhân liệt sĩ và những người có công với cách mạng. Đảng và Nhà nước đã vô cùng quan tâm, chăm sóc.

Cho đến nay, việc xác nhận các đối tượng người có công với cách mạng cơ bản đã hoàn

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam: *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Hà Nội, 1989, tr. 41-42.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.7, tr.572.

thành với trên 9 triệu người, trong đó có trên 1,2 triệu liệt sĩ, 127.000 Mẹ Việt Nam Anh hùng, trên 800.000 thương binh, 110.000 người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày và gần 320.000 người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học được công nhận... Hàng năm, ngân sách nhà nước chi trên 30.000 tỷ đồng tiền chính sách ưu đãi dành cho người có công. Chủ tịch nước cũng dành gần 900 tỷ đồng tặng quà cho các đối tượng chính sách nhân dịp Tết Nguyên đán và dịp kỷ niệm Ngày Thương binh Liệt sĩ. Cùng với chính sách của Đảng và Nhà nước, phong trào “đền ơn đáp nghĩa” được phát triển rộng khắp trong cả nước, chỉ tính riêng từ năm 2013-2017, Quỹ Đền ơn đáp nghĩa của Trung ương đã vận động được trên 17,8 tỷ đồng, Quỹ Đền ơn đáp nghĩa của địa phương vận động được gần 5.200 tỷ đồng. Phong trào tặng sổ tiết kiệm của cả nước lên tới 63.523 sổ với tổng kinh phí gần 2.900 tỷ đồng. Xây dựng mới trên 44.650 nhà tình nghĩa, sửa chữa 40.760 nhà tình nghĩa trị giá hơn 10.700 tỷ đồng. Hệ thống chính sách pháp luật về ưu đãi người có công không ngừng được hoàn thiện. Hiện có 4 pháp lệnh, 22 thông tư và thông tư liên tịch, 13 quyết định của Thủ tướng liên quan đến lĩnh vực ưu đãi đối với người có công đang còn hiệu lực thi hành và được tổ chức thực hiện nghiêm túc. Nhờ đó, đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn xác nhận người có công với cách mạng đã từng bước hoàn thiện; chế độ đãi ngộ từng bước được mở rộng, mức thụ hưởng ưu đãi được điều chỉnh hợp lý...¹.

Đến nay, có 12 diện đối tượng người có công được quy định tại Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công năm 2005. Chế độ ưu đãi đối với từng diện đối tượng người có công được quy định ngày càng đầy đủ, bao phủ hầu hết các mặt trong đời sống. Trong đó, trợ cấp ưu đãi được quy định phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội từng thời kỳ, đảm bảo mức sống của người có công và thân nhân như ưu đãi về đất ở, nhà ở, chăm sóc sức khỏe, giáo dục tín dụng... với 95,75% số đối tượng người có công đã được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách ưu đãi của Đảng và Nhà nước. 97% người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của nhân dân nơi cư trú; 100% Mẹ Việt Nam Anh hùng còn sống đều được chăm sóc, phụng dưỡng... Trong hơn 10 năm trở lại đây, việc nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật về ưu đãi người có công luôn được quan tâm, chú trọng, đã có khoảng trên 100 văn bản được ban hành của các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng các nghị quyết, nghị định, thông tư².

Đối với đời sống của nhân dân, mười năm gần đây, mức sống trung bình của người dân Việt Nam đã tăng lên gấp hai lần. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) bình quân đầu người liên tục tăng qua các thời kỳ: thời kỳ 1986-2000 tăng 6,80%, cao gần gấp đôi thời kỳ 1977-1985. GDP năm 2002 đã gấp 2,4 lần năm 1990, gấp 3 lần năm 1985 và gấp 11,1 lần năm 1955. Từ năm 2001 đến nay, tốc độ tăng GDP liên tục vượt ngưỡng 7%/năm, năm 2004 đạt 7,69%. Quỹ tiêu dùng của người dân được bổ sung rõ rệt, thể hiện qua sức tăng mạnh mẽ của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước (372,5 nghìn tỷ đồng, tăng 18,5% so với 2003). GDP tính bằng đôla Mỹ (USD) bình quân đầu người của Việt Nam liên tục tăng, năm 1995 đạt 289 USD, đứng thứ 10 khu vực, thứ 44 Châu Á, thứ

1. <http://tuyengiao.vn/bao-hiem-xa-hoi/sua-doi-phap-lenh-nguoi-co-cong-nham-bam-sat-thuc-tien-doi-song-123148>

2. http://special.vietnamplus.vn/thuong_binh

177 thế giới (Việt Nam là 1 trong 23 nước có mức thu nhập thấp nhất thế giới), đến năm 2002 đạt khoảng 439 USD, vượt lên đứng thứ 8 khu vực, thứ 39 Châu Á và thứ 112 thế giới. Nếu tính theo tỷ giá sức mua tương đương, năm 1995 mới đạt 1.236 USD, đứng thứ 8 khu vực, thứ 41 Châu Á và thứ 147 thế giới thì đến năm 2000 đã đạt 1996 USD, vượt lên đứng thứ 7, thứ 36 và thứ 113. Việt Nam đã chuyển từ khu vực các nước kém phát triển sang khu vực các nước đang phát triển. Việt Nam đã đạt được sự phát triển thần kỳ về sản xuất nông nghiệp, từ chỗ sản xuất không đủ tiêu dùng, phải nhập khẩu với khối lượng lớn, nay sản xuất đã vượt nhu cầu trong nước và xuất khẩu nhiều sản phẩm với khối lượng đứng thứ bậc khá cao trên thế giới. Một trong những nhân tố tạo nên sự phát triển nhanh chóng là người dân có điều kiện tự do làm ăn, kinh doanh. Hiến pháp Việt Nam năm 1992 đã khẳng định nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, bao gồm nhiều thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước; kinh tế tập thể; kinh tế cá thể, tiểu chủ; kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Nhà nước Việt Nam tôn trọng các thành phần kinh tế; những người có năng lực và điều kiện ở mọi thành phần kinh tế đều được Nhà nước tạo điều kiện để tham gia vào quá trình phát triển. Đặc biệt, Luật Doanh nghiệp ban hành năm 2000 đã tạo ra một sức sống mới cho các doanh nghiệp Việt Nam. Chỉ tính đến 31/12/2003, cả nước đã có 72.012 doanh nghiệp đang hoạt động, bao gồm: 4.845 doanh nghiệp Nhà nước (1.898 Doanh nghiệp Nhà nước Trung ương, 2.947 doanh nghiệp Nhà nước địa phương), 64.526 doanh nghiệp ngoài Nhà nước (4.150 doanh nghiệp tập thể, 60.376 doanh nghiệp tư nhân, 2.641 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), với tổng số trên 5,1 triệu lao động, trong đó khu vực doanh nghiệp Nhà nước có 2,264 triệu người; khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước có trên hai triệu. Một trong những thành tựu nổi bật nhất của Việt Nam trong việc bảo đảm quyền con người là đạt được những tiến bộ vượt bậc về xoá đói giảm nghèo, phát triển con người và chất lượng cuộc sống. Xoá đói giảm nghèo được coi là mục tiêu chiến lược quan trọng trước mắt và lâu dài với nhiều chương trình đặc biệt như Chương trình 143 và dự án hạ tầng cơ sở thuộc Chương trình 135, hỗ trợ người nghèo bằng chính sách cho vay tín dụng ưu đãi. Giai đoạn 2001-2004, Ngân hàng chính sách xã hội đã cho 3,573 triệu lượt hộ vay vốn. Hiện có khoảng 75% số hộ nghèo đang vay vốn, chiếm 15,8% tổng số hộ trong cả nước. Chính phủ áp dụng nhiều chính sách hỗ trợ người nghèo về y tế, bảo đảm tiếp cận dịch vụ y tế cho người nghèo. Tính đến tháng 12/2004, đã có trên 8 triệu người nghèo được cấp thẻ bảo hiểm y tế hoặc giấy khám chữa bệnh miễn phí, với tổng kinh phí 205 tỷ đồng. Người nghèo được hỗ trợ về giáo dục. Trên 3 triệu lượt học sinh nghèo/năm được miễn giảm học phí, đóng góp xây dựng trường; 2,5 triệu lượt học sinh nghèo được cấp vở viết, sách giáo khoa. Ngoài ra, Chính phủ còn có nhiều chính sách hỗ trợ người nghèo về đất đai, nhà cửa để bảo đảm an toàn cuộc sống cho người nghèo. Tính đến giữa năm 2003 đã có 10.455 hộ được hỗ trợ với tổng số 5.139 ha đất.

Từ những chính sách và chương trình mục tiêu, từ 1986 đến nay, tỷ lệ đói nghèo ở Việt Nam liên tục giảm. Từ 70% số hộ nghèo (theo tiêu chuẩn Việt Nam) cuối thập niên 1980 xuống 58% năm 1992 - 1993, 37% năm 1997 - 1998, năm 2004 còn khoảng 8%. Tính theo chuẩn nghèo của quốc tế đã giảm 50% số người nghèo - đạt được mục tiêu 1 trong các Mục tiêu Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc trước thời hạn năm 2015. Trong Báo cáo 2003 của mình về “Các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ: Xoá bỏ khoảng cách Thiên niên kỷ”

tổ chức UNDP tại Việt Nam đã đánh giá: “Những số liệu điều tra mới đây khẳng định rằng Việt Nam tiếp tục đạt được kết quả đầy ấn tượng trong quá trình tiến tới việc thực hiện các mục tiêu MDG vào năm 2015”¹.

Với những thành tựu đạt được như trên, có thể khẳng định, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn ghi nhớ những lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quá trình hiện thực hóa tư tưởng vị dân tộc, vị nhân sinh của Người.

Mặc dù, hiện tại vẫn còn ngổn ngang những vấn đề bức xúc liên quan đến lợi ích của nhân dân, Đảng và Nhà nước ta vẫn luôn nỗ lực không ngừng khắc phục những khó khăn, vướng mắc, hướng tới hoàn thiện cơ chế chính sách, đảm bảo đời sống và sự phát triển cho mọi tầng lớp nhân dân.

50 năm qua, Đảng và Nhà nước ta lãnh đạo toàn dân thực hiện Di chúc của Hồ Chủ tịch và đã đạt nhiều thành tựu có ý nghĩa to lớn. Chúng ta đã thực hiện thành công cách mạng giành độc lập và thống nhất trọn vẹn cho đất nước. Sau chiến tranh, Đảng và Nhà nước đã nỗ lực tạo dựng hình ảnh một đất nước Việt Nam vững vàng, ổn định về chính trị, vượt qua khủng hoảng kinh tế - xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới thành công, đưa kinh tế phát triển liên tục với tốc độ khá cao, cải thiện đáng kể đời sống vật chất – tinh thần cho nhân dân, góp phần nâng tầm vị trí của đất nước trong khu vực và trên thế giới. Những thành tựu mà Đảng và Nhà nước ta đã đạt được một lần nữa góp phần khẳng định tính nhân văn, tầm chiến lược và giá trị khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc, về con người được thể hiện thấm đẫm trong Di chúc của Người cách đây 50 năm. Những giá trị nhân văn cao đẹp vị dân tộc, vị nhân sinh của *Di chúc* Hồ Chí Minh mãi mãi trường tồn cùng non sông, gấm vóc Việt Nam. 50 năm hay dài lâu hơn nữa, những lời dạy của Người vẫn mãi là ngọn đuốc soi đường cho chúng ta noi theo./.

1. http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/ctc_quocte/ptklk/

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC BỀN VỮNG TRONG “DI CHỨC” CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*ThS. Hoàng Diệu Thảo**

Hơn nửa thế kỷ qua, phát triển đã trở thành cơ hội thúc đẩy sự tiến bộ của nhiều quốc gia trên thế giới. Trong chiến lược phát triển, nhiều quốc gia đã đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế lên hàng đầu và coi tăng trưởng kinh tế là chìa khóa của mọi sự phát triển. Tuy nhiên, trong thực tế hiện nay, hàng loạt các vấn đề nghiêm trọng về môi trường đã xuất hiện như: biến đổi khí hậu, thoái hóa đa dạng sinh học, ô nhiễm các chất hữu cơ độc hại khó phân hủy, v.v. Đó là những thách thức ngày một gia tăng đe dọa trực tiếp tới sự tồn tại của nhân loại, của Trái đất và buộc cộng đồng thế giới phải chuyển từ chiến lược phát triển lấy sự tăng trưởng kinh tế là trọng tâm sang chiến lược phát triển bền vững.

Vấn đề phát triển bền vững tưởng như là một vấn đề chỉ của xã hội hiện đại và chỉ trong xã hội hiện đại người ta mới quan tâm giải quyết, nhưng nó đã được đề cập từ rất sớm trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Vào những năm giữa thế kỷ XX, tuy trong cách diễn đạt của Chủ tịch Hồ Chí Minh chưa có thuật ngữ “phát triển bền vững” nhưng có thể thấy với trí tuệ, tầm nhìn thời đại của một nhà triết học, chính trị học, ngoại giao, ... Đặc biệt, trên cương vị người đứng đầu Nhà nước, trước khi qua đời, trong tài liệu “Tuyệt đối bí mật” mà Đảng và Nhà nước ta sau này đặt tên là *Di chúc*, những quan niệm của Hồ Chí Minh về phát triển đất nước được thể hiện khá rõ. Từ mục tiêu, động lực đến con đường phát triển sau này của dân tộc mà Người vạch ra đều hướng đến đảm bảo phát triển bền vững. Nếu chúng ta có sự tham chiếu quan niệm Hồ Chí Minh về phát triển đất nước trong *Di chúc* cách đây 50 năm với quan niệm phát triển bền vững ngày nay sẽ thấy tầm nhìn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vượt thời đại, có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, cần có những nghiên cứu, tìm hiểu chuyên sâu để góp phần thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam hiện nay.

1. Mục tiêu phát triển đất nước bền vững

Mục tiêu phát triển đất nước cũng là “điều mong muốn cuối cùng” của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện trong *Di chúc* chính là: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”¹. Bản chất của mục tiêu này cũng là con đường cách mạng Việt Nam đã được Người lựa chọn: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Toàn bộ cuộc đời cách mạng của Người hơn 60 năm, từ buổi thiếu niên cho đến phút cuối cùng, đầy gian khổ và hy sinh, cao thượng và phong phú, trong sáng và đẹp đẽ để thực hiện hoài bão lớn nhất Tổ quốc Việt Nam được giải phóng, nhân dân Việt Nam được hạnh phúc.

* *Trưởng Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 624.

Triết lý phát triển xã hội của Hồ Chí Minh thực chất là: Tổ quốc bị xâm lược thì phải đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng rồi phải xây dựng và phát triển đất nước để nhân dân được hưởng hạnh phúc, tự do, được đáp ứng đầy đủ các nhu cầu về vật chất và tinh thần. Có như vậy nền độc lập mới có ý nghĩa. Hòa bình, thống nhất, độc lập là tiền đề tiên quyết, vững chắc nhất cho việc xây dựng xã hội dân chủ, giàu mạnh, văn minh. Ngược lại, có dân chủ, giàu mạnh, văn minh thì nền độc lập tự do, nền hòa bình của chúng ta mới được giữ vững, mới được đảm bảo phát triển lâu bền.

Trong bối cảnh xây dựng và phát triển đất nước ngày nay, mục tiêu tổng quát trong *Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020* tiếp tục là sự kế thừa những quan niệm về mục tiêu phát triển đất nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Tăng trưởng bền vững, có hiệu quả, đi đôi với tiến độ, công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Những thuật ngữ hiện đại đã xuất hiện, nhưng mục tiêu về phát triển đất nước của Việt Nam vẫn được kiên định theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Nền độc lập, chủ quyền lãnh thổ quốc gia mà ông cha bao đời hy sinh, đổ máu để giữ vững vẫn là thiêng liêng nhất, không gì có thể đánh đổi được. Đây cũng chính là tiền đề thiết yếu để bảo đảm tiên bộ, công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường hôm nay.

2. Động lực phát triển đất nước bền vững

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, con người đóng vai trò là vốn quý nhất, động lực to lớn của cách mạng, phải chăm lo, phát huy nhân tố con người. Con người là trung tâm của sự nghiệp giải phóng, xây dựng và phát triển đất nước trong mọi thời kỳ. Trong *Di chúc*, Người thể hiện quan điểm này rất rõ ràng, toàn diện. Người căn dặn Đảng: “Đầu tiên là công việc đối với *con người*”¹ và “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*”².

Không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân tức là tức là đáp ứng các nhu cầu của nhân dân về cái ăn, cái mặc, ở, học hành, đi lại, chữa bệnh,... Đất nước đã được độc lập mà dân ăn không đủ no, mặc không đủ ấm thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì. Đáp ứng những nhu cầu tối thiểu về cái ăn, cái mặc cho nhân dân lại chính là mục tiêu chiến đấu suốt đời của vị Chủ tịch nước giản dị. Cái giản dị, thanh cao tự tâm sẽ là một nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Không chỉ quan tâm tới nâng cao đời sống cho nhân dân nói chung, Người còn quan tâm tới việc phát huy quyền lực, vị trí cho phụ nữ: “Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo. Bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên. Đó là một cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ”³. Ngày nay, việc quan tâm tới phụ nữ, bình đẳng giới, sức khỏe sinh sản cho phụ nữ cũng đã được thế giới bàn đến, nhưng nhân loại đâu có ngờ, một vị Chủ tịch nước khi cảm thấy những dấu hiệu đi xuống về sức khỏe đã di nguyện lại những lời căn dặn, trong đó Bác nhấn mạnh đến quyền lợi của phụ nữ một cách thật nhân văn và cao cả.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr. 616.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr. 622.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr. 617.

Kế thừa quan điểm Hồ Chí Minh, tiếp nối mục tiêu chiến lược mà Đảng và Nhà nước ta đã vạch ra, trong *Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững* gồm 5 quan điểm mục tiêu thì có tới 3 quan điểm mục tiêu hướng đến vì con người, phát huy nhân tố con người, đảm bảo con người Việt Nam phát triển bền vững. Trong đó mục tiêu đầu tiên, trên hết, trước hết thể hiện đặt con người ở vị trí trung tâm cao nhất: Con người là trung tâm của phát triển bền vững. Phát huy tối đa nhân tố con người với vai trò là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của phát triển bền vững. Vấn đề giải phóng phụ nữ, nâng cao sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới cũng đã được các văn bản về phát triển bền vững của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng được bàn đến một cách, coi đó là một trong những phương hướng mục tiêu căn bản của phát triển bền vững.

3. Cách thức phát triển đất nước bền vững

Phát triển kinh tế và văn hóa

Với bất cứ quốc gia nào thì kinh tế và văn hóa luôn là hai “trụ cột” của phát triển bền vững đất nước. Hồ Chí Minh không chỉ quan tâm đến việc “khôi phục và mở rộng ngành kinh tế” để xây dựng một nền kinh tế phát triển cao, khoa học kỹ thuật hiện đại mà Người còn đặc biệt quan tâm phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Người coi văn hóa cũng là một trong những mặt trận vô cùng quan trọng, tiền đề để phát triển đất nước. Trong *Di chúc*, mối quan hệ giữa kinh tế và văn hóa đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh ngay từ đầu. Muốn thực hiện được mục tiêu xây dựng đất nước “giàu mạnh” và không ngừng nâng cao đời sống nhân dân thì phải “phát triển kinh tế và văn hóa”. Muốn phát triển kinh tế phải sản xuất, kinh doanh, giải phóng mọi năng lực sản xuất. Động lực kinh tế sẽ làm cho mọi người, mọi nhà trở nên giàu có, ích quốc lợi dân. Văn hóa được Người coi là động lực tinh thần không thể thiếu của chủ nghĩa xã hội. Trong quan hệ với kinh tế, Người cho rằng: kinh tế thuộc về cơ sở hạ tầng, là nền tảng của việc xây dựng văn hóa. Vì vậy, phải chú trọng xây dựng và phát triển kinh tế để có điều kiện xây dựng và phát triển văn hóa.

Thực hiện theo lời Người căn dặn, một trong những định hướng ưu tiên của phát triển bền vững Việt Nam hiện nay là văn hóa. Cụ thể: Phát triển văn hóa hài hòa với phát triển kinh tế, phát huy những giá trị tốt đẹp của văn hóa dân tộc, đồng thời tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xử lý tốt mối quan hệ giữa kinh tế và văn hóa để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, là một động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Mối quan hệ hài hòa này chỉ có thể có được khi con người thực sự được đặt vào làm mục tiêu, làm trung tâm của sự nghiệp phát triển bền vững đất nước.

Đầu tư cho giáo dục, coi giáo dục là quốc sách hàng đầu

Là người quan tâm và đặt nền móng đầu tiên cho nền giáo dục mới của Việt Nam, Hồ Chí Minh cho rằng, việc xây dựng một nền giáo dục của nước ta phải được coi là một mặt trận quan trọng, nhiệm vụ cấp bách, có ý nghĩa chiến lược, cơ bản và lâu dài. Trong *Di chúc* năm 1968, Bác đã viết: “Sửa đổi chế độ giáo dục cho hợp với hoàn cảnh mới của nhân dân”. “Sửa đổi” ở đây chính là “cải cách giáo dục” cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, nhu cầu mới của đất nước ta. Đối với thể hệ “rường cột” của nước nhà, Người căn dặn: phải giáo dục đạo đức cách mạng cho họ và đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên”. Vì vậy, “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”¹ để nước ta “sánh vai cùng các cường quốc năm châu” như mong muốn của Người. Ngày nay, cùng với khoa học công nghệ, giáo dục chính là một trong những động lực quan trọng nhất cần phải phát huy nếu muốn thực hiện phát triển bền vững đất nước.

Phương hướng này một lần nữa chúng ta tiếp tục thấy xuất hiện trong các định hướng ưu tiên phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay: Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo để nâng cao dân trí và trình độ nghề nghiệp thích hợp với yêu cầu của sự phát triển đất nước, vùng và địa phương.

Duy trì tốt mối quan hệ đoàn kết quốc tế

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt ra nhiệm vụ cho Đảng trong việc thực hiện sứ mệnh quốc tế của mình: “...góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình. Tôi tin chắc rằng các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại”². Người yêu cầu đoàn kết để làm cách mạng, đánh đuổi đế quốc xâm lược, xây dựng tình vô sản đoàn kết “bốn biển một nhà”. Ngày nay, trong thực hiện phát triển bền vững – một vấn đề cũng được coi là vấn đề quốc tế cùng với các vấn đề khác như: bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu, chống khủng bố,... càng cần nhân loại tiến bộ phải cùng nhau đoàn kết lại. Chính vì vậy, Việt Nam đã có định hướng cho mình: Tăng cường hợp tác quốc tế, thực hiện có trách nhiệm các cam kết quốc tế; tích cực, chủ động hội nhập để xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Đây cũng chính là quan điểm mục tiêu thứ 17 của Chương trình nghị sự về phát triển bền vững 2030 của thế giới: Đẩy mạnh cách thức thực hiện và đem lại sức sống mới cho quan hệ đối tác toàn cầu về phát triển bền vững.

Duy trì mối quan hệ hài hòa giữa con người và tự nhiên

Trong *Di chúc*, Bác viết: “Tôi yêu cầu thi hài tôi được *đốt đi*, nói chữ là “hoả táng”. Tôi mong rằng cách “hoả táng” dần dần sẽ được phổ biến. Vì như thế đối với người sống đã tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất. Bao giờ ta có nhiều điện, thì “điện táng” càng tốt hơn”³. Sau khi hoả táng, Người yêu cầu “tro xương” được chia ra làm ba phần, chôn ở ba quả đồi ở ba miền Bắc - Trung - Nam. Từ thời điểm cách nay nửa thế kỷ, Bác đã dạy chúng ta nên hoả táng thi hài, nên sử dụng những nguồn năng lượng sạch để bảo vệ môi trường cho chúng ta và cho cả những thế hệ mai sau. Biết sống không những vì lợi ích chung mà còn chăm lo cho lợi ích của những thế hệ mai sau chính là một trong những nội dung của sự phát triển bền vững mà tận đến năm 1992 Liên hợp quốc mới đề xuất trong “Hội nghị thượng đỉnh về Môi trường và Phát triển” tổ chức tại Rio de Janeiro.

Như vậy, nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện đến những phút cuối của cuộc đời. Mặc dù *Di chúc* được coi là “Tài liệu tuyệt đối bí mật”, thường được hiểu là riêng tư của mỗi một con người, nhưng với Chủ tịch Hồ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr. 622.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr. 613.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr. 613.

Chí Minh, *Di chúc* là dành cho tất cả mọi người Việt Nam, những ai là “con dân nước Việt” đều có một phần ở trong đó. Toàn bộ *Di chúc* của Bác nói về “việc chung”, duy nhất nội dung cuối cùng Bác đề là “việc riêng”: việc hỏa táng thi hài của Người. Nói là “việc riêng” nhưng vẫn là “việc chung” vì giá trị của nó là làm lợi cho môi sinh, bảo vệ môi trường.

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, để phát triển xã hội, xây dựng cuộc sống thực sự tốt đẹp và hạnh phúc cho nhân dân, một mặt con người phải đấu tranh nhằm cải tạo xã hội, mặt khác đấu tranh nhằm cải biến tự nhiên vì lợi ích của mình. Tuy nhiên sự tác động của con người đối với tự nhiên hoàn toàn không phải là sự tác động hay can thiệp mù quáng, hay mang tính bản năng thuần túy, mà phải dựa trên cơ sở những nhận thức đúng đắn về giới tự nhiên, tức phải nắm được các quy luật khách quan của tự nhiên, chung sống “hài hòa với tự nhiên”. Chúng ta còn nhớ, sau khi hòa bình lập lại ở miền Bắc, trước tình trạng phá rừng thiếu ý thức của một số người dân và một bộ phận cán bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh thấy cần phải phát động một phong trào *Trồng cây gây rừng* vào mùa xuân. Mỗi khi Tết đến, xuân về, nhân dân ta vẫn nhớ đến câu thơ của Bác: *Mùa xuân là tết trồng cây. Làm cho đất nước càng ngày càng xuân*. “Tết trồng cây” đã trở thành một nét văn hóa đẹp của người Việt Nam mà người “truyền cảm hứng” đầu tiên chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu. Người đã không quên căn dặn việc trồng cây gây rừng trong *Di chúc*: “Nên có kế hoạch trồng cây trên đồi. Ai đến thăm thì trồng một cây làm kỷ niệm. Trồng cây nào phải tốt cây ấy. Lâu ngày, cây nhiều thành rừng, sẽ tốt cho phong cảnh và lợi cho *nông nghiệp*”¹.

Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngoài ý nghĩa giáo dục, còn ẩn chứa bên trong là một tình yêu thiên nhiên, đất nước vô bờ bến. Thiên nhiên, đất nước trong đời sống tinh thần của Bác không đơn giản chỉ là một thái độ ứng xử tích cực của con người đối với cuộc sống xung quanh, hơn thế, sự quan tâm, bảo vệ và hòa đồng với thiên nhiên và đất nước đã trở thành một phần máu thịt, gắn quyện với nhân sinh quan và thế giới quan của một chiến sĩ cộng sản lỗi lạc, thể hiện tầm nhận thức cực kỳ sâu sắc của Hồ Chí Minh đối với thế giới tự nhiên. “Trồng cây” là một việc nhỏ nhưng có ý nghĩa vô cùng to lớn, phản ánh một trí tuệ và tầm nhìn văn hóa phát triển bền vững của Hồ Chí Minh. Đây cũng có thể coi là những quan điểm đầu tiên, nền móng cho vấn đề bảo vệ môi trường ở nước ta vì ngày nay những quan điểm tương đồng với tư tưởng của Người như: “bảo vệ rừng là bảo vệ lá phổi của trái đất”, “bảo vệ môi trường là bảo vệ sự sống của chính chúng ta”, “chung sống hài hòa với tự nhiên”,... đã trở thành những khẩu hiệu quen thuộc của Ngày Môi trường thế giới cũng như ở Việt Nam.

4. Phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay

Tại Rio de Janeiro, Chính phủ Việt Nam đã ký cam kết thực hiện Chương trình nghị sự 21 và để thực hiện cam kết của Việt Nam đối với cộng đồng quốc tế. Đến tháng 8 năm 2004 Chính phủ đã phê duyệt và ban hành “Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam” (Hay còn gọi là Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam – Agenda 21). Sự tham gia của Việt Nam vào chương trình nghị sự phát triển bền vững thế giới được đánh giá là khá sớm. Để thực hiện cam kết cũng như những định hướng này, nhiều hoạt động của các Bộ, ngành, địa phương trong cả nước đã triển khai nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr. 613.

hóa, xã hội, môi trường theo hướng bền vững. Đây là một cách tiếp cận mới, mang tính hệ thống, dài hạn, bảo đảm sự phát triển của thế hệ hôm nay và không làm phương hại, cản trở đến sự phát triển của các thế hệ mai sau. Đây là sự phát triển đặt ra yêu cầu phải *đảm bảo mối quan hệ hài hòa giữa kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường* trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thích ứng với chính sách hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay của Việt Nam.

Tuy nhiên, về kinh tế: Chất lượng và hiệu quả nền kinh tế còn thấp. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu theo chiều rộng, chủ yếu dựa vào tăng vốn đầu tư trong và ngoài nước, khai thác tài nguyên thô, sức cạnh tranh trên thị trường còn non; Về xã hội: Tình trạng tái nghèo ở một số vùng núi cao, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng thiên tai còn cao. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân còn nhiều bất cập. Tình hình ô nhiễm thực phẩm còn cao và chưa dấu hiệu được kiểm soát chặt chẽ. Chất lượng giáo dục còn thấp so với yêu cầu của phát triển đất nước và hội nhập; Về môi trường: Công tác bảo vệ môi trường còn nhiều mặt yếu kém. Tài nguyên thiên nhiên vẫn đang bị khai thác trái phép và sử dụng lãng phí. Các vấn đề ô nhiễm môi trường chưa được cải thiện nhiều, có nơi ngày càng trầm trọng hơn. Tóm lại, nền tảng để Việt Nam trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa được hình thành đầy đủ, các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam chưa thực hiện được hết.

Trên thực tế, ngay từ cuối những năm 80, đầu những năm 90 của thế kỷ XX, cùng với việc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát triển nền kinh tế - xã hội của đất nước, Việt Nam đã tích cực tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, tìm tòi và vận dụng nhiều biện pháp quan trọng để phát triển các lĩnh vực kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường; cam kết thực hiện đầy đủ Chương trình Nghị sự 21. Trong tiến trình phấn đấu thực hiện mục tiêu *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh*, Việt Nam luôn kiên trì và thực hiện một cách nghiêm túc các cam kết quốc tế và đã đạt được những thành công lớn, có ý nghĩa quan trọng trên cả ba mục tiêu cơ bản: tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, được thế giới thừa nhận và đánh giá cao.

Tuy nhiên, những vấn đề còn tồn tại trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững còn khá nhiều, mà “chìa khóa” để giải quyết những tồn tại này đã xuất hiện từ rất sớm trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là thông qua bản *Di chúc* của Người. Để hội nhập kinh tế quốc tế, đảm bảo “phát triển nhanh và bền vững” thì cần vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào mục tiêu, động lực cũng như các phương hướng phát triển đất nước. Cuối cùng, một trong những điều kiện đảm bảo thành công cho phát triển bền vững của đất nước chính là đoàn kết, một khi nhân dân ta đoàn kết, đồng lòng, nhất trí thì “Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi”¹./.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr. 623.

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG VÀ THỰC THI CÁC CHỦ TRƯỞNG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở NƯỚC TA TRONG CÁC LĨNH VỰC: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG, TÔN GIÁO HIỆN NAY

*TS. Cù Thị Thanh Thúy**

Trải qua hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước, tinh thần yêu nước gắn liền với ý thức cộng đồng, ý thức cố kết dân tộc, đoàn kết dân tộc của dân tộc Việt Nam đã được hình thành và củng cố, tạo thành một truyền thống bền vững. Những giá trị này là cơ sở đầu tiên, sâu xa cho sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc. Trong bản *Di chúc* viết trước khi Người qua đời, Bác đã dành những tâm huyết sâu sắc để dặn lại các thế hệ mai sau về vấn đề đoàn kết dân tộc.

Thực hiện tư tưởng của Bác, Đảng ta xác định động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân, trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng nguồn lực các thành phần kinh tế của toàn xã hội. Đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng được thực hiện bằng nhiều hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

Đảng ta luôn xác định vấn đề dân tộc, công tác dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược quan trọng trong cách mạng nước ta. Giải quyết vấn đề dân tộc ở nước ta là giải phóng con người thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu – những rào cản gây khó khăn cho việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Từ đó, mục tiêu lớn đặt ra cho công tác dân tộc là thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, từng bước cải thiện và nâng cao mọi mặt đời sống nhân dân.

Thực hiện di huấn của Người, trong hơn 30 năm qua Đảng và Nhà nước luôn quan tâm, phát triển vùng dân tộc thiểu số (DTTS), miền núi, coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và phát triển bền vững. Với tinh thần trên, hệ thống chính sách, pháp luật hỗ trợ phát triển về kinh tế, xã hội vùng DTTS không ngừng được hoàn thiện. Tính từ năm 2016, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 41 văn bản đề cập việc ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi, trong đó có 15 đề án và chính sách dân tộc. Hiện nay, Việt Nam có 54 chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế cho đồng bào DTTS ít người và vùng miền núi còn hiệu lực. Thông qua việc thực hiện các chính sách hỗ trợ, vùng DTTS và miền núi đã đạt được những kết quả quan trọng:

*Trường Đại học Công đoàn.

Kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội ngày càng phát triển (100% xã có đường ô-tô đến trung tâm, 99% trung tâm xã và 80% thôn có điện, hơn 50% xã có trạm y tế đạt chuẩn); tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, từ 2016-2018 giảm 3,5%/năm¹.

. Kết quả trên là cả quá trình không ngừng của hơn 30 năm (từ 1986 đến nay) xây dựng và thực thi các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về ổn định và phát triển vùng DTTS ở nước ta, đặc biệt là trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng và công tác tôn giáo.

1. Trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng

Mặc dù chủ trương chính sách phát triển kinh tế xã hội khu vực miền núi (Nghị quyết số 22/NQ-TW) đã ban hành năm 1989, nhưng lĩnh vực cơ sở hạ tầng ở vùng DTTS được quan tâm đặc biệt bắt đầu từ năm 1998 với dấu mốc là sự ra đời của Chương trình 135. Kể từ đó đến nay, bên cạnh các chính sách chung, còn có những chính sách đặc thù với một số nhóm DTTS, trong đó có đề cập đến sự phát triển cơ sở hạ tầng.

Chương trình 135 là chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ dành cho các xã đặc biệt khó khăn, vùng núi và vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS, được chia thành nhiều giai đoạn thực hiện. Giai đoạn 1998 đến 2006, chính phủ đã ban hành hai quyết định (Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998, Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg ngày 10/01/2006) về Chương trình 135 tương ứng với hai giai đoạn 1998-2005 và 2006-2010. Sau hơn 10 năm thực hiện chương trình 135, căn cứ theo những kết quả thực hiện chương trình và tình hình thực tế, từ năm 2012, chương trình này được điều chỉnh trở thành dự án và chương trình thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 8/10/2012 và Quyết định 551/QĐ-TTg ngày 4/4/2013). Từ năm 2016, Chương trình 135 có một số điểm thay đổi, không còn là một chương trình riêng mà thuộc về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 (Quyết định 1722/QĐ-TTg, ngày 2/9/2016). Hơn 20 năm qua, Chương trình 135 đã đạt được những thành tựu vô cùng to lớn; hệ thống cơ sở hạ tầng ở vùng DTTS và miền núi, vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được đầu tư với hàng ngàn công trình; đường giao thông liên thôn - xã, trường học, trạm y tế, công trình hỗ trợ tưới tiêu, nhà sinh hoạt cộng đồng,...

Bên cạnh việc triển khai Chương trình 135, phát triển cơ sở hạ tầng vùng đồng bào dân tộc còn được phản ánh trong hàng loạt các quyết định nhằm hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào DTTS từ đầu thế kỷ 21.

Trong “Chính sách di dân thực hiện quy hoạch, bố trí dân cư giai đoạn 2003 – 2010” (Quyết định 190/2003/QĐ-TTg) năm 2003 đã có một số nội dung chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội một cách bền vững cho người dân, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội, như “Nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng bao gồm: đường giao thông nội vùng, thủy lợi nhỏ, phòng học, trạm y tế, công trình cấp nước sinh hoạt, xây dựng trạm

1. https://www.nhandan.com.vn/nation_news/item/38783202-dinh-huong-chinh-sach-phat-trien-vung-dan-toc-thieu-so-mien-nui.html

hạ thế và đường dây điện từ trạm hạ thế đến trung tâm khu dân cư hoặc trạm thủy điện nhỏ ở những nơi có điều kiện, khai hoang đất ở, đất sản xuất tại những vùng dự án di dân tập trung, xây dựng mới hoặc nâng cấp một số công trình hạ tầng thiết yếu như: lớp học, trạm xá, thủy lợi nội đồng, đường dân sinh, công trình cấp nước công cộng”¹. Các chương trình hành động tiếp theo của chính phủ cũng tiếp tục tập trung vào đồng bào DTTS như Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 5/3/2007 về “Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007 – 2010”; sau được bổ sung bằng Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 25/8/2009 và Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013, hướng tới mục tiêu cụ thể: đến năm 2015..., 70% số điểm định canh, định cư tập trung (thôn, bản) có đủ các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu, phù hợp với quy hoạch chung, bao gồm: đường giao thông, điện, thủy lợi nhỏ, lớp học, nhà mẫu giáo, nhà sinh hoạt cộng đồng và một số công trình thiết yếu khác; 100% số hộ đồng bào DTTS du canh, du cư được tổ chức định canh, định cư theo quy hoạch, có nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt... theo quy định; trong đó: trên 70% số hộ được sử dụng điện, nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

Cùng với những chủ trương lớn xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng giúp đồng bào DTTS định canh, định cư, Chính phủ còn ban hành nhiều chính sách hỗ trợ xây dựng các công trình cấp nước, cấp điện, nhà ở, xây cầu, hệ thống thông tin và truyền thông... tại các vùng dân tộc miền núi như: chính sách cho các hộ đồng bào DTTS tại chỗ và hộ dân thuộc diện chính sách ở các tỉnh Tây Nguyên mua trả chậm nhà ở theo Quyết định số 154/2002/QĐ-TTg ngày 12/11/2002; Chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn theo Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004; Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2013 – 2020 theo Quyết định số 2081/QĐ-TTg ngày 8/11/2013 và tiếp tục được hoàn thiện bằng Quyết định số 1740/QĐ-TTg ngày 13/12/2018 “Phê duyệt chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo, giai đoạn 2016 – 2020”; Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giai đoạn 2012 – 2015 theo Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 5/9/2012; Phê duyệt đề án xây dựng cầu nông thôn các tỉnh miền núi phía Bắc, miền Trung, Tây Nguyên giai đoạn 2014 – 2020 theo Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 12/3/2014; Phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình xây dựng cầu dân sinh đảm bảo an toàn giao thông vùng DTTS giai đoạn 2014 – 2020 theo Quyết định số 2529/QĐ-TTg ngày 31/12/2015.

Ngoài ra, cần kể đến những chính sách đặc thù dành cho các nhóm dân tộc, những vùng miền đặc biệt như: Đề án phát triển kinh tế - xã hội vùng các dân tộc: Mảng, La Hủ, Cống, Cờ Lao được thực thi theo Quyết định số 1672/QĐ-TTg ngày 26/9/2011 hướng tới mục tiêu: “Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, hỗ trợ và tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc: Mảng, La Hủ, Cống, Cờ Lao phát triển sản xuất, giảm nghèo, thoát nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, góp phần vào

1. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/Quyết-dinh-190-2003-QĐ-TTg-chinh-sach-di-dan-thuc-hien-quy-hoach-bo-tri-dan-cu-giai-doan-2003-2010-51349.aspx>

việc bảo vệ môi trường, rừng đầu nguồn và chủ quyền biên giới quốc gia”¹. Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 – 2020 theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 trong đó có tiêu chí về cơ sở hạ tầng như giao thông, thủy lợi, điện, cơ sở vật chất văn hóa, công trình thu gom rác thải, có công trình cấp nước sạch,...

Các chủ trương, quyết định, chỉ thị, đề án trên đây cũng chính là nhằm thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 đã được đề ra trong Quyết định số 449/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 12/3/2012 nhằm hướng tới “phát triển toàn diện kinh tế - xã hội, ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng, giảm nghèo và phát triển nguồn nhân lực ở vùng DTTS; từng bước hình thành các trung tâm kinh tế vùng DTTS”², với mục tiêu cụ thể: đến năm 2020 đảm bảo 100% đường trục liên xã được nhựa hóa, bê tông hóa và trên 50% đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật được quy định trong Chương trình xây dựng nông thôn mới; trên 95% hộ sử dụng điện thường xuyên; 100% hộ gia đình sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; các xã có điểm phục vụ bưu chính, viễn thông; internet đến hầu hết các thôn, bản. Nhiệm vụ đặt ra trong chiến lược này là: tập trung nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội địa bàn DTTS, trước hết là hoàn thành việc xây dựng các tuyến đường giao thông kết nối liên vùng sản xuất hàng hóa, trung tâm các xã, thôn, bản; đảm bảo điện thấp sáng, các công trình nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế, chợ; gắn với sắp xếp, ổn định dân cư thuận lợi cho phát triển; hạn chế tình trạng di cư tự do. Phát triển hạ tầng truyền dẫn phát sóng đồng bộ, đảm bảo chuyển tải được các dịch vụ phát thanh, truyền hình, viễn thông và công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của người DTTS.

Đối với mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, ngày 31/10/2016, Thủ tướng chính phủ tiếp tục ban hành Quyết định số 2085/QĐ-TTg “Phê duyệt chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 – 2020”. Quyết định này một lần nữa tái khẳng định những chính sách về xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng cho đồng bào dân tộc miền núi đã được ban hành trước đó như chính sách về xây dựng hệ thống điện, đường, trường, trạm, hỗ trợ xây dựng nhà ở, nước sinh hoạt cho đồng bào, hộ nghèo dân tộc miền núi. Hướng tới thực hiện mục tiêu tổng quát giảm nghèo bền vững, giảm dần chênh lệch trong phát triển giữa vùng DTTS và miền núi với các vùng khác trong cả nước

Tóm lại, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm, phát triển vùng DTTS, miền núi, coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và phát triển bền vững. Hệ thống chính sách, pháp luật hỗ trợ phát triển về kinh tế, xã hội, xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng vùng DTTS không ngừng được hoàn thiện. Thông qua việc thực hiện các chính sách hỗ trợ, vùng DTTS và miền núi đã đạt được những kết quả quan trọng, đặc biệt, kết cấu hạ tầng cơ sở ngày càng phát triển và hoàn thiện

1. http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=2&mode=detail&document_id=151669.

2. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/Quyết-dinh-449-QĐ-TTg-nam-2013-phe-duyet-Chien-luoc-cong-tac-dan-toc-den-2020-175923.aspx>.

2. Trong lĩnh vực tôn giáo

Ngay từ sau khi thành lập Nhà nước Dân chủ Cộng hòa năm 1945, Đảng và Nhà nước ta đã xác định công tác tôn giáo là vấn đề chiến lược có ý nghĩa rất quan trọng, chính sách “tín ngưỡng, tự do, lương giáo đoàn kết” do Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra đã góp phần to lớn vào sự nghiệp đoàn kết toàn dân kháng chiến thắng lợi, giành độc lập thống nhất hoàn toàn cho đất nước.

Từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986), cùng với chủ trương đổi mới lý luận, tư duy, mở rộng dân chủ, Đảng Cộng sản Việt Nam cũng tiến hành đổi mới quan điểm, chính sách đối với tôn giáo. Năm 1990, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 16/10/1990 về công tác tôn giáo, đây được coi là bước đột phá trong quan điểm, chính sách đối với tôn giáo, xác định “tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân và tôn giáo có những giá trị văn hóa và đạo đức phù hợp với chế độ mới”¹.

Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII tháng 6/1991 đã đưa toàn bộ những quan điểm đổi mới về vấn đề tôn giáo của Nghị quyết 24 vào Văn kiện Đại hội: “Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, Đảng và Nhà nước ta tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân, thực hiện bình đẳng, đoàn kết lương – giáo và các tôn giáo khác. Khắc phục mọi thái độ hẹp hòi, thành kiến, phân biệt đối xử với đồng bào có đạo, chống những hành động vi phạm tự do tín ngưỡng; đồng thời nghiêm cấm và ngăn chặn mọi hành vi lợi dụng tôn giáo phá hoại độc lập và đoàn kết dân tộc, chống phá chủ nghĩa xã hội, tôn giáo ngăn cản tín đồ làm nghĩa vụ công dân”².

Ngay sau khi ban hành Nghị quyết số 24, ngày 21/3/1991 Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 59/NĐ-HĐBT “Quy định về các hoạt động tôn giáo”, đây được coi là văn bản có tính chất mở đầu nêu ra các quy định cụ thể về các hoạt động tôn giáo ở Việt Nam. Tiếp theo đó, Chỉ thị số 37 CT/TW ngày 2/7/1998 của Bộ Chính trị về Công tác tôn giáo được coi là sự chuyển tiếp của Nghị quyết 24 khi nó cụ thể hóa những quan điểm của Nghị quyết 24 bằng 6 nguyên tắc và 7 nhiệm vụ trong công tác tôn giáo, nhấn mạnh những hoạt động của tôn giáo ích nước lợi dân, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích chính đáng, hợp pháp của tín đồ được bảo đảm, những giá trị văn hóa, đạo đức của tôn giáo được tôn trọng và khuyến khích phát huy. Trên cơ sở đó Nghị định số 26/1999/NĐ-CP ngày 19/4/1999 của Chính phủ về các hoạt động tôn giáo một lần nữa khẳng định Nhà nước Việt Nam đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng, tôn giáo; đồng thời cũng đưa ra những quy định cụ thể cho những cá nhân và tổ chức hoạt động tôn giáo.

Kế thừa và phát triển những quan điểm chủ trương của Đảng và Nhà nước về tôn giáo trong các văn kiện trước đó. Nghị quyết số 25 – NQ/TW ngày 12/3/2003 (Nghị quyết Hội nghị lần thứ VII Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về Công tác tôn giáo) về công tác tôn giáo trong tình hình mới, Đảng ra vẫn nhất quán quan điểm chính sách đối với tôn giáo “Hoạt động tôn giáo và công tác tôn giáo phải nhằm tăng cường đoàn kết đồng bào các

1. http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/240/0/1081/Tu_su_doi_moi_nhan_thuc_den_su_doi_moi_ve_Chinh_sach_Ton_giao.

2. http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/240/0/1080/Ton_trong_tu_do_tin_nguong_ton_giao_chinh_sach_nhat_quan_cua_Dang_va_Nha_nuoc_ta.

tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”¹.

Những văn kiện trên đây là cơ sở lý luận quan trọng cho việc ra đời Pháp lệnh Tín ngưỡng tôn giáo năm 2004 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua vào tháng 6/2004 kèm theo đó là việc ban hành Nghị định số 22/2005/NĐ-CP “Hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo” của chính phủ ban hành 3/2005 và Nghị định 92/2012/NĐ-CP ngày 8/11/2012 “Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo” bao gồm các hoạt động tín ngưỡng; về tổ chức tôn giáo; hoạt động tôn giáo của tín đồ, nhà tu hành, chức sắc và tổ chức tôn giáo; trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc quản lý hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo. Pháp lệnh Tín ngưỡng tôn giáo ra đời cho thấy những bước tiến dài trong việc thể chế hóa các quyền tự do tôn giáo tín ngưỡng của quần chúng và các hoạt động của các tổ chức tôn giáo.

Bên cạnh những chủ trương chung dành cho vấn đề tôn giáo, Đảng và Nhà nước cũng dành sự quan tâm chỉ đạo đến các vấn đề tôn giáo cụ thể như: Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg ngày 4/2/2005 về “Một số công tác đối với đạo Tin lành” nhằm thực hiện có hiệu quả hơn nhiệm vụ quán triệt sâu sắc và triển khai thực hiện đầy đủ các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo và chính sách đối với đạo Tin lành; Chỉ thị số 121-CT/TW ngày 26/10/1981 về công tác đối với đồng bào Chăm; Văn bản số 119-TB/TW ngày 30/9/2003 của Ban Chấp hành Trung ương thông báo ý kiến Ban Bí thư về chủ trương công tác đối với Hồi giáo trong tình hình mới; Chỉ thị số 68-CT/TW ngày 18/4/1991 về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer, trong đó có vấn đề liên quan đến tôn giáo.

Sau Hiến pháp năm 2013, để điều chỉnh hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam tạo cơ sở pháp lý đầy đủ hơn, phù hợp với Hiến pháp 2013, phù hợp với các điều ước quốc tế đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn công tác về tín ngưỡng, tôn giáo là yêu cầu cấp thiết hiện nay. Luật Tín ngưỡng, tôn giáo được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 18/11/2016 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018. Luật có nhiều điểm mới, tiến bộ, thể hiện tính công khai, dân chủ, minh bạch, phù hợp với tinh thần của Hiến pháp năm 2013, bổ sung các quy định mới nhằm đảm bảo ngày càng tốt hơn quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người. Tiếp theo đó, Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 “Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo”, nhằm cụ thể hóa các quy định chi tiết một số điều của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và Quyết định số 306/QĐ-TTg ngày 8/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành “Kế hoạch triển khai thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo” nhằm: xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức triển khai thi hành Luật, bảo đảm tính kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả; xác định cơ chế phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương trong việc

1. http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/159/0/1065/Noi_dung_Nghi_quyet_so_25_NQ_TW

tiến hành các hoạt động triển khai thi hành Luật trên phạm vi cả nước; nâng cao nhận thức về Luật, trách nhiệm triển khai, thi hành Luật.

Nhìn chung, quan điểm của Đảng và Nhà nước nhất quán cho rằng, tôn giáo, tín ngưỡng là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, thừa nhận và khuyến khích phát huy những giá trị đạo đức, văn hóa, truyền thống tốt đẹp của tôn giáo trong công cuộc xây dựng xã hội mới. Việc xây dựng và ban hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo với nhiều điểm mới có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo ngày càng tốt hơn quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người, được đánh giá là một bước tiến mới trong vấn đề đảm bảo hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở nước ta, phù hợp với xu thế hội nhập của thế giới trong tình hình hiện nay.

Tư tưởng cốt lõi của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, không phải là việc một hai người có thể làm được. Đại đoàn kết toàn dân có nghĩa là phải tập hợp được tất cả mọi người dân vào một khối trong cuộc đấu tranh chung. Trong quá trình xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, phải đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, giải quyết hài hòa mối quan hệ giai cấp - dân tộc để tập hợp lực lượng, không được phép bỏ sót một lực lượng nào. Đồng bào dân tộc miền núi là thực thể đặc biệt quan trọng trong khối đại đoàn kết toàn dân. Việc xây dựng và thực hiện các chính sách đối với đồng bào DTTS đã mang lại những thành tựu nổi bật như giữ vững được trật tự an toàn xã hội, khối đại đoàn kết các dân tộc được tăng cường, củng cố, niềm tin với Đảng, Nhà nước được giữ vững./.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TRONG TÁC PHẨM *DI CHÚC* VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

*ThS. Huỳnh Thị Phương Thúy**

Trong toàn bộ di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đoàn kết là vấn đề xuyên suốt và nhất quán trong tư duy lý luận của Người. Trải qua quá trình hoạt động cách mạng, Người đã không ngừng chăm lo công tác xây dựng sự đoàn kết thống nhất cho toàn Đảng, toàn dân, đoàn kết với các dân tộc yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Nhờ vận dụng sức mạnh của tinh thần đoàn kết, Người đã đưa con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua mọi thác ghềnh để đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Ngay trong thời kỳ đầu hình thành đường lối cứu nước, với tác phẩm *Đường cách mệnh*, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “Việc gì khó cho mấy, quyết tâm làm thì làm chắc được, ít người làm không nổi, nhiều người đồng tâm hiệp lực mà làm thì phải nổi”¹. Như vậy là tư tưởng về đoàn kết được Hồ Chí Minh vạch ra cùng một lúc với việc hình thành đường lối cách mạng giải phóng dân tộc. Xuyên suốt cuộc đời hoạt động cách mạng trải qua những giai đoạn lịch sử đầy biến cố với những thay đổi sâu sắc, lớn lao về nhiều mặt, tư tưởng đoàn kết của Hồ Chí Minh lai không ngừng được phát triển và bổ sung nhiều khía cạnh mới. Tác phẩm *Di chúc* là sự tổng kết một cách cô đọng tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh cả trên phương diện lý luận và phương diện thực tiễn. Thực hiện lời căn dặn của Người, Đảng ta đã phát huy sức mạnh nội lực của khối đại đoàn kết nhất trí trong Đảng, tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, gắn kết sức mạnh nội lực và ngoại lực để đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới đất nước.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết trong tác phẩm *Di chúc*

Thứ nhất, Trong tác phẩm viết về những điều căn dặn cuối cùng của mình, Hồ Chí Minh đã dành trước hết nói về Đảng, trong đó vấn đề đoàn kết, thống nhất trong Đảng là một nội dung quan trọng và được Người đặc biệt nhấn mạnh.

Đoàn kết, thống nhất trong Đảng là một trong những nguyên tắc cơ bản nhất trong xây dựng Đảng, là hạt nhân để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Bởi lẽ, sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng, sự đoàn kết nhất trí, thống nhất cả về tư tưởng và hành động của các tổ chức cơ sở Đảng, các đảng viên thể hiện sức mạnh của Đảng trong việc đề ra đường lối cách mạng và tổ chức thực hiện các chính sách của Đảng. Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh: Đảng tuy có nhiều đảng viên, song khi tiến hành nhiệm vụ cách mạng thì chỉ như một người, trong Đảng không cho phép có tình trạng “trông đánh xuôi, kèn thổi ngược”. Ngay từ đầu năm 1930, trước nguy cơ chia rẽ, cô lập biệt phái của các tổ chức cộng sản đe dọa sự phát triển của phong trào cách mạng, Hồ Chí Minh đã yêu cầu “bỏ mọi thành

**Trường Đại học Văn Lang.*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.2, tr. 261.

kiến xung đột cũ, thành thật hợp tác để thống nhất các nhóm cộng sản Đông Dương”, “định kế hoạch thực hiện việc thống nhất trong nước”¹, từ đó hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Vì vậy, xây dựng và giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng luôn được Hồ Chí Minh xem là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là nền tảng cho mọi thành công, vấn đề sống còn của cách mạng. Người căn dặn “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”².

Bản *Di chúc* được Hồ Chí Minh bắt đầu viết từ năm 1965 và trải qua nhiều lần chỉnh sửa, nhưng ngay từ bản đầu tiên viết năm 1965, Người đã khẳng định sức mạnh to lớn của đoàn kết qua thực tiễn cách mạng nước ta. Luận điểm này vẫn được giữ nguyên trong các bản tiếp theo: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và dân tộc ta”³. Như vậy trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đoàn kết không chỉ là sự kế thừa giá trị truyền thống tốt đẹp của cha ông mà còn là yêu cầu tất yếu khách quan của cách mạng. Thực tiễn đấu tranh cách mạng đã chứng minh rằng, “đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công”⁴. Giữa thực tiễn cách mạng và tinh thần đoàn kết có mối quan hệ biện chứng với nhau. Thắng lợi của cách mạng là kết quả của sự đoàn kết nhất trí của toàn Đảng, toàn dân và ngược lại, thực tiễn cách mạng cũng chính là nền tảng, tiền đề cho sự đoàn kết. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, cơ sở cho sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng chính là lý tưởng cách mạng – một lòng phấn đấu cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, Tổ quốc Việt Nam. Thực tế, chỉ những người cộng sản kiên trung tìm thấy sự đồng điệu trong lý tưởng cách mạng thì mới tìm đến với nhau, tự nguyện gia nhập tổ chức Đảng, đoàn kết thống nhất để “phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc”. Từ sự thống nhất về tư tưởng sẽ dẫn đến sự thống nhất về hành động, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc sinh hoạt Đảng, triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng để đưa sự nghiệp cách mạng đến thành công.

Để tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, Hồ Chí Minh căn dặn “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh phê bình và tự phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”⁵. Trước hết, dân chủ là nguyên tắc cơ bản và quan trọng trong sinh hoạt Đảng. Trước thềm Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, Hồ Chí Minh đã từng nhắc nhở, “phải thực sự mở rộng dân chủ để tất cả Đảng viên bày tỏ hết ý kiến của mình, phải gom góp ý kiến của đảng viên để giúp đỡ Trung ương”⁶. Việc thực hành dân chủ rộng rãi là nhằm phát huy cao nhất trí tuệ của Đảng viên – những phần tử ưu tú nhất trong giai cấp mình, tạo nên sức mạnh to lớn của tổ chức Đảng. Mặt khác, mọi ý kiến, suy nghĩ của mỗi Đảng viên đều phải được bày tỏ, được lắng nghe; mọi quyết định quan trọng đều phải được bàn bạc, thảo luận một cách dân chủ thì mới thể hiện sự tôn trọng lẫn nhau, thấu hiểu nhau và gắn bó với nhau hơn. Mọi sự rạn nứt, mất đoàn kết trong nội bộ Đảng đều bắt nguồn từ sự buông lỏng vấn đề dân chủ. Vì thế,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.2, tr.1.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 503.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 503.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr. 154.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 503.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr. 118.

muốn đoàn kết và thống nhất thật sự trong tư tưởng và hành động, nhất thiết phải phát huy dân chủ và mở rộng dân chủ. Tuy nhiên, dân chủ không thể tách rời với kỷ luật, kỷ cương, phải tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc sinh hoạt Đảng, tránh dân chủ “quá trớn”. Bên cạnh đó, phải chống những tư tưởng và hành động cơ hội chủ nghĩa vô nguyên tắc nhân danh dân chủ hoặc tình trạng dân chủ giả hiệu, dân chủ hình thức, thống nhất một chiều, thiếu sự tranh luận thấu đáo, dẫn đến mất đoàn kết nội bộ. Như vậy, để thực hiện dân chủ, phải chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, thường xuyên tự phê bình và phê bình.

Đoàn kết, thống nhất trong Đảng đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải thật thà tự phê bình và phê bình, đây chính là một hình thức rèn luyện đảng viên để xây dựng và chỉnh đốn Đảng ngày càng vững mạnh. Theo Hồ Chí Minh, “chỉ có đảng chân chính cách mạng và chính quyền thực sự dân chủ mới dám mạnh dạn tự phê bình, hoan nghênh phê bình và kiên quyết sửa chữa. Do tự phê bình và phê bình, nhất là phê bình từ dưới lên - mà chúng ta đoàn kết ngày càng chặt chẽ, càng đồng tâm nhất trí, càng tiến bộ không ngừng”¹. Đây là biện pháp quan trọng để nâng cao trí tuệ của Đảng và tăng cường sự đoàn kết, thống nhất nội bộ, bởi “mục đích phê bình cốt để giúp nhau sửa chữa, giúp nhau tiến bộ. Cốt để sửa đổi cách làm việc cho tốt hơn, đúng hơn. Cốt để đoàn kết và thống nhất nội bộ”². Vì vậy, nó đòi hỏi phải có tính Đảng, tính nguyên tắc cao, phải rõ ràng, thiết thực, không nể nang, thêm bớt, nếu không sẽ có trường hợp lợi dụng dân chủ, lợi dụng phê bình để gây chia rẽ đoàn kết nội bộ. Phê bình phải thẳng thắn, trung thực nhưng chân thành, tức là có lý nhưng phải có tình, như Hồ Chí Minh đã nói trong *Di chúc*, “phải có tình đồng chí yêu thương lẫn nhau”³. Cụm từ này được Người bổ sung vào bản viết năm 1966. Hồ Chí Minh từng nói rằng, “Phê bình việc làm chứ không phải phê bình người”, “chớ dùng những lời mỉa mai, chua cay, đâm thọc”⁴. Có như vậy thì người được phê bình sẽ dễ dàng tiếp thu, sửa đổi, công việc được thuận lợi mà mối quan hệ giữa người phê bình và người được phê bình ngày càng gắn bó bền chặt, tăng cường tinh thần đoàn kết. Đồng thời, trong công việc, để có sự đoàn kết thật sự, không chỉ cần thực hiện theo nguyên tắc, bản lĩnh, lý trí mà còn rất cần tình thương yêu, sự đồng cảm và chia sẻ với nhau. Do đó, có thể nói rằng, sự đoàn kết thống nhất phải được xây dựng và thể hiện trong tổ chức Đảng và trong mối quan hệ giữa đảng viên với nhau, từ đó tạo nên sức mạnh để lãnh đạo quần chúng nhân dân thực hiện các nhiệm vụ cách mạng.

Thứ hai, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Trong tác phẩm *Di chúc*, Hồ Chí Minh đã sử dụng nhiều cụm từ khác nhau: “nhân dân ta”, “đồng bào cả nước”, “đồng bào ta”, “dân ta”, “nhân dân lao động” nhưng đều thể hiện một nội hàm chung: những con người Việt Nam. Theo Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết tất cả con người Việt Nam, không chỉ cán bộ, chiến sĩ, mà còn có các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng ở hai miền Nam Bắc, miền xuôi cũng như miền núi. Hồ Chí Minh cho rằng, “Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân... Đó là nền gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, cái gốc của cây”⁵.

Luận điểm đại đoàn kết toàn dân tộc của Hồ Chí Minh thể hiện sự vận dụng chủ nghĩa

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr. 223.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr. 469.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 503.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr. 469.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr. 438.

Mác – Lênin, kế thừa truyền thống của cha ông và hoàn toàn phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Chủ nghĩa Mác – Lênin đã khẳng định, quần chúng nhân dân là chủ thể quyết định sự vận động của lịch sử, là lực lượng, động lực cơ bản của mọi cuộc cách mạng. Đối với Việt Nam, đoàn kết đã trở thành truyền thống văn hóa, nó được hình thành, củng cố và phát triển trong suốt chiều dài lịch sử xây dựng và bảo vệ đất nước của dân tộc ta, trở thành giá trị văn hóa bền vững, thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm, tâm hồn của mỗi con người Việt Nam. Đó chính là cội nguồn, sức mạnh vô địch để cả dân tộc chiến đấu và chiến thắng mọi thiên tai, địch họa. Hồ Chí Minh đã đúc kết ra một bài học lớn, đồng thời là quy luật mang tính sống còn của dân tộc Việt Nam: “Sự ta dạy cho ta bài học này: Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn”¹. Trong *Di chúc*, Người cũng khẳng định, “đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta”². Bên cạnh đó, đoàn kết dân tộc là một yêu cầu tự thân, khách quan của quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh tự giải phóng. Bởi, “nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ, bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh”³. Như vậy, đại đoàn kết là sự nghiệp của dân, do dân và vì dân. Người nói: “Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc; ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà”⁴. Sự nghiệp kháng chiến chống giặc ngoại xâm, thống nhất đất nước là một công việc hệ trọng, to lớn và vô cùng khó khăn. Một đất nước Việt Nam nhỏ bé, nghèo nàn, lạc hậu lại phải đương đầu với các thế lực thực dân, đế quốc hùng mạnh, sừng sỏ của thế giới. Sự nghiệp đó chỉ có thể thành công khi quy tụ được sức mạnh đoàn kết của toàn dân tộc, tập hợp mọi lực lượng nhân dân để đương đầu và chiến thắng kẻ thù. Thấm nhuần nguyên lý Mácxít, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân và kế thừa tư duy chính trị của cha ông, “dân là gốc nước”, Hồ Chí Minh đã tìm thấy cái cảm nang thần kỳ cho công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở lực lượng nhân dân: “Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”⁵. Ở tác phẩm *Di chúc*, Người cũng đánh giá rất cao sức mạnh của nhân dân, Người nói “nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù”⁶. Tin tưởng vào nhân dân, tin tưởng vào sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc, Người mong muốn “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”⁷.

Để thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh rất coi trọng việc đảm bảo lợi ích tối cao của dân tộc và lợi ích chính đáng của các giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động. Chủ nghĩa Mác – Lênin đã khẳng định, suy cho đến cùng thì mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể được xây dựng dựa trên nền tảng lợi ích. Nếu không đảm bảo những vấn đề tối thiểu về lợi ích thì đoàn kết chỉ là một khẩu hiệu trống rỗng. Lợi ích tối cao của dân tộc đó chính là “hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”, đây cũng là mẫu số chung

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr. 217

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 503.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 503.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr. 438.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr. 276.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 504.

7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 506.

của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đối với Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc không phải là một khẩu hiệu mà nó phải gắn liền với tự do, hạnh phúc, cơm no áo ấm của nhân dân. Người nói, “nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”¹. Vì vậy, ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, Hồ Chí Minh rất quan tâm tới việc chăm lo đời sống nhân dân với chủ trương “Kháng chiến kiến quốc”, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Người đồng thời căn dặn, mọi đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước phải phản ánh nguyện vọng và lợi ích của đại bộ phận nhân dân, phấn đấu cho quyền lợi của nhân dân. “Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh”². Trong *Di chúc* trước lúc đi xa, Người cũng đã căn dặn: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”³. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở lấy lợi ích tối cao của dân tộc và quyền lợi cơ bản của nhân dân làm nền tảng, kết hợp hài hòa lợi ích bộ phận và lợi ích toàn cục, giai cấp và dân tộc, chỉ có như vậy mới thực sự lôi kéo, tập hợp đông đảo các giai cấp, tầng lớp nhân dân, động viên cao nhất sự chủ động sáng tạo của từng người, từng bộ phận để đưa cách mạng đến thắng lợi.

Thứ ba, tư tưởng đoàn kết quốc tế là vấn đề thuộc về chiến lược cách mạng, được Hồ Chí Minh đề cập đậm nét trong tác phẩm Di chúc.

Quan điểm về đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh là nhất quán và xuyên suốt. Ngay trong giai đoạn hình thành đường lối cứu nước giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã đặt cách mạng Việt Nam trong mối quan hệ khăng khít với phong trào cách mạng thế giới. Nếu như các bậc tiền bối mang tinh thần “cầu viện nước ngoài”, thì ở Hồ Chí Minh, lần đầu tiên trong lịch sử nước ta, Người đã nhận thức “cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả. Đã là đồng chí, thì sung sướng cực khổ phải có nhau”⁴. Đặc biệt là đoàn kết trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, sự đoàn kết này dựa trên “nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình”⁵, đoàn kết sâu sắc, triệt để nhằm nỗ lực thực hiện sứ mệnh giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc và tiến tới giải phóng con người. Vì vậy, không phải ngẫu nhiên mà trước lúc đi xa, Người bày tỏ những trăn trở, lo lắng về những bất hòa, mất đoàn kết trong nội bộ giữa các đảng anh em. Trong *Di chúc*, Người viết: “Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hòa hiện nay giữa các đảng anh em”⁶. Sự bất hòa này không chỉ làm suy giảm sức mạnh của cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng con người mà còn chia rẽ sâu sắc khối đoàn kết, thống nhất của các lực lượng dân chủ, yêu chuộng hòa bình, tiến bộ trên thế giới.

Đối với Việt Nam, đoàn kết và hợp tác quốc tế là nhằm tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của thế giới, tạo điều kiện chuyển biến lực lượng theo hướng có lợi cho cách mạng trong nước. Sinh thời, Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Cách mạng Việt Nam luôn luôn được sự đồng tình và ủng hộ của giai cấp công nhân và nhân dân cách mạng thế giới,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr. 64.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr. 64-65.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 504.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr. 301.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 505.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 505.

nhất là của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Tình đoàn kết quốc tế vĩ đại ấy là một điều kiện rất quan trọng cho cách mạng Việt Nam thắng lợi”¹. Thành quả của cách mạng là tổng hợp sức mạnh nội lực và sức mạnh của tình đoàn kết, tương trợ quốc tế. Bản thân Người trong nhiều dịp khác nhau cũng luôn bày tỏ lòng biết ơn những đóng góp to lớn, quý báu cả về vật chất và tinh thần của bạn bè quốc tế. Điều này cũng được Người trân trọng nhắc lại trong *Di chúc*, Người mong mỗi đến ngày đất nước được hòa bình, thống nhất sẽ “thay mặt nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, và các nước bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta”².

Tuy nhiên, mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới không phải một chiều, mà là quan hệ hai chiều, mang tính chất tương tác, tương hỗ. Ngoài việc nhận sự giúp đỡ từ quốc tế, ở một phương diện khác, cách mạng Việt Nam cũng đóng góp vào sự phát triển chung của cách mạng thế giới. Như Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh trong *Di chúc*, thắng lợi của cách mạng Việt Nam không chỉ là vinh dự của dân tộc Việt Nam, “một nước nhỏ đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to – là Pháp và Mỹ” mà còn “góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc”³ chung của thế giới. Với trọng trách người lãnh đạo một đất nước đã và đang gặt hái những thành công trên con đường tự giải phóng, Hồ Chí Minh mong rằng Đảng và nhân dân ta cần nêu cao nghĩa vụ quốc tế, đóng góp thiết thực cho phong trào cách mạng thế giới. Trước những biểu hiện mất đoàn kết trong phong trào cộng sản quốc tế, trước lúc đi xa, Người căn dặn: “Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình”⁴. Những dòng cuối của *Di chúc* cũng là điều mong muốn cuối cùng của Người là: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”⁵.

Như vậy, trong tác phẩm *Di chúc*, từ đoàn kết trong Đảng đến đoàn kết dân tộc và hướng tới đoàn kết quốc tế, đoàn kết đã trở thành một chân lý, một phương châm hành động tất yếu phù hợp với quy luật và sự phát triển của cách mạng.

2. Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với tư tưởng đại đoàn kết trong tác phẩm *Di chúc*

Thấm nhuần tư tưởng và thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong 50 năm qua, Đảng ta luôn coi trọng, giữ gìn và phát huy tinh thần đoàn kết thống nhất để tạo nên sức mạnh tổng hợp đem lại những thắng lợi to lớn cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới đất nước.

Trước hết, đoàn kết trong Đảng làm nên sức mạnh của Đảng, đoàn kết, thống nhất trong cả tư tưởng và hành động của Đảng là yêu cầu khách quan, là nguyên tắc và là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Thực hiện lời dặn của Hồ Chí Minh, Đảng ta luôn coi việc giữ gìn đoàn kết nhất trí trên cơ sở đường lối chính trị và các nguyên tắc xây dựng Đảng, xem như là sinh mệnh của Đảng, đồng thời đã kiên quyết đấu tranh chống chủ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr. 374.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 512.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 505.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 505.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 506.

nghĩa cá nhân, chống mọi biểu hiện chia rẽ, bè phái, gây mất đoàn kết trong Đảng. Qua các kỳ Đại hội, Đảng ta đều nhấn mạnh vai trò của đoàn kết trong Đảng là có ý nghĩa quyết định sự thành công của cách mạng. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã khẳng định: “Đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc”¹. Đội ngũ cán bộ, đảng viên giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng trên cơ sở đường lối chính trị, nguyên tắc tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Đảng. Đối với các cấp ủy Đảng, tổ chức Đảng thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, nghiêm túc phê bình và tự phê bình, cảnh giác và đấu tranh không khoan nhượng với việc lợi dụng những mâu thuẫn trong nội bộ để kích động, phá hoại khối đoàn kết thống nhất trong Đảng. Hiện nay, trước “tình hình mâu thuẫn, mất đoàn kết nội bộ không chỉ ở cấp cơ sở mà ở cả một số cơ quan Trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty”, “vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, gây mất đoàn kết nội bộ; đoàn kết xuôi chiều, dân chủ hình thức; cục bộ, bè phái, kèn cựa địa vị, tranh chức, tranh quyền; độc đoán, gia trưởng, thiếu dân chủ trong chỉ đạo, điều hành”, Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “*Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ*” đã xác định quan điểm “Tăng cường sự lãnh đạo và đoàn kết, thống nhất trong Đảng, trước hết là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy và ban thường vụ cấp ủy các cấp. Giữ vững nguyên tắc, kỷ luật, kỷ cương của Đảng; đề cao pháp luật của Nhà nước” và đưa ra các nhóm giải pháp cụ thể, trong đó có đề cập đến việc “tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức để nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Xây dựng quy định tự phê bình và phê bình, khắc phục tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm và bảo vệ người thẳng thắn, dám đấu tranh”². Đó chính là những nội dung đã được Hồ Chí Minh đề cập trong *Di chúc*.

Thứ hai, vận dụng tư tưởng của Hồ Chí Minh trong tác phẩm *Di chúc*, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng cho rằng, “đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc... Phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”³. Với sự khẳng định này, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức rõ sứ mệnh tập hợp, hướng dẫn, lãnh đạo quần chúng, chuyển những nhu cầu, đòi hỏi khách quan, tự phát của quần chúng về việc xây dựng một xã hội mới tốt đẹp thành những đòi hỏi tự giác, thành hiện thực có tổ chức trong khối đại đoàn kết dân tộc, tạo thành sức mạnh tổng hợp trong cuộc đấu tranh chống nghèo nàn, lạc hậu, hướng tới sự phát triển mọi mặt của đất nước. Đồng thời, Đảng ta cũng nhận thức: “Đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr. 160.

2. <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-xii/nghi-quyet-so-04nq-tw-ngay-30102016-hoi-nghi-lan-thu-tu-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xii-ve-tang-cuong-xay-dung-chinh-550>

3. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr. 36.

nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân”¹. Tư tưởng này không chỉ là nền tảng để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân mà còn là cơ sở để Đảng xây dựng các chủ trương chính sách kinh tế - xã hội, từ đó khơi dậy và phát huy đến mức cao nhất tiềm năng sức mạnh của dân tộc.

Thứ ba, những lời căn dặn của Hồ Chí Minh trong *Di chúc* về đoàn kết quốc tế là định hướng quan trọng cho quan hệ đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Thực hiện *Di chúc* của Người, Đảng ta luôn phát huy tinh thần quốc tế trong sáng, tăng cường xây dựng và phát triển các quan hệ quốc tế trong tình hình mới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã khẳng định, Việt Nam “là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, ... nhằm phục vụ mục tiêu giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân; nâng cao vị thế, uy tín của đất nước và góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”².

Hiện nay, khi những điều kiện xã hội và tình hình quốc tế có nhiều sự thay đổi so với 50 năm trước đây, *Di chúc* của Hồ Chí Minh nói chung, tư tưởng đại đoàn kết của Người nói riêng vẫn được Đảng ta kế thừa và phát huy, mở ra triển vọng mới cho việc thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ chính trị trong thời kỳ mới của cách mạng.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô giá của toàn Đảng, toàn dân ta, là kim chỉ nam cho mọi hành động cách mạng của Đảng. Tác phẩm *Di chúc*, những lời căn dặn cuối cùng trước lúc Người đi xa gửi đến toàn Đảng, toàn dân ta về giữ vững và phát triển tinh thần đoàn kết lại có ý nghĩa đặc biệt trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay. Trong đó, vấn đề đoàn kết trong Đảng đóng vai trò hạt nhân, đại đoàn kết toàn dân tộc là một động lực của cách mạng, và cuối cùng, Người hướng đến đoàn kết quốc tế với khát vọng hòa bình, dân chủ, giàu mạnh cho dân tộc Việt Nam và vì sự phát triển của phong trào cách mạng thế giới. Những lời căn dặn của Người đã được Đảng Cộng sản Việt Nam kế tục xứng đáng, từ đó góp phần tạo nên những thành tựu đáng tự hào trong sự nghiệp đổi mới đất nước. Điều này càng chứng tỏ sức sống trường tồn của tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và quan điểm xây dựng khối đại đoàn kết nói riêng của Người đối với cách mạng nước ta./.

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr. 37.

2. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr. 35.

GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG ĐẠI ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM HIỆN NAY

*ThS. Lê Thị Thanh Thúy**

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại rất nhiều tác phẩm lý luận chính trị trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình cho toàn Đảng, toàn dân ta. Những tác phẩm đó đã được đúc kết thành hệ thống những quan điểm, hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhưng có lẽ chưa có tác phẩm nào Bác dành nhiều thời gian, công sức để viết đi viết lại, bổ sung và hoàn thiện như bản *Di chúc* lịch sử. Bản *Di chúc* đầu tiên gồm (3 trang), tự tay Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh máy, cuối trang đề ngày 15-5-1965, đây là bản duy nhất hoàn chỉnh. Năm 1968, Người viết thêm một số đoạn, gồm 6 trang viết tay. Ngày 10-5-1969, Người viết lại toàn bộ phần mở đầu *Di chúc*. Bản *Di chúc* công bố năm 1969 chủ yếu dựa vào bản viết năm 1965 (đoạn mở đầu là bản viết năm 1969, đoạn về việc riêng là phần mở đầu bản viết năm 1968). Đến năm 1969, Bộ Chính trị cho phép công bố các bản thảo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đọc kỹ những bản thảo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng như bản *Di chúc* được công bố năm 1969 (như thông báo của Bộ Chính trị khẳng định: “đảm bảo trung thành với bản gốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh”), chúng ta lại càng kính yêu Người vô hạn. Bởi lẽ, trước lúc lâm chung, đi gặp “thế giới người hiền”, Người vẫn luôn trăn trở, lo lắng cho vận mệnh nước nhà. Bản *Di chúc* chỉ vụn vụn trong khoảng 1.000 từ nhưng chứa đựng trong đó là những lời tâm huyết, chất lọc từ những kinh nghiệm, những mong muốn và nguyện vọng của Người đối với toàn Đảng, toàn dân. Đó là những lời dặn đầy tâm huyết của Người về Đảng; về đoàn kết; về đoàn viên thanh niên; về nhân dân lao động; những dự báo về cuộc kháng chiến chống Mỹ; về phong trào cộng sản thế giới và cuối cùng mới là về việc riêng. Cả cuộc đời cống hiến cho sự nghiệp cách mạng, hy sinh tất cả cho vận mệnh nước nhà. Trước lúc đi xa, Người cũng chỉ canh cánh những nỗi niềm với nước với dân. Ý thức được điều đó, mỗi người con Việt Nam cần phải thấm nhuần từng câu, từng chữ trong bản *Di chúc* để thực hiện cho được tâm nguyện của Người.

Bản *Di chúc* rất ngắn gọn nhưng chứa đựng trong đó là sự tổng kết toàn bộ tinh thần, tư tưởng Hồ Chí Minh, làm nền tảng, kim chỉ nam cho sự nghiệp phát triển cách mạng. Trong phạm vi bài tham luận, tác giả xin trình bày một khía cạnh khá đậm nét trong bản *Di chúc*, đó là vấn đề đại đoàn kết quốc tế và giá trị tư tưởng đó đối với cách mạng Việt Nam hiện nay.

1. Tư tưởng đoàn kết quốc tế trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Quan điểm về đoàn kết quốc tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh là xuyên suốt và nhất quán,

*Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP.HCM.

bởi Người sớm nhận ra cuộc cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản muốn đi đến thắng lợi thì phải huy động và tập hợp được sức mạnh đoàn kết quốc tế. Trong hành trình tìm đường cứu nước, lý tưởng cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở giải phóng dân tộc mình, mà còn vì sự nghiệp giải phóng các dân tộc bị áp bức và nhân loại cần lao. Những lời di huấn của Người về tình đoàn kết quốc tế bắt nguồn từ tình yêu thương đối với con người. Và đoàn kết quốc tế cũng để nhằm thực hiện mục tiêu giải phóng các dân tộc bị áp bức, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Mở đầu *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, thắng lợi của cách mạng Việt Nam, đặc biệt là cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam, không thể tách rời sự đoàn kết, sự ủng hộ, giúp đỡ tận tình của các nước xã hội chủ nghĩa và bầu bạn khắp năm châu. Ngay từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã nhận thức được mối quan hệ không tách rời giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới. Trong quá trình bốn ba tìm đường cứu nước (1911-1941), thông qua các hoạt động thực tiễn ở nước ngoài, Người đã vượt lên tầm nhìn hạn hẹp của các bậc tiền bối để hướng ra bên ngoài, từ đó gắn kết giữa sự nghiệp cứu nước với công cuộc cách mạng của các dân tộc trên thế giới. Chính Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Cách mệnh An Nam là một bộ phận trong cách mạng thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả”¹. Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã đánh dấu một bước ngoặt trong lịch sử cách mạng Việt Nam và đây cũng là sợi dây nối bền chặt giữa cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng của giai cấp vô sản trên thế giới. Trong thời gian này, cách mạng Việt Nam nhận được sự hỗ trợ, giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản và một bộ phận các nước anh em. Trong chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945), nhân dân Việt Nam đã có những đóng góp tích cực vào phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, trong đó Việt Nam khẳng định: “Cuộc cách mạng Đông Dương là một bộ phận cách mạng thế giới và giai đoạn hiện tại là một bộ phận dân chủ chống phát xít”². Khi cuộc chiến tranh thế giới thứ hai đi vào giai đoạn kết thúc, phát xít Nhật đầu hàng quân Đồng minh, nhân dân Việt Nam đã phát huy thế chủ động của mình, toàn thể vùng lên giành chính quyền trong cả nước và tuyên bố sự ra đời của nước Việt Nam độc lập.

Giành được độc lập chưa được bao lâu, nhân dân Việt Nam một lần nữa lại phải bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai, trong điều kiện gặp muôn vàn khó khăn cả về đối nội và đối ngoại. Nhận thức được tình thế của đất nước, suốt cuộc kháng chiến, Chính phủ Hồ Chí Minh đã thực hành nhất quán chính sách đối ngoại: “Làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”³. Chủ trương đoàn kết quốc tế, trong đó chủ yếu với các lực lượng hòa bình, dân chủ, tiến bộ trên thế giới là một trọng tâm chiến lược đoàn kết quốc tế của Chính phủ ta. Với chủ trương đúng đắn, trong suốt 9 năm kháng chiến, Việt Nam đã khai thác, phát huy hết sức mạnh thời đại, sức mạnh của tinh thần đoàn kết quốc tế, góp phần làm nên thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t.12, tr. 301.

2. ĐCSVN: *Văn kiện Đảng Toàn tập (1940 – 1945)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.114.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr. 220.

Trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bên cạnh việc giữ vững đường lối độc lập, tự chủ, sáng tạo, phát huy cao độ sức mạnh của toàn dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước ta vẫn tiếp tục chủ trương ra sức tăng cường đoàn kết quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè trên thế giới mà trước hết là các nước xã hội chủ nghĩa, tạo nên sức mạnh tổng hợp, đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ. Tại Hội nghị Ngoại giao năm 1966, Người nhắc nhở các cán bộ làm công tác đối ngoại: “Ngoại giao của ta là cốt tranh thủ nhiều người ủng hộ cuộc đấu tranh cứu nước của ta... Ta phải luôn luôn giúp đỡ họ và mong cho tất cả đều đoàn kết”¹. Hồ Chí Minh luôn đánh giá cao tinh thần đoàn kết, giúp đỡ của nhân dân tiến bộ thế giới đối với sự nghiệp của cách mạng Việt Nam. Theo Người, được sự ủng hộ rộng rãi của nhân dân thế giới thì công cuộc kháng chiến và kiến quốc của Việt Nam nhất định thắng lợi vẻ vang. Thực tiễn cho thấy, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, bạn bè thuộc nhiều quốc tịch khác nhau (Mỹ, Pháp, Anh, Thụy Điển,...) đã đứng về phía nhân dân Việt Nam, chống lại sự can thiệp và xâm lược của đế quốc Mỹ. Trước tình cảm và sự ủng hộ của bạn bè quốc tế đối với cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam, một trong những dự kiến đầu tiên, ngay sau khi chiến tranh kết thúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là thay mặt nhân dân Việt Nam, Người sẽ đi thăm, cảm ơn và mở rộng hơn nữa khối đoàn kết quốc tế đối với Việt Nam. Trong bản *Di chúc*, Người đã dự định đến ngày chiến thắng, sau khi đi chúc mừng và thăm hỏi đồng bào hai miền Nam Bắc, “sẽ thay mặt nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa và các nước bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta”². Và cuối bản *Di chúc*, Người “gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, bầu bạn” và cũng không quên gửi lời chào đến “các cháu thanh niên, nhi đồng quốc tế”³. Một sự chu toàn hiếm có khi chuẩn bị đi vào cõi vĩnh hằng mà Người vẫn mong ước được đến tận nơi bày tỏ hết tấm lòng biết ơn chân thành tới những người đã từng giúp mình, giúp đất nước mình trong những thời kỳ khó khăn. Trong cuộc đời, nếu ai cũng biết thủy chung và trọn nghĩa, vẹn tình như thế thì tình nghĩa sẽ được nhân lên, tình đoàn kết giữa các dân tộc sẽ được củng cố. Văn hóa ứng xử cũng là liệu pháp để xây đắp tình đoàn kết giữa những con người và giữa những dân tộc.

Với Hồ Chí Minh, đoàn kết với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế là điểm then chốt trong chiến lược đoàn kết quốc tế và sự đoàn kết giữa các đảng anh em chính là điều kiện quan trọng để đảm bảo cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế toàn thắng trong cuộc đấu tranh vĩ đại cho tương lai tươi sáng của toàn thế giới. Chính vì thế, trước khi qua đời, điều làm Chủ tịch Hồ Chí Minh băn khoăn, day dứt nhất là sự bất hòa trong phong trào cộng sản quốc tế, trong nội bộ các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Trong *Di chúc*, Người viết: “Về phong trào cộng sản thế giới – Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hòa hiện nay giữa các đảng anh em”⁴. Phải nói

1. *Bài nói chuyện của Chủ tịch với Hội nghị Ngoại giao năm 1966*, Hồ sơ lưu trữ Bộ Ngoại giao Việt Nam.

2. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 35.

3. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr. 38.

4. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr. 37.

rằng, trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, người chiến sĩ cộng sản quốc tế Hồ Chí Minh đã có nhiều đóng góp tích cực cho sự đoàn kết phong trào cộng sản thế giới. Từ những năm 20 của thế kỷ XX, Người đã nhiều lần cảnh báo sự không quan tâm đúng mực của các Đảng Cộng sản Tây Âu đến việc củng cố mối quan hệ giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng chính quốc. Sau Chiến tranh Thế giới thứ 2, sự ra đời của nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã tăng thêm sức mạnh cho phong trào cộng sản và công nhân thế giới nhưng lại xuất hiện nhiều mối bất hòa nghiêm trọng, điển hình là mâu thuẫn giữa Liên Xô và Trung Quốc. Với mong muốn hàn gắn sự rạn nứt đó, tại Hội nghị 81 Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế họp tại Mátxcova (1960) Hồ Chí Minh đã nói những lời thấu lý, đạt tình: “Chúng ta đều là anh em ruột thịt trong đại gia đình cộng sản quốc tế, cùng nhau chung sức phấn đấu cho tương lai tươi sáng của cả loài người... Để đánh thắng kẻ thù chung, chúng ta nhất định phải đoàn kết chặt chẽ, đoàn kết là sức mạnh vô địch của chúng ta”¹. Cùng với các Đảng Cộng sản và công nhân khác, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những nỗ lực chung để góp phần khắc phục sự chia rẽ, giải quyết những mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, kéo theo sự bất hòa về mặt nhà nước giữa một số nước xã hội chủ nghĩa. Trong quan hệ giữa các Đảng, giữa các nhà nước, Người đề ra phương châm: không vi phạm các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, thái độ có lý, có tình, phương pháp và hình thức đấu tranh phải thích hợp với đối tượng cụ thể. Có lý, có tình vừa thể hiện nguyên tắc vừa là một nội dung của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh – chủ nghĩa nhân văn cộng sản chủ nghĩa. Nó có tác dụng rất lớn trong việc củng cố khối đại đoàn kết quốc tế của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Trong khi đấu tranh cho sự đoàn kết của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh càng chăm lo cho tình đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa và các nước bạn bè khác, giữa Đảng Lao động Việt Nam với các Đảng Cộng sản và công nhân trên thế giới. Người coi đó là một trong những nhân tố quan trọng làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam và góp phần đưa lại thành công cho cách mạng thế giới. Người chân thành biết ơn đối với sự giúp đỡ quý báu của nhân dân các nước và cho rằng thắng lợi của nhân dân Việt Nam không tách rời sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, không tách rời sự ủng hộ tích cực của nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới.

Cuối cùng, Người bày tỏ niềm tin vào sự đoàn kết trở lại giữa các Đảng và các nước anh em và đó cũng chính là nhiệm vụ của Đảng Lao động Việt Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) “sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình. Tôi tin chắc rằng các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại”². Những lời tha thiết ấy làm cho bất cứ ai cũng đều xúc động. Bằng những tình cảm trong sáng và sự đóng góp to lớn của Người đối với dân tộc Việt Nam và bạn bè quốc tế, Người đã được tôn vinh những danh hiệu cao quý: Anh hùng giải phóng dân tộc, chiến sĩ lỗi lạc trong phong trào cộng sản – công nhân quốc tế và danh nhân văn hóa thế giới. L.A.Arông, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Úc đã viết về Hồ Chí Minh khi Người vừa qua đời: “Đồng chí Hồ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 287.

2. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr. 38.

Chí Minh, trước hết là một người cộng sản, một nhà cách mạng đã làm thay đổi thế giới và đặc biệt đã thay đổi chính đất nước và dân tộc của Người... Trong suốt cuộc đời hoạt động chính trị lâu dài, với cương vị là một người Việt Nam yêu nước và một người cộng sản quốc tế, Người luôn kiên trì một tinh thần tận tụy hy sinh và chí công vô tư”¹.

2. Giá trị tư tưởng đại đoàn kết quốc tế trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam hiện nay

Ngày nay, giá trị tư tưởng và những bài học mà Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta về đại đoàn kết quốc tế là vô cùng quý báu. Đi theo con đường của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn, Đảng ta luôn luôn trung thành và vận dụng sáng tạo tư tưởng, kinh nghiệm quý báu của Người trong quan hệ quốc tế, xử lý đúng đắn mỗi quan hệ quốc tế theo phương châm “thêm bạn bớt thù”. Nhờ đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta đã phát huy cao độ chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, “đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào”, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, thỏa lòng mong ước của Người trước lúc đi xa.

Bước vào thời kỳ đổi mới, xác định đúng xu thế thời đại của thế giới sau “Chiến tranh lạnh”, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành công cuộc đổi mới, thực hiện chính sách “đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”². Với tinh thần độc lập tự chủ, dựa vào sức mình là chính, Việt Nam vẫn tiếp tục phát huy tinh thần tư tưởng đoàn kết quốc tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời kỳ mới. Với chính sách mở cửa hợp lý, Việt Nam đã nhận được sự đón nhận và ủng hộ cả về vật chất lẫn tinh thần của bạn bè quốc tế. Từ chỗ “Việt Nam muốn là bạn” (Đại hội VII - 1991), “Việt Nam sẵn sàng là bạn và đối tác tin cậy” (Đại hội IX - 2001), Việt Nam đã chính thức “là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế” (Đại hội XII - 2016) của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển. Nhờ đó, chúng ta không những đã phá bỏ được sự bao vây cấm vận của các thế lực thù địch mà còn mở rộng quan hệ nhiều mặt với hầu hết các nước, các tổ chức quốc tế, các mối quan hệ truyền thông được giữ vững. Đặc biệt, đối ngoại đa phương được nâng tầm, Việt Nam chủ động, tích cực tham gia các công việc chung của quốc tế theo phương châm chuyển từ “tham gia tích cực” sang “chủ động đóng góp xây dựng, định hình luật chơi chung” đảm bảo được các lợi ích thiết thân của Việt Nam tại các diễn đàn quan trọng. Ngày nay, Việt Nam có quan hệ ngoại giao 180 trong 193 quốc gia thành viên Liên hợp quốc; có quan hệ thương mại với gần 230 quốc gia và vùng lãnh thổ; là thành viên tích cực của trên 70 tổ chức quốc tế và khu vực như: ASEAN, ASEM, APEC, WTO,... Chúng ta đã có 98 cơ quan đại diện tại các quốc gia và vùng lãnh thổ khắp 5 châu lục trên thế giới³. Đặc biệt năm 2019, lần thứ hai Việt Nam trúng cử vị trí ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an

1. L.A.Arông, Báo Diễn đàn (Úc), ngày 17-9-1969, theo *Thế giới ngợi ca và thương tiếc Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.3, tr. 297.

2. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr. 35.

3. http://thanhtra.com.vn/chinh-tri/ngoai-giao-viet-nam-vuon-toi-nhung-tam-cao-moi_t114c1014n43604

Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020 – 2021 với số phiếu gần tuyệt đối (192/193 phiếu), điều này cho thấy mức độ tin cậy của cộng đồng quốc tế đối với Việt Nam trong việc gánh vác trách nhiệm chung. Hoạt động ngoại giao văn hóa, thông tin đối ngoại tiếp tục nỗ lực nâng cao hình ảnh Việt Nam trên trường quốc tế, đưa danh sách các di sản thế giới của Việt Nam ngày càng phong phú. Nhiều hoạt động thiết thực như: Xuân quê hương, Kiêu biao thăm trường Sa, Trại hè Việt Nam,... được tổ chức, qua đó ngày càng gắn kết cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài với quê hương đất nước... Như vậy, với phương châm chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, vị thế của Việt Nam ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế, giành được sự tin cậy của bạn bè thế giới và đem lại nhiều thành tựu trên các lĩnh vực chính trị, an ninh, kinh tế và văn hóa – xã hội trong nước.

Hồ Chí Minh – Lãnh tụ vĩ đại đã hiến dâng cả cuộc đời cho đất nước, cho nhân dân và nhân loại tiến bộ. Tư tưởng đại đoàn kết quốc tế là một trong những di sản quý báu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta. Những lời căn dặn của người trong Di chúc về “đoàn kết với các nước”, về “phong trào cộng sản thế giới” là định hướng quan trọng cho quan hệ đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta, để Việt Nam là một thành viên có trách nhiệm, đóng góp xứng đáng vào nền hòa bình, ổn định và phát triển của thế giới. Nghiên cứu, tìm hiểu và thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh giúp chúng ta thêm thấm nhuần bài học về quan hệ quốc tế để có định hướng chiến lược đúng đắn, lâu dài cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, mở rộng quan hệ quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng./.

NGHIÊN CỨU TƯ TƯỞNG VỀ ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

ThS. Phạm Thị Giang Thùy*

Khi vĩnh biệt thế giới này Bác vẫn đau đáu một nỗi niềm "... Mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết, phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh..."¹, "... Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đặc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình. Tôi tin chắc rằng các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại"².

Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng Cộng sản lãnh đạo; kết hợp hài hòa các loại lợi ích (cá nhân, tập thể và xã hội), phát huy mọi tiềm năng nguồn lực của các thành phần kinh tế và của toàn xã hội. Đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức Đảng được thực hiện bằng nhiều hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, lãnh tụ Hồ Chí Minh rất quan tâm đến vấn đề đoàn kết. Những lời căn dặn của Người trong *Di chúc* về đoàn kết quốc tế là định hướng quan trọng cho quan hệ đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta, để Việt Nam luôn đóng góp xứng đáng vào nền hòa bình, ổn định và phát triển của khu vực và thế giới.

1. Tư tưởng về đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh

1.1. Đoàn kết dân tộc

Dù đã cống hiến trọn vẹn cuộc đời mình để mưu cầu tự do, hạnh phúc cho nhân dân, nhưng trước lúc đi xa, Người vẫn trăn trở và căn dặn trong *Di chúc*: "Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới"³. Tư tưởng đoàn kết của Người biểu hiện nhãn quan chính trị của một vĩ nhân, sự minh triết của nhà tổ chức cách mạng luôn đặt yếu tố đoàn kết lên hàng đầu. Theo những di huấn của Người, chỉ có "đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết" mới tập hợp được lực lượng, hình thành được tổ chức cách mạng, mới tạo được sức mạnh to lớn

* Trường Đại học Văn Hiến.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.12, tr. 512.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.12, tr. 511.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.12, tr. 512.

để biến lý luận khoa học, đường lối, quan điểm của Đảng thành hiện thực và mới đạt được “đại thành công”.

Trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến vấn đề “trước hết” - vấn đề tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Đó chính là ngọn nguồn để xây dựng Đảng ta thật trong sạch, vững mạnh, để Đảng luôn ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong từng giai đoạn. Nhưng tư tưởng đoàn kết của Người không chỉ bó hẹp trong phạm vi nội bộ Đảng, trong bộ máy chính quyền Nhà nước, mà đã được thể hiện trên bình diện rộng lớn hơn, đó là đoàn kết toàn dân tộc.

Thực tiễn lịch sử cho thấy, dân tộc Việt Nam chiến thắng được những kẻ thù hùng mạnh cũng bởi nhờ toàn dân luôn đoàn kết một lòng; đồng thời, đã nhận được sự đoàn kết, ủng hộ, giúp đỡ quý báu cả về tinh thần và vật chất của các nước anh em, của bạn bè khắp thế giới. Vì thế, Người đã bày tỏ mong muốn đến ngày thắng lợi “sẽ thay mặt nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa và các nước bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ cuộc chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta”. Đó là biểu hiện truyền thống đoàn kết, thủy chung của dân tộc Việt Nam,

Vì sao Bác quan tâm đến vấn đề đoàn kết đến như vậy? Xuất phát từ hai lý do chính:

Thứ nhất, như Bác đã nêu trong *Di chúc* là “nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”. Nói một cách khác, đó là một sự tổng kết lịch sử. Một dân tộc vốn có nhiều mặt yếu nhưng đã chiến thắng kẻ thù mạnh hơn ta về nhiều mặt bởi vì chúng ta có sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, sức mạnh đoàn kết nhất trí trong Đảng. Kẻ thù cuối cùng đã chịu thất bại bởi vì họ không có được cái sức mạnh đó. Điều đó khiến chúng ta phải tiếp tục đoàn kết để tiếp tục giành thắng lợi trong quá trình xây dựng đất nước.

Lý do thứ hai, xuất phát từ tình hình mâu thuẫn nảy sinh trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Bác đã viết “tôi càng tự hào về sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thắng lợi của nhân dân ta bao nhiêu thì càng đau lòng bấy nhiêu về sự bất hòa hiện nay giữa các đảng anh em”. Đó là một thực tế, đồng thời là một dự cảm đau đớn. Từ những năm 60 của thế kỷ trước, chủ nghĩa xã hội đang trở thành xu thế tất yếu của thời đại thì không ai ngờ đã xuất hiện sự rạn nứt. Sự rạn nứt ấy xuất phát từ nhiều nguyên nhân nhưng sâu xa nhất là do sự tấn công phá hoại của các thế lực thù địch, đồng thời, do sự thiếu đoàn kết chặt chẽ giữa các Đảng cộng sản và phong trào công nhân quốc tế. Thực tế đã diễn ra đúng như dự cảm của Bác. Sự tan rã của Liên Xô, kéo theo sự đổ vỡ của một loạt các nước Xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu. Một lần nữa, đó là hậu quả tất yếu của quy luật chia rẽ thì thất bại, là bài học sâu sắc nhất đi vào lịch sử để chúng ta lấy đó làm gương mà không bao giờ đi vào vết xe đổ ấy nữa.

1.2. Đoàn kết quốc tế

Tư tưởng đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh được thể hiện trong cả tư duy lý luận và hoạt động thực tiễn; không chỉ trong nội bộ Đảng, trong bộ máy chính quyền, trong phạm vi một dân tộc, mà còn được thể hiện trên bình diện rộng lớn hơn, đó là đoàn kết quốc tế. Gần 60 năm hoạt động cách mạng, trong đó 30 năm hoạt động ở nước ngoài, liên tục tham gia phong trào cách mạng và đóng góp cho sự nghiệp chung của cách mạng thế giới, thông

điệp về tình hữu nghị, đoàn kết quốc tế luôn được Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện một cách rõ ràng và vững chắc.

Với trọng trách người lãnh đạo đất nước, đã và đang gặt hái những thành công trên con đường tự giải phóng, Chủ tịch Hồ Chí Minh mong rằng, Đảng ta và toàn thể nhân dân Việt Nam cần nêu cao vai trò, nghĩa vụ quốc tế, đóng góp thiết thực cho phong trào cách mạng thế giới đi đến thắng lợi. Người viết trong *Di chúc*: “Tôi mong rằng, Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đặc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình”¹. Những dòng cuối của *Di chúc*, Người tin tưởng và căn dặn: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”².

Cảm phục tầm vóc trí tuệ và tâm hồn cao thượng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trên báo *Quyền lợi đỏ* (Praha, Tiệp Khắc) ngày 9/9/1989, tác giả I Liu Sitlich có bài viết nhấn mạnh: Bác Hồ cùng với bản *Di chúc* của Người là thuộc về tất cả phong trào cộng sản, công nhân và cách mạng trên thế giới. Thân thể và sự nghiệp đã vượt ra ngoài phạm vi biên giới của Tổ quốc mình.

Đoàn kết quốc tế trở thành một chân lý, một phương châm hành động tất yếu phù hợp với quy luật và sự phát triển của cách mạng, sự tiếp nối của lịch sử. Cuộc cách mạng của nhân dân Việt Nam là cuộc đấu tranh chính nghĩa, do vậy được sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ yêu chuộng hòa bình thế giới, nhằm tăng cường nội lực và sức mạnh tổng hợp để thực hiện các nhiệm vụ chiến lược. Về phần mình, nhân dân Việt Nam cũng có nghĩa vụ đóng góp vào sự nghiệp đấu tranh của nhân dân thế giới.

Hồ Chí Minh - lãnh tụ vĩ đại đã hiến dâng cả cuộc đời cho đất nước, cho nhân dân và nhân loại tiến bộ. Tư tưởng đại đoàn kết là một trong những di sản quý báu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho chúng ta. Những lời căn dặn của Người trong *Di chúc* “về phong trào cộng sản thế giới” là định hướng quan trọng cho quan hệ đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta, để Việt Nam là một thành viên có trách nhiệm, đóng góp xứng đáng vào nền hòa bình, ổn định và phát triển của thế giới. Nghiên cứu, tìm hiểu và thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh giúp chúng ta thêm thấm nhuần bài học về quan hệ quốc tế để có định hướng chiến lược đúng đắn, lâu dài cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, mở rộng quan hệ quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

2. Đảng, nhà nước và nhân dân ta thực hiện tư tưởng về đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh

2.1. Đoàn kết dân tộc

Làm theo *Di chúc* của Bác, năm mươi năm qua, các thế hệ lãnh đạo của Đảng, Nhà nước ta lúc nào cũng giương cao ngọn cờ đại đoàn kết. Đoàn kết trong Đảng, đoàn kết toàn dân tộc. Sức mạnh đại đoàn kết đã giúp đất nước vượt qua nhiều khó khăn thử thách, giành được những thắng lợi to lớn. Dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, chúng ta đã bảo vệ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 511.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 512.

toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ, bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ thành công của công cuộc đổi mới.

Hình ảnh một Việt Nam ổn định, hòa bình, phát triển đang ngày càng trở nên trỗi dậy, một Nhà nước Việt Nam với thể chế dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh đang ngày càng trở nên hấp dẫn đối với thế giới. Những thành tựu đó đã tạo cho chúng ta niềm tin chắc chắn rằng đất nước Việt Nam sẽ có những bước tiến xa trong những năm tới.

Mặt khác, năm mươi năm qua, thực hiện theo *Di chúc* của Người để góp phần vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình, Đảng ta đã làm hết sức mình. Với tư duy đổi mới, trong xu thế hội nhập của bối cảnh thế giới mới, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin chúng ta đã có nhiều đóng góp quan trọng.

Chúng ta tin tưởng về một tương lai tốt đẹp đang chờ đợi và chúng ta cũng nhận thức rằng muốn giành được một tương lai tốt đẹp đó cần phải củng cố, xây dựng và phát huy cao hơn nữa sức mạnh đại đoàn kết, trước hết là đoàn kết trong Đảng như *Di chúc* của Bác.

Muốn có được sự đoàn kết nhất trí thì phải luôn luôn xây dựng Đảng vững mạnh về mọi mặt. Phải luôn vượt qua thách thức, luôn chiến thắng khó khăn. Thực tế hiện nay bên cạnh những mặt tốt theo truyền thống thì ở nước ta đang có những biểu hiện “lệch pha” về đoàn kết. Đó là những kiểu “đoàn kết” hình thức, một chiều theo kiểu “đĩ hòa vi quý” không dám đấu tranh với cái xấu cái sai...

Nguy hiểm nhất là đoàn kết theo kiểu “bằng mặt mà không bằng lòng” hoặc bao che, nguy hiểm khuyết điểm cho nhau, “anh không đụng đến tôi thì tôi cũng không chạm đến anh”, Những biến dạng về sự đoàn kết nhất trí đó thực chất là sự suy thoái, biến chất rất nguy hiểm, dung dưỡng cho những thói hư tật xấu tham nhũng, tiêu cực.

Mặt khác các thế lực thù địch cũng đang nhằm vào đó để khoét sâu, phá hoại, kích động. Chúng rêu rao rằng ở Việt Nam tuy một đảng lãnh đạo nhưng lại có nhiều phe phái, điều đó còn nguy hại hơn đa đảng. Từ khi Đảng ta đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, “lò” được đốt nóng thì những “lệch pha” trong đoàn kết đang bị xóa bỏ dần. Tuy nhiên cần phải tiếp tục đấu tranh mạnh hơn nữa để tạo thế đứng vững chắc hơn cho sự đoàn kết nhất trí.

Trong *Di chúc*, Bác đã dặn lại rằng: Muốn giữ gìn và phát huy sức mạnh đoàn kết thì “trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và nhất trí trong Đảng”.

Ta thường nói phê bình và tự phê bình. Nhưng ở đây Bác đặt yêu cầu tự phê bình lên trước, điều đó cũng có nghĩa phải đặt trách nhiệm của mỗi đảng viên đối với chính bản thân mình lên trước. Tự phê bình là tự soi mình trước, tự gột rửa mình, tự trau dồi đạo đức cách mạng cho mình trước. Tiếp đến mới là phê bình, nghĩa là sự quan tâm giúp đỡ các đồng chí của mình

Để mỗi đảng viên thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thực sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, để Đảng ta thực sự trong sạch vững mạnh là một Đảng cầm quyền. Đó chính là nền tảng vững chắc cho sức mạnh đại đoàn kết mà mỗi đảng viên trong bất kỳ giai đoạn lịch sử nào cũng phải thực hiện cho bằng được.

2.2. Đoàn kết quốc tế

Thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế, 50 năm qua, Đảng ta luôn phát huy chủ nghĩa quốc tế trong sáng, cao cả, thủy chung, làm hết sức mình để góp phần quan trọng xây dựng tình đoàn kết giữa các đảng cộng sản và công nhân, giữ gìn và củng cố sự đoàn kết trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; đồng thời, tăng cường xây dựng và phát triển các quan hệ quốc tế trong tình hình mới, coi đó là một trong những yếu tố quan trọng đảm bảo cho thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Cùng với quá trình đổi mới đất nước, Đảng ta đã đề ra và thực hiện nhất quán đường lối, chính sách đối ngoại “độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”. Nước ta đã chủ động và tích cực hội nhập vào nền kinh tế quốc tế trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động phức tạp, khó lường, các quan hệ chính trị - kinh tế đan xen, nhiều chiều,...

Hiện nay, khi những điều kiện quốc tế có sự thay đổi khá nhiều so với 50 năm trước, việc nghiên cứu *Di chúc* Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề đoàn kết quốc tế sẽ mở ra khả năng rộng lớn để vận dụng, thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ đối ngoại mà Đại hội XI của Đảng đề ra. Vì vậy, trong thời kỳ mới, Đảng và Nhà nước ta xác định tiếp tục đẩy mạnh việc mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam với các nước, các dân tộc, các tổ chức quốc tế, trên tinh thần giữ vững độc lập, tự chủ, bình đẳng, kết hợp giữa lợi ích quốc gia với lợi ích quốc tế, cùng nhau thực hiện những mục tiêu lớn của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định trên thế giới để tạo sự phát triển bền vững.

Kế thừa và phát huy tư tưởng đoàn kết quốc tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong thời kỳ mới của cách mạng, Đảng, Nhà nước và toàn dân ta nhất định sẽ tiếp tục tăng cường tình đoàn kết quốc tế, quan hệ hợp tác cùng có lợi, chủ động, tích cực hội nhập, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, mở rộng đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Đoàn kết quốc tế trở thành một chân lý, một phương châm hành động tất yếu phù hợp với quy luật và sự phát triển của cách mạng, sự tiếp nối của lịch sử. Cuộc cách mạng của nhân dân Việt Nam là cuộc đấu tranh chính nghĩa, do vậy được sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ yêu chuộng hòa bình thế giới, nhằm tăng cường nội lực và sức mạnh tổng hợp để thực hiện các nhiệm vụ chiến lược. Về phần mình, nhân dân Việt Nam cũng có nghĩa vụ đóng góp vào sự nghiệp đấu tranh của nhân dân thế giới. Tư tưởng đoàn kết quốc tế trong *Di chúc* của Người cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị và mãi mãi tỏa sáng, đồng hành cùng dân tộc và thời đại.

Những lời di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Đại đoàn kết (đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế) bắt nguồn từ tình yêu thương đối với con người, với nhân loại và đoàn kết toàn nhân loại vì mục tiêu giải phóng các dân tộc bị áp bức, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Người luôn đặt cách mạng Việt Nam trong mối quan hệ khăng khít với phong trào cách mạng thế giới. Tại Đại hội lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp ở Tua (12-1920), Người đã bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản, trở thành một thành viên sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Từ đây, Người đã đặt

nền móng cho tình đoàn kết chiến đấu giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Pháp, tạo sự gắn bó chặt chẽ hơn giữa phong trào cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới.

Trong *Di chúc* cũng như trong suy nghĩ của Người, nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước bầu bạn thế giới luôn kết thành một khối. Thành quả của cách mạng là tổng hợp sức mạnh nội lực và sức mạnh của tình đoàn kết, tương trợ quốc tế. Chủ tịch Hồ Chí Minh, với dự cảm và tầm nhìn vượt thời đại, luôn tin tưởng chắc chắn sẽ đến ngày “Mỹ cút, nguy nhào” và ngay từ khi viết *Di chúc*, Người đã bày tỏ sự ghi nhận và biết ơn những đóng góp to lớn, quý báu cả về tinh thần và vật chất của bạn bè quốc tế. Đó cũng là biểu hiện của truyền thống đoàn kết, thủy chung, trọng tình trọng nghĩa của dân tộc Việt Nam, mà Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân cao đẹp nhất.

Quan điểm về đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh là xuyên suốt và nhất quán, bởi Người sớm nhận ra, cuộc cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản muốn đi đến thắng lợi thì phải huy động và tập hợp được sức mạnh đoàn kết tầm quốc tế. Trong hành trình tìm đường cứu nước, lý tưởng cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở giải phóng dân tộc mình, mà còn vì sự nghiệp giải phóng các dân tộc bị áp bức và nhân loại cần lao. Những lời di huấn của Người về tình đoàn kết quốc tế bắt nguồn từ tình yêu thương đối với con người. Và đoàn kết quốc tế cũng để nhằm mục tiêu giải phóng các dân tộc bị áp bức, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Nghiên cứu: Tìm hiểu và thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh giúp chúng ta thêm thấm nhuần bài học về Đại đoàn kết (đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế) để có định hướng chiến lược đúng đắn bảo vệ độc lập dân tộc lâu dài và phát triển đất nước; mở rộng quan hệ quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng./.

TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC VÀ THÀNH TỰU XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI SAU 50 NĂM THỰC HIỆN “DI CHÚC” CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*TS. Vương Thị Bích Thủy**

*TS. Đinh Thị Phượng***

Trước lúc đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho dân tộc và nhân dân Việt Nam bản *Di chúc* lịch sử vô cùng quý báu, kết tinh trong đó tư tưởng, đạo đức và nhân cách cao đẹp của một vị lãnh tụ suốt đời cống hiến, hy sinh, phụng sự cho Tổ quốc và nhân dân. *Di chúc* là một tài sản tinh thần vô giá chứa đựng giá trị lớn lao và tình cảm thiêng liêng, cao quý, thể hiện tâm nguyện, niềm tin, trí tuệ và trách nhiệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với Tổ quốc và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Đó là những lời căn dặn cuối cùng của Người về những vấn đề hệ trọng của cách mạng Việt Nam. Thực hiện *Di chúc* của Người, trong 50 năm qua chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, rất đáng tự hào trong công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội (CNXH). Những thành tựu đó là minh chứng làm sáng tỏ tầm nhìn thời đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh. *Di chúc* bất hủ của Người là chỉ dẫn, là lời dạy, là ngọn đuốc soi đường cho cách mạng Việt Nam hôm nay và cho cả mai sau.

Di chúc là tác phẩm cuối cùng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây là một văn kiện lịch sử hết sức quan trọng, được Người bắt đầu viết từ năm 1965, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đang diễn ra gay go, quyết liệt, đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh xâm lược và leo thang bắn phá miền Bắc. *Di chúc* được Người viết bổ sung qua các năm 1968, 1969, được Đảng và Nhà nước ta lần đầu tiên công bố trong Lễ tang của Người tháng 9 năm 1969. Các bản viết *Di chúc* được Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) công bố vào năm 1989 nhân dịp kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. *Di chúc* được Chủ tịch Hồ Chí Minh viết rất ngắn gọn, nhưng đó là một văn kiện chứa đựng những tư tưởng lớn, có giá trị lý luận và ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, thể hiện tầm nhìn chiến lược của một nhà cách mạng vĩ đại có tấm lòng rất mực yêu nước, thương dân. *Di chúc* thấm đượm và kết tinh trong đó tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh, phản ánh tâm nguyện, tình cảm, niềm tin, trí tuệ và trách nhiệm vô cùng lớn lao của Người đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. *Di chúc* của Người đã vượt qua giới hạn của một bản chúc thư thông thường, trở thành một bản kế hoạch, một chương trình hành động cách mạng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất Tổ quốc.

* Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

** Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

1. Tầm nhìn chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội trong “Di chúc”

Trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân định rõ hai việc: *việc chung* và *việc riêng*. Có thể nói việc chung lớn nhất mà Người luôn lo lắng, trăn trở và nhắc đến nhiều lần trong *Di chúc*, từ bản thảo đầu tiên viết năm 1965, đến các bản viết bổ sung năm 1968 và năm 1969 là sự nghiệp xây dựng CNXH ở Việt Nam sau khi chiến tranh kết thúc.

Sự nghiệp xây dựng CNXH chiếm một vị trí rất quan trọng trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Xét về hình thức câu chữ, trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh không bàn trực tiếp về CNXH, Người không khái quát lý luận CNXH là gì và xây dựng CNXH ở Việt Nam như thế nào, nhưng những vấn đề mà Người đề cập đến đã thể hiện rất rõ tư tưởng, quan niệm của Người về mục tiêu, bản chất, nội dung, nhiệm vụ, động lực xây dựng CNXH ở Việt Nam. *Di chúc* đi vào nội hàm bên trong của chủ nghĩa xã hội với những việc làm cụ thể, chứ không nặng về khái quát lý luận hàn lâm. Người nói đến những việc cần làm ngay cùng với kế hoạch “xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn” sau khi chiến tranh kết thúc. Đó chính là mục tiêu to lớn mà Đảng và nhân dân ta hướng đến, đồng thời cũng là động lực tiếp thêm sức mạnh cho quân dân ta trên con đường đấu tranh giành độc lập dân tộc để đi tới CNXH. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội phản ánh trong *Di chúc* có tầm chiến lược, là những chỉ dẫn quan trọng của Đảng trong hoạch định đường lối, phương hướng, xác định nhiệm vụ, kế hoạch, chính sách, chương trình hành động cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhằm đưa đất nước phát triển bền vững, nhất là trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

Có thể nói bao trùm và xuyên suốt trong bản *Di chúc* là những tư tưởng lớn, những trăn trở, suy tư của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề xây dựng đất nước sau khi chiến tranh kết thúc. Phần dặn dò của Người về vấn đề này là rõ ràng, trực tiếp và khá toàn diện, cho thấy *Di chúc* là một văn kiện lịch sử đặc biệt, có giá trị ngang tầm một cương lĩnh chính trị với tầm nhìn chiến lược, một chương trình hành động vừa cấp bách vừa lâu dài, thể hiện sự nhất quán trong mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Theo Hồ Chí Minh, sau khi kháng chiến thắng lợi, Đảng phải lãnh đạo sự nghiệp cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Hồ Chí Minh hình dung công cuộc xây dựng đất nước sau chiến tranh là một sự nghiệp to lớn, vô cùng khó khăn, gian khổ nhưng hết sức vĩ đại, đó là một cuộc chiến đấu “chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi”. Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu không lồ này, Đảng cần quyền cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân¹, bởi vì nhân dân chính là chủ thể của sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Trong bản *Di chúc* viết vào tháng 05 năm 1968, Hồ Chí Minh bổ sung nhiều nội dung quan trọng trong nhiệm vụ hàn gắn vết thương chiến tranh, với lưu ý “Đầu tiên là công việc đối với con người”. Người chỉ ra rằng, Đảng và nhà nước ta phải thực hiện các chính sách hậu chiến, đặc biệt là các chính sách xã hội cụ thể, thiết thực, phù hợp với các giai cấp, tầng lớp, các đối tượng khác nhau trong xã hội. Đối với những người đã dưng cảm hy sinh

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.617.

một phần xương máu của mình cho độc lập tự do của Tổ quốc (cán bộ, binh sĩ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong), Người căn dặn: “Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để họ có thể dần dần “tự lực cánh sinh”¹. Đối với cha mẹ, vợ con (của thương binh và liệt sĩ) thì chính quyền địa phương “phải giúp đỡ họ có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ bị đói rét”². Đối với những chiến sĩ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong đã được rèn luyện trong chiến đấu, “Đảng và Chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, các nghề, để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta”³. Đối với những nạn nhân của chế độ cũ, thì nhà nước “phải vừa giáo dục, vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện”⁴.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thấu hiểu nhân dân lao động Việt Nam từ bao đời nay bị áp bức bóc lột của địa chủ, phong kiến, thực dân; nhưng nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, yêu nước, siêng năng, cần cù, luôn đi theo Đảng và rất trung thành với Đảng. Vì vậy, Đảng phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân. Người “đề nghị miễn thuế nông nghiệp một năm cho các hợp tác xã nông nghiệp để cho đồng bào hi hã, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất”⁵. Đối với phụ nữ, Hồ Chí Minh có cái nhìn hết sức tiến bộ và nhân văn. Người đánh giá: Trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước phụ nữ đảm đang ta đã góp phần xứng đáng trong chiến đấu và trong sản xuất. Người yêu cầu “Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo”⁶; và bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên. Đó là một cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ, đó cũng chính là mong muốn giải phóng phụ nữ, giải phóng con người và giải phóng xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Ngoài ra còn có nhiều công việc khác cần phải làm ngay sau khi chiến tranh kết thúc, như xây dựng lại thành phố và làng mạc, khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hoá - giáo dục, củng cố quốc phòng - an ninh, chuẩn bị thống nhất đất nước; xây dựng những vườn hoa, bia tưởng niệm các liệt sĩ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta, v.v... Đó là những việc làm thiết thực, cụ thể, vừa cho thấy sự chu đáo, cẩn thận của một nhà lãnh đạo cách mạng suốt đời yêu thương, trung thành, tận tụy với nhân dân; vừa thể hiện giá trị nhân văn, bền vững, lâu dài trong phát triển xã hội, nhất là trong việc chăm lo, giáo dục, đề cao giá trị con người.

Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Người dành tình cảm trìu mến, đầy yêu thương cho thế hệ trẻ. Trong *Di chúc*, Người khen ngợi đoàn viên, thanh niên, phụ nữ, thiếu

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.616.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.616.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr. 616-617.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr. 617.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr. 617.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr. 617.

nhi, v.v... đã đóng góp công sức của mình trong sự nghiệp cách mạng. Hồ Chí Minh căn dặn “bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”, và yêu cầu “Đảng cần phải chăm lo giáo dục *đạo đức cách mạng* cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng CNXH vừa “hồng” vừa “chuyên”¹. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là để xây dựng lực lượng kế cận, đảm bảo sự chuyển giao thế hệ nối tiếp xây dựng CNXH ở Việt Nam, tư tưởng này của Người đã thể hiện tầm nhìn chiến lược về công tác cán bộ và đào tạo con người.

2. Thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội sau 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Năm 2019 đánh dấu cột mốc 50 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, những lời căn dặn với tâm nguyện và mong muốn của Người đã trở thành chỗ dựa cho niềm tin vững chắc vào thắng lợi của sự nghiệp xây dựng CNXH ở Việt Nam. Từ năm 1969 đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta từng bước thực hiện mục tiêu xây dựng CNXH như lời căn dặn của Người: giành thắng lợi hoàn toàn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; thống nhất Tổ quốc; khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh; tiến hành đổi mới toàn diện đất nước, đạt được nhiều thành tựu to lớn làm thay đổi diện mạo của Việt Nam, góp phần không nhỏ vào sự lớn mạnh của phong trào cách mạng thế giới. Có thể khái quát những thành tựu đó như sau:

** Thứ nhất, phát triển lý luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội*

Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, xây dựng CNXH phải được cụ thể hóa bằng những việc làm thiết thực, mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Tư tưởng của Người trong Di chúc đã nhấn mạnh đến vai trò mục đích và động lực của thực tiễn. Tuy nhiên, trong mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn, Người khẳng định: Không có lý luận cách mạng thì không thể có phong trào cách mạng... Chỉ có Đảng nào được một lý luận tiên phong hướng dẫn thì mới có khả năng làm tròn vai trò chiến sĩ tiên phong; lý luận mà không có thực tiễn là lý luận suông, thực tiễn mà không có lý luận là thực tiễn mù quáng. Thực hiện Di chúc của Người và khái quát từ thực tiễn xây dựng CNXH ở Việt Nam, các vấn đề lý luận trong xây dựng CNXH đã được Đảng ta thường xuyên tổng kết, không ngừng bổ sung, phát triển nhằm phát huy vai trò dẫn dắt, chỉ đạo của lý luận đối với thực tiễn.

Ra đi tìm đường cứu nước từ năm 1911 tại bến cảng Nhà Rồng cho đến tận ngày vĩnh biệt thế giới này, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn chưa được tận mắt nhìn thấy non sông Tổ quốc hòa bình, thống nhất. Mục tiêu lớn nhất và cũng là mục tiêu mà dân tộc Việt Nam đánh đổi bằng xương máu của bao thế hệ là “xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”. Ngày nay, sau khi giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, hòa bình, thống nhất và độc lập dân tộc đã giành được, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011), đã xác định mục tiêu trong xây dựng CNXH của nước ta hiện nay là: “dân giàu, nước mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa”. Đại hội lần thứ XI xác định mục tiêu của CNXH nước ta là: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.612.

Cùng với dân giàu và nước mạnh thì dân chủ, công bằng, văn minh là những đặc trưng cơ bản thể hiện bản chất của CNXH. Trong đó, dân chủ là bước tiến, khát vọng của con người và mỗi dân tộc.

Bên cạnh việc xác định rõ ràng các mục tiêu trong xây dựng CNXH, Đảng còn xác định rõ các đặc trưng cơ bản của CNXH nước ta. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH, lần đầu tiên Đảng ta đã đưa ra 06 đặc trưng cơ bản của CNXH ở Việt Nam: “Do nhân dân lao động làm chủ. Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Con người được giải phóng ảm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân. Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới”¹. Có thể nói, những đặc trưng của CNXH được nêu trong Cương lĩnh năm 1991 là những đặc trưng bản chất để nhận biết về CNXH. Những đặc trưng này ở một phương diện nào đó cũng đã chỉ rõ động lực và mục tiêu của quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam mà cách đây 50 năm Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói đến trong Di chúc.

Đến Đại hội X, tổng kết hơn 20 năm đổi mới, Đảng ta đã có nhận thức mới sâu sắc hơn về bản chất, đặc trưng của CNXH. Đại hội XI xác định, xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng gồm 8 đặc trưng cơ bản: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; Do nhân dân làm chủ; Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Con người có cuộc sống ảm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”².

Trong suốt cả cuộc đời của Người, dù ở cương vị nào, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng thể hiện sự quan tâm sâu sắc đối với con người. Thực hiện Di chúc của Người trong chăm lo đời sống cho con người, Đại hội XI khẳng định: Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Xác định con người là trung tâm của chiến lược phát triển đã khẳng định sự quan tâm sâu sắc đến vấn đề phát triển con người ở Việt Nam. Đây là động lực mạnh mẽ nhằm phát huy những năng lực sáng tạo của con người trong sự nghiệp xây dựng CNXH. 50 năm qua chúng ta đã rất tự hào để “báo cáo” với Bác về những chính sách xã hội tiên bộ đã và đang được thực hiện rộng rãi và thấm sâu vào đời sống của nhân dân như: Chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ; chính sách xóa đói giảm nghèo; chính sách đền ơn đáp nghĩa đối với những người có công với cách mạng; chính sách giảm dần tình trạng chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư. Hệ thống an sinh xã hội cũng rất được chú trọng nhằm không ngừng cải thiện điều kiện sống, lao động và học tập của thanh niên, thiếu niên và bảo vệ trẻ em; chăm lo đời sống những người cao

1. <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/gioi-thieu-van-kien-dang/ve-cac-dac-trung-cua-chu-nghia-xa-hoi-qua-cuong-linh-1991-va-cuong-linh-2011-cua-dang-cong-san-viet-nam-865>

2. ĐCSVN: Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 70.

tuổi, neo đơn, khuyết tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi.

50 năm qua, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta thực hiện đúng lời căn dặn của Người về xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN. Đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa, an ninh, quốc phòng và đối ngoại. Những thành tựu ban đầu này là minh chứng hùng hồn cho giá trị lịch sử của Di chúc. Ngày nay, bối cảnh trong nước và quốc tế có nhiều thay đổi nhưng những vấn đề mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt ra trong Di chúc vẫn còn nguyên vẹn giá trị, tiếp tục là ngọn đuốc soi đường trong sự nghiệp xây dựng CNXH ở Việt Nam.

** Thứ hai, thành tựu trong lĩnh vực kinh tế, chính trị - xã hội*

50 năm thực hiện tâm nguyện của Người về “xây dựng đất nước ta đoàn hoàng hơn, to đẹp hơn”, Việt Nam đã viết lên một câu chuyện thành công rực rỡ và nổi bật tại châu Á. Tại Đại hội lần thứ XII, Đảng ta đánh giá: “Nhìn tổng thể, qua 30 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa”¹. Từ một đất nước “chậm phát triển” “nghèo đói” Việt Nam trở thành nước đang phát triển với mức thu nhập trung bình. Diện mạo của đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều đổi thay, sức mạnh về mọi mặt được tăng cường, chế độ XHCN được giữ vững. Việt Nam trở thành điểm đến của khu vực, châu Á và thế giới.

Ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển là thành tựu nổi bật nhất của kinh tế-xã hội Việt Nam trong những năm qua. Thực hiện Di chúc của Người, sau khi chiến tranh kết thúc, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách, biện pháp đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo đời sống của các tầng lớp nhân dân, thực hiện đền ơn đáp nghĩa đối với những người có công với cách mạng và các đối tượng chính sách, làm cho dân ta ngày một ấm no, hạnh phúc. Từ một nước phải nhập khẩu lương thực, Việt Nam đã vươn lên trở thành một nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. Nhờ đó, trên lĩnh vực xã hội, công tác xóa đói giảm nghèo đạt được kết quả đầy ấn tượng; Việt Nam là một trong những quốc gia đi đầu trong xóa đói giảm nghèo, là nước có tốc độ giảm hộ nghèo nhanh nhất Đông Nam Á, được Liên hợp quốc đánh giá rất cao. Việt Nam đã “hoàn thành sớm hơn so với kế hoạch toàn cầu: giảm một nửa tỷ lệ nghèo vào năm 2015” mà mục tiêu Thiên niên kỷ (MDGs) của Liên hợp quốc đề ra. Những thành tựu ban đầu này là cơ sở, điều kiện thúc đẩy kinh tế đối ngoại phát triển toàn diện và sâu rộng, đưa nước ta hội nhập ngày càng sâu hơn với kinh tế khu vực và thế giới.

50 năm qua, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta thực hiện đúng lời căn dặn của Người về xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN. Đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực chính trị - xã hội, văn hóa, an ninh, quốc phòng và đối ngoại. Với đường lối đối ngoại “độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế”, đến nay nước ta đã có quan hệ ngoại giao với hơn 180 quốc gia ở hầu hết các châu

1. <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xii/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xi-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quooc-lan-thu-xii-cua-dang-1600>

lục; quan hệ thương mại với 175 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng lên, tạo ra những tiền đề quan trọng để đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Ngày nay, bối cảnh trong nước và quốc tế có nhiều thay đổi nhưng những vấn đề mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt ra trong *Di chúc* vẫn còn nguyên vẹn giá trị, tiếp tục là ngọn đuốc soi đường trong sự nghiệp xây dựng CNXH ở Việt Nam.

Bản *Di chúc* lịch sử của Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta không dài, mà hết sức cô đọng, giản dị, dễ hiểu nhưng trong đó chứa đựng những tư tưởng vĩ đại, lớn lao của Người định hướng cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, của nhân dân ta hôm nay và cả mai sau. Nhiều vấn đề trọng đại của đất nước và dân tộc, của Đảng, Nhà nước và nhân dân được đề cập trong các Nghị quyết gần đây, thì cách đây 50 năm về trước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói đến trong *Di chúc*. Những thành tựu to lớn trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và đối ngoại đã cho thấy *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi vào hiện thực đời mới đất nước một cách mạnh mẽ và sâu sắc. Trải qua 50 năm, bản *Di chúc* vẫn còn nguyên giá trị, trở thành nguồn cổ vũ to lớn đối với Đảng và nhân dân ta tiến lên giành thắng lợi trong sự nghiệp xây dựng CNXH. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu “xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”./.

XÂY DỰNG “CHÍNH PHỦ KIẾN TẠO” THỰC HÀNH DÂN CHỦ THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*TS. Nguyễn Thị Trang**

Khi ra đi tìm đường cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn mong muốn cho dân tộc được độc lập, nhân dân thoát khỏi cuộc sống nô lệ, dân được ấm no để xây dựng đất giàu mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. Đảng và Nhà nước ta đang tiếp tục xây dựng một đất nước của dân, do dân, vì dân, thực hành dân chủ rộng rãi như Người đã từng làm và cũng là ý nguyện trước khi ra đi để lại trong Di chúc. Thực hiện di nguyện đó, dân chủ ngày càng được mở rộng trong toàn Đảng, toàn dân: công tác tổ chức cán bộ, nhất là đánh giá tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ đã được tiến hành cơ bản công khai, dân chủ; nhiều vụ tham nhũng, lãng phí lớn đã được lôi ra ánh sáng; nhiều cán bộ, đảng viên trong đó có những cán bộ, đảng viên giữ chức vụ cao đã bị kỷ luật; những vấn đề xã hội được giải quyết triệt để, công khai được quần chúng nhân dân ủng hộ và đồng tình cao... đó là những thành tựu của Đảng và Nhà nước ta trong việc thực hiện Di chúc của chủ tịch Hồ Chí Minh. Đặc biệt thời gian gần đây, Chính phủ Việt Nam đã thực hành dân chủ theo Di chúc Hồ Chí Minh bằng việc xây dựng “Chính phủ kiến tạo” và đã đạt được một số thành công bước đầu.

1. Một số nội dung về dân chủ có giá trị trường tồn trong Di chúc Hồ Chí Minh

1.1. Dân chủ là giàu mạnh vì vậy cần phải “có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”

Ngay sau khi nước nhà giành độc lập, mặc dù phải giải quyết nhiều vấn đề cấp bách cùng một lúc về chính trị, ngoại giao, an ninh quốc phòng,... nhưng Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh và đặt ở vị trí vô cùng quan trọng cần giải quyết ngay, đó là nhiệm vụ chống giặc đói là một trong 3 nhiệm vụ cấp bách.

“Chúng ta phải thực hiện ngay:

- 1-Làm cho dân có ăn
- 2-Làm cho dân có mặc
- 3-Làm cho dân có chỗ ở
- 4-Làm cho dân được học hành”¹.

Theo Hồ Chí Minh, muốn phát triển kinh tế, thì phải đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân đối với quá trình sản xuất. Từ quyền làm chủ tư liệu sản xuất tạo cơ sở cho nhân dân ta thực hiện quyền làm chủ trong lĩnh vực tổ chức và quản lý sản xuất. Đó là cơ sở kinh tế để thực hiện công bằng, bình đẳng và ổn định xã hội. Sự phát triển về kinh tế sẽ là cơ sở giải quyết các vấn đề văn hóa, nâng cao đời sống nhân dân và thực hiện công bằng xã hội.

**Trường Đại học Xây dựng Miền Tây*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, t.4, tr. 152.

Muốn như vậy, chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở người cán bộ quản lý phải dân chủ, công bằng, minh bạch “phải chí công vô tư, tài chính phải công khai”¹ bởi vì suy cho cùng, mọi nguyên nhân tham ô lãng phí bắt nguồn từ không thực hành dân chủ trong quản lý, biểu hiện ở việc không công khai minh bạch về tài chính. Để làm tốt thì cần phải xây dựng một đội ngũ cán bộ có năng lực, chuyên môn, phẩm chất tốt. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trực tiếp phát động phong trào chống quan liêu, tham ô, lãng phí. Vì nếu thực hiện tốt thì tạo được niềm tin của nhân dân, đất nước sẽ giàu mạnh. Vì có dân chủ thì làm cho mọi người nâng cao tinh thần trách nhiệm, tinh thần làm chủ, ý thức bảo vệ của công, hăng hái thi đua, tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm để xây dựng nhà nước, để nâng cao đời sống nhân dân; Nó giúp cho cán bộ và đảng viên tất phải giữ vững phẩm chất cách mạng, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư... do đó mà nhân dân ta đoàn kết, càng đoàn kết thêm, lực lượng đã hùng mạnh, càng hùng mạnh thêm².

Muốn như vậy, bộ máy Nhà nước phải do nhân dân lựa chọn, bầu ra và ủy quyền nhằm thực hiện ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Thông qua Nhà nước do mình bầu ra, quyền lực của nhân dân trở thành quyền lực của Nhà nước. Người chỉ rõ, Chính phủ phải tìm cách hình thành các thiết chế dân chủ để thực thi quyền làm chủ của người dân, nhiệm vụ của chính quyền là phục vụ nhân dân, tổ chức, giáo dục, động viên nhân dân xây dựng cuộc sống mới.

Như vậy, trong Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh mong muốn cuối cùng của Người, sau khi đất nước có hòa bình độc lập, thống nhất, thì chúng ta có một nền dân chủ thật sự, đó là dân chủ gắn với giàu mạnh. Có dân chủ thì mới phát huy được trí tuệ và sức mạnh toàn dân và cũng có thể nói chỉ có thực hiện dân chủ thì mới có công bằng, tự do và hạnh phúc, không có dân chủ thì không có phát triển và tiến bộ. Vì vậy, có dân chủ là có giàu mạnh để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

1.2. Xây dựng Đảng vững mạnh, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, Hồ Chí Minh nhấn mạnh “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên”

Đặc điểm nổi bật của dân chủ ở nước ta là sự lãnh đạo của một Đảng đối với toàn bộ đời sống xã hội và Đảng là một thành tố trong hệ thống chính trị đảm bảo thực hiện nền dân chủ của đất nước. Vì vậy, vấn đề mà Hồ Chí Minh quan tâm nhất là tạo khối đoàn kết thống nhất trong Đảng, xây dựng Đảng vững mạnh. Mà Đảng muốn vững mạnh thì vấn đề dân chủ, công khai minh bạch trong xây dựng đội ngũ lãnh đạo có đủ phẩm chất và năng lực phải được nhân dân thừa nhận trên thực tế. Người cho rằng: “trong Đảng phải thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên”³ lời căn dặn, nhắc nhở chúng ta rằng trong tổ chức và sinh hoạt, tôn trọng dân chủ và thực hành dân chủ trong mọi hoạt động thực tiễn mới có thể phát triển một nền dân chủ thật sự.

Muốn vậy, Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý phát huy quyền làm chủ của nhân dân “làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm”⁴. Đó là vấn đề cực kỳ quan trọng trong việc thực hành dân chủ, từ lý luận áp dụng vào

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr. 380.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr. 575.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 497.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 223.

hiện thực cuộc sống. Đảng và Nhà nước phải tạo mọi điều kiện để dân biết dùng quyền dân chủ của mình để quản lý và xây dựng đất nước.

Trong những năm qua, nhờ quán triệt sâu sắc và phát huy dân chủ rộng rãi, thường xuyên mà Đảng và Nhà nước ta không ngừng lớn mạnh, vượt qua bao thử thách, lãnh đạo nhân dân xây dựng, bảo vệ thành công Tổ quốc Việt Nam.

2. Xây dựng chính phủ kiến tạo, những kết quả bước đầu trong việc thực hiện Di chúc Hồ Chí Minh

2.1. “Chính phủ kiến tạo” là sự tiếp nối tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước vì dân

Theo PGS.TS Lê Quốc Lý, từ những năm 80 thế kỷ XX, khi nghiên cứu về sự phát triển thần kỳ của Nhật Bản, Chalmers Johnson đã đưa ra thuật ngữ Chính phủ kiến tạo phát triển (developmental government), Nhà nước kiến tạo phát triển (developmental state). Chalmers Johnson đã nhận ra có ba mô hình Chính phủ: Chính phủ điều chỉnh (Chính phủ của các nước theo mô hình thị trường tự do); Chính phủ kế hoạch hóa tập trung quan liêu (Chính phủ của các nước phủ nhận vai trò của thị trường) và Chính phủ kiến tạo phát triển (Chính phủ của các nước coi trọng vai trò của thị trường, nhưng không tuyệt đối hóa vai trò này, mà tích cực can thiệp để định hướng thị trường). Như vậy, theo nhận thức của Chalmers Johnson, Chính phủ kiến tạo phát triển nằm ở giữa hai mô hình chính phủ điều chỉnh và chính phủ kế hoạch hóa tập trung, quan liêu¹.

Ngay đầu nhiệm kỳ này, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc và nhiều thành viên Chính phủ đã nhấn mạnh thông điệp về Chính phủ kiến tạo. Trong một buổi trả lời đại biểu quốc hội, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc cho biết, về nội hàm của Chính phủ kiến tạo có 4 nội dung chính:

Thứ nhất, đó phải là một Chính phủ chủ động thiết kế ra một hệ thống pháp luật tốt, những chính sách tốt, thể chế tốt để nuôi dưỡng nền kinh tế phát triển, chứ không phải bị động đối phó với những diễn biến trên thực tế.

Thứ hai, là Nhà nước không làm thay thị trường, những khu vực nào thị trường có thể làm được, doanh nghiệp tư nhân có thể làm được thì Nhà nước không can thiệp, mà thay vào đó là tạo điều kiện cho các doanh nghiệp làm. Nhà nước sẽ chỉ đầu tư vào những khu vực các doanh nghiệp tư nhân không thể đầu tư.

Thứ ba, theo Thủ tướng, Chính phủ phải kiến thiết được môi trường kinh doanh thuận lợi, không chỉ đứng đầu trong nhóm các nước ASEAN, mà còn phấn đấu vươn lên tiêu chí của các nước nhóm OECD.

Thứ tư, là Chính phủ cũng phải nói đi đôi với làm, siết chặt kỷ cương, đặc biệt phải thay ngay cán bộ không đáp ứng yêu cầu công việc. Cần xây dựng chính quyền điện tử, thương mại điện tử đến tòa án điện tử... Đây là yếu tố quan trọng để xây dựng Chính phủ kiến tạo².

Chính những khẳng định về nội dung của Chính phủ kiến tạo hiện nay chúng ta thấy

1. PGS.TS. Lê Quốc Lý: *Xây dựng chính phủ kiến tạo - Thời cơ và thách thức đối với Việt Nam*. <http://tapchitaichinh.vn>

2. Hồng Trà, “*Chính phủ kiến tạo*” tại Việt Nam qua định nghĩa của Thủ tướng. <http://vneconomy.vn>.

rõ ràng có những quan điểm tương đồng, có sự kế thừa trong quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Năm 1946, khi Chính phủ mới ra mắt trước quốc dân đồng bào, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố trước quốc dân đồng bào, Chính phủ sẽ hành động vì dân, đặt quyền lợi và lợi ích của dân lên trên hết, Chính phủ phải dựa vào dân. Vì vậy, trong quá trình lãnh đạo, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn yêu cầu đội ngũ cán bộ, đảng viên phải luôn tận tụy hết lòng phục vụ nhân dân, là công bộc của dân.

Trong các hội nghị Trung ương khóa XII, đặc biệt Hội nghị Trung ương 4 đã nhấn mạnh về việc đổi mới và hoàn thiện hệ thống công vụ, bộ máy hành chính hiệu quả và liêm chính, chống tham nhũng, suy thoái, tha hóa trong đội ngũ cán bộ. Những nội dung này được đa số đại biểu tán thành, ủng hộ cao vì hiện nay tất cả người dân Việt Nam luôn mong muốn có một Chính phủ hiệu quả, đổi mới mạnh mẽ, tạo bước đột phá để đất nước phát triển.

2.2. Thành tựu bước đầu trong xây dựng “Chính phủ kiến tạo”

Để xây dựng thành công Chính phủ kiến tạo có rất nhiều nội dung, nhiều công việc phải làm. Trọng tâm của Chính phủ kiến tạo là phải biết chủ động thiết kế chính sách, xây dựng chính sách phù hợp, đáp ứng tốt tình hình phát triển của đất nước và thế giới. Xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi cho các nhà đầu tư, cho doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng y tế, giáo dục với mục tiêu cao nhất là phục vụ nhân dân hiệu quả hơn. Đó còn là một Chính phủ năng động, nói đi đôi với làm, gần dân, sát dân, đề cao trách nhiệm cá nhân lấy sự công hiến, phục vụ lợi ích quốc gia, dân tộc làm đầu.

2.2.1. Chính phủ kiến tạo trong phát triển kinh tế

Ngay đầu nhiệm kỳ này, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc và nhiều thành viên Chính phủ đã nhấn mạnh thông điệp về Chính phủ kiến tạo: “Đó phải là một Chính phủ chủ động thiết kế ra một hệ thống pháp luật tốt, những chính sách tốt, thể chế tốt để nuôi dưỡng nền kinh tế phát triển, chứ không phải bị động đối phó với những diễn biến trên thực tế; nhà nước không làm thay thị trường, những khu vực nào thị trường có thể làm được, doanh nghiệp tư nhân có thể làm được thì nhà nước không can thiệp, thay vào đó là tạo điều kiện cho các doanh nghiệp làm. Nhà nước sẽ chỉ đầu tư vào những khu vực doanh nghiệp tư nhân không thể đầu tư...”¹. Đây là một thông điệp thể hiện rất rõ sự đổi mới trong hoạt động của Chính phủ để xây dựng một Chính phủ chủ động trong mọi hoạt động.

Tại Diễn đàn Kinh tế Đối ngoại 2016 - Vietnam Summit diễn ra tại Thành phố Hồ Chí Minh, Phó Thủ tướng Phạm Bình Minh khẳng định, kiến tạo là Chính phủ đưa ra chính sách và chính sách đó phải tạo thuận lợi để doanh nghiệp, người dân phát huy hết khả năng của mình. Chính sách đó tạo môi trường thuận lợi cho mọi thành phần trong đất nước tham gia kinh tế, tạo sân chơi chung, bình đẳng: “Kiến tạo là Chính phủ tạo điều kiện chứ không phải Chính phủ đi vào điều hành quản lý các lĩnh vực cụ thể. Chính phủ sẽ minh bạch trong chính sách của mình để người dân thấy chính sách đó là áp dụng chung và không có cơ chế xin - cho”². Sau đó, Chính phủ đã tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt

1. ThS. Phạm Thị Minh Thủy, *Giải pháp xây dựng Chính phủ kiến tạo*. <http://tcnn.vn>.

2. Công Quang, *Phó Thủ tướng Phạm Bình Minh: “Chính phủ kiến tạo là không có cơ chế xin - cho”*. <https://dantri.com.vn>.

các nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, khuyến khích đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp theo tinh thần quyết tâm xây dựng chính phủ kiến tạo, phát triển, liêm chính, hành động phục vụ người dân và doanh nghiệp. Trên tinh thần đó, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 19-2017-NQ/CP ngày 6/2/2017 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020 và 9 nghị quyết về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân.

2.2.2. Chính phủ kiến tạo và phòng chống tham nhũng

Trong báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng năm 2018 của Chính phủ cho chúng ta thấy: tham nhũng đang từng bước được kiềm chế, ngăn chặn, đẩy lùi và có chiều hướng thuyên giảm, góp phần quan trọng giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, củng cố niềm tin của nhân dân, tạo hiệu ứng tích cực, lan tỏa mạnh mẽ trong xã hội. Cụ thể, năm 2018, qua thanh tra, kiểm toán đã kiến nghị thu hồi, xử lý tài chính gần 108.000 tỷ đồng, hơn 1.000 ha đất; kiến nghị xử lý trách nhiệm đối với 2.080 tập thể và nhiều cá nhân; chuyển cơ quan điều tra xử lý 101 vụ, 151 đối tượng. Đặc biệt, các cơ quan tố tụng khẩn trương điều tra, truy tố, đưa ra xét xử 10 đại án được dư luận xã hội đặc biệt quan tâm; đồng thời, mở rộng điều tra, khởi tố mới 28 vụ án. 10 đại án gồm: Vụ án “Tham ô tài sản, cố ý làm trái quy định của nhà nước...” xảy ra tại Tổng công ty xây lắp dầu khí Việt Nam; Vụ án “Tham ô tài sản” xảy ra tại Công ty cổ phần Bất động sản điện lực dầu khí Việt Nam (PVP Land); Vụ án xảy ra tại Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN) liên quan việc góp vốn 800 tỷ đồng của PVN vào Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Dương (Oceanbank); Vụ án “Cố ý làm lộ bí mật Nhà nước” xảy ra tại thành phố Đà Nẵng và một số địa phương; Vụ án “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, Lạm quyền trong khi thi hành công vụ, Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” xảy ra tại Công ty cổ phần phát triển, đầu tư Thái Sơn, Bộ Quốc phòng; Vụ án “Tổ chức đánh bạc; Đánh bạc...” xảy ra ở Phú Thọ và một số địa phương; Vụ án “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” xảy ra tại Ngân hàng Xây dựng (giai đoạn II vụ án Phạm Công Danh và đồng phạm); Vụ án “Cố ý làm trái gây hậu quả nghiêm trọng, Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” liên quan đến hành vi của Hứa Thị Phấn; Vụ Huỳnh Thị Huyền Như và đồng phạm (phần bản án phúc thẩm hủy để điều tra, xét xử lại); Vụ án “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản, Cố ý làm trái...” xảy ra tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á (DAB)¹.

Những kết quả đã đạt được, trước hết là nhờ sự quan tâm lãnh đạo chỉ đạo của Đảng, cùng với sự vào cuộc của Chính phủ, các tổ chức chính trị - xã hội nhất là sự đồng tình, ủng hộ, khích lệ của nhân dân, sự chủ động vào cuộc rất tích cực của báo chí đã tạo sức mạnh tổng hợp trong phòng chống tham nhũng, đó chính là sự chỉ đạo quyết liệt, phối hợp nhịp nhàng, công khai, minh bạch, không khoan nhượng với tham nhũng. Vì vậy, tham nhũng được ngăn chặn, từng bước được đẩy lùi, để lại dấu ấn tốt đẹp, củng cố thêm niềm tin của người dân vào Đảng và Nhà nước.

1. *Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Năm 2019 phải đạt kết quả tốt hơn năm 2018.* <http://www.thanhtra.gov.vn>

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác phòng chống tham nhũng vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, cần được chú trọng xem xét, giải quyết quyết liệt hơn trong thời gian tới. Mong rằng khi Luật Phòng chống tham nhũng 2018 có hiệu lực với những quy định mới sẽ tạo ra bước đột phá cho công cuộc phòng chống tham nhũng ở nước ta.

2.2.3. Chính phủ kiến tạo và những vấn đề xã hội khác

Không chỉ chỉ đạo quyết liệt trong lĩnh vực kinh tế, chính trị, trong phòng chống tham nhũng mà những lĩnh vực xã hội khác Chính phủ cũng đã chỉ đạo rất mạnh mẽ. Thời gian qua, về điểm nóng BOT Cai Lậy đã thu hút sự quan tâm đặc biệt của dư luận, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã chỉ đạo và nhấn mạnh: có những vấn đề đúng pháp luật, đúng quy trình nhưng không phù hợp thực tiễn, không hợp lòng dân thì chúng ta vẫn phải nghiêm túc lắng nghe, cầu thị tiếp thu để sửa chữa¹. Có thể nói, đây chính là quan điểm nền tảng, là tinh thần làm việc của “Chính phủ kiến tạo”, đã đưa ra giải pháp xử lý những vấn đề như BOT Cai Lậy một cách hiệu quả, hợp lòng dân, tạo được bước đột phá trong việc xử lý điểm nóng.

Ngày 18 tháng 11 năm 2018, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc thay mặt Chính phủ báo cáo, giải trình về một số vấn đề mà nhiều đại biểu quốc hội và đồng bào cử tri cả nước quan tâm là hiệu quả của các dự án BOT giao thông. Chính phủ đã nhìn nhận những mặt còn hạn chế: việc triển khai còn nhiều bất cập, chông chéo, ồ ạt, thiếu giám sát, thiếu kiểm tra và có nhiều sai phạm đang được xử lý. Thời gian tới, các cơ quan chức năng cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật về thực hiện các dự án BOT giao thông; tăng cường kiểm soát mức đầu tư, thời gian thu phí, mức phí; tổ chức đấu thầu công khai, rộng rãi để thu hút nhiều nguồn lực tham gia².

Như vậy, Chính phủ đã nhìn nhận thẳng thắn, thừa nhận những hạn chế trước nhân dân, trước doanh nghiệp và đưa ra được giải pháp để giải quyết các điểm BOT khác trên cả nước không chỉ riêng đối với vấn đề BOT Cai Lậy.

Khi Dịch tả lợn châu Phi đang lan rộng và ảnh hưởng đến đời sống của người dân nhất là người chăn nuôi, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 42/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc triển khai một số giải pháp cấp bách trong phòng, chống bệnh dịch tả lợn châu Phi theo tinh thần chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng tại Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 20/5/2019. Nghị quyết nêu rõ: “Ngay khi có thông tin về bệnh dịch tả lợn châu Phi xuất hiện tại các nước láng giềng vào tháng 8/2018, Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã đặc biệt quan tâm, chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương quyết liệt triển khai nhiều giải pháp, phòng chống dịch bệnh. Tuy nhiên, chính phủ cũng thừa nhận những tồn tại, bất cập trong công tác phòng, chống bệnh dịch tả lợn châu Phi thời gian qua đã ảnh hưởng đến hiệu quả công tác phòng, chống bệnh dịch như: Chưa huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc; cấp ủy, chính quyền ở một số địa phương chưa thực sự quan tâm, chỉ đạo sát sao; Tổ chức xử lý tiêu hủy lợn bệnh chưa kịp thời, không bảo đảm yêu cầu, làm lây lan dịch bệnh, gây ô nhiễm môi trường và gây bức xúc cho cộng đồng; Việc bố trí nguồn

1. *Điểm nóng BOT Cai Lậy và Chính phủ kiến tạo.* <https://tuoitre.vn>.

2. *Quyết liệt xây dựng Chính phủ kiến tạo, điều hành kinh tế đất nước phát triển bền vững.* <https://nhandan.com.vn>.

lực cho công tác phòng, chống dịch chưa kịp thời, thiếu nhất quán; hiện tượng trục lợi chính sách hỗ trợ tiêu hủy lợn xảy ra ở một số nơi.

Và để hạn chế khó khăn, chính sách hỗ trợ người chăn nuôi, hộ nông dân, chủ trang trại, doanh nghiệp có lợn buộc phải tiêu hủy do bệnh dịch tả lợn châu Phi, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 793/QĐ-TTg Ngày 27 tháng 6 năm 2019 về cơ chế, chính sách, đối tượng hỗ trợ và mức hỗ trợ kinh phí trong phòng, chống bệnh dịch tả lợn châu Phi. Quyết định đã ghi mức hỗ trợ cụ thể cho từng đối tượng và giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức hỗ trợ kinh phí trong phòng chống bệnh dịch tả lợn châu Phi tại địa phương mình quản lý. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì, phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cơ quan liên quan tổ chức giám sát việc thực hiện hỗ trợ kinh phí trong phòng, chống bệnh dịch tả lợn châu Phi.

Trong 60 năm qua, Đảng, Nhà nước và nhân dân đã đoàn kết thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã nhận thức sâu sắc những điều Người dặn dò, gửi gắm trong việc thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên là vấn đề then chốt và vô cùng hệ trọng đối với sự nghiệp cách mạng và vận mệnh của dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, để làm được điều đó cần phải có thời gian, có sự đổi mới mạnh mẽ, quyết liệt, đột phá hơn nữa về tư duy, đặc biệt là tư duy lý luận và cần sự chủ động trong hành động, sự đồng hành mạnh mẽ của các nhà lãnh đạo Đảng, Quốc hội, tổ chức chính trị - xã hội, các bộ, ngành, địa phương. Chính phủ với sự ủng hộ của toàn hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân, đã đạt được kết quả bước đầu trong xây dựng “Chính phủ kiến tạo” tuy vẫn còn nhiều thách thức, khó khăn ở phía trước nhưng chúng ta vững niềm tin chắc chắn Chính phủ kiến tạo, liêm chính, hành động và phục vụ đang thực hành dân chủ theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời gian tới sẽ đưa đất nước ta phát triển lên một tầm cao mới./.

DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA LỢI ÍCH GIAI CẤP VÀ LỢI ÍCH DÂN TỘC GIAI ĐOẠN 1930 – 1945 Ở NƯỚC TA

*ThS. Trần Văn Vĩ**

Lợi ích là khái niệm nói lên thuộc tính bản chất có ý nghĩa khách quan, cần thiết cho cá nhân, gia đình, tập thể, giai cấp, dân tộc, xã hội nói chung.

Lợi ích giai cấp là lợi ích của những tập đoàn người khác nhau trong xã hội và do địa vị kinh tế - xã hội của họ quy định; là những nhu cầu khách quan cho sự ra đời, tồn tại và phát triển của tập đoàn người trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Trong xã hội có giai cấp đối kháng, lợi ích giữa các giai cấp đối kháng ngày càng mâu thuẫn gay gắt với nhau và là nguồn gốc chủ yếu của đấu tranh giai cấp.

Lợi ích dân tộc là lợi ích của cộng đồng người với một trình độ phát triển nhất định (nhóm, thị tộc, bộ lạc, bộ tộc, dân tộc) do giai cấp thống trị trong xã hội đó đại diện.

- Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ biện chứng giữa lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc

Việc giải quyết vấn đề giai cấp có ý nghĩa quyết định đối với việc giải quyết vấn đề dân tộc, việc giải quyết vấn đề dân tộc phải xuất phát từ lập trường giai cấp. Quan điểm nền tảng của chủ nghĩa Mác là: lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp thống nhất với nhau nếu giai cấp đại diện cho lợi ích toàn dân tộc. Ngược lại, nếu lợi ích giai cấp thống trị đi ngược lại lợi ích của đông đảo nhân dân, thì cuộc đấu tranh tất yếu diễn ra nhằm giải quyết mâu thuẫn ấy. Bất kỳ giai cấp thống trị nào cũng đứng trước hai lợi ích – lợi ích của giai cấp và lợi ích của dân tộc.

Tiếp tục phát triển các luận điểm nền tảng của chủ nghĩa Mác, V.I.Lênin phân tích mối quan hệ này trong điều kiện của chủ nghĩa đế quốc, cách mạng vô sản và phong trào giải phóng dân tộc. Theo V.I.Lênin, cần phải giải quyết mối quan hệ giữa lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp trong mỗi nước, tiếp đó tạo nên một phong trào quốc tế rộng lớn, thủ tiêu các thế lực phản động, từng bước thực hiện quá trình cách mạng hóa trong phạm vi khu vực và toàn thế giới. V.I.Lênin dành sự quan tâm đặc biệt đến vấn đề lợi ích dân tộc, nhất là lợi ích chính trị.

Đối với chủ nghĩa Mác, mối quan hệ giữa lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc chỉ có thể được giải quyết từ cơ sở thực tiễn của tiến trình lịch sử - xã hội. Giải quyết lợi ích dân tộc chỉ được thực hiện một cách trọn vẹn nếu giai cấp đại diện cho lợi ích dân tộc được trao cho sứ mệnh lịch sử liên kết các lợi ích chính đáng, đảm bảo sự tồn tại và phát triển của dân tộc. Giai cấp đó trong thời đại ngày nay là giai cấp công nhân, liên minh với các giai cấp và tầng lớp tiến bộ khác, trong đó có nông dân và trí thức.

* Trường Cao đẳng Xây dựng TP.HCM

Xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về vị trí, vai trò của giai cấp vô sản và sứ mệnh lịch sử giải phóng nhân loại của họ, Hồ Chí Minh cho rằng việc bảo vệ lợi ích dân tộc trong quan hệ với lợi ích giai cấp, phải dựa trên cơ sở lịch sử - cụ thể.

Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề dân tộc theo quan điểm giai cấp, nhưng đồng thời đặt vấn đề giai cấp trong vấn đề dân tộc. Giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân là điều kiện để giải phóng giai cấp. Vì thế, lợi ích của giai cấp phải phục tùng lợi ích của dân tộc.

Như vậy, trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, khi nhiệm vụ dân tộc được giải quyết triệt để thì nhiệm vụ dân chủ cũng từng bước được hoàn thành. Đồng thời, việc thực hiện đúng đắn các nhiệm vụ dân chủ theo lập trường của giai cấp vô sản cũng là một cơ sở quan trọng bảo đảm thắng lợi hoàn toàn và triệt để nhiệm vụ dân tộc.

- *Biện chứng giữa lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc giai đoạn 1930 – 1945 ở nước ta*
+ *Đề cao lợi ích dân tộc*

Việt Nam trước năm 1945 là một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, tồn tại rất nhiều mâu thuẫn; trong đó, mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giai cấp phản ánh rõ nét tính chất của xã hội Việt Nam thời bấy giờ. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời trong bối cảnh hai mâu thuẫn này ngày càng trở nên gay gắt, đòi hỏi phải được giải quyết. Sứ mệnh lịch sử mà dân tộc, nhân dân đặt lên vai những người cộng sản là phải tìm ra con đường giành lại độc lập cho dân tộc, lấy lại ruộng đất cho nông dân, đem lại cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Vận dụng linh hoạt lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, trong từng thời kỳ, Đảng đã đưa ra chủ trương và biện pháp phù hợp, giải quyết có hiệu quả mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Việt Nam giai đoạn 1930 – 1945.

Ngay từ khi ra đời, trong *Cương lĩnh chính trị* đầu tiên, Đảng đã xác định: “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Làm tư sản dân quyền cách mạng để giành độc lập cho dân tộc và thổ địa cách mạng đem lại ruộng đất cho dân cày, thực hiện hai nhiệm vụ đó là điều kiện căn bản để giải quyết những mâu thuẫn còn lại, mở đường cho đất nước đi lên chủ nghĩa cộng sản. Muốn đi lên chủ nghĩa xã hội thì trước hết phải giành được độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho nông dân. Muốn giành độc lập dân tộc, trước hết phải đánh đổ thực dân Pháp cướp nước và tay sai của chúng.

Đảng ra đời cùng với *Cương lĩnh* cách mạng đầu tiên, đã xác định những vấn đề cơ bản, mang tính chiến lược của cách mạng Việt Nam, vạch ra phương hướng vận động và biện pháp để đạt được mục đích cuối cùng. Tuy nhiên, để lãnh đạo cách mạng thắng lợi, Đảng phải cụ thể hóa *Cương lĩnh* cho phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của từng giai đoạn.

Thực hiện nhiệm vụ đó, tháng 10/1930, Ban chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng họp *Hội nghị lần thứ nhất*, đánh giá tình hình phát triển các mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Đông Dương giai đoạn đầu làm tư sản dân quyền cách mạng với hai nhiệm vụ là đem lại ruộng đất cho dân cày và giành độc lập cho dân tộc, sau đó chuyển lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hội nghị Trung ương tháng 10 cũng khẳng định mâu thuẫn nổi lên hàng đầu lúc này là mâu thuẫn giai cấp, xem “vấn đề thổ địa là cái cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền”¹.

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.2, tr.97.

Nhìn chung, Hội nghị tháng 10 và *Luận cương* của Đảng đã đề cao và nhấn mạnh vấn đề giai cấp so với vấn đề dân tộc, vì vậy đã cực đoan trong việc nhìn nhận vị trí, vai trò của các giai cấp trong cách mạng Đông Dương. Nguyên nhân của hạn chế trên là do Trần Phú không nắm rõ tình hình thực tế ở Đông Dương, vận dụng máy móc mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong cách mạng thuộc địa, đồng thời chịu ảnh hưởng tư tưởng “tả khuynh” của Quốc tế cộng sản thời kỳ này.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng từ 1930 trở đi, Đảng đã phát hiện và từng bước khắc phục những điểm hạn chế của *Luận cương*, đồng thời có những điều chỉnh cụ thể cho phù hợp với yêu cầu của cách mạng từng thời kỳ.

Thời kỳ 1936 – 1939, Đảng có sự điều chỉnh trong nhận thức về chủ trương và biện pháp giải quyết mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Đông Dương. Thời kỳ này, Đảng đã nhìn nhận lại mối quan hệ giữa vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc, đã nâng vấn đề dân tộc lên ngang vấn đề giai cấp, thậm chí là hướng cuộc đấu tranh giai cấp vào phục vụ cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc bằng mục tiêu trước mắt đòi dân chủ, dân sinh.

Bước sang năm 1939, nhất là từ khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (9/1939), tình hình Đông Dương chuyển biến một cách nhanh chóng, theo hướng bất lợi cho cách mạng. Nhận thấy điều kiện cho cuộc đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình không còn nữa, Đảng đã nhanh chóng rút vào hoạt động bí mật, chấm dứt thời kỳ đấu tranh dân chủ, chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng cho phù hợp với hoàn cảnh mới.

Trước sự biến đổi nhanh chóng của tình hình, Đảng đã họp *Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 6* (11/1939) và quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng, nhằm định hướng cho hoạt động đấu tranh của quần chúng nhân dân phù hợp với hoàn cảnh mới. Căn cứ vào tình hình cụ thể ở Đông Dương, Đảng nhấn mạnh: “Cách mệnh phản đế và điền địa là hai cái cốt của cách mệnh tư sản dân quyền. Không giải quyết được cách mệnh điền địa thì không giải quyết được cách mệnh phản đế. Trái lại, không giải quyết được cách mệnh phản đế thì không giải quyết được cách mệnh điền địa – cái nguyên tắc chính ấy không bao giờ thay đổi được, nhưng nó phải ứng dụng một cách khôn khéo thế nào để thực hiện được nhiệm vụ chính cốt của cách mệnh là đánh đổ đế quốc”¹.

Như vậy, Đảng xác định mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Đông Dương với đế quốc Pháp xâm lược là mâu thuẫn nổi lên hàng đầu, ngày càng gay gắt và đánh Pháp và tay sai, giành độc lập dân tộc là nhiệm vụ quan trọng nhất lúc này. Vì thế, cần phải tập trung mọi lực lượng vào việc giải quyết hiệu quả vấn đề dân tộc. Đảng đã quyết định thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất Phản đế Đông Dương, nhằm tập hợp mọi giai cấp, tầng lớp, đảng phái có tinh thần chống Pháp.

Tháng 9/1940, Nhật vào Đông Dương, thực dân Pháp ở đây hèn nhát đầu hàng và dâng Đông Dương cho Nhật. Từ đó, hai tên đế quốc Pháp – Nhật thi nhau xâu xé Đông Dương. Nhân dân Đông Dương sống trong cảnh “một cỏ hai tròng” bị bóc lột nặng nề bởi cả Pháp và Nhật. Trước yêu cầu mới của lịch sử “Đảng phải chuẩn bị để giành lấy cái sứ

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.6, tr.38-539.

mệnh thiêng liêng: lãnh đạo các dân tộc bị áp bức Đông Dương võ trang bạo động giành lấy quyền tự do, độc lập”¹.

Để thực hiện sứ mệnh đó, Ban chấp hành *Trung ương họp Hội nghị lần thứ 7* (11/1940), quyết định những vấn đề trọng đại của cách mạng Việt Nam. Nhất trí với nhận định: mâu thuẫn dân tộc là chủ yếu và chủ trương giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của Hội nghị Trung ương 6, Hội nghị Trung ương 7 xác định vấn đề dân tộc giải phóng, vấn đề dân tộc độc lập đã thành vấn đề thực tại và gắt gao. Muốn giải phóng cho các dân tộc Đông Dương, phải loại bỏ hai kẻ thù của nhân dân Đông Dương lúc này là Pháp và Nhật. Nhưng cả hai kẻ thù đều rất mạnh, do đó cần tăng cường hơn nữa Mặt trận dân tộc thống nhất để tập hợp, đoàn kết mọi lực lượng có tinh thần chống Pháp – Nhật, chĩa mũi nhọn đấu tranh vào chúng.

Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, nhất là từ khi nước Pháp bị phát xít Đức chiếm đóng. Trước diễn biến mau lẹ của tình hình, nhận thấy điều kiện thuận lợi cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đã đến, đầu năm 1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc quyết định về nước cùng với Đảng Cộng sản Đông Dương trực tiếp lãnh đạo cách mạng.

Tháng 5/1941, Người đã triệu tập *Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 8*, định ra quyết sách cho cách mạng Việt Nam trong tình hình mới. Hội nghị khẳng định: lúc này mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Đông Dương với đế quốc Pháp – Nhật là mâu thuẫn nổi lên hàng đầu và ngày càng gay gắt, đe dọa sự sống còn của các dân tộc Đông Dương. Đảng nhấn mạnh: “Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể quốc gia dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi được”².

Có thể nói, Hội nghị Trung ương 8 là sự thể hiện ý chí, quyết tâm cao của toàn Đảng, toàn dân trong thực hiện nhiệm vụ giải phóng các dân tộc Đông Dương khỏi xiềng xích nô lệ của đế quốc Pháp – Nhật. Để thực hiện được mục tiêu này, Đảng đã quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh – lấy mục tiêu độc lập dân tộc làm điểm quy tụ để tập hợp, thống nhất lực lượng dân tộc dưới ngọn cờ chủ nghĩa yêu nước.

Từ năm 1944 trở đi, Chiến tranh thế giới thứ hai chuyển biến theo hướng có lợi cho cách mạng, quân đồng minh và các lực lượng dân chủ thế giới đã từng bước giành ưu thế trên chiến trường. Để có đủ lực lượng cho nhiệm vụ giải phóng dân tộc khi thời cơ đến, bên cạnh việc củng cố lực lượng chính trị cho Mặt trận Việt Minh, Đảng đẩy mạnh xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang và lập các căn cứ cách mạng.

Quan sát sự hợp tác của Pháp – Nhật bấy lâu, Đảng nhận định: trước sau gì chúng cũng cắn xé nhau và đó là điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta. Đúng như dự đoán của Đảng, ngày 9/3/1945 Nhật nổ súng hất cẳng Pháp trên toàn cõi Đông Dương, quân Pháp chống cự yếu ớt và đầu hàng nhanh chóng.

Nắm chắc và dự đoán chính xác mọi diễn biến ở Đông Dương, ngay khi Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945), Tổng bí thư Trường Chinh đã triệu tập *Hội nghị Ban thường vụ*

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.7, tr.58.

2. ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.7, tr.113.

Trung ương Đảng mở rộng tại Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh và ra Chỉ thị “*Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*”. Chỉ thị vạch ra những biểu hiện của cuộc khủng hoảng chính trị do cuộc đảo chính của Nhật gây ra.

Dự đoán chắc chắn quân đồng minh sẽ vào Đông Dương đánh Nhật, đó là cơ hội tốt cho nhân dân ta nổi dậy giành chính quyền, nhưng muốn tận dụng tối đa thời cơ thuận lợi đó, cần phải có một lực lượng bên trong đủ mạnh để tham gia chiến đấu cùng quân đồng minh. Ngày 15/04/1945, *Hội nghị quân sự Bắc kỳ* đã họp dưới sự chủ trì của Tổng bí thư Trường Chinh, để bàn việc phát triển lực lượng vũ trang cách mạng, hỗ trợ cho quân chúng đấu tranh. Trước tình thế nước sôi lửa bỏng của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc đang tới gần, Đảng quyết định đặt nhiệm vụ quân sự lên trên hết, khẩn trương phát triển chiến tranh du kích, xây dựng các khu căn cứ kháng Nhật ở vùng rừng núi và trung du. Thực hiện chỉ thị của Hội nghị quân sự Bắc kỳ, ngày 15/05/1945, *Việt Nam giải phóng quân* được thành lập trên cơ sở hợp nhất Việt Nam Cứu quốc quân và Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.

Từ tháng 5/1945 trở đi, việc nắm bắt thời cơ, sẵn sàng bước vào tổng khởi nghĩa giành chính quyền được tính từng ngày, từng giờ, nhất là sau khi phát xít Đức bị tiêu diệt hoàn toàn ở châu Âu, đồng minh dồn lực lượng sang Mặt trận châu Á – Thái Bình Dương đánh Nhật.

Điều kiện khách quan cho cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền của nhân dân ta trực tiếp xuất hiện khi phát xít Nhật đầu hàng đồng minh. Quân Nhật ở Đông Dương như rắn mất đầu, hoang mang đến cực độ, chính quyền tay sai thân Nhật nhanh chóng tan rã vì mất chỗ dựa. Như vậy, thời cơ cho nhân dân ta nổi dậy giành chính quyền chỉ trong khoảng thời gian tương đối ngắn: sau khi Nhật đầu hàng và trước khi quân đồng minh vào Đông Dương.

Tận dụng thời cơ “ngàn năm có một”, thực hiện quyết tâm “dù có đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng quyết giành cho được độc lập”, với tất cả lực lượng đã được chuẩn bị sẵn sàng, ngay khi nhận được tin Nhật đầu hàng đồng minh, Đảng đã triệu tập *Hội nghị toàn quốc*, phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước trước khi quân đồng minh vào Đông Dương.

Một ngày sau khi *Hội nghị toàn quốc* của Đảng bế mạc, *Đại hội quốc dân* cũng họp tại Tân Trào, thông qua quyết định phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Ngày 2/9/1945, tại cuộc mít tinh lớn ở Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh trịnh trọng đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, tuyên bố với quốc dân đồng bào, với toàn thể thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Như vậy, vấn đề lợi ích dân tộc mà thực chất là giải quyết mục tiêu độc lập dân tộc đã đạt được.

+ *Chú trọng lợi ích giai cấp trong mối quan hệ với lợi ích dân tộc*

Các cuộc vận động yêu nước, chống Pháp cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đều được dẫn dắt bởi ý thức hệ phong kiến và tư sản. Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam vẫn chủ yếu dừng lại ở chủ nghĩa yêu nước truyền thống. Đến Hồ Chí Minh, vấn đề dân tộc và giải phóng dân tộc được tiến hành dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin, giành độc lập dân tộc để tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp được đặt ra.

Ở các nước thuộc địa, nông dân là lực lượng đông đảo nhất. Thực dân Pháp thống trị

và bóc lột nông dân. Nông dân là nạn nhân chính của các chính sách khai thác thuộc địa, bóc lột tô thuế và cướp đoạt ruộng đất, nhưng họ luôn đặt yêu cầu độc lập dân tộc cao hơn so với yêu cầu ruộng đất. Cùng với nông dân, tất cả các giai cấp và tầng lớp khác nhau đều có nguyện vọng chung là “cứu giống nòi” ra khỏi cảnh “nước sôi lửa bỏng”. Việc cứu nước là việc chung của cả dân tộc bị áp bức.

Từ một xã hội phong kiến chuyển sang xã hội thuộc địa nửa phong kiến, mối quan hệ và sự đối kháng giai cấp trong xã hội Việt Nam dưới ách thống trị của thực dân Pháp ngày càng trở nên phức tạp và đa dạng. Nhưng nổi lên trên hết vẫn là mối quan hệ giữa địa chủ và nông dân. Con đường cứu nước của giai cấp công nhân Việt Nam đã trở thành sức mạnh hiện thực, trước hết vì nó đáp ứng được nguyện vọng và yêu cầu bức thiết về ruộng đất của 90% dân số của dân tộc là nông dân.

Thực chất của vấn đề giải phóng dân tộc ở một nước thuộc địa nửa phong kiến như nước ta là vấn đề nông dân, chính là được hiểu theo ý nghĩa như vậy. Giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp, đánh đổ đế quốc gắn liền với đánh đổ phong kiến, độc lập dân tộc gắn liền với người cày có ruộng.

Vấn đề dân tộc và giai cấp luôn luôn gắn bó và tác động lẫn nhau. Nhưng thực tiễn lịch sử đã chứng minh không thể đặt ngang nhau. Quyền lợi dân tộc bao giờ cũng cao hơn quyền lợi giai cấp. Giai cấp tiên phong, tức giai cấp công nhân, với bản chất và đặc điểm của mình, đã trở thành đại diện cho quyền lợi và sự phát triển của dân tộc và nó cũng chỉ trở thành lãnh tụ của dân tộc khi nó đại diện cho quyền lợi và sự phát triển đó. Vì vậy, trong khi giải quyết mối quan hệ giữa quyền lợi dân tộc và quyền lợi giai cấp nó phải luôn luôn lấy lợi ích của dân tộc làm trọng.

Cần phải hiểu và nhấn mạnh không phải chỉ có quyền lợi dân tộc gắn liền với quyền lợi của giai cấp tiên phong, mà ngược lại, chính quyền lợi của giai cấp tiên phong cũng luôn luôn gắn liền với quyền lợi chung của dân tộc.

Thành công lớn nhất của Đảng ta về đường lối chỉ đạo cách mạng trong thời kỳ 1939 – 1945, mở đầu là *Hội nghị Trung ương lần thứ sáu* (11/1939) và hoàn chỉnh ở *Hội nghị Trung ương lần thứ tám* (5/1941) – là nhận thức đầy đủ được vấn đề dân tộc, để giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, và do đó phát huy được cao độ truyền thống quý báu nói trên của nhân dân ta.

Trong thực tiễn cách mạng Việt Nam, chưa bao giờ nhiệm vụ dân chủ có ý nghĩa ngang với nhiệm vụ dân tộc. Trong *Chính cương vắn tắt* và *Sách lược vắn tắt* của Đảng khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam “là đội tiên phong của vô sản giai cấp”. Đảng chủ trương tiến hành “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Nhiệm vụ của cách mạng là đánh đổ đế quốc Pháp và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc, thành lập chính phủ công nông binh. Chính phủ đó sẽ tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc phong kiến để chia cho nông dân nghèo, quốc hữu hóa các sản nghiệp, mở mang phát triển công nông nghiệp, thực hiện các quyền tự do dân chủ, quyền bình đẳng nam nữ, thi hành luật ngày làm 8 giờ. Trong *Chương trình tóm tắt* của Đảng cũng nhấn mạnh: “Không bao giờ Đảng lại hy sinh quyền lợi của giai cấp công nhân và nông dân cho một giai cấp nào khác”, nhưng đồng thời Đảng phải “lôi kéo tiểu tư sản, trí thức và trung nông”, phải “tập hợp hoặc lôi kéo phú nông, tư sản và tư bản bậc trung, đánh đổ các đảng phái phản

cách mạng”. Rất tiếc, những tư tưởng đó đã không được chú ý thỏa đáng trong bản *Luận cương chính trị* tháng 10/1930 của Đảng. Đánh giá và nhận định về các giai cấp khác ngoài công nông nêu trong bản Luận cương này là một bước thụt lùi so với *Sách lược vắn tắt* và *Chương trình tóm tắt* của Đảng.

Ngày 6/11/1939, *Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng* được triệu tập tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định). Hội nghị do Tổng bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì. Đề tập trung mọi lực lượng của dân tộc vào nhiệm vụ chủ yếu là chống chiến tranh đế quốc và ách thống trị phát xít thuộc địa, Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương thành lập *Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương* thay cho Mặt trận dân chủ không còn phù hợp trong tình hình và nhiệm vụ mới. Hội nghị nhấn mạnh hai nhân tố cơ bản của Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương: công nông là lực lượng chính và giai cấp công nhân lãnh đạo, “sự đồng minh chặt chẽ của công nông là vấn đề sống chết của cách mệnh”, “trong cuộc cách mệnh giải phóng dân tộc, giai cấp vô sản giành quyền lãnh đạo thì vấn đề điền địa mới giải quyết được một cách đúng đắn và thích hợp..., mà vấn đề điền địa có giải quyết được rành mạch thỏa đáng và hợp thời thì cuộc cách mệnh phản đế mới thắng lợi”¹.

Tháng 5 năm 1941, trước những thay đổi mạnh mẽ của tình hình trong nước và những biến động to lớn của tình hình thế giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã triệu tập và chủ trì *Hội nghị Trung ương lần thứ tám* của Đảng ở Khuổi Nậm, Pác Bó, Cao Bằng, quyết định sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng – khẳng định giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam. Để thực hiện mục tiêu đó, Hội nghị đã quyết định thành lập *Việt Nam độc lập đồng minh* (gọi tắt là Việt Minh) nhằm tập hợp và đoàn kết rộng rãi các giai cấp, các dân tộc, tôn giáo, các giới... tham gia Mặt trận. Ngày 25/10/1941, Tổng bộ Việt Minh công bố *Tuyên ngôn, Chương trình* và *Điều lệ* và xác định cụ thể chương trình cứu nước. Chương trình này cốt thực hiện hai điều mà toàn thể đồng bào mong ước: *một là*, làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập; *hai là*, làm cho dân Việt Nam được sung sướng tự do.

Chương trình Việt Minh vừa bảo đảm quyền lợi nhất định của quần chúng cơ bản, nòng cốt của mặt trận đoàn kết, vừa chiếu cố thích đáng tới quyền lợi của các tầng lớp, giai cấp khác trong xã hội, vừa bảo đảm được quyền lợi chung của tất cả các thành viên tham gia vào phong trào giải phóng, vừa chú ý tới đặc điểm và quyền lợi của các thành phần xã hội cụ thể khác nhau.

Cách mạng tháng Tám thắng lợi, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Đảng hết sức quan tâm giải quyết quyền lợi của nông dân và nhân dân lao động khi có điều kiện. Sau Cách mạng tháng Tám, căn cứ vào chủ trương của Chính phủ lâm thời, ngày 20/11/1945, Ủy ban nhân dân Bắc Bộ đã ra Thông tư giảm tô 25%, vấn đề ruộng đất của nông dân là một nội dung cơ bản của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở nước ta. Ngoài quyền lợi ruộng đất, nhân dân ta nói chung, công – nông và tầng lớp trí thức nói riêng còn được hưởng những quyền lợi khác không kém phần quan trọng. Đó là quyền tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng, tự do tổ chức, tự do hội họp, tự do đi lại trong nước và tự do xuất dương... đã được Đảng ta công bố trong *Chương trình* của Việt Minh (25/11/1941) và ngày càng tạo điều kiện để thực hiện những quyền lợi đó.

1. Đinh Xuân Lâm (Chủ biên): *Đại cương lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005, t.2, tr.344.

Đảng chủ trương khuyến khích và giúp đỡ, tạo điều kiện cho trí thức, văn nghệ sĩ phát triển tài năng bằng việc lập các trường chuyên môn huấn luyện, đào tạo nhân tài của đất nước ngày càng đông đảo. Những kết quả về ruộng đất và việc thực hiện quyền tự do, dân chủ cũng như về cách mạng văn hóa đã làm tăng sự gắn bó giữa công nhân, nông dân và trí thức đối với Đảng, với chế độ mới mà nhân dân ta đang xây dựng.

Ngay sau ngày Quốc khánh, Đảng, Nhà nước và Hồ Chí Minh đã bắt tay ngay vào lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện hàng loạt công việc to lớn, cấp bách để xây dựng chế độ dân chủ cộng hòa ở Việt Nam. Đảng và Hồ Chí Minh cho rằng, mục đích của cách mạng giải phóng dân tộc theo cách mạng vô sản là vừa cứu nước, vừa cứu dân, là kiên quyết giành độc lập để có tự do, có hạnh phúc. Hạnh phúc cho nhân dân là mục đích tối thượng của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Hồ Chí Minh khẳng định “Không có gì quý hơn Độc lập, Tự do”, nhưng cũng chính Người đã tuyên bố: “Nếu nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa gì”. Điều đó còn có ý nghĩa khẳng định thành quả của Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 không chỉ là thắng lợi của phong trào dân tộc mà còn là kết quả của phong trào dân chủ, của cuộc cách mạng dân chủ. Đó cũng là sự khẳng định Đảng và Hồ Chí Minh không chỉ đã giương cao ngọn cờ dân tộc mà còn giương cao ngọn cờ tự do dân chủ trong thời kỳ đấu tranh giành độc lập 1930 – 1945.

Tóm lại, Việt Nam vốn là một nước thuộc địa nửa phong kiến, yêu cầu độc lập dân tộc và dân chủ quyện chặt với nhau và trở thành đòi hỏi bức xúc của cả dân tộc. Sự lựa chọn con đường cứu nước, giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản của Hồ Chí Minh là duy nhất đúng. Kết hợp cả hai sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp để đi đến giải phóng con người. Điều đó tự nó tạo thành định hướng xã hội chủ nghĩa một cách khách quan, kết hợp tự nhiên giữa lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp./.

THỰC HÀNH TƯ TƯỞNG VỀ DÂN CHỦ TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH LÀ ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC HIỆN NAY

*TS. Nguyễn Hữu Vương**

1. Tư tưởng dân chủ trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: "...Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau"¹.

Trong cuộc đời hoạt động của mình, Hồ Chí Minh không chỉ là một nhà yêu nước vĩ đại hay một nhà quốc tế cộng sản lớn, kiệt xuất của thời đại ngày nay mà còn là một nhà dân chủ cách mạng tầm thế giới, nghĩa là mang khát vọng dân chủ và đấu tranh vì dân chủ, nhưng là gắn bó giữa yêu nước, độc lập dân tộc, hòa bình và hữu nghị, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Người đã kết hợp với chủ nghĩa yêu nước, nhân văn của Việt Nam với chủ nghĩa dân chủ, xã hội chủ nghĩa của Mác- Ăngghen- Lênin làm cốt và theo tinh thần biện chứng, thực tiễn, bổ sung, phát triển và ứng dụng vào thực tế nước nhà thực hiện sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

Có thể khái quát những nội dung cơ bản về dân chủ có giá trị lâu dài trong Di chúc:

Một là, Có dân chủ mới có giàu mạnh, công bằng, văn minh, hạnh phúc

Trong hoạt động thực tiễn hay trong tư tưởng lý luận, trong quan điểm đường lối, trong chính sách phát triển, Hồ Chí Minh luôn luôn có ý thức sử dụng phạm trù *dân chủ* gắn liền với các nhiệm vụ và mô hình, thể chế phát triển, thể hiện tinh thần dân chủ pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong những giai đoạn và hình thức phù hợp. Tư tưởng đó thể hiện: cách mạng dân chủ nhân dân, chế độ dân chủ nhân dân, nhà nước dân chủ của dân, do dân và vì dân. Dân chủ là mục tiêu, là động lực cũng là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Hồ Chí Minh luôn đánh giá cao vai trò của dân chủ, vai trò của nhân dân, rằng đó là chìa khóa vạn năng để giải quyết các khó khăn trên con đường phát triển, "dễ mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong".

Hơn nữa với tư cách là nội dung và mục tiêu của quá trình phát triển đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội thì Hồ Chí Minh, trong Di chúc của mình đã nhấn mạnh mong muốn cuối cùng của Người, sau khi đất nước có hòa bình độc lập, thống nhất, thì vấn đề là dân chủ và giàu mạnh. Không có dân chủ và giàu mạnh thì không thể có CNXH. Dân chủ là cốt tử của CNXH, nói CNXH mà thiếu dân chủ (dân làm chủ), hoặc dân chủ chỉ là hình thức, chật hẹp, hay bị xâm phạm thì gần như vô nghĩa.

* *Trường Đại học Văn Hiến*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.622.

Dân chủ là tiên quyết. Không có cách mạng/cải cách dân chủ tư sản thì không có chủ nghĩa tư bản. Hơn thế, nhất là nước ta không có cách mạng/cải cách dân chủ tư sản kiểu mới và cải cách dân chủ tiếp theo trên các mặt đời sống xã hội thì không có CNXH. Có dân chủ mới có giàu mạnh, dân chủ là tiền đề, là tiên quyết, là động lực và mục tiêu phát triển của giàu mạnh và văn minh, công bằng và nhân ái, tự do và hạnh phúc. Nghĩa là có Dân chủ mới có CNXH văn minh, công bằng, chân chính. Và quá trình thực hiện cách mạng dân chủ nhân dân và cải cách dân chủ, xây dựng nền dân chủ mới, là không ngắt, nó gắn với quá trình cải biến, phát triển tiến lên CNXH. Không nên hiểu nhiệm vụ này đã xong, bây giờ chỉ còn làm nhiệm vụ cải biến, cải cách, phát triển kinh tế- văn hóa thôi.

Dân chủ tùy phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế, trình độ dân trí, trình độ văn minh và thể chế của nhà nước và cả truyền thống văn hóa dân tộc, như là sản phẩm của chính nó, nhưng dân chủ là môi trường văn hóa chính trị và nguồn lực, nội lực để phát triển kinh tế, chính trị và văn hóa nhất là thời kỳ cải cách, cho nên dân chủ phải đi trước. Không dân chủ thì không phát huy được trí tuệ và sức mạnh toàn dân trong cải cách và phát triển. Quan niệm nhân quả trên đây là quan hệ biện chứng, nhưng cần nhấn mạnh trước hết phải dân chủ, nên Hồ Chí Minh mới đưa ra luận điểm dân chủ và giàu mạnh. Và cũng có thể nói không thực hiện dân chủ thì không có công bằng, tự do và hạnh phúc, không có dân chủ thì không có phát triển và tiến bộ.

Hai là, Dựa vào lực lượng của toàn dân mới có thể giành được thắng lợi trong sự nghiệp kiến quốc vĩ đại. Đây là vấn đề dân chủ xã hội, và xã hội hóa.

Chúng ta biết rằng, Hồ Chí Minh rất đề cao vai trò nhân dân, giác ngộ và dựa vào dân, tin dân, trọng dân, đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh vĩ đại của nhân dân, hiểu dân, phục vụ nhân dân, quan tâm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Tư tưởng nhân dân này cũng là tư tưởng dân chủ. Bao nhiêu lực lượng, bao nhiêu lợi ích đều ở nơi dân, khó bao nhiêu lần dân liệu cũng xong. Kháng chiến và kiến quốc đều nhờ nhân dân: dân lực, dân tâm, dân khí, dân trí, dân quyền, dân sinh.

Sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thắng lợi, Hồ Chí Minh thấy rằng sự nghiệp xây dựng một xã hội theo xu thế thời đại là vô cùng khó khăn hơn nhiều. “Đây là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ tốt tươi. Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ này cần động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân”.

Nhưng làm gì để phát huy sức mạnh ấy quả là một bài toán khó và luôn luôn mới. Nhưng ở đây xin nhấn mạnh là cần phải cải cách thể chế, luật pháp, công tác cán bộ, vai trò dân chủ xã hội và xã hội dân sự, nhất là vai trò giám sát xã hội, phản biện xã hội trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền.

Ba là, cần thực hành dân chủ rộng rãi, dân chủ thật sự, trước hết là dân chủ trong Đảng và gắn với dân chủ ngoài xã hội.

Vấn đề dân chủ cũng nhạy cảm, hệ trọng như vấn đề đoàn kết dân tộc, đoàn kết trong đảng. Chính vì vậy, trong Di chúc, Hồ Chí Minh đã rất quan tâm phải thực hành dân chủ rộng rãi, trước hết trong Đảng. Người có nói rằng phải thật thà đoàn kết thì cũng có thể nói phải thật thà dân chủ, dân chủ thật sự. Người nhắc nhở, căn dặn, “Trong đảng thực hành dân chủ rộng rãi”. Đó là vấn đề gắn liền với chỉnh đốn đảng. Nhưng điều đó có nghĩa là gì,

có phải cần đổi mới hay cải cách về mặt đảng hay không, và bằng hình thức nào, quy trình nào, điều kiện cần và đủ nào để có dân chủ rộng rãi, hiện nay thật sự rộng rãi chưa, mở rộng và thực chất chưa? Đã bao giờ chúng ta thực sự thảo luận, nghiên cứu, tìm kiếm thật sự hệ thống và nghiêm túc, khoa học về điều này này chưa? Ta còn nhớ trước đại hội X có bao nhiêu trăm trở cụ thể về dân chủ, những yếu kém và kiến nghị và sau đó như thế nào? Đảng ta có công khai văn kiện dự thảo để dân góp ý (chính là dân chủ rộng rãi) nhưng công tác cán bộ thì chưa được như vậy và còn nhiều vấn đề cần thảo luận.

Vậy làm sao để dân chủ rộng rãi, thực sự trong đảng phải đi trước và dân chủ trong đảng với dân chủ ngoài xã hội gắn liền với nhau?

Chúng ta cũng hay nói “phát huy dân chủ”, hoặc nói “*dân chủ phải có lãnh đạo*”, *dân chủ gắn với kỷ cương*... Đúng nhưng chúng ta ít nói là xây dựng dân chủ, phát triển dân chủ, cải cách dân chủ, “thực hành dân chủ rộng rãi” (mở rộng dân chủ), lãnh đạo phải dân chủ, dân chủ thực sự, thật thà dân chủ... Chúng tôi nghĩ rằng, cần có cả hai cách nói và thực hiện ấy mới đủ và toàn diện theo tinh thần tư tưởng và Di chúc Hồ Chí Minh. Cho nên phải thay đổi - đổi mới tư duy về dân chủ (thể chế, cơ chế thực hiện dân chủ).

Trên lĩnh vực lý luận và nhất là lĩnh vực thực tiễn thì vấn đề này còn phải có đánh giá và nhận thức mới, và cần cả sự cải cách.

Chế độ ta là chế độ dân chủ, nhưng trong thời kinh tế bao cấp - tập trung quan liêu, quyền làm chủ của nhân dân còn bị hạn chế nhiều, cơ chế tập trung lấn át dân chủ, chế độ tập thể lấn át dân chủ cá nhân và dân chủ vẫn còn trừu tượng, hình thức, cấp trên bao cấp, áp đặt kiểu gia trưởng cho suy nghĩ, hành động của cấp dưới, quyền lực nhà nước lấn át quyền lực xã hội, quyền lực của Đảng lấn át quyền lực nhà nước, lãnh đạo kiểu áp đặt, dân chủ áp đặt...

Khi chuyển sang cơ chế kinh tế thị trường, kinh tế nhiều thành phần, tự do kinh doanh, tính tự chủ và dân chủ kinh tế được thiết lập với cơ chế mới, dân chủ mở rộng hơn. Theo đó dân chủ hóa xã hội- dân chủ pháp quyền trên các lĩnh vực xã hội, chính trị hình thành, cấu trúc lại các thành tựu dân chủ trước đây và bổ sung những nội dung mới. Như vậy sang thời kỳ đổi mới, dân chủ có bước thay đổi về chất, vừa cao hơn, vừa rộng rãi hơn, các quyền lực xã hội, quyền lực của nhân dân, quyền lực nhà nước, quyền tự do cá nhân, quyền của cấp dưới dần dần được khôi phục đúng với vị thế của nó hơn. Cơ chế dân chủ cơ sở được hình thành từ tình huống xuất hiện những “điểm nóng” và bắt đầu phát huy tác dụng của nó...

Tuy nhiên, nhiều vấn đề mới lại đặt ra từ trong khung cảnh, cơ chế và tình hình mới. Qua đó cho thấy, nước ta, chế độ ta vẫn chưa có đầy đủ điều kiện để phát triển hoàn thiện dân chủ mới theo hướng xã hội chủ nghĩa trong thời gian ngắn khi kinh tế thị trường, chế độ pháp quyền mới hình thành, còn nhiều bất cập và trình độ dân trí có được cải thiện hơn trước nhưng chưa cao, xã hội dân sự chưa thật sự hình thành đúng nghĩa và phát huy vai trò của nó.

2. Một số kiến nghị về mở rộng dân chủ ở Việt Nam hiện nay

Một là: Để mở rộng dân chủ thì trước hết phải thực thi dân chủ trong Đảng bằng cơ chế thông tin kịp thời, chính xác. Đối với từng đảng viên phải luôn luôn phấn đấu học tập, cầu tiến, đồng thời rèn giữa nhân cách, dũng khí để xứng đáng đứng trong hàng ngũ tiên phong.

Bản thân mình không đủ trình độ thì làm sao lắng nghe để hiểu và tập hợp được trí tuệ

của tập thể, càng không thể mở rộng ra để thấu hiểu quần chúng nhân dân, không thể phát hiện được người tài để bồi dưỡng, trọng dụng.

Bản thân mình không chịu học tập để tiến bộ, lại không chú tâm rèn giũa nhân cách, dũng khí thì làm sao đứng vững được trước những cám dỗ vật chất, làm sao không bị lôi kéo vào những luồng thông tin sai lệch dẫn đến nhận thức và hành động chệch hướng. Lúc đó càng mở rộng dân chủ càng gây tổn thất lớn.

Cùng với trình độ, nhân cách, dũng khí, người cán bộ, đảng viên còn phải có đạo đức và lòng trung thành, phục vụ nhân dân vô điều kiện, đặt quyền lợi của nhân dân, của đất nước lên trên, còn quyền lợi của mình nằm trong quyền lợi của nhân dân, của đất nước. Phải có những cán bộ, đảng viên như vậy thì dân chủ mới được mở rộng và phát huy được sức mạnh thực sự. Dân chủ, công khai, minh bạch phải được thực hiện với sự thẳng thắn, chân thành. Bác Hồ từng nói: “*Đảng ta là đạo đức, là văn minh*”, có nghĩa Đảng luôn luôn vì dân tộc và luôn luôn đổi mới, hiện đại, trẻ trung. Mở rộng dân chủ làm cho Đảng mãi mãi thanh xuân.

Hai là: Mọi vấn đề đều quyết định từ cán bộ Lãnh đạo. Chỉ có dân chủ thực sự mới tìm ra được nhân tài xứng đáng. Phải dựa vào dân, phải nghe dân, phát huy trí tuệ của dân. Giải phóng cơ chế, giải phóng sức người thì mới tạo được và phát huy động lực Đổi mới. Vấn đề “*thực hành Dân chủ rộng rãi*” hiệu quả mức nào phụ thuộc tiên quyết ở người đứng đầu Lãnh đạo .

Do vậy cần đổi mới cách làm nhân sự các cấp, từ đại hội đảng cấp cơ sở, tuyển chọn đại biểu đi dự Đại hội, cho đến Đại hội toàn quốc. Làm sao để chọn được những người có đủ tài năng, đức độ, những người xứng đáng nhất vào vị trí lãnh đạo các cấp. Những người đứng đầu phải có 4 tiêu chuẩn: (i) Có bản lĩnh chính trị vững vàng, giữ vững độc lập chủ quyền xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; (ii) Phải có trí tuệ; (iii) Có đạo đức – điều mà toàn Đảng toàn dân quan tâm nhất; (iiii) Phải dựa vào dân, lắng nghe góp ý của dân, phát huy trí tuệ của dân... Giải phóng cơ chế, giải phóng sức người.

Nếu như cách làm trước đây, công tác tổ chức cán bộ là bí mật tới giờ phút cuối cùng, hiện nay đất nước đã khác, đất nước hòa bình, đã đổi mới thì nên công khai minh bạch công tác tổ chức, cán bộ, chọn lựa lãnh đạo các cấp. Do vậy, cần thiết phải công khai minh bạch thông tin.

Đánh giá bằng hiệu quả công việc, phải có sáng kiến trong chương trình hành động, tranh cử chứ không phải “được lòng” mọi người chung chung. Trước đây, có một thời gian, chúng ta đã phạm sai lầm là đánh giá cán bộ không căn cứ hiệu quả công việc, mà chủ yếu chỉ căn cứ vào một vài điều: *nói được, viết được, xử lý không mất lòng ai, là được... đề bạt.* Cán bộ qua thực tiễn ở cơ sở, một tỉnh ngành, mà làm có hiệu quả, để lại ấn tượng thì đó là người có đức có tài. Thước đo của người đứng đầu tỉnh, chính là việc người đó lãnh đạo tỉnh đóng góp được lợi gì cho đất nước, dân được hưởng lợi gì? Ông Kim Ngọc là một Bí thư tỉnh ủy xuất sắc của tỉnh Vĩnh Phúc thời kỳ trước Đổi mới được nhân dân tôn vinh... Cần đánh giá nhân sự theo hiệu quả công việc cuối cùng. Ta phải thay đổi cách đánh giá cán bộ, không chỉ từ trên xuống, mà đánh giá từ dưới lên, các cấp đánh giá lẫn nhau. Đánh giá cán bộ phải công tâm, phải làm thường xuyên, đều đặn.

Ba là: Tháo gỡ cơ chế để thu hút nhân tài, phải tin vào dân, dựa vào dân, cần có tiếng nói có tính quyết định từ nhân dân. Dân rất sáng suốt, nhưng phải có cơ chế, thể chế về công khai thông tin. Tạo cơ chế cho những người tài năng, đức độ, có nguyện vọng cống hiến, có

chương trình hành động cụ thể, có cam kết trách nhiệm khi nhận nhiệm vụ và được người dân tín nhiệm được tham gia giữ các vị trí tương ứng về Đảng, về Chính quyền, về Khoa học... Với 3 cơ chế hiện tại: ứng cử, bầu cử, thi tuyển, thì việc thi tuyển cán bộ cho thấy những kết quả rõ rệt. Điều này đã được làm thí điểm trong công tác tuyển chọn hiệu trưởng đại học và một số lĩnh vực khác...

Trong thời chiến, có những vị chỉ huy được lên “*vượt cấp*”. Ngày nay không nên phân biệt thành phần xuất thân, không quan niệm thời gian dài hay ngắn. Có người có sức bật, có đủ năng lực thực sự để gánh vác, thì nên tin tưởng giao trọng trách; có thể đề bạt “*vượt cấp*”... Nhưng vấn đề vẫn là chúng ta chưa có cơ chế quản chúng tôn vinh, giới thiệu, kênh đó đang yếu! Nếu chúng ta tháo gỡ cơ chế, mở cửa “*thực hành Dân chủ rộng rãi*” sẽ thu hút thêm được nhiều người “*có tâm, có tầm*” trong nước và ngoài nước, nhất là Việt kiều về làm việc.

Thực hiện tư tưởng về “*Mở rộng dân chủ*” trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh; những năm qua, chúng ta đã đẩy mạnh dân chủ trong Đảng, trong Quốc hội, Hội đồng nhân dân, trong Mặt trận và các tổ chức xã hội và trong nhân dân tiếp tục được mở rộng và phát huy tốt hơn. Việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân được thực thi tốt hơn; nhiều hành vi vi phạm pháp luật được ngăn chặn và xử lý nghiêm minh.

Ý thức về quyền và nghĩa vụ công dân; năng lực làm chủ, tham gia giám sát và phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh được nâng lên và phát huy.

Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn cũng như công tác giám sát cộng đồng có nhiều tiến bộ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khi sinh thời thường nhắc nhở: “*Muốn đoàn kết thực sự phải có dân chủ thực sự*”. Do dân chủ được mở rộng và có bước tiến bộ rõ nét cho nên khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng tiếp tục được mở rộng và tăng cường nhằm thực hiện mục tiêu chung: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đây là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đã phát huy tốt vai trò tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố mở rộng tổ chức, phát triển hội viên, đoàn viên; tổ chức nhiều phong trào thi đua, nhiều cuộc vận động có hiệu quả thiết thực.

Vui mừng với những gì nhân dân ta đã phấn đấu gian khổ và giành được, song cũng thấy rõ một thực tế là nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc chưa được phát huy đầy đủ... Nhận thức về dân chủ trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân ta còn hạn chế; quyền làm chủ của nhân dân ở một số nơi, trên một số lĩnh vực còn bị vi phạm...

Đại hội Đảng lần thứ XII khẳng định “Mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, được nhân dân tham gia ý kiến. Dân chủ phải được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Bảo đảm để nhân dân tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân”¹./.

1. ĐCSVN: Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.169.

PHẦN THỨ BA

DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH VỚI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO CON NGƯỜI

DI CHỨC HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC BỒI DƯỠNG THẾ HỆ CÁCH MẠNG CHO ĐỜI SAU

*TS. Trương Văn Bấy**
*CN. Hoàng Anh Tuấn***

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà văn hóa kiệt xuất đồng thời cũng là nhà giáo dục vĩ đại của dân tộc Việt Nam, với những cống hiến lớn lao của Người trong sự nghiệp giáo dục - đào tạo bao thế hệ con người Việt Nam. Không những là người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam với ý nghĩa là người vạch đường chỉ lối, người tổ chức, lãnh đạo cổ vũ nhân dân ta làm nên thắng lợi trong các cuộc kháng chiến mà còn là người thầy đã trực tiếp giảng dạy, đào tạo, bồi dưỡng nên bao thế hệ cán bộ lãnh đạo ưu tú, cho cách mạng Việt Nam.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn chăm lo xây dựng lực lượng cách mạng. Đó không chỉ là lực lượng trực tiếp gánh vác và giải quyết những nhiệm vụ hiện tại, mà còn là đội ngũ kế cận, nguồn bổ sung năng lực để kế thừa và tiếp tục phát triển sự nghiệp của những thế hệ đi trước. Sự nghiệp cách mạng không phải là nhiệm vụ ngày một ngày hai mà là một quá trình lâu dài, bao gồm nhiều nhiệm vụ, giai đoạn khác nhau, đòi hỏi sự hy sinh, cống hiến của nhiều thế hệ.

Hồ Chí Minh coi giáo dục - đào tạo - sự nghiệp *trồng người* là một chiến lược cơ bản lâu dài của cách mạng, một quốc sách hàng đầu của Đảng và Nhà nước ta. Người chỉ rõ *một dân tộc dốt là một dân tộc yếu* - đó là tất yếu lịch sử đã được chứng minh và thực tiễn cách mạng Việt Nam kiểm nghiệm. Nhận thấy rõ tầm quan trọng của giáo dục và đào tạo, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn chú trọng một nền giáo dục mới - một nền giáo dục mà mục tiêu, nội dung và phương pháp phải hướng đến việc phát triển con người toàn diện, cũng như động viên mọi lực lượng tham gia sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Người động viên thế hệ trẻ ra sức học tập mọi lúc, mọi nơi, đối tượng học sinh thanh niên phải ra sức học tập chính trị, kỹ thuật, văn hóa, đạo đức, thẩm mỹ,... Người căn dặn: *“Ngoài cách học ở trường, ở lớp, học trên sách, báo,... có một cách học rất tốt ai cũng có thể tham gia hàng ngày. Đó là cách học tập ngay trong sản xuất, học tập những người, những tổ, những đơn vị tiên tiến”*¹.

Trong thư gửi các học sinh cả nước nhân ngày khai trường (9/1945) Người gửi gắm: *“Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”*². Ngay từ những ngày đầu mới thành lập chính quyền cách mạng, Người đã coi việc xóa mù chữ, tiêu diệt giặc dốt và nâng cao dân trí là nhiệm vụ thứ

* Trường Đại học Nguyễn Huệ

** Trường Đại học Nguyễn Huệ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 10, tr. 104.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 4, tr. 33.

hai trong số sáu nhiệm vụ cấp bách của đất nước lúc bấy giờ. Đặc biệt, Người đã đưa ra một quan điểm vừa mang tính chiến lược, vừa mang giá trị nhân văn sâu sắc mà đến nay, đã trở thành phương châm hành động của toàn xã hội nói chung, của ngành giáo dục Việt Nam nói riêng, đó là: *Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người*. Bởi vậy, dù bận trăm công nghìn việc, Người vẫn thường xuyên quan tâm và chăm lo sự nghiệp giáo dục của nước nhà, coi giáo dục xã hội chủ nghĩa là phương thức quan trọng nhất của sự nghiệp *trồng người*, là một mắt xích không thể thiếu trong chiến lược bồi dưỡng thế hệ trẻ. Nói cách khác, trọng trách to lớn của ngành giáo dục là đào tạo những người kế tục sự nghiệp cách mạng.

Người luôn coi việc đào tạo những người kế tục sự nghiệp cách mạng là vấn đề hệ trọng và rất cần thiết trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc cũng như xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trước lúc đi xa, Người căn dặn Đảng ta: “**Đoàn viên thanh niên** ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”¹. Tức là Người muốn lưu ý Đảng, Nhà nước ta và cả hệ thống chính trị không lúc nào được một phút lơ là, phải luôn nhận thức một cách sâu sắc về vai trò và tầm quan trọng của việc chăm lo bồi dưỡng thế hệ trẻ. Trong suốt nửa thế kỷ qua, từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh viết bản Di chúc căn dặn toàn Đảng, toàn dân và thế hệ trẻ những điều hệ trọng, những việc cần phải làm vì sự nghiệp cách mạng. Những lời dặn của Người trong đó có tư tưởng bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau vẫn giữ nguyên giá trị to lớn, có ý nghĩa sâu sắc trong thời đại mới.

Trong suốt cuộc đời mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh dành trọn suy nghĩ, trí tuệ và sức lực để thực hiện ham muốn tốt bậc là làm sao cho nước Việt Nam ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Người chỉ rõ: Các thế hệ thanh niên phải vừa kế thừa, phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, vừa đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Và, “Thanh niên phải xung phong tới những nơi khó khăn, gian khổ nhất, nơi nào người khác làm ít hiệu quả, thanh niên phải xung phong làm cho tốt”².

Hồ Chí Minh hết sức coi trọng vai trò, vị trí của thanh niên trong sự nghiệp cách mạng. Đánh giá rất cao vai trò của thế hệ trẻ, Hồ Chí Minh viết: Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội đầy nhiệt huyết, có sức sống tràn trề và năng lực sáng tạo, đó là thế mạnh, là vốn quý của tuổi trẻ. Với tư cách là đội ngũ dự bị, lực lượng kế cận hùng hậu của cách mạng và là những người chủ tương lai của nước nhà, các thế hệ trẻ - trước hết là thanh niên, có trách nhiệm kế tục sự nghiệp cách mạng, thực hiện sứ mệnh lịch sử vẻ vang mà lớp người đi trước đã chuyển giao vào tay mình. Thanh

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 15, tr. 612.

2. Bài phát biểu tại Hội nghị cán bộ Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam toàn miền Bắc, ngày 22/9/1962. Xem thêm tại Tỉnh đoàn Bình Thuận: “Nhớ những lời dạy của Bác Hồ dành cho thanh niên”, tại <http://tinhdoanbinhthuan.vn/hoc-tap-theo-tam-guong-cao-duc-ho-chi-minh/65-hoc-tap-theo-tam-guong-cao-duc-ho-chi-minh/nho-nhung-loi-day-cua-bac-ho-danh-cho-thanh-nien.html>, truy cập ngày 27/9/2019.

niên là người chủ tương lai của nước nhà, thật vậy, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh, một phần lớn do thanh niên¹.

Vì vậy, không phải ngẫu nhiên trong Di chúc, Người đã viết trước hết nói về Đảng và ngay sau khi nói về Đảng là nói về đoàn viên thanh niên. Bằng sự quan tâm và tình cảm đặc biệt đối với thế hệ trẻ, trong mỗi giai đoạn lịch sử, Người đã cùng với Trung ương Đảng chăm lo, bồi dưỡng, đào tạo nhiều thế hệ cán bộ cách mạng ưu tú trưởng thành từ thanh niên. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng Đảng, Nhà nước, mọi tổ chức xã hội, các thế hệ đi trước phải nhận thức sâu sắc về vai trò và tầm quan trọng của việc chăm lo bồi dưỡng thế hệ trẻ. Đồng thời, Người chỉ ra nhiệm vụ của thế hệ trẻ là noi gương thế hệ đi trước, thường xuyên rèn luyện phấn đấu, để không những đáp ứng yêu cầu của cách mạng, mà phải vượt lên những gì mà thế hệ trước mong muốn. Người nói: *“Thanh niên muốn làm người chủ tương lai cho xứng đáng thì ngay hiện tại phải rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải ra làm việc để chuẩn bị cái tương lai đó”*².

Trong lịch sử đấu tranh dân tộc và giai cấp, xưa nay lực lượng nào muốn giành thắng lợi, đều phải ra sức giành giật thanh niên, người nào lôi kéo được thanh niên, người đó có nhiều cơ hội chiến thắng nhất. Lịch sử là sự kế tục tiếp diễn giữa các thế hệ nhưng nếu sự kế tục lịch sử bao hàm yếu tố ngẫu nhiên thì sự kế tục cách mạng lại đòi hỏi phải có sự chuẩn bị chủ động, tự giác. Nhưng không phải lúc nào lịch sử cũng vận động theo một đường thẳng mà thường quanh co, gấp khúc. Những người cộng sản vốn ý thức được rằng quy luật xã hội vận động thông qua việc giải quyết các nhiệm vụ khác nhau trong đó có nhiệm vụ giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ. Vai trò, sức mạnh, khả năng của thanh niên Việt Nam đã được thử thách trong lịch sử đấu tranh cách mạng nhưng điều đó không phải là bất biến. Thắng lợi của công cuộc đổi mới, thành tựu tăng trưởng kinh tế và thực hiện dân chủ, công bằng và tiến bộ xã hội, trong đó phần rất quan trọng phụ thuộc vào sự chăm lo bồi dưỡng tốt thế hệ cách mạng cho đời sau.

Thực hiện di huấn của Người: *“Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là việc rất quan trọng và rất cần thiết”*³. Đảng ta luôn quan tâm giáo dục, bồi dưỡng các thế hệ cách mạng cho đời sau, nhất là thế hệ trẻ, coi trọng giáo dục, rèn luyện toàn diện về mọi mặt, chăm lo, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng cho thế hệ trẻ, tạo điều kiện để thế hệ trẻ nâng cao trình độ, ổn định cuộc sống, nghề nghiệp và tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Đảng và Nhà nước đã ban hành, triển khai hàng loạt chính sách về thanh niên và công tác thanh niên, tạo điều kiện tốt nhất để thế hệ tương lai của đất nước phấn đấu vươn lên. Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đẩy mạnh phát triển giáo dục và đào tạo, phát huy các giá trị chuẩn mực của dân tộc, tinh thần yêu nước, nhân*

1. Lời Hồ Chí Minh trong “Thư gửi các bạn thanh niên” nhân dịp Hội nghị Thanh niên Việt Nam (17-8-1947). Xem thêm tại Bùi Công Bính: “Đọc lại bức thư của Bác Hồ gửi thanh niên hơn 60 năm trước”, *Tr. tin điện tử Ban Quản lý lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh*, <https://www.bqllang.gov.vn/tin-tuc/tin-tong-hop/2217-d-c-l-i-b-c-thu-c-a-bac-h-g-i-thanh-nien-hon-60-nam-tru-c.html>, truy cập ngày 27/9/2019.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 5, tr. 216.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 15, tr. 612.

ái, khởi nghiệp, tử chủ tự lập, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. Đảng ta chủ trương đẩy mạnh giáo dục, xem đó là quốc sách: *Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.* Thế hệ trẻ Việt Nam được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược bồi dưỡng, phát huy nhân tố và nguồn lực con người. Chăm lo, bồi dưỡng thanh niên vừa là mục tiêu, vừa là động lực bảo đảm cho sự ổn định và phát triển vững bền của đất nước.

Ngày nay chúng ta phải làm tốt hơn nữa việc chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau, nhất là ở thời điểm chủ nghĩa xã hội đang lâm vào thoái trào, hệ giá trị của chủ nghĩa xã hội đang bị hạ thấp, xuyên tạc, sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa toàn cầu, sự suy thoái về đạo đức lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên có chức có quyền, những bức xúc do tệ tham nhũng, tham ô, lợi dụng chức vụ để tư lợi, những vấn nạn trong ngành giáo dục với sự tha hóa từ nhận thức, đạo đức, lối sống của cả người dạy đến sự tha hóa cả nhân cách lẫn hành động của người học. Có lẽ chưa bao giờ mà vấn nạn bạo lực học đường hay vấn đề người học bị xâm hại lại trở nên nhức nhối, đau lòng. Cả xã hội lo lắng trước những thực trạng đạo đức ở các nhà trường và những người làm công tác giáo dục. Song song với đó là căn bệnh thành tích của cả ngành giáo dục dẫn đến học không thực chất, thi không thực chất, kết quả không thực chất. Nhiều nơi có biểu hiện phai nhạt lý tưởng cách mạng, tiêu cực, suy thoái đạo đức lối sống. Đời sống vật chất số đông người dân được cải thiện, nhưng đời sống văn hóa nhiều mặt lại nghèo nàn, đạo đức xã hội có biểu hiện xuống cấp thậm chí có mặt nghiêm trọng... Tất cả đang làm suy giảm niềm tin của thế hệ trẻ vào tương lai của chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, định hướng tương lai của chủ nghĩa xã hội phụ thuộc vào hiện tại ta đang thực hiện Di chúc của Bác Hồ: Chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau không những là vấn đề quan trọng mà còn là vấn đề rất cấp thiết, song chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là bồi dưỡng những gì, bồi dưỡng như thế nào!

2. Trong nội dung bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau Hồ Chí Minh yêu cầu phải toàn diện cả đức, trí, thể, mỹ, lao động sản xuất. Để đào tạo các thế hệ chiến sĩ cho đời sau nghĩa là phải vừa “hồng” vừa “chuyên”. Tuy nhiên, là những chiến sĩ kiên trung, những hạt nhân cách mạng thì phẩm chất hàng đầu mà thanh niên cần có:

Một là, bồi dưỡng sự trung thành với lý tưởng, ý chí kiên định đấu tranh cho thắng lợi của lý tưởng và đạo đức cách mạng.

Lý tưởng mà Bác Hồ quan tâm giáo dục cho thanh niên là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Độc lập dân tộc mới là bước thứ nhất trên con đường giải phóng xã hội và giải phóng con người. Phải tiếp tục với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Xác định lý tưởng mới là bước đầu còn kiên định lý tưởng mới là nội dung. Như lời căn dặn của Người thì việc chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau cần chú trọng giáo dục chủ nghĩa yêu nước, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, bởi rất nhiều lần Chủ tịch Hồ Chí Minh khuyên thế hệ trẻ phải sống có lý tưởng, ước mơ, hoài bão “*chúng ta không được phút nào quên lý tưởng cao cả của mình là: Suốt đời làm cách mạng, phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, làm cho chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản*

*hoàn toàn thắng lợi trên Tổ quốc ta và trên toàn thế giới*¹. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là lý tưởng của tất cả mọi người Việt Nam yêu nước nói chung của cả thế hệ trẻ nói riêng. V.I. Lênin từng nói đấu tranh giành chính quyền đã khó, nhưng giữ được chính quyền cách mạng còn khó hơn. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng khẳng định, có độc lập, tự do mà nhân dân vẫn chết đói, chết rét thì độc lập, tự do cũng chẳng có ý nghĩa gì; nhân dân chỉ hiểu rõ giá trị của độc lập, tự do khi họ được ăn no, mặc ấm... Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới đem lại cho nhân dân tất cả những quyền con người hết sức tự nhiên và chân chính ấy. Nhưng chủ nghĩa xã hội không phải muốn là tức khắc có ngay, mà chỉ có thể là kết quả của cuộc đấu tranh rất bền bỉ của con người. Do đó toàn bộ công tác tư tưởng của chúng ta là phải làm cho thanh niên và nhân dân cả nước chung một ý chí: Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Sức mạnh của con người được nhân lên bởi ý chí của bao thế hệ thanh niên ta trong cách mạng và kháng chiến là sức mạnh của lý tưởng, của ý chí cách mạng, của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là làm cho họ kế thừa được ý chí của các thế hệ cha anh, biến lý tưởng cách mạng thành ý chí cách mạng, thành động lực tinh thần mạnh mẽ đánh bại âm mưu phá hoại của kẻ thù, chiến thắng nghèo nàn lạc hậu, đưa sự nghiệp công nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến thành công. Bác Hồ dạy thanh niên phải luôn nâng cao chí khí cách mạng, trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng. Không sợ gian khổ hy sinh, hăng hái thi đua tăng gia sản xuất và anh dũng chiến đấu xung phong đi đầu trong mọi sự nghiệp².

Tư tưởng của Người về đạo đức cách mạng chứa đựng nhân sinh quan và giá trị quan hết sức sâu sắc đối với việc xác lập nhân cách, lý tưởng cũng như chuẩn mực lối sống cho thế hệ trẻ. Đạo đức cách mạng là đạo đức mới là yếu tố vô cùng cần thiết, là cái gốc, cái nền tảng của cách mạng. Giáo dục đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ là nhằm làm cho thế hệ trẻ trở thành những người công dân có ích, những người chiến sĩ tốt, những người cách mạng chân chính. Bởi, *“Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”*³. Lý tưởng và ý chí cách mạng chỉ có thể duy trì và phát triển trên nền tảng đạo đức cách mạng, thiếu nền tảng này tuổi trẻ sẽ không đủ sức vượt qua những thăng trầm khó khăn của hoàn cảnh để kiên trì phấn đấu đến cùng cho lý tưởng. Thiếu nền tảng đạo đức cách mạng, người chiến sĩ trẻ dễ gục ngã trước những cám dỗ của kinh tế thị trường. Một khi đã đánh mất phẩm chất của người cách mạng, đã sa ngã, hủ hóa, biến chất thì không thể kiên trì lý tưởng cách mạng. Do đó phải luôn luôn trau dồi đạo đức cách mạng, khiêm tốn, giản dị, chống kiêu căng tự mãn, chống lãng phí xa hoa, thực hành tự phê bình và phê bình nghiêm chỉnh.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 15, tr. 13.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 11, tr. 503-504.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 5, tr. 252.

Thứ hai, bồi dưỡng, giáo dục lối sống văn hóa nâng cao trình độ chính trị, học vấn, khoa học, kỹ thuật và quân sự.

Việc nâng cao trình độ chính trị, học vấn, khoa học, kỹ thuật và quân sự là điều kiện cơ bản để tuổi trẻ cống hiến ngày càng nhiều cho Tổ quốc, cho nhân dân và đây cũng là điều kiện để bảo đảm khả năng hoạt động thực tiễn của họ. Người phê phán lối giáo dục bằng lý thuyết suông, giáo dục thanh niên không phải là nói cho họ nghe những bài diễn văn êm dịu hay là những phép tắc đạo đức, những lý thuyết tách rời cuộc sống. Hồ Chí Minh giải thích, *học là để làm người, làm việc, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân làm cho dân giàu nước mạnh, học là để lấy cái thực chất, tiếp thu kiến thức, vận dụng vào thực tiễn cuộc sống chứ không phải để có tấm bằng “loè” người khác.* Mục đích của học là để hành, để phát triển, để sống. Hành là điều kiện để củng cố và nâng cao kiến thức được tiếp thu, rèn luyện kỹ năng và hình thành những phẩm chất cần có của người lao động mới. Theo Người, học và hành là hai khâu của quá trình nhận thức gắn bó khăng khít với nhau. Hành không chỉ là vận dụng những điều đã học, mà còn là nguồn gốc của tri thức mới, là biện pháp rèn luyện con người một cách toàn diện. Ngày nay, sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo cần những thanh niên xung phong vào thực tiễn trên các mặt trận kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng,... tham gia vào cuộc đấu tranh giữa cái mới và cái cũ, giữa tiến bộ và bảo thủ, giữa cách mạng và cơ hội... để họ rèn luyện và trưởng thành. Giáo dục bồi dưỡng thể hệ cách mạng cho đời sau phải gắn liền với thực tiễn đấu tranh và đổi mới chứ không nhằm tạo ra một lớp người chỉ thuộc lầu sách vở. Do đó, cái cần làm là tạo ra những hoàn cảnh giáo dục thuận lợi, lành mạnh hóa môi trường xã hội để thanh niên được rèn luyện, cống hiến và trưởng thành. Đồng thời, tạo cho thanh niên cơ hội để tham gia các hoạt động vui chơi giải trí lành mạnh, hưởng thụ văn hóa, lối sống đẹp, sống lành mạnh để nâng cao sức khỏe và tinh thần.

Ba là, Bồi dưỡng năng lực, ý thức tự giáo dục, tự rèn luyện.

Giáo dục bao gồm hai nội dung chính là *giáo dục* và *tự giáo dục*. Trong đó giáo dục là quá trình mỗi người sẽ nhận được từ gia đình, nhà trường, xã hội, từ sách vở, thực tiễn cuộc sống... Nhưng phần quan trọng nhất lại không chỉ ở giáo dục mà cái chính là ở việc tự giáo dục, tự học tập của mỗi người. Hồ Chí Minh thường xuyên nhắc nhở thế hệ trẻ phải tự tu dưỡng trên mọi phương diện: đạo đức, lý tưởng cách mạng, trau dồi và nâng cao trình độ văn hóa, nghiệp vụ chuyên môn, rèn luyện ý chí và lòng dũng cảm, rèn luyện thân thể, cần rèn luyện cái đức tính thành thật và lòng dũng cảm, rèn luyện và thấm nhuần tư tưởng xã hội chủ nghĩa, trau dồi đạo đức của người cách mạng. Người nhắc nhở thanh niên phải luôn luôn gắn chặt quá trình “xây và chống” trong rèn luyện đạo đức. Một trong những nhiệm vụ chính của thanh thiếu niên là học tập. Trước hết phải xác định rõ mục đích học tập và xây dựng động cơ học tập đúng đắn. Phải có ý thức tự học tập và *phải biết tự động học tập*. Muốn tự học tập thì phải kiên trì, bền bỉ, phải có kế hoạch sắp xếp thời gian khoa học, phải triệt để tận dụng mọi hoàn cảnh, mọi phương tiện, mọi hình thức để học. Phải kết hợp quá trình giáo dục ở cả ba môi trường là nhà trường, gia đình và xã hội “*giáo dục trong nhà trường có tốt mấy nhưng thiếu*

giáo dục trong gia đình và ngoài xã hội thì kết quả cũng không hoàn toàn”¹. Người hướng dẫn phương pháp học tập học ở trường, học ở sách vở, học lẫn nhau và học nhân dân. Phải học tập với thái độ nghiêm túc, khiêm tốn, thật thà, điều gì chưa biết thì hỏi, không giấu dốt. Phải học tập một cách thông minh, sáng tạo, độc lập suy nghĩ, đọc tài liệu phải đào sâu hiểu kỹ, có vấn đề gì chưa thông suốt thì mạnh dạn đề ra và thảo luận để làm sáng tỏ. Người nêu rõ, kiêu ngạo, tự phụ, tự mãn là kẻ thù số một của học tập. Học tập là công việc suốt đời bởi “vật gì không tiến tức phải thoái”. Vì vậy, muốn tiến bộ thì phải học tập và phấn đấu không ngừng.

Đặc biệt, Hồ Chí Minh rất coi trọng phương pháp nêu gương đối với việc giáo dục thế hệ trẻ. Người yêu cầu trong gia đình thì ông bà, cha mẹ phải làm gương cho con cái, anh chị làm gương cho em; trong nhà trường, thầy giáo, cô giáo phải làm kiểu mẫu cho học trò; ngoài xã hội thì thế hệ trước phải làm gương cho thế hệ sau, cán bộ đảng viên làm gương cho quần chúng... Tại Hội nghị Cán bộ phụ trách thiếu nhi toàn miền Bắc (1959), Người nói: “*Trẻ em hay bắt chước cho nên thầy cô giáo, cán bộ phụ trách v.v... phải gương mẫu từ lời nói đến việc làm. Dạy các cháu thì nói với các cháu chỉ là một phần, cái chính là phải cho các cháu nhìn thấy, cho nên những tấm gương thực tế là rất quan trọng. Muốn dạy cho trẻ em thành người tốt thì các cô các chú phải là người tốt*”². Yêu cầu thế hệ đi trước xung phong gương mẫu trong công việc, Người căn dặn: “*mình phải làm gương, gắng làm gương trong anh em, và khi đi công tác, gắng làm gương trong dân. Làm gương về cả ba mặt: Tinh thần, vật chất và văn hóa. Không có gì là khó. Khó như cách mạng mà ta đã làm được và đã thành công*”³. Hồ Chí Minh không quên nhấn mạnh vai trò của cán bộ đảng viên phải luôn luôn nêu tấm gương sáng, làm khuôn mẫu cho thế hệ trẻ học tập. Người đề nghị đảng viên, nhất là đảng viên lâu năm cần có tinh thần trách nhiệm cao trong việc dìu dắt thế hệ trẻ. Người nói: “*Các đồng chí già là rất quý, là gương bền bỉ đấu tranh, dìu dắt bồi dưỡng, đào tạo thêm đồng chí trẻ*”⁴.

Thấm nhuần và thực hiện những tư tưởng đúng đắn, sâu sắc nói trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhiều thế hệ cách mạng đã nhanh chóng trưởng thành, đóng góp công lao to lớn vào sự phát triển của dân tộc. Họ không ngừng đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc và đi lên chủ nghĩa xã hội. Luôn kiên định lý tưởng xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh dày công vun trồng. Họ đã và đang chứng tỏ bản lĩnh, sức trẻ, sự sáng tạo và tinh thần dám nghĩ, dám làm của mình. Họ đang ra sức tu dưỡng, học tập và rèn luyện về mọi phương diện, tích cực lao động sản xuất, tiến vào khoa học - công nghệ, để cùng với toàn Đảng, toàn dân thực hiện công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhằm xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 10, tr. 591.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 33.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 4, tr. 171.

4. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện tại Hội nghị Đại biểu nhân dân Nghệ An tại Hội trường Tỉnh ủy trong thành cổ Vinh (14/6/1957), Xem thêm tại bài viết “Đảng cần cán bộ già, cũng rất cần nhiều cán bộ trẻ”, *Báo Nghệ An điện tử*, <https://e.baonghean.vn/dang-can-can-bo-gia-cung-rat-can-nhieu-can-bo-tre/>, truy cập ngày 27/9/2019.

minh, đã và đang tích cực xây dựng lại đất nước ta to đẹp hơn, đàng hoàng hơn, như mong ước cháy bỏng của Người trước khi đi xa.

3. Kết luận

Trong suốt cuộc đời mình Hồ Chí Minh luôn quan tâm sâu sắc đến việc bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau. Tư tưởng ấy mang đậm triết lý hành động và chứa đựng một tinh thần nhân văn cao cả. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau thể hiện sự vĩ đại sâu sắc trong tầm nhìn của một vĩ nhân. Tầm nhìn không chỉ ở hiện tại mà cả tương lai. Không chỉ dành tâm huyết trước mắt cho sự nghiệp cách mạng, mà còn chăm lo vun trồng chăm sóc cho cái gốc của sự nghiệp ấy. Tổ chức UNESCO đánh giá những tư tưởng của Người là hiện thân cho những khát vọng của dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau. Đồng chí Lê Duẩn cũng khẳng định: “Mỗi bước đi của nhân dân ta và của Đảng ta trong vòng 40 năm qua đều gắn liền với cuộc đời cách mạng vô cùng sôi nổi và đẹp đẽ của Hồ Chí Minh. Toàn bộ hoạt động của Người cùng với sự nghiệp của nhân dân ta và của Đảng ta là một thiên anh hùng ca bất diệt của cách mạng Việt Nam”¹.

Kế thừa và phát huy tư tưởng Hồ Chí Minh về bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau nhằm tăng cường thế và lực của đất nước trong đổi mới và hội nhập. Đây là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn. Trong bối cảnh hiện tại những cơ hội và thách thức, tích cực và tiêu cực đan xen việc tăng cường nghiên cứu, học tập tư tưởng phong cách đạo đức Hồ Chí Minh và bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau lại càng cần thiết, qua đó còn thể hiện giá trị lịch sử và thời đại những cống hiến của Người./.

1. Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 5.

HỒ CHÍ MINH VỚI SỰ NGHIỆP GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

*PGS.TS. Nguyễn Anh Cường**

*PGS.TS. Trần Mai Ước***

1. Hồ Chí Minh là người Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa lớn - Đó là những danh hiệu đã tôn xưng Người. Một con người mà cả nhân loại phải ngưỡng mộ bởi trí tuệ mẫn tiệp và năng lực dân dật kỳ diệu đã không chỉ giải phóng cho dân tộc mình mà còn góp công sức và cống hiến đáng kể cho thực tiễn và vào kho tàng lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa trên thế giới. Trong đó, một trong những đóng góp phải kể đến là quan điểm: cách mạng thuộc địa không những không lệ thuộc mà còn có thể thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.

2. Sinh ra và lớn lên giữa lúc nước mất, nhà tan Hồ Chí Minh đã tận mắt chứng kiến cảnh cùng cực của dân ta khi phải chịu ách áp bức của đế quốc và phong kiến. Bồi lòng yêu nước nồng nàn, Người đã quyết ra đi tìm con đường cứu nước, cứu dân, giải phóng đồng bào mình khỏi ách thống trị của thực dân Pháp. Năm 1920, Người đến với chủ nghĩa cộng sản và trở thành không chỉ là một chiến sĩ giải phóng dân tộc theo chủ nghĩa cộng sản mà còn là một chiến sĩ quốc tế vô sản. Sau khi trở thành người chiến sĩ yêu nước cộng sản, Hồ Chí Minh đã tích cực vận động phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và bắt đầu xây dựng tư tưởng chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc. Quan điểm cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc được thể hiện qua những tác phẩm và các bài viết của Người trong chặng đường hoạt động từ năm 1921 đến 1924. Có thể nói, đây là một quan điểm cách mạng khoa học, mới mẻ trong thời điểm lúc bấy giờ và hoàn toàn mang tính thực tiễn cao.

Trước hết, cách mạng ở thuộc địa là cách mạng giải phóng dân tộc gắn chặt với cách mạng vô sản. Nhận thức này đã đến với Người qua tác động thực tế của Cách mạng tháng Mười Nga và khi Người được đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin. Sự kiện này đánh dấu sự biến chuyển trong tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và giải phóng dân tộc. Trước Cách mạng tháng Mười Nga 1917, nhân dân Việt Nam cũng như nhân dân các nước thuộc địa đấu tranh rất anh dũng chống lại bọn xâm lược với nhiều hình thức khác nhau. Nhưng, họ vẫn ở trong tình trạng dường như “trong đêm tối không có đường ra”. Những người lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc ở nhiều nước lúc bấy giờ chưa thoát khỏi khuôn khổ chật hẹp của con đường cứu nước kiểu Cần Vương. Một số người cố gắng đi theo con đường tư bản chủ nghĩa cũng không thành công, vì giai cấp tư sản còn yếu, không triệt để đấu tranh. Cách mạng tư sản Âu Mỹ không thể là con đường để nhân dân thuộc địa noi theo vì vai trò lịch sử của giai cấp tư sản ở phương Tây đã chấm

* Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội

** Trường Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh

dứt rồi. Nguyễn Ái Quốc tiếp thu chủ nghĩa Lênin nói chung, quan điểm lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc nói riêng không thông qua lăng kính của chủ nghĩa dân tộc tư sản, nên không bị “khúc xạ”. Hơn nữa, việc Nguyễn Ái Quốc tiếp thu tư tưởng Lênin về dân tộc và giải phóng dân tộc được tiến hành trên một cơ sở rất vững chắc - thực tiễn đấu tranh, nên Người nhanh chóng nắm được cái bản chất của học thuyết Lênin. Vì vậy, khi đọc xong *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa*, Nguyễn Ái Quốc đã “rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao”. Sự phấn khởi của Nguyễn Ái Quốc không phải là chỉ tìm thấy cái “cẩm nang thần kỳ” để làm theo, mà chính là tìm thấy cách giải quyết một cách sáng tạo nhiệm vụ giải phóng dân tộc cho nhân dân Việt Nam và nhiều dân tộc thuộc địa khác. Người đã xác định cho mình những phương hướng suy nghĩ, phương pháp hành động tốt nhất, có hiệu quả nhất để tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc mình. Đồng thời cũng góp phần vào việc xác định con đường cứu nước đúng cho các dân tộc cùng cảnh ngộ. Ý nghĩa của việc Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước cho nhân dân Việt Nam đối với các dân tộc thuộc địa khác không phải là việc vạch ra một con đường chung nhằm “áp đặt” hay “làm thay” cho các dân tộc đang làm nhiệm vụ cứu nước của mình, mà chỉ góp phần mở đường đi đến ánh sáng cho nhiều dân tộc trên thế giới. Họ học tập, vận dụng một cách sáng tạo kinh nghiệm Việt Nam vào hoàn cảnh cụ thể của mình.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là một khoa học cách mạng phát triển và sáng tạo chứ không phải là một giáo điều. Hồ Chí Minh có ý thức dựa vào thực tế, tôn trọng quy luật khách quan trong việc xây dựng lý luận, hoạch định chiến lược, đường lối, chủ trương và phương thức cách mạng. Nhờ có ý thức phải nghiên cứu tất cả một cách chính xác, Hồ Chí Minh đã có một sự hiểu biết phong phú, sâu sắc về lịch sử, đất nước, xã hội và con người Việt Nam. Đây là điểm xuất phát để Hồ Chí Minh xây dựng lý luận, cương lĩnh, chiến lược, đường lối, chủ trương và phương pháp cách mạng đúng đắn và sáng tạo.

Cách mạng Mỹ (1775-1783) được tiến hành dưới hình thức một cuộc chiến tranh giành độc lập của nhân dân 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ. Đó là ý nghĩa tích cực của nó trong việc đấu tranh chống chế độ thống trị thuộc địa của thực dân Anh và nhân dân Việt Nam nên “học Mỹ mà làm cách mệnh”¹. Người cũng nêu những mặt tiêu cực của cách mạng Mỹ. Giai cấp tư sản huy động nhân dân lật đổ sự thống trị của thực dân Anh, nhưng “lại không muốn cho ai nói đến cách mệnh, ai đụng đến chính phủ!”² và “Mỹ tuy rằng cách mệnh thành công đã hơn 150 năm nay [tính đến năm 1927 – TG], nhưng công nông vẫn cứ cực khổ, vẫn cứ lo tính cách mệnh lần thứ hai”³. Cách mạng tư sản Pháp nổ ra và thành công vào cuối thế kỷ XVIII, đã “bỏ chế độ phong kiến, giải phóng nông nô” rồi “bỏ vua lập ra cộng hòa”⁴. Cuộc cách mạng này và các cuộc cách mạng tiếp theo ở Pháp cũng “làm gương cho chúng ta” nhiều điều. Nhận định về tính chất của các cuộc cách mạng tư sản, Nguyễn Ái Quốc khẳng định rằng “cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư sản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa dân chủ, kỳ thực thì trong thì nó tước lộc công nông, ngoài

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1989, t. 1, tr. 207.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t. 1, tr. 192.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t. 2, tr. 194.

4. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t. 2, tr. 194.

thì nó áp bức thuộc địa”⁴. Người đi đến kết luận “chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc”¹. Điều này đã thể hiện tư tưởng của Hồ Chí Minh là không chấp nhận con đường cách mạng tư sản trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Người khẳng định con đường cứu nước đúng đắn nhất là con đường cách mạng vô sản: “trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc, tự do, bình đẳng thật không phải bình đẳng tự do giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên Việt Nam. Cách mệnh Nga đã đuổi được vua, tư bản, địa chủ rồi, lại ra sức cho công nông các nước và dân bị áp bức các thuộc địa làm cách mệnh để đập đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới.

Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng làm gốc (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin”². Tư tưởng về con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc đã dựa trên những cơ sở vững chắc từ thực tế cuộc sống của nhân dân các nước thuộc địa, lịch sử quá khứ và chủ nghĩa Mác - Lênin. Chính vì vậy, tư tưởng này đã nhanh chóng trở thành đường lối cứu nước và dễ dàng thấm sâu vào quần chúng nhân dân Việt Nam. Tư tưởng của Người về sự nghiệp giải phóng dân tộc phải theo con đường cách mạng vô sản là một điều rất mới về ý thức gắn liền cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng thế giới. Nguyễn Ái Quốc đã góp phần truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin đến nhân dân các nước phương Đông để họ vững tin vào con đường cứu nước đúng đắn.

Hồ Chí Minh đặt lợi ích dân tộc, nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết và trước hết. Nhưng, Người không hề coi nhẹ lợi ích của giai cấp và không đi chệch quan điểm của giai cấp vô sản trong đấu tranh cách mạng. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen đã nêu rõ giai cấp vô sản muốn tự giải phóng mình trước hết phải giải phóng dân tộc, phải xây dựng thành một giai cấp - dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc. Bởi vì giai cấp luôn gắn liền với một dân tộc nhất định, chịu trách nhiệm trước hết đối với dân tộc mình, qua đó đóng góp cho sự nghiệp chung của giai cấp vô sản thế giới và nhân loại. Quan điểm của Mác rút ra từ nhận thức về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân ở các nước phương Tây. Đó là việc lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản để xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa, trong đó mọi tầng lớp nhân dân lao động cùng giai cấp vô sản hưởng tự do, hạnh phúc.

Ở các nước thuộc địa, nhiệm vụ cấp bách trước mắt là phải đấu tranh thoát khỏi ách thống trị của tư bản thực dân để dân tộc được hoàn toàn giải phóng, và con đường giải phóng dân tộc phải là con đường cách mạng của giai cấp vô sản. Tuy vậy, Hồ Chí Minh vẫn khẳng định rằng cuộc cách mạng ở các nước thuộc địa trước hết là dân tộc cách mạng. Nguyên nhân của cuộc cách mạng này là vì bị áp bức mà sinh ra.

Khi chọn con đường cách mạng vô sản cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, Hồ Chí

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t. 2, tr. 206-207.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t. 2, tr. 206-207.

Minh mong muốn nhân dân Việt Nam đạt được kết quả trọn vẹn của công cuộc giải phóng, tránh được tình trạng là sau cách mạng nhưng nhân dân vẫn cứ cực khổ, vẫn phải lo tính cách mạng lần thứ hai. Bằng lý luận và thực tiễn đấu tranh, Người chứng minh rằng, chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ. Đó là sự lựa chọn của bản thân lịch sử. Sự khẳng định mối quan hệ giữa “dân tộc” và “giai cấp”, thể hiện ở mối quan hệ giữa cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng vô sản ở thuộc địa, là sự xác nhận tính tất yếu của phong trào giải phóng dân tộc trong thời đại chúng ta, nó không phải là một công thức để vận dụng một cách máy móc, rập khuôn, giáo điều mà phải hết sức linh hoạt, sáng tạo. Về chiến lược, Hồ Chí Minh đặt công cuộc giải phóng dân tộc trong cách mạng vô sản, nhưng trong chỉ đạo cụ thể lại không bao giờ coi nhẹ nhiệm vụ dân tộc và đặt cao một cách không thực tế nhiệm vụ giai cấp. Hồ Chí Minh nêu rõ rằng do nhân dân các nước thuộc địa bị áp bức nên mới đấu tranh giành độc lập, chống lại ách thống trị của chủ nghĩa thực dân. Vì thế, phải làm cho họ *nhận diện đúng kẻ thù*, tránh sự lừa bịp của bọn thống trị, nhân danh là “người khai hóa văn minh” cho các dân tộc nhỏ yếu. Hồ Chí Minh bằng nhiều hình thức, biện pháp phong phú, sinh động đã tố cáo *tội ác của bọn đế quốc thực dân*, giúp cho nhân dân thuộc địa và chính quốc nhận rõ bộ mặt chủ nghĩa thực dân. Người vạch trần những thủ đoạn có tính chất “quốc sách” cũng như những hành vi mang tính chất cá nhân của những tên cai trị.

Hiểu rõ tội ác của chủ nghĩa thực dân là để nhận thức đúng âm mưu của bọn thống trị đối với các thuộc địa. Trước và đồng thời với Hồ Chí Minh đã có nhiều người nói đến sự lệ thuộc của thuộc địa vào chính quốc. Song, chưa ai nói rõ như Hồ Chí Minh về vận mệnh của chủ nghĩa đế quốc được quyết định một phần không nhỏ ở thuộc địa: “Hiện nay, tất cả sinh lực của chủ nghĩa tư bản đế quốc đều lấy ở các xứ thuộc địa. Đó là nơi chủ nghĩa tư bản đế quốc đều lấy ở các xứ thuộc địa. Đó là nơi chủ nghĩa tư bản lấy nguyên liệu cho các nhà máy của nó, nơi nó đầu tư, tiêu thụ hàng, mộ nhân công rẻ mạt cho đạo quân lao động của nó, và nhất là tuyển những binh lính người bản xứ cho các đạo quân phản cách mạng của nó”¹. Xác định tầm quan trọng của thuộc địa đối với chính quốc, Hồ Chí Minh giải thích được lý do vì sao bọn thực dân, đế quốc ra sức nắm lấy thuộc địa. Điều sâu sắc trong tư tưởng của Hồ Chí Minh là Người đã chứng minh rằng bọn đế quốc thống trị thuộc địa không chỉ áp bức bóc lột nhân dân, mà còn gây ra chiến tranh chống vô sản nước mình, chống lại phong trào cách mạng thế giới.

C. Mác và Ph. Ăngghen đã lưu ý đến mối quan hệ giữa nhân dân thuộc địa và chính quốc trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản. Nhưng do chú trọng đến nhiệm vụ của giai cấp công nhân đối với việc lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa, nên có lúc cho rằng việc giải phóng thuộc địa chỉ thành công khi cách mạng vô sản ở chính quốc thắng lợi. Mác đã nhận thấy ngay tính chất hạn chế và sai lầm của quan điểm này và kịp thời sửa chữa. Trong *Báo cáo gửi Ban Chấp hành Quốc tế thứ nhất* (10-12-1969), C. Mác đã thay đổi quan điểm của mình về vấn đề Airolen như sau: “Đã từ lâu tôi nghĩ rằng có thể đánh đổ chế độ thống trị Airolen bằng một cuộc nổi dậy mãnh liệt của giai cấp công nhân Anh... Nhưng nghiên cứu sâu hơn tôi lại tin ngược lại. Giai cấp công nhân Anh sẽ không thể làm gì được chừng nào

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t. 1, tr. 241-242.

nó chưa dứt bỏ Airolen. Thế lực phản động Anh trong nước Anh bắt nguồn từ sự nô dịch Airolen”. Trên thực tế, C. Mác cũng chưa có dịp giải quyết mối quan hệ giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc.

V.I. Lênin quan tâm nhiều hơn đến mối quan hệ giữa cách mạng ở thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc. Trong tác phẩm *Vận mệnh lịch sử của học thuyết của Các Mác*, Lênin đã viết: “Bọn cơ hội chủ nghĩa chưa dứt lời tán tụng “hòa bình xã hội” và tính không tất yếu của những cơn bão táp dưới “chế độ dân chủ”, thì ở châu Á đã bắt đầu phát sinh một nguồn mới những cơn bão táp cực kỳ lớn của thế giới... Chúng ta đang sống chính trong thời đại những cơn bão táp ấy và thời đại mà những cơn bão ấy đang “đội ngược trở lại” châu Âu”¹. Do nhận thức được mối quan hệ, nhất là sự “đội ngược trở lại” của cơn bão táp cách mạng ở thuộc địa đối với giai cấp vô sản chính quốc mà Lênin đã mở rộng một cách hợp lý khẩu hiệu chiến đấu của C. Mác và Ph. Ăngghen nêu trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* thành khẩu hiệu chiến lược: Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại! Người đã khẳng định đường lối đúng đắn của Quốc tế Cộng sản đối với cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa, được trình bày trong *Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa*: “Nền tảng của các chính sách quốc tế cộng sản trong các vấn đề dân tộc và thuộc địa là làm cho những người vô sản và cần chúng cần lao của tất cả các dân tộc và tất cả các nước gần gũi nhau trong cuộc đấu tranh cách mạng chung để lật đổ bọn địa chủ và giai cấp tư sản, nếu không có sự bảo đảm đó thì không thể thủ tiêu sự áp bức dân tộc và tình trạng bất bình đẳng được”². Tuy nhiên, V.I. Lênin vẫn chưa nêu đầy đủ vai trò của cách mạng thuộc địa, khi cho rằng cách mạng thuộc địa phụ thuộc vào và cách mạng chính quốc, là “hậu bị quân” của cách mạng chính quốc và chỉ có thể nổ ra và thắng lợi khi cách mạng vô sản chính quốc thành công.

Sau C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin, trong Quốc tế Cộng sản và trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế Hồ Chí Minh là người thông hiểu, có quan điểm đúng đắn, sáng tạo về tình hình thuộc địa, về vai trò của các thuộc địa, nhất là về mối quan hệ giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc. Trước hết, với tinh thần cách mạng thẳng thắn, Nguyễn Ái Quốc phê phán Đảng Cộng sản các nước tư bản đã không thực hiện đúng di huấn của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Người đòi hỏi: “Vì chúng ta tự coi mình là học trò của Lênin, cho nên chúng ta cần phải tập trung tất cả sức lực và nghị lực để thực hiện trên thực tế những lời di huấn quý báu của Lênin đối với chúng ta về vấn đề thuộc địa cũng như các vấn đề khác”³.

Từ sự phân tích “tất cả sinh lực của chủ nghĩa tư bản để quốc đều lấy ở các xứ thuộc địa”⁴, Hồ Chí Minh đã xác định sự tất yếu của cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa, vai trò của các thuộc địa đối với cách mạng vô sản, đối với chủ nghĩa đế quốc. Người khẳng định: hàng trăm triệu người châu Á bị nô dịch và áp bức sẽ thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một nhóm thực dân tham tàn và chính họ sẽ hình thành được một lực lượng đồ

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, NXB Tiến bộ, Matxcova, 1980, t. 23, tr. 4.

2. V.I. Lênin: *Tuyên tập*, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1959, quyển II, phần II, tr. 428.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t. 1, tr. 222.

4. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t. 1, tr. 241.

sộ vừa có thể thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc, vừa giúp đỡ những người anh em ở phương Tây trong sự nghiệp giải phóng. Theo Hồ Chí Minh, cách mạng giải phóng dân tộc là “một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản trong phạm vi toàn thế giới”, là “một trong những cái cánh của cách mạng vô sản”¹. Phát biểu tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản (tháng 6-1924), Nguyễn Ái Quốc đã phân tích: “Vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa... nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa”², nếu khinh thường cách mạng ở thuộc địa tức là “muốn đánh rắn chết đằng đuôi”³. Vận dụng công thức của C. Mác: Sự giải phóng của giai cấp công nhân phải là sự nghiệp của bản thân giai cấp công nhân” Nguyễn Ái Quốc đã đi tới luận điểm: “Công cuộc giải phóng anh em (tức nhân dân thuộc địa) chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”⁴.

Nguyễn Ái Quốc tin theo Lênin, tin theo Quốc tế Cộng sản. Song là người yêu nước, lăn lộn trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, lại là người cộng sản hoạt động rất tích cực trong phong trào giải phóng dân tộc thế giới nên Người chẳng những hiểu rõ hơn ai hết về thuộc địa, về chủ nghĩa thực dân, về sức mạnh to lớn của phong trào giải phóng dân tộc, mà còn thấy được tính chủ động, tích cực của cách mạng giải phóng dân tộc. Theo Hồ Chí Minh, cách mạng thuộc địa và cách mạng chính quốc có quan hệ mật thiết với nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc. Trong cuộc đấu tranh đó, nhân dân các dân tộc thuộc địa có thể chủ động tự đứng lên giải phóng khi được ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin soi đường, được Đảng Cộng sản lãnh đạo, mặc dù ở nước họ công nghiệp, thương nghiệp chưa phát triển, giai cấp công nhân còn nhỏ bé, trình độ thấp kém.

Năm 1921, viết về khả năng cách mạng của nhân dân Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc nhận định: Người Đông Dương không được học, đúng thế, bằng sách vở và bằng diễn văn, nhưng người Đông Dương nhận sự giáo dục bằng cách khác. Đau khổ, nghèo đói và sự đàn áp tàn bạo là những người thầy duy nhất của họ... Chính sách xâm lược, thống trị và bóc lột thuộc địa một cách tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc thực dân đã làm cho mâu thuẫn giữa chúng với các dân tộc bị nô dịch càng sâu sắc. Phong trào dân tộc của nhân dân các thuộc địa đã liên tục phát triển. Nhân dân các thuộc địa nói chung, châu Á và Việt Nam nói riêng sẵn có một tiềm năng cách mạng to lớn. Người châu Á nói chung, nhân dân Việt Nam nói riêng “tuy bị người phương Tây coi là lạc hậu - vẫn hiểu rõ hơn hết sự cần thiết phải cải cách toàn bộ xã hội hiện tại”⁵. Và “xét những lý do lịch sử cho phép chủ nghĩa cộng sản thâm nhập dễ dàng vào châu Á, dễ dàng hơn là ở châu Âu”⁶. Sự tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc thực dân ở các thuộc địa đã tạo điều kiện để chủ nghĩa xã hội “gieo hạt giống của công cuộc giải phóng”⁷. Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, nhân dân các nước thuộc địa, cũng như

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t. 1, tr. 254.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 1, tr. 273-274.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t. 1, tr. 274.

4. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t. 2, tr. 128.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 28, 35.

6. *Như trên*

7. *Như trên*

“người Đông Dương giầu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến. Bộ phận ưu tú có nhiệm vụ phải thúc đẩy cho thời cơ đó đến mau”¹. Khi thời cơ đến, cách mạng thuộc địa sẽ bùng nổ quyết liệt và giành thắng lợi trước cách mạng ở chính quốc.

Ngay từ năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đã sớm cho rằng: *Cách mạng thuộc địa không những không phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc mà có thể giành thắng lợi trước*. Đây quả là một dự kiến táo bạo, sáng tạo và mang tính hiện thực khách quan, vượt xa những đánh giá của Quốc tế Cộng sản về khả năng cách mạng thuộc địa lúc bấy giờ. Quan điểm này xuất phát từ chủ nghĩa Mác - Lênin, song lại phát triển, làm phong phú, bổ sung vào kho tàng lý luận Mác - Lênin. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945, của cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ 1945-1975 để giải phóng dân tộc ở Việt Nam là một minh chứng bằng thực tiễn rõ ràng cho quan điểm đúng đắn trên của Người.

3. Kiên trì con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam đã lựa chọn là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Ngày nay đất nước ta đang đứng trước những cơ hội và thách thức to lớn để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Bằng kinh nghiệm thực tiễn của 28 năm đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động, xuất phát từ thực tiễn đất nước, được nhân dân ủng hộ tin tưởng và làm theo, chúng ta tin tưởng rằng, đất nước ta sẽ tiếp tục phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 28, 35.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ GIẢI PHÓNG CON NGƯỜI VÀ SỰ NGHIỆP TRỒNG NGƯỜI TRONG *DI CHÚC*

ThS. Trịnh Quang Dũng*

1. Đặt vấn đề

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân văn là toàn bộ hệ thống những tư tưởng, quan điểm của Người về sự nghiệp giải phóng con người, giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, chăm lo đời sống nhân dân, bồi dưỡng thế hệ trẻ, tu dưỡng đạo đức cách mạng... có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, làm kim chỉ nam cho hoạt động lãnh đạo của Đảng ta về an sinh xã hội, chăm lo đời sống nhân dân. Tư tưởng nhân văn của Hồ Chí Minh được hình thành từ rất sớm, và được bổ sung, hoàn thiện gắn với các giai đoạn lịch sử cách mạng nhất định, thể hiện qua nhiều tác phẩm, văn bản, bài nói chuyện, bài báo... bản *Di chúc* cũng nằm trong số các tác phẩm ấy. Bản *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra đời cách đây 50 năm (1969-2019) là văn bản có giá trị vô cùng to lớn không chỉ về mặt lý luận mà còn có ý nghĩa về mặt thực tiễn, là bài học quý giá cho sự nghiệp lãnh đạo của Đảng, cho sự rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của mỗi cán bộ, đảng viên, đặc biệt trong đời sống hiện nay. Tác phẩm thể hiện nhiều khía cạnh trong tư tưởng Hồ Chí Minh như tổng kết con đường đấu tranh cách mạng, tư tưởng đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, nhưng đọng lại trong tâm trí người đọc vẫn là tấm lòng, tình yêu thương cao cả, tư tưởng nhân văn sâu sắc của Người dành cho toàn thể nhân dân, với sự nghiệp giải phóng con người mà Đảng ta lãnh đạo. Với lý do đó, chúng tôi xin gửi đến Hội thảo bài viết nhằm chia sẻ những vấn đề trong Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng con người, sự nghiệp trồng người được Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện qua một tác phẩm cụ thể, đó là *Di chúc*.

2. Nội dung

2.1 Tác phẩm *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Từ năm 1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cảm nhận được sức khỏe của mình đã bị sa sút so với những năm trước đây. Cũng năm 1965, sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, đồng thời mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng hải quân và không quân. Trên thế giới tình hình mâu thuẫn cục bộ giữa các đảng anh em đã xuất hiện. Chính trong hoàn cảnh ấy, Người đã viết *Di chúc*.

Di chúc của Hồ Chí Minh ban đầu có tên là “Thư”¹ là văn bản mà Người để lại tình thương yêu và những lời căn dặn tâm huyết cho toàn Đảng, toàn dân và bạn bè anh em quốc tế trước khi Người trở về với cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị lãnh đạo cách mạng. Ngày 10-5-1965, Hồ Chí Minh đánh máy bản *Di chúc* đầu tiên. Đây là bản *Di chúc* hoàn chỉnh. Đến năm 1966, Người có bổ sung ngắn, đặc biệt trong 2 năm (1968-1969), Người có bổ sung

* Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 611-624.

thêm phần “việc riêng” và phần “mở đầu”. Các bản Di chúc này của Chủ tịch Hồ Chí Minh được Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VI công bố vào năm 1989 vào dịp chuẩn bị kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Người.

2.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng con người và sự nghiệp trồng người trong Di chúc

Nói đến tư tưởng về con người của Hồ Chí Minh tức là nói tới toàn bộ suy nghĩ và tình cảm đã chi phối suốt cuộc đời của Người, một tình cảm đấu tranh không mệt mỏi cho độc lập của dân tộc, cho tự do và hạnh phúc của nhân dân, cho sự nghiệp giải phóng của cả nhân loại và của mỗi con người. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người được hình thành từ hoàn cảnh sống và chiến đấu của bản thân và cũng từ sự kế thừa một cách sáng tạo những truyền thống nhân văn của dân tộc và nhân loại.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người nói chung và giải phóng con người, sự nghiệp trồng người nói riêng được kế thừa từ giá trị văn hóa, tư tưởng truyền thống của dân tộc, kết hợp với những tinh hoa văn hóa của nhân loại, đặc biệt là chủ nghĩa Mác – Lênin đã làm cho tư tưởng của Người về giải phóng con người mang tính khoa học, cách mạng, sự kế thừa đó được phát triển trên một nền tảng nhân cách lớn Hồ Chí Minh với những phẩm chất, năng lực cá nhân đặc biệt xuất sắc và một tình yêu cao cả, rộng lớn của Người dành cho nhân dân, cho dân tộc, cho đồng bào và nhân loại. Cho nên, chính tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân văn, về giải phóng con người đã đem lại một tầm cao mới của truyền thống nhân văn của dân tộc, đồng thời cũng là một sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin, vào hoàn cảnh lịch sử, cụ thể của Việt Nam.

Những giá trị ấy được cụ thể hóa và thể hiện rất rõ trong tác phẩm Di chúc qua những luận điểm chính của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cụ thể:

Một là, Người đồng cảm với những hy sinh, mất mát và khốn khổ của đồng bào khi bị thực dân, đế quốc xâm chiếm, bóc lột.

Con người trong Tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là một con người trừu tượng, chung chung mà Hồ Chí Minh đề cập đến con người với những chủ thể con người lịch sử cụ thể, con người trong một bối cảnh với những điều kiện khách quan, chủ quan của lịch sử. Với một đất nước bị tàn phá bởi chiến tranh, luôn bị các thế lực ngoại bang xâm lược, Người nhận thức rõ ràng nguyện vọng sâu xa trong lòng mỗi người dân đất Việt, đó là phải được độc lập, tự do thật sự, được làm chủ bản thân, gia đình và xã hội.

Giải phóng con người, theo Người trước hết phải nắm bắt được tâm tư nguyện vọng của con người, những nỗi khổ mà con người phải gánh chịu, từ đó mới cố gắng tìm ra giải pháp để giải phóng con người. Khác với những tư tưởng của các tôn giáo, Hồ Chí Minh nhìn nhận sự đau khổ của con người từ chính thực tiễn của nhân dân làm than chịu cảnh mất nước, từ cảnh đồng bào bị áp bức bóc lột, từ thân phận nô lệ, nghèo đói,... Người đồng cảm, chia sẻ với những nỗi đau, những sự khốn cùng đó. Trong Di chúc, Người viết: “Nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ, bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh”¹. Chính sự đồng cảm, thương xót này mới là động lực để Người quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước, với tâm

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 622.

nguyện “là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”, và trên hành trình tìm đường cứu nước, sự cảm thông, chia sẻ và đau xót trước tình cảnh của nhân dân lao động lầm than càng được Người vun đắp bằng những hoạt động cách mạng thực tiễn, hòa mình vào cuộc sống của nhân dân lao động lầm than, sự đồng cảm đó, Hồ Chí Minh không chỉ dành cho nhân dân lao động ở An Nam và các nước thuộc địa, Người còn thương xót cho chính cảnh sống lầm than của giai cấp vô sản ở các nước chính quốc. Cho nên, Người đã nhận định, trên thế giới chỉ có hai loại người: loại người đi áp bức, bóc lột người khác và loại người bị bóc lột. Có được nhận định đó, Hồ Chí Minh đều xuất phát từ sự cảm thông, chia sẻ, đồng cảm với nỗi đau của con người sống trong chế độ thực dân, đế quốc.

Thứ hai, Người cũng thể hiện một niềm tin sâu sắc vào khả năng tự giải phóng của nhân dân với những phẩm chất cách mạng cần thiết.

Không chỉ đồng cảm với nỗi đau của con người, Hồ Chí Minh còn thể hiện một niềm tin vào sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, ý chí tự lực tự cường của chính nhân dân. Người nhìn ra những phẩm chất đáng quý của nhân dân “nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng”. Người tin vào một tương lai tươi sáng của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng ta. Niềm tin ấy sẽ trở thành sức mạnh to lớn cho nhân dân đứng lên đấu tranh để tự giải phóng bản thân, làm chủ đất nước và nhất định sẽ đạt được kết quả thắng lợi cuối cùng, dù Người nắm chắc cuộc kháng chiến của chúng ta còn nhiều gian khó, kéo dài. Trong Di chúc, niềm tin ấy đã được Người khẳng định: “Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

Còn non, còn nước, còn người,

Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!”¹

Có niềm tin mới có sức mạnh để chiến thắng “dù khó khăn đến mấy nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi”, nhất định thành công.

Thứ ba, giải phóng con người là phải đưa đất nước đến thống nhất, quét sạch chủ nghĩa đế quốc và tay sai, nhân dân Nam – Bắc thu về một mối.

Có tình cảm, có niềm tin vào tương lai sự nghiệp giải phóng con người, nhưng Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại bằng lời nói, bằng khẩu hiệu, Người biến sức mạnh tinh thần ấy bằng hành động thực tiễn. Chứng kiến cảnh đau khổ, đọa đày của nhân dân dưới chế độ thực dân, phong kiến, Người quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước bằng cách bôn ba sang các nước Phương Tây “xem nước Pháp và các nước khác làm gì với nhân dân họ, rồi sau đó mới về giải phóng cho đồng bào mình”. Người đã tìm đến chủ nghĩa Mác – Lênin với thắng lợi Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 lịch sử, từ đó Người kiên định con đường cách mạng vô sản. Nhưng khác với các nước chính quốc, cách mạng Việt Nam, theo Hồ Chí Minh, phải là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên cách mạng Xã hội chủ nghĩa, nghĩa là phải giành được độc lập dân tộc, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân và từ đó tiến lên con đường cách mạng Xã hội chủ nghĩa. Do đó, nhiệm vụ quan trọng nhất của cách mạng Việt

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 623.

Nam trước hết là phải giành được độc lập, tự do cho dân tộc. Nhưng độc lập, tự do như thế nào cho dân tộc khi đất nước bị chia làm hai miền Nam – Bắc với hai chế độ khác nhau, để quốc Mỹ vẫn còn giày xéo nhân dân trên lãnh thổ Việt Nam? Theo Người, độc lập, tự do là phải toàn vẹn lãnh thổ, tự do thật sự, phải thống nhất Tổ quốc, phải làm cho nhân dân “Nam – Bắc sum họp một nhà”, làm được như vậy mới thật sự là giải phóng con người, giải phóng dân tộc. Trong Di chúc, Người viết: “Để quốc Mỹ nhất định phải rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”¹. Đó không chỉ là niềm tin, đó là nhiệm vụ, là nghĩa vụ của toàn Đảng, toàn dân, phải quyết tâm giành được thắng lợi cuối cùng. Mặc dù cuộc kháng chiến còn nhiều gian khổ, Người đã khẳng định: “Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn”².

Thực tiễn lịch sử đã chứng minh được sự thắng lợi của niềm tin mà Người dành cho nhân dân. Với bản chất của chủ nghĩa đế quốc, chúng sẽ không từ bỏ Việt Nam nếu như chúng không thất bại trên mặt trận quân sự, chỉ khi nào Việt Nam thắng lợi trên mặt trận quân sự mới buộc chúng phải ngồi vào bàn đàm phán với Việt Nam. Vì lẽ đó, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đã cố gắng dốc hết sức lực, chiến đấu, giành lại từng tấc đất quê hương, đánh đuổi đế quốc Mỹ và lật đổ chế độ nguy quân, nguy quyền tàn bạo. Năm 1975 với đại thắng Tổng tiến công nổi dậy mùa Xuân, kháng chiến chống Mỹ cứu nước kết thúc, mong mỏi của Người và toàn thể dân tộc mới được hoàn thành, chúng ta đã giành được thắng lợi hoàn toàn, nhân dân hai miền Nam – Bắc quy về một mối, đất nước được thống nhất, dân tộc được tự do, nhân dân được giải phóng. Rõ ràng, hoàn thành sự nghiệp cao quý đó, dân tộc Việt Nam không thể một sớm một chiều, không thể vội vàng, mà phải bình tĩnh, kiên trì đấu tranh đến những giọt máu cuối cùng, quyết tâm giành được độc lập. Nhân dân có được tự do, đất nước có được thống nhất thì ta mới có được nền tảng đưa cả nước tiến lên con đường xây dựng Xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch ra từ những năm 30 của thế kỷ XX. Do đó, giải phóng con người là mục tiêu cũng là nền tảng, động lực để cách mạng Việt Nam thực hiện tiếp con đường cách mạng Xã hội chủ nghĩa của mình.

Thứ tư, giải phóng con người là phải chăm lo đời sống nhân dân sau chiến tranh, “không ngừng nâng cao đời sống nhân dân”

Hồ Chí Minh đã từng nói: “nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”³, nghĩa là, phải chăm lo đến đời sống của nhân dân để không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, đặc biệt là khi đất nước đã được thống nhất, dân tộc được độc lập. Trong Di chúc, Hồ Chí Minh thường xuyên nhấn mạnh đến công việc này, Người nói: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”⁴ và xem đây là công việc đầu tiên cần phải thực hiện “Đầu tiên là công việc đối với con người”. Điều này cho thấy, trong Tư tưởng Hồ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 15, tr. 623.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 15, tr. 618.

3. Hồ Chí Minh, “Thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng”; đăng trên Báo *Cứu quốc*, số ra ngày 17-10-1945.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 15, tr. 612.

Chí Minh, công việc chăm lo đời sống nhân dân có một vị trí và ý nghĩa to lớn, được Người đặc biệt quan tâm.

Vấn đề quan trọng trong công tác chăm sóc đời sống nhân dân được Người đề cập đến trong Di chúc, đó là vấn đề xác định đối tượng cần được quan tâm là ai?

Con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là con người chung chung, mà là các tầng lớp nhân dân cụ thể: từ những chiến sĩ anh dũng chiến đấu, đến gia đình các anh hùng liệt sĩ, các tầng lớp, giai cấp và cả những người lầm đường lỡ bước... Trong Di chúc, Người quan tâm và đưa ra định hướng đối với từng lực lượng, tầng lớp nhân dân.

Người quan tâm trước tiên đối với chiến sĩ, cán bộ, dân quan, du kích,... những người trực tiếp tham gia cách mạng, tham gia kháng chiến, đã chịu nhiều hy sinh mất mát cho cách mạng. Với những chiến sĩ anh dũng này, “Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để họ có thể dần dần “tự lực cánh sinh”.

Đối với mỗi liệt sĩ, theo Người mỗi địa phương phải xây dựng những Nghĩa trang liệt sĩ, vườn hoa, bia tưởng niệm trước là “để ghi danh sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ” và sau là “để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta”¹, là tấm gương để cho các thế hệ trẻ noi theo để tiếp tục con đường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thành quả mà các chiến sĩ anh dũng đã hy sinh giành được.

Đối với cha mẹ, vợ con (của thương binh và liệt sĩ) mà thiếu sức lao động và túng thiếu, theo Người thì “chính quyền địa phương (nếu ở nông thôn thì chính quyền xã cùng hợp tác xã nông nghiệp) phải giúp đỡ họ có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ bị đói rét”²; với tư tưởng này, Người không những thể hiện một sự trân trọng đối với những tấm gương anh hùng liệt sĩ đã hy sinh cho Tổ quốc, mà Người còn quan tâm đến chế độ đãi ngộ đối với thân nhân các anh hùng liệt sĩ, qua đó, làm sống dậy tinh thần “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ kẻ trồng cây” – một truyền thống tốt đẹp hàng nghìn năm của lịch sử dân tộc ta.

Phụ nữ là bộ phận quan trọng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nước ta, họ là những bà mẹ anh hùng, những người vợ đảm đang, những người chị kiên trung, không những đảm việc nhà, còn giỏi việc nước. Trong kháng chiến, họ vừa là lực lượng to lớn trong chiến đấu và trong sản xuất. Khi ra tiền tuyến, họ anh dũng không kém các bậc nam nhi, sẵn sàng “đánh đến cái lai quần cũng đánh”; khi ở hậu phương, họ giỏi giang trong sản xuất, trong lao động. Họ xứng đáng được mệnh danh là “nữ nhân hào kiệt” như các vị nữ tướng lừng danh trong lịch sử dân tộc. Điều đó không ai có thể phủ nhận, vì thế Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh “Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, phụ nữ đảm đang ta đã góp phần xứng đáng trong chiến đấu và trong sản xuất”, cho nên sau khi đất nước được thống nhất “Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo”. Đồng thời, Người cũng đòi hỏi sự chủ động, tích cực của chính phụ nữ, Người nói: “Bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên”. Và theo Người, đó không phải chỉ là một nhiệm vụ quan trọng,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 15, tr. 616.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 15, tr. 616.

mà nó còn là một cuộc cách mạng trong xã hội, cuộc cách mạng “đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ”¹. Cuộc cách mạng này làm thay đổi bản chất của xã hội, thể hiện tính ưu việt của chế độ dân chủ nhân dân, xóa đi sự bất bình đẳng giới đã tồn tại hàng nghìn năm của lịch sử dân tộc ta. Công cuộc xây dựng Xã hội chủ nghĩa cũng là công cuộc đem lại sự bình đẳng cho nữ giới, tạo điều kiện cho phụ nữ làm chủ và phát huy hết những khả năng của bản thân trong xã hội.

Đối với bộ phận nông dân – một bộ phận đông đảo trong xã hội, cũng là lực lượng cách mạng quan trọng, từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, nông dân đã nhiệt tình cách mạng, trung thành với sự lãnh đạo của Đảng, thậm chí “ra sức góp của góp người, vui lòng chịu đựng mọi khó khăn gian khổ”. Cho nên, theo Người sau khi đất nước được hòa bình phải thật sự chăm lo đến đời sống nông dân, “tôi có ý đề nghị miễn thuế nông nghiệp 1 năm cho các hợp tác xã nông nghiệp để cho đồng bào hỉ hả, mát dạ mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất”².

Ngoài các lực lượng quần chúng, Hồ Chí Minh còn thể hiện sự quan tâm đối với những người lầm đường lạc lối, đó là “những nạn nhân của chế độ xã hội cũ, như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu, v.v.”. Với những đối tượng này, Người không có thái độ kỳ thị, xa lánh, hoặc tẩy chay mà ngược lại, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại có tấm lòng nhân ái sâu sắc, cứu mang họ khi nhấn mạnh: “Nhà nước phải dùng vừa giáo dục vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện”³. Tư tưởng này của Người thể hiện tinh thần nhân nghĩa “đánh kẻ chạy đi không ai đánh kẻ chạy lại” của dân tộc ta, nó cũng là cơ sở để trên nền tảng đó, Người đã tập hợp được sức mạnh rộng lớn của toàn dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ở Hồ Chí Minh, những giá trị tốt đẹp của truyền thống của cha ông luôn được Người làm sống dậy và trở thành đạo lý tốt đẹp của dân tộc ta, đồng thời, chính Người cũng nâng tầm giá trị của những tư tưởng truyền thống dân tộc.

Vấn đề tiếp theo được Người đề cập trong Di chúc, đó là việc xác định phải làm gì để chăm lo cho đời sống nhân dân và ai sẽ là người thực hiện công việc đó?

Theo Người, chăm lo đời sống nhân dân phải có những kế hoạch cụ thể trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, từ kinh tế, chính trị đến văn hóa, giáo dục, y tế, xây dựng lại các thành phố và làng mạc. Người nói “Ở đây nói về kế hoạch xây dựng lại thành phố và làng mạc đẹp đẽ, đàng hoàng hơn trước chiến tranh. Khôi phục và mở rộng các ngành kinh tế. Phát triển công tác vệ sinh, y tế. Sửa đổi chế độ giáo dục cho hợp với hoàn cảnh mới của nhân dân, như phát triển các trường nửa ngày học tập nửa ngày lao động. Củng cố quốc phòng. Chuẩn bị mọi việc để thống nhất Tổ quốc...”⁴.

Những công việc này không thể ngày một ngày hai, chớp nhoáng mà đó là công việc rất nhiều khó khăn, thử thách, lâu dài. Theo Người, “Công việc trên đây là rất to lớn, nặng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 15, tr. 617.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 15, tr. 617.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 15, tr. 617.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 15, tr. 617.

nề, và phức tạp, mà cũng là rất vẻ vang”¹. Sự vẻ vang, hay sự khó khăn, nặng nề của công việc này được quyết định bởi đây là một cuộc chiến giữa cái mới đang được định hình với cái cũ đã lỗi thời lạc hậu, “đây là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi”².

Về vấn đề lực lượng để có thể thực hiện được nhiệm vụ chăm sóc đời sống nhân dân, theo Người, không có gì ngoài việc phải phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân. “Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân”³.

Thứ năm, giải phóng con người đồng thời cũng phải chú trọng đến sự nghiệp “trồng người”

Ngay từ khi ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã nhận thấy tầm quan trọng và vai trò to lớn của con người. Theo Người, con người có vai trò quan trọng trong sự phát triển của đời sống xã hội, Người viết “vô luận việc gì, đều do người làm ra, và từ nhỏ đến to, từ gần đến xa, đều thế cả”⁴. Người nhận thấy, nhân dân là người sáng tạo ra mọi giá trị vật chất, tinh thần và mọi của cải cũng như loài người đã sinh mọi phương thức sinh hoạt và các biểu hiện của nó giúp con người tồn tại và phát triển. Hồ Chí Minh không chỉ thấy rõ vai trò của con người còn thấy rõ sức mạnh của con người khi được tổ chức lại. Trong bài nói chuyện tại lớp Nghiên cứu Chính trị khóa 2 CỦA Trường Đại học Nhân dân Việt Nam, Người khẳng định “trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết nhân dân”⁵. Cho nên, “để trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”. Trong quá trình lãnh đạo nhân dân tiến hành kháng chiến, hoàn thành các cuộc cách mạng, Người nhận thấy, con người vừa là mục tiêu cũng như động lực của cuộc cách mạng, đặc biệt “con người mới” còn có vai trò to lớn trong việc mở đường, dẫn đường, lôi kéo quần chúng trong sự nghiệp cách mạng giải phóng. Chính vì những lẽ ấy, Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh đến vấn đề xây dựng con người mới, hay là sự nghiệp “trồng người”.

Trong Di chúc, Hồ Chí Minh nhấn mạnh rất nhiều đến sự nghiệp “trồng người”. “Trồng người” đó là sự nghiệp bồi dưỡng thế hệ trẻ cách mạng cho đời sau, đó là “một việc rất quan trọng và rất cần thiết”⁶.

Để thực hiện chiến lược “trồng người” cần có nhiều biện pháp, nhưng giáo dục và đào tạo là biện pháp quan trọng nhất. Bởi vì, giáo dục tốt sẽ tạo ra tính thiện, đem lại tương lai tươi sáng cho thanh niên. Ngược lại, giáo dục tồi sẽ ảnh hưởng xấu đến thanh niên.

Nội dung và phương pháp giáo dục phải toàn diện cả về đức, trí tuệ, mỹ, cả về mặt đạo đức, lý tưởng và tình cảm, lối sống Xã hội chủ nghĩa. Hai mặt đức và tài thống nhất với nhau, không tách rời nhau, trong đó đức là gốc, là nền tảng cho tài phát triển. Có như vậy mới có thể “học để làm người”, có như vậy mới có thể “đào tạo họ thành những người thừa

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 617.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 617.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 617.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 5, tr. 315.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 10, tr. 453.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 612.

kể xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng vừa “chuyên”¹, những “con người mới”, có những phẩm chất của xã hội mới.

Mặc dù trong Di chúc, Người không đề cập đến những phẩm chất của con người mới, nhưng ở nhiều tác phẩm khác, Người quan điểm, sự nghiệp “trồng người” phải tạo ra con người có những đặc điểm chính, cụ thể như: Tiêu chuẩn của con người mới theo Tư tưởng Hồ Chí Minh: Có Tư tưởng Xã hội chủ nghĩa; có ý thức làm chủ, có tinh thần tập thể, có tư tưởng mình vì mọi người, mọi người vì mình, có tinh thần dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm, biết vươn lên hàng đầu, có tinh thần tiên nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên Chủ nghĩa xã hội. Họ phải là những người có đạo đức và lối sống Xã hội chủ nghĩa với những phẩm chất như: trung với nước, hiếu với dân, yêu thương con người, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, có tinh thần quốc tế trong sáng, có lối sống lành mạnh. Họ cũng phải là người có tác phong xã hội chủ nghĩa, làm việc có kế hoạch, có biện pháp có quyết tâm, có tổ chức, có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, lao động quên mình, không sợ khó, sợ khổ, vì lợi ích của xã hội, tập thể và bản thân mình. Và họ cũng là những người có năng lực làm chủ: bản thân, gia đình, và công việc của mình được đảm nhận, có đủ sức khỏe và tư cách tham gia làm chủ Nhà nước và xã hội, thực hiện có kết quả quyền công dân, phải không ngừng nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, khoa học công nghệ, chuyên môn nghiệp vụ của mình.

Thứ sáu, sự nghiệp giải phóng con người, sự nghiệp “trồng người” phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, Người đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Đề đạt được mục tiêu trong công cuộc giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, ngay từ khi Người tìm thấy con đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã khẳng định, một trong những điều kiện tiên quyết để đưa đến cuộc cách mạng triệt để, khác xa so với các cuộc cách mạng tư sản khác trên thế giới, đó là cuộc cách mạng này phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo nhân dân giành chính quyền, lập nên Nhà nước, cho đến khi Đảng trở thành Đảng cầm quyền, thì Người còn khẳng định, trong suốt quá trình cách mạng, Đảng ta cần chú trọng đến nhiệm vụ quan trọng – xây dựng Đảng, chỉnh đốn Đảng. Có xây dựng Đảng, chỉnh đốn Đảng thì giải phóng con người mới có thể triệt để thành công.

Công tác xây dựng Đảng được Người đề cập đến trong Di chúc chủ yếu trên các phương diện sau:

Trước hết, là xây dựng khối đại đoàn kết trong nội bộ Đảng. Người nhận thấy vai trò của đoàn kết nội bộ Đảng đối với những thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trong Di chúc, Người viết: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiên từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”². Từ đó, Người đúc rút thành kết luận “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta”. Và để giữ vững tinh thần đoàn kết ấy, Người yêu cầu: “Các đồng chí từ Trung ương đến

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 15, tr. 612.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 15, tr. 611.

các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”¹.

Công tác xây dựng Đảng cần phải được đặt trên nền tảng của nguyên tắc sinh hoạt Đảng. Người đặc biệt nhấn mạnh nguyên tắc phê bình và tự phê bình của Đảng, Người viết: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”².

Xây dựng Đảng còn phải là hoạt động xây dựng đạo đức cách mạng. Đạo đức cách mạng là thứ đối lập với chủ nghĩa cá nhân, đó là những phẩm chất “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”. Từ đó, Người yêu cầu “Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”³.

3. Kết luận

Giải phóng con người, sự nghiệp “trồng người” là một nhiệm vụ, là mục tiêu lâu dài, chiến lược của cách mạng Việt Nam. Nhiệm vụ ấy gắn liền từng đường lối, chủ trương của Đảng ở từng giai đoạn lịch sử nhất định, nó đòi hỏi phải có sự đoàn kết từ Đảng đến mọi tầng lớp nhân dân. Giải phóng con người cũng là mục tiêu quan trọng, là nguyện vọng cao quý nhất trong Tư tưởng Hồ Chí Minh. Mọi tư tưởng, quan điểm và hành động của Người cũng đều nhằm mong muốn làm sao để giải phóng được dân tộc, giải phóng được giai cấp và giải phóng con người. Mục tiêu, nguyện vọng ấy cho đến nay vẫn là định hướng, là ánh sáng soi đường chỉ lối cho Đảng và Nhà nước trên con đường lãnh đạo nhân dân, lãnh đạo đất nước, đó cũng là ước vọng của toàn thể dân tộc Việt Nam về một xã hội bình đẳng, tự do thật sự, con người được giải phóng hoàn toàn, được làm chủ bản thân, gia đình, và xã hội. Chính vì lẽ đó, việc tiếp tục nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh trong Di chúc vẫn là một hoạt động quan trọng có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, để mục tiêu, nguyện vọng về giải phóng con người của Chủ tịch Hồ Chí Minh trở thành hiện thực trên đất nước ta.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 622.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 622.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 622.

VAI TRÒ CỦA ĐOÀN VIÊN, THANH NIÊN TRONG DI CHỨC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ VIỆC THỰC HIỆN DI CHỨC CỦA ĐOÀN VIÊN THANH NIÊN HIỆN NAY

*ThS. Từ Thị Cẩm Giang**

Chủ tịch Hồ Chí Minh - một vị lãnh tụ vĩ đại và kính yêu của dân tộc Việt Nam, một nhà văn, nhà chính trị lỗi lạc của cả nhân loại. Cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh là một cuộc đời trong sáng cao đẹp của một người cộng sản vĩ đại, một anh hùng dân tộc kiệt xuất, một chiến sĩ quốc tế lỗi lạc, đã đấu tranh không mệt mỏi và hiến dâng cả đời mình cho Tổ quốc, cho nhân dân. Trong sự nghiệp cách mạng của mình, người luôn coi trọng vai trò của lực lượng đoàn viên thanh niên trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Khi người đi xa, người đã để lại những lời căn dặn sâu sắc dành cho đoàn viên, thanh niên - những người trụ cột tương lai của đất nước. Trong bài tham luận này, tác giả đã nghiên cứu vai trò của đoàn viên, thanh niên trong Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh và việc thực hiện Di chúc của đoàn viên, thanh niên hiện nay.

1. Vai trò của đoàn viên, thanh niên trong Di chúc Hồ Chí Minh

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ phản ánh khí phách hào hùng của dân tộc, là tình cảm và niềm tin của Người dành cho Đảng, cho dân, mà còn thể hiện đường lối chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam 50 năm qua. *Di chúc* của Người đã trở thành lời hiệu triệu thiêng liêng của Tổ quốc thúc giục bao thế hệ người Việt Nam lên đường đánh giặc, cứu nước trong thời chiến và xây dựng Tổ quốc Việt Nam giàu, mạnh trong thời bình. *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kết tinh những giá trị cao đẹp nhất của văn hóa phương Tây, văn hóa phương Đông, giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam và chủ nghĩa Mác - Lênin và những tư tưởng này đã được toả sáng trong thực tiễn cách mạng nước ta.

Kết tinh cao nhất tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là ở bản *Di chúc* của Người, nó là đạo đức suốt đời vì hạnh phúc của nhân dân - đạo đức cách mạng mà Bác đã dày công vun đắp cho các thế hệ người Việt Nam. Hồ Chí Minh là người sớm nhận rõ vị trí, vai trò của thế hệ trẻ. Người viết: “đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc điều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa ‘hồng’ vừa ‘chuyên’”¹.

Thật vậy, lịch sử đã cho ta thấy tầng tầng lớp lớp thanh thiếu niên từ cậu bé liên lạc nhanh trí Kim Đồng, sự dũng cảm can trường của chị Võ Thị Sáu: “tao chỉ biết đứng không biết quỳ” trước bọn thực dân Pháp, Nguyễn Viết Xuân “nhắm thẳng quân thù mà bắn”, Bé Văn Đàn “lấy thân mình làm giá súng”, Nguyễn Bá Ngọc, Lê Hồng Phong, Phan Đình Giót,

* *Trường Đại học Tài chính - Kế toán*

1. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP. HCM, 2011, tr. 46.

Lý Tự Trọng, Nguyễn Thị Minh Khai,... Tất cả họ chỉ đang trong lứa tuổi mười mấy đôi mươi, lứa tuổi đẹp nhất của một đời người. Và họ đã sẵn sàng xả thân, dám hy sinh, chiến đấu với tất cả trí thông minh và sự dũng cảm tuyệt vời vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Điều đó cũng chứng tỏ rằng Đảng ta đã đạt được thành công lớn trong sự nghiệp giáo dục, tổ chức thanh thiếu niên làm nhiệm vụ cứu nước.

Theo Bác: muốn thức tỉnh một dân tộc, trước hết phải thức tỉnh thanh niên, thanh niên, là đối tượng có nhiều ưu điểm nổi trội như: trẻ tuổi, có sức khỏe, nhiệt tình, hăng hái, ham tìm hiểu, nhanh tiếp thu cái mới,... và để họ đóng vai trò quan trọng trong các phong trào xã hội. Thức tỉnh thanh niên là bước đầu tiên để thức tỉnh một dân tộc đứng lên giành độc lập và xây dựng xã hội mới.

Trong Thư gửi thanh niên và nhi đồng cả nước dịp Tết năm 1946, Người viết: “Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội”¹. Điều này khẳng định vai trò quan trọng của thanh niên đối với sự phát triển của xã hội. Chăm lo tốt cho thế hệ trẻ là đảm bảo tương lai phát triển bền vững và tươi sáng của dân tộc.

Người cũng đã từng viết: “Người ta thường nói: thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên. Thanh niên muốn làm người chủ tương lai cho xứng đáng thì ngay hiện tại phải rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải ra sức làm việc chuẩn bị cho cái tương lai đó”².

Trong thư gửi nhi đồng, nhân Tết Trung thu đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Người viết: “Ngày nay các cháu là nhi đồng. Ngày sau, các cháu là người chủ của nước nhà, của thế giới. Các cháu đoàn kết thì thế giới hòa bình và dân chủ, sẽ không có chiến tranh. Các cháu phải thi đua, tuỳ theo sức của các cháu, làm được việc gì có ích cho kháng chiến thì thi đua việc ấy”³.

Với niềm tin vào thế hệ trẻ, vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, người đã bắt đầu các hoạt động cách mạng của mình trong thanh niên và luôn quan tâm đến sự nghiệp giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ. Bác chỉ rõ lực lượng to lớn để xây dựng đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa là thanh niên, cán bộ nòng cốt lãnh đạo công cuộc xây dựng đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa cũng là thanh niên.

Chính vì thế, trong *Di chúc*, Bác dặn: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và cần thiết”⁴. Theo Bác, việc bồi dưỡng cho đoàn viên thanh niên không chỉ nằm ở việc chỉ là rèn cho họ lòng dũng cảm, ý chí ngoan cường, bản lĩnh chính trị vững vàng luôn sẵn sàng đứng lên giết giặc cứu nước, mà bồi dưỡng cho họ cả về kiến thức khoa học, kỹ thuật để họ chính là lực lượng nòng cốt kiến tạo đất nước trong thời đại mới. Chính vì lẽ đó, năm 1968, Bác bổ sung thêm vào Bản *Di chúc* 1965 nội dung về vấn đề thanh niên, cụ thể như sau: “Những chiến sĩ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong đều được rèn luyện trong chiến đấu và đều tỏ ra dũng cảm. Đảng và Chính phủ cần chọn ra một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 4, tr. 167.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 5, tr. 185.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 6, tr. 300.

4. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP.HCM, 2011, tr. 46.

các nghề để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta”¹.

Tất cả các tầng lớp thanh thiếu niên từ xưa đến nay đã, đang và sẽ mãi gọi Đồng chí Hồ Chí Minh là Bác Hồ và gửi gắm vào đó tất cả tình thương yêu và sự tin cậy như đối với người ông, người cha, người bạn lớn quý mến nhất mà không một chút cường điệu. Các thế hệ thanh thiếu niên ở nước ta trong những năm 30 cho đến những năm 60 của thế kỷ XX đều lớn lên và trưởng thành dưới sự chăm sóc giáo dục của Đảng Cộng sản Việt Nam do Đồng chí Hồ Chí Minh đứng đầu. Họ đã tỏ ra xứng đáng với sự đánh giá của Đảng, của Bác là thanh niên anh hùng của một dân tộc anh hùng.

2. Việc thực hiện *Di chúc* Hồ Chí Minh của đoàn viên, thanh niên hiện nay

Hồ Chủ tịch đã nói: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng”. Đó là một nhiệm vụ chiến lược của Đảng, là sự nghiệp của toàn xã hội, là trách nhiệm của mỗi gia đình, của mỗi người dân Việt Nam.

Việt Nam đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chính chế độ xã hội chủ nghĩa đã khai sinh ra một đất nước mới, một con người mới với một lối sống mới phù hợp với giá trị đạo đức mới. Những cái mới đó đã nảy sinh ngay từ buổi đầu của thời kỳ quá độ và ngày càng trở thành bộ phận chủ đạo trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Để có được những giá trị mới đó không phải là tự nhiên mà là cả một quá trình khó khăn, đau đớn, cả những hy sinh để tạo ra chất mới trong cuộc sống và trong con người. Tương lai của đất nước, của chủ nghĩa xã hội thuộc về thế hệ trẻ. Thành công của đất nước hôm nay còn là sự kế thừa những giá trị truyền thống tốt đẹp của thế hệ cha anh để lại cho thế hệ thanh thiếu niên hôm nay và mai sau - những người chủ thật sự của đất nước trong tương lai. Chính vì lẽ đó, thời gian qua, Đảng và Nhà nước luôn đặt biệt quan tâm đến tuổi trẻ, điều đó được khẳng định trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX: “Đối với thế hệ trẻ, chăm lo giáo dục, bồi dưỡng, đào tạo, phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, văn hóa, sức khỏe, nghề nghiệp; giải quyết việc làm, phát triển tài năng và sức sáng tạo, phát huy vai trò xung kích trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc”².

Ngày nay, chiến tranh không bằng vũ khí, mà chiến tranh tranh đôi khi còn diễn ra một cách phức tạp hơn, khó đoán hơn, đó chính là chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch mà đối tượng bọn chúng nhắm vào là tầng lớp thanh niên. Vì vậy, nhiệm vụ của thanh niên ngày càng quan trọng hơn nữa, họ một mặt phải giữ vững bản lĩnh chính trị, đủ sự can trường và trí tuệ để chống lại các chiêu trò của các thế lực thù địch, một mặt họ phải là lực lượng nòng cốt để đảm bảo hòa bình cho đất nước, duy trì cuộc sống bình yên cho nhân dân và toàn vẹn chủ quyền của lãnh thổ, đây là thách thức vô cùng to lớn. Bảo vệ Tổ quốc bằng vũ lực đã khó khăn, nhưng bảo vệ Tổ quốc mà không dùng vũ lực thì càng khó khăn hơn.

Trong thời đại của công nghiệp 4.0, sự bùng nổ thông tin, nền kinh tế thị trường, chủ

1. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP.HCM, 2011, tr. 52

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 126.

trương hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay thì vấn đề rèn luyện và giữ vững bản lĩnh chính trị cho tầng lớp thanh thiếu niên là cực kỳ quan trọng và cần thiết để góp phần bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Bên cạnh đó, cần phải đào tạo con người mới xã hội chủ nghĩa, có trình độ cao về khoa học, kỹ thuật, kinh tế, văn hóa, xã hội,... để thích nghi được với điều kiện mới của thế giới.

Yêu nước trong thời chiến là đứng lên cầm súng giết giặc cứu nước, còn trong thời bình, thì yêu nước có hình ảnh những bác sĩ trẻ tự nguyện lên vùng núi cao khám chữa bệnh cho người dân, hình ảnh của các cô giáo trẻ mang con chữ đến với các em nhỏ ở vùng sâu vùng xa, hình ảnh những anh lính trẻ ngày đêm canh gác ngoài đảo xa, hay những màu áo xanh tình nguyện đi làm đường, sửa nhà,... Họ là ai? Họ chính là những đoàn viên, thanh niên đang trong lứa tuổi thanh xuân, lứa tuổi đẹp nhất của đời người. Họ dám hy sinh, dám dấn mình vào thử thách để mang lại những điều tốt đẹp cho nhân dân, cho đất nước. Nhằm vinh danh và nêu gương những tấm gương đoàn viên, thanh niên tốt thì những năm gần đây Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phối hợp cùng Quỹ Hỗ trợ Tài năng trẻ Việt Nam đã tổ chức họp Hội đồng Giải thưởng Gương mặt trẻ Việt Nam tiêu biểu. Gần đây nhất, Lễ vinh danh gương mặt trẻ tiêu biểu 2018 đã chọn ra được 10 gương mặt trẻ tiêu biểu. Họ là những gương mặt tạo sức hút, dấu ấn lớn trong cộng đồng nhờ những nỗ lực, cố gắng của bản thân với những thành tích ấn tượng. Tiêu biểu như cầu thủ Nguyễn Quang Hải với thành tích nổi bật: cùng đội tuyển U23 Việt Nam giành ngôi Á quân Giải Vô địch bóng đá U23 châu Á, trong đó, Quang Hải đóng góp 5 bàn thắng. “Cô gái vàng” Olympic Sinh học Nguyễn Phương Thảo, giành Huy chương Vàng Olympic Sinh học quốc tế với số điểm cao nhất thế giới (98,13/100 điểm). Hoa hậu Hoàn vũ Việt Nam H’Hen Niê lập nên kỳ tích cho sắc đẹp Việt Nam khi xuất sắc lọt vào Top 5 Hoa hậu Hoàn vũ thế giới 2018. H’Hen Niê còn là niềm cảm hứng cho hàng triệu người trẻ trong nước và quốc tế với những hoạt động thiện nguyện hướng về cộng đồng. Ngoài ra, Nguyễn Đức Thành (Lĩnh vực: Nghiên cứu khoa học – Sáng tạo), Vòng Bính Long (Lĩnh vực: Nghiên cứu khoa học – Sáng tạo), Văn Đình Hồng Vũ (Lĩnh vực: Kinh doanh – Khởi nghiệp), Trần Văn Thuyết (Lĩnh vực: Lao động sản xuất), Nguyễn Văn Thuận (Lĩnh vực: Quốc phòng), Lê Trọng Hiếu (Lĩnh vực: An Ninh trật tự), Lê Đình Hiếu (Lĩnh vực: Hoạt động xã hội). Tuy đến từ các lĩnh vực hoàn toàn khác nhau nhưng điểm chung nhất của 10 bạn trẻ này là sự nỗ lực rèn luyện bản thân về đạo đức cũng như tri thức khoa học, chuyên môn để làm cho bản thân mình ngày càng đẹp hơn, đóng góp cho gia đình, xã hội và cho đất nước ngày càng giàu mạnh để từng bước sánh vai với các cường quốc năm châu. Họ thực sự xứng đáng là những con người “vừa hồng, vừa chuyên” trong thời đại mới.

Điều đó một lần nữa khẳng định lời của Bác: muốn làm cho dân tộc ta vẻ vang sánh vai các cường quốc năm châu, có những bước tiến nhảy vọt cách xa chúng ta hàng thế kỷ, không có con đường nào khác là phải học tập để tiếp thu những tiến bộ và kinh nghiệm mà các quốc gia tiên tiến. Muốn thế, không chỉ dừng cảm và cần cù là đủ mà phải có trình độ học vấn cao để tiếp thu khoa học, đi tắt đón đầu công nghệ, thụ hưởng, và sử dụng những tư liệu sản xuất hiện đại mà cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại. Còn ai hơn tuổi trẻ đảm đương tốt sứ mệnh đó. Những kiến thức mà tuổi trẻ học tập được hôm nay sẽ áp dụng vào trong hoạt động của nhiều năm sau. Đặt lòng tin và giao trách nhiệm đó cho tuổi trẻ chính là

lòng yêu mến, trân trọng và một nhận thức đúng đắn, sáng suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tính tất yếu cần thiết của việc giáo dục, bồi dưỡng và phát huy sức mạnh của lực lượng thanh thiếu niên trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Sau hơn 50 năm thực hiện Di chúc của Bác cùng với sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam và sức mạnh của toàn dân tộc, đoàn viên thanh niên Việt Nam đã chứng tỏ được sức mạnh và vai trò của mình trong thời chiến cũng như thời bình. Trong thời chiến, họ đã cống hiến cả tuổi thanh xuân và thậm chí là tính mạng để bảo vệ đất nước, đưa đất nước thoát khỏi ách đô hộ đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời bình, họ đóng góp bàn tay và khối óc để xây dựng đất nước ngày một giàu và đẹp hơn. Đặc biệt, trong bối cảnh khu vực và quốc tế hết sức phức tạp như hiện nay, nhờ trí tuệ, bản lĩnh, sức mạnh và tinh thần “việc gì cần thanh niên có, việc gì khó có thanh niên”, tuổi trẻ Việt Nam thực sự là ngọn cờ đầu trong công cuộc đổi mới đúng định hướng: Ổn định về chính trị; đẩy lùi lạm phát, đưa kinh tế phát triển liên tục với tốc độ khá cao, trở thành nước đang phát triển của thế giới; Cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; Vị trí và uy tín quốc tế của Việt Nam ngày càng cao trong khu vực và thế giới. Điều đó một lần nữa khẳng định giá trị của Bản Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh là một kết tinh vĩ đại dành cho cả dân tộc Việt Nam nói chung dành cho thanh thiếu niên nói riêng, trong mọi thời đại.

TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH TRONG DI CHỨC VỚI VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY

*ThS. Dương Tấn Giàu**
*ThS. Đào Thị Mộng Ngọc***

Đã 50 năm kể từ ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh “đi gặp các cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác”¹ nhưng *Di chúc* của Người để lại vẫn mang giá trị lý luận và giá trị thực tiễn sâu sắc. Thậm chí, thời gian càng lùi xa, chúng ta càng nhận thấy được tư duy chiến lược, sức sống trường tồn của *Di chúc* của Người.

Di chúc (mà Người chỉ khiêm tốn gọi là một bức thư hay mấy lời để lại) đề cập đến nhiều mặt, hàm chứa tư tưởng về đạo đức. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trong *Di chúc* có thể được xem là kim chỉ nam định hướng những giải pháp để giáo dục đạo đức con người Việt Nam hiện nay. Trong khuôn khổ một tham luận có giới hạn số trang, tác giả xin mạn đàm về vấn đề này.

1. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trong *Di chúc*

Trong *Di chúc* và các trước tác, Chủ tịch Hồ Chí Minh không đưa ra định nghĩa như thế nào là đạo đức mà chỉ quan niệm rằng đạo đức chính là sự phản ánh các điều kiện kinh tế của xã hội, là hai mặt “thiện” và “ác” tồn tại trong mỗi người.

Người nhắc nhiều đến cụm từ đạo đức cách mạng – là đạo đức của con người mới, con người có mong muốn, quyết tâm giúp đỡ, giải phóng loài người khỏi mọi khổ đau, khỏi sự áp bức, bóc lột và luôn giữ vững tinh thần chí công vô tư. Đạo đức cách mạng không phải “ở trên trời sa xuống”² mà phải được trui rèn trong gian lao, thử thách, trải qua quá trình rèn luyện lâu dài và bền bỉ.

Đạo đức cách mạng là yếu tố không thể thiếu trong phẩm chất của người cách mạng. Người giải thích điều này như sau:

“Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông.

Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc.

Người có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính.

Thiếu một mùa, thì không thành trời.

Thiếu một phương, thì không thành đất.

Thiếu một đức thì không thành người”.³

Đạo đức cách mạng sẽ giúp con người vượt qua mọi gian nan, thử thách, mọi cám dỗ của những thói hư tật xấu, để thắng không kiêu, bại không nản, và trong công tác quần

* *Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*

** *Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*

1. Nhiều tác giả: *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP.HCM, 2009, tr. 58.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 9, tr. 293.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 5, tr. 631.

chúng, sẽ làm cho dân tin và dân theo.

Trong *Di chúc* và các trước tác, tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức có thể khái quát trong bốn nội dung sau:

Thứ nhất, **“trung với nước, hiếu với dân”**. Cả cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh phấn đấu đều vì nước, vì dân. Trong phần “việc riêng” của *Di chúc*, Người viết: “Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân”¹ và điều tiếc nuối chính là: “không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”². Thậm chí, Người còn chu đáo dặn dò: “Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức điều phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân”³. Đặt lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích của nhân dân lên trên, lên trước, tất cả vì Tổ quốc, độc lập, hạnh phúc và ấm no cho nhân dân chính là tư tưởng đạo đức lớn lao của Người.

Thứ hai, **“yêu thương con người, sống có tình, có nghĩa”**. Đây chính là lòng nhân ái, giá trị nhân văn Hồ Chí Minh, cũng là giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam. Trong *Di chúc*, Người ân cần dặn dò từng nhiệm vụ cho các cán bộ đảng viên, cho đoàn viên và thanh niên, cho nhân dân lao động và dành cả sự quan tâm cho các đảng anh em trong phong trào cộng sản thế giới. Lời cuối cùng, Người cũng gửi lại “muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng”⁴. Chỉ bấy nhiêu thôi, có thể nhận thấy Hồ Chí Minh là một biểu tượng cụ thể, sinh động cho tấm lòng bao la, yêu thương con người, sống có tình, có nghĩa. Đây cũng chính là cơ sở để từ đó Người đấu tranh không mệt mỏi để giải phóng dân tộc Việt Nam, cũng như góp phần giải phóng con người bị áp bức, bóc lột trên toàn thế giới, đấu tranh không mệt mỏi vì loài người tiến bộ.

Thứ ba, **“Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”**⁵. *Cần* ở đây chính là sự cần cù, sự siêng năng, chăm chỉ, dẻo dai trong cuộc sống, chiến đấu, trong lao động, học tập, ... Trái ngược với *cần* chính là sự lười biếng, dựa dẫm, ỉ lại. *Kiệm* là sự tiết kiệm, không xa hoa, lãng phí. *Kiệm* trong tư tưởng Hồ Chí Minh khác với thói bủn xỉn. *Liêm* chính là sự trong sạch, không tham lam. *Chính* là sự ngay thẳng, thẳng thắn, sự đứng đắn. *Chí công vô tư* là việc đặt việc công, lợi ích tập thể lên trên, lên trước việc tư, việc cá nhân, không vun vén cho bản thân mình.

Trong *Di chúc*, những phẩm chất đạo đức này Người sử dụng trong phần nói về Đảng. Tuy nhiên, soi vào trong các trước tác của Người, có thể nhận thấy đây cũng là những đạo đức chung của con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong bài nói tại Hội nghị phổ biến Nghị quyết của Bộ Chính trị về cuộc vận động “*Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu*”, Người nói: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải bồi dưỡng con người xã hội chủ nghĩa. Con người xã hội chủ nghĩa là con người có đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng”⁶.

1. Nhiều tác giả: *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP.HCM, 2009, tr. 60.

2. Nhiều tác giả: *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP.HCM, 2009, tr. 60.

3. Nhiều tác giả: *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP.HCM, 2009, tr. 60.

4. Nhiều tác giả: *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP.HCM, 2009, tr. 60.

5. Nhiều tác giả: *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP.HCM, 2009, tr. 58.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 11, tr. 110.

Phẩm chất đạo đức này đối với mỗi cán bộ, đảng viên lại càng quan trọng bởi họ vừa là lãnh đạo, vừa là đầy tớ trung thành của nhân dân. Người yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên phải “thấm nhuần”¹, nghĩa là phải hiểu một cách kỹ càng và sâu sắc.

Thứ tư, “**có tinh thần quốc tế trong sáng**”. Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ nghĩ đến lợi ích quốc gia dân tộc, mà người con nghĩ đến phong trào cộng sản thế giới. Cũng trong *Di chúc*, Người vui mừng, tự hào vì “sự lớn mạnh của phong trào cộng sản”² nhưng cũng đau lòng khi thấy “sự bất hòa của các đảng anh em”³. Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Người luôn đề cao yếu tố đoàn kết, luôn chung vai sát cánh cùng các anh em dân tộc bị áp bức bóc lột, đấu tranh vì lợi ích chung của các dân tộc, luôn ủng hộ phong trào đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Xuất phát từ sự nhận rõ vai trò của yếu tố đoàn kết, Bác chủ trương thành lập: “Hội Liên hiệp thuộc địa”, “Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông”,...

2. Thực trạng đạo đức con người Việt Nam hiện nay

Như hai mặt của một thể thống nhất, thực trạng đạo đức của con người Việt Nam hiện nay tồn tại nhiều mặt tích cực lẫn hạn chế.

Về mặt tích cực, trong gần 33 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật về vật chất và tinh thần. Nhiều chuyển biến tích cực trong tư tưởng, đạo đức, lối sống. Chẳng hạn, nếu trước đây nghề buôn bán bị coi thường thì bây giờ được nhận thức là một nhân tố tích cực, thúc đẩy sự phát triển của kinh tế và xã hội.

Mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội được nhìn nhận đúng đắn hơn, chống lại tư tưởng bình quân, cào bằng, không thúc đẩy sự cống hiến của các cá nhân trong xã hội.

Những tấm gương, công dân tiêu biểu về đạo đức, về những cống hiến, đóng góp cho xã hội được vinh danh kịp thời, có tác dụng thúc đẩy, làm gương cho các cá nhân khác trong xã hội phấn đấu, noi theo.

Về mặt hạn chế, những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị (lý tưởng, niềm tin, tôn chỉ của Đảng, nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh,...), suy thoái về đạo đức, lối sống (chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ, thực dụng, bệnh thành tích,...) đã xuất hiện, có chiều hướng gia tăng và được thảo luận nhiều trong những năm gần đây. Những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” cũng xuất hiện, không ít trường hợp được các phương tiện truyền thông đại chúng đăng tải.

Những thói hư tật xấu của người Việt Nam vẫn còn tồn tại dai dẳng. Trong Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước số KX.04.15/11-15 “*Hệ giá trị Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*”, GS.TSKH Trần Ngọc Thêm đã liệt kê 30 thói hư tật xấu của người Việt Nam như: “Thói dựa dẫm; Thói cào bằng, đố kỵ; Bệnh hẹp hòi, ích kỷ, bè phái; Bệnh sĩ diện, háo danh; Bệnh đối trá về thành tích,...”⁴.

3. Giải pháp giáo dục đạo đức con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong *Di chúc*

1. Nhiều tác giả: *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP.HCM, 2009, tr. 58.

2. Nhiều tác giả: *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP.HCM, 2009, tr. 59.

3. Nhiều tác giả: *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP.HCM, 2009, tr. 59.

4. Vũ Tình: *Bài giảng Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức, đạo đức cách mạng và sự vận dụng nó ở Việt Nam giai đoạn hiện nay*, File Pdf, Lưu hành nội bộ, 2019, slide 131.

Nội dung tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trong *Di chúc* và các trước tác của Người rất rộng lớn, bao la, định hướng cho nhiều vấn đề trong việc xây dựng đạo đức con người Việt Nam hiện nay. Bài viết xin đề xuất một số giải pháp nhỏ để giáo dục đạo đức con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong *Di chúc* như sau:

3.1. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về việc xây dựng Việt Nam là quốc gia “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”

Suốt cuộc đời của mình Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đặt việc phụng sự tổ quốc, phụng sự nhân dân làm trên hết. Điều mong muốn cuối cùng của Người trong *Di chúc* là: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”¹. Ngày nay, đất nước đã được hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ theo ước nguyện của Người. Trong bối cảnh hiện nay, toàn Đảng, toàn dân đã phấn đấu, phát triển hơn nữa mong muốn ấy của Người với mục tiêu đề ra là: “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”. Học tập tư tưởng đạo đức của người, mỗi người dân Việt Nam đều phải ý thức được mục tiêu này để phấn đấu thực hiện.

“Dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh” cần được mỗi công dân nhận thức rõ là mục tiêu, và đích đến của Việt Nam.

Dĩ nhiên, hiện thực hóa mục tiêu này không dễ dàng. Chúng tôi đơn cử về chữ “công bằng” trong mục tiêu này. Ngày nay, tình trạng thiếu công bằng (bất công) vẫn còn tồn tại, chẳng hạn như: tư tưởng trọng nam khinh nữ, kỳ thị giới tính, phân biệt vùng miền,... Hiện trạng này cũng không phải hiếm, mà đã tồn tại dai dẳng trong xã hội, để thay đổi nhận thức cố hủ này là cả quá trình lâu dài và gian nan.

Ngoài công cụ pháp lý, bằng cách tuyên truyền qua các phương tiện thông tin truyền thông đại chúng, qua giáo dục trong hệ thống nhà trường các cấp, mục tiêu này cần phải được nhận thức một cách rõ ràng và sâu sắc.

3.2. Tăng cường các hoạt động “đền ơn, đáp nghĩa”, gây quỹ từ thiện giúp đỡ người già, người nghèo,...

Lòng nhân ái là giá trị nhân văn Hồ Chí Minh, là giá trị truyền thống dân tộc Việt Nam. Trong *Di chúc*, Người dành lời dặn dò, sự quan tâm cho mọi tầng lớp nhân dân, chính là thể hiện lòng nhân ái. Sự quan tâm của Người dành cho các đảng anh em trong phong trào cộng sản cho thấy giá trị về lòng nhân ái đã vượt khuôn khổ quốc gia. Giá trị nhân ái cần được lan tỏa trong mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam để nó trở thành một trong những giá trị chuẩn mực trong đạo đức của con người Việt Nam thời đại mới.

Trong suốt thời gian qua, các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa, thăm viếng, chăm sóc, tặng quà các bà mẹ Việt Nam anh hùng, những người có công với cách mạng, thể hiện rõ truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, các hoạt động xây nhà tình nghĩa, nhà tình thương, xây cầu, đường, để người dân và các em nhỏ thuận lợi trong việc đi lại, đến trường, các quỹ vì người nghèo, quỹ học bổng cho trẻ em nghèo vượt khó, học giỏi, quỹ vì biển đảo thân yêu, vì tuyến đầu tổ quốc, các hoạt động tình nguyện “Mùa hè xanh” của sinh viên đại học,... là những hoạt động thể hiện lòng nhân ái, yêu thương, đùm bọc lẫn nhau của con người Việt

1. Nhiều tác giả: *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP.HCM, 2019, tr. 60.

Nam, có sức lan tỏa lớn, cần tiếp tục nhân rộng, phát huy.

3.3. Nêu gương sáng về đạo đức để người dân noi theo

Trong *Di chúc*, Người không nêu cụ thể một tấm gương đạo đức nào. Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã là một mẫu mực về đạo đức và từng câu, từng chữ trong *Di chúc* đã thể hiện rõ tấm gương đạo đức của Người.

Soi vào các trước tác của Người, ta thấy Người rất coi trọng biện pháp nêu gương. Trong buổi nói chuyện với Đoàn Cán bộ Tỉnh ủy Thanh Hóa, Người nói: “Nhân dân rất thương yêu và quý trọng cán bộ, đảng viên. Nhưng nếu cán bộ, đảng viên quan liêu, mệnh lệnh, tham ô thiếu gương mẫu thì dân không tin, do đó làm nguy hại đến công tác của Đảng”¹.

Đối với những cán bộ giáo dục, trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ “bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau”², việc nêu gương lại càng quan trọng. Người căn dặn giáo viên mẫu giáo: “Công tác giáo viên và mẫu giáo có khác nhau, nhưng cùng chung một mục đích đào tạo những người công dân tốt, cán bộ tốt cho Tổ quốc, cho chủ nghĩa xã hội. Điều trước tiên là dạy các cháu về đạo đức. Anh chị em giáo viên và mẫu giáo cần luôn luôn gương mẫu về đạo đức để các cháu noi theo”³.

Trong thời gian qua, Bộ Chính trị đã ban hành nhiều chỉ thị về việc học tập và làm việc theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Những tấm gương về đạo đức Hồ Chí Minh đã được nêu cụ thể trong hai quyển sách được xuất bản như: *Những chuyện kể về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh* (NXB Phụ Nữ, năm 2013), *Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh làm theo lời Bác* (NXB Văn hóa – Văn nghệ, năm 2014),... cần tiếp tục được nhân rộng.

2.3.4. Tăng cường các hoạt động hợp tác, giao lưu quốc tế để tăng tinh thần đoàn kết quốc tế

Trong suốt quá trình hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao tinh thần đoàn kết trong nước lẫn quốc tế. Bác xem đoàn kết là yếu tố dẫn đến thành công của cách mạng trong nước, cũng như phong trào cộng sản thế giới. Các phong trào 1930 – 1931, 1936 – 1939, 1939 – 1945,... và nhiều sự kiện khác trong lịch sử đấu tranh cách mạng đã chứng minh cho điều này. Không ai không biết câu: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết/ Thành công, thành công, đại thành công” đã được Bác đúc kết từ thực tiễn sinh động của quá trình đấu tranh cách mạng.

Trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ quan tâm đến các tầng lớp nhân dân. Bác viết “về phong trào cộng sản thế giới” chính là sự quan tâm đến đối ngoại, là sự định hướng cho đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta sau này. Đó chính là sự tăng cường hợp tác, giao lưu quốc tế, tăng cường sự đoàn kết, đóng góp vào sự gìn giữ hòa bình, an ninh cho khu vực và cho thế giới.

Trong những năm gần đây, tình đoàn kết giữa Việt Nam và các nước trong khu vực và trên thế giới được thắt chặt. Đơn cử trong lĩnh vực thể thao, những thành tích đội tuyển U23 Việt Nam trong đấu trường khu vực dưới sự dẫn dắt của huấn luyện viên người Hàn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 12, tr. 241.

2. Nhiều tác giả: *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP.HCM, 2009, tr. 58.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 9, tr. 509.

Quốc, ông Park Hang Seo đã góp phần làm khăng khít hơn tình đoàn kết giữa Việt Nam và Hàn Quốc.

4. Kết luận

Đã 50 năm trôi qua, *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn là ánh sáng soi đường, là kim chỉ nam định hướng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và toàn dân ta trong thiên niên kỷ mới.

Thời gian càng lùi xa, chúng ta lại càng thấy rõ giá trị trường tồn của bản *Di chúc*, tư duy chiến lược của Bác. Trong những giá trị mà *Di chúc* phản ánh, giá trị về đạo đức góp phần quan trọng vào việc định hướng cho việc xây dựng tiêu chuẩn đạo đức của con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Ngoài giá trị đạo đức hàng đầu mà mọi công dân Việt Nam nên ý thức là “trung với nước, hiếu với dân”, mà trong bối cảnh hòa bình và hội nhập hiện nay là chung tay, góp sức xây dựng đất nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”, thì những giá trị đạo đức khác như: cần – kiệm – liêm – chính – chí công vô tư, lan tỏa giá trị về lòng nhân ái và tinh thần đoàn kết quốc tế cũng nên tạo dựng trong đạo đức, nhân cách con người Việt Nam thời đại mới.

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trong *Di chúc* cũng như trong các trước tác của Người không phải là điều gì xa lạ, khô cứng mà rất gần gũi, thực tế và sinh động. Vấn đề đặt ra là cần nhận thức thấu đáo để triển khai trong việc hoạch định đường lối, chính sách và trong quá trình tổ chức thực hiện để mang hiệu quả.

BỒI DƯỠNG THỂ HỆ CÁCH MẠNG CHO ĐỜI SAU THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

TS. Lê Thị Minh Hà*

1. Sự hình thành tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về bồi dưỡng thể hệ cách mạng cho đời sau

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh đã sớm nhận ra và đề cao vai trò của thanh niên - lực lượng xung kích của cách mạng. Từ những năm đầu thế kỷ XX, Người đã nhận thức rõ: muốn thức tỉnh dân tộc, trước hết phải thức tỉnh thanh niên. Người kêu gọi: “Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám thanh niên già cỗi của Người không sớm hồi sinh”¹. Trong cuộc vận động thành lập Đảng (1920-1930), Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã tin tưởng giao cho thanh niên Việt Nam yêu nước nhiệm vụ truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Người sáng lập tổ chức Cộng sản Đoàn, hạt nhân của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, nhân ngày khai trường, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết thư gửi học sinh, trao gửi niềm tin vào thế hệ trẻ: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”. Hồ Chí Minh quan niệm thanh niên là lực lượng rường cột của đất nước, tương lai của dân tộc bởi đó là những người có hoài bão, ước mơ, giàu nghị lực, khát khao với lý tưởng cao đẹp. Theo Người, tuổi trẻ là độ tuổi đẹp nhất của cuộc đời: “Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội”². Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do thanh niên.

Trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”³. Tư tưởng này thể hiện tầm nhìn của một nhà hiền triết, một nhà văn hóa lớn và đã trở thành chân lý cách mạng. Thực tiễn lịch sử cho thấy sự hiện thực hóa tư tưởng này góp phần vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Xuất phát từ vai trò của thanh niên đối với sự nghiệp nước nhà, cần phải coi trọng việc bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau - “những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa ‘hồng’ vừa ‘chuyên’”. Tư tưởng này là sự tiếp nối quan điểm: “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây. Vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”⁴.

2. Nội dung tư tưởng bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

Tổng kết thực tiễn cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh nhận định: “Đoàn viên và thanh

* *Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 2, tr. 144

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 194.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 612.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 11, tr. 528.

niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ” và nhấn mạnh: “Đảng phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa ‘hồng’ vừa ‘chuyên’”¹. Việc bồi dưỡng thể thể cách mạng cho đời sau phải nhằm làm cho họ phát triển toàn diện, “phải có đức, có tài”², phát huy vai trò của họ trong sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo.

Một là, bồi dưỡng đạo đức cách mạng.

Bồi dưỡng đạo đức cách mạng là nội dung quan trọng hàng đầu của việc bồi dưỡng thế hệ trẻ bởi lẽ đạo đức cách mạng là cái gốc của con người mới xã hội chủ nghĩa. Thế hệ trẻ phải luôn rèn luyện đạo đức cách mạng, thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, khiêm tốn, giản dị, đoàn kết, thường xuyên tự phê bình và phê bình...

Trong bồi dưỡng đạo đức cách mạng, trước hết coi trọng giáo dục, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thanh niên, mà hạt nhân là giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Theo Hồ Chí Minh mục tiêu, lý tưởng phấn đấu của thanh niên là học tập, rèn luyện đạo đức cách mạng, nhận thức rõ ràng mục tiêu, lý tưởng phấn đấu để phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, để làm cho dân giàu, nước mạnh.

Hai là, bồi dưỡng tri thức văn hóa, khoa học, kỹ thuật.

Cùng với việc bồi dưỡng đạo đức cách mạng, Hồ Chí Minh rất quan tâm đến bồi dưỡng tri thức văn hóa, khoa học, kỹ thuật cho thanh niên. Người coi đây là điều kiện quan trọng để thanh niên cống hiến ngày càng nhiều cho Tổ quốc, cho nhân dân. Hồ Chí Minh yêu cầu: “Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà...”³.

Ba là, bồi dưỡng thể chất.

Theo Hồ Chí Minh, để thực hiện nhiệm vụ cách mạng, nhân dân nói chung và thanh niên nói riêng cần có sức khỏe. Người chỉ rõ: “Giữ gìn dân chủ, xây dựng nước nhà, gây đời sống mới, việc gì cũng cần có sức khỏe mới làm thành công (...) luyện tập thể dục, bồi bổ sức khỏe là bổn phận của mỗi một người yêu nước”⁴. Theo Người, tập thể dục thể thao để giữ gìn tăng cường sức khỏe, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân được nhiều hơn nữa. Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương sáng về việc rèn luyện thể dục, thể thao, giữ gìn sức khỏe.

Bốn là, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho thế hệ trẻ.

Thế hệ trẻ là người chủ tương lai của nước nhà, một mặt cần phát huy vai trò của họ mặt khác phải có trách nhiệm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và sự tiến bộ của họ. Sự đáp ứng nhu cầu, lợi ích chính đáng cho thanh niên tạo ra động lực trực tiếp thúc đẩy họ hoạt động hăng hái, tích cực. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Đoàn phải liên hệ rộng rãi và chặt chẽ với thanh niên. Phải quan tâm đến đời sống, công tác, học tập của thanh niên, phải tránh thành kiến, hẹp hòi, cô độc”⁵.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 612.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 11, tr. 399.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 40.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 241.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 10, tr. 439.

Năm là, phải có phương pháp, cách thức phù hợp, đúng đắn trong bồi dưỡng thể hệ cách mạng cho đời sau.

Theo Hồ Chí Minh, Đảng và Chính phủ cần lựa chọn những thanh niên ưu tú nhất, “cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, các nghề, để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa ở nước ta”¹.

Giáo dục, bồi dưỡng thể hệ cách mạng cho đời sau phải xuất phát từ yêu cầu cách mạng mỗi giai đoạn, từ thực tiễn xã hội, phải có phương pháp, cách thức phù hợp. Theo Hồ Chí Minh: “Học phải đi đôi với hành, lý luận phải liên hệ với thực tế”². Người cho rằng phương pháp giáo dục, bồi dưỡng thanh niên có hiệu quả nhất chính là quá trình tổ chức hướng dẫn họ trong hoạt động thực tiễn: “Không phải chỉ ở tại nhà trường, có lên lớp, có học tập, tu dưỡng, rèn luyện và tự cải tạo được. Trong mọi hoạt động cách mạng, chúng ta đều có thể và đều phải học tập, tự cải tạo”³.

Trong giáo dục đào tạo, bồi dưỡng thanh thiếu niên, phải “khéo” kết hợp giữa học tập với vui chơi, giải trí; dạy từ dễ đến khó. Một trong những biện pháp quan trọng, có ý nghĩa thời sự đối với công tác giáo dục, bồi dưỡng thể hệ trẻ hiện nay là sự nêu gương của các thể hệ đi trước, của thầy giáo, cô giáo. Muốn vậy, phải ra sức xây dựng đội ngũ thầy giáo tốt, trường lớp tốt, làm cho đội ngũ cán bộ, đảng viên gương mẫu, mô phạm để thanh thiếu niên nhìn vào đó học tập, làm theo. Bên cạnh đó, phải biết kết hợp tốt giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục, bồi dưỡng thanh niên.

Theo Hồ Chí Minh trong giáo dục, bồi dưỡng thanh niên cần thực hiện nêu gương. Trước hết, cha mẹ, thầy cô giáo phải là những người nêu gương. Bên cạnh đó, cán bộ phụ trách công tác này cần biểu dương gương người tốt, việc tốt trong thể hệ trẻ: “lấy ngay những gương tốt đó của các cháu và những gương tốt, việc tốt trong nhân dân để giáo dục các cháu”⁴.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chú trọng động viên và phát huy tính tự giác, tích cực tu dưỡng rèn luyện của thể hệ trẻ. Việc bồi dưỡng thể hệ cách mạng cho đời sau chỉ có thể thành công khi khơi dậy và phát huy quá trình tự giác tu dưỡng rèn luyện của thể hệ trẻ. Người chỉ rõ: “Nhiệm vụ của thanh niên không phải hỏi nước nhà đã cho mình những gì. Mà phải tự hỏi mình đã làm gì cho nước nhà? Mình phải làm thế nào cho lợi ích nước nhà nhiều hơn? Mình đã vì lợi ích nước nhà mà hy sinh phấn đấu chừng nào?”⁵.

3. Để thực hiện tốt việc bồi dưỡng thể hệ cách mạng cho đời sau

Sự nghiệp đổi mới đất nước, hội nhập quốc tế hiện nay đòi hỏi phải vận dụng sáng tạo những chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về bồi dưỡng thể hệ cách mạng cho đời sau. Trước hết, cần tập trung thực hiện những nội dung sau:

Một là, cần phải tuyên truyền sâu rộng về vai trò của thanh niên, cũng như tầm quan

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 616-615.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 10, tr. 647.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 11, tr. 602.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 670.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 9, tr. 265.

trọng của việc chăm lo bồi dưỡng thế hệ trẻ.

Thanh niên là lực lượng rường cột của đất nước, tương lai của dân tộc, là những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng và bồi dưỡng thế hệ trẻ là việc làm vô cùng quan trọng. Các cấp ủy Đảng, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, ... tích cực tham gia tuyên truyền để các chủ thể công tác thanh niên có nhận thức đúng đắn về vai trò, tầm quan trọng của thanh niên và việc chăm lo bồi dưỡng thế hệ trẻ.

Hai là, phát huy vai trò, trách nhiệm của các chủ thể trong việc bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau.

Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là trách nhiệm của toàn Đảng, Nhà nước, các đoàn thể nhân dân, của toàn xã hội. Phát huy vai trò, trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội. Bên cạnh đó, đề cao, phát huy vai trò tự tu dưỡng, rèn luyện của thế hệ trẻ. Trong thời đại bùng nổ thông tin, khoa học, công nghệ phát triển như vũ bão cần khuyến khích thanh niên tự học tập, tu dưỡng, rèn luyện suốt đời. Thanh niên thể hiện tinh thần tích cực, tự giác, chủ động trong quá trình tự học tập, tu dưỡng, rèn luyện. Xây dựng kế hoạch tự học tập, tu dưỡng, rèn luyện, trong đó xác định rõ nội dung, biện pháp và ý chí quyết tâm tự học tập, tu dưỡng, rèn luyện nâng cao trình độ trí tuệ, kiến thức, năng lực cần thiết và phẩm chất đạo đức lối sống, phương pháp làm việc, tác phong công tác, ...

Ba là, không ngừng đổi mới, hoàn thiện nội dung, phương pháp bồi dưỡng, giáo dục thế hệ trẻ.

Đổi mới nội dung chương trình, phương pháp bồi dưỡng giáo dục thế hệ trẻ theo tinh thần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI và Nghị quyết Đại hội XII của Đảng. Trước hết, cần tập trung đổi mới nâng cao chất lượng giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh thực sự trở thành nền tảng tư tưởng và định hướng tình cảm trong thế hệ trẻ Việt Nam. Giáo dục, bồi dưỡng cho thế hệ trẻ về truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng của Đảng, đạo đức cách mạng, sống và làm việc theo pháp luật. Không ngừng nâng cao trình độ văn hoá, nắm bắt những tri thức khoa học hiện đại, làm cho thế hệ trẻ biết kết hợp chặt chẽ giữa yêu nước và yêu chế độ xã hội chủ nghĩa trong hành động, thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Bốn là, bồi dưỡng thế hệ cách mạng đời sau thông qua các phong trào liên tục, lâu dài, có tính thiết thực và hiệu quả cao.

Tạo dựng và phát triển các phong trào có các đặc điểm như: duy trì trong một thời gian dài, phát triển sâu rộng, vì sự tiến bộ của tuổi trẻ, có ảnh hưởng và sức lan tỏa lớn trong xã hội, góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng... Phát triển phong trào Tình nguyện, phong trào Sáng tạo, phong trào Rèn luyện sức khỏe, ... nhằm nuôi dưỡng tinh thần tự nguyện, sáng tạo trong học tập, lao động, bảo vệ môi trường, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, ... và uơm mầm nhân tài cho đất nước. Để tiếp tục thúc đẩy các phong trào của thanh niên phát triển cần xác định đúng, rõ nội dung phong trào và đa dạng hóa phương thức tổ chức thực hiện.

Năm là, hoàn thiện sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau.

Đảng lãnh đạo, chỉ đạo đầy mạnh nghiên cứu, tổng kết thực tiễn phát triển lý luận về vị trí, vai trò của thanh niên, tầm quan trọng của việc bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau. Đảng xây dựng nghị quyết, chủ trương về nhiệm vụ và giải pháp lớn đối với công tác bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau: đề ra chủ trương, giải pháp tăng cường giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống lành mạnh. Đảng lãnh đạo, chỉ đạo việc học tập, quán triệt các quan điểm, nghị quyết về bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; quán triệt chính sách, chương trình, kế hoạch của Nhà nước về thanh niên. Đảng lãnh đạo các cơ quan nhà nước cụ thể hóa, thể chế hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng về bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau thành chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển thanh niên. Đảng lãnh đạo các cơ quan nhà nước thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về thanh niên, củng cố kiện toàn Ủy ban Quốc gia về thanh niên Việt Nam, tăng cường vai trò của chính quyền địa phương trong công tác thanh niên. Đảng lãnh đạo công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác thanh niên. Đảng lãnh đạo xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh, thực sự là nòng cốt trong công tác thanh niên, xây dựng điển hình thanh niên tiên tiến. Đảng lãnh đạo phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, hoạt động của cán bộ, công chức trong công tác thanh niên. Đảng kiểm tra, giám sát tổ chức Đảng và đảng viên về lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác thanh niên và lãnh đạo các cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra, thanh tra hoạt động của các tổ chức đó về công tác thanh niên.

QUAN ĐIỂM VỀ CON NGƯỜI VÀ TRÍ THỨC TRONG DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH

PGS.TS.GVCC. Đoàn Đức Hiếu*

Tiếp cận vấn đề con người trong *Di chúc* của Hồ Chí Minh cần được nhận thức từ giác độ tư duy biện chứng. Đối tượng nhận thức vấn đề con người không chỉ giới hạn trong *Di chúc*, mà đó là toàn bộ những nội dung lý luận và phương pháp luận của Hồ Chí Minh trong Di sản lý luận Người đã sáng tạo nên. Từ góc độ nội dung, có thể xem tư tưởng về con người trong *Di chúc* của Hồ Chí Minh là sự khái quát, tổng kết hành trình lý luận, vì vậy, cần thiết phải nghiên cứu các công trình khác, rộng hơn, phong phú hơn, để thể hiện sâu sắc hơn nội dung nghiên cứu. Từ góc độ phương pháp, cần tiếp cận phương pháp hệ thống, toàn diện, lịch sử cụ thể, thống nhất lý luận và thực tiễn - vốn đã trở thành phong cách Hồ Chí Minh - thì mới nhận thức được vấn đề nghiên cứu một cách sâu sắc và đầy đủ.

Trong cấu trúc của *Di chúc*, vấn đề con người được Hồ Chí Minh trình bày ở phần sau nội dung về Đảng, mặc dù vậy thì cũng không làm giảm đi vị trí, vai trò quan trọng của vấn đề con người. Bởi vì thực chất, vấn đề con người luôn đóng vai trò là hạt nhân của tất cả mọi vấn đề khác, là bản chất của tất cả mọi nội dung mà Hồ Chí Minh thể hiện trong *Di chúc*. Cũng trong mối quan hệ thống nhất biện chứng đó, để khẳng định rằng, vấn đề con người trong *Di chúc*, cũng như trong toàn bộ Di sản lý luận của Hồ Chí Minh, luôn đóng vai trò quan trọng nhất, là trung tâm của mọi nội dung khác, vì suy đến cùng, thì tất cả đều do con người và vì con người.

Quan tâm đến tư tưởng chiến lược xây dựng và phát triển con người, Hồ Chí Minh đã viết: “Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa ‘hồng’ vừa ‘chuyên’”¹.

Không phải ngẫu nhiên mà vấn đề được Hồ Chí Minh nhấn mạnh là thế hệ trẻ, đoàn viên, thanh niên. Vì đó là tương lai của sự phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc. Tuổi trẻ là mùa xuân của lịch sử, xã hội, là niềm tin, hy vọng và hạnh phúc của dân tộc Việt Nam trong tương lai. Đó là tư duy chiến lược lâu dài và đúng đắn của Lãnh tụ Hồ Chí Minh cho sự phát triển của đất nước Việt Nam trong hiện tại và tương lai.

Trong các tác phẩm lý luận của mình, Hồ Chí Minh khẳng định rằng, con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp cách mạng. Con người là sự khởi đầu của mọi quá trình, đồng thời là mục tiêu cuối cùng của công cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng đất nước.

Theo Hồ Chí Minh, “chữ người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn.

* Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.10, tr. 498.

Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng hơn nữa là cả loài người”¹. “Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không có gì mạnh bằng lực lượng của nhân dân. Vô luận việc gì đều do con người làm ra, từ nhỏ đến to, từ gần đến xa, đều thế cả”².

Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đặt ra yêu cầu cấp thiết của vấn đề xây dựng và phát triển con người, vì con người sẽ tạo ra lịch sử xã hội mới.

Vì vậy, Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải có con người xã hội chủ nghĩa”³. “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”⁴. Mỗi quan hệ giữa mục tiêu và động lực đó của con người đã được Hồ Chí Minh đặt ra trong giai đoạn đầu tiên của sự nghiệp kháng chiến kiến quốc, là tiền đề cho tất cả mọi quốc sách của Đảng và dân tộc ta, là cốt lõi để làm nên mọi thắng lợi cho dân tộc Việt Nam.

Tuy nhiên cần phải nhận thức được rằng, con người tồn tại trong xã hội không phải là một quan hệ đồng nhất, mà là sự khác biệt trong những hoàn cảnh lịch sử cụ thể xác định.

Với tư duy biện chứng, Hồ Chí Minh đã đặt ra vấn đề phương pháp xây dựng và phát triển con người phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện lịch sử xã hội mới. Không thể tạo ra con người từ ý tưởng tượng chủ quan của tư duy cá nhân. Con người là kết quả của sự kết tinh các mối quan hệ xã hội, của các nhân tố mang tính tự nhiên và lịch sử. Bằng tư duy biện chứng sâu sắc, với sự nhận thức đầy đủ quan điểm duy vật lịch sử về con người, Hồ Chí Minh đã xây dựng phương pháp giáo dục con người trên tinh thần biện chứng qua sự tích hợp của các yếu tố thống nhất giữa nội dung và phương pháp, để trở thành nguyên tắc lịch sử cụ thể trong xây dựng con người.

“Mỗi con người đều có cái thiện và cái ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu mất dần đi. Đó là thái độ của người cách mạng”⁵. Đây là trách nhiệm, là tình yêu thương, sự quý trọng và nâng niu giá trị tích cực trong mỗi con người của Lãnh tụ Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, Bác Hồ cũng là con người rất hiện thực của nhà giáo dục trên tinh thần duy vật lịch sử. Người không bao giờ ảo tưởng về yếu tố “thần đồng” nhảy vọt trong tính cách, trong năng lực của con người, mà nó là một quá trình rèn luyện bền bỉ, lâu dài, khó khăn để thành công. Người nói: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển củng cố, cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”⁶. Nguyên tắc giáo dục đó của Hồ Chí Minh trở thành chân lý giáo dục trong bất kỳ giai đoạn nào của lịch sử xã hội loài người.

Cách tiếp cận của Hồ Chí Minh về con người, vai trò con người và phương pháp giáo dục con người khẳng định rằng, thành công của cách mạng Việt Nam trên cơ sở khối liên minh công nhân, nông dân, trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng, về bản chất, là thành công của tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người. Đó là điểm cốt lõi xuyên suốt để liên kết

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr. 644.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr. 241.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.10, tr. 159-160.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.8, tr. 222.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.10, tr. 356.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.9, tr. 293.

các tầng lớp giai cấp trong xã hội thành một khối thống nhất, thành động lực của cách mạng. Liên minh công, nông, trí thức không phải là điều kiện, lại càng không phải là phương tiện trong một giai đoạn của cách mạng, không chỉ là hình thức bên ngoài. Ngược lại, liên minh đó trở thành một động lực thống nhất của mối quan hệ vật chất và tinh thần, trở thành sức sống, thành giá trị nhân văn của một dân tộc, thành triết lý nhân văn về con người của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hệ thống động lực chủ yếu nhất của cách mạng Việt Nam trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, theo quan điểm của Đảng ta và Lãnh tụ Hồ Chí Minh, là liên minh công nhân, nông dân, trí thức. Quan điểm đó trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong mọi thời kỳ của cách mạng để định hướng sử dụng lực lượng cách mạng phù hợp với từng giai đoạn lịch sử cụ thể khác nhau, làm nên sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Lãnh tụ Hồ Chí Minh. Trong khối đại đoàn kết dân tộc đó, vấn đề xây dựng đội ngũ trí thức có ý nghĩa cơ bản và cực kỳ quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài, là yếu tố hạt nhân để kết nối và nhân lên sức mạnh của toàn bộ hệ thống khối liên minh công, nông, trí thức.

Truyền thống dân tộc Việt Nam đã khẳng định một tư tưởng có ý nghĩa chân lý: “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia”. Tiếp nối tư tưởng đó, hơn ai hết, Hồ Chí Minh là người quan tâm sâu sắc đến việc xây dựng đội ngũ trí thức, những nhân tài cho sự nghiệp kháng chiến chống quốc trong mọi thời kỳ của cách mạng. Trong bài viết “Tìm người tài đức”, Người khẳng định rằng: “Nước nhà cần phải kiến thiết. Kiến thiết cần phải có nhân tài. Trong số hai mươi triệu đồng bào chắc chắn không thiếu người có tài đức. E vì Chính phủ nghe không đến, thấy không khắp, đến nỗi những bậc tài đức không thể xuất thân. Khuyết điểm đó tôi xin nhận. Nay muốn sửa chữa điều đó và trọng dụng những kẻ hiền năng, các địa phương phải lập tức điều tra nơi nào có người tài đức, có thể làm được những việc ích nước lợi dân, thì phải báo cáo ngay cho Chính phủ biết”¹.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân tài không chỉ đúng đắn về quan điểm chiến lược lâu dài, mà còn biểu hiện một phương pháp tư duy mới, một phương pháp lựa chọn nhân tài mới, phương pháp tư duy biện chứng, vượt qua mọi định kiến giáo điều máy móc hình thức ràng buộc, để lựa chọn người tài một cách có hiệu quả nhất. Đây là một gợi ý rất có ý nghĩa trong tư tưởng Hồ Chí Minh đối với vấn đề đổi mới công tác cán bộ, sử dụng con người trong hệ thống chính trị của chúng ta hiện nay.

Với chính sách coi trọng hiền tài, đề cao và trọng dụng trí thức như vậy, Hồ Chí Minh đã tập hợp được những nhà trí thức cách mạng cho sự nghiệp kháng chiến kiến quốc Việt Nam. Đó là những nhân sĩ trí thức yêu nước tiêu biểu, những chí sĩ cách mạng như Huỳnh Thúc Kháng, Bùi Bằng Đoàn, Vũ Đình Hòe, Phan Anh, Nguyễn Văn Tố; là những nhân tài khoa học được đào tạo từ nước Pháp đã tình nguyện hy sinh lợi ích riêng để phụng sự cho dân tộc như Trần Đại Nghĩa, Trần Hữu Tước, Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, Lê Văn Thiêm, Đặng Văn Chung, Nguyễn Khắc Viện; đến những trí thức trong nước được Bác Hồ huấn luyện dìu dắt và trở thành những nhà cách mạng suốt cả cuộc đời đấu tranh vì độc lập của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân như Trường Chinh, Phạm

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr. 451.

Văn Đông, Võ Nguyên Giáp, Lê Văn Hiến, Trần Văn Giàu, Nguyễn Khánh Toàn, Trần Huy Liệu, ... Tư tưởng sáng ngời vì nghĩa lớn: dân tộc độc lập, dân chúng tự do, dân sinh hạnh phúc của Hồ Chí Minh đã quy tụ được đông đảo những nhân sĩ trí thức có đức rộng, tài cao, tập hợp dưới ngọn cờ cách mạng của Đảng và Bác Hồ, làm nên cuộc Cách mạng tháng Tám vĩ đại, đặt nền móng cho sự thắng lợi của công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Cũng cần nhấn mạnh rằng, chính nhân cách vĩ đại cao cả, trí tuệ uyên bác và đạo đức trong sáng như pha lê của Bác Hồ là nguyên nhân trực tiếp và có ý nghĩa quyết định để thu phục nhân tâm, quy tụ nhân tài, tập hợp lực lượng trí thức cũng như toàn bộ khối liên minh công nhân, nông dân, trí thức trở thành một khối đoàn kết thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Đó cũng là bài học về phương pháp giáo dục thông qua việc nêu gương mẫu mực của lãnh tụ Hồ Chí Minh để quần chúng nhân dân noi theo. Cũng vì vậy, vấn đề học tập và làm theo tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh mãi mãi là một nội dung sống động, có ý nghĩa thiết thực đối với mọi người và có vai trò to lớn trong việc định hướng nhận thức và hành động cho quần chúng nhân dân, cho cán bộ và đảng viên trong thời đại ngày nay.

Thực chất của phép biện chứng là mối liên hệ phổ biến và sự phát triển. Trong *Di chúc*, dù Bác Hồ không dùng nhiều những khái niệm trừu tượng của triết học, nhưng hạt nhân của phép biện chứng thì được người nhận thức và vận dụng tài tình trên nhiều bình diện, nhất là mối quan hệ giữa đức và tài trong đạo đức con người, là sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong cuộc sống. Thông qua các mối quan hệ đó để Hồ Chí Minh xây dựng con người trí thức, con người cách mạng cho sự nghiệp xây dựng xã hội mới.

Vai trò nhân tài trong sự nghiệp cách mạng được Hồ Chí Minh đề cao và nhấn mạnh nhiều lần trong các bài viết của Người. “Trí thức là vốn liếng quý báu của dân tộc. Ở nước khác như thế, ở Việt Nam càng như thế”¹. “Những người trí thức tham gia cách mạng, tham gia kháng chiến rất quý báu cho Đảng. Không có những người đó thì công việc cách mạng khó khăn hơn nhiều”². Như vậy, vấn đề xây dựng và phát triển đội ngũ nhân tài, trí thức không chỉ đặt ra trong điều kiện hòa bình do yêu cầu của sự nghiệp xây dựng đất nước, mà trong giai đoạn khởi nguồn của cách mạng, Hồ Chí Minh đã nhận thức rất sâu sắc vấn đề chiến lược vừa cấp bách, vừa cơ bản lâu dài của sự nghiệp cách mạng. Tư tưởng của Người rất mới, rất khoa học và cách mạng, khác với quan niệm về bản chất và vai trò của đội ngũ trí thức lúc bấy giờ của một số người cộng sản theo theo chủ nghĩa cực đoan “tả khuynh”. Họ đã tuyệt đối hóa vai trò cách mạng của công nhân và nông dân, xem nhẹ vai trò trí thức, xem trí thức là tầng lớp không đáng tin cậy: “Trí, phú, địa, hào đào tận gốc, tróc tận rễ”.

Di chúc biểu hiện mối quan hệ thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Là một nhà cách mạng tiếp cận với nhiều tư tưởng tiến bộ của phương Đông và phương Tây, Hồ Chí Minh vừa có tri thức lý luận uyên bác sâu sắc, nhưng cũng vừa có tính thực tiễn, tính ứng dụng rất cao trong quá trình nhận thức lý luận và vận dụng lý luận đó vào hoạt động thực tiễn. Vì vậy, Người đòi hỏi trí thức không chỉ giỏi lý thuyết, mà quan trọng hơn là phải giỏi thực

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr. 1565.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr. 235.

hành trong cuộc sống. Hồ Chí Minh khẳng định rằng: “Một người học xong đại học có thể gọi là có tri thức. Song y không biết cày ruộng, không biết làm công, không biết đánh giặc, không biết làm nhiều việc khác. Nói tóm lại: công việc thực tế y không biết gì cả. Thế là y chỉ có tri thức một nửa. Tri thức của y chỉ là tri thức học sách chưa phải tri thức hoàn toàn. Y muốn thành người tri thức hoàn toàn thì phải đem tri thức đó áp dụng vào thực tế”¹. Bản chất của tri thức khoa học là có tính thực tiễn và vận dụng có hiệu quả vào trong thực tiễn. Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý. Tư tưởng của Hồ Chí Minh vừa thể hiện tính biện chứng giữa lý luận và thực tiễn, và cao hơn là định hướng cho giáo dục con người, đặc biệt là trí thức, vừa giỏi về lý luận, vừa năng động sáng tạo trong thực hành lý luận. Vì vậy, Người nhấn mạnh rằng: “Có kinh nghiệm mà không có lý luận cũng như một mắt sáng, một mắt mờ. Lý luận cốt để áp dụng vào công việc thực tế, lý luận mà không áp dụng vào thực tế là lý luận suông. Dù xem được hàng ngàn hàng vạn quyển lý luận, nếu không được đem ra thực hành, thì khác nào một cái hòm đựng sách”².

Nhấn mạnh vai trò thực tiễn trong mối quan hệ biện chứng với lý luận, Hồ Chí Minh không tuyệt đối hóa thực tiễn, trái lại Người luôn căn dặn đội ngũ trí thức, cán bộ, đảng viên phải tăng cường học tập nghiên cứu lý luận, tri thức khoa học, trong đó đề cao vai trò lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin. “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin”³. “Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người mà không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam”⁴. Người đề cao vai trò của lý luận khoa học: “Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi... Vì kém lý luận cho nên gặp mọi việc không biết xem xét cho rõ, cân nhắc cho đúng, xử trí cho khéo... Kết quả thường thất bại”⁵. “Đó là lý luận chân chính, lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế”⁶. Đặt trong giai đoạn lịch sử lúc bấy giờ, chúng ta thấy tư tưởng của Người có ý nghĩa vô cùng sâu sắc; và trong giai đoạn hiện nay thì tư tưởng đó là một định hướng chiến lược cho sự nghiệp “trồng người”, một phương pháp giáo dục đúng đắn dẫn cho đội ngũ trí thức trong thời kỳ toàn cầu hóa và nền kinh tế tri thức. Hội nhập và phát triển trong thời đại ngày nay đặt ra yêu cầu nâng cao trình độ tri thức và lý luận khoa học cho tất cả mọi giai cấp và tầng lớp xã hội, dù là công nhân, nông dân hay trí thức. Trí thức hóa giai cấp công nhân và nông dân là đòi hỏi tất yếu của việc tăng cường vai trò và sức mạnh của khối liên minh công, nông, trí thức trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tính tất yếu và vai trò trong vấn đề trí tuệ hóa nguồn lực con người được định hướng bởi tư tưởng đúng đắn và sâu sắc, vừa phù hợp với mọi giai đoạn lịch sử cách mạng Việt Nam, vừa mang tầm vóc thời đại của lãnh tụ vĩ đại Hồ Chí Minh.

Là một nhà giáo dục vĩ đại, Hồ Chí Minh luôn đề cao vai trò trí thức trong đội ngũ những người lao động, cả lao động trí óc và lao động chân tay. Trí tuệ là nguồn lực tạo nên sức mạnh cho những người công nhân, nông dân và trí thức để họ xứng đáng là hạt nhân

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr. 235.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr. 234.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr. 268.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr. 268.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr. 234.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr. 233.

của khối đại đoàn kết dân tộc, hoàn thành công việc của cách mạng. Người cho rằng: “Lao động chân tay cũng phải có văn hóa, mà người lao động trí óc cũng phải làm được lao động chân tay. Nếu lao động trí óc không làm được lao động chân tay và lao động chân tay không có trí óc thì đó là người lao động bán thân bất toại”¹. Lời dạy giản dị mà vô cùng sâu sắc đó có ý nghĩa vừa là nội dung giáo dục, vừa là phương pháp giáo dục con người trong mọi thời kỳ, nhất là trong giai đoạn hiện nay, khi yêu cầu thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, giữa lý thuyết và thực hành, giữa tri thức và kỹ năng trở thành nguyên tắc của giáo dục. Trong giáo dục đội ngũ trí thức, Người yêu cầu: “Đại học thì cần kết hợp lý luận khoa học với thực hành, ra sức học tập lý luận và khoa học tiên tiến của các nước, kết hợp với thực tiễn nước ta để thiết thực giúp ích cho công cuộc xây dựng nước nhà”². Đó là một nguyên lý có tính thời đại trong giáo dục bậc đại học, và ở các bậc cao hơn, một cấp độ giáo dục ở trình độ cao, để bằng cấp cử nhân, kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ trở nên thật sự hữu ích cho cuộc sống, cho sự phát triển của con người và xã hội. Nền giáo dục Việt Nam cần lấy tư tưởng của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa lý thuyết và thực hành để xây dựng trở thành một nguyên tắc, một nguyên lý tất yếu trong sự nghiệp giáo dục con người hiện nay, nhất là trong hệ thống các trường đại học.

Tư tưởng biện chứng của Hồ Chí Minh trở thành hạt nhân, thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt và hết sức nhuần nhuyễn để trở thành máu thịt trong mỗi suy nghĩ, trong mỗi việc làm của Người. Tư tưởng đó thể hiện trong nhận thức xuyên suốt của Hồ Chí Minh về thực chất của khối liên minh công, nông, trí thức là vấn đề xây dựng nguồn lực con người cách mạng, trong đó đội ngũ trí thức có vai trò rất cơ bản, và là động lực thúc đẩy cho sự nghiệp cách mạng mau chóng thành công. Biện chứng trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng, phát triển con người thể hiện trong mối liên hệ thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, giữa đức và tài, giữa tri thức khoa học và vận dụng trong thực tế. Từ trong nội dung tư tưởng biện chứng đó để hình thành nên phương pháp Hồ Chí Minh - phương pháp nhận thức lý luận khoa học và hoạt động thực tiễn, phương pháp tư duy và hành động, trên mọi lĩnh vực của sự nghiệp cách mạng.

Có thể xem tư tưởng Hồ Chí Minh về con người trong *Di chúc* là một sự khái quát hóa tư tưởng về con người trong Di sản lý luận, mà Người luôn bàn đến trong bất kỳ hoàn cảnh, điều kiện nào. Trong sự nghiệp cách mạng của mình, vấn đề con người trở thành nội dung xuyên suốt, cốt lõi, có vai trò quan trọng nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh, mà *Di chúc* là điểm dừng cuối cùng trong hành trình lý luận về con người của vị lãnh tụ thiên tài, nhà lý luận kiệt xuất của dân tộc Việt Nam và nhân loại.

“Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”³. Đây là quan điểm kế thừa và phát triển biện chứng về nguồn lực con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Thế hệ trẻ là tương lai của một quốc gia, dân tộc. Vì vậy, sự nghiệp đào tạo, xây dựng và phát triển thế hệ cách mạng cho đời sau được Người quan tâm sâu sắc, xem đó là nhiệm vụ quan trọng nhất của sự nghiệp cách mạng.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.9, tr. 174.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.8, tr. 84.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.10, tr. 498.

Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XI đã khẳng định: “Việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên lâu dài của cán bộ, đảng viên, của các chi bộ, tổ chức Đảng và các tầng lớp nhân dân”¹. Mỗi người Việt Nam học tập Bác Hồ không chỉ là trách nhiệm mà cao hơn là khát vọng và niềm tin về tình cảm, đạo đức và trí tuệ của Người đang dẫn dắt toàn dân tộc đi tới tương lai tốt đẹp nhất.

Nghị quyết Đại hội XII của Đảng đã yêu cầu: “Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống...”². Đó là định hướng về giá trị đạo đức; là cách thức, phương pháp để rèn luyện, giáo dục con người theo *Di chúc* của Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay, như lời dạy của Bác: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”³.

Đó là tinh thần minh triết của *Di chúc* của Hồ Chí Minh về con người và phát triển con người Việt Nam trong thời đại ngày nay.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 257.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 47.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.10, tr. 498.

TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN TRONG DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC GIÁO DỤC NHÂN CÁCH CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*ThS. Lê Thị Ngọc Hoa**

Dân tộc Việt Nam là một dân tộc anh hùng với bao trang sử chói lọi. Trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái đã trở thành sức mạnh của dân tộc ta, giúp chúng ta chiến thắng bao kẻ thù. Không những thế, tình cảm thiêng liêng cao quý đó còn trở thành niềm tự hào bao đời của những người con đất Việt. Chính từ trong quá trình dựng nước và giữ nước oanh liệt ấy, những truyền thống quý báu và phẩm chất tốt đẹp của nhân dân ta đã nở hoa, trong đó nổi bật là tư tưởng nhân văn nhân đạo, yêu thương con người. Đó là nét đẹp nổi bật đáng tự hào của con người Việt Nam. Càng yêu con người, càng thương con người, họ càng có thêm ý chí kiên cường, tinh thần bất khuất, dám xả thân, hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, dám vươn lên để tìm con đường giải thoát cho dân tộc khỏi đói nghèo và xây dựng đất nước cường thịnh.

Giống như bao người con đất Việt, Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên trong lòng một dân tộc giàu truyền thống nhân ái. Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh lúc đầu thể hiện ở những yêu cầu nhân bản bao quát nhất. Đó là tư tưởng đòi lại cho con người những gì mà con người có quyền được hưởng, trước hết là quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh được nâng lên tầm cao hơn khi ở Người hội tụ những tư tưởng tiến bộ của toàn nhân loại, trong đó có các hệ tư tưởng nhân văn Phục Hưng, Khai sáng. Đặc biệt, tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh chỉ thật sự trở thành lý luận khoa học, học thuyết vững chắc khi Người thấm nhuần tư tưởng Cộng sản Chủ nghĩa của các lãnh tụ thiên tài: C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin. Do vậy, chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh đặc biệt trong sáng và cao cả, thấm đượm tình đồng bào, đồng chí, tình năm châu bốn bể, suốt đời vì nước, vì dân.

Thanh niên, trong đó có sinh viên đại học, là một lực lượng nòng cốt trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là một hiện thân, đại biểu cho dân tộc Việt Nam, cho văn hóa Việt Nam, chính vì thế, họ cần phải là những con người phát triển toàn diện cả về đức, trí, thể, mỹ, mà cốt cách, bản chất, không khác gì hơn chính là các giá trị nhân văn. Vì vậy, một trong những nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục Việt Nam, đã được Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ rõ, là “đổi mới chương trình nhằm phát triển năng lực và phẩm chất người học, hài hòa đức, trí, thể, mỹ; dạy người, dạy chữ và dạy nghề... Chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân. Tập trung vào những vào những giá trị cơ bản của văn hóa, truyền thống và đạo lý dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, giá trị cốt lõi và nhân văn của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh”.

* Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

Để thực hiện nhiệm vụ đó, việc đi sâu vào nghiên cứu, giáo dục tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh vào cuộc sống để thúc đẩy quá trình nhân văn hóa đời sống xã hội, nhân văn hóa bản chất con người Việt Nam, trong đó có thanh niên, sinh viên, đồng thời làm cho các giá trị nhân văn Hồ Chí Minh ngày càng được khẳng định, bồi đắp, tỏa sáng và trường tồn là một vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

1. Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh

1.1. Một số khái niệm

- Khái niệm “*Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh*”: Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh là một hệ thống các luận điểm về con người và giải phóng con người được rút ra từ thực tiễn cách mạng; những luận điểm này được hình thành trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các giá trị nhân văn truyền thống dân tộc, các giá trị nhân văn trong văn hóa nhân loại với đỉnh cao là chủ nghĩa Mác – Lênin, nhằm mục đích giải phóng và phát triển con người một cách toàn diện. Đó là quan niệm về bản chất con người; tình yêu thương con người; tinh thần khoan dung; coi con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp cách mạng; về chiến lược trồng người;... Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh mang tính định hướng trong việc xây dựng con người mới ở nước ta hiện nay.

- Khái niệm “*Nhân cách*”: Nhân cách là đối tượng nghiên cứu của nhiều khoa học khác nhau: Triết học, xã hội học, đạo đức học, mỹ học, văn học, giáo dục học, tâm lý học... Tùy thuộc góc độ nghiên cứu, các nhà nghiên cứu có thể đưa ra các định nghĩa khác nhau về nhân cách. Hiểu một cách chung nhất, nhân cách là tổ hợp những đặc điểm, những thuộc tính tâm lý của cá nhân, biểu hiện bản sắc và giá trị xã hội của con người. Nhân cách là sự tổng hòa không phải các đặc điểm cá thể của con người mà chỉ là những đặc điểm quy định con người như là một thành viên của xã hội, nói lên bộ máy tâm lý – xã hội, giá trị và cốt cách làm người của mỗi cá nhân.

Theo *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*: “Nhân cách là khái niệm chỉ bản sắc độc đáo, riêng biệt của mỗi cá nhân, là nội dung và tính chất bên trong của mỗi cá nhân. Bởi vậy, nếu cá nhân là khái niệm chỉ sự khác biệt giữa cá thể với giống, loài thì nhân cách là khái niệm chỉ sự khác biệt giữa các cá nhân. Nhân cách biểu hiện thế giới cái tôi của mỗi cá nhân, là sự tổng hợp của các yếu tố sinh học, tâm lý, xã hội tạo nên đặc trưng riêng của cá nhân, đóng vai trò chủ thể tự ý thức, tự đánh giá, tự khẳng định và tự điều chỉnh hoạt động của mình”¹.

1.2. Tư tưởng nhân văn trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Cốt lõi tư tưởng nhân văn trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là vấn đề con người. Tình yêu thương con người ở Hồ Chí Minh đã trở thành lẽ sống, yêu thương con người gắn với niềm tin ở con người, dùng sức của con người để giải phóng cho con người, vì con người và phục vụ con người.

- *Yêu thương con người*:

Trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định toàn bộ những việc lớn của xã hội, của cách mạng đều gắn với con người, cho nên Người viết: “Đầu tiên là công việc đối với con người”². Đây là sự tổng kết quan trọng về chủ nghĩa nhân văn mà Hồ Chí Minh đã

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình triết học Mác – Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 394.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 509.

đúc kết trong quá trình hoạt động cách mạng của mình. Trong những năm tìm đường cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh coi công việc đối với con người là mục tiêu quan trọng, lớn lao và cao cả của cả đời mình. Vấn đề con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện trong *Di chúc* đó là tình thương yêu đối với tất cả mọi tầng lớp người trong xã hội.

Tình yêu thương con người ở Hồ Chí Minh xuất phát từ tình yêu thương của những người đồng cảnh ngộ, mất nước, bị nô lệ, cùng chung số phận bị áp bức bóc lột, đi tìm lối thoát cho dân tộc, được nhận thức và giải quyết trên lập trường của giai cấp vô sản, dành cho các dân tộc và con người bị áp bức, đau khổ. Xuất phát từ tình yêu thương ấy Người đã đi tìm con đường giải phóng dân tộc, giải phóng mọi áp bức, bất công. Hồ Chí Minh thương yêu con người với một tình cảm sâu sắc, vừa bao la rộng lớn, vừa gần gũi thân thương đối với từng số phận con người. Tình thương yêu con người ở Hồ Chí Minh luôn gắn liền với hành động cụ thể, phấn đấu vì độc lập của Tổ quốc, tự do hạnh phúc cho con người. Bản *Di chúc* dù chỉ 1.000 từ thôi nhưng có thể nói *Di chúc* đã điếm đến không sót một đối tượng nào: công nhân, nông dân, bộ đội, thanh niên xung phong, dân quân tự vệ, các cháu thanh niên, thiếu niên, nhi đồng, các cụ phụ lão, phụ nữ, bạn bè quốc tế,... đến cả những người là nạn nhân của chế độ cũ.

Là người sáng lập lực lượng vũ trang nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến cán bộ, chiến sĩ, dân quân, du kích. Đối với thương binh, bệnh binh, Người căn dặn: “Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để họ có thể dần dần tự lực cánh sinh”¹; Đối với các liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, Người yêu cầu: “Mỗi địa phương cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm ghi sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta”²; Đối với cha mẹ, vợ con của thương binh, liệt sĩ mà thiếu sức lao động và túng thiếu, Người căn dặn: “Chính quyền địa phương (nếu ở nông thôn thì chính quyền xã cùng hợp tác xã nông nghiệp) phải giúp đỡ họ có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ đói rét”³; Đối với chiến sĩ trẻ và thanh niên xung phong đang được rèn luyện trong chiến đấu, Người yêu cầu: “Đảng và Chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, các nghề, để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc”. Với tầm nhìn chiến lược, Người tin tưởng và khẳng định “đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta”⁴, “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”⁵.

Đối với nông dân, Người viết: “Trong bao năm chống thực dân Pháp, tiếp đến chống đế quốc Mỹ, đồng bào ta, nhất là đồng bào nông dân đã luôn hết sức trung thành với Đảng và Chính phủ ta, ra sức góp của góp người, vui lòng chịu đựng mọi khó khăn, gian khổ”⁶. Vì vậy, Người đề nghị sau chiến tranh miễn thuế nông nghiệp cho bà con một năm để đồng bào

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 12, tr. 509.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 12, tr. 509.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 12, tr. 509.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 12, tr. 510.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 12, tr. 516.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 12, tr. 516.

thêm niềm phấn khởi, yên tâm sản xuất. Đối với nhân dân lao động nói chung, Người nhắc nhở: “Đảng cần có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”¹.

Riêng về phụ nữ, Bác không chỉ thấu hiểu sự hy sinh của họ ở hậu phương và cả ở chiến trường, mà còn rất quan tâm đến sự tiến bộ, quyền bình đẳng và hạnh phúc của họ trong cuộc sống. Trong *Di chúc*, Người yêu cầu và căn dặn: “Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo. Bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên”². Theo Người, đây là cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thực sự cho phụ nữ: “Nếu phụ nữ chưa được giải phóng thì xã hội chưa được giải phóng”, “Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa”.

- Niềm tin sâu sắc và tấm lòng khoan dung trước tính đa dạng của con người: Khoan dung Hồ Chí Minh là một nét đặc sắc trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh, đồng thời còn là một vũ khí tinh thần quan trọng trong công cuộc đấu tranh vì mục tiêu cao đẹp của sự nghiệp cách mạng. Đó là tinh thần khoan dung rộng lớn trước những khác biệt trong mỗi con người; khoan dung với những người lầm đường lạc lối khi họ đã nhận ra sai lầm; khoan dung với kẻ thù, sẵn sàng đối thoại để tìm giải pháp hòa bình; trong chiến tranh, Người luôn coi mục tiêu của chiến tranh là đánh bại ý chí xâm lược của kẻ thù, chứ không phải là tiêu diệt toàn bộ sinh lực địch.

Đối với những người lầm đường, lạc lối đã có lúc đi ngược lại lợi ích của dân tộc, Hồ Chí Minh vẫn thể hiện sự bao dung, độ lượng, vị tha, Người muốn cảm hoá họ, đưa họ về với nhân dân. Sự cảm hoá của Người rất giản dị, mộc mạc nhưng thấm đượm lòng nhân ái, khoan dung, đức độ. Người viết: “Năm ngón tay cũng có ngón vắn ngón dài. Nhưng vắn dài đều họp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta”³. Trong *Di chúc*, với lòng khoan dung, độ lượng, đầy tình nhân ái, Chủ tịch Hồ Chí Minh gọi họ là “nạn nhân của chế độ xã hội cũ” và nhắc nhở Đảng, Nhà nước phải quan tâm đến họ: “Nhà nước phải vừa dùng giáo dục vừa dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện”⁴.

- *Xây dựng con người là chiến lược hàng đầu trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh.*

Con người phải được đặt vào vị trí trung tâm của sự phát triển: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa”⁵. Hồ Chí Minh quan niệm “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”⁶. Để “trồng người”, có nhiều biện pháp, nhưng giáo dục - đào tạo là biện pháp quan trọng bậc nhất. Theo Người: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”⁷. Cho nên phải chống giặc dốt cũng như chống giặc đói, giặc ngoại xâm, giặc nội xâm. Trong Nhật ký trong tù, Bác viết:

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 12, tr. 517.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 12, tr. 510.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 4, tr. 574.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 12, tr. 510.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 10, tr. 310.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 9, tr. 225.

7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 4, tr. 16.

“Hiền dữ phải đâu là tính sẵn. Phần nhiều do giáo dục mà nên”¹. Chiến lược giáo dục là hạt nhân trong chiến lược con người, cung cấp trí thức mới, đào tạo nên nhân tài cho đất nước.

Trước lúc đi xa, Người căn dặn: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”²; “Đảng và chính quyền cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, các nghề, để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta”³. Nội dung và phương pháp giáo dục phải toàn diện, cả đức, trí, thể, mỹ, phải đặt đạo đức, lý tưởng và tình cảm cách mạng, lối sống xã hội chủ nghĩa lên hàng đầu. Hai mặt đức, tài thống nhất với nhau, không tách rời nhau, trong đó “đức” là gốc, là nền tảng cho tài năng phát triển. Phải kết hợp giữa nhận thức và hành động, lời nói với việc làm... Có như vậy mới có thể “học để làm người”. “Trồng người” là công việc “trăm năm”, không thể nóng vội “một sớm một chiều”, không phải làm một lúc là xong, cũng không phải tùy tiện, đến đâu hay đến đó. Nhận thức và giải quyết vấn đề này có ý nghĩa thường trực, bền bỉ trong suốt cuộc đời mỗi con người, trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một hình mẫu của con người nhân văn của thời đại mới, luôn có sự thống nhất giữa lòng yêu thương con người với lòng tin, sự tôn trọng và ý chí cùng hành động triệt để giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

2. Giáo dục nhân cách cho sinh viên Việt Nam hiện nay theo tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh

Mục tiêu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta là hướng đến một xã hội phát triển bền vững, tăng trưởng phải đi đôi với tiến bộ và công bằng, xã hội phải văn minh. Để đạt được mục tiêu này, đòi hỏi chúng ta cần phải đào tạo ra được một đội ngũ lao động không chỉ giỏi chuyên môn, vững tay nghề mà còn phải có lương tâm, trách nhiệm với cộng đồng. Giáo dục tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh cho sinh viên trong các trường đại học ở nước ta hiện nay nhằm giúp sinh viên hình thành những phẩm chất tốt đẹp về nhân cách, đạo đức nghề nghiệp, lối sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội. Đây là một giải pháp quan trọng thực hiện đổi mới giáo dục đại học nhằm hướng đến mục tiêu phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học, đáp ứng đòi hỏi khách quan của sự nghiệp đổi mới giáo dục ở Việt Nam hiện nay. Nói cách khác, đó là xây dựng sinh viên Việt Nam toàn diện trên 4 mặt đức, trí, thể, mỹ - những thế hệ sinh viên Việt Nam có nhân cách.

Những phẩm chất trong nhân cách sinh viên Việt Nam hiện nay cần đặc biệt chú trọng trong quá trình giáo dục là:

- *Giáo dục lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc*, quyết chí đưa đất nước khỏi nghèo nàn, lạc hậu, thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới đất nước, để có thể sánh vai cùng các cường quốc năm châu theo di nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Lòng yêu nước không tồn tại trừu tượng, mơ hồ mà cần được thể hiện bằng những tình cảm, hành động cụ thể. Nó bắt nguồn từ những tình cảm rất gần gũi thân thiết với mỗi người như tình yêu gia đình, yêu quê

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 3, tr. 373.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 12, tr. 504.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 12, tr. 510.

huong, từ nhiều tình yêu cụ thể hợp thành tình yêu đất nước. Con người Việt Nam, thế hệ trẻ Việt Nam đã ý thức sâu sắc sức mạnh của lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc trong lịch sử dựng nước, giữ nước. Trong hoàn cảnh phát triển đất nước hiện nay, bên cạnh những giá trị truyền thống của dân tộc, sinh viên cần được nhận thức, bổ sung thêm những nội dung mới của lòng yêu nước. Lòng dũng cảm vượt qua chính mình, chiến thắng thói vị kỷ, chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, dám nghĩ, dám làm, chủ động, sáng tạo tiến vào khoa học công nghệ vì sự phát triển của dân tộc, của đất nước. Tinh thần yêu nước trong thời đại hiện nay còn được biểu hiện ở phẩm chất đạo đức trong sáng với lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, nhân nghĩa, trung thực, tôn trọng đạo lý,... Đó chính là lòng yêu nước, ý thức dân tộc được kế thừa và phát huy với những nội dung mới, những biểu hiện mới. Nó trở thành sức mạnh nội sinh của sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội đất nước. Nó đáp ứng những yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế với nhân cách con người Việt Nam nói chung và nhân cách sinh viên Việt Nam nói riêng. Muốn vậy, ngay từ lúc đang ngồi trên giảng đường đại học, việc trang bị, xây dựng những tri thức, niềm tin, lý tưởng, phẩm chất đạo đức, tài năng tri thức để hình thành một nhân cách đẹp cho mỗi sinh viên là việc làm cần thiết và cấp bách.

- *Giáo dục đạo đức*: Không ngừng tu dưỡng đạo đức cá nhân - phẩm chất nền tảng trong nhân cách người sinh viên hiện đại. Phạm trù “đức” được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập không mang tính bẩm sinh mà phải trải qua quá trình rèn luyện gian khổ trong hoạt động thực tiễn: lao động sản xuất, hoạt động chính trị - xã hội,... Với sinh viên, đạo đức cá nhân trước hết được thể hiện trong hoạt động học tập tích cực, tự giác, sáng tạo.

- *Giáo dục tri thức khoa học công nghệ*, thâm thấu tri thức khoa học hình thành những phẩm chất trí tuệ, thành tài năng, một trong hai bộ phận cấu thành quan trọng trong nhân cách sinh viên Việt Nam hiện đại. Yêu cầu của thời đại mới, của cách mạng khoa học công nghệ là tiềm lực khoa học công nghệ, nhất là nguồn nhân lực khoa học trở thành nhân tố quyết định vị thế, sức mạnh của mỗi quốc gia dân tộc trong quá trình hội nhập vào thế giới. Vì vậy, đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực, trọng dụng nhân tài có đầy đủ tài, đức từ trong các trường đại học là vấn đề có tầm quan trọng chiến lược, là yếu tố quyết định tương lai của đất nước. Sinh viên chính là người chủ tương lai của đất nước, là lực lượng sản xuất hiện đại và quan trọng nhất quyết định sự thành công trong xây dựng nền kinh tế tri thức. Các thế hệ sinh viên với ý chí trau dồi kiến thức, năng lực, hoàn thiện nhân cách sẽ là lớp người bắt kịp trình độ khoa học công nghệ của thế giới, đưa đất nước phát triển trong tương lai.

Thực tế cuộc sống đã khẳng định tiềm năng to lớn của sinh viên Việt Nam trong nước và trên trường quốc tế. Nhiều tài năng trẻ, nhiều tấm gương sáng trong hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học, trong hoạt động xã hội, văn hóa, bảo vệ an ninh quốc phòng... đã góp phần quan trọng tạo ra sự đổi mới của đất nước và hội nhập quốc tế hôm nay. Thu hút sinh viên, trang bị tri thức năng lực, hoàn thiện nhân cách và sử dụng hết tiềm năng của sinh viên một cách có hiệu quả vào quá trình xây dựng và phát triển đất nước, hội nhập quốc tế là một yêu cầu khách quan.

Kế thừa quan điểm của Hồ Chủ tịch: Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực quan trọng của sự phát triển xã hội; con người là nhân tố quyết định thắng lợi sự nghiệp đổi mới đất nước, hội nhập quốc tế, tiến tới xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, sinh

viên là lớp người đại diện cho năng lực phát triển mới, cho trình độ trí tuệ của sự phát triển hôm nay. Xây dựng nhân cách sinh viên Việt Nam là vấn đề căn bản để đạt mục tiêu đào tạo thế hệ trẻ trở thành những người lao động có đức, có tài, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, thực hiện sự nghiệp phát triển toàn diện con người, phát triển đất nước theo định hướng “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”.

2.1. Phương hướng giáo dục tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh cho sinh viên các trường đại học

- Giáo dục tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh cho sinh viên gắn với mục tiêu xây dựng “con người mới xã hội chủ nghĩa”:

Giáo dục tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh cho sinh viên trong các trường đại học giúp họ hình thành nên các phẩm chất, nhân cách con người Việt Nam mới được tiến hành đồng thời với việc giáo dục các kiến thức chuyên ngành, kỹ năng thực hành nhằm hình thành nên nguồn nhân lực phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế là định hướng quan trọng trong hoạt động giáo dục ở các trường đại học hiện nay.

- Giáo dục tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh cho sinh viên trách nhiệm với bản thân, gia đình và với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước:

Với tư cách là đội ngũ dự bị, lực lượng kế cận hùng hậu của sự nghiệp cách mạng, và là những người chủ nhân tương lai của nước nhà, thế hệ trẻ - trước hết là sinh viên, có trách nhiệm kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang mà thế hệ đi trước đã để lại. Do vậy, làm cho họ thấy được trách nhiệm to lớn của mình đối với bản thân, đối với gia đình và cao hơn nữa là trách nhiệm của một người công dân, một người trí thức trẻ đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh là một phương hướng trong việc giáo dục tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh cho sinh viên hiện nay.

- Giải pháp giáo dục tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh cho sinh viên các trường đại học:

Xuất phát từ vị trí, vai trò, yêu cầu, thực trạng công tác giáo dục tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh cho sinh viên trong các trường đại học ở nước ta hiện nay, việc giáo dục này cần được tiến hành đồng bộ, bằng nhiều giải pháp khác nhau:

+ Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của hoạt động giáo dục tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh cho sinh viên các trường đại học ở Việt Nam hiện nay.

+ Phát huy tính tự lập, tự giác của sinh viên trong việc rèn luyện theo tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh: để mỗi sinh viên thấy được trách nhiệm to lớn của bản thân đối với đất nước; cùng với việc động viên, khuyến khích sinh viên tích cực tự giác học tập, rèn luyện theo tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh, các trường đại học cần xây dựng một cơ chế kiểm tra, đánh giá bằng những hình thức đa dạng, phù hợp để sinh viên tăng cường tinh thần tự giác học tập, tự giác rèn luyện theo tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh; trường cần đề ra các Quy chế khen thưởng, kỷ luật nghiêm minh và dân chủ đối với những sinh viên có thành tích tốt trong việc học tập, rèn luyện theo tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh, cũng như những cá nhân có những biểu hiện vi phạm đạo đức, lối sống.

- Đa dạng hóa các phong trào chính trị - xã hội thực tiễn cho sinh viên trong các trường đại học hiện nay Cần phát huy tốt hơn nữa vai trò lãnh đạo của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên trong việc tổ chức và thu hút sinh viên vào các phong trào chính trị - xã hội thực tiễn;

các tổ chức Đoàn, Hội trong các trường đại học cần có nội dung và hình thức giáo dục sinh động, phong phú; tiếp tục đổi mới và phát triển phong trào “Thanh niên tình nguyện”, “Tiếp sức mùa thi”, “Hiến máu nhân đạo”,... trong sinh viên; Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên triển khai các hoạt động chính trị - xã hội thực tiễn dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu cần có sự liên hệ chặt chẽ với phòng Công tác chính trị, Khoa Lý luận chính trị,... để có sự phối hợp chặt chẽ trong toàn trường, nâng cao chất lượng của hoạt động giáo dục tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh cho sinh viên.

- Kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong quá trình giáo dục tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh cho sinh viên.

Sự kết hợp này nhằm tạo ra sự tác động nhiều chiều, tạo nên sức mạnh tổng hợp để nâng cao hiệu quả giáo dục tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh cho sinh viên, yêu cầu của quá trình kết hợp này là:

Thứ nhất, phải đảm bảo sự nhất quán về mục tiêu, nội dung giáo dục

Thứ hai, xây dựng mối quan hệ gắn bó chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong quá trình giáo dục.

3. Kết luận

Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh là tư tưởng cao đẹp của một chiến sĩ cách mạng tiêu biểu và vĩ đại. Nghiên cứu tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh là một công việc đòi hỏi phải có thời gian, song là một công việc hết sức cần thiết cho công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. Cũng như Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI đã khẳng định: Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Có thể nói, việc đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghiên cứu và giảng dạy nói chung, việc chúng ta cùng nhau nhắc lại triết lý nhân sinh của Hồ Chí Minh, triết lý gắn kết với tư tưởng nhân văn sâu sắc, gắn kết độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, lấy thực tiễn làm điểm xuất phát, lấy giải phóng và phát triển con người làm mục tiêu, nói riêng có ý nghĩa thiết thực và bổ ích. Nó không chỉ giúp chúng ta ôn lại những lời căn dặn quý báu mà người để lại, mà còn khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh đã, đang và mãi mãi là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta trên con đường xây dựng xã hội mới, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*PGS.TS. Nguyễn Văn Hòa**
*ThS. Nguyễn Thị Vân An***

1. Đặt vấn đề

Thật hiếm có một nguyên thủ quốc gia nào trên thế giới, lại đặc biệt quan tâm đến vấn đề giáo dục như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Theo Người, giáo dục gắn liền với sinh mệnh của đất nước, thịnh suy của dân tộc. “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”¹. “Không có giáo dục, không có cán bộ thì cũng không nói gì đến kinh tế văn hóa”². Trước lúc đi xa, Người căn dặn Đảng ta: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và cần thiết”³.

2. Nội dung

Theo Hồ Chí Minh, xã hội mới phải có những con người mới được tạo nên bởi một nền giáo dục mới; “chế độ khác thì giáo dục phải khác”. Do đó, phải đổi mới giáo dục. Thuật ngữ “*đổi mới*” lần đầu tiên được Hồ Chí Minh sử dụng, trong bài “Lục quân ngày nay với các thứ binh khí” đăng trên báo *Cứu quốc*, ngày 13 tháng 9 năm 1946, Người viết: “Binh khí càng tiến bộ, chiến thuật càng đổi mới”⁴. Đổi mới có nghĩa là sự từ bỏ cách nghĩ và cách làm cũ, đưa ra cách nghĩ và cách làm mới phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh mới. Hay nói cách khác đổi mới là sửa đổi cho thích ứng với hoàn cảnh mới.

Trong *Di chúc*, Bác căn dặn rằng: “Ngay sau khi cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi, công việc toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta phải ra sức làm là mau chóng hàn gắn vết thương nghiêm trọng do đế quốc Mỹ gây ra trong cuộc chiến tranh xâm lược dã man. Đó là một công việc cực kỳ to lớn, phức tạp và khó khăn... Khôi phục và mở rộng các ngành kinh tế. Phát triển công tác vệ sinh, y tế. *Sửa đổi chế độ giáo dục cho phù hợp với hoàn cảnh mới của nhân dân* [TG nhấn mạnh], như phát triển các trường nửa ngày học tập nửa ngày lao động”⁵. Tư tưởng của Người đã đặt cơ sở cho đổi mới giáo dục ở nước ta.

Thuật ngữ “*đổi mới*” đến Đại hội lần thứ VI của Đảng, mới được sử dụng một cách phổ biến và trở thành đường lối chính trị của Đảng. “Chỉ đến Đại hội lần thứ VI thì đổi mới trở thành đường lối chính thức của Đảng ta - đường lối đổi mới toàn diện, cũng tức là bản

* *Đại học Huế*

** *Đại học Huế*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4, tr. 35.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4, tr. 345.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4, tr. 498.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4, tr. 291.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.12, tr. 503-505.

hòa tấu đổi mới mới thật sự bắt đầu”¹. Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo, là người khởi xướng và đi đầu trong công cuộc đổi mới.

Đại hội lần thứ VI của Đảng (12/1996) đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, trong đó có đổi mới giáo dục và đào tạo. Đại hội đã mở ra bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đại hội đã chỉ ra rằng đổi mới là quá trình từng bước từ thấp đến cao, từ đổi mới từng bộ phận đến đổi mới toàn diện, chống đốt cháy giai đoạn.

Đại hội lần thứ VII của Đảng (6/1991) là một bước phát triển quan trọng của quá trình đổi mới. Ở đại hội này, Đảng ta đã thông qua “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”, đưa ra quan điểm đổi mới về kinh tế, chính trị và các lĩnh vực khác trong đời sống xã hội. Cương lĩnh đã chỉ rõ: Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ phải được xem là quốc sách hàng đầu.

Đại hội lần thứ VIII của Đảng (6/1996) khẳng định nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội; tạo điều kiện và tiền đề đưa nước ta bước vào thời kỳ phát triển mới: thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Ở đại hội này, Đảng ta tiếp tục làm rõ hơn quan điểm đổi mới, trong đó có quan điểm đổi mới về giáo dục và đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Quan điểm này được cụ thể hoá trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII (12/1996).

Đại hội lần thứ IX của Đảng (4/2001) là đại hội mở ra cho dân tộc Việt Nam bước vào thế kỷ XXI. Trên cơ sở khẳng định những kết quả đã đạt được và triển vọng của thế kỷ XXI, Đảng ta tiếp tục khẳng định quan điểm giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

Đại hội lần thứ X của Đảng (4/2006) là đại hội diễn ra trong bối cảnh sự nghiệp đổi mới trên đất nước ta đã trải qua 20 năm. Sự nghiệp đổi mới đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử, đã đưa lại cho đất nước ta một sự thay đổi cơ bản và toàn diện, làm cho thế và lực, uy tín quốc tế của nước ta tăng lên nhiều so với trước. Đại hội đã nêu rõ giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Đại hội lần thứ XI của Đảng (1/2011) là đại hội đánh dấu sự thành công trong chặng đường đầu của công cuộc đổi mới, đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển. Ở Đại hội này, Đảng ta đã chỉ rõ: “Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu. Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá và hội nhập quốc tế”². Những quan điểm về đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam mà Đại hội lần thứ XI nêu ra, được tiếp tục làm rõ trong Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tám khoá XI (11/2013) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và

1. Hà Đăng, “Đổi mới là gì? Bắt đầu từ đâu?”, Trong: Ban Chỉ đạo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới ở Việt Nam, *Việt Nam 20 năm đổi mới*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 29

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 130-131.

đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Đây là một nghị quyết thấm nhuần sâu sắc tư tưởng của Hồ Chí Minh về giáo dục và là một nghị quyết đánh dấu một bước phát triển tư duy về giáo dục và đào tạo của Đảng ta.

Đại hội lần thứ XII của Đảng (1/2016) là đại hội diễn ra trong bối cảnh sự nghiệp đổi mới trên đất nước ta đã trải qua 30 năm. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử qua 30 năm đổi mới khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo. Ở Đại hội này, Đảng ta đã nhấn mạnh: “Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực”¹.

Như vậy, qua các kỳ Đại hội của Đảng là những cái mốc đánh dấu quá trình đổi mới toàn diện ở nước ta, đồng thời làm rõ hơn thuật ngữ “đổi mới”. Tuy nhiên, cho đến nay, khó có thể có một định nghĩa duy nhất, chính xác tuyệt đối về đổi mới. Theo cách hiểu thông thường, đổi mới có nghĩa là thay cái cũ bằng cái mới tiến bộ hơn; là sự từ bỏ cách nghĩ và cách làm cũ không còn phù hợp, đưa ra cách nghĩ và cách làm mới phù hợp với yêu cầu của tình hình mới; là quá trình thay đổi từ thấp đến cao, từ thay đổi ít đến thay đổi căn bản, từ thay đổi từng bộ phận đến thay đổi toàn thể; là sự thay đổi có tính chất bước ngoặt của quá trình vận động; là sự kế thừa những yếu tố tích cực, những kết quả đã đạt được trước đây; là một đường lối chính trị; là một sự nghiệp cách mạng; đổi mới dẫn đến phát triển.

Đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo là thay đổi những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết; là cuộc đấu tranh giữa cái mới và cái cũ, giữa năng động, sáng tạo với trì trệ, bảo thủ; tạo ra sự thay đổi có tính chất bước ngoặt cơ bản trong sự nghiệp trồng người ở nước ta. Đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo là đổi mới đồng bộ tất cả các yếu tố của hệ thống giáo dục và đào tạo nhằm đưa hệ thống đó ngày càng đạt trình độ cao hơn. Từ sự phân tích ở trên, chúng ta có thể hiểu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là tạo sự thay đổi tích cực và mạnh mẽ trên tất cả các mặt nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục và đào tạo, đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của mọi người – “để cho ai cũng được học hành”.

Trong công cuộc đổi mới đất nước, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, Đảng ta ngày càng quan tâm hơn đến đổi mới giáo dục cho phù hợp với “hoàn cảnh mới”. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8 khoá XI đã chỉ rõ: “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là đổi mới tất cả các mặt từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện; đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đến hoạt động quản trị của các cơ sở giáo dục và đào tạo và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; đổi mới tất cả các bậc học, ngành học”². Đây “là một việc rất quan trọng và rất cần thiết;... rất to lớn, nặng nề, và phức tạp mà cũng rất vẻ vang. Đây là một cuộc chiến chống lại những cái gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi”³. Tư tưởng này là một trong

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr. 113.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2013, tr. 119.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.12, tr. 498, 505.

những cơ sở lý luận để Đảng nêu lên quan điểm: “Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội”¹. Đây được coi là triết lý giáo dục quan trọng nhất của chúng ta hiện nay.

Giáo dục là công việc to lớn, nặng nề và phức tạp, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và toàn dân, trong đó Đảng đóng vai trò lãnh đạo. Vì thế, để đảm bảo cho công việc này thắng lợi thì trước hết cần phải chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng... Trong *Di chúc*, Người căn dặn chúng ta rằng: “Ngay sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi, công việc của toàn Đảng, toàn quân và của toàn dân ta phải ra sức làm là mau chóng hàn gắn vết thương nghiêm trọng do đế quốc Mỹ gây ra trong cuộc chiến tranh xâm lược dã man. Đó là một công việc cực kỳ to lớn, phức tạp và khó khăn. Chúng ta phải có kế hoạch sẵn sàng, rõ ràng, chu đáo, để tránh khỏi bị động, thiếu sót và sai lầm. Theo ý tôi, việc cần phải làm trước tiên là *chỉnh đốn lại Đảng*, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi”².

“Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân”³.

Theo Người, làm cách mạng mà chỉ biết giác ngộ chính trị, tư tưởng và tăng cường sức mạnh tổ chức không thôi thì chưa đủ, còn phải thấm nhuần đạo đức cách mạng. Đạo đức là thành tố của văn minh, văn hóa. Bởi vậy, khi nói về Đảng, Người luôn nhấn mạnh rằng: “Đảng ta là đạo đức, là văn minh”; “Cũng như sông có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”.

Đạo đức là cái gốc, gốc vững thì cách mạng mới thắng lợi; ngược lại, gốc yếu thì cách mạng thất bại. Vì vậy, một trong những nguy cơ của một Đảng cầm quyền là sự suy thoái về đạo đức, lối sống, quan liêu, tham nhũng và các thói tệ khác trong cán bộ, đảng viên. Đây chính là những thứ giặc nội xâm làm xói mòn niềm tin của dân đối với Đảng, Đảng “không sợ bất kể địch nào dù cho chúng hung tợn đến mấy”, Đảng chỉ sợ nhân dân mất niềm tin vào Đảng; bởi mất niềm tin của nhân dân là mất tất cả. Không có niềm tin của nhân dân sẽ không có thành công nào của Đảng.

Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức là yêu cầu bức thiết hiện nay. Bởi lẽ, “một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”⁴. Đây chính là lời nhắc nhở cho mỗi chúng ta.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2013, tr. 119.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 12, tr. 503.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 12, tr. 510.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 12, tr. 557-558.

Thực hiện đúng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là cách giữ gìn Đảng ta thật trong sạch; là cách để quyền lực không làm tha hóa Đảng, không làm biến chất đảng viên. Đây chính là cuộc chiến chống “nội xâm” đầy thử thách và cam go, chẳng kém gì cuộc chiến chống ngoại xâm. Chúng ta đã “đánh thắng hai đế quốc to – là Pháp và Mỹ”. Chúng ta phải tiếp tục chiến thắng “giặc nội xâm”.

Chinh đốn Đảng để Đảng ta luôn trong sạch, vững mạnh là vấn đề có ý nghĩa sống còn. Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh luôn phân đấu cho việc: “Giữ gìn Đảng ta thật trong sạch”, “xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhắc nhở cán bộ, đảng viên rằng: vào Đảng không phải để làm “quan cách mạng”; chớ lên mặt “quan cách mạng” ức hiếp nhân dân mà phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Thuần nhuần đạo đức cách mạng sẽ tạo nên nền móng vững chắc để xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; không những thế, thẩm nhuần đạo đức cách mạng còn là nền tảng vững chắc của xây dựng Đảng về văn hóa - văn hóa chính trị, văn hóa ứng xử trong Đảng. Yêu cầu của công cuộc đổi mới nói chung và đổi mới giáo dục nói riêng trong tình hình mới đang đặt ra cho Đảng ta hiện nay là nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu; thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng chính đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”; Chỉ thị số 05 - CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; phải “đánh bại giặc nội xâm”. Căn dặn của Bác về chỉnh đốn Đảng vẫn tươi nguyên giá trị đối với việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện là mục tiêu tổng quát của đổi mới giáo dục hiện nay. Theo Hồ Chí Minh, con người toàn diện, tức là con người vừa *hồng* vừa *chuyên* – vừa có đức vừa có tài, vừa có năng lực vừa có phẩm chất tốt. Tài và đức có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó đức là gốc. Vì thế, Đảng phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho đoàn viên, thanh niên. Trong *Di chúc*, Người đã căn dặn chúng ta rằng: “Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn gian khổ, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo *giáo dục đạo đức cách mạng* cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên”¹.

Thế nhưng, do chúng ta chưa quán triệt đúng và đầy đủ tư tưởng này. Nên trong thực tế hiện nay, có không ít các cơ sở giáo dục chỉ quan tâm đến trình độ văn hóa, kiến thức và kỹ năng đơn thuần mà quên mất giáo dục *đạo đức, nhân cách*. Đây chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự xuống cấp về đạo đức từ gia đình, nhà trường đến xã hội. Ngay cả, một số Đảng viên cũng có hiện tượng coi thường việc tu dưỡng đạo đức, nhân cách. Qua tổng kết về xây dựng Đảng, Văn kiện Đại hội XII đã thẳng thắn, công khai chỉ rõ: “Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 12, tr. 498.

cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi; có mặt, có bộ phận còn diễn biến phức tạp hơn”¹.

Những hạn chế, khuyết điểm đó làm giảm sút sức mạnh của Đảng; làm tổn thương tình cảm và suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Đây là một nguy cơ lớn liên quan đến sự sống còn của Đảng, đến sự thành công của sự nghiệp đổi mới giáo dục và đào tạo. Chính vì vậy, khi nói đến giáo dục toàn diện, trước hết phải quán triệt được đức phải gắn với tài và đức là gốc. Đó là điều Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn chúng ta trong *Di chúc* của Người.

Quán triệt sâu sắc tư tưởng của Người, Đảng ta đã đặt ra nhiệm vụ cho đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế là: “Đổi mới chương trình nhằm phát triển năng lực và phẩm chất người học, hài hòa đức, trí, thể, mỹ; dạy người, dạy chữ và dạy nghề... Chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, ý thức pháp luật và ý thức công dân”².

3. Kết luận

Đổi mới giáo dục và đào tạo xuất phát từ yêu cầu của xã hội, khi xã hội có những thay đổi nhất định thì đòi hỏi giáo dục cũng phải có những thay đổi tương ứng cho phù hợp. Để đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đạt kết quả cao hơn, hiệu quả tốt hơn thì chúng ta phải vận dụng sáng tạo và phát triển triết lý giáo dục Hồ Chí Minh trong điều kiện hoàn cảnh mới – cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là văn kiện lịch sử vô giá, chứa đựng nhiều nội dung tư tưởng quan trọng, trong đó có nội dung tư tưởng về giáo dục. Tư tưởng đó là kim chỉ nam cho sự nghiệp trồng người ở nước ta. 50 năm qua, chúng ta ngày càng nhận thức sâu sắc hơn những nội dung cơ bản trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh và quyết tâm triển khai thực hiện nghiêm túc, theo đúng lời dạy của Người, nhờ đó đã giành được thắng lợi to lớn.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2016, tr. 184-185.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2013, tr. 128.

TRIẾT LÝ NHÂN VĂN CỦA CHIẾN LƯỢC “TRỒNG NGƯỜI” TRONG DI CHỨC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH – GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN ĐỐI VỚI GIÁO DỤC Ở TÂY NAM BỘ

NCS. *Phạm Thị Huệ**

I. Đặt vấn đề

Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất, một trong những người có tầm ảnh hưởng lớn lao đối với dân tộc Việt Nam thế kỷ XX đã yên nghỉ cách đây 50 năm. Tuy vậy, những di sản tư tưởng, tinh thần lớn lao hàm chứa trong các tác phẩm của Người vẫn cùng nhân dân ta đồng hành trong thời đại mới. Một trong những di sản đó chính là bản Di chúc lịch sử với những lời căn dặn đầy tâm huyết, thấm đẫm triết lý nhân văn, giá trị văn hóa dân tộc và thời đại. Trong bản Di chúc của Người, chiến lược “trồng người” mang một giá trị lý luận và thực tiễn vượt không gian và thời gian. Đây mãi là bài học to lớn cho mọi thế hệ con cháu của Người. Đặc biệt, là vùng Đồng bằng sông Cửu Long đang trong quá trình chuyển mình, hội nhập quốc tế thì vấn đề “chiến lược trồng người” – đào tạo nguồn nhân lực càng mang một giá trị thực tiễn lớn lao.

II. Nội dung

1. Hoàn cảnh ra đời của bản Di chúc Hồ Chí Minh

Bản Di chúc được Người khởi thảo tại Hà Nội, vào dịp sinh nhật lần thứ 75 của Người (tháng 5/1965), lúc mà cả nước đang sôi nổi thi đua lập thành tích chúc thọ Chủ tịch Hồ Chí Minh. Từ ngày 10 đến 14/5/1965, mỗi ngày Người dành từ một đến hai tiếng để viết và hoàn thành bản thảo Di chúc đầu tiên gồm 3 trang, do chính Người tự đánh máy, ở cuối đề ngày 15/5/1965, có chữ ký của Người và chữ ký chứng kiến của đồng chí Lê Duẩn - lúc đó là Bí Thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Năm 1966, cũng vào những ngày tháng 5, Người đọc lại, suy ngẫm thật nhiều về Di chúc nhưng không viết thêm. Năm 1967, Người không chỉnh sửa tài liệu “Tuyệt đối bí mật” do từ 14/4 đến 30/6, Người sang Trung Quốc để chữa bệnh.

Năm 1968, đúng 9h sáng, ngày 10/5, Bác viết lại phần mở đầu của bản Di chúc và phần “Về việc riêng”. Ngày 11/5, Người tiếp tục phần nói về công tác chính đốn Đảng. Ngày 12/5, tiếp tục viết Di chúc, đọc và sửa chữa những phần đã viết. Người căn dặn thêm nhiều điểm cụ thể về việc chăm lo đời sống của nhân dân sau chiến tranh.

Ngày 10/5/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh họp Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 16. Đến giờ nghỉ giải lao, Người xin về trước. Từ 9h30 đến 10h30, Người sửa chữa bản Di chúc, viết toàn bộ đoạn mở đầu Di chúc vào mặt sau tờ “Tin tham khảo đặc biệt” của Thông tấn xã Việt Nam ra ngày 3/5/1969. Những ngày sau đó, Người tiếp

**Trường Cao đẳng Cần Thơ*

tục bổ sung và sửa chữa bản Di chúc. Ngày 19/5, Bác sửa chữa bản Di chúc của các năm 1965, 1968, 1969, xem lại tài liệu lần cuối và xếp vào phong bì cất đi¹.

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh lần đầu tiên được công bố trong Lễ tang của Người tháng 9/1969, gồm 4 trang in khổ 14,5 cm x 22 cm. Ngày 19/8/1989, Bộ Chính trị ra Thông báo số 151-TB/TW *Về một số vấn đề liên quan đến Di chúc và ngày qua đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh* khẳng định Di chúc công bố chính thức năm 1969 đảm bảo trung thành với bản gốc của Người. Nội dung chủ yếu dựa theo bản Bác viết năm 1965, trong đó đoạn mở đầu là của bản viết năm 1969, đoạn về việc riêng là của bản viết năm 1968. Lúc đầu, vì những lý do nhất định, nên một số vấn đề trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh chưa được công bố, như: Việc căn dặn của Người về hoả táng thi hài; việc cần làm sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thắng lợi; miễn giảm thuế nông nghiệp một năm cho các hợp tác xã nông nghiệp... Trong dịp kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) đã quyết định công bố toàn bộ các bản viết Di chúc của Người.

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh gồm nhiều nội dung, trong đó nội dung chủ yếu và quan trọng nhất là về chiến lược “trồng người”. Qua đó thể hiện đây là một bản Di chúc thấm đượm tính nhân văn cao cả.

2. Triết lý nhân văn, giá trị văn hóa và chiến lược “trồng người” trong Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Người luôn quan tâm đào tạo, bồi dưỡng lực lượng thanh niên để phục vụ sự nghiệp cách mạng. Điển hình là trong Đại hội giáo viên giỏi toàn quốc năm 1958 Người đã đưa ra quan điểm: “*Vì sự nghiệp mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người*”. “Trồng người” xét về khía cạnh nào đó cũng giống như trồng cây. Nếu trồng cây phải chăm lo, vun xới mầm cây nhỏ bé, yếu ớt để nó phát triển thành cái cây khỏe mạnh, có ích cho đời thì “trồng người” cũng phải bắt đầu bằng việc dạy dỗ, uốn nắn, giáo dục từ khi còn thơ ấu. Đây là một trọng tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, là quốc sách phát triển đất nước.

Vì vậy, trước lúc đi xa, Người cũng đặc biệt quan tâm đến việc “trồng người”. Trong Di chúc, Người viết “*Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết, Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”*”². Đây là sự chuẩn bị tốt nhất cho lợi ích lâu dài của đất nước vì thanh niên là “*đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta*”³.

Triết lý nhân văn của quan điểm này có thể hiểu như sau: Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề rèn luyện đầy đủ cả đức và tài trong việc đào tạo huấn luyện cán bộ nói chung cũng như trong sự nghiệp giáo dục, rèn luyện thế hệ trẻ Việt Nam một cách toàn diện nói riêng,

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thừa Thiên – Huế, *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2010, tr.203-204.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thừa Thiên – Huế, *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2010, tr.227.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thừa Thiên – Huế, *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2010, tr.227.

để mỗi thanh niên Việt Nam có đủ phẩm chất năng lực, vừa hồng vừa chuyên.

“Hồng” có thể hiểu là phẩm chất chính trị, tư tưởng, lối sống lành mạnh; là lòng trung thành với Tổ quốc, với Đảng, với nhân dân; là trình độ giác ngộ mục tiêu hy sinh phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; là đạo đức cách mạng cần kiệm liêm chính, chí công vô tư.

“Chuyên” là trình độ, năng lực tinh thông nghiệp vụ chuyên môn. “Chuyên” ở đây không chỉ là việc làm chủ các tri thức khoa học, hiểu biết thấu đáo về lĩnh vực chuyên môn mà mình hoạt động mà còn bao gồm cả kỹ năng thực hành. Người “chuyên” phải là người có hiểu biết thấu đáo và thực hành thành thạo các công việc mà mình đảm nhiệm.

Những mặt cụ thể của việc giáo dục toàn diện để người thanh niên vừa “hồng” vừa “chuyên” có thể nêu tóm tắt: Giáo dục nâng cao nhận thức về thế giới quan khoa học, cách mạng; giáo dục đạo đức cách mạng và giáo dục văn hóa, kỹ thuật và nghề nghiệp. Vì vậy, Người căn dặn: *“Đảng và chính quyền cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, các nghề, để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta”*.

Không những vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm sâu sắc đến việc bồi dưỡng, cất nhắc, giúp đỡ phụ nữ, để họ tiến bộ, bình đẳng và thật sự được giải phóng. Theo Người: “Nói phụ nữ là nói đến phần nửa của xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người. Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ có một nửa”. Trong Di chúc, Hồ Chí Minh đã căn dặn: *“Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày có thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo. Bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên. Đó là một cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ”*¹. Tuy chỉ là đôi dòng chỉ dẫn của Người nhưng là cả một tư tưởng cao cả mang đậm triết lý nhân sinh, văn hóa của thời đại.

3. Giá trị lý luận và thực tiễn của chiến lược “trồng người” trong Di chúc Hồ Chí Minh đối với giáo dục Đồng bằng sông Cửu Long

Qua 50 năm dân tộc ta thực hiện Di chúc, những dự đoán, mong mỏi của Người đã thành hiện thực. Tấm gương, tư tưởng, lời dạy của Bác được toàn Đảng, toàn dân thực hiện như một mệnh lệnh của con tim. Ngay sau khi Bộ Chính trị phát động đợt thi đua học tập và làm theo Di chúc lần đầu tiên năm 1969, đến nay năm 2019, những giá trị lý luận và thực tiễn trong Di chúc người để lại vẫn còn đó bao ý nghĩa.

Ngày nay, thế giới đang bước vào một nền văn minh trí tuệ, một nền kinh tế tri thức, một xã hội thông tin. Trong nền kinh tế tri thức này, ưu thế không hoàn toàn lệ thuộc vào các nhân tố truyền thống như tài nguyên, đất đai, nhân công... mà nhân tố có ý nghĩa quyết định là trí tuệ con người, là đội ngũ lao động chất lượng cao, là chất xám của các chuyên gia. Việt Nam muốn “sánh vai với các cường quốc năm châu”, trước tiên phải làm tốt chiến lược “trồng người” theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là vùng Đồng bằng sông Cửu Long

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thừa Thiên – Huế, *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2010, tr.275.

– vùng đất gồm 12 tỉnh và 1 thành phố, có diện tích 40.518,5 km², dân số 17.213.400 người¹. Đây là một vùng đất trù phú, có vị trí địa lý thuận lợi: luôn đứng đầu cả nước về sản xuất và xuất khẩu gạo, thủy sản và trái cây; đứng thứ ba về tỷ trọng đóng góp GDP nhưng những thành tựu về giáo dục - đào tạo lại chưa tương xứng với vị thế của Vùng. Hội nghị “*Phát triển giáo dục và đào tạo vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020*” được tổ chức ở Cần Thơ tháng 8 năm 2005, đã đánh giá một cách toàn diện những yếu kém trong giáo dục - đào tạo của vùng: “*Là vùng xếp ở vị trí cuối bảng về tỷ lệ học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông trên 1.000 người dân và thấp hơn nhiều so với bình quân cả nước; mạng lưới trường lớp còn thiếu và chưa hợp lý; số lượng các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề quá ít; đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý còn thiếu về số lượng, yếu về chất lượng... Giáo dục - đào tạo vùng đồng bằng sông Cửu Long đã tụt hậu 05 năm so với mặt bằng chung của cả nước và ít nhất 10 năm so với vùng đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ; quy mô giáo dục - đào tạo chưa tương xứng với tầm vóc và vị trí chiến lược của vùng*”². Chính thực trạng trên của Tây Nam Bộ đã dẫn đến hệ lụy là lực lượng lao động của vùng vừa thiếu, yếu, ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển kinh tế - xã hội toàn vùng. Làm thế nào để nâng cao số lượng và chất lượng đào tạo nguồn nhân lực ở vùng đất “chín rồng” là vấn đề cấp thiết.

Vì vậy, trên cơ sở khảo cứu chiến lược “trồng người” của Di chúc Bác Hồ, cần thực hiện tốt các giải pháp sau để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục vùng đất Tây Nam Bộ.

Một là, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với vấn đề phát triển đào tạo con người mới xã hội chủ nghĩa. Theo Di chúc của Bác, muốn thực hiện thành công việc nâng cao chất lượng giáo dục ở Tây Nam Bộ trước hết cần phải phát huy yếu tố chính trị, tư tưởng, đoàn kết nhất trí trong vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước. Đây chính là chìa khóa vạn năng để giải quyết mọi vấn đề.

Hai là, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực “chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau”. Khi tìm hiểu về Di chúc của Bác, ta thấy xuyên suốt tư tưởng Người là đề cao vai trò của giáo dục, chăm lo bồi dưỡng thế hệ kế thừa. Người xem giáo dục là điều kiện tiên quyết để xây dựng con người, để hoàn thành sự nghiệp trồng người. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “*Không có giáo dục, không có cán bộ thì cũng không nói gì đến kinh tế văn hóa. Trong việc đào tạo cán bộ, giáo dục là bước đầu*”³. Thực tiễn đã chứng minh, lời dạy của Người là có ý nghĩa to lớn: Chương trình đào tạo cán bộ “Mê-Kông 1000” đã góp phần phát triển Đồng bằng sông Cửu Long.

Ba là, phát huy hiệu quả vai trò của Đoàn thanh niên, và các đoàn thể xã hội trong việc hình thành nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa. Trong Di chúc, Người đã gửi gắm một tình yêu và niềm tin cho thế hệ mai sau: “*Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đề hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ*”. Vì vậy, làm theo

1. <http://www.vusta.vn/vi/news/Trao-doi-Thao-luan/Giao-duc-dao-tao-dong-bang-song-Cuu-Long-sau-5-nam-thuc-hien-Quyiet-dinh-20-2006-QD-TTg-44695.html>

2. <http://www.vusta.vn/vi/news/Trao-doi-Thao-luan/Giao-duc-dao-tao-dong-bang-song-Cuu-Long-sau-5-nam-thuc-hien-Quyiet-dinh-20-2006-QD-TTg-44695.html>

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thừa Thiên – Huế, *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2010, tr.210.

nguyện vọng của Người, Đoàn viên thanh niên cần được trang bị những tri thức lý luận, định hướng chính trị, giáo dục lý tưởng cách mạng xã hội chủ nghĩa song song với việc học tập văn hóa, chuyên môn, nghề nghiệp, kỹ năng sống để vững vàng đón nhận trách nhiệm mà xã hội giao phó. Đặc biệt là hình thành nhân cách con người xã hội chủ nghĩa: cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư và những tác phong đẹp như: khiêm tốn, giản dị.

Bốn là, kết hợp cơ sở đào tạo, nhà trường với doanh nghiệp, các ngành, các địa phương trong nền giáo dục đào tạo con người mới. Quả thật, để đào tạo một con người phát triển toàn diện, hài hòa thì cần gắn lý luận sách vở với thực tế. Người căn dặn rằng: “*Ngoài cách học ở trường, ở lớp, học trên sách báo, ... có một cách học rất tốt ai cũng có thể tham gia hằng ngày. Đó là cách học tập ngay trong sản xuất, học tập những người, những tổ, những đơn vị tiên tiến*”¹. Trong tình hình hiện nay, cách học thông nhất lý luận và thực tiễn, học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với xã hội là phương pháp tốt nhất đào tạo nhân lực chất lượng cao cho Tây Nam Bộ. Vì vừa phù hợp xu thế thời đại, vừa nâng cao chất lượng năng lực cho đội ngũ lao động của Vùng.

Năm là, xây dựng môi trường xã hội trong sạch, lành mạnh, cơ sở cơ bản nhất cho lớp trẻ học tập đấu tranh và tôi luyện thành con người mới xã hội chủ nghĩa. Việc này được thể hiện rõ ở phong trào Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong hoạt động phê và tự phê. Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: Tự phê bình là “nêu ưu điểm và vạch ra khuyết điểm của mình”, là thật thà nhận, công khai nhận trước mặt mọi người những khuyết điểm của mình để tìm cách sửa chữa. Đó là cách mỗi người tự đánh giá để mỗi người vừa thấy được “cái hay”, “cái dở” của mình, vừa tạo điều kiện để những người xung quanh đóng góp ý kiến, giúp bản thân sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm. Còn phê bình là “nêu ưu điểm, vạch ra khuyết điểm của đồng chí mình”; là tham gia góp ý kiến và nêu cách thức để sửa chữa khuyết điểm. Từ đó, vừa cổ vũ đồng chí mình phát huy những ưu điểm, những cách làm hay, những việc làm tốt, vừa nhằm tìm ra biện pháp khắc phục khuyết điểm, hạn chế, sai lầm để cùng nhau ngày càng tiến bộ.

III. Kết luận

Tuy được viết cách đây trên 50 năm, hoàn cảnh lịch sử đã có nhiều thay đổi, song chiến lược “trồng người” viết trong Di chúc Hồ Chí Minh vẫn mang một giá trị nhân văn sâu sắc và có ý nghĩa thực tiễn rất thiết thực. Tiếp cận ở góc độ triết lý nhân văn, chiến lược “trồng người” được thể hiện trong Di chúc của Người không chỉ giúp chúng ta hiểu thêm về tư tưởng, đạo đức, tầm nhìn của Cụ Hồ mà còn giúp ta thêm kính yêu, biết ơn Người – vị cha già đáng kính của cả dân tộc Việt Nam. Từ đó, ra sức vận động thực hiện những điều Bác đã căn dặn trước lúc đi xa vào công cuộc đào tạo nhân lực nhằm xây dựng đất nước, đặc biệt là vùng Tây Nam Bộ. Với những nỗ lực không ngừng của Đảng, các cấp chính quyền, tin rằng trong tương lai, vấn đề giáo dục và đào tạo ở Đồng bằng sông Cửu Long sẽ vươn xa, tương xứng với vị thế và tiềm năng của vùng./.

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thừa Thiên – Huế, *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.213.

TU TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH TRONG DI CHỨC VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO SINH VIÊN HIỆN NAY

*TS. Lê Thị Kim Hưng**

Hồ Chí Minh là danh nhân văn hóa thế giới, vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Nhắc đến Người là nhắc đến những đóng góp quan trọng, đặc sắc cho cách mạng Việt Nam trên nhiều lĩnh vực và được thể hiện trong hệ thống tư tưởng của Người về các vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, trong đó có tư tưởng sáng ngời về đạo đức. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức không chỉ hiện diện trong các tác phẩm của Người mà còn thể hiện đặc biệt sống động trong hoạt động thực tiễn đa dạng, phong phú mà Người đã trực tiếp trải nghiệm trong quá trình đấu tranh cách mạng.

1. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trong Di chúc

Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương về đạo đức trong sáng, mẫu mực về cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, tuyệt đối không màng danh lợi, đứng ở ngoài vòng danh lợi để toàn tâm, toàn ý phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Suốt đời, Người chống chủ nghĩa cá nhân vụ lợi, vị kỷ, Người hy sinh tất cả, kể cả cuộc sống riêng tư để làm mọi điều có lợi cho nhân dân, tránh mọi điều có hại tới nhân dân. Người không chỉ nêu gương mà còn giúp mọi người noi gương, làm điều tốt, tránh điều xấu, định hướng, thức tỉnh, động viên và thúc đẩy con người hướng tới những giá trị chân, thiện, mỹ. Có thể nói, với Hồ Chí Minh, tư tưởng gắn liền với đạo đức và tư tưởng đạo đức trở thành hành động đạo đức, thể hiện một cách chân thực qua lối sống giản dị, thanh cao của Người.

Theo Người, đạo đức là gốc, là nền tảng của người cách mạng, đạo đức của con người cũng giống như cây có gốc, sông có nguồn, không có đạo đức không thể hoàn thành nhiệm vụ cách mạng. Người nhấn mạnh, trong quan hệ giữa đức và tài, đức là gốc, tài là ngọn.

Theo Người, việc chăm lo xây dựng đạo đức là công việc thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, của mỗi gia đình và mỗi người trong xã hội ta, đạo đức tạo nên sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội.

Người nêu rõ “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”¹¹.

Trong Di chúc, Người căn dặn cán bộ, đảng viên phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau, phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, ra sức thực hành dân chủ và cần, kiệm, liêm, chính để xứng đáng là người đầy tớ trung thành, công bộc tận tụy của dân, xứng đáng

**Trường Cao đẳng Kinh tế - Tài chính Thái Nguyên*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr.622.

là người lãnh đạo của nhân dân. Di chúc đề cập vấn đề đào tạo, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc làm vô cùng quan trọng và cần thiết mà Đảng phải đặc biệt quan tâm. Nội dung tư tưởng trong Di chúc đã thể hiện sâu sắc chủ nghĩa nhân đạo và nhân văn cao cả của Hồ Chí Minh.

Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, phản ánh tồn tại xã hội, tương ứng với các giai đoạn của từng chế độ xã hội, đạo đức có mức độ phát triển khác nhau. Tuy vậy, sự phát triển đạo đức ở bất kỳ chế độ xã hội nào trong lịch sử đều có tính kế thừa những giá trị đạo đức của chế độ xã hội trước và tiếp tục nâng lên một tầm cao mới. Việc giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ nói chung và sinh viên nói riêng có ý nghĩa quan trọng, từ đó góp phần hình thành ý thức, tình cảm, niềm tin để có những hành vi đạo đức phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội, xây dựng quan điểm sống tích cực, đồng thời khắc phục được những quan điểm đạo đức lỗi thời, sự lệch chuẩn các giá trị nhân cách, chống lại những hiện tượng phi đạo đức, phi văn hóa. Đây là nhiệm vụ, là yêu cầu cơ bản, cấp bách của toàn xã hội trong giai đoạn hiện nay.

2. Tính kế thừa trong sự phát triển của đạo đức

Hồ Chí Minh đã tiếp xúc với nhiều luồng tư tưởng, nhiều vị tiền bối. Ngay từ thưở thiếu thời, Người đã sớm tiếp xúc, học tập Nho giáo. Bên cạnh những đại diện phương Đông như Khổng Tử, Lão Tử, Tôn Trung Sơn, ... Hồ Chí Minh trên con đường của mình dần tiếp xúc với những đại biểu phương Tây như C.Montesquieu, J.J.Rousseau. ... Mỗi người đã để lại trong sự nghiệp của Hồ Chí Minh những ảnh hưởng riêng. Sở dĩ có sự tiếp thu, ảnh hưởng từ những luồng quan điểm khác nhau để tạo nên bản sắc Hồ Chí Minh là bởi Người chủ động trong việc học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm từ những người đi trước trong vai trò như một người “học trò nhỏ” cầu thị, cần cù và sáng tạo. Hồ Chí Minh khẳng định: Chỉ có những người cách mạng chân chính mới thu hái được những hiểu biết quý báu của các đời trước để lại. Đó chính là sự kế thừa để tự làm giàu cho bản thân. Hồ Chí Minh đã lựa chọn ra từ giữa những khác biệt về quan điểm, quốc gia, dân tộc, tôn giáo... những giá trị cốt lõi, tinh túy nhất trên nền tảng, cơ sở chung nhất của mọi học thuyết, quan điểm tiến bộ là “mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội”. Người tìm trong triết lý của Khổng Tử ưu điểm của sự tu dưỡng đạo đức cá nhân, trong tôn giáo của Jesus là lòng nhân ái cao cả, trong chủ nghĩa Tôn Dật Tiên là sự phù hợp với tình hình Việt Nam... Đó chính là sự chất lọc lấy những gì là phù hợp với quốc gia mình, dân tộc mình giữa biển tri thức nhân loại mênh mông của Hồ Chủ tịch.

Xã hội loài người luôn vận động, phát triển không ngừng theo những quy luật khách quan vốn có của nó. Lịch sử phát triển xã hội loài người là lịch sử kế tiếp nhau của các hình thái kinh tế - xã hội. Cho tới nay, loài người đã trải qua năm hình thái kinh tế - xã hội, tương ứng với năm hình thái kinh tế - xã hội đó có những tư tưởng khác nhau về đạo đức. Đạo đức của hình thái kinh tế - xã hội sau đã chọn lọc, tiếp thu những giá trị đạo đức của hình thái kinh tế - xã hội trước đó. Đây chính là tính kế thừa trong quá trình phát triển của đạo đức.

Trong thời đại hiện nay, dù các dân tộc có khác nhau về ngôn ngữ, tôn giáo hay trình độ phát triển thì các giá trị cơ bản của con người như sống thiện, làm điều nhân đức, tình yêu thương giúp đỡ con người vẫn là những giá trị tốt đẹp được truyền từ đời này sang đời khác. Cùng với đó, những phạm trù đạo đức như lương tâm, trách nhiệm, hạnh phúc, ... vẫn được lưu truyền qua các thế hệ. Tuy vậy, nội dung của những phạm trù đạo đức đó có sự

thay đổi ở mỗi thời kỳ lịch sử khác nhau. Thực tế đã chứng minh, những quan niệm đạo đức của xã hội cũ còn phù hợp với xã hội mới sẽ được giữ gìn, phát huy, ngược lại những quan niệm lạc hậu cần phải loại bỏ. Bởi vậy, truyền thống tôn kính ông bà, cha mẹ, kính trọng, phụng dưỡng người già của con người Việt Nam dù năm tháng có qua đi, chế độ xã hội có thay đổi vẫn tiếp tục được nhân dân ta giữ gìn và phát triển từ chế độ xã hội này sang chế độ xã hội khác.

Tính kế thừa trong đạo đức khác với kế thừa trong tự nhiên. Nếu như kế thừa trong lĩnh vực tự nhiên được diễn ra một cách tự phát, cha mẹ di truyền lại những đặc điểm cho con cái theo quy luật sinh học, từ đó đòi hỏi các nhà khoa học phải nghiên cứu để thực hiện những di truyền có lợi, tránh những di truyền bất lợi, còn kế thừa trong lĩnh vực xã hội mang tính tự giác. Do vậy, con người kế thừa những yếu tố phù hợp với sự phát triển của xã hội. Có thể nói rằng, việc kế thừa những yếu tố phù hợp và loại bỏ những yếu tố không phù hợp hoàn toàn phụ thuộc vào nhu cầu của chủ thể đạo đức.

Đạo đức là một trong những hình thái ý thức xã hội, do đó nó có mối quan hệ với các lĩnh vực khác và chịu sự chi phối của các hình thái ý thức xã hội khác. Vì thế, mỗi dân tộc có lịch sử riêng, có những đặc điểm riêng về tâm lý, văn hóa, thẩm mỹ, giáo dục, nghệ thuật,... nên việc kế thừa đạo đức cũng có sự khác nhau. Việc kế thừa đạo đức không chỉ diễn ra trong từng lãnh thổ độc lập mà trong quá trình giao lưu, các dân tộc có thể kế thừa có chọn lọc những giá trị đạo đức của dân tộc khác để bổ sung, làm phong phú, đa dạng thêm thang giá trị đạo đức của dân tộc mình. Trong văn kiện Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã nhấn mạnh “Trong điều kiện kinh tế thị trường và mở rộng giao lưu quốc tế, phải đặc biệt quan tâm giữ gìn và nâng cao bản sắc văn hóa dân tộc, kế thừa và phát huy truyền thống đạo đức, tập quán tốt đẹp và lòng tự hào dân tộc”¹.

Có thể nói rằng, đạo đức chịu sự chi phối của nhiều hình thái ý thức xã hội như ý thức chính trị, ý thức pháp quyền, triết học,... giữ một vai trò hết sức to lớn, ảnh hưởng trực tiếp và chi phối đời sống đạo đức của xã hội. Mặt khác, đến lượt nó, đạo đức lại tác động đến các hình thái ý thức xã hội khác nhau trong một chế độ nhất định, từ đó góp phần củng cố, phát triển một nền chính trị và nâng cao ý thức thực thi pháp luật của người dân trong xã hội.

3. Một số biện pháp giáo dục đạo đức cho sinh viên hiện nay

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta một văn kiện lịch sử vô giá, kết tinh tư tưởng, đạo đức, phong cách một vĩ nhân của dân tộc và nhân loại - đó là bản Di chúc của Người. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh qua Di chúc của Người mang giá trị cách mạng, khoa học và nhân văn, có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc.

Trong Di chúc, Người căn dặn “Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”².

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.110-111.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 616.

Thực tiễn hiện nay, khi đất nước ta đang trong quá trình đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế, công tác giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Trong nhiều năm qua, quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng và nhà nước, vấn đề đạo đức, giáo dục đạo đức cho sinh viên đã được các trường cao đẳng, đại học cả nước hết sức quan tâm chú ý.

Kết quả thực tế cho thấy, nhiều thế hệ sinh viên có đức, có tài, có sức khỏe tốt, có tư duy năng động và hoạt động sáng tạo tiếp nối truyền thống hào hùng của cha ông, có ý chí vươn lên trong học tập, lao động, lập thân, lập nghiệp làm giàu chính đáng quyết tâm đưa quê hương, làng bản thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu và mong muốn được tin tưởng cống hiến.

Bên cạnh đó, Đảng ta đã chỉ ra một thực tế đáng lo ngại “Cùng với sự kích thích sản xuất phát triển làm nảy sinh và phát triển nhiều loại tiêu cực xã hội. Trong thế hệ trẻ, có một bộ phận phai nhạt lý tưởng, chạy theo lối sống thực dụng”¹. Thực tế cho thấy, một bộ phận sinh viên hiện nay rơi vào suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, mất phương hướng giảm sút niềm tin, sống không có hoài bão, lý tưởng. Họ tỏ ra thờ ơ với sinh hoạt chính trị, ít quan tâm đến tình hình đất nước, ít quan tâm đến gia đình, cộng đồng coi thường và xa rời các giá trị đạo đức văn hoá truyền thống. Tình hình tội phạm và tệ nạn xã hội nhất là ma tuý, mại dâm, đua xe, bạo lực học đường,... có chiều hướng gia tăng gây ra nỗi lo chung của toàn xã hội. Thực tế này cho thấy việc giáo dục đạo đức cho sinh viên hiện nay là hết sức cần thiết. Làm thế nào để phát huy tinh thần và nhiệt huyết tuổi trẻ xung kích trên mọi mặt trận và khắc phục tình trạng xuống cấp về đạo đức của một số bộ phận sinh viên là những vấn đề lớn đòi hỏi cần chú ý giải quyết.

Việc giáo dục đạo đức cho sinh viên không phải chỉ vì xuất phát từ tình hình suy thoái đạo đức hiện nay cần phải giáo dục của một bộ phận sinh viên mà còn vì định hướng phát triển lâu dài trong tương lai với tầm nhìn và hành động chiến lược. Điều đó đòi hỏi xã hội phải hướng dẫn giúp đỡ họ, giáo dục đạo đức cho họ, nhằm tạo ra những chủ thể, những trí thức tương lai kế tục các thế hệ cha anh trong sự nghiệp cách mạng.

Từ thực tiễn cho thấy, việc giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ nói chung và việc giáo dục đạo đức cho sinh viên hiện nay là rất cần thiết. Để công tác giáo dục đạo đức đạt hiệu quả cao cần thực hiện một số biện pháp sau:

Một là, giáo dục để sinh viên nhận thức sâu sắc về chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trung thành với Đảng, với Tổ quốc. Đây là biện pháp quan trọng để sinh viên xây dựng bản lĩnh chính trị, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, chế độ xã hội chủ nghĩa và công cuộc đổi mới đất nước. Đồng thời, không ngừng tu dưỡng đạo đức, rèn luyện bản thân để trở thành người cán bộ vừa hồng, vừa chuyên. Mặt khác, luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực, sai trái.

Hai là, tăng cường công tác chỉ đạo và hướng dẫn tổ chức thực hiện về công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên của các cấp ủy đảng và các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường. Để thực hiện công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên trong Nhà trường cần phát huy sức mạnh tổng hợp của tập thể sư phạm Nhà trường, trong đó các cấp ủy đảng giữ vai trò chỉ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1991, tr.137-138.

đạo; đội ngũ giảng viên trực tiếp trang bị kiến thức cho sinh viên; cán bộ quản lý sinh viên cần nắm bắt tư tưởng, điều chỉnh, định hướng theo những chuẩn mực, nguyên tắc đạo đức chung của xã hội; đoàn thanh niên, hội sinh viên là tổ chức trực tiếp quản lý và thu hút để giáo dục, rèn luyện sinh viên theo những tiêu chí của thanh niên thời đại mới.

Ba là, không ngừng đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục đạo đức cho sinh viên trong Nhà trường. Việc đổi mới nội dung giáo dục đạo đức phải mang tính toàn diện, tăng cường tính thực tiễn thông qua các hình thức phong phú như tọa đàm, học tập theo chuyên đề, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao... Bên cạnh đó, cần kết hợp với các phương pháp nêu gương, tự phê bình và phê bình để đạt hiệu quả cao.

Từ những giá trị về tư tưởng đạo đức trong bản Di chúc lịch sử, mỗi sinh viên cần xác định đúng vị trí, vai trò của đạo đức, kiên trì tu dưỡng, rèn luyện theo các phẩm chất đạo đức Hồ Chí Minh, luôn yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu lao động, yêu khoa học, học trung với nước, học hiếu với dân, suốt đời phấn đấu vì sự nghiệp cách mạng, học cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, học đức tin vào nhân dân, kính trọng dân và hết lòng phục vụ nhân dân, học nhân ái, vị tha, khoan dung và nhân hậu với con người, học về ý chí, nghị lực, quyết tâm vượt qua mọi thử thách, gian nguy để đạt được mục tiêu, lý tưởng cao đẹp.

Sự hình thành các phẩm chất đạo đức của sinh viên, không chỉ đơn thuần do tiếp thu những nguyên tắc chuẩn mực đạo đức xã hội, do quá trình học tập đem lại mà còn do quá trình tự rèn luyện, đúc kết từ thực tiễn cuộc sống của từng cá nhân mỗi sinh viên tạo thành. Do vậy mà không có quá trình tự ý thức, tự giáo dục, tự tu dưỡng rèn luyện bản thân của sinh viên, thì mọi nỗ lực tác động từ bên ngoài vào dù tốt đến đâu cũng rất khó có thể hoàn thiện được.

Thông qua giáo dục đạo đức mà nội dung các phạm trù, nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức được sinh viên nhận thức và hình thành. Từ đó hình thành ý thức, tình cảm, niềm tin để có những hành vi đạo đức phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội, xây dựng quan điểm sống tích cực, khắc phục những quan điểm đạo đức lạc hậu, sự lệch chuẩn các giá trị nhân cách, chống lại những hiện tượng phi đạo đức, phi văn hóa. Đây là nhiệm vụ, là yêu cầu cơ bản, cấp bách của toàn xã hội.

Đạo đức được hình thành do quá trình đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Muốn giáo dục một con người tốt cần có môi trường giáo dục của gia đình, trong nhà trường và ngoài xã hội, bên cạnh đó là sự nhận thức của chính bản thân mỗi sinh viên. Việc giáo dục đạo đức cho sinh viên là một nhiệm vụ vừa có tính chiến lược cơ bản, lâu dài, vừa có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Giáo dục đạo đức cho sinh viên nhằm đào tạo ra những tri thức tương lai có đạo đức trong sáng và lối sống lành mạnh, giản dị, có trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn cao, có hoài bão lập thân, lập nghiệp vì hạnh phúc của bản thân, vì sự phát triển phồn vinh của xã hội./.

GIÁ TRỊ NHÂN VĂN TRONG DI CHỨC HỒ CHÍ MINH VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ ĐỐI VỚI VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO SINH VIÊN HIỆN NAY

*ThS. Dương Thị Thu Hương**

Ngày 2/9/1969 (tức ngày 21 tháng Bảy năm Kỷ Dậu), Hồ Chí Minh đã đi vào thế giới Người hiền, tại ngôi nhà sàn đơn sơ, thuộc Quảng trường Ba Đình lịch sử với lời nhắn gửi đến toàn Đảng, toàn quân và toàn dân trong bản Di chúc lịch sử. Di chúc của Hồ Chí Minh đề cập đến nhiều nội dung, trong đó nội dung chủ yếu và quan trọng nhất là về con người, một bản Di chúc thấm đượm tính nhân văn cao cả. Giá trị nhân văn trong Di chúc được thể hiện một cách sâu đậm ở tình thương yêu con người, sự hy sinh phấn đấu vì nhân dân. Cái mà Hồ Chí Minh để lại cho đời là tình người, tình yêu thương con người, là tư tưởng nhân văn cao cả.

1. Giá trị nhân văn trong Di chúc Hồ Chí Minh

Di chúc của Hồ Chí Minh là lời căn dặn, chỉ giáo của Bác đối với toàn Đảng, toàn quân, toàn dân về xử lý di sản, công việc, đồng thời cũng là tình cảm, niềm tin, lòng thương yêu giữa con người với con người. Khái niệm con người trong Di chúc vừa rộng, vừa cụ thể. Đó là “đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng”, là “nhân dân ta”, là “đồng bào Nam, Bắc”, là “toàn quân, toàn dân ta”, là nhân dân lao động “đã bao đời chịu đựng gian khổ, bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh” nhưng “rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù”, “luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng”; là những đoàn viên thanh niên vừa “hồng”, vừa “chuyên”, những người có “đạo đức cách mạng”, là thế hệ người Việt Nam hiện tại và thế hệ cách mạng đời sau... Ngoài ra, con người trong Di chúc còn là “các đồng chí, các bầu bạn và các cháu thanh niên, nhi đồng quốc tế”.

Lòng thương yêu con người của Bác thật rộng lớn và sâu sắc, đó là sự quan tâm, biết ơn, trân trọng, tin tưởng vào sức mạnh của con người, quyết tâm hành động để mang lại hạnh phúc, ấm no cho con người, giải phóng con người. Đó là tình thương yêu con người của một trái tim lớn vô cùng nhân hậu. Đúng như nhà thơ Tố Hữu đã viết:

“Ôi lòng Bác vậy cứ thương ta

Thương cuộc đời chung, thương cỏ hoa

Chỉ biết quên mình cho hết thảy

Như dòng sông chảy, nặng phù sa...”¹

Kế thừa truyền thống nhân nghĩa của dân tộc, kết hợp với chủ nghĩa nhân đạo cộng

**Trường Đại học Tài chính - Kế toán*

1. <https://www.baogialai.com.vn/channel/1541/201505/ho-chi-minh-nguoi-la-mach-nguon-toa-sang-trong-tho-ca-2387037/>

sản, tiếp thu tinh thần nhân văn của nhân loại qua nhiều thế kỷ cùng với việc thể nghiệm của chính bản thân mình qua hoạt động cách mạng thực tiễn, Hồ Chí Minh đã xác định: Yêu thương con người là một trong những phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất. Người đã từng khái quát về triết lý cuộc sống: Nghĩ cho cùng mọi vấn đề... là vấn đề ở đời và làm người. Ở đời và làm người là phải thương nước, thương dân, thương nhân loại bị đau khổ, áp bức.

Yêu thương con người là một tình cảm rộng lớn, trước hết là dành cho người cùng khổ, những người lao động bị áp bức bóc lột. Tình yêu thương đó thể hiện ham muốn tốt bậc của Hồ Chí Minh là: Làm cho đất nước được độc lập, nhân dân được tự do, ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành.

Yêu thương con người còn thể hiện trong mối quan hệ bạn bè, đồng chí, và mọi người trong sinh hoạt thường ngày. Tình cảm này đòi hỏi mỗi người phải luôn chặt chẽ, nghiêm khắc với mình, độ lượng với người khác, phải có thái độ tôn trọng con người.

Tình thương yêu con người còn được thể hiện đối với những người có sai lầm khuyết điểm nhưng đã nhận rõ khuyết điểm sai lầm và cố gắng sửa chữa, kể cả những người làm đường lạc lối đã hối cải và cả đối với kẻ thù đã bị thương, bị bắt hoặc đã quy hàng.

Trong Di chúc thiêng liêng, Người căn dặn Đảng phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau. Đây là tình yêu trên nguyên tắc tự phê bình và phê bình một cách chân thành, nghiêm túc giữa những người cùng lý tưởng, cùng phấn đấu cho một sự nghiệp chung. Nó hoàn toàn xa lạ với thái độ “dĩ hòa vi quý”, bao che sai lầm khuyết điểm cho nhau, càng xa lạ với thái độ yêu ghét chủ quan cảm tính, các hiện tượng kéo bè, kéo cánh, phường hội có thể đưa đến những tổn thất lớn cho Đảng, cho cách mạng.

Tình yêu thương con người ở Hồ Chí Minh không phải là tình thương ban phát theo kiểu thương hại, mà nó xuất phát từ trái tim, từ tâm trí của Người. Tình thương đó cũng không phải là tình thương chung chung, trừu tượng, chỉ dừng lại trên giấy bút, trong lời nói, trong sự hô hào hay trong bất kỳ một lời hứa hẹn nào mà đó là tình thương yêu hiện thực nhất. Nó được thể hiện một cách cụ thể trong mỗi hành động, mỗi việc làm của Người trong đời sống hàng ngày. Người chia sẻ với người dân cả nước mọi sự khó khăn, từ miếng cơm, manh áo, thuốc thang hay bất kỳ cái gì có thể chia sẻ được. Ngay cả khi còn trong nhà lao của Tưởng Giới Thạch, Người vẫn dành tình thương và đau xót thay cho những số phận éo le, ngang trái như một người phụ nữ hay một cháu nhỏ phải vào nhà lao thay cho chồng và cha vì trốn lính.

Người chỉ rõ: “Đối với những người đã dưng cảm hy sinh một phần xương máu của mình (cán bộ, binh sĩ, dân quân du kích, thanh niên xung phong,...), Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để họ có thể tự lực cánh sinh”¹². Với những kẻ làm đường lạc lối, tâm lòng của bác còn rộng hơn biển cả. Người dạy phải khoan hồng với những người con vì cảnh ngộ mà phải lạc bầy: “Đối với những nạn nhân của chế độ cũ, như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu thì nhà nước phải vừa dùng giáo dục, vừa dùng pháp

1. *Di chúc Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr. 31.

luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện”¹. Người còn cảm thông với những người lính Pháp hay lính Mỹ bị bắt sang Việt Nam chiến đấu. Người nói: “Trước lòng bác ái thì máu Pháp hay máu Việt đều là máu, người Pháp hay người Việt cũng đều là người”². Và “tôi muốn nói thêm với các bạn Mỹ rằng: Chẳng những chúng tôi đau xót vì đồng bào miền Nam chúng tôi phải gian khổ hi sinh, mà chúng tôi cũng thương xót cho các bà mẹ, các người vợ Mỹ đã mất con mất chồng trong cuộc chiến tranh phi nghĩa ở miền nam Việt Nam do bọn quân phiệt Mỹ tiến hành”³.

Dành tất cả cho dân, làm tất cả vì dân nên trong đời sống hằng ngày, Người tiết kiệm đến mức khắc khổ. Người biết rõ, mỗi đồng tiền bát gạo mà chúng ta - những người được gọi là công bộc của dân - tiêu dùng đều từ mồ hôi nước mắt của dân làm ra. Người dặn, khi Người qua đời, thi hài được đốt đi, nói chửi là hỏa táng, tro xương chôn ở một quả đồi, cho hợp vệ sinh, lại không tốn đất. Vậy là, trọn cả cuộc đời, đến những giây phút cuối cùng, Người vẫn chỉ đau đáu một nỗi thương dân, nhất là nông dân nghèo khổ. Chỉ một câu trong Di chúc đã nói lên tất cả. Người dặn lại chúng ta: “Trên mả, không nên có bia đá tượng đồng, mà nên xây một ngôi nhà giản đơn, rộng rãi, chắc chắn, mát mẻ, để những người đến thăm viếng có chỗ nghỉ ngơi”⁴.

Di chúc còn đề cập tới các chính sách và biện pháp đối với thương binh, liệt sĩ, cha mẹ, vợ con của họ, đối với phụ nữ, thanh niên, nông dân, đồng bào miền xuôi cũng như miền núi. Người yêu cầu, cán bộ, đảng viên phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân. Phát triển giáo dục, công tác y tế và vệ sinh. Mau chóng hàn gắn vết thương chiến tranh do đế quốc Mỹ gây ra trong chiến tranh xâm lược dã man. Đó là những công việc cực kỳ to lớn, phức tạp và khó khăn. Chúng ta phải có kế hoạch sẵn sàng, rõ ràng, chu đáo, để tránh bị động, thiếu sót và sai lầm.

Như vậy, có thể nói tình thương yêu con người là động lực mãnh liệt thúc Hồ Chí Minh hoạt động vì nước, vì dân trong suốt cuộc đời của Người. Tình thương yêu con người ấy cũng là nền gốc để quy tụ, đoàn kết hết thảy mọi tầng lớp, mọi lực lượng, mọi con người, tạo nên sức mạnh vĩ đại để giải phóng cho dân tộc, cho mọi người và cho mỗi con người. Người từng khẳng định: Lòng yêu thương của tôi đối với nhân dân và nhân loại là không bao giờ thay đổi.

2. Giáo dục đạo đức cho sinh viên Việt Nam theo Di chúc Hồ Chí Minh

Vận dụng quan điểm vì con người, lòng yêu thương con người của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện qua bản Di chúc đòi hỏi mỗi người giảng viên nói chung cần phải góp phần làm tốt hơn nữa công việc “trồng người”, phải thấm nhuần tư tưởng của Người là “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc làm rất quan trọng và rất cần thiết”⁵ và “Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh

1. *Sđd*, tr. 32.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, t. 2, tr. 475.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.11, tr. 257.

4. *Di chúc Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr. 30.

5. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2006, tr. 58.

phần lớn là do các thanh niên”¹, công tác đào tạo bồi dưỡng phải đạt cho được mục tiêu giáo dục toàn diện để lực lượng thanh niên sau khi đào tạo đủ sức phục vụ nhân dân. Do vậy, đối với người giảng viên hiện nay cần phải xác định được rằng giảng dạy cho sinh viên không phải chỉ là chỉ nhằm trang bị cho các em kiến thức chuyên môn mà còn phải giáo dục lý tưởng, đạo đức, nhân cách, đặc biệt là tình thương yêu con người cho họ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói về con người: “Có tài mà không có đức là người vô dụng, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó”, chúng ta phải chăm lo giáo dục, đào tạo, xây dựng được những con người và thế hệ thiết tha gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có đạo đức trong sáng, có ý chí kiên cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc, có năng lực tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, phát huy tiềm năng của dân tộc và con người Việt Nam, có ý thức cộng đồng và phát huy tính tích cực của cá nhân, làm chủ tri thức khoa học và công nghệ hiện đại, có tư duy sáng tạo, có kỹ năng thực hành giỏi, có tác phong công nghiệp, có tính tổ chức và kỷ luật, có sức khoẻ, là những người kế thừa xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên” như lời căn dặn của Bác.

Vận dụng Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay, để xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa toàn diện có đủ “đức” đủ “tài” đòi hỏi mỗi giảng viên cần phải có tấm lòng yêu nghề, yêu người một cách thực sự bằng tất cả những gì mình có được cùng với lương tâm nghề nghiệp để đầu tư trí tuệ, công sức lên mỗi trang giáo án, bài giảng. Cần phải củng cố niềm tin của thanh niên, sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng, vào chế độ và hiện thực ngày càng tốt đẹp của công cuộc đổi mới đất nước. Khi họ đã có niềm tin vững chắc thì sẽ quyết định khuynh hướng, mục đích, hiệu quả hoạt động của mình và sẽ hoạt động hăng say, tích cực trong học tập, công tác, đóng góp thiết thực cho đất nước, xã hội.

Từ xưa, ông cha ta đã đúc kết một cách sâu sắc kinh nghiệm về giáo dục “Tiên học lễ, hậu học văn” nghĩa là trước thì học lễ nghĩa cách làm người, sau mới học đến văn hóa, kiến thức khoa học. Như Hồ Chí Minh đã dạy: “Dạy cũng như học, phải chú trọng cả tài lẫn đức. Đức là đạo đức cách mạng. Đó là cái gốc quan trọng. Nếu thiếu đạo đức, con người sẽ không là con người bình thường và cuộc sống xã hội sẽ không phải là cuộc sống xã hội bình thường, ổn định...”². Lòng yêu thương con người là một phần của đạo đức cách mạng, có thể nói có lòng yêu thương đồng loại thì những phẩm chất tốt đẹp khác mới nảy nở, phát triển được. Vì yêu thương con người là yêu thương chính đồng loại của mình và tình yêu xuất phát từ trái tim luôn là tình yêu đẹp, trong sáng cần được tu dưỡng từ tấm bé luôn luôn và thường xuyên. Giáo dục lòng nhân ái, lòng yêu thương con người không phải là công việc cao xa mà lại rất gần gũi. Đó là giáo dục tình cảm gia đình, yêu thương giúp đỡ bố mẹ, ông bà, anh chị em trong nhà; tình thầy trò chào hỏi lễ phép thầy cô, “tôn sư trọng đạo”, tình cảm bạn bè, quý mến bạn bè, hòa đồng giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và vui chơi, giúp đỡ những người yếu thế như người già, người tàn tật... Tất cả những việc làm được giáo dục thường

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 5, tr. 85.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.11, tr. 329.

xuyên, mỗi ngày khi đến trường, đến lớp, về nhà ra ngoài xã hội. Nhưng những năm gần đây, do tác động của nền kinh tế thị trường và cơ chế mở cửa, hội nhập, những tư tưởng văn hóa xấu ngoại lai, mặt trái của cơ chế thị trường... có cơ hội xâm nhập. Đây đó, còn những hiện tượng suy thoái về đạo đức, mờ nhạt về lý tưởng, thích chạy theo lối sống thực dụng... Các tệ nạn xã hội có nơi, có lúc đã xâm nhập vào trong trường học; hành vi lệch chuẩn của thanh thiếu niên có xu hướng ngày càng tăng, tình trạng một số ít sinh viên lún sâu vào tệ nạn xã hội. Một số hành vi vi phạm pháp luật của học sinh, sinh viên khiến gia đình và xã hội lo lắng như: Vi phạm giao thông, đua xe trái phép, bạo lực học đường, cờ bạc... Một số hành vi lệch chuẩn về mặt đạo đức như: Sống hưởng thụ, lười lao động, bệnh vô cảm, ích kỷ... ngày càng nhiều. Người ta nói con người là loài vật sống bằng tình cảm. Tình cảm có thể cảm hóa được mọi thứ, nó là sợi dây gắn kết con người với con người, nó đã mang con người lại gần nhau hơn.

Bên cạnh việc củng cố niềm tin của thanh niên sinh viên vào Đảng, vào chế độ, phải tăng cường giáo dục cho họ tình cảm yêu nước nồng nàn. Yêu nước, tức là yêu độc lập của đất nước; yêu chủ nghĩa xã hội; là phải làm giàu cho gia đình và đất nước; phải trung với Nước, hiếu với nhân dân. Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường và giao lưu quốc tế hiện nay thì “trung” và “hiếu” phải được coi là giá trị nổi bật để thanh niên - sinh viên không dễ sa vào cạm bẫy của kẻ thù. Có thể nói giáo dục tình cảm yêu nước là nội lực quan trọng để tạo cho thanh niên, sinh viên - những người chủ tương lai của đất nước, ý chí tự lực tự cường, say mê trong lao động, học tập.

Phải quan tâm giáo dục ý thức cộng đồng để mỗi cá nhân hăng say phấn đấu trong lao động, học tập và khẳng định mình, gắn mình với cộng đồng, với xã hội. Đồng thời, cộng đồng phải tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển, trưởng thành của mỗi cá nhân. Sự gắn bó của cá nhân với cộng đồng và sự quan tâm của cộng đồng đối với cá nhân sẽ tạo ra sức mạnh vật chất và tinh thần to lớn giúp cho thanh niên vượt qua những điều kiện khó khăn, quyết tâm phấn đấu giành thắng lợi cho bản thân, qua đó đóng góp cho cộng đồng, cho xã hội. Trong việc giáo dục đạo đức, lý tưởng cho sinh viên, cần kết hợp giữa giáo dục những phẩm chất truyền thống như yêu nước, lòng nhân ái, vị tha, trung hiếu, cần, kiệm,... với các giá trị đạo đức mới như chủ động, sáng tạo, tự lập, tự chủ, vượt khó,... Có như vậy mới giúp họ khẳng định bản thân và hòa nhập vào xã hội hiện đại; hơn nữa, để họ không mất gốc mà còn có điều kiện vươn lên làm chủ khoa học, công nghệ.

Kết hợp giữa giáo dục đạo đức, lý tưởng với giáo dục lý luận trong thanh niên sinh viên, là yêu cầu cấp thiết đối với việc giảng dạy của đội ngũ giảng viên hiện nay, nhằm góp phần hình thành và củng cố lý tưởng sống đúng đắn cho thanh niên - sinh viên của đất nước trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Muốn làm được điều đó trong giai đoạn hiện nay mỗi một giảng viên cần phải tự vượt lên trên chính bản thân mình. Bản thân phải nỗ lực không ngừng, phải thấu hiểu sâu sắc lĩnh vực chuyên môn mà mình đảm nhiệm, luôn tìm tòi sáng tạo, áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến và hiện đại vào quá trình giảng dạy để bài giảng của mình có sức hấp dẫn cao, có hiệu quả nhất. Do vậy, việc thường xuyên trau dồi, nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật tri thức và công nghệ mới là công

việc thường xuyên mà người giảng viên phải quan tâm. Bên cạnh đó, mỗi giảng viên còn phải là tấm gương sáng, tâm huyết với nghề với sự nghiệp đào tạo của mình. Đó là những công việc thiết thực để làm theo tư tưởng nhân văn và chiến lược xây dựng con người trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

“Bác Hồ, Người là tình yêu thiết tha nhất trong lòng dân và trong trái tim nhân loại. Cả cuộc đời Bác chăm lo cho hạnh phúc nhân dân. Cả cuộc đời Bác hy sinh cho dân tộc Việt Nam...” - Lời bài hát “Bác Hồ một tình yêu bao la” của cố nhạc sĩ Thuận Yến như thay lời muốn nói cho hàng triệu trái tim của bao thế hệ người Việt Nam đối với vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc. Bác đã đi xa, nhưng mãi còn đây hình ảnh một con người vĩ đại mà muôn nhịp đập của trái tim đều dành trọn vì dân, vì nước. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đòi hỏi mỗi người dân Việt Nam nói chung và lực lượng sinh viên nói riêng cần rèn đức, luyện tài, xây dựng cho mình lý tưởng sống cao đẹp, phát huy các giá trị nhân văn và những chuẩn mực đạo đức theo lời căn dặn của Bác trong bản Di chúc bất hủ.

THỰC HIỆN “CẦN, KIỆM, LIÊM, CHÍNH” THEO DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH

ThS. Đỗ Thị Thanh Huyền*

1. Mở đầu

Hồ Chí Minh - Người anh hùng giải phóng dân tộc, nhà cách mạng kiệt xuất, vị lãnh tụ thiên tài của dân tộc Việt Nam. Trước lúc đi xa, Người để lại cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta bản Di chúc bất hủ. Bản Di chúc thiêng liêng này là di sản vô giá cho hôm nay và muôn đời sau, mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, mãi khắc sâu trong tâm khảm mỗi người dân Việt Nam, với những tư tưởng cơ bản, thể hiện cốt cách, tâm hồn cao đẹp và đạo đức cách mạng trong sáng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Những suy nghĩ tâm huyết, sâu xa, những điều Bác căn dặn trong Di chúc vẫn là những vấn đề căn cốt, luôn mang tính thời sự đối với Đảng ta, nhân dân ta trong suốt 50 năm qua. Một trong những nội dung mà Người nhắc đến trong tài liệu “Tuyệt đối bí mật” đó là đạo đức cách mạng mà nổi bật là đức cần, kiệm, liêm, chính. Người quan niệm cần, kiệm, liêm, chính là nền tảng của đời sống mới, là phẩm chất trung tâm của đạo đức cách mạng, là mối quan hệ “với tự mình”. Vì vậy, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về bốn đức tính này là việc làm cần thiết.

2. Nội dung

2.1. Tư tưởng của Hồ Chí Minh về “Cần, kiệm, liêm, chính”

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức quan tâm, chăm lo bồi dưỡng, giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Bởi lẽ, theo Người, đạo đức là cái căn bản nhất của người cán bộ cách mạng, “mọi việc thành hay bại, chủ chốt là do cán bộ có thấm nhuần đạo đức cách mạng hay không”¹. Người cũng ví đạo đức là nguồn nuôi dưỡng và phát triển của con người, như gốc của cây, như ngọn nguồn của sông suối. Năm 1947, trong tác phẩm “Sửa đổi lề lối làm việc” Người viết: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù có tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”². Trên cơ sở tiếp thu sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, các giá trị tinh hoa văn hóa phương Đông, phương Tây, truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh đã nêu lên những chuẩn mực đạo đức cách mạng, trong đó Người đặc biệt nhấn mạnh đến “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”. Trong bản Di chúc Người nói: “Đảng ta là một đảng cầm quyền, mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”³.

**Trường Đại học Tài chính – Marketing*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 5, tr.252-253.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 5, tr.252 – 253.

3. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, tr.27.

Người đã chỉ ra rằng, ngày xưa bọn phong kiến nêu ra cần, kiệm, liêm, chính nhưng không bao giờ thực hiện mà lại bắt nhân dân tuân theo để phục vụ quyền lợi cho chúng. Ngày nay ta đề ra cần, kiệm, liêm, chính cho cán bộ thực hiện làm gương cho nhân dân theo để đem lại hạnh phúc cho dân. Với ý nghĩa như vậy, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư cũng là một biểu hiện cụ thể của phẩm chất “trung với nước, hiếu với dân”. Tháng 3 năm 1947, do nhu cầu “kháng chiến, kiến quốc”, Bác kêu gọi thi đua xây dựng “đời sống mới là cần, kiệm, liêm, chính” và giải thích rất rõ, dễ hiểu. Tháng 6 năm 1949, để tiếp tục rèn dạy cán bộ về đạo đức, Bác viết tác phẩm “Cần, kiệm, liêm, chính”. Bác coi bốn đức tính cần, kiệm, liêm, chính là những đức tính của người cán bộ cách mạng. Mỗi chữ cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư đã được Hồ Chí Minh giải thích rất cụ thể, dễ hiểu. Những phẩm chất này không chỉ cần thiết với con người Việt Nam khi đương đầu chống chiến tranh xâm lược mà còn càng cần thiết khi đất nước xây dựng hòa bình. Đây không chỉ là yêu cầu của đạo đức mà còn là yêu cầu của sự phát triển. Với bút danh Lê Quyết Thắng, Người viết bốn bài báo đăng trên Báo Cứu quốc giải thích rõ nội dung bốn đức tính này:

Cần là siêng năng, chăm chỉ; lao động có kế hoạch, sáng tạo, có hiệu quả, có năng suất cao với tinh thần tự lực cánh sinh, không lười biếng, không ỷ lại, không dựa dẫm vào người khác. Phải thấy rõ “lao động là nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của chúng ta”¹. Theo Hồ Chí Minh, con người có đức cần thì việc gì dù khó khăn đến mấy cũng làm được, đúng như câu tục ngữ “kiến tha lâu cũng đầy tổ”. Bác lưu ý kẻ địch của chữ cần là lười biếng. Bác cho rằng, nếu có một người, một địa phương hoặc một ngành mà lười biếng thì khác nào toàn chuyến xe đang chạy mà có một bánh bị trật ra ngoài đường ray. Họ sẽ làm chậm trễ cả một chuyến xe. Vì vậy, người lười biếng có tội với đồng bào, với Tổ quốc.

Kiệm là tiết kiệm sức lao động, tiết kiệm thì giờ, tiết kiệm tiền của dân, của nước, của bản thân mình, tiết kiệm từ cái to đến cái nhỏ; “không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi, không phô trương, hình thức, không liên hoan, chè chén lu bù...”². Theo Hồ Chí Minh, đức cần và kiệm phải đi đôi với nhau như hai chân của một con người. Cần mà không kiệm thì như gió vào nhà trống, như nước đổ vào cái thùng không đáy, làm chùng nào xào chùng ấy, rốt cuộc không lại hoàn không. Kiệm mà không cần thì không tăng thêm và không phát triển được. Người giải thích, tiết kiệm không phải là bủn xỉn. Khi không đáng tiêu xài thì một hạt gạo, một đồng xu cũng không nên tiêu, nhưng khi có việc cần làm lợi cho dân, cho nước thì bao nhiêu của, tốn bao nhiêu công cũng vui lòng, như thế mới là kiệm.

Liêm là trong sạch, là “luôn tôn trọng, giữ gìn của công và của dân”, “không xâm phạm một đồng xu, hạt thóc của Nhà nước, của nhân dân”; “không tham địa vị, không tham tiền tài..., không tham tâng bốc mình”³. Theo Người, chỉ có một thứ ham đó là ham học, ham làm, ham tiến bộ. Người đã chỉ ra những hành vi trái với chữ liêm như cậy quyền thế

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 5, tr.636, 640.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 5, tr.636, 640.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 5, tr.636, 640.

mà đục khoét dân, ăn của đút, hoặc trộm của công làm của tư...”; “dìm người giỏi để giữ địa vị và danh tiếng của mình là đạo vị (đạo là trộm)”; “gặp việc phải mà sợ khó nhọc, nguy hiểm, không dám làm, là tham vật úy lạo”¹; “gặp giặc mà rút ra, không dám đánh là tham sinh úy tử”². Khổng Tử nói: “Người mà không liêm, không bằng súc vật”. Thấm nhuần tư tưởng ấy, Bác yêu cầu mỗi người, nhất là cán bộ lãnh đạo phải thực hiện tốt chữ liêm. Chữ liêm và chữ kiệm phải đi đôi với nhau như chữ kiệm phải đi đôi với chữ cần. Có kiệm thì mới có liêm được, bởi xa xỉ ắt sinh tham lam, không giữ được liêm. Bác cũng chỉ rõ ngược lại, chữ liêm là tham ô, là ăn cắp của công làm của tư, đục khoét nhân dân, tiêu ít mà khai nhiều, lợi dụng của chung của nhà nước làm quỹ riêng cho địa phương mình. Tham ô là trộm cướp, là kẻ thù của dân. Muốn liêm thật sự thì phải chống tham ô.

Chính là ngay thẳng, không tà, là đứng đắn, chính trực. Đối với mình không tự cao, tự đại, khiêm tốn học hỏi, phát triển cái hay, sửa chữa cái dở; đối với người không nịnh trên, khinh dưới, không dối trá, lừa lọc, luôn giữ thái độ chân thành khiêm tốn, đoàn kết; đối với việc thì để việc công lên trên, lên trước việc tư, việc nhà, được giao nhiệm vụ gì quyết làm cho kỳ được, “việc thiện dù nhỏ mấy cũng làm, việc ác thì dù nhỏ mấy cũng tránh”³. Nói về chính, Bác viết: “một người phải cần, kiệm, liêm nhưng còn phải chính mới là người hoàn hảo. Trên quả đất có hàng muôn triệu người sống, số người ấy có thể chia thành hai hạng: người thiện và người ác, trong xã hội, tuy có trăm công, nghìn việc, song những công việc ấy có thể chia làm hai thứ: việc chính và việc tà. Làm việc chính là người thiện. Làm việc tà là người ác”⁴.

Theo Hồ Chí Minh Cần, Kiệm, Liêm, Chính có mối quan hệ với nhau như một chỉnh thể tự nhiên, như trời có bốn mùa, đất có bốn hướng, Người viết:

“Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông.

Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc.

Người có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính.

Thiếu một mùa, thì không thành trời.

Thiếu một phương, thì không thành đất.

Thiếu một đức, thì không thành người”⁵.

Theo Hồ Chí Minh, bốn đức cần, kiệm, liêm, chính có quan hệ chặt chẽ với nhau, ai cũng phải thực hiện. Song cán bộ, đảng viên phải là người thực hiện trước, làm kiểu mẫu cho dân. Người cho rằng, người cán bộ đều có nhiều hoặc ít quyền hạn, nếu không giữ đúng thì dễ thành “sâu mọt dân”. Người quan niệm cần, kiệm, liêm, chính là thước đo văn minh, tiến bộ của một dân tộc. Người viết: “một dân tộc biết cần, kiệm, liêm, chính là một dân tộc giàu có về vật chất, vững mạnh về tinh thần, là một dân tộc văn minh, tiến bộ”⁶.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 6, tr.126.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 6, tr.126.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 5, tr. 645.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 5, tr.645.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 6, tr.117.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 6, tr.641, 642.

2.2. Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về cần, kiệm, liêm, chính

Để tiếp tục thực hiện cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về cần, kiệm, liêm, chính bản thân mỗi người phải luôn luôn nhắc nhở mình không ngừng rèn luyện, phấn đấu hoàn thiện bản thân.

Làm theo cần là chăm chỉ dẻo dai, bền bỉ cả năm, cả đời, làm việc có năng suất, có hiệu quả trong công việc được giao. Phải biết nuôi dưỡng tinh thần và nguồn lực để làm việc lâu dài; phải tích cực, sáng tạo trong công việc. Trong nền kinh tế tri thức hiện nay, cần còn là trình độ tư duy, sự chủ động, nhạy bén nắm bắt thông tin, đánh giá tình hình, đề xuất phương hướng, giải pháp lãnh đạo, tổ chức thực hiện; sự năng động, sáng tạo trong xử lý các tình huống nảy sinh của thực tiễn. Là cán bộ, đảng viên cần phải tích cực, chủ động, sáng tạo với công việc, gần gũi với nhân dân. Trong giai đoạn hiện nay cần là yếu tố không thể thiếu được đối với mọi người, đặc biệt là đối với người cán bộ quản lý. Đồng thời đi đôi với cần, phải kiên quyết đấu tranh chống lại tư tưởng lười biếng, thụ động, trong chờ, ỷ lại trong bản thân mình, trong cơ quan, đơn vị và trong xã hội.

Học tập và làm theo “Kiệm” là không xa xỉ, hoang phí, phô trương hình thức, biết tiết kiệm thời gian, tiền bạc của cá nhân, gia đình, của cơ quan, của nhân dân; tiết kiệm từ cái to đến cái nhỏ; tiết kiệm sức lao động, trí tuệ, chất xám bằng phương pháp làm việc khoa học; tiết kiệm điện, nước, văn phòng phẩm, tiết kiệm thời gian để học tập, nâng cao trình độ, nghiệp vụ chuyên môn, mỗi giây, mỗi phút đối với những người cán bộ, công chức càng quý báu hơn bội phần, phong cách làm việc phải khoa học, đúng giờ, tôn trọng mọi người: không gây sách nhiễu, lãng phí thời gian người khác, sống đúng với hoàn cảnh của mình và của cơ quan, tấm gương của Bác luôn nhắc nhở chúng ta về điều đó.

Tuy nhiên không hiểu chữ “kiệm” theo kiểu nghĩa “thắt lưng buộc bụng”, tại thời điểm ta đang sống, không học Bác đi dép cao su hay mặc bộ quần áo kaki bạc màu...; phải biết phân biệt giữa tiết kiệm và bủn xỉn; biết chống lại các biểu hiện phô trương hình thức, sống đua đòi lãng phí.

Học tập và làm theo Bác về “liêm” là mọi người phải luôn giữ cho mình được trong sạch, giữ gìn của công và của dân, “không xâm phạm một đồng xu, hạt thóc của Nhà nước, của Nhân dân”; “không tham địa vị, không tham tiền tài, không tham danh tiếng”¹; không tham ô, lãng phí, vun vén cho lợi ích cá nhân. Người cán bộ cách mạng phải liêm khiết, trong sạch, nhất là những người có chức, có quyền mà thiếu đức liêm, thì rất dễ sa vào chủ nghĩa cá nhân, tham ô, hối lộ, tư lợi, bất minh, thiếu tuân thủ pháp luật.

Học tập và làm theo Bác về “Chính” là bản thân phải thẳng thắn trung thực, không tự cao, tự đại, không nịnh trên, khinh dưới, không dối trá lừa lọc; luôn giữ thái độ chân thành, khiêm tốn đoàn kết, luôn cầu tiến bộ; việc được phân công thì phải làm cho tốt, làm đến nơi, đến chốn; không sợ khó nhọc nguy hiểm; phải gần dân, thân dân, hiểu dân, tôn trọng dân và lắng nghe tâm tư nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, học hỏi Nhân dân. Việc thiện dù nhỏ mấy cũng làm, việc ác thì dù nhỏ mấy cũng tránh; phải làm tốt tự phê bình và phê bình để phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, thường xuyên chống lại mọi biểu hiện bất

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr.292.

chính, mỗi ngày cố làm được một việc có lợi cho cơ quan, đơn vị, cho Tổ quốc, nhân dân.

Thực tế hiện nay không phải ai cũng ý thức được hết tầm quan trọng của “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”, vẫn có người cho rằng: ở thời đại mới những đức tính ấy không còn phù hợp nữa, vì thế không ít cán bộ, đảng viên trong cơ quan, đơn vị chưa có ý thức làm theo “cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư”. Bên cạnh những con người suốt đời vì dân, vì nước, không sợ hysinh gian khổ, tận tụy với công việc nhằm phấn đấu thực hiện vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” thì vẫn còn đó quanh ta còn có những cơ quan, đơn vị, có những cán bộ, đảng viên, những học sinh, sinh viên... chưa có ý thức cần, kiệm, liêm, chính, để chung sức, chung lòng đóng góp sức lực trí tuệ xây dựng cơ quan, đơn vị, thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới đất nước. Biểu hiện nguy hiểm là xa rời, lãnh cảm với quần chúng nhân dân; tạo nên sự đối trá, thiếu trung thực trong quan hệ gia đình, cá nhân, xã hội, sa sút về đạo đức nghề nghiệp. Đây là nguyên nhân làm ảnh hưởng đến hình ảnh người cán bộ trong tâm trí người dân, làm giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Chính phủ.

3. Kết luận

Sinh thời, Hồ Chí Minh luôn coi trọng vấn đề xây dựng đạo đức cách mạng, coi đạo đức là cái gốc, là nền tảng của người cách mạng. Người không chỉ bàn một cách sâu sắc, cô đọng, thấm thía về vấn đề đạo đức mà chính bản thân Người trong suốt cuộc đời đã thực hiện một cách mẫu mực những tư tưởng và khát vọng đạo đức do mình đặt ra. Trong những phẩm chất đó thì phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư được Người đề cập đến nhiều nhất bởi phẩm chất này gắn liền với hoạt động hàng ngày của mỗi người, gắn giữa lời nói và việc làm, giữa suy nghĩ và hành động của mỗi cá nhân trong việc công cũng như trong đời tư, trong sinh hoạt cũng như trong công tác. Tư tưởng và tấm gương đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn là những giá trị đạo đức cao đẹp của thời đại. Trải qua thời gian và thử thách, trước những biến cố thăng trầm của lịch sử, những phẩm chất đạo đức đó vẫn còn nguyên giá trị. Tiếp tục học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là một việc làm vô cùng quan trọng và cần thiết đối với mỗi cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân./.

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI CĂN BẢN TOÀN DIỆN GIÁO DỤC THEO ÁNH SÁNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

TS. Ngô Bá Khiêm*
ThS. Lê Thị Hà**

I. Đặt vấn đề

Giáo dục và đào tạo giữ vai trò quan trọng đối với sự phát triển của một quốc gia, trong sự nghiệp giáo dục đầy vẻ vang, người thầy là người đưa những chuyến đò thầm lặng đóng vai trò quan trọng đối với nền giáo dục nước nhà. Từ rất sớm trong lịch sử dân tộc Việt Nam, cha ông ta đã dành những tình cảm tôn kính để nói về vai trò của những người thầy bằng những thành ngữ rất đời thường: “Không thầy đố mày làm nên”, “Muốn sang thì bắc cầu Kiều. Muốn con hay chữ thì yêu lấy Thầy” hay câu nói nổi tiếng “Lương sư hưng quốc”... Tất cả đều khẳng định vị thế và vai trò quan trọng của người thầy – người dạy học trong lịch sử dân tộc. Trong lịch sử phát triển của mình, dân tộc Việt Nam đã sinh ra nhiều nhà giáo nổi tiếng, trong đó phải kể đến Nhà giáo Chu Văn An (1292 – 1379), Nguyễn Bình Khiêm (1491 – 1585), Lê Quý Đôn (1726 – 1784), Nguyễn Thiếp (1723 – 1804), Cao Bá Quát (1809-1854), Nguyễn Đình Chiểu (1822 – 1888) và đặc biệt là thầy giáo Nguyễn Tất Thành – nhà giáo dục Hồ Chí Minh (1890 – 1969). Tất cả những người thầy nêu trên đều được nhân dân ghi nhận là những nhà giáo vừa có đức, vừa có tài và đã đóng góp nhiều cho sự phát triển của đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là một nhà giáo mà người còn để lại những tư tưởng quan trọng về giáo dục và người thầy trong sự nghiệp ấy. Những tư tưởng về giáo dục của Người là những chỉ dẫn quan trọng cho chúng ta trong sự nghiệp phát triển nền giáo dục nước nhà nói chung và việc xây dựng đội ngũ nhà giáo nói riêng đáp ứng yêu cầu thực tiễn đất nước trong tình hình mới.

II. Nội dung

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ nhà giáo

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, giáo dục đóng vai trò quan trọng đối với sự thành hay bại của sự nghiệp cách mạng. Người nói “*Giáo dục nhằm đào tạo những người kế tục sự nghiệp cách mạng to lớn của Đảng và nhân dân ta*”¹, với vai trò vẻ vang ấy, người thầy giáo giữ vị trí quyết định bởi theo Chủ tịch Hồ Chí Minh “*nếu không có thầy giáo thì không có giáo dục*”² mà đã không có giáo dục thì không thể tạo ra được thế hệ kế thừa những trọng trách lớn lao mà sự nghiệp cách mạng đặt ra. Người thầy có trách nhiệm nặng nề và vẻ vang là: “*chăm lo dạy dỗ con em của nhân dân thành người*

**Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*

***Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên Quận 11*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 508.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 10, tr. 345.

công dân tốt, người lao động tốt, người chiến sĩ tốt, người cán bộ tốt của nước nhà”¹.

Như vậy có thể nói người thầy là nhân tố quyết định tới sự hình thành và phát triển cả về đức lẫn tài của nhiều thế hệ và đồng thời cũng chính là hiện thân của nguyên khí của quốc gia. Vào tháng 10 năm 1964 khi có dịp thăm Trường Đại học Sư phạm Hà Nội Người từng dặn dò cán bộ, giảng viên và sinh viên: “Thầy cũng như trò, cán bộ cũng như nhân viên, phải thật thà yêu nghề mình, thật thà yêu trường mình. Có gì vẻ vang hơn là đào tạo những thế hệ sau này tích cực góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Người thầy giáo tốt - thầy giáo xứng đáng là thầy giáo - là người vẻ vang nhất”². Những lời dặn dò của Hồ Chủ tịch đối với thầy và trò Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội cũng chính là sự tôn vinh của Người đối với những người thầy giáo và những nhà giáo của cả nước trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục đào tạo nhiều khó khăn gian khổ nhưng rất đổi vẻ vang.

Khẳng định vai trò to lớn của người thầy đối với sự nghiệp giáo dục nước nhà, Hồ Chủ tịch cũng không quên nêu lên những yêu cầu cần thiết đối với người thầy giáo.

Theo Người đề xứng đáng là một nhà giáo đòi hỏi người giáo viên phải là người có đức, có tài. Trong dịp nói chuyện chính trị với giáo viên, Người căn dặn: “Giáo viên phải chú ý cả tài, cả đức, tài là văn hoá, chuyên môn, đức là chính trị”³. Người thầy là người truyền thụ tri thức, giúp đỡ người học tìm đến với tri thức mới, rèn rũa phẩm chất để người học trở thành người có ích cho xã hội. Để làm tốt công việc ấy đòi hỏi người thầy phải là tấm gương mẫu mực về đạo đức cách mạng, là hình mẫu cho học sinh noi theo. Chính vì vậy đạo đức người thầy đóng vai trò quan trọng trong quá trình giáo dục và được Hồ Chủ tịch đặc biệt coi trọng. Người nói: “Muốn cho học sinh có đức thì giáo viên phải có đức. Ví như bảo học trò phải dạy sớm mà giáo viên thì trưa mới dạy. Cho nên thầy giáo, cô giáo phải gương mẫu”⁴. Tấm gương người thầy ảnh hưởng rất lớn tới sự hình thành nhân cách, năng lực của người học, vì theo Người: “Óc những người tuổi trẻ trong sạch như một tấm lụa trắng, nhuộm xanh thì nó sẽ xanh, nhuộm đỏ thì nó sẽ đỏ, vì vậy sự học tập ở nhà trường có ảnh hưởng rất lớn cho tương lai của thanh niên và tương lai của thanh niên là tương lai của nước nhà”⁵.

Như vậy, người thầy không chỉ ảnh hưởng tới một thế hệ học trò mà còn ảnh hưởng tới tương lai của cả dân tộc. Chính vì vậy Người cho rằng: “Thầy tốt thì ảnh hưởng tốt, thầy xấu thì ảnh hưởng xấu”⁶ tuy điều đó không phải yếu tố nhất thành bất biến, đúng trong mọi trường hợp nhưng đó là một lời khẳng định vai trò quan trọng của hình tượng người thầy giáo mẫu mực trong mắt thế hệ trẻ.

Trong mối quan hệ giữa tài và đức, Người từng nói “có tài mà không có đức là người vô dụng. Có đức mà không có tài làm việc gì cũng khó”. Giáo dục là một nghề đặc biệt, để

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 9, tr. 388.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 14, tr. 402-403.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 12, tr. 270.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 12, tr. 269.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t. 5, tr. 102.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t. 5, tr. 492.

trở thành những người thầy đáng được tôn kính và có thể đảm đương trách nhiệm vẻ vang mà xã hội giao phó, người thầy không chỉ cần có đạo đức trong sáng, mến trẻ, yêu nghề, tận tâm, trách nhiệm... mà còn phải là người có thực tài. Trong bối cảnh tri thức của nhân loại tăng lên nhanh chóng đòi hỏi mỗi người làm nghề dạy học phải là một tấm gương sáng ngời về tinh thần tự học, có khả năng sáng tạo và không ngừng theo đuổi tri thức mới. Bác nói: “giáo viên cũng phải tiến bộ cho kịp thời đại thì mới làm được nhiệm vụ, chớ tự mãn cho mình giỏi rồi thì dừng lại mà dừng lại là lùi bước, là lạc hậu, tự đào thải mình trước”¹. Người thầy và nghề giáo luôn được xã hội tôn vinh, chính sự tôn vinh ấy càng khiến cho mỗi người thầy phải ý thức hơn nữa tinh thần trách nhiệm của mình để tiếp tục phấn đấu vươn lên, cống hiến hết mình cho sự nghiệp giáo dục vẻ vang ấy. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục trong đó có tư tưởng xây dựng đội ngũ nhà giáo như những chỉ dẫn quan trọng cho chúng ta trong sự nghiệp xây dựng nền giáo dục nước nhà đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

2. Xây dựng đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục theo ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh

Trong bối cảnh nhiều quốc gia phát triển trên thế giới đã thực hiện thành công việc đổi mới giáo dục, xuất phát từ những yêu cầu mới sau hơn 30 năm đổi mới đất nước, ngày 4/11/2013 Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khoá XI) đã thông qua Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh đó, quan điểm chỉ đạo đổi mới giáo dục của Nghị quyết được xác định: “Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội”².

Một trong những nhiệm vụ quan trọng được xác định trong Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4 tháng 11 năm 2013 là “Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục gắn với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và hội nhập quốc tế”³. Sau 5 năm thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đội ngũ nhà giáo đã tăng nhanh về số lượng, chất lượng, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục của đất nước.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t. 9, tr. 489.

2. Ban Chấp hành Trung ương, *Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4 tháng 11 năm 2013, “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*, Hà Nội, 2013, tr. 3.

3. Ban Chấp hành Trung ương, *Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4 tháng 11 năm 2013, “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*, Hà Nội, 2013, tr. 6.

**THỐNG KÊ SỐ GIÁO VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC
VÀ NHÂN VIÊN NĂM HỌC 2017 - 2018**

Cấp học	Cán bộ quản lý, nhân viên	Giáo viên		Tổng Người	Tỷ lệ GV/ lớp
		Tổng số	Đạt chuẩn		
Mầm non	159.007	337488	332.404	496.495	
Tiểu học	112.435	396.600	396.125	509035	1,42
Trung học cơ sở	82. 645	306.110	305.248	388.755	1,99
Trung học phổ thông	37.348	150.288	149.771	187.636	2,28
Cao đẳng				5776	
Đại học				84.071	
Tổng số				1.671.768	

Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Như vậy tính đến tháng 8/2018, toàn quốc có hơn 1,2 triệu giáo viên, giảng viên. Trong đó, giáo viên mầm non có hơn 316 nghìn; tiểu học hơn 397 nghìn; trung học cơ sở hơn 310 nghìn, trung học phổ thông hơn 150 nghìn; đại học hơn 72 nghìn giảng viên. Về cơ bản, giáo viên ở tất cả các cấp học đã đạt chuẩn và trên chuẩn trình độ đào tạo, trong đó mầm non 96,6%, tiểu học 99,7%, THCS 99,0%, THPT 99,6%, đại học 82,7%. Bên cạnh những nỗ lực và cố gắng của ngành giáo dục trong việc nâng cao chuẩn trình độ của đội ngũ nhà giáo thì trên thực tế hiện nay đội ngũ giảng viên ở các trường Sư phạm chưa đạt chuẩn trình độ thạc sĩ vẫn còn cao, nhiều trường số lượng tiến sĩ còn chưa nhiều. Trong những năm gần đây, hiện tượng vi phạm đạo đức nhà giáo đã diễn ra ở nhiều nơi và nhiều cấp học, các hiện tượng tiêu cực khác liên quan đến giáo dục đang trở thành vấn đề mà cả xã hội quan tâm đã đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết đối với ngành giáo dục.

Đặc biệt để thực hiện Nghị quyết 29 của Trung ương, ngày 28/11/2014 Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 88/2014/QH13 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Căn cứ Nghị quyết 88 của Quốc hội, ngày 27/3/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 404/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Ngày 26/12/2018, Bộ trưởng Bộ GDĐT đã ký Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ban hành chương trình giáo dục phổ thông, bao gồm chương trình tổng thể và 27 chương trình môn học, hoạt động giáo dục.

Những định hướng lớn trong Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 tập trung thể hiện là.

Mục tiêu giáo dục: bảo đảm phát triển phẩm chất và năng lực người học; Nội dung giáo dục: giáo dục những kiến thức cơ bản, thiết thực, hiện đại; hài hoà đức, trí, thể, mỹ; chú trọng thực hành, vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống; tích hợp

cao ở các lớp học dưới, phân hoá dần ở các lớp học trên; Phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục: áp dụng các phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục phát huy tính chủ động và tiềm năng của mỗi học sinh, các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục tiêu giáo dục và phương pháp giáo dục để đạt được mục tiêu đó.

Có thể thấy sự thay đổi lớn nhất trong Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 là chuyển từ mục tiêu giáo dục kiến thức sang mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực người học. Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể năm 2018 đã đặt ra thách thức rất lớn đối với đội ngũ nhà giáo hiện nay. Với 1,2 triệu giáo viên đã và đang được đào tạo để giảng dạy theo hướng tiếp cận nội dung, việc chuyển từ mục tiêu giáo dục kiến thức sang phát triển phẩm chất và năng lực người học khó khăn lớn đối với đội ngũ nhà giáo. Trong bối cảnh ấy, để xây dựng đội ngũ nhà giáo đáp ứng sự nghiệp đổi mới căn bản toàn diện giáo dục Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh chúng ta cần:

Một là, xây dựng chế độ đãi ngộ xứng đáng đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Khi Đảng xác định giáo dục là quốc sách hàng đầu thì nhất định phải quan tâm tới việc xây dựng chính sách đãi ngộ phù hợp với đội ngũ nhà giáo. Cùng với đó là xây dựng các tiêu chí cụ thể mang tính định lượng để đánh giá hợp lý sức đóng góp của mỗi nhà giáo thông qua vị trí việc làm. Kịp thời tôn vinh những nhà giáo có nhiều đóng góp cho sự nghiệp trồng người như một cách để khẳng định vai trò to lớn của nhà giáo như Hồ Chủ tịch đã nói. Ngành giáo dục cần kiên quyết đưa ra khỏi ngành những giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục vi phạm đạo đức nhà giáo, không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Hai là, phát huy vai trò của các trường sư phạm trong việc đổi mới nội dung chương trình đào tạo giáo viên, thay đổi phương pháp dạy học để có thể đào tạo được đội ngũ nhà giáo đủ đức, đủ tài, tiếp cận ngay được với chương trình phổ thông mới năm 2018 để có thể dạy tốt chương trình phổ thông theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học. Các trường sư phạm và đơn vị có đào tạo giáo viên phải nỗ lực vươn lên, nâng cao năng lực chính đội ngũ giảng viên của mình để xứng đáng là đội ngũ tiên phong trong công cuộc đổi mới giáo dục hiện nay.

Ba là, đẩy mạnh công tác bồi dưỡng giáo viên theo đáp ứng yêu cầu đổi mới của Chương trình phổ thông năm 2018. Ngành giáo dục cần xây dựng kế hoạch và phối hợp hiệu quả với các trường sư phạm trong việc xây dựng chương trình bồi dưỡng giáo viên phù hợp với thực tiễn địa phương theo tinh thần thường xuyên, liên tục và cập nhật. Trong xã hội công nghệ hiện nay, bản thân mỗi giáo viên cũng cần thiết đẩy mạnh quá trình tự đào tạo theo tư tưởng và tấm gương đạo đức tự học Hồ Chí Minh.

Bốn là, phải tin dân, dựa vào dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân trong xây dựng đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đổi mới giáo dục. Hồ Chủ tịch đã nói “Dân biết nhiều việc mà các cấp lãnh đạo không biết. Việc gì cũng phải bàn với dân; dân sẽ có ý kiến hay”¹. Mục đích của đổi mới giáo dục là vì dân, nhân dân là đối tượng thụ hưởng thành quả của quá trình đổi mới, chính vì vậy, tôn trọng, lắng nghe ý kiến đóng góp của nhân dân chính là cách tốt nhất để xây dựng chính sách phù hợp, triển khai chính sách hiệu quả và tạo nên

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 293.

sự đồng thuận cao trong xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, khuyến khích và tạo điều kiện hơn nữa nhằm huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư vào giáo dục trong đó có đầu tư cho việc nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo.

III. Kết luận

Ngành giáo dục Việt Nam đã có những thành tựu đáng ghi nhận trong hơn 30 năm đổi mới đóng góp không nhỏ cho sự phát triển của đất nước, trong đó phải kể đến sự đóng góp to lớn mà thâm lặng của đội ngũ những nhà giáo. Sự phát triển của đội ngũ nhà giáo cả số lượng và chất lượng đã đáp ứng cơ bản yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, với những yêu cầu mới đặt ra, xây dựng đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam hiện nay là một việc làm cần thiết và cấp bách. Trong quá trình ấy, tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục nói chung, về xây dựng đội ngũ nhà giáo nói riêng có giá trị to lớn, định hướng, soi đường cho ngành giáo dục trong việc phát triển đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới./.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VIỆC “BỒI DƯỠNG THỂ HỆ CÁCH MẠNG CHO ĐỜI SAU”

*ThS. Đặng Văn Khoa**

1. Đặt vấn đề

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một văn kiện lịch sử vô giá, mang tầm vóc cương lĩnh xây dựng đất nước. Nội dung của Di chúc vừa khái quát nhưng cũng rất cụ thể, chi tiết. Khi đọc văn bản được coi là “quốc bảo” này, chúng ta thấy có nhiều tư tưởng mang tính dẫn dắt được Người thể hiện rất hệ thống, rõ nét. Trong đó, không thể không kể đến tư tưởng “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau”.

Trong Di chúc thiêng liêng, Bác đã dặn dò cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân “*Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”*”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”¹.

Có thể nói rằng, với tư duy thiên tài, khả năng lý luận sắc bén và bằng những trải nghiệm sâu sắc của mình, Người thấy rõ đoàn viên, thanh niên là lực lượng rất quan trọng đối với mỗi quốc gia. Thanh niên là một lực lượng xã hội to lớn, họ có sức khỏe, có hoài bão, năng động và sáng tạo, dám nghĩ dám làm nên thanh niên có thể thay đổi được nhiều thứ. Tuy nhiên, do tuổi đời còn trẻ, trải nghiệm chưa nhiều nên thanh niên chưa có nhận thức đầy đủ về các vấn đề xã hội. Chính vì vậy, thanh niên thường có xu hướng về những kết luận vội vàng, dễ dao động về lập trường, tư tưởng, thuộc tính này khiến thanh niên trở thành đối tượng dễ các thế lực thù địch nhắm tới để lôi kéo và có thể sa ngã nếu không được giáo dục đầy đủ, kịp thời.

Chính vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, để thanh niên trở thành người chủ tương lai thật xứng đáng của đất nước, Đảng cần chăm lo, giáo dục thanh niên, nhất là giáo dục về đạo đức cách mạng và coi đây là việc làm để bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau. Sau nửa thế kỷ, thực tiễn xây dựng và bảo vệ đất nước đã khẳng định lời Bác dặn trong Di chúc vẫn vẹn nguyên giá trị và tính thời sự.

2. Nội dung

Lúc sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ quan tâm đến giáo dục với tư cách là một nhà lãnh đạo mà còn là sự quan tâm của người thầy, của một nhà giáo dục. Người vốn là thầy giáo Nguyễn Tất Thành ở trường Dục Thanh, Phan Thiết (1910), là thầy Vương ở lớp huấn luyện cán bộ ở Quảng Châu (1925 – 1927) do Hội Việt Nam

**Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr.518.

cách mạng thanh niên tổ chức. Người là thầy giáo dạy chữ cho cán bộ ở Pác Bó (1941) với tư tưởng học chữ để làm người cách mạng. Sau khi đã trở thành Chủ tịch của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, Người thường xuyên tới thăm các lớp bình dân học vụ, bồi dưỡng giáo viên, các cơ sở giáo dục và đề xuất phong trào “Dạy tốt – Học tốt” của ngành giáo dục.

Trong thư gửi các cán bộ, cô giáo, thầy giáo, công nhân viên, học sinh, sinh viên nhân dịp bắt đầu năm học mới, Bác ân cần căn dặn “Giáo dục nhằm đào tạo những người kế tục sự nghiệp cách mạng to lớn của Đảng và nhân dân ta, do đó các ngành, các cấp Đảng và chính quyền địa phương phải thật sự quan tâm hơn nữa đến sự nghiệp này, phải chăm sóc nhà trường về mọi mặt, đẩy sự nghiệp giáo dục của ta lên những bước phát triển mới”¹. Như vậy, Người đã khẳng định giáo dục là sự nghiệp to lớn và vô cùng quan trọng, thực hiện thắng lợi sự nghiệp này là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trong đó Đảng giữ vai trò lãnh đạo và là nhân tố quyết định sự phát triển và thắng lợi của sự nghiệp giáo dục.

Qua hoạt động thực tiễn và những quan điểm tư tưởng của Người về giáo dục, chúng ta có thể khẳng định rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh là một thầy giáo vĩ đại, một nhà giáo dục tài ba. Người vừa là một thầy giáo hội đủ “Tâm” và “Tầm” vừa là một kiến trúc sư của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Trong giáo dục con người, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới đối tượng thanh thiếu niên, với thanh thiếu niên, Người đặc biệt chú ý tới giáo dục đạo đức cách mạng và coi đây như gốc rễ trong quá trình giáo dục thế hệ trẻ. Bác đã nhiều lần nhấn mạnh, giáo dục đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ là nhằm giúp họ trở thành những công dân tốt, người làm chủ xứng đáng của đất nước. Có đạo đức cách mạng thì mới có thể làm gương, làm tốt công tác dân vận và vì vậy mới có thể lãnh đạo được quần chúng từ đó xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Người nhấn mạnh: người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm gốc, nếu không có đạo đức cách mạng thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Chính vì vậy, thế hệ trẻ muốn kế tục xứng đáng các thế hệ đi trước thì phải thấm nhuần tinh thần làm chủ nước nhà và phải trau dồi đạo đức cách mạng.

Đạo đức cách mạng gắn bó chặt chẽ, hữu cơ với lý tưởng cách mạng. Trong đó, đạo đức cách mạng là nội dung biểu hiện của lý tưởng cách mạng và là điều kiện để thực hiện mục tiêu cách mạng cao cả - lý tưởng cách mạng.

Giáo dục lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ là vấn đề được Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng. Lý tưởng vừa là mục tiêu, vừa là động lực để đưa đến những hành động cách mạng của con người. Người từng dạy: “Thanh niên có giác ngộ lý tưởng mới giúp họ hiểu lý tưởng đó cao đẹp như thế nào cho thanh niên, còn làm cho họ thấy rõ trách nhiệm của mình trong việc thực hiện lý tưởng, đồng thời có quan điểm và hành động đúng đắn để biến lý tưởng cách mạng chính là giáo dục cho thanh niên lý tưởng sống và niềm tin vào sự

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr.411.

nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội”¹. Trong giáo dục lý tưởng cách mạng, thì giáo dục tình cảm cách mạng là một nội dung mang tính chất then chốt, tình cảm cách mạng ở đây là lòng tin yêu đối với Đảng, giai cấp công nhân, với nhân dân lao động và chế độ xã hội chủ nghĩa. Khi xây dựng được tình cảm cách mạng chân thành này, tuổi trẻ sẽ lấy việc phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc làm lẽ sống cao quý của mình, mang lại những mùa xuân cho xã hội.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau luôn được thể hiện một cách biện chứng và có hệ thống. Để giáo dục thế hệ trẻ, Bác luôn coi đức và tài, hồng và chuyên là hai nội dung cốt yếu của nhân cách, giữa chúng có mối quan hệ hữu cơ với nhau, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó, có tài mà không có đức thì không thể đem tài đó ra phục vụ nhân dân được. Với Người, giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ là để họ quyết tâm suốt đời phụng sự cho đất nước, cho nhân dân. Đây cũng chính là quan điểm định hướng cho công tác tuyển chọn, đào tạo cán bộ, đồng thời là kim chỉ nam cho thanh niên phát triển nhân cách của mình, xây dựng tương lai tốt đẹp của dân tộc.

Người từng nói: “muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa” và “vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người”. Như vậy, trong di sản tư tưởng giáo dục của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta thấy nổi bật nhất là vấn đề xây dựng và hoàn thiện con người. “Đối với Người, nhân tố con người, với những tinh hoa như hiểu biết, năng lực, đạo đức là then chốt, có tính quyết định đối với thành công của cách mạng, tiến bộ của xã hội, tiền đề của dân tộc và hạnh phúc của nhân dân”². Chiến lược xây dựng, hoàn thiện và sử dụng con người của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được thực tiễn lịch sử kiểm nghiệm và chứng minh là hoàn toàn đúng đắn. Thế hệ lãnh đạo đất nước ta thời kỳ 30 năm chiến tranh cách mạng (1945 – 1975), con người thời đại Hồ Chí Minh là sản phẩm trực tiếp của tư tưởng giáo dục Hồ Chí Minh, và chính những con người đó đã viết lên những chiến công, thành tựu vĩ đại trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hiện nay, trước yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và sự biến đổi nhanh chóng của tình hình thanh niên, đòi hỏi phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên nhằm chăm lo, bồi dưỡng và phát huy cao nhất vai trò, sức mạnh của thanh niên trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong bối cảnh đó, ngày 25/7/2008, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X ban hành Nghị quyết 25-NQ/TW về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”. Đây là văn bản quan trọng, thể hiện sự quan tâm của Đảng đối với thế hệ trẻ và đối với công tác thanh niên. Đồng thời cũng là sự kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo

1. Phan Ngọc Liên – Nguyên An: *Hồ Chí Minh với Giáo dục – Đào tạo*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2003, tr.181.

2. Phan Ngọc Liên – Nguyên An: *Hồ Chí Minh với Giáo dục – Đào tạo*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2003, tr.179.

dục thể hệ trẻ trong tình hình mới.

Ngoài ra, Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 - 2030” cũng đã góp phần nâng cao dân trí, phát triển văn hoá, xây dựng nền tảng tư tưởng, thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; xây dựng đạo đức, lối sống và phát triển toàn diện nhân cách con người Việt Nam; góp phần đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, hình thành xã hội học tập và tạo điều kiện thuận lợi để giới trẻ phát triển toàn diện.

Trong văn kiện Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng đã nhấn mạnh: “đổi mới nội dung, phương thức giáo dục chính trị tư tưởng, truyền thống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, xây dựng đạo đức, lối sống lành mạnh, ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật cho thế hệ trẻ”, đồng thời “có cơ chế, chính sách phù hợp tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho thế hệ trẻ học tập, nghiên cứu, lao động, giải trí, phát triển trí tuệ, kỹ năng, thể lực”¹. Như vậy, có thể thấy rằng dù tình hình trong nước và quốc tế hiện nay luôn diễn biến mau lẹ, phức tạp, nhưng Đảng Cộng sản Việt Nam luôn quan tâm đến việc bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau hội đủ năng lực, phẩm chất, vừa “hồng” vừa “chuyên” để đưa đất nước ta không ngừng phát triển.

Thực tiễn cuộc sống hiện nay cho thấy, một bộ phận thanh niên thiếu ý thức tu dưỡng đạo đức, không có hoài bão lập nghiệp, xây đời. Thậm chí, theo Trung tâm Nghiên cứu Tội phạm học và điều tra tội phạm thuộc Học viện Cảnh sát nhân dân thì đối tượng phạm tội ở Việt Nam đang có xu hướng trẻ hóa và có dấu hiệu gia tăng trong những năm gần đây.

Để giải quyết vấn nạn xã hội này, chắc chắn cần sự chung tay của các thiết chế văn hóa – giáo dục, nhất là giáo dục gia đình, nhà trường và xã hội đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng để ngăn chặn, đẩy lùi, tiến tới xóa bỏ tính trạng phạm tội ở người trẻ, từ đó xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện. Trong các tổ chức chính trị - xã hội ở nước ta, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh vừa là người bạn, vừa là người bảo vệ lợi ích chính đáng cho thanh niên. Với tư cách là trường học xã hội chủ nghĩa, Đoàn cần tiếp tục đẩy mạnh việc giáo dục truyền thống, giáo dục chính trị tư tưởng và giáo dục pháp luật để có thể kiến tạo môi trường thuận lợi để thanh niên rèn luyện đạo đức trong sáng, lối sống lành mạnh, thượng tôn pháp luật, yêu quê hương đất nước và chủ nghĩa xã hội, đến lúc đó, thanh niên Việt Nam sẽ “hồng” như Bác hằng mong ước.

Ngoài ra, tổ chức Đoàn và các ban ngành, đoàn thể có liên quan cần tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động đồng hành cùng thanh niên lập thân, lập nghiệp, tổ chức hoạt động gắn liền với đặc thù chuyên môn, nghiệp vụ của từng đơn vị, sát với tình hình thực tiễn từng khu vực, khuyến khích thanh niên khởi nghiệp, đưa thế hệ thanh niên Việt Nam trở thành những người vừa “hồng” vừa “chuyên”.

Lời dặn dò cuối cùng của Bác với đoàn viên, thanh niên trong bản Di chúc lịch sử vừa

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.127.

là những tình cảm sâu nặng, vừa là niềm tin của Người với thế hệ mai sau. Hiện nay, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đang tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cũng chính việc noi gương Người, làm chủ đất nước, làm chủ xã hội mới, đưa lá cờ bách chiến bách thắng của Người tới đích cuối cùng.

3. Kết luận

Ý thức sâu sắc lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”, trong 50 năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam đã luôn quan tâm tới sự nghiệp giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ. Công việc này được thực hiện thường xuyên, liên tục nhằm tạo ra những thế hệ con người Việt Nam tài đức vẹn toàn.

Mặc dù đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, nhưng công tác đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ vẫn còn một số hạn chế nhất định. Để khắc phục tình trạng này, cần tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng với công tác giáo dục, bồi dưỡng thanh niên; nhận thức sâu sắc việc bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị; đoàn viên, thanh niên phải luôn cố gắng phấn đấu, rèn luyện đạo đức, nâng cao năng lực, biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo để thực sự trở thành người chủ thật xứng đáng của đất nước như Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong muốn./.

TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH TRONG DI CHỨC VỚI VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY

*ThS. Đinh Thị Kim Loan**

Mở đầu

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người nêu một tấm gương mẫu mực về thực hành đạo đức cách mạng để toàn Đảng, toàn dân noi theo. Suốt đời hoạt động cách mạng, lãnh tụ Hồ Chí Minh đặt biệt quan tâm tới giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Có thể nói, đạo đức là một trong những vấn đề quan tâm hàng đầu của Người trong sự nghiệp cách mạng. Đã có nhiều công trình nghiên cứu tư tưởng của Hồ Chí Minh về đạo đức nói chung và đạo đức con người Việt Nam nói riêng. Trong bài viết này, tác giả tập trung làm rõ 2 nội dung: (1) Những quan điểm nổi bật của chủ tịch Hồ Chí Minh về đạo đức; (2) Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc giáo dục đạo đức cho người Việt Nam hiện nay.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức

Hồ Chí Minh đánh giá cao vai trò đạo đức trong đời sống xã hội. Người khẳng định: “Cũng như sông phải có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi đến mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”¹. Như vậy, Hồ Chí Minh đã khẳng định đạo đức là nguồn nuôi dưỡng và phát triển con người, như gốc của cây, nguồn của sông, của suối, như đối với con người, sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Chăm lo cái gốc, cái nguồn, cái nền tảng ấy là công việc thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, của mỗi gia đình và mỗi người trong xã hội.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là đạo đức trong hành động, lấy hiệu quả thực tế làm thước đo. Như vậy, tài và đức, hồng và chuyên, phẩm chất và năng lực phải thống nhất là một. Tài càng lớn thì đức càng cao, vì đức- tài phục vụ nhân dân. Vai trò của đạo đức còn thể hiện là lòng cao thượng của con người. Mỗi người có công việc, tài năng, vị trí khác nhau... nhưng ai cũng giữ được đạo đức cách mạng thì là người cao thượng, mà trước hết là ở những giá trị đạo đức cao đẹp, ở phẩm chất của mỗi người và bằng hành động của chính mình.

Những phẩm chất đạo đức cơ bản nhất của Hồ Chí Minh

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức có thể khái quát thành bốn nội dung cơ bản là: Trung với nước, hiếu với dân; Yêu thương con người; Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư và tinh thần quốc tế trong sáng. Cả bốn nội dung này Bác đề cập rất nhiều trong bài nói, bài viết của mình.

**Trường Đại học An Giang, ĐHQG TP.HCM*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.5, tr. 252.

Trung với nước, hiếu với dân. Đây là phẩm chất đạo đức quan trọng nhất, chi phối cho các phẩm chất khác. Trung với nước là trung thành với sự nghiệp dựng nước và giữ nước, với con đường đi lên của đất nước. Nước ở đây là nước của dân, còn dân lại là chủ của đất nước. Hồ Chí Minh đặt vấn đề “bao nhiêu quyền hạn đều của dân”, “bao nhiêu lợi ích đều vì dân”, bao nhiêu “quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”¹. Hiếu với dân là phải gần dân, gần bó với dân, lấy dân làm gốc. Có được cái đức ấy thì người lãnh đạo sẽ được dân tin tưởng, quý mến, kính trọng, từ đó sẽ tạo ra được sức mạnh to lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, không có gì lay chuyển nổi.

Yêu thương con người. Trong di chúc, Người căn dặn Đảng: “Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”². Đây cũng là tình yêu thương trên nguyên tắc tự phê bình và phê bình một cách chân thành giữa những người cùng lí tưởng, cùng phấn đấu cho một sự nghiệp chung. Tình yêu thương con người, theo Hồ Chí Minh còn thể hiện qua mối quan hệ bạn bè, đồng nghiệp, đồng chí và mọi người xung quanh. Kể cả đối với những người mắc sai lầm mà khắc phục được, những người lầm đường lỡ lối đã hối cải... Chính tình yêu thương đó đã đánh thức những gì tốt đẹp mà Người tin rằng trong mỗi con người chúng ta đều có.

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là những phẩm chất đạo đức gắn liền với các hoạt động hàng ngày của mỗi người. Mỗi chữ cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư đã được Người giải thích rất rõ, rất cụ thể, dễ hiểu với mọi người. Nếu phẩm chất này đã cần thiết đối với con người Việt Nam khi đất nước còn nghèo, còn chiến tranh, thì lại càng cần thiết khi đất nước đang phát triển, xây dựng hòa bình. Vì đây không phải chỉ là yêu cầu về đạo đức, mà còn là yêu cầu của chính sự phát triển kinh tế.

Tinh thần quốc tế trong sáng. Đó là tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản mà Hồ Chí Minh đã nêu lên bằng mệnh đề “...Bốn phương vô sản đều là anh em”³. Đó là tinh thần đoàn kết các dân tộc bị áp bức bóc lột với nhân dân lao động các nước, mà Hồ Chí Minh là người đã dày công vun đắp bằng một hoạt động cách mạng thực tiễn của bản thân mình và bằng sự nghiệp của cả dân tộc. Sự đoàn kết ấy nhằm những mục tiêu lớn của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, là hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước, các dân tộc trên tinh thần *hòa nhập nhưng không hòa tan*.

Những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới

Một là, phải tu dưỡng đạo đức suốt đời. Theo Hồ Chí Minh: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”⁴. Người còn dạy: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”⁵. Đó là điều đã diễn ra trong cuộc

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2017, t.5, tr. 698.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2017, t.15, tr. 611.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2017, t.12, tr.670.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, t.11, tr.612.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.12, tr. 557, 558.

sống hàng ngày, nên phải tiếp tục rèn luyện để giữ vững đạo đức cách mạng.

Hai là, nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức. Điều này đã được Hồ Chí Minh nêu ra: "... Có một số người chỉ biết nói là nói, nói giờ này qua giờ khác, ngày này qua ngày khác. Nhưng một việc gì thiết thực cũng không làm được. Những người như thế không thể dùng vào việc thực tế"¹. Từ đó chúng ta thấy rằng không ở lĩnh vực nào mà vấn đề nêu gương lại được đặt ra như trong lĩnh vực đạo đức. Trong gia đình, đó là tấm gương của bố mẹ đối với con cái, của anh chị đối với các em; trong nhà trường, đó là tấm gương của thầy, cô giáo đối với học sinh; trong tổ chức, tập thể, Đảng, nhà nước, đó là tấm gương của người này đối với người khác, là những gương "người tốt, việc tốt" mà Hồ Chí Minh đã phát hiện để mọi người học tập, noi theo. Đối với cán bộ, đảng viên, Hồ Chí Minh đã nêu ra một luận điểm quan trọng: "Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ "cộng sản" mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức"².

Ba là, xây đi đôi với chống. Muốn xây phải chống vì chống nhằm mục đích xây. Xây dựng đạo đức mới trước hết phải đẩy mạnh việc giáo dục từ trong gia đình đến nhà trường, tập thể và toàn xã hội. Những phẩm chất chung nhất phải được cụ thể hóa, sát hợp với từng tầng lớp, đối tượng. Đồng thời phải khơi dậy ý thức đạo đức lành mạnh ở mỗi người để mỗi người tự giác thực hiện. Để xây và chống có kết quả phải đưa thành phòng trào quần chúng rộng rãi. Hồ Chí Minh cho rằng: "Mỗi con người đều có cái thiện và cái ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của một người cách mạng"³.

Trong rèn luyện đạo đức, Hồ Chí Minh khẳng định, đã là người thì ai cũng có chỗ hay, chỗ dở, chỗ tốt, chỗ xấu, ai cũng có cái thiện, cái ác trong mình. Vấn đề là dám nhìn thẳng vào con người người mình để phát huy những cái tốt, loại bỏ những cái xấu. Tu dưỡng đạo đức là phải thực hiện trong mọi hoạt động thực tiễn, trong mọi mối quan hệ của mình và trong sinh hoạt cộng đồng.

2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc giáo dục đạo đức con người Việt Nam hiện nay

Tình hình đạo đức trong xã hội

Đất nước sau hơn 30 năm đổi mới, đã bước vào thời kỳ phát triển mới - thời kỳ tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Vì vậy, việc tăng cường giáo dục đạo đức trong xã hội hiện nay là một vấn đề rất cấp bách để đổi mới về kinh tế - xã hội, nhằm phát triển con người theo hướng toàn diện trong giai đoạn hiện nay. Một nền đạo đức mới với những con người năng động đã và đang hình thành là một nguồn động lực quan trọng của công cuộc đổi mới đất nước. Đó là nền đạo đức đã phát huy được những giá trị truyền thống của dân tộc như: "Uống nước nhớ nguồn" hay vì nỗi khổ của người khác sẵn sàng "nhường cơm sẻ áo" cho nhau với tinh thần "lá lành đùm lá rách". Trong cuộc sống, người Việt Nam luôn coi trọng sự dung hòa "chín bỏ làm mười" để

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.5, tr. 287.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.5, tr.552.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.12, tr. 558.

tạo nên sự gắn bó lâu dài, nhất là với hàng xóm láng giềng “tối lửa, tắt đèn có nhau”. Ngay cả những kẻ làm đường, lạc lối mà biết ăn năn, hối lỗi thì cũng vẫn mở lòng rộng lượng để họ trở về với chính nghĩa. Trong quan hệ với các nước láng giềng hay bạn bè quốc tế khắp năm châu, nhân dân ta bao giờ cũng trọng tình hòa hiếu, cố gắng tránh xảy ra xung đột dẫn đến cảnh “máu chảy, đầu rơi”... Đó chính là những giá trị đạo đức cao quý nhất của người Việt Nam chúng ta, đã và đang thấm nhuần tinh thần lạc quan, tin tưởng ở sức mạnh của chuẩn mực đạo đức.

Cũng trong thời kỳ này, Việt Nam đang chịu tác động rất lớn của nền kinh tế thị trường và toàn cầu hóa, cùng với sự bùng phát của công nghệ thông tin ngày càng tiên tiến đã làm cho nền văn hóa truyền thống bị mai một. Trong đời sống xã hội, đã có những biểu hiện coi nhẹ những giá trị truyền thống, chạy theo thị hiếu không lành mạnh, một bộ phận trong các tầng lớp đó đã chà đạp lên những khuôn mẫu, những giá trị đạo đức đích thực của người Việt Nam chúng ta, xuất hiện chủ nghĩa cá nhân như lối sống “vì mình quên người”, “vì lợi, bỏ nghĩa” có nguy cơ lan rộng, bào mòn nhân tính của con người. Quan hệ giữa người và người dễ bị che khuất, nhiều cá nhân phát triển một cách phiến diện, trở thành con người “méo mó”, cuộc sống của họ giàu vật chất nhưng nghèo về tình cảm, thiếu văn hóa ngày càng xuất hiện nhiều trong xã hội. Tình trạng hàng giả, hàng nhái gia tăng. Hơn nữa là các hoạt động mại dâm, bạo lực tình dục với phụ nữ và trẻ em, bắt cóc tống tiền, tổ chức các đường dây buôn bán phụ nữ, quan tâm nhất là các vụ xâm hại tình dục ở trẻ em: “Theo báo cáo của Hội Liên hiệp Phụ nữ năm 2018, các em bị xâm hại tình dục độ tuổi từ 1- 5 tuổi chiếm tỉ lệ 31%, 6- 10 tuổi chiếm tỉ lệ 32%, 11- 15 tuổi chiếm tỉ lệ 38%. Đa số là bé gái chiếm tỉ lệ 78%”¹. Nạn cờ bạc của những kẻ say máu “đỏ đen”, ham muốn dựa trên sự lọc lừa, sát phạt nhau gây ra bao cảnh tan nát cửa nhà. Tệ nghiện ngập rượu chè, tình trạng bạo lực và tội ác diễn biến ngày càng phức tạp. Nhiều nơi tôn nghiêm như các di tích lịch sử, đền chùa, miếu cũng bị một số kẻ lợi dụng để tuyên truyền mê tín dị đoan, khôi phục cái hủ tục qua đó mà trục lợi. Đáng báo động là tình trạng bạo lực học đường đang gia tăng với mức độ và hành vi nguy hiểm hơn trước. Những năm gần đây, trên mạng xã hội xuất hiện những clip đòi trụ gây hoảng loạn tinh thần, mất phương hướng lựa chọn sự đúng đắn cho cuộc sống của giới trẻ, làm cho họ mất niềm tin vào cuộc sống, không có lý tưởng, mục đích để phấn đấu, chạy theo lối sống thực dụng, sống thử, sống dựa vào người khác, thờ ơ với gia đình, xã hội và lại trở thành gánh nặng cho nước nhà. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, xa rời mục tiêu, lý tưởng, xem nhẹ lợi ích tập thể, cộng đồng, lo thu vén lợi cá nhân, lạm quyền, dùng mọi thủ đoạn để lạm phát, hối lộ và tham nhũng. Những tệ nạn đó gây sự bất bình cho nhân dân, làm tổn thương uy tín của Đảng, của Nhà nước.

Nguyên nhân của tình trạng trên là do Đảng, nhà nước quan tâm chưa đúng và đầy đủ về tầm quan trọng của việc giáo dục đạo đức cho người Việt Nam trong bối cảnh đất nước đang có nhiều thay đổi. Cụ thể là các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác giáo dục đạo đức chưa kịp thời và hiệu quả, nhiều mục tiêu, tiêu chí chưa đạt yêu cầu. Vai trò, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong chăm lo con người

1. <https://giaoducthoidai.vn/phap-luat/bao-dong-nhung-thong-ke-ve-xam-hai-bao-luc-tre-em>.

chưa đáp ứng với yêu cầu cách mạng trong giai đoạn hiện nay. Nội dung giáo dục đạo đức, lối sống còn thiếu chiều sâu, chưa thiết thực và phù hợp với từng đối tượng. Hình thức giáo dục đạo đức, lối sống còn sơ sài, chưa có sức hấp dẫn, lôi cuốn mọi người tham gia. Nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu của xã hội. Nếu chúng ta không có sự quan tâm đúng mức dẫn đến không ngăn chặn được các tệ nạn xã hội, thói đạo đức giả, nói không đi đôi với làm thì hậu quả của nó đối với đời sống của một đất nước đang phát triển là hết sức nghiêm trọng.

Các biện pháp khắc phục

Thứ nhất là, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức cho toàn xã hội, đặc biệt là thế hệ trẻ. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng có thể được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau như đưa Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” để toàn dân học tập noi theo gương của Bác, tổ chức các hoạt động hướng về truyền thống, tìm hiểu lịch sử dân tộc... Mục đích của công tác này làm cho mọi người nắm rõ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, truyền thống của dân tộc để từ đó nhận thức được vai trò, vị trí của mình trong xã hội, tin tưởng vào hệ thống lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác- Lênin, sự lãnh đạo của Đảng để hết lòng vì sự phát triển của đất nước.

Thứ hai là, xây dựng hệ giá trị các quy tắc đạo đức làm cơ sở đánh giá và điều chỉnh đạo đức. Muốn làm được như vậy, xã hội cần hình thành hệ thống các quy tắc đạo đức ở tất cả các lĩnh vực khác nhau. Bất kỳ một ngành nào cũng có bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Bộ quy tắc đạo đức ấy sẽ giúp đạo đức xã hội được ổn định trong từng nhóm nhỏ, rồi từ đó lan ra toàn xã hội. Cụ thể như Hội Nhà báo Việt Nam vừa cho ra đời “Quy tắc sử dụng mạng xã hội của người làm báo Việt Nam”¹ là một minh chứng, chúng ta cần có thêm các bộ quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức cho các lĩnh vực khác nhau để đảm bảo sự ổn định, rõ ràng trong hành vi ứng xử của từng nhóm xã hội trong những lĩnh vực hoạt động cụ thể.

Thứ ba là, gắn với các hoạt động thực tiễn. Đạo đức không chỉ là ý thức đạo đức mà quan trọng hơn phải biểu hiện thành tình cảm, niềm tin, hành vi đạo đức. Bởi vậy, quá trình giáo dục đạo đức cho mọi người cần gắn liền với các hoạt động thực tiễn của các tổ chức, đoàn thể. Hồ Chí Minh cũng chỉ ra rằng: “Giáo dục con người không thể tách rời mà phải liên hệ chặt chẽ với những cuộc đấu tranh của xã hội”². Học phải đi đôi với hành, nếu xa rời thực tiễn sẽ dẫn đến sai lầm của bệnh chủ quan, duy ý chí, giáo điều, máy móc, quan liêu. Vì không những vận dụng những gì đã học mà còn là nguồn gốc của nhận thức, tiêu chuẩn của chân lý.

Thứ tư là, tăng cường nêu gương hình tượng nhân cách đạo đức. Thông qua việc truyền đi các thông điệp tích cực về những lối sống đẹp, những tấm lòng nhân ái, nêu gương người tốt... Hồ Chí Minh khẳng định: “Lấy gương người tốt, việc tốt để hàng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng,

1. Hội Nhà báo Việt Nam, Quyết định số 1131/QĐ-HNBVN ngày 24/12/2018.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.9, tr.265.

xây dựng con người mới, cuộc sống mới”¹. Nhờ vai trò của các phương tiện truyền thông, mọi người sẽ biết về người tốt, việc tốt, những cách làm hay, hành động đẹp để từ đó học tập noi theo. Vì bản chất, xã hội là tốt và con người là hướng thiện, để cái tốt, lòng hướng thiện lan tỏa trong xã hội sẽ khiến cuộc sống đẹp hơn và góp phần đẩy lùi các tệ nạn và cái xấu trong tâm hồn mỗi người.

3. Kết luận

Tư tưởng đạo đức mà Bác Hồ để lại cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta có ý nghĩa và giá trị vô cùng to lớn. Vì vậy, việc giáo dục đạo đức cho người Việt Nam càng phải được chú trọng, phát huy hơn nữa bằng nhiều nội dung, hình thức khác nhau. Muốn vậy, Đảng, nhà nước và toàn dân phải nhận thức rõ tầm quan trọng của việc giáo dục đạo đức cho mọi người trong xã hội từ các phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng, truyền thông, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, xây dựng đạo đức, lối sống lành mạnh, ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, luật pháp cho mọi người, đặt biệt là thế hệ trẻ; tích cực vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng trong giáo dục đạo đức bằng phương thức, phù hợp với từng đối tượng trong xã hội./.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr.622, 672.

TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG, THỰC HIỆN CẦN KIỂM LIÊM CHÍNH, CHÍ CÔNG VÔ TƯ THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*ThS. Lê Bình Phương Luân**

50 năm đã trôi qua, kể từ ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh rời xa chúng ta để về với thế giới vĩnh hằng, để “đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh”, nhưng giá trị lý luận và thực tiễn của những lời nhắn nhủ, dặn dò trong Di chúc mà Người để lại cho chúng ta trước lúc đi xa vẫn còn vẹn nguyên giá trị. Di chúc của Người đã trở thành “bảo vật của quốc gia”, là văn kiện chứa đựng nhiều định hướng có tính cương lĩnh cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam, cho công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Trong Di chúc, Người có căn dặn: “Mỗi cán bộ, đảng viên phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thực sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”¹.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò đạo đức cách mạng

Theo tư liệu lịch sử, bản Di chúc đầu tiên do tự tay Người đánh máy vào ngày 10/5/1965 và hoàn thành vào ngày 15/5/1965, có chữ ký chứng kiến của đồng chí Lê Duẩn. Năm 1968, Người viết lại đoạn mở đầu và bổ sung thêm một số đoạn. Lần thứ hai, Người sửa Di chúc vào ngày 10/5/1969. Lần này Người viết lại toàn bộ đoạn mở đầu của Di chúc. Bản Di chúc chính thức được Bộ Chính trị công bố năm 1969, trong tang lễ của Người, chủ yếu dựa theo bản Di chúc đầu tiên Người viết năm 1965, có bổ sung hoặc thay thế bằng một số đoạn tương ứng được Người sửa ở những năm 1968 và 1969. Đoạn viết về Đảng trong Di chúc chính thức được công bố là nguyên văn trong bản Di chúc đầu tiên (1965). Điều này cho thấy, những vấn đề về Đảng được Người dành nhiều tâm huyết, suy nghĩ, xác định một cách rõ ràng, nhất quán từ rất sớm.

Nội dung về xây dựng Đảng là một trong những nội dung cốt lõi, bao trùm lên tất cả trong Di chúc của Người. Người xem đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là nền tảng cho mọi thành công và thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Chính vì thế, trong Di chúc, Người viết: “TRƯỚC HẾT NÓI VỀ ĐẢNG”. Trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra những vấn đề mang tính chất sống còn trong công tác xây dựng Đảng. Bên cạnh những vấn đề như “giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong Đảng”; thực hành nguyên tắc tập trung dân chủ, “thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình”, Người đặc biệt chú trọng vai trò đạo đức trong Đảng. Người viết: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”².

Xuyên suốt cả cuộc đời mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan niệm đạo đức cách mạng

**Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.12, tr. 516.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.12, tr. 516.

là gốc của người cách mạng. Trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, được Người viết năm 1927, đã nêu lên 23 điều thuộc tư cách một người cách mạng. Và suốt cả thời gian sau này, vấn đề đạo đức cách mạng thường được Người đề cập đến trong những bài viết, bài nói chuyện ngắn gọn, nhưng súc tích của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh coi đạo đức như nguồn của sông, như gốc của cây, không có nguồn thì sông không có nước, không có gốc thì cây héo. “Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”¹. “Mọi việc thành hay bại, chủ chốt là do cán bộ có phẩm chất đạo đức cách mạng hay không”².

Khi chưa có chính quyền, nhiệm vụ chính trị hàng đầu của Đảng là lãnh đạo quần chúng nhân dân đấu tranh lật đổ chính quyền thực dân, phong kiến, thiết lập nên chính quyền cách mạng của nhân dân. Lúc này phương thức lãnh đạo chủ yếu là giáo dục, thuyết phục, tổ chức, vận động quần chúng nhân dân vào con đường đấu tranh cách mạng. Theo Người, người cách mạng muốn hoàn thành sự nghiệp cách mạng, thì phải có đạo đức cách mạng làm “nền tảng”, có như vậy mới “gánh được nặng và đi được xa”, “mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang”³, dân mới tin, mới phục. Người nói, cán bộ, đảng viên không phải cứ viết lên trán hai chữ “cộng sản” là được dân tin, dân mến. “Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức”⁴.

Nhưng khi cách mạng giành được thắng lợi, Đảng đã giành được chính quyền, trở thành Đảng cầm quyền, mỗi cán bộ, đảng viên vẫn phải tiếp tục tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh thấy rõ mặt tiêu cực, sức phá hoại ghê gớm của quyền lực chính trị, nếu như cán bộ, đảng viên có quyền lực sử dụng nó phục vụ cho lợi ích của cá nhân của mình thì sẽ gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho xã hội, cho sự nghiệp cách mạng của Đảng. Người cảnh báo với nguy cơ xa rời cuộc sống, xa rời quần chúng nhân dân, rơi vào suy thoái, biến chất của cán bộ, đảng viên trong điều kiện Đảng cầm quyền. Người từng nói: “Một dân tộc, một Đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”⁵. Chính vì vậy, trong Di chúc, Người nhắc nhở: “Việc cần làm trước tiên là *chỉnh đốn lại Đảng*, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ đảng giao phó cho mình, toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân”⁶. Với Người, Đảng phải “là đạo đức, là văn minh”.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về cần kiệm liêm chính, chí công vô tư

Khi nhấn mạnh đến vai trò, sức mạnh của đạo đức cách mạng đối với người cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn chỉ ra chuẩn mực, giá trị đạo đức cách mạng cụ thể mà mỗi cán bộ, đảng viên cần phải tu dưỡng rèn luyện. Đó là Cần Kiệm Liêm Chính, Chí công vô tư.

Trong tác phẩm “Cần kiệm liêm chính” (đăng trên báo *Cứu quốc* vào các ngày 30-5,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t.5, tr. 252-253

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t.6, tr. 163

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t.8, tr. 283.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 5, tr. 552.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.12, tr. 567.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 509.

31-5, 1-6 và 2-6 năm 1949) dưới bút danh Lê Quyết Thắng, Người đã phân tích một cách giản dị, dễ hiểu, nhưng vô cùng sâu sắc về ý nghĩa và tầm quan trọng của Cần-Kiệm-Liêm-Chính; cũng như sự cần thiết mà mỗi người dân nói chung và cán bộ, đảng viên nói riêng phải thấm nhuần và thực hành.

Người viết: “Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông

Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc

Người có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính.

Thiếu một mùa, thì không thành trời

Thiếu một phương, thì không thành đất

Thiếu một đức, thì không thành người”¹.

- Cần là “siêng năng, chăm chỉ, cố gắng dẻo dai”, “Cần thì việc gì, dù khó khăn mấy, cũng làm được”. Muốn Cần thì “phải có kế hoạch cho mọi công việc”, “phải tính toán cẩn thận, sắp đặt gọn gàng”, là “Phải biết nuôi dưỡng tinh thần và lực lượng của mình, để làm việc cho lâu dài”. Đối lập lại với Cần là Lười biếng. Người cho rằng, lười biếng là “kẻ địch của dân tộc”, “là có tội với đồng bào, với Tổ quốc”².

- Kiệm - “Là tiết kiệm, không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi”, là “tiết kiệm thời giờ”, “tiết kiệm của cải”, tiết kiệm công sức...nhưng tiết kiệm không phải là bủn xỉn, “việc ích lợi cho đồng bào, cho Tổ quốc, thì dù bao nhiêu công, tốn bao nhiêu của, cũng vui lòng”, “muốn tiết kiệm có kết quả tốt, thì phải khéo tổ chức”³.

- Liêm là “trong sạch, không tham lam”. Vì thế, những biểu hiện như tham tiền của, tham địa vị, tham danh tiếng, tham ăn ngon, sống yên đều là Bất liêm. Người cho rằng, đối với cán bộ, đảng viên mà cậy quyền, cậy thế để đục khoét, ăn của đút, trộm của công thì đều rơi vào tội Bất liêm.

- Chính “nghĩa là không tà, nghĩa là thẳng thắn, đứng đắn”. Người còn phân tích rõ Chính trong quan hệ đối với mình, đối với người và đối với công việc. Với mình thì Chính là “chớ tự kiêu, tự đại” vì “Tự kiêu, tự đại tức là thoái bộ”. Đối với người là “yêu quý, kính trọng, giúp đỡ”, có thái độ chân thành, khiêm tốn, “học người và giúp người”, “Chớ nịnh hót người trên. Chớ xem khinh người dưới”. Với công việc, thì phải đề việc nước trước việc nhà, phụ trách công việc gì, thì phải quyết tâm làm cho bằng được, đến nơi, đến chốn “không sợ khó nhọc, không sợ nguy hiểm”⁴. Theo Người, người có đức Chính là người thẳng thắn, đúng mực không chỉ trong hành động, mà cả trong suy nghĩ; là người phải biết bảo vệ lẽ phải, mà lớn nhất là lẽ phải, lợi ích của dân, của dân tộc. Vì thế, người có đức Chính là người “vì dân chứ không vì mình”.

Không chỉ giải thích cặn kẽ nội dung từng khái niệm trong tứ đức, Người còn chỉ ra mối liên hệ chặt chẽ giữa chúng với nhau. Khi nói về Cần và Kiệm, Người ví chúng như “hai chân của con người”. Cần mà không Kiệm, thì “làm chùng nào xào chùng ấy”; Kiệm mà không Cần, thì “không tăng thêm, không phát triển”⁵; Nói về Kiệm với Liêm, Người

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 6, tr. 117.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr. 118-121.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr. 122-123.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr. 129-131.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr. 122.

cho rằng, người có Kiệm thì mới có Liêm, vì “xa xỉ mà sinh tham lam”. Cần, Kiệm, Liêm là “gốc rễ” của Chính. Muốn trở thành một “con người hoàn toàn”, chỉ có Cần, Kiệm, Liêm thôi là chưa đủ, mà phải có Chính.

Một người khi đã thực hiện Cần Kiệm Liêm Chính thì sẽ dẫn đến Chí công vô tư và ngược lại. Khi đã Chí công vô tư thì nhất định sẽ thực hiện được Cần Kiệm Liêm Chính.

Chí công vô tư nghĩa là công bằng, công tâm, không có lòng riêng, không thiên tư. Đối với người, với công việc thì “đừng nghĩ đến mình trước, khi hưởng thụ thì mình nên đi sau”, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”.

Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* (1947), Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Người đảng viên, người cán bộ muốn trở nên người cách mạng chân chính, không có gì là khó cả. Điều đó hoàn toàn do lòng mình mà ra. Lòng mình chỉ biết vì Đảng, vì đồng bào thì mình sẽ tiến đến chỗ chí công vô tư. Mình đã chí công vô tư thì khuyết điểm càng ít, mà những tính tốt như sau, ngày càng thêm”¹.

Thực hành chí công vô tư là phải chiến thắng được chủ nghĩa cá nhân. Người cho rằng, chủ nghĩa cá nhân là tàn tích của xã hội cũ. Đó là lối sống ích kỷ, chỉ biết có riêng mình, lợi ích của cá nhân mình. Chủ nghĩa cá nhân là nguồn gốc của nhiều loại bệnh nguy hiểm cho sự nghiệp cách mạng như quan liêu, mệnh lệnh, bè phái, chủ quan, tham ô, lãng phí, thích địa vị, coi thường tập thể, chuyên quyền độc đoán... Chủ nghĩa cá nhân là “một thứ rất gian xảo, xảo quyệt; nó khéo dỗ dành người ta đi xuống dốc”². Người lên án chủ nghĩa cá nhân, chứ không phủ nhận lợi ích chính đáng của cá nhân, của con người. Người chỉ phê phán chủ nghĩa cá nhân khi cá nhân tách khỏi tập thể để mưu cầu lợi ích riêng, mà làm tổn hại đến lợi ích chung của tập thể, của nhân dân. Vì thế, trong suốt cuộc đời của mình, Người luôn quan tâm đến lợi ích chính đáng của con người. Đó chính là chủ nghĩa nhân văn sâu sắc trong tư tưởng đạo đức của Người.

Có thể khẳng định, trong tư tưởng của Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng, về cần kiệm liêm chính, chí công vô tư là những phẩm chất đạo đức mà mỗi người trong xã hội ai cũng cần phải thực hiện. Bởi vì, khi mọi người dân trong một nước ai cũng làm được, khi một dân tộc biết cần, kiệm, liêm, chính, thì dân tộc đó sẽ “giàu về vật chất, mạnh về tinh thần, là một dân tộc văn minh tiến bộ”. Song cán bộ, đảng viên phải là người thực hành trước để làm “kiểu mẫu cho dân”. Nếu cán bộ, đảng viên không giữ đúng cần, kiệm, liêm, chính thì dễ trở nên tha hóa, biến chất, biến thành “sâu mọt của dân”. Vì vậy, đối với mỗi cán bộ, đảng viên, thực hành cần kiệm liêm chính, chí công vô tư không đơn thuần là việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cá nhân cần phải có, mà đó còn là biện pháp quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, nhất là khi Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền. Chính vì lẽ đó, trước lúc đi xa Người tiếp tục căn dặn mỗi cán bộ, đảng viên “phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”³.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 291.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.9, tr.284.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.12, tr. 516.

Tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, thực hiện cần kiệm liêm chính, chí công vô tư

Trong những năm qua, thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đa số cán bộ, đảng viên đã không ngừng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, thực hiện cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, góp phần cùng Đảng ta lãnh đạo nhân dân ta gặt hái được nhiều thắng lợi, đạt được những thành quả hết sức to lớn trên mọi lĩnh vực từ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, ngoại giao... thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhưng bên cạnh đó, vẫn còn một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu sự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, thiếu chuyên cần, chưa tiết kiệm, thiếu liêm khiết, chưa chính trực khiến dư luận vô cùng bức xúc, ảnh hưởng không niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng.

Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đánh giá: “công tác xây dựng Đảng còn không ít hạn chế, khuyết điểm... Nhiều cán bộ, đảng viên, trong đó có người đứng đầu chưa thể hiện tính tiên phong, gương mẫu; còn biểu hiện quan liêu, cửa quyền, chưa thực sự sâu sát thực tế, cơ sở... Tự phê bình và phê bình nhiều nơi mang tính hình thức; vẫn còn tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm; một số cán bộ, đảng viên thiếu tự giác nhận khuyết điểm và trách nhiệm của mình trong công việc được giao... Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng, tập trung vào số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước”¹.

Tình trạng suy thoái ở một bộ phận cán bộ, đảng viên nêu trên do nhiều nguyên nhân (khách quan và chủ quan), nhưng một trong những nguyên nhân là Nghị quyết cũng chỉ ra là: “do bản thân những cán bộ, đảng viên đó thiếu tu dưỡng, rèn luyện; lập trường tư tưởng không vững vàng, hoang mang, dao động trước những tác động từ bên ngoài; sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, hẹp hòi, bị cám dỗ bởi các lợi ích vật chất, không làm tròn trách nhiệm, bổn phận của mình trước Đảng, trước dân”².

Đây chính là những vấn đề nhức nhối “làm giảm sút vai trò lãnh đạo của Đảng; làm tổn thương tình cảm và suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng, là một nguy cơ trực tiếp đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ”³. Hơn lúc nào hết, những lời dạy của Người trong Di chúc về công tác xây dựng Đảng, chỉnh đốn Đảng lại có một ý nghĩa sâu sắc, thiết thực đến vậy. Thực hiện lời dạy của Người, mỗi cán bộ, đảng viên trước hết cần phải nâng cao đạo đức cách mạng, đấu tranh và loại bỏ chủ nghĩa cá nhân, khắc phục những biểu hiện suy thoái về đạo đức, thực hiện cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, góp phần xây dựng Đảng, làm cho Đảng thật trong sạch, vững mạnh, đoàn kết, thống nhất, “xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân” như mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu.

1. Nghị quyết Trung ương Đảng, khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”.

2. Theo tài liệu nêu trên.

3. Theo tài liệu nêu trên.

Kết luận

Nửa thế kỷ đã trôi qua với biết bao thăng trầm của lịch sử, với biết bao sự đổi thay và phát triển của đất nước, song những lời căn dặn, chỉ dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Di chúc vẫn còn in đậm trong trái tim của mỗi người dân Việt Nam, trong đó có đội ngũ cán bộ đảng viên. Mỗi lời trong Di chúc là từng lời căn dặn cô đọng xuất phát từ trí tuệ, tâm hồn của một con người đã hiến dâng trọn cuộc đời mình vì độc lập, tự do và hạnh phúc của dân tộc, thể hiện tâm nguyện, niềm tin và trách nhiệm của Người với Tổ quốc, nhân dân và sự nghiệp cách mạng. Kỷ niệm 50 năm ngày Người ra đi và 50 năm thực hiện Di chúc của Người cũng là dịp để mỗi cán bộ, đảng viên càng phấn đấu tu dưỡng rèn luyện đạo đức cách mạng, thực hiện cần kiệm liêm chính, chí công vô tư như di nguyện của Người./.

CHỐNG CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

TS. Trần Hồng Lưu*

1. Mở đầu

Để gạt rửa tư tưởng đạo đức cũ, tạo lập nền móng của chế độ mới, tất yếu phải chống chủ nghĩa cá nhân- một trong những nguyên nhân cơ bản từ đó nảy sinh ra những thói nát, hủ bại, ngăn cản sự tiến bộ, từ đó mới có thể xây dựng nền đạo đức mới- đạo đức cách mạng. Chính vì thế, Hồ Chí Minh cho rằng, muốn phát triển con người về mặt đạo đức, nhất thiết phải tiến hành cuộc đấu tranh rộng lớn và kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, làm cho mỗi người Việt Nam hiểu được sự nguy hiểm, nguy hại của nó đối với sự tiến bộ của bản thân cũng như sự phát triển của xã hội. Do đó, Người đã tập trung nhiều tâm sức cho việc phê phán chủ nghĩa cá nhân- kẻ thù nguy hại của chủ nghĩa xã hội bằng nhiều bài viết và bài nói quan trọng, kể cả trước lúc đi xa trong *Di chúc*. Trong tâm khảm của Người: triệt để loại bỏ chủ nghĩa cá nhân là một trong những căn cốt để xây dựng nền đạo đức mới. Những phân tích dưới đây, cho thấy sự trăn trở của Người trong việc phê phán đi đến loại bỏ chủ nghĩa cá nhân có vai trò to lớn như thế nào trong việc xây dựng chế độ mới.

2. Chủ nghĩa cá nhân và những tác hại của nó

Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa cá nhân là “việc gì cũng chỉ lo lợi ích cho riêng mình, không quan tâm đến lợi ích của tập thể. Miễn là mình béo, mặc thiên hạ gầy”; “Tự tư tự lợi, chỉ nghĩ đến lợi riêng của mình, không chăm lo việc chung”¹, “Lúc tính toán công việc, thì đặt lợi ích của cá nhân mình, của nhóm mình lên trên lợi ích chung”².

Người chỉ rõ đặc trưng của chủ nghĩa cá nhân là: “Làm việc gì cũng thiếu kiên quyết. Lúc vui hứng lên thì làm. Nếu gặp trở ngại hay thất bại thì lùi. Vì không kiên quyết nên dễ lung lay”³, kém tinh thần trách nhiệm, không chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng, của Nhà nước, làm hại đến lợi ích của cách mạng, của nhân dân”⁴. Nói gọn lại: “Chủ nghĩa cá nhân trái ngược với đạo đức cách mạng”; “cái gì trái với đạo đức cách mạng đều là chủ nghĩa cá nhân”⁵.

Hồ Chí Minh chỉ ra đích danh, chủ nghĩa cá nhân là thứ “bệnh mẹ” đẻ ra nhiều thứ “bệnh con” rất nguy hiểm như tham ô, lãng phí, ích kỷ, lười biếng, kiêu ngạo, hiếu danh, công thân, địa vị, thiếu kỷ luật, óc hẹp hòi, óc địa phương, óc lãnh tụ (những chữ dùng của

**Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.9, tr. 530.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.5, tr. 509.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.7, tr.34.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.12, tr.439.
5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.9, tr.448

Người)¹ và các tệ nạn “quan liêu, làm cho qua chuyện, ham chuộng hình thức” v.v. Vì thế “Nó là thứ vi trùng rất độc”²; “là một thứ rất gian xảo, xảo quyệt” bởi “nó khéo dỗ dành người ta đi xuống dốc. Mà ai cũng biết rằng đi xuống dốc thì dễ hơn lên dốc. Vì thế càng nguy hiểm”. Người xác định: “Chủ nghĩa cá nhân là một kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội. Người cách mạng phải tiêu diệt nó”³.

Hồ Chí Minh cho rằng, muốn tiến hành đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân có hiệu quả, trước hết phải hiểu rõ những nguyên nhân nào đã làm nảy nở “giặc nội xâm” cực kỳ nguy hiểm này. Theo Hồ Chí Minh, nguyên nhân đó là do *chịu ảnh hưởng xấu xa của những tư tưởng, thói quen, lối sống lạc hậu... trong xã hội thuộc địa nửa phong kiến*.

Hồ Chí Minh viết: “Sinh trưởng trong xã hội cũ, chúng ta ai cũng mang trong mình hoặc nhiều hoặc ít vết tích xấu xa của xã hội đó về tư tưởng, về thói quen... Vết tích xấu nhất và nguy hiểm nhất của xã hội cũ là chủ nghĩa cá nhân”⁴. Hơn thế: “Vi đã lâu, chúng ta sinh trưởng dưới chế độ nô lệ của thực dân và phong kiến, bị văn hóa, giáo dục thực dân và phong kiến thấm vào đã sâu. Nó đã làm cho nhiều người tê mê quên cả nhân dân, quên cả Tổ quốc. Nó đã làm cho những bệnh thói nát và hủ bại (như chủ nghĩa cá nhân, tự tư tự lợi, tham ô lãng phí,...) ăn sâu vào con người như những bệnh kinh niên”⁵.

Trong khi đó, việc giáo dục lý tưởng đạo đức cách mạng, bồi dưỡng và nâng cao tinh thần tập thể, năng lực làm chủ cho đảng viên và nhân dân chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn trong những bước ngoặt của cách mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh viết: “Từ Cách mạng tháng Tám thành công, chúng ta mới thoát khỏi vùng tối tăm bước lên đường sáng sủa. Nhưng, từ chỗ tối bước sang chỗ sáng không khỏi có người hoa mắt, choáng váng. Từ địa vị nô lệ bước lên địa vị chủ nhân không khỏi có người chưa quen gánh vác, chưa hiểu mình là người chủ gánh vác trách nhiệm, thiếu lòng tin”⁶.

Hơn nữa, “cho đến nay sự giáo dục của Đảng và Chính phủ còn nhiều thiếu sót”⁷, chưa khắc phục được triệt để “thái độ làm thuê, thiếu tinh thần làm chủ”⁸; “chưa bỏ hết những thói xấu tự tư tự lợi, kiêu ngạo, xa hoa...”; “Vì những lẽ đó mà cán bộ còn mắc khuyết điểm”⁹.

Do một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân thiếu tinh thần tự giác, rèn luyện, tu dưỡng, cố gắng vươn lên nâng cao đạo đức cách mạng cho bản thân. Về vấn đề này Người viết: “còn có một số ít cán bộ, đảng viên mà đạo đức, phẩm chất còn thấp kém”¹⁰, do “họ không có tinh thần cố gắng vươn lên, không chịu học tập để tiến bộ”¹¹, “họ không có dũng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.5, tr.509.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.5, tr.255.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.9, tr.292.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.9, tr.283.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.7, tr. 83.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.7, tr.84.

7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.7, tr.469.

8. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.11, tr.363.

9. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.7, tr.84.

10. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.12, tr.438.

11. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.12, tr.439.

khí cách mạng, ít lo nghĩ về trách nhiệm của mình, không quyết tâm vươn lên phía trước”¹, “không cố gắng tiến bộ”², “ngại công việc khó, không chịu học tập”; “quên tác phong gian khổ phấn đấu”³.

Hậu quả là “dần dần tinh thần đấu tranh và tính tích cực của họ bị sút kém, chí khí anh dũng và phẩm chất tốt đẹp của người cách mạng cũng sút kém”, “dần dần họ mất cả tư cách và đạo đức người cách mạng, sa vào tham ô, hủ bại và biến thành người có tội với Đảng, với Chính phủ, với nhân dân”⁴.

Theo Hồ Chí Minh, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân ở mỗi con người và toàn xã hội là hết sức khó khăn, gian khổ, lâu dài và phức tạp vì “Chúng ta lại không thể trấn áp nó, mà phải cải tạo nó một cách rất cẩn thận, rất chịu khó, rất lâu dài”⁵; tỉ mỉ, kiên trì “phải tắm rửa lâu mới sạch”⁶.

Vì thế, Hồ Chí Minh cho rằng, “Để ngăn ngừa cái xấu ấy, Đảng ta từ trên đến dưới phải chú trọng giáo dục đạo đức cách mạng, tăng cường tinh thần cảnh giác, mở rộng tự phê bình và phê bình”⁷. “Muốn gột rửa sạch những vết tích xấu xa của xã hội cũ, muốn rèn luyện đạo đức cách mạng, thì chúng ta phải ra sức học tập, tu dưỡng, tự cải tạo để tiến bộ mãi”⁸.

Đối với Hồ Chí Minh, việc học tập một cách đúng đắn sẽ giúp mỗi người Việt Nam nâng cao hiểu biết về sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Đó là “sự nghiệp gian nan cực khổ, phải có lòng kiên quyết, có chí hy sinh”⁹ phải luôn luôn “vị công vô tư... giữ chủ nghĩa cho vững, hy sinh, ít lòng ham muốn vật chất”¹⁰.

Có hiểu rõ điều đó thì mỗi người khi tham gia vào sự nghiệp cao cả nhưng cũng đầy gian khổ, hy sinh này mới tự giác cống hiến, tự nguyện đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân trên lợi ích của bản thân, mới có ý thức thật sự đấu tranh chống thứ “giặc bên trong” cực kỳ nguy hiểm là chủ nghĩa cá nhân, góp phần hoàn thiện và nâng cao phẩm chất đạo đức của người cách mạng.

Muốn đẩy lùi và xóa bỏ chủ nghĩa cá nhân, mỗi cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân phải thường xuyên rèn luyện, trau dồi phẩm chất đạo đức. Đó chính là quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh trong quá trình chỉ đạo cuộc đấu tranh chống “thứ cỏ dại” này và xây dựng “những con người xã hội chủ nghĩa”, “con người... phải đi đến hoàn toàn không có chủ nghĩa cá nhân”¹¹. Theo Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng của mỗi người không tự nhiên mà có, nó là kết quả của quá trình “đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.11, tr.373.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.9, tr. 284.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.7, tr.287.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.7, tr.569.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.9, tr.287.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.5, tr.263.

7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.7, tr.569.

8. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.9, tr.284.

9. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.5, tr.254.

10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.1, tr. 16.

11. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.9, tr.448.

cổ. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”¹; “muốn rèn luyện đạo đức cách mạng thì chúng ta phải ra sức học tập, tư dưỡng tự cải tạo để tiến bộ mãi”². Người cho rằng, việc rèn luyện đạo đức cách mạng ở mỗi người phải được tiến hành một cách liên tục “ví như rửa mặt thì phải rửa hàng ngày”³. Đó là cách có hiệu quả nhất để nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Tiến hành tự phê bình và phê bình một cách thẳng thắn, trung thực và trên tinh thần đồng chí, theo Hồ Chí Minh đây là biện pháp vô cùng quan trọng và có ý nghĩa thiết thực để chống chủ nghĩa cá nhân, củng cố và phát triển đạo đức mới cho mỗi người Việt Nam. Phê bình là nêu ưu điểm và chỉ ra nhược điểm của đồng chí mình. Tự phê bình là nêu ưu điểm và nhược điểm của chính mình. Quá trình này phải đi đôi với nhau mới có tác dụng. Mục đích là làm cho mọi người học tập ưu điểm của nhau và giúp nhau sửa chữa khuyết điểm. Đó là vũ khí sắc bén để giúp cán bộ, đảng viên và nhân dân “sửa chữa khuyết điểm, phát triển ưu điểm, tiến bộ không ngừng”⁴. Hồ Chí Minh coi, có khuyết điểm mà không tự phê bình và phê bình đúng đắn thì “nhiều khuyết điểm nhỏ cộng lại thành khuyết điểm to, nó sẽ rất có hại cho công tác”⁵, hơn nữa nếu “không chịu tự phê bình, tự chỉ trích thì không bao giờ tấn tới được”⁶.

Cho nên người cách mạng chân chính không sợ phê bình, luôn luôn mong muốn đồng chí, đồng bào phê bình mình và bản thân thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình. Còn “*Chủ nghĩa cá nhân* không dám tự phê bình, không muốn người ta phê bình mình, không kiên quyết sửa chữa. Vì vậy mà thoái bộ, chứ không phải là tiến bộ”⁷. Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chứng minh ở nơi nào phê bình và tự phê bình lặng xuống thì ở đó chủ nghĩa cá nhân có điều kiện phát triển.

3. Kết luận

Từ hiện thực Việt Nam, hiểu biết sâu sắc con người Việt Nam và căn cứ vào nhiệm vụ cụ thể đặt ra trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng và phát triển con người của dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định: Đạo đức cách mạng, đạo đức xã hội chủ nghĩa là “gốc”, là nền tảng, là phẩm chất hàng đầu làm nên nhân cách toàn vẹn của con người trong chế độ mới. Còn tri thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học kỹ thuật - công nghệ, hay tài năng của con người chỉ được phát triển bền vững trên cơ sở, nền tảng đạo đức mới hiện đại đó. Việc phê phán kỹ lưỡng chủ nghĩa cá nhân và cải biến các khái niệm đạo đức Nho giáo cơ bản của Người theo quan điểm macxit chính là việc tạo lập nền tảng đạo đức mới, làm chỗ dựa cho Đảng ta xây dựng đội ngũ cán bộ có đức, có tài, đủ sức gánh vác các trọng trách to lớn mà dân tộc Việt Nam trao cho. Phương Đông đã tạo lập ra nhiều tượng đài mẫu mực về đạo đức từ Phật Thích ca đến Khổng Tử, cái vĩ đại của Người chính là khắc họa thêm một tượng đài mới về đạo đức trên cơ sở kế thừa và cải

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.9, tr.293.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.9, tr.284.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.9, tr.448.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.7, tr.575.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.7, tr.576.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.4, tr.26.

7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.9, tr.556.

biến, thâm thúy, tổng hợp những tinh hoa của các tư tưởng đạo đức Đông Tây tạo nên nền đạo đức mới- đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh, làm hình mẫu- điểm tựa, soi chiếu cho sự hoạt động của Đảng ta, như ý tưởng của Người về một chính đảng hoàn thiện: Đảng ta là đạo đức, là văn minh.

Những phân tích và phê phán quyết liệt chủ nghĩa cá nhân trên đây của Hồ Chí Minh vẫn mang tính thời sự và còn nguyên ý nghĩa trong việc xây dựng nền đạo đức mới ở nước ta, kể cả đạo đức cho đội ngũ đảng viên. Nếu như trước đây Hồ Chí Minh cảnh báo: “còn có một số ít cán bộ, đảng viên mà đạo đức, phẩm chất còn thấp kém”¹ thì hiện nay, Đảng ta đã chỉ đích danh: “Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, những tiêu cực và tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn, đẩy lùi mà còn tiếp tục diễn biến phức tạp, cùng với sự phân hóa giàu nghèo và sự yếu kém trong quản lý, điều hành của nhiều cấp, nhiều ngành làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, đe dọa sự ổn định, phát triển của đất nước”².

Đặc biệt *Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI* nhận định: “Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc...”³. Hơn thế nữa, tình trạng này “làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng; nếu không được sửa chữa sẽ là thách thức đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và sự tồn vong của chế độ”⁴. Do vậy, Trung ương Đảng yêu cầu phải “kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của đảng viên và của nhân dân đối với Đảng”⁵. *Văn kiện Đại hội XII* của Đảng một lần nữa chỉ rõ: “Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi; có mặt, có bộ phận còn diễn biến phức tạp hơn”⁶.

Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên xa rời lý tưởng cách mạng, làm mất lòng tin của nhân dân. Những hành vi tham nhũng, tư túng vì lợi ích cá nhân và phe nhóm, gia đình... diễn ra ở các bộ, ngành, tỉnh, huyện thậm chí lan đến cả cấp xã... đã và đang làm băng hoại hình ảnh người cán bộ, người đảng viên cộng sản. Vì thế, việc chống chủ nghĩa cá nhân theo

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.12, tr.438.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 173.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2012, tr. 21.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2012, tr. 22.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2012, tr. 26.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr. 185.

tinh thần đạo đức Hồ Chí Minh vẫn là cuộc đấu tranh *lâu dài, gian khổ đòi hỏi sự kiên trì và quyết liệt* của toàn Đảng, toàn dân ta, nhằm đạt đến ý nguyện cháy bỏng của Người, đào tạo ra những chiến sỹ cách mạng Việt Nam “kiên cường”, “những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa vừa hồng, vừa chuyên”, đủ khả năng, năng lực đưa đất nước vượt qua những thử thách hiểm nghèo, đảm bảo cho sự trường tồn và phát triển vững chắc của dân tộc Việt Nam.

Trước những diễn biến phức tạp về vấn đề lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm, lợi ích dòng họ... làm băng hoại đạo đức xã hội ta, làm mất niềm tin của nhân dân đối với một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên kể cả người có chức có quyền, việc rèn luyện học tập theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đã và đang được triển khai rộng khắp ở cả nước ta. Cốt tủy chống chủ nghĩa cá nhân trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh vẫn còn giữ nguyên tính thời sự, hơn thế còn có tính quyết định sự tồn vong của nhà nước ta và Đảng ta hiện nay.

Thiết nghĩ chống chủ nghĩa cá nhân là nội dung quan trọng, cốt lõi nhất trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh cần được quán triệt trong các bài giảng về chủ nghĩa Mác- Lênin và nhất là môn Tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm góp phần tạo ra những con người vừa hồng vừa chuyên đủ sức gánh vác trọng trách vinh quang trong giai đoạn mới của đất nước như Di chúc mà Hồ Chí Minh đã từng gửi gắm, tin tưởng và hi vọng¹ /.

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam: *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nhà in báo Nhân Dân, Hà Nội, 1989, tr. 48.

VẤN ĐỀ THANH NIÊN TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*ThS. Nguyễn Văn Mão**

Nội dung

Quy luật phát triển của lịch sử nhân loại cũng như của mỗi dân tộc theo một dòng chảy liên tục, thế hệ này nối tiếp thế hệ khác. Muốn duy trì và thúc đẩy xã hội tiến lên thì phải nhận thức đầy đủ quy luật đó, bởi vậy quan tâm đến sự nghiệp giáo dục, bồi dưỡng các thế hệ kế tiếp là một tất yếu. Tư tưởng chiến lược của Hồ Chí Minh xem thế hệ trẻ là nhân tố quan trọng quyết định vận mệnh và tương lai của đất nước.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành nhiều công sức đối với việc chăm lo bồi dưỡng các thế hệ kế tục sự nghiệp cách mạng. Với tấm lòng yêu thương quý mến, trí tuệ sâu sắc và kinh nghiệm phong phú, Người đã cùng với Đảng ta thường xuyên coi trọng và quan tâm giáo dục dìu dắt thế hệ trẻ Việt Nam, trực tiếp tổ chức công tác đào tạo, rèn luyện. Trước lúc đi xa, trong bản Di chúc, Người căn dặn toàn Đảng, toàn dân ta: “Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người kế thừa xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”¹.

Hồ Chí Minh chỉ ra vai trò của thanh niên trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới - xã hội chủ nghĩa: Do đó, để thức tỉnh một dân tộc phải bắt đầu từ việc thức tỉnh thanh niên, trong tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp” Người kêu gọi: “Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám thanh niên già cỗi của Người không sớm hồi sinh”² và khi đất nước giành độc lập, trong buổi khai trường đầu tiên, Người căn dặn các cháu thiếu nhi: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”³. Hồ Chí Minh là người rất yêu mến thanh niên vì đây là lớp người tiếp sức mạnh cho thế hệ thanh niên già; đồng thời là người dìu dắt thế hệ thanh niên tương lai, tức là các cháu nhi đồng; vì thanh niên là người xung phong trong công cuộc phát triển kinh tế và văn hoá, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội; vì thanh niên là lực lượng cơ bản trong bộ đội, công an và dân quân tự vệ đang hăng hái giữ gìn trật tự trị an, bảo vệ Tổ quốc. Để làm tròn nhiệm vụ vẻ vang của thanh niên thì “các cháu phải xung phong thực hành đời sống mới. Đời sống mới đó là: Hăng hái, kiên quyết, không sợ khó, không sợ khổ. Phải siêng học, phải siêng làm, phải thực hành

* *Viện Thông tin KHXH*

1. Ban Chấp hành Trung ương: *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Hà Nội, 1969, tr.13.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.2, tr. 133.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.5, tr. 33.

tiết kiệm”¹, vì “Thanh niên là chủ tương lai của nước nhà...nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do thanh niên”².

Để thế hệ trẻ thực sự là “người chủ tương lai của nước nhà” phải bồi dưỡng thế hệ trẻ toàn diện, có đạo đức và tài năng phải vừa “hồng” vừa “chuyên”, Người đòi hỏi thanh niên phải ra sức học tập chính trị, kỹ thuật, văn hoá, đạo đức, thẩm mỹ... muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có con người mới xã hội chủ nghĩa. Phải xây dựng các thế hệ thanh niên vừa kế thừa phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, vừa đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của sự nghiệp xây dựng đất nước. Giáo dục tư tưởng chính trị, thế giới quan khoa học, xây dựng tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội là một nội dung hết sức quan trọng. Đi liền với vấn đề đó là việc nâng cao trình độ kiến thức, năng lực, tiếp thu những tri thức khoa học tiên tiến và thực sự xung kích đi đầu trên mọi mặt trận. Để xây dựng các thế hệ thanh niên có phẩm chất yêu nước, thái độ sống trung thực, đức tính giản dị, thì việc kết hợp giữa giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa và đạo đức cách mạng với giáo dục thẩm mỹ của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là vấn đề không thể thiếu. Theo Hồ Chí Minh giáo dục thẩm mỹ cho thanh niên phải thực hiện được những yêu cầu như: khẳng định cái tốt, cái đẹp đồng thời vạch rõ cái xấu, cái lỗi thời lạc hậu. Giáo dục thẩm mỹ về bản chất là bồi dưỡng lòng khát khao đưa cái đẹp vào cuộc sống, tạo nên sự phát triển hài hoà giữa con người, xã hội và tự nhiên; nâng cao năng lực cảm thụ và sáng tạo ở con người; làm cho con người phát triển toàn diện trong mọi hoạt động lao động cũng như nghỉ ngơi, trong quan hệ gia đình cũng như xã hội. Đây cũng chính là mục tiêu giáo dục thế hệ trẻ của Đảng ta và của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bởi lẽ, trong giáo dục thế hệ trẻ đòi hỏi phải thực hiện cho được phương châm: “Lý luận phải gắn với thực tiễn; học đi đôi với hành, lao động trí óc phải kết hợp với lao động chân tay”, có như vậy con người mới phát triển hài hoà cả về đức, trí, thể, mỹ...

Hiện nay, trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có nhiều biến động phức tạp, các thế lực thù địch đang dùng mọi thủ đoạn nham hiểm và xảo quyệt chống phá cách mạng Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, tiềm ẩn lối sống thực dụng làm lung lạc lý tưởng cách mạng của thế hệ trẻ nước ta. Do đó, nghiên cứu và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng vừa “hồng” vừa “chuyên” cho thế hệ cách mạng đời sau là vấn đề vô cùng quan trọng, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc đối với công tác thanh niên. Để thanh niên thực sự là “rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”³. Đảng ta trong quá trình lãnh đạo cách mạng luôn đề cao vai trò, vị trí của thanh niên, xác định “Thanh niên là lực lượng xã hội to lớn, một trong những nhân tố quan trọng quyết định tương lai, vận mệnh dân tộc; là lực lượng chủ yếu trên nhiều lĩnh vực, đảm nhiệm những công việc đòi hỏi hy sinh, gian khổ, sức khoẻ và sáng tạo”⁴. Đồng thời, Đảng đã đề ra

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.4, tr.167.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.5, tr. 185.

3. *Văn kiện Hội nghị lần thứ Bảy*, BCH Trung ương khóa X, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 41.

4. *Văn kiện Hội nghị lần thứ Bảy*, BCH Trung ương khóa X, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 38.

nhiều chủ trương giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức thanh niên thành lực lượng hừng hậu, trung thành, kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

Thực tiễn lịch sử gần 90 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các thế hệ trẻ Việt Nam luôn xứng đáng với sự tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Họ là lực lượng xung kích trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Như Đảng ta đã đánh giá: Một trong những thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước hiện nay là: đã xây dựng được thế hệ thanh niên thời kỳ mới có đạo đức, nhân cách, tri thức, sức khoẻ, tư duy năng động và hành động sáng tạo; tiếp nối truyền thống hào hùng của Đảng và dân tộc, nêu cao lòng yêu nước, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; không ngại khó khăn, gian khổ, tình nguyện vì cộng đồng; có ý chí vươn lên trong học tập, lao động, lập thân, lập nghiệp, làm giàu chính đáng; mong muốn được tin tưởng, được cống hiến cho đất nước... Nhiều tấm gương sáng trong lao động, chiến đấu, học tập và công tác đã xuất hiện trong các phong trào thi đua lớn như: phong trào *“Thanh niên lập nghiệp”*; *“Tuổi trẻ giữ nước”*; phong trào *“Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới”*; phong trào *“Thanh niên tham gia xây dựng văn minh đô thị”*... và các phong trào của thanh niên quân đội: *“Thanh niên Quân đội thi đua rèn đức, luyện tài, xung kích, sáng tạo, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ”*; *“Thanh niên Quân đội vươn tới những đỉnh cao”*; *“Thanh niên Quân đội tiến quân vào khoa học và công nghệ”*; *“Thanh niên Quân đội với văn hóa giao thông”*,... đã thu hút hàng triệu thanh niên hăng hái tham gia, chủ động sáng tạo, cống hiến cho Tổ quốc và rèn luyện chính bản thân mình. Các phong trào thi đua được duy trì, phát triển sâu rộng, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của đơn vị. Chất lượng tổ chức Đoàn, cán bộ đoàn và đoàn viên, thanh niên tiếp tục được củng cố và nâng cao, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ; gắn công tác xây dựng Đoàn với xây dựng tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh, đơn vị vững mạnh toàn diện. Hoạt động giao lưu, kết nghĩa với tổ chức đoàn trên địa bàn đóng quân luôn được giữ vững và phát huy. Công tác đối ngoại được triển khai chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy định, v.v. Tất cả những hoạt động đó đã bảo đảm cho công tác thanh niên trong Quân đội thực sự là trường học lớn để thanh niên phấn đấu, rèn luyện và trưởng thành.

Tuy nhiên, trong thực tiễn “công tác thanh niên vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Một số cấp uỷ, chính quyền, cán bộ, đảng viên chưa quán triệt đầy đủ, sâu sắc các quan điểm của Đảng về công tác thanh niên; chưa cụ thể hoá các quan điểm, giải pháp của Nghị quyết phù hợp với thực tế địa phương, đơn vị; chưa quan tâm thường xuyên, đúng mức đến công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết. Công tác thông tin, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và định hướng dư luận xã hội cho thanh niên chưa đáp ứng yêu cầu. Chính sách về thanh niên và công tác thanh niên thiếu đồng bộ và chậm đi vào cuộc sống. Vai trò của tổ chức đoàn ở một số nơi, nhất là trên địa bàn dân cư, còn hạn chế. Công tác tập hợp, đoàn kết thanh niên khu vực kinh tế ngoài nhà nước, trong các khu công nghiệp, đối với thanh niên Việt Nam ở nước ngoài chưa đạt yêu cầu. Chất lượng nguồn nhân lực trẻ chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Một bộ phận thanh niên có biểu hiện sa sút về lý luận, đạo đức, lối sống, mắc tệ nạn

xã hội, vi phạm pháp luật...¹. Trước tình hình đó, Đảng ta chỉ rõ: “Chăm lo, bồi dưỡng, giáo dục thanh niên thành lớp người vừa hồng vừa chuyên theo tư tưởng Hồ Chí Minh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng”.

Để chăm lo, bồi dưỡng, giáo dục thanh niên thành lớp người “vừa hồng, vừa chuyên” theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta xác định: “Đổi mới nội dung, phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng, lý tưởng, truyền thống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, xây dựng đạo đức, lối sống lành mạnh, ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật cho thế hệ trẻ”². Quan tâm đến việc xây dựng môi trường thuận lợi để thanh niên phát triển nhân cách toàn diện và cống hiến được nhiều nhất cho xã hội; quan tâm, chăm lo đến nhu cầu, lợi ích chính đáng của thanh niên... Chăm lo toàn diện cả học tập, rèn luyện, cả việc làm, nhu cầu vui chơi giải trí và cả nhu cầu về vật chất lẫn nhu cầu về tinh thần cho thanh niên, tạo điều kiện cho thanh niên phát triển toàn diện, xứng đáng với vai trò là chủ nhân của đất nước trong tương lai./.

1. Bộ Chính trị: Kết luận số 80/KL-TW về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 25 – NQ/TW của BCH TW Đảng Khóa X về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH”, 2013.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr. 162.

TÌNH YÊU THƯƠNG CON NGƯỜI TRONG DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH VÀ Ý NGHĨA ĐỐI VỚI XÂY DỰNG NGƯỜI GIẢNG VIÊN HIỆN NAY

*TS. Đào Văn Minh**

Hồ Chí Minh trước lúc đi xa đã để lại Di chúc cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Trong đó, “Tình yêu thương con người” được Người đề cập đến như một vấn đề cơ bản, quan trọng, xuyên suốt trong Di chúc. Trải qua 50 năm với biết bao sự biến đổi trong nước và quốc tế, song những chỉ dẫn của Người trong Di chúc vẫn còn nguyên giá trị và có ý nghĩa rất lớn trong xây dựng người giảng viên hiện nay.

Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh đã để lại cho Đảng, nhân dân và dân tộc ta hệ thống di sản tư tưởng vô cùng phong phú và quý giá. Hệ thống di sản tư tưởng đó không chỉ được phản ánh trong các tác phẩm, bài nói, bài viết, mà còn được thể hiện trong hoạt động thực tiễn sôi nổi và hết sức phong phú của Người. Đặc biệt trước lúc đi xa, Người đã để lại bản Di chúc lịch sử thấm đượm và kết tinh trong đó tư tưởng, đạo đức, phong cách. Sự ra đời của bản Di chúc là sự nghiền ngẫm bốn năm, chắt lọc tình cảm, suy nghĩ của cả cuộc đời. Di chúc đã để lại những điều căn dặn của Người về Đảng cầm quyền và sự lãnh đạo của Đảng; về chăm lo đối với con người và thế hệ trẻ; về quản lý xã hội, chính sách xã hội, an sinh xã hội sau khi kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta giành thắng lợi. Đồng thời, bản Di chúc của Người cũng là sự tổng kết lý luận và thực tiễn về sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc ta; là lý luận đổi mới về tương lai phát triển của đất nước sau này.

Trong Di chúc của Hồ Chí Minh chứa đựng nhiều nội dung tư tưởng sâu sắc. Một trong những nội dung cơ bản quan trọng xuyên suốt là “Tình yêu thương con người” thể hiện: Đối với Đảng, “Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”¹. Đối với Đoàn viên và thanh niên, “Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”². Đối với nhân dân lao động, “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hoá, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”³.

Đặc biệt khi phân tích xu thế phát triển thời đại, bản chất dã tâm xâm lược của Đế quốc Mỹ, Hồ Chí Minh đã tiên liệu thiên tài về thắng lợi của nhân dân ta đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Người viết: “Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm

**Học viện Lục quân*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 622.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.15, tr.622.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.15, tr.622.

đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn... Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”¹. Khi viết về việc riêng: “Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức điều phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân”². Người còn viết: “Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng. Tôi cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn và các cháu thanh niên, nhi đồng quốc tế”³... Như vậy, tư tưởng về “Tình yêu thương con người” là một nội dung quan trọng cơ bản xuyên suốt trong toàn bộ bản Di chúc của Hồ Chí Minh. Đây là, “Tình yêu thương con người” bao la, rộng lớn của một Người lãnh tụ cách mạng suốt đời phấn đấu hy sinh vì dân, vì nước với mục tiêu giải phóng dân tộc, giai cấp, xã hội và giải phóng con người một cách toàn diện. Tình yêu thương con người của Hồ Chí Minh được biểu hiện trên các phương diện cơ bản sau:

Một là, sống với tình người. Đây là lòng nhân ái bao la, luôn thương yêu, tôn trọng và tin cậy con người của Hồ Chí Minh. Nói về Hồ Chí Minh trước hết là nói về con người của lòng nhân ái. Lòng nhân ái của Người sâu thẳm như biển cả nhưng đồng thời cũng rất rộng lớn, thiết thực. Mục đích cao nhất của cuộc đời Người làm sao cho mọi người đều có cơm ăn, áo mặc và ai cũng được học hành. Trong giữa lúc mùa đông rét mướt, Người đã từng cởi chiếc áo của mình cho một tù binh. Người không thích gọi một trận đánh tiêu diệt nhiều địch là một trận đánh đẹp. Người thích cái đẹp, cái nghĩa ở đời là tình người “thương yêu lẫn nhau”.

Trước khi đi vào cõi vĩnh hằng, Người còn dặn lại “Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”. Phải chăng Người muốn nhắn nhủ mỗi người chúng ta rằng “tình yêu thương lẫn nhau là điều quan trọng hàng đầu để bảo đảm đoàn kết và bao trùm lên tất cả trong các quan hệ giữa người và người. Nếu không xuất phát từ tình yêu thương lẫn nhau sẽ không còn điều gì có ý nghĩa cả. Trong cuộc sống hằng ngày, chính Người đã lấy tình thương của mình để chở che, nâng đỡ mọi người và vì lẽ đó Người là một người đầy lòng nhân ái cao cả và đẹp lạ thường. Chính tình yêu bao la của Người đã tạo nên một huyền thoại thẩm mỹ về lòng nhân ái Hồ Chí Minh, đó là lòng yêu trẻ, kính già, tôn trọng phụ nữ, thương yêu mọi người, nhất là nhân dân lao động.

Hai là, sống với lòng trung thành. Hồ Chí Minh đã dành trọn cuộc đời mình để phấn đấu cho hai chữ “hiếu trung”. Người sinh ra trong hoàn cảnh đất nước bị Thực dân đô hộ, nhân dân sống trong cuộc đời bần cùng của kiếp người mất độc lập tự do. Người đã hy sinh cả tuổi thanh xuân của mình để tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc. Người đã nói: “Độc lập cho Tổ quốc tôi, tự do cho đồng bào tôi, đó là tất cả những gì tôi muốn”. Cả cuộc đời của Người là “trung với nước, hiếu với dân”, đó cũng là chân ngôn Người nêu cho mình cho cán bộ của Đảng và Nhà nước. Chân ngôn đó thể hiện lòng hiếu trung của Người đối với Đảng, với non sông đất nước và đồng bào.

Kể từ khi đi tìm con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc, với mục tiêu, lý tưởng đã xác định, Người tuyệt đối trung thành và phụng sự. Người khẳng định: “Bây giờ học thuyết

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.623.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.623.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.624.

nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin”. Nhờ lòng trung thành của Người với mục tiêu, lý tưởng đã xác định, đất nước, nhân dân lại trung thành theo lý tưởng của Người, nên đã vượt qua mọi biến động khắc nghiệt của thời cuộc. Nhân loại đã ca ngợi lòng trung thành của chúng ta: “Sự vững vàng của nhân dân Việt Nam trong bối cảnh quốc tế hiện nay là may mắn có Bác Hồ và Đảng của Bác Hồ”.

Ba là, sống khiêm tốn, giản dị. Có nhiều người nước ngoài khi nghiên cứu về Hồ Chí Minh cho rằng, đức tính khiêm tốn, giản dị đã trở thành tác phong của toàn Đảng, tác phong ấy đã góp phần xứng đáng vào việc xây dựng Đảng ta là “Đảng đạo đức, là Đảng văn minh”. Đối với Hồ Chí Minh không bao giờ lo lắng cho việc riêng của mình, càng không muốn ai lo lắng cho mình. Mặc dù Người có quyền để cho mọi người lo lắng và mọi người đều cần phải dành cho Người sự lo lắng. Bởi lẽ, Người đứng đầu của một Đảng, một dân tộc, một đất nước. Trái lại đối với cái riêng, Người gác lại để đêm ngày lo lắng đến quyền lợi tối cao của dân, của đất nước, đến lợi ích hằng ngày của nhân dân. Người nhắc nhở chúng ta “Hễ còn một người Việt Nam bị bóc lột, bị nghèo nàn thì Đảng vẫn đau thương cho đó vì mình chưa làm tròn nhiệm vụ”. Cho đến khi là lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc, lãnh tụ của Đảng, của đất nước, nhưng lúc nào Người cũng là người khiêm tốn, giản dị và đôn hậu, cho nên khi có nhà sử học đến xin viết tiểu sử của Người, thì Người trả lời: “Trước hết hãy viết lịch sử của nhân dân Việt Nam. Khi viết xong tôi sẽ viết tiểu sử của tôi”. Có lần hợp tác xã Ngũ Xá (Hà Nội) chủ trương đúc một bức tượng Người bằng đồng, Người đã chỉ thị rằng: Trong lúc đồng khan hiếm không được làm như vậy. Đem số tiền định đúc tượng Bác xây thêm cho các cháu một phòng học. Biết bao anh hùng liệt sỹ sao không đúc tượng mà lại đúc tượng Bác.

Có lần nhà điều khắc nước ngoài đến Việt Nam với ý định sẽ đúc một bức tượng về Hồ Chí Minh, kết quả là “Một điều làm tôi suy nghĩ là đi nhiều địa phương ở Việt Nam, tôi thấy hầu như không có một bức tượng nào về Hồ Chủ tịch, khi tôi thổ lộ những suy nghĩ của mình với các bạn đồng nghiệp Việt Nam, các bạn ấy nói: Hồ Chủ tịch là người rất khiêm tốn. Người không muốn ai ca ngợi, càng không muốn ai vẽ tranh, đúc tượng mình cả. Trong số anh chị em nghệ sĩ Việt Nam chưa có một ai điễm phúc nặn tượng Người... Thấy Người ngày một già, các nghệ sỹ nặn tượng thiết tha muốn gặp Người, thì Người cho gặp, nhưng không cho làm tượng; Người nói: “Không có nhân dân thì không có Bác, các chú hãy nặn tượng đồng bào, chiến sỹ, nặn tượng thanh niên, thiếu niên anh hùng”. Có lúc ngành văn hóa đến xin phép dựng nhà lưu niệm về Người ở Nam Liên (Nghệ An), ở Pác Bó (Cao Bằng). Người nói: “Các chú thương Bác thì nên lo lấy cái ở, cái ăn, cái mặc của bà con ở đấy. Dựng nhà lưu niệm tốt làm gì, nếu bà con ta ở vùng này ăn chưa no, mặc chưa ấm, ở chưa sạch. Phải tổ chức nhà giữ trẻ cho tốt, phải xây dựng trường học, bệnh xá cho tốt. Phải chăm lo cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho bà con xã viên. Đó là cách lưu niệm tốt nhất”.

Cứ đến ngày 19 tháng 5 hằng năm, Người không ở nhà với lý do đơn giản là ở nhà sẽ có nhiều người đến chúc thọ, nên thường đi công tác xa. Nhân dịp sinh nhật lần thứ 75 của Người (19/5/1965), Người đi thăm Trung Quốc. Hôm ở nhà nghỉ Bắc Kinh, bạn biết ngày sinh của Người nên có chuẩn bị lễ chúc thọ, Bác Hồ nghiêm túc nói: “Tôi sang đây vào dịp này là để tránh việc chúc thọ trong nước. Vì vậy, tôi yêu cầu các đồng chí không tổ chức

chúc thọ”. Sự khước từ chúc thọ của mọi người là biểu hiện sự khiêm tốn, giản dị thể hiện cái đẹp kỳ diệu trong con người Hồ Chí Minh. Điều đó như Người đã khiêm tốn bày tỏ: “Tôi chưa xứng đáng với sự săn sóc của đồng bào... Từ trước đến nay tôi đã là người của đồng bào, thì từ nay về sau tôi vẫn thuộc về đồng bào... Hôm nay đồng bào cho tôi nhiều hoa bánh. Những thứ đó đáng giá cả. Nhưng xin đồng bào nghĩ đến các đồng bào nghèo khó, hơn là hao phí cho tôi”. Người còn nói: “Trong lúc toàn dân ta đang kháng chiến gian khổ, mọi công việc hết sức khẩn trương mà lại đi tổ chức chúc thọ một cá nhân như thế này là không nên”. Thời nào cũng vậy, xã hội nào cũng thế, sống khiêm tốn, giản dị là đạo lý đẹp nhất, cao cả nhất để người đời kính trọng nhất. Chính Hồ Chí Minh là mẫu người tiêu biểu của khiêm tốn, giản dị vì thế người đời mãi mãi nhắc tới Người.

Bốn là, lời nói đi đôi với việc làm. Theo Hồ Chí Minh lời nói thể hiện lương tâm, bản lĩnh, lý trí và tình cảm ở trong mỗi con người. Người khuyên cán bộ phải “cần, kiệm, liêm, chính” và chính Người đã sống giản dị, thanh bạch. Người khước từ ở ngôi nhà sang trọng thuộc thời Toàn quyền Đông Dương, mà chỉ ở ngôi nhà của người công nhân phục vụ toàn quyền đó. Người đã khước từ cuộc sống sang trọng quyền quý mà Đảng, nhân dân dành cho Người, chỉ nhận một ngôi nhà sàn đúng như điều Người muốn. Khi đôi dép lốp của Người dùng đã mòn vẹt để quai hay bị tuột, những người giúp việc Người có ý định thay đôi dép lốp mới, thì Người bảo: Lấy miếng cao khác vá vào gót, đóng những chiếc đinh nhỏ giữ cho quai khỏi tuột thế là thay dép mới cho Bác rồi. Một khi, bộ quần áo ka ki Người dùng đã cũ, đề nghị thay bộ khác, Người nói: Nhiều đồng bào ta nếu được bộ quần áo như thế này cũng là tốt lắm, thế thì việc gì tôi phải thay. Người đề xuất toàn dân tiết kiệm gạo để giúp đồng bào bị đói thì Người thực hiện nhịn ăn trước. Khi kinh tế khó khăn, đời sống nhân dân còn khổ, mọi người ăn độn, Người cũng bảo cán bộ, nhân dân ăn độn bao nhiêu phần trăm, độn cho Bác từng ấy. Đạo lý này, lẽ sống này là một tấm gương soi sáng cho ta trong việc thực hiện mục tiêu của Đảng đề ra “xóa đói, giảm nghèo”... Những việc Người đã làm đã nói, thật sự là một tấm gương để soi sáng cho đời. Các nội dung trên có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong một chỉnh thể thống nhất thể hiện tình yêu thương con người trong Di chúc Hồ Chí Minh.

Người giảng viên có nhiệm vụ cao cả là “dạy chữ” và “dạy người”. Trong quá trình giảng dạy ngoài việc truyền thụ kiến thức cho người học, người giảng viên còn trang bị chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, kiến thức khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức quân sự quốc phòng, chuyên môn nghiệp vụ và các kiến thức nội dung bổ trợ khác. Qua đó, giúp người học hình thành thế giới quan khoa học, phương pháp luận mác xít, bồi dưỡng tư duy, năng lực thực hành, phẩm chất đạo đức, lối sống, phương pháp, tác phong công tác theo mục tiêu yêu cầu đào tạo. Đồng thời họ cũng là lực lượng tiên phong đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận, góp phần làm thất bại chiến lược “Diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc trận địa tư tưởng của Đảng. Vì vậy, nghiên cứu và thực hiện Di chúc của Hồ Chí Minh sẽ có ý nghĩa rất lớn trong xây dựng người giảng viên hiện nay. Cần tập trung vào một số vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, xây dựng người giảng viên sống với tình người. Nhà triết học cổ điển Đức, Hêghen đã từng nói: “Tình thương là sự đánh mất cái tôi của mình vì một cái tôi khác, nhưng trong sự đánh mất đó lần đầu tiên ta tìm thấy bản thân mình”. Người Việt Nam có

câu: “Thương người như thể thương thân”, đó là đạo lý, là lẽ sống của dân tộc được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Hồ Chí Minh đã đúc kết truyền thống của dân tộc đó là “nhân dân ta từ lâu sống với nhau có tình có nghĩa. Từ khi có Đảng lãnh đạo, giáo dục tình nghĩa ấy càng cao đẹp hơn, trở thành đồng bào, đồng chí, tình nghĩa năm châu bốn biển một nhà”. Bản chất tộc loại của con người là con người cần đến con người, gắn bó với nhau, nương nhờ vào nhau cùng phát triển. Tình yêu thương giữa con người với con người bắt nguồn từ chiều sâu lịch sử của nhân loại và trở thành giá trị của lòng nhân ái mang tính người. Người giảng viên sống với nhau phải có tình đồng nghiệp và yêu thương lẫn nhau. Đây cũng là điều kiện quan trọng hàng đầu để bảo đảm cho sự đoàn kết thống nhất trong một tập thể tổ chức của người giảng viên. Vì vậy, giảng viên phải sống có tình yêu thương lẫn nhau sẽ giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau để hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao. Nên người giảng viên cần lấy tình thương yêu của mình để giúp đỡ mọi người bằng những nghĩa cử cao đẹp, thiết thực trong cuộc sống thường ngày.

Thứ hai, xây dựng người giảng viên sống với lòng trung thành. Đó là lòng trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, mục tiêu, lý tưởng của Đảng, Tổ quốc, giai cấp, dân tộc. Đối với lòng trung thành có thể hiểu là “hiếu”, mà hiếu thời xưa là hiếu với cha mẹ mình, hiếu của thời nay còn là hiếu với Tổ quốc, với nhân dân. Người giảng viên lòng trung thành là thể hiện thái độ, bản chất của họ đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo của Đảng, dân tộc, đất nước. Một khi người giảng viên có lòng trung thành mới trung thành với mục tiêu, lý tưởng, quan điểm, đường lối của Đảng, biết đặt lợi ích của tập thể tổ chức lên trên hết, trước hết, tất cả vì học viên thân yêu.

Thứ ba, xây dựng người giảng viên sống khiêm tốn, giản dị. Theo Hồ Chí Minh đức tính khiêm tốn, giản dị là chân lý của cuộc sống. Nên cán bộ, đảng viên, mọi người trong xã hội đừng bao giờ xa rời chân lý đó. Người giảng viên cũng phải học bốn đức tính “cần, kiệm, liêm, chính”; đây là sức mạnh của chân lý con người và đạo lý làm người mà Người đã xây dựng nên. Đức tính khiêm tốn, giản dị là đức tính cao quý của người giảng viên. Sự hình thành hoàn thiện và phát triển đức tính khiêm tốn, giản dị cùng với quá trình rèn luyện, phấn đấu và trưởng thành của người giảng viên; gắn với quá trình xây dựng đội ngũ giảng viên trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Thứ tư, xây dựng người giảng viên lời nói đi đôi với việc làm. Bởi vì, lời nói là thể hiện lương tâm, bản lĩnh, lý trí và tình cảm ở trong người cán bộ giảng viên. Trong kinh thánh có nói, “Khởi thủy là lời nói”. Đại thi hào Gớt đã viết, “Khởi thủy là hành động”. Hồ Chí Minh, lời nói đi đôi với hành động, lý luận đi đôi với thực tiễn, nói là để mà làm, làm phải đúng như điều đã nghĩ, đã nói. Sự thống nhất giữa lời nói và việc làm là nguyên tắc đạo đức của người giảng viên. Sẽ thể hiện ở tấm gương đạo đức của người giảng viên về những lời mà đã nghĩ, đã nói, đã làm về đạo đức. Sức lan tỏa thuyết phục mạnh mẽ trong tấm gương đạo đức của người giảng viên là dù việc lớn hay việc nhỏ cũng là lời nói đi đôi với việc làm. Các vấn đề trên có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong một chỉnh thể thống nhất, nên quá trình thực hiện phải tiến hành đồng thời thì xây dựng người giảng viên hiện nay mới đạt hiệu quả cao.

Hồ Chí Minh suốt đời hy sinh phấn đấu cống hiến cho dân tộc, cho nhân dân “Tôi hiến cả đời tôi cho dân tộc tôi”. Đối với Người, tư tưởng luôn gắn liền với đạo đức, tư tưởng

đạo đức trở thành hành động đạo đức, thể hiện một cách cảm động qua hành vi, lối sống và trở thành phong cách nổi bật của Người. Phong cách Hồ Chí Minh bao gồm một chỉnh thể thống nhất, từ phong cách tư duy, phong cách diễn đạt, phong cách làm việc, phong cách ứng xử, phong cách sinh hoạt. Những đặc trưng phong cách đó, được phản ánh cô đọng, sâu sắc trong Di chúc của Người. Với 50 năm trôi qua kể từ ngày Hồ Chí Minh đặt bút viết những dòng cuối cùng trong bản Di chúc, thời gian không ngừng trôi với biết bao sự biến đổi và phát triển của đất nước, dân tộc và quốc tế, song những chỉ dẫn của Người trong Di chúc vẫn còn nguyên giá trị. Di chúc còn hàm chứa tư tưởng đổi mới và hội nhập sâu sắc, không những chỉ ra việc cấp bách, trước mắt phải làm, mà còn lo toan trù tính chiến lược trong tương lai, xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn. Đó chính là mục tiêu sâu xa cũng là động lực căn bản của chủ nghĩa xã hội, chăm lo cuộc sống của nhân dân, lấy con người làm mục tiêu và động lực phát triển xã hội. Đồng thời, Di chúc còn có ý nghĩa rất lớn trong xây dựng người giảng viên hiện nay./.

TIẾP TỤC XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

*ThS. Nguyễn Hoàng Minh**

Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu đã từ biệt chúng ta 50 năm (1969 - 2019) nhưng lý luận cách mạng của Người sẽ mãi mãi là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và nhân dân ta, dẫn dắt cách mạng nước ta đi đến mọi thắng lợi.

Trong bối cảnh toàn Đảng, toàn dân tộc đang ra sức thực hiện công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thì việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa theo chỉ dẫn của bản Di chúc lịch sử mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho chúng ta càng có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn, giúp chúng ta có định hướng chuẩn xác để tiếp tục phát huy nhân tố con người Việt Nam trong những điều kiện mới. Do đó, tìm hiểu, vận dụng đúng đắn những chỉ dẫn của Người trong thực tiễn xây dựng con người Việt Nam để tiếp tục đưa đất nước đi lên vẫn là vấn đề mang tính thời sự vô cùng nóng hổi trong giai đoạn hiện nay.

Nói về tầm vóc to lớn của Hồ Chí Minh và tư tưởng của Người, trong tác phẩm “Hồ Chí Minh một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp”, Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng, đã viết: “*Chủ tịch Hồ Chí Minh cao mà không xa, mới mà không lạ, to lớn mà không làm ra vĩ đại, sáng chói mà không gây choáng ngợp, gặp lần đầu mà như thân thuộc từ lâu*”¹ và cố Đại tướng Võ Nguyên Giáp người học trò yêu dấu của Người cũng từng khẳng định: “*Thế giới đã và sẽ còn đổi thay, nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn sống mãi trong kho tàng văn hoá của nhân loại*”². Thật vậy, đọc lại bản Di chúc mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại, chúng ta thấy rằng đây chính là sự tổng kết lịch sử mà Người đã đúc kết thành những bài học vô giá, có giá trị định hướng cho các chặng đường tiếp theo của cách mạng Việt Nam. Trong Di chúc, nội dung độc đáo nhất của Người có lẽ là tư tưởng xây dựng con người Việt Nam trong thời đại mới với tính nhân đạo, nhân văn sâu sắc.

Thống nhất với các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác về vai trò của quần chúng nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử, trong Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hết sức chú trọng đến việc xây dựng con người mới cho đất nước ta trong tương lai. Theo Người, lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng đều xuất phát từ con người, do con người và vì con người. Cho nên, Người căn dặn điểm xuất phát tất cả mọi công việc của cách mạng chính là con

**Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh*

1. Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1990, tr. 17.

2. Võ Nguyên Giáp: “Thế giới sẽ đổi thay nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn sống mãi”, *Tạp chí Triết học*, số 1, tháng 3, năm 1991, tr.3.

người. Người viết: “*Đầu tiên là công việc đối với con người*”¹. Người gạch dưới hai chữ “con người” bằng mực đỏ ở bản Di chúc viết tay (tháng 5 năm 1968) để thu hút mọi người hết sức lưu tâm. Hơn thế, theo Người để xây dựng một chế độ xã hội mới hơn hẳn các chế độ xã hội trước đó, cần có những con người có tư tưởng tiến bộ, Người nhận thấy đây là công việc cực kỳ khó khăn, gian khổ hơn hẳn cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Theo Người, đây là cuộc chiến khổng lồ bởi lẽ: nước ta xuất phát từ một nền kinh tế nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề; phải xây dựng mới từ lực lượng sản xuất đến quan hệ sản xuất, từ cơ sở hạ tầng đến kiến trúc thượng tầng... và điều khó nhất chính là xây dựng những con người mới của chủ nghĩa xã hội. Người xác định: “*Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải có con người xã hội chủ nghĩa và có tư tưởng xã hội chủ nghĩa*”².

Suốt đời vì lý tưởng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, đi từ tình yêu quê hương đất nước đến với tình yêu thương nhân loại, Hồ Chí Minh dành trọn tình yêu thương bao la đối với tất cả mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội, khi giải thích về mối quan hệ “*đối với người*”, từ năm 1949 Chủ tịch Hồ Chí Minh từng lý giải: “*Chữ người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước, rộng nữa là cả loài người. Trừ bọn việt gian bán nước, trừ bọn phát xít thực dân là những ác quỷ mà ta phải kiên quyết đánh đổ, đối với tất cả những người khác thì ta phải yêu quý, kính trọng, giúp đỡ*”³. Trong Di chúc, Người đã căn dặn Đảng, nhà nước phải có những chính sách cụ thể, phù hợp đối với từng đối tượng và các tầng lớp nhân dân mà đặc biệt là chính sách đối với các gia đình có nhiều công hiến cho Tổ quốc. Do đó, phải tạo điều kiện để cho các tầng lớp thanh niên, phụ nữ, thương binh, bệnh binh có một cuộc sống tốt đẹp hơn sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc thắng lợi. Tình thương bao la của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ với các anh hùng, liệt sĩ, cán bộ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong, đối với cha mẹ, vợ con của thương binh, những gia đình có công với cách mạng, mà ngay cả đối với các nạn nhân chiến tranh, đối với những người lầm đường lạc lối... cũng phải tìm cách phát huy những ưu điểm và hạn chế những nhược điểm của họ. Người chỉ dẫn: “*Đối với những nạn nhân của chế độ xã hội cũ... thì nhà nước phải vừa giáo dục, vừa dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện*”⁴. Rõ ràng tư tưởng xây dựng con người trong bản Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh mang đậm chủ nghĩa nhân đạo, nhân văn sâu sắc. Sự yêu thương con người đó không phải là sự ban ơn, ban phát tình cảm mà chính là tình yêu thương đồng chí, đồng bào và cả nhân loại một cách chân thành nhất với niềm mong muốn giúp đỡ mọi người làm cho cái xấu sẽ mất đi và cái tốt đẹp được thay thế ngày càng nảy nở như hoa mùa xuân.

Nét độc đáo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về tình yêu của người đối với nhân dân chính là sự tin tưởng tuyệt đối vào sức mạnh của nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, nhân dân là một lực lượng to lớn có sức mạnh vô địch, nếu Đảng biết phát huy thì cách mạng nước ta sẽ nhất định chiến thắng mọi thói hư tật xấu, những thói quen lạc hậu trong xã hội cũ để xây dựng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.12, tr.509.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.10, tr. 129.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.5, tr.644.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.12, tr.510.

một xã hội văn minh tiên bộ. Cho nên, với Chủ tịch Hồ Chí Minh trong mọi công việc cán bộ, đảng viên của Đảng phải biết lấy dân làm gốc “*Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân, ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, thì dân mới yêu ta, kính ta*”¹.

Đối với từng cán bộ, đảng viên và các tổ chức Đảng, tháng 5/1968 khi soạn lại Di chúc Người cũng nhắc nhở việc xây dựng phẩm chất đạo đức cách mạng cho từng đảng viên của Đảng, để Đảng thực sự xứng đáng vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân. Người liên tục sử dụng cụm từ “đoàn kết” trong Đảng, theo Người “*Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta, hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác*”². Do đó, đoàn kết không chỉ là truyền thống văn hóa của dân tộc mà còn là đạo đức và là nhân tố cơ bản nhất tạo nên sự đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng. Với mong muốn xây dựng Đảng ta trở thành Đảng cách mạng chân chính, một Đảng mà ngoài lợi ích của đất nước, của dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam do Người sáng lập không còn lợi ích nào khác. Cho nên, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu những cán bộ của đảng phải thật sự trong sáng, gương mẫu suốt đời luôn trung thành với mục tiêu, lý tưởng biết đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân lên trên hết và trước hết. Người yêu cầu những đảng viên của Đảng phải là những con người có những phẩm chất cao quý: nhân, nghĩa, trí, tin, dũng, liêm. Trong Di chúc, Người căn dặn: “*Mỗi đảng viên và cán bộ, phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng... phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân*”³. Phải nói rằng đây là, đòi hỏi hết sức cần thiết đối với cán bộ của Đảng không chỉ trong đấu tranh giải phóng dân tộc mà cũng là những phẩm chất cần thiết nhất của mỗi cán bộ, đảng viên trong sự nghiệp xây dựng đất nước ta ngày hôm nay. Thực tiễn cho thấy, trong quá trình lãnh đạo cách mạng khi nào Đảng xây dựng được đội ngũ cán bộ thật sự trung với nước hiếu với dân vừa hồng, vừa chuyên thì hiệu quả công việc của Đảng sẽ luôn đạt được những kết quả tốt đẹp, còn khi nào đội ngũ cán bộ của Đảng kém cỏi về đạo đức và chuyên môn thì sự nghiệp cách mạng sẽ gặp phải muôn vàn khó khăn thậm chí đổ vỡ, thất bại. Do đó, trong Di chúc Người căn dặn vấn đề xây dựng con người mới cho đất nước phải thật sự trở thành “chiến lược trồng người” Người viết: “*Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng”, vừa “chuyên”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết*”⁴. Đây chính là sự tổng kết lý luận mà Hồ Chí Minh rút ra từ lịch sử nhân loại, dân tộc; từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh niên của Người qua các thời kỳ cách mạng, để tiếp tục định hướng việc giáo dục rèn luyện và phát huy mọi tiềm năng to lớn của thanh niên trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 64-65.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.12, tr.503.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.12, tr.504.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.12, tr.504.

Riêng đối với phụ nữ, Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng thể hiện sự quan tâm hết sức sâu sắc. Có thể nói rằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là một trong những người Việt Nam đầu tiên đề cập nhiều đến vấn đề giải phóng phụ nữ và bình đẳng giới. Trân trọng phụ nữ, đánh giá chuẩn xác về vị trí, vai trò của phụ nữ trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam, Người chỉ rõ: *“Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, phụ nữ đảm đang ta đã góp phần xứng đáng trong chiến đấu và trong sản xuất. Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo. Bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên. Đó là một công cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ”*¹.

Cả cuộc đời vì độc lập dân tộc vì hạnh phúc của nhân dân Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến xây dựng con người, vì con người, nhưng Người lại đề cập về cái riêng mình quá ít. Nhà thơ Chế Lan Viên trong bài thơ “Người đi tìm hình của nước” đã viết về tấm lòng của Người với đất nước:

Đêm mơ nước, ngày thấy hình của nước
Cây cỏ trong chiêm bao xanh sắc biếc quê nhà
Ăn một miếng ngon cũng đắng lòng vì Tổ quốc
Chẳng yên lòng khi ngắm một nhành hoa.

Mấy lời cuối cùng trong Di chúc Người căn dặn: *“Sau khi tôi qua đời, chớ nên tổ chức phúng viếng linh đình, để khỏi lãng phí thời giờ và tiền bạc của nhân dân”*². Thật vĩ đại biết bao, vị lãnh tụ kính yêu của chúng ta đến khi chuẩn bị vĩnh biệt chúng ta vẫn một mực chỉ nghĩ đến lợi ích của nhân dân, của đồng bào mình. Nhớ đến Người, các thế hệ người Việt Nam mãi mãi tự hào về một Người con ưu tú của Đảng và dân tộc: *“Dân tộc ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta”*³.

Sau 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã giành những thắng lợi hết sức to lớn: sự nghiệp giải phóng dân tộc được hoàn thành; công cuộc đổi mới trong xây dựng Chủ nghĩa xã hội đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử... Tuy nhiên, trong quá trình đổi mới hiện nay, trước bối cảnh quốc tế và trong nước hết sức phức tạp đã nảy sinh những tiêu cực cả trong Đảng và ở ngoài xã hội làm: *“tổn thương tình cảm và suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng, là một nguy cơ trực tiếp đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ”*⁴. Thật đau lòng khi liên tục các Đại hội Đảng và các hội nghị trung ương gần đây liên tục cảnh báo: *“Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng, tập trung vào số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước”*⁵. Và trăn trở

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.12, tr.510.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.12, tr.518.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.12, tr.522.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ 4, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ 4, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016.

biết bao khi nghe Tổng bí thư, chủ tịch nước thẳng thắn phát biểu tại phiên họp báo cáo về kết quả kiểm tra của 5 đoàn kiểm tra của Ban Bí thư ở 15 cấp ủy, tổ chức Đảng trong việc quán triệt, triển khai Nghị quyết số 18, 19 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và Về việc ban hành Chỉ thị của Ban Bí thư về Nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những người không còn đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng: “*Năm 1945, chỉ với gần 5.000 đảng viên, Đảng đã lãnh đạo đồng bào cả nước làm nên Cách mạng tháng Tám lịch sử. Ngày nay, chúng ta có gần năm triệu đảng viên, sinh hoạt ở 270.046 chi bộ thuộc 57.794 tổ chức cơ sở Đảng. Đảng viên đông nhưng không mạnh, đó là vì chất lượng đảng viên, trước hết là tư tưởng chính trị, có trung thành với lý tưởng của Đảng không; phẩm chất đạo đức, lối sống có gương mẫu không? Vì thế, Nghị quyết T.Ư 4 khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã đặt vấn đề phải không ngừng nâng cao chất lượng đảng viên. Từng đảng viên có tốt thì chi bộ mới tốt; chi bộ có tốt thì Đảng mới mạnh để lãnh đạo đất nước phát triển,...*”¹ và lần gần đây nhất trong bài phát biểu bế mạc Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã tổng kết: “*từ đầu nhiệm kỳ khóa XII đến nay, trong vòng chưa đầy 3 năm, hơn 60 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý đã bị thi hành kỷ luật là con số chưa từng có, trong đó có 5 đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng đương nhiệm và 3 đồng chí trong số đó đã bị đưa ra khỏi Ban Chấp hành Trung ương*”². Phải nói rằng đây là sự quyết tâm lớn của toàn Đảng trong cuộc chiến chống tham nhũng, tiêu cực để củng cố Đảng, xây dựng con người mới trong Đảng theo tư tưởng và tinh thần của bản Di chúc mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta.

Do đó, trong giai đoạn cách mạng hiện nay để khắc phục những yếu kém, thiếu sót đã nêu thì việc nghiên cứu, vận dụng thật đúng đắn những chỉ dẫn về xây dựng con người trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu là yêu cầu hết sức cấp bách với toàn Đảng, toàn dân tộc ta. Trước mắt, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII và nghị quyết của các Hội nghị trung ương mà Đảng mới ban hành là việc làm thiết thực nhất của mỗi đảng viên, các tổ chức Đảng để đẩy lùi các yếu kém, tiêu cực, phát huy truyền thống tốt đẹp của Đảng, góp phần đưa cách mạng nước ta tiếp tục tiến lên vì hạnh phúc của nhân dân vì sự phồn vinh của đất nước và cũng là cách thức để bày tỏ tấm lòng kiên trung với lý tưởng cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu đã lựa chọn cho Đảng và nhân dân ta./.

1. Nguyễn Phú Trọng (2018): *Ban Bí thư họp về thực hiện các Nghị quyết số 18 và 19; góp ý vào dự thảo chỉ thị nâng cao chất lượng đảng viên*(Link: <http://nhandan.com.vn/chinhtri/item/38615702-ban-bi-thu-hop-ve-thuc-hien-cac-nghi-quyet-so-18-va-19-gop-y-vao-du-thao-chi-thi-nang-cao-chat-luong-dang-vien.html>)

2. Nguyễn Phú Trọng (2018): *Tạo ra khí thế mới, xung lực mới cho việc hoàn thành thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ năm 2019* (Link: <http://nhandan.com.vn/chinhtri/item/38703202-tao-ra-khi-the-moi-xung-luc-moi-cho-viec-hoan-thanh-thang-loi-muc-tieu-nhiem-vu-nam-2019.html>)

BỒI DƯỠNG THỂ HỆ TRẺ SINH VIÊN VIỆT NAM Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*ThS. Đỗ Thị Nga**

Mở đầu

Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ thiên tài, người thầy vĩ đại của Đảng và dân tộc Việt Nam, Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới. Người là nhà tư tưởng lỗi lạc, nhà chiến lược tài ba và là nhà hoạt động thực tiễn kiệt xuất. Công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh với dân tộc ta như non cao, biển rộng. Người đã để lại cho chúng ta một sự nghiệp vẻ vang và một gia tài lý luận đồ sộ, là di sản vô cùng quý báu gắn liền với lịch sử quang vinh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Một trong những di sản vô giá mà Người để lại cho Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là bản “Di chúc” bất hủ. Tuy nội dung ngắn gọn nhưng rất phong phú, súc tích, đề cập toàn diện nhiều vấn đề có giá trị về mặt lý luận và thực tiễn gắn liền với cách mạng Việt Nam. Trong đó, bồi dưỡng thể hệ cách mạng cho đời sau là một trong những vấn đề được Người đặc biệt quan tâm hàng đầu, coi đây là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với Đảng, với sự nghiệp cách mạng. Đó là di sản vô giá chứa đựng những chân lý bền vững mãi mãi soi đường cho cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta giành thắng lợi. Để thấy rõ vai trò to lớn và giá trị trường tồn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, bài viết xin trao đổi một số vấn đề về: Bồi dưỡng thể hệ cách mạng cho đời sau theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh; chỉ ra những giải pháp góp phần bồi dưỡng thể hệ trẻ sinh viên Việt Nam ở các trường đại học, cao đẳng hiện nay.

Nội dung

1. Trước lúc đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn toàn Đảng, toàn dân ta luôn quan tâm chăm lo đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ, làm cho họ trở thành lực lượng kế tiếp có đủ khả năng gánh vác, giải quyết những nhiệm vụ của cách mạng. Quá trình hoạt động của mình, Hồ Chí Minh thấy rõ cuộc cách mạng vô sản mà Người và nhân dân ta hướng tới không dễ dàng giành thắng lợi ngày một, ngày hai, mà nó là kết quả của quá trình đấu tranh bền bỉ, lâu dài, đầy khó khăn thử thách, bao gồm nhiều nhiệm vụ, nhiều giai đoạn khác nhau đòi hỏi sự hy sinh cống hiến quên mình của nhiều người, nhiều thế hệ người Việt Nam. Trong sự nghiệp cách mạng vĩ đại ấy, những lớp người đi trước đã giải quyết thành công nhiều nhiệm vụ có ý nghĩa lịch sử của thế hệ mình, nhưng cũng còn không ít những công việc mà đòi hỏi thế hệ tiếp theo cần phải gánh vác. Cho nên, nếu thiếu lực lượng kế cận xứng đáng thì chẳng những sự nghiệp cách mạng sẽ gặp khó khăn, mà ngay cả những gì cách mạng đã

**Trường Đại học Nguyễn Huệ*

giành được cũng khó giữ vững và phát triển. Với tầm nhìn của nhà chính trị kiệt xuất, lực lượng kế cận xứng đáng đó không thể ai khác ngoài thế hệ trẻ thanh niên Việt Nam. Người cho rằng: “*Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên”*”¹. Điều này có thể thấy, chăm lo, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một chiến lược cách mạng quan trọng, trở thành chân lý cách mạng, là trách nhiệm của các thế hệ cách mạng. Trong Di chúc, Người viết: Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết².

Sinh ra và lớn lên từ dòng máu Lạc Hồng, gắn bó máu thịt với nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh có lòng tin mãnh liệt vào sức mạnh vô địch cũng như năng lực sáng tạo của quần chúng nhân dân trong đó có thanh niên và thế hệ trẻ Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong thực tế, không phải đến khi trở thành Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Người mới nhìn thấy điều đó, mà ngay từ những năm bôn ba tìm đường cứu nước Người đã đề cập vấn đề này. Năm 1925, trong tác phẩm “*Bản án chế độ thực dân Pháp*”, Người kêu gọi: “*Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám Thanh niên già cỗi của Người không sớm hồi sinh*”³. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong thế hệ trẻ, thanh niên là lực lượng quan trọng nhất, bởi họ là lực lượng có sức sống đầy nhiệt huyết và năng lực sáng tạo, với tư cách là đội dự bị, lực lượng kế cận hùng hậu của cách mạng, là những người chủ tương lai của đất nước. Thanh niên được ví như mùa xuân của đất trời: “*Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội*”⁴. Cho nên Chủ tịch Hồ Chí Minh coi thanh niên là lực lượng xung kích, là rường cột của đất nước, là người chủ tương lai của nước nhà, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do thanh niên. Người luôn dành tình cảm đối với các thế hệ thanh niên vì họ là cánh tay đắc lực và đội hậu bị tin cậy của Đảng; là người giữ vai trò quyết định trong việc kế thừa, bảo vệ và phát triển truyền thống yêu nước, bản sắc văn hóa dân tộc mà các thế hệ cha anh đi trước để lại. Đồng thời, họ còn là cầu nối giữa thế hệ “*thanh niên già*” với thế hệ “*thanh niên tương lai*”. Người viết: Thanh niên là người tiếp sức cách mạng cho thế hệ thanh niên già, đồng thời là người phụ trách, dìu dắt thế hệ thanh niên tương lai. Cho nên, chăm lo giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện thế hệ trẻ cách mạng cho đời sau là điều Người trăn trở trước lúc đi xa.

Với niềm tin tưởng tuyệt đối vào thế hệ trẻ, quá trình hoạt động cách mạng Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn mong muốn: Thanh niên phải trở thành một lực lượng to lớn, vững chắc trong cuộc kháng chiến và kiến quốc, phải là người tiếp sức cách mạng cho thế hệ thanh niên già... là người xung phong trong công cuộc phát triển kinh tế và văn hóa trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ở tầm nhìn của một vĩ nhân, bằng kinh nghiệm, thực tiễn phong phú của mình kết hợp với lý luận khoa học cách mạng, Người đã đưa

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.612.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr.612.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.144.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.194.

ra quan điểm chiến lược mang giá trị nhân văn sâu sắc mà đến nay đã trở thành phương châm hành động của xã hội nói chung và ngành giáo dục nói riêng: Vì lợi ích mười năm phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm phải trồng người. Có thể nói với Hồ Chí Minh “trồng người” là một tư tưởng mang tính nhân văn, nhân đạo sâu sắc và là một sự nghiệp vĩ đại, bởi đó là kế sách lâu bền để phát triển đất nước. Bởi vậy, ngày 3 tháng 9 năm 1945, một ngày sau khi đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ Cách mạng lâm thời do Hồ Chí Minh làm chủ trì, Hội nghị đã chỉ ra 6 nhiệm vụ cấp bách trước mắt, nhằm thực hiện 3 nhiệm vụ trung tâm đó là: “Diệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm”. Hồ Chí Minh cho rằng “dốt nát cũng là kẻ địch” và coi tình trạng mù chữ, kém hiểu biết, dốt nát cũng là một thứ giặc nguy hiểm cần phải thanh toán bằng cách quyết tâm, cố gắng vượt khó khăn, thi đua học tập. Cho nên dù bận trăm công, nghìn việc hay dù ở cương vị nào, Người thường xuyên quan tâm và chăm lo sự nghiệp giáo dục của nước nhà, coi giáo dục xã hội chủ nghĩa là một phương thức quan trọng nhất trong sự nghiệp “trồng người”, là một trong những mắt xích quan trọng trong chiến lược bồi dưỡng thế hệ trẻ. Do vậy, trách nhiệm lớn lao của ngành giáo dục là phải đào tạo ra những lớp người có đầy đủ trình độ, phẩm chất, năng lực để kế tục sự nghiệp cách mạng, với Người dù khó khăn đến đâu cũng phải thi đua dạy tốt, học tốt.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn thế hệ trẻ trở thành những người kế thừa xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa hồng, vừa chuyên thì công tác giáo dục phải tiến hành một cách toàn diện. Người đòi hỏi thanh niên phải ra sức học tập chính trị, kỹ thuật, văn hóa, đạo đức, thẩm mỹ... trong đó, Người đặc biệt coi trọng giáo dục đạo đức cách mạng, bởi đó là đạo đức mới, là cái gốc của con người xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa coi nhẹ, hạ thấp các nội dung giáo dục khác, với Người giáo dục không chỉ để bồi đắp, xây dựng đạo đức, mà còn trang bị những tri thức khoa học sao cho thế hệ trẻ Việt Nam vừa có đức, vừa có tài đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đòi hỏi của cách mạng. Về phương châm giáo dục, học phải đi đôi với hành, lý luận phải gắn liền với thực tiễn đất nước, xã hội; phải học tập ở nhà trường, trong gia đình và ngoài xã hội, học qua sách vở và chính thực tiễn cuộc sống. Phải vừa kế thừa, phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, vừa đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Người luôn căn dặn: “Ngoài cách học ở trường, ở lớp, học ở trên sách, báo... có một cách học rất tốt ai cũng có thể tham gia hàng ngày. Đó là cách học tập ngay trong sản xuất, học tập những người, những tổ, những đơn vị tiên tiến”¹¹. Theo đó, Người đòi hỏi đối với thanh niên phải xung phong tới những nơi khó khăn, gian khổ nhất, nơi nào người khác làm ít hiệu quả thì thanh niên phải xung phong làm cho tốt. Đặc biệt, Hồ Chí Minh đề cao vai trò của người học, coi trọng vai trò tự học tập, tự tu dưỡng, rèn luyện phấn đấu vươn lên của mỗi người. Nhân ngày khai trường đầu tiên ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Người gửi thư căn dặn, động viên thế hệ trẻ: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”²¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 12, tr.528.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.35.

2. Thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh, quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn khẳng định tương lai của thế hệ trẻ là tương lai, vận mệnh của dân tộc. Vì vậy, thế hệ trẻ được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược bồi dưỡng, phát huy nhân tố và nguồn lực con người. Chăm lo, phát triển thế hệ trẻ vừa là mục tiêu, vừa là động lực bảo đảm cho sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước. Vì vậy, các thế hệ trẻ Việt Nam đã được chăm lo, giáo dục, rèn luyện, trưởng thành, có những đóng góp to lớn vào sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc. Họ chính là lực lượng xung kích đi đầu trong các cuộc kháng chiến, bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt, trong sự nghiệp đổi mới đất nước hơn 30 năm qua luôn có sự đóng góp to lớn của các thế hệ trẻ Việt Nam.

Ngày nay, khi con người được coi là nguồn lực nội sinh quan trọng nhất đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Với ý nghĩa đó, các trường đại học, cao đẳng càng có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục, đào tạo của đất nước, là nơi giáo dục, đào tạo, ươm mầm cho các thế hệ trẻ Việt Nam vươn lên, phấn đấu và trưởng thành. Nhận thức sâu sắc tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, năm mươi năm qua, các trường đại học, cao đẳng đã không ngừng vươn lên đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo. Hàng vạn, hàng triệu lớp lớp sinh viên Việt Nam tốt nghiệp ở các trường đại học, cao đẳng đã trở thành những công dân tốt trên các lĩnh vực của đất nước. Nhiều sinh viên tốt nghiệp ra trường sau thời gian kiên trì phấn đấu đã trở thành những cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước, quân đội, các ban ngành, nhiều sinh viên tiếp tục học tập nghiên cứu trở thành những nhà khoa học tài năng, nhiều sinh viên khẳng định mình trên các đấu trường trong nước, khu vực và quốc tế mang lại vinh quang cho dân tộc.

Thế hệ trẻ sinh viên hôm nay được sinh ra và lớn lên trong hòa bình, trong sự nghiệp đổi mới đất nước và trong xu thế mở rộng hợp tác quốc tế. Họ được thừa hưởng những thành quả của nền hòa bình, độc lập dân tộc và thành quả của sự nghiệp đổi mới đất nước do các thế hệ cha anh đem lại. Dưới sự lãnh đạo, quản lý, giáo dục của Đảng, Nhà nước, các nhà trường và xã hội, tuổi trẻ sinh viên Việt Nam có đủ điều kiện, cơ hội để phát huy tài năng và cống hiến cho đất nước. Thực tiễn cho thấy, thế hệ trẻ sinh viên Việt Nam luôn tin tưởng vào Đảng, kiên định mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn, họ đã và đang tu dưỡng, học tập và rèn luyện, không ngừng vươn lên chiếm lĩnh và làm chủ tri thức khoa học của thời đại, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm. Họ đang ngày càng tỏ rõ là lực lượng kế cận tin cậy và là chủ nhân tương lai của đất nước, xứng đáng với lời khen ngợi, sự mong đợi và kỳ vọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đã đạt được, công tác giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng vẫn còn những hạn chế nhất định. Chất lượng giáo dục và đào tạo còn thấp so với yêu cầu, nhất là giáo dục đại học... chưa chú trọng đúng mức việc giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng làm việc¹¹. Mặt khác, dưới tác động tiêu cực của mặt trái nền kinh tế thị trường; sự chống phá của kẻ thù, trong đó thế hệ trẻ thanh niên nói chung, sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng nói riêng là một trong những đối

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 113.

tượng chúng đặc biệt quan tâm và nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan khác đã làm cho một bộ phận sinh viên có những biểu hiện tiêu cực rất đáng lo ngại. Một bộ phận không nhỏ sinh viên ít chú tâm đến việc học tập, tu dưỡng, rèn luyện, ham chơi, lười học, chỉ cần tấm bằng, không cần kiến thức, tình trạng kiến thức giả, điểm thật; học giả bằng thật diễn ra ở nhiều nơi. Hệ quả của nó là không ít sinh viên sau khi ra trường với tấm bằng tốt nghiệp khá nhưng chất lượng chuyên môn không cao, thậm chí một số không làm được công việc chuyên môn theo chuyên ngành đào tạo. Nghiêm trọng hơn, là lối sống thực dụng, phai nhạt lý tưởng, lối sống ảo, coi trọng đồng tiền, chạy theo thị hiếu tầm thường, thậm chí phai nhạt lý tưởng mơ hồ chính trị không phân biệt thật giả, đúng sai, một số có biểu hiện hành động sai trái đi ngược lại mục tiêu lý tưởng của Đảng và lợi ích dân tộc, vi phạm pháp luật nghiêm trọng... Hệ quả không mong muốn như Đảng ta nhận định trong Hội nghị Trung ương 2 khóa VIII: “Đặc biệt đáng lo ngại là trong một bộ phận học sinh, sinh viên có tình trạng suy thoái đạo đức, mờ nhạt về lý tưởng, theo lối sống thực dụng, thiếu hoài bão lập thân, lập nghiệp”¹. Ở một khía cạnh khác cũng đáng lo ngại, hiện nay một bộ phận không nhỏ trong sinh viên không chỉ lười học tập, rèn luyện, mà còn không tích cực tham gia vào hoạt động của đoàn thể, các tổ chức xã hội, thờ ơ vô cảm trước những hoàn cảnh xã hội, thoái hóa hư hỏng, lao vào con đường cờ bạc, ăn chơi, nghiện ngập ma túy, mại dâm, vào các trò chơi cá độ, đua xe trái phép, trộm cắp, lừa đảo... gây nên hậu quả nghiêm trọng cho bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội. Có thể nói những điều đó không phải là bản chất của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa, nhưng điều đó cũng phản ánh những yếu kém, hạn chế trong công tác giáo dục, đào tạo. Nếu không có sự lãnh đạo, chỉ đạo quản lý kịp thời của Đảng, Nhà nước, sự quan tâm chung tay của các cơ quan, ban ngành và toàn thể xã hội thì một tương lai không xa thế hệ trẻ Việt Nam sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự nghiệp cách mạng, đến sự tồn vong của đất nước.

3. Để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phù hợp với xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế hiện nay, Đảng ta đã có Nghị quyết về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”. Điều đó thể hiện tầm nhìn chiến lược của Đảng đối với vai trò thanh niên trong thời kỳ mới; đồng thời thể hiện sự thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về chăm lo, bồi dưỡng thế hệ trẻ cho cách mạng. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về chăm lo, bồi dưỡng thế hệ trẻ cho cách mạng, việc bồi dưỡng thế hệ trẻ sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng ở nước ta hiện nay, cần quan tâm giải quyết tốt một số vấn đề sau đây.

Thứ nhất, đổi mới toàn diện chất lượng giáo dục thế hệ trẻ sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng. Giáo dục thế hệ trẻ sinh viên hiện nay phải toàn diện cả về bản lĩnh chính trị, đạo đức, trí tuệ và sức khỏe. Trong đó, chú trọng giáo dục chính trị, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa, ý thức cộng đồng và dân tộc. Xây dựng thế hệ trẻ sinh viên Việt Nam trong thời đại mới luôn giàu lòng yêu nước, nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, tự tôn dân tộc, có bản lĩnh chính trị vững vàng biết phân biệt đúng, sai, địch thù, có lý tưởng cao đẹp, quyết tâm phấn đấu vì một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất và thịnh

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.24.

vượng. Để đạt được điều đó, cần bồi dưỡng một cách toàn diện cho sinh viên, chú trọng trang bị những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng. Điều cốt yếu nhằm góp phần hình thành một lớp thanh niên ưu tú trên mọi lĩnh vực, tạo được nguồn cán bộ trẻ vừa hồng, vừa chuyên cho Đảng, Nhà nước để kế tục xứng đáng sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Theo đó, hình thức giáo dục thế hệ trẻ sinh viên cũng phải đa dạng và phù hợp với tâm lý lứa tuổi, chú trọng các phương pháp trực quan như: tham quan, thực hành, thực tế ở các khu di tích lịch sử, bảo tàng... nhằm tăng cường sự gắn kết lý luận với thực tiễn cách mạng và đời sống xã hội góp phần củng cố niềm tin, niềm tự hào dân tộc đối với sinh viên. Mặt khác, nên kết hợp học chính khóa với các hình thức ngoại khóa, tăng cường các hoạt động đi thực tế, giao lưu kết nghĩa, tham gia các lễ hội qua đó lôi cuốn tính tích cực hứng thú của người học, giúp họ vận dụng, kiểm chứng tính đúng đắn khoa học của lý luận trong thực tiễn. Đồng thời, cần đổi mới phương pháp thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo hướng đa dạng hóa bằng nhiều hình thức khác nhau cho những đối tượng sinh viên khác nhau, nhằm tạo ra được cơ chế buộc sinh viên phải tham khảo tài liệu, chủ động nắm bắt nội dung môn học. Thông qua đó sẽ kích thích sinh viên nâng cao năng lực tự học, tự đánh giá bằng việc chủ động thay đổi thái độ học tập từ bắt buộc phải học sang muốn được học, muốn được khẳng định bản thân.

Thứ hai, giáo dục cho sinh viên có nhận thức đầy đủ, có khát vọng vươn tới chân, thiện, mỹ. Sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế là xu thế lớn của thời đại. Trong xu thế hội nhập quốc tế và sự tác động tiêu cực của mặt trái cơ chế thị trường làm cho nhiều giá trị văn hóa dân tộc, giá trị đạo đức trong đời sống cộng đồng, trong mỗi gia đình dường như bị mai một. Trong khi đó, một bộ phận sinh viên trước ngưỡng cửa cuộc đời đang thiếu rất nhiều những hiểu biết cơ bản về giá trị cuộc sống, họ lúng túng trong phân biệt đâu là giá trị đích thực, đâu là sự hư vinh giả tạo. Điều đó dẫn đến một số sinh viên chạy theo lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền với lối sống hưởng thụ, từ đó buông thả, phó mặc cho sự cuốn hút của những tệ nạn xã hội. Lẽ đương nhiên những xu hướng đó sẽ hình thành nên những nhân cách lệch lạc làm tổn hại đến bản thân, gia đình xã hội và cộng đồng.

Vì thế, trong giáo dục thế hệ trẻ sinh viên phải chú trọng nâng cao nhận thức của họ về những giá trị chân, thiện, mỹ, nhằm trang bị cho họ hành trang trước khi hội nhập vào đời sống cộng đồng. Điều quan trọng là trang bị cho họ những kiến thức, những hiểu biết về đạo đức, đạo lý, về thuần phong mỹ tục, về truyền thống văn hóa của dân tộc. Trên cơ sở đó, định hướng cho sinh viên biết đấu tranh, biết kế thừa, biết giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, của quê hương phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Dám đấu tranh và biết đấu tranh với những lối sống, hành vi phi đạo đức, thờ ơ vô cảm trước những vấn đề chính trị xã hội của đất nước. Mặt khác, phải tạo những điều kiện, môi trường để sinh viên biến nhận thức thành hành động trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của họ. Với sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng chân, thiện, mỹ phải được thể hiện ở tình đoàn kết, tình yêu thương, sự chân thành gắn bó tình nghĩa trong môi trường giáo dục, đào tạo ở các nhà trường họ đang theo học.

Thứ ba, giáo dục cho sinh viên hiểu biết những giá trị lịch sử truyền thống đấu tranh

dựng nước và giữ nước của dân tộc. Dựng nước đi đôi với giữ nước không chỉ là quy luật hình thành phát triển của dân tộc Việt Nam, mà nó trở thành nét truyền thống văn hóa đặc sắc của dân tộc, là cội nguồn tạo nên sức mạnh nội sinh để dân tộc ta mãi mãi trường tồn. Vì thế, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm, coi trọng việc giáo dục lịch sử truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc cho thế hệ trẻ. Theo Người, việc hiểu biết đầy đủ những giá trị truyền thống trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước là trách nhiệm của mỗi công dân, nhất là thế hệ trẻ. Trong buổi gặp chiến sỹ Đại đoàn quân tiên phong trước ngày về tiếp quản thủ đô, Bác căn dặn: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”¹. Lời của Người như tiếng gọi của hồn thiêng sông núi vọng về thôi thúc thế hệ trẻ Việt Nam không ngừng phấn đấu vươn lên chung tay quyết tâm xây dựng đất nước ta vững bước trên con đường hội nhập và phát triển.

Thế hệ trẻ sinh viên hôm nay là những người được thừa hưởng những thành quả của bao thế hệ cha, ông để lại. Nhưng không phải lúc nào họ cũng thấu hiểu được lịch sử hào hùng của dân tộc gắn liền dựng nước đi đôi với giữ nước, nỗi đau của người dân mất nước, cội nguồn giá trị của nền hòa bình mà họ được thừa hưởng hôm nay. Cho nên phải giáo dục, bồi dưỡng cho sinh viên hiểu được ngọn nguồn lịch sử của dân tộc như điều Bác thường mong muốn: “Dân ta phải biết sử ta, cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”². Muốn vậy, trên cơ sở giáo dục nâng cao trình độ tri thức một cách toàn diện: phải chú trọng tập trung vào những giá trị cơ bản của văn hóa, truyền thống và đạo lý dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, giá trị cốt lõi và nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Thông qua đó để họ thấy được trách nhiệm của mình đối với tổ tiên, với các bậc tiền nhân khai công lập quốc, với anh linh của lớp lớp thế hệ cha, anh đã ngã xuống vì nền hòa bình, độc lập tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Trách nhiệm của họ phải biết ghi nhớ, tri ân công lao của cha, ông, của các thế hệ anh hùng dân tộc, thôi thúc họ không ngừng phấn đấu vươn lên viết tiếp trang sử mới của dân tộc trong xu thế hợp tác và hội nhập quốc tế. Muốn vậy, các trường đại học, cao đẳng chú trọng bồi đắp cho thế hệ trẻ sinh viên hành trang về truyền thống lịch sử văn hóa dân tộc, làm cho họ thực sự là lực lượng xung kích, ham học tập, ham rèn luyện để vươn lên chiếm lĩnh tri thức khoa học của thời đại để một tương lai không xa họ thực sự là chủ nhân của đất nước góp phần nâng cao uy tín, vị thế của dân tộc Việt Nam trên trường quốc tế.

Thứ tư, bồi dưỡng cho sinh viên có nhận thức đúng đắn về mục tiêu lý tưởng của Đảng, về con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Bác Hồ và Nhân dân ta đã lựa chọn. Trải qua bao năm bôn ba tìm đường cứu nước, khác với các bậc tiền bối cùng thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tìm ra con đường đúng đắn cho cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đó là con đường duy nhất đúng để đưa dân tộc ta từ thân phận nô lệ trở thành những người làm chủ đất nước. Hiện nay trước những biến động khó lường của cách mạng thế giới, với những hậu quả từ sự thoái trào của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, nhất là sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, các thế lực thù địch ra sức tuyên truyền chống phá nhằm xóa bỏ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.9, tr.59.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.259.

các nước xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam. Theo đó với cái gọi dân chủ, nhân quyền chủ nghĩa tư bản ra sức khuyết trương tô vẽ cho nền dân chủ tư sản gắn liền với làn sóng các cuộc cách mạng “màu” ở các nước Đông Âu, châu Phi, Mỹ La tinh. Trước tình hình đó không ít sinh viên mơ hồ, ngộ nhận trước ánh hào quang của cái gọi là nền dân chủ tư sản, mà không phân biệt đúng sai, không thấy được mặt trái tàn khốc của chế độ tư bản chủ nghĩa mang lại và do đó không hiểu được bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng. Để thực sự xứng đáng là những người chủ tương lai của đất nước, Đảng, Nhà nước, các nhà trường và các đoàn thể xã hội cần bồi dưỡng cho sinh viên hiểu và nắm vững mục tiêu, lý tưởng của Đảng, con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn. Cùng với đó, vạch ra bản chất thống trị bóc lột của chủ nghĩa đế quốc, chỉ rõ âm mưu thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, làm cho sinh viên thấy được chỉ có độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mới đưa dân tộc Việt Nam bước tới đài vinh quang, sánh vai với các cường quốc trên thế giới. Đồng thời, tạo mọi điều kiện thuận lợi để sinh viên học tập, rèn luyện phấn đấu và phụng sự cho sự nghiệp cao cả đó.

Kết luận

Tư tưởng về bồi dưỡng thế hệ trẻ cho cách mạng trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện tầm nhìn của một lãnh tụ cách mạng, của một nhà hiền triết, một nhà văn hóa lớn. Người không chỉ thấy rõ hiện tại mà dự báo cả tương lai, không chỉ dành sự quan tâm trước mắt cho sự nghiệp cách mạng mà còn chăm lo vun trồng cái gốc cho sự nghiệp đó để nó luôn vững bền. Điều này cho thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhìn thấy lực lượng làm chủ tương lai tươi sáng của dân tộc đang ở trong hiện tại. Năm mươi năm đã qua đi, Di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau” vẫn còn nguyên giá trị cả về lý luận và thực tiễn. Để nâng cao chất lượng bồi dưỡng thế hệ trẻ sinh viên các trường đại học, cao đẳng đòi hỏi phải phát huy sức mạnh tổng hợp của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể xã hội với nhiều hình thức, biện pháp, yêu cầu khác nhau, trong đó việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ở các nhà trường là một trong những nhân tố có ý nghĩa quan trọng và quyết định./.

GIÁO DỤC SINH VIÊN TINH THẦN TỰ HỌC THEO TƯ TƯỞNG, TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

ThS. Hoàng Thị Nga*

1. Hồ Chí Minh với con đường tự học, tự giáo dục

1.1. Hồ Chí Minh - tấm gương lớn về tinh thần tự học

Chủ tịch Hồ Chí Minh – vị lãnh tụ kính yêu của nhân dân Việt Nam, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới, Người đã cống hiến trọn đời mình cho độc lập tự do của đất nước, cho hạnh phúc của nhân dân. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến giáo dục và bản thân Người là một nhà giáo dục, nhà sư phạm mẫu mực. Trong di sản tư tưởng giáo dục Hồ Chí Minh thì những chỉ dẫn của Người về tự học, tự đào tạo có ý nghĩa rất lớn đối với các thế hệ người học.

Mặc dù không có điều kiện để trang bị học vấn bằng việc đến trường, nhưng Hồ Chí Minh đã tiếp thu tinh hoa văn hóa dân tộc, trí tuệ thời đại để nhằm mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng con người. Trên con tàu Latouche Treuille trong hành trình đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành - Văn Ba đã thể hiện rất rõ ý chí tự học: “Mỗi ngày đến chín giờ tối công việc mới xong, anh Ba mệt lử. Nhưng trong khi mọi người nghỉ hay đánh bài, anh Ba đọc hay viết đến mười một giờ hoặc nửa đêm”¹.

Từ tâm hồn của một nhà yêu nước, tư duy độc lập, tự chủ sáng tạo với vốn tri thức phong phú của thời đại, vốn kinh nghiệm đấu tranh trong phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh tiếp cận với chủ nghĩa Mác - Lênin. Tại Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, Hồ Chí Minh đã khai trình độ học vấn là: *Tự học*. Tiếp theo là câu hỏi: Đồng chí biết những ngoại ngữ nào? Người ghi: *Anh, Pháp, Trung Quốc, Ý, Đức, Nga*. Như vậy, trong hành trình tìm đường cứu nước Hồ Chí Minh đã tích lũy cho mình vốn tri thức lý luận và thực tiễn phong phú, đặc biệt là khả năng tự học ngoại ngữ để tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại².

Khi nói chuyện với sinh viên Trường Đại học thành phố Băng Đung - Indônêxia, Người đã nói về con đường tự học của mình: “Khi còn trẻ tôi không có dịp đến trường học. Tôi đã đi du lịch và để làm việc, đó là trường đại học của tôi. Trường đại học ấy đã dạy cho tôi khoa học xã hội. Nó đã dạy cho tôi cách yêu, cách ghét, yêu nước, yêu loài người, yêu dân chủ và hòa bình và căm ghét áp bức, ích kỷ,... Trường học ấy đã dạy cho tôi khoa học quân sự... Trường học ấy đã dạy cho tôi lịch sử... Trường học ấy đã dạy cho tôi chính trị...”³. Trường học đó chính là cuộc sống, chính là xã hội, chính là cuộc đấu tranh của nhân dân lao động trên toàn thế giới đấu tranh xóa bỏ áp bức, bắt công xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

* *Viện Sư phạm Xã hội, Trường Đại học Vinh*

1. Đặng Quốc Bảo: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2008, tr.58.

2. Đặng Quốc Bảo: Sdd, tr. 58.

3. Đặng Quốc Bảo: Sdd, tr. 60.

Trong bài nói chuyện tại lớp nghiên cứu chính trị khóa 1, Trường Đại học Nhân dân Việt Nam, khi bàn về phương pháp nghiên cứu, Hồ Chí Minh đã dạy: “Học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời. Suốt đời phải gắn lý luận với công tác thực tế. Không ai có thể tự cho mình đã biết đủ rồi, biết hết rồi. Thế giới ngày nay đổi mới, nhân dân ta ngày càng tiến bộ, cho nên chúng ta phải tiếp tục học và hành để tiến bộ kịp nhân dân”¹. Người phê bình các cán bộ không chịu học hỏi, không ham tiến bộ, ít học tập để nâng cao trình độ: “Bác thường nghe nói có đồng chí mới 40 tuổi mà đã cho mình là già nên ít chịu học tập. Nghĩ như vậy là không đúng, 40 tuổi chưa phải là đã già. Bác đã 76 tuổi nhưng vẫn cố gắng học thêm. Chúng ta phải học và hoạt động cách mạng suốt đời. Còn sống thì còn phải học, còn phải hoạt động cách mạng”².

Như vậy, theo Hồ Chí Minh mục đích của tự học, tự rèn luyện chính là để phục vụ cho lý tưởng cao cả, học để biết yêu, biết ghét, học để phụng sự Tổ quốc, học để trở thành người có ích cho nhân dân.

1.2. Một số lời dạy của Hồ Chí Minh về tự học - tự giáo dục

Trong tác phẩm “Sửa đổi lề lối làm việc” viết năm 1947, Hồ Chí Minh đã có những chỉ dẫn rất sâu sắc về tự học: “Lấy tự học làm cốt. Do thảo luận và chỉ đạo giúp vào”³. Người cũng nhấn mạnh để có thể tự học được cần phải thực hiện tốt khâu thảo luận, Người viết: “Khai hội thảo luận và phê bình. Trong lúc thảo luận, mọi người được hoàn toàn tự do phát biểu ý kiến, dù đúng hoặc không đúng cũng vậy”⁴. Tại Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất về công tác huấn luyện và học tập, Hồ Chí Minh lại đặc biệt nhấn mạnh “Phải nâng cao và hướng dẫn việc tự học”, Người còn chỉ rõ: “Không phải có thầy đến thì học, thầy không đến thì đùa. Phải biết tự động học tập”⁵.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khuyên chúng ta phải thực hiện lời dạy của Lenin là “Học, học nữa, học mãi”, Người luôn coi đó là phương châm sống, phương châm làm việc của mình. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh khuyên người học cần phải thật thà, thẳng thắn, không giấu dốt, phải học hỏi cái hay, cái tốt của anh em, bè bạn, không tự mãn, kiêu ngạo. Trong Thư gửi các đồng chí Bắc Bộ ngày 1 tháng 3 năm 1947, Người viết “Tự mãn, tự túc là co mình lại, không cho mình tiến bộ thêm”⁶.

Trong tư tưởng giáo dục Hồ Chí Minh, những lời dạy của Người về tự học đã làm nổi bật vai trò của tự học, tự nỗ lực của bản thân trên con đường chiếm lĩnh tri thức, hình thành năng lực hoạt động thực tiễn. Sự tự động học tập của bản thân là yếu tố quyết định trong quá trình hình thành nhân cách, bản thân người học phải tự vạch ra kế hoạch trên cơ sở môi trường học tập và sự chỉ đạo giúp vào.

Đặc biệt trong tư tưởng của Hồ Chí Minh về tự học, tự giáo dục Người không chỉ yêu cầu đối với người học mà theo Người, muốn người học có tinh thần tự học thì người dạy phải tự mình nâng cao trình độ, phẩm chất, bởi chỉ có khi nào người dạy trở thành một tấm

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.8, tr. 215.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.12, tr. 94.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.5, tr. 510.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.5, tr. 469.
5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.6, tr. 50.
6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.5, tr. 90.

gương lớn về tự học, tự sáng tạo thì mới lan tỏa được tinh thần ấy cho người học. Trong buổi nói chuyện tại lớp học chính trị của giáo viên cấp II, cấp III miền Bắc, Người nói: “Giáo viên chớ nên cho học thế này là đủ, mà phải tiếp tục học thêm để tiến bộ mãi”¹, không ai có thể tự cho mình đã biết đủ rồi, biết hết rồi... cho nên đội ngũ giáo viên phải tiếp tục học và hành để tiến bộ kịp nhân dân. Để theo kịp với nhân dân, để phát triển và tiến bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh khuyên các thầy giáo, cô giáo và cán bộ giáo dục phải luôn luôn cố gắng học thêm, học chính trị, học chuyên môn. Nếu không tiến bộ mãi, thì sẽ không theo kịp đà tiến chung, sẽ trở thành lạc hậu. Người cũng từng khẳng định, giáo viên phải kêu gọi những kinh nghiệm để tìm cách dạy tốt, không phải ngồi chờ Bộ Giáo dục nghĩ ra. Như vậy, theo Người, cán bộ giáo viên phải là người tiêu biểu, phải trở thành tấm gương sáng cho tinh thần tự học, sáng tạo không ngừng: “Cán bộ và giáo viên cũng phải tiến bộ cho kịp thời đại thì mới làm được nhiệm vụ. Chớ tự túc, tự mãn, cho mình là giỏi rồi thì dừng lại. Mà dừng lại là lùi bước, là lạc hậu, tự mình đào thải trước”².

2. Giáo dục sinh viên tinh thần tự học, tự nghiên cứu theo tư tưởng và tấm gương Hồ Chí Minh

Tự học có nghĩa là sinh viên phải tự mình xây dựng kế hoạch, đặt ra mục tiêu, xác định phương pháp học tập; năng động tìm tòi, phân tích nội dung bài học, tài liệu tiến tới làm chủ tri thức, kỹ năng, kỹ xảo; có khả năng tự chủ trước những tác động tiêu cực của xã hội. Để thực hiện những nội dung trên, sinh viên cần xác định đúng các nội dung sau:

2.1. Xác định mục đích học tập

Khi bước chân vào giảng đường đại học mỗi sinh viên phải xác định mục đích học tập, phải trả lời được câu hỏi mà Hồ Chí Minh đã nêu trong Đại hội sinh viên Việt Nam lần thứ 2: “Học để làm gì? Học để phục vụ ai? Đó là hai câu hỏi cần phải trả lời dứt khoát thì mới có phương hướng để sửa chữa khuyết điểm của mình”³. Chỉ có khi nào trả lời đúng những câu hỏi này, sinh viên mới có thể bắt đầu quá trình học tập, nghiên cứu của mình ở trường đại học. Ngày nay dưới sự tác động, chi phối của cơ chế thị trường, có thể mục đích học của sinh viên có sự thay đổi, có sự chuyển dịch về định hướng nghề nghiệp, nhưng mỗi sinh viên đều phải xác định: “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại”⁴.

Thứ nhất, “Học tập để sửa chữa tư tưởng”, tư tưởng đúng thì hành động mới khỏi sai lạc và mới làm trọn nhiệm vụ đạo đức cách mạng, điều đó có nghĩa là khi chúng ta đã xác định nghề nghiệp tương lai thì phải dốc lòng, dốc sức, toàn tâm toàn ý để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng với yêu cầu của xã hội.

Thứ hai, “Học để tu dưỡng đạo đức cách mạng”. Có trình độ chuyên môn, có tài mới chỉ là một nửa, người cách mạng cần phải có đức làm gốc, tu dưỡng rèn luyện đạo đức cũng là một yêu cầu cấp thiết đối với mỗi sinh viên, làm sao để mỗi thế hệ sinh viên sống xứng đáng với công lao của các thế hệ đi trước, xứng đáng là người Việt Nam.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.9, tr. 228.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 9, tr. 499.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.9, tr. 178-179.

4. Đặng Quốc Bảo: Sđd, tr. 43.

Thứ ba, “Học để tin tưởng”, tin tưởng vào Đoàn thể, vào nhân dân, vào tương lai của dân tộc, tương lai của cách mạng, có tin tưởng thì lúc ra thực hành mới vững chắc, hăng hái, lúc gặp khó khăn mới kiên quyết, hy sinh. Đây là một vấn đề rất quan trọng đối với sinh viên, là người chủ tương lai của nước nhà, sinh viên viên phải có niềm tin, truyền nhiệt huyết và niềm tin đó cho thanh niên, cho thiếu niên, nhi đồng. Đặc biệt là sinh viên sư phạm - những nhà giáo tương lai – những người không chỉ truyền thụ tri thức mà còn nhen nhóm và thổi bùng ngọn lửa niềm tin trong các thế hệ học sinh.

Thứ tư, “Học để hành: học với hành phải đi đôi. Học mà không hành thì học vô ích. Hành mà không học thì hành không trôi chảy”¹. Đây chính là sự kết hợp giữa lý luận với thực tiễn, sinh viên phải được trang bị hệ thống lý luận tiên tiến, vững chắc. Lý luận đó phải được áp dụng vào thực tiễn, nếu không sẽ trở thành lý luận suông, sẽ rơi vào bệnh “giáo điều”, bệnh “sách vở”. Trong tác phẩm “Sửa đổi lề lối làm việc”, Hồ Chí Minh đã dạy: “Một người học xong đại học, có thể gọi là có trí thức. Song y không biết cày ruộng, không biết làm công, không biết đánh giặc, không biết làm nhiều việc khác. Nói tóm lại: Công việc thực tế, y không biết gì cả. Thế là y chỉ có trí thức một nửa. Trí thức của y là trí thức học sách, chưa phải trí thức hoàn toàn. Y muốn thành một người trí thức hoàn toàn, thì phải đem cái trí thức đó áp dụng vào thực tế”². Hơn 70 năm đã trôi qua, những lời dạy của Bác vẫn luôn soi sáng cho công tác đào tạo đội ngũ trí thức đáp ứng với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2.2. Xác định thái độ học tập

Để thực hiện được mục đích học tập, sinh viên cần hình thành thái độ học tập, nghiên cứu nghiêm túc. Thể hiện ở một số mặt sau:

Thứ nhất, phải tự nguyện, tự giác, tích cực, tự động hoàn thành nhiệm vụ học tập, nêu cao tinh thần chịu khó, cố gắng, không lùi bước trước bất kỳ khó khăn nào trong việc học tập. Cần mẫn, siêng năng, chăm chỉ, hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập một cách chủ động và sáng tạo, phải có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ.

Thứ hai, phải khiêm tốn trong quá trình học tập với tinh thần “Cái gì biết thì nói biết, không biết thì nói không biết. Kiêu ngạo, tự phụ, tự mãn là kẻ thù số một của học tập”³. Sinh viên thực hiện tốt lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Phải chịu trách nhiệm kết quả học tập của mình trước Đảng, giai cấp, nhân dân”; “Phải khiêm tốn, chớ eo sách, ganh đua chơi bời; hưởng thụ đúng mực, từ chối cái thừa”⁴.

Thứ ba, phải thi đua và đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập theo tinh thần “Các trò nên đua nhau học”; “Lớp này nên thi đua với lớp khác, trường này với trường khác, làm cho học trò thêm hăng hái”⁵.

2.3. Xác định phương pháp học tập

Thứ nhất, học phải chủ động, sáng tạo

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 6, tr. 50.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.5, tr. 275.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 8, tr. 499.

4. Đặng Quốc Bảo: Sdd, tr. 33.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.5, tr. 121.

Trong quá trình học tập, chiếm lĩnh tri thức sinh viên cần phải thể hiện tinh thần chủ động, sáng tạo, bởi chỉ có những tri thức được hình thành một cách chủ động thì chủ thể mới lĩnh hội và biến tri thức của xã hội thành kỹ năng, năng lực của bản thân. Đây chính là yếu tố quan trọng nhất của tự học. Kiến thức trong nhà trường là nền tảng, là hạt nhân để hình thành hệ thống tri thức của mỗi cá nhân. Trong bài nói chuyện tại lớp nghiên cứu chính trị khóa 1, Trường Đại học Nhân dân Việt Nam, Người chỉ rõ: “Thời gian các bạn đến nghiên cứu ở trường này tương đối ngắn ngủi, cho nên không thể yêu cầu quá cao, quá nhiều. Những điều các bạn nghiên cứu được ở đây có thể ví như một hạt nhân bé nhỏ. Sau này, các bạn sẽ tiếp tục chăm sóc, vun xới, làm cho hạt nhân ấy mọc thành cây và dần dần nở hoa, kết quả”¹. Những chỉ dẫn của Người trở thành định hướng cho việc học tập suốt đời của các thế hệ học sinh - sinh viên.

Thứ hai, học tập gắn với thực tế

Trong tác phẩm “Sửa đổi lề lối làm việc”, Hồ Chí Minh đã khẳng định tầm quan trọng của việc áp dụng tri thức lý luận vào thực tiễn, bởi theo Người lý luận cốt chỉ để áp dụng vào thực tiễn, phục vụ thực tiễn: “Lý luận cốt để áp dụng vào công việc thực tế. Lý luận mà không áp dụng vào thực tế là lý luận suông. Dù xem được hàng ngàn hàng vạn quyển lý luận, nếu không biết đem ra thực hành, thì khác nào một cái hòm đựng sách”². Trong lời căn dặn đoàn cán bộ khoa học đầu tiên của Việt Nam sang Liên Xô học tập, Hồ Chí Minh đã nêu rõ: “Học phải đi đôi với hành, chứ không phải học để nói suông”³. Như vậy, theo quan điểm của Người, trong quá trình học tập sinh viên không phải học thuộc lòng từng câu từng chữ mà phải nắm được cốt lõi của vấn đề, hiểu được những nội dung cơ bản và quan trọng là vận dụng khối kiến thức đó vào việc lý giải và giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

Thứ ba, học phải gắn với thảo luận

Thảo luận có vai trò rất quan trọng trong quá trình nắm vững và vận dụng tri thức vào cuộc sống. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói về vai trò của thảo luận: “Lấy tự học làm cốt. Do thảo luận và chỉ đạo giúp vào”⁴; “phải nâng cao và hướng dẫn việc tự học”; “phải biết tự động học tập”⁵;

Trong xã hội phát triển, việc tiếp nhận thông tin không còn một chiều mà trở nên đa dạng và phong phú, người giáo viên không phải là “kênh” duy nhất trong việc cung cấp kiến thức. Vì vậy, giáo viên không thể nhồi nhét thật nhiều kiến thức cho sinh viên mà quan trọng hơn là hướng dẫn sinh viên cách lựa chọn và tiếp nhận thông tin phù hợp. Muốn thảo luận có hiệu quả, sinh viên phải nắm vững nội dung của bài học, có thể đưa ra ý kiến đúng hoặc không đúng để mọi người có cách nhìn toàn diện hơn về một vấn đề, từ đó tìm ra chân lý. Để quá trình thảo luận thành công, ngoài sự nỗ lực của sinh viên thì giảng viên đóng vai trò hết sức quan trọng, định hướng của giảng viên chính là yếu tố dẫn dắt quá trình tìm kiếm tri thức của sinh viên.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 8, tr. 215.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd t.5, tr. 274.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 12, tr. 96.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr. 312.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 6, tr. 51.

3. Kết luận

Sinh viên chỉ thực sự hứng thú với tự học - tự nghiên cứu khi bài giảng trên lớp tạo ra được hứng phấn, kích thích được sự say mê tìm tòi, sáng tạo. Vì vậy, công tác giảng dạy của giảng viên ở trên lớp đóng một phần rất quan trọng trong việc hình thành và rèn luyện kỹ năng tự học cho sinh viên. Giảng viên cần lựa chọn nội dung giảng dạy phù hợp với đối tượng sinh viên, bài học phải gắn với thực tiễn, đáp ứng được nhu cầu về nâng cao trình độ, hiểu biết mọi mặt cho sinh viên. Trong quá trình giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, giảng viên cần lồng ghép các nội dung giáo dục tinh thần tự học để góp phần cùng với các bộ môn khác hình thành năng lực tự học cho sinh viên.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi vào cõi vĩnh hằng nhưng di sản lý luận quý báu của Người vẫn luôn định hướng cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Thế hệ thanh niên luôn khắc ghi lời dạy của Bác để xứng đáng với tinh thần “mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục *đạo đức cách mạng* cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên””¹./.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr. 515.

TRIẾT LÝ GIÁO DỤC VÀ CHIẾN LƯỢC “TRỒNG NGƯỜI” TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*ThS. Thân Thị Thu Ngân**

*ThS. Nguyễn Thị Xuyên***

1. Phần mở đầu

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người đã dành cả cuộc đời của mình để đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng nhân dân. Người đã hy sinh hạnh phúc riêng của mình để đem lại hạnh phúc cho dân tộc Việt Nam, đến khi sắp từ biệt thế giới này Người vẫn trăn trở về những việc cần phải làm để chăm lo tốt nhất cho đời sống cho nhân dân, Người dặn dò Đảng ta một cách chi tiết công việc phải làm ngay sau khi đất nước được hòa bình và công việc đầu tiên đó là công việc đối với con người. Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội cần phải có những con người xã hội chủ nghĩa”, để có những con người xã hội chủ nghĩa ấy thì Đảng, Nhà nước, nhân dân cần phải quan tâm xây dựng những con người Việt Nam có cả đức và tài.

2. Nội dung nghiên cứu

Trong suốt cuộc đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn rất quan tâm đến việc phát triển con người một cách toàn diện, nhất là đối với thế hệ trẻ. Chính vì vậy, trong tư tưởng của Người, con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng, do đó, “trồng người” luôn được Bác coi là chiến lược hàng đầu. Từ thuở nhỏ, Bác đã thấu hiểu cảnh sống cơ hàn của những đứa trẻ nghèo khổ khi phải sống trong cảnh đói, rét không bao giờ dám mơ được đến trường học cái chữ. Trên đường vào Sài Gòn, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã dừng chân tại Phan Thiết và làm giáo viên tại Trường Dục Thanh, có lẽ một phần vì tình yêu đối với con trẻ của Người, một phần Người muốn những đứa trẻ - tương lai của đất nước ấy được học hành, được giáo dục nên người. Năm 1941, sau khi về nước Bác đã viết bài thơ *Trẻ con*, trong bài thơ có đoạn:

*“Trẻ em như búp trên cành,
Biết ăn, biết ngủ, biết học hành là ngoan,
Chẳng may vận nước gian nan,
Trẻ em cũng bị bận thân cực lòng...”¹*

Đó chính là điều trăn trở của người thanh niên Nguyễn Tất Thành trên đường ra đi tìm đường cứu nước. Người muốn nước nhà được hoàn toàn độc lập để “dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”². Người muốn những em nhỏ phải được sống hồn nhiên như đúng lứa tuổi của các em nhưng để làm được điều

**Trường Đại học Y – Dược Thái Nguyên*

***Đại học Thái Nguyên*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 3, tr. 203.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 4, tr. 379.

đó thì phụ thuộc vào không chỉ điều kiện gia đình mà còn cả điều kiện của đất nước. Trong suốt những năm tháng đất nước bị chiến tranh, trẻ em Việt Nam phải chịu biết bao bất hạnh, thiếu thốn. Vì vậy, mà hơn ai hết Bác mong đất nước được hòa bình để phát triển kinh tế, để trẻ em được sống trong một môi trường tốt nhất. Khi làm Chủ tịch nước, mặc dù bận trăm công nghìn việc nhưng Người vẫn dành thời gian để quan tâm tới các thế hệ tương lai của đất nước. Kể từ khi chúng ta giành được chính quyền (1945) thì năm nào cũng vậy, cứ đến ngày khai trường hay ngày tết thiếu nhi... Bác đều viết thư cho các cháu thiếu niên nhi đồng, trong những bức thư ấy Bác đặt tình thương và kỳ vọng rất nhiều vào những “mầm non” tương lai của đất nước. Bác luôn căn dặn các cháu thiếu niên, nhi đồng phải ra sức học tập để sau này xây dựng nước nhà: “Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”¹. Nhưng để các em có thể học tập tốt, để các em có ý thức xây dựng đất nước trong tương lai thì công việc này lại phụ thuộc phần lớn vào nền giáo dục của nước nhà. Đảng phải chú trọng đầu tư cho phát triển giáo dục, mà trong giáo dục thiếu niên, nhi đồng Bác đã nhắc nhở: “Tiểu học thì cần giáo dục cho các cháu thiếu nhi: yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, trọng của công. Cách dạy phải nhẹ nhàng và vui vẻ, chớ có gò ép thiếu nhi vào khuôn khổ của người lớn, phải đặc biệt chú ý giữ gìn sức khỏe cho các cháu”². Nội dung giáo dục gồm có: “Thể dục: Để làm thân thể mạnh khỏe, đồng thời cần giữ vệ sinh riêng và vệ sinh chung.

- Trí dục: Ôn lại những điều đã học, học thêm những tri thức mới.

- Mỹ dục: Để phân biệt cái gì là đẹp, cái gì là không đẹp.

- Đức dục: Là yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, yêu trọng của công”³. Đó chính là triết lý nhân văn trong con người Hồ Chí Minh và cũng là triết lý cho nền giáo dục của Việt Nam hiện nay.

Hóa ra trong giáo dục tiểu học chẳng cần những mục tiêu, thành tích nào cao xa cả, mà chỉ cần giáo dục đạo đức, nhân cách, tình yêu cho trẻ là được. Vậy mà, trong nhiều năm qua giáo dục tiểu học của chúng ta vẫn còn có nơi chạy theo thành tích, dạy trẻ theo cách nhồi nhét kiến thức khiến nhiều trẻ sợ đến trường, sợ đi học, tình trạng học thêm trở nên phổ biến và tạo thành một áp lực không nhỏ đến các bậc phụ huynh và gây ra một tâm lý chung là sợ nếu không học thêm con mình sẽ không theo kịp các bạn trong lớp. Vẫn biết ông cha ta đã dạy: “Uốn cây từ thửa còn non, dạy con từ thửa con còn ngây thơ”, nhưng chúng ta không thể mang cách dạy của người lớn áp vào dạy trẻ em.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn thường nói:

“Vì lợi ích mười năm, thì phải trồng cây,

Vì lợi ích trăm năm, thì phải trồng người”⁴.

Vâng, sự nghiệp “trồng người” như Bác nói là sự nghiệp lâu dài không thể một sớm, một chiều mà thành, vì vậy, trong giáo dục, nhất là giáo dục trẻ nhỏ cần kiên nhẫn chứ không

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 4, tr. 41.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 8, tr. 81.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 10, tr. 175.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 4, tr. 228.

thể nóng vội mà đốt cháy giai đoạn để rồi hỏng việc, nhưng cũng không được xao nhãng công việc này. R. Tagore đã nói: “một ngày mà quên giáo hóa, ta lùi về thú tính ngay”.

Trong Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh viết tháng 5/1965, Người nhấn mạnh: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”¹. Có lẽ Bác coi công việc này là rất hệ trọng nên trong Di chúc, Bác chỉ đặt ngay sau những điều nói về Đảng. Việc bồi dưỡng thế hệ cách mạng mà Bác nói chính là giáo dục về đạo đức, truyền thống tốt đẹp của dân tộc, giáo dục lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin, chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho các thế hệ người dân Việt Nam.

Đối với thanh niên, Bác dành một phần quan tâm rất đặc biệt với lực lượng này. Trong các bài nói chuyện, các bức thư gửi thanh niên, Bác luôn đặt kỳ vọng lớn vào họ, bởi Bác nhìn ra vai trò quan trọng của lực lượng thanh niên trong xã hội, họ là “mùa xuân của xã hội” và “Thanh niên là người tiếp sức cách mạng cho thế hệ thanh niên già, đồng thời là người phụ trách, dìu dắt thế hệ thanh niên tương lai tức là các cháu nhi đồng”². Bác nói: “Bác rất yêu quý thanh niên”, họ luôn là lực lượng xung kích, đi đầu trên mọi mặt trận. Trong Di chúc, Bác dành một phần để nói về thanh niên, Bác đánh giá cao họ, do đó, Bác đã căn dặn Đảng ta phải chăm lo đào tạo, bồi dưỡng đoàn viên, thanh niên thành những người vừa “hồng” vừa “chuyên”. Đảng phải chú trọng việc giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên, đó là công việc phải làm đầu tiên vì Người đã từng nói:

“Người có tài mà không có đức là người vô dụng,
Người có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó”.

Đạo đức luôn là cái mà Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng, trong tác phẩm “Đường Cách mệnh” (1927) nội dung Bác đặt lên đầu tiên không phải là về Đảng cũng không phải về đường lối cách mạng mà là tư cách của người làm cách mạng, trong đó yêu cầu đối với mình, đối với người và đối với công việc phải thế nào. Đó không phải là những yêu cầu quá cao siêu mà chỉ là những phẩm chất đạo đức cần có ở mỗi con người, như: cần kiệm, chịu khó, khoan dung, dũng cảm, ... Người cách mạng phải có những đức tính ấy, không có được những đức tính ấy thì không làm được cách mạng. Trong giáo dục đạo đức cách mạng cho nhân dân, Người nhắc nhở phải giáo dục tinh thần yêu nước bằng cách cho các thế hệ sau biết về sự hy sinh anh dũng của các anh hùng liệt sĩ trong kháng chiến.

Có thể thấy, Chủ tịch luôn coi trọng việc giáo dục đạo đức cho các thế hệ từ trẻ nhỏ đến thanh niên, cán bộ kể cả cán bộ lãnh đạo. Đến khi viết Di chúc Người vẫn không quên căn dặn việc giáo dục đạo đức cho đoàn viên, thanh niên, bởi vì đoàn viên, thanh niên là thế hệ tương lai của đất nước, họ là những người nhiệt huyết, luôn muốn sống, cống hiến hết mình để khẳng định bản thân tuy nhiên đây cũng là độ tuổi mà tâm lý chưa ổn định, dễ bị dao động chính vì vậy rất cần phải được chăm lo, bồi dưỡng. Việc chăm lo, bồi dưỡng thế hệ trẻ là nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước và của toàn xã hội, để làm tốt công việc đó không gì quan trọng hơn là đầu tư cho giáo dục, đào tạo vì chỉ có giáo dục mới đào tạo ra những công dân tốt và những cán bộ tốt cho đất nước. Đọc Di chúc của Bác ta thấy những cụm từ “giáo dục”, “đào tạo”, “bồi dưỡng” được Bác sử dụng rất nhiều, điều đó cho thấy Bác rất quan

1. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.24.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 10, tr. 448.

tâm đến vấn đề này. Một trong những nhiệm vụ cần phải làm để xây dựng và phát triển đất nước Người nói đó là: “Sửa đổi chế độ giáo dục cho hợp với hoàn cảnh mới của nhân dân, như phát triển các trường nửa ngày học tập nửa ngày lao động”¹. Đây chính là một nội dung được đề cập tới trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”, đó là đổi mới nội dung giáo dục theo hướng tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Trong giáo dục, đào tạo Bác đặc biệt coi trọng vai trò của nhà giáo: “Nếu không có thầy giáo dạy dỗ cho con em nhân dân, thì làm sao mà xây dựng chủ nghĩa xã hội được? Vì vậy nghề thầy giáo rất là quan trọng, rất là vẻ vang”². Để hoàn thành sự nghiệp “trồng người” vẻ vang ấy, đòi hỏi mỗi người giáo viên phải không ngừng phấn đấu, tu dưỡng rèn luyện phẩm chất đạo đức và chuyên môn nghiệp vụ, phải thường xuyên cập nhật kiến thức và phương pháp giảng dạy. Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu đối với người thầy phải: “chú ý cả tài, cả đức, tài là văn hóa, chuyên môn, đức là chính trị. Muốn cho học sinh có đức thì giáo viên phải có đức... Cho nên thầy giáo, cô giáo phải gương mẫu, nhất là đối với trẻ con”³.

Trong giáo dục trung học, Người nêu ra vấn đề: “Trung học thì cần đảm bảo cho học trò những tri thức phổ thông chắc chắn, thiết thực, thích hợp với nhu cầu và tiền đề xây dựng nước nhà, bỏ những phần nào không cần thiết cho đời sống thực tế”⁴. Còn giáo dục đại học thì: “cần kết hợp lý luận khoa học với thực hành, ra sức học tập lý luận và khoa học tiên tiến của các nước bạn, kết hợp với thực tiễn của nước ta, để thiết thực giúp ích cho công cuộc xây dựng nước nhà”⁵. Từ năm 1955, Bác đã nêu ra những triết lý trong giáo dục, trong triết lý giáo dục của Người vấn đề giáo dục đạo đức cách mạng cho người học là một vấn đề phải được đặt lên hàng đầu, ở bất kỳ cấp học, bậc học nào cũng cần phải chú ý đến. Bởi nếu không chú trọng đến giáo dục đạo đức thì con người không thể hoàn thiện được nhân cách. Ngoài ra, việc giáo dục kỹ năng nghề nghiệp cho người học cũng rất cần thiết bởi công cuộc xây dựng, kiến thiết nước nhà rất cần đến những người có chuyên môn, tay nghề cao. Vì vậy mà tháng 5/1968, khi xem lại Di chúc Bác đã bổ sung một số nội dung, trong đó công việc đầu tiên phải làm đó là công việc đối với con người. Bác không quên nhắc nhở Đảng, Chính phủ cần chọn những thanh niên xung phong, chiến sĩ trẻ ưu tú để đưa đi đào tạo, làm cho họ trở thành những cán bộ, công nhân giỏi về chuyên môn, lập trường tư tưởng vững chắc, họ sẽ là những người góp phần rất lớn vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của đất nước.

Đọc Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ta có thể cảm thấy trong trái tim của Bác luôn có chỗ cho tất cả mọi người, đó chính là giá trị nhân văn trong con người Hồ Chí Minh. Còn quãng thời gian ngắn ngủi, Người không dành cho mình mà lo cho tương lai của của các thế hệ người Việt Nam, Người căn dặn: “Đảng phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”⁶. Nói như đồng chí Vũ

1. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.31.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 11, tr. 332.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, t.9, tr. 492.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 8, tr. 81.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 8, tr. 81.

6. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.24.

Kỳ: “Tất cả, tất cả sức lực và trí tuệ, nỗi lo và niềm vui, những ngày căng thẳng, những đêm trằn trọc, Bác đều hướng vào một mục đích duy nhất là “dân vi quý”¹. Phải phát triển kinh tế chúng ta mới có điều kiện để chăm lo tốt nhất cho người dân và phải khẳng định rằng việc phát triển kinh tế cũng đóng góp một phần quan trọng trong sự nghiệp “trồng người”. Trong Di chúc, Bác không chỉ đề cập tới vấn đề giáo dục thế hệ trẻ mà Người còn nói tới vấn đề giáo dục lại đối với những nạn nhân của chế độ xã hội cũ, đó là trộm cắp, gái điếm, cờ bạc,... Đối với những người đã phạm sai lầm thì Nhà nước bên cạnh việc răn đe còn phải giúp đỡ giáo dục họ để họ có cơ hội trở thành những người lương thiện. Bởi không ít những người quá khứ đã từng phạm phải sai lầm nhưng nhờ được giáo dục cải tạo tốt họ đã trở thành những người có đóng góp lớn cho xã hội. Có thể thấy, vấn đề này Bác đề cập tới trong Di chúc cho đến nay đã 50 năm trôi qua nhưng vẫn mang tính thời sự vì trong xã hội của chúng ta ngày nay còn không ít những người mắc vào các tệ nạn xã hội. Đối với những người này ngoài việc cần phải có sự nghiêm khắc của pháp luật cũng cần phải có sự bao dung nhân ái của cộng đồng.

Công cuộc “trồng người” và “trồng cây” cũng có nhiều công đoạn giống nhau, nếu trồng cây, muốn cây tươi tốt thì phải thường xuyên chăm bón thì đối với con người cũng vậy, muốn con người phát triển toàn diện cũng rất cần phải chăm sóc, yêu thương. Khi có tình yêu thương và sự giáo dục tốt chắc chắn sự nghiệp “trồng người” sẽ thành công.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, cả cuộc đời Người giản dị đến lạ thường, 24 năm làm Chủ tịch nước nhưng Người chẳng có tiền, vàng hay bất kỳ đồ vật gì có giá trị về mặt vật chất. Đến khi sắp từ biệt thế giới này, Người chỉ có muôn vàn tình thân yêu để lại cho các thế hệ nhân dân Việt Nam, cho các cháu thiếu niên, nhi đồng. Và đó cũng chính là động lực để cho các thế hệ người dân Việt Nam nỗ lực, cố gắng xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

3. Kết luận

Cho đến nay, mặc dù đã hơn nửa thế kỷ trôi qua kể từ ngày Bác viết Di chúc nhưng tất cả những lời Bác căn dặn vẫn còn nguyên giá trị. Lời căn dặn phải bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau của Người không chỉ đúng với hiện tại mà còn đúng với muôn đời sau. Sự nghiệp “trồng người” là sự nghiệp sống còn đối với mỗi quốc gia, dân tộc, nó đòi hỏi sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, đòi hỏi sự phối kết hợp giáo dục của gia đình, nhà trường và toàn xã hội. Việt Nam đang trong quá trình hội nhập toàn cầu và nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trở nên cấp thiết nếu Việt Nam không muốn bị bỏ lại phía sau. Những lời dặn của Bác về giáo dục, bồi dưỡng thế hệ cách mạng vẫn luôn là ngọn đuốc sáng soi đường cho sự nghiệp “trồng người” của dân tộc Việt Nam./.

1. *Bác Hồ viết Di chúc và Di chúc của Bác Hồ*, NXB Chính trị Quốc gia, 2007, tr.44-45.

DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI VẤN ĐỀ GIÁO DỤC, BỒI DƯỠNG THANH NIÊN

*ThS. Phạm Văn Ngọc**

Mở đầu

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành nhiều công sức và tình cảm cho việc chăm lo bồi dưỡng thế hệ trẻ. Người luôn coi đó là vấn đề hệ trọng, cần thiết trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, cũng như xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trước lúc đi xa, Người đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta bản Di chúc lịch sử, trong đó Bác vẫn dành một phần nói về thanh niên và việc giáo dục, bồi dưỡng thanh niên, điều này đã thể hiện tư tưởng, tình cảm, sự quan tâm đặc biệt của Bác Hồ đối với những chủ nhân tương lai của đất nước. Trải qua 50 năm, bản Di chúc đã trở thành nguồn cổ vũ to lớn đối với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Quán triệt sâu sắc những nội dung cơ bản trong Di chúc của Người về giáo dục, bồi dưỡng thanh niên, Đảng ta luôn quan tâm đặc biệt tới công tác thanh niên và đã quyết tâm triển khai thực hiện nghiêm túc, theo đúng lời dạy của Người.

Nội dung

Những năm cuối cùng của cuộc đời, mặc dù bận rất nhiều công việc nhưng Bác vẫn chọn những khoảng thời gian thơi thái nhất, đúng vào giờ đẹp nhất của một ngày, lúc 9 giờ sáng ngày 10/5/1965 Bác Hồ bắt đầu viết Di chúc. Di chúc được Người bổ sung qua các năm 1968, 1969 cho phù hợp với tình hình mới của đất nước. Đây là tác phẩm Bác dành nhiều thời gian, tâm trí và suy ngẫm thận trọng. Với những ngôn từ bình dị mà súc tích Bác viết, chúng ta đều cảm nhận được tình cảm gần gũi, yêu thương của Người dành cho mỗi chúng ta, trong đó có thanh niên. Vì vậy, mỗi chúng ta cần phải có trách nhiệm cao hơn, quyết tâm hơn để thực hiện bản Di chúc thiêng liêng của Người.

Trong bản Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn kỹ càng mọi việc đối với Đảng, với nhân dân, trong đó Bác vẫn dành một phần nói về thanh niên và việc giáo dục, bồi dưỡng thanh niên: “Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”¹.

1. Thanh niên là lực lượng quyết định sự phát triển của cách mạng, của dân tộc

Cả cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn gắn bó với việc đào tạo các thế hệ cách mạng. Theo Người, tương lai của đất nước, của dân tộc nằm ngay trong tay các thế hệ thanh niên. Người khẳng định, thanh niên là lực lượng cách mạng hùng

* *Trưởng Cao đẳng Công thương miền Trung*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.622.

hậu, bộ phận quan trọng của dân tộc, là lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng của cha anh. Trong bài viết *Gửi thanh niên An Nam*, năm 1925, Người đã nhắc nhở: “Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám thanh niên già cỗi của người không sớm hồi sinh”¹. Cũng trong năm 1925, khi truyền bá tư tưởng cách mạng cho dân tộc, Hồ Chí Minh chọn đối tượng đầu tiên là thanh niên và Người tập hợp họ trong tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên để thức tỉnh một thế hệ thanh niên yêu nước trong những thập niên đầu thế kỷ XX.

Trong *Thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*, Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Trong công cuộc kiến thiết đó, nước nhà trông mong chờ đợi ở các em rất nhiều. Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”². Người ví thanh niên là mùa xuân của xã hội: “Một năm khởi đầu từ mùa Xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội”³.

Trong hai cuộc kháng chiến, Bác luôn luôn theo dõi chặt chẽ và chỉ dẫn thanh niên tham gia phong trào kháng chiến. Đặt niềm tin vào sức mạnh của thanh niên, Hồ Chí Minh nói: “Người ta thường nói: Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên”⁴. Người luôn xem sự lớn mạnh của tuổi trẻ là thành công của Đảng, là thắng lợi của sự nghiệp cách mạng, là sự trường tồn phát triển của xã hội. Bác luôn dày công chăm lo giáo dục thanh niên trở thành những con người mới của xã hội, chuẩn bị những tiền đề vững vàng để thanh niên sẵn sàng đón nhận sứ mệnh làm chủ nước nhà.

2. Giáo dục, bồi dưỡng thanh niên là yêu cầu khách quan, vừa cấp bách, vừa lâu dài của cách mạng

Từ vai trò to lớn của thanh niên đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và tương lai của dân tộc. Trong Di chúc, Bác căn dặn: “Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”⁵. Luận điểm này của Người đã chỉ ra rằng, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội sẽ mất nếu các thế hệ thanh niên không được chăm lo giáo dục, đào tạo thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong việc giáo dục, bồi dưỡng thanh niên, Người hay nói đến “đức” và “tài”, “hồng” và “chuyên” để chỉ mối quan hệ khăng khít giữa rèn luyện đạo đức và tài năng. Có đạo đức mà không có tài năng chẳng khác gì ông bụt ngồi trong chùa. Có tài năng mà không có đạo đức sẽ gây hại cho xã hội hay tập thể. Vì vậy, mỗi thanh niên phải vừa có đức vừa có tài mới trở thành người có ích cho xã hội.

Việc giáo dục, bồi dưỡng thanh niên là công việc mà suốt cuộc đời mình Bác đã làm

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.144.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.35.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.194.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.216.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.622.

mà không biết mệt mỏi. Người đã từng nhấn mạnh: “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”¹. Tư tưởng lớn này của Người mãi mãi định hướng cho việc xây dựng thể hệ trẻ Việt Nam hôm nay và mai sau.

Theo Hồ Chí Minh, việc giáo dục, bồi dưỡng thanh niên phải được tiến hành thường xuyên trong suốt tiến trình xây dựng và phát triển đất nước và phải đạt được những kết quả cụ thể qua từng chặng đường. Bên cạnh việc khen ngợi, biểu dương, kỳ vọng vào thanh niên. Người cũng thẳng thắn phê bình, nhắc nhở số thanh niên không biết quý trọng công lao của các thế hệ đi trước. Thanh niên là lớp người năng động, sáng tạo, nhạy cảm, dễ tiếp thu với cái mới. Tuy nhiên, cũng cần phải thấy rằng, ở lứa tuổi thanh niên, nhận thức về cuộc sống, quan điểm sống đang trong quá trình hình thành và ổn định. Tính chưa vững chắc này cộng với tính đặc thù của lứa tuổi dễ dẫn đến lối sống thiếu lành mạnh. Nhận thức rõ đặc điểm tâm lý, lứa tuổi này của thanh niên. Trong bài nói chuyện tại *Lễ khai mạc Trường Đại học Nhân dân Việt Nam*, Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Thanh niên cần phải chống tâm lý tự tư tự lợi, chỉ lo cho lợi ích riêng và sinh hoạt riêng của mình. Chống tâm lý ham sung sướng và tránh khó nhọc. Chống thói xem khinh lao động, nhất là lao động chân tay. Chống lười biếng, xa xỉ. Chống cách sinh hoạt ủy mị. Chống kiêu ngạo, giả dối, khoe khoang”².

Hồ Chí Minh cho rằng, thanh niên phải thực hiện cho được khẩu hiệu: “Việc gì khó có thanh niên, ở đâu khó có thanh niên”³. Để thực hiện được tốt khẩu hiệu trên, Bác căn dặn thanh niên: “Phải ra sức học tập chính trị, kỹ thuật, văn hóa, trước hết phải rèn luyện và thấm nhuần tư tưởng xã hội chủ nghĩa, gột rửa cá nhân chủ nghĩa; muốn thế Đoàn Thanh niên phải củng cố và phát triển hơn nữa”⁴. Để Đoàn Thanh niên hoàn thành sứ mệnh cách mạng cao cả, Bác đã đề cao trách nhiệm cụ thể của từng đoàn viên phải gương mẫu trong công tác, trong sản xuất, trong học tập. Trách nhiệm chung của các chi đoàn thanh niên phải xung phong làm đầu tàu trong cuộc thi đua. Vì thi đua là điều kiện thuận lợi giúp cho Đoàn phát triển mạnh mẽ, vững chắc và thu hút sự quan tâm của thanh niên.

Người khẳng định việc giáo dục, bồi dưỡng thanh niên phải thực hiện theo phương châm “Học đi đôi với hành, giáo dục phải gắn liền với xã hội”. Trong thư gửi *Các cán bộ giáo dục, học sinh, sinh viên các trường và các lớp bổ túc văn hóa*, Người nhắc nhở: “Giáo dục phải phục vụ đường lối chính trị của Đảng và Chính phủ, gắn liền với sản xuất và đời sống của nhân dân. Học phải đi đôi với hành, lý luận phải liên kết với thực tế”⁵. Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh nhấn mạnh việc kết hợp nhà trường, gia đình và xã hội trong việc giáo dục, bồi dưỡng thanh niên và cho rằng, giáo dục trong nhà trường chỉ là một phần, còn cần có sự giáo dục ngoài xã hội, trong gia đình để giúp cho việc giáo dục trong nhà trường được tốt hơn. Người viết: “Tôi cũng mong các gia đình liên hệ chặt chẽ với nhà trường, giúp nhà trường giáo dục và khuyến khích con em chăm chỉ học tập, sinh hoạt lành mạnh và hăng hái giúp ích nhân dân”⁶.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.528.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.265.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.18.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.19.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.647.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.186.

Tư tưởng về thanh niên và giáo dục, bồi dưỡng thanh niên trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh có giá trị to lớn, mang tính thời đại sâu sắc. Thực hiện lời căn dặn của Người, 50 năm qua, các lớp thế hệ thanh niên luôn là lực lượng xung kích trên tất cả các mặt trận quân sự, kinh tế, chính trị, văn hoá,... Những đóng góp, cống hiến của thanh niên nửa thế kỷ qua dưới sự lãnh đạo của Đảng đã khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của thanh niên đối với sự nghiệp cách mạng nước ta.

3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, bồi dưỡng thanh niên trong thời kỳ đổi mới của Đảng

Quán triệt sâu sắc tư tưởng của Người trong Di chúc, 50 năm qua, Đảng ta luôn đánh giá cao vai trò của thanh niên, luôn coi thanh niên là lực lượng cách mạng quan trọng. Ngày nay, trong sự nghiệp đổi mới đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, thanh niên được quan tâm đặc biệt, giáo dục và bồi dưỡng về mọi mặt để trở thành người chủ tương lai của nước nhà.

Nghị quyết số 04-NQ/HNTW, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa VII) về *Công tác thanh niên trong thời kỳ mới*, đã xác định: “Đào tạo, giáo dục, bồi dưỡng và tạo mọi điều kiện cho thanh niên phấn đấu để hình thành một thế hệ con người mới có lý tưởng cao đẹp, có ý thức trách nhiệm công dân, có tri thức, có sức khoẻ và lao động giỏi, sống có văn hoá và tình nghĩa, giàu lòng yêu nước và tinh thần quốc tế chân chính”.

Thấm nhuần lời căn dặn của Người về vai trò của thanh niên và việc bồi dưỡng, giáo dục thanh niên trong Di chúc. Nghị quyết số 25-NQ/TW, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa X) về *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa* đã nhấn mạnh: “Chăm lo, bồi dưỡng, giáo dục thanh niên thành lớp người “vừa hồng vừa chuyên” theo tư tưởng Hồ Chí Minh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quan trọng của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, gia đình, nhà trường và xã hội”.

Tiếp đó, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Chỉ thị số 42-CT/TW về *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030* tiếp tục khẳng định: “Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá cho thế hệ trẻ là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài, quan trọng, đòi hỏi phải có sự quan tâm, đầu tư thích đáng. Đầu tư cho giáo dục, trong đó có giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá cho thế hệ trẻ là đầu tư cho tương lai của đất nước. Đây là nhiệm vụ của toàn Đảng, của các cấp, các ngành, đoàn thể, gia đình và toàn xã hội; tạo điều kiện tối đa cho thế hệ trẻ học tập, lao động, cống hiến, là lực lượng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc”.

Trước sự quan tâm, chăm lo và kỳ vọng lớn lao của Đảng và Nhà nước, hơn bao giờ hết, mỗi thanh niên cần nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm để không ngừng học tập và tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu để trở thành lực lượng xung kích thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng và bảo vệ vững chắc nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Ngày nay, trước những nội dung, yêu cầu mới của công cuộc đổi mới, thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc giáo dục, bồi dưỡng thanh niên tập trung vào những nội dung cơ bản sau:

Một là, tăng cường giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa trong thanh niên

Đây mạnh giáo dục lý tưởng sống cao đẹp đối với các tầng lớp thanh niên, trong đó tinh thần yêu nước là lẽ sống cao đẹp nhất, là lý tưởng của thanh niên. Tinh thần yêu nước của thanh niên hiện nay phải gắn với yêu chủ nghĩa xã hội. Thanh niên hiện nay phải biết lấy những phẩm chất đạo đức Hồ Chí Minh làm mục tiêu phấn đấu, trước hết là cần, kiệm, liêm, chính. Thực hành chuẩn mực đạo đức cần, kiệm, liêm, chính đối với thanh niên là rất cần thiết. Thanh niên phải là những người đi tiên phong trong việc giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, đấu tranh chống lại những cái lạc hậu, lỗi thời, những thói quen cũ trong xây dựng lối sống văn hóa. Xây dựng cho mình lối sống lành mạnh, văn minh, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng; có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

Hai là, trau dồi tri thức là việc làm rất quan trọng đối với các tầng lớp thanh niên

Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với nước ta trong việc đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Muốn tiếp thu được những thành tựu khoa học, giá trị văn hóa, trở thành người tài năng, đóng góp nhiều cho xã hội trước hết thanh niên phải có vốn tri thức phong phú trên nhiều lĩnh vực. Học, học nữa, học mãi là phương châm mà Lênin và Hồ Chí Minh khuyên nhủ thanh niên.

Ba là, xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh

Xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh thực sự là trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên. Cũng cố tổ chức và đổi mới phương thức hoạt động của Đoàn, nhất là đoàn cơ sở. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đoàn, nhất là đoàn cơ sở. Đoàn kết, tập hợp rộng rãi các tầng lớp thanh niên trong các tổ chức của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt. Chăm lo xây dựng Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và các hình thức tập hợp, giáo dục nhi đồng.

Thứ tư, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục, bồi dưỡng thanh niên

Nâng cao nhận thức của cấp ủy đảng và đội ngũ đảng viên đối với công tác bồi dưỡng, giáo dục thanh niên. Các cấp ủy đảng cần có kế hoạch cụ thể trong công tác bồi dưỡng, giáo dục, rèn luyện thế hệ trẻ, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành thực hiện nhiệm vụ giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện thanh niên. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về chủ trương, đường lối, chính sách đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng, giáo dục thanh niên bằng các biện pháp thiết thực, hiệu quả, mạnh dạn bố trí và sử dụng cán bộ trẻ trên tất cả các lĩnh vực.

Kết luận

Giáo dục, bồi dưỡng thanh niên là vấn đề có ý nghĩa chiến lược trong Di chúc của Hồ Chí Minh. Sự hưng hay suy của một dân tộc, một quốc gia không chỉ là dân tộc ấy, quốc gia ấy đã từng giải quyết nhiệm vụ lịch sử đặt ra cho họ như thế nào mà còn là họ chuẩn bị con người cho tương lai ra sao. Vấn đề này là công việc mà suốt cuộc đời mình Bác đã làm mà không biết mệt mỏi. Tư tưởng của Người luôn được quán triệt, vận dụng trong mọi chủ trương, đường lối của Đảng về công tác thanh niên và đã đem lại những thành tựu lớn trong việc giáo dục, bồi dưỡng thanh niên. Mỗi chúng ta phải thật sự thấm nhuần lời căn dặn của Bác trong Di chúc: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”/.

THỰC HIỆN DI HUẤN CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ GIÁO DỤC LÝ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC CHO ĐOÀN VIÊN THANH NIÊN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

*ThS. Hoàng Thị Mỹ Nhân**

Mở đầu

Chủ tịch Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất của nhân dân Việt Nam. Năm mươi năm kể từ lúc Người ra đi, nhưng Người đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta một bản Di chúc vô cùng quý báu. Đó là tài sản, là văn kiện vô giá của dân tộc Việt Nam. Trong bản Di chúc, Người đã căn dặn Đảng ta, dân tộc ta rất nhiều nội dung, trong đó Người đã dành cho thế hệ trẻ sự ân cần, yêu thương và quan tâm đặc biệt. Bài viết tập trung nghiên cứu những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đặc điểm, vai trò và sức mạnh của đoàn viên, thanh niên, đặc biệt là nội dung được thể hiện trong Di chúc của Người. Phân tích những đặc điểm của đoàn viên thanh niên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay cả về ưu điểm và nhược điểm, từ đó đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp cần phải thực hiện trong công tác giáo dục lý tưởng, đạo đức cho thế hệ trẻ nhằm phát huy tốt hơn nữa vai trò xung kích, đi đầu của lực lượng này.

Nội dung

1. Nội dung giáo dục lý tưởng, đạo đức cho đoàn viên thanh niên trong tư tưởng Hồ Chí Minh

Thanh niên là một trong những lực lượng quan trọng của xã hội, một trong những nhân tố quyết định tương lai, vận mệnh dân tộc. Khi nói đến thanh niên chúng ta sẽ nghĩ ngay đến lớp người trẻ tuổi, có sức khỏe, nghị lực, có ước mơ, hoài bão, có ý chí mạnh mẽ, muốn khẳng định mình và họ cũng là những người hòa nhập rất nhanh, thích ứng rất nhanh với đời sống xã hội. Thanh niên luôn được coi là lực lượng xã hội có sức sống mãnh liệt nhất, năng động nhất, đi đầu trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chính vì vậy, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao vị trí, vai trò quan trọng của thanh niên, xác định thanh niên là thế hệ tương lai của đất nước, đội quân xung kích của cách mạng, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng, công tác thanh niên là vấn đề sống còn của dân tộc, là một trong những nhân tố quyết định thành bại của cách mạng. Trước lúc đi xa, trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo, giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”¹.

**Trường Đại học Tài chính – Marketing*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 12, tr.516.

Ở đây, cần hiểu khái niệm “hồng” mà Bác đề cập trong Di chúc chính là đạo đức cách mạng. Người rất quan tâm đến giáo dục đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ. Bởi trong quan điểm của Bác: “Người có tài mà không có đức là người vô dụng. Người có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó”. Chính vì vậy, giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức trở thành một nội dung được Người quan tâm và nhắc nhở hàng đầu đối với thế hệ trẻ.

Đánh giá cao sức mạnh của đoàn viên thanh niên, ngay từ những ngày đầu cách mạng thành công, Bác đã quan tâm căn dặn các cháu thanh niên và tin tưởng vào vai trò của người thanh niên trong công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước: “Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên. Thanh niên muốn làm người chủ tương lai cho xứng đáng thì ngay hiện tại phải rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải ra làm việc để chuẩn bị cái tương lai đó”¹.

Trước hết, nói về nhiệm vụ học tập của thanh niên. Trong bài nói chuyện với nam nữ thanh niên học sinh ở Hà Nội (1954), Bác Hồ đã nhấn mạnh rằng: Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà và muốn xứng đáng vai trò người chủ thì phải học tập. Theo Bác, học tập để yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học. Và học “để phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, làm cho dân giàu nước mạnh, tức là để làm tròn nhiệm vụ người chủ của nước nhà”².

Tại đại hội lần thứ III của Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam ngày 24 tháng 3 năm 1961, Người nói rằng đạo đức cách mạng của người thanh niên là “bất kỳ ở cương vị nào, bất kỳ làm công việc gì, đều không sợ khó, không sợ khổ, đều một lòng một dạ phục vụ lợi ích chung của giai cấp, của nhân dân, đều nhằm mục đích xây dựng xã hội chủ nghĩa. Đạo đức cách mạng là đạo đức tập thể, nó phải đánh thắng và tiêu diệt chủ nghĩa cá nhân”³.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhìn nhận và đánh giá đúng những mặt cần phát huy và những hạn chế của thanh niên. Ưu điểm của thanh niên là hăng hái, giàu tinh thần xung phong. Khuyết điểm là ham chuộng hình thức, thiếu thực tế, bệnh cá nhân, bệnh anh hùng. Nhưng khi thanh niên đã được tổ chức, giáo dục và lãnh đạo thì họ lại rất hăng hái, đem hết nhiệt huyết của tuổi trẻ để được cống hiến cho đất nước. Còn những hạn chế thì sửa chữa như thế nào, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã chỉ rõ: Phải cố gắng học hỏi, học để trở thành người có đức, có tài, đầy mới là con người mà Tổ quốc cần.

Đi đôi với nhiệm vụ học tập, nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn, thanh niên phải rèn luyện về đạo đức cách mạng. Trong suốt cả cuộc đời vì nước, vì dân, Bác luôn coi đạo đức cách mạng là gốc, là phẩm chất không thể thiếu của người cách mạng. Bác nói: “Thanh niên bây giờ là một thế hệ vẻ vang, vì vậy cho nên phải tự giác, tự nguyện và tự động cải tạo tư tưởng của mình để xứng đáng với nhiệm vụ của mình. Tức là thanh niên phải có đức, có tài. Có tài mà không có đức ví như một anh làm kinh tế tài chính rất giỏi nhưng lại đi đến thụt két thì chẳng những không làm được gì lợi ích cho xã hội, mà còn làm hại cho xã hội

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 5, tr.422.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 7, tr.398-399.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 10, tr.306.

nữa. Nếu có đức mà không có tài ví như ông Bụt không làm hại gì, nhưng cũng không lợi ích gì cho loài người”¹.

Rèn luyện đạo đức không phải là lời nói suông, mà nó phải được thể hiện ở mỗi hoàn cảnh, điều kiện, công việc cũng như con người cụ thể. Bác Hồ đã dạy chúng ta: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”.

Thực hiện lời căn dặn của Người, năm mươi năm qua, các lớp thanh niên luôn là lực lượng đi đầu trên tất cả các mặt trận quân sự, kinh tế, chính trị, văn hóa... cùng với các phong trào thanh niên như: Ba sẵn sàng, Ba đảm đang, Năm xung phong... trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thì nay trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vai trò của thanh niên lại được thể hiện trong các hoạt động như: Phong trào thanh niên lập thân, lập nghiệp, phong trào thanh niên tình nguyện, hiến máu nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa...

2. Giáo dục lý tưởng, đạo đức cho thanh niên ở nước ta giai đoạn hiện nay

Hiện nay, cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường và xu thế hội nhập mở cửa, trong tầng lớp thanh niên đã và đang xuất hiện nhiều tài năng trẻ, nhiều tấm gương năng động sáng tạo trong sản xuất kinh doanh, trong học tập và hoạt động nghiên cứu khoa học, văn học nghệ thuật, thể thao... Qua các phong trào do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phát động như: “Thanh niên lập nghiệp”, “Tuổi trẻ giữ nước”... đã thu hút đông đảo đoàn viên thanh niên tham gia, trở thành phong trào rộng khắp trong tuổi trẻ cả nước. Đó là môi trường thuận lợi cho đoàn viên thanh niên rèn luyện phấn đấu và trưởng thành.

Tuy nhiên, trong một bộ phận thanh niên đang có những biểu hiện tiêu cực. Một hiện tượng đáng lo ngại là một bộ phận thanh thiếu niên đang lún sâu vào con đường ăn chơi, nghiện ngập, trộm cắp, vi phạm pháp luật... Một bộ phận khác ít quan tâm đến hoạt động chính trị, coi thường những truyền thống cách mạng. Một số khác bị phai nhạt về lý tưởng, mất niềm tin vào cuộc sống, bi quan, dễ dao động, kích động, không làm chủ được bản thân...

Trong điều kiện hiện nay, đạo đức cách mạng cần phải được thể hiện một cách thiết thực, gắn liền với cuộc sống, công việc của thế hệ trẻ thanh niên: đó là sự cống hiến tài năng, trí tuệ, sức lực cho nhân dân, cho sự nghiệp cách mạng; đó là chất lượng, hiệu quả công việc của mỗi cá nhân đạt được và đó là đặt lợi ích của cá nhân sau lợi ích của Đảng, của nhân dân, của tập thể.

Đảng ta luôn nhìn nhận và đánh giá đúng vai trò của thanh niên trong sự nghiệp cách mạng, coi trọng việc giáo dục, bồi dưỡng, tổ chức thanh niên thành lực lượng hùng hậu, trung thành, kế tục sự nghiệp của Đảng và dân tộc. Đảng luôn coi công tác thanh niên là một bộ phận hữu cơ trong hoạt động của mình.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư, Ban Chấp hành Trung ương khóa VII đã khẳng định: “Thanh niên ngày nay là lực lượng xã hội to lớn, có tiềm năng hùng hậu, kế thừa tinh hoa truyền thống của dân tộc và những thành quả cách mạng”. “Thanh niên là lực lượng xung kích trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, sự đổi mới có thành công hay không, đất nước bước vào thế kỷ 21 có vị trí xứng đáng trong cộng đồng thế giới hay không phần lớn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 9, tr.178.

tùy thuộc vào lực lượng thanh niên, vào việc bồi dưỡng, rèn luyện thế hệ thanh niên. Công tác thanh niên là vấn đề sống còn của dân tộc, là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, vấn đề thanh niên phải được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược phát huy nhân tố và nguồn lực con người”¹.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa” đã khẳng định: “Thanh niên là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thanh niên được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược bồi dưỡng, phát huy nhân tố và nguồn lực con người. Chăm lo, phát triển thanh niên vừa là mục tiêu, vừa là động lực bảo đảm cho sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước”.

Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ nói chung, thanh niên nói riêng luôn được Đảng, Nhà nước và các nhà trường cũng như toàn xã hội quan tâm. Ngày 24/3/2015, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 42-CT/TW về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 - 2030”, trong đó đã chỉ rõ những kết quả tích cực đạt được cũng như những hạn chế, yếu kém của công tác, giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ (trong đó thành phần rất quan trọng là thanh niên), từ đó đã đưa ra được những giải pháp nhằm giáo dục lý tưởng, đạo đức cho thanh niên trong thời gian tới.

Theo chúng tôi, để phát huy hết vai trò, sức mạnh của đoàn viên thanh niên trong giai đoạn hiện nay, cần có những giải pháp mang tính cụ thể hơn. Giáo dục đạo đức cách mạng cho đoàn viên thanh niên, trước hết là xây dựng lý tưởng niềm tin cho tuổi trẻ. Nếu thanh niên không có hoài bão ước mơ, không có niềm tin thì sẽ không có sự kiên trì, dũng cảm, vượt khó vượt khổ, không có đức hy sinh và những định hướng cho mình. Bên cạnh đó không ngừng nâng cao chất lượng lao động trẻ, giải quyết việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho thanh niên, đồng thời xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, tạo điều kiện cho thanh niên nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, phát triển toàn diện tích cực đóng góp cho sự phát triển của đất nước.

Muốn vậy, cần nhận thức đúng, đầy đủ tính cấp bách và tầm quan trọng của công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ. Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá cho thế hệ trẻ là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài, quan trọng, đòi hỏi phải có sự quan tâm, đầu tư thích đáng.

Xác định công tác giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho đoàn viên thanh niên là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, của các cấp, các ngành, đoàn thể, gia đình và toàn xã hội; tạo điều kiện tối đa cho thế hệ trẻ học tập, lao động, cống hiến, là lực lượng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc.

Tập trung đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục và vận động toàn xã hội thấy được ý nghĩa, vai trò, sự cần thiết của công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá cho thế hệ trẻ; nhìn nhận đúng thế mạnh, cũng như những hạn chế vốn có của giới trẻ Việt

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (Khóa VII)*, tr.82.

Nam, đổi mới nội dung, phương thức giáo dục thanh thiếu nhi.

Các cấp lãnh đạo cần định kỳ có những cuộc gặp gỡ, đối thoại, nắm bắt tâm tư, tình cảm, định hướng tư tưởng, giải quyết kịp thời nhu cầu, nguyện vọng chính đáng và chăm lo, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của đoàn viên thanh niên.

Chủ động, kịp thời cung cấp thông tin chính thống về tình hình trong nước và thế giới cho thanh niên. Chú trọng tuyên truyền các phong trào thi đua yêu nước, gương người tốt, việc tốt trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đấu tranh phòng, chống “diễn biến hoà bình”, phản bác các luận điệu, thông tin sai trái; tăng sức đề kháng cho thế hệ trẻ trước sự chống phá của các thế lực thù địch.

Quản lý và làm tốt công tác truyền thông. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cơ quan truyền thông, nhất là các cơ quan báo chí, xuất bản của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong việc giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá cho đoàn viên thanh niên. Chú trọng đưa gương người tốt, việc tốt để làm gương, giáo dục thanh niên.

Đề cao vai trò, trách nhiệm của gia đình trong việc nuôi dưỡng, giáo dục và bảo vệ thanh thiếu nhi; cùng với nhà trường giáo dục hình thành nhân cách và trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết cho thế hệ trẻ phát triển toàn diện. Xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình văn hoá, ông bà, cha mẹ, anh chị mẫu mực, con cháu hiếu thảo, vợ chồng hoà thuận, gia đình đoàn kết, thương yêu nhau, bảo vệ cái tốt, cái đúng, chống lại cái xấu, cái ác.

Xây dựng trường học thực sự trở thành trung tâm văn hoá, giáo dục, rèn luyện thanh thiếu nhi; kết hợp hài hoà giữa học chính khoá và ngoại khoá, qua đó góp phần hình thành lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá cho thế hệ trẻ. Tạo điều kiện để các tổ chức Đoàn, Hội, Đội trong trường học phát huy vai trò, ảnh hưởng và tích cực tham gia quá trình giáo dục toàn diện học sinh, sinh viên.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập các môn lý luận chính trị, đạo đức, bảo đảm thực chất, giúp thế hệ trẻ nhận thức sâu sắc, toàn diện về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, sống có văn hoá, nghĩa tình, phấn đấu thực hiện mục tiêu “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”, bồi đắp lòng yêu nước, tinh thần tự cường dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường phát triển đất nước.

Đề cao vai trò nêu gương của cán bộ Đoàn, Hội, Đội, nhân rộng điển hình tiên tiến gắn với đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; phát huy tinh thần tự học tập, rèn luyện, phấn đấu trong cán bộ, đoàn viên, thanh thiếu nhi.

Kết luận

Nhận định thế hệ trẻ là một lực lượng nòng cốt của cách mạng, có vai trò rất lớn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến bồi dưỡng lý tưởng, đạo đức, lối sống cho những đoàn viên thanh niên. Đó là công việc mà suốt cuộc đời Bác đã làm và làm không biết mệt mỏi. Thực hiện di huấn của Người, ngày nay chúng ta cần tăng cường giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa, ý thức công dân để hình thành thế hệ thanh niên có phẩm chất tốt đẹp, có khí phách và quyết tâm hành động, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo cơ hội cho mọi thanh niên được học tập, không ngừng nâng cao trình độ, có tri thức và kỹ năng, vươn lên ngang tầm với thời đại mới./.

DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - GIẢI PHÁP VỀ CÔNG TÁC BỒI DƯỠNG THANH NIÊN HIỆN NAY CỦA ĐẢNG

*Dương Minh Nhật**

Trước khi đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành ra năm năm suy nghĩ, trăn trở với ba lần viết, sửa chữa Di chúc để lại cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta bản Di chúc quý giá. Trải qua 50 năm, bản Di chúc là những lời dạy quý giá còn giá trị đến tận ngày hôm nay, là nguồn cổ vũ động viên to lớn đối với toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta tiến lên giành thắng lợi sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, vững bước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong bản Di chúc của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn kỹ càng mọi việc đối với Đảng, với nhân dân trong đó Bác vẫn dành một phần để nói về thanh niên và vai trò của thanh niên, điều này đã thể hiện tư tưởng, tình cảm sự quan tâm đặc biệt của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với thanh niên và công tác thanh niên của Đảng.

Trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên”.

Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và cần thiết”¹.

Có thể nhận thấy đây là những tổng kết lý luận mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rút ra từ trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và lịch sử của đất nước, từ thực tiễn của lãnh đạo, xây dựng tổ chức của Người qua các thời kỳ cách mạng khác nhau, để định hướng, tiếp tục phát huy sức mạnh của thanh niên trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, tương lai của đất nước dân tộc nằm trong tay các thế hệ thanh niên. Người khẳng định thanh niên là lực lượng hùng hậu, bộ phận quan trọng của dân tộc, là những người kế thừa sự nghiệp cách mạng các thế hệ từ đời này sang đời khác. Trong thư gửi “Thanh niên An Nam”(1925), Người đã viết “Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám Thanh niên già cỗi của Người không sớm hồi sinh”². Để thức tỉnh lớp thanh niên này, Người đã lập ra tổ chức Việt Nam Thanh niên Đồng chí Hội, viết tác phẩm “Đường Cách Mệnh” để bồi dưỡng những hạt mầm đầu tiên chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam về sau. Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Người đã chỉ rõ: “Nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần là do thanh niên, thanh

* *Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV TP Hồ Chí Minh*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.12, tr.498.

2. Nguyễn Ái Quốc: *Bản án chế độ thực dân Pháp*, NXB Trẻ, TP Hồ Chí Minh, 2010, tr. 186.

niên là chủ trương lai của đất nước”¹. Người luôn coi sự lớn mạnh của tuổi trẻ là thành công của Đảng, là thắng lợi của sự nghiệp cách mạng, là sự trường tồn phát triển của xã hội. Người luôn dày công chăm lo giáo dục thanh niên trở thành những con người mới của xã hội, chuẩn bị những tiền đề vững vàng để thanh niên sẵn sàng đón nhận sứ mệnh làm chủ nước nhà.

Người còn chỉ rõ, thanh niên là người kết nối quá khứ với tương lai: “Thanh niên là người tiếp sức cách mạng cho thế hệ thanh niên già, đồng thời là người diu dắt thế hệ thanh niên tương lai”². Điều này phản ánh một vấn đề có tính quy luật, đó là sự “chuyển giao thế hệ”. Mỗi thế hệ chỉ có thể hoàn thành được nhiệm vụ của mình trong một chặng đường cách mạng nhất định và phải được thế hệ sau tiếp bước. Đó chính là thanh niên, “người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội” mà Người đã gửi gắm vào Di chúc. Từ vai trò to lớn của thanh niên đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và tương lai của dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết. Luận điểm này của Người đã chỉ ra rằng, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội sẽ mất nếu các thế hệ thanh niên không được chăm lo giáo dục đào tạo thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Người luôn chú trọng tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Chính phủ đối với công tác thanh niên. Ngay sau Cách mạng tháng Tám, Người đã chỉ thị thành lập Bộ Thanh niên, rồi đến Nha Thanh niên trong Chính phủ để chăm lo công tác thanh niên. Bác luôn nhắc nhở các bộ, các ngành ban hành những chính sách nhằm giải quyết những vấn đề thuộc lợi ích nguyện vọng chính đáng của thanh niên; tổ chức Đoàn Thanh niên phải liên hệ với các lực lượng của Chính phủ. Hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo đó của Người đã chỉ ra rằng, muốn đào tạo bồi dưỡng thanh niên thành những lớp người “thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa hồng vừa chuyên”, cần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước; sự tổ chức phối hợp nhiều lực lượng của xã hội. Tư tưởng về thanh niên và bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh mang tính thời đại sâu sắc. Những đóng góp, cống hiến của thanh niên trong hơn ba mươi năm đất nước đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng đã khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của thanh niên đối với sự nghiệp cách mạng nước ta. Thực hiện Di chúc của Người, bước vào thời kỳ đất nước đổi mới, Đảng ta khẳng định: “Sự nghiệp đổi mới có thành công hay không, cách mạng Việt Nam có vững bước theo con đường xã hội chủ nghĩa hay không phần lớn tùy thuộc vào lực lượng thanh niên, vào việc bồi dưỡng rèn luyện thế hệ thanh niên; công tác thanh niên là vấn đề sống còn của dân tộc, là một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng” (Nghị quyết Hội nghị TW4 khoá VII)³.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 BCH TW khoá X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa có nêu: “Thanh niên là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của sự

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 5, tr. 216.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 10, tr.488.

3. Trương Thị Thu Hà: Quan điểm của Đảng về xây dựng đạo đức mới cho thanh niên. 2016.

<http://old.tuyenquang.gov.vn/DetailView/7120/16/Quan-diem-cua-Dang-ve-xay-dung-dao-duc-moi-cho-thanh-nien.html>

ng nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thanh niên được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược bồi dưỡng, phát huy nhân tố và nguồn lực con người. Chăm lo, phát triển thanh niên vừa là mục tiêu, vừa là động lực bảo đảm cho sự ổn định và phát triển vững bền của đất nước”.¹

Đại hội XII của Đảng khẳng định: “Đổi mới nội dung, phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng, lý tưởng, truyền thống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, xây dựng đạo đức, lối sống lành mạnh, ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật cho thế hệ trẻ. Có cơ chế, chính sách phù hợp tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho thế hệ trẻ học tập, nghiên cứu, lao động, giải trí, phát triển trí tuệ, kỹ năng, thể lực. Khuyến khích, cổ vũ thanh niên nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, xung kích, sáng tạo, làm chủ khoa học, công nghệ hiện đại. Phát huy vai trò của thế hệ trẻ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thu hút rộng rãi thanh niên, thiếu niên và nhi đồng tham gia các tổ chức do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt và phụ trách”².

Có thể thấy rằng thanh niên là vấn đề mang tính chiến lược, cơ bản, cấp thiết, cần có sự quan tâm, giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và phát huy một cách toàn diện cả về mặt chính trị cũng như năng lực khoa học và công tác chuyên môn. Để thích ứng với tình hình đất nước hiện nay, mỗi thanh niên phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, bản lĩnh khoa học chắc chắn, phải có sức khỏe tốt để phục vụ lâu dài cho đất nước.

Dưới sự lãnh đạo giáo dục rèn luyện của Đảng, thanh niên ngày nay tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng của các thế hệ cha anh; có thái độ và ý thức chính trị rõ ràng đối với vận mệnh của đất nước, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, có chí tiến thủ, sớm có ý chí lập thân, lập nghiệp, ý thức chia sẻ, tương thân, tương ái, không ngại khó khăn, khát khao mong muốn Đảng, Nhà nước tạo điều kiện để họ có thể cống hiến tốt hơn cho đất nước.

Tuy nhiên, hiện nay, trước những tác động nhiều mặt của tình hình kinh tế - xã hội, một bộ phận thanh niên sống thiếu lý tưởng, giảm sút niềm tin, ít quan tâm đến tình hình đất nước, thiếu ý thức chấp hành pháp luật, sống thực dụng, xa rời truyền thống văn hóa dân tộc... Học vấn của một bộ phận thanh niên, nhất là ở vùng sâu, vùng xa còn thấp; nhiều thanh niên còn thiếu kiến thức và kỹ năng trong hội nhập quốc tế. Tính độc lập, tự chủ, ý chí, nghị lực, chủ động, sáng tạo, năng lực thực hành sau đào tạo của thanh niên còn yếu, chưa đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhất là trước tác động của làn sóng cách mạng công nghệ 4.0.

Ngày nay, hầu hết thanh niên đều sinh ra, lớn lên khi đất nước đã hòa bình, độc lập, họ đã và đang được thừa hưởng những thành quả của nền hòa bình, độc lập dân tộc do các thế hệ cha anh đem lại. Trước những nội dung, yêu cầu mới của thời đại, trước những tác động cả thuận lợi và khó khăn, của cả thời cơ và thách thức, thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc bồi dưỡng thế hệ cách mạng thanh niên cần tập trung vào những nội dung cơ bản sau:

1. Trương Thị Thu Hà: Quan điểm của Đảng về xây dựng đạo đức mới cho thanh niên. 2016.
<http://old.tuyenquang.gov.vn/DetailView/7120/16/Quan-diem-cua-Dang-ve-xay-dung-dao-duc-moi-cho-thanh-nien.html>

2. Trương Thị Thu Hà: Quan điểm của Đảng về xây dựng đạo đức mới cho thanh niên. 2016.
<http://old.tuyenquang.gov.vn/DetailView/7120/16/Quan-diem-cua-Dang-ve-xay-dung-dao-duc-moi-cho-thanh-nien.html>

Thứ nhất, phải giáo dục cho thanh niên có nhận thức đầy đủ, có khát vọng vươn tới giá trị chân, thiện, mỹ.

Nhận thức đầy đủ, đúng đắn về giá trị chân, thiện, mỹ có thể coi là hành trang đầu tiên của mỗi cá nhân trước khi hội nhập vào đời sống cộng đồng, nhất là với thế hệ trẻ hôm nay vốn sinh ra, lớn lên trong một môi trường chịu nhiều những tác động cả tích cực và tiêu cực từ nhiều phía, cả trong và ngoài nước. Nhiều giá trị văn hóa của dân tộc, giá trị đạo đức trong đời sống cộng đồng, trong mỗi gia đình dường như đang bị mai một trước xu thế hội nhập, trước những tác động tiêu cực từ mặt trái của cơ chế thị trường. Một bộ phận thanh niên trước ngưỡng cửa cuộc đời đang rất thiếu những hiểu biết cơ bản về giá trị cuộc sống, họ lúng túng trong phân biệt đâu là giá trị đích thực, đâu là sự hư vinh giả tạo. Điều đó dẫn đến hoặc là chạy theo lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền, với lối sống hưởng thụ, hoặc là buông thả, phó mặc cuốn theo những tệ nạn xã hội.

Những xu hướng đó đều dễ dẫn tới những nhân cách lệch lạc, tổn hại cho chính bản thân họ và cho cả cộng đồng. Bởi vậy, trong những nội dung giáo dục cho thanh niên, trước hết cần quan tâm trang bị cho họ những kiến thức, những hiểu biết về đạo đức, đạo lý, về truyền thống văn hóa của dân tộc. Dù rằng, những nội dung đó đã được trang bị cho mỗi người thanh niên từ trong nhà trường, trong mỗi gia đình từ thuở ấu thơ. Tuy nhiên, lứa tuổi thanh niên là lứa tuổi mà kinh nghiệm cuộc sống chưa nhiều, do vậy, họ vẫn đang rất cần sự quan tâm giáo dục, nâng đỡ của các thế hệ đi trước. Trên cơ sở những kiến thức, những hiểu biết cơ bản về giá trị chân, thiện, mỹ, cần hướng cho thanh niên biết đấu tranh để giữ gìn những giá trị truyền thống của dân tộc, của quê hương nơi mà họ sinh ra, lớn lên.

Thứ hai, giáo dục cho thanh niên hiểu biết những giá trị trong truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến giáo dục những truyền thống tốt đẹp của dân tộc cho mọi cán bộ, đảng viên, nhất là cho thế hệ trẻ. Theo Người, việc hiểu biết đầy đủ những giá trị truyền thống trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước là trách nhiệm của mỗi công dân, nhất là với thế hệ trẻ.

Thế hệ trẻ hôm nay là những người được thừa hưởng những thành quả của biết bao thế hệ cha ông để lại. Trách nhiệm của họ là phải biết tri ân công lao của cha ông, phải viết tiếp những trang sử mới của dân tộc bằng những nỗ lực trên mặt trận lao động, sản xuất, học tập và công tác để nước ta thực sự là dân giàu, nước mạnh. Đúng như lời Bác dặn: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”.

Việc giáo dục những giá trị trong truyền thống đấu tranh dựng nước, lịch sử hào hùng của dân tộc cho thanh niên cần được bắt đầu từ rất sớm, từ trong mỗi gia đình với những bài học về đạo đức, về lòng biết ơn, sự tự hào với ông cha, với dân tộc; trong nhà trường với những kiến thức cần thiết và những phong trào, hoạt động tri ân, tưởng nhớ công lao của những anh hùng dân tộc, tôn vinh những tấm gương trong xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh...; và sự quan tâm góp sức của xã hội để thanh niên từng bước đảm nhận, gánh vác trách nhiệm của mình trước non sông, dân tộc qua các phong trào tình nguyện mà thanh niên đóng vai trò xung kích.

Thứ ba, bồi dưỡng thanh niên có nhận thức đúng đắn về mục tiêu, lý tưởng của Đảng, về con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

Trải qua bao năm bôn ba nơi hải ngoại, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tìm ra con đường duy nhất đúng đắn cho cách mạng nước ta là đấu tranh để giành cho được độc lập dân tộc, độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đó là con đường duy nhất để đưa dân tộc ta từ thân phận nô lệ trở thành những người làm chủ vận mệnh của bản thân và làm chủ cả xã hội. Những biến động khó lường của cách mạng thế giới những năm qua, với những hậu quả từ sự thoái trào của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế càng cho thấy sự lựa chọn sáng suốt, đúng đắn của Người.

Để thực sự xứng đáng là những chủ nhân tương lai của đất nước, chúng ta cần bồi dưỡng cho thanh niên hiểu và nắm vững mục tiêu, lý tưởng của Đảng, con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn để rèn luyện, phấn đấu, phụng sự cho sự nghiệp cao cả đó. Đây là quá trình lâu dài, công phu, và muốn đạt được thành công, chúng ta phải luôn nhớ tới sự chỉ bảo của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giáo dục, bồi dưỡng thanh niên, đó là phải thông qua các phong trào thực tế của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; kết hợp kiến thức trong nhà trường với kiến thức chính trị - xã hội... Từ đó, thanh niên thấm nhuần và khắc sâu về lý tưởng của thế hệ mình, biến nhận thức thành hành động tự giác qua các phong trào cách mạng, trong ứng xử hằng ngày.

Thứ tư, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bồi dưỡng thế hệ trẻ.

Thường xuyên nâng cao nhận thức của cấp ủy Đảng và đội ngũ đảng viên đối với công tác bồi dưỡng, giáo dục thế hệ trẻ. Mỗi tổ chức Đảng cần nhận thức rõ: việc chăm lo bồi dưỡng thế hệ trẻ là chuẩn bị đội dự bị tin cậy bổ sung lực lượng cho Đảng. Vì vậy, cấp ủy đảng các cấp cần có kế hoạch cụ thể trong công tác bồi dưỡng, giáo dục, rèn luyện thế hệ trẻ, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành thực hiện nhiệm vụ giáo dục, rèn luyện thế hệ trẻ.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về chủ trương, đường lối, chính sách đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ bằng các biện pháp thiết thực, hiệu quả, mạnh dạn bố trí và sử dụng cán bộ trẻ trên tất cả các lĩnh vực. Phát huy vai trò gương mẫu của mỗi đảng viên trong công tác tuyên truyền thanh niên về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; giúp đỡ, tạo điều kiện để thế hệ trẻ trưởng thành, tiến bộ..

Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn thường nói: “Công việc ngày càng nhiều, so với trước đây, công việc bây giờ khó khăn hơn, to lớn hơn, phức tạp hơn... có nhiều chuyện trước không có, mà bây giờ phải làm”. Vì vậy, chúng ta cần phải cho thế hệ trẻ hôm nay hiểu được đâu là chỗ to lớn hơn, khó khăn hơn, phức tạp hơn, của công việc đang làm. Có tự nhận thức được thì mỗi người thanh niên hiện nay mới có thể xây dựng cho họ một bản lĩnh vững vàng, quyết tâm lớn, nghị lực lớn để đương đầu với những khó khăn thử thách.

Các thế hệ đi trước đã chuẩn bị cho thế hệ hôm nay. Cũng từ hôm nay chúng ta chuẩn bị cho thế hệ mai sau, có như vậy con đường cách mạng Việt Nam mới được tiếp tục kế thừa truyền thống vẻ vang của Đảng, truyền thống của dân tộc, tiếp bước công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh như Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu hằng mong ước./.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CỦA SINH VIÊN THEO DI HUẤN CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHI MINH

*ThS. Đàm Yến Nhi**

Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà văn hóa kiệt xuất đồng thời cũng là nhà giáo dục vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Cuộc đời Người luôn dành sự yêu thương quan tâm sâu sắc đối với thế hệ trẻ và cũng là tấm gương sáng cho thế hệ trẻ muôn đời sau noi theo. Với cách nhìn khách quan khoa học, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đánh giá cao vai trò, vị trí, khả năng của thanh niên đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Trong bức thư gửi Hội nghị thanh niên Việt Nam ngày 17/8/1947, Bác Hồ đã dạy: “Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên. Thanh niên muốn làm chủ tương lai cho xứng đáng thì ngay hiện tại phải rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải làm việc chuẩn bị cái tương lai đó”. Chính vì thế trước lúc đi xa, Người không quên căn dặn Đảng ta: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”¹. Trong nội dung bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau, Hồ Chí Minh đặt lên hàng đầu vấn đề bồi dưỡng lý tưởng và đạo đức cách mạng. Theo Hồ Chí Minh, để xứng đáng là lực lượng kế tục sự nghiệp cách mạng của các thế hệ cha anh thì phẩm chất hàng đầu cần có ở thanh niên là sự trung thành tuyệt đối với lý tưởng, ý chí kiên định đấu tranh cho thắng lợi của lý tưởng và đạo đức cách mạng để làm gương lôi cuốn quần chúng. Lý tưởng mà Hồ Chí Minh quan tâm giáo dục cho thanh niên là suốt đời làm cách mạng phấn đấu cho đất nước hoàn toàn độc lập, làm cho chủ nghĩa xã hội (CNXH) và chủ nghĩa cộng sản thắng lợi hoàn toàn trên Tổ quốc ta và trên thế giới. Tuy nhiên, lý tưởng và ý chí cách mạng chỉ có thể duy trì và phát triển trên nền tảng đạo đức cách mạng. Thiếu đi nền tảng này, tuổi trẻ chưa trải qua dạn dày đấu tranh sẽ không đủ sức vượt qua những thăng trầm, khó khăn của hoàn cảnh để kiên trì phấn đấu đến cùng cho lý tưởng. Trong Di chúc, Người lưu ý “Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH) vừa “hồng” vừa “chuyên””. Vì vậy, để thực hiện lời di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với thế hệ thanh niên trụ cột của nước nhà thì việc chăm lo giáo dục, đạo đức lối sống cho sinh viên - đối tượng chủ yếu của thanh niên - đội ngũ trí thức tương lai - theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chính là một việc làm cần thiết, vừa có ý nghĩa cấp bách vừa có ý nghĩa lâu dài ở nước ta hiện nay.

1. Thực trạng đạo đức, lối sống của sinh viên Việt Nam hiện nay

Trong quá trình xây dựng CNXH, chúng ta đã tạo ra một thế hệ sinh viên với nhiều

**Trường Đại học Tài chính – Kế toán*

1. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP Hồ Chí Minh, 1999, tr.25.

phẩm chất tốt đẹp như bản lĩnh, tự tin, chủ động sáng tạo, nhanh nhạy; nhiều sinh viên đã ra sức học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh để trở thành người làm chủ tương lai của đất nước. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển đó, với tình hình thế giới và trong nước diễn biến rất phức tạp, nhiều nhân tố tiêu cực từng ngày, từng giờ ảnh hưởng đến thanh niên nói chung và sinh viên nói riêng. Trước hết là sự khủng hoảng niềm tin vào tương lai của CNXH sau sự kiện Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ. Sau hơn 30 năm đổi mới chuyển sang phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Việt Nam đạt được nhiều thành tựu đáng tự hào nhưng cũng nảy sinh nhiều yếu tố tiêu cực. Mặt trái của kinh tế thị trường, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đã có ảnh hưởng tiêu cực đến đạo đức của một bộ phận không nhỏ các giai tầng xã hội, trong đó có sinh viên, làm thay đổi lối sống và quan niệm của họ về các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc.

Hiện tượng suy thoái đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và sinh viên đã diễn ra hết sức phức tạp. Tiêu cực xã hội có chiều hướng gia tăng, đời sống văn hóa tinh thần nhất là sự xuống cấp về đạo đức, tư tưởng, lối sống, phai nhạt đạo đức cách mạng, hoài nghi con đường mục tiêu mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn; lối sống thực dụng, chạy theo nhu cầu, thị hiếu tầm thường, không chịu phấn đấu vươn lên trong học tập, rèn luyện, chưa thực sự năng động sáng tạo, coi thường thuần phong mỹ tục lãng quên truyền thống cha ông ta để lại,... đã xuất hiện ở một bộ phận không nhỏ trong thanh niên, sinh viên. Bạo lực học đường có những diễn biến với mức độ ngày càng phức tạp với mức độ ngày càng trầm trọng. Quan hệ thầy trò có dấu hiệu xuống cấp, tinh thần “tôn sư trọng đạo” không được thể hiện rõ nét. Tình trạng thương mại hóa các hoạt động trong trường học, học không nhằm là nâng cao kiến thức mà chỉ để kiếm điểm cao có học bổng; bỏ học không lý do, đi muộn, quay cóp trong thi cử đã trở nên khá phổ biến, cá biệt còn có một số sinh viên tham gia đường dây thi thuê, thi hộ trong các mùa tuyển sinh đại học, cao đẳng,... có xu hướng gia tăng là điều đáng lo ngại. Chủ nghĩa cá nhân, vị kỷ, vụ lợi – kẻ thù nguy hiểm nhất của đạo đức cách mạng theo cách gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, giờ đây có cơ hội trỗi dậy và phát triển. Đây là điều mà Đảng ta đã từng cảnh báo “Đặc biệt đáng lo ngại là trong một bộ phận học sinh, sinh viên có tình trạng suy thoái đạo đức, mờ nhạt lý tưởng, theo lối sống thực dụng, thiếu hoài bão lập thân, lập nghiệp vì tương lai của bản thân và đất nước”¹, “Tệ sùng bái nước ngoài, coi thường những giá trị văn hóa dân tộc, chạy theo lối sống thực dụng, cá nhân vị kỷ, đang gây hại đến thuần phong mỹ tục của dân tộc. Không ít trường hợp vì tiền và danh vị mà chà đạp lên tình nghĩa gia đình quan hệ thầy trò, đồng chí, đồng nghiệp”². Bên cạnh sự phát triển về kinh tế, xã hội – trong đó có đạo đức – đang nảy sinh ngày càng nhiều vấn đề, tình huống phức tạp. Những mất mát, lệch lạc về đạo đức, lối sống, những hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội, tội phạm ngày càng gia tăng, đặc biệt ở lứa tuổi thanh thiếu niên, sinh viên. Những hiện tượng như gây gổ đánh nhau trên giảng đường của sinh viên cũng đang là vấn đề gây nhức nhối xã hội, thậm chí, có “một bộ phận

1. Đảng Cộng Sản Việt Nam: *Văn kiện hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.24.

2. Đảng Cộng Sản Việt Nam: *Văn kiện hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.46.

học sinh, sinh viên đã tham gia vào các ô nhóm tội phạm có sử dụng bạo lực với tính chất côn đồ, hung hãn; hậu quả hết sức nghiêm trọng như các hành vi giết người, cố ý gây thương tích...¹. “Một bộ phận sinh viên chưa xác định đúng mục tiêu, động cơ học tập, thiếu ý chí vươn lên, lệch lạc về lối sống, mắc phải tệ nạn xã hội, dễ bị lôi kéo vào những mục đích xấu, thậm chí vi phạm pháp luật”². Ngoài ra, không ít sinh viên “chưa xác định rõ mục tiêu, động cơ học tập đúng đắn, dẫn đến thiếu ý chí phấn đấu, rèn luyện, kỹ năng thực hành xã hội chưa tốt, ảnh hưởng đến năng lực làm việc khi ra trường”³.

Nhìn chung, những mặt tiêu cực, hạn chế trong lối sống, đạo đức của sinh viên hiện nay phần nhiều do đặc điểm tâm sinh lý đặc thù, còn thiếu kinh nghiệm sống, bản lĩnh chưa thực sự vững vàng; sinh viên lại là tầng lớp rất nhạy cảm dễ bị cuốn hút với cái lạ, cái mới, do đó cũng dễ bị rơi vào cạm bẫy của cái xấu, cái phản giá trị từ tác động bên ngoài. Vì vậy, trong cuộc sống hiện nay, họ thường gặp khó khăn trong việc định hướng, phân biệt giữa cái tốt, cái xấu.

2. Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên theo di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Thực trạng trên đã đặt ra nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt và cấp bách là phải kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái về đạo đức chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ sinh viên; để giúp sinh viên có bản lĩnh vững vàng trước những tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường và xu thế hội nhập, mở cửa. Muốn như vậy, việc giáo dục đạo đức cho sinh viên theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực của công cuộc đổi mới là việc làm quan trọng và cần thiết. Đó cũng là một trong những biện pháp tốt nhất để chống lại các hiện tượng xuống cấp về đạo đức, lối sống trong sinh viên. Đặc biệt, trong điều kiện hiện nay khi cả nước đang tích cực thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 “*về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”, đó là cơ hội để đẩy mạnh việc học tập theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh cho sinh viên để có thể thực hiện tốt di huấn với thanh niên của Người.

Để có thể nâng cao đạo đức, lối sống cho sinh viên một cách có hiệu quả dựa vào việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh như vậy, chúng ta cần quan tâm thực hiện một số biện pháp cụ thể chủ yếu sau:

2.1. Nâng cao nhận thức của sinh viên và các chủ thể giáo dục về vị trí, tầm quan trọng của việc giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh có vị trí, vai trò hết sức quan trọng, nhằm xây dựng cho sinh viên có cái nhìn đúng đắn, hiểu biết sâu sắc về chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; có lòng yêu quê hương đất nước, yêu CNXH; có lý tưởng sống đúng đắn, có bản lĩnh chính trị vững vàng,

1. Hội Sinh viên Việt Nam: *Tổng quan tình hình sinh viên, công tác hội và phong trào sinh viên giai đoạn 2009-2013*, NXB Thanh niên, Hà Nội, 2013, tr.87.

2. Hội Sinh viên Việt Nam: *Báo cáo tại Đại hội Đại biểu toàn quốc Hội sinh viên Việt Nam lần thứ IX (nhiệm kỳ 2013-2018)*, 12-2013, tr.15.

3. Hội Sinh viên Việt Nam: *Báo cáo tại Đại hội Đại biểu toàn quốc Hội sinh viên Việt Nam lần thứ IX (nhiệm kỳ 2013-2018)*, 12-2013, tr.22.

tu dưỡng rèn luyện và phấn đấu học tập tốt; có lối sống giản dị; có khả năng đề kháng cao trước những tác động tiêu cực của văn hóa độc hại, mặt trái của cơ chế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Văn kiện Đại hội X của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ: “Đối với thế hệ trẻ, thường xuyên giáo dục chính trị, truyền thống, lý tưởng, đạo đức, lối sống; tạo điều kiện học tập, lao động, giải trí; phát triển thể lực, trí tuệ, góp phần xây dựng bảo vệ Tổ quốc”¹.

Công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên phải được xác định là một bộ phận của công tác chính trị, là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị: Đảng ủy, ban giám hiệu nhà trường, lãnh đạo khoa, bộ môn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Công đoàn và toàn thể cán bộ, giảng viên trong nhà trường.

Thứ nhất, cần xác định lại cho sinh viên hiểu đúng vị trí, vai trò của giáo dục đạo đức luôn là bộ phận không thể thiếu trong quá trình học tập, rèn luyện tại môi trường đại học, cao đẳng. Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục đạo đức, từ đó có thái độ đúng đắn hơn.

Thứ hai, cần phải tăng cường vai trò của Đảng ủy, ban giám hiệu nhà trường trong việc lãnh đạo và chỉ đạo tổ chức thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 “*về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” trong cán bộ, giảng viên và sinh viên. Quán triệt ý nghĩa quan trọng, thiết thực cả trước mắt và lâu dài của việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Khắc phục tư tưởng coi trọng chuyên môn nghiệp vụ, coi nhẹ việc rèn luyện tư tưởng, đạo đức cho sinh viên.

Thứ ba, nâng cao nhận thức của toàn bộ cán bộ đoàn thể trong nhà trường đối với việc giáo dục đạo đức cho sinh viên theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Phải nhận thức rõ việc giáo dục đạo đức này không chỉ là trách nhiệm của giảng viên khoa lý luận chính trị, tâm lý, giáo dục mà là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị nhà trường. Do đó, cần có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ trong hoạt động giáo dục đạo đức của tất cả các cán bộ, giảng viên, trung tâm, phòng ban, khoa bộ môn dưới sự tổ chức, chỉ đạo, lãnh đạo của Đảng ủy, ban giám hiệu nhà trường.

Thứ tư, các cấp ủy Đảng, ban giám hiệu nhà trường, các đơn vị và các tổ chức đoàn thể cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền về giáo dục đạo đức cho sinh viên trường, xem đây là khâu mở đường, trọng yếu để tạo ra sự chuyển biến lớn về mặt nhận thức và thói quen của sinh viên trong lối sống, đạo đức.

Thứ năm, xác định một cách rõ ràng và chính xác, đúng đắn những nội dung nào cần được tăng cường trong công tác giáo dục đạo đức đối với sinh viên trong từng giai đoạn phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh vật chất nhà trường cũng như bối cảnh đất nước.

2.2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy và học tập tư tưởng Hồ Chí Minh trong nhà trường

Tư tưởng Hồ Chí Minh là bộ môn khoa học mang tính tổng hợp, chứa đựng kiến thức của nhiều lĩnh vực khác nhau, là hệ thống tri thức vừa mang tính trừu tượng, khái quát cao nhưng cũng gắn liền với thực tế. Giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần quan trọng

1. Đảng Cộng Sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.119-120.

trong việc giáo dục cho sinh viên về lòng yêu nước, có lập trường, tư tưởng vững vàng, tin tưởng vào đường lối, mục tiêu, con đường mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn. Vì vậy, cần phải nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy và học tập tư tưởng Hồ Chí Minh trong nhà trường.

Về mặt nội dung, cần phải được quan tâm nhiều hơn tới việc xây dựng, đổi mới chương trình nội dung học tập sao cho dễ hiểu, gần gũi, súc tích; cần có kế hoạch đầu tư đào tạo thường xuyên với giảng viên môn học.

Về mặt hình thức và phương pháp giảng dạy, cần được cải tiến nhiều hơn như: tăng cường vai trò chủ động, sáng tạo, tự học tập và rèn luyện của sinh viên; lồng ghép giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh qua việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa của Đoàn, Hội Sinh viên, tham quan thực tế, các cuộc thi về rèn luyện, tìm hiểu; giáo dục bằng phương pháp nêu gương; không chỉ đơn thuần giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh mà còn khắc sâu hình ảnh tốt đẹp của Bác Hồ trong tâm trí sinh viên,...

2.3. Sự phối hợp và không ngừng đổi mới của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trong việc giáo dục, tuyên truyền, đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Các tổ chức Đoàn thanh niên, Hội sinh viên có vai trò rất to lớn trong việc tập hợp, giác ngộ và rèn luyện sinh viên; có khả năng tạo ra những hoạt động bổ ích, hấp dẫn lôi cuốn sinh viên tham gia để giáo dục, đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh của sinh viên, như:

Tập trung tổ chức các hoạt động tọa đàm, trao đổi, thi tìm hiểu, liên hoan những ca khúc viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh, chiếu phim tư liệu, thăm quan các khu di tích gắn liền với cuộc đời hoạt động của Bác, xây dựng tủ sách “*Tuổi trẻ học tập và làm theo lời Bác*”, tổ chức cho sinh viên viết “*Nhật ký học tập và làm theo lời Bác*”; tuyên dương, khen thưởng kịp thời tấm gương người tốt, việc tốt, tấm gương sinh viên học tập và làm theo lời Bác.

Đẩy mạnh chương trình “*Thắp sáng ước mơ tuổi trẻ Việt Nam vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh*”. Thường xuyên tổ chức các hoạt động tôn vinh, khen thưởng những tấm gương tiêu biểu, vượt khó vươn lên trong học tập.

Gắn kết sinh viên với các cuộc vận động, phong trào của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, đặc biệt là phong trào “*5 tốt*” với các tiêu chí: đạo đức tốt, học tập tốt, thể lực tốt, kỹ năng tốt và hội nhập tốt.

Giáo dục đạo đức sinh viên cần gắn liền với những vấn đề cụ thể trong xã hội mà sinh viên quan tâm và có thể thực hành rèn luyện như văn hóa học đường, văn minh đô thị, văn hóa giao thông, văn hóa ứng xử, phòng chống tệ nạn xã hội,... Đoàn thanh niên, Hội sinh viên nhà trường phải thường xuyên tổ chức, tuyên truyền, sáng tác, biểu diễn các tiểu phẩm, vẽ tranh cổ động, tọa đàm trao đổi về tác hại ma túy; tổ chức các diễn đàn văn hóa, học đường, lối sống văn hóa, diễn đàn thói quen tốt trong sinh viên; tổ chức các cuộc đối thoại, trao đổi của sinh viên về lý tưởng, lẽ sống, quan điểm về cuộc sống, nghề nghiệp, nếp sống, lịch sử, chủ quyền đất nước,...

2.4. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong nhà trường, tạo điều kiện tiền đề để giáo dục đạo đức, lối sống của sinh viên theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Môi trường nhà trường là yếu tố rất quan trọng có tác động trực tiếp tới giáo dục đạo

đức cho sinh viên. Việc giữ kỷ cương, nề nếp học đường, tạo môi trường lý tưởng cho sinh viên học tập, lao động và nghiên cứu khoa học có tác động to lớn đến công tác giáo dục đạo đức, lối sống của sinh viên theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Trước hết, để xây dựng một môi trường nhà trường lành mạnh làm tiền đề, cơ sở cho sinh viên học tập, rèn luyện thì cần phải lành mạnh hóa môi trường này. Việc lành mạnh hóa diễn ra ngay từ việc tạo dựng những yếu tố vật chất tinh thần đảm bảo; ngăn chặn các hành vi tiêu cực như gian lận trong học tập, thi cử, mua bán văn bằng, các tệ nạn xã hội,...

Hai là, phải tiếp tục quan tâm đầu tư hiện đại hóa những điều kiện vật chất, những phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy, học tập, lao động, nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên, tạo điều kiện cho sinh viên chủ động, tích cực, sáng tạo, độc lập suy nghĩ, tìm tòi, trau dồi khả năng tư duy, nhận thức, nhờ đó mà việc rèn luyện đạo đức, lối sống sẽ hiệu quả hơn.

Và ba là, phải tạo môi trường dân chủ trong trường học, phát huy quyền làm chủ của sinh viên trong học tập, hoạt động và nghiên cứu khoa học cũng như các hoạt động khác, làm sao cho sinh viên “biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm”¹.

2.5. Nâng cao ý thức tự giác trong việc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của sinh viên theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Theo Hồ Chí Minh: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”². Vì vậy, tự giác rèn luyện, học tập của sinh viên là một khâu quan trọng trong quá trình giáo dục đạo đức, lối sống, chuyển hóa từ nhận thức tri thức thành hành vi, lối sống.

Vì vậy, cùng với sự quản lý giáo dục thường xuyên của nhà trường, gia đình và xã hội, mỗi sinh viên phải luôn tự trau dồi, rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất đạo đức, lối sống, chống chủ nghĩa cá nhân dưới mọi hình thức. Phát huy vai trò của sinh viên trong tự học tập, tu dưỡng rèn luyện đạo đức là biện pháp quan trọng giúp họ nhanh chóng tiến bộ, trưởng thành, và đó là điều kiện tiên quyết quyết định kết quả rèn luyện của sinh viên.

Chính sự kết hợp giữa giáo dục và sự tự giáo dục đạo đức gắn liền với việc học tập chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh mới hình thành nên lý tưởng, niềm tin, động cơ hành động của mỗi sinh viên.

Tóm lại, giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh để thực hiện di huấn của Người trong giai đoạn hiện nay là vô cùng cần thiết. Để thực hiện tốt công tác này cần có sự phối hợp chặt chẽ không ngừng giữa các bộ phận, các lực lượng trong và ngoài nhà trường. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là nhiệm vụ chung của toàn xã hội, trong đó đòi hỏi phải có nội dung, biện pháp, cách thức và quyết tâm chính trị cao của toàn bộ cán bộ, giảng viên và sinh viên mỗi nhà trường./.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.12, tr.223.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.9, tr.293.

DI CHỨC BÁC HỒ VỚI VIỆC BỒI DƯỠNG THẾ HỆ SINH VIÊN “VỪA HỒNG”, “VỪA CHUYÊN” TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Thị Phụng*

Viết di chúc là một công việc của người đời khi nhận thấy quỹ thời gian sống đã cạn. Nhưng với Hồ Chí Minh, viết *Di chúc* không chỉ là sự nhìn thấy tuổi cao sức yếu mà còn là những di huấn, lời dặn dò những khẳng định, yêu cầu, định hướng cho đất nước, cho sự nghiệp cách mạng, cho Đảng, cho tầng lớp nhân dân và cả bạn bè quốc tế. Điều đặc biệt là Hồ Chí Minh viết Di chúc không chỉ một lần. Đọc các bản thảo của Người, chúng ta thấy rất rõ sự cân nhắc, lựa chọn, kiến nghị, đề xuất và cả niềm tin, niềm hy vọng vào tương lai, tiền đồ của dân tộc và nhân loại tiến bộ. Vì thế, *Di chúc* của Người thật sự là một văn kiện lịch sử vô giá, kết tinh trong đó cả tinh hoa tư tưởng, đạo đức và tâm hồn cao đẹp của một vĩ nhân hiếm có đã suốt đời phấn đấu hy sinh vì Tổ quốc, vì nhân dân và nhân loại tiến bộ.

1. Di huấn của Người dành cho thế hệ trẻ

Đến năm 1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tự cảm nhận được sức khỏe của Người giảm sút so với những năm trước đó. Người cho rằng, ở tuổi 75 Người thuộc lớp người “xưa nay hiếm”. Tuy cảm thấy “tinh thần vẫn sáng suốt, thân thể vẫn khỏe mạnh”, nhưng Người dự báo “Ai dám biết tôi sẽ sống và phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng được mấy năm tháng nữa”. Rõ ràng Hồ Chí Minh đã dự cảm được thời khắc quan trọng của thời gian còn lại ở cuối cuộc đời mình. Từ dự cảm đó, Người viết: “Vi vậy, tôi để lại mấy lời này, chỉ nói tóm tắt vài việc thôi. Phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước và đồng chí trong Đảng khỏi cảm thấy đột ngột”¹.

Vi vậy, Người đã chủ động viết *Di chúc*, để lại tình thương yêu và những lời căn dặn tâm huyết cho nhân dân ta, cho Đảng và bạn bè gần xa.

Sau phần mở đầu Hồ Chí Minh dành vị trí trước hết cho Đảng, tiếp theo trong Di chúc, mối quan tâm thứ hai sau khi nói về Đảng, là giới trẻ, Bác căn dặn:

“Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người kế thừa xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa ‘hồng’, vừa ‘chuyên’”².

Và Bác dặn dò “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”³.

* Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 493.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 494.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 494.

Người chỉ ra rằng, muốn giáo dục công sản cho đoàn viên thanh niên phải gắn liền việc học tập, rèn luyện của họ với cuộc đấu tranh chung của xã hội. Người nói: “Đoàn thanh niên công sản chỉ xứng đáng với danh hiệu của nó là đoàn thể của thế hệ công sản trẻ tuổi, nếu biết gắn từng bước học tập, giáo dục và rèn luyện của mình với việc tham gia cuộc đấu tranh chung của những người lao động chống lại bọn bóc lột”.

Cũng với quan điểm ấy, Bác Hồ đã dạy: “Giáo dục thanh niên không thể tách rời mà phải liên hệ chặt chẽ với những cuộc đấu tranh của xã hội”.

Trong suốt cuộc đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành rất nhiều tình cảm lớn lao cho thế hệ trẻ, thế hệ mà Người khẳng định sẽ là người chủ tương lai, là rường cột của nước nhà. Điều đó thể hiện rất rõ qua các cuộc gặp gỡ và qua nhiều bài viết của Người dành cho thế hệ trẻ (theo Người, thế hệ trẻ bao gồm: thanh niên, thiếu niên và nhi đồng, trong đó thanh niên là lực lượng quan trọng nhất), đồng thời chính Người tổ chức huấn luyện, lãnh đạo và rèn luyện phát triển lực lượng thanh niên cách mạng Việt Nam.

Ngay từ thời niên thiếu, được trực tiếp chứng kiến các phong trào yêu nước của nhân dân ta đầu thế kỷ XX như: phong trào Đông Du, phong trào Đông Kinh nghĩa thực, phong trào Duy Tân, phong trào chống thuế ở Trung Kỳ... Người đã thấy rõ sự đóng góp của tuổi trẻ Việt Nam trong sự trường tồn và phát triển bền vững của dân tộc. Họ là lực lượng tham gia đông đảo và nhiệt tình nhất, hùng hậu nhất, dũng cảm nhất trong các cuộc chống xâm lăng, là những con người có lý tưởng, giàu đức hy sinh, sẵn sàng xả thân và trở thành một lực lượng chủ yếu của cách mạng.

Tìm đến với chủ nghĩa Mác – Lênin, Người nhận ra rằng cách mạng muốn thành công, trước hết phải tập hợp lực lượng cách mạng, làm cho lực lượng này giác ngộ cách mạng, giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin, trong đó vai trò của lực lượng thanh niên được Người khẳng định là rất quan trọng. Tháng 6/1925, Người thành lập Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội, quy tụ tất cả những thanh niên Việt Nam yêu nước đầy nhiệt huyết vào trong một tổ chức thống nhất. Từ đây, những hoạt động của Hội chính là nhân tố quan trọng và ảnh hưởng đến việc ra đời các tổ chức công sản và việc thành lập Đảng sau này.

Theo Người, cách mạng là sự nghiệp lâu dài khó khăn và là trách nhiệm của nhiều thế hệ. Vì vậy, việc bàn giao thế hệ không chỉ là trao lại những gì đã có mà điều quan trọng và khó khăn hơn nhiều là chuẩn bị và trang bị cho thế hệ sau những điều cần thiết, định hướng cho thanh niên những công việc phải làm để họ thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, mục tiêu của cách mạng. Chính vì vậy, vấn đề quan tâm, giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ chính là thực hiện theo quy luật khách quan nhằm đưa sự nghiệp cách mạng của đất nước không ngừng phát triển.

Vấn đề quan tâm hàng đầu của Người trong việc bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ. Người căn dặn thanh niên phải: “*Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu lao động, yêu khoa học và yêu kỷ luật*”.

Việc giáo dục, bồi dưỡng cho một thế hệ là công việc hết sức công phu và bền bỉ, vì vậy, Người quan niệm việc giáo dục, đào tạo và rèn luyện cho thế hệ trẻ là sự nghiệp “trồng người” và Người nêu tư tưởng chiến lược: “*Vì lợi ích 10 năm trồng cây, vì lợi ích 100 năm trồng người*”. Công tác giáo dục phải tạo nên một thế hệ vừa giỏi chuyên môn, có trình độ

cao, phù hợp với sự phát triển của xã hội; đồng thời phải có đạo đức cách mạng, phải trở thành là lực lượng “vừa hồng, vừa chuyên”.

2. Bồi dưỡng thế hệ sinh viên “vừa hồng, vừa chuyên” là nhiệm vụ hàng đầu tại trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP HCM

Những quan điểm của Hồ Chí Minh về “vừa hồng vừa chuyên”, đức - tài của người cán bộ cách mạng cho đến tận hôm nay vẫn còn nguyên giá trị và sức sống trong thực tiễn. Nó càng có ý nghĩa trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ - những người tiếp nối sự nghiệp cách mạng vẻ vang của cha anh.

Ngày nay đa số đoàn viên thanh niên, sinh viên đã có ý thức cao về vấn đề lập thân lập nghiệp, có khả năng tiếp thu nhanh những thành tựu khoa học tiên tiến, năng động sáng tạo và ham học hỏi, vị thế của thanh niên trong xã hội tiếp tục được đề cao và đã nhận được sự quan tâm và chăm lo nhiều hơn của Đảng, Nhà nước và các tổ chức xã hội. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn một bộ phận không ít thanh niên gặp khó khăn trên nhiều vấn đề như trình độ học vấn, trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn hạn chế... một bộ phận thanh niên còn chưa có ý thức rèn luyện, chưa xác định được cho mình lý tưởng sống đúng đắn, thờ ơ và ngại tham gia vào các hoạt động chính trị xã hội.

Hiểu rõ điều đó, dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy, BGH Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh trong những năm qua đã thực hiện di huấn của Người và để thực hiện tốt chiến lược “trồng người”, nhằm bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau đạt hiệu quả; đảm bảo xây dựng đội ngũ kế cận tài đức, hoàn thành tốt trọng trách mà Tổ quốc và nhân dân giao phó, trong thời gian tới thì Trường đã triển khai nhiều biện pháp đồng bộ như sau:

Một là, quán triệt sâu sắc chủ trương của Đảng, Nhà nước về vị trí, vai trò của thế hệ trẻ, về “đổi mới nội dung, phương thức chính trị, tư tưởng, truyền thống, bồi dưỡng lý tưởng, lòng yêu nước, xây dựng đạo đức lối sống lành mạnh, ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật cho thế hệ trẻ... Phát huy vai trò của thế hệ trẻ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”¹.

Để thực hiện điều này nhà Trường đã giao Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên phối hợp với các Khoa, phòng ban, đoàn thể trong trường Tổ chức: Hội nghị học tập các chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Tổ chức các đợt tuyên truyền nhân các ngày lễ lớn trong năm bằng những việc làm cụ thể như: làm báo tường ; tổ chức chiếu phim về bác Hồ với các bộ phim như “Hẹn gặp lại Sài Gòn”, “Nguyễn Ái Quốc ở Hong Kong”; tổ chức dâng hoa và viếng tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh; tổ chức mít-tinh trọng thể trong dịp kỷ niệm sinh nhật Bác, kỷ niệm ngày Bác ra đi tìm đường cứu nước...

Trường cũng phối hợp với Đảng ủy Khối và Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức các cuộc thi Olympic Mác - Lênin – Tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời các đoàn khoa cũng thường xuyên tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh và lịch sử Việt Nam như: Cuộc thi “Người là niềm tin tất thắng”, “Những tháng năm lịch sử”,...

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr. 162.

Không chỉ giáo dục chính trị tư tưởng mà công tác giáo dục Pháp luật, giáo dục đạo đức lối sống cũng luôn được đề cao, nhà trường tổ chức định kỳ “Ngày hội Pháp luật” hưởng ứng ngày “Ngày pháp luật nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam” với nhiều hình thức tuyên truyền thu hút đoàn viên thanh niên tham gia như cuộc thi thiết kế ấn phẩm tuyên truyền pháp luật, thiết kế ấn phẩm truyền thông tuyên truyền pháp luật, triển lãm giới thiệu hơn 200 đầu sách về pháp luật, tổ chức các mini-game online tìm hiểu pháp luật xoay quanh Luật Thanh niên, Luật Phòng chống tham nhũng,...

Bên cạnh đó, đẩy mạnh “Xây dựng các giá trị mẫu hình Sinh viên Sư phạm Kỹ thuật”, Làm các video tuyên truyền về thói quen, lối sống cho sinh viên như lịch sự khi đi thang máy, giao tiếp khi gặp Giảng viên, không hút thuốc nơi công cộng, văn hóa sử dụng nhà vệ sinh, văn hóa khi đến lớp,... Đoàn trường đã xây dựng chương trình “Tuyên dương gương điển hình UTE AWARD”, tuyên dương gương điển hình “Sinh viên 5 tốt”, “Thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác”,...

Những phương thức tuyên truyền này đã thu hút được đông đảo sinh viên tham gia và có độ lan tỏa lớn. Chính sự thay đổi trong phương thức tuyên truyền đã đem lại hiệu quả cao trong việc bồi dưỡng lý tưởng, lòng yêu nước, xây dựng đạo đức lối sống lành mạnh, ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật cho thế hệ trẻ.

Hai là, chú trọng học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tế trong đào tạo, bồi dưỡng văn hóa, khoa học - kỹ thuật, công nghệ, quân sự, ngoại ngữ, v.v. và thường xuyên bồi dưỡng thể chất, rèn luyện thân thể cho thế hệ trẻ, để “mỗi một người dân mạnh khỏe, tức là cả nước mạnh khỏe”. Cụ thể, theo Hồ Chí Minh, ở cấp “đại học thì cần kết hợp lý luận khoa học với thực hành, ra sức học tập lý luận và khoa học tiên tiến của các nước bạn, kết hợp với thực tiễn của nước ta, để thiết thực giúp ích cho công cuộc xây dựng nước nhà”¹.

Để làm tốt căn dặn của Người, Trường ta đã phát động các phong trào Tuổi trẻ sáng tạo như: Phong trào nghiên cứu khoa học, Các hoạt động sáng tạo và tạo môi trường phát triển ý tưởng sáng tạo; Các hoạt động phát huy vai trò của trí thức trẻ. Đồng thời nhà trường cũng đã Tổ chức các chương trình đồng hành cùng thanh niên như: Chương trình đồng hành cùng thanh niên trong học tập; Chương trình đồng hành với thanh niên khởi nghiệp, lập nghiệp; Chương trình đồng hành cùng thanh niên phát triển kỹ năng thực hành xã hội, nâng cao thể chất, đời sống văn hóa tinh thần cùng với các hoạt động hỗ trợ thanh niên trong hội nhập quốc tế.

Thực hiện các chương trình trên là việc làm thiết thực để giúp sinh viên nâng cao khả năng nghiên cứu khoa học, phát huy tinh thần sáng tạo, gắn học đi đôi với hành. Tạo ra đội ngũ kỹ sư đủ sức phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

Ba là, gắn bồi dưỡng thế hệ trẻ với các phong trào thực tiễn, nhất là tiếp tục triển khai hiệu quả ba phong trào hành động cách mạng: “Thanh niên tình nguyện”, “Tuổi trẻ sáng tạo”, “Tuổi trẻ xung kích bảo vệ Tổ quốc” trong từng nhóm đối tượng và duy trì các phong trào đặc thù.

Trường ta luôn đề cao công tác tình nguyện vì cộng đồng nên các hoạt động tình nguyện thường xuyên như Thứ 7 tình nguyện, Chủ nhật xanh tiếp tục được tổ chức thường

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 8, tr. 81.

xuyên tại các cơ sở Hội, thu hút đông đảo sinh viên, hội viên tham gia. Các cơ sở Hội thường xuyên liên hệ các trung tâm, mái ấm nhà mở trên khu vực như: Mái ấm Thiên Ân, Làng thiếu nhi Thủ đức, Nhà dưỡng lão Nhân Ái,... để thực hiện các ngày tình nguyện.

Các chương trình tình nguyện của Trường như: “Tiếp sức mùa thi”, Chương trình “Trung thu yêu thương”, “Chiến dịch Mùa hè xanh”, “Chiến dịch Xuân tình nguyện”, “Hiên máu tình nguyện” thu hút được hàng ngàn sinh viên tham gia mỗi năm. Đồng thời, Nhà trường luôn giáo dục để bản thân mỗi sinh viên cũng phải tự học tập, tự tu dưỡng, phấn đấu ở mọi nơi, mọi lúc và suốt đời, để xây dựng tương lai cho chính mình và đi tiên phong trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giàu mạnh, bền vững.

50 năm đã trôi qua kể từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh viết bản *Di chúc* căn dặn toàn Đảng, toàn dân và thế hệ trẻ những điều hệ trọng, những việc cần phải làm vì sự nghiệp cách mạng. Trong đó, tư tưởng bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một trong những lời căn dặn thiết tha nhất, là ánh sáng chỉ đường, là sức mạnh thôi thúc hành động chặng những đổi mới thế hệ trẻ mà còn đối với tất cả những ai đang phấn đấu cho tự do, độc lập, cho hòa bình, công lý, cho thịnh vượng và hạnh phúc của con người.

TỪ CHIẾN LƯỢC “TRỒNG NGƯỜI” ĐẾN CHÍNH SÁCH TRỌNG DỤNG CÁN BỘ NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN TRẺ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

ThS. Nguyễn Văn Quý*

Tư tưởng về chiến lược “trồng người” của Hồ Chí Minh là tư tưởng nhất quán, xuyên suốt trong cuộc đời Người, mang tính nhân văn sâu sắc và có giá trị to lớn đối với sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay. Trong *Di chúc* của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành cho thế hệ trẻ của đất nước tình yêu thương, sự quan tâm và niềm tin sâu sắc. Người căn dặn Đảng ta phải quan tâm chăm lo đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ kế tục sự nghiệp cách mạng cho đời sau. Người nêu rõ: “Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”¹. Để thực hiện được điều đó, việc đãi ngộ, trọng dụng nhân tài là một việc làm cần thiết và đúng đắn.

Sang thế kỷ XXI, những lời dạy trong *Di chúc* của Người càng được thể hiện rõ nét. Nhân loại đang đứng trước bối cảnh bùng nổ của xã hội thông tin, kinh tế tri thức và xu thế toàn cầu hoá - hội nhập quốc tế. Kinh tế tri thức đang mở ra một triển vọng phát triển mới cho loài người, trong đó sự phát triển của các quốc gia phụ thuộc chủ yếu vào đội ngũ nhân lực có trí tuệ cao, đặc biệt là đội ngũ nhân lực trẻ. Chính vì vậy, hơn bao giờ hết, đất nước cần có nhiều nhân tài trẻ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, trước hết là trong lĩnh vực khoa học - công nghệ, trong đó có khoa học xã hội - nhân văn. Khoa học xã hội - nhân văn mà bộ phận trọng yếu của nó là khoa học nghiên cứu về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh có vị trí, vai trò to lớn góp phần đảm bảo ổn định chính trị để phát triển con người Việt Nam và phát triển đất nước ta thực hiện toàn diện công cuộc đổi mới vì mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Trong Văn kiện Đại hội XII của Đảng cũng đã chỉ rõ: “Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới bảo đảm phát huy hiệu quả mọi nguồn lực, động lực phấn đấu sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, tiếp tục tạo nền tảng vững chắc để đến giữa thế kỷ XXI trở thành nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”². Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đòi hỏi công tác phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng; chế độ, chính sách đối với nhân tài phải

* *Viện Nghiên cứu Thanh niên*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 622.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, Hà Nội, 2016, tr. 76.

được quan tâm, đổi mới, nhằm đáp ứng những yêu cầu ngày càng lớn về nguồn nhân lực chất lượng cao và nhân tài, trong đó có đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận trẻ về khoa học xã hội - nhân văn, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng của đất nước một cách bền vững.

1. Về chiến lược “trồng người” của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Tư tưởng về chiến lược “trồng người” là một giá trị to lớn Hồ Chí Minh đã để lại cho dân tộc Việt Nam. Ngay từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã nêu ra yêu cầu tất yếu để xây dựng một xã hội mới, chế độ mới tốt đẹp hơn - Chủ nghĩa xã hội đó chính là yếu tố con người, Hồ Chí Minh cho rằng: “vô luận việc gì, đều do người làm ra, và từ nhỏ đến to, từ gần đến xa, đều thế cả”¹, Người cũng khẳng định: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa”², theo Hồ Chí Minh những con người xã hội chủ nghĩa này phải hội đủ 02 yếu tố đó là “vừa hồng, vừa chuyên”, nói rộng ra đó thực chất chính là hai mặt đức và tài, trong đó Hồ Chí Minh coi đạo đức là gốc, là nền tảng, là yếu tố căn cốt của con người mới và là nhân tố thể hiện sự ưu việt của chủ nghĩa xã hội.

Vậy, muốn có những con người xã hội chủ nghĩa thì cần phải làm gì? Hồ Chí Minh cho rằng: “vì lợi ích mười năm phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”³, muốn có những con người đủ đức, đủ tài để đảm đương nhiệm vụ trọng đại của dân tộc thì phải tiến hành “trồng người” đó là lợi ích trăm năm, là kế sách lớn cho sự phát triển.

Chiến lược “trồng người” của Chủ tịch Hồ Chí Minh có thể khái quát thành những nội dung lớn sau đây:

Thứ nhất, chiến lược “trồng người” phải làm sao đào tạo được những con người có đạo đức cách mạng, đó là lòng trung thành với Tổ quốc và nhân dân, không ngừng bồi dưỡng, trau dồi những phẩm chất đạo đức cách mạng: cần, kiệm, liêm chính, chí công, vô tư, có lòng yêu thương con người và tinh thần quốc tế vô sản, có ý thức và tinh thần làm chủ tập thể “mình vì mọi người, mọi người vì mình”⁴, đồng thời, Hồ Chí Minh cũng yêu cầu phải đấu tranh chống lại những căn bệnh sinh ra từ chủ nghĩa cá nhân như tham ô, lãng phí, quan liêu. Theo Hồ Chí Minh, đó chính là một thứ giặc nguy hiểm, giặc nội xâm, giặc ở trong lòng, nó phá hoại sự nghiệp của chúng ta từ bên trong, nó là “kẻ địch nguy hiểm của chủ nghĩa xã hội”, vì vậy, phải kiên quyết “quét sạch”.

Thứ hai, chiến lược “trồng người” là phải tạo nên những con người có ý chí học hỏi, cầu tiến bộ, không ngừng vươn lên làm chủ những thành tựu văn hóa, khoa học kỹ thuật, những hiểu biết mới của thời đại. Trong “Thư gửi các học sinh” nhân ngày khai trường năm 1945, Người đã chỉ ra nhiệm vụ cho thế hệ trẻ đó là “phải xây dựng lại cơ sở mà tổ tiên đã để lại cho chúng ta”, để “cho chúng ta theo kịp các nước khác trên hoàn cầu”, đó là một trách nhiệm rất nặng nề song cũng vô cùng vẻ vang. Trong nhiệm vụ vẻ vang giáo dục, đào tạo ấy, Hồ Chí Minh yêu cầu Đảng và Nhà nước phải hết sức quan tâm, chú ý vì đó là tiền đề, là tương lai của dân tộc. Hồ Chí Minh cho rằng nhiệm vụ của Đảng và Chính phủ trong sự nghiệp cách mạng to lớn ấy là “cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 281.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 13, tr. 66.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 11, tr. 528.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 13, tr. 66.

ngành, các nghề, để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta”¹.

Thứ ba, chiến lược “trồng người” phải tạo nên những con người có tinh thần tìm tòi, nghiên cứu, sáng tạo, “Phải có quyết tâm, đã làm việc gì thì làm cho đến nơi đến chốn, làm cho kỳ được. Phải có lòng ham tiến bộ, ham học hỏi, học luôn, học mãi. Học văn hoá, học chính trị, học nghề nghiệp”². Đó là những con người phải nhạy bén với cái mới, biết vận dụng nó vào thực tế công tác để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả. Đồng thời, đó phải là những con người “có chí tự động, tự cường, tự lập, phải có khí khái ham làm việc, chứ không ham địa vị”³. Hồ Chí Minh cũng yêu cầu thế hệ trẻ phải hết sức tránh xa ba sự ham muốn, đó là, ham muốn về tiền tài, danh vọng và quyền lực. Người còn cho rằng, “thanh niên cần phải chống tâm lý tự tư, tự lợi, chỉ lo lợi ích riêng và sinh hoạt riêng của mình. Chống tâm lý ham sung sướng và tránh khó nhọc. Chống thói xem khinh lao động nhất là lao động chân tay. Chống lười biếng, xa xỉ. Chống cách sinh hoạt ủy mị, chống kiêu ngạo, giả dối, khoe khoang”⁴, có làm được như thế thì “mới xứng đáng thanh niên là chủ nhân tương lai của nước nhà”⁵. Người căn dặn thế hệ trẻ phải chú trọng bồi dưỡng, rèn luyện không ngừng các phẩm chất của đạo đức cách mạng đó là cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, những tác phong đẹp đẽ của đạo đức như khiêm tốn, giản dị, siêng năng, gan dạ, sáng tạo và những đức tính tốt đẹp như trung thành, thật thà, chính trực. Hồ Chí Minh đã đặt trọn niềm tin và sự kỳ vọng vào thế hệ trẻ. Người khẳng định: “Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà”, “nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên”⁶. Với Hồ Chí Minh, tiền đồ và tương lai của dân tộc Việt Nam gắn bó chặt chẽ với tiền đồ và tương lai của thế hệ trẻ.

2. Về đổi mới chế độ, chính sách trọng dụng và đãi ngộ cán bộ trẻ

Với chiến lược “trồng người”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thấy rất rõ vị trí, vai trò của nhân tài đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc cũng như đối với sự phát triển của cả nhân loại. Do vậy, nhân tài phải được phát huy, đào tạo, bồi dưỡng và trọng dụng. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, “Kiến thiết cần có nhân tài. Nhân tài nước ta dù chưa có nhiều lắm nhưng nếu chúng ta khéo lựa chọn, khéo phân phối, khéo dùng thì nhân tài càng ngày càng phát triển càng thêm nhiều”⁷. Đồng thời, Người cũng khẳng định rằng một quốc gia, một đất nước không biết sử dụng nhân tài là một khuyết điểm to, làm lãng phí một vốn quý của Đảng và Nhà nước trong xây dựng và kiến thiết. Theo Hồ Chí Minh, khuyết điểm đó trước hết là của những người lãnh đạo Đảng và Chính phủ và chính Người cũng tự phê bình và nhận khuyết điểm đó. Người chủ trương phải “tìm người tài đức” vì “kiến thiết cần phải có nhân tài”. Do đó, khi xây dựng chế độ, chính sách trọng dụng và đãi ngộ cán bộ một cách

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 616-617.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 464.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 464.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 9, tr. 265.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 464

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 216

7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 4, tr. 99.

đúng đắn, hợp lý sẽ khuyến khích được tính tích cực, sự hăng hái, cố gắng, chuyên tâm của họ với công việc, nâng cao trách nhiệm, phát huy được sự sáng tạo, thu hút được nhân tài, làm cho nội bộ đoàn kết nhất trí, mọi người đồng tâm hiệp lực, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Ngược lại, chính sách cán bộ sai lầm, bất hợp lý sẽ tạo ra tâm lý chán nản, kìm hãm sự sáng tạo, triệt tiêu tính tích cực, nội bộ mất đoàn kết, nảy sinh nhiều tiêu cực, làm hao phí nguồn nhân lực, tài năng của đất nước. Đổi mới chế độ, chính sách trọng dụng và đãi ngộ cán bộ trẻ cần được tiến hành đồng bộ, toàn diện; trước hết, phải giải quyết tốt chính sách tiền lương và chính sách thu hút nhân tài và phát triển tài năng trẻ. Tiền lương vừa là vấn đề chính sách, vừa phản ánh bản chất xã hội, phản ánh mục đích lao động của con người, phải tương xứng với trình độ, năng lực thực tế, khả năng đóng góp của họ đối với xã hội. Giải quyết bài toán tiền lương ở đất nước ta hiện nay là công việc hết sức khó khăn, liên quan đến nhiều vấn đề khác của kinh tế - xã hội, không thể chủ quan, nóng vội. Tuy nhiên, đây là một vấn đề xã hội mang tính cấp bách, trực tiếp ảnh hưởng đến sự phát triển của đất nước, do vậy phải khẩn trương thực hiện cải cách cơ bản chế độ tiền lương cán bộ, công chức, coi chính sách tiền lương là chính sách đầu tư cho con người, cho phát triển kinh tế - xã hội và là một giải pháp hạn chế những biểu hiện tiêu cực, tham nhũng trong đội ngũ cán bộ. Để cán bộ trẻ thực sự chuyên tâm vào công việc, có điều kiện học hành, nâng cao trình độ, không ngừng phấn đấu vươn lên, không phải bươn chải, lặn lội kiếm tiền lo toan cuộc sống thì tiền lương phải là nguồn thu nhập chính, chủ yếu, đảm bảo cho họ đủ sống, đủ tái sản xuất sức lao động, phù hợp điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Trong kinh tế tri thức, cạnh tranh trí tuệ và nguồn nhân lực tri thức là cạnh tranh quan trọng, quyết liệt nhất. Chủ thể nào giải quyết tốt lợi ích, đánh giá và sử dụng giá trị xã hội của người lao động tốt nhất thì chủ thể đó sẽ chiến thắng. Thực trạng đất nước ta hiện nay, tình trạng “chảy máu chất xám” vẫn đang còn là vấn đề bức xúc, làm ảnh hưởng đến nguồn lực quý giá nhất của đất nước.

Đổi mới chính sách tiền lương phải gắn liền với chính sách thu hút nhân tài, khuyến khích tài năng trẻ. Cần có chế độ đãi ngộ, khen thưởng thỏa đáng đối với các hoạt động nghiên cứu sáng tạo tùy theo các công trình và giá trị thực tế để thu hút, khuyến khích nhân tài, đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước. Cần thực hiện chế độ trả lương cao cho các nhân tài có trình độ cao và ưu tiên về điều kiện làm việc cho họ. Xây dựng cơ chế, chính sách mới về trọng dụng nhân tài và phải được cụ thể hóa ở các cấp, các ngành trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong chính sách sử dụng nhân tài cần xét theo giá trị xã hội của mỗi người, ai có tài thì phải được trọng dụng chứ không được ưu tiên theo chức vụ, thứ bậc, tuổi tác... Mặt khác, cần thực hiện nhiều hình thức thu hút nhà khoa học trẻ phù hợp với xu thế của kinh tế tri thức như: cộng tác làm việc, tổ chức thi, đấu thầu các công trình nghiên cứu khoa học... huy động tối đa trí tuệ, chất xám, phục vụ tốt trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chủ động hội nhập quốc tế.

3. Về đổi mới chế độ, chính sách trọng dụng và đãi ngộ cán bộ nghiên cứu lý luận trẻ

Khả năng tư duy, năng khiếu về khoa học xã hội - nhân văn bắt nguồn từ trí thông minh, sáng tạo và niềm đam mê, khám phá về con người và xã hội chứa đựng nhiều yếu tố tự nhiên và xã hội, thường bộc lộ khá sớm, thậm chí ngay từ lứa tuổi học sinh phổ thông, bởi vậy cần được phát hiện và tạo điều kiện phát triển. Thực hiện quy trình phát hiện đào tạo,

bồi dưỡng và sử dụng cán bộ nghiên cứu lý luận trẻ phải qua các bước, các giai đoạn (phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng,...) một cách công khai, minh bạch, khách quan và chặt chẽ thì phải có chế độ, chính sách trọng dụng và đãi ngộ trên các mặt:

Trước hết, tạo môi trường khoa học và dân chủ trong nghiên cứu lý luận: Đảm bảo điều kiện tốt cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu đề xuất được các giải pháp đột phá để phát triển khoa học về kinh tế, xã hội phục vụ cho công cuộc xây dựng và bảo vệ, phát triển đất nước nhanh, bền vững. Thực hiện cơ chế dân chủ trong nghiên cứu khoa học xã hội - nhân văn, khoa học Mác - Lênin. Tạo môi trường bình đẳng để các cán bộ nghiên cứu lý luận trẻ có thể mạnh dạn trao đổi, tọa đàm, phản biện khoa học, khẳng định những chủ trương, quan điểm đúng đắn, đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước; rút ra được những bài học kinh nghiệm trong công tác chuyên môn cũng như trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng và xây dựng hệ thống chính trị, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thứ hai, đào tạo, trọng dụng cán bộ nghiên cứu lý luận trẻ: Ngày nay, thế hệ trẻ có rất nhiều lợi thế để thể hiện lòng nhiệt huyết, tài năng, nhất là sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và hội nhập quốc tế. Vì vậy, tài năng, trí tuệ của người trẻ chỉ thực sự có cơ hội phát huy khi được tổ chức tin tưởng, giao nhiệm vụ, nhất là những việc khó, việc mới. Nếu cứ e dè, nghi ngại khả năng và không mạnh dạn giao việc thì cán bộ trẻ sẽ không thể có cơ hội để rèn luyện, trưởng thành qua thực tiễn. Mạnh dạn thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng gắn với sử dụng, giao trọng trách, nhiệm vụ sẽ giúp các cán bộ nghiên cứu lý luận trẻ nâng cao năng lực chuyên môn của mình, đồng thời được thử thách trong môi trường thực tiễn, sáng tạo và đem sức lực, trí tuệ cống hiến cao nhất, tốt nhất. Tuy nhiên, cần tránh việc nâng đỡ, trọng dụng cán bộ nghiên cứu lý luận trẻ một cách “không trong sáng”, vì động cơ vụ lợi. Đây là vấn đề liên quan mật thiết với chính sách sử dụng cán bộ của Đảng và Nhà nước.

Thứ ba, coi trọng đãi ngộ về tinh thần: Đánh giá đúng, công bằng năng lực và cống hiến của cán bộ nghiên cứu lý luận trẻ thông qua hệ thống đánh giá: văn bằng, học vị, khả năng và thành tích làm việc, lao động nghề nghiệp, nhất là giá trị sáng tạo và tiềm năng phát triển lý luận của họ; biểu dương, tôn vinh cống hiến của họ bằng những phần thưởng, danh hiệu xứng đáng và nhiều hình thức động viên, khích lệ ở địa phương, cơ quan, đơn vị hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng đúng lúc, đúng thời điểm với sự tôn trọng cao, đúng với giá trị đóng góp của họ.

Thứ tư, đãi ngộ về vật chất: Có chính sách hợp lý về lương, cơ chế trích thưởng thông qua giá trị sản phẩm khoa học, chế độ thù lao, các nhu cầu sinh hoạt (nhà ở, phương tiện đi lại, điều kiện làm việc,...) phù hợp với tài năng và đóng góp cho cơ quan, đơn vị; có phần thưởng vật chất xứng đáng đối với những đóng góp có giá trị thực tiễn cho phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và xây dựng con người Việt Nam (như các giải pháp, sản phẩm khoa học có hàm lượng tri thức cao và giải đáp được những yêu cầu của thực tiễn).

Thứ năm, có cơ chế bảo vệ các cán bộ nghiên cứu lý luận trẻ: Với tư duy mới, cán bộ nghiên cứu lý luận trẻ thường có những ý tưởng sáng tạo, độc đáo, táo bạo, cải cách nên có thể bị cản trở, đố kỵ; hơn nữa, người tài cũng là đối tượng quan tâm, thu hút, lôi kéo của các thế lực bên ngoài, do đó cần có cơ chế bảo vệ thích hợp, đảm bảo cho cán bộ nghiên cứu

lý luận trẻ được làm việc trong môi trường an toàn, toàn tâm, toàn ý cho hoạt động nghiên cứu phát triển lý luận. Công tác phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và thực hiện chế độ, chính sách đối với nhân tài nói chung và các nhà khoa học xã hội - nhân văn - lý luận nói riêng có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển hưng thịnh của đất nước, thúc đẩy sự phát triển của xã hội, tạo ra các giá trị vật chất và tinh thần to lớn cho cộng đồng, cho đất nước. Cho nên, cần phải có chế độ, chính sách đủ mạnh, có sức hút đối với những con người có tài năng thật sự để cống hiến cho sự nghiệp xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh, thịnh vượng.

Thứ sáu, đẩy mạnh phát triển hoạt động các Câu lạc bộ Lý luận trẻ tại các cơ quan, đơn vị: Câu lạc bộ Lý luận trẻ là mô hình tập hợp các cán bộ là đoàn viên, thanh niên yêu thích và có khả năng nghiên cứu, trao đổi về lý luận, nghiên cứu về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về Đảng Cộng sản Việt Nam và con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn mới, về tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Tại các cơ quan, đơn vị, khi xây dựng câu lạc bộ này, cán bộ trẻ sẽ được tạo cơ hội thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, đề xuất các sáng kiến trên Cổng thông tin điện tử “Ngân hàng ý tưởng sáng tạo thanh niên Việt Nam”; thực hiện điều tra xã hội, khảo sát các vấn đề liên quan đến sự phát triển của thanh niên, sự chuyển biến về nhận thức của đoàn viên sau các hoạt động tuyên truyền, giáo dục của Đoàn. Câu lạc bộ giúp nâng cao khả năng hoạt động thực tiễn và khái quát thành lý luận khoa học. Câu lạc bộ cũng là diễn đàn, sân chơi giúp các cán bộ trẻ được bày tỏ suy nghĩ, nhận xét của cá nhân mình đối với những vấn đề giới trẻ quan tâm hiện nay đặc biệt trên mạng xã hội, các sự kiện chính trị - xã hội trong nước và quốc tế nổi bật, các tư tưởng khác nhau với những góc nhìn mới mẻ, trẻ trung về hiện trạng đất nước, các vấn đề cần đặt ra đối với tổ chức Đoàn - Hội - Đội trong giai đoạn hiện nay và cùng nhau thảo luận, phân tích, nhận diện đúng sai để hiểu được vấn đề một cách thấu đáo, cặn kẽ¹.

3. Kết luận

Hiện nay, cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, mạng xã hội, Internet tiếp tục phát triển mạnh mẽ, tạo sự phát triển nhảy vọt trên nhiều lĩnh vực, tác động đến toàn thế giới, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia; tác động mạnh đến kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và từng con người, cộng đồng xã hội. Vấn đề đặt ra cho khoa học xã hội - nhân văn - lý luận nhiều vấn đề phải nghiên cứu liên quan đến sự phát triển xã hội và quản lý xã hội. Chính vì vậy, kế thừa *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta phải có cơ chế, chính sách phù hợp để nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận trẻ ngành khoa học xã hội - nhân văn, khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới.

1. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh: *Hướng dẫn Thành lập và tổ chức hoạt động Câu lạc bộ Lý luận trẻ giai đoạn 2019 - 2022*, Hà Nội, 2019, tr. 1.

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CHO THANH NIÊN VIỆT NAM THEO DI CHỨC HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Thị Quyết*

Chủ tịch Hồ Chí Minh - anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lỗi lạc của dân tộc Việt Nam, Người đã dành cả cuộc đời mình cống hiến cho cách mạng Việt Nam. Dù đã đi xa năm mươi năm, nhưng những tư tưởng của Người vẫn đang là ngọn đuốc soi sáng sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam. Trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, tư tưởng đạo đức của Người có vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta. Trong bài viết này, tác giả nghiên cứu tư tưởng đạo đức cách mạng của Hồ Chí Minh trong *Di chúc* và sự vận dụng tư tưởng đạo đức của Người vào việc giáo dục đạo đức cho thanh niên Việt Nam hiện nay.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng trong *Di chúc*

Phải khẳng định rằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho dân tộc ta một di sản vô giá, đó là hệ thống tư tưởng của Người, trong đó có tư tưởng về đạo đức. Bản thân Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng ngời về đạo đức. Trong bản *Di chúc* thiêng liêng, điều mà Bác đặc biệt quan tâm đó là những phẩm chất đạo đức, những chuẩn mực đạo đức của người cách mạng. Người căn dặn: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”¹.

Giáo dục đạo đức không chỉ đối với đảng viên mà nhìn rộng hơn, xa hơn, Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng đến đoàn viên và thanh niên. Đây là trách nhiệm của Đảng, Người viết: “Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa ‘hồng’ vừa ‘chuyên’”², bởi theo Người: “Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà... nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh, một phần lớn là do các thanh niên”³. Chính vì vậy, trước lúc đi xa, trong bản *Di chúc* thiêng liêng, Người không quên dặn lại Đảng ta: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”⁴.

Đạo đức cách mạng theo quan điểm của Hồ Chí Minh đó là đạo đức của giai cấp công nhân Việt Nam, đại diện cho quyền lợi của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của toàn thể dân tộc Việt Nam. Đạo đức đó phục vụ cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng nhân loại và phục vụ cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ

* Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM

1. Toàn văn *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2006, tr. 58.

2. Toàn văn *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2006, tr. 58.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 5, tr. 85.

4. Toàn văn *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2006, tr. 58.

quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Người khẳng định, đạo đức cách mạng là: “Đạo đức mới, đạo đức vĩ đại, nó không vì danh vọng của cá nhân, mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc, của loài người”¹. Đạo đức cách mạng xuất hiện và phát triển cùng với tiến trình cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đạo đức cách mạng được hình thành qua học tập, lao động, sản xuất, đấu tranh cách mạng, và trong sự giúp đỡ của nhân dân và đồng đội. Trong mỗi con người, đạo đức là cái gốc, bởi theo Người: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo, người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”².

Đạo đức cách mạng theo quan điểm của Hồ Chí Minh bao gồm những nội dung cơ bản sau:

Một là, Trung với nước, Hiếu với dân

Trung - Hiếu vốn là những phạm trù rất quen thuộc, rất gần gũi với người dân Việt Nam. Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển sáng tạo những phạm trù này bằng cách đưa vào trong nội hàm của các khái niệm đó những nội dung mới, mang tinh thần thời đại. Người khẳng định: “Ngày xưa Trung là trung với vua, Hiếu là hiếu với cha mẹ mình thôi. Ngày nay, nước ta là nước Dân chủ Cộng hòa, Trung là trung với Tổ quốc, Hiếu là hiếu với nhân dân; ta thương cha mẹ ta, mà còn phải thương cha mẹ người, phải cho mọi người đều phải biết thương cha mẹ”³.

Chữ Trung trong quan niệm truyền thống vốn là đạo thờ vua. Trung là trung với vua, với một triều đại phong kiến nhất định, hết lòng phụng sự cho sự tồn tại và phát triển của triều đại ấy. Còn chữ Trung trong quan niệm của Hồ Chí Minh là “trung với nước”. Trung với nước là phải yêu nước, là một lòng một dạ phấn đấu vì lợi ích của đất nước, trung thành với Đảng, với nhân dân, không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của Đảng, của nhân dân, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng.

Như vậy, có thể nói, chữ Trung trong đạo đức truyền thống dân tộc đã được Hồ Chí Minh tiếp thu những mặt tích cực, gạt bỏ những yếu tố tiêu cực, đồng thời bổ sung cho nó những nội dung mới của thời đại, khác về chất so với khái niệm Trung trước đây, làm cho nó phù hợp với điều kiện mới và thời đại mới.

Chữ Hiếu trong quan niệm truyền thống vốn là đạo thờ cha mẹ. Hiếu là yêu thương, chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ. Hồ Chí Minh đã mở rộng chữ hiếu thành “hiếu với dân”. Hiếu với dân nghĩa là phải quý trọng nhân dân, đấu tranh vì hạnh phúc, vì lợi ích của nhân dân, hết lòng phục vụ nhân dân; luôn chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; mọi công việc phải xuất phát từ nhân dân, lấy lợi ích của nhân dân làm trọng.

Không chỉ là người khởi xướng, đưa ra những nội dung mới cho phạm trù Trung - Hiếu, bản thân Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng chói cho tấm lòng trung với Đảng, hiếu với dân. Cả cuộc đời của Người là quá trình đấu tranh không mệt mỏi cho độc lập của dân tộc, cho hạnh phúc của nhân dân, trung thành và tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 5, tr. 252.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 5, tr. 252-253.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, t. 5, tr. 640.

Đảng. Ngay cả khi đứng trên cương vị của Chủ tịch nước, Người vẫn tận tụy và nguyện làm một người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Hai là, Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư.

Theo Hồ Chí Minh, chữ Cần ở đây được hiểu là cần cù, siêng năng, chăm chỉ, lao động có kế hoạch, sáng tạo, năng suất cao; lao động với tinh thần tự lực cánh sinh, không lười biếng, không ỷ lại, không dựa dẫm. Muốn thực hiện tốt chữ Cần thì làm việc gì cũng phải có kế hoạch và Cần phải luôn kết hợp với chuyên. Chuyên ở đây có nghĩa là dẻo dai, bền bỉ. Người khẳng định: “Cần là luôn luôn cố gắng, luôn luôn chăm chỉ cả năm cả đời chứ không phải cố sống cố chết trong một ngày, một tuần hay một tháng”¹. Cần và chuyên phải luôn đi đôi với nhau, không được tách rời nhau bởi vì nếu cần một ngày mà mười ngày không cần thì cũng vô ích.

Kiệm theo Bác là tiết kiệm sức lao động, tiết kiệm thì giờ, tiết kiệm tiền của của nhân dân, của đất nước và của bản thân mình. Tiết kiệm từ cái nhỏ đến cái to; *không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi.*

Tiết kiệm ở đây không có nghĩa là bủn xỉn mà là chỉ tiêu xài những việc cần thiết “khi không nên tiêu xài thì một đồng xu cũng không nên tiêu, khi có việc đáng làm, việc lợi ích cho đồng bào, cho Tổ quốc thì bao nhiêu công, tốn bao nhiêu của, cũng vui lòng”².

Hồ Chí Minh cũng cho rằng, Cần và Kiệm phải luôn đi đôi với nhau như hai chân của một con người bởi nếu Cần mà không Kiệm thì cũng giống như gió vào nhà trống, như thùng không đáy, làm chùng nào xào chùng ấy; Kiệm mà không Cần thì không tăng thêm, không phát triển được.

Liêm theo Hồ Chí Minh là trong sạch, không tham lam; là luôn luôn tôn trọng, giữ gìn tài sản của Nhà nước và của nhân dân; không xâm phạm một đồng xu, một hạt thóc của Nhà nước và của nhân dân; không tâng bốc mình, không tham lam địa vị, tiền của, danh tiếng.

Liêm cũng phải đi đôi với Kiệm: “Có Kiệm mới Liêm được vì xa xỉ mà sinh tham lam”³. Tham ở đây là tham tiền của, tham địa vị, tham danh tiếng, tham ăn ngon, sống yên, và tất cả những người như vậy đều được gọi là bất liêm. Vì vậy, theo Bác, không chỉ có cán bộ, quan chức mà tất cả mọi người đều phải Liêm.

Chính nghĩa là không tà, là thẳng thắn, đứng đắn đối với mình, với người và với việc. *Đối với mình*, không tự cao, tự đại, luôn chịu khó học tập, luôn kiểm điểm mình để phát huy điều hay, sửa đổi điều dở. *Đối với người*, không nịnh hót người trên, xem khinh người dưới; luôn giữ thái độ chân thành, khiêm tốn, đoàn kết, không đối trá, lừa lọc. *Đối với việc*, để việc công lên trên việc tư, làm việc gì cho đến nơi, đến chốn, không ngại khó, ngại hiểm, cố gắng làm việc tốt cho dân cho nước..

Đối lập với Chính là Tà. Bác cho rằng, trên thế giới có hàng triệu người nhưng có thể chia ra làm hai loại người là thiện và ác. Người làm việc thiện được gọi là thiện, người lười biếng, xa xỉ, tham lam gọi là ác.

Chí công vô tư theo Hồ Chí Minh là làm bất cứ việc gì cũng phải nghĩ đến lợi ích của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, t. 5, tr. 632.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, t. 5, tr. 637.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, t. 5, tr. 640.

tập thể trước, đặt lợi ích của tập thể lên trên hết, phải công tâm chính trực khi làm việc, không vì lợi ích cá nhân mà quên mất hay bỏ qua lợi ích tập thể.

Như vậy, từ những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc, từ lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin, Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển sáng tạo thành những chuẩn mực đạo đức mới. Tư tưởng đạo đức của Người cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị và vẫn đang được nhân dân cả nước tích cực học tập noi theo. Cuộc vận động toàn dân “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” của Bộ Chính trị vẫn đang được phổ biến rộng rãi trong xã hội, đặc biệt là trong thanh niên.

2. Giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên Việt Nam hiện nay theo tư tưởng đạo đức của Người trong *Di chúc*

Hiện nay, nước ta đang đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa với mục tiêu sớm trở thành nước công nghiệp. Tuy nhiên, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn gặp nhiều khó khăn, thử thách. Trong khi đó, các thế lực thù địch vẫn không ngừng chống phá cách mạng nước ta bằng chiến lược “diễn biến hòa bình” và đối tượng chính mà chúng muốn nhắm đến là thanh niên với tư cách là những người chủ tương lai của đất nước. Vì vậy, việc giáo dục đạo đức nói chung và đạo đức cách mạng nói riêng cho thanh niên là vấn đề vô cùng quan trọng và cấp bách, nhằm đảm bảo cho sự nghiệp cách mạng của nước ta đi đúng hướng. Điều này đã được Đảng ta khẳng định trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX: “Đối với thế hệ trẻ, chăm lo giáo dục, bồi dưỡng, đào tạo, phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, văn hóa, sức khỏe, nghề nghiệp; giải quyết việc làm, phát triển tài năng và sức sáng tạo, phát huy vai trò xung kích trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”¹.

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đoàn khóa VIII cũng đã xác định: “Tăng cường các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, nếp sống và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ trong thanh thiếu niên,... nội dung giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh thiếu niên hiện nay là: Trung với nước, hiếu với dân; yêu thương con người; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư theo tư tưởng Hồ Chí Minh”².

2.1. Giáo dục lòng Trung - Hiếu cho thanh niên Việt Nam hiện nay

Trung với nước là yêu cầu chung của bất cứ người dân nào, trong bất kỳ giai đoạn lịch sử nào. Tuy nhiên, trong mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau, khái niệm Trung với nước lại bao hàm những nội dung, yêu cầu khác nhau. Trong giai đoạn đất nước còn chiến tranh, Trung với nước là sẵn sàng lên đường chiến đấu để đánh đuổi kẻ thù giành lại độc lập cho đất nước. Trong giai đoạn hiện nay, khi đất nước đã hòa bình và đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội thì Trung với nước là trung thành tuyệt đối và vô hạn với Đảng, trung thành tuyệt đối với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn; Trung với nước là trung thành với sự nghiệp đổi mới, trung thành với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; giữ gìn và phát huy những

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 126.

2. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: *Thanh niên Việt Nam thực hiện thắng lợi chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Nghị quyết Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ IX*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2008, tr. 494.

giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc;...

Lòng trung thành của mỗi người trong mỗi thời đại khác nhau, mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau có những biểu hiện khác nhau nhưng nó đều thể hiện tinh thần yêu nước của mỗi người. Hiện nay, đất nước ta đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, tiến hành đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập sâu, rộng vào nền kinh tế quốc tế thì biểu hiện chủ yếu của lòng yêu nước lúc này là tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường dân tộc. Vì vậy, cần phải làm cho thanh niên hiểu rằng, yêu nước hiện nay là nâng cao lòng tự hào, tự tôn dân tộc, tin tưởng ở tương lai tươi sáng của dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu thực hiện thành công mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Giáo dục lòng yêu nước cho thanh niên không phải chỉ dừng lại ở quá trình nhận thức mà điều quan trọng là phải giúp cho thanh niên chuyển những giá trị ấy thành những phẩm chất, những giá trị nhân cách bền vững trong họ, để họ ra sức học tập, phấn đấu, rèn luyện và hiện thực hóa những phẩm chất tốt đẹp đó vào thực tiễn cuộc sống. Mặt khác, trong xu thế hội nhập hiện nay, nước ta vẫn còn ở trong tình trạng lạc hậu, kém phát triển, đời sống của người dân tuy đã được cải thiện song vẫn còn rất nhiều khó khăn. Do đó, việc giáo dục cho thanh niên lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc chính là để khơi dậy trong họ lòng nhiệt huyết cách mạng, ý chí tự lực tự cường, cần cù sáng tạo trong học tập, lao động, có ý chí vươn lên không cam chịu lạc hậu, đói nghèo, quyết chí làm giàu cho bản thân, gia đình và đất nước; đồng thời giúp họ vững vàng hơn trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

Hiện nay, với việc thực hiện chiến lược “diễn biến hoà bình”, các thế lực thù địch đã và đang sử dụng nhiều âm mưu, thủ đoạn rất thâm độc, nham hiểm nhằm chống phá phong trào cách mạng nước ta trên tất cả các mặt, nhất là trên lĩnh vực tư tưởng, văn hoá. Về bản chất, đó là chiến lược chống chủ nghĩa xã hội, chống độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Với nhiều hình thức, phương pháp tinh vi, xảo quyệt, chúng ra sức xuyên tạc, bôi nhọ lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước, xuyên tạc quá khứ, bôi đen lịch sử, nói xấu các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, nhằm làm mất uy tín của Đảng Cộng sản, nhằm đánh tan hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, tha hoá đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, nhất là thanh niên, để làm cho mọi người thờ ơ về chính trị, phai nhạt lý tưởng cách mạng, ngộ nhận và đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Chúng tập trung phá hoại nhân tố chính trị - tinh thần của nhà nước, lực lượng vũ trang, làm giảm ý chí chiến đấu của họ, gây tâm trạng lo sợ, hoang mang, tự đánh mất niềm tin vào Đảng, vào chế độ, vào tổ chức và chính bản thân mình, dẫn đến tuyệt vọng, thoái thác nhiệm vụ, chống lại Đảng, phản bội sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Vì vậy, giáo dục lòng yêu nước cho thanh niên hiện nay là phải giáo dục tinh thần cảnh giác cao độ, đấu tranh không khoan nhượng trước mọi âm mưu chống phá, gây chia rẽ khối đoàn kết dân tộc của các thế lực thù địch phản cách mạng, luôn cảnh giác chống lại âm mưu diễn biến hòa bình của các lực lượng chống phá cách mạng Việt nam.

Bên cạnh việc giáo dục chữ Trung cho thanh niên, việc giáo dục chữ Hiếu cũng phải đặc biệt quan tâm. Hiện nay, ở nhiều nơi, chữ hiếu trong phạm vi gia đình đang bị vi phạm, tình trạng con cái bất hiếu với cha mẹ vẫn còn tồn tại. Mở rộng phạm vi chữ Hiếu trong

xã hội theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh thì tinh thần Hiếu với dân cũng dần phai nhạt đi phần nào. Tinh thần phục vụ nhân dân, vì lợi ích của nhân dân của một bộ phận cán bộ, đảng viên đang có sự giảm sút nghiêm trọng; tình trạng tham ô, tham nhũng diễn ra phổ biến trong xã hội; đã có nhiều cán bộ cấp cao trong bộ máy chính quyền Nhà nước bị bắt và bị kết án vì tham ô, tham nhũng. Vì vậy, giáo dục để thanh niên hiếu, học tập và rèn luyện tinh thần “Hiếu với dân” theo tư tưởng Hồ Chí Minh là vấn đề cần được quan tâm một cách đầy đủ và nghiêm túc.

Hiếu với dân hiện nay là phải tôn trọng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, gần gũi và hiểu được nguyện vọng chính đáng của nhân dân để kịp thời giải quyết cho dân. Hiếu với dân là sự cảm thông chia sẻ với những khó khăn, vất vả mà nhân dân gặp phải, là tinh thần nhường cơm sẻ áo cho đồng bào còn gặp khó khăn trong cuộc sống. Hiếu với dân là phải lấy lợi ích của nhân dân làm tôn chỉ cho mọi lời nói và việc làm; phải xuất phát từ lợi ích của nhân dân, đặt lợi ích của nhân dân lên hàng đầu; mọi lợi ích của bản thân phải phục vụ cho lợi ích của nhân dân, giải quyết đúng đắn mối quan hệ lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể. Đối với thanh niên, khi họ đang ngồi trên ghế nhà trường thì việc cố gắng học tập, rèn luyện, phấn đấu không ngại gian khổ, có chí tiến thủ, phát huy tinh thần chủ động sáng tạo để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân là biểu hiện thiết thực cho tinh thần “Hiếu với dân”.

2.2. Giáo dục các phẩm chất Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư cho thanh niên Việt Nam hiện nay

Trước đây, trong thời kỳ đất nước còn chiến tranh, Cần là để phục vụ cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Ngày nay, đất nước đã hoàn toàn độc lập và đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, thì chúng ta phải Cần để xây dựng và phát triển đất nước. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta còn dài, chúng ta mới đang trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, đất nước ta còn trong tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, do đó, tất cả mọi người đều phải “Cần”. Thanh niên với tư cách là chủ nhân tương lai của dân tộc, là lực lượng quyết định tiền đồ của đất nước nên phải ý thức được tầm quan trọng của việc học tập, lao động, rèn luyện và thực hiện chữ “Cần” theo cách riêng của mình, phù hợp với từng vị trí công việc của mình để đạt hiệu quả cao nhất.

Đối với thanh niên trong lực lượng vũ trang, mặc dù đất nước đã hết chiến tranh, chúng ta đang sống trong thời bình nhưng tình hình thế giới và khu vực vẫn đang diễn biến hết sức phức tạp, các thế lực thù địch vẫn luôn tìm mọi thủ đoạn hòng lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, do đó, đòi hỏi mỗi chiến sĩ phải chăm chỉ luyện tập, luyện tập thường xuyên để nâng cao sức khỏe, thuần thục về kỹ năng, chiến thuật, luôn sẵn sàng ứng phó trong mọi tình huống. Trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật phát triển như vũ bão, để giữ vững nền độc lập của dân tộc, đòi hỏi các chiến sĩ phải tích cực học tập, tiếp cận những thành tựu của khoa học quân sự, có khả năng sử dụng một cách thành thạo những vũ khí hiện đại vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Trong lĩnh vực sản xuất của cải vật chất (công nghiệp, nông nghiệp), thanh niên phải tích cực học hỏi kinh nghiệm sản xuất của ông cha để lại, hăng say lao động để trở thành những người lao động có tay nghề, có kỹ thuật cao, biết áp dụng những tiến bộ của khoa học vào sản xuất để đạt hiệu quả kinh tế cao.

Đối với những thanh niên còn đang ngồi trên ghế nhà trường, phải chăm chỉ học tập chuyên môn, nghiệp vụ, nắm bắt kịp thời những tiến bộ của khoa học công nghệ để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đối với nước ta hiện nay, để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải thực hiện tốt chữ “Cần”. Tuy nhiên, “Cần” chỉ có giá trị khi được đi đôi với “Kiệm”. Giáo dục chữ “Kiệm” cho thanh niên là phải giáo dục để họ biết tiết kiệm, biết quý trọng của cải, thời gian, công sức của mình và của người khác. Trong điều kiện đất nước còn nghèo nàn, lạc hậu, đời sống của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, đòi hỏi mọi người dân Việt Nam nói chung và thế hệ thanh niên nói riêng đều phải tiết kiệm. Trong sản xuất của cải vật chất, phải biết tiết kiệm tài nguyên, tiết kiệm nguyên vật liệu, làm sao sử dụng nguyên liệu một cách hợp lý nhất, mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất. Trong sinh hoạt hàng ngày, việc sử dụng các nhu yếu phẩm cũng phải tiết kiệm, hợp lý, tránh lãng phí; không chỉ tiết kiệm cho bản thân mà còn phải tiết kiệm cho gia đình và cho xã hội.

Không chỉ biết tiết kiệm về vật chất, thanh niên còn phải biết tiết kiệm thời gian bởi thời gian còn quý hơn vàng bạc, của cải và thời gian khi đã trôi đi thì không bao giờ quay trở lại. Mỗi người cần phải xây dựng cho mình một kế hoạch học tập, lao động, rèn luyện, nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí một cách cụ thể, hợp lý; tận dụng thời gian rảnh rỗi để làm những việc có ích cho bản thân, cho gia đình và cho xã hội.

Bên cạnh chữ Cần và chữ Kiệm, việc giáo dục chữ Liêm cho thanh niên trong giai đoạn hiện nay cũng vô cùng cần thiết bởi những hiện tượng bất liêm đã và đang trở thành vấn đề nóng bỏng trong xã hội, gây bức xúc trong nhân dân. Đó là hiện tượng tham ô, tham nhũng của nhiều cán bộ có chức có quyền. Họ lợi dụng chức quyền để vơ vét, đục khoét tiền bạc của Nhà nước và của nhân dân, gây ra hậu quả nghiêm trọng cho xã hội. Vì vậy, việc giáo dục chữ Liêm không thể xem nhẹ.

Việc giáo dục chữ Liêm cho thanh niên muốn đạt hiệu quả tốt thì trước hết phải giáo dục tốt chữ Cần và chữ Kiệm bởi như Bác từng dạy: Xa xỉ sinh tham lam. Mọi sự tham lam đều là nguyên nhân dẫn đến sự bất liêm. Tham lam về tiền bạc dẫn đến hiện tượng tham ô, tham nhũng của nhiều cán bộ; tham lam về tiền bạc dẫn đến sự gian lận, dối trá trong kinh doanh nhằm thu lợi bất chính của đội ngũ doanh nhân; tham lam về tiền bạc dẫn đến sự trộm cắp... Tham lam về địa vị dẫn đến tình trạng xu nịnh, đút lót để thăng quan tiến chức; tham ăn ngon mặc đẹp làm cho nhiều người trở nên lười biếng, không muốn làm chỉ muốn hưởng thụ... Vì vậy, việc giáo dục chữ Liêm cho thanh niên, trước hết phải làm cho họ hiểu đúng nội dung, ý nghĩa của chữ Liêm và thực hiện nó một cách hiệu quả.

Ngoài việc giáo dục Cần, Kiệm, Liêm thì giáo dục chữ Chính cho thanh niên cũng không kém phần quan trọng. Hiện nay, trong xã hội cũng có nhiều biểu hiện của sự bất chính. Đó là tình trạng thiếu đứng đắn, thiếu thẳng thắn của nhiều bạn trẻ trong các mối quan hệ xã hội. Đó là sự thiếu thẳng thắn trong việc lên án, phê phán những việc làm sai trái, còn bao che cho những hành vi phi đạo đức. Trong mối quan hệ bạn bè, nhiều bạn trẻ lợi dụng lòng tốt của bạn bè để mưu lợi.... Những việc làm thiếu đứng đắn như trên đã làm cho đạo đức của một bộ phận thanh niên bị suy giảm nghiêm trọng. Vì vậy, cần giáo dục chữ Liêm để mỗi thanh niên có ý thức tự giác học tập và rèn luyện, sống chan hòa, cởi mở, xây dựng những mối quan hệ thân thiết, tình cảm trong sáng không vụ lợi để làm hình ảnh

của mỗi thanh niên trở nên đẹp đẽ trong mắt mọi người, làm gương cho đàn em noi theo.

Ngoài Cần, Kiệm, Liêm, Chính, còn phải giáo dục tinh thần Chí công vô tư cho thế hệ thanh niên. Chí công vô tư nghĩa là thanh niên phải công tư phân minh trong mọi việc, phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, luôn đặt lợi ích của tập thể lên trên lợi ích của bản thân. Mỗi người phải kiên quyết đấu tranh một cách thẳng thắn để bảo vệ chân lý, luôn tích cực phê bình và phê bình một cách nghiêm túc; kiên quyết đấu tranh chống lại chủ nghĩa cá nhân, chống lại lối sống thực dụng, chỉ lo vun vén lợi ích cho bản thân mình, việc gì có lợi cho bản thân mình thì hăng hái tham gia, việc gì không có lợi cho mình thì tìm cách thoái thác, ỷ lại.

Thực hiện Chí công vô tư ngày nay, mỗi thanh niên còn phải tự giác đấu tranh với chính bản thân mình, chống lại bệnh lười biếng, ỷ lại, chống lại lối sống ích kỷ, chỉ quen hưởng thụ mà không muốn cống hiến. Mỗi người cần phải hòa mình vào tập thể, tích cực tham gia các hoạt động tập thể, đồng thời cũng là để tự hoàn thiện bản thân.

Tóm lại, Trung với nước, Hiếu với dân; Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư là những chuẩn mực cốt lõi của đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là những chuẩn mực đạo đức mà mọi người nói chung và thế hệ thanh niên nói riêng phải học tập, tu dưỡng và làm theo. Các chuẩn mực đạo đức nói trên không phải tự nhiên mà có được, nó cũng không phải là cái nhất thành bất biến, mà được hình thành trong quá trình giáo dục, do hoàn cảnh giáo dục và sự tự giác tu dưỡng rèn luyện của bản thân mỗi người. Vì vậy, giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên theo tư tưởng Hồ Chí Minh là phải làm sao cho thanh niên hiểu được ý nghĩa của đạo đức cách mạng trong giai đoạn mới, phải tự nguyện tự giác rèn luyện làm cho những giá trị đạo đức cách mạng được lĩnh hội và biến nó thành đạo đức cá nhân và được biểu hiện thông qua hành vi đạo đức.

Tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng đạo đức của Người nói riêng đã soi đường cho cách mạng Việt Nam, là một trong những nhân tố quan trọng góp phần làm nên thắng lợi vẻ vang của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Tư tưởng đạo đức của Người đã và đang được mọi tầng lớp nhân dân học tập và làm theo. Trong giai đoạn hiện nay, dưới sự tác động mạnh mẽ của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến đổi phức tạp, đất nước ta muốn phát triển và đi theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn, thì hơn bao giờ hết, chúng ta cần một thế hệ trẻ năng động, có tri thức, có lòng yêu nước, quyết tâm đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, sánh vai cùng các nước trong khu vực và trên thế giới. Để có được thế hệ thanh niên như vậy, công tác giáo dục toàn diện cho thanh niên, đặc biệt là giáo dục đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh cần phải được thực hiện một cách nghiêm túc nhằm tạo ra thế hệ tương lai vừa “hồng” vừa “chuyên” như Bác từng căn dặn.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI TRONG DI CHỨC HỒ CHÍ MINH VÀ Ý NGHĨA ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI HIỆN NAY

*ThS. Lê Thị Như Quỳnh**

Trước khi ra đi về cõi vĩnh hằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Việt Nam bản *Di chúc* thiêng liêng với những lời căn dặn tuy ngắn gọn nhưng chứa đựng những nội dung cơ bản, những quan điểm cốt lõi trong tư tưởng của Người. Một trong những nội dung cơ bản đó là tư tưởng về chiến lược phát triển con người. Đây là tư tưởng nhất quán, xuyên suốt trong cuộc đời của Bác, mang tính nhân văn sâu sắc và có giá trị to lớn đối với sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay. Đặc biệt, chiến lược phát triển con người trong *Di chúc* Hồ Chí Minh còn có ý nghĩa to lớn đối với việc xây dựng và phát triển con người hiện nay.

1. Chiến lược phát triển con người trong *Di chúc* Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người suốt đời cống hiến cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Người đặc biệt quan tâm đến quyền con người, đó là “quyền bất khả xâm phạm”, “quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. Người nhấn mạnh trong *Di chúc*: “Đầu tiên là công việc đối với con người”¹ thật có ý nghĩa khi thấy trong bản viết tay của mình, từ “con người” được Hồ Chí Minh gạch chân bằng mực đỏ. Công việc đối với con người là phần được Hồ Chí Minh viết dài nhất, đặc biệt là ở bản *Di chúc* viết vào tháng 5-1968. Chính vì vậy phát triển con người là chiến lược hàng đầu, là tư tưởng xuyên suốt trong sự nghiệp cách mạng của Người. Mặc dù trong *Di chúc*, Người chỉ để lại những lời nhắn nhủ ngắn gọn nhưng chứa đựng những tư tưởng lớn, có thể khái quát những vấn đề cơ bản về chiến lược phát triển con người trong *Di chúc* của Hồ Chí Minh như sau:

Một là: Mục đích, đối tượng, phương pháp phát triển con người trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh đã đề cập đến những con người, những lớp người cụ thể, như cán bộ, binh sĩ, dân quân du kích, thanh niên xung phong, các gia đình liệt sĩ, cha mẹ, vợ con của thương binh, liệt sĩ,... thậm chí cả những nạn nhân của chế độ xã hội cũ, như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu,... Điều này, chứng tỏ sự nghiệp cách mạng mà chúng ta đang tiến hành thực sự là xóa bỏ cái cũ để xây dựng cái mới, cải tạo xã hội cũ để xây dựng một xã hội mới, tốt tươi, lành mạnh, là chính nghĩa và nhân văn.

Người luôn nhận thức rõ về vai trò, vị trí của con người trong công cuộc bảo vệ và xây dựng xã hội chủ nghĩa, con người là chủ thể của lịch sử mà cụ thể ở đây là chủ thể của dân

* *Trường Đại học Tài chính - Kế toán*

1. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP.HCM, 2006, tr. 51.

tộc, của cách mạng. Vì vậy, việc đào tạo những con người có năng lực thực tiễn và đạo đức cách mạng là việc làm cần thiết và cấp bách. Khi đề cập đến con người dưới góc độ chiến lược cách mạng, trong *Di chúc*, Người đã hướng tới việc giáo dục con người, hoàn thiện con người không phân biệt giai cấp, tầng lớp mà ngược lại, Người quan tâm đến từng đối tượng khác nhau trong xã hội. Đồng thời, Người còn chỉ ra mục đích, phương pháp khác nhau để phát triển các đối tượng đó, trong đó nhấn mạnh đến vai trò của thế hệ trẻ của đất nước.

Trước tiên đối với cán bộ đảng viên, Người luôn căn dặn “phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”¹. Mỗi người tùy chức năng, nhiệm vụ được giao phải tận tâm, tận lực thực hiện đúng và tốt chức trách được giao; đi trước, làm gương cho quần chúng noi theo, tránh kiểu “đánh trống bỏ dùi”, phải dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám sửa lỗi mình và làm gì cũng phải nghĩ đến lợi ích của nhân dân, của đất nước, tránh vì lợi ích cá nhân mà vi phạm tư cách, đạo đức, lối sống. Thông qua đó, tự soi và sửa mình, nghiêm túc tự phê bình và phê bình nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm của bản thân. Ngay từ những ngày đầu tiên đào tạo cán bộ, đảng viên tiên thân cho Đảng, Người đã đặc biệt chú trọng đến việc giáo dục đạo đức cách mạng.

Trong vấn đề về con người thì đối tượng đầu tiên Người quan tâm đến đó chính là “những người đã dưng cảm hy sinh một phần xương máu của mình” cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và Người nhắc nhở Đảng, Chính phủ và đồng bào thực hiện chính sách đền ơn, đáp nghĩa cho thương binh, liệt sĩ, những người có công, các gia đình có công với nước.

Đối với những chiến sĩ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong, trong *Di chúc*, ngoài việc giành những lời khen ngợi cho họ, Bác còn yêu cầu Đảng và Chính phủ cần quan tâm để phát triển “đội quân chủ lực” này. Trong số những người trực tiếp tham gia cách mạng, tham gia kháng chiến thì “Đảng và Chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, các nghề, để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc”². Quả thật đây là cái nhìn của một nhà chiến lược hàng đầu của cách mạng Việt Nam với một nhãn quan chính trị tinh tế và tầm nhìn chiến lược của một danh nhân văn hóa thế giới. Vì Người hiểu được rằng nếu được đào tạo tốt và được sử dụng thì đội quân này sẽ góp phần không nhỏ vào thắng lợi của công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Đối với phụ nữ, Người luôn đánh giá cao vai trò và những đóng góp của phụ nữ trong sự nghiệp cách mạng, trong *Di chúc* Người đã viết “Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước phụ nữ đảm đang ta đã góp phần xứng đáng trong chiến đấu và trong sản xuất, Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo. Bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên. Đó là một cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ”³.

Với nông dân, là giai cấp đông đảo nhất trong xã hội, luôn trung thành với Đảng và Chính phủ, luôn chịu đựng nhiều khó khăn và gian khổ nên Bác đề nghị sau khi thắng lợi thì “miễn thuế nông nghiệp một năm cho các hợp tác xã nông nghiệp để đồng bào hi hã phần

1. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh* NXB Trẻ, TP.HCM, 2006, tr. 52.

2. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh* NXB Trẻ, TP.HCM, 2006, tr. 52.

3. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh* NXB Trẻ, TP.HCM, 2006, tr. 52.

khởi, đẩy mạnh sản xuất”¹. Thực hiện những tâm nguyện trong Di chúc của Bác từ khi thành lập đến nay, Đảng ta luôn khẳng định tầm quan trọng của nông dân, nông nghiệp, nông thôn và luôn quan tâm chăm lo đời sống cho người nông dân.

Tư tưởng về chiến lược phát triển con người của Hồ Chí Minh một lần nữa cho chúng ta thấy nó thật sự nhân văn, cao cả khi một phần trong những lời nhắn nhủ cuối cùng của mình trong *Di chúc*, Người nhắc đến “nạn nhân của chế độ xã hội cũ” với lòng bao dung, độ lượng. Người mong muốn họ sẽ được cải tạo để trở thành những người “lao động lương thiện”, những người có ích cho xã hội. Trong *Di chúc*, Người đã viết: “Đối với những nạn nhân của chế độ xã hội cũ, như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu, v.v., thì Nhà nước phải dùng vừa giáo dục, vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện. Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh đề cập đến con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng, nhưng không phải mọi con người đều trở thành động lực, mà chỉ có những con người được thức tỉnh, được giác ngộ, được tổ chức, được dẫn dắt bởi một lý luận đúng đắn, khoa học và cách mạng thì mới trở thành động lực chân chính của cách mạng.

Hai là, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

Trong *Di chúc* của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là việc làm quan trọng và cần thiết”². Tư tưởng về bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau thể hiện sự vĩ đại, sâu sắc trong tầm nhìn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Với tư tưởng này, Người không chỉ thấy hiện tại mà còn thấy cả tương lai; không chỉ dành tâm huyết trước mắt cho sự nghiệp cách mạng mà còn chăm lo vun trồng cái gốc của sự nghiệp đó để nó trở nên vững bền. Ở đây, quan điểm biện chứng duy vật về sự phát triển mà Người tiếp thu từ chủ nghĩa Mác - Lênin được vận dụng một cách sáng tạo: tương lai đang ở ngay trong hiện tại.

Từ lúc bắt đầu hoạt động cách mạng cho đến lúc Người đi xa, Người luôn xác định Đảng và Nhà nước ta phải thường xuyên chăm lo đến sự phát triển của thế hệ trẻ. Đó là lực lượng “rường cột”, là tương lai của nước nhà. Ngay từ năm 1945, trong Thư gửi các học sinh, Bác Hồ đã viết: “Trong công cuộc kiến thiết đó, nước nhà trông mong, chờ đợi ở các em rất nhiều. Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu”³. Bác Hồ cũng khẳng định thanh niên, nhi đồng là người chủ tương lai của đất nước. Chăm sóc và giáo dục thế hệ trẻ là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân. Công tác đó phải được làm thường xuyên, lâu dài, kiên trì, bền bỉ, “vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”. Trồng người để sống xứng đáng với dân tộc, với cha anh, trồng người để bảo vệ và xây dựng đất nước. Đây là một việc làm có ý nghĩa, quyết định tương lai, vận mệnh của chế độ và của cả dân tộc bởi muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết, cần có những con người xã hội chủ nghĩa. Với vai trò chủ thể, năng động, sáng tạo như vậy của thế hệ trẻ nên Đảng phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng họ trở thành những

1. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh* NXB Trẻ, TP.HCM, 2006, tr. 53.

2. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh* NXB Trẻ, TP.HCM, 2006, tr. 58.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, t. 4, tr. 33.

người kế thừa xây dựng chủ nghĩa xã hội. Để có thể trở thành tương lai của dân tộc và làm tốt vai trò “rường cột” thì thanh niên phải học tập để nâng cao trình độ, học để mà làm, lý luận đi đôi với thực tiễn, phải học chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ. Cán bộ chính trị thì phải biết kỹ thuật, cán bộ kỹ thuật thì phải biết chính trị. Chính trị và kỹ thuật phải kết hợp với nhau, không thể tách rời nhau, ở đây tư tưởng kết hợp giữa “hồng” và “chuyên” trong một con người rất rõ. Bác yêu cầu “hồng” thì phải đến nơi và “chuyên” thì phải đến chốn.

Người đã căn dặn: “Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên”¹. Vận mệnh của quốc gia, dân tộc như thế nào phụ thuộc nhiều vào thanh niên. Vì vậy, thanh niên phải là lực lượng cách mạng to lớn, hùng mạnh, vững chắc cho công cuộc kháng chiến và kiến quốc.

Ba là, phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân

Trong tư tưởng của Bác, luôn luôn thể hiện rõ, mọi việc làm đều vì hạnh phúc của con người, giải phóng cho con người. Trước đây, Bác đã nói, giành được độc lập là quan trọng, nhưng khi đất nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, thì độc lập cũng vô nghĩa. Mặt khác, độc lập phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội, độc lập đem lại cơm no áo ấm, đem lại hạnh phúc cho nhân dân. Trên con đường đấu tranh vì hòa bình của mình, hơn ai hết Bác là người thấu hiểu nỗi khổ cùng cực của người dân, nên muốn con người được phát triển toàn diện thì trước tiên phải giải phóng con người, phải cho nhân dân cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Vì vậy, phát triển kinh tế và văn hóa, chăm lo đời sống cho nhân dân cũng là việc làm nhằm phát triển con người.

Trong bản *Di chúc* lịch sử đó, chúng ta thấy chứa đựng nhiều giá trị đặc sắc và độc đáo về đạo đức, nhân văn, văn hóa, triết học,... nhưng trong đó, chiến lược con người bao trùm lên tất cả, làm nổi bật nét sáng chói giá trị của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh. Điều này thể hiện một nhãn quan chính trị thiên tài, với cách nhìn của một vĩ nhân ở tầm văn hóa và nhà hiền triết hành động kiểu Á - Đông.

2. Ý nghĩa của chiến lược phát triển con người trong *Di chúc* đối với việc xây dựng và phát triển con người hiện nay

Tư tưởng về con người, về việc giải phóng và phát triển con người, coi con người là nhân tố quyết định thành công của cách mạng luôn quán xuyên trong tư duy, đường lối và phương pháp lãnh đạo cách mạng của Hồ Chí Minh. Điều này lại một lần nữa được thể hiện rõ trong *Di chúc* của Người, trong xuyên suốt bản *Di chúc*, Người đã quan tâm đến mọi đối tượng, thành phần khác nhau, hướng dẫn, chỉ đạo phát triển để mọi người dân đều là người có ích cho xã hội. Sự nghiệp phát triển đất nước một cách toàn diện hiện nay đang đặt ra những yêu cầu mới đó là phải có nguồn lực con người. Vận dụng sáng tạo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về chiến lược con người trong *Di chúc*, Đảng ta luôn coi nguồn lực con người là “nguồn lực của mọi nguồn lực”, là nguồn lực nội sinh quan trọng nhất quyết định thành công của công cuộc đổi mới đất nước ta hiện nay. Trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay, Đảng ta đã chú trọng đến việc phát huy sức sáng tạo của mọi tầng lớp nhân dân, hướng sự sáng tạo đó vào sự nghiệp xây dựng xã hội mới và chăm lo bồi dưỡng, phát huy

1. Toàn văn *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, NXB Trẻ, TP.HCM, 2006, tr. 58.

nhân tố con người, trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; phát huy mọi tiềm năng thế mạnh của con người để vừa tập trung cao cho phát triển kinh tế, vừa tăng cường quốc phòng, an ninh, tạo cơ sở nền tảng vững chắc bảo vệ thành quả của cách mạng trong điều kiện mới.

Hiện nay Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội cũng như nhiều khó khăn, thách thức khác nhau, trước những khó khăn, thách thức đó, cần tiếp tục vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy nhân tố con người, khơi dậy và phát huy mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân, tạo nên sức mạnh tổng hợp để giữ vững và phát huy giá trị độc lập, tự do của dân tộc. Để thực hiện được điều đó, cần tập trung thực hiện tốt các giải pháp chủ yếu sau:

Một là, đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

Tập trung mọi nguồn lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục; giải quyết tốt các vấn đề xã hội; từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Đúng như mong muốn của Người đã căn dặn trong Di chúc “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hoá, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”¹.

Phát triển kinh tế - văn hóa, xã hội, sẽ tạo điều kiện phát huy nhân tố con người; trên cơ sở khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, từng địa phương, đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái. Huy động mọi nguồn lực để tạo bước đột phá trong xóa đói, giảm nghèo, phát triển sản xuất, chăm lo đời sống tinh thần, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc, nâng cao trình độ dân trí, đào tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, từng bước giải quyết các vấn đề xã hội. Ưu tiên nguồn lực để tạo chuyển biến trong phát triển kinh tế - xã hội ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và địa bàn chiến lược để giảm khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng.

Hai là, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo - tiền đề xây dựng và phát triển con người.

Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực cho sự phát triển đất nước, muốn phát triển xã hội phải chăm lo phát triển nhân tố con người cả về thể chất, tinh thần và giáo dục là một trong những thành tố quan trọng nhất để phát triển con người, là động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, một nền giáo dục phát triển sẽ là điều kiện phát huy nguồn nhân lực con người, yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

Chính vì thế, không phải là ngẫu nhiên mà trong *Di chúc* Hồ Chí Minh nhiều lần nhắc đến công tác giáo dục, bồi dưỡng đặc biệt là cho thế hệ trẻ của nước nhà. Người chỉ giáo: Đảng cần phải chăm lo giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ “thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa ‘hồng’ vừa ‘chuyên’”. Trong văn kiện lịch sử này, Người căn dặn: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”, ở đây, một lần nữa chúng ta thấy Hồ Chí Minh rất coi trọng công tác giáo dục và đào tạo để bồi dưỡng lớp thanh niên cách mạng Việt Nam.

Thấm nhuần lời dạy của Người trong những năm qua Đảng, Nhà nước ta luôn đẩy

1. Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, NXB Trẻ, TP.HCM, 2006, tr. 59.

mạnh và đổi mới công tác giáo dục - đào tạo, coi “giáo dục là quốc sách hàng đầu”. Đây là điều kiện để hình thành và phát triển các thế hệ con người Việt Nam khỏe về thể chất, trong sáng về tâm hồn, có trình độ chuyên môn cao đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Con người là vốn quý nhất nên với những định hướng về vị trí, vai trò của nhân tố con người, đạo đức cách mạng trong sáng, có ý thức rõ ràng về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội thì những chuẩn giá trị đó là động lực quan trọng thúc đẩy con người Việt Nam chiến đấu, lao động, học tập và sáng tạo, đem lại những thắng lợi đáng tự hào trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ba là, quan tâm thực hiện tốt chính sách xã hội để tạo điều kiện xây dựng và phát triển con người.

Chính sách xã hội bao trùm trên mọi mặt của đời sống con người, như: Điều kiện lao động, sinh hoạt, giáo dục, văn hóa, chăm sóc sức khỏe,... và luôn gắn chặt, phụ thuộc rất lớn vào quá trình phát triển kinh tế, bản chất chính trị - xã hội của mỗi quốc gia, dân tộc. Chính sách xã hội và quyền con người có mối quan hệ chặt chẽ. Thực hiện tốt chính sách xã hội là một trong những bảo đảm quan trọng về quyền con người ở nước ta. Bởi, quyền con người luôn gắn bó mật thiết với các quyền cơ bản của dân tộc, với quyền công dân; phụ thuộc vào các điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, lịch sử, văn hóa, dân tộc. Đảng ta xác định: Chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tất cả mọi người; tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết tham gia. Thông qua chính sách xã hội mà quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được bảo đảm ngày càng đầy đủ, hoàn thiện hơn, góp phần tạo động lực to lớn trong sự nghiệp xây dựng đất nước.

Thực hiện thường xuyên, liên tục các phong trào nhằm xoá đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống của nhân dân, đặc biệt là ở nông thôn. Cụ thể là các phong trào xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, xây dựng ấp văn hoá mới, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở...

Xây dựng và phát triển con người là phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của con người trong nhận thức và hành động, cần chăm lo tạo ra những điều kiện tốt nhất để mỗi người (và mỗi cộng đồng người) có thể thể hiện tối đa năng lực của mình trong lao động, trong hoạt động sáng tạo. Vấn đề con người và xây dựng và phát triển con người xã hội chủ nghĩa là nội dung quan trọng, luôn được Đảng đề cập tới trong nhiều kỳ đại hội, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới đất nước, với phương châm đổi mới xuất phát từ con người và vì con người, con người vừa là chủ thể vừa là sản phẩm vừa là mục tiêu của sự nghiệp đổi mới. Làm tốt những điều vừa nêu chính là chúng ta đang thực hiện một phần những điều mà Bác Hồ mong muốn và căn dặn chúng ta trong bản *Di chúc* lịch sử.

GIÁ TRỊ DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC ĐÀO TẠO – BỒI DƯỠNG THANH NIÊN VIỆT NAM

*TS. Thái Ngọc Tăng**

Chủ tịch Hồ Chí Minh trước lúc ra đi, Người để lại *Di chúc* thiêng liêng, kết tinh trong đó những điều cốt lõi về tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người. *Di chúc* của Người có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn về nhiều mặt, trong đó, việc đào tạo, bồi dưỡng cho thanh niên Việt Nam hiện nay cũng là một nội dung quan trọng cần được đào sâu suy nghĩ, nghiên cứu.

Trong suốt bốn năm (1965 - 1969), chất lọc tình cảm và suy nghĩ của cả cuộc đời, *Di chúc* để lại những điều căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền và sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; về chăm lo đối với con người và thế hệ trẻ; về quản lý xã hội, chính sách xã hội, an sinh xã hội sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta giành thắng lợi. *Di chúc* là sự tổng kết lý luận và thực tiễn về sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và của dân tộc Việt Nam, là lý luận về đổi mới và tương lai phát triển của đất nước.

Thực hiện lời căn dặn của Người, trong 50 năm qua, việc bồi dưỡng đào tạo cho thế hệ thanh niên trở thành người vừa hồng, vừa chuyên là nhiệm vụ quan trọng được Đảng ta quan tâm thực hiện: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”¹. Nói đến thế hệ cách mạng cho đời sau là nói đến thanh niên – một lực lượng lớn, cánh tay đắc lực của Đảng. Đây là lực lượng nòng cốt để ươm mầm hạt giống tương lai, hạt giống tốt thì cây mới phát triển khỏe mạnh, vươn cao, vươn xa được. Đảng phải hiểu rõ về thanh niên, phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa “hồng”, vừa “chuyên”. Lời căn dặn trong *Di chúc* của Người được Đảng ta hiện thực hóa trong các chính sách xã hội nhằm bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ, tin tưởng, tạo mọi điều kiện để họ phát huy tiềm năng, trí tuệ, sức lực một cách tự giác và hiệu quả trong công việc. Bồi dưỡng thế hệ trẻ, phát huy tinh thần sáng tạo, trọng dụng nhân tài, tạo mọi điều kiện vật chất và tinh thần để thế hệ thanh niên cống hiến đó là mục tiêu và nhiệm vụ không chỉ của Đảng và Nhà nước mà là mong muốn chung của cả dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh dành tình cảm yêu thương sâu sắc, sự quan tâm và niềm tin mãnh liệt cho thế hệ thanh niên Việt Nam. Người căn dặn Đảng ta phải quan tâm chăm lo đào tạo, bồi dưỡng thế hệ kế tục sự nghiệp cách mạng cho đời sau. Người nêu rõ: “đoàn viên thanh niên” ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa

**Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.612.

“chuyên”¹. Đây chính là sự tổng kết lý luận mà Hồ Chí Minh rút ra từ lịch sử nhân loại, dân tộc; từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh niên của Người qua các thời kỳ cách mạng, để tiếp tục định hướng việc giáo dục rèn luyện và phát huy mọi tiềm năng to lớn của thanh niên trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc. Theo Hồ Chí Minh tương lai của đất nước, của dân tộc nằm ngay trong tay các thế hệ thanh niên. Người khẳng định, thanh niên là lực lượng cách mạng hùng hậu, bộ phận quan trọng của dân tộc, là lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng của cha anh. Khi đất nước ta còn nằm dưới ách thống trị của thực dân, phong kiến, ngay từ năm 1925 trong *Thư gửi thanh niên Việt Nam*, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, đất nước sẽ không còn nếu thanh niên không được “hồi sinh”, thức tỉnh. Để hồi sinh bộ phận quan trọng này của dân tộc, Hồ Chí Minh đã mở trường huấn luyện chính trị, xuất bản sách báo, sáng lập ra Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội để thức tỉnh một thế hệ thanh niên yêu nước trong những thập niên đầu thế kỷ XX. Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, đất nước độc lập, thống nhất, Bác dạy: “Thanh niên là chủ tương lai của nước nhà”. Bác ví tuổi thanh niên là mùa xuân của xã hội: “Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội”. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Bác luôn đặt niềm tin vào sức mạnh của thanh niên: “Với một thế hệ thanh niên hăng hái kiên cường, chúng ta nhất định thành công trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc”². Người còn chỉ rõ, thanh niên là người kết nối quá khứ với tương lai: “Thanh niên là người tiếp sức cách mạng cho thế hệ thanh niên già, đồng thời là người diu dắt thế hệ thanh niên tương lai”³. Điều này phản ánh một vấn đề có tính quy luật, đó là sự “bàn giao thế hệ”. Mỗi thế hệ chỉ có thể hoàn thành được nhiệm vụ của mình trong một chặng đường cách mạng nhất định và phải được thế hệ sau tiếp bước. Đó chính là thanh niên, “người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội” mà Người đã đưa vào *Di chúc*.

Từ việc bồi dưỡng, đào tạo thanh niên đóng vai trò quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và tương lai của dân tộc, Người căn dặn, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết. Luận điểm này thể hiện rõ, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội sẽ mất nếu các thế hệ thanh niên không được chăm lo giáo dục đào tạo thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Là người đứng đầu Đảng và Nhà nước, Người luôn chú trọng tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Chính phủ đối với việc bồi dưỡng, đào tạo thanh niên. Ngay sau Cách mạng tháng Tám, Người đã chỉ thị thành lập Bộ Thanh niên, rồi đến Nha Thanh niên trong Chính phủ để bồi dưỡng, đào tạo thanh niên. Bác luôn nhắc nhở các bộ, các ngành ban hành những chính sách nhằm giải quyết những vấn đề thuộc lợi ích nguyện vọng chính đáng của thanh niên; tổ chức Đoàn thanh niên phải liên hệ với các lực lượng của Chính phủ. Hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo đó của Người đã chỉ ra rằng, muốn đào tạo bồi dưỡng thanh niên thành những lớp người “thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa hồng vừa chuyên”, cần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước; sự tổ chức phối hợp nhiều lực lượng của xã hội.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.624.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.624.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.623.

Tư tưởng về bồi dưỡng, đào tạo thanh niên trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh mang tính thời đại sâu sắc. Những đóng góp, cống hiến của thanh niên trong hơn 30 năm đất nước đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng đã khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của thanh niên đối với sự nghiệp cách mạng nước ta. Thực hiện *Di chúc* của Người, bước vào thời kỳ đất nước đổi mới, Đảng ta khẳng định: “Sự nghiệp đổi mới có thành công hay không, cách mạng Việt Nam có vững bước theo con đường xã hội chủ nghĩa hay không phần lớn tùy thuộc vào lực lượng thanh niên, vào việc bồi dưỡng rèn luyện thể hệ thanh niên; công tác thanh niên là vấn đề sống còn của dân tộc, là một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng”¹. Dưới sự lãnh đạo giáo dục rèn luyện của Đảng, thanh niên ngày nay tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng của các thế hệ cha anh; có thái độ và ý thức chính trị rõ ràng đối với vận mệnh của đất nước, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, có chí tiến thủ, sớm có ý chí lập thân, lập nghiệp, ý thức chia sẻ, tương thân, tương ái, không ngại khó khăn, khát khao mong muốn Đảng, Nhà nước tạo điều kiện để họ có thể cống hiến tốt hơn cho đất nước. Hiện nay cuộc đấu tranh giai cấp, dân tộc trong điều kiện của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại và xu thế toàn cầu hóa kinh tế, việc giáo dục rèn luyện thanh niên trở thành người “thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa hồng vừa chuyên” liên quan đến vận mệnh của Đảng, chế độ xã hội chủ nghĩa và dân tộc.

Để thực hiện tốt *Di chúc* của Hồ Chí Minh với việc đào tạo, bồi dưỡng thanh niên Việt Nam hiện nay, Đảng cần phải có những giải pháp về bồi dưỡng, đào tạo thanh niên đáp ứng những yêu cầu trong thời kỳ đổi mới, thời kỳ cách mạng khoa học công nghệ 4.0.

Một là, xây dựng tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, thực sự là đội dự bị tin cậy của Đảng, hạt nhân chính trị của phong trào và các tổ chức thanh niên Việt Nam. Hiện nay, các tổ chức thanh niên Việt Nam có Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội sinh viên Việt Nam. Trong các tổ chức đó, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện. Đoàn là trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên Việt Nam, trực tiếp giúp Đảng, Nhà nước thực hiện nhiệm vụ công tác thanh niên, phát động và tổ chức phong trào hành động cách mạng của thanh niên, là cầu nối giữa thanh niên với Đảng. Vì vậy, cần tập trung xây dựng tổ chức đoàn vững mạnh, thực hiện tốt chức năng là đội dự bị tin cậy của Đảng Cộng sản Việt Nam; lực lượng chính trị nòng cốt trong các phong trào thanh niên và tổ chức của thanh niên, đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của tuổi trẻ Việt Nam.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước cần thể chế hóa các quan điểm của Đảng về bồi dưỡng, đào tạo thanh niên bằng các văn bản pháp luật, các chính sách đối với thanh niên; tăng cường quản lý Nhà nước về bồi dưỡng, đào tạo thanh niên; xây dựng quy chế phối hợp giữa cơ quan chính quyền với tổ chức thanh niên. Tổ chức phối hợp trên quy mô toàn xã hội làm công tác thanh niên. Vai trò của các tổ chức kinh tế, xã hội trong bồi dưỡng, đào tạo

1. ĐCSVN: *Văn kiện Hội nghị Trung ương lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.125.

thanh niên được thể hiện ở việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật nhà nước liên quan đến thanh niên; tham gia xây dựng và hoạch định các chính sách, pháp luật về thanh niên và công tác thanh niên; tạo mọi điều kiện tham gia quản lý, bồi dưỡng giáo dục và phát huy thanh niên. Các đoàn thể xã hội cần có chương trình bồi dưỡng, đào tạo thanh niên của tổ chức mình; xây dựng quy chế phối hợp hành động với Đoàn và các tổ chức thanh niên. Đề cao vai trò của gia đình trong việc nuôi dạy và giáo dục ý thức công dân, ý thức duy trì và phát triển nòi giống, truyền thống gia đình và tinh thần cộng đồng trách nhiệm; động viên thanh niên tích cực tham gia các hoạt động quản lý nhà nước và xã hội.

Hai là, chăm lo giáo dục, bồi dưỡng rèn luyện và tạo điều kiện cho sự phát triển và trưởng thành của thanh niên. Trong thời kỳ mới thanh niên là lực lượng kế thừa và tiếp nối các thế hệ cha anh xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Thanh niên là nguồn cung cấp nhân lực có chất lượng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; là lực lượng xung kích đi đầu thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; là lực lượng chủ lực trong xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần nâng cao vị thế của đất nước trên trường quốc tế. Để thanh niên xứng đáng với vai trò to lớn đó, cần phải chăm lo giáo dục, bồi dưỡng rèn luyện và tạo điều kiện cho sự phát triển và trưởng thành của thanh niên. Trong tình hình hiện nay, cần đặc biệt coi trọng việc giáo dục truyền thống văn hóa, văn hiến, đoàn kết cộng đồng, rèn luyện ý chí tự lực tự cường, lòng tự tôn dân tộc, khát vọng vươn lên chiếm lĩnh đỉnh cao trí tuệ, không cam chịu nghèo nàn lạc hậu; giáo dục tinh thần xung kích, tình nguyện vì cộng đồng và sự phồn vinh của đất nước cho thanh niên. Giáo dục lòng yêu lao động, trân trọng sức lao động, biết hưởng thụ chính đáng, chống lối sống thực dụng; ý thức kế thừa và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống, lối sống, nếp sống công tác, lao động, sinh hoạt lành mạnh, văn minh, giữ vững thuần phong mỹ tục của dân tộc, dòng họ, gia đình, đấu tranh chống lối sống ích kỷ, coi thường kỷ cương phép nước, luân thường đạo lý; nâng cao nhận thức và định hướng hành động của thanh niên trong đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội. Giáo dục truyền thống cách mạng vẻ vang của Đảng, của dân tộc, của Đoàn. Giáo dục luật pháp và ý thức công dân, xây dựng lối sống “sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”, tuân thủ nội quy, quy định của tổ chức, tập thể và cộng đồng. Giáo dục tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức quốc phòng toàn dân, trách nhiệm và nghĩa vụ công dân tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; nhận thức đầy đủ về thời cơ và thách thức của đất nước trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới; âm mưu “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

Ba là, tạo điều kiện thuận lợi để những thế hệ thanh qua đào tạo, người có trình độ cao, người có trình độ chuyên môn kỹ thuật có nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm. Hiện nay, số thanh niên có trình độ đã qua đào tạo ở nước ta chiếm một tỷ lệ lớn không tìm được việc làm hoặc làm việc không đúng chuyên môn đào tạo, dẫn đến tình trạng chảy máu chất xám, lực lượng thanh niên đào tạo ở nước ngoài không về nước làm việc, lực lượng thanh niên tìm cơ hội đi nước ngoài làm việc, cần phải có sự khuyến khích, kích thích để phát huy tối đa năng lực sáng tạo của đối tượng này. Đồng thời, cần phải làm tốt công tác tuyên

truyền nhằm nâng cao ý thức pháp luật về bảo hộ và sở hữu trí tuệ, để thanh niên yên tâm công hiến, sáng tạo trên cơ sở bảo vệ của pháp luật và Nhà nước.

Tư tưởng bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau chính là tinh thần xuyên suốt trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đó cũng chính là quan điểm về bồi dưỡng, đào tạo thanh niên của Đảng. Quán triệt và thực hiện *Di chúc* của Người, cần phải đặc biệt chăm lo bồi dưỡng giáo dục rèn luyện thanh niên có bản lĩnh chính trị, có phẩm chất đạo đức, có năng lực để xứng đáng với vai trò là người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng”, vừa “chuyên” như Bác đã căn dặn.

Thấm nhuần quan điểm chỉ đạo của Đảng thanh niên là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thanh niên được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược bồi dưỡng, phát huy nhân tố và nguồn lực con người.

Thực hiện lời căn dặn của Người, Đảng, Nhà nước cần tăng cường giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa, ý thức công dân để hình thành thế hệ thanh niên có phẩm chất tốt đẹp, có khí phách và quyết tâm hành động thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là một trong những giải pháp quan trọng; Đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, tạo cơ hội cho mọi thanh niên được học tập, không ngừng nâng cao trình độ, có tri thức và kỹ năng, vươn lên ngang tầm với thanh niên các nước tiên tiến trên thế giới; Nâng cao chất lượng lao động trẻ, giải quyết việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho thanh niên; Xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, tạo điều kiện cho thanh niên nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, phát triển toàn diện; Coi trọng hơn nữa việc trọng dụng tài năng trẻ, tạo bước chuyển có tính đột phá trong bố trí và sử dụng cán bộ trẻ trên tất cả các lĩnh vực; Phát huy sự nỗ lực phấn đấu của mỗi thanh niên trong học tập, lao động và cuộc sống; không ngừng rèn luyện đạo đức, lối sống, hoàn thiện nhân cách trở thành công dân hữu ích, thành viên tốt trong gia đình, tích cực đóng góp cho sự phát triển của đất nước.

Đó là những giá trị cơ bản nhằm tiếp tục thực hiện có hiệu quả lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với việc bồi dưỡng, đào tạo thanh niên. Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cũng là cơ hội lớn để thanh niên Việt Nam tự khẳng định mình, vừa học hỏi, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, nhất là tri thức và công nghệ hiện đại, tin học, ngoại ngữ, tài chính, quản trị doanh nghiệp, luật pháp quốc tế, kỹ năng hành chính, ý thức bảo vệ môi trường... Sau 50 năm công bố, *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn sáng rõ tầm nhìn thời đại và vẹn nguyên giá trị. *Di chúc* của Người vẫn là những chỉ dẫn quý báu, động lực tinh thần giúp chúng ta vượt qua khó khăn, tận dụng thời cơ, chấp nhận thách thức để tiến tới con đường phát triển bền vững./.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ QUYỀN CON NGƯỜI VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG ĐỂ ĐẢM BẢO QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM TRONG CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

*ThS. Trần Thị Thảo**

Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Điều cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh là độc lập dân tộc gắn với giải phóng xã hội và giải phóng con người mà trong đó, quyền con người được Hồ Chí Minh đưa lên hàng đầu, xuyên suốt toàn bộ tư tưởng của Người. Người đã chỉ ra rằng, quyền con người chỉ có thể có được thông qua con đường đấu tranh cách mạng chống áp bức, bóc lột của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc và đoàn kết toàn dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chỉ có như vậy thì các quyền cá nhân và quyền dân tộc mới được bảo đảm bền vững.

1. Quan niệm về quyền con người

Quyền con người là những quyền tự nhiên, vốn có và khách quan của con người được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế.

Trước khi Liên hiệp quốc ra đời, quy định về quyền con người gắn với các cuộc cách mạng tư sản. Ngày nay khi nói về quyền con người, người ta thường nhắc tới “Luật về các quyền” của Anh năm 1689, “Tuyên ngôn độc lập” 1776 và Hiến pháp 1789 của Mỹ, “Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền” của Pháp năm 1789. Liên hiệp quốc ra đời với bản hiến chương trong đó định nghĩa về “quyền con người” là những bảo đảm pháp lý toàn cầu có tác dụng bảo vệ các cá nhân và các nhóm chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc mà làm tổn hại đến nhân phẩm, những tự do cơ bản của con người. Sự ra đời của Liên hiệp quốc với các văn kiện *Hiến chương Liên hiệp quốc* (1945), *Tuyên ngôn thế giới về quyền con người* (1948) và các Công ước quốc tế về quyền con người, chế định quyền con người và vấn đề quyền con người, thì quyền con người đã vượt ra ngoài phạm vi mỗi quốc gia dân tộc trở thành một vấn đề chính trị và pháp lý quốc tế.

Như vậy, quyền con người là thành quả phát triển lâu dài của lịch sử nhân loại, là tài sản chung của các dân tộc. Mỗi một bước tiến của lịch sử, quyền con người lại được mở rộng và nâng cao thêm một bước. Dân tộc Việt Nam, trong thế kỷ XX, dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh và bằng sự nghiệp cách mạng giành và bảo vệ độc lập dân tộc đã có những đóng góp quan trọng vào việc mở rộng quyền con người với tư cách là một khái niệm chính trị - pháp lý quốc tế mà quyền con người không chỉ là quyền của cá nhân mà còn là quyền của mỗi dân tộc¹.

* *Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM.*

1. Francoi Puret: *Số phận một ý tưởng*, Người đưa tin UNESCO, Hà Nội, 1989, Số 6, tr. 56.

2. Những tư tưởng cơ bản của Hồ Chí Minh về quyền con người

2.1. Tiền đề và điều kiện tiên quyết của quyền con người là độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ

Trên hành trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã tiếp cận với nhiều cương lĩnh về quyền con người của các nước tư bản. *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 của nước Mỹ chỉ rõ: “Tất cả mọi người sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc” và *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* năm 1789 của Pháp: “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”,... Và Hồ Chí Minh cũng đã khẳng định một chân lý mới có ý nghĩa thời đại trong bản *Tuyên ngôn độc lập* 1945 của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, đó là: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”¹.

Mặc dù tiếp thu tư tưởng về quyền con người trong tuyên ngôn của cách mạng của các nước tư bản nhưng Hồ Chí Minh không đánh giá cao các cuộc cách mạng đó. Người cho rằng đó là những cuộc cách mạng ấy là “không đến nơi” và rút ra kinh nghiệm cho cách mạng Việt Nam. Tiêu chuẩn để đánh giá các cuộc cách mạng, theo Người, là quyền lực sau thắng lợi của cách mạng nằm trong tay ai và dân chúng có được hưởng tự do, hạnh phúc thực sự hay không. Hai tiêu chuẩn này là biểu hiện tập trung nhất các giá trị dân chủ và nhân quyền. Trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Người viết: Một cuộc cách mạng thành công thì quyền phải “giao cho dân chúng số nhiều” và dân chúng phải “được hưởng cái hạnh phúc, tự do, bình đẳng thật”².

Tiếp thu Mác – Lê-nin về vấn đề dân tộc và giai cấp, nhưng Hồ Chí Minh luôn đặt lợi ích của dân tộc lên trên lợi ích của giai cấp. Người nhấn mạnh: Độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia – tiền đề và điều kiện của quyền con người – phải thông qua đấu tranh cách mạng mới giành lại được. Và Người đưa ra một tư tưởng – kết hợp các giá trị cơ bản của quyền con người với giá trị của dân tộc – “Tự do, bình đẳng, bác ái, độc lập”³.

Mặt trận Việt Minh (tiền thân của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa sau này) được thành lập với mười chính sách lớn đã thể hiện rõ quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về quyền con người. Trong đó, đáng chú ý có những chính sách thể hiện nổi bật và trực tiếp các quyền và tự do của con người, như: “Ban bố những quyền của dân: 1) nhân quyền; 2) tài quyền (quyền sở hữu); 3) dân quyền (quyền phổ thông đầu phiếu), quyền tự do dân chủ (quyền tự do tín ngưỡng, tự do tư tưởng, ngôn luận, hội họp, đi lại), quyền bình đẳng dân tộc, nam nữ”⁴.

Ngay sau khi giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo và chỉ đạo xây dựng Nhà nước kiểu mới dưới sự lãnh đạo của Đảng theo nguyên tắc pháp quyền. Hiến pháp (năm 1946) được công bố, tất cả những nguyên tắc cơ bản, thiết chế của một nhà nước, một xã hội mới được xác lập chỉ trong vòng một năm.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1984, t.4, tr. 1.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1984, t.2, tr. 192.

3. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1984, t.1, tr. 402.

4. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (sơ thảo), NXB Sự thật, Hà Nội, 1984, tr. 408-409.

Bảo đảm quyền con người một phần quan trọng tùy thuộc vào hệ thống pháp luật và đội ngũ cán bộ, công chức ngành tư pháp. Là người sáng lập Nhà nước Việt Nam mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến xây dựng nền pháp chế của quốc gia, đặc biệt là xây dựng hệ thống pháp luật bảo vệ công dân, quyền con người, hạn chế các sắc lệnh. Trong bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* (năm 1919), Người đòi thực dân Pháp cải cách nền pháp lý ở Đông Dương, đòi “bãi bỏ chế độ cai trị bằng các sắc lệnh và thay thế bằng các đạo luật”. Trong *Việt Nam yêu cầu ca*, Người đã viết: “Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”. Trong *Thư gửi Hội Nghị tư pháp toàn quốc*, Người viết: “Các bạn là những người phụ trách thi hành pháp luật. Lẽ tất nhiên các bạn cần phải nêu cao cái gương “phụng công, thủ pháp, chí công vô tư” cho nhân dân noi theo”¹.

2.2. Tôn trọng quyền con người là yêu cầu phải phát triển con người cả về trí lực và thể lực

Hồ Chí Minh nêu ra định nghĩa về con người: “Chữ Người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng nữa là cả loài người”. Như vậy Người chưa bao giờ nhìn nhận con người một cách chung chung, trừu tượng. Khi bàn về chính sách xã hội, hay ở bất cứ đâu, thời điểm nào, Người luôn quan tâm đến nhu cầu, lợi ích của con người với tư cách là nhu cầu chính đáng. Đem lại lợi ích cho con người chính là tạo ra động lực vô cùng lớn lao cho sự nghiệp chung, vì nếu như những nhu cầu, lợi ích của mỗi cá nhân không được quan tâm thỏa đáng thì tính tích cực của họ sẽ không thể phát huy được. Trong khi phê phán một cách nghiêm khắc chủ nghĩa cá nhân, Người viết: “Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là “giày xéo lên lợi ích cá nhân”. Mỗi người đều có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của bản thân và của gia đình mình”². Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng, chính vì thế, phải coi trọng, chăm sóc, phát huy nhân tố con người. Mọi chính sách tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa của Hồ Chí Minh đều hướng tới con người. Người nói: “Phải đem hết sức dân, tài dân, của dân để làm lợi cho dân”³, “dựa vào lực lượng của dân, tinh thần của dân để gây hạnh phúc cho dân”⁴, “chủ nghĩa xã hội là nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân và do nhân dân tự xây dựng lấy”⁵. Qua đó, có thể thấy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, con người - mục tiêu và con người - động lực là thống nhất, vì dân và do dân là thống nhất. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, nhân dân là người giữ vai trò quyết định trên tất cả các lĩnh vực: từ kinh tế, chính trị đến văn hóa, xã hội, từ những chuyện nhỏ có liên quan đến lợi ích của mỗi cá nhân đến những chuyện lớn như lựa chọn thể chế, lựa chọn người đứng đầu Nhà nước. Người dân có quyền làm chủ bản thân, nghĩa là có quyền được bảo vệ về thân thể, được tự do đi lại, tự do hành nghề, tự do ngôn luận, tự do học tập, ... trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Để phát huy vai trò động lực của con người, Hồ Chí Minh đã đề cập đến một hệ thống nội dung và biện pháp (vật chất và tinh thần) nhằm tác động vào các động cơ thúc đẩy tính

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1984, t.5, tr. 382.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 2011, t.11, tr. 610.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 2000, t.12, tr.212.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 1996, t.5, tr. 444.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, 2011, t.10, tr. 556.

tích cực hoạt động của con người. Đồng thời, cũng chỉ ra những nội dung và biện pháp làm triệt tiêu các trở lực nhằm thúc đẩy sự phát triển theo hướng tiến bộ. Trong hệ thống các động lực chính trị - tinh thần, Hồ Chí Minh chú trọng trước hết đến giáo dục chủ nghĩa yêu nước, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, đạo đức cách mạng,... đồng thời không coi nhẹ vai trò tác động của các nhân tố tinh thần khác, như văn hóa, khoa học, pháp luật,... Đặc biệt, Người chú trọng phát huy quyền làm chủ của nhân dân, coi “thực hành dân chủ là cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn”. Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh hiểu hành động của con người luôn gắn liền với nhu cầu và lợi ích của họ, vì vậy, đi đôi với các biện pháp chính trị - tinh thần, Người không bỏ qua các động lực vật chất, khéo léo kết hợp các loại động lực với nhau, tạo sức mạnh tổng hợp, thúc đẩy tính năng động cách mạng của con người. Người tôn trọng và khuyến khích lợi ích cá nhân chính đáng của người lao động, chủ trương kết hợp hài hòa ba lợi ích, sao cho “Nhà nước, hợp tác xã và xã viên cùng có lợi”. Nhưng muốn khai thông động lực thì phải khắc phục trở lực kìm hãm sự phát triển của con người, trong đó phải phê phán mạnh mẽ, kiên quyết tẩy trừ chủ nghĩa cá nhân.

2.3. Quyền và tự do cá nhân đi đôi với nghĩa vụ và trách nhiệm

Nói đến quyền con người là nói đến quyền và tự do của cá nhân, trách nhiệm của Nhà nước và công dân, đến việc phải giải quyết hài hòa mối quan hệ này, trước hết là mối quan hệ giữa quyền, lợi ích của cá nhân với lợi ích của Nhà nước và xã hội.

Xã hội xã hội chủ nghĩa không đối lập với lợi ích của cá nhân, bởi “Không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn bằng chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa”, đồng thời “lợi ích của cá nhân nằm trong lợi ích của tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể... lợi ích riêng của cá nhân phải phục tùng lợi ích chung của tập thể”¹.

Nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người là việc Người gắn liền quyền con người với quyền làm người. Trong tư duy văn hóa – chính trị Hồ Chí Minh, quyền làm người mang giá trị văn hóa – chính trị. Người đòi hỏi mỗi người phải xứng đáng với “quyền làm người”. Người đã để lại bút tích tại Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc (năm 1949) về mục tiêu học tập là: “để làm việc, làm người, làm cán bộ”.

Như vậy, quyền làm người còn bao hàm những đòi hỏi nội tại của mỗi con người, trước hết về đạo đức, về nhân cách và năng lực. Đây là một cách tiếp cận mới tích cực về quyền con người. Cũng có thể xem đây là nghĩa vụ của mỗi người đối với chính mình.

2.4. Bảo vệ độc lập dân tộc và quyền con người của nhân dân Việt Nam, đồng thời tôn trọng chủ quyền quốc gia và quyền con người của các dân tộc khác

Cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập dân tộc, chính sách của Chính phủ Hồ Chí Minh luôn đặt lên hàng đầu bảo vệ hòa bình và giải pháp chính trị, chiến tranh chỉ là biện pháp cuối cùng. Trong suốt thời kỳ chiến tranh, kể từ khi thực dân Pháp nổ súng khiêu khích ở Hà Nội tháng 12-1946 cho đến khi thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954, chấp nhận hòa bình, không lúc nào Chủ tịch Hồ Chí Minh không tranh thủ mọi cơ hội để thương thuyết với Pháp nhằm sớm kết thúc chiến tranh.

Khẳng định độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, song Hồ Chí Minh luôn luôn mong

1. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1981, t.1, tr. 396.

muốn duy trì và phát triển các quan hệ quốc tế bình đẳng với các dân tộc, kể cả với Pháp và Mỹ. Tuyên bố về chính sách của Chính phủ Liên hiệp lâm thời do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, Người viết: “Về kinh tế, ... ra sức phát triển nông nghiệp, ra sức trồng trọt chăn nuôi để tránh nạn đói. Về chính sách đối ngoại: thân thiện với Kiêu dân ngoại quốc, nhất là Hoa kiều. Đối với Pháp, chỉ đánh bọn thực dân, còn đối với những kiều dân Pháp không làm hại gì cho nền độc lập của ta, ta sẽ bảo vệ tính mạng và tài sản của họ”¹.

Với tư cách là Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, và ngay cả trước khi nước ta trở thành thành viên Liên hiệp quốc, năm 1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký đơn gia nhập bốn công ước Giơ-ne-vơ về Luật Nhân đạo, đó là: Công ước về bảo vệ dân thường trong chiến tranh; về đối xử với tù binh trong chiến tranh; về cải thiện tình cảnh của những người bị thương, bị bệnh hoặc bị đắm tàu thuộc các lực lượng vũ trang trên biển; về cải thiện tình cảnh của những người bị thương, bị bệnh thuộc các lực lượng vũ trang trên bộ.

Như vậy, cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người đó là độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, thống nhất đất nước - tiền đề và điều kiện cơ bản nhất bảo đảm các quyền và tự do của con người. Quyền con người không chỉ là những chế định pháp luật, thuộc trách nhiệm của Nhà nước, mà còn là giá trị đạo đức, văn hóa, là trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội, là đòi hỏi nội tại của nhân cách làm người đối với tất cả mọi người, từ cán bộ, công chức đến người dân mạnh.

3. Sự vận dụng của Đảng để đảm bảo quyền con người ở Việt Nam trong Cách mạng công nghiệp 4.0

Con người là một giá trị cao quý và là mục tiêu của bất cứ cuộc cách mạng nào. Do đó, bảo vệ và phát triển con người phải là trọng tâm của đích đến của các cuộc cách mạng cũng như của mỗi thể chế xã hội tiên bộ. Việc hiểu đúng và phát triển các quyền con người theo đúng nghĩa nhân văn được ghi nhận trong Hiến chương của Liên hiệp quốc “sự tin tưởng vào những quyền cơ bản, nhân phẩm và giá trị của con người”, trong các công ước quốc tế và trong hiến pháp của nhiều quốc gia sẽ giúp mỗi cá nhân, mỗi dân tộc xây dựng được một chuẩn giá trị để phát triển toàn diện con người.

Thế kỷ XX ghi lại trong lịch sử loài người những dấu ấn cực kỳ sâu sắc, thế kỷ khoa học và công nghệ tiên nhanh chưa từng thấy, giá trị sản xuất vật chất tăng hàng chục lần so với thế kỷ trước; kinh tế phát triển mạnh mẽ xen lẫn những cuộc khủng hoảng lớn của chủ nghĩa tư bản thế giới và sự phân hóa sâu sắc về giàu nghèo giữa các nước, các khu vực. Đó là thế kỷ diễn ra hai cuộc chiến tranh thế giới đẫm máu cùng hàng trăm cuộc xung đột vũ trang đã đánh cắp quyền con người.

Thế kỷ XXI sẽ tiếp tục có nhiều biến đổi. Khoa học và công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt. Kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất, đặc biệt là ảnh hưởng cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Klaus Schwab - Chủ tịch Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) và các đồng sự của ông nhận định rằng cùng với sự thay đổi tích cực do cuộc cách mạng lần thứ tư mang lại thì cũng tồn tại nguy cơ công nghệ can dự vào quyền tự do cá nhân, sự kết nối cộng đồng, cảm xúc của con người,...

Với sự bùng nổ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vừa mang lại cho con người

1. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1981, t.1, tr. 374, 392.

những giá trị nhân bản để giải phóng con người, nhưng nó cũng tiềm ẩn những nguy cơ thôn tính quyền con người. Klaus Schwab đã nhận định:

Trong khi đó, các cá nhân, các tổ chức xã hội, các phong trào xã hội và các cộng đồng địa phương cũng thấy mình càng bị loại trừ, không được tham gia thực chất vào những quá trình ra quyết định truyền thống, kể cả bỏ phiếu và bầu cử, và bị tước quyền theo nghĩa mất khả năng tác động và thể hiện quan điểm đến các tổ chức và hệ thống quyền lực chủ đạo trong cơ chế quản trị quốc gia và khu vực¹.

Bên cạnh đó nhân quyền cũng là một trong những chiêu bài mà các nước lớn dùng để can thiệp vào nội bộ của các nước nhỏ, khống chế và điều khiển các nước đi theo quỹ đạo mong muốn của mình.

Việt Nam đang đứng trước những cơ hội và thách thức của thời đại mới. Chúng ta đang phấn đấu đi tắt đón đầu để xây dựng những hệ giá trị về quyền con người, nhằm hướng tới giải phóng con người Việt Nam. Đây cũng là mục tiêu mà Hồ Chí Minh đã dày công nghiên cứu. Với tài sản kế thừa từ tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người, Đảng ta đã vận dụng để phát triển quyền con người trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0.

Lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến, “quyền con người” đã trở thành tên gọi của chương 2 trong hiến pháp 2013, thay vì chỉ gọi là “quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân” như Hiến pháp năm 1992. Sự bổ sung cụm từ “quyền con người” là điểm nhấn quan trọng, có ý nghĩa rất lớn trong bối cảnh xây dựng, phát triển đất nước và hội nhập quốc tế. Việc thay đổi tên Chương từ “Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân” trong Hiến pháp 1992 thành “Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân” trong Hiến pháp năm 2013 thể hiện sự nỗ lực và cam kết mạnh mẽ của Đảng và Nhà nước ta trong việc thực hiện các Công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên.

Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991), Đảng ta đã khẳng định, một trong những đặc trưng của chế độ Xã hội chủ nghĩa là: “con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân”². Tại Đại hội lần thứ XII, vấn đề “phát triển con người toàn diện” được Đảng ta xác định là một trong những nhiệm vụ tổng quát phát triển đất nước 5 năm 2016-2020, đó là xây dựng “con người Việt Nam phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa”³. Như vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam coi vấn đề phát triển con người không chỉ ở mặt nhận thức, mà còn biến đó trở thành nhiệm vụ, thành hoạt động thực tiễn cần phải được thực hiện đồng thời với các nhiệm vụ quan trọng khác trong công cuộc phát triển đất nước.

Trong việc phát triển quyền con người ở Việt Nam hiện nay, Đảng ta đã đưa ra các quan điểm chỉ đạo sau đây:

1. Klaus Schwab: *Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2018, tr. 164.

2. ĐCSVN: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.9.

3. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 78.

Thứ nhất, quyền con người là thành quả phát triển lâu dài của lịch sử, là giá trị chung của nhân loại

Trên cơ sở quan điểm này chúng ta có thể khẳng định những đóng góp của nhân dân Việt Nam, của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam trên lĩnh vực quyền con người với cộng đồng quốc tế. Tham khảo mô hình nhân quyền của các nước để phát huy quyền con người ở Việt Nam

Thứ hai, trong xã hội có giai cấp, quyền con người luôn mang tính giai cấp

Nắm vững quan điểm này chúng ta cần phải xác định được những giá trị nhân quyền mang tính nhân loại, tính phổ biến cần phải tôn trọng, bảo vệ đồng thời phải nhận diện được những vấn đề dân chủ, nhân quyền mà các thế lực thù địch xuyên tạc, lợi dụng để thực hiện ý đồ “diễn biến hòa bình”. Đối với việc thực hiện các nghĩa vụ quốc gia theo các công ước quốc tế phải trên cơ sở lấy an ninh quốc gia, ổn định chính trị, toàn vẹn lãnh thổ, thống nhất đất nước, vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam, chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa và lợi ích tổng hợp của quốc gia làm tiêu chuẩn để xử lý những vấn đề nhân quyền cụ thể. Nghĩa là chúng ta không máy móc tuân thủ các quy định trong điều ước quốc tế nếu điều đó làm tổn hại đến lợi ích chính trị cơ bản của dân tộc và của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, quyền con người vừa mang tính phổ biến, vừa mang tính đặc thù

Quan điểm này yêu cầu chúng ta nhận thức đúng khái niệm tính phổ biến và tính đặc thù của quyền con người. Tính phổ biến của quyền con người với tư cách một khái niệm là sự trừu tượng các giá trị chung của nhân loại được ghi trong các công ước. Không một quốc gia nào, một dân tộc nào, một mô hình nào được phép tự cho mình là hiện thân của tính phổ biến hoặc có quyền sở hữu tính phổ biến. Ngược lại, tất cả các mô hình dân chủ, nhân quyền cụ thể, cho dù là ở một quốc gia phương Tây hay phương Đông, ở một quốc gia kinh tế phát triển hay chưa phát triển... đều là những mô hình đặc thù (đơn nhất), trong đó đã thể hiện ở mức độ nào đó tính phổ biến của khái niệm nhân quyền.

Thứ tư, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là tiền đề và điều kiện bảo đảm quyền con người

Trên cơ sở quan điểm này chúng ta cần phải nắm vững các yêu cầu sau

Về mặt lý luận, tiếp tục làm sáng tỏ mối quan hệ giữa quy luật, phạm trù, khái niệm chủ nghĩa xã hội với quyền con người.

Về mặt thực tiễn, cần áp dụng phương thức tiếp cận quyền trong việc bảo đảm các quyền con người của nhân dân ta. Trong cách tiếp cận quyền, cần bảo đảm nguyên tắc người dân, doanh nghiệp được làm mọi điều, trừ những điều pháp luật cấm; cán bộ, công chức, chỉ được làm những điều pháp luật cho phép.

Thứ năm, tăng cường công tác nghiên cứu, thông tin, giáo dục, truyền thông và hợp tác quốc tế trên lĩnh vực quyền con người

Quan điểm này yêu cầu chúng ta cần nghiên cứu nắm vững khái niệm nhân quyền, luật nhân quyền quốc tế, mối quan hệ giữa tính phổ biến và tính đặc thù, giữa pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia,... để có thể vận dụng đúng đắn vào công tác thông tin, giáo dục, phổ biến quyền con người. Thời đại ngày nay quyền con người một vấn đề của cộng đồng quốc tế, không phân biệt chế độ chính trị, trình độ phát triển, bản sắc văn hóa. Hợp tác và đấu tranh trên lĩnh vực nhân quyền cần dựa trên cơ sở pháp lý, tranh thủ sự ủng hộ của dư

luận trong nước và quốc tế. Hợp tác quốc tế về quyền con người cần dựa trên nguyên tắc của Hiến chương Liên hiệp quốc, các nguyên tắc của luật pháp quốc tế, tôn trọng chủ quyền quốc gia; không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia và tinh thần thiện chí. Kiên quyết nhưng mềm dẻo, khôn khéo đấu tranh với các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân chủ và nhân quyền để xâm phạm lợi ích của dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận thức được những gì thuộc về chân giá trị của con người, của loài người, trong đó có tinh thần nhân đạo, nhân phẩm, tự do, bình đẳng. Trên lĩnh vực quyền con người, đóng góp có tính thời đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh là đã giúp nghiên cứu để đưa ra các luận điểm giải quyết vấn đề quyền con người trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, thời đại cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới ở các nước thuộc địa. Cốt lõi tư tưởng đó là độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, thống nhất đất nước đó là tiền đề và điều kiện cơ bản nhất bảo đảm các quyền và tự do của con người. Quyền con người không chỉ là những chế định pháp luật, thuộc trách nhiệm của Nhà nước, mà còn là giá trị đạo đức, văn hóa, là trách nhiệm của các tổ chức chính trị – xã hội, là đòi hỏi nội tại của nhân cách làm người đối với tất cả mọi người, từ cán bộ, công chức đến người dân. Chính vì vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người mang tầm vóc thời đại. Tư tưởng đó vẫn còn nguyên giá trị đối với sự nghiệp xây dựng đất nước trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0./.

CÔNG TÁC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THEO TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC VÀ DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*TS. Huỳnh Đức Thiện**

Đạo đức có vai trò hết sức to lớn trong đời sống xã hội, là một trong những vấn đề thường xuyên được đặt ra và giải quyết nhằm đảm bảo cho cá nhân, cộng đồng tồn tại và phát triển. Trong thời đại ngày nay, đạo đức càng đóng vai trò quan trọng trong cuộc đấu tranh vì quyền con người, chống lại chủ nghĩa vô nhân đạo, bảo vệ môi sinh, chống đói nghèo, tạo ra mọi khả năng và điều kiện để con người thực hiện nhu cầu của mình.

Chủ tịch Hồ Chí Minh - thiên tài đa diện của lịch sử, tiêu biểu cho trí tuệ, ý chí và nguyện vọng của dân tộc Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại. Mặc dù đã đi xa nhưng Người đã để lại cho chúng ta di sản tinh thần to lớn, những tư tưởng vô giá có giá trị nhân văn cao cả, đặc biệt là tư tưởng về đạo đức. Người không để lại những tác phẩm đạo đức lớn nhưng những tư tưởng đạo đức được chứa đựng trong các bài viết, bài nói ngắn gọn, được diễn đạt rất cô đọng, quen thuộc với con người Việt Nam. Bản thân Người lại thực hiện trước nhất những tư tưởng ấy, thậm chí nhiều hơn những gì Người đã viết, đã nói về đạo đức. Cả cuộc đời và sự nghiệp của Người là tấm gương đạo đức tiêu biểu, sáng ngời cho toàn Đảng, toàn dân ta suốt đời học tập.

Ngày nay, khi mà đất nước ta đang tích cực đẩy mạnh hội nhập quốc tế, ra sức phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa thì tình hình kinh tế - xã hội với những biến động to lớn đã ảnh hưởng đến đạo đức của thanh niên và vấn đề đạo đức của thanh niên trở nên bức xúc, cần được sự quan tâm của toàn xã hội. Thanh niên là lực lượng to lớn, là nguồn lực mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển của xã hội, là người chủ của đất nước trong hiện tại và tương lai. Với vai trò đặc biệt quan trọng đó, việc giáo dục, bồi dưỡng những giá trị đạo đức đúng đắn, tốt đẹp cho thanh niên càng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết.

Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - một trong hai trung tâm đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao của cả nước, với số lượng sinh viên chính quy gần 50 ngàn, hàng năm cung cấp cho xã hội hàng ngàn kỹ sư, cử nhân đại học có trình độ học vấn cao. Cùng với bối cảnh chung của thanh niên, sinh viên cả nước, thực trạng đạo đức, lối sống trong sinh viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh cũng đang diễn biến phức tạp và trở thành mối quan tâm hàng đầu của các tổ chức, đoàn thể trong khối.

Xuất phát từ tình hình trên, việc học tập, phấn đấu, rèn luyện làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách và *Di chúc* Chủ tịch Hồ Chí Minh trở nên hết sức quan trọng. Bởi vì tư tưởng đạo đức và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh luôn là bộ phận quan trọng của nền tảng

* Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn – ĐHQG TP.HCM.

tin thần xã hội, là động lực to lớn để nhân dân cả nước nói chung, thanh niên nói riêng, trong đó có sinh viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh có thể phát huy sức mạnh, vượt qua mọi thách thức để thực hiện nhiệm vụ cách mạng mỗi thời kỳ. Hơn nữa, đây là một biện pháp thiết thực để bồi dưỡng phẩm chất cộng sản cho thế hệ trẻ, giúp cho thanh niên - sinh viên sửa chữa, khắc phục tình trạng “lệch lạc” có tính nghiêm trọng trong đạo đức, lối sống của mình.

1. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

1.1. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho dân tộc ta một di sản tinh thần vô giá, đó là tư tưởng của Người, trong đó có tư tưởng về đạo đức.

Mỗi học thuyết, mỗi tư tưởng lớn ra đời đều có nguồn gốc riêng của nó, tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh cũng vậy, nó được nảy sinh từ những tiền đề lý luận, cơ sở thực tiễn và chịu sự chi phối của những yếu tố trong nhân cách của Người.

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh bắt nguồn từ truyền thống văn hóa, đạo đức tốt đẹp của dân tộc luôn khao khát cuộc sống độc lập, được hình thành, hun đúc qua quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước; là sự gặp gỡ, cộng sinh, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng đạo đức cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin; là sự tiếp thu có chọn lọc, phát triển tinh hoa văn hóa đạo đức nhân loại; với tư duy độc lập, sáng tạo, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thâm hóa những giá trị đạo đức của quá khứ mà Người tiếp thu được trong quá trình hoạt động cách mạng đầy gian nan, thử thách, đề xuất những tư tưởng đạo đức mới, phù hợp với yêu cầu cách mạng trong tình hình mới.

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm cơ bản và toàn diện về đạo đức, bao gồm: vai trò, vị trí của đạo đức, những phẩm chất đạo đức cơ bản và những nguyên tắc xây dựng nền đạo đức mới.

❖ Về vai trò, vị trí của đạo đức

Người xem đạo đức cách mạng như “gốc” của cái cây, “nguồn” của sông, là nền tảng của người cách mạng. Có đạo đức trong sáng sẽ giúp con người vượt qua mọi khó khăn, thách thức trong công việc và đời sống, không tự kiêu tự mãn khi thành công, không nản lòng, thụt lùi khi thất bại. Đồng thời, Người cũng kêu gọi mọi người không ngừng rèn luyện tài năng để trở thành người toàn diện, Người nói: “Có tài mà không có đức là hỏng. Có đức mà i tờ thì dạy thế nào?”¹.

❖ Về những phẩm chất đạo đức cơ bản

Trên cơ sở cụ thể hóa và tổng hợp những chuẩn mực đạo đức cho từng đối tượng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu lên những phẩm chất cần có của mỗi người Việt Nam, đó là:

Trung với nước, hiếu với dân: Bác nói: “Đạo đức, ngày trước thì chỉ trung với vua, hiếu với cha mẹ. Ngày nay, thời đại mới, đạo đức cũng phải mới. Phải trung với nước. Phải hiếu với dân, với đồng bào”². Đây là phẩm chất bao trùm và quan trọng nhất, thể hiện quan điểm của Hồ Chí Minh về mối quan hệ và nghĩa vụ của mỗi cá nhân với cộng đồng, đất nước của mình.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.9, tr.492.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.149.

Yêu thương con người: Bác viết: “Chữ người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng hơn là cả loài người”¹. Đó là tình thương đối với đại đa số nhân dân lao động, những người nghèo khổ, bị áp bức bóc lột. Đây là phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất, nó thể hiện mối quan hệ giữa cá nhân với cá nhân trong quan hệ hàng ngày.

Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư: Đây là nền tảng của đời sống mới, là phẩm chất trung tâm của đạo đức cách mạng, là mối quan hệ “với tự mình”, nó gắn liền với hoạt động thực tiễn, thể hiện hàng ngày trong đời công cũng như đời tư, trong cuộc sống cũng như trong công việc của mỗi người mà không thể che đậy được, thể hiện sự gắn chặt giữa nói và làm, giữa suy nghĩ và hành động.

Tinh thần quốc tế trong sáng: đó là phẩm chất đạo đức, là yêu cầu đạo đức nhằm vào mối quan hệ rộng lớn hơn, vượt ra khuôn khổ quốc gia dân tộc, vươn ra toàn nhân loại.

❖ Những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới: Đây là yếu tố đảm bảo cho những phẩm chất đạo đức được xây dựng một cách hiệu quả trên thực tế, bao gồm:

Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức: trong lĩnh vực đạo đức, lời nói phải đi đôi với việc làm mới đem lại hiệu quả thiết thực cho chính mỗi người và có tác dụng đối với mọi người. Mọi biểu hiện nói ít làm nhiều, nói mà không làm hay nói một đằng làm một nẻo đều đem lại hậu quả phản tác dụng mà thôi. Người chỉ rõ: “100 bài diễn thuyết hay không bằng một tấm gương sáng”, “Đảng viên đi trước, làng nước theo sau”.

Xây đi đôi với chống: trong mỗi con người luôn tồn tại đan xen, đối chọi nhau giữa những mặt tốt - xấu, thiện - ác, đúng - sai. Vì vậy, muốn xây dựng, bồi dưỡng các phẩm chất đạo đức cho mỗi người, nhất thiết phải chống, loại bỏ những hiện tượng thoái hóa, biến chất, những hiện tượng tiêu cực, những biểu hiện phi đạo đức, mà biểu hiện cụ thể của nó là “chủ nghĩa cá nhân”, còn phương thức tiến hành là gắn xây với chống, lấy xây làm chính, chống phải nhằm mục tiêu xây.

Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời, kiên trì, bền bỉ: Người đưa ra lời khuyên: “Đạo đức cách mạng không phải từ trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”².

Tóm lại, tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là một nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, nó hình thành từ yêu cầu giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh về đạo đức là sự kết tinh những tinh hoa cao đẹp nhất của truyền thống dân tộc và nhân loại nên chứa đựng những giá trị bền vững, trường tồn. Người đã tiến hành một cuộc cách mạng thật sự trên lĩnh vực đạo đức, xây dựng nên một nền đạo đức mới với những phẩm chất và nguyên tắc vừa truyền thống vừa hiện đại, đáp ứng yêu cầu cách mạng trong nước, phù hợp với bối cảnh quốc tế. Những lời khuyên, nhận xét, hướng dẫn, quan điểm của Người về đạo đức luôn được giải thích, thể hiện cụ thể, dễ hiểu, gần gũi đối với mọi người, phù hợp với từng độ tuổi, từng giới, từng ngành, từng lĩnh vực.

Những phẩm chất đạo đức theo quan niệm của Hồ Chí Minh bao quát nhiều mối quan

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.5, tr.644.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.9, tr.293.

hệ khác nhau, từ mối quan hệ lớn nhất đó là giữa con người đối với dân tộc, đất nước đến giữa các cá nhân với nhau trong xã hội; mỗi cá nhân trong mỗi quan hệ với tự mình cho đến mở rộng ra toàn nhân loại.

Những nguyên tắc mà Người đưa ra là toàn diện, triệt để, cho phép khai thác, phát huy sự tự giác, sức mạnh nội sinh của mỗi cá nhân và sức mạnh của đoàn thể, tổ chức trên tinh thần tự phê bình và phê bình nhằm mục đích cao nhất là bồi dưỡng và ngày càng hoàn thiện đạo đức cho mọi người.

Trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, sự giao kết giữa hai hành vi đạo đức tưởng như mâu thuẫn nhưng thật sự là thống nhất biện chứng với nhau, đó là hành vi đạo đức hướng thiện nhưng đồng thời hướng vào việc chống cái ác; tư tưởng ấy vừa mang đậm truyền thống nhân ái vừa thể hiện tính chiến đấu mạnh mẽ, kiên trì, không hề khoan nhượng với cái xấu, cái ác; nó không chỉ được thể hiện và cần thiết trong sự nghiệp giải phóng dân tộc mà còn trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Có thể nói, lịch sử đã sản sinh ra nhiều vĩ nhân nổi tiếng, nhiều nhà tư tưởng lỗi lạc, nhưng lịch sử nhân loại cũng hiếm có những vĩ nhân mà tác dụng tư tưởng đạo đức của họ từ lúc sinh thời cũng như sau khi đã qua đời lại có ảnh hưởng to lớn, sâu rộng, toả sáng đến mọi người, từ trong nước đến quốc tế như tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, nó không chỉ có giá trị đối với lịch sử đã qua mà ngay cả trong hôm nay.

1.2. Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

Trong điều kiện đấu tranh quyết liệt để thực hiện mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh sẽ không dễ dàng được cộng đồng thừa nhận và đi sâu vào hiện thực nếu như bản thân Người không nêu một tấm gương đạo đức điển hình. Bản thân Người là tấm gương sáng, là hiện thân của nền đạo đức mới, đạo đức cách mạng Việt Nam, mãi mãi là ngọn đèn pha chiếu rọi con đường rèn luyện, phấn đấu để trở thành “tốt” hơn, đạt đến “Chân, Thiện, Mỹ” của con người Việt Nam ngày nay và mai sau. Tấm gương ấy vừa là tấm gương của một vĩ nhân, một lãnh tụ cách mạng, một chiến sĩ cộng sản vĩ đại, đồng thời cũng là tấm gương đạo đức của một người bình thường, bình dị mà ai cũng có thể noi theo để trở thành một công dân tốt trong xã hội. Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh thể hiện tập trung ở năm phương diện sau:

Một là, đạo đức Hồ Chí Minh là tấm gương trọn đời phấn đấu, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người và nhân loại. Bác nói: “Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi của Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân. Những khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo - là vì mục đích đó”¹.

Hai là, đạo đức Hồ Chí Minh là tấm gương của ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, vượt qua mọi thử thách, khó khăn để đạt mục đích cách mạng. Bác không chỉ lạc quan về hoàn cảnh của mình mà còn tin tưởng vào thắng lợi của tiến bộ, công lý và chính nghĩa. Vượt qua bao khó khăn, Người kiên trì mục đích của cuộc sống, bảo vệ chân lý, bình tĩnh, chủ động vượt qua mọi thử thách. Chính phẩm chất này đã có tác dụng cổ vũ, khuyến khích, động viên toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta kiên trì thực hiện sự nghiệp cách mạng.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.240.

Ba là, đạo đức Hồ Chí Minh là tấm gương tuyệt đối tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân, kính trọng nhân dân, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Hồ Chí Minh sống trong lòng quần chúng, hiểu được tâm tư, nguyện vọng và sức mạnh của quần chúng. Người khái quát: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”. Riêng đối với bản thân, Người nguyện làm “người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”. Đồng thời, Người còn chỉ rõ: “Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì có hại cho dân, ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta”¹.

Bốn là, đạo đức Hồ Chí Minh là tấm gương của một con người nhân ái, vị tha, khoan dung, nhân hậu hết mực vì con người. Biểu hiện tập trung nhất của lòng nhân ái, nhân hậu cao đẹp của Bác đó là tình cảm Người dành lại cho toàn Đảng, toàn dân và bạn bè quốc tế trong bản *Di chúc* lịch sử, Người thân tình dặn lại: “Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thương yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng. Tôi cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn và các cháu thanh niên và nhi đồng quốc tế”².

Năm là, đạo đức Hồ Chí Minh là tấm gương cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và đức khiêm tốn phi thường. Trong quá trình hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh luôn được tin nhiệm giữ chức vụ cao nhất của Đảng và Nhà nước ta. Dân tộc Việt Nam và nhân dân thế giới càng ngưỡng mộ Người bởi một tấm gương chăm lao động, tiết kiệm thời gian, tiền bạc, ... cho bản thân cũng như cho người khác, một con người bình dị mà vĩ đại, một vị lãnh đạo thật sự công bằng với tất cả mọi người.

Ở Hồ Chí Minh, tất cả những đức tính cao cả chung đúc lại trong một con người đã làm cho Bác trở nên cao thượng tuyệt vời, và cũng chính từ đó, Người trở nên bình dị, gần gũi để mọi người noi theo.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ kính yêu của nhân dân Việt Nam, suốt cả cuộc đời, Người hy sinh cho nhiệm vụ cách mạng, cho độc lập dân tộc, cho cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân và toàn nhân loại. Người giành tất cả mọi tình yêu thương cho đồng bào, đồng chí, con cháu, già trẻ, gái trai, miền xuôi, miền ngược, Bắc cũng như Nam. Cần cù, giản dị, khiêm tốn, trung thành tuyệt đối với dân tộc và lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, ... tất cả làm cho Hồ Chủ tịch trở thành một lãnh tụ sáng suốt được nhân dân yêu mến. Mỗi bài nói, bài viết, một lời căn dặn, một buổi gặp gỡ, công tác của Người đều chứa đựng ý nghĩa tư tưởng, hành vi và quan hệ đạo đức cách mạng sáng ngời. Cái tạo nên con người Hồ Chí Minh vĩ đại không chỉ ở tư duy sáng tạo, ở những quyết định chiến lược thiên tài, ở những hoạt động bền bỉ, hiệu quả mà còn ở đạo đức cách mạng của người. Người là hình mẫu cao đẹp của con người mới. Đồng chí Võ Nguyên Giáp từng nói: Bác Hồ của chúng ta là con người mà “giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy quyền không thể khuất phục”. Sự thống nhất giữa lời nói và hoạt động cũng là một nguyên tắc xuyên suốt trong hoạt động của Bác. Chính điều đó càng làm cho Người trở nên cao thượng, như Giáo sư, Tiến sĩ Hoàng Chí Bảo - Thường trực Hội đồng Khoa học Viện Chính trị Quốc gia

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.56-57.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.512.

Thành phố Hồ Chí Minh khi kể về Bác thường nói: “Tôi đặc biệt lưu ý đến phương diện đạo đức và thực hành đạo đức cách mạng với chuẩn mực cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư. Mạch sống này vận hành suốt cuộc đời Bác”.

Ngày nay, đất nước ta đang đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, tích cực và chủ động hội nhập quốc tế, trước hết là về kinh tế, nền kinh tế thị trường với những biểu hiện đan xen cả mặt tích cực và tiêu cực đã đặt ra nhiều yêu cầu về việc tu dưỡng, rèn luyện những phẩm chất đạo đức của bản thân mỗi người. Trước thực trạng đáng lo ngại về đạo đức, tình trạng suy thoái về đạo đức của nhiều cán bộ đảng viên, các tầng lớp nhân dân, học sinh - sinh viên thì việc thấm nhuần tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trở nên hết sức quan trọng và cần thiết hơn bao giờ hết.

2. Vận dụng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh vào công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay

Trước hết cần phải khẳng định tình hình thế giới hiện nay đang có những biến đổi nhanh chóng và phức tạp với những điểm nổi bật sau:

Một là, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục có những bước phát triển nhảy vọt, nó đang hướng loài người vào nền văn minh trí tuệ với hai đặc trưng cơ bản là “xã hội thông tin” và “kinh tế tri thức”, đặc biệt nó tạo cơ sở và thúc đẩy nhanh hơn, tạo lực lượng mạnh hơn cho quá trình toàn cầu hóa.

Hai là, tình hình chính trị trên thế giới có sự biến đổi lớn. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu là biến cố chính trị lớn nhất vào cuối thế kỷ XX. Sự kiện không chỉ là sự xóa bỏ chủ nghĩa xã hội với tính cách là một hệ thống thế giới mà còn đẩy toàn bộ phong trào cách mạng thế giới vào tình trạng thoái trào. Cuộc “Chiến tranh lạnh” tuy đã kết thúc nhưng nền hòa bình thế giới vẫn đứng trước những thách thức, bất ổn. Chủ nghĩa tư bản tuy đã có những bước thích nghi và phát triển mới, song bản chất kinh tế của nó vẫn lẩn tránh bóc lột lao động làm thuê. Bước vào thế kỷ XXI, loài người vẫn sống trong một thế giới bất ổn và đầy biến động khó lường.

Như vậy, “*bối cảnh quốc tế trong thời gian tới có nhiều thời cơ lớn đan xen với nhiều thách thức lớn đối với cách mạng Việt Nam*”¹.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đất nước ta đã vượt qua những thử thách, thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hiện nay, nước ta đang xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động hội nhập quốc tế và khu vực, chủ yếu và trước hết là về kinh tế. các lĩnh vực chính trị, văn hóa, an ninh quốc phòng, ... cũng có những bước tiến bộ đáng kể.

Tình hình thế giới và bối cảnh trong nước đã tác động trực tiếp tới thế giới quan, nhân sinh quan; ảnh hưởng sâu sắc tới nhận thức và hành động của người Việt Nam nói chung và thanh niên - sinh viên nói riêng. Hiện trạng đạo đức của thanh niên - sinh viên đang diễn biến hết sức phức tạp, đan xen cả những biểu hiện đáng mừng và những suy thoái đáng lo ngại.

2.1. Thực trạng đạo đức, lối sống của sinh viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, với số lượng sinh viên đông đảo, đa số

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.156.

được học tập, rèn luyện, sinh hoạt trên một địa bàn tập trung, tương đối ổn định. Họ là những người được học tập và rèn luyện trong môi trường tương đối tốt, được sự quan tâm rất lớn của toàn xã hội, họ là lực lượng năng động, tự tin, thích ứng nhanh hơn cả, bên cạnh đó, cũng chịu những tác động chung với thanh niên - sinh viên cả nước. Cùng với những điều kiện, đặc điểm có tính đặc thù trên, tình trạng đạo đức lối sống của sinh viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh cũng có những diễn biến phong phú nhưng cũng không kém phần phức tạp. Phải thấy được thực trạng đạo đức, lối sống của sinh viên thì chúng ta mới thấy rõ tầm quan trọng cũng như hiệu quả mà công tác giáo dục đạo đức, lối sống mang lại; từ đó có những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác này.

Thực trạng đạo đức, lối sống của sinh viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh có thể được khảo sát và đánh giá trên ba lĩnh vực: bản lĩnh chính trị - tư tưởng, đời sống văn hóa - xã hội, ý thức học tập và chấp hành nội quy của ký túc xá, của nhà trường, pháp luật của Nhà nước.

❖ Bản lĩnh chính trị - tư tưởng:

Cần phải khẳng định sinh viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, đại đa số đặt niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của dân tộc, vào công cuộc đổi mới của đất nước. Đây là yếu tố tích cực đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, có tác dụng to lớn trong việc giúp sinh viên luôn tự tin, vững vàng trước những khó khăn của thời cuộc, đặc biệt là sự xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch.

Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận nhỏ bị tác động bởi những yếu tố tiêu cực từ bên ngoài và bàng quang trước vận mệnh của dân tộc, thiếu tự tin, bản lĩnh trước những biến động phức tạp của tình hình.

❖ Đời sống văn hóa - xã hội:

Đa số sinh viên đều có đạo đức trong sáng, hết lòng vì lý tưởng, luôn thể hiện và không ngừng bổ sung những chuẩn mực giá trị đạo đức cao đẹp, hình thành ý thức và thói quen công dân, tinh thần trách nhiệm cộng đồng trong xã hội mới, củng cố, xây dựng lòng nhân ái, nhân văn, tính tích cực xã hội và tinh thần xung phong tình nguyện, ý thức chia sẻ, tinh thần tương thân tương ái. Với lương tâm, trách nhiệm và vốn tri thức của mình, sinh viên Đại học Quốc gia TP.HCM luôn xung kích đi đầu trong việc ngăn ngừa, phòng chống các tệ nạn xã hội, xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, qua đó họ thể hiện vai trò quan trọng của mình trong việc giải quyết những vấn đề xã hội do mặt trái của nền kinh tế thị trường gây ra.

Tuy nhiên, điều đáng lo ngại nhất là trong một bộ phận không nhỏ sinh viên, sự cạnh tranh quyết liệt theo đuổi những lợi ích cá nhân đã khiến họ bất chấp tất cả, tuyệt đối hóa giá trị vật chất, xem nó là lý tưởng sống, có lối sống thực dụng ích kỷ, sùng bái đồng tiền, có lối sống đi ngược với thuần phong mỹ tục, trái luật pháp. Một trong những tình trạng đáng lo ngại nhất là tình trạng sống thử trong sinh viên ngày càng phổ biến. Tình trạng nhậu nhẹt, cờ bạc, cá độ, đánh nhau, bẻ phách, ... đã để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng và dai dẳng, làm cho sinh viên kiệt quệ về thể chất, nghèo nàn về vật chất, suy giảm về tinh thần, thậm chí có thể dẫn đến mất khả năng học tập, lao động, sâu xa hơn nữa, đó là một gánh nặng cho xã hội.

❖ Ý thức học tập và chấp hành nội quy trường lớp:

Với sự tiếp thu và thích ứng nhanh nhạy với những phẩm chất đạo đức tiến bộ phù

hợp với tình hình mới, sinh viên đã trở nên năng động, sáng tạo hơn, có ý thức cao về nghĩa vụ, trách nhiệm của mình, điều này được thể hiện rõ nét trong quá trình học tập và nghiên cứu. Trước nhịp sống sôi động và những biến đổi liên tục do sự vận động không ngừng của tình hình trong nước và quốc tế, sinh viên Đại học Quốc gia TP.HCM đã tích cực phát huy tài năng, chiếm lĩnh những đỉnh cao của tri thức, có ý thức tự nuôi dưỡng ý chí, nghị lực, khắc phục tư tưởng ỷ lại, thụ động và trì trệ trong mọi hoạt động, sinh viên ngày càng nhận thức được mối quan hệ công bằng giữa tài năng và cống hiến, thấy được nghĩa vụ và trách nhiệm của mình. Thực tế cho thấy, với tinh thần cầu tiến, sự thông minh, họ đã đóng vai trò đáng kể trong việc tìm tòi, phát hiện và bước đầu chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập. Đồng thời, sinh viên Đại học Quốc gia TP.HCM đã hình thành và không ngừng hoàn thiện một số chuẩn mực đạo đức mới, mà điển hình là họ thấy được tầm quan trọng của uy tín và tính kỷ luật trong mọi hoạt động. Những phẩm chất này đã trở thành những tiêu chí đánh giá đạo đức của sinh viên. Từ đó ngày càng nâng cao ý thức tự giác của sinh viên trong việc tôn trọng, học tập và làm việc theo nội quy, quy chế trường lớp, kỷ túc xá và pháp luật của Nhà nước.

Bên cạnh đó, vẫn còn một số sinh viên có tư tưởng dựa dẫm, ỷ lại vào gia đình, bạn bè trên mọi lĩnh vực, không tự lập, lười nhác trong học tập và lao động. Họ không tự trang bị cho mình những kỹ năng, không tích cực tích lũy kinh nghiệm, do đó sau khi ra trường, lúng túng trong thực hành, dễ bị thất nghiệp, và khi đó lại dễ sa vào lối sống không lành mạnh.

Nguyên nhân của những hạn chế trong đạo đức, lối sống của sinh viên

Sở dĩ những biểu hiện tiêu cực trong đạo đức, lối sống của sinh viên xuất hiện và ngày càng phổ biến là vì bốn nguyên nhân cơ bản sau:

Một là, khâu quản lý giáo dục, văn hóa còn yếu kém, các hoạt động văn hóa trá hình tồn tại dưới nhiều hình thức, không kiểm soát được, đó là những con đường đến tình trạng suy yếu trong nhận thức, yếu kém trong bản lĩnh, sa đọa vào lối sống tiêu cực, thậm chí là vi phạm pháp luật.

Hai là, công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên trong các trường vẫn chưa đạt hiệu quả cao, các hoạt động chưa mang lại hiệu quả thực tế, nặng về tính phong trào, công tác tuyên truyền chưa thuyết phục, việc kiểm tra, đôn đốc, quản lý sinh viên còn lỏng lẻo.

Ba là, những tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường cùng với sự thiếu quan tâm, chăm sóc của gia đình, nhà trường và sự thiếu tinh thần trách nhiệm của nhiều cán bộ Đoàn - Hội đã tạo điều kiện cho những biểu hiện tiêu cực trong sinh viên ngày càng lan rộng. Trong gia đình, không ít hiện tượng cha mẹ bị cuốn theo nhịp sống vội vã của nền kinh tế, dễ dãi trong việc chu cấp tiền bạc cho con cái mà không quan tâm đến việc con mình sử dụng đồng tiền đó như thế nào; trong nhà trường, chỉ chú trọng trang bị tri thức mà chưa quan tâm đúng mức đến giáo dục đạo đức, xem nhẹ các môn khoa học xã hội, các môn có tính lý luận cùng với những biểu hiện tiêu cực của ngành giáo dục; các phong trào Đoàn - Hội chạy theo thành tích, thiên về phát động bề nổi, không thật sự gần gũi và trở thành nơi đáng tin cậy cho sinh viên...

Bốn là, sự giảm sức mạnh của dư luận xã hội trong việc điều chỉnh hành vi đạo đức, thậm chí ngay trong sinh viên - những người có học vấn tương đối cao thì thái độ của họ

trước những biểu hiện tiêu cực của bạn bè vẫn bàng quan, thờ ơ, điều này đã dung túng cho những hành vi vi phạm quy phạm đạo đức của sinh viên.

2.2. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay

Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt và đầu tư thích đáng của Đảng ủy, Ban Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đảng ủy, Ban Giám hiệu các trường, Chi ủy, Ban Chủ nhiệm các khoa/bộ môn, Phòng Công tác chính trị - Quản lý sinh viên, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên các trường. Thêm vào đó, với những tiến bộ của khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin đã giúp cho công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên, nhất là thông qua việc tổ chức các cuộc thi ngày càng thuận lợi và có sức hút đối với sinh viên. Đội ngũ cán bộ Đoàn - Hội khá tâm huyết, nhiệt tình, có trách nhiệm và trình độ chuyên môn... Vì vậy, công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên đã đạt những thành công nhất định, có thể khái quát như sau:

Nhìn chung, công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên thông qua việc phát động, tổ chức cho thanh niên tham gia trực tiếp các phong trào cụ thể trong các trường thành viên đã ổn định và có bước phát triển tốt. Các tổ chức Đoàn - Hội ngày càng gần gũi và là bạn đồng hành của sinh viên. Các hoạt động, phong trào được tổ chức thường xuyên, có kế hoạch, đa dạng, ngày càng đi vào chiều sâu, phù hợp với sở trường và đặc thù của từng lĩnh vực, điều này đã tạo điều kiện tốt cho sinh viên bộc lộ và phát huy khả năng của mình, là môi trường tốt để sinh viên nâng cao kiến thức, rèn luyện và không ngừng hoàn thiện nhân cách.

Trên cơ sở nhận thức sâu sắc vai trò, vị trí cũng như tầm quan trọng của công tác học tập, các trường, các tổ chức Đoàn - Hội có sự đầu tư rất lớn vào các hoạt động hỗ trợ sinh viên học tập và nghiên cứu khoa học, chủ động tiếp cận sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để động viên, hỗ trợ kịp thời. Các câu lạc bộ ngày càng phát huy vai trò của mình trong việc giúp sinh viên có môi trường học tập.

Công tác phát triển Đảng trong sinh viên được nâng lên một tầm cao mới. Các tổ chức như: Chi bộ sinh viên, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên đã tích cực trong việc phát hiện, bồi dưỡng và giới thiệu những đoàn viên ưu tú, tạo điều kiện và giúp đỡ cho sinh viên được đứng vào hàng ngũ của Đảng.

Bên cạnh những thành công đã đạt được, công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên còn có những hạn chế:

Nhiều hoạt động được tổ chức còn nặng về hình thức, chạy theo số lượng, thành tích mà chưa mang lại hiệu quả thực tế, chưa đi vào chiều sâu. Công tác hỗ trợ cho quyền lợi thiết thực của sinh viên khi đạt thành tích cao trong các cuộc thi chưa thỏa đáng nên không tạo được sức hấp dẫn, không lôi kéo được đông đảo sinh viên tham gia.

Hoạt động hỗ trợ học tập và nghiên cứu khoa học còn ở mức độ phong trào. Các hoạt động như: tư vấn học tập, tâm lý, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên còn non kém, hầu hết sinh viên phải tự mày mò, tự tìm việc cho bản thân. Việc hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học chưa hấp dẫn, chẳng hạn như trung bình mỗi đề tài được hỗ trợ từ 500.000 - 800.000 đồng là chưa đủ, điều này dẫn đến tình trạng một số sinh viên có năng lực nhưng do không có điều kiện về kinh tế nên không có điều kiện tham gia hoặc không thể hoàn thành đề tài với chất lượng cao.

Công tác đánh giá, xếp loại sinh viên chưa hợp lý, mang tính cục bộ, chú trọng đến bề nổi, làm cho sinh viên bất mãn và không hài lòng, dẫn đến tình trạng thiếu niềm tin vào cán bộ lớp, các tổ chức Đoàn - Hội.

Sự quan tâm của Đảng ủy, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên đối với việc kết nạp Đảng cho sinh viên chưa đúng mức, nhu cầu được đứng vào hàng ngũ của Đảng trong sinh viên là rất lớn, so với lượng sinh viên rất đông thì số sinh viên được kết nạp là rất không tương xứng.

Một hạn chế nữa đó là sự nêu gương của thầy cô giáo, của các cán bộ Đoàn - Hội, cán bộ lớp là chưa thuyết phục. Vẫn còn một số ít thầy cô chưa gương mẫu trong quá trình giảng dạy, cán bộ lớp chưa đi đầu trong việc rèn luyện và học tập.

Trên đây là những hạn chế nổi bật trong công tác giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống cho sinh viên của các trường thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Cần phải nghiêm khắc nhận thức những hạn chế để có định hướng khoa học với những giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác này trong thời gian tới.

3. Một số đề xuất, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh

Sinh viên Đại học Quốc gia TP.HCM - một bộ phận quan trọng của thanh niên và sinh viên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh - cần tiếp tục quán triệt hơn nữa và ra sức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức mà Bác Hồ đã dạy.

Trung với nước, hiếu với dân: Đối với sinh viên, đây vẫn là phẩm chất quan trọng hàng đầu. Được sống trong môi trường hòa bình, đối với sinh viên, phẩm chất này được cụ thể hóa ra thành: ra sức học tập, nghiên cứu để phục vụ tốt hơn cho gia đình, xã hội. Đồng thời, bản thân mỗi người cần đề cao cảnh giác trước những âm mưu, hành động chống phá của các cá nhân, tổ chức nhằm cản trở công cuộc đổi mới của nước ta.

Yêu thương con người: Trong điều kiện học tập xa nhà, cuộc sống sinh viên còn nhiều khó khăn, cả về vật chất lẫn tinh thần. Song với điều kiện có phần hạn chế của mình, sinh viên vẫn có thể chia sẻ những thiếu thốn của mình với các em nhỏ trong việc duy trì các lớp học tình thương, tổ chức vui Trung thu, đón Tết cho các em bằng những món quà giản dị do chính mình làm ra, tham gia các hoạt động tình nguyện vào các dịp hè, Tết để góp phần trí tuệ, sức lực của mình giúp đỡ những địa phương nghèo khó bằng những hoạt động thiết thực: làm nhà, làm đường, tư vấn về kế hoạch hóa gia đình,... hay giao lưu với những người làm đường lạc lối, thuyết phục, giúp đỡ học trở về với cộng đồng...

Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư: Đối với sinh viên, phẩm chất này càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Nó được thể hiện trong cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày: từ thái độ học tập, cách dùng tiền, sử dụng thời gian, đến ý thức giữ gìn của công, thái độ đối với bạn bè. Đối với cán bộ lớp, cán bộ Đoàn - Hội thì phẩm chất này càng trở nên cần thiết. Rèn luyện được phẩm chất này sẽ giúp sinh viên đạt hiệu quả cao trong học tập, giảm bớt khó khăn, gánh nặng cho gia đình, góp phần bảo vệ trường lớp, môi trường xã hội, tạo được niềm tin đối với thầy cô, bạn bè, cộng đồng...

Tinh thần quốc tế trong sáng: Chủ yếu đó là sự giao lưu, đoàn kết giữa sinh viên Đại học Quốc gia với sinh viên các trường bạn, sinh viên nước ngoài. Qua đó, các bạn cần thể hiện được truyền thống hiếu khách, thân thiện của dân tộc Việt Nam, thể hiện bản lĩnh, trí

tuệ của sinh viên Việt Nam, đồng thời học hỏi, trao đổi kinh nghiệm trong lĩnh vực học tập, nghiên cứu, văn hóa... với sinh viên nước ngoài nhằm mục đích tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết giữa sinh viên các nước với nhau, qua đó phục vụ tốt hơn cho việc học tập và giải trí của sinh viên.

Như vậy, trong bối cảnh phức tạp hiện nay, những phẩm chất đạo đức theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị với sinh viên nói chung và với sinh viên Đại học Quốc gia TP.HCM, những phẩm chất ấy vẫn vô cùng quan trọng và cần thiết.

Đề nâng cao hiệu quả công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh nhằm mục tiêu xây dựng, bổ sung, hoàn thiện những phẩm chất đạo đức tốt đẹp cho sinh viên là một điều không đơn giản, cần được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể và toàn xã hội, tác động trên nhiều lĩnh vực, nhiều khía cạnh khác nhau.

Một là, tạo cơ sở khách quan cho sự hình thành và phát triển đạo đức mới cho sinh viên.

Đạo đức nói chung, đạo đức của sinh viên nói riêng chịu sự quy định của sự phát triển kinh tế - xã hội nên muốn định hướng các giá trị đạo đức cho sinh viên, trước tiên phải định hướng ngay trong cơ sở kinh tế - xã hội sản sinh ra nó. Đó là Đảng, Nhà nước, cơ quan, đoàn thể và toàn xã hội cần đầu tư để *xây dựng các khu vui chơi, giải trí lành mạnh cho sinh viên, tạo điều kiện vật chất thuận lợi cho các hoạt động văn hóa - xã hội cho sinh viên*, nhất là đối với số sinh viên đang học tập tại Thủ Đức. Việc phát triển các khu văn hóa, bảo tàng cách mạng, khu tưởng niệm, nhất là cần xây dựng nhiều nhà văn hóa thanh niên, những khu liên hợp thể thao hoạt động thường xuyên và chi phí thấp để thu hút đông đảo sinh viên tham gia, nhằm phục vụ những nhu cầu cấp bách của sinh viên. Đây là cách tốt nhất để giúp sinh viên tránh xa những tụ điểm tệ nạn xã hội, đồng thời, tạo môi trường cho sinh viên tự nhận thức và rèn luyện những phẩm chất đạo đức của mình.

Hai là, củng cố và tăng cường giáo dục đạo đức cho sinh viên trong gia đình, nhà trường và xã hội.

Đối với gia đình: Cha mẹ cần tôn trọng, quan tâm tìm hiểu tâm tư tình cảm của con cái; luôn tự bồi dưỡng kiến thức giáo dục con cái, tránh sự nuông chiều, đánh đập hoặc làm nhục con.

Đối với nhà trường: đây là nơi có môi trường giáo dục chuyên nghiệp, có nền nếp, kỷ cương, kỷ luật, đó là nơi giáo dục lý tưởng sống cho sinh viên. Đảng, Nhà nước cần có những biện pháp cụ thể, kiên quyết chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật trong ngành giáo dục để ngày càng tạo được niềm tin cho sinh viên.

Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên phải thường xuyên nghiên cứu, nắm vững tình hình, dự báo xu hướng diễn biến về tư tưởng, thái độ chính trị, đạo đức, lối sống của sinh viên để có những giải pháp thích hợp.

Quá trình giáo dục trong gia đình, nhà trường và xã hội có những đặc trưng và ưu thế riêng. Sự thống nhất biện chứng giữa những yếu tố này là yếu tố quyết định quá trình hình thành và phát triển đạo đức của sinh viên, ngược lại, sự bất cập của mỗi yếu tố này đều có thể dẫn đến sự xuất hiện những nhân cách mà xã hội không mong muốn.

Ba là, cần chú trọng cả nội dung và hình thức, đặc biệt chú trọng giáo dục đạo đức cho sinh viên trên cơ sở nghiên cứu, tìm hiểu đặc điểm của sinh viên.

Về nội dung, cần bám sát đối tượng để soạn thảo chương trình.

Hội nghị lần thứ X Ban Chấp hành Trung ương Đảng nêu nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới: “cụ thể hóa các chuẩn mực đạo đức, lối sống cho từng đối tượng cụ thể...” bởi vì “các giai cấp, các tầng lớp, giới và nhóm xã hội có vị trí xã hội khác nhau, các chuẩn mực và thang bậc giá trị có sự thể hiện khác nhau”¹. Đối với trình độ đại học hiện nay chưa có những giáo trình thật sự đáp ứng được nhu cầu định hướng chuẩn mực đạo đức và lý tưởng sống cho sinh viên thì việc cụ thể hóa chuẩn mực đạo đức là cần thiết, cần chủ động xây dựng mô hình nhân cách, xây dựng mẫu người lý tưởng với những phẩm chất phù hợp với điều kiện mới của sinh viên.

Về hình thức: Giáo dục đạo đức phải hết sức đa dạng, không chỉ truyền thụ những kiến thức đạo đức trong nhà trường mà còn phải thông qua liên hệ với hoạt động thực tiễn.

Giáo dục chính trị - tư tưởng: Cần trang bị cho sinh viên những kiến thức về con đường đi lên của dân tộc, giáo dục cho sinh viên lý tưởng và đạo đức cách mạng, nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Các biện pháp cụ thể có thể kể đến như: nâng chất và năng động hóa hoạt động của Câu lạc bộ Lý luận trẻ, tổ chức cuộc thi tìm hiểu các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong toàn trường, phát huy tối đa hiệu quả của bản tin hoạt động Đoàn - Hội trong công tác giáo dục; duy trì việc tổ chức diễn đàn “Nghe sinh viên nói - nói sinh viên nghe” để nắm bắt tâm tư tình cảm của sinh viên.

Giáo dục truyền thống: Cần đa dạng hóa các hình thức hoạt động nhằm thu hút ngày càng đông sinh viên đến với bảo tàng, tổ chức thường xuyên các cuộc thi sinh động về đề tài lịch sử, trình chiếu các bộ phim cách mạng, đẩy mạnh hoạt động “đội tuyên truyền ca khúc cách mạng”, nhân rộng hơn nữa các hoạt động như: gặp gỡ nhân chứng lịch sử, nhận phụng dưỡng, thăm hỏi, chăm sóc bà mẹ Việt Nam anh hùng,... Phát triển các hình thức nêu gương trong công tác giáo dục đạo đức, lối sống thông qua các bản tin, tổ chức các hoạt động để sinh viên thể hiện truyền thống “Tôn sư trọng đạo”, giao lưu với Hội Cựu chiến binh trường,...

Công tác giáo dục luật pháp và ý thức công dân: Sinh viên với những đặc trưng của tuổi trẻ, sôi nổi, sáng tạo và luôn đột phá vào những gì cố hữu, bảo thủ, hơn ai hết, họ cần được giáo dục để nhận thức đầy đủ những vấn đề cơ bản của Hiến pháp và pháp luật, có được sự nhận thức chắc chắn và bản lĩnh để làm chủ suy nghĩ và hành động của mình.

Về hỗ trợ sinh viên học tập và nghiên cứu khoa học: Vận động các nguồn kinh phí để hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, khen thưởng đối với sinh viên có thành tích học tập tốt, tích cực phát triển các mô hình tự học, vận động sinh viên tham gia phong trào Sinh viên 3 tốt. Đoàn - Hội cần chủ động phối hợp tổ chức các chuyến tham quan, tìm hiểu, giao lưu với các doanh nghiệp, các công ty, qua đó tạo điều kiện cho sinh viên nắm bắt thực tế, xây dựng các mối quan hệ lâu dài cho sinh viên tìm hiểu, giao lưu, học hỏi, tổ chức thường xuyên các ngày hội việc làm...

Về việc nâng cao hiệu quả và chất lượng của công tác phát triển Đảng trong sinh viên: Giới thiệu những thành viên ưu tú tham gia học lớp cảm tình đảng phải đúng đối tượng, họ phải trở thành hạt nhân, đi đầu trong hoạt động học tập cũng như công tác Đoàn - Hội.

1. ĐCSVN: *Báo cáo Hội nghị lần thứ X Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.50.

Bốn là, phát huy vai trò của dư luận xã hội trong việc điều tiết hành vi, giáo dục luân thường đạo lý, định hướng chuẩn mực đạo đức đúng đắn cho sinh viên.

Về vấn đề này, Đảng ta nhận thức thực trạng hiện nay như sau: “chưa hình thành dư luận xã hội định hướng chuẩn mực giá trị, chưa chỉ ra những nhược điểm trong đặc tính, tính cách con người Việt Nam truyền thống, phương pháp kết hợp xây và chống thực hiện chưa sâu, hiệu quả chưa cao”¹. Như vậy, cần phát động dư luận xã hội thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua đó, có thể nêu lên những tấm gương người thật việc thật tiêu biểu, chỉ ra những biểu hiện tiêu cực giúp sinh viên phân biệt tốt xấu, phải trái, từ đó chọn lựa hành vi cho mình.

Bên cạnh đó, dư luận của sinh viên cũng rất quan trọng. Trong thời gian qua, xã hội đã khơi dậy khát vọng sống có ích cho cộng đồng, cho đất nước của thanh niên qua tấm gương anh Nguyễn Văn Thạc, chị Đặng Thùy Trâm,... đã gây được hiệu ứng tích cực trong sinh viên. Trong thời gian tới, cần phát huy hơn nữa cách làm này, không chỉ là những tấm gương trong thời kỳ kháng chiến mà còn trong cuộc sống, học tập, sinh hoạt hàng ngày.

Trên đây là một số giải pháp nhằm xây dựng đạo đức cho sinh viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh thông qua quá trình phân tích thực trạng đạo đức, lối sống của sinh viên. Những vấn đề này cần được thực hiện một cách nhịp nhàng, đồng bộ mới đem lại hiệu quả mong muốn. Giải quyết những vấn đề này cần được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể và toàn xã hội để cụ thể hóa chúng trong hoạt động thực tiễn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ thiên tài, Người đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do, hạnh phúc của nhân dân ta, cho sự nghiệp giải phóng các dân tộc trên thế giới, cho cuộc đấu tranh vì hòa bình, dân chủ, công bằng xã hội trên thế giới, cho sự củng cố và phát triển tình hữu nghị và hợp tác giữa các dân tộc.

Dù đã đi xa nhưng Người đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta bản *Di chúc* mang tầm vóc vĩ đại, một di sản tinh thần to lớn, những tư tưởng vô giá. Đặc biệt là tư tưởng về đạo đức. Đó là một hệ thống quan điểm cơ bản và toàn diện về đạo đức, bao gồm: vai trò, vị trí của đạo đức, những phẩm chất đạo đức cơ bản và những nguyên tắc xây dựng nền đạo đức mới.

Có thể nói, hiếm có vị lãnh tụ nào, ngay từ khi sinh thời cũng như sau khi đã qua đời, tên tuổi, sự nghiệp lại được biết đến rộng rãi, được ngợi ca không chút dè dặt bằng những lời đẹp đẽ và cao quý như nhân loại tiên bộ đã dành cho Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ thiên tài và kính yêu của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam.

Trong bất kỳ giai đoạn lịch sử nào thì con người cũng là yếu tố quyết định sự phát triển mọi mặt của xã hội, vai trò đó càng được thể hiện rõ nét trong công cuộc đổi mới hiện nay. Trong đó, thanh niên chiếm vị trí trọng tâm trong chiến lược phát triển con người.

Sinh viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh là những thành phần ưu tú, giỏi chuyên môn, tích cực rèn luyện, nhiệt tình trong phong trào đã có những biểu hiện tích cực trong đạo đức, lối sống, thể hiện trên các mặt: chính trị - tư tưởng, văn hóa - xã hội, ý thức học tập và chấp hành nội quy kỷ luật, quy chế trường lớp, pháp luật của Nhà nước, họ đã

1. ĐCSVN: *Báo cáo Hội nghị lần thứ X Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.15.

thể hiện sự nhiệt tình, hoài bão, ước mơ, niềm tin, lý tưởng đạo đức cao đẹp. Đó là những yếu tố tích cực đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau mà một bộ phận sinh viên đã có những biểu hiện lệch lạc về đạo đức, lối sống, thiếu trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng và xã hội. Thực trạng này có ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước, đến tương lai của chính bản thân sinh viên.

Bước vào thời kỳ mới, nhiệm vụ của thanh niên nói chung, sinh viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng là rất nặng nề. Đó là nhiệm vụ học tập, lao động sáng tạo, tạo lập cuộc sống, tham gia phát triển đất nước, tham gia bảo vệ Tổ quốc, xây dựng và bảo vệ hệ thống chính trị, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, chủ động đi vào hội nhập và giao lưu quốc tế. Những nhiệm vụ này đòi hỏi sinh viên cần tiếp tục phát huy những phẩm chất đạo đức truyền thống, không ngừng tiếp thu, bổ sung cho mình những phẩm chất đạo đức mới.

Để hỗ trợ, hướng dẫn cho sinh viên trong quá trình rèn luyện đạo đức, bên cạnh sự tự vươn lên của chính sinh viên thì đồng thời cũng đặt ra cho Đảng, Nhà nước, xã hội, Đảng ủy, Ban Giám đốc Đại học Quốc gia, lãnh đạo và các tổ chức Đoàn - Hội các trường những yêu cầu mới trong công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên. Thời gian qua, trên cơ sở nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của việc giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên, các trường đã có sự quan tâm và đầu tư đúng mức cho công tác này và đã đạt được một số thành công nhất định. Tiếp tục phát huy những mặt đã làm được, khắc phục những hạn chế, để nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên, cần đầy mạnh và nhanh chóng thực hiện một số giải pháp.

Với những chuyển biến tích cực trong đạo đức, lối sống của sinh viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và nhận thức về tầm quan trọng của công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên được nâng cao, với sự quan tâm đồng bộ của các cấp các ngành, các tổ chức đoàn thể, của toàn xã hội, tin rằng, đạo đức của thanh niên nói chung, của sinh viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng sẽ ngày càng được hoàn thiện, phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa và nền kinh tế tri thức hiện nay./.

TRIẾT LÝ NHÂN SINH TRONG DI CHÚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*ThS. Hà Văn Thiều**

Danh nhân văn hóa thế giới Hồ Chí Minh tuy không phải là nhà triết thuyết nhưng cuộc đời hoạt động cách mạng và nhân cách của Người đã toát lên triết lý sống của Người. Đó là triết lý: “ở đời” và “làm người”. “Ở đời và làm người - theo Hồ Chí Minh - là phải thương nước, thương dân, thương nhân loại bị đau khổ áp bức”¹. Triết lý này được thể hiện nhất quán trong logic tư tưởng và logic thực hành tư tưởng của Người.

Có thể nói cả cuộc đời hoạt động cách mạng từ khi rời bến Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước cho đến lúc viết “sắn mấy lời” phòng khi đi xa, Hồ Chí Minh đã thấm nhuần lẽ “xuất xử” của triết lý phương Đông và cả triết lý phương Tây về con người: con người từ đâu đến, con người làm được gì, và con người sẽ đi về đâu? Và Hồ Chí Minh đã giải quyết nó một cách minh triết trong bản tài liệu “tuyệt đối bí mật” mà chúng ta gọi là “*Di chúc*” của Người.

Thấu hiểu nhân tình thế thái, dự cảm được sức khỏe của mình có phần sa sút khi bước vào tuổi “xưa nay hiếm”, Hồ Chí Minh đã chủ động viết *Di chúc*. Ở đây phong cách ung dung tự tại vốn có của Người càng được thể hiện rõ. Người viết *Di chúc* trong những thời khắc giao cảm của đất trời và con người: viết vào tháng đẹp nhất, ngày đẹp nhất, giờ sinh học tốt nhất, lúc tâm hồn thanh thản nhất và lúc trí tuệ minh mẫn nhất ở tuổi của Người. Đó là sự lựa chọn sáng suốt của một bậc minh triết! Và đó cũng là một triết lý nhân sinh trong quan niệm của Người.

Di chúc là sự cô đọng triết lý nhân sinh của Người. Triết lý nhân sinh đó là sự gắn kết giữa chủ nghĩa nhân đạo cao cả với tư tưởng nhân văn sâu sắc. Cội nguồn của chủ nghĩa nhân đạo và tư tưởng nhân văn ấy là truyền thống nhân ái của dân tộc Việt Nam kết hợp với truyền thống nhân ái của nhân loại. Nội dung cốt lõi của chủ nghĩa nhân đạo và tư tưởng nhân văn ấy là lòng thương yêu, quý trọng con người gắn với lòng yêu nước, yêu dân nồng nàn. Mục tiêu cao cả của chủ nghĩa nhân đạo và tư tưởng nhân văn ấy là giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

Trong triết lý nhân sinh Hồ Chí Minh, con người vừa là điểm xuất phát, vừa là mục đích lý tưởng và là trung tâm của mọi sự quan tâm, chú ý của Người. Vấn đề con người trong triết lý nhân sinh Hồ Chí Minh được thể hiện trong *Di chúc* là *tình yêu thương đối với tất cả mọi tầng lớp người trong xã hội*: thương binh, gia đình liệt sĩ, bộ đội, thanh niên xung phong, phụ nữ, nông dân và cả những người được coi là nạn nhân của chế độ xã hội cũ. Trái tim lớn của vĩ nhân, lãnh tụ đã luôn rung cảm cùng nhịp đập của hàng triệu trái tim quần chúng lao động.

**Trường Đại học Nguyễn Huệ.*

1. Võ Nguyên Giáp: *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 231-232.

Trong bản thảo *Di chúc* 1968, Người viết: “Đầu tiên là công việc đối với *con người*” và đây là phần dành được sự quan tâm lớn nhất trong *Di chúc*. Quan tâm trước tiên đến con người bởi vì con người là vốn quý nhất của xã hội, chăm lo đến hạnh phúc của con người là mục tiêu phấn đấu cao nhất của chế độ ta. Hồ Chí Minh không quan tâm tới con người nói chung mà trước hết và chủ yếu là những người cùng giai cấp, cùng cảnh ngộ, những người cùng khổ trong xã hội; quan tâm đến con người hiện thực, đến cuộc sống và đời sống của họ. Con người ở đây được đặt trong tổng hòa những quan hệ xã hội, với tất cả các chiều cạnh và cấp độ của nó: từ cá nhân, gia đình đến xã hội; từ con người giai cấp, dân tộc đến con người nhân loại.

Tin dân, yêu dân, thương dân, thân dân và *vì dân* là những tư tưởng lớn trong triết lý nhân sinh Hồ Chí Minh. Ngay từ rất sớm, Người đã thấy rõ: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”¹. Với Hồ Chí Minh, nhân dân là tất cả những người lao động bình thường, không phân biệt sắc tộc, tôn giáo, giới tính, là toàn thể dân tộc Việt Nam, là “quốc dân”, “đồng bào”, là người trong một nước, là con Lạc cháu Hồng; có khi, nhân dân còn được Người hiểu rộng theo nghĩa nhân dân lao động trên toàn thế giới. Hồ Chí Minh tin tưởng vào nhân dân, thấy được nhân dân là lực lượng vô địch; là nền tảng của mọi thắng lợi cách mạng, là nguồn lực vô tận, cần phải biết phát huy sức mạnh của nhân dân. Bằng trải nghiệm cuộc đời hoạt động cách mạng của một chiến sĩ cộng sản xuất sắc, một lãnh tụ thiên tài, Hồ Chí Minh đã thấu triệt đạo lý dân tộc và các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin để đi đến tư tưởng, “nước lấy dân làm gốc” trên một tầm cao mới, đó là: nhân dân là nguồn gốc của mọi thắng lợi cách mạng.

Trong *Di chúc*, Người viết: “Nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ, bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh.

Tuy vậy, nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng”. Trong nhân dân, Người quan tâm đặc biệt đến nông dân, bạn đồng minh chiến lược của giai cấp công nhân, lực lượng chủ yếu của cách mạng Việt Nam. Người đề nghị miễn thuế nông nghiệp một năm cho nông dân để đồng bào thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất, sau nhiều năm liên tục đã ra sức góp của, góp người, vui lòng chịu đựng mọi khó khăn gian khổ vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc. Hơn thế nữa Người còn căn dặn: “Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*”.

Người không chỉ quan tâm đến đời sống nhân dân, mà trên hết là chăm lo giáo dục, đào tạo họ, làm cho họ trở thành lực lượng nòng cốt xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Ở đây, sự quan tâm chăm sóc của Người vừa có ý nghĩa đền đáp công lao trong kháng chiến, vừa tạo điều kiện có công ăn việc làm và được học hành để bồi dưỡng cho họ năng lực, góp phần xây dựng đất nước.

Trong triết lý nhân sinh Hồ Chí Minh, *trồng người* là một chiến lược lớn và cực kỳ hệ trọng. Trong chiến lược trồng người, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới thanh niên. Bởi vì

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.8, tr. 276.

thanh niên là chủ nhân tương lai của đất nước, là rường cột của nước nhà. Trong *Di chúc*, Người khẳng định: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”. Người căn dặn Đảng cần phải đặc biệt là chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng, đào tạo thanh niên trở thành những người kế thừa xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên”.

Suốt cuộc đời, cả bằng tư tưởng và hành động, Hồ Chí Minh đã là tấm gương mẫu mực về sự “*Tận trung với nước tận hiếu với dân*”¹, “một lòng một dạ phục vụ nhân dân”², mẫu mực về “nói đi đôi với làm”. Mỗi lời nói, mỗi việc làm của Người đều là chuẩn mực cho mỗi chúng ta học tập và làm theo, đó chính là lẽ sống thật “ở đời và làm người” trong triết lý nhân sinh của Người.

Bao trùm và quan trọng nhất trong triết lý nhân sinh Hồ Chí Minh thể hiện trong *Di chúc* là *sự quan tâm đến đến Đảng và đội ngũ đảng viên*.

Cùng với con người, Đảng và đội ngũ đảng viên là những quan tâm đầu tiên, trăn trở nhất của Người khi soạn thảo *Di chúc*. Người khẳng định: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta”. Nhờ có đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Đoàn kết là sức mạnh vô địch. Đoàn kết trong Đảng là cơ sở để đoàn kết nhân dân, đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. Người căn dặn: “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”. Người chỉ ra rằng: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”. Bởi vì “*Thực hành dân chủ* là cái chìa khoá vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn”³.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, Người chỉ rõ: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”. Quan tâm đến việc hoàn thiện công việc lãnh đạo của Đảng, Người đặc biệt nêu lên ý nghĩa nhân văn trong việc Đảng vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành với nhân dân.

Người quan tâm tới Đảng với niềm đau đáu suy tư và những trăn trở của một đảng viên chân chính mẫu mực của Đảng, ở đây không hề thấy bóng dáng quyền uy, mệnh lệnh của một vị Chủ tịch Đảng hay người sáng lập Đảng. Đó cũng chính là lẽ sống giản dị và thiết thực, ghét “hư vinh”, không ham quyền lực trong triết sống của Người.

Một nội dung quan trọng khác trong triết lý nhân sinh Hồ Chí Minh là *sự thấm nhuần đạo lý truyền thống của người Việt Nam*: “*Uống nước nhớ nguồn*”, “*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*”. Cũng như sông phải có nguồn, cây phải có gốc, gốc có vững cây mới bền. Người căn dặn phải có một chính sách đặc biệt đối với mọi tầng lớp nhân dân đã vì Tổ quốc mà hy sinh. Đối với những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc, chúng ta phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, phải mở những lớp dạy nghề thích hợp cho họ, để họ có được hành trang

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr. 480.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr. 251.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 249.

cần thiết bước vào cuộc sống tự lập, tự lực cánh sinh, v.v. Người hằng tâm niệm: càng biết ơn các liệt sĩ bao nhiêu, chúng ta càng hết lòng biết ơn và tận tình chăm sóc gia đình liệt sĩ bấy nhiêu, vì đó là cách đền ơn đáp nghĩa liệt sĩ thiết thực nhất.

Đối với bạn bè quốc tế đã giúp đỡ cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đi đến thắng lợi hoàn toàn, Người di nguyện: đến ngày đó, “sẽ thay mặt nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, và các nước bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta”. Đó là đạo lý - triết lý sống của dân tộc: luôn trọn nghĩa, vẹn tình, trước sau như một với bạn bè, anh em, đã được thấm nhuần, kết tinh trong nhân cách của lãnh tụ.

Trong triết lý nhân sinh Hồ Chí Minh còn thể hiện *sự hài hòa giữa con người với môi trường sống*. Trước lúc đi xa, Người di nguyện thi hài được “hỏa táng” và nơi yên nghỉ của Người ở cả ba miền Bắc – Trung – Nam được ở dưới những rừng cây xanh tốt – “sẽ tốt cho phong cảnh và lợi cho nông nghiệp”. Không chỉ quan tâm đến môi trường tự nhiên, Người còn chú ý đến việc xây dựng môi trường xã hội thuận lợi để mọi người được hưởng những phúc lợi xã hội do cách mạng thành công mang lại. Người căn dặn Đảng ta cần có kế hoạch xây dựng lại đất nước sau chiến tranh, “tốt đẹp hơn, đàng hoàng hơn”. Đặc biệt phải lưu ý: “Đây là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng để tạo nên những cái mới mẻ, tốt tươi. Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ này, cần phải động viên toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân”¹.

Trong *Di chúc*, Người viết: “Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”. Đây vừa là di nguyện cuối cùng vừa là tâm nguyện suốt cả cuộc đời của Người. Thật xúc động khi đọc những dòng này, khi Người đã dành trọn sự quan tâm của mình cho Đảng, cho nhân dân, đất nước, dân tộc. Đúng là một con người chín chu, một nhân cách vĩ đại: “nâng niu tất cả chỉ quên mình”.

Ngày nay mỗi lần đọc *Di chúc*, chúng ta càng thấy rõ sự kết tinh trong triết lý nhân sinh của Người là sự hòa quyện cả tâm, tầm, trí, tạo nên vóc dáng của một bậc minh triết đại nhân - đại dũng - đại trí. Đúng như Giáo sư Trần Văn Giàu nhận xét: “Tâm cốt của một hiền triết... chung quy lại là ở *mức quan tâm đến con người*, con người thật đang sống trên quả đất này và chắc chắn còn sống lâu dài đến vô tận thời gian, lấy đó làm trung tâm của mọi suy tư và chủ đích của mọi hành động. Cụ Hồ thuộc loại hiền triết đó, vì đó mà Cụ lớn”²./.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 617.

2. Trần Văn Giàu: *Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa lớn*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr. 287.

THẨM NHUẦN ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG, CẦN KIỆM LIÊM CHÍNH, CHÍ CÔNG VÔ TƯ TRONG “DI CHÚC” CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*ThS. Tạ Thị Thùy**

Đạo đức cách mạng là một trong những vấn đề then chốt trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nó là nhân tố quan trọng của người cách mạng và giữ vai trò quyết định thắng lợi của con đường cách mạng Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa”, do đó đã là người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng, nếu không có đạo đức làm nền tảng thì dù có tài giỏi cũng không thể lãnh đạo nhân dân, hoàn thành sự nghiệp cách mạng vẻ vang giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Những phẩm chất quan trọng để xây dựng đạo đức của người cách mạng là cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

Trong quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi nói đến người cách mạng, Người đặt yếu tố đạo đức cách mạng lên hàng đầu, ngay trong tác phẩm *Di chúc* của mình Người nhấn mạnh “mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thẩm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”, đạo đức giúp cho con người luôn giữ được nhân cách, bản lĩnh làm người trong mọi hoàn cảnh, không dễ bị thay đổi trước những xoay vần, biến thiên của thời cuộc. Đạo đức là gốc, là nguồn, là nền tảng, bởi phải có tâm, có đức thì mới giữ vững được chủ nghĩa Mác - Lênin, đưa chủ nghĩa Mác - Lênin vào cuộc sống. Đạo đức cách mạng được Hồ Chí Minh nhấn mạnh, nó giúp cho con người vững vàng vượt qua mọi khó khăn thử thách, Hồ Chí Minh từng nói: “Có đạo đức cách mạng thì khi gặp khó khăn, gian khổ, thất bại, cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước”.

Do đó, đạo đức cách mạng được Hồ Chí Minh ví như là cái gốc, là cội nguồn, Người nói: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi đến mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”, chính vì vậy, việc rèn luyện đạo đức cách mạng luôn đòi hỏi sự phấn đấu không ngừng nghỉ và suốt đời của mỗi người cách mạng là cán bộ, đảng viên. Người luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, đó là một trong những thước đo quan trọng về phẩm chất đạo đức người cách mạng. Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở “Người cán bộ cách mạng phải có đạo đức cách mạng. Phải giữ vững đạo đức cách mạng mới là người cán bộ cách mạng chân chính”. Người luôn nhấn mạnh phải nâng cao đạo đức cách mạng, cần quyết sạch chủ nghĩa cá nhân, coi tham ô, lãng phí, quan liêu,... là những căn bệnh cần phải kiên quyết chống và xóa bỏ, đòi hỏi người cách mạng phải có những đức tính “cần kiệm liêm chính, chí công vô tư” thì mới xây dựng được Đảng vững mạnh và trong sạch.

* Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM.

Trong quan điểm của mình, Hồ Chí Minh luôn nêu cao đạo đức cách mạng với cần kiệm liêm chính, chí công vô tư từ việc giáo dục cán bộ, đảng viên cho tới thanh thiếu niên, Người thường nhấn mạnh đến những yếu tố chức quan đến sức mạnh ý chí và tu dưỡng đạo đức cách mạng của cá nhân. Đối với mỗi cán bộ, đảng viên, việc rèn luyện đạo đức cách mạng là yêu cầu nội tại, thường xuyên, liên tục và “không có gì là khó cả. Điều đó hoàn toàn do lòng mình mà ra. Lòng mình chỉ biết vì Đảng, vì Tổ quốc, vì đồng bào thì mình sẽ tiến đến chỗ chí công vô tư. Mình đã chí công vô tư thì khuyết điểm sẽ ngày càng ít, mà những đức tính tốt như sau ngày càng thêm”¹.

Người đưa ra những chuẩn mực như là nền tảng của đời sống, là đức tính, phẩm chất đạo đức của người cách mạng. Người viết: “Người có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính... Thiếu một đức thì không thành người”². Người quan niệm cần, kiệm, liêm, chính là bốn đức tính của con người và đồng thời, Người giải thích cặn kẽ, cụ thể nội dung từng khái niệm.

Cần là lao động cần cù, siêng năng; lao động có kế hoạch, sáng tạo, có năng suất cao; lao động với tinh thần tự lực cánh sinh, không lười biếng, không ỷ lại, không dựa dẫm; phải thấy rõ lao động là nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của mỗi chúng ta.

Kiệm là tiết kiệm sức lao động, tiết kiệm thời giờ, tiết kiệm tiền của dân, của nước, của bản thân mình. Tiết kiệm từ cái to đến cái nhỏ; “không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi, không phô trương, hình thức...”. Cần, kiệm chính là phẩm chất quan trọng của người lao động trong đời sống, trong công tác.

Liêm là trong sạch, là “luôn tôn trọng, giữ gìn của công và của dân”, “không xâm phạm một đồng xu, hạt thóc của nhà nước, của nhân dân”; “không tham địa vị, không tham tiền tài... không tham tâng bốc mình...”.

Chính là ngay thẳng không tà, là đúng đắn, chính trực. Đối với mình không tự cao, tự đại; đối với người không nịnh trên, khinh dưới, không dối trá, lừa lọc, luôn giữ thái độ trung thành, khiêm tốn, đoàn kết. Đối với việc thì để việc công lên trên, lên trước việc tư, việc nhà; được giao nhiệm vụ gì quyết làm cho kỳ được, “việc thiện dù nhỏ mấy cũng làm; việc ác thì dù nhỏ mấy cũng tránh”. Liêm chính là phẩm chất của người cán bộ khi thi hành nhiệm vụ.

Chí công là hết mực công bằng, công tâm; vô tư là không được có lòng riêng, thiên tư, thiên vị “tư ân, tư huệ hoặc tư thù, tư oán”, đem lòng chí công, vô tư đối với người, với việc. “khi làm bất cứ việc gì cũng đừng nghĩ đến mình trước, khi hưởng thụ thì mình nên đi sau”, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”. Muốn “chí công vô tư” phải chiến thắng chủ nghĩa cá nhân. Người giải thích: “...Cán bộ các cơ quan, các đoàn thể, cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ. Dù to hay nhỏ, có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp là ăn của đút, có dịp “dĩ công vi tu”³.”

Đây là chuẩn mực của người lãnh đạo, người “giữ cán cân công lý”, không được vì lòng riêng mà chà đạp lên pháp luật.

Cần, kiệm, liêm, chính có mối quan hệ chặt chẽ với *chí công vô tư*. Ngược lại, đã chí

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.5, tr. 291.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.5, tr. 631.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.5, tr. 641.

công vô tư, một lòng vì nước, vì dân, vì Đảng thì nhất định sẽ thực hiện được cần, kiệm, liêm, chính.

Quan điểm về cần kiệm liêm chính, chí công vô tư của Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức đúng đắn và là nền tảng cho người cách mạng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay cần hiểu quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh một cách hết sức biện chứng về các đức tính cần kiệm liêm chính, chí công vô tư của người cách mạng. “Cần” trong điều kiện hiện nay không chỉ là sự cần cù, chịu khó mà còn thể hiện trình độ tư duy, sự chủ động nhạy bén trong việc nắm bắt thông tin và đánh giá tình hình để đề ra phương hướng giải pháp phù hợp, hiệu quả nhất; cho thấy sự năng động, sáng tạo trong xử lý tính huống nảy sinh của thực tiễn. Bên cạnh đó “Kiệm” còn thể hiện sự tinh táo, tinh tường, nắm bắt cơ hội và cạnh tranh có hiệu quả để phát triển đất nước đồng thời khắc phục một cách hiệu quả những thách thức, rủi ro, thất thoát đối với tài sản của Nhà nước, tập thể. “Liêm” là sự nhân mạnh đến yêu cầu đấu tranh loại bỏ bệnh tham nhũng, sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên có chức, có quyền đang diễn ra trầm trọng, làm ảnh hưởng rất nhiều đến uy tín của Đảng, tính ưu việt của chế độ ta. “Chính” bên cạnh thẳng thắn, chính trực thì còn đòi hỏi phải công tâm, khách quan, dân chủ, gần gũi quần chúng, gần gũi cơ sở, tự phê bình và phê bình một cách chân thực để cùng nhau phát triển.

“Chí công vô tư” là đức tính của người cách mạng lãnh đạo, cán bộ, đảng viên phải có tầm nhìn chiến lược về tương lai của đất nước, của dân tộc, không “tùn mủn” toan tính cá nhân chỉ nhìn thấy những cái lợi trước mắt không thấy những cái hại lâu dài gây tổn hại cho đất nước. Điều đó có thể cho ta thấy, sức sống của đạo đức cách mạng “cần kiệm liêm chính, chí công vô tư” theo tư tưởng Hồ Chí Minh chính là ở thực tiễn không ngừng vận động và phát triển. Do đó, việc giáo dục, tuyên truyền về đạo đức cách mạng theo tư tưởng của Hồ Chí Minh cần phải gắn liền với thực tiễn sinh động, có hiệu quả cao khi bám sát những yêu cầu thực tiễn của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước.

Để việc giáo dục đạo đức cách mạng với các đức tính “cần kiệm liêm chính, chí công vô tư” tạo nên được những chuyển biến to lớn trong cán bộ đảng viên thì điều thiết yếu là cần phải “nói đi đôi với làm”, mỗi ngày, mỗi cán bộ, đảng viên cần phải nỗ lực học tập lý luận chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, học tập và quán triệt nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, ... Thông qua đó, giúp mỗi người rèn luyện và giữ vững bản lĩnh chính trị, sự kiên định lý tưởng cách mạng, luôn đặt lợi ích của Đảng, của đất nước, dân tộc lên trên hết, trước hết; đồng thời, thiết thực lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức quần chúng nhân dân đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào thực tiễn cuộc sống thực hiện nêu gương và đạo đức trong cán bộ, đảng viên. Đây cũng là một trong những phương pháp giáo dục mà Hồ Chí Minh đã dạy: “Nếu miệng thì tuyên truyền bảo người ta siêng làm, mà mình thì ăn trưa, ngủ trễ; bảo người ta tiết kiệm, mà mình thì xa xỉ, lung tung, thì tuyên truyền một trăm năm cũng vô ích”¹. Người còn cảnh tỉnh cán bộ, đảng viên: “Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách đạo đức. Muốn hướng dẫn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t.5, tr. 108.

nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”¹. Vì vậy, cán bộ, đảng viên phải là những người chuẩn mực, tận tâm tận lực thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, đi trước làm gương cho quần chúng làm theo và phải bằng những hành động thực tiễn để chủ động tích cực biến đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước thành hiện thực.

Bên cạnh đó, giáo dục đạo đức cách mạng phải kết hợp giữa xây và chống, xây dựng ý thức, thói quen hành vi đạo đức, đấu tranh khắc phục, loại bỏ dần thói hư, tật xấu của con người đối với cán bộ, đảng viên. Người chỉ rõ: “Mỗi con người ta đều có cái thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng”², hai mặt này không thể tách rời nhau, xây dựng đạo đức cách mạng phải đi liền với đấu tranh, phê phán những biểu hiện trái với đạo đức cách mạng.

Tuy nhiên, đạo đức cách mạng không từ trên trời rơi xuống, mà nó đòi hỏi người cán bộ, đảng viên phải có ý thức tự tu dưỡng đạo đức cách mạng suốt đời. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”³. Quá trình rèn luyện đạo đức phải được thực hiện trong mọi hoạt động thực tiễn, trong mọi mối quan hệ với tổ chức và cá nhân, trong đời tư cũng như trong sinh hoạt cộng đồng; phải được sự theo giám sát của cấp ủy, của nhân dân trên tinh thần: dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng.

Tư tưởng và tấm gương đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn là những giá trị đạo đức cao đẹp của thời đại. *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là văn kiện có giá trị vô cùng to lớn đối với quá trình cách mạng và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc ta trên nhiều phương diện, nó vạch ra phương hướng cho cách mạng Việt Nam cả hôm nay và trong tương lai, khi hệ thống chủ nghĩa xã hội có nhiều biến đổi, nhất là những diễn biến phức tạp trong khu vực và thế giới gần đây càng cho chúng ta thấy *Di chúc* của Người có ý nghĩa thời sự sâu sắc, trong mọi thời kỳ lịch sử. Người cán bộ, cách mạng chính là cầu nối giữa Đảng với quần chúng nhân dân, vì vậy, cần phải nhận thức đúng đắn bài học của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho thế hệ sau tiếp bước xây dựng đất nước. Mỗi cán bộ, đảng viên cần hiểu sâu sắc đường lối, chủ trương, chính sách là điều quan trọng. Cán bộ, đảng viên là cầu nối giữa Đảng với quần chúng nhân dân, vì vậy, mỗi cán bộ, đảng viên cần hiểu sâu sắc đường lối, chủ trương, chính sách là điều quan trọng, nhưng quan trọng hơn là phải làm cho đông đảo quần chúng thực hiện đúng và hiệu quả đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước./.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t.5, tr. 552.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t.12, tr. 558.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t.9, tr. 293.

VAI TRÒ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG VIỆC CHĂM LO GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CHO ĐOÀN VIÊN – THANH NIÊN THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*TS. Nguyễn Thị Như Thúy**

Năm 2019 là một năm có ý nghĩa lịch sử to lớn đối với đất nước Việt Nam; 1969-2019, tròn 50 năm toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong bản *Di chúc*, Bác Hồ khẳng định “Đảng ta là Đảng cầm quyền”. Để đáp ứng được nhiệm vụ lãnh đạo xã hội, Đảng phải luôn vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và gắn bó máu thịt với nhân dân, không ngừng nâng cao bản chất giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng tư tưởng, làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động của mình (Ban Tuyên giáo Trung ương). Thực hiện lời căn dặn của Người, trong những năm kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và các thế lực thù địch, các lớp thế hệ thanh niên luôn là lực xung kích trên tất cả các mặt trận quân sự, kinh tế, chính trị, văn hóa,... cùng với các phong trào thanh niên như: Ba sẵn sàng, Ba đảm đang, Năm xung phong,... thì nay, trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vai trò của thanh niên lại được thể hiện ở các hoạt động như: Phong trào thanh niên lập thân, lập nghiệp, phong trào tình nguyện, Hiến máu nhân đạo, Đền ơn đáp nghĩa,... Ngày nay, thanh niên được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược bồi dưỡng, phát huy nhân tố và nguồn lực con người. Vì vậy, vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho đoàn viên – thanh niên có ý nghĩa quan trọng và thiết thực trong việc xây dựng con người xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên”.

Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho đoàn viên – thanh niên theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ngày 03/02/1930 là sự kiện lịch sử có ý nghĩa trọng đại, là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam, là sự kiện đánh dấu một mốc son chói lọi trên con đường phát triển của dân tộc ta. Nhận thấy được vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với vận mệnh của đất nước, Bác Hồ đã căn dặn trong bản *Di chúc* (1969): “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con người của mắt mình.

Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và

*Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM.

phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau.

Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”¹. Trong kháng chiến kiến quốc và trong công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế, Đảng cầm quyền phải chăm lo phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị xã hội, thực hiện an sinh xã hội và phúc lợi xã hội cho các nhóm dân tộc khác nhau; đồng thời luôn đào tạo và phát triển đội ngũ kế cận vừa có đạo đức, nhân cách vừa có trình độ chuyên môn, năng lực phục vụ đất nước. Nói như vậy để thấy rõ mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản Việt Nam với tương lai của thế hệ trẻ - những đoàn viên – thanh niên có ý chí, nghị lực, lý tưởng cách mạng, có khả năng tiếp thu, học hỏi và năng lực vô hạn. Do đó, khi nói về đoàn viên và thanh niên, Bác viết trong *Di chúc*, “*ĐOÀN VIÊN VÀ THANH NIÊN ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết*”².

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Bác Hồ luôn dành những tình cảm tốt đẹp cũng như thời gian, công sức, trí tuệ của mình để giáo dục, bồi dưỡng các thế hệ thanh niên Việt Nam đến với cách mạng, tham gia vào quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc... Bởi theo Người, thanh niên luôn là lực lượng tiên phong, xung kích trên các mặt trận, góp phần xây dựng hòa bình. Bác rất tin tưởng ở thanh niên - lực lượng hậu bị của Đảng và là lực lượng cách mạng cho đời sau.

Trong thư gửi thanh niên An Nam (1925) bác viết “Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám thanh niên già cỗi của Người không sớm hồi sinh”³. Bác căn dặn thanh niên và nhi đồng toàn quốc: “... Một năm khởi đầu từ mùa Xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa Xuân của xã hội. Vậy qua năm mới, các cháu phải xung phong thực hành “đời sống mới”. Đời sống mới là:

- Hăng hái, kiên quyết, không sợ khó, không sợ khổ.
- Phải siêng học, phải siêng làm, phải tiết kiệm.
- Việc nên làm (như ủng hộ kháng chiến, tăng gia sản xuất) thì ta không chờ ai nhắc nhở.
- Việc nên tránh (như tự tư tự lợi) thì ta không đợi ai ngăn ngừa”⁴.

Căn cứ vào diễn biến cuộc cách mạng thế giới và tình hình thực tiễn tại Việt Nam, một lần nữa Bác đặt niềm tin vào thế hệ thanh niên, điều này được thể hiện rõ trong Thư gửi thanh niên (1947) của Người: “Nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên. Thanh niên muốn làm chủ tương lai cho xứng đáng thì ngay hiện tại phải rèn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 621-622.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 622.

3. <https://www.tienphong.vn/gioi-tre/ve-buc-thu-dau-tien-va-cuoi-cung-bac-ho-viet-cho-thanh-nien-110985.tpo>

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1958, t.1, tr.69.

luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải làm việc để chuẩn bị cái tương lai đó”¹.

Đoàn viên, thanh niên là lực lượng nòng cốt, đông đảo và hùng hậu của xã hội “Tính trung bình thanh niên chiếm độ 1 phần 3 tổng số nhân dân – tức là một lực lượng to lớn. Lực lượng to lớn thì phải có nhiệm vụ to lớn”². Người đã ý thức được vai trò của thanh niên trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc là vô cùng to lớn. Bác Hồ hiểu rõ những ưu, nhược điểm của thanh niên nước ta. “Ưu điểm của thanh niên ta là hăng hái, giàu tinh thần xung phong. Khuyết điểm là ham chuộng hình thức, thiếu thực tế, bệnh cá nhân, bệnh anh hùng. Rất mong toàn thể thanh niên ta ra sức phát triển những ưu điểm và tẩy sạch những khuyết điểm ấy. Huy hiệu của thanh niên ta là “tay cầm cờ đỏ sao vàng tiến lên”. Ý nghĩa của nó là: Phải xung phong làm gương mẫu trong công tác, trong học hỏi, trong tiến bộ, trong đạo đức cách mạng. Thanh niên phải thành một lực lượng to lớn và vững chắc trong công cuộc kháng chiến và kiến quốc. Đồng thời phải vui vẻ, hoạt bát. Bác mong mỗi cháu và toàn thể các cháu nam nữ thanh niên cố gắng làm tròn nhiệm vụ, để xứng đáng với cái huy hiệu tươi đẹp và vẻ vang ấy”³.

Mỗi bước đi, trưởng thành và lớn mạnh của đoàn viên – thanh niên là thành công của Đảng: Coi sự lớn mạnh của tuổi trẻ là thành công của Đảng, là thắng lợi của sự nghiệp cách mạng, là sự trường tồn phát triển của xã hội. Bác luôn dày công chăm lo giáo dục thanh niên trở thành những con người mới của xã hội, chuẩn bị những tiền đề vững vàng để thanh niên sẵn sàng đón nhận sứ mệnh làm chủ nước nhà. Ngày 13-9-1958, nói chuyện tại Lớp Chính trị do Bộ Giáo dục tổ chức, Người đã nhấn mạnh: “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”⁴.

Vì vậy Bác luôn căn dặn thanh niên: “Thanh niên sẽ làm chủ nước nhà. Phải học tập mãi, tiến bộ mãi, mới thật là thanh niên”⁵. Bác luôn nhấn mạnh đến việc học tập, vấn đề cốt lõi để các thế hệ thanh niên trang bị cho mình sự hiểu biết, vốn kiến thức, một trong những điều kiện tiên quyết để đảm bảo cho các thế hệ thanh niên có thể vươn mình ra biển lớn, lấy sức trẻ làm giàu cho Tổ quốc, quê hương. Bác nói “Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Để thật xứng đáng là người chủ của một nước xã hội chủ nghĩa, thanh niên ta quyết tâm thực hiện mấy điều sau đây:

- Phải thấm nhuần đạo đức cách mạng tức là khiêm tốn, đoàn kết, thực hành chủ nghĩa tập thể, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, người tiên tiến thì giúp đỡ người kém, người kém phải cố gắng để tiến lên, ra sức cần kiệm xây dựng nước nhà.

- Phải nghiêm khắc chống chủ nghĩa cá nhân như tự tư tự lợi, tự kiêu, tự mãn, chỉ tham việc gì có danh tiếng, xem khinh những công việc bình thường. Phải chống tham ô, lãng phí.

- Phải cố gắng học hỏi để không ngừng nâng cao trình độ chính trị, văn hóa và kỹ thuật để phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân”⁶.

Có thể khẳng định rằng, chăm lo, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một bộ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1958, t.2, tr.21-22.

2. Nhiệm vụ của thanh niên ta, báo *Nhân Dân*, số ra ngày 20/12/1955.

3. Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, t.5, tr.32.

4. <https://www.tienphong.vn/xa-hoi/loi-dan-do-trong-di-chuc-cua-bac-ho-doi-voi-thanh-nien-750320.tpo>

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.8, tr. 95.

6. Hồ Chí Minh: “Bài nói chuyện tại Đại hội Thanh niên tích cực lao động xã hội chủ nghĩa”, ngày 17/3/1960. Báo *Nhân dân*, số 2191, ngày 18/3/1960.

phần quan trọng trong hệ thống tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người đã dành cho thế hệ trẻ những tình cảm và sự quan tâm sâu sắc.

Trong bài phát biểu tại Hội nghị cán bộ Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam toàn miền Bắc năm 1962, Bác viết “Đảng, Chính phủ và Bác rất chú ý đến thanh niên. Bác vui lòng khen ngợi những cố gắng của thanh niên...”

Thanh niên phải xung phong đến những nơi khó khăn gian khổ nhất, nơi nào người khác làm ít kết quả, thanh niên phải xung phong đến làm cho tốt...

Trọn đời trung thành với sự nghiệp cách mạng, với Tổ quốc, với Đảng, với giai cấp.

Không sợ khổ, không sợ khó, thực hiện: “Đâu cần thanh niên có, việc gì khó thanh niên làm”, “gian khổ thì đi trước, hưởng thụ sau mọi người”.

Không nên tự cho mình là tài giỏi, không khoe công, không tự phụ”¹.

Đoàn viên, thanh niên là người kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng. Những hạt giống tốt sẽ nảy nở, vươn cao những mầm xanh cho đất nước, quê hương. Bác căn dặn: Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết. Công việc này “quan trọng” vì không ai khác ngoài các thế hệ thanh niên sẽ kế tục sự nghiệp cách mạng. Công việc này “cần thiết” vì tính cấp bách trước mắt cũng như sự nghiệp lâu dài; việc rèn luyện đạo đức cách mạng, việc xây dựng một thế hệ cách mạng đòi hỏi phải có thời gian của sự thử thách².

Nhận thấy được vai trò và tầm quan trọng của lực lượng xung kích trong thời đại mới, Đảng luôn chú ý đào tạo và bồi dưỡng thế hệ trẻ làm nguồn kế tục sự nghiệp cách mạng, cũng từ đó, nhiều nghị quyết về giáo dục, đào tạo, về khoa học và công nghệ... đều đề cập nhiệm vụ giáo dục, chăm lo thế hệ trẻ, coi thanh niên là lực lượng xung kích trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phong trào Đoàn – Hội ngày càng được chú trọng; khuyến khích kịp thời những tấm gương, điển hình tiên tiến làm theo lời Bác, xung kích, đi đầu trong chiến đấu, lao động, học tập và công tác, nhất là trong sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế đã tiếp tục khẳng định vị thế và vai trò quan trọng của thế hệ trẻ. Trên tinh thần: Đoàn là cánh tay đắc lực của Đảng, “các tổ chức cơ sở Đoàn đã phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của đoàn viên, thanh niên, sinh viên trong thi đua thực hiện các nghị quyết của Đảng, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị. Thông qua đó, tạo môi trường thuận lợi để thế hệ trẻ trải nghiệm, tự rèn luyện mình, trưởng thành, phấn đấu, bổ sung lực lượng trẻ cho Đảng, kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn”³. Thanh niên được xác định là cánh tay đắc lực, đội hậu bị của Đảng nên Bác nhấn mạnh: Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng”, vừa “chuyên”... Tư tưởng ấy chính là tinh thần xuyên suốt trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí

1. Bài phát biểu của Hồ Chủ tịch tại Hội nghị cán bộ Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam toàn miền Bắc, ngày 22/9/1962.

2. <http://tuyengiao.vn/50-nam-thuc-hien-di-chuc-cua-chu-tich-ho-chi-minh/de-cuong-tuyen-truyen-50-nam-thuc-hien-di-chuc-cua-chu-tich-ho-chi-minh-120646/>

3. <http://tuyengiao.vn/50-nam-thuc-hien-di-chuc-cua-chu-tich-ho-chi-minh/de-cuong-tuyen-truyen-50-nam-thuc-hien-di-chuc-cua-chu-tich-ho-chi-minh-120646/>

Minh về thanh niên và công tác thanh niên của Đảng.

Vì vậy, Đảng có vai trò quan trọng trong việc “giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa, ý thức công dân để hình thành thế hệ thanh niên có phẩm chất tốt đẹp, có khí phách và quyết tâm hành động thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo cơ hội cho mọi thanh niên được học tập, không ngừng nâng cao trình độ, có tri thức và kỹ năng, vươn lên ngang tầm với thanh niên các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới”¹. Trên cơ sở đó, Đảng - Nhà nước “đã xây dựng tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, thực sự là đội dự bị tin cậy của Đảng, hạt nhân chính trị của phong trào và các tổ chức thanh niên Việt Nam. Bên cạnh đó không ngừng nâng cao chất lượng lao động trẻ, giải quyết việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho thanh niên đồng thời xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, tạo điều kiện cho thanh niên nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, phát triển toàn diện, tích cực đóng góp cho sự phát triển của đất nước”².

Thực hiện *Di chúc* của Người, Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư, Ban Chấp hành Trung ương khóa VII nêu rõ: Sự nghiệp đổi mới có thành công hay không, đất nước bước vào thế kỷ XXI có vị trí xứng đáng trong cộng đồng thế giới hay không, cách mạng Việt Nam có vững bước theo con đường xã hội chủ nghĩa hay không, phần lớn tùy thuộc vào lực lượng thanh niên.

Tiếp đó, Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác thanh niên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã khẳng định: Thanh niên là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tuy nhiên, để bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, đạo đức công dân thì mỗi công dân phải là một “Công dân học tập” (Phạm Tất Dong, nguyên Phó Trưởng ban Khoa giáo Trung ương). Đoàn TNCS Hồ Chí Minh có thể phát động một phong trào hoặc cuộc vận động “mỗi đoàn viên là một công dân học tập” để mỗi đoàn viên học tập theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, rèn luyện trưởng thành, xây dựng một xã hội học tập, vừa rèn đức, vừa nâng cao kỹ năng, trình độ chuyên môn. Mỗi đoàn viên – thanh niên phải tự ý thức được vai trò và trách nhiệm của mình đối với sứ mệnh của lịch sử nước nhà.

“Thế hệ đoàn viên, thanh niên ngày nay được sống, lao động, học tập trong môi trường hòa bình; được thừa hưởng những thành quả của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và công cuộc đổi mới đất nước; được cống hiến và trưởng thành trong sự ổn định về chính trị, sự phát triển vững chắc của kinh tế - xã hội và đời sống vật chất, tinh thần của người dân không ngừng được cải thiện; được gia đình và xã hội dành cho nhiều cơ hội học tập để có trình độ học vấn, chuyên môn cao hơn các lớp thanh niên đi trước. Những lợi thế đó là hành trang giúp thanh niên vững bước tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thanh niên đã và đang cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phấn đấu cho lý tưởng độc lập

1. <https://www.tienphong.vn/xa-hoi/loi-dan-do-trong-di-chuc-cua-bac-ho-doi-voi-thanh-nien-750320.tpo>

2. <https://www.tienphong.vn/xa-hoi/loi-dan-do-trong-di-chuc-cua-bac-ho-doi-voi-thanh-nien-750320.tpo>

dân tộc và chủ nghĩa xã hội; vì mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Kế tục truyền thống và sự nghiệp cha anh, thanh niên Việt Nam ngày nay mang trên vai trọng trách lịch sử phải trở thành lực lượng lao động có trí tuệ, có tay nghề cao, có đạo đức và lối sống trong sáng, có sức khỏe thể chất và sức khỏe tâm thần cường tráng”¹ để đưa Việt Nam sánh ngang với các cường quốc năm châu.

Bên cạnh những mặt đạt được, chúng ta cũng không khỏi trầm trở cho việc xuống cấp của một số giá trị đạo đức xã hội, theo Phùng Thị Diệu Hương “*Các giá trị đạo đức xã hội có biểu hiện xuống cấp, nền giáo dục còn nặng thi cử, bằng cấp mà đôi lúc bỏ quên giáo dục làm người. Có gia đình buông lỏng giáo dục đạo đức cho con cái, truyền thông đôi lúc thiếu định hướng nên xuất hiện những hình ảnh sai lệch các chuẩn mực xã hội, ảnh hưởng đến ứng xử của giới trẻ. Hãy đọc Di chúc, đọc mong muốn cuối cùng của Bác để mỗi người tự nhận thức, rèn các giá trị đạo đức cho mình và thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, đất nước*”². Những trầm trở của thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay cũng không nằm ngoài những phân tích và dự đoán của Alvin Toffler trong thời kỳ chuyển từ xã hội nông nghiệp - truyền thống (lần sóng thứ nhất, thứ 2) sang xã hội công nghiệp – hiện đại (lần sóng thứ 3) “*Những hành động kỳ lạ của thanh niên hiện nay phần lớn xuất phát từ việc áp đặt họ chấp nhận chi phí sản xuất trong xã hội với một khoảng thời gian dài. Ngôi nhà điện tử sẽ trung hòa tình hình này. Thực vậy, hợp nhất thanh niên vào việc làm trong ngôi nhà điện tử có thể có giải pháp thực tế cho vấn đề thất nghiệp, vấn đề phạm tội của thanh thiếu niên và tình trạng bạo động mà nền kinh tế ở làn sóng thứ hai không thể giải quyết được ngoài các biện pháp độc tài như gọi đi nghĩa vụ quân sự. Ngôi nhà điện tử mở ra một cách khác để đưa thanh niên trở lại với vai trò sản xuất kinh tế và xã hội*”³.

Di chúc là những suy nghĩ, trầm trở, tâm huyết, tình cảm, niềm tin, ý chí và trách nhiệm của Bác Hồ đối với Tổ quốc, là tâm nguyện của Bác đối với toàn Đảng, với thế hệ đoàn viên – thanh niên trong thời đại mới – thời kỳ ổn định, giữ vững hòa bình, hội nhập quốc tế. Để thế hệ trong tương lai vững chí, tâm sáng, lòng trong, phụng sự Tổ quốc, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa thì vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc bồi dưỡng đạo đức cách mạng, xây dựng con người vẹn cả tài và đức có ý nghĩa quyết định quan trọng. Và trên hết, những thành quả chúng ta đã đạt được trong 50 năm qua là một minh chứng cho quá trình phấn đấu, nỗ lực thực hiện theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh./.

1. <https://www.tienphong.vn/xa-hoi/loi-dan-do-trong-di-chuc-cua-bac-ho-doi-voi-thanh-nien-750320.tpo>

2. <https://tuoitre.vn/di-chuc-cua-chu-tich-ho-chi-minh-nhu-ngon-duoc-soi-duong-cho-dan-toc-20190514112848222.htm>

3. Alvin Toffler: *Làn sóng thứ ba*, NXB Thông tin Lý luận, Hà Nội, 1992, tr. 108-109.

DI CHỨC HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC GIÁO DỤC, BỒI DƯỠNG THẾ HỆ TRẺ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

*ThS. Trần Thị Thủy**

Trong suốt cuộc đời và sự nghiệp của mình, Hồ Chí Minh luôn chăm lo xây dựng lực lượng cách mạng. Người không chỉ chăm lo xây dựng lực lượng trực tiếp gánh vác và giải quyết những nhiệm vụ hiện tại, mà còn chăm lo xây dựng đội ngũ kế cận, có đủ năng lực và trí tuệ để tiếp tục phát triển sự nghiệp cách mạng của những thế hệ đi trước đã làm. Trước lúc đi xa, trong *Di chúc*, Người không quên dặn dò toàn Đảng, toàn dân rằng, “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc làm rất quan trọng và rất cần thiết”¹. Tuy chỉ là một lời dặn dò nhưng điều đó đã trở thành một luận điểm vô cùng quan trọng thể hiện tầm nhìn xa trong rộng của một nhà hiền triết, một nhà văn hóa lớn; nó đã trở thành một chân lý cách mạng.

1. Hồ Chí Minh đánh giá cao vị trí, vai trò của thế hệ trẻ

Trong tác phẩm *Nhà nước và cách mạng*, khi đề cập đến tính phức tạp của nhiệm vụ cách mạng trong giành và giữ chính quyền, V.I. Lênin đã từng cho rằng: đấu tranh giành chính quyền đã khó nhưng giữ chính quyền lại càng khó hơn. Trong công cuộc xây dựng đất nước, Hồ Chí Minh cho rằng: “Ngày nay, chúng ta đã xây dựng nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”². “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”³. Người cũng khẳng định rằng: Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới đem lại cho nhân dân tất cả những quyền con người hết sức tự nhiên và chân chính ấy. Nhưng, chủ nghĩa xã hội không phải muốn tức khắc là có ngay, mà chỉ có thể là kết quả của cuộc đấu tranh rất bền bỉ của con người.

Như vậy, sự nghiệp cách mạng là một quá trình lâu dài, bao gồm nhiều nhiệm vụ, nhiều giai đoạn khác nhau, do vậy, đòi hỏi sự hy sinh, sự cống hiến của nhiều thế hệ cách mạng. Trong thực tiễn cách mạng của nước ta những lớp người đi trước, những lớp người hiện tại đã trực tiếp giải quyết thành công nhiều nhiệm vụ, nhưng cũng không ít công việc còn dang dở; hơn nữa cuộc sống luôn vận động và đặt ra nhiều vấn đề mới của thời đại đòi hỏi cần phải được giải quyết. Theo đó, nếu thiếu lực lượng kế cận xứng đáng thì chẳng những sự nghiệp cách mạng gặp nhiều khó khăn, mà ngay những gì đã có cũng khó giữ gìn và bảo tồn được.

Do vậy, theo Hồ Chí Minh, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là đòi hỏi khách quan của sự nghiệp cách mạng. Theo Hồ Chí Minh, thế hệ trẻ có một vị trí và vai trò vô

* *Trường Đại học Thủ Dầu Một.*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 622.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr. 64.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr. 175.

cùng quan trọng đối với sự phát triển tương lai của đất nước. Người đã từng nói rằng: “Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội”¹. Thế hệ trẻ là những cá nhân đầy nhiệt huyết, có sức sống tràn trề và năng lực sáng tạo..., đó là thế mạnh, là vốn quý của tuổi trẻ. Với tư cách là đội ngũ dự bị, lực lượng kế cận hùng hậu của cách mạng và là người chủ tương lai của nước nhà, các thế hệ - trước hết là thanh niên, có trách nhiệm kế tục sự nghiệp cách mạng, thực hiện sứ mệnh lịch sử vẻ vang mà lớp người đi trước đã chuyển giao vào tay mình. Coi vận mệnh của nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh đều tùy thuộc rất lớn vào thế hệ trẻ. Hồ Chí Minh khẳng định, thanh niên phải trở thành một lực lượng to lớn, vững chắc trong công cuộc kháng chiến kiến quốc, phải là người xung phong trong công cuộc phát triển kinh tế văn hóa, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thế hệ trẻ, đặc biệt là lớp thanh niên, ở mỗi thời kỳ lịch sử luôn là một bộ phận quan trọng của xã hội, của một quốc gia - dân tộc; hơn thế nữa họ còn là người chủ tương lai của đất nước. Nhưng tương lai của dân tộc, tiền đồ của đất nước, sự phát triển của cách mạng đều phụ thuộc vào lớp thanh niên. Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, nếu thanh niên không có nhận thức rõ về vai trò của mình thì sự nghiệp cách mạng không thể đi đến thành công.

Theo Hồ Chí Minh, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thanh niên là lực lượng to lớn, là đội quân xung kích, là cánh tay đắc lực và đội hậu bị của Đảng. Lời dạy: “Việc gì khó có thanh niên, Ở đâu khó có thanh niên”² đã khẳng định rõ quan điểm của Người. Hồ Chí Minh nói: “Tôi luôn nói đến thanh niên, vì trong mọi công việc, thanh niên ta luôn hăng hái xung phong và họ xứng đáng là cánh tay đắc lực của Đảng”³.

Để thế hệ trẻ trở thành người chủ tương lai của nước nhà, theo Hồ Chí Minh cần phải đặt niềm tin, phải tin tưởng ở họ. Trong thư gửi thanh niên, học sinh nhân ngày khai trường năm đầu tiên của nước Việt Nam độc lập (tháng 9 năm 1945) Người đã từng khẳng định rằng, “Ngày nay chúng ta phải xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên đã để lại cho chúng ta, làm sao chúng ta theo kịp với các nước khác trên toàn cầu. Trong cuộc kiến thiết đó, nước nhà mong chờ các em rất nhiều. Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”⁴. Từ vị trí, vai trò và tầm quan trọng của thế hệ trẻ như vậy, ta có thể khẳng định như một lôgic tất yếu, việc “Việc bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và cần thiết”⁵. Theo Hồ Chí Minh, để đào tạo thế hệ cách mạng cho đời sau thì sự nghiệp giáo dục, đào tạo có vai trò hết sức quan trọng. Người đã khẳng định rằng, “Vi lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”⁶ đây là một quan điểm vừa mang tính chiến lược, vừa mang tính nhân văn sâu sắc, mà đến nay đã trở thành phương châm hành động của toàn xã hội nói chung và của ngành giáo dục nói riêng. Chính vì vậy, dù bận trăm công nghìn việc, nhưng Hồ Chí Minh vẫn quan tâm chăm

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr. 194.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 18.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr. 30.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr. 35.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr. 612.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr. 528.

lo đến sự nghiệp giáo dục của nước nhà, coi giáo dục xã hội chủ nghĩa là phương thức quan trọng nhất của sự nghiệp “trồng người”, là một mắt xích không thể thiếu trong chiến lược bồi dưỡng thế hệ trẻ. Bởi vậy, theo Hồ Chí Minh, dù khó khăn đến đâu cũng phải dạy tốt, học tốt, toàn Đảng, toàn dân, các cấp, các ngành phải chăm sóc nhà trường về mọi mặt để không ngừng đưa sự nghiệp giáo dục phát triển tiến bộ. Có thể nói, “trồng người” là một tư tưởng có ý nghĩa to lớn, bởi đó là kế lâu bền để phát triển đất nước. Ngày nay, khi con người được coi là nguồn lực nội sinh quan trọng nhất đối với sự phát triển đất kinh tế - xã hội, chúng ta càng thấy được chiều sâu trong tư tưởng của Hồ Chí Minh.

2. Nội dung cần giáo dục, bồi dưỡng cho thế hệ trẻ

Hồ Chí Minh đã nhiều lần quán triệt cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ, nhiều thử thách và là công cuộc của nhiều thế hệ kế tiếp nhau; mỗi thế hệ chỉ có thể phấn đấu đạt được một số mục tiêu, đi được một hoặc vài bước trên cả lộ trình cách mạng. Thực tế ấy đặt ra vấn đề: các thế hệ đi trước không chỉ đơn thuần trao lại những thành quả cách mạng đã đạt được mà điều quan trọng là, các thế hệ đi trước phải chuẩn bị những điều kiện cần thiết để thế hệ sau kế thừa, phát triển và bảo vệ thành quả của các thế hệ cha anh đi trước gây dựng nên.

Việc giáo dục, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là nhằm chuẩn bị những lớp người kế tục sự nghiệp của Đảng của dân tộc, giữ vững và phát huy thành quả cách mạng của lớp người đi trước - đó là một việc làm cần thiết và có ý nghĩa vô cùng qua trọng đối với một đảng cầm quyền.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định, “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần phải có những con người xã hội chủ nghĩa”¹. Muốn làm tròn trọng trách của người chủ tương lai của đất nước, thế hệ trẻ phải được giáo dục, bồi dưỡng thường xuyên và toàn diện. Có như vậy họ mới đủ năng lực, phẩm chất, trí tuệ, bản lĩnh chính trị, sức khỏe,... để đáp ứng yêu cầu sự nghiệp phát triển của cách mạng. Do vậy, theo Hồ Chí Minh, bồi dưỡng thế hệ trẻ cần tập trung vào một số nội dung sau đây:

Thứ nhất, giáo dục, bồi dưỡng cho thế hệ trẻ về lý tưởng cách mạng.

Lý tưởng cách mạng là những mục tiêu cao cả mà con người hướng tới và phấn đấu thực hiện vì một xã hội tốt đẹp. Lý tưởng cách mạng không phải là một cái gì chung chung, bất biến mà nó luôn là một chân lý cụ thể.

Trong bài nói chuyện của Hồ Chí Minh ở Hội nghị Bồi dưỡng chính huấn do Trung ương triệu tập từ ngày 22 đến ngày 26 tháng 11 năm 1965, Hồ Chí Minh nói: “Những người cộng sản chúng ta không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và trên toàn thế giới”². Thế hệ trẻ Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử cách mạng của mình luôn thấm nhuần tư tưởng của Hồ Chí Minh “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”³, tất cả vì độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, hướng đến một xã hội ấm no, hạnh phúc. Ngày nay, nói

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr. 542.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr. 467.

3. Đây là Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước đánh thắng Mỹ cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh được Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam truyền đi sáng ngày 17-7-1966.

một cách tổng quát: Lý tưởng cách mạng của thế hệ trẻ là luôn giữ vững độc lập dân tộc, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; cùng với toàn Đảng, toàn dân thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh.

Trong suốt chiều dài lịch sử của cách mạng Việt Nam, thế hệ trẻ luôn là lực lượng xung kích của đất nước, là đội hậu bị tin cậy của Đảng.

Để thế hệ trẻ hoàn thành sứ mệnh lịch sử to lớn của mình trước thế hệ cha anh, Đảng cần phải tiếp tục giáo dục lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ.

Giáo dục, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ nghĩa là bồi dưỡng để họ có nhận thức đúng về chủ nghĩa xã hội, mà trước hết phải được biểu hiện ở tinh thần yêu Tổ quốc, tự hào với truyền thống dân tộc, truyền thống của các thế hệ cha anh trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc tiến đến xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta. Đó cũng chính là lý tưởng cách mạng của Đảng ta, của nhân dân ta.

Thứ hai, bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ

Theo Hồ Chí Minh, trong việc bồi dưỡng thế hệ trẻ thì một trong những nội dung quan trọng hàng đầu là xây dựng đạo đức cách mạng, giáo dục tư tưởng Xã hội chủ nghĩa và gột sạch chủ nghĩa cá nhân. Người cho rằng đạo đức cách mạng là cái gốc của con người Xã hội chủ nghĩa. Bởi rằng: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi đến mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”¹. Theo Hồ Chí Minh nội dung cốt lõi của đạo đức cách mạng là cần, kiệm, liêm, chính. Do vậy, thế hệ trẻ phải luôn nỗ lực rèn luyện đạo đức cách mạng, thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; sống trong sạch, có chí tiến thủ, đoàn kết, không kiêu ngạo; tích cực đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân tự phê bình và phê bình... để cùng nhau tiến bộ.

Một thực tế cho thấy, trong công tác giáo dục thanh niên chúng ta đã có lúc chưa chú trọng đúng mức tới “đức dục” bên cạnh việc chăm lo công tác “trí dục”. Điều này Hồ Chí Minh đã nhìn nhận uốn nắn ngay từ những ngày đầu bắt tay vào việc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta. Người nói trong Hội nghị Trung ương 4: “Tôi xem chương trình giáo dục cho đến hết lớp 10, phần đức dục rất thiếu sót, chỉ có 10 dòng”². Tại Hội nghị Tổng kết Phong trào Thi đua dạy tốt của ngành Giáo dục (tháng 8/1963), Người nhắc nhở: “Nội dung giáo dục cần chú trọng hơn nữa về đức dục”³. Điều đó càng thấy rõ, Hồ Chí Minh rất quan tâm đến việc giáo dục đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ ngay từ khi bắt đầu ngồi trên ghế nhà trường.

Thứ ba, bồi dưỡng tri thức lý luận và văn hóa, khoa học - kỹ thuật.

Theo Hồ Chí Minh, thanh niên phải vừa có đức, vừa có tài. Nếu chỉ có đức không thôi thì cũng vô dụng, hơn nữa chính sự dốt nát là một trong những nguyên nhân cơ bản kìm hãm sự phát triển: “Dốt thì đại, đại thì hèn”⁴. Vì vậy, để trở thành người có trí tuệ, có tri thức, tức là có tài, bên cạnh trau dồi đạo đức cách mạng, thanh niên còn phải hăng hái học tập, trong

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr. 528.

2. Hồ Chí Minh *Biên niên tiểu sử*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t.8, tr. 105, 444.

3. Hồ Chí Minh *Biên niên tiểu sử*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t.8, tr. 105, 444.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr. 125.

đó đặc biệt chú ý học tập trau dồi lý luận Mác - Lênin. Nghiên cứu, học tập lý luận Mác - Lênin là nhằm trang bị và nâng cao trình độ lý luận cách mạng, để từ đó chỉ đạo hoạt động thực tiễn một cách đúng đắn.

Cùng với việc học tập lý luận Mác - Lênin, theo Hồ Chí Minh thế hệ trẻ cần phải tích cực học tập văn hóa, khoa học - kỹ thuật, chuyên môn, sử dụng những tri thức mới của thời đại để xây dựng đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, nhiệm vụ này quan trọng hơn bao giờ hết, bởi chúng ta đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu. Theo Hồ Chí Minh mỗi cấp học cần phải đặt ra nội dung giáo dục phù hợp theo từng giai đoạn cụ thể. Người cho rằng: “Đại học thì cần kết hợp lý luận khoa học với thực hành, ra sức học tập lý luận và khoa học tiên tiến của các nước bạn, kết hợp với thực tiễn nước ta, để thiết thực giúp ích cho công cuộc xây dựng nước nhà. Tiểu học, thì cần giáo dục cho các cháu thiếu nhi yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, trọng của công”¹. Giáo dục như vậy, thế hệ trẻ mới tích lũy được trí thức, mới phát huy được năng lực sáng tạo, lúc đó mới đem được sức lực của mình phục vụ đất nước, phục vụ Tổ quốc.

Từ sự phân tích ở nội dung thứ hai và thứ ba cho chúng ta thấy rằng, Hồ Chí Minh nhìn nhận đức và tài trong mối quan hệ biện chứng với nhau, đó là hai mặt không thể tách rời trong việc xây dựng con người mới – con người xã hội chủ nghĩa. Cả hai mặt đức và tài - hồng và chuyên, phẩm chất và năng lực luôn đi đôi với nhau không thể có mặt này lại thiếu mặt kia. Theo Người, người cán bộ cách mạng cần phải có cả đức lẫn tài: có tài mà không có đức là người vô dụng, ngược lại có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó.

Như vậy, với Hồ Chí Minh việc đặt vấn đề rèn luyện đầy đủ cả đức lẫn tài cho cán bộ nói chung cũng như trong sự nghiệp giáo dục, rèn luyện thế hệ trẻ Việt Nam một cách toàn diện nói riêng để mỗi thanh niên Việt Nam có đủ phẩm chất và năng lực vừa “hồng” vừa “chuyên”, tạo điều kiện cho thế hệ trẻ cống hiến sức mình cho tương lai, vận mệnh của đất nước.

Thứ tư, cần rèn luyện, bồi dưỡng về thể chất.

Theo Hồ Chí Minh, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, năng lực phải đi đôi với bồi dưỡng thể chất. Thế hệ trẻ có đức, tài nhưng cần phải có sức khỏe tốt mới hoàn thành nhiệm vụ của mình. Bởi vì, “Một người dân yếu ớt, tức là cả nước yếu ớt, mỗi người dân mạnh khỏe, tức là cả nước mạnh khỏe”². Người cho rằng, việc giáo dục cho thế hệ trẻ cần phải giáo dục một cách toàn diện, phải có đủ mặt đức, trí, thể, mỹ; trong đó sức khỏe là yếu tố không thể thiếu được đối với việc giáo dục cho thế hệ trẻ. Và chính Hồ Chí Minh là tấm gương sáng cho việc rèn luyện thể dục, thể thao, đảm bảo sức khỏe, thể lực. Người kêu gọi tất cả mọi người, dù trai gái, già trẻ, đều phải thường xuyên rèn luyện thân thể, coi “*luyện tập thể dục, bồi dưỡng sức khỏe*” vừa là trách nhiệm, vừa là bổn phận của mỗi người dân yêu nước. Đặc biệt, đối với thanh niên, người mong muốn họ phải sống dẻo dai, thể chất cường tráng, tinh thần mạnh mẽ và nghị lực lớn. Để có được như vậy, không có cách nào khác ngoài việc hăng hái, tích cực rèn luyện thể dục, thể thao.

3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc bồi dưỡng, giáo dục thanh niên trong giai đoạn hiện nay

Thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr. 186.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr. 241.

coi trọng công tác thanh niên, xác định thanh niên là một bộ phận hữu cơ trong hoạt động của Đảng, coi tương lai của thanh niên gắn liền với vận mệnh của dân tộc do Đảng lãnh đạo; thường xuyên coi trọng việc phát huy vai trò to lớn của thanh niên, quan tâm giáo dục, bồi dưỡng, tổ chức thanh niên thành lực lượng hùng hậu, trung thành kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Đảng xác định việc chăm lo và phát triển thanh niên vừa là mục tiêu, vừa là động lực cho sự ổn định và phát triển thịnh vượng của đất nước. Vì vậy, trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, thanh niên Việt Nam luôn là lực lượng nòng cốt, đi đầu trong đấu tranh giành và bảo vệ độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, vì tiền đề đi lên chủ nghĩa xã hội.

Hiện nay, trong sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, trước xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, thanh niên Việt Nam luôn kiên định lý tưởng xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Bác Hồ đã dày công vun trồng, xây dựng. Thế hệ trẻ, đang chứng tỏ bản lĩnh, sức sáng tạo, sức trẻ, dám nghĩ dám làm; tích cực say mê học tập, nghiên cứu lý luận, khoa học công nghệ để áp dụng vào lao động sản xuất cùng với toàn Đảng, toàn dân thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh. Rất nhiều phong trào thi đua, như Thanh niên tình nguyện, Thanh niên lập nghiệp, Tuổi trẻ học đường, phong trào tình nguyện bảo vệ Tổ quốc, phong trào thi đua học tập và rèn luyện tốt, phong trào năm xung kích phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc, phong trào bốn đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp, phong trào sáng tạo trẻ,... đã được đông đảo đoàn viên, thanh niên, sinh viên, học sinh hưởng ứng và thực hiện có hiệu quả. Đảng, Nhà nước và xã hội đã có nhiều hình thức ghi nhận và tôn vinh những thanh niên, sinh viên, học sinh tiêu biểu, xuất sắc trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Có thể nói rằng thanh niên Việt Nam ngày nay hoàn toàn xứng đáng với niềm tin yêu, sự khen ngợi và sự kỳ vọng của Hồ Chí Minh: “Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái, xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa”¹. Tuy nhiên, do tác động nhiều yếu tố khách quan cũng như chủ quan của mặt trái nền kinh tế thị trường, cũng như xu thế toàn cầu hóa, sự chống phá của các thế lực thù địch; một số cấp ủy đảng coi nhẹ, thậm chí buông lỏng công tác giáo dục và bồi dưỡng thanh niên; các hoạt động còn mang tính hình thức, chủ quan và đặc biệt sự không nghiêm túc trong rèn luyện, phấn đấu đã làm cho một bộ phận thanh, thiếu niên phai nhạt lý tưởng, chạy theo lối sống thực dụng hưởng thụ, lười học tập, trong việc tu dưỡng đạo đức, xa rời truyền thống dân tộc,... Những hiện tượng đó sẽ là nguy cơ đe dọa tương lai của chính bản thân họ, đồng thời cản trở sự phát triển lành mạnh, tiến bộ của xã hội ta hiện nay.

Để thanh niên Việt Nam đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới hiện nay, Hội nghị Trung ương 7 khoá X của Đảng đã có Nghị quyết về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Để thực hiện có hiệu quả và phát huy được sức mạnh của thanh niên thì trong thời gian tới, chúng ta cần tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, bồi dưỡng thanh niên vào trong những công việc cụ thể sau đây:

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr. 612.

Thứ nhất, các cấp uỷ đảng cần quán triệt, chú trọng nâng cao nhận thức về công tác thanh niên, coi công tác thanh niên là công tác của Đảng; trong quá trình thực hiện cần có sự phân công cụ thể, có sự giám sát, kiểm tra và tổng kết.

Thứ hai, các tổ chức đảng phải chăm lo xây dựng tổ chức Đoàn vững mạnh, thực sự là nơi quy tụ, tập hợp đoàn viên, thanh niên; tin tưởng và mạnh dạn giao nhiệm vụ cho thanh niên, theo dõi giúp thanh niên rèn luyện, phấn đấu và trưởng thành; cổ vũ, khích lệ thanh niên hăng hái tham gia thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao. Mỗi đảng viên cần nêu cao tinh thần trách nhiệm, thường xuyên quan tâm, chăm lo đến công tác đoàn, công tác thanh niên, tích cực bồi dưỡng tạo nguồn phát triển đảng viên từ thanh niên để bổ sung cho lực lượng của Đảng.

Thứ ba, các tổ chức Đảng cần coi trọng nâng cao toàn diện chất lượng, nội dung và hình thức giáo dục, đào tạo thanh niên, giúp hình thành nên các phẩm chất tốt đẹp của thanh niên trong thời đại mới, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có lý tưởng cao đẹp, có tri thức để tham gia hội nhập quốc tế, chiếm lĩnh trận địa cách mạng khoa học công nghệ, thực hiện thắng lợi mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thứ tư, các tổ chức Đảng nên tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho thanh niên được tiếp cận, hưởng thụ các chính sách giáo dục, không ngừng học tập vươn lên ngang tầm với thanh niên các nước tiên tiến trên thế giới; tạo dựng cho thanh niên ý chí tự lực, tự cường, không cam chịu đói nghèo, lạc hậu, sống có trách nhiệm với gia đình với cộng đồng và với xã hội; có ý chí vươn lên trong mọi hoàn cảnh khó khăn, khắc nghiệt.

Thứ năm, các tổ chức đảng cần đổi mới mạnh mẽ phương thức giáo dục thanh niên trên cơ sở nguyên lý giáo dục mà Hồ Chí Minh đã chỉ ra. Hình thức giáo dục đối với thanh niên cần đa dạng, phong phú phù hợp với tâm lý ưa thích cái mới của thế hệ trẻ. Các cấp uỷ mạnh dạn giao nhiệm vụ, đưa thanh niên tham gia vào các hoạt động thực tiễn, các phong trào cách mạng để họ được thử thách rèn luyện và tự khẳng định mình.

Thứ sáu, bên cạnh sự quan tâm, bồi dưỡng của các tổ chức Đảng thì trong mỗi thanh niên phải tự ý thức về trách nhiệm to lớn của mình đối với sự phát triển của đất nước. Mỗi thanh niên phải thấm nhuần những kỳ vọng của Hồ Chí Minh dành cho thế hệ trẻ để cố gắng, phấn đấu rèn luyện để trưởng thành. Mỗi thanh niên cần phải có quyết tâm lớn và phải biết hành động. Thanh niên phải biết cách học để trở thành công nhân, chuyên viên giỏi, những kỹ sư, bác sĩ, cán bộ giảng dạy xuất sắc, cung cấp cho Nhà nước những cán bộ lãnh đạo, quản lý liêm khiết có phẩm chất đạo đức, có trình độ cao, có tầm nhìn xa. Bản thân mỗi thanh niên phải tự khắc phục những suy nghĩ lệch lạc, những tiêu cực của mình cũng như những tệ nạn xã hội đang diễn ra trong xã hội đang cản trở đến sự phát triển và tiến bộ của xã hội. Mỗi thanh niên phải có thái độ đúng đắn, biết đấu tranh vượt qua những yếu kém, tiêu cực bằng những hành động tích cực và bản lĩnh của người chủ đất nước. Đó là trách nhiệm và sứ mạng của thanh niên.

Có thể thấy rằng, thế hệ trẻ ngày nay được sinh ra và lớn lên trong hòa bình. Họ đã và đang thừa hưởng những thành quả đấu tranh do cha ông để lại. Họ đang đi theo con đường mà dân tộc, Đảng, Bác Hồ đã lựa chọn. Thế hệ trẻ cũng đang thực hiện những tư tưởng, quan điểm định hướng cho việc giáo dục, đào tạo thanh niên của Đảng của Bác Hồ để xứng

đáng trở thành những chủ nhân tốt của đất nước trong giai đoạn cách mạng mới.

Trong xu thế mở cửa và hội nhập, thế hệ trẻ luôn khắc sâu lời dạy cũng là lời mong ước của Hồ Chí Minh và đó cũng là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân đối với thế hệ trẻ rằng: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”¹. Để rồi, “Sự nghiệp đổi mới thành công hay không, đất nước bước vào thế kỷ XXI có vị trí xứng đáng trong cộng đồng thế giới hay không, cách mạng Việt Nam có vững bước theo con đường xã hội chủ nghĩa hay không phần lớn phụ thuộc vào lực lượng thanh niên”. Điều đó, đã được Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tư (khóa VII) của Đảng khẳng định. Để thực hiện sứ mệnh mà Đảng và nhân dân giao phó, thế hệ trẻ Việt Nam phải luôn có ý thức và tự hỏi mình đã làm gì cho Tổ quốc chứ không phải Tổ quốc đã làm gì cho mình - đó cũng là một chân lý không bao giờ được đánh mất đối với thế hệ trẻ Việt Nam trong sự hội nhập và phát triển của đất nước./.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr. 35.

TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CHO ĐOÀN VIÊN THANH NIÊN THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

*ThS. Nguyễn Văn Toán**

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh tuy ngắn gọn, nhưng toàn vẹn, không thiếu việc gì, không sót một ai; trong đó, Người đặc biệt quan tâm đến việc giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên, bởi theo Người: “Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên”¹. Do vậy, Người đặc biệt quan tâm đến việc tổ chức, bồi dưỡng đoàn viên, thanh niên thành đội xung kích cách mạng, lực lượng hậu bị của Đảng nhằm kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng của giai cấp và dân tộc.

1. Tinh thần cơ bản trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho đoàn viên, thanh niên

Trong quá trình lãnh đạo đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng việc giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho đoàn viên, thanh niên. Người thường xuyên động viên tuổi trẻ tu dưỡng đạo đức, không ngừng học tập vươn lên để xứng đáng là người chủ tương lai của nước nhà. Ngay cả khi sắp phải từ biệt thế giới này, trong Di chúc, Người còn căn dặn: “Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”².

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhìn nhận đoàn viên, thanh niên một cách toàn diện, thấy rõ vị trí, vai trò “là người tiếp sức cách mạng cho thế hệ thanh niên già, đồng thời là người phụ trách dìu dắt thế hệ thanh niên tương lai”³. Vì vậy, các tổ chức Đảng, Đoàn cần phải tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng cho đoàn viên, thanh niên để giúp họ trở thành người công dân tốt, người lao động tốt, người chiến sĩ tốt, người chủ tương lai của đất nước. Qua nhiều bài nói, bài viết rất sinh động, Người đã nêu những yêu cầu cơ bản về phẩm chất đạo đức cách mạng của đoàn viên, thanh niên, đó là:

Thứ nhất, phải yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, có tinh thần dân tộc vững chắc và tinh thần quốc tế đúng đắn, biết cống hiến trước, hưởng thụ sau, biết yêu lao động, giữ nghiêm kỷ luật, bảo vệ của công... Bác còn chỉ rõ: “Nhiệm vụ của thanh niên không phải là hỏi nước

* *Trường Đại học Nguyễn Huệ*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011, t.5, tr. 216.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.15, tr. 612.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.13, tr. 298.

nhà đã cho mình những gì. Mà phải tự hỏi mình đã làm gì cho nước nhà?”¹.

Thứ hai, phải thấm nhuần đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính; biết đem lòng chí công vô tư mà đối với người, với việc; khiêm tốn, thật thà, dũng cảm, đoàn kết, thực hành dân chủ tập thể, thương yêu, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

Thứ ba, phải cố gắng học tập, không ngừng nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, khoa học kỹ thuật để phục vụ thật nhiều cho Tổ quốc, cho nhân dân; chớ kiêu ngạo, tự cao, tự đại, tự mãn mà phải làm gương về mọi mặt; siêng năng, tiết kiệm và thực sự trong sạch...

Trong bài nói chuyện tại buổi lễ khai mạc Trường Đại học Nhân dân Việt Nam, ngày 19/01/1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra sáu điều mà thanh niên cần phải chống là: “Chống tâm lý tự tư tự lợi, chỉ lo lợi ích riêng và sinh hoạt riêng của mình. Chống tâm lý ham sung sướng và tránh khó nhọc. Chống thói xem khinh lao động, nhất là lao động chân tay. Chống lười biếng, xa xỉ. Chống cách sinh hoạt ủy mị. Chống kiêu ngạo, giả dối, khoe khoang”². Nói chung là chống chủ nghĩa cá nhân.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng cho đoàn viên, thanh niên phải luôn gắn bó chặt chẽ với bồi dưỡng năng lực, để: “thanh niên phải có đức, có tài”³. Đức và tài, “hồng” và “chuyên”, phẩm chất và năng lực phải kết hợp chặt chẽ với nhau mới làm cho đoàn viên, thanh niên trở thành con người phát triển toàn diện. Trong đó, Người đã chỉ rõ: “Trong việc giáo dục và học tập, phải chú trọng đủ các mặt: đạo đức cách mạng, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, văn hoá, kỹ thuật, lao động và sản xuất”⁴.

Như vậy, nội dung quan trọng hàng đầu trong giáo dục, rèn luyện đoàn viên, thanh niên mà Bác đã chỉ ra, đó là giáo dục đạo đức cách mạng, giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa và gạt bỏ chủ nghĩa cá nhân. Nhưng đạo đức cách mạng không phải là cái có sẵn, không phải từ trên trời rơi xuống, mà là kết quả của sự đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày của mỗi người. Do vậy, Bác cho rằng đối với thế hệ trẻ, trước hết là đoàn viên, thanh niên phải luôn nỗ lực, rèn luyện đạo đức cách mạng: thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; sống trong sạch, có chí tiến thủ và đoàn kết, không kiêu ngạo; tích cực đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân; phê phán những thói hư, tật xấu; thường xuyên tiến hành phê bình và tự phê bình... để giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

2. Thực trạng và giải pháp tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng cho đoàn viên, thanh niên theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Đoàn viên và thanh niên là lực lượng đông đảo, chiếm trên 1/3 dân số và trên 1/2 lực lượng lao động xã hội, có vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trải qua hơn 30 năm đổi mới, những thành tựu đạt được trong mọi lĩnh vực đã tác động tích cực đến đoàn viên, thanh niên, tạo điều kiện cho họ tiến bộ về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, trình độ học vấn, khoa học công nghệ. Đoàn viên, thanh niên đã kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng của Đảng. Trên các lĩnh vực của đời

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr. 265.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr. 265.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr. 399.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 647.

sống xã hội đã và đang xuất hiện những nhà quản lý, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà hoạt động nghệ thuật có đức, có tài trong độ tuổi thanh niên. Nét nổi bật của đoàn viên, thanh niên nước ta là ý chí vươn lên, tinh thần cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, ham mê nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ để thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, làm giàu cho bản thân, gia đình và xã hội. Tuyệt đại bộ phận thanh niên cơ bản giữ vững đạo đức cách mạng, sống trong sạch, giản dị, lành mạnh, biết vươn tới các giá trị chân, thiện, mỹ. Thanh niên sống có hoài bão, có lý tưởng, có niềm tin ở tương lai tươi sáng của dân tộc. Họ dám đấu tranh để bảo vệ cái đúng, bảo vệ lẽ phải, bảo vệ sự công bằng, lên án cái xấu, cái ác như tham nhũng, lãng phí... Nhiều phong trào cách mạng của tuổi trẻ, tiêu biểu như phong trào “Thanh niên lập nghiệp”, “Tuổi trẻ giữ nước”, “Thanh niên tình nguyện”, “Thi đua, tình nguyện xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”,... đã diễn ra hết sức sôi nổi.

Những tấm gương cao đẹp hy sinh thân mình vì hạnh phúc của nhân dân luôn được tuổi trẻ ngưỡng mộ, học tập và làm theo. Điều đó cho thấy, thanh niên nước ta ngày nay vẫn ý thức rõ trách nhiệm trước Tổ quốc và nhân dân, mong muốn được đóng góp vào công việc xây dựng đất nước ta ngày càng giàu đẹp hơn, to đẹp hơn như Bác Hồ kính yêu hằng mong ước. Tuy nhiên, mặt trái của kinh tế thị trường, những thách thức của quá trình hội nhập kinh tế thế giới, đặc biệt những âm mưu thủ đoạn nham hiểm của các thế lực thù địch đang tác động mạnh mẽ đến thanh niên, khiến cho không ít người chạy theo lối sống thực dụng, sa ngã, hư hỏng, xa rời các giá trị đạo đức tốt đẹp. Một số thanh niên mơ hồ về bản chất, âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù. Điều nguy hiểm hiện nay là đã xuất hiện một bộ phận thanh niên tôn thờ chủ nghĩa cá nhân, sống ích kỷ, chạy theo lợi ích vật chất, coi đồng tiền là trên hết. Cá biệt có một số đoàn viên, thanh niên phạm vào các tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật. Nhiều vụ án được khám phá trong thời gian gần đây cho thấy tỷ lệ phạm tội trong đoàn viên, thanh niên có chiều hướng gia tăng...

Một trong các nguyên nhân của những biểu hiện yếu kém nêu trên là do chúng ta chưa thật sự quan tâm giáo dục đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ trước những biến đổi to lớn của đất nước. Nội dung giáo dục đạo đức, lối sống còn thiếu chiều sâu, chưa thiết thực. Hình thức giáo dục đạo đức, lối sống còn sơ sài, chưa có sức hấp dẫn, lôi cuốn đoàn viên, thanh niên. Sự phối kết hợp giữa các cơ quan chức năng, giữa nhà trường, gia đình, xã hội còn nhiều hạn chế...

Từ thực trạng nêu trên, đặt ra yêu cầu đòi hỏi phải tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng cho đoàn viên, thanh niên nhằm hình thành một lớp thanh niên nam, nữ ưu tú, vững vàng về chính trị, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, có lý tưởng cao đẹp, “sống có văn hóa và tình nghĩa, giàu lòng yêu nước và tinh thần quốc tế chân chính”, biết “nuôi dưỡng hoài bão lớn”, “tự cường dân tộc”, theo tư tưởng chỉ đạo của Đảng và Bác Hồ. Đây là việc làm rất quan trọng và mang tính cấp thiết hiện nay. Trước hết, cần tập trung thực hiện có hiệu quả các giải pháp chủ yếu sau đây:

Một là, phát huy vai trò các tổ chức Đảng, đoàn thanh niên và đội ngũ cán bộ, đảng viên trong giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng, lối sống trong sạch, lành mạnh cho đoàn viên, thanh niên.

Đây là giải pháp cơ bản nhằm xây dựng, hình thành nhân cách con người mới xã hội

chủ nghĩa cho đoàn viên, thanh niên, vì đạo đức là “gốc của người cách mạng”. Trước hết cần quan tâm giáo dục những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhất là việc học tập Chỉ thị 05- CT/TW ngày 15/5/2016 về “đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và Chỉ thị 42-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ, giai đoạn 2015 - 2030”; đường lối đổi mới của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm xây dựng cho đoàn viên, thanh niên thế giới quan, phương pháp luận đúng đắn để giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

Nhà trường, gia đình, các tổ chức, đoàn thể, đặc biệt Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phải thường xuyên quan tâm bồi dưỡng cho đoàn viên, thanh niên những tình cảm cao đẹp về tình yêu quê hương, đất nước: “mình vì mọi người, mọi người vì mình”, “thương người như thể thương thân”, quên mình vì nghĩa lớn,... Từ đó hình thành cho họ lối sống trong sạch, lành mạnh, những hành vi đạo đức trong sáng phù hợp với các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và thời đại.

Để việc giáo dục bồi dưỡng có hiệu quả, cần đẩy mạnh công tác giáo dục đạo đức cho đoàn viên, thanh niên thông qua những bài học từ thực tiễn cuộc sống, từ sự gương mẫu của thầy cô giáo, của cán bộ đảng viên, của các nhà lãnh đạo các cấp và của chính những tấm gương đoàn viên, thanh niên tiêu biểu trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Qua các hoạt động văn hóa, giáo dục truyền thống, phải chú trọng mục tiêu nâng cao đạo đức, ý thức gìn giữ thuần phong mỹ tục cho đoàn viên, thanh niên trong thời kỳ hội nhập, cùng những đức tính khác như hiếu thảo với cha mẹ, kính trọng người già, yêu thương trẻ nhỏ, sống có nghĩa có tình..., đồng thời phải đấu tranh chống lối sống thực dụng, ích kỷ, hẹp hòi chạy theo đồng tiền. Tăng cường thực hiện “lấy cái đẹp dẹp cái xấu” thông qua các hoạt động nêu gương, biểu dương các điển hình tiên tiến, thông qua các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, nhân đạo từ thiện... để từng bước hình thành lối sống đẹp trong đoàn viên, thanh niên.

Hai là, kết hợp chặt chẽ và phát huy cao vai trò của gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho đoàn viên, thanh niên.

Đây là vấn đề có ý nghĩa quan trọng nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, các lực lượng cùng chăm lo giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng, lối sống lành mạnh cho đoàn viên, thanh niên, làm cơ sở để hình thành phẩm chất cao đẹp của con người mới XHCN.

Trước hết gia đình là nơi lưu giữ các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc, là môi trường đầu tiên hình thành đạo đức cho đoàn viên, thanh niên. Gia đình là nơi mà tình yêu quê hương, đất nước, yêu thương con người được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Do đó trong gia đình, ông bà, cha mẹ phải thật sự mẫu mực, làm gương về đạo đức, yêu thương, chăm lo bồi dưỡng thế hệ trẻ. Hiện nay do sức ép về lao động, việc làm khiến cho không ít các bậc làm cha, làm mẹ mãi miết mưu sinh hoặc chỉ lo làm giàu mà thiếu quan tâm việc giáo dục đạo đức cho con cái, hoặc khoán trắng cho nhà trường và xã hội. Nhiều

khi con cái vi phạm đạo đức hoặc vi phạm pháp luật mà cha mẹ không hề hay biết, hoặc không biết cách ngăn chặn, phòng ngừa. Để giáo dục đạo đức cách mạng cho đoàn viên, thanh niên, mỗi gia đình cần giữ gìn đạo đức, nề nếp gia phong, phát huy các giá trị đạo đức truyền thống, làm cho các giá trị đó ngày càng toả sáng, góp phần bồi dưỡng tư tưởng tình cảm cao đẹp cho thế hệ con cháu. Nhà trường không chỉ dạy chữ, dạy nghề mà còn là nơi dạy người. Giáo dục lý tưởng cách mạng, lý tưởng sống cao đẹp, đạo lý làm người cho đoàn viên, thanh niên là nội dung giáo dục hàng đầu trong nhà trường hiện nay và phải đặc biệt coi trọng. Một số nhà trường mới chỉ quan tâm trang bị kiến thức chuyên môn, tay nghề mà xem nhẹ hoặc thiếu quan tâm giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên.

Thanh niên ngày nay đang sống trong thời kỳ bùng nổ thông tin, kinh tế tri thức phát triển mạnh mẽ, giao lưu quốc tế ngày càng mở rộng. Thanh niên đã và đang chịu ảnh hưởng cả mặt tích cực và mặt tiêu cực từ môi trường kinh tế, xã hội. Vì vậy các tổ chức đảng, đoàn thể, các đơn vị lực lượng vũ trang cần quan tâm định hướng tạo môi trường thuận lợi để đoàn viên, thanh niên phấn đấu, rèn luyện, trưởng thành. Cấp uỷ đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể, nhất là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cần tổ chức nhiều hoạt động phong phú, đa dạng để thu hút, tập hợp thanh niên, rèn luyện đoàn viên, thanh niên theo các chuẩn mực đạo đức cách mạng. Kịp thời biểu dương, nhân rộng cách làm hay và kiên quyết uốn nắn những thiếu sót, lệch lạc, những biểu hiện lệch chuẩn trong đạo đức, lối sống của đoàn viên, thanh niên.

Ba là, thường xuyên nêu cao ý thức tự học tập, tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng của đoàn viên, thanh niên

Tự tu dưỡng, rèn luyện là yếu tố quyết định nhất để hình thành phẩm chất đạo đức cách mạng cho đoàn viên, thanh niên. Bác Hồ từng dạy: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”¹.

Để quá trình tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng đạt kết quả tốt, trước hết phải hình thành cho đoàn viên, thanh niên nhu cầu, động cơ phấn đấu, rèn luyện đúng đắn, làm cho mỗi người có ý thức làm chủ, ham học hỏi, cầu tiến bộ, vươn lên tự khẳng định mình. Cần tạo mọi điều kiện thuận lợi để đoàn viên, thanh niên phấn đấu, rèn luyện; đồng thời phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả, định hướng phấn đấu cho đoàn viên, thanh niên. Quan tâm đáp ứng những nhu cầu chính đáng của thanh niên về vật chất, tinh thần; giao nhiệm vụ phù hợp với sở trường, năng khiếu đặc điểm tâm, sinh lý của họ sẽ tạo điều kiện tốt để đoàn viên, thanh niên rèn luyện đạo đức, lối sống. Mỗi đoàn viên, thanh niên phải xác định rõ trách nhiệm trước Tổ quốc và nhân dân, sống có lý tưởng, có hoài bão, khát khao vươn tới cái mới, cái tiến bộ. Bản thân mỗi người tự giác rèn luyện, biết tự kiểm chế, biết vượt qua những cám dỗ và tiêu cực xã hội, những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ, thực dụng, lợi mình hại người; phải thật tự giác, tích cực học tập, rèn luyện thường xuyên, bền bỉ. Phải dựa vào những phẩm chất đạo đức cách mạng của thanh niên nêu trong

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr. 612.

Di chúc của Bác và những chuẩn mực đạo đức cách mạng để làm tiêu chí phấn đấu, tạo cho mình có lối sống trong sạch, lành mạnh, dân chủ, đoàn kết, kỷ luật nghiêm minh. Thường xuyên tự kiểm điểm bản thân mình một cách nghiêm túc để tự chỉnh đốn, khắc phục những sai lầm, thiếu sót, đồng thời mạnh dạn phê bình đồng chí, đồng nghiệp trên tinh thần đoàn kết, yêu thương giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

Bốn là, quan tâm, chăm lo xây dựng môi trường văn hoá, không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đoàn viên, thanh niên.

Đây là giải pháp thiết thực, tác động trực tiếp đến ý thức tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng của đoàn viên, thanh niên, bởi để có niềm tin và lý tưởng cao đẹp trước hết đoàn viên, thanh niên phải là những người có sức khỏe, thể chất tốt, có tinh thần lành mạnh. Vì vậy, đòi hỏi các tổ chức đoàn quan tâm nhiều hơn đến việc xây dựng môi trường văn hoá, không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đoàn viên, thanh niên, tạo cho họ có sân chơi bổ ích, đa dạng hóa các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể dục, thể thao trong thanh niên; xây dựng và củng cố các loại hình câu lạc bộ rèn luyện sức khỏe, các loại hình ca múa nhạc, vui chơi giải trí lành mạnh trong đoàn viên, thanh niên, nhất là đối với công nhân trẻ, sinh viên... Lập các đề án thu hút mọi nguồn lực xã hội để xây dựng ngày càng nhiều các khu vui chơi giải trí, nhà văn hóa dành cho đối tượng là thanh niên.

Năm là, động viên, khuyến khích đoàn viên, thanh niên phấn đấu vào Đảng để có nhiều cơ hội được học tập, rèn luyện, hoàn thiện bản thân và thực hiện trách nhiệm cao cả của mình đối với Đảng, với nước, với dân.

Trước hết, các cấp ủy, tổ chức Đảng, các đảng viên đi trước cần định hướng để đoàn viên, thanh niên xác định động cơ vào Đảng trong sáng, đúng đắn. Vào Đảng để làm gì? Đây là câu hỏi mà mỗi đoàn viên, thanh niên cần tự hỏi và trả lời một cách nghiêm túc. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng dạy: “Vì sao chúng ta vào Đảng? Phải chăng để thăng quan, phát tài? Không phải!... Chúng ta vào Đảng để hết lòng hết sức phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, làm tròn nhiệm vụ của người đảng viên”¹. Phấn đấu vào Đảng là cả một quá trình học tập và rèn luyện bền bỉ. Vì thế, mỗi đoàn viên, thanh niên cần nhận thức rõ vào Đảng là lấy việc phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng làm nhiệm vụ hàng đầu. Đó còn là sự dẫn thân tự nguyện theo lý tưởng cách mạng mà Bác Hồ, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn; là chấp nhận vượt qua khó khăn, thử thách, thậm chí là hy sinh với tinh thần phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Để phấn đấu vào Đảng, đòi hỏi mỗi đoàn viên, thanh niên phải xác định động cơ vào Đảng trong sáng, đúng đắn, rèn luyện bản lĩnh chính trị vững vàng, không ngừng học tập và trau dồi chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, luôn tôi luyện bản thân thông qua các hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội. Đặc biệt, đoàn viên, thanh niên phải luôn rèn luyện đạo đức cách mạng trong sáng, đấu tranh chống lại chủ nghĩa cá nhân, đặt lợi ích tập thể, lợi ích xã hội lên trên lợi ích cá nhân mình, xung kích thực hiện việc khó với tinh thần

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr. 112.

“Không sợ khổ, không sợ khó, thực hiện: “Đâu cần thanh niên có, việc gì khó thanh niên làm”¹ như Bác Hồ dạy. Mỗi đoàn viên, thanh niên nên chủ động tham gia các hoạt động tình nguyện, và chính những việc làm cụ thể, thiết thực đó sẽ giúp đoàn viên, thanh niên nâng cao năng lực của mình, ngày càng hoàn thiện bản thân, đóng góp tích cực vào các hoạt động chung của địa phương, đơn vị... Những phong trào mang tính xung kích của đoàn viên, thanh niên trong thời gian qua như Chiến dịch ánh sáng văn hóa hè, Mùa hè xanh, Ngày chủ nhật hồng, Tiếp sức mùa thi, Xuân tình nguyện, Thanh niên lập nghiệp, Những giọt máu hồng... thực sự là những hoạt động đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho cộng đồng và qua đó rèn luyện đoàn viên, thanh niên cả “hồng” và “chuyên”; và rất nhiều đoàn viên đã trưởng thành, đã được đứng vào hàng ngũ của Đảng qua những phong trào này.

Trong tình hình hiện nay, Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội, nhưng cũng không ít những thách thức. Vận mệnh quốc gia dân tộc Việt Nam đang được khẳng định bởi ý chí, nghị lực, bản lĩnh và những hành động cụ thể của thế hệ trẻ hôm nay. Đoàn viên, thanh niên là nguồn xung lực mạnh mẽ của đất nước, là một trong những lực lượng quan trọng của cách mạng. Vì vậy, “Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên””, xứng đáng với mong ước của Bác Hồ kính yêu./.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr. 471.

VẤN ĐỀ NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*TS. Đỗ Thị Thuỳ Trang**

Trong suốt quá trình sáng lập, rèn luyện và lãnh đạo Đảng Cộng sản, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến vấn đề nâng cao đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên. Người xem đây là công việc mang tính chất thường xuyên và liên tục, có ảnh hưởng trực tiếp đến sự sống còn của cách mạng Việt Nam. Đạo đức cách mạng cũng chính là nỗi trăn trở lớn nhất của Người trước lúc đi xa, được thể hiện rõ trong Di chúc mà Người để lại. Trải qua năm mươi năm thực hiện Di chúc, nâng cao đạo đức cách mạng và quét sạch chủ nghĩa cá nhân đã trở thành nhiệm vụ hàng đầu của cán bộ, đảng viên. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung phân tích tư tưởng về đạo đức cách mạng của Hồ Chí Minh trong Di chúc; qua đó rút ra ý nghĩa đối với việc rèn luyện đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên hiện nay.

1. Tư tưởng về đạo đức cách mạng trong Di chúc của Hồ Chí Minh

Trong mọi giai đoạn cách mạng, vai trò của người cán bộ, đảng viên luôn là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc... Công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”¹. Vì thế, ở bất kỳ thời gian nào, bất kỳ không gian nào, người cán bộ, đảng viên phải có đầy đủ những phẩm chất và năng lực, tức là có đủ đức và tài để đáp ứng được những yêu cầu của cách mạng đặt ra. Đức và tài là hai mặt cơ bản hòa quyện vào nhau, tạo nên chất lượng và tư cách người cán bộ, đảng viên; trong đó đức là “gốc”, là “nền tảng”. Người đã nói: “Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ,... Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang”², và “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”³. Như vậy, từ quan điểm cán bộ là cái gốc của mọi công việc, Hồ Chí Minh đã khẳng định người cán bộ nhất định phải có đạo đức cách mạng mới có thể thành một “cái gốc vững chắc” để đảm đương mọi nhiệm vụ.

Trong bản Di chúc, Người đã căn dặn: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người

* *Trường Đại học Tài chính – Kế toán*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.5, tr.269.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.9, tr.283.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.5, tr.252-253.

đầy tớ thật trung thành của nhân dân¹. Những nội dung cơ bản, chủ yếu của đạo đức cách mạng đã được Người diễn đạt rất ngắn gọn, phong phú, dễ hiểu, dễ nhớ: “Nói tóm tắt, thì đạo đức cách mạng là: quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng. Đó là điều chủ chốt nhất... Đạo đức cách mạng là tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân... đặt lợi ích của Đảng và của nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc: “Đạo đức cách mạng là vô luân trong hoàn cảnh nào, cũng phải quyết tâm đấu tranh, chống mọi kẻ địch, luôn luôn cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, quyết không chịu khuất phục, không chịu cúi đầu. Có như thế mới thắng được địch và thực hiện được nhiệm vụ cách mạng”². Theo Người, “Đạo đức cách mạng là hoà mình với quần chúng thành một khối, tin quần chúng, hiểu quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng”³ và “Đạo đức cách mạng có thể nói tóm tắt là: Nhận rõ phải, trái. Giữ vững lập trường. Tận trung với nước. Tận hiếu với dân”⁴; đạo đức cách mạng là cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; là nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm. Như vậy, với ngôn ngữ diễn đạt hết sức giản dị, Người đã giải thích cho chúng ta một cách tường tận, thấu đáo mọi hàm ý của “đạo đức cách mạng” để toàn dân có thể thực hiện cũng như việc giữ lấy đạo đức cách mạng trong mọi lúc, mọi nơi và trong mọi hoàn cảnh.

Không những vạch ra nội dung, hàm ý của đạo đức cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn chỉ ra một cách sâu sắc tính chất và ý nghĩa to lớn của việc trau dồi đạo đức cách mạng: “Chúng ta, tất cả đảng viên, đoàn viên, tất cả cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng cần phải quyết tâm suốt đời phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân. Đó là phẩm chất cao quý của người cách mạng, đó là đạo đức cách mạng, đó là tính Đảng, tính giai cấp, nó bảo đảm cho sự thắng lợi của Đảng, của giai cấp, của nhân dân... Có gì sung sướng về vang hơn là trau dồi đạo đức cách mạng để góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và giải phóng loài người”⁵. Có thể nói, đối với lãnh tụ, hạnh phúc lớn nhất của Người là luôn được trau dồi và nâng cao đạo đức cách mạng để được phục vụ cho cách mạng, cho nhân dân, cho Tổ quốc nhiều hơn nữa.

2. Cán bộ, đảng viên rèn luyện đạo đức cách mạng, quyết tâm quét sạch chủ nghĩa cá nhân theo Di chúc của Hồ Chí Minh

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng và thực tiễn công cuộc đổi mới hiện nay, chúng ta cần nhận thức đầy đủ và sâu sắc cuộc vận động toàn Đảng, toàn dân học tập và làm theo đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Về phẩm chất chính trị, người cán bộ, đảng viên phải có trình độ giác ngộ, lòng trung thành với Đảng, với nhân dân, với chế độ, kiên định mục tiêu lý tưởng “độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”. Người cán bộ, đảng viên phải có lối sống trong sạch, lành mạnh, gần gũi nhân dân, gương mẫu và gắn bó với quần chúng. Có đạo đức trong sáng, trung thực, cần

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.269.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.287.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.290.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.480.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.293.

kiệm liêm chính, chí công vô tư, không tham nhũng, không đặt lợi ích cá nhân lên trên lợi ích của Đảng, của dân tộc, của cộng đồng. Người cán bộ, đảng viên phải ra sức rèn luyện đạo đức cách mạng, phục vụ nhân dân ngày càng hiệu quả; phải có phong cách làm việc dân chủ, khoa học, sâu sát với thực tế và cơ sở; phải có ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nghiêm túc chỉ thị, nghị quyết, sự phân công, điều động của cấp trên. Các nội dung trên hoà quyện vào nhau, gắn bó nhau một cách biện chứng, tạo nên cốt cách, phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống cách mạng của mỗi cán bộ, đảng viên.

Nhiệm vụ mới của cách mạng đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải không ngừng nâng cao đạo đức cách mạng; đồng thời luôn đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm chỉ ra một cách sâu sắc rằng, “Chủ nghĩa cá nhân là một trở ngại lớn cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cho nên thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân”¹ và “Chủ nghĩa cá nhân là một kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội. Người cách mạng phải tiêu diệt nó”². Do đó, muốn nâng cao đạo đức cách mạng thì buộc phải quét sạch chủ nghĩa cá nhân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thẳng thắn chỉ ra những biểu hiện nguy hiểm, phức tạp và hậu quả khôn lường của chủ nghĩa cá nhân trong đời sống xã hội: “Chủ nghĩa cá nhân đẻ ra trăm thứ bệnh nguy hiểm: quan liêu, mệnh lệnh, bè phái, chủ quan, tham ô, lãng phí... Nó trói buộc, nó bịt mắt những nạn nhân của nó, những người này bất kỳ việc gì cũng xuất phát từ lòng tham muốn danh lợi, địa vị cho cá nhân mình, chứ không nghĩ đến lợi ích của giai cấp, của nhân dân”³. Đó chính là những hậu quả khôn lường, hết sức nghiêm trọng của chủ nghĩa cá nhân, nó có nguy cơ đe dọa trực tiếp đến cách mạng. Để tạo ra sức thuyết phục cho toàn dân nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân, Người đã phân tích một cách khoa học và mang đậm tính nhân văn sâu sắc về mối quan hệ biện chứng giữa lợi ích của mỗi cán bộ, đảng viên với lợi ích của Đảng, của cách mạng và cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân: “Đảng viên là người thay mặt Đảng đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Vì vậy, lợi ích của người đảng viên phải ở trong chứ không thể ở ngoài lợi ích của Đảng, của giai cấp. Đảng và giai cấp thắng lợi và thành công, tức là đảng viên thắng lợi và thành công. Nếu rời khỏi Đảng, rời khỏi giai cấp, thì cá nhân dù tài giỏi mấy, cũng nhất định không làm nên việc gì”⁴. Theo Hồ Chí Minh, “Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là “giày xéo lên lợi ích cá nhân”. Mỗi người đều có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của bản thân và của gia đình mình. Vì vậy, nếu những lợi ích cá nhân đó không trái với lợi ích của tập thể thì không phải là xấu. Đồng thời, Hồ Chí Minh cũng đã chỉ ra, trong chế độ xã hội chủ nghĩa thì mỗi người mới có điều kiện để cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình; và cũng chỉ trong chế độ xã hội chủ nghĩa, mỗi cá nhân mới có thể tìm thấy lợi ích của mình trong lợi ích lớn của tập thể; và cũng không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho những lợi ích đó được thoả mãn bằng chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.291.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.292.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.292.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.292.

Những quan điểm tư tưởng nói trên có ý nghĩa lý luận và thực tiễn rất sâu sắc đối với việc rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên trong giai đoạn hiện nay. Thực tiễn cách mạng ở nước ta cũng như tình hình diễn biến chính trị nhanh chóng và phức tạp trên thế giới trong thời gian qua, cùng với đó là sự tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường đã chứng minh hùng hồn dự báo khoa học thật sự chính xác và sự cảnh tỉnh nghiêm khắc về sự tác hại sâu xa của chủ nghĩa cá nhân: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”¹. Vì vậy, việc nâng cao đạo đức cách mạng là cần thiết hơn bao giờ hết, cần thực hiện thường xuyên, liên tục; và dường như đạo đức cách mạng đã trở thành chuẩn mực để đánh giá người cán bộ, đảng viên.

Ngày nay, nâng cao đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh chính là nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống cách mạng, là giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Thực hiện tốt điều đó là cơ sở bền vững bảo đảm cho Đảng ta, cho mỗi cán bộ, đảng viên thật sự “xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”. Chúng ta chỉ có thể xứng đáng với Bác nhiều hơn nữa và chỉ có thể tiếp tục đi trọn con đường còn dở dang của Bác, thực hiện được giấc mơ chưa trọn vẹn của Bác khi chúng ta giữ vững đạo đức cách mạng. Giữ vững và nâng cao phẩm chất, đạo đức cao quý của người cán bộ, đảng viên trong giai đoạn cách mạng hiện nay là nhiệm vụ hết sức vẻ vang, nhưng cũng là yêu cầu cấp bách, đầy khó khăn thử thách. Vì trong giai đoạn cách mạng mới, chúng ta đang thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh quốc tế và trong nước có những diễn biến nhanh chóng và phức tạp, có cả thuận lợi và khó khăn, thời cơ và thách thức đan xen lẫn nhau. Trong Đảng ta, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, cần đặc biệt quan tâm đến tình trạng quan liêu, suy thoái, biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên đang diễn ra có tính phổ biến và nghiêm trọng hơn, nhất là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống... Các thế lực thù địch đang ráo riết thúc đẩy việc thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ, thao túng... nhằm chống phá cách mạng và xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng. Trong bối cảnh đó, việc nâng cao đạo đức cách mạng gắn liền với “cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân” đối với cán bộ, đảng viên theo Di chúc Hồ Chí Minh càng trở thành vấn đề cơ bản và cấp bách, đầy khó khăn, phức tạp.

Trước tình thế cấp bách đó, để sớm loại trừ những biểu hiện suy thoái làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của Đảng, đến sự phát triển của cách mạng và để nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, theo chúng tôi cần phải thực hiện đồng bộ các biện pháp sau:

Thứ nhất, giáo dục nâng cao nhận thức chính trị trong toàn Đảng. Đây là một biện pháp rất quan trọng và cần thiết. Vì nó giúp cho mỗi cán bộ, đảng viên nâng cao nhận thức những vấn đề cơ bản về lý luận cách mạng, về quan điểm, đường lối, nguyên tắc của Đảng; từ đó làm cơ sở chuẩn mực cho sự phân định rõ đúng sai, phải trái trong quá trình nhận thức. Phải tạo ra môi trường dân chủ thật sự trong học tập, nghiên cứu, làm cho quá trình học tập

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.557-558.

chuyên hoá trở thành quá trình tự giáo dục, kích thích tính tích cực, chủ động, tự giác nhận thức tư tưởng chính trị của mỗi cán bộ, đảng viên. Trong giáo dục nâng cao nhận thức chính trị cần tập trung giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên; nhưng cần phải tập trung vào những chuyên đề cơ bản, cần thiết, không nên dàn trải quá nhiều. Đặc biệt, cần chú trọng giáo dục cho mọi cán bộ, đảng viên thấu hiểu tư tưởng cách mạng triệt để và đạo đức trong sáng, mẫu mực của Hồ Chí Minh. Giải pháp giáo dục nâng cao nhận thức chính trị cho cán bộ, đảng viên có thể giúp đạt hiệu quả cao trong việc nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên; bởi Hồ Chí Minh đã từng nhấn mạnh: “Để làm cho tất cả cán bộ, đảng viên xứng đáng là những chiến sĩ cách mạng, Đảng ta phải ra sức tăng cường giáo dục toàn Đảng về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, về đường lối, chính sách của Đảng, về nhiệm vụ và đạo đức của người đảng viên”¹. Đồng thời, Người còn khẳng định “Muốn có lập trường vô sản vững chắc, thì đảng viên phải có ý thức giai cấp, đồng thời phải có lý luận cách mạng. Không có lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học thì không thể có lập trường giai cấp vững vàng”². Như vậy, trong quan điểm của Hồ Chí Minh, giữa lý luận và thực tiễn luôn có sự thống nhất biện chứng với nhau; muốn thực tiễn cách mạng được phát triển lớn mạnh thì đòi hỏi phải có lý luận vững chắc để định hướng cho thực tiễn ấy. Mà để có được lý luận vững chắc làm nền tảng thì nhất thiết phải giáo dục để nâng cao nhận thức chính trị cho cán bộ, đảng viên.

Ngoài ra, để việc giáo dục nâng cao nhận thức chính trị có hiệu quả cần phải tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động học tập và làm theo đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân; đặc biệt nhấn mạnh “học tập” là phải “làm theo”. Qua cuộc vận động sẽ tạo nên hiệu ứng rộng rãi, tác động mạnh mẽ đến tâm tư, tình cảm, lập trường tư tưởng của cán bộ, đảng viên.

Thứ hai, thực hiện một cách nghiêm túc và có hiệu quả tự phê bình và phê bình trong toàn Đảng. Đây là khâu đột phá và là biện pháp có ý nghĩa then chốt bảo đảm cho các giải pháp khác thực hiện thắng lợi. Đó là những chủ trương, kế hoạch đúng đắn và sáng suốt. Mặt khác, cần nhận thức đầy đủ và sâu sắc rằng, chúng ta tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình trong bối cảnh trong nước và quốc tế đang có những diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch đang ráo riết thực hiện âm mưu diễn biến hoà bình nhằm chống phá để làm giảm uy tín của Đảng và suy yếu cách mạng; và đồng thời phải thẳng thắn thừa nhận “những khuyết điểm và tồn tại của Đảng ta là nghiêm trọng, không thể xem thường”. Do đó, cuộc tự phê bình và phê bình lần này phải được xác định là nhiệm vụ trọng tâm và cấp bách của cấp uỷ, cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các cấp, các ngành; mang ý nghĩa sống còn đối với cách mạng.

Thực hiện tự phê bình và phê bình phải được tiến hành từng bước, phải có trọng tâm, trọng điểm và có sự thống nhất trong toàn Đảng, từ Trung ương đến cơ sở. Trong đó, cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của Đảng và Nhà nước phải làm gương trong tự phê bình và phê bình. Thông qua quá trình theo dõi, nắm chắc tình hình, cán bộ cấp trên trực tiếp chỉ đạo chặt chẽ cho cán bộ, đảng viên cấp dưới thực hiện nghiêm túc tự phê bình và phê bình;

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.439.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.92.

cần cung cấp đầy đủ những biểu hiện vi phạm, khuyết điểm một cách công khai, trung thực, thẳng thắn trong quá trình tự phê bình và phê bình; tuyệt đối không được nể tình riêng mà che giấu khuyết điểm của nhau. Thực hiện tự phê bình và phê bình một cách nghiêm túc sẽ làm tăng năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “một đoàn thể hoặc chính quyền mà che giấu khuyết điểm của cán bộ mình, là đoàn thể và chính quyền yếu ớt, thoái bộ. Đoàn thể và chính quyền có can đảm vạch rõ khuyết điểm của cán bộ mình, có phương pháp sửa chữa cho cán bộ, thì uy tín chẳng những không giảm bớt, mà lại thêm cao”. Lời dạy đó của Bác thật sâu sắc, có lý có tình, đã trở thành bài học vô giá đối với mỗi người cán bộ, đảng viên. Để cuộc vận động tự phê bình và phê bình đạt được hiệu quả cao, trong công tác chỉ đạo cần chú trọng kết hợp chặt chẽ giữa các mặt: sự tự giác, thật thà, trung thực, thẳng thắn công khai tự phê bình của mỗi cá nhân gắn với sự phê bình xây dựng của cấp trên, của đồng chí, đồng sự và sự phê bình của nhân dân.

Việc tăng cường giáo dục tư tưởng, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình chỉ thực sự có hiệu quả khi đảm bảo được nguyên tắc “nói phải đi đôi với làm”. Vì vậy, cần phải xem đó là bản chất đặc trưng của người cán bộ, đảng viên. Do thực hiện tốt “nói đi đôi với làm”, “đảng viên đi trước, làng nước đi sau” mà nhiều cán bộ, đảng viên phát huy được vai trò tiên phong, gương mẫu, được dân tin, dân phục, dân yêu. Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình hiện nay chỉ mang lại hiệu quả đích thực khi mà tất cả cán bộ, đảng viên; đặc biệt là cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các cấp, các ngành, từ Trung ương đến cơ sở tự mình nhận ra và dũng cảm chiến thắng được những khuyết điểm, sai lầm của chính mình, quyết tâm nâng cao đạo đức cách mạng, kiên quyết khắc phục những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân. Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh đã vạch ra phương pháp, cách thức hiệu quả thiết thực để người cán bộ, đảng viên nâng cao đạo đức cách mạng và quét sạch chủ nghĩa cá nhân; đó là “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng trong Di chúc nói riêng và trong suốt cuộc đời hoạt động của Người nói chung đã trở thành tấm gương trong sáng, mẫu mực để toàn Đảng và toàn nhân dân ta học tập và noi theo. Niềm tin bất diệt mà Người đã gửi gắm lại đã trở thành động lực để chúng ta quyết tâm hành động theo lời Người.

Trước lúc đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại một bản Di chúc chứa đựng những tư tưởng lớn, đã trở thành di sản tinh thần vô giá cho dân tộc ta. Soi vào Di chúc, chúng ta có được nhiều bài học lớn, thiết thực, nóng hổi tính thời sự. Vấn đề đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên luôn được quan tâm hàng đầu bởi nó quyết định đến sự sống còn của Đảng, đến sự thành công hay thất bại của cách mạng nước ta. Di chúc như một lời nhắc nhở thiêng liêng của Người đến thế hệ sau phải luôn giữ gìn cái tâm trong sáng, chung thủy sắc son với những lý tưởng cách mạng; đồng thời phải cương quyết đấu tranh chống lại những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, có nguy cơ làm cho cách mạng bị suy yếu và làm giảm sút năng lực lãnh đạo, cũng như sức chiến đấu của Đảng./.

TƯ TƯỞNG VỀ “TRỒNG NGƯỜI” TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ Ý NGHĨA THỰC TIỄN TRONG BỒI DƯỠNG THẾ HỆ TRẺ VIỆT NAM VỪA HỒNG VỪA CHUYÊN

ThS. Ngô Quang Ty*

1. Nội dung chủ yếu tư tưởng về bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau (trồng người) trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức coi trọng vai trò của thanh niên trong sự nghiệp cách mạng. Người đặc biệt quan tâm đến việc đào tạo thế hệ trẻ. Người đã cùng Trung ương Đảng bồi dưỡng, đào tạo nhiều thế hệ cán bộ cách mạng ưu tú trưởng thành từ thanh thiếu niên. Trong Di chúc, ngay sau phần nói về Đảng, Người đã nhắc đến việc đào tạo thế hệ thanh niên qua đó chúng ta thấy được sự quan tâm của Bác đối với thanh niên.

Nội dung chính thứ 2 trong Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội *vừa hồng vừa chuyên*. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”¹.

Trong bản Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn mọi việc đối với Đảng với nhân dân, trong đó Bác vẫn dành một phần nói về thanh niên và vai trò của thanh niên, điều này đã thể hiện tư tưởng, tình cảm, sự quan tâm đặc biệt của Bác Hồ đối với những chủ nhân tương lai của đất nước.

Những năm cuối cùng của cuộc đời, mặc dù bận rất nhiều công việc nhưng Bác vẫn chọn những khoảng thời gian thư thái nhất, đúng vào giờ đẹp nhất của một ngày lúc 9 giờ sáng ngày 10/5/1965 Bác Hồ bắt đầu viết Di chúc. Bốn ngày tiếp sau đó, Người đã dành mỗi ngày một đến hai tiếng để viết. Sau này, vào mỗi dịp sinh nhật hàng năm Bác lại đem bản Di chúc ra xem lại, bổ sung cho phù hợp với tình hình mới của đất nước. Lần cuối cùng Bác viết và chỉnh sửa vào ngày 10/5/1969. Hiếm có tác phẩm nào Bác dành nhiều thời gian, tâm trí suy ngẫm thận trọng đến từng câu chữ để viết như bản Di chúc này. Với những ngôn từ bình dị mà súc tích Bác viết, chúng ta đều cảm nhận được tình cảm gần gũi, yêu thương của Người và thấy mình phải có trách nhiệm cao hơn, quyết tâm hơn để thực hiện bản Di chúc thiêng liêng.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Bác đã chỉ rõ: Nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần là do thanh niên, thanh niên là chủ tương lai của đất nước. Nhân dịp mừng xuân độc lập đầu tiên, tháng 1/1946, Bác đã gửi thư cho nhi đồng toàn quốc, trong

* *Trường Đại học Văn Hiến*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.622.

thư Bác đã viết: “Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội”¹.

Tuổi trẻ của Bác đã chứng kiến các phong trào yêu nước những năm đầu thế kỷ XX phát triển mạnh mẽ như: phong trào Đông Du, phong trào Đông Kinh nghĩa thực, Duy Tân, phong trào chống thuế ở Trung kỳ... qua những phong trào đó, Bác đã nhận thấy rõ sức mạnh to lớn về mọi mặt của thế hệ thanh niên trong quá trình đấu tranh giành độc lập. Đặc biệt, vào những năm 1920 trên diễn đàn Hội nghị Tua (Pháp), Bác đã lên tiếng phản đối chế độ thực dân gây ra những tội ác tày trời đối với nhân dân và thanh niên ta thông qua bức thư *Gửi Thanh niên Việt Nam* (1925), các tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925) hay *Đường cách mệnh* (1927)..., Bác căm phẫn lên án chế độ thực dân đầu độc, nô dịch, bóc lột dân bản xứ trong đó có thanh niên. Người khẳng định, muốn thức tỉnh dân tộc phải thức tỉnh thanh niên, vì thanh niên là một bộ phận quan trọng của dân tộc.

Nhận định thanh niên là một trong những lực lượng nòng cốt, nên ngay từ những năm đầu về nước hoạt động, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bí mật thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (tháng 6/1925), chuẩn bị những hạt giống đỏ, ươm mầm cho sự trưởng thành, lớn mạnh của sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Trong 2 cuộc kháng chiến, Bác luôn luôn theo dõi chặt chẽ và chỉ dẫn thanh niên tham gia phong trào kháng chiến. Đặt niềm tin vào sức mạnh của thanh niên, Bác coi thanh niên là người thân trong gia đình mình, sự mất mát của thanh niên cho cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc là nỗi đau trong cơ thể Bác. Tháng 1 năm 1947, khi nhận được tin con trai bác sĩ Vũ Đình Tụng (Giám đốc y tế Bắc Bộ) đã anh dũng hy sinh trong chiến đấu, Bác đã gửi thư chia buồn, trong thư Bác viết: “Ngài biết rằng tôi không có gia đình, cũng không có con cái. Nước Việt Nam là gia đình của tôi. Tất cả thanh niên Việt Nam là con cháu tôi. Mất một thanh niên thì hình như tôi mất một đoạn ruột... Họ chết cho Tổ quốc sống mãi; vật chất họ mất nhưng tinh thần họ vẫn luôn sống với non sông Việt Nam”².

Coi sự lớn mạnh của tuổi trẻ là thành công của Đảng, là thắng lợi của sự nghiệp cách mạng, là sự trường tồn phát triển của xã hội, Bác luôn dày công chăm lo giáo dục thanh niên trở thành những con người mới của xã hội, chuẩn bị những tiền đề vững vàng để thanh niên sẵn sàng đón nhận sứ mệnh làm chủ nước nhà. Ngày 13/9/1958, nói chuyện tại lớp chính trị do Bộ Giáo dục tổ chức Người đã nhấn mạnh: “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”³.

Việc chăm sóc, giáo dục và rèn luyện thanh niên là công việc mà suốt cuộc đời mình Bác đã làm mà không biết mệt mỏi. Nhân dịp kỷ niệm 20 năm Cách mạng tháng Tám, Bác đã gửi thư cho thanh niên. Trong thư Bác đã viết: “Phải luôn luôn nâng cao chí khí cách mạng, trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng. Không sợ gian khổ, hy sinh, hăng hái thi đua tăng gia sản xuất và anh dũng chiến đấu, xung phong đi đầu trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước”⁴. Và

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.4, tr.167.

2. Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, t.5, tr.32.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.9, tr.222.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.11, tr.503-504.

trước khi ra đi về với thế giới người hiền Bác đã căn dặn: “Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng”, vừa “chuyên”...”¹. Những nhìn nhận và đánh giá của Người như nhấn gửi ở lớp lớp thế hệ thanh niên về niềm tin, trí tuệ và sự sáng tạo cho một xã hội mới của dân tộc.

Với tinh thần đó, để Đoàn thanh niên hoàn thành sứ mệnh cách mạng cao cả, Bác đã đề cao trách nhiệm cụ thể của từng đoàn viên “đoàn viên phải gương mẫu trong công tác, trong sản xuất, trong học tập” và trách nhiệm chung “Các chi đoàn thanh niên phải xung phong làm đầu tàu trong cuộc thi đua.” Vì thi đua là điều kiện thuận lợi giúp cho Đoàn phát triển mạnh mẽ, vững chắc và thu hút sự quan tâm của thanh niên. Phải thực hiện khẩu hiệu: *Đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên*. Thanh niên được xác định cánh tay đắc lực, đội hậu bị của Đảng nên Bác nhấn mạnh: *Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng”, vừa “chuyên”...*. Tư tưởng ấy chính là tinh thần xuyên suốt trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về thanh niên và công tác thanh niên của Đảng.

Sự quan tâm của Bác về “*bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau*” là vấn đề then chốt đối với Đảng. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến công tác cán bộ và đào tạo cán bộ, ngay những ngày đầu mới thành lập Đảng, Người đã mở lớp đào tạo cán bộ cách mạng và viết tác phẩm đầu tiên, giáo trình đầu tiên là “*Đường Kách mệnh*”. Ngày 14/9/1949 khi Bác về dự khai giảng lớp cán bộ đào tạo, Bác nói học (việc đào tạo) là để làm việc, để làm người, làm cán bộ, học để phụng sự tổ chức, đoàn thể, phụng sự dân tộc, nhân loại.

Trong Di chúc của Người cũng nhấn mạnh việc cán bộ phải “*vừa có đức, vừa có tài*”. Sinh thời, Bác dạy “*Có đức mà không có tài làm việc gì cũng khó; có tài mà không có đức thì vô dụng*”. Nên đào tạo thế hệ trẻ cách mạng cho đời sau thể hiện hai phẩm chất lớn “vừa hồng, vừa chuyên” là điều quan trọng và rất cần thiết.

Điều Bác dặn không phải là “đạo đức” thuần túy, không chỉ “nhân, lễ, nghĩa, trí, tín” mà phải nâng lên ở *đạo đức cách mạng thể hiện ở lý tưởng, mục tiêu, bản lĩnh, sự xả thân vì sự nghiệp mà Bác Hồ và thế hệ cha ông phấn đấu không ngừng*.

Nếu không có “chuyên” thì làm thế nào hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được, nhưng “đức” - tức đạo đức cách mạng - là điều đầu tiên cần phải có. Tuy nhiên, đây là quá trình kiên trì, lâu dài, “vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người”. Đây là di huấn vô cùng quý báu của Người trước lúc đi xa.

Đối với Bác, cán bộ là việc hết sức quan trọng, Bác gọi là “*công việc gốc của Đảng*”, muôn sự thành công chủ yếu hoặc phần nhiều là do cán bộ tốt, cho nên đào tạo cán bộ có đầy đủ “*vừa hồng vừa chuyên*” là việc thường xuyên.

2. Giải pháp chủ yếu để bồi dưỡng thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay vừa hồng vừa chuyên theo Di chúc của Bác Hồ

Nhìn lại, 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về “bồi dưỡng thế hệ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.12, tr.510.

cách mạng cho đời sau”, các cơ quan của Đảng và Đoàn đã quan tâm giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ theo Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh”; khơi dậy tinh thần yêu nước theo Di chúc của Người; phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên trong tham gia xây dựng Đảng và đoàn kết tập hợp thanh niên, giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh thiếu niên và nhi đồng, xây dựng lớp thanh niên Việt Nam thời kỳ mới giàu lòng yêu nước, có lối sống đẹp, có lý tưởng cách mạng, có bản lĩnh văn hóa con người Việt Nam.

2.1. Giải pháp tâm vĩ mô của Trung ương

Ngày nay, thanh niên được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược bồi dưỡng, phát huy nhân tố và nguồn lực con người, cùng với việc thực hiện lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng – Nhà nước đã xây dựng tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, thực sự là đội dự bị tin cậy của Đảng, hạt nhân chính trị của phong trào và các tổ chức thanh niên Việt Nam. Tăng cường giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa, ý thức công dân để hình thành thế hệ thanh niên có phẩm chất tốt đẹp, có khí phách và quyết tâm hành động thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo cơ hội cho mọi thanh niên được học tập, không ngừng nâng cao trình độ, có tri thức và kỹ năng, vươn lên ngang tầm với thanh niên các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

Bên cạnh đó, Đảng và Nhà nước ta không ngừng đào tạo nâng cao chất lượng lao động trẻ, giải quyết việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho thanh niên đồng thời xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, tạo điều kiện cho thanh niên nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, phát triển toàn diện tích cực đóng góp cho sự phát triển của đất nước.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư, Ban Chấp hành Trung ương khóa VII nêu rõ: Sự nghiệp đổi mới có thành công hay không, đất nước bước vào thế kỷ XXI có vị trí xứng đáng trong cộng đồng thế giới hay không, cách mạng Việt Nam có vững bước theo con đường xã hội chủ nghĩa hay không phần lớn tùy thuộc vào lực lượng thanh niên.

Tiếp đó, Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác thanh niên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa đã khẳng định: Thanh niên là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội... Để thanh niên phát huy cao hơn nữa vai trò rường cột của nước nhà cần:

Một là: Đảng, Nhà nước và các thế hệ cha anh đi trước hãy tin tưởng vào thế hệ thanh niên hôm nay, họ sẵn sàng nhận trọng trách mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tin tưởng mong mỏi ở thanh niên; có như vậy mới thôi thúc thanh niên làm tốt hơn và lớp trẻ thanh niên cần có niềm tin với người làm công tác thanh niên sẽ phần đầu là những cán bộ gương mẫu, xung kích, đi đầu trong các hoạt động thanh niên xứng đáng là Đoàn viên Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh...

Hai là: Sinh thời, Bác luôn coi thanh niên là rường cột của quốc gia; để tiếp tục thực hiện Di chúc của Bác, việc rèn luyện đạo đức, lý tưởng, phong cách, lối sống cho thanh niên trước hết phải từ bản thân Đảng.

Đảng có vai trò cầm quyền, lãnh đạo, vì vậy trước hết phương thức lãnh đạo của

Đảng phải phù hợp với lứa tuổi, không thể đơn nhất một hình thức, cần phong phú hóa các phương pháp giáo dục cho thanh niên. Đồng thời, cần làm tốt công tác nêu gương người già làm gương cho người trẻ, người trong Đảng làm gương cho người ngoài Đảng, cấp trên làm gương cho cấp dưới, Trung ương làm gương cho địa phương...

Ba là: Ngay trong nội bộ Đoàn, Ban Chấp hành Đoàn phải làm gương cho thanh niên. Bên cạnh đó, công tác giáo dục hệ thống, trang bị tri thức cho thanh thiếu niên cần được quan tâm, thực hiện tốt; chuẩn bị đầy đủ các phương tiện, xác định mục tiêu học để làm người, làm cán bộ, để phụng sự Đảng và nhân dân, phụng sự Tổ quốc và cao hơn là phụng sự nhân loại.

Bốn là: Đoàn phải tạo ra phong trào để tập hợp thanh niên, đặc biệt, cần quan tâm hướng tới không gian mạng trong bối cảnh bùng nổ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư... Điềm lại những phong trào hành động cách mạng do Đoàn tổ chức qua những chặng đường lịch sử của đất nước, để bắt kịp xu hướng trong thời đại mới, tổ chức Đoàn các cấp cần coi không gian mạng là một trong những mặt trận chiến đấu của thanh niên, lan tỏa, khơi dậy những việc làm hay, cách làm tốt, đấu tranh với cái xấu.

Năm là: Bác Hồ của chúng ta là “con người của sự hành động, nói là thực hiện, mà thực hiện là thực hiện quyết liệt”, để học tập, làm theo tấm gương đạo đức và phong cách của Bác, lãnh đạo Đoàn phát động các phong trào hoạt động của thanh niên cần đặt ra mục tiêu cụ thể tu dưỡng không ngừng đối với thanh niên, sát với ngành nghề... Mỗi phong trào phải triển khai chi tiết, cử cán bộ Đoàn theo dõi giám sát từng mặt... có tổng kết rút kinh nghiệm, tránh tình trạng “đánh trống bỏ dùi; đầu voi đuôi chuột”.

2.2. Giải pháp tầm vi mô đối với mỗi đoàn viên và thanh niên

Suốt 50 năm qua, lớp lớp thế hệ thanh niên luôn là lực lượng xung kích trên mọi mặt trận chính trị, kinh tế, văn hóa, an ninh quốc phòng. Nhiều phong trào thanh niên đã được tạo ra như xung kích phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ Tổ quốc, tuổi trẻ sáng tạo. Thực hiện Di chúc của Người, thế hệ trẻ Việt Nam đã vượt qua mọi thách thức để hoàn thành nhiệm vụ được giao... Để xứng đáng hơn nữa, thanh niên ngày nay phải nâng cao ý chí:

Một là: Mỗi đoàn viên và thanh niên, trước hết phải quan niệm học là để làm người, làm việc rồi mới làm cán bộ - Cổ Văn, có Tiên Sư (*Theo Tác giả:* Cổ văn: văn chương cổ điển; thành ngữ văn cổ điển...; Tiên Sư: Bậc Thầy trước đây...) viết: “Học để thành Nhân trước khi thành Danh” - Tư tưởng này vô cùng quan trọng, bởi đâu đó không ít người nghĩ học để làm cán bộ rồi mới làm việc, mới làm người. Điều này trái với tư tưởng, đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Hai là: Thanh niên hiện nay cần được hâm nóng, khơi dậy và lan tỏa tinh thần dám nghĩ, dám làm, “không có việc gì khó, chỉ sợ lòng không bền”.

Tích cực học tập để thấy được chân giá trị của tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh: gần gũi, dung dị, dễ nhớ, dễ hiểu, gắn liền với thực tiễn; duy trì kiên định, xuyên suốt, lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là kim chỉ nam, tiếp thu tinh hoa của văn hóa nhân loại.

Ba là: Thanh niên cần tích cực hoạt động các phong trào xã hội, cần bắt kịp tri thức nói chung và khoa học công nghệ nói riêng của xu hướng cách mạng công nghiệp 4.0 và các xu hướng tích cực trên mạng xã hội. Trong đó Đoàn thanh niên phải là những người chiến sỹ chủ lực trên mặt trận không gian mạng.

Trong điều kiện thế giới thay đổi, mạng xã hội phát triển nhanh chóng, thanh niên ta cơ bản có lý tưởng phấn đấu, nhưng cũng không ít cá nhân chịu ảnh hưởng nặng nề của những thông tin không chuẩn xác, thậm chí xao động, mất niềm tin; cần kiên quyết, tinh táo ngăn chặn, khắc phục những nhược điểm này; tham gia vào cuộc đấu tranh để bảo vệ nền tảng tư tưởng, lan tỏa được tư tưởng của Bác.

Thế hệ trẻ phải đặc biệt quan tâm tới vấn đề đấu tranh với những quan điểm sai trái trên mạng xã hội; với những quan điểm sai trái, không những cần phản bác mà còn phải khẳng định điểm đúng, chân giá trị, những thành quả chúng ta đạt được để góp phần chuẩn hóa thông tin.

Đọc lại những trang bản thảo Di chúc của Bác, năm 1965, ngay lần đầu tiên chuẩn bị cho việc đi xa của mình; thanh niên đã được Bác yêu thương, quan tâm nhắc ngay đến sau khi nói về Đảng. Bởi lẽ, trong suốt cuộc đời mình, đoàn viên, thanh thiếu nhi là đối tượng nhận được nhiều tình cảm, tư tưởng, sự quan tâm căn dặn, dạy bảo, định hướng của Bác Hồ.

Thấm nhuần Di huấn của Người, Đảng ta luôn đánh giá cao vai trò của thanh niên trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và trong xây dựng Tổ quốc hiện nay. Đảng luôn đặt niềm tin vào thanh niên trong sự nghiệp đổi mới đất nước, trong đó, vai trò của thanh niên luôn được đặt vào vị trí trung tâm của chiến lược bồi dưỡng con người, chăm lo cho thanh niên vừa là mục tiêu, vừa là động tạo sự phát triển bền vững đất nước. Vì vậy, Đảng đã chỉ đạo xây dựng tổ chức Đoàn vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức xứng đáng là cánh tay đắc lực, tin cậy của Đảng.

Đoàn Thanh niên do Đảng Cộng sản lãnh đạo, phải lấy mục tiêu, lý tưởng của Đảng làm tôn chỉ hoạt động của tổ chức mình, nhưng phải chủ động trong việc đề ra kế hoạch, chương trình hành động và triển khai thực hiện một cách hiệu quả tới thanh thiếu niên. Giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên, để họ kế thừa lý tưởng của các thế hệ cha anh, biến lý tưởng cách mạng thành ý chí cách mạng, thành động lực tinh thần mạnh mẽ, đánh bại âm mưu tuyên truyền kích động của thế lực thù địch; tích cực học tập, lao động sáng tạo, chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đưa Việt Nam trở thành quốc gia công nghiệp phát triển./.

“BỒI DƯỠNG THỂ HỆ CÁCH MẠNG CHO ĐỜI SAU LÀ MỘT VIỆC RẤT QUAN TRỌNG VÀ RẤT CẦN THIẾT” - LUẬN ĐIỂM THỂ HIỆN TÂM NHÌN CHIẾN LƯỢC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG DI CHỨC

*PGS.TS. Trần Mai Ước**

Cả thực tiễn và lý luận đã chứng minh rằng, Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh như một cương lĩnh hành động của Đảng từ khi Bác đi xa. Đó là những vấn đề to lớn và có ý nghĩa chiến lược của cách mạng Việt Nam, thể hiện được tính quy luật vận động của cách mạng Việt Nam. 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta vẫn thấy đọng lại trong đó những vấn đề đáng suy ngẫm trong quá trình đổi mới, hội nhập hiện nay. Chúng tôi cũng mạnh dạn nhấn mạnh và khẳng định rằng, việc bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau trong Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh là vừa là nội dung mang tính triết lý sâu sắc, nhưng trong đó cũng chứa đựng thế giới quan khoa học, phản ánh tầm nhìn xa trông rộng của một nhà tư tưởng lớn, một nhà văn hóa lớn, có ý nghĩa thực tiễn trong giai đoạn hiện nay.

1. Di huấn quan trọng

Theo Hồi ký về Bác Hồ viết Di chúc của ông Vũ Kỳ¹, Bác bắt đầu viết Di chúc vào sáng ngày 10/5/1965². Tiêu đề của Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt là “Tuyệt đối bí mật”. Bản Di chúc do Người tự đánh máy, gồm 3 trang, có chữ ký của Người và chữ ký chứng kiến của đồng chí Lê Duẩn, khi đó là Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Năm 1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết bổ sung một đoạn gồm 6 trang viết tay. Ngày 10/05/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết lại toàn bộ phần mở đầu Di chúc gồm một trang viết tay. Sau đó, trong các ngày từ 11 đến ngày 19/5/1969, Bác còn tiếp tục sửa chữa bản Di chúc của các năm 1965, 1968, 1969. Đúng 10h ngày 19/5/1969 là kỷ niệm sinh nhật lần thứ 79 của Bác, Bác đọc lại lần cuối cùng tất cả các bản Di chúc đã viết trước đó rồi xếp tất cả bỏ vào phong bì và cất đi. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh công bố năm 1969, có đề ngày 10/5 gồm 4 trang in khổ 14,5x22cm. Bản Di chúc này chủ yếu dựa vào bản Người viết năm 1969, trong đó có đoạn mở đầu là bản viết năm 1969, đoạn về việc riêng là phần đầu bản viết năm 1968. Các bản thảo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh được Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá VI công bố năm 1989, vào dịp chuẩn bị kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Người.

Trong nội dung cốt lõi của Di chúc, ngoài việc dành một thời lượng lớn để nói về

* *Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM*

1. Thư ký riêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

2. <https://bvhttdl.gov.vn/di-chuc-cua-chu-tich-ho-chi-minh-nguon-sang-dan-duong-20190416085948662.htm>

Đảng cầm quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn rất quan tâm đến đoàn viên thanh niên, được xem không chỉ là lực lượng trực tiếp gánh vác và giải quyết những nhiệm vụ hiện tại, mà còn là đội ngũ kế cận, nguồn bổ sung có đủ năng lực để kế thừa và tiếp tục phát triển sự nghiệp của những thế hệ đi trước. Người nhắc nhở toàn Đảng, toàn dân phải luôn ghi nhớ rằng, “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”¹.

Năm 1911, trước cảnh nước mất độc lập, dân nô lệ lầm than, Hồ Chí Minh quyết chí ra đi tìm đường giải phóng dân tộc. Khi truyền bá chủ nghĩa Mác-Lê nin vào Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã chọn đối tượng thanh niên để xây dựng tổ chức cách mạng đầu tiên cho dân tộc là Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và xuất bản tờ báo Thanh Niên. Năm 1926-1927, Người trực tiếp mở nhiều lớp huấn luyện, đào tạo nhiều thanh niên Việt Nam yêu nước, rồi đưa trở về nước xây dựng phát triển phong trào cách mạng, trong số đó nhiều người sau này đã trở thành những cán bộ lãnh đạo xuất sắc của Đảng ta. Từ ngày 20-26/3/1931, tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 2, Trung ương Đảng đã dành một phần quan trọng trong chương trình làm việc để bàn về công tác thanh niên. Cách mạng tháng Tám thành công mở ra kỷ nguyên Độc lập, Tự do cho Đất nước, tin yêu và hy vọng ở thế hệ thanh niên, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên”².

Từ khi còn hoạt động ở nước ngoài cho đến khi đã trở thành Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh luôn nhất quán quan điểm: Muốn thức tỉnh một dân tộc, muốn tiến hành một cuộc đấu tranh để giải phóng, thì trước hết phải thức tỉnh thanh niên, vì thanh niên là một bộ phận quan trọng của dân tộc. Từ đó, Người đã đặt niềm tin tưởng vào thanh niên, coi vận mệnh của dân tộc, sự hưng thịnh hay suy vong của dân tộc Việt Nam tùy thuộc vào sự giác ngộ cách mạng và trách nhiệm của các thế hệ thanh niên. Dường như bằng tất cả tấm lòng mình, bằng chính những hoạt động không mệt mỏi của mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng loài người, Hồ Chí Minh đã “Gửi thanh niên An Nam” những lời nhắn nhủ: “Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám Thanh niên già cỗi của Người không sớm hồi sinh”³.

Với tư cách là đội ngũ dự bị, lực lượng kế cận hùng hậu của cách mạng và là những người chủ tương lai của nước nhà, các thế hệ trẻ - trước hết là thanh niên, có trách nhiệm kế tục sự nghiệp cách mạng, thực hiện sứ mệnh lịch sử vẻ vang mà lớp người đi trước đã chuyển giao vào tay mình. Coi vận mệnh của nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do thanh niên, Hồ Chí Minh khẳng định, thanh niên phải trở thành một lực lượng to lớn, vững chắc trong công cuộc kháng chiến và kiến quốc, phải “là người tiếp sức cách mạng cho thế hệ thanh niên già,... là người xung phong trong công cuộc phát triển kinh tế và văn hóa, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội”⁴.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t.12, tr.510.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.8, tr.185

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.2, tr.133.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.10, tr. 488.

Từ những điều kiện cụ thể, những thế mạnh, sự hạn chế của lớp cán bộ cha anh và thế hệ thanh niên, để có sự đan xen giữa các thế hệ, để có thể nối tiếp nhau hoàn thành những trọng trách mà Đảng và nhân dân giao phó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ rằng: thái độ đúng đắn nhất của lớp cha anh đối với thanh niên là phải thương yêu, giúp đỡ, phải độ lượng và truyền kinh nghiệm cho họ. Còn thanh niên thì phải luôn kính trọng thế hệ già, luôn học hỏi ở các bậc đàn anh, ghi nhớ công lao và những gian khổ hi sinh của các bậc lão thành cách mạng. Đồng thời với việc đặt niềm tin ở thế hệ thanh niên, Người luôn mong muốn và tạo mọi điều kiện để thanh niên được chuẩn bị chu đáo, được học hỏi nhiều, tích lũy tri thức cùng những bài học kinh nghiệm trong thực tiễn. Người quan niệm “con hơn cha là nhà có phúc”, nên từng nói rằng: “Nếu thế hệ già khôn hơn thế hệ trẻ thì không tốt, thế hệ già thua thế hệ trẻ mới là tốt”¹. Trong thực tiễn, Người đã quan tâm bồi dưỡng và sử dụng, sử dụng thường xuyên, để thực hiện sự xen kẽ, kế tục giữa các thế hệ cách mạng và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đào tạo thế hệ cách mạng cho đời sau. Theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, bồi dưỡng không chỉ để cho thế hệ sau trở thành những gì đúng như thế hệ trước đã có, mà còn vượt lên những gì thế hệ trước mong muốn nhưng chưa thực hiện được, do những điều kiện lịch sử quy định hoặc hạn chế, mà chỉ đến thế hệ sau mới làm được. Bồi dưỡng cho thế hệ trẻ là để trao vào tay họ cả tương lai và vận mệnh của đất nước. Vì vậy, Người đặc biệt lưu ý đến việc giáo dục bồi dưỡng thế hệ trẻ phải chú ý đến cả hai yếu tố đạo đức và tài năng, trong đó lấy đạo đức làm gốc.

2. Luận điểm thể hiện tầm nhìn chiến lược của Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

2.1. Xây dựng thế hệ cách mạng cho đời sau yêu nước, bản lĩnh, đổi mới, sáng tạo

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh rằng, vận mệnh của quốc gia, dân tộc thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do thanh niên - những người có trách nhiệm thực hiện sứ mệnh lịch sử vẻ vang mà các thế hệ cha anh đã chuyển giao vào tay mình. Do đó, nhất định thanh niên phải trở thành một lực lượng to lớn, vững chắc; phải là những người không chỉ gánh vác mà phải còn vượt lên những gì thế hệ trước mong muốn nhưng chưa thực hiện được do những hạn chế, những điều kiện lịch sử quy định... Để hoàn thành sứ mệnh đó, muốn trở thành những con người đủ đức, đủ tài, có thể gánh vác được những trọng trách mà cách mạng giao phó và làm chủ tương lai một cách xứng đáng, mỗi người ngay từ khi còn trẻ đã luôn phải tự giác rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải tích cực làm việc để chuẩn bị cho tương lai. Đó là, phải ra sức học tập trong nhà trường, ở gia đình và ngoài xã hội; học tập qua sách vở và trau dồi tri thức từ chính thực tiễn cuộc sống và khắc phục những nhược điểm: nóng vội, thiếu thực tế, hình thức, chủ quan...; phải cố gắng học tập chính trị, văn hóa, nghề nghiệp... Thấm nhuần tư tưởng của Người là “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc làm rất quan trọng và rất cần thiết”, trong giai đoạn hiện nay, để xây dựng con người toàn diện có đủ “đức” đủ “tài” đòi hỏi cần xác định chăm lo phát triển con người là mục tiêu xuyên suốt của Đảng, Nhà nước trong quá trình vận động và phát triển như hiện nay.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.10, tr. 465.

Thực tiễn qua 33 năm đổi mới, Đảng, Nhà nước ta ngày càng nhận thức đầy đủ hơn tầm quan trọng, mục tiêu, nội dung, phương thức giải quyết các vấn đề xã hội, nhất là an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, bảo đảm toàn diện và tốt hơn chất lượng cuộc sống của Nhân dân; khẳng định mục tiêu chính sách xã hội là nhằm xây dựng, phát triển con người, đem lại cuộc sống hạnh phúc cho con người, góp phần lành mạnh hóa xã hội và phát triển bền vững đất nước. Hệ thống chính sách, pháp luật về lĩnh vực xã hội ở nước ta ngày càng đồng bộ và hoàn thiện hơn; nguồn lực đầu tư được tăng cường và đa dạng hóa; phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân thực hiện chính sách xã hội, chăm lo cho con người; đạt được những thành tựu quan trọng về phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, không ngừng cải thiện phúc lợi xã hội. Việt Nam đã hoàn thành hầu hết và căn bản các chỉ tiêu thiên niên kỷ, nhất là giảm nghèo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện nhiều chính sách để ổn định, từng bước nâng cao đời sống của nhân dân. Đã thực hiện có hiệu quả nhiều chính sách đối với người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em, phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, chăm sóc sức khỏe, tạo điều kiện để người dân chủ động phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro trong đời sống, kinh tế, xã hội và môi trường. Quan tâm thực hiện tốt các chính sách chăm sóc người có công... Những kết quả đó thể hiện chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước ta: Chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tất cả mọi người; tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết tham gia; góp phần khai thác và phát huy cao độ trí tuệ, sức mạnh của mọi người dân, mọi tổ chức, lực lượng trong xã hội, chủ thể sáng tạo của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tạo động lực thực hiện thắng lợi mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Quá trình phát triển, của thực tiễn cách mạng Việt Nam cũng đã chứng minh rằng, thế hệ trẻ Việt Nam luôn xứng đáng với sự tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Họ thực sự là lực lượng xung kích trong sự nghiệp cách mạng. Các phong trào của Đoàn tiếp tục có bước phát triển mới, thể hiện rõ vai trò xung kích, tinh thần tình nguyện, sáng tạo của đoàn viên, thanh niên trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, đóng góp tích cực vào quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Thế hệ trẻ luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường phát triển của đất nước; thể hiện rõ lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc. Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi để chăm lo, giáo dục, bồi dưỡng, phát huy vai trò, trách nhiệm của thanh niên.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích to lớn mà thanh niên đã đóng góp cho đất nước thì hiện nay, chất lượng ở một bộ phận thanh niên vẫn còn nhiều hạn chế, không ít thanh niên còn lúng túng, mơ hồ trong nhận thức về âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Tình trạng chạy theo hình thức, bề nổi, thiếu thực chất tồn tại không ít trong hoạt động của tổ chức đoàn và các chương trình giáo dục thanh, thiếu nhi, vì vậy chưa thu được những kết quả thực chất¹. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống văn

1. <http://doanthanhnien.vn/tin-tuc/cong-tac-giao-duc/boi-duong-the-he-tre-la-viec-rat-quan-trong>

hóa cho thanh, thiếu nhi còn bị động, chưa được quan tâm đúng mức. Hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật không cao, dẫn đến tình trạng thanh niên vi phạm pháp luật diễn biến ngày càng phức tạp, khó lường. Công tác dự báo và nắm bắt tình hình tư tưởng, định hướng thanh niên ở nhiều nơi không kịp thời; xử lý các vấn đề nổi cộm phát sinh trong thanh niên còn lúng túng. Một số cơ sở đoàn không quan tâm công tác bồi dưỡng, nâng cao chất lượng kết nạp đoàn viên. Chất lượng sinh hoạt, hoạt động của chi đoàn trên địa bàn dân cư, nông thôn, miền núi... còn yếu. Tổ chức đoàn chưa kịp thời, chưa chủ động nghiên cứu, đề xuất giải pháp khắc phục, giải quyết các vấn đề xã hội trong thanh niên; chưa giải quyết được các vấn đề bức xúc, tiêu cực, mặt trái xã hội tác động tuổi trẻ, dẫn đến vai trò của tổ chức đoàn ở không ít nơi mờ nhạt. Đáng lo ngại hơn, một bộ phận không nhỏ thanh niên còn chây lười trong học tập, rèn luyện, không tham gia vào hoạt động của các đoàn thể, các tổ chức xã hội, nên đã từng bước bị thoái hoá, hư hỏng lao vào con đường cờ bạc, nghiện ngập ma tuý, mại dâm, vào các trò chơi cá độ, đua xe trái phép,... gây nên nhiều hậu quả nghiêm trọng cho bản thân, gia đình và xã hội.

Thời điểm hiện tại, là giai đoạn đầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, Đảng, Nhà nước luôn quan tâm, đặt niềm tin sâu sắc, kỳ vọng to lớn, tạo mọi điều kiện thuận lợi chăm lo, giáo dục, bồi dưỡng và phát huy vai trò thế hệ trẻ. Với sức trẻ, trí tuệ, quyết tâm và nhiệt huyết, thanh niên sẽ xung kích, sáng tạo và đi đầu để ứng dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2.2. Những định hướng cơ bản...

Một là, nỗ lực học tập chiếm lĩnh tri thức.

Trong Thư gửi các bạn thanh niên năm 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên”¹. Trong thực tế, tri thức, trí tuệ của thanh niên không phải là cái có sẵn, bất biến mà phải trải qua quá trình học tập, rèn luyện không ngừng mới có được. Để biến những cơ hội của thực tiễn đang đặt ra, của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 thành hiện thực không đơn thuần chỉ có quyết tâm mà cần phải có tri thức, có trí tuệ. Và việc chủ động nắm bắt thông tin, chuẩn bị về ngoại ngữ, tin học, luật pháp quốc tế, bản lĩnh chính trị văn hóa, nâng cao năng lực hội nhập... là điều kiện tất yếu trong bối cảnh cần lực lượng vừa “hồng” vừa “chuyên” như hiện nay.

Hai là, phát huy vai trò xung kích của thanh niên và Đoàn Thanh niên trong bối cảnh hội nhập, đổi mới hiện nay. Tổ chức các phong trào của Đoàn Thanh niên để thanh niên thể hiện vai trò của mình trong các phong trào đó.

Ba là, trong việc thực hiện các nhiệm vụ của mình, thanh niên và Đoàn Thanh niên cần xây dựng, đổi mới phong trào, chương trình hành động theo hướng có hiệu quả cụ thể, các giải pháp đề ra phải bám sát tình hình thanh niên. Các cấp ủy đảng, chính quyền cần tiếp tục chăm lo, quan tâm thanh niên và công tác thanh niên thông qua việc thực hiện tốt

1. *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.216.

các chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thanh niên. Coi tổ chức đoàn là lực lượng tiên phong, xung kích thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, qua đó tạo bước đột phá về chất lượng công tác đoàn và phong trào thanh niên. Quan tâm, chú trọng các hoạt động đối thoại với thanh niên để kịp thời định hướng cũng như giải quyết, đáp ứng những vấn đề chính đáng của thanh niên.

Di chúc, được hiểu là văn bản hoặc lời nói thể hiện ý chí, nguyện vọng của một người sau khi mất¹. Bản Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ đơn thuần là nguyện vọng của Bác sau khi đã mất mà đó còn là sự kết tinh cả cuộc đời của Bác, đúc kết, tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, nhân cách, bản lĩnh, tình cảm của một lãnh tụ, một con người vì nước, vì dân.

Nhìn lại 50 năm thực hiện lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tư tưởng bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau trong Di chúc, đặt bối cảnh hiện nay vẫn đang là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn mang tính cấp thiết./.

1. Điều 624 Bộ luật Dân sự năm 2015.

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG VIỆC ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN

*PGS.TS. Nguyễn Huy Vị**

Quan điểm và ý nghĩ của Bác Hồ đối với nhiệm vụ giáo dục và đào tạo giáo viên là một mặt trong chỉnh thể của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nói chung, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề con người và phát triển con người đã được Người nêu ra trong thông điệp nhân buổi nói chuyện với Hội nghị cán bộ giáo dục toàn quốc ngày 13/9/1958: “*Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây; Vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người*”¹.

“*Trồng người*” có nghĩa là đào tạo thế hệ trẻ thành những công dân có đủ đức, trí, thể, mỹ để làm chủ vận mệnh đất nước, để cho dân tộc ta thoát khỏi giặc dốt; bởi vì theo Người: “*Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu*”². Mà muốn hết dốt, tức là có trình độ văn hóa, thì nhân dân cần phải được học; muốn nhân dân học được thì nhất định cần phải có đội ngũ giáo viên vừa giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, vừa tốt về chính trị, đạo đức; đội ngũ giáo viên đó phải được đào tạo trong các nhà trường sư phạm, mà không những sư phạm, còn phải có tính chất là nhà trường mô phạm nữa!

Điều vừa nói chính là ý nghĩa có tính chân lý rút ra được từ lý luận hết sức đơn giản mà minh triết của Người trong bài nói chuyện với lớp hướng dẫn giáo viên cấp 2, cấp 3 và hội nghị sư phạm toàn quốc vào tháng 7 năm 1956³; và bài nói chuyện với thầy trò Trường ĐHSPT Hà Nội vào tháng 10 năm 1964⁴. Tư tưởng này của Hồ Chí Minh đã được vận dụng nhất quán trong chiến lược phát triển con người/phát triển nguồn nhân lực của Đảng và Nhà nước trong suốt hơn nửa thế kỷ qua, đã tạo được những thành tích giáo dục rõ ràng và to lớn cho nền giáo dục cách mạng Việt Nam.

Ở góc độ là người đã trải nghiệm trong công tác giảng dạy và quản lý cơ sở đào tạo giáo viên ở các trình độ THPT, CĐSP và ĐHSPT trong gần 40 năm qua, đồng thời tự nghiên cứu và suy nghiệm trên cơ sở nhận thức của cá nhân đối với các lời dạy của Bác Hồ, thông qua các sử liệu được in trong bộ sách quý *Hồ Chí Minh Toàn tập* của Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia năm 1996, đã rút ra được 3 bài học lớn từ tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục - đào tạo:

Thứ nhất, phải lấy giáo dục đạo đức làm gốc trong sự nghiệp trồng người;

Thứ hai, phải coi trọng giáo dục lao động; học phải đi đôi với hành;

Thứ ba, muốn có một nền giáo dục tốt phải có một đội ngũ nhà giáo tốt; vì vậy cần

* *Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - ĐHQG TP.HCM*

1. *Danh nhân Hồ Chí Minh*, NXB Lao động 2000, tr. 648.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr. 7.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr. 388.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr. 400.

phải có một ngành sư phạm tốt; mỗi trường sư phạm/cơ sở đào tạo giáo viên phải là một nhà trường mô phạm trong hệ thống giáo dục Đại học và giáo dục Nghề nghiệp!

Ba bài học nói trên được rút ra từ tư tưởng của Người thể hiện qua các bài viết sau đây:

Bài nói chuyện tại lớp hướng dẫn giáo viên cấp 2, cấp 3 và Hội nghị Sư phạm tháng 7/1956¹;

Bài nói chuyện tại lớp học chính trị của giáo viên năm 1959²;

Thư gửi các cán bộ giáo dục, học sinh, sinh viên các trường và các lớp bổ túc văn hóa³;

Bài nói chuyện tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội ngày 21/10/1964⁴;

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung kiến giải mấy vấn đề về bài học thứ ba, mà nó là khâu đầu tiên có tính then chốt trong quá trình tổ chức và vận hành hệ thống giáo dục của đất nước.

1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về việc đào tạo giáo viên

Ngay những ngày đầu của nền độc lập mà dân tộc mới giành được một nửa ở miền Bắc, Bác Hồ đã đặt vấn đề cần quan tâm hàng đầu đối với nền giáo dục nước nhà, đó là vấn đề giáo viên.

Vào tháng 7 năm 1956, tại lớp hướng dẫn giáo viên cấp 2, cấp 3 và Hội nghị sư phạm, Bác Hồ đã nói: *“Sự thật các cô các chú biết dân tộc ta, nước nhà ta đang khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa, mà muốn khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa thì cần cán bộ nhiều, nhưng cán bộ ta thiếu nhiều. Vậy ta phải đào tạo cán bộ, cán bộ phải có văn hóa làm gốc. Nếu ta muốn dùng máy móc mà máy móc một ngày một thêm tinh xảo, thì công nhân cũng phải có trình độ kỹ thuật rất cao không kém gì kỹ sư, phải biết tính toán nhiều.*

Ở nông thôn cũng vậy; các cô các chú ở nông thôn nhiều chắc biết trước kia ruộng là của địa chủ, nông dân cứ cuối đầu làm lưng suốt ngày, gặt được bao nhiêu thì nộp cho địa chủ hết, nên không cần có văn hóa mà cũng không thể mong mỏi có văn hóa được. Bây giờ khác, nông dân có ruộng đất, lại có tổ đổi công cho nên nông dân càng phải biết văn hóa, hầu như có quyền sở, phải ghi sổ có mấy người, không biết chữ thì không làm được, rồi phải chia công chấm điểm, lại càng phải có văn hóa.

Vì vậy công nhân, nông dân đại đa số phải có văn hóa, muốn có văn hóa thì phải làm thế nào? (Bác hỏi) (Hội trường trả lời to: “Phải học”)

Muốn học cần phải có gì? (“Có thầy”)

Các cô các chú cứ đi dần thì hiểu, thầy giáo ngày nay không phải như trước chỉ biết gõ đầu trẻ, miễn là có bài học cho trò, cuối tháng bỏ lương vào túi. Bây giờ thầy giáo phải có trách nhiệm với nhân dân. Cách dạy sao cho học sinh mau hiểu, mau nhớ, lý luận đi đôi với thực hành.

Các thầy giáo, các cô giáo phải gần gũi dân chúng. Các thầy giáo cũng như các trí thức khác là lao động trí óc. Lao động trí óc phải biết sinh hoạt của nhân dân, nếu chỉ giờ sách đọc thì không đủ. Phải yêu dân, yêu học trò, gần gũi nhau, gần gũi cha mẹ học trò.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr. 388.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 266.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 647.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr. 400.

Giáo dục ở trường và ở gia đình có quan hệ với nhau. Các cô các chú phải thi đua trao đổi kinh nghiệm”¹.

Có lẽ không có cách lý luận nào đơn giản hơn, minh bạch hơn và chặt chẽ hơn cách lập luận của Người về vị trí, vai trò và nhiệm vụ của người giáo viên; và chỉ nội dung của bài nói chuyện này thôi, cũng đủ để toàn ngành GD-ĐT suy ngẫm về mặt học thuật đối với các ngành khoa học Giáo dục và khoa học Sư phạm; đồng thời ở đây, khác nào cái cảm nung mà Người đã trao lại cho mọi thể hệ nhà giáo nói riêng và toàn ngành GD-ĐT nói chung, để chúng ta hoàn thành sứ mệnh nhân văn của mình.

Lý luận mà không phải là lý luận, vượt lên trên lý luận đi thẳng vào thực tiễn và hết sức cụ thể đến từng công việc, mà toàn ngành GD-ĐT phải làm nhằm đáp ứng nhu cầu thiết thực của công cuộc tái thiết đất nước lúc bấy giờ; các ý tưởng đó cho đến hôm nay vẫn nóng hổi tính thời sự và chính xác đến từng chi tiết công việc mà ngành GD-ĐT phải thực hiện trong sự nghiệp đào tạo nhân lực nói chung, nhằm phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH nước nhà: Muốn xây dựng đất nước thì cần phải có cán bộ có trình độ văn hóa; muốn có cán bộ có văn hóa thì phải đào tạo; muốn làm được công việc đào tạo cán bộ thì phải có đội ngũ nhà giáo. Nhà giáo ở đây là nhà giáo XHCN, nghĩa là nhà giáo có đủ cả đức lẫn tài; cái tài và cái đức của nhà giáo có được là do được đào tạo trong nhà trường mô phạm, đó là nhà trường sư phạm XHCN!

Như vậy theo logic ấy, ta hiểu rằng, theo lời dạy của Người, nền giáo dục nước nhà tốt hay không, cái nhân lõi của vấn đề là trường sư phạm- chiếc máy cái- có tốt hay không? Chẳng phải thế sao khi mà Người đã khẳng định như đinh đóng cột: *“Học trò tốt hay xấu là do thầy giáo, cô giáo tốt hay xấu”².*

Ở góc độ là chiếc máy cái, là cái “lò đúc giáo viên”, các trường Sư phạm/cơ sở đào tạo giáo viên rút ra được nhiều bài học quý giá trong nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên của mình. Trước hết, có một quan điểm rất nhất quán và có tính bao trùm mang tính tiên đề (Axiom) trong tư tưởng Hồ Chí Minh là: *Đào tạo ra những nhà giáo vừa có đức vừa có tài, trong đó lấy đức làm gốc!*

Về quan điểm sau cùng nói trên, Người đã chỉ rõ trong bài nói chuyện tại lớp chính trị của giáo viên năm 1959: *“Ta là cán bộ chuyên môn, có chuyên môn mà không có chính trị giỏi thì giỏi mấy dạy trẻ cũng hỏng. Chính trị là linh hồn, chuyên môn là cái xác. Có chuyên môn mà không có chính trị thì chỉ còn là cái xác không hồn. Phải có chính trị trước rồi có chuyên môn. Nếu thầy giáo, cô giáo bàng quan thì lại đúc ra một số lượng công dân không tốt, cán bộ không tốt. Nói tóm lại, chính trị là đức, chuyên môn là tài, có tài mà không có đức là hỏng. Có đức mà chỉ i-tờ thì dạy thế nào? Đức phải có trước tài”³.*

Cái “Đức” mà người giáo viên phải có ở đây là đạo đức cách mạng, đạo đức XHCN, *“đức là chính trị”*; nghĩa là phải là người giáo viên của nhân dân, thấm nhuần phương châm *“tiên ưu, hậu lạc”*. Người giáo viên phải có đức thì mới có khả năng hoàn thành nhiệm vụ trồng người: *“muốn cho học sinh có đức thì giáo viên phải có đức”* tức là mỗi giáo viên phải

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr. 388-389.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr. 492.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 269.

là một tấm gương sáng cho học sinh noi theo!

Tuy nhiên, quan điểm biện chứng về cấu trúc nhân cách của người thầy giáo XHCN của Người là luôn nhất quán. Năm 1964, tại buổi gặp gỡ và nói chuyện với thầy trò Trường ĐHSPT Hà Nội, Người đã nhắc nhở: *“Dạy và học phải biết chú trọng cả tài lẫn đức. Đức là đạo đức cách mạng. Đó là cái gốc quan trọng”*¹.

Nói riêng về quan điểm chuyên môn, Người đã dạy phải đào tạo cho người giáo viên biết *“học đi đôi với hành, lý luận phải đi đôi với thực tế”*; hơn nữa, về phương pháp dạy học mà trường sư phạm cần trang bị cho thế hệ thầy giáo tương lai là cách *“dạy sao cho học sinh mau hiểu, mau nhớ”*.

Nói thêm, đối với việc đào tạo giáo viên trình độ đại học- trình độ ở cấp độ hàn lâm- Người đã vận dụng tinh hoa lý luận của Khổng học: *“Một người học xong đại học có thể gọi là có tri thức. Song y không biết cấy ruộng, không biết làm công, không biết đánh giặc, không biết làm nhiều việc khác. Nói tóm lại: Công việc thực tế y không biết gì cả. Thế thì y chỉ có tri thức một nửa. Tri thức của y là tri thức học sách chưa phải là tri thức hoàn toàn. Y muốn thành người tri thức hoàn toàn thì phải đem tri thức đó áp dụng vào thực tế”*².

Theo Đặng Quốc Bảo³, Hồ Chí Minh khẳng định con đường học vấn và lý tưởng cao đẹp ở mỗi giáo viên là phải có đạo đức trong sáng, có sự *“chính tâm”*, sự *“thành ý”*; biết đem kết quả học tập của mình ở nhà trường sư phạm mà phục vụ cho hạnh phúc của nhân dân. Ý tưởng này đã được Người trao đổi trong bài nói chuyện tại lớp nghiên cứu chính trị khóa 7, Trường Đại học Nhân dân Việt Nam ngày 21/7/1956: Người nhấn mạnh, học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời; hạt nhân của việc học được Người tóm tắt bằng một mệnh đề của Khổng học trong sách Đại học, gồm trong 11 chữ: *“Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân dân”*. Người giải thích: *“Nói tóm tắt minh đức là chính tâm. Thân dân tức là phục vụ nhân dân, đặt lợi ích của nhân dân trên hết”*⁴.

Về phương pháp học của người sinh viên sư phạm nói riêng cũng phải nên học lấy lời dạy quý báu và chưa bao giờ cũ của Người trong di sản tư tưởng giáo dục của Hồ Chí Minh⁵: *“Lấy tự học làm cốt. Do thảo luận và chỉ đạo giúp vào”*; *“Sắp xếp thời gian và bài học phải cho khéo, phải có mạch lạc với nhau”*; *“Phải nâng cao và hướng dẫn tự học”*; và vì vậy, *“Không phải có thầy thì học, thầy không đến thì ìu. Phải biết tự động học tập”*.

Đặc biệt, về tính đặc thù sư phạm trong các ngành học, bậc học, Người đã có quan điểm chỉ đạo tường minh được trình bày dưới đây, mà với những quan điểm này, các trường sư phạm từ trước đến nay đã vận dụng để xây dựng mục tiêu và chương trình đào tạo giáo viên các cấp/bậc học phổ thông, mầm non tương ứng ở nước ta⁶:

“Đại học thì cần kết hợp lý luận khoa học với thực hành, ra sức học tập lý luận và khoa học tiên tiến của các nước, kết hợp với thực tiễn nước ta để thiết thực giúp ích cho công cuộc xây dựng nước nhà.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr. 400.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr. 235.

3. Đặng Quốc Bảo và nhiều tác giả: *Danh nhân Hồ Chí Minh*, NXB Lao Động, Hà Nội, 2000, tr. 733.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.215.

5. Đặng Quốc Bảo và nhiều tác giả: *Danh nhân Hồ Chí Minh*, NXB Lao Động, Hà Nội, 2000, tr. 737.

6. Đặng Quốc Bảo và nhiều tác giả: *Danh nhân Hồ Chí Minh*, NXB Lao Động, Hà Nội, 2000, tr. 725.

Trung học thì cần đảm bảo cho học trò những tri thức phổ thông chắc chắn thiết thực thích hợp với nhu cầu và tiền đề xây dựng nước nhà, bỏ những phần nào không cần thiết cho đời sống thực tế.

Tiểu học thì cần giáo dục các cháu thiếu nhi yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, trọng của công. Cách dạy phải nhẹ nhàng, vui vẻ chớ gò ép thiếu nhi vào khuôn khổ của người lớn. Phải đặc biệt gìn giữ sức khỏe của các cháu¹.

Làm mẫu giáo tức là thay mẹ dạy trẻ. Muốn được thế thì trước hết phải yêu trẻ. Các cháu nhỏ hay quấy phải bền bỉ chịu khó mới nuôi dạy được các cháu. Dạy trẻ cũng như trồng cây non. Trồng cây non được tốt thì sau này cây lên tốt. Dạy trẻ nhỏ tốt thì sau này các cháu thành người tốt².

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về việc đào tạo giáo viên là một bộ phận nhất quán trong tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục

Dĩ nhiên không thể tách độc lập việc đào tạo giáo viên khỏi chính thể tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, bởi vì nhiệm vụ đào tạo giáo viên cũng thuộc nội hàm của phạm trù Giáo dục.

Khi bàn về triết lý giáo dục Hồ Chí Minh, GS.VS. Phạm Minh Hạc đã viết³: “Chúng ta đều nhớ đến thuộc lòng câu Hồ Chí Minh nói trong “Những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ngày 3/9/1945: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu” có ý nghĩa vô cùng khái quát. Bác gọi là “nạn dốt” – chữ “dốt” có nghĩa rất rộng, từ mù chữ, đến học thấp, ít học, mà biến học thì vô cùng, bây giờ có “mù máy tính”, “mù ngoại ngữ”, v.v..., có khi có học mà dốt không biết giải quyết vấn đề, không biết xử trí, nên ngay từ năm đó Bác đã gọi là “giặc dốt”, mà đã là giặc thì nó có thể giết mình. Muốn hết, nói đúng hơn, bớt dốt, cần cả nền học vấn và biết vận dụng thích hợp giải quyết vấn đề”.

Quả thật vậy, “Muốn hết, nói đúng hơn, bớt dốt, cần cả một nền học vấn”, mà nền học vấn ấy không thể nào có được nếu không có một hệ thống nhà trường chất lượng, suy rộng ra, tức là nếu không có một hệ thống giáo dục chất lượng, mà ở đó các trường học là cơ sở và đội ngũ giáo viên là lực lượng nòng cốt làm nên chất lượng giáo dục. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà trường Việt Nam mới đã được Người quan tâm chỉ đạo trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp năm 1947⁴:

“Sự học tập trong nhà trường có ảnh hưởng rất lớn cho tương lai của thanh niên và tương lai của thanh niên là tương lai của nước mình. Vì vậy cốt nhất là phải dạy cho học trò biết yêu nước thương nòi... phải dạy cho họ có ý chí tự lập tự cường quyết không chịu thua kém ai, quyết không chịu làm nô lệ”.

Người nêu ra bốn việc quan trọng của trường học:

“Một là làm cho học sinh quý trọng sự cần lao;

Hai là tập cho họ quen lao khổ

Ba là cho họ cái chí khí tự lực kì lực (Tự làm lấy mà ăn, không ăn bám xã hội)

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr. 344.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr. 509.

3. Phạm Minh Hạc (2012): “Về triết lý giáo dục Việt Nam”. VietnamMarcom.edu.vn

4. Bùi Minh Hiền (Chủ biên): *Quản lý giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2006, tr. 217.

Bốn là có ích cho sức khỏe của họ”

Người đã chỉ thị nhà trường phải là nhà trường quan tâm đến giáo dục toàn diện: Đức; Trí; Thể; Mĩ.

Trong thư gửi nhân dịp năm học đầu tiên của miền Bắc hoàn toàn giải phóng (24/10/1955), Người viết:

“ Đối với các em, việc giáo dục gồm có:

Thể dục: để làm cho thân thể khỏe mạnh đồng thời cần giữ vệ sinh riêng và vệ sinh chung.

Mĩ dục: để phổ biến cái đẹp là gì, cái gì là không đẹp.

Đức dục: là yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu người lao động, yêu khoa học, yêu trọng của công...

Các em cần rèn luyện đức tính thành thật, dũng cảm. Ở trường thì kính thầy yêu bạn đoàn kết giúp đỡ nhau. Ở nhà thì yêu kính và giúp đỡ cha mẹ. Ở xã hội thì tùy sức mình mà tham gia những việc có lợi ích chung”¹.

Trong buổi nói chuyện với trường cấp III Chu Văn An - Hà Nội, Người đã giải thích rõ nguyên lý giáo dục của nhà trường mới:

“Trường học của ta là trường học xã hội chủ nghĩa. Trường học xã hội chủ nghĩa là thế nào?

Nhà trường xã hội chủ nghĩa là nhà trường: Học đi đôi với lao động; Lí luận đi với thực hành; Cần cù đi với tiết kiệm”.

Trong tổ chức quản lý nhà trường, Người đã chỉ dạy: *“Trong trường cần có dân chủ. Đối với mọi vấn đề thầy và trò cùng nhau thảo luận, ai có ý kiến gì đều phải thật thà phát biểu. Điều gì chưa thông suốt thì hỏi bàn cho thông suốt. Dân chủ nhưng trò phải kính thầy, thầy phải quý trò, chứ không phải cá đối bằng đầu”².*

Tư tưởng dân chủ hóa trường học đã được Người hình thành ý tưởng từ khi từ nước ngoài về lại chiến khu Việt Bắc năm 1941; Người đã tâm sự với tổ giáo viên của trường học cách mạng trong chiến khu³:

“Làm thầy phải hiểu trò, các chú lên lớp mà cứ thao thao bất tuyệt chuyện trong nước và thế giới thì không ai hiểu cặn kẽ đâu. Ở đây già có trẻ có ta phải tìm ra nội dung thích hợp, dạy cái gì cho thiết thực dễ hiểu”.

Có một ý tưởng rất tiên bộ, cập nhật với quan điểm hiện đại về sự đáp ứng nhu cầu xã hội của nhà trường cũng đã hình thành rất sớm trong tư tưởng giáo dục của Người; Người xem người quản lý nhà trường như người làm ra hàng hóa: *“... làm ra hàng phải đúng với nhu cầu của người tiêu thụ. Nếu người ta cần nhiều xe mà mình làm ra nhiều bình tích thì hàng ế”⁴.*

Có thể tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh về đào tạo giáo viên là một bộ phận luôn nhất quán và gắn bó biện chứng với tư tưởng giáo dục của Người- một tư tưởng vượt trước thời đại, mà cuối thế kỷ XX một tuyên ngôn giáo dục cho thế kỷ XXI của nhân loại, do UNESCO đề xướng, có cách biểu đạt chỉ khác về hình thức ngôn ngữ, nhưng nội hàm của nó là trùng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr. 175.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr. 454.

3. Bùi Minh Hiền (Chủ biên): *Quản lý giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2006, tr. 221.

4. Bùi Minh Hiền (Chủ biên): *Quản lý giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2006, tr. 221.

hợp với tư tưởng giáo dục của Hồ Chí Minh: “*Học để biết; Học để làm; Học để chung sống cùng nhau; Học để khẳng định mình*”; Chẳng phải thế sao, khi Người đã khẳng định “*Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu*”; và ở trang đầu quyển sổ vàng của Trường Nguyễn Ái Quốc trung ương, Người ghi: “*Học để làm việc; làm người; làm cán bộ. Học để phụng sự đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại*”¹.

3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công việc đào tạo ở các trường sư phạm ngày nay

Việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề đào tạo giáo viên đã được các cơ sở đào tạo giáo viên ở nước ta, từ đào tạo trình độ ĐHSP, CĐSP đến THSP và bồi dưỡng thường xuyên, thực hiện từng phần từ khi nước nhà mới độc lập được một nửa ở miền Bắc từ năm 1954. Đến khi nước nhà thống nhất Bắc-Nam, non sông hợp về cùng một mối ngày 30/4/1975, ngành sư phạm nước nhà có điều kiện để thực hiện đầy đủ di huấn của Người trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến lược con người nói chung và về nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo nói riêng.

Trong 40 năm qua, mạng lưới nhà trường sư phạm được thiết lập và phân bố phù hợp khắp các vùng miền cả nước: ở các thành phố lớn có các trường đại học sư phạm quốc gia hoặc trọng điểm; ở các khu vực đều có trường ĐHSP; ở các địa phương (tỉnh/TP trực thuộc) đều có trường cao đẳng sư phạm hoặc trường THSP; ngoài ra còn có nhiều khoa sư phạm trong các cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học khác.

Dưới sự quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục, và sau này là Bộ GD&ĐT, các trường sư phạm đã đào tạo và bồi dưỡng hầu như theo cùng một mục tiêu và chương trình do Bộ GD&ĐT ban hành; Tuy tính tự chủ về học thuật đối với các trường sư phạm còn rất hạn chế, nhất là đối với các trường CĐSP và THSP, hệ thống nhà trường sư phạm cũng đã làm được kỳ tích cung cấp đủ lực lượng giáo viên các cấp học Mầm non và Phổ thông cho cả nước, nhất là phủ được giáo dục phổ thông ở miền núi, vùng sâu, vùng xa. Hệ thống các trường sư phạm thường xuyên theo chu kỳ 5 năm rà soát lại mục tiêu, chương trình đào tạo giáo viên cho phù hợp với sự phát triển về lượng và thay đổi về chất của giáo dục phổ thông (GDPT) và giáo dục mầm non; nhất là từ năm 2000 đến nay, khi GDPT được liên tục rà soát về chương trình và sách giáo khoa theo hướng tinh giảm tải trọng nội dung chương trình, lấy cái tinh làm trọng, xem nhẹ cái nhiều. Và hơn thế nữa, trong dạy học phải biết tích cực hóa hoạt động học sinh, lấy học sinh làm trung tâm; tăng cường thực hành, trải nghiệm sáng tạo; dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Theo đó, phương pháp đào tạo ở các trường sư phạm cũng liên tục đổi mới theo tinh thần tích cực hóa hoạt động sinh viên, học sinh sư phạm; lấy người học làm trung tâm; giảm lý thuyết, tăng thực hành, thực tập để sinh viên trải nghiệm, sáng tạo; đào tạo theo định hướng phát triển năng lực học sinh, sinh viên sư phạm. Đây chính là một cách thể hiện cụ thể và sinh động quan điểm của Bác Hồ: “*Học đi đôi với hành*”; “*Nhà trường gắn liền với xã hội*”; “*Dạy sao cho học sinh mau hiểu, mau nhớ*”.

Nhưng một kỳ vọng của Người là làm sao đội ngũ nhà giáo của nước nhà phải có chất lượng, chứ không chỉ “*có đức mà chỉ i-tờ thì dạy thế nào?*”.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.684.

Điều kiện cần để có thể đào tạo được một đội ngũ thầy giáo đảm bảo chất lượng, như Người đã từng mong mỏi, là mỗi trường sư phạm “*chẳng những là trường sư phạm mà còn phải là trường mô phạm*” trong hệ thống giáo dục đại học và/hoặc nghề nghiệp trên phạm vi cả nước trong điều kiện ngày nay. Từ “mô phạm” của Người nói ở đây phải được hiểu về cả hai phương diện: chuẩn hóa về trình độ đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý nhà trường, cùng với cảnh quan sạch, đẹp và cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của các trường sư phạm hiện đại.

Nói về cơ sở vật chất và cảnh quan sư phạm, thật may mắn, hệ thống các trường sư phạm trong cả nước, trong 20 năm vừa qua, về căn bản đã thực hiện được di huấn của Người; ngày nay sinh viên, học sinh các trường sư phạm đã khắc phục được tình trạng “*ăn sư, ở phạm*” của những năm 80, 90 của thế kỷ XX về trước; nói chung cơ ngơi các trường sư phạm ngày nay đều “*to đẹp hơn và đàng hoàng hơn*” nhờ vào sự đầu tư lớn của Nhà nước qua chương trình mục tiêu số 4 quốc gia của Bộ GD&ĐT giai đoạn 1993-1998 về tăng cường cơ sở vật chất cho các trường sư phạm cả nước.

Cơ sở vật chất nhà trường sư phạm đành rằng đã là quan trọng, nhưng yếu tố có tính quyết định hơn chính là chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý trường sư phạm. Về điều này, có lẽ hệ thống các trường sư phạm vẫn còn bất cập, nhất là đối với các trường CĐSP và các trường đại học thuộc địa phương vừa qua được nâng cấp từ trường cao đẳng mà ở đó có nhiệm vụ đào tạo giáo viên. Các trường sư phạm thuộc địa phương hiện nay đang lâm vào tình trạng khủng hoảng thiếu giảng viên trình độ Tiến sĩ theo yêu cầu chuẩn hóa trình độ giảng viên đại học của quy hoạch phát triển nhân lực ngành GD-ĐT, nhưng đồng thời cũng thiếu việc làm cho cả nhóm các trường này vì các trường không tuyển sinh được. Nguyên nhân của việc không tuyển sinh được đối với các trường sư phạm địa phương hiện nay là do tình trạng mất cân đối cung - cầu nguồn giáo viên trong hơn 10 năm qua: cung đã vượt quá nhu cầu xã hội; từ đó cũng làm mất động lực phấn đấu trong chuyên môn của đội ngũ nhà giáo của các trường sư phạm thuộc địa phương. Ngày nay, vấn đề tái cơ cấu mạng lưới trường sư phạm là một bài toán khó, nhưng có tính cấp bách đặt trong bối cảnh đổi mới toàn cục của hệ thống giáo dục Đại học và giáo dục Nghề nghiệp nước nhà phải được giải quyết.

Thế còn điều kiện gì nữa mới đạt điều kiện đủ? – Đó là chất lượng đầu vào của sinh viên sư phạm! Đây chính là điều đáng lo nhất cho chất lượng giáo dục của đất nước nói chung và chất lượng giáo dục của các địa phương nói riêng trong tương lai nếu không có đội ngũ “*thầy giáo tốt*” được đào tạo. Về điều này, Nhà nước đã có nhiều chế độ, chính sách ưu đãi đối với sinh viên, học sinh sư phạm, nhằm khuyến khích học sinh giỏi ở phổ thông theo nghề dạy học. Tuy vậy, tính hiệu quả của các chính sách này chỉ mới có tác dụng tích cực đối với các trung tâm sư phạm lớn của đất nước, còn ở địa phương, hiệu quả chưa được nhiều lắm hoặc có khi là thất lợi. Đơn cử một ví dụ là, một biện pháp mạnh về khống chế ngưỡng chất lượng tuyển sinh đầu vào các trường sư phạm trong vài năm gần đây của Bộ GD&ĐT đã “vô tình” bóp nghẹt nguồn tuyển sinh của các trường sư phạm thuộc địa phương; trong 2 mùa tuyển sinh năm 2017, 2018, có rất nhiều trường CĐSP và ĐH địa phương phải đóng cửa ngành đào tạo và nguy cơ sắp đến việc đóng cửa trường là khả năng rất lớn đối với nhiều trường CĐSP.

Song, có một dấu hiệu đáng mừng là, vị trí xã hội của người thầy đã được phục hưng; tâm lý coi nhẹ ngành sư phạm trong khuynh hướng chọn nghề của thanh niên đã mất dần chỗ đứng; và kỳ vọng rằng, thành ngữ “chuột chạy cùng sào mới vào sư phạm” mãi mãi chỉ còn trong chuyện kể ngày xưa đối với nền giáo dục nước nhà!

Một nhà giáo dục nghiên cứu rất sâu về Tư tưởng Hồ Chí Minh, PGS.TS Đặng Quốc Bảo, đã nhận định: “Tư tưởng giáo dục Hồ Chí Minh là kết tinh truyền thống giáo dục văn hiến của đất nước Việt Nam, sự cần cù hiếu học của người dân Việt Nam; tư tưởng giáo dục của Người cũng là sự hội tụ tinh hoa văn hóa giáo dục nhân loại, phản ánh sâu sắc tính quy luật khách quan của các dân tộc trong sự nghiệp xây dựng một nền giáo dục dân chủ, nhân văn, nền giáo dục cho mọi người, nền giáo dục là hạt nhân của quá trình phát triển kinh tế xã hội, văn hóa, chính trị đi tới một tương lai tốt đẹp”¹.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về việc đào tạo giáo viên là một bộ phận quan trọng, có tính cốt lõi của chỉnh thể tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục; ở đó, nó cũng đã phản ánh đầy đủ các thuộc tính bản chất nhân văn, dân chủ và thân dân.

Trên tinh thần kế thừa và phát huy tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, việc đào tạo giáo viên ngày nay của nước ta dựa trên nền tảng triết lý giáo dục Việt Nam là²:

“Đường lối: giáo dục là quốc sách hàng đầu.

Sứ mệnh: nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.

Phương châm phát triển: chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá.

Xây dựng nền giáo dục nhân văn, nhân bản với hạt nhân là giá trị bản thân”

Việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng giáo viên ngày nay của hệ thống nhà trường Sư phạm Việt Nam phải được thực hiện hằng thường và tất yếu; vì rõ ràng rằng, tính chân lý của nó không những được khẳng định trong phạm vi thể chế và truyền thống giáo dục Việt Nam, mà nó còn phù hợp với tư tưởng và các giá trị nhân bản của nền giáo dục thế giới đương đại mà UNESCO đã đề xướng cho thế kỷ XXI./.

1. Bùi Minh Hiền (Chủ biên): *Quản lý giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2006, tr. 748.

2. Phạm Minh Hạc (2012): “*Về triết lý giáo dục Việt Nam*”. VietnamMarcom.edu.vn

PHẦN THỨ TƯ
DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH
VỚI CÁC VẤN ĐỀ KINH TẾ, VĂN HOÁ, XÃ HỘI

LÔGIC BIỆN CHỨNG CỦA MỘT SỐ LUẬN ĐIỂM CƠ BẢN TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

NGŨT.PGS.TS. Lê Hữu Ái*
TS. Nguyễn Thị Thu Hương**

1. Di chúc – Lời dặn cuối cùng trước lúc đi xa

Khái quát về cuộc đời con người trong quan niệm của phương Đông là Sinh - Lão - Bệnh - Tử, đó là quy luật của Tạo hóa mà không ai có thể cưỡng lại được. Hồ Chí Minh ý thức rất rõ điều đó, và vì vậy “Tôi để sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp các cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác...” như cách nói của Hồ Chí Minh, biểu hiện tầm nhìn của một bậc minh triết, chủ động, bình tĩnh, sáng suốt, là cách nhìn biện chứng của bậc thánh nhân, quân tử. *Di chúc* là lời căn dặn cuối cùng, biểu hiện ước vọng của một cá nhân dành cho hậu thế. Do tính chất của nó, những nội dung, câu chữ của *Di chúc* hàm chứa giá trị lịch sử to lớn. Sự thật, *Di chúc* là một văn kiện lịch sử vô giá, kết tinh trong đó các giá trị tư tưởng, đạo đức, tác phong và tâm hồn cao đẹp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người đã nguyện suốt đời phấn đấu, hy sinh vì dân tộc và nhân loại, tận trung với nước, tận hiếu với dân.

Đọc toàn bộ *Di chúc*, suy ngẫm, ta mới thấy toát lên tinh thần biện chứng, khoa học thể hiện tư tưởng của một vĩ nhân. *Di chúc* được viết trong bốn năm, từ 1965 đến 1969, vào những thời gian nhất định, biểu hiện cho tính chất quan trọng của văn bản, với những nội dung cần truyền tải cho hậu thế. Những lời căn dặn của Hồ Chí Minh trên nhiều phương diện thể hiện tầm nhìn của một lãnh tụ, đó là sự tổng kết lý luận và thực tiễn, về cách mạng, biểu hiện lôgic biện chứng sâu sắc trong mọi lĩnh vực mà Người đề cập.

2. Trật tự và tính lôgic của các vấn đề trong *Di chúc*

Yêu cầu khách quan là một di chúc là cần phải được viết ngắn gọn, tường minh, các vấn đề đề cập phải rõ ràng để những người thực hiện di chúc dễ nhớ, dễ làm, dễ thực hiện có hiệu quả. Sau nhiều lần sửa chữa, bổ sung vào các năm 1966, 1967, 1968; Hồ Chí Minh viết tay toàn bộ 6 trang phần mở đầu của *Di chúc* của Người vào ngày 10-5-1969. *Di chúc* lần đầu tiên được công bố vào ngày Tang lễ của Người. Bản công bố này chủ yếu dựa vào bản viết năm 1965.

Phải nhìn lại bối cảnh ra đời của *Di chúc*, ta mới cảm nhận được tư duy chiến lược trong việc đánh giá lực lượng giữa ta và địch và khẳng định ý chí sắt đá của toàn dân tộc để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Có thể nói, đây là những năm tháng cam go và đầy thử thách nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Phá sản trong *Chiến tranh đặc biệt* đã buộc Mỹ dốc toàn lực, đưa mấy chục vạn quân vào miền Nam, thực hiện đánh

*Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

** Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

phá miền Bắc nhằm chặn đường chi viện của hậu phương lớn miền Bắc cho tiền tuyến. Người bình tĩnh khẳng định: “Đó là hành động tuyệt vọng của chúng, khác nào con thú dữ bị thương nặng, giãy giụa một cách hung tợn trước hơi thở cuối cùng”¹.

Cùng với miền Nam đánh Mỹ, Hồ Chủ tịch và Đảng Lao động Việt Nam đã chỉ đạo, củng cố miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh chiến tranh, duy trì sản xuất, sẵn sàng chiến đấu. Trong hoàn cảnh khó khăn, ác liệt như thế, Hồ Chí Minh khẳng định: “Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải đi qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn”². Đó là sự suy luận lôgic chặt chẽ khi hiểu rõ xu thế vận động của lịch sử.

Sau khi khẳng định sự thắng lợi tất yếu của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, *Di chúc* đề cập đến những vấn đề cốt lõi cần phải thực hiện nhằm đảm bảo cho sự thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Trước hết nói về Đảng, Hồ Chí Minh cho rằng: Đoàn kết tạo nên sức mạnh, đoàn kết là một truyền thống quý báu của Đảng ta. Muốn đoàn kết thì phải thường xuyên nghiêm chỉnh, tự phê bình và phê bình, thực hành dân chủ. Là đảng cầm quyền, do vậy, mỗi đảng viên phải “thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự *cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư*. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ trung thành của nhân dân”³.

Thứ hai, về đoàn viên và thanh niên, Hồ Chí Minh khẳng định thanh niên là những người tốt, hăng hái, không ngại gian khó và cần phải chăm lo, giáo dục họ thành những người kế tục xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng”, vừa “chuyên” và “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”⁴.

Thứ ba, về nhân dân lao động, Hồ Chí Minh cho rằng, nhân dân ta từ bao đời đã chịu nhiều gian khổ, bị chế độ thực dân phong kiến áp bức, bóc lột, trải qua bao cuộc chiến tranh tàn phá. Khó khăn, gian khổ là vậy nhưng vẫn anh dũng, kiên cường, một lòng theo Đảng. Vì vậy, “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế, văn hóa nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”⁵.

Thứ tư, về cuộc kháng chiến chống Mỹ, Hồ Chí Minh khẳng định, cho dù đế quốc Mỹ có điên cuồng đánh phá miền Bắc, bình định miền Nam, cuộc kháng chiến có thể kéo dài nhưng nhân dân ta nhất định thắng lợi hoàn toàn. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ đã góp phần vào phong trào giải phóng dân tộc của các nước trên thế giới, chống lại chủ nghĩa thực dân mới.

Thứ năm, về phong trào cộng sản thế giới, Hồ Chí Minh thể hiện sự đau lòng khi nhìn thấy sự bất hòa giữa các đảng anh em và mong muốn: “Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em, trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản có lý, có tình”⁶.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, t.12, tr.108.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tr.509.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tr.510.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tr. 510.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tr. 511.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tr. 511.

*Thứ sáu, trong bản sửa chữa, tháng 5, năm 1968, một năm trước khi Bác qua đời, Người bổ sung đoạn nói về những việc cần thực hiện sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đây là những căn dặn, dự báo, thể hiện sâu sắc tư tưởng biện chứng của Người. Hồ Chí Minh khẳng định phải nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, đó là công việc khó khăn và cực kỳ phức tạp, nên phải có kế hoạch cụ thể. Trước hết là *chính đốn Đảng* để có thể hoàn thành sứ mệnh của mình, kế tiếp là những việc cụ thể cần phải tiến hành ngay sau cuộc chiến. Người căn dặn “*Đầu tiên là công việc về con người*”¹.*

Với các binh sĩ, dân quân du kích, thanh niên xung phong, Đảng và Chính phủ phải tạo nơi ăn chốn ở cho họ. Với các liệt sĩ, cần phải có vườn hoa, bia kỷ niệm để ghi nhớ công ơn của họ và nhằm giáo dục tinh thần yêu nước cho các tầng lớp nhân dân. Với các cha mẹ, vợ con của các thương binh liệt sĩ, giúp họ có công việc thích hợp, không để cho họ bị đói rét.

Đảng cần có kế hoạch xây dựng các thành phố, làng mạc bị tàn phá trong chiến tranh, phát triển công tác vệ sinh, y tế, sửa chữa chế độ giáo dục, củng cố quốc phòng, “Công việc trên đây là rất to lớn, nặng nề mà phức tạp, mà cũng rất vẻ vang. Đây là cuộc chiến đấu chống lại những gì cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi”².

Thứ bảy, về việc riêng, Hồ Chí Minh dặn dò rất cụ thể. Sau khi qua đời, không được tổ chức điều phúng linh đình, lãng phí ngày giờ và tiền bạc của nhân dân. Bác yêu cầu: “Thi hài phải được hỏa táng, tro xương chia vào ba lọ cho ba miền để nhân dân tiện viếng thăm. Nên có kế hoạch trồng cây trên đồi, xây nhà giản đơn, thoáng mát. Ai đến viếng trồng một cái cây, lâu ngày sẽ thành rừng, sẽ tốt cho phong cảnh, lợi cho nông nghiệp”³.

Tâm nguyện cuối cùng của Người là: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”⁴.

3. Logic biện chứng trong một số luận điểm cơ bản của *Di chúc*

3.1 Niềm tin về chiến thắng đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai

Di chúc khẳng định, thắng lợi tất yếu của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước ngay từ khi còn đang diễn ra quyết liệt. Không chỉ có vậy, *Di chúc* còn chỉ ra những định hướng có tính chất cương lĩnh cho sự phát triển đất nước sau khi kháng chiến thắng lợi.

Những năm 60 của thế kỷ trước, trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã xuất hiện khuynh hướng đánh giá cao sức mạnh vật chất của đế quốc Mỹ, lo ngại cuộc xung đột vũ trang có thể dẫn đến chiến tranh khu vực và rộng hơn là chiến tranh hạt nhân. Bằng tư duy biện chứng sâu sắc, Hồ Chí Minh đã đánh giá được thực chất sức mạnh vật chất của đế quốc Mỹ, tuy nhiên, Người cũng nhìn thấy được những hạn chế do chính cuộc chiến tranh phi nghĩa mà họ thực hiện. “Ta thấy chỗ mạnh của nó, vũ khí của nó mới, tiền của nó nhiều, nhưng ta cũng biết những khuyết điểm của nó mà là khuyết điểm lớn, cơ bản. Bây giờ cả thiên hạ đều chống nó, nhân dân Mỹ, thanh niên, trí thức Mỹ cũng chống nó mà chống mạnh... Bây giờ Mỹ có 20 vạn quân ở miền Nam, nó có thể đưa vào hơn nữa 30, 40,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tr. 503.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tr. 505.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tr. 500.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tr. 500.

50 vạn quân. Ta vẫn thắng, nhất định thắng”¹. Hồ Chí Minh phân tích, việc Mỹ điên cuồng leo thang đánh phá miền Bắc, đó chỉ là biểu hiện cho hành động tuyệt vọng mà thôi, từ đó, khẳng định quyết tâm chiến lược trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm 20 năm hoặc lâu hơn nữa, Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”². Niềm tin ấy đã truyền cảm hứng cho mọi tầng lớp nhân dân, tạo nên sức mạnh to lớn chống lại sức mạnh vật chất của đế quốc Mỹ. “Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta.” (*Thơ chúc Tết* của Bác Hồ - Xuân năm Mậu Thân 68).

Niềm tin về thắng lợi cuối cùng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước dựa trên cách xem xét toàn diện, khách quan trong đánh giá tương quan lực lượng, khẳng định nhân tố chủ quan của con người, của cuộc chiến tranh chính nghĩa. Một quân đội có thể thiện chiến gì đi nữa, nhưng cũng không thể khuất phục được cả một dân tộc.

3.2. Quan điểm “Đảng cầm quyền” và “việc cần làm trước tiên là chỉnh đốn Đảng”

Toàn văn *Di chúc* có 1.431 chữ, thể hiện nhiều nội dung như đã đề cập ở trên. Bác chỉ dành 108 chữ để “trước hết nói về Đảng”. Có thể nói, tư tưởng về Dân, về Đảng là tư tưởng xuyên suốt trong *Di chúc*. Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, là thể hiện cho lợi ích chính đáng của dân tộc. Với Đảng, Người nhấn mạnh: “Việc cần làm trước tiên là chỉnh đốn Đảng” - Nó được xem như là nhiệm vụ cấp bách, thường xuyên, lâu dài, nhằm xác lập quyền lãnh đạo tuyệt đối của Đảng. Bởi vì, “Đảng ta là đảng cầm quyền”. Muốn thực hiện được nhiệm vụ cao cả đó, Đảng phải luôn trong sạch về đạo đức, vững mạnh về tổ chức, kiên định về đường lối dựa trên nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Bởi vì, Đảng có vững thì cách mạng mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Lịch sử từ khi có Đảng lãnh đạo khẳng định điều đó.

Với sự nhạy cảm sâu sắc, bằng tư duy lôgic biện chứng, rằng, sau khi giành được thắng lợi, trong nội bộ Đảng dễ mắc bệnh chủ quan - kiêu ngạo cộng sản, theo cách nói của Lênin, một bộ phận cán bộ đảng viên dễ bị cám dỗ vật chất, tha hóa, biến dạng, tự diễn biến như những năm gần đây. Khi đề cập đến chỉnh đốn Đảng, Bác nhấn mạnh 3 nội dung cốt lõi.

Thứ nhất, Cần tăng cường đoàn kết thống nhất, vì chỉ có thống nhất mới tạo nên sức mạnh, thực tế đã chỉ rõ điều đó: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng, một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ Tổ quốc, nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”, và “cần phải giữ sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”³.

Thứ hai, muốn đoàn kết trong Đảng được thì cần phải thực hành rộng rãi dân chủ một cách nghiêm chỉnh và thường xuyên. Nhờ có dân chủ mới có thể khơi dậy và thực hành năng lực trí tuệ trong cán bộ và nhân dân, hạn chế được tính cục bộ, chủ quan, xa rời quần chúng. Thực tế cho thấy, những nơi nào, địa phương nào vi phạm nguyên tắc dân chủ thì nơi đó trì trệ, chậm phát triển, thậm chí thoái trào.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tr. 14-15.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tr. 108.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tr. 510.

Thứ ba, muốn thực hiện dân chủ thì cần phải và nhất thiết thường xuyên nghiêm chỉnh, *tự phê bình và phê bình*. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, phê và tự phê bình là biện pháp tốt nhất nhằm củng cố và hoàn thiện đoàn kết, thống nhất trong Đảng, công việc này phải được tiến hành một cách thường xuyên, nghiêm túc nhằm phát hiện những thói hư, tật xấu của đảng viên để sửa chữa, giúp nhau cùng tiến bộ trên tinh thần đồng chí, thương yêu. Tuy nhiên, Người cũng cảnh báo việc lợi dụng phê và tự phê bình nhằm trù dập, hạ bệ, nói xấu, gièm pha trong nội bộ Đảng. “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên, nghiêm chỉnh, tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố sự phát triển và thống nhất của Đảng”. Người nhấn mạnh, tự phê bình tức là trước hết nghiêm khắc với bản thân, sau đó mới phê bình trên tinh thần phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau. Cách đặt vấn đề của Người dựa trên nền tảng đạo lý nhân văn cao cả của phương Đông. Chỉ có tình thương yêu đồng chí mới có thể chia sẻ, cảm thông mà thực hành dân chủ.

Thứ tư, Người khẳng định: Đảng ta là Đảng cầm quyền, vì thế: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư”¹. Tư tưởng về đạo đức cách mạng của Hồ Chí Minh là điểm sáng nổi trội trong hệ các quan điểm tạo nên Tư tưởng Hồ Chí Minh. Toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Người gắn liền với quá trình phát triển tư tưởng đạo đức cách mạng. Chính cuộc đời của Người là tấm gương thực hành đạo đức tiêu biểu, nó chi phối toàn bộ phương pháp thực hành, cách thức ứng xử đối với con người và công việc. Người cho rằng: “Gốc của cách mạng là dân, gốc của công việc là cán bộ, gốc của cán bộ là đạo đức, đó là lẽ tự nhiên” và “Cũng như sông phải có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”².

3.3. Trong Di chúc, Hồ Chí Minh dành một phần nói về thanh niên và giáo dục thanh niên.

Biện chứng trong quan điểm này thể hiện ở chỗ: Từ bài học lịch sử cho thấy, thanh niên là lực lượng cách mạng to lớn, là tầng lớp kế tục sự nghiệp cách mạng của ông cha. Người đã trực tiếp mở lớp giáo dục chính trị cho những thanh niên ưu tú, viết sách báo giáo dục họ, sáng lập *Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội*. Bởi vì: “Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội” và thực sự “đâu cần thanh niên có, việc gì khó có thanh niên”. Vì thế, trong *Di chúc*, Người khẳng định: Thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại gian khó, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục, đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Từ kinh nghiệm lịch sử và tầm nhìn của bậc vĩ nhân, Người khẳng định: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”.

3.4. Di chúc là một văn kiện xây dựng đất nước sau chiến tranh.

Trong bản sửa chữa viết vào tháng 5, năm 1968, Người đã đề ra kế hoạch cụ thể sau chiến tranh. Ngay trong lúc cuộc chiến đang diễn ra hết sức khốc liệt, Mỹ mở rộng chiến tranh miền Nam, điên cuồng phá hoại miền Bắc, nhưng Bác đã đưa ra những việc cần làm một cách cụ thể và chi tiết, cho rằng, đó là công việc “cực kỳ to lớn, phức tạp và khó khăn”.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, tr. 510.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 5, tr. 252-253.

Biện chứng trong tư duy của Chủ tịch Hồ Chí Minh là: “Chúng ta phải có kế hoạch sẵn sàng, chu đáo để tránh khỏi bị động, thiếu sót và sai lầm”¹.

Các công việc cụ thể, trước hết là nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng lại thành phố và làng mạc, mở rộng các ngành kinh tế, phát triển công tác vệ sinh, y tế, sửa đổi chế độ giáo dục mới cho phù hợp với hoàn cảnh của nhân dân. Đây là công việc nặng nề, to lớn và phức tạp nhưng cũng rất vẻ vang. Cách nhìn cụ thể, toàn diện của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện rất rõ trong các căn dặn của Người về việc đối xử với những con người cụ thể và xem đó là công việc đầu tiên.

Với những người có công với cách mạng thì: “Phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp để họ có thể dần dần tự lực cánh sinh”².

Với cha mẹ, vợ con của thương binh liệt sĩ thì phải tạo công ăn việc làm thích hợp, quyết không để họ bị đói rét.

Với chiến sĩ, thanh niên xung phong thì phải chọn một số ưu tú nhất đào tạo họ thành những người có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, đó là đội quân chủ lực trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Với phụ nữ, cần bồi dưỡng, cất nhắc để ngày càng có nhiều chị em phụ trách mọi công việc, kể cả công việc lãnh đạo. Bác căn dặn: “Bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên. Đó là một cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ”³.

Đối với nạn nhân của chế độ cũ thì: “Nhà nước phải dùng vừa giáo dục, vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ trở thành những người lao động lương thiện”⁴.

Một chi tiết đáng lưu ý, khi nói về nông dân, Bác khẳng định: “Đồng bào nông dân luôn hết sức trung thành với Đảng và Chính phủ ta, ra sức góp của góp người, vui lòng chịu đựng mọi khó khăn gian khổ. Nay ta đã hoàn toàn thắng lợi, tôi đề nghị miễn thuế nông nghiệp 1 năm cho các hợp tác xã để cho đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất”⁵.

Từ quan niệm trên, Người kết luận: “Đây là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi” và sự nghiệp ấy chỉ có thể hoàn thành thắng lợi nếu biết dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân. Khi nhìn thấy rõ những những khó khăn, phức tạp thì cần phải xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết cho từng công việc: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quan tâm đến mọi tầng lớp nhân dân. Nếu thực hiện tốt các nhiệm vụ trên thì chắc chắn sự nghiệp cách mạng sẽ thành công. Có thể nói, *Di chúc* tựa như một cương lĩnh xây dựng đất nước sau chiến tranh.

3.5. Về việc riêng

Người cho rằng “Tôi không có gì phải hối hận” mà “Chỉ tiếc là tiếc rằng không còn được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”. Biện chứng trong quan niệm của Chủ tịch Hồ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 503.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 503.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 504.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 504.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 504.

Chí Minh là, Người hiểu rất rõ quy luật giới hạn của sinh học, không ai có thể vượt qua. Cả cuộc đời của Hồ Chí Minh là tận trung với nước, tận hiếu với dân: “Tôi đã hiến cả cuộc đời tôi cho dân tộc tôi”, cả tinh thần và tư tưởng đã hòa vào hồn thiêng sông núi, tạo nên thời đại mang tên Người - thời đại Hồ Chí Minh.

Trong bản viết tháng 5/1965, khi đề cập đến việc riêng, Hồ Chí Minh căn dặn: “Tôi yêu cầu thi hài tôi được đốt đi... tro xương tìm một quả đồi mà chôn... trên mộ xây một cái nhà giản đơn, rộng rãi, chắc chắn, mát mẻ để những người đến viếng có chỗ nghỉ ngơi [...] nên có kế hoạch trồng cây trên đồi. Ai đến thăm thì trồng một cây làm kỷ niệm [...] nhiều cây thành rừng sẽ tốt cho phong cảnh và lợi cho nông nghiệp. Nếu tôi qua đời trước ngày nước ta thống nhất thì nên gửi một ít tro xương cho đồng bào miền Nam”¹.

4. Kết luận

Di chúc là kết tinh những giá trị cốt lõi nhất trong tinh hoa đạo đức, tư tưởng, tâm hồn cao đẹp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nó chứa đựng sâu sắc những nội dung cơ bản, những quan điểm cốt lõi trong Tư tưởng Hồ Chí Minh trên nhiều vấn đề của cách mạng Việt Nam, thể hiện tầm vóc tư tưởng của một bậc vĩ nhân. Mặc dù, Bác không dùng từ *Di chúc*, mà chỉ dùng từ “Mấy lời căn dặn”, “mấy lời để lại”, “viết sẵn mấy lời này”, nhưng sự thật, *Di chúc* là một trong năm tác phẩm của Bác Hồ là Báo vật quốc gia, đó là: *Đường cách mệnh* (1927), *Nhật ký trong tù* (1942-1943), *Lời Kêu gọi Toàn quốc kháng chiến chống Pháp* (1946), *Lời Kêu gọi đồng bào chiến sĩ cả nước chống Mỹ* (1966) và *Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh* (1969).

Di chúc thể hiện tầm nhìn chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh, không chỉ ở tầm vĩ mô và còn biểu hiện tư duy logic biện chứng trong các luận điểm cụ thể của Người. 50 năm thực hiện *Di chúc*, những bài học lịch sử về sự thống nhất đoàn kết, thực hành dân chủ, về tự phê bình và phê bình, về tinh thần thương yêu, tinh thần trách nhiệm trong công việc, về phẩm chất của Đảng cầm quyền: Cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư, về ứng xử trong quan hệ quốc tế, về việc riêng hợp đạo lý... là những di huấn còn nguyên giá trị mang tính thời sự sâu sắc.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 409 - 500.

SÁNG NGỜI NIỀM TIN TẮT THẮNG CỦA NGƯỜI TRƯỚC LÚC ĐI XA

*ThS. Dương Hoài An**

Một trong những nội dung căn bản Di chúc Hồ Chí Minh để lại cho toàn dân tộc và bạn bè năm châu bốn biển là thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Với Hồ Chí Minh, khát vọng giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc là cốt lõi của tất cả tư tưởng, đạo đức, sự nghiệp cách mạng của Người. Vào thập kỷ năm mươi, sáu mươi của thế kỷ XX, cả thế giới đều lo lắng cho sự đối đầu không cân sức giữa Mỹ và Việt Nam. Chính trong sự thách thức nghiệt ngã đó của thời cuộc, Hồ Chí Minh đã từng bước đưa ra những chân lý cho dân tộc Việt Nam và cả nhân loại tiến bộ. Trên văn bản chính thức công khai, ngày 17/7/1966, Hồ Chí Minh đã khẳng định không có gì quý hơn độc lập, tự do. Lời tuyên bố đanh thép này đã được Hồ Chí Minh khởi thảo từ tài liệu tuyệt đối bí mật. Đây là văn bản đầu tiên của Di chúc. Ngày 10/5/1965, Hồ Chí Minh nêu lên ý chí của dân tộc Việt Nam: “Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”¹. Sự ra đi của Hồ Chí Minh vào ngày 2/9/1969 đã trở thành một sự kiện lịch sử đặc biệt không chỉ đối với nhân dân Việt Nam mà còn tác động sâu rộng đến thế giới. Đặc biệt, nếu công bố bản Di chúc của Hồ Chí Minh sau sự ra đi của Người càng làm cho nhân loại tiến bộ trên thế giới ngưỡng mộ về nhân vật huyền thoại Hồ Chí Minh ở những dự báo, những khát vọng, những trở trăn, những vấn đề lớn của Việt Nam và thế giới.

Trong bản thảo của Di chúc từ mùa hè năm 1965, Hồ Chí Minh đã nhắc đi nhắc lại về cuộc kháng chiến chống Mỹ đến 3 lần. Mỗi lần viết lại, Người đều có những bổ sung, nhận định với khát vọng lớn hơn, quyết tâm mạnh mẽ, mãnh liệt hơn.

Quyết tâm chống Mỹ và thắng Mỹ đã trở thành tâm điểm của bản Di chúc lịch sử cách đây 50 năm.

Nếu trong bản thảo lần thứ nhất viết ngày 10/5/1965, Người dự báo: “Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể sẽ kéo dài thêm mấy năm nữa”² thì đến bản thảo cuối cùng ngày 10/5/1969, “chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa song nhất định thắng lợi hoàn toàn”³. Điều đó phản ánh cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã trở thành tâm điểm trong những năm cuối đời của Hồ Chí Minh. Điều đặc biệt mang tính thời sự của lời tuyên bố mang tính đanh thép và đầy cảm xúc này diễn ra trong bối cảnh cuộc chiến tranh ở Việt Nam đang ở đỉnh điểm với sự có mặt của hơn nửa

**Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk*

1. *Di chúc Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 25.

2. *Di chúc Hồ Chí Minh*, *Sđd*, tr. 24.

3. *Di chúc Hồ Chí Minh*, *Sđd*, tr. 32.

triệu quân Mỹ và các nước trong khu vực là đồng minh của Mỹ. Ở thế giằng co trên chiến trường, chưa thấy rõ là “ai thắng ai” thì Di chúc Hồ Chí Minh đã khẳng định là Việt Nam sẽ thắng. Điều đó cho thấy lời Di chúc của Người lại chính là mệnh lệnh tối cao, là ngọn đuốc dẫn đường cho sự nghiệp thiêng liêng của dân tộc. Đặc biệt đối với kẻ thù, Di chúc Hồ Chí Minh chính là bức thông điệp lịch sử cho sự thất bại tất yếu của những kẻ xâm lược. Những lời văn của Di chúc đã trở thành hồn thiêng sông núi, thấm đẫm vào từng tấc đất của Tổ quốc, từng con người Việt Nam để tạo nên sức mạnh: “hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta thì chúng ta sẽ tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi”.

Vượt qua sự khuôn mẫu của một lời nhắn gửi trước lúc đi xa, Di chúc Hồ Chí Minh tràn đầy một niềm tin vào ngày chiến thắng, vào ngày độc lập, vào tương lai của đất nước.

Việc khẳng định sự tất thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thể hiện niềm tin của Người vào con đường cách mạng mà cả dân tộc đã lựa chọn dưới ánh sáng của lý luận Mác - Lênin và truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc. Người gửi gắm tình cảm, sự quan tâm đến tất cả các tầng lớp nhân dân trong sự nghiệp cách mạng. Người đề cao việc đầu tiên là đối với con người trong toàn xã hội, cần phải quan tâm, chăm sóc mọi tầng lớp nhân dân. Người chỉ ra những thành quả, những điều tốt đẹp của Đảng, đất nước, con người Việt Nam. Đồng thời, Người cũng nêu lên những điều chưa tốt, cần tiếp tục làm cho tốt hơn. Là lãnh tụ vĩ đại của cả dân tộc, Hồ Chí Minh luôn dự cảm được niềm tin của nhân dân đối với bản thân mình. Để tương xứng với niềm tin đó của nhân dân, Hồ Chí Minh đã chỉ ra những cơ sở khoa học, động lực vĩ đại của quần chúng nhân dân đối với lịch sử. Người có niềm tin vào sức mạnh của nhân dân vì Người nhận thức được quy luật của cuộc sống, nắm bắt được cội nguồn của lòng yêu nước, của khát vọng độc lập dân tộc, của hòa bình, ấm no của nhân dân. Trước một thách thức chưa từng có như trận đấu không cân sức giữa dân tộc Việt Nam và các thế lực đế quốc, phản động quốc tế giữa thế kỷ XX, việc Hồ Chí Minh khẳng định sự chiến thắng cuối cùng thuộc về dân tộc Việt Nam đã mang lại niềm tin không chỉ cho dân tộc Việt Nam mà còn cho cả nhân loại tiến bộ lúc bấy giờ. Niềm tin đó cũng chính là cội nguồn sức mạnh của Việt Nam “nhân nghĩa thắng hung tàn”, “chí nhân thay cường bạo”. Với niềm tin tuyệt đối vào sự tất thắng của toàn dân tộc, Hồ Chí Minh đã để lại cho nhân dân Việt Nam thứ vũ khí vượt xa sự hiệu nghiệm của “nỏ thần” năm xưa để trở thành nguồn năng lượng vô tận cho dân tộc Việt Nam viết những trang sử vàng.

Được đánh giá là một nhà dự báo thiên tài của thế kỷ XX, trong Di chúc, Hồ Chí Minh đã chỉ ra những việc làm cụ thể, cơ bản, chiến lược cho cách mạng Việt Nam. Khẳng định niềm tin của Người vào sự phát triển của đất nước.

Đây là những vấn đề mà Hồ Chí Minh có sửa chữa, bổ sung nhiều nhất trong các bản thảo lần thứ hai và lần thứ ba. Vì những lý do khác nhau mà một số nội dung của những bản thảo này không được công bố trong bản Di chúc sau khi Bác mất ngày 2/9/1969. Những chỉ dẫn của Hồ Chí Minh về Đảng, Nhà nước, con người trong chặng đường tiếp theo sau ngày chiến thắng, về thực tế có phần nghiệt ngã của mối quan hệ giữa các Đảng anh em... càng khẳng định niềm tin của Người vào sự nghiệp cách mạng của đất nước. Người cho rằng, công việc xây dựng lại đất nước sau ngày chiến thắng ngoại xâm là “rất to lớn, rất nặng nề và phức tạp mà cũng rất là vẻ vang. Đây là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng để tạo ra cái mới mẻ, tốt tươi. Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu không lờ

này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân”¹. Dự báo được những lực cản của sự phát triển và chỉ ra giải pháp để khắc phục là sự trăn trở trong tư duy khoa học của Hồ Chí Minh về con đường phát triển của đất nước. Đây là một trong những biểu hiện đặc sắc của Hồ Chí Minh về mối quan hệ biện chứng của sự vật, hiện tượng trong quá trình phát triển.

Để hiện thực hóa sự phát triển của đất nước sau chiến thắng, Người đã chỉ ra việc cần làm trước tiên là “chỉnh đốn lại Đảng” và công việc đầu tiên là đối với con người. Có thể khẳng định rằng, tư tưởng của Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam là một trong những tư tưởng cốt lõi của Người. Nhiều bài báo, nhiều tác phẩm, nhiều việc làm đề cập đến Đảng với nhiều cách diễn đạt hết sức thiết thực đã được Hồ Chí Minh thể hiện từ khi Đảng chưa ra đời cho đến khi Đảng trở thành người lãnh đạo, cầm quyền. Nhưng đến Di chúc, Hồ Chí Minh đã chắt lọc tất cả tinh cốt của mình để gửi lại cho toàn Đảng. Phần viết về Đảng trong các bản thảo của Di chúc chiếm một tỷ lệ lớn. Hồ Chí Minh đã cho thấy niềm tin của Người đã được đặt trọn vẹn cho Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự quan tâm của Người đối với các tầng lớp nhân dân, kể cả những người là nạn nhân của chế độ cũ cũng cần được đối xử và quan tâm để đưa họ về với dân tộc, hòa nhập cùng đất nước. Những biện pháp “khoan thư sức dân” sau chiến thắng của Hồ Chí Minh thể hiện khát vọng giải phóng dân tộc phải gắn với giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và đặc biệt là giải phóng con người.

Di chúc là một văn kiện có độ dài thời gian hết sức đặc biệt của Hồ Chí Minh khi bắt đầu và kết thúc là xấp xỉ 5 năm. Những nội dung trong tài liệu “tuyệt đối bí mật” có giá trị như là sự tiếp nối cuộc đời và sự nghiệp Hồ Chí Minh sau khi mất. Chính sự nối tiếp đó nên chúng ta cảm nhận được niềm tin chiến thắng của Người sau một chặng đường cách mạng đã qua: đó là niềm tin chiến thắng./.

1. *Di chúc Hồ Chí Minh*, Sđd, tr. 31

DI CHỨC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH MỘT BẢO VẬT QUỐC GIA MANG TÍNH NHÂN VĂN DÂN TỘC

*ThS. Huỳnh Ngọc An**

1. Đặt vấn đề

Chủ nghĩa nhân văn là trào lưu tư tưởng và văn hóa thời Phục hưng ở châu Âu. Đây là một phong trào chống Thiên Chúa giáo nhằm đề cao con người, giải phóng cá nhân khỏi sự đè nén tinh thần của chế độ phong kiến, chống chủ nghĩa kinh viện và Giáo hội, hướng con người vào xây dựng cuộc sống thực tại.

Qua đó, chúng ta thấy khái niệm nhân văn nghiêng về tư tưởng coi con người là một chủ thể văn hoá; yêu cầu đối xử với con người trên bình diện văn hoá: coi trọng con người, coi trọng tự do và vai trò cá nhân của con người trong xã hội.

Phương Tây thường đồng nhất khái niệm nhân văn với “nhân đạo”. Thuật ngữ Humanism (Anh), Humanisme (Pháp) và Gumanizm (Nga) có nghĩa chung là nhân văn = nhân đạo.

Khái niệm nhân văn được phương Đông dùng có nội dung là “văn hoá” hay “giáo hóa”. Sách Kinh Dịch có viết: Quan hồ nhân văn dĩ hóa thành thiên hạ, nghĩa là: xem xét nhân văn để giáo hóa cho toàn thiên hạ.

Ở Việt Nam, chủ nghĩa nhân văn được hiểu theo nghĩa hẹp là chủ nghĩa yêu nước và nhân nghĩa Việt Nam, bởi vì tư tưởng yêu nước là tư tưởng nhân văn chủ đạo của dân tộc Việt Nam, bên cạnh đó ngoài nhân nghĩa còn có những giá trị truyền thống khác. Theo nghĩa rộng, chủ nghĩa nhân văn là một trào lưu xã hội tiến bộ, là tổng hợp những quan điểm nhằm bảo vệ phẩm giá, bảo vệ sự tự do và sự phát triển toàn diện, bảo vệ tính người của các quan hệ xã hội. Xét về bản chất thì chủ nghĩa nhân văn là lý tưởng nhân đạo triệt để, là giải pháp thực tế nhất, biến mong ước thành hiện thực phổ biến, tạo lập điều kiện xóa bỏ tận gốc mọi hình thức áp bức, bóc lột và nô dịch con người.

Chủ nghĩa nhân văn Việt Nam có nguồn gốc bản địa và tố chất của văn hóa Việt Nam nhưng cũng được bồi bổ bằng chủ nghĩa nhân văn phương Đông và phương Tây và cuối cùng hòa nhập với chủ nghĩa nhân văn mácxít, được nâng lên một trình độ mới và thể hiện tập trung trong chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh. Chất nhân văn trong con người Hồ Chí Minh được nhiều người mô tả một cách sinh động. Đại diện đặc biệt của Tổng Giám đốc UNESCO, ông Modagat Ahmet nhấn mạnh: “Chỉ có ít nhân vật trong lịch sử trở thành một bộ phận của huyền thoại ngay từ khi còn sống và rõ ràng Hồ Chí Minh là một trong số đó. Người sẽ được ghi nhớ không phải chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ, mà còn là một nhà hiền triết hiện đại đã mang lại một viễn cảnh và hy vọng mới cho những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này”¹. Phó Giám đốc

* *Trường Đại học An Giang, ĐHQG-HCM*

1. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia, UBQG UNESCO của Việt Nam: *Hội thảo quốc tế Chủ tịch Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa lớn*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr. 28-29.

UNESCO, Hans D’Orville nhận định: “Thông điệp của Hồ Chí Minh mang giá trị toàn cầu và nó luôn có giá trị thời đại, bởi vì nó hướng tới tương lai”¹.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp từng nhận xét: “Ở Người là sự thống nhất giữa nước với dân, giữa dân tộc với giai cấp, giữa quốc gia với quốc tế. Ở Người, lòng yêu nhân dân, yêu nhân loại không bao giờ thay đổi. Người là một hình mẫu cao đẹp của con người mới trong thời đại mới, một biểu tượng của chủ nghĩa nhân văn với đầy đủ ý nghĩa của nó”². Còn Phạm Văn Đồng lại có một cách nhìn tinh tế khi cho rằng: trái tim yêu thương Hồ Chí Minh dành cho cả loài người tiến bộ. Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh nhằm mục đích phát huy các khả năng vô tận của con người, tôn trọng quyền và phẩm giá con người, nâng con người lên đỉnh cao của trí tuệ và đạo đức. Nhà văn Xô-viết Ôxip Mandenxtam, từ năm 1923 cũng đã nhận xét: “Từ Nguyễn Ái Quốc đã tỏa ra một thứ văn hóa, không phải văn hóa châu Âu, mà có lẽ là một nền văn hóa tương lai”³.

Có thể khẳng định, *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một sự kết tinh trí tuệ, tư tưởng, tình cảm của Người. Đó là một sự phản ánh cô đọng tập trung nhất của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh. Nói cách khác, phải hiểu chiều sâu của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh mới thấm nhuần được những tư tưởng và chỉ dẫn trong *Di chúc* của Người.

2. Nội dung

Nội dung của chủ nghĩa nhân văn thể hiện trong *Di chúc* trên khá nhiều phương diện gắn liền với sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng xã hội mới mà ở đó, Người quan tâm đến số phận của nhân dân, số phận của tất cả các tầng lớp con người trong xã hội. Người yêu cầu Đảng và cách mạng phải đền đáp và phải có kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nhằm nâng cao đời sống cho nhân dân, xây dựng đất nước và môi trường cảnh quan ngày càng tươi đẹp; đồng thời, cần xây dựng những thể chế cách mạng nông cốt, trẻ tuổi để trở thành lực lượng chủ lực xây dựng thắng lợi xã hội chủ nghĩa. Điều đó cũng có nghĩa là từng bước thực hiện cho bằng được những mục tiêu nhân văn mà Người và cả dân tộc Việt Nam theo đuổi. Với *Di chúc*, Người để lại cho Đảng ta và nhân dân ta một tư duy độc lập sáng tạo, luôn luôn đổi mới; để lại một tình cảm thương yêu rộng lớn, nồng hậu trên tinh thần của chủ nghĩa nhân văn cách mạng; để lại một thông điệp có tính cương lĩnh cho một thời kỳ xây dựng và phát triển mới của đất nước; và cũng đã để lại cho nhân loại tiến bộ trên thế giới một ngọn cờ của hòa bình và hạnh phúc, biểu tượng cho một nền văn hóa tương lai. Đó là tiếng nói của một con người gửi đến con người và vì con người.

Qua 50 năm, toàn dân tộc ta nhận thức ngày càng sâu sắc hơn những nội dung cơ bản trong *Di chúc* của Người và quyết tâm triển khai thực hiện nghiêm túc, theo đúng lời dạy của Người để giành được thắng lợi to lớn đưa đất nước ta vững bước đi lên theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Trong *Di chúc* của Người, cái làm nên giá trị tinh thần lớn lao và mang ý nghĩa cải tạo

1. GS.TS Mạch Quang Thắng – Bùi Đình Phong – TS Chu Đức Tính: *UNESCO với sự kiện tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc – Nhà văn hóa kiệt xuất*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2013, tr. 189

2. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia, UBQG UNESCO của Việt Nam: *Hội thảo quốc tế Chủ tịch Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa lớn*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr. 22.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 1, tr. 462.

thực tiễn sâu sắc là quan điểm vì con người và giải phóng con người thắm đượm chủ nghĩa nhân đạo cao cả, một triết lý nhân sinh mà Người đã dày công xác lập.

Chủ nghĩa nhân văn, triết lý nhân sinh của Người là suốt đời cống hiến hết mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng con người, đấu tranh không mệt mỏi để xóa bỏ mọi áp bức, bóc lột, mọi bất công phi lý, giành độc lập, tự do cho nhân loại, đem lại cho con người cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Mạch nguồn của tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh trước hết là xuất phát từ trong bối cảnh nước mất nhà tan, dân tộc và nhân dân bị nô lệ, Người đã mang trong trái tim mình tư tưởng nhân văn ra đi để đi tìm đường cứu dân, cứu nước với cách tiếp cận rất khác những người đi trước. Hành trang của Hồ Chí Minh còn có chủ nghĩa nhân văn phương Đông Nho giáo và Phật giáo và đã bắt đầu gặp chủ nghĩa nhân văn của thời Phục hưng, và cách mạng tư sản Pháp. Người đã đến với nền văn hóa và tư tưởng nhân văn tiên bộ ở phương Tây thông qua con đường tự học tập, lao động, đấu tranh cho nước nhà được độc lập, dân được tự do, sau nữa là cho những người lao động và bị áp bức trên toàn thế giới. Từ đó Người đến với chủ nghĩa Mác – Lênin, tiếp thu phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa nhân văn thực tiễn trên cơ sở một nhận thức khoa học và thực tiễn của thời đại. Người trở về thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từng bước thực hiện mục tiêu của chủ nghĩa nhân văn và hoàn chỉnh nó lên một trình độ mới.

Tư tưởng nhân văn của Hồ Chí Minh lấy thực tiễn làm điểm xuất phát với mục tiêu giải phóng và phát triển con người. Đó là triết lý hành động, triết lý của cuộc sống, là đạo lý làm người. Người xác định rõ: “Đầu tiên là công việc đối với con người”¹, mọi công việc đều liên quan tới con người, hướng đến phục vụ con người, làm cho con người được phát triển toàn diện với mọi năng lực vốn có, để con người được làm chủ, có cuộc sống tự do, ấm no và hạnh phúc. Quá trình tìm đường cứu nước, Người coi công việc đối với con người là mục tiêu quan trọng, lớn lao và cao cả của đời mình. Không phải đến *Di chúc* Người mới đặt ra vấn đề công việc đối với con người.

Vấn đề con người trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh được thể hiện trong *Di chúc*, là tình yêu thương đối với tất cả mọi tầng lớp người trong xã hội. Chính tình yêu thương bao la đó đã dẫn Người đến lý tưởng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và hơn thế nữa, là giải phóng con người. Giải phóng dân tộc để giải phóng con người thoát khỏi mọi sự áp bức của chủ nghĩa thực dân, để các tộc người đều bình đẳng. Giải phóng giai cấp để cho con người với con người trở thành đồng chí và anh em. Giải phóng xã hội là nấc thang giải phóng con người cao nhất, là nấc thang khắc phục toàn diện các hạn chế của con người, phát triển con người về mọi mặt, mang các giá trị chân chính của con người trả về cho con người.

Trong *Di chúc*, Người đã căn dặn, phải có một chính sách đặc biệt đối với mọi tầng lớp nhân dân đã vì Tổ quốc mà hy sinh: Theo Người, đó là công việc nhất thiết phải làm, dầu có khó khăn, phức tạp đến mấy cũng phải ra sức làm. Người định hướng một số vấn đề: Đối với những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc, chúng ta phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, phải mở những lớp dạy nghề thích hợp cho họ, để họ có được hành trang cần thiết bước vào cuộc sống tự lập, tự lực cánh sinh. Đối với những người đã hy sinh, mỗi

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 616.

địa phương cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm để mãi ghi nhớ sự hy sinh anh dũng của họ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta. Khi gia đình, người thân của họ thiếu sức lao động và túng thiếu, chính quyền địa phương phải giúp đỡ họ có công ăn, việc làm thích hợp, quyết không để họ bị đói rét. Đối với những người còn trẻ, có nhiều cống hiến trong các lực lượng vũ trang và thanh niên xung phong, Đảng và Chính phủ cần chọn một số người ưu tú nhất để đào tạo họ trở thành những người lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật giỏi, có tư tưởng, lập trường cách mạng vững vàng và lấy đó làm đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng xã hội mới. Đối với phụ nữ, Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ họ, để ngày càng có thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc, kể cả công việc lãnh đạo, bởi đó là cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ.

Với lòng khoan dung, độ lượng và đầy thân ái, Người đã yêu cầu chúng ta kết hợp giáo dục với sử dụng luật pháp để cải tạo, giúp đỡ những nạn nhân của chế độ xã hội cũ trở thành những người lương thiện.

Kế thừa đạo lý truyền thống của dân tộc Việt Nam “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, Người đề nghị miễn thuế nông nghiệp một năm cho nông dân để đồng bào thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất, sau nhiều năm liên tục đã ra sức góp của, góp người, vui lòng chịu đựng mọi khó khăn gian khổ vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc.

Với triết lý nhân sinh sâu sắc, thấm đượm tư tưởng nhân đạo và nhân văn, bản *Di chúc* thiêng liêng mà Người để lại cho chúng ta thể hiện điều mong muốn là “xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”¹. Người đã đề xuất một chính sách xã hội hết sức chu đáo và toàn diện đối với con người. Ở đó, người không chỉ quan tâm đến đời sống nhân dân, mà trên hết là chăm lo giáo dục, đào tạo họ, làm cho họ trở thành lực lượng nòng cốt xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Người yêu cầu chúng ta sửa đổi chế độ giáo dục cho phù hợp với hoàn cảnh mới, đặc biệt là chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng, giáo dục tinh thần yêu nước cho đoàn viên và thanh niên, đào tạo họ trở thành những con người xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên”.

Triết lý nhân sinh của Người, là sự gắn kết giữa chủ nghĩa nhân đạo cao cả với tư tưởng nhân văn sâu sắc. Cội nguồn của chủ nghĩa nhân đạo và tư tưởng nhân văn ấy là truyền thống nhân ái của dân tộc Việt Nam kết hợp với truyền thống nhân ái của nhân loại. Nội dung cốt lõi của chủ nghĩa nhân đạo và tư tưởng nhân văn ấy là lòng thương yêu, quý trọng con người gắn với lòng yêu nước, yêu dân nồng nàn. Mục tiêu cao cả của chủ nghĩa nhân đạo và tư tưởng nhân văn ấy là giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Phương thức thực hiện chủ nghĩa nhân đạo và tư tưởng nhân văn ấy là hành động, hoạt động thực tiễn cách mạng. Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh được thể hiện trong *Di chúc* chính là một tư tưởng nhân văn cách mạng sáng ngời lý tưởng cộng sản.

Tính chất nhân văn cao cả được thể hiện trong *Di chúc* là lòng tin tưởng tuyệt đối của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào sức mạnh của nhân dân. Nhiều lần Người đã nói: “Trong bầu

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 624.

trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”¹. Lòng tin vào sức mạnh của nhân dân trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh được thể hiện ở *Di chúc*, đó là lòng tin của một con người suốt đời gắn bó máu thịt với nhân dân. Người từ nhân dân mà ra và lại hòa cùng sức mạnh của mình với nhân dân, cho nên tư tưởng nhân văn trong *Di chúc* là tư tưởng nhân văn mang tính nhân dân sâu sắc.

Biểu hiện cho tính đặc sắc và độc đáo của tư tưởng nhân văn trong *Di chúc*, bao trùm là lòng yêu nước, thương dân của Hồ Chí Minh thể hiện sâu sắc trong sự quan tâm đến cả lợi ích của cá nhân và lợi ích của cộng đồng. Một mặt, người luôn quan tâm chống “chủ nghĩa cá nhân” nhưng mặt khác, lại rất tôn trọng lợi ích cá nhân. Người viết: “Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là “giày xéo lên lợi ích cá nhân”. Mỗi người đều có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của bản thân và của gia đình mình. Nếu những lợi ích cá nhân đó không trái với lợi ích của tập thể thì không phải là xấu”².

Tư tưởng bao dung Hồ Chí Minh xuất phát từ quan điểm: “Sông to, biển rộng, thì bao nhiêu nước cũng chứa được, vì độ lượng nó rộng và sâu. Cái chén nhỏ, cái đĩa cạn, thì một chút nước cũng đầy tràn, vì độ lượng nó hẹp nhỏ”³. Hồ Chí Minh đã phân biệt giữa bọn thực dân cướp nước với nhân dân lương thiện ở các nước đó. Người cũng phân biệt bọn hiếu chiến Mỹ, với nhân dân Mỹ yêu tự do và hòa bình. Trong *Di chúc*, Người không hề đánh đồng bọn xâm lược Mỹ với nhân dân Mỹ. Người rất coi trọng sự tận tình ủng hộ cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ của bạn bè năm châu đối với nhân dân ta, trong đó có nhân dân Mỹ yêu chuộng hòa bình và tiến bộ.

Sự bao dung trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh không chỉ là sự quan tâm đến hạnh phúc của con người, mà còn là tấm lòng rộng mở đối với cả tự nhiên. Trong *Di chúc*, Người không quên dặn dò các thế hệ sau phải bảo vệ hệ sinh thái cho đa dạng, cân bằng. Người đề xuất ý tưởng trồng cây và bảo vệ sự trong sạch của môi trường sống. Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề cần giáo dục đạo đức, môi trường sinh thái cho nhân dân.

Cũng có thể khẳng định, tính bao dung trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh gắn chặt với các vấn đề đạo đức mới, mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gọi đó là đạo đức vĩ đại. Đạo đức này không chỉ quan tâm đến con người, thương người, tin tưởng ở con người, tự giác phục vụ những lợi ích của con người, mà còn có cả tình cảm bao la quan tâm đến tự nhiên, bảo vệ mối quan hệ hài hòa giữa con người với tự nhiên. Sinh thời, Người trồng cây, nuôi cá, chăm chút từng gốc bưởi, hàng bụi mọc nơi mình sinh sống. Người thương con người, thương cây cỏ, hoa lá. Tình cảm khoan dung Hồ Chí Minh là một nét đặc sắc trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh. Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh không phải là tư tưởng nhân văn không có tính chiến đấu. Hồ Chí Minh luôn chống lại mọi cái trái với lẽ phải. Vì thế nhân văn trong *Di chúc* gắn liền với tình thương bao la với lẽ phải chân chính.

Cuối cùng, bao trùm nhất, quan trọng nhất trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh được thể hiện trong *Di chúc*, là sự quan tâm đến người cộng sản, đến Đảng. Đây quả thực là nét độc đáo riêng trong tư tưởng nhân văn của Người. Tháng 5-1968, khi soạn thảo *Di chúc*,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 10, tr. 453.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 11, tr. 610.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 6, tr. 130.

Người viết: “Theo ý tôi, việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi”¹. Quan tâm đến Đảng đầu tiên, hướng đến việc hoàn thiện công việc lãnh đạo của Đảng, Người đặc biệt lưu ý đến giá trị nhân văn trong việc Đảng vừa là người lãnh đạo, vừa là đầy tớ trung thành của nhân dân. Do vậy, có thể nói, đây là tư tưởng nhân văn cộng sản rất mới. Trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh, Người quan tâm đầu tiên đến nhân cách người cộng sản, bởi vì nhân cách có quan hệ mật thiết tới nội dung mới của tư tưởng nhân văn. Tư tưởng nhân văn kiểu mới có sự gắn bó mật thiết với Đảng Cộng sản và người cộng sản.

Lãnh đạo nhân dân ta xây dựng và phát triển xã hội mới theo hướng lấy con người làm trung tâm, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc rằng, hệ tư tưởng là cái cốt lõi của mọi nền văn hóa. Từ đạo lý truyền thống dân tộc Việt Nam, từ nhận thức sâu sắc về tư tưởng nhân văn trong các nền văn hóa Đông - Tây, cộng với một trí tuệ uyên bác và lòng yêu nước, thương dân, Người đến với chủ nghĩa Mác-Lênin và tìm thấy ở đây cái cảm nang thần kỳ cho con đường giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và xây dựng chế độ xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa. Người tiếp thu ở chủ nghĩa Mác-Lênin những tư tưởng nhân đạo nhất về con người.

Xã hội mới theo hướng lấy con người làm trung tâm ở nước ta trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh phải là xã hội do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Lý tưởng của Đảng Cộng sản là chống áp bức, bóc lột, mang những giá trị chân chính của con người trả lại cho con người. Bản chất của xã hội lấy con người làm trung tâm, hòa quyện và thống nhất với mục đích lý tưởng của Đảng. Với lý tưởng tiên tiến và đạo đức cao đẹp, nhân cách người cộng sản phải trở thành biểu tượng trung tâm của xã hội mới. Đó là những con người biết đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân lên trên hết và trước hết. Đó là những con người thẳng không kiêu, bại không nản, cần, kiệm, liêm, chính, chí, công, vô tư, trung thực và dũng cảm. Các phẩm chất này đã trở thành nội dung cơ bản của tư tưởng nhân văn cộng sản trong Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, tư tưởng nhân văn phải gắn liền với văn hóa Đảng. Đó là biểu hiện một trình độ nhân văn cao cả của nền văn hóa mới Việt Nam. Ở đó, cán bộ Đảng và chính quyền từ trên xuống dưới, đều phải hết sức quan tâm đến đời sống của nhân dân. “Vì vậy chính sách của Đảng và Chính phủ là phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi”².

Trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh, xã hội lấy con người làm trung tâm đòi hỏi trước hết: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm chính, chí công vô tư”³. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, người cán bộ, đảng viên có đạo đức cách mạng là những người có văn hóa; phải xung phong gương mẫu làm trước và vui

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 616.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 9, tr. 518.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 622.

sau niềm vui của mọi người; “việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh”¹. Một nền văn hóa có những con người, có lối sống cao đẹp như vậy thì những cái xấu, cũ kỹ, hư hỏng nhất định sẽ bị quét sạch.

Năng lực thực sự của một xã hội lấy con người làm trung tâm trong tư tưởng nhân văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là phải có một cơ chế dân chủ thực sự. Cơ chế ấy có khả năng phát huy cao độ các sáng kiến, phát minh, tinh thần sáng tạo của đông đảo nhân dân đang tích cực tham gia xây dựng xã hội mới. Trong *Di chúc*, Người đã căn dặn: “Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”².

Là những người lãnh đạo nhân dân xây dựng xã hội lấy con người làm trung tâm, nếu người lãnh đạo không trong sạch, không có năng lực, không có phương pháp tiên tiến, không khoan dung và độ lượng chắc chắn không thể ngang tầm với tình cảm và trí tuệ của nhân dân.

Là người đầy tớ trung thành của nhân dân trong một xã hội nhân đạo thì những người lãnh đạo phải thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ lao động của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định rằng: “Bây giờ chúng ta là dân chủ. Dân chủ là thế nào? Là dân làm chủ. Dân làm chủ thì Chủ tịch, bộ trưởng, thứ trưởng, uỷ viên này khác là làm gì? Làm đầy tớ. Làm đầy tớ cho nhân dân, chứ không phải là làm quan cách mạng”³. Từ Chủ tịch nước đến mỗi công dân bình thường, trong xã hội lấy con người làm trung tâm, ai cũng có nghĩa vụ như nhau. Mọi tích cách quan liêu, mệnh lệnh, trù dập người này, nói xấu người khác, nặc danh, vu oan, phá hoại đều là phản lại giá trị nhân văn chân chính.

Nhiều người có chức, có quyền dân bầu lên làm tướng rằng, mình có quyền đứng trên các giá trị văn hóa - xã hội, hoặc chính mình là đại biểu của tinh hoa văn hóa - xã hội. Những sự “hiểu lầm” ấu trĩ đó sẽ làm tổn hại đến đến các giá trị nhân văn lâu bền của xã hội ta. Ngay từ những ngày đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám, để xây dựng xã hội Việt Nam mới theo hướng nhân văn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cảnh báo nhiều người có chức, có quyền rơi vào tình trạng vô văn hóa, bởi họ đã đặt quyền lực của mình trên pháp luật. Thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng viết vào tháng 17-10-1945 có đoạn:

“Tôi vẫn biết trong các bạn có nhiều người làm theo đúng chương trình của Chính phủ, và rất được lòng nhân dân. Song cũng có nhiều người phạm những lầm lỗi rất nặng nề. Những lầm lỗi chính là:

1. Trái phép - Những kẻ Việt gian phản quốc, chứng có rõ ràng thì phải trừng trị đã đành, không ai trách được. Nhưng cũng có lúc vì tư thù tư oán mà bắt bớ và tịch thu làm cho dân oán thán.

2. Cậy thế - Cậy thế mình ở trong ban này ban nọ, rồi ngang tàng phóng túng, muốn sao được vậy, coi khinh dư luận, không nghĩ đến dân. Quên rằng dân bầu mình ra là để làm việc cho dân, chứ không phải để cậy thế với dân...”⁴.

Trong *Di chúc*, người lại đề cập đến cuộc chiến đấu không lờ chống lại những cái gì

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 4, tr. 51.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 15, tr. 622

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 10, tr. 572.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 4, tr. 65.

đã cũ kỹ, hư hỏng để tạo ra cái mới mẻ, tốt tươi. Một xã hội nhân văn, nhân đạo trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh phải lấy người lao động làm trung tâm. Trong xã hội ấy, ai lao động thì người ấy có văn hóa và có quyền lợi trong lao động, bao gồm cả quyền lợi hưởng thụ văn hóa. Coi con người lao động là trung tâm của nền văn hóa mới Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến thanh niên, phụ nữ, nông dân, công nhân,... những người lao động chính của xã hội. Người giải quyết vấn đề công bằng và bình đẳng xã hội trên cơ sở lao động. Nói chuyện với các đồng chí lãnh đạo Tổng Công đoàn Việt Nam, Người đã khẳng định rằng: “Nước ta nghèo, muốn sung sướng thì phải cần cù lao động, phải ra sức sản xuất, coi lao động là nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, là nguồn tạo nên hạnh phúc của mọi người và cho cả thế hệ mai sau”¹. Trong *Di chúc*, người luôn nhắc nhở phải lấy lao động làm thước đo bình đẳng và hạnh phúc của con người, phải tạo việc làm cho người lao động.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, một xã hội nhân đạo thì mọi hoạt động lao động phải gắn với lợi ích, và lợi ích cá nhân phải gắn với lợi ích của cộng đồng. Lợi ích của cộng đồng là mặt tồn tại khách quan có cơ sở từ hình thái kinh tế - xã hội. Sự thỏa mãn các nhu cầu của cá nhân, cá nhân phải tham gia lợi ích chung, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn Đảng ta sau khi chiến thắng đế quốc Mỹ, phải tạo điều kiện để thỏa mãn những nhu cầu chính đáng của người lao động.

Xã hội nhân đạo, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh là xã hội chủ nghĩa. Xã hội chủ nghĩa bản thân nó là xã hội văn hóa, ở đó con người sẽ được trả lại các giá trị đã mất của chính mình. Người căn dặn toàn Đảng, toàn dân quyết tâm phấn đấu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Để xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công theo Hồ Chí Minh phải xây dựng những con người xã hội chủ nghĩa, muốn vậy, “phải tạo mọi điều kiện cho nhân dân lao động có thể nắm được những hiểu biết khoa học, kỹ thuật; ra sức đào tạo thật nhiều cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý cần thiết cho sản xuất phát triển. Chỉ có như thế, chúng ta mới xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội”². Trong *Di chúc*, Người căn dặn phải tạo mọi điều kiện để thế hệ trẻ nắm được khoa học - kỹ thuật, bởi vì khoa học - kỹ thuật là một lực lượng sản xuất quan trọng để nâng cao đời sống nhân dân.

Cuối *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại muôn vàn tình thương yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho thanh niên và nhi đồng. Tình thương yêu bao la của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã biến thành sức mạnh của các thế hệ người Việt Nam phấn đấu cho lý tưởng nhân văn cao cả mà Người đã đề xướng.

3. Kết luận

Sau 50 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta, nhân dân ta đã giành những thắng lợi hết sức to lớn. Thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta, nhân dân ta tiến hành công cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng cùng sự nghiệp xây dựng nền văn hóa tiến tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nhằm giải quyết một bước các “công việc đối với con người” mà Người căn dặn. ánh sáng của tư tưởng nhân văn cao cả trong *Di chúc* đang tiếp tục soi sáng các mục tiêu, những bước đường của nhân dân ta đi đến mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh”.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 15, tr. 678.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 13, tr. 69.

DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC NÂNG CAO Ý THỨC TRÁCH NHIỆM CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

*ThS. Ngô Văn An**

Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại và kính yêu của Đảng và dân tộc Việt Nam, người chiến sĩ kiên cường và lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa lớn đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam và nhân dân thế giới. Trước lúc đi xa, Người đã để lại cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta một bản Di chúc lịch sử, trong đó kết tinh những tinh hoa tư tưởng, đạo đức và tâm hồn cao đẹp của Người, vạch ra những định hướng mang tính cương lĩnh cho sự phát triển của dân tộc.

Nội dung xuyên suốt, bao trùm toàn bộ *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cái làm nên giá trị tinh thần lớn lao, trường tồn mang ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, đó chính là tư tưởng nhân văn, tư tưởng đề cập đến vấn đề con người, về giải phóng và phát triển con người, coi con người là nhân tố trung tâm quyết định thành công của cách mạng. Trong sự nghiệp đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo đại học hiện nay, việc học tập và làm theo tư tưởng nhân văn trong Di chúc của Người có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, không chỉ giúp cho chúng ta nhận thức sâu sắc hơn nhân cách vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà còn là nguồn cổ vũ, động viên, thôi thúc mỗi người giảng viên phải nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần nhiệt huyết để phấn đấu hoàn thành sự nghiệp vẻ vang của mình.

Tư tưởng nhân văn trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện nổi bật ở quan điểm về con người và sự nghiệp giải phóng con người.

Theo hồi ký của ông Vũ Kỳ thì Bác Hồ bắt đầu viết *Di chúc* vào 9 giờ sáng thứ Hai, ngày 10 tháng 5 năm 1965 và hoàn thành *Di chúc* vào ngày 10 tháng 5 năm 1969. Trong 4 năm, mặc dầu bận nhiều với công việc của một vị Chủ tịch nước nhưng Bác vẫn dành thời gian quý báu của mình (thường là thời gian đẹp nhất trong ngày, từ 9 đến 10 giờ) để viết *Di chúc*. Điều trăn trở nhất đối với Bác là vấn đề con người, làm gì và làm thế nào để con người có được hạnh phúc?

Trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt dành sự quan tâm lớn để nói đến vấn đề con người, thể hiện tình thương yêu, quý trọng đối với tất cả mọi tầng lớp người trong xã hội. Người căn dặn: “Đầu tiên là công việc đối với con người”¹. Người chỉ rõ, công việc toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta phải ra sức làm là mau chóng hàn gắn vết thương nghiêm trọng do đế quốc Mỹ gây ra trong cuộc chiến tranh xâm lược dã man để lại biết bao đau thương cho mỗi người dân Việt Nam.

* *Đại học Nha Trang*

1. Hồ Chí Minh: *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 29.

Trước hết, Người căn dặn phải có một chính sách đặc biệt đối với mọi tầng lớp nhân dân đã vì Tổ quốc mà hy sinh: Theo Người, đó là công việc nhất thiết phải làm, đâu khó khăn, phức tạp đến mấy cũng phải ra sức làm. Người chỉ rõ: “Thương binh là những người đã hy sinh gia đình, hy sinh xương máu để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ đồng bào. Vì lợi ích của Tổ quốc, của đồng bào, mà các đồng chí chịu ốm đau, què quặt”, “Tay chân tàn phế của thương binh sẽ không mọc lại được, và những tử sĩ sẽ không thể tái sinh”¹. Vì thế, Tổ quốc, đồng bào phải biết ơn thương binh, liệt sĩ và giúp đỡ gia đình họ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ căn dặn về đãi ngộ vật chất, động viên tinh thần mà Người còn quan tâm tới cách thức làm thế nào để thương binh, những người đã hy sinh một phần xương máu của mình có thể dần dần “tự lực cánh sinh” và cha mẹ, vợ con của thương binh, liệt sĩ “có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ bị đói rét”², tức là để họ có thể tự mình làm ra tất cả, không ỷ lại, thụ động và bất lực trước hoàn cảnh khó khăn.

Đối với nông dân, thâm nhuần đạo lý truyền thống của người Việt Nam “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, trong Di chúc, Người viết: “Trong bao năm chống thực dân Pháp, tiếp đến chống đế quốc Mỹ, đồng bào ta, nhất là đồng bào nông dân đã luôn hết sức trung thành với Đảng và Chính phủ ta, ra sức góp của góp người, vui lòng chịu đựng mọi khó khăn gian khổ”³. Vì vậy, Người đề nghị miễn thuế nông nghiệp một năm cho nông dân để đồng bào thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất. Đối với nhân dân lao động nói chung, Người căn dặn: “Đảng cần có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”⁴.

Tình thương yêu, quý trọng con người của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ thể hiện đối với các anh hùng, liệt sĩ, cán bộ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong, đối với cha mẹ, vợ con của thương binh, liệt sĩ, mà còn đối với cả những người Việt Nam lầm lỡ, trước đây làm việc cho chế độ cũ hoặc không lương thiện trong chế độ xã hội cũ. Với lòng độ lượng, khoan dung, đầy tình nhân ái, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ gọi họ là “nạn nhân của chế độ xã hội cũ” và nhắc nhở Đảng, Nhà nước phải quan tâm đến họ, hướng thiện và hướng nghiệp cho họ theo tinh thần “đánh người chạy đi chứ không đánh người chạy lại”: “Đối với nạn nhân của chế độ xã hội cũ, Nhà nước phải vừa dùng giáo dục vừa dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện”⁵.

Tư tưởng nhân văn trong trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh còn được thể hiện ở lòng tin tưởng tuyệt đối của Người vào sức mạnh của nhân dân. Người đã từng khẳng định: “Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”⁶. Trong *Di chúc*, Người không chỉ nêu lên sức mạnh vĩ đại của nhân dân lao động ở miền xuôi, miền núi, mà Người còn tin tưởng rằng nhân dân sẽ là một lực lượng khổng lồ, sức mạnh vô địch chiến đấu và nhất định chiến thắng mọi hư hòng trong xã hội để xây dựng những cái gì tươi sáng nhất, văn minh và văn hóa nhất.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 5, tr. 105.

2. Hồ Chí Minh: *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 30.

3. Hồ Chí Minh: *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 31.

4. Hồ Chí Minh: *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 37.

5. Hồ Chí Minh: *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 30.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, t. 8, tr. 276.

Tư tưởng nhân văn bao trùm thể hiện trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đó là sự quan tâm đến Đảng, những người cộng sản. Tháng 5/1968, khi soạn thảo *Di chúc*, Người viết: “Theo ý tôi, việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi”¹. Đối với Bác điều tâm nguyện và hệ trọng bậc nhất là việc xây dựng Đảng. *Di chúc* nêu những vấn đề cốt yếu của công tác xây dựng Đảng, đó là: Giữ gìn mỗi đoàn kết trong Đảng. Người viết: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”², đồng thời, yêu cầu “Trong Đảng, thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng”³.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh xây dựng xã hội mới phải theo hướng lấy con người làm trung tâm, và để thực hiện được điều đó, Đảng Cộng sản phải giữ vững vai trò lãnh đạo. Lý tưởng của Đảng Cộng sản là chống áp bức, bóc lột, mang những giá trị chân chính của con người. Bản chất của xã hội lấy con người làm trung tâm hòa quyện và thống nhất với mục đích lý tưởng của Đảng. Do vậy, là những đảng viên, với lý tưởng tiên tiến và đạo đức cao đẹp, nhân cách người cộng sản phải trở thành biểu tượng trung tâm của xã hội mới. Đó là những đảng viên, những con người biết đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân lên trên hết và trước hết. Người luôn đòi hỏi: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”⁴. Người chỉ rõ, người cán bộ, đảng viên có đạo đức cách mạng là những người có văn hoá; phải xung phong gương mẫu làm trước thiên hạ và phải hưởng bổng lộc sau thiên hạ; cái gì lợi cho Đảng, cho dân thì khó mấy cũng làm, cái gì hại đến Đảng, đến dân thì kiên quyết chống lại. Người nhấn mạnh, cán bộ, đảng viên phải luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước quần chúng, luôn luôn chăm lo đến đời sống của quần chúng.

Tư tưởng nhân văn trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh còn thể hiện ở sự quan tâm chăm lo cải tạo và xây dựng con người, nhằm giải phóng con người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng chỉ ra rằng: người ta ai cũng có tính tốt và tính xấu, có thiện và ác trong lòng, điều này phần lớn do giáo dục mà ra, thái độ của người cách mạng là phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi. Người thường nhắc nhở chúng ta: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa”⁵, “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”⁶. Do đó, Đảng và Chính phủ phải luôn chăm lo công tác giáo dục, đào tạo, rèn luyện cho lớp người trẻ tuổi để kế tục sự nghiệp cách mạng, trước lúc

1. Hồ Chí Minh: *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 29.

2. Hồ Chí Minh: *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 36.

3. Hồ Chí Minh: *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 36.

4. Hồ Chí Minh: *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 36.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 10, tr. 310.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, t. 9, tr. 222

đi xa, Người căn dặn: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”¹. Bồi, không chăm lo cho thế hệ trẻ, sẽ không có những con người xã hội chủ nghĩa để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, và, sâu xa hơn, không thể giữ gìn được thành quả cách mạng mà biết bao thế hệ cha anh đã đổ xương máu để tạo dựng nên. Trong bồi dưỡng, đào tạo những con người kế tục sự nghiệp cách mạng phải coi trọng cả đức và tài, để họ vừa “hồng” vừa “chuyên”, trong đó, Người đặt lên hàng đầu là đạo đức cách mạng. Người rất quan tâm tới những chiến sĩ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong đã được rèn luyện trong chiến đấu và căn dặn: “Đảng và chính quyền cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, các nghề, để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta”².

Trong quan điểm về xây dựng con người, Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm sâu sắc đến việc bồi dưỡng, cất nhắc, giúp đỡ phụ nữ, để họ tiến bộ, bình đẳng và thật sự được giải phóng. Theo Người: “Nói phụ nữ là nói đến phần nửa của xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người. Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ có một nửa”³. Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày có thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo. Bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên. Đó là một cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ”⁴.

Trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, điều làm chúng ta vô cùng xúc động là nội dung Người viết về việc riêng mà ở đó tư tưởng nhân văn, với tình yêu thương con người và tất cả vì con người được thể hiện rất sâu sắc. Người căn dặn, khi Người mất “chớ nên tổ chức diễu phúng linh đình để khỏi lãng phí thời giờ và tiền bạc của nhân dân”⁵. Đối với thi hài, phần mộ và nơi an nghỉ cuối cùng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng dặn lại những việc nên làm để cho “những người đến thăm viếng có chỗ nghỉ ngơi”⁶ và góp phần bảo vệ môi trường sinh thái vì cuộc sống của con người.

Tư tưởng nhân văn trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là lòng yêu thương con người sâu sắc. Đó là sự quan tâm, biết ơn, trân trọng, tin tưởng vào sức mạnh của con người, quyết tâm hành động để mang lại hạnh phúc, ấm no cho con người, giải phóng con người.

Học tập, làm theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đòi hỏi đội ngũ giảng viên các trường đại học, cao đẳng hiện nay cần phải nâng cao ý thức trách nhiệm để làm tốt hơn nữa công việc “trồng người”.

Trước hết, người giảng viên cần phải thật sự yêu nghề, yêu thương, quý trọng sinh viên, coi sinh viên là trung tâm của hoạt động giảng dạy.

Yêu nghề, yêu thương, quý trọng sinh viên là yêu cầu quan trọng hàng đầu đối với

1. Hồ Chí Minh: *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 37
2. Hồ Chí Minh: *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 30.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1989, t. 8, tr. 498.
4. Hồ Chí Minh: *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 30.
5. Hồ Chí Minh: *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 27.
6. Hồ Chí Minh: *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 28.

mỗi người giảng viên. Bởi đây là cơ sở, là động lực thôi thúc trách nhiệm và nhiệt huyết để mỗi nhà giáo phấn đấu hoàn thành sự nghiệp vẻ vang của mình. Đó là cái tâm trong sáng và cao thượng của các nhà giáo đem hết khả năng, và sự nhiệt tình để phục vụ người học. Chỉ có yêu nghề, yêu thương, quý trọng sinh viên thì mới có thể trở thành nhà giáo tốt, nhà giáo mẫu mực, được xã hội tôn vinh và kính trọng.

Yêu nghề, yêu thương, quý trọng sinh viên, đòi hỏi mỗi người giảng viên phải thực sự tâm huyết và tận tụy với công việc, phải coi trọng người học, lấy người học làm trung tâm trong hoạt động giảng dạy, chú ý phát triển trí tuệ, tính độc lập, sáng tạo và tính tích cực của người học đồng thời tận tình quan tâm, chăm lo, hướng dẫn đến từng đối tượng sinh viên để họ tiếp thu tri thức một cách tốt nhất. Do đó, bản thân mỗi người giảng viên cần phải nêu cao ý thức trách nhiệm, thực hiện đúng các chuẩn mực của hoạt động giảng dạy, đồng thời phải không ngừng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, thấu hiểu sâu sắc lĩnh vực chuyên môn mà mình đảm nhiệm để truyền thụ cho người học một cách đúng nhất, tốt nhất. Phải tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, đánh giá, biết tìm tòi sáng tạo, cập nhật tri thức mới, áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến và hiện đại vào quá trình giảng dạy để bài giảng của mình ngày càng phong phú, sâu rộng và có sức hấp dẫn cao. Bên cạnh đó, mỗi người giảng viên cũng cần phải tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, xem nghiên cứu khoa học là một phương thức để phát triển, tích lũy kiến thức lý luận, kỹ năng sư phạm cho chính mình.

Yêu thương, quý trọng sinh viên đòi hỏi người giảng viên phải có tấm lòng bao dung, độ lượng, đối xử hòa nhã với người học, biết lắng nghe, cảm thông, chia sẻ, thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng của của sinh viên, giúp đỡ sinh viên vượt qua hoàn cảnh khó khăn để vươn lên trong cuộc sống.

Thứ hai, người giảng viên phải kết hợp việc truyền đạt kiến thức với giáo dục lý tưởng, đạo đức, nhân cách cho sinh viên.

Trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc làm rất quan trọng và rất cần thiết”¹ và “Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh phần lớn là do các thanh niên”², công tác đào tạo bồi dưỡng phải đạt cho được mục tiêu giáo dục toàn diện để lực lượng thanh niên sau khi đào tạo đủ sức phục vụ nhân dân. Do vậy, đối với mỗi người giảng viên Nhà trường cần phải xác định được rằng trong công tác giảng dạy không phải chỉ là truyền đạt những nội dung kiến thức cho sinh viên mà còn phải giáo dục lý tưởng, đạo đức, nhân cách cho họ. Chỉ có như vậy, chúng ta mới có thể đào tạo, xây dựng được những con người xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên” như lời căn dặn của Bác.

Thứ ba, bản thân mỗi người giảng viên cần phải thường xuyên tự tu dưỡng, rèn luyện thông qua việc nâng cao nhận thức chính trị, trau dồi đạo đức nghề nghiệp, trở thành tấm gương sáng cho sinh viên noi theo.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: đối với người Việt Nam nói riêng, người phương Đông nói chung, một tấm gương sáng còn hơn trăm bài diễn thuyết. Hoạt động dạy học

1. Hồ Chí Minh: *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 37.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 5, tr. 185.

được tiến hành bằng nhiều phương thức, trong đó có một phương thức rất đặc biệt là lấy nhân cách tác động đến nhân cách, dùng nhân cách người thầy để cảm hóa học trò. Do vậy, bản thân mỗi người giảng viên phải trở thành tấm gương mẫu mực “tự học, sáng tạo”, tinh thông về nghề nghiệp, tiêu biểu về tri thức khoa học, tư tưởng chính trị, văn hóa, đạo đức, lối sống.

Để phát huy tốt vai trò, ý thức trách nhiệm của đội ngũ giảng viên trong sứ mệnh trồng người hiện nay, đối với các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

Một là, tiếp tục đẩy mạnh việc “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” gắn với các cuộc vận động, các phong trào thi đua của đơn vị để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Hai là, phổ biến, quán triệt nghiêm túc Luật Giáo dục đại học, quy định về đạo đức nhà giáo, đồng thời làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng để mỗi giảng viên thấy rõ trách nhiệm của mình với xã hội, với việc đào tạo bồi dưỡng con người cho đất nước.

Ba là, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị hiện đại phục vụ cho việc nghiên cứu khoa học, giảng dạy của giảng viên và học tập của sinh viên.

Bốn là, quan tâm chăm lo đến đời sống của giảng viên, tạo điều kiện thuận lợi nhất (cả vật chất và tinh thần) để mỗi giảng viên Nhà trường học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Năm là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để chấn chỉnh và xử lý kịp thời, nghiêm túc những biểu hiện vi phạm về đạo đức nhà giáo, góp phần làm trong sạch môi trường giáo dục; đồng thời tuyên dương những tấm gương giảng viên tiêu biểu có lương tâm, trách nhiệm, tận tụy, dành trọn tâm huyết và trí tuệ cho sự nghiệp giáo dục, hết lòng vì sinh viên thân yêu.

Thực hiện tốt các giải pháp trên là bước đột phá, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ giảng viên các trường đại học, cao đẳng vững mạnh, tạo động lực thúc đẩy đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục đại học trong giai đoạn hiện nay. Đó là những việc làm thiết thực nhất để thực hiện tư tưởng nhân văn trong *Di chúc* của Người./.

VẤN ĐỀ NÔNG NGHIỆP TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ VẬN DỤNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*ThS. Phùng Thế Anh**

Chủ tịch Hồ Chí Minh trước lúc đi xa đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta một bản *Di chúc*, mà như Người viết trong *Di chúc* là “tôi để sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột”¹. Bản *Di chúc* lịch sử đó là những lời căn dặn cuối cùng của Người đối với sự nghiệp cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Bản *Di chúc* được Chủ tịch Hồ Chí Minh viết lần đầu tiên vào tháng 5-1965, nhân dịp sinh nhật lần thứ 75 của Người. Bản *Di chúc* được Người bổ sung, chỉnh sửa hai lần vào các năm 1968 và 1969. *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là văn kiện có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc đối với Đảng và nhân dân ta trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. *Di chúc* đã thể hiện tầm nhìn và tư tưởng của Người về mọi vấn đề của cách mạng Việt Nam, trong đó có quan điểm về vấn đề nông dân - nông nghiệp - nông thôn.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng và nhấn mạnh tầm quan trọng của vấn đề nông nghiệp. Tư tưởng về phát triển nông nghiệp được thể hiện trong rất nhiều bài viết của Người. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Người đã sớm nhận thức rõ vai trò của nông nghiệp trong tiến trình cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Nền kinh tế Việt Nam dưới thời Pháp thuộc là nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, phát triển què quặt, phiến diện và lệ thuộc vào nền kinh tế Pháp với hơn 90% dân số là nông dân, từ thực trạng đó nên khi vừa giành được độc lập sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”². Do đó, Người khẳng định: “Chúng ta phải thực hiện ngay: Làm cho dân có ăn. Làm cho dân có mặc. Làm cho dân có chỗ ở. Làm cho dân có học hành”³. Để làm được những điều đó thì một trong những nhiệm vụ cơ bản là phải phát triển sản xuất nông nghiệp.

Nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa từ một

**Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM.*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.621.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.175.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.175.

xuất phát điểm rất thấp với nền sản xuất nhỏ, kinh tế nông nghiệp là chủ yếu nên phát triển nông nghiệp có vai trò hết sức quan trọng đối với việc phát triển kinh tế và nâng cao đời sống nhân dân. Trong *Thư gửi điền chủ nông gia Việt Nam*, Người đã viết: “Việt Nam là một nước sống về nông nghiệp. Nền kinh tế của ta lấy canh nông làm gốc. Trong công cuộc xây dựng nước nhà, Chính phủ trông mong vào nông dân, trông cậy vào nông nghiệp một phần lớn. Nông dân ta giàu thì nước ta giàu. Nông nghiệp ta thịnh nước ta thịnh”¹. Người luôn nhắc nhở phải đẩy mạnh tăng gia sản xuất, phát triển nông nghiệp toàn diện cả trồng trọt và chăn nuôi, phát triển ngành ngư nghiệp và các ngành kinh tế biển.

Tư tưởng phát triển sản xuất nông nghiệp của Hồ Chí Minh còn được thể hiện rõ nét trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Với phương châm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược là toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh thì Người cho rằng sản xuất nông nghiệp có ảnh hưởng quyết định đến sự thành bại của cuộc kháng chiến, trong *Thư gửi nông dân thi đua canh tác*, Người chỉ rõ: “Muốn đánh thắng thì quân và dân ta phải ăn no. Muốn ăn no thì phải có nhiều lương thực. Muốn nhiều lương thực thì phải cày cấy nhiều. Phải chịu khó bón phân, làm cỏ. “Thực túc thì binh cường!”. Chiến sĩ ở trước mặt trận thi đua giết giặc lập công thì đồng bào ở hậu phương phải thi đua tăng gia sản xuất. Ruộng rẫy là chiến trường, cuốc cày là vũ khí, nhà nông là chiến sĩ, hậu phương thi đua với tiền phương”². Bức thư đã thể hiện rõ suy nghĩ và tình cảm đặc biệt mà Người đã dành cho giai cấp nông dân và sản xuất nông nghiệp; đã thể hiện rõ vai trò tiên phong của người nông dân trong mặt trận xây dựng và phát triển kinh tế nông nghiệp, đóng góp to lớn và quan trọng vào cuộc kháng chiến của dân tộc.

Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược nhằm giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, Người cũng đặc biệt quan tâm đến người nông dân và vấn đề phát triển kinh tế nông nghiệp. Trong điều kiện miền Bắc vừa giải phóng, phải làm nhiệm vụ hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn miền Nam, việc phát triển kinh tế để tạo ra nguồn lực nâng cao đời sống của người dân miền Bắc đồng thời chi viện cho chiến trường miền Nam là một yêu cầu bức thiết. Người chỉ rõ: Bên cạnh phát triển công nghiệp và muốn phát triển được công nghiệp nói riêng cũng như nền kinh tế nói chung thì phải lấy việc phát triển sản xuất nông nghiệp làm gốc. Tư tưởng này của Người được thể hiện rõ trong *Bài nói tại Đại hội Đại biểu Công đoàn tỉnh Thanh Hóa lần thứ VI*: “Muốn phát triển công nghiệp, phát triển kinh tế nói chung phải lấy việc phát triển nông nghiệp làm gốc, làm chính. Nếu không phát triển nông nghiệp thì không có cơ sở để phát triển công nghiệp vì nông nghiệp cung cấp nguyên liệu, lương thực cho công nghiệp và tiêu thụ hàng hóa của công nghiệp làm ra”³. Nền kinh tế miền Bắc về cơ bản vẫn là nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ, tư duy sản xuất chủ yếu là tư duy kinh nghiệm, chưa có nền tảng cho sự phát triển công nghiệp và hạn chế về khoa học - kỹ thuật trong sản xuất, do đó khi tiến hành thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất phát triển kinh tế quốc dân (1961 - 1965), Đảng ta cũng khẳng định rõ vai trò của sản xuất nông nghiệp đối với sự phát triển của công nghiệp: “Chúng ta phải đi từ nông

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.246.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.44.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.635.

ngành mà tiến lên, (...) dựa vào cơ sở của nông nghiệp ngày càng phát triển mà thực hiện từng bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa một cách thuận lợi. Nông nghiệp là cơ sở của công nghiệp, có nhiệm vụ phải đảm bảo cung cấp lương thực và thực phẩm cho các thành phố và khu công nghiệp; cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm; tăng cường nguồn hàng nông sản xuất khẩu để đổi lấy thiết bị cho công nghiệp; bổ sung nhân lực cho sản xuất công nghiệp và xây dựng cơ bản...”¹.

Trước lúc đi xa, tư tưởng và tình cảm mà Người dành cho nông dân và nông nghiệp Việt Nam cũng thể hiện rõ trong bản *Di chúc* lịch sử: “Trong bao năm kháng chiến chống thực dân Pháp, tiếp đến chống đế quốc Mỹ, đồng bào ta, nhất là đồng bào nông dân đã luôn luôn hết sức trung thành với Đảng và Chính phủ ta, ra sức góp của góp người, vui lòng chịu đựng mọi khó khăn gian khổ. Nay ta đã hoàn toàn thắng lợi, tôi có ý đề nghị miễn thuế nông nghiệp 1 năm cho các hợp tác xã nông nghiệp để cho đồng bào hi hã, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất”². Suốt cả cuộc đời của Người vẫn luôn dành những tình cảm đặc biệt và niềm tin đối với những người nông dân Việt Nam, những người đã chịu sự áp bức, bóc lột trong suốt chiều dài lịch sử của chế độ phong kiến Việt Nam, những con người dù trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng vẫn luôn son sắt, một lòng tin theo Đảng, ủng hộ sự nghiệp cách mạng của Đảng và sẵn sàng hy sinh tất cả vì nền độc lập, tự do cho dân tộc. Người vẫn luôn canh cánh trong lòng vì người nông dân Việt Nam đời sống vẫn còn nhiều khó khăn, vất vả, chính vì vậy mà Người đã căn dặn Đảng và Chính phủ thực hiện miễn thuế nông nghiệp 1 năm cho người nông dân để họ có nguồn lực, có thêm động lực để tiếp tục phát triển sản xuất nông nghiệp, tạo ra nguồn lực cho phát triển đất nước. Đây cũng chính là cốt lõi tư tưởng lấy dân làm gốc trong tư tưởng Hồ Chí Minh, thể hiện tư tưởng khoan thư sức dân của Người, đúng như Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn đã tâu với vua Trần Anh Tông vào tháng 6/1300: *Thời bình, phải khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc. Đó là thượng sách giữ nước*. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng vậy, Người muốn miễn thuế nông nghiệp cho người nông dân “để cho đồng bào hi hã, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất” ấy cũng là khoan thư sức dân. Khoan thư sức dân bằng cách miễn thuế nông nghiệp cho người nông dân là giảm bớt sự đóng góp của người nông dân cho nhà nước, tạo điều kiện cho họ có thêm nguồn lực để thúc đẩy sản xuất, phát triển kinh tế nông nghiệp, góp phần nâng cao đời sống của người nông dân.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nông nghiệp không chỉ có giá trị về mặt lý luận, mà nó còn hàm chứa giá trị thực tiễn hết sức sâu sắc. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng nông nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh để xây dựng đường lối chiến lược phát triển nông nghiệp trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhằm mục tiêu: “Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; nâng cao giá trị gia tăng, đẩy mạnh xuất khẩu. Đẩy nhanh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nền nông nghiệp sinh thái phát triển toàn diện cả về nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng hiện đại,

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.21, tr. 844.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.617.

bền vững, (...); nâng cao thu nhập và đời sống của nông dân”¹.

Thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề nông nghiệp và thực hiện đường lối phát triển nông nghiệp của Đảng, Thành phố Hồ Chí Minh trong những năm qua đã quan tâm đầu tư và phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là một bộ phận quan trọng trong cơ cấu kinh tế của Thành phố. Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ X nhiệm kỳ 2015-2020 đã xác định mục tiêu phát triển nông nghiệp Thành phố theo hướng nông nghiệp đô thị sinh thái, hiện đại và phát triển bền vững: “Phát triển nông nghiệp đô thị hiện đại, hiệu quả, bền vững theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học, là trung tâm sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi có năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng cao, an toàn của khu vực, bảo vệ môi trường và đáp ứng tốt hơn nhu cầu về rau sạch, hoa tươi, cá kiếng, sữa của thị trường và gắn với phát triển du lịch mang đặc trưng thành phố; bổ sung chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp; phát triển dịch vụ bảo hiểm trong nông nghiệp; tăng năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh, xây dựng các chuỗi liên kết và chuỗi cung ứng trong nông nghiệp”².

Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích gần 209.539,3 ha, gồm 19 quận và 05 huyện ngoại thành. Tổng diện tích đất nông nghiệp của Thành phố là 114.917,4 ha (chiếm 54,68% diện tích toàn Thành phố), trong đó đất sản xuất nông nghiệp: 66.001,8 ha (chiếm 31,50% diện tích đất nông nghiệp), đất lâm nghiệp có rừng: 35.684,6 ha (chiếm 17,03%), đất nuôi trồng thủy sản: 10.798,5 ha (chiếm 5,15%), đất làm muối: 1.708,9 ha (chiếm 0,82%) và đất nông nghiệp khác: 386,2 ha (chiếm 0,18%)³.

Trong những năm qua, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch để đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, được đầu tư toàn diện và đồng bộ để nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh và gia tăng hàm lượng công nghệ trong các sản phẩm nông nghiệp, phù hợp với đặc thù nông nghiệp của một đô thị lớn, góp phần nâng cao giá trị, thu nhập cho người nông dân Thành phố.

Thành phố cũng đã thành lập Khu Nông nghiệp công nghệ cao với tổng diện tích 88,17 ha tại huyện Củ Chi và đi vào hoạt động từ tháng 4/2010 với 04 trung tâm trực thuộc là: Trung tâm Ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao, Trung tâm Nghiên cứu và phát triển nông nghiệp công nghệ cao, Trung tâm Khai thác hạ tầng và Trung tâm Dạy nghề nông nghiệp công nghệ cao. Đây là khu nông nghiệp công nghệ cao đầu tiên của cả nước và đã thu hút được nhiều dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Việc xây dựng và đưa vào hoạt động khu nông nghiệp công nghệ cao đã góp phần đẩy mạnh quá trình nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và cung ứng giống cây trồng (hoa lan, cây kiếng, rau sạch, nấm, cây dược liệu,...), giống vật nuôi (cá dĩa, cá chép koi,...) và sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ nông nghiệp không chỉ cho thị trường của Thành phố Hồ Chí Minh, mà còn cung cấp cho thị trường cả nước và xuất khẩu.

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.92-93.

2. <https://www.hcmcpv.org.vn/tu-lieu/van-kien-dai-hoi-dai-bieu-dang-bo-tphcm-lan-thu-x/xay-dung-dang-bo-trong-sach-vung-manh-huy-dong-moi-nguon-luc-xay-dung-thanh-pho-ho-chi-minh-van-m-1450693376>

3. Cục Thống kê TP.Hồ Chí Minh: *Niên giám thống kê TP. Hồ Chí Minh 2017*, NXB Thanh Niên, 2018, tr.24.

Thành phố cũng đã đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, giảm diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả, giá trị kinh tế thấp để chuyển sang sản xuất những cây trồng, vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao; xây dựng chương trình phát triển sản xuất, phân phối và tiêu thụ nông sản theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP). Tập trung phát triển sản xuất hoa, cây kiểng, chăn nuôi bò sữa, cá sấu, trồng rừng và cây xanh để tạo môi trường cảnh quan sinh thái,... Đồng thời, Thành phố cũng đẩy mạnh các chương trình xúc tiến thương mại để hỗ trợ tiêu thụ nông, lâm và thủy sản với mục tiêu cung cấp thông tin giá cả và định hướng thị trường, kết nối sản xuất tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tuyên truyền và quảng bá sản phẩm, xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu, nâng cao năng lực kinh doanh, xúc tiến đầu tư gắn với tiêu thụ sản phẩm,... nhờ đó đã tạo ra được sự kết nối giữa hoạt động sản xuất kinh doanh với thị trường tiêu thụ sản phẩm nông sản, cung cấp các thông tin về nhu cầu của thị trường giúp người nông dân định hướng sản xuất, tiếp cận thị trường để tạo ra được các sản phẩm đạt yêu cầu chất lượng và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng, nâng cao được giá trị nông sản.

Các sản phẩm nông nghiệp của Thành phố như: hoa, cây kiểng, cá cảnh, sữa tươi, thịt heo, thịt cá sấu, tôm, muối,... ngày càng phát triển cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của người dân Thành phố và xuất khẩu, đóng góp chủ yếu vào tăng trưởng chung của ngành nông nghiệp Thành phố trong những năm gần đây. Những sản phẩm nông nghiệp này đã thể hiện rõ hướng phát triển của nông nghiệp Thành phố theo hướng nông nghiệp đô thị, phù hợp với lợi thế so sánh và xu hướng phát triển chung của Thành phố.

Trong những năm qua, Thành phố Hồ Chí Minh với đặc thù là một thành phố lớn với thế mạnh phát triển các ngành công nghiệp, thương mại, dịch vụ,... nên tình hình sản xuất nông nghiệp ở Thành phố cũng chịu tác động mạnh mẽ của quá trình đô thị hóa, diện tích đất nông nghiệp ngày càng giảm để phục vụ cho mục đích phi nông nghiệp, quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động cũng dẫn đến lực lượng lao động trong nông nghiệp chuyển dịch sang các ngành kinh tế khác,... Năm 2013, diện tích đất nông nghiệp của Thành phố là 116.917,4 ha (chiếm 55,8% diện tích toàn thành phố)¹, nhưng đến năm 2017 diện tích đất nông nghiệp giảm chỉ còn 114.917,4 ha (chiếm 54,68% diện tích toàn Thành phố). Bình quân trong giai đoạn 2013-2017 mỗi năm giảm 500 ha đất nông nghiệp để chuyển sang phục vụ cho mục đích phi nông nghiệp. Tuy nhiên, nhờ chuyển đổi từ phương thức sản xuất nông nghiệp truyền thống sang sản xuất nông nghiệp đô thị hiện đại dựa trên nền tảng ứng dụng công nghệ cao vào quá trình sản xuất; cũng như quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ các ngành kinh tế nông nghiệp đúng hướng, phù hợp với điều kiện tự nhiên và lợi thế của Thành phố là trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ và trung tâm công nghệ lớn nhất của cả nước, nhờ đó mà tốc độ tăng trưởng giá trị của ngành nông nghiệp ngày càng tăng, đóng góp vào sự tăng trưởng chung của Thành phố.

Năm 2017, giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản đạt 19.480 tỷ đồng, trong đó trồng trọt đạt hơn 5.085 tỷ đồng, chăn nuôi đạt hơn 7.054 tỷ đồng, lâm nghiệp

1. Cục Thống kê TP. Hồ Chí Minh: *Niên giám thống kê năm 2013*, NXB Thống kê, TP.HCM, 2014, tr.11.

đạt 161,3 tỷ đồng, thủy sản đạt 5.748 tỷ đồng, dịch vụ nông nghiệp đạt 1.431 tỷ đồng¹. Tỷ trọng đóng góp của các ngành nông-lâm-thủy sản trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2017 đã thể hiện rõ kết quả của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị. Giá trị sản xuất nông nghiệp trên 1 ha đất canh tác cũng tăng nhanh, năm 2017 đạt 450 triệu đồng/ha, tăng gấp 1,6 lần so với năm 2013 (281,25 triệu đồng/ha). Nhờ tốc độ tăng trưởng giá trị của nông nghiệp ngày càng cao đã góp phần nâng cao thu nhập bình quân đầu người của người nông dân Thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 2017 thu nhập bình quân đã đạt trên 49,18 triệu đồng/người, tăng 23,8% so với năm 2015.

Nhìn chung, nền nông nghiệp đô thị ở thành phố Hồ Chí Minh trong những năm qua đã đạt được những bước tiến tích cực trong bối cảnh quá trình đô thị hóa đang diễn ra nhanh chóng. Đó là sự tăng trưởng cao về giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp, xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ngày càng phù hợp với nền nông nghiệp đô thị, chất lượng các sản phẩm nông nghiệp ngày càng nâng cao, khả năng cạnh tranh của nông sản trên thị trường ngày càng cao,... góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người nông dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đáng kể đó, tình hình phát triển sản xuất nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh vẫn còn tồn tại những hạn chế, yếu kém như quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh, diện tích đất sản xuất nông nghiệp bị thu hẹp; nguồn vốn đầu tư của Nhà nước và các thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế tư nhân và vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) vào nông nghiệp còn thấp; quá trình ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất còn chậm, chưa tương xứng với yêu cầu đặt ra và chưa làm thay đổi căn bản tư duy sản xuất nông nghiệp của một bộ phận lớn người nông dân Thành phố vẫn còn ảnh hưởng của lối sản xuất cũ, kém hiệu quả. Bên cạnh đó, ảnh hưởng của thời tiết, biến đổi khí hậu, cũng như dịch bệnh, thiên tai, ô nhiễm môi trường,... là những thách thức, ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình sản xuất nông nghiệp.

Để tiếp tục đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp đô thị ở Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới, Thành phố cần tiếp tục thực hiện chủ trương chuyển dịch và tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn; đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn theo hướng nông nghiệp đô thị hiện đại kết hợp với phát triển du lịch sinh thái; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, nhất là công nghệ sinh học để lai tạo giống, nâng cao năng suất, chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và khả năng cạnh tranh của nông sản; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, đảm bảo môi trường sinh thái xanh, sạch, đẹp, hài hòa giữa thiên nhiên với con người./.

1. <http://dangcongsan.vn/kinh-te/tp-ho-chi-minh-day-manh-phat-trien-nong-nghiep-do-thi-hien-dai-hieu-qua-ben-vung-495279.html>

HỘI NÔNG DÂN TỈNH ĐỒNG NAI THỰC HIỆN DI CHỨC CỦA BÁC HỒ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

TS. Lê Quan Cần*

1. Khái quát nông thôn mới tỉnh Đồng Nai

Theo số liệu của Cục Thống kê Đồng Nai, dân số tỉnh Đồng Nai đến cuối năm 2018 là 3.086.066 người; trong đó, dân số đô thị là 1.098.742 người chiếm tỷ lệ 35,6%, ở nông thôn là 1.987.324 người chiếm tỷ lệ 64,4%. Tỉnh Đồng Nai tọa lạc trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, tiếp giáp Thành phố Hồ Chí Minh, có hệ thống giao thông quan trọng trong vùng và cả nước. Địa phương này có tổng diện tích tự nhiên là 590.724 ha, có cơ cấu sử dụng đất bao gồm đất nông nghiệp có 468.504 ha, chiếm tỷ lệ 79,31%; đất phi nông nghiệp có 121.321 ha, chiếm tỷ lệ 20,54%; đất chưa sử dụng còn 898 ha, chiếm tỷ lệ 0,15%.

Thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nội dung “*Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống nhân dân*”¹ đối với Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, Hội Nông dân tỉnh Đồng Nai đã thực hiện đạt nhiều kết quả thiết thực trong thời gian qua. Sản xuất nông nghiệp của tỉnh phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao hiệu quả kinh tế và tăng thu nhập người dân nông thôn. Cơ cấu cây trồng tiếp tục chuyển đổi theo đúng hướng, đó là tăng nhanh diện tích một số cây công nghiệp, cây ăn trái có giá trị kinh tế cao, từng bước sử dụng các loại giống mới trong trồng trọt và chăn nuôi nhằm tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp. Năng suất các loại cây trồng hàng năm như lúa, bắp, rau đậu, ... và các loại cây lâu năm có giá trị kinh tế cao như tiêu, điều, cà phê, cây ăn trái tăng nhanh. Kinh tế nông thôn và đời sống người nông dân ngày càng được cải thiện rõ rệt. Toàn tỉnh thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới; trong đó, tập trung hỗ trợ người dân phát triển sản xuất, đầu tư hạ tầng cơ sở phục vụ sản xuất, tạo điều kiện thu hút, phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp, góp phần chuyển dịch lao động và tăng thu nhập đối với người dân nông thôn. Đến cuối năm 2018, toàn tỉnh đã có 133/133 xã đạt chuẩn nông thôn mới (tỷ lệ 100%), 26 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (tỷ lệ 19,5%), 08 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới và 03 đơn vị cấp huyện còn lại đã trình hồ sơ chờ Chính phủ công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Có được những thành quả đáng tự hào như trên trong xây dựng nông thôn mới của tỉnh Đồng Nai trong thời gian qua, là sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở; các sở, ban, ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội, đặc biệt là sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân Tỉnh; trong đó, Hội Nông dân Tỉnh là cơ quan nòng cốt cùng Đảng bộ, cấp ủy, chính quyền của 133 xã với các giải pháp cụ thể, thiết thực và hiệu quả.

* *Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai*

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh: *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP HCM, 2009, tr. 59.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giai cấp nông dân

Xuất thân từ một làng quê nghèo huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An như bao làng quê của Việt Nam thời thuộc Pháp; ngay từ thuở ấu thơ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thấm thía nỗi cơ cực, bần cùng của thân phận người nông dân ở xứ thuộc địa. Trước lúc “ra đi”, về với các cụ Các Mác, Ăngghen và Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại đã để lại cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta bản *Di chúc* lịch sử với những lời căn dặn, nhắn nhủ cuối cùng của Người, là những tình cảm, niềm tin của Bác Hồ đối với những người đương thời và các thế hệ mai sau. Có lẽ những điều Người muốn gửi gắm, dặn dò thì rất nhiều nhưng Bác vốn là tác gia có phong cách viết ngắn gọn, súc tích, tập trung vào những điều cốt yếu nhất. *Di chúc* tuy không dài nhưng đã bao hàm được những bài học lớn xuất phát từ tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, là những điều mà Người đã suy nghĩ, trăn trở trong suốt 05 năm (1965-1969). Bản *Di chúc* được Chủ tịch Hồ Chí Minh viết lần đầu tiên vào tháng 5/1965 và được Người xem lại, bổ sung thêm nội dung vào các năm 1968, 1969. Từ lúc xuất hiện cho đến nay, *Di chúc* Hồ Chí Minh vẫn luôn là một bảo vật quốc gia của Việt Nam. Bản *Di chúc* đã thể hiện những giá trị, ý nghĩa những tư tưởng vĩ đại, những suy nghĩ của Người và tầm nhìn bao quát về công cuộc đấu tranh bảo vệ tổ quốc, xây dựng đất nước đảng hoàng, to đẹp hơn. Ngày nay, việc tiếp tục đào sâu nghiên cứu, suy nghĩ về *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh càng giúp chúng ta vận dụng một cách thiết thực hơn về tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người vào sự nghiệp đổi mới đất nước, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; trong đó, quan điểm về giai cấp nông dân - nông nghiệp - nông thôn trong xây dựng nông thôn mới càng trở nên thiết thực và ý nghĩa.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Người luôn luôn suy nghĩ đến việc giải phóng giai cấp nông dân ngày đêm oằn mình chịu hai tầng áp bức, bóc lột của chế độ thực dân, phong kiến. Vì vậy, Bác Hồ đã đánh giá thực trạng người nông dân là: “Nước ta kinh tế chưa phát đạt, trong 100 người thì đến 90 người là dân cày. Mà dân cày ta rất là cực khổ, nghề không có mà làm, đất không đủ mà cày, đến nổi cơm không đủ mà ăn, áo không có mặc. Xem như Trung Kỳ, tất cả chừng 5.730.000 người dân mà chỉ có chừng 148.015 mẫu ruộng. Trước năm 1926, Tây đồn điền đã chiếm mất 62.000 mẫu. Từ năm 1926, 175 thặng Tây đồn điền lại chiếm hết 1.982 mẫu ở Thanh Hóa; 35.426 mẫu ở Nghệ An; 17.076 mẫu ở Nha Trang; 13.474 mẫu ở Phan Thiết; 92.000 mẫu ở Kon Tum; 67.000 mẫu ở Đồng Nai. Như thế thì dân ta còn ruộng đâu nữa mà cày!”¹. Trước thực trạng ruộng đất của người nông dân ta bị giới tư sản Pháp tước đoạt bằng nhiều hình thức khác nhau, đời sống người dân ngày một gian khó... Bác đã thấu cảm, mô tả và định hướng giải phóng họ như sau: “Sự cực khổ dân cày An Nam là: 1. Ruộng bị Tây choán hết, không đủ mà cày; 2. Gạo bị nó chờ hết, không đủ mà ăn; 3. Làm nhiều, được ít, thuế nặng; 4. Lại thêm nước lụt, đại hạn, vỡ đê, mất mùa; 5. Đến nỗi chết đói, hoặc bán vợ đợ con, hoặc đem thân làm nô lệ như những người nó chờ đi Tân thế giới; 6. Nào là chính trị áp bức (thử hỏi dân cày ta có quyền chính trị?), văn hóa áp bức (dân cày ta được mấy người biết chữ, trong làng được mấy trường học?). Nếu dân cày An Nam muốn thoát khỏi vòng cay đắng ấy, thì phải tổ chức nhau kiếm đường giải phóng”². Để giải phóng được bản thân, người nông dân phải thực hiện việc xây

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t 2, tr. 337.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t 2, tr. 339.

dựng tổ chức dân cày nhằm tập hợp những người nông dân không có ruộng đất cày cấy vào một tổ chức để đoàn kết đấu tranh chống thực Pháp và tay sai. Theo đó, “cách thức đại khái như sau: bất kỳ đàn ông đàn bà, từ những người tiểu điền chủ cho đến những dân cày thuê cày rẫy, từ 18 tuổi trở lên thì được vào. Ai vào thì phải tình nguyện giữ quy tắc hội, và phải có hội viên cũ giới thiệu. Làng nào đã có 3 người tình nguyện vào hội thì tổ chức được một hội làng, 3 làng có hội thì tổ chức hội tổng, 3 tổng có hội thì tổ chức hội huyện, 3 huyện có hội thì tổ chức hội tỉnh, 3 tỉnh có hội thì tổ chức hội nước”¹. Trong *Chánh cương vắn tắt* của Đảng được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 03/02/1930 do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, Người đề ra chủ trương đối với người nông dân là “thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo. Bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo”². Trong *Sách lược vắn tắt* của Đảng, Bác Hồ yêu cầu “Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày và phải dựa vào hạng dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng đánh trúc bọn đại địa chủ và phong kiến”³. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện tình cảm sâu sắc và thương yêu đối với giai cấp nông dân Việt Nam qua trong bài thơ *Dân cày*: Thương ôi! Những kẻ dân cày/ Chân bùn tay lấm suốt ngày gian lao/ Lại còn thuế nặng sưu cao/ Được đồng nào đều lọt vào túi Tây/ Dân ta không có ruộng cày; bao nhiêu đất tốt về tay đồn điền/ Lại còn phu dịch, tằn phiến/ làm chết xác được đồng tiền nào đâu!/ Thân người chẳng khác thân trâu/ Cái phần no ấm có đâu đến mình!...”⁴.

Sau khi khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tháng 4/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết thư gửi điền chủ nông gia Việt Nam nhằm nêu cao vị trí, vai trò của nông dân và nông nghiệp nước nhà trong công cuộc xây dựng đất nước. Theo đó, Người viết: “Việt Nam là một nước sống về nông nghiệp. Nền kinh tế của ta lấy canh nông làm gốc. Trong cuộc xây dựng nước nhà, Chính phủ trông mong vào nông dân, trông cậy vào nông nghiệp một phần lớn... Đồng bào điền chủ nông gia hãy hăng hái cùng nhau làm việc kiến quốc đó”⁵. Năm 1951, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tái xâm lược của cả dân tộc ta bước vào giai đoạn ác liệt. Để thực hiện nhiệm vụ vừa kháng chiến vừa kiến quốc; vai trò của người nông dân, của ngành nông nghiệp càng thêm quan trọng đối với cuộc “kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế”. Vì vậy, trong thư Người viết gửi cho Hội nghị Nông dân toàn quốc lần thứ 2 có nội dung: “Đa số dân ta là nông dân. Mọi việc đều phải dựa vào nông dân. Nông dân giác ngộ hăng hái thì kháng chiến mới mau thắng lợi, kiến quốc mới chóng thành công, nông dân mới được giải phóng”⁶. Trong việc xác định vị trí, vai trò của lực lượng cách mạng giải phóng dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Giai cấp nông dân, chủ chốt là bần nông và trung nông là quân đội chủ lực của kháng chiến và của cách mạng dân chủ mới. Ở nông thôn, bần nông là lớp người đông nhất và nghèo khổ nhất. Họ chân bùn tay lấm quanh năm mà vẫn suốt đời đói rách vì họ bị địa chủ phong kiến bóc lột tàn tệ. Bần nông hăng hái kháng chiến, hăng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.2, tr. 339.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.3, tr. 2.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.3, tr. 3.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.3, tr. 238.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4, tr. 246, 247.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 7, tr. 56.

hái cách mạng và rất mong muốn thực hiện chính sách dân cày có ruộng. Vì vậy, họ là đồng minh chắc chắn nhất của giai cấp công nhân... Cách mạng ta hiện nay là chống đế quốc, chống phong kiến. Nông dân là lớp người đông nhất trong nhân dân, cho nên họ là quân chủ lực của cách mạng. Trong cuộc kháng chiến của ta, nông dân đóng góp nhiều nhất, hy sinh nhiều nhất. Trong quân đội ta, tối đa đa số là nông dân”¹.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, trong nhiều văn bản, Bác Hồ luôn nêu cao tinh thần khảng khái của giai cấp nông dân trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tái xâm lược, sự nỗ lực phi thường của bà con trong việc tham gia sản xuất hàn gắn vết thương chiến tranh và xây dựng đất nước ở miền Bắc. Trong bài viết “Tinh thần khảng khái của nông dân” đăng trên báo *Nhân Dân* số 561 ra ngày 15/9/1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh với bút danh C.B đã chỉ rõ bản chất của người nông dân Việt Nam: “Khi đã hiểu rõ nghĩa vụ và quyền lợi của mình, thì đồng bào nông dân rất dũng cảm và khảng khái. Trong thời kỳ kháng chiến, nhiều nơi và nhiều lúc đồng bào nông dân đã ăn bắp ăn khoai trừ cơm, để dành gạo giúp cho bộ đội ăn no đánh mạnh. Hàng chục vạn đồng bào nông dân đã xung phong đi dân công, hoặc sửa chữa đường cầu trong đêm sương gió lạnh, hoặc phục vụ mặt trận, dưới mưa đạn gió bom. Ngày nay, trong cuộc đấu tranh để thực hiện chính sách “người cày có ruộng”, đối với giai cấp bóc lột, thì đồng bào nông dân cũng anh dũng tiên công, đánh gục bọn cường hào gian ác đầu sỏ. Đối với giai cấp mình, thì đồng bào nông dân đã tỏ rõ tinh thần sẻ cơm nhường áo, “nông dân bốn bể, cũng như một nhà”². Năm 1956, để đẩy mạnh việc củng cố hậu phương miền Bắc chi viện cho tiền tuyến miền Nam, làm cơ sở cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà, Chính phủ đã thi hành kế hoạch khôi phục kinh tế bao gồm nhiều lĩnh vực: nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải,...; trong đó, sản xuất nông nghiệp là chủ yếu. Nhân dịp này, Người viết “Lời kêu gọi đồng bào nông dân thi đua sản xuất và tiết kiệm năm 1956” đăng trên báo *Nhân Dân* số 656 ra ngày 19/12/1955 với nội dung: “Toàn thể đồng bào nông dân phải ra sức thi đua: Trồng thêm lúa và hoa màu. Tăng năng suất và mở rộng diện tích trồng trọt, trồng thêm vụ, cấy hết ruộng hoang và khai thêm ruộng đất hoang khác. Khôi phục cây công nghệ, chủ yếu là bông, mía, cà phê, các cây công nghệ và cây ăn quả khác. Chăn nuôi nhiều gia súc để đủ trâu bò cày ruộng; nuôi nhiều lợn, gà để cung cấp thịt ăn cho nhân dân. Nghề đánh cá và làm muối đều phải đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ. Khai thác gỗ phải đi đôi với tu bổ và bảo vệ rừng, chú ý trồng cây gây rừng ở bờ biển”³. Nhằm động viên tinh thần hăng say trong sản xuất nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh ở miền Bắc, ra sức chi viện cho miền Nam kháng chiến chống đế quốc Mỹ và tay sai; Bộ Nông Lâm đã tổ chức Hội nghị liên hoan chiến sĩ thi đua nông nghiệp và cán bộ đối công toàn quốc. Đến dự và phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân tích vị thế, vai trò của người nông dân nước ta trước và sau khi thực hiện “người cày có ruộng”; Người nhấn mạnh: Khi chưa cải cách ruộng đất, giai cấp địa chủ chiếm gần hết ruộng đất, chúng ngồi mát ăn bát vàng. Nông dân ta làm đầu tắt mặt tối nhưng lại khổ vì không có ruộng đất. Bây giờ ruộng đất đã về tay,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 8, tr. 257, 258.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 10, tr. 134.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 10, tr. 212, 213.

nông dân được sung sướng... Khi chưa có ruộng đất ta phải đấu tranh với địa chủ để đòi lại ruộng đất. Bây giờ có ruộng đất rồi, ta phải đấu tranh với trời... Như thế chưa đủ. Dụng cụ và cách cày bừa của ta lại cũ kỹ như cày của đồng bào miền ngược thì nhỏ, gặt thì phải lấy dao cắt từng bông lúa, mất nhiều công, tốn nhiều thì giờ. Muốn làm tốt, phải học kỹ thuật mới, chưa phải cần đến máy móc, nhưng cày bừa, cuốc phải tốt hơn bây giờ¹. Bên cạnh đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh khuyên người nông dân gắn liền tăng gia sản xuất phải đi đôi với tiết kiệm và thi đua sản xuất. Người nói: Tăng gia phải tiết kiệm, tiết kiệm đi đôi với tăng gia, không phải làm được bao nhiêu tiêu xài hết bấy nhiêu... Muốn tăng gia sản xuất phải thi đua, thí dụ thi đua chống hạn thì phải gánh nước, đào giếng, khơi mương. Một người làm không nổi, phải nhiều người, tức là phải có tổ đổi công. Muốn cho tổ đổi công tốt, không được cưỡng ép ai, phải tổ chức từ nhỏ đến lớn, tổ chức rồi phải làm cho mọi người thấy đều có lợi, khác hẳn với khi chưa có tổ² đổi công. Trên cơ sở phân tích các giải pháp giúp người nông dân thực hiện tốt sản xuất nông nghiệp, Người đi đến kết luận: “Phần quan trọng của kế hoạch là khôi phục sản xuất nông nghiệp và người ra sức làm là nông dân, là các cô, các chú. Các cô, các chú nhất định hoàn thành và cố gắng hoàn thành vượt mức kế hoạch đó”³ trong sản xuất nông nghiệp.

3. Hội Nông dân tỉnh Đồng Nai thực hiện *Di chúc* của Bác Hồ trong xây dựng nông thôn mới

Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới cả nước nói chung, tỉnh Đồng Nai nói riêng được tiến hành theo Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn”. Trải qua 10 năm thực hiện xây dựng nông thôn mới (2008-2018), Hội Nông dân tỉnh Đồng Nai đã thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh với nội dung: “*Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống nhân dân*”⁴ bằng những việc làm cụ thể, thiết thực đạt kết quả tốt. Trong kế hoạch xây dựng nông thôn mới nói riêng, mọi công việc nói chung, Người luôn luôn yêu cầu “*phải có kế hoạch thật tốt*”⁵ nhằm chủ động thực hiện hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Vì vậy, khi Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) và Kế hoạch số 97-KH/TU ngày 29/12/2008 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh (khóa VIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Hội Nông dân Tỉnh đã chủ động xây dựng các kế hoạch, chương trình hoạt động hàng quý, hàng năm, nhiệm kỳ, để thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo các cấp Hội cơ sở thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới. Trong thời gian qua, Ban Thường vụ Hội Nông dân Tỉnh đã ban hành nhiều văn bản nhằm cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, Nhà nước và Hội về xây dựng nông thôn mới, xây dựng đô thị văn minh trên địa bàn tỉnh. Theo đó, Hội Nông dân Tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 64-KH/HNDT, ngày 31/3/2014 về “thực hiện nội dung Chương

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.10, tr. 279, 280.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.10, tr. 280.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.10, tr. 281.

4. Di sản Hồ Chí Minh, *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP HCM, 2009, tr. 59

5. Di sản Hồ Chí Minh, *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP HCM, 2009, tr. 59.

trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”; Hội Nông dân Tỉnh và Bảo hiểm xã hội Tỉnh đã ký kết Chương trình phối hợp số 19/CTPH-BHXH-HND, ngày 15/8/2016 về “tuyên truyền, vận động nông dân tham gia BHXH, BHYT”; Kế hoạch số 72-KH/HNDT, ngày 20/10/2016 về “thực hiện nội dung Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn (2016 - 2020)”; Ban Thường vụ Hội Nông dân Tỉnh xây dựng Chương trình phối hợp số 12-CTPH/HNDT - LMHTX, ngày 21/02/2017 với Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai về “Đẩy mạnh phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2017-2020”; Kế hoạch số 31-KH/HNDT, ngày 24/3/2017 “tuyên truyền về Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh năm 2017”; Kế hoạch số 69 -KH/HNDT, ngày 15/8/2017 về “tổ chức Hội thi Nông dân chung sức xây dựng nông thôn mới năm 2017”; Đề án số 09-ĐA/HNDT, ngày 14/9/2017 của Hội Nông dân tỉnh Đồng Nai về “Tổ chức đưa cán bộ, hội viên, nông dân đi nghiên cứu, học tập, trao đổi kinh nghiệm ở nước ngoài giai đoạn 2017 - 2020”;...

Thực hiện *Di chúc* của Người về “*phát triển kinh tế và văn hóa*”¹ trong xây dựng nông thôn mới của tỉnh đạt được những kết quả đáng tự hào. Hội Nông dân Tỉnh đã phát động phong trào “Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững” được các cấp Hội xây dựng kế hoạch và tiến hành vận động cán bộ, hội viên đoàn kết, tương trợ giúp nhau sản xuất bằng nhiều hình thức. Qua sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp Hội thực hiện phong trào này, tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau giữa những hộ nông dân giỏi với các hộ nông dân nghèo đã trở thành nề nếp trong sản xuất và đời sống văn hóa cộng đồng nông thôn, giúp nhiều hộ nông dân thoát nghèo bền vững và vươn lên làm ăn khá giả với 35.901 hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi giúp đỡ 36.348 hộ nghèo; tạo việc làm tại chỗ cho 41.666 người lao động; mượn vốn không tính lãi suất với số tiền 31,29 tỷ đồng; giúp đỡ hộ nghèo với 105.570 ngày công lao động. Đối với vật tư, lương thực, cây con giống, hạt giống được các hộ nông dân SXKD² giỏi giúp đỡ hộ nông dân nghèo với 84,78 tấn vật tư; 213,73 tấn lương thực; 431.349 loại cây giống; 187.379 loại con giống; 183,66 tấn hạt giống các loại và giúp hộ nghèo tiêu thụ sản phẩm với tổng giá trị là 53,34 tỷ đồng.

Qua phong trào “Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững” đã xuất hiện nhiều nông dân đạt danh hiệu hộ sản xuất, kinh doanh giỏi; nhiều mô hình có quy mô sản xuất lớn, thu hút hàng trăm lao động, thu nhập hàng tỷ đồng mỗi năm; số hộ có mức thu nhập từ 200 triệu đồng/năm trở lên cao gấp 2,8 lần giai đoạn (2014-2017) so với giai đoạn (2008-2013). Phong trào này đã khuyến khích, động viên nông dân phát huy truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái, giúp các hộ nghèo vươn lên thoát nghèo bằng nhiều hình thức thiết thực: giúp về vốn, giống, ngày công lao động, về cách làm ăn, giúp nhau giảm nghèo và làm giàu chính đáng, góp phần đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển, xây dựng Hội các cấp vững mạnh. Từ trong phong trào này, đã xuất hiện những tấm gương tiêu

1. Di sản Hồ Chí Minh, *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP. HCM, 2009, tr. 59.

2. SXKD: Sản xuất kinh doanh

biểu, xuất sắc như hộ ông Võ Hữu Thời ở xã Lộc An, huyện Long Thành với thu nhập hàng năm khoảng 1,0 tỷ đồng, tạo việc làm thường xuyên đối với 10 -16 lao động, tham gia các hoạt động xã hội từ thiện ở địa phương như ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa, nhà tình thương, làm đường, quỹ hỗ trợ nông dân; hộ bà Nguyễn Thị Kim Mai tại xã Phú Ngọc, huyện Định Quán với tổng lợi nhuận khoảng 1,4 tỷ đồng/năm, tạo việc làm thường xuyên cho 30 lao động, giúp đỡ 05 gia đình nghèo ổn định cuộc sống và vươn lên khá giả, tích cực tham gia các hoạt động xã hội từ thiện tại địa phương; hộ ông Đoàn Trung Ngọc ở xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom với thu nhập hàng năm khoảng 2,0 tỷ đồng, tạo việc làm thường xuyên cho 20 lao động, với mức lương khoảng 4,0 triệu đồng/người/tháng, hiến trên 1.000m² đất làm đường giao thông nông thôn, ủng hộ hàng chục triệu đồng cho các hoạt động từ thiện tại địa phương...

Trong xây dựng nông thôn mới, các cấp Hội Nông dân toàn tỉnh đã tích cực vận động nông dân tham gia thực hiện tái cơ cấu nền nông nghiệp theo hướng sản xuất chuỗi giá trị với vùng chuyên canh cây trồng, chăn nuôi tập trung đáp ứng yêu cầu cạnh tranh của khu vực và thế giới.

Đối với các loại cây trồng, trên địa bàn toàn tỉnh đã hình thành một số vùng sản xuất tập trung có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng địa phương như cây xoài ở huyện Vĩnh Cửu, Định Quán, Xuân Lộc; cây cà phê ở huyện Định Quán, Tân Phú, Cẩm Mỹ; cây tiêu ở huyện Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ; cây điều ở huyện Trảng Bom, Xuân Lộc; cây sầu riêng ở huyện Cẩm Mỹ, Tân Phú và thị xã Long Khánh; cây chôm chôm và cây ca cao ở thị xã Long Khánh, huyện Thống Nhất, Định Quán, Tân Phú; cây bưởi ở huyện Vĩnh Cửu, Tân Phú,... Thực hiện sản xuất theo chuỗi giá trị, theo vùng chuyên canh giúp năng suất, sản lượng các loại cây trồng được tăng lên, so với năm 2008, một số loại cây trồng chính như lúa năng suất tăng 20,23%, sản lượng tăng 3,15%; bắp năng suất tăng 29,3%, sản lượng tăng 23%; hồ tiêu năng suất tăng 12,7%, sản lượng tăng 129%; chôm chôm năng suất tăng 8,7%, sản lượng tăng 8,2%; xoài năng suất tăng 2,7%, sản lượng tăng 67,9%; bưởi năng suất tăng 16%, sản lượng tăng 59%; sầu riêng năng suất tăng 15%, sản lượng tăng 18,7%;... Trong thời gian qua, toàn tỉnh đã xây dựng được 13 sản phẩm có nhãn hiệu hàng hóa như xoài La Ngà, bưởi Tân Triều, rau Trảng Dài, rau Trường An, sầu riêng Long Khánh, chuối Thanh Bình, tiêu Xuân Lộc và Thanh Bình, điều Donafod, rau mầm Hoàng Anh, gạo sạch Tân Bình Lục, hồ tiêu Lộc Thịnh, măng cầu na Tân Phú và đã xây dựng chỉ dẫn địa lý đối với bưởi Tân Triều, chôm chôm Long Khánh.

Đối với các loại vật nuôi được chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng đàn gà và tiếp tục phát triển chăn nuôi heo. Đến năm 2018, Đồng Nai là địa phương có số lượng đàn heo cao nhất cả nước (năm 2017 khoảng 1.978.000 con, tăng 93,12% so với năm 2008); đàn heo tăng tập trung chủ yếu ở các địa phương có phong trào chăn nuôi phát triển như huyện Xuân Lộc, Thống Nhất, Trảng Bom, Cẩm Mỹ, Vĩnh Cửu và Long Thành. Đồng thời, gia cầm với đàn gà tăng mạnh, năm 2017 khoảng 19.464.000 con, tăng 250% so với năm 2008, tăng bình quân 27,78%/năm. Bên cạnh đó, một số loại gia súc, gia cầm phát triển ổn định, như bò (75.000 con), vịt, ngan, ngỗng (1,2 triệu con), cút (7,5 triệu con),... Cùng với việc tăng đàn, sản phẩm chăn nuôi tăng mạnh, năm 2017 sản lượng thịt heo hơi khoảng 441,380 ngàn tấn, tăng 212,4% so với năm 2008, tăng bình quân mỗi năm 23,6%; thịt gia cầm khoảng 95,276

ngàn tấn, tăng 517% so với năm 2008, tăng bình quân mỗi năm 57,44%; trứng các loại khoảng 611,581 triệu quả, tăng 557% so với năm 2008, tăng bình quân mỗi năm 61,89%.

Về nuôi trồng và khai thác thủy sản với nhiều mô hình nuôi năng suất cao, tiêu biểu thuộc nhóm các loại nuôi thâm canh nước ngọt ở huyện Định Quán, Tân Phú, Trảng Bom, Vĩnh Cửu, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Long Thành, thành phố Biên Hòa như cá rô đồng, rô phi, chép, lóc, lãng,... (cá rô đồng từ 30-40 tấn/ha, cá biệt có hộ nuôi đạt 80 - 100 tấn/ha; cá rô phi, điêu hồng từ 10 - 15 tấn/ha). Vùng nuôi thủy sản nước lợ nằm trên địa bàn các huyện Long Thành (xã Phước Thái, Long Phước), huyện Nhơn Trạch (xã Long Thọ, Phước An, Vĩnh Thanh) với loại nuôi chủ yếu là tôm thẻ chân trắng, tôm sú, cá chẻm. Năm 2018, trên địa bàn tỉnh có 04 vùng nuôi được đánh giá, chứng nhận VietGAP (30 ha nuôi tôm càng xanh với sản lượng 150 tấn/năm; 51,3 ha nuôi cá tra với sản lượng 1.500 tấn/năm; 5,38 ha nuôi cá lóc, cá rô đồng với sản lượng 1.500 tấn cá lóc/năm, 200 tấn cá rô đồng/năm; 8,34 ha nuôi tôm thẻ chân trắng mật độ cao với sản lượng 1.700 tấn/năm).

Phong trào xây dựng nông thôn mới với mục đích “*không ngừng nâng cao đời sống nhân dân*”¹ theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đạt được những kết quả thiết thực trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Với phương châm đồng hành cùng người nông dân, Hội Nông dân Tỉnh đã thực hiện nhiều giải pháp phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người nông dân tham gia sản xuất kinh doanh giỏi, vận động nông dân đóng góp về nhân lực, vật lực trong xây dựng nông thôn mới. Trong giai đoạn từ 2008 - 2017, tổng lũy kế tiền phát vay nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ Nông dân là 63.407.000.000 đồng; trong đó, nguồn vốn Trung ương ủy thác là 22.973.000.000 đồng, nguồn vốn của tỉnh là 20.304.000.000 đồng, nguồn vốn của cơ sở là 20.130.000.000 đồng đã giúp 6.860 lượt hộ nông dân vay, đầu tư cho 435 dự án trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và các mô hình sản xuất nông nghiệp khác trên địa bàn tỉnh. Công tác hỗ trợ vốn được các cấp Hội phối hợp tổ chức thực hiện đã góp phần giúp nông dân có thêm nguồn vốn đầu tư vào sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tạo việc làm, mở rộng sản xuất, kinh doanh, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho hội viên nông dân. Đồng thời, Hội Nông dân Tỉnh đã ban hành văn bản thực hiện giảm phí vay nguồn Quỹ Hỗ trợ Nông dân từ mức 0,7%/tháng xuống còn 0,55%/tháng, nhằm góp phần giảm lãi suất hàng tháng, giảm bớt khó khăn cho hội viên nông dân trong sản xuất kinh tế. Trong giai đoạn 2013-2017, với phương châm chung sức cùng người nông dân xây dựng nông thôn mới, Hội Nông dân Tỉnh đã phối hợp Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp ủy thác giúp 70.325 lượt hộ vay với số tiền 757.928.000.000 đồng và 878 tổ vay thông qua các chương trình ủy thác cho vay học sinh, sinh viên, chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường, cho vay hộ nghèo và hộ cận nghèo... Đối với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các cấp trong tỉnh, Ban Thường vụ Hội Nông dân Tỉnh đã ký kết thỏa thuận liên ngành số 01/TTLN-HNĐTN-AGRIBANKĐN, ngày 17/3/2017 về thực hiện chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn theo Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ. Đến cuối năm 2017, toàn tỉnh đã thành lập và củng cố được 345 tổ, với tổng số lượt vay 1.449 hộ nông dân, tổng dư nợ đạt 184.000.000.000 đồng, góp phần giúp đỡ hội viên

1. Di sản Hồ Chí Minh, *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP.HCM, 2009, tr. 59.

nông dân có vốn đầu tư phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống.

. Việc ứng dụng khoa học & công nghệ, công nghệ thông tin vào sản xuất nông nghiệp được Hội Nông tinh xác định là nhân tố quan trọng thúc đẩy nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu cải tiến kỹ thuật, xây dựng chuỗi giá trị sản xuất hàng hóa. Vì vậy, giai đoạn 2008-2017, Hội Nông dân Tỉnh phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Khuyến nông, Trạm Bảo vệ thực vật, các công ty phân bón tổ chức được 8.926 đợt tập huấn, hội thảo và tham quan thực tế mô hình cho 231.072 hội viên, nông dân về kỹ thuật sử dụng phân bón, thức ăn gia súc, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật và các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp, giúp cho hội viên nông dân nắm được những kiến thức mới để vận dụng nâng cao trong sản xuất và đời sống. Đồng thời, Hội Nông dân Tỉnh đã phối hợp ngành thông tin truyền thông tổ chức được 29 lớp về nâng cao kỹ năng tin học cho gần 606 cán bộ, hội viên, nông dân; tổ chức bàn giao 75 bộ máy vi tính cho 75 cơ sở Hội; phối hợp với Sở Công thương, Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành liên quan và các doanh nghiệp, tổ chức Hội chợ triển lãm,... thu hút hàng ngàn lượt cán bộ, hội viên nông dân tham dự. Ngoài ra, Hội Nông dân Tỉnh đã phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội mở 02 lớp tập huấn về công tác tuyên truyền, tư vấn đào tạo nghề lao động nông thôn cho 160 cán bộ Hội cơ sở, hội viên nông dân tại các cụm huyện trên địa bàn tỉnh; đến năm 2018, đã tổ chức 20 lớp tập huấn cho 1.600 học viên với các nội dung chính là triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Giai đoạn từ 2008 - 2017, các cấp Hội Nông dân trên địa bàn tỉnh đã phối hợp với Trung tâm dạy nghề cấp huyện tổ chức được 2.069 lớp dạy nghề nông nghiệp cho 59.994 lượt hội viên nông dân với nội dung về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, thú y, bảo vệ thực vật,...

Mục tiêu cuối cùng của Chương trình Quốc gia xây dựng nông thôn mới cả nước nói chung, tỉnh Đồng Nai nói riêng trong thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là “*không ngừng nâng cao đời sống nhân dân*”¹. Sinh thời, Người đã từng dạy: “Ngày nay, chúng ta đã xây dựng nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”². Vì vậy, sự nỗ lực của Hội Nông dân Tỉnh cùng các cấp Hội cơ sở, phối hợp cùng các ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp đã góp phần xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần đối với người dân trong xây dựng nông thôn mới với nhiều chủ trương, giải pháp, mô hình hỗ trợ giống phát triển sản xuất, hỗ trợ học sinh nghèo hiếu học,...; theo đó, có 74.639 lượt hộ nghèo, cận nghèo ở khu vực nông thôn vay vốn với số tiền 1.344 tỷ đồng, bình quân mỗi hộ vay 18 triệu đồng. Một số mô hình hiệu quả xóa đói, giảm nghèo khác đã phát huy tác dụng góp phần đưa tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh từ 6,22% năm 2008 xuống còn 0,31% năm 2017. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2017 ước đạt 47,62 triệu đồng/người/năm, tăng hơn 3,3 lần so với năm 2008. Đồng Nai trở thành một trong những tỉnh đi đầu cả nước về xây dựng nông thôn mới, đã thể hiện cao sự nỗ lực, quyết tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương nói chung, Hội Nông dân

1. Di sản Hồ Chí Minh, *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP.HCM, 2009, tr. 59.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 64.

các cấp của tỉnh nói riêng. Đồng thời, gắn liền chủ trương xóa đói giảm nghèo, sự nghiệp giáo dục, văn hóa trên địa bàn nông thôn của tỉnh trong thời gian qua có sự chuyển biến tích cực, rõ nét. Theo đó, cùng với việc đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa hạ tầng cơ sở vật chất trường học, công tác dạy và học luôn luôn được các Hội địa phương, ngành giáo dục và đào tạo quan tâm, đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Hàng năm, tỷ lệ trẻ vào nhà trẻ, mẫu giáo được cải thiện; so với năm 2008, nhà trẻ tăng 13,1%, mẫu giáo tăng 9,3%, tỷ lệ học sinh 06 tuổi vào lớp 01 luôn luôn được duy trì, giữ vững đạt 100%; toàn tỉnh đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ mức độ 01, đạt chuẩn quốc gia về phổ cập tiểu học mức độ 02 và phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 01. Năm 2018, 100% trạm y tế xã được bố trí khám và điều trị ban đầu, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế được tăng cao đạt 81,5% cuối năm 2017 và tăng gần gấp đôi so với năm 2008. Đời sống văn hóa, tinh thần người dân nông thôn có bước phát triển. Các hoạt động “Ngày vì người nghèo”, “Đền ơn đáp nghĩa” được các cấp hội, chính quyền quan tâm chăm lo, ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân ngày càng cao. Cảnh quan môi trường ở khu dân cư nông thôn “sáng - xanh - sạch - đẹp” được nhân rộng và duy trì. Phong trào xây dựng “Gia đình văn hóa”, “mô hình phòng, chống bạo lực gia đình” được duy trì, mở rộng với 100% trạm y tế xã có điểm tạm lánh cho nạn nhân bạo lực gia đình.

Những kết quả đạt được trong Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới của tỉnh Đồng Nai mà Hội Nông dân Tỉnh giữ vai trò nòng cốt, mối liên hệ sâu sát, xuyên suốt đối với người nông dân trong thời gian qua đã góp phần cùng toàn Đảng bộ Tỉnh, chính quyền các cấp và nhân dân Đồng Nai đã hiện thực hóa điều mong mỏi nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại là “đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”¹.

Trong thời gian tới, Hội Nông tỉnh Đồng tiếp tục thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Người gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị (khóa XII) về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” bằng những kế hoạch, chương trình cụ thể, thiết thực nhằm giữ vững hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Do đó, Hội Nông tỉnh Đồng Nai các cấp tiếp tục thực hiện lời dạy của Người đối với nông dân và cán bộ Hội là: “Nhiệm vụ chính của nông dân là thi đua tăng gia sản xuất nhiều lương thực... Vì vậy, phải giải thích cho mọi nông dân hiểu rõ nhiệm vụ chính của mình, thực hiện chính sách ruộng đất đúng mức và tổ chức dân công hợp lý để tăng gia sản xuất được nhiều kết quả... Muốn được như vậy, cán bộ nông hội cùng cán bộ chuyên môn phải đi sát với nông dân để tuyên truyền, giải thích, đôn đốc giúp đỡ họ”². Đồng thời, người nông dân trên địa bàn toàn tỉnh ra sức thi đua học tập và làm theo Bác Hồ bằng những kết quả cụ thể theo xu hướng liên kết hợp tác, xây dựng chuỗi sản xuất giá trị, đoàn kết trong sản xuất và kinh doanh như lời Người đã dạy: “Hợp tác xã là gì? Hợp tác xã là hợp vốn, hợp sức với nhau. Vốn nhiều, sức mạnh, thì khó nhọc ít mà ích lợi nhiều. Vì vậy: Hợp tác xã nông nghiệp là một tổ chức có lợi to cho nhà nông. Nó là một

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4, tr. 187.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.7, tr. 56.

cách tranh đấu có hiệu quả nhất, để giúp vào việc xây dựng Nhà nước. Hợp tác xã nông nghiệp là một cách làm cho nhà nông đoàn kết, làm cho nhà nông thịnh vượng. Hợp tác xã nông nghiệp giúp cho nhà nông đạt đến mục đích, đã ích quốc lại lợi dân. Hỡi đồng bào điền chủ nông gia”¹.

3. Kết luận

Trải qua 50 năm thực *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1969-2019), Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta trên dưới một lòng, đoàn kết nhất trí vượt qua mọi khó khăn, thử thách đã đưa con thuyền cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội Nông dân tỉnh Đồng Nai đã chủ động, sáng tạo, kề vai, sát cánh cùng các cấp Hội và nông dân toàn tỉnh thực hiện nhiều giải pháp hiệu quả, thiết thực góp phần đưa địa phương đi đầu cả nước hoàn thành các mục tiêu của Chương trình Quốc xây dựng nông thôn mới. Hiện nay, trên mọi địa phương nông thôn của tỉnh Đồng Nai trở thành “miền quê đáng sống” và điều mong mỏi nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh là “đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”² và những lời tiên tri vĩ đại của Bác Hồ “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống nhân dân”³ đã trở thành hiện thực. Thời gian tới, Hội Nông dân tỉnh xác định thực hiện “*Di chúc* của Bác Hồ mãi mãi soi sáng con đường chúng ta đi”⁴ trên quê hương Đồng Nai của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong thế kỷ XXI./.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4, tr. 246.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4, tr. 187.

3. Di sản Hồ Chí Minh, *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP.HCM, 2009, tr. 59.

4. Di sản Hồ Chí Minh, *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP.HCM, 2009, tr. 14.

LỜI DẶN CỦA BÁC VỀ “CÔNG VIỆC ĐỐI VỚI CON NGƯỜI” TRONG “DI CHÚC”

TS. Lê Thị Kim Chi*

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người trong Di chúc

Quan tâm chăm sóc và giáo dục con người là công việc mà suốt cuộc đời mình, Hồ Chí Minh đã làm không biết mệt mỏi, không một phút lơ là. Cho đến cuối cuộc đời, khi sắp phải đi xa, vấn đề mà Người quan tâm lo lắng nhất được thể hiện trong *Di chúc* vẫn là “công việc đối với con người”.

Đọc *Di chúc* của Người, ta càng thấm thía hơn nỗi lo canh cánh về những “công việc đối với con người” mà Người hằng ôm ấp và nhắc nhở chúng ta. Người dành một đoạn dài để viết về công việc chăm sóc đời sống của các tầng lớp nhân dân. Cùng với việc chỉnh đốn Đảng, Người cho rằng, “công việc đối với con người” là việc quan trọng và cần phải làm ngay. Cả hai vấn đề này trong *Di chúc* được sửa chữa, gạch xóa khá nhiều, mặc dù chỉ “viết thêm mấy điểm không đi sâu vào chi tiết”¹. Phải cân nhắc kỹ càng như thế bởi “đó là một công việc cực kỳ to lớn, phức tạp và khó khăn”. Người căn dặn công việc cho cả nước rất tỉ mỉ và căn cơ, rằng: “Đầu tiên là công việc đối với con người”².

Mặc dù trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh nhấn mạnh hai chữ “con người”, nhưng đó không phải là những con người cao siêu như các trào lưu triết học bàn tới, mà là những con người hiện thực, cụ thể và rất đời quen thuộc. Đó là những người đã dùng cảm hy sinh một phần xương máu của mình, các liệt sĩ, cha mẹ, vợ con (của các chiến sĩ thương binh, liệt sĩ), những chiến sĩ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong, những phụ nữ đảm đang, là đồng bào ta, nhất là đồng bào nông dân, và cả những nạn nhân của chế độ cũ.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, xây dựng con người trong Di chúc

Là một vị lãnh tụ, nhưng cũng là người cha già của dân tộc, Người luôn quan tâm tới mọi tầng lớp nhân dân. Những dòng *Di chúc* trên chứa đựng tình thương vô bờ của Người đối với toàn thể dân tộc. Chỉ có xuất phát từ tình thương bao la, tư tưởng nhân văn sâu sắc mới có được những trăn trở, lo toan, những việc làm mang tính thiết thực như thế. Mong muốn của Hồ Chí Minh bao giờ cũng rất cụ thể và thiết thực, đó là làm sao cho mọi người có nơi ăn, chốn ở yên ổn và không bị đói, rét. Những điều tưởng như rất đời thường nhưng thực ra đang là vấn đề bức thiết không dễ gì giải quyết được trong một sớm, một chiều mà đòi hỏi phải có thời gian và sự quyết tâm cao độ. Cách hiểu về con người của Hồ Chí Minh vừa chu toàn lại vừa bao dung, đầy tình thương và ân nghĩa nhưng không sa vào thực dụng.

* Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.12, tr.503.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.12, tr.503.

Con người với tư cách là chủ thể của lịch sử không thể chịu đựng mãi sự đói nghèo, dốt nát, mà phải được chăm sóc và giáo dục. Người từng nhắc nhở rằng, nếu nước nhà được độc lập mà nhân dân không được tự do thì độc lập phỏng có ích gì? Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu. Vì vậy, ngay sau khi giành được độc lập, Người đã chủ trương “diệt giặc dốt” song song với việc “diệt giặc đói” và “giặc ngoại xâm”. Phải coi trọng công tác giáo dục. Giáo dục con người lòng yêu nước, tinh thần cách mạng chưa đủ, mà phải giáo dục họ lòng yêu lao động, phải tạo điều kiện cho họ được học hành, ai cũng có “công việc làm ăn thích hợp” và ngày càng nâng cao hiểu biết về kỹ thuật, chuyên môn để dần dần có thể tự lực cánh sinh. Đây chính là nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa chiến lược lâu dài mà Đảng và chính phủ cần phải thực hiện. Đồng thời, nó cũng chính là mục tiêu, điều kiện quyết định sự thắng lợi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, bởi muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết phải có những con người xã hội chủ nghĩa.

Quan tâm tới con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh cũng có nghĩa là phải giáo dục, bồi dưỡng con người. Trong mỗi con người, ai cũng có phần thiện và phần ác, cái tốt và cái xấu, nó không phải là yếu tố bẩm sinh mà phần lớn là do hoàn cảnh và giáo dục. Vì vậy, phải giáo dục họ sao cho phần tốt trong mỗi con người tăng lên và phần xấu mất dần đi. Cách mạng là phải có kế thừa, đổi mới. Đây là “một việc làm rất quan trọng và rất cần thiết”¹, vì lợi ích dài lâu của quốc gia, vì vậy, phải bồi dưỡng các thế hệ cách mạng cho đời sau. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau, theo Người, trước hết là bồi dưỡng thế hệ trẻ, bởi họ mới là lực lượng chủ yếu và đủ sức làm nên sự nghiệp lớn là giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà, là những người “tiếp sức cho cách mạng”, cho thế hệ đi trước một cách xứng đáng. Xây dựng thế hệ cách mạng này không thể tiến hành một cách nóng vội, tự phát, mà phải được giáo dục một cách có kế hoạch và khoa học. Lời căn dặn và cũng là trách nhiệm mà người giao cho Đảng là “cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên””². Để đào tạo được những người thừa kế cách mạng như vậy, cần quán triệt phương châm “học đi đôi với hành”, “lý luận gắn liền với thực tiễn”. Lấy gương người tốt, việc tốt hàng ngày để giáo dục lẫn nhau là cách tốt nhất để xây dựng những con người mới. Cán bộ, đảng viên phải là người đi trước, làm gương cho nhân dân.

Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân là sự nghiệp mà Hồ Chí Minh hằng theo đuổi. Lúc còn sống, dù bận trăm công ngàn việc, Người vẫn dành nhiều thời gian và sức lực để đi thăm tình hình sản xuất, ăn ở và làm việc của đồng bào. Người vui với niềm vui chung của dân và cùng đau nỗi đau chung của dân. Chăm lo cho con người không phải bằng lời nói mà phải bằng hành động cụ thể, với những tầng lớp cụ thể trong xã hội, đó là các chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang, là chị em phụ nữ, hay cả những nạn nhân của chế độ cũ. Những đối tượng khác nhau thì Đảng phải có chính sách khác nhau, cụ thể để giúp đỡ họ. Người nhắc nhở chính quyền các cấp, các ngành phải chăm lo chu đáo cho nhân dân, củng cố sức dân, làm cho họ được tự do phát triển hết năng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.12, tr.498.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.12, tr. 510.

lực của mình để góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng chung của dân tộc. Vì vậy, trong *Di chúc*, Người căn dặn rằng, Đảng “cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống nhân dân”. Đảng và chính quyền phải có chính sách đúng đắn thể hiện được một cách hài hòa giữa nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi công dân. Làm sao cho mỗi con người trong xã hội nhận thức được vai trò và trách nhiệm của mình đối với xã hội, đối với đất nước. Công việc đó, theo Người là “rất to lớn, nặng nề và phức tạp, mà cũng là rất vẻ vang. Đây là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi”¹. Vì thế, để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến khổng lồ này, cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân.

Chính phủ là công bộc của dân. Dân đói, dân rét là Đảng và chính phủ có lỗi. Vì vậy, mỗi đảng viên phải đặt lợi ích nhân dân, Tổ quốc lên trên hết, phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Ngay cả khi nói về việc riêng, Người cũng chỉ lo đến tình cảm của hàng chục triệu nhân dân đang sống, đang chiến đấu trên khắp mọi miền của Tổ quốc. Thật cảm động khi Người muốn tiết kiệm cho dân từng chút đất làm nơi mà Người yên nghỉ, tránh lãng phí thời gian và tiền bạc của nhân dân. Người còn dặn trồng nhiều cây cho mát, và làm nhà cho người tới viếng mộ có chỗ nghỉ ngơi, rồi dành một ít tro xương cho nhân dân miền Nam – thành đồng Tổ quốc... Cái cần, kiệm thanh tao ấy, cái chu đáo và quên mình ấy của Người chính là minh chứng hùng hồn cho tư tưởng vì dân, vì nước.

Tư tưởng về con người của Hồ Chí Minh đã bao hàm những nội dung trong quan điểm phát triển con người của Tổ chức phát triển Liên hợp quốc (UNDP) ngày nay. Ba lĩnh vực chính được UNDP cho là quan trọng đối với phát triển con người đã được Hồ Chí Minh khẳng định trong suốt sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc. Đó là, độc lập dân tộc phải gắn với tự do, hạnh phúc cho con người về mọi mặt như: ăn, mặc, ở, học tập, làm việc, diệt giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm,... Tư tưởng của Hồ Chí Minh luôn hướng đến mục tiêu vì con người, cho con người và đặt con người lên trên hết. Những tư tưởng về con người mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại là tài sản vô giá trong lịch sử tư tưởng Việt Nam.

3. Sự vận dụng tư tưởng về con người trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào sự nghiệp xây dựng và phát triển con người ở Việt Nam hiện nay

Đặt con người ở trung tâm của quá trình phát triển là tư tưởng đã có trong truyền thống của Việt Nam, của Chủ tịch Hồ Chí Minh và cũng là tư tưởng của Đảng và Nhà nước ta. Trong mỗi giai đoạn lịch sử, tư tưởng vì con người được thể hiện một cách khác nhau.

Qua các văn kiện, các chiến lược, chính sách phát triển của Đảng và Nhà nước từ năm 1986 đến nay có thể thấy tư tưởng về xây dựng con người Việt Nam của Đảng và Nhà nước ta được thể hiện ở một số điểm chính sau: Thứ nhất, con người luôn được đặt vào vị trí trung tâm của quá trình phát triển kinh tế - xã hội và mục tiêu của phát triển kinh tế - xã hội luôn là vì con người; Con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của quá trình phát triển và cũng là chủ thể của quá trình phát triển; Thứ hai, đảm bảo quyền con người, mọi người đều có quyền bình đẳng như nhau trong quá trình phát triển, không có bất kỳ sự kỳ thị, phân biệt nào về dân tộc, tôn giáo, văn hóa, nơi sống, trình độ, giới tính,...; Thứ ba, xây dựng con

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr. 505.

người Việt Nam phát triển toàn diện với những đức tính cụ thể phù hợp với từng giai đoạn phát triển đất nước và gắn liền với nâng cao điều kiện sống cho con người, vì vậy, các vấn đề về phát triển kinh tế, giáo dục - đào tạo, đời sống văn hóa, chăm sóc sức khỏe và bảo vệ môi trường đều được chú trọng...

50 năm trôi qua, đặc biệt là trong 32 năm đổi mới, sự nghiệp “trồng người” theo *Di chúc* của Bác đã có nhiều chuyển biến tích cực, đạt nhiều kết quả. Nhà nước đã quan tâm thực hiện các chính sách xã hội để nâng cao đời sống cho người dân, thể hiện sâu sắc tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Hệ thống an sinh xã hội nói chung, hệ thống bảo hiểm nói riêng ở Việt Nam thay đổi theo hướng mở rộng đối tượng, loại hình như bảo hiểm bắt buộc (bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, bảo hiểm tự nguyện). Nhà nước thực hiện chính sách cấp bảo hiểm y tế hỗ trợ chăm sóc sức khỏe miễn phí cho trẻ em đến 6 tuổi, hỗ trợ một số đối tượng chính sách, người nghèo. Các chính sách trợ giúp xã hội được mở rộng về quy mô và đối tượng, với mức trợ giúp ngày càng tăng... Việc thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo những năm qua của Việt Nam được thế giới ghi nhận và đánh giá cao. Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các vùng nghèo, nâng cấp, làm mới, cải tạo các tuyến giao thông, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế; đồng thời tiếp tục quan tâm tạo nguồn lực để dân cư đẩy mạnh sản xuất, phát triển ngành nghề tăng thu nhập. Tại Đại hội XII, Đảng ta xác định một trong những mục tiêu quan trọng là: “Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện phải trở thành mục tiêu của của chiến lược phát triển”¹.

Những thành tựu trên đã cho thấy, lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về “công việc đối với con người” trong *Di chúc* đã được Đảng và Nhà nước triển khai tích cực, quyết liệt, với ý thức và quyết tâm chính trị cao. Hơn ba mươi năm đổi mới là quá trình xây dựng và không ngừng hoàn thiện thể chế dân chủ nhằm đảm bảo các quyền cơ bản và sự phát triển toàn diện của người dân với nhiều bài học kinh nghiệm quý báu. Luôn tôn trọng và bảo vệ quyền con người là nhiệm vụ và mục tiêu của mọi chính sách, giải pháp, mọi đạo luật của nước ta. Trong thực tiễn, việc gắn quyền con người với lợi ích quốc gia, lợi ích dân tộc, bảo vệ mọi quyền và lợi ích của người dân vì sự phát triển của chính người dân là mục tiêu cao cả của Đảng và Nhà nước. Các quan điểm về xây dựng con người trong các nghị quyết của Trung ương Đảng là rất đầy đủ, toàn diện, bao quát, khoa học và phù hợp với điều kiện Việt Nam; các đặc tính, mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam như đã được nêu trong các Nghị quyết là những đặc tính chung, bao quát cho cả thời kỳ lịch sử tương đối lâu dài và cũng không thể phủ nhận tính đúng đắn, khoa học và thực tiễn của chúng. Các tư tưởng, quan điểm về xây dựng con người đó vẫn cần được kế thừa và tiếp tục là những nội dung, định hướng xây dựng con người Việt Nam giai đoạn hiện nay và sắp tới./.

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.126.

MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*ThS. Trần Ngọc Chung**
*ThS. Lê Quang Chung***

1. Những tâm tư của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Đảng trong Di Chúc

Trong cuộc đời lao động tận hiến đến những giây phút cuối cùng, một trong những di sản quan trọng mà Hồ Chí Minh đã để lại cho cuộc đời, cho dân tộc đó chính là Đảng Cộng sản Việt Nam. Mặc dù trong suốt cuộc đời mình, Người chưa bao giờ tự đặt mình cao hơn tập thể, cao hơn Đảng nhưng có thể nói Người đích thực chính là Cha, người “sinh thành và dưỡng dục” của Đảng ta. Chính chủ tịch Hồ Chí Minh đích thân sáng lập, rèn luyện, đào tạo, yêu thương và chăm sóc Đảng ta từ những ngày thơ ấu cho đến khi Đảng ta thực sự trưởng thành, lớn mạnh. Đảng ta đã đảm nhận và hoàn thành trọn vẹn được những nhiệm vụ quan trọng nhất mà lịch sử và thời đại trao cho. Chính mối quan hệ mật thiết giữa Hồ Chí Minh với Đảng, kết hợp với hiện thực của thời đại lúc bấy giờ, đã đưa những vấn đề về Đảng trở thành mối quan tâm số một trong di chúc của Người.

Ngay từ bản viết đầu tiên năm 1965, Bác căn dặn phải xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Trong tổng số hơn 1000 chữ trong Di chúc, Người đã dành hơn 100 chữ để nói về Đảng. Trong 5 nội dung chính của Di chúc, Người dành để nói về Đảng đầu tiên. Còn về bản thân mình, Người chỉ viết vắn vắn 79 chữ và chỉ đề cập đến ở nội dung cuối cùng. Thống kê này cho thấy rõ suy nghĩ, mong mỏi cháy bỏng của Người về việc làm thế nào để duy trì và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, về sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Người đặt công tác xây dựng Đảng ở một vị trí vô cùng quan trọng và coi đó là công việc hàng đầu của Đảng ta. Bởi lẽ, Đảng ta là một đảng cầm quyền, để hoàn thành sứ mệnh vẻ vang đó, Đảng phải được xây dựng thật sự trong sạch, vững mạnh, đủ sức lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi. Người dặn dò: “Việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi”¹.

Như tâm nguyện bao đời của của mọi đảng sinh thành, đó chính là mong mỗi con cái, những người ở lại phải biết đoàn kết, yêu thương, gắn bó với nhau để qua đó cùng tiến bộ, hoàn thiện và phát triển. Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng vì đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta, cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Người đã nhấn rằng: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”². “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi

* Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM

** Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.616.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.15, tr.622.

đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”¹.

Đã rất nhiều lần chúng ta nói về tầm nhìn của Hồ Chí Minh, theo thời gian chúng ta cũng có thể nhận thấy tầm nhìn đó ngay trong Di chúc của Người. Người nhận thức rất rõ về vai trò, tầm ảnh hưởng lâu dài của Đảng đến vận mệnh, đến sự tiến bộ và thành công của dân tộc trong tương lai. Đảng ta chắc chắn sẽ vượt qua những khắc nghiệt của chiến tranh để bước vào một cuộc đấu tranh dài hơi hơn, vất vả hơn. Đó là con đường mà Đảng phải cùng cả dân tộc xây dựng đất nước “sánh vai với các cường quốc năm châu”, để “ai cũng có cơm ăn, áo mặc; ai cũng được học hành”. Đó là con đường xoá bỏ những cái cũ kỹ lạc hậu, xây dựng những cái mới mẻ tốt tươi. Hành trình vinh quang đó chứa đựng những vấp vấp, những cảm dỗ vật chất, những ảnh hưởng từ thành công trong quá khứ. Điều đó đòi hỏi những nỗ lực phi thường để Đảng ta có thể vượt lên chính mình để rồi không ngừng tiến bộ. Và phương thức duy nhất để Đảng ta trở nên mạnh mẽ, để tiến bộ hơn chỉ có thể là đoàn kết. Đoàn kết đã trở thành thông điệp nổi bật trong Di chúc. Thông điệp đó đã được Ban chấp hành Trung ương lấy làm lời thề vĩnh biệt Bác trong lễ tang của Người.

2. Những tâm tư của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề con người trong Di Chúc

Trong suốt cuộc đời đấu tranh cách mạng sôi nổi, không ngừng nghỉ, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ có một ham muốn tốt bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành, ai cũng có quyền mưu cầu hạnh phúc. Tư tưởng nhân văn cao cả đó lại được thể hiện sống động trong bản Di chúc của Người. Động lực trong mỗi người khi đọc Di chúc chính là tình yêu thương đối với tất cả mọi tầng lớp người trong xã hội. Đối với con người, Bác không chỉ dành sự quan tâm, tin tưởng, giáo dục động viên mà luôn chuyển hoá những trăn trở đó thành hành động, thành việc làm thiết thực, đáp ứng nguyện vọng, nhu cầu của con người.

Bác đã khẳng định: Chính phủ của ta là công bộc của dân, Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy, việc gì có lợi cho dân ta phải hết sức làm, việc gì hại đến dân ta phải hết sức tránh, phải chú ý giải quyết hết những vấn đề dầu khó khăn, phức tạp đến đâu.

Trong Di chúc, Người gửi gắm: “phải có một chính sách đặc biệt đối với mọi tầng lớp nhân dân đã vì Tổ quốc mà hy sinh”². Công tác đền ơn đáp nghĩa phải được ưu tiên trước, phải dành cho những người có công, những gia đình thương binh liệt sĩ, không để họ rơi vào cảnh túng thiếu, đói khổ. Đảng phải có chủ trương, chính sách, kế hoạch thật tốt để chăm sóc đời sống của nhân dân cả hai miền Nam - Bắc. Đó là công việc nhất thiết phải làm, dầu khó khăn, phức tạp đến mấy cũng phải ra sức làm... Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để họ có thể dần dần “tự lực cánh sinh” và cha mẹ, vợ con của thương binh, liệt sĩ “có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ bị đói rét”³. Chủ trương đó của Người chính là tạo sinh kế lâu dài, để những người có công có thể tự mình làm ra tất cả, không ỷ lại, thụ động và bất lực trước hoàn cảnh khó khăn.

Đối với Hồ Chí Minh, ngay từ thuở thiếu thời cho đến những giây phút cuối cùng của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.622.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.616.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.616.

cuộc đời, Người luôn hướng tình cảm yêu thương nhất của mình tới những người cùng khổ nhất trong xã hội tức là những người công nhân, nông dân, người lao động. Chủ tịch Hồ Chí Minh thấu hiểu và đồng cảm với những khó khăn, gian lao, vất vả trong chiến tranh của nhân dân lao động trên mọi miền của quê hương xứ sở. Người đề xuất: “miễn thuế nông nghiệp một năm cho nông dân để đồng bào thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất sau nhiều năm liên tục góp sức người, sức của, vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc”¹. Người đề nghị miễn thuế nông nghiệp một năm để đồng bào thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất. Đối với nhân dân lao động nói chung, Người căn dặn: “Đảng cần có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hoá nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”². Hồ Chí Minh đã thể hiện sự kế thừa từ những bài học lịch sử của cha ông về nghệ thuật dựng nước và giữ nước, nghệ thuật “an dân trị quốc”.

Đối với phụ nữ, Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm sâu sắc đến việc bồi dưỡng, cất nhắc, giúp đỡ phụ nữ, để họ tiến bộ, bình đẳng và thật sự được giải phóng. Trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày có thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo. Bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên. Đó là một cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ”³.

Ngay cả những người là “nạn nhân của chế độ xã hội cũ”, trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu,... Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở Đảng, Nhà nước phải quan tâm đến họ, hướng thiện và hướng nghiệp cho họ theo tinh thần “đánh người chạy đi chứ không đánh người chạy lại”, “Nhà nước phải vừa dùng giáo dục vừa dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện”⁴. Tư tưởng nhân văn cao cả, tinh thần hoà hợp dân tộc tiến bộ, sâu sắc của Người thể hiện một tầm vóc tư tưởng vĩ đại của một nhân cách lớn.

Thông qua Di chúc, một lần nữa tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và giải phóng con người lại được thể hiện sinh động, rõ nét. Vấn đề con người trong Di chúc đã kết nối với toàn bộ những lý luận khác của Người để hình thành là một hệ thống quan điểm toàn diện, phong phú và sâu sắc, chiếm vị trí trung tâm trong toàn bộ tư tưởng của Người. Tình thương yêu con người đã là đầu mối để quy tụ, đoàn kết mọi tầng lớp, mọi lực lượng, mọi con người, chuyển hoá thành sức mạnh vĩ đại để giải phóng cho dân tộc và cho mỗi con người.

Đại thi hào Nguyễn Du đã từng viết: “Thác là thể phách, còn là tinh anh”, với nghĩa rằng phần thể phách (xác thịt) rồi sẽ tan biến đi, chỉ còn phần tinh anh (tư tưởng, trí tuệ) là còn được giữ lại. Đối với chủ tịch Hồ Chí Minh, cái phần thể phách đã “không còn nữa” nhưng cái phần tinh anh thì vẫn đang có một sức sống mãnh liệt, bền bỉ theo thời gian, trong số đó bản Di chúc mà Người đã dày công thực hiện là một minh chứng sống động. Xin mượn lời tổng kết trong Điều văn tại lễ tang của Người để kết thúc những trao đổi ở trên về Di chúc. “Những căn dặn cuối cùng của Bác, là những tình cảm và niềm tin của Bác đối với chúng ta ngày nay và các thế hệ mai sau”./.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.622.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr. 622.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.617.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.617.

DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH MÃI SOI SÁNG CON ĐƯỜNG CÁCH MẠNG VIỆT NAM

TS. Đỗ Thành Đô*
TS. Đỗ Thị Thuỳ Trang**

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn cuộc đời cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc; vì độc lập tự do, hòa bình và hạnh phúc của nhân dân. Khổi óc thiên tài và trái tim nhân ái bao la của Người vẫn luôn canh cánh một trách nhiệm lớn lao đối với vận mệnh của Tổ quốc. Vì thế trước lúc đi xa, Người đã để lại bản *Di chúc* lịch sử để tiếp tục chỉ đường, dẫn lối đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác và giành được thắng lợi cuối cùng. Giá trị thiêng liêng của bản *Di chúc* được thể hiện ở chỗ nó chứa đựng những dự báo thiên tài cùng với những kinh nghiệm quý báu, đầy tâm huyết, những mong muốn, trăn trở của cả một đời lãnh tụ.

1. Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh.

Có thể nói, khát vọng lớn nhất trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là độc lập cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân, mọi người ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành... Do đó, Người “chỉ mong muốn được phục vụ nhiều hơn nữa” nhưng rất tiếc Người đã ra đi khi giấc mơ chưa được trọn vẹn, cuộc kháng chiến chống Mỹ còn cam go, ác liệt, nước nhà vẫn chưa giành được độc lập. Như một nhà tiên tri, Bác đã có dự đoán thiên tài, “*Cuộc kháng chiến chống Mỹ* có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn”¹. Thực hiện những lời căn dặn của Người trong *Di chúc*, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta kiên trì tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại, gian khổ và oanh liệt cho tới ngày toàn thắng. Với ý chí quyết thắng giặc Mỹ xâm lược và nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng ngời sáng, quân và dân ta trên cả hai miền Nam - Bắc đã liên tiếp làm nên những chiến thắng kỳ tích, đánh bại mọi âm mưu xâm lược của kẻ thù, kết thúc chiến tranh, giải phóng và thống nhất đất nước. “Đánh cho Mỹ cút”, “đánh cho Ngụy nhào”... cái tinh thần bất diệt ấy đã tạo nên sức mạnh vô biên trong cuộc Đại thắng mùa Xuân năm 1975, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước không chỉ là kết quả của hơn 20 năm đấu tranh kiên cường, bền bỉ với ý chí quyết chiến, quyết thắng của một dân tộc anh hùng mà còn là sự thể hiện tấm lòng thành kính, luôn khắc ghi lời căn dặn của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân

* Trường Đại học Tài chính – Kế toán

** Trường Đại học Tài chính – Kế toán

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 517.

ta đối với vị lãnh tụ kính yêu. Chúng ta đã thực hiện được mong muốn lớn nhất trong suốt cuộc đời hoạt động của Người với nguyên tắc giương cao ngọn cờ “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nêu cao nguyên tắc mang tính sống còn, “độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội”. Hơn nửa thế kỷ tôi luyện và trưởng thành, nguyên tắc đó đã trở thành mục tiêu, lý tưởng của Đảng ta. Thực hiện tâm nguyện của Người trong *Di chúc* “Còn non, còn nước, còn người. Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay”¹. Sau khi đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giành lại độc lập dân tộc và thống nhất đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã bắt tay xây dựng và phát triển đất nước. Trước muôn vàn những khó khăn, gian khổ do phải gánh chịu nhiều hậu quả nặng nề của chiến tranh và sự tác động từ những diễn biến khá phức tạp của tình hình chính trị trên thế giới, sự chống phá của các thế lực thù địch,... Đảng ta vẫn vững vàng khẳng định những quan điểm cơ bản mang tính nguyên tắc về con đường phát triển của cách mạng Việt Nam, thể hiện lập trường cách mạng triệt để, bảo vệ lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; tiếp tục xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, tạo sự ổn định về tư tưởng và chính trị. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng được chúng ta nhận thức rõ và toàn diện hơn. Đó là kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác và giành được thắng lợi cuối cùng; kiên trì phương châm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tranh thủ những điều kiện thuận lợi bên ngoài kết hợp với phát huy những tiềm năng, nhân tố nội lực bên trong để xây dựng nước Việt Nam giàu đẹp, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; kiên quyết đấu tranh chống lại các trào lưu tư tưởng xa lạ, thù địch với lý tưởng, mục tiêu của Đảng, đa nguyên, đa đảng, chủ nghĩa cơ hội, âm mưu “diễn biến hòa bình”... Chính vì kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa, luôn trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có đường lối chính trị đúng đắn, sự chỉ đạo linh hoạt, sáng tạo và tài tình mà Đảng ta đã giữ vững được vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam, được toàn dân tộc thừa nhận.

Tưởng nhớ đến Người, học tập và làm theo *Di chúc* của Người, quyết tâm thực hiện thắng lợi những lời căn dặn của Người trước lúc đi xa là chúng ta đang kiên định con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đoàn kết một lòng, phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thử thách, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng đất nước ngày càng phát triển, phồn vinh.

2. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh và có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

“Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”². Truyền thống đoàn kết ấy đã mang lại “bách chiến, bách thắng” cho quân và dân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chính vì biết phát huy truyền

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 504.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 503.

thống đoàn kết quý báu của dân tộc, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, triệu người như một, mà Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân tiến hành thắng lợi cuộc Cách mạng tháng Tám và đánh thắng hai đế quốc lớn là Pháp và Mỹ, đưa nước Việt Nam nhỏ bé trở thành biểu tượng của ý chí tự do, độc lập và hòa bình trong thế kỷ XX. Sức mạnh đoàn kết của Đảng ta được tạo ra bởi đường lối chính trị đúng đắn, kiên định lập trường tư tưởng, cùng hướng đến một mục tiêu, lý tưởng cao đẹp là đặt hạnh phúc của nhân dân và lợi ích của dân tộc lên hàng đầu và đặt biệt là ở sự tôi luyện và thâm nhuần đạo đức cách mạng của mỗi cán bộ, đảng viên.

Làm theo *Di chúc* của Hồ Chí Minh, ngày nay, chúng ta luôn chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và xem đó là nhiệm vụ then chốt. Qua các lần hội nghị Trung ương đã đề ra những chủ trương và biện pháp quan trọng về xây dựng Đảng; gắn liền với củng cố bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, chất lượng, hiệu quả; đẩy mạnh công tác tự phê bình và phê bình trong toàn Đảng, củng cố sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, nhằm xây dựng Đảng ta vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức chính là hành động thiết thực làm theo *Di chúc* của Người. Thực hiện dân chủ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước, trong Quốc hội và dân chủ trong xã hội được mở rộng đã góp phần thúc đẩy kinh tế, văn hóa và xã hội phát triển. Qua các đợt vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng thực sự trong sạch và vững mạnh, đẩy mạnh công tác tự phê bình và phê bình trong Đảng từ Trung ương đến các chi bộ đã có những chuyển biến nhất định, sức mạnh và tính chiến đấu của nhiều tổ chức Đảng và đảng viên đã được nâng lên, làm cho uy tín của Đảng ta ngày càng cao và mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân ngày càng được tăng cường.

Học tập và làm theo *Di chúc* của Người, Đảng ta đã không ngừng trưởng thành trong việc hoạch định đường lối cách mạng. Trong quá trình lãnh đạo và điều hành đất nước, Đảng không ngừng thể hiện sự kiên định, bản lĩnh chính trị vững vàng trước những thử thách to lớn. Do đó, mặc dù tình hình quốc tế có nhiều biến động phức tạp, phải thường xuyên đối phó với những âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch và đồng thời phải gánh vác nhiệm vụ nặng nề là xây dựng lại đất nước giàu mạnh hơn từ trong hoang tàn đổ nát; song Đảng ta luôn giữ vững vai trò hạt nhân lãnh đạo chính trị của toàn dân tộc, được nhân dân tin yêu, ủng hộ. Để giữ vững vai trò lãnh đạo của mình, Đảng ta luôn ra sức làm theo lời dạy của Người, luôn nỗ lực giữ gìn sự trong sạch vững mạnh. Trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thâm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân”¹.

Trước lúc đi xa, Người đã căn dặn: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”². Mục tiêu của Đảng ta là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; vì chỉ có chủ nghĩa xã hội mới thực sự mang lại vị thế làm chủ cho nhân dân, mang lại ấm no, hạnh phúc cho nhân dân, phồn vinh cho đất nước. Đảng và Nhà nước ta đã xác định xây dựng đất nước với mục tiêu dân

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 503-504.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 517.

giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, phù hợp với điều kiện thực tiễn của đất nước và tình hình thế giới, khu vực; do đó, đã ra sức quan tâm xây dựng và phát triển kinh tế, khắc phục khó khăn, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống vật chất lẫn tinh thần của nhân dân. Trong quá trình lãnh đạo đất nước, Đảng ta coi nhiệm vụ phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân ta. Và kết quả của sự nỗ lực ấy chính là thành tựu của hơn 30 năm đổi mới. Với đường lối đúng đắn, sáng tạo và linh hoạt của Đảng, nước ta đã vững vàng, ổn định về chính trị, đưa kinh tế phát triển liên tục với tốc độ khá cao, cải thiện đáng kể đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của nhân dân, nâng cao vị thế quốc tế của nước ta lên một tầm cao mới, tạo đà để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tổng sản phẩm quốc dân và thu nhập bình quân theo đầu người của nước ta không ngừng được nâng lên và là một trong những nước có tốc độ phát triển cao và ổn định nhất khu vực và châu Á. Từ chỗ phải đối mặt với “giặc đói”, “giặc dốt”, thiếu ăn và thiếu mặc, hàng năm phải nhập khẩu lương thực thì hiện nay nước ta đã vươn lên, trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới và xuất khẩu nhiều sản phẩm hàng may mặc, nông – lâm – ngư. Những thành tựu bước đầu quan trọng đó khẳng định tính đúng đắn của đường lối đổi mới của Đảng; khẳng định sự cố gắng, nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân ta trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước; khẳng định con đường mà chúng ta đang đi là đúng hướng; đồng thời khẳng định chúng ta đã nghiêm túc thực hiện những lời căn dặn của Người, thành kính dâng lên Người những thành tựu to lớn của đất nước. Làm theo *Di chúc*, chúng ta đã biến thành hiện thực khát vọng tha thiết của Người là: dân tộc độc lập, nhân dân tự do, mọi người ai cũng có cơm ăn, áo mặc, được học hành, chăm sóc sức khỏe,... Một xã hội mới no ấm, phồn vinh và hạnh phúc đã và đang nhanh chóng làm thay da đổi thịt của đất nước, là sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của toàn Đảng, toàn dân ta trong việc giữ trọn lời thề với Bác. Vì vậy, *Di chúc* như một lời nhắc nhở thiêng liêng, tiếp thêm động lực để chúng ta có đủ sáng suốt và sức mạnh để gánh vác những nhiệm vụ mới.

3. Chăm lo giáo dục, đào tạo thanh thiếu niên trở thành lực lượng “vừa hồng vừa chuyên” phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh dặn dò rất cẩn thận: “ĐOÀN VIÊN VÀ THANH NIÊN ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người kế thừa xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa ‘hồng’ vừa ‘chuyên’”¹. Người còn nhấn mạnh: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”².

Thực hiện lời dạy của Người, Đảng và Nhà nước ta luôn chú ý đào tạo và bồi dưỡng thế hệ trẻ làm nguồn kế tục sự nghiệp cách mạng của các thế hệ cha anh. Đảng cũng có nhiều nghị quyết, chỉ thị về công tác thanh niên. Các nghị quyết về giáo dục và đào tạo, về khoa học và công nghệ, về tổ chức và cán bộ... đều đề cập nhiệm vụ giáo dục, chăm lo thế hệ trẻ, coi thanh niên là lực lượng xung kích trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đảng đặt niềm tin vững chắc vào thanh niên trong sự nghiệp đổi mới đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội; chú trọng xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 516.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 516.

về chính trị, tư tưởng và tổ chức, xứng đáng là cánh tay đắc lực và đội hậu bị tin cậy của Đảng. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã chỉ rõ: “Đối với thế hệ trẻ, thường xuyên giáo dục chính trị, truyền thông, lý tưởng, đạo đức và lối sống; tạo điều kiện học tập, lao động, giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Những năm qua, công tác lãnh đạo đối với hoạt động của thanh niên và tuổi trẻ có nhiều đổi mới và chuyển biến tích cực. Các hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên Việt Nam như: Thanh niên tình nguyện, Mùa hè xanh,... ngày càng lôi cuốn nhiều đoàn viên, thanh niên, sinh viên, học sinh tham gia,... Hàng chục vạn đoàn viên, thanh niên đã hăng hái xung phong về những vùng quê xa xôi, miền núi và hải đảo, đem những kiến thức đã học được, đem ánh sáng văn hóa và sức trẻ giúp đỡ nhân dân cải tiến sản xuất, phát triển giáo dục, y tế, văn hoá,... làm thay đổi bộ mặt của nhiều làng quê Việt Nam. Thông qua các hoạt động này, tính tích cực, tinh thần tập thể, ý thức tự giác, tính sáng tạo,... của đoàn viên, thanh niên được nâng cao, tạo môi trường giáo dục đạo đức cách mạng cho tuổi trẻ. Nhiều đoàn viên, thanh niên đã được rèn luyện, trưởng thành vững vàng qua học tập và thực tiễn công tác, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước.

4. Tăng cường đoàn kết quốc tế và đóng góp cho phong trào cộng sản, phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới; kết hợp sức mạnh dân tộc gắn liền với sức mạnh thời đại

Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh không chỉ chăm lo cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc mà còn luôn gắn liền nó với phong trào đấu tranh cách mạng vì hòa bình, tự do và bình đẳng của các dân tộc trên thế giới. Mong ước hết sức giản dị của Người là sau khi giải phóng “sẽ thay mặt nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa và các nước bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta”¹. Người luôn rèn luyện Đảng ta, nhân dân ta tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, thủy chung, ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình.

Thực hiện *Di chúc* của Người, Đảng ta đã không ngừng chăm lo, vun đắp những tình cảm quốc tế trong sáng, coi đó là một nguồn lực tinh thần và vật chất hết sức quan trọng cho mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, trong đấu tranh cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta đã xác định rõ quan điểm dựa vào sức mình là chính nhưng cũng phải tranh thủ sự viện trợ, giúp đỡ từ các bạn, các nước anh em trên thế giới. Đồng thời chúng ta còn góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội khi thực hiện đường lối đối ngoại hòa bình, hữu nghị và sẵn sàng làm bạn với các nước trên thế giới.

Đã năm mươi năm trôi qua, *Di chúc* của Người vẫn mãi soi sáng con đường chúng ta đi. Trong quá trình lãnh đạo đất nước, thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng ta thực hiện chính sách “mở cửa”, chủ động hội nhập quốc tế; thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Tại Đại hội Đảng toàn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 512.

quốc lần thứ X (2006), Đảng ta khẳng định Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế,... góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Thực tiễn cũng đã chứng minh rõ: công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước, hội nhập quốc tế của nước ta đang đạt được nhiều thành tựu to lớn và nhận được nhiều sự giúp đỡ tích cực, có hiệu quả từ bạn bè quốc tế. Bên cạnh việc duy trì mối quan hệ tốt đẹp, đôi bên cùng có lợi với các bạn bè truyền thống, chúng ta đang mở rộng quan hệ nhiều mặt với các nước trên thế giới nhằm tạo điều kiện để tạo lập sự ổn định, hòa bình và phát triển đất nước.

Với những nỗ lực không ngừng nghỉ, quyết tâm thực hiện *Di chúc* của Người, nước ta đã đạt được khá nhiều thành tựu kể từ ngày đổi mới đất nước, bắt đầu rút ngắn khoảng cách phát triển giữa nước ta với các nước trong khu vực và thế giới; bước đầu nâng cao vai trò và vị thế của nước ta trên trường quốc tế. Những thành tựu to lớn đó đã và đang tạo ra thế và lực mới cho cách mạng Việt Nam, giúp tăng trưởng nhanh về kinh tế, ổn định về chính trị và phát triển văn hóa - xã hội... tạo ra những tiền đề đầy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; là động lực để dân tộc ta tiếp tục vững bước đi lên theo con đường xã hội chủ nghĩa đúng như mong muốn của Người.

3. Thay lời kết

Trong suốt nửa thế kỷ qua, những trần trở của Người trước lúc đi xa vẫn còn vang vọng lại trong tâm thức của dân tộc. Đảng – Nhà nước và nhân dân ta đã không ngừng học tập, quán triệt những nội dung cơ bản trong *Di chúc* để từng bước hiện thực hóa những mong ước của Người. Đọc lại những lời Di huấn, hiểu được những niềm trần trở, đau đáu cùng với những dự báo, chỉ dẫn thiên tài của Người là động lực để chúng ta hành động cho xứng đáng với Người nhiều hơn nữa. Ngày hôm nay, Tổ quốc của Người, dân tộc của Người đã vững tin vươn lên tầm cao mới. Như có sự hiện diện của Người, *Di chúc* tiếp tục sáng soi con đường cách mạng Việt Nam.

TÌM HIỂU VỀ LOGIC BIỆN CHỨNG TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*ThS. Nguyễn Văn Đức**

1. Khái quát về logic biện chứng

Logic biện chứng là “học thuyết logic của chủ nghĩa duy vật biện chứng, là khoa học về những quy luật và hình thức phản ánh trong tư duy sự phát triển và biến đổi của thế giới khách quan, về những quy luật nhận thức chân lý”¹. Logic biện chứng không loại bỏ logic hình thức mà coi nó như một hình thức cần thiết nhưng không đầy đủ của tư duy logic. Logic biện chứng là logic có tính chất nội dung. Phép biện chứng duy vật chính là một học thuyết logic, vì nó nghiên cứu những chức năng nhận thức, logic của những quy luật phổ biến và những phạm trù của sự phát triển. Nói cách khác, logic biện chứng là “học thuyết của chủ nghĩa duy vật biện chứng, khoa học về các quy luật của thế giới khách quan và của nhận thức, và về các hình thức phản ánh sự phát triển đó vào trong tư duy”². Những quy luật của nhận thức là những quy luật phát triển của tư duy đi từ cái bên ngoài vào cái bên trong, từ hiện tượng đến bản chất, từ bản chất ít sâu sắc đến bản chất sâu sắc hơn, từ trực tiếp đi đến gián tiếp, từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn. Logic biện chứng đã để lại cho loài người phương pháp mới để nhận thức sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan, đó là phương pháp logic.

Phương pháp logic vạch ra bản chất, tính tất nhiên, tính quy luật của sự vật, hiện tượng dưới hình thức lý luận trừu tượng và khái quát. Nó có nhiệm vụ dựng lại cái logic khách quan trong sự vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng. Tuy nhiên, quá trình tư duy theo phương pháp logic phải bắt đầu từ khởi điểm của lịch sử: “Lịch sử bắt đầu từ đâu thì quá trình tư duy cũng phải bắt đầu từ đó, và sự vận động tiếp tục của nó chẳng qua chỉ là sự phản ánh quá trình lịch sử dưới một hình thái trừu tượng nhất quán về lý luận; nó là sự phản ánh đã được uốn nắn, nhưng uốn nắn theo những quy luật mà bản thân quá trình lịch sử hiện thực đã cung cấp, mỗi một nhân tố đều có thể được xem xét ở cái điểm phát triển mà ở đó quá trình đạt tới chỗ hoàn toàn chín muồi, đạt tới cái hình thức cổ điển của nó”³. Phương pháp logic không những phản ánh bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng mà còn phản ánh được lịch sử phát triển của nó.

Như vậy, lịch sử và logic thống nhất với nhau, gắn bó chặt chẽ với nhau. Muốn hiểu bản chất và quy luật của sự vật, hiện tượng thì phải hiểu lịch sử phát sinh, phát triển của nó; ngược lại, có nắm được được bản chất quy luật của sự vật, hiện tượng thì mới nhận thức được lịch sử của nó đúng đắn và sâu sắc.

* *Trường Đại học Văn Lang*

1. *Từ điển Triết học*, NXB Tiến bộ, Mátxcova, 1986, tr. 322.

2. *Trung tâm từ điển học: Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, 2008, tr. 712.

3. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 13, tr. 614-615.

2. Logic biện chứng trong *di chúc* của chủ tịch Hồ Chí Minh

Để hiểu logic biện chứng trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, không thể không xem xét lịch sử: từ lịch sử thế giới, lịch sử dân tộc, lịch sử Đảng đến lịch sử của Người.

Chứng kiến những tội ác của thực dân Pháp đã gây ra, so sánh với khẩu hiệu “Tự do, Bình đẳng, Bác ái” khiến Người quyết tìm hiểu đằng sau khẩu hiệu ấy là gì? Nhận thấy không thể cứu nước theo cách của các bậc tiền bối, Người xác định một hướng đi mới: Phải đi ra nước ngoài để xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm thế nào, sẽ trở về giúp đồng bào mình. Việc tìm ra con đường giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do là điểm khởi đầu của logic biện chứng trong tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và trong *Di chúc* nói riêng.

Sự vật mà Người xem xét được phản ánh vào trong tư duy của mình để tìm ra cái bản chất, cái cốt lõi, cái quy luật được Người mô tả trong tại Đại hội Tua: “Chủ nghĩa tư bản Pháp đã vào Đông Dương từ nửa thế kỷ nay; vì lợi ích của nó, nó đã dùng lưỡi lê để chinh phục đất nước chúng tôi. Từ đó, chúng tôi không những bị áp bức và bóc lột một cách nhục nhã, mà còn bị hành hạ và đầu độc một cách thâm hiểm. Tôi xin nhấn mạnh từ “đầu độc” bằng thuốc phiện, bằng rượu, v.v...”¹. Và khi nữ thư ký đại hội hỏi tại sao lại bỏ phiếu tán thành Quốc tế III, Người nói: “Rất đơn giản. Tôi không hiểu chị nói thế nào là chiến lược, chiến thuật vô sản và nhiều điểm khác! Nhưng tôi hiểu rõ một điều: Quốc tế III rất chú ý đến vấn đề giải phóng thuộc địa... Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đây là tất cả những điều tôi muốn, đây là tất cả những điều tôi hiểu”². Độc lập, tự do là khát vọng lớn nhất của các dân tộc bị áp bức, bóc lột. Nó trở thành nội dung cốt lõi của vấn đề dân tộc thuộc địa trong tư tưởng Hồ Chí Minh, là tư tưởng lớn trong thời đại giải phóng dân tộc. Độc lập, tự do là mục tiêu chiến đấu, là nguồn sức mạnh làm nên chiến thắng của dân tộc ta, không chỉ trong thế kỷ 20 mà cả ngày nay và mai sau.

Chủ tịch Hồ Chí Minh viết *Di chúc* khi một nửa đất nước còn bị Mỹ xâm lược. Công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước là một nhiệm vụ chiến lược của cả dân tộc ta. Vì thế, mở đầu *Di chúc*, Người viết: “Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn”³. Lời khẳng định này cũng là lời hiệu triệu để toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết một lòng, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Mặc dù, Chủ tịch Hồ Chí Minh là bậc thầy vĩ đại của sự viết ngắn, nhưng vì tầm quan trọng của nó nên trong *Di chúc*, Người vẫn phải nói về việc đánh Mỹ thêm lần nữa: “CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn”⁴. Đây cũng là lần thứ hai Người tỏ rõ niềm tin tất thắng của nhân dân ta: “Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to – là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc”⁵. Đối với Hồ Chí Minh, việc đánh đuổi thực dân, đế quốc ra khỏi bờ cõi là nguyên tắc, không thay đổi. Theo đó, độc lập dân tộc là điểm xuất phát của logic biện chứng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 1, tr. 34.

2. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, NXB Trẻ - NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 52.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 15, tr. 621.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 15, tr. 623.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 15, tr. 623.

trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để một dân tộc thực hiện quyền tự quyết của mình, vậy nên, dù hy sinh lớn tới đâu, dù phải đốt cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập. Độc lập trong tư tưởng Hồ Chí Minh là độc lập thật sự, chứ không phải thứ độc lập hình thức, giả hiệu. Chỉ khi nào thắng giặc Mỹ thì cả nước mới giành được độc lập hoàn toàn. “Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”¹. Vậy, phải làm gì để dân được hưởng tự do, hạnh phúc?

Nhờ thâm nhuần thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin mà Hồ Chí Minh tìm ra con đường cho cách mạng Việt Nam. Người bộc bạch: “... dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”². Từ đó, Người chỉ rõ: “Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!”. Nghĩa là, phải xây dựng một xã hội mới – xã hội xã hội chủ nghĩa. Đó là sự thể hiện tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội – cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là nội dung mang tính quy luật của cách mạng Việt Nam. Mục tiêu “xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”³ cũng là “điều mong muốn cuối cùng” của Người. Song, lực lượng nào lãnh đạo cách mạng Việt Nam?

Trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Người lý giải: “Cách mệnh trước hết phải có cái gì? Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”⁴. Theo logic ấy, Người tổ chức Hội nghị hợp nhất các tổ chức Đảng, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930). Trải qua gần 40 năm giáo dục, rèn luyện Đảng ta thành một Đảng cách mạng chân chính, mang bản chất giai cấp công nhân, Người đã nhận thấy nguồn gốc sức mạnh của Đảng và những khiếm khuyết cần phải đấu tranh khắc phục, nhất là trong điều kiện Đảng cầm quyền. Chính vì thế, trong *Di chúc*, Người viết: “TRƯỚC HẾT NÓI VỀ ĐẢNG – Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”⁵. Đó là vai trò của Đảng – nhân tố quyết định hàng đầu để đưa cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi. Đảng thực hiện được vai trò của mình là do trong Đảng đoàn kết; Đảng đã đoàn kết, giác ngộ, tổ chức và lãnh đạo “nhân dân ta hăng hái đấu tranh”. Đoàn kết làm nên sức mạnh, đoàn kết làm nên thành công, cho nên, Người nhắc nhở: Đảng phải giữ gìn sự đoàn kết “như giữ gìn con ngươi của mắt mình”. Đảng là trung tâm của sự đoàn kết: đoàn kết trong Đảng, đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết quốc tế. Bởi vậy, Người đã dùng 8 lần cụm từ “đoàn kết” trong *Di chúc*. Đồng thời, Người chỉ ra quy luật của công tác xây dựng Đảng: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 4, tr. 64.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 12, tr. 563.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 15, tr. 624.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 2, tr. 289.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 15, tr. 621-622.

và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng¹. Thực hành tự phê bình và phê bình bằng tình đồng chí, thương yêu lẫn nhau. Ở đây, tính Đảng, tính nhân văn và tình người mà trước khi đi xa Người hằng mong ước được hiện ra thật đậm nét.

Cách mạng tháng Tám thành công, Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền. Những ngày đầu lãnh đạo chính quyền non trẻ, Người đã phát hiện ra nhiều sai phạm của cán bộ, đảng viên như: mua quan bán chức, trái phép, hủ hóa, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo, bệnh lười biếng, tham lam, lãng phí,... Sau này, Người khái quát những sai phạm ấy thành ba loại tệ nạn chính là: tham ô, lãng phí, quan liêu và coi là giặc “nội xâm”. Do đó, Người trấn trở với nguy cơ Đảng xa rời quần chúng, tha hóa, biến chất, nên căn dặn: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân²”. Đối với Người, bất luận trong hoàn cảnh nào Đảng cũng phải “là đạo đức, là văn minh”, và mọi thứ đều phải “thật”, cho nên trong *Di chúc*, Người dùng từ “thật” đến 5 lần.

Sau khi nói về Đảng, Người nói về đoàn viên, thanh niên – đội ngũ kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng: “ĐOÀN VIÊN VÀ THANH NIÊN ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ”. Do đó, Đảng có trách nhiệm phải chăm lo giáo dục *đạo đức cách mạng* cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Người chỉ rõ: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết³”. Nói như vậy, không có nghĩa chỉ nói riêng về đoàn viên và thanh niên, mà là Người nói chung đối với sự nghiệp “trồng người”. Sự nghiệp ấy do Đảng lãnh đạo và cả xã hội phải cùng chăm lo.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi lực lượng vô tận, vô cùng to lớn – nhân tố làm nên sức mạnh và thắng lợi của cách mạng Việt Nam là “nhân dân lao động ta”. Tại lớp Nghiên cứu Chính trị khóa 2 - Trường Đại học Nhân dân Việt Nam, ngày 08/12/1956, Người khẳng định: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân⁴”. Nhân dân ta “đã bao đời chịu đựng gian khổ, bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh”, nhưng “nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng⁵”. Dân ta là thế! Bởi vậy, Người căn dặn: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân⁶”. Theo Người, Đảng không chỉ quan tâm đến việc lớn mà còn cần phải luôn luôn quan tâm đến những việc nhỏ như “trương cà mắm muối” cho đời sống hàng ngày của dân. Đảng chăm lo cho dân là chăm lo cho sức mạnh của chính mình.

Vì cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, do đó Người rất “đau

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 622.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 622.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 622.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 10, tr. 453.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 622.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 622.

lòng” trước sự bất hòa giữa các đảng anh em. Đê đoàn kết với phong trào cộng sản và công nhân trên thế giới, Người gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, thực hiện đoàn kết thống nhất trên nền tảng của chủ nghĩa Mác – Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Bởi vậy, Người “mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình”¹. “Có lý, có tình” ở đây vừa thể hiện tính nguyên tắc, vừa là một nội dung của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh.

Về việc riêng, Người “để lại” 79 từ, đúng bằng tuổi của Người. Đây là bản tự nhận xét về cả cuộc đời hoạt động của Người: vì nước, vì dân. Đây là hình mẫu về vai trò của người đứng đầu, cho nên nhân dân tôn vinh Người là một vị “Thánh”.

Như vậy, logic biện chứng trong *Di chúc* là sự thể hiện logic của toàn bộ tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là về tính quy luật và những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam mà làm theo thì nhất định thành công.

3. Vài nét về Đảng lãnh đạo nhân dân ta làm theo logic biện chứng trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Sau khi Hồ Chủ tịch “từ biệt thế giới này”, ngày 29/9/1969, Đảng ta đã ra chỉ thị số 173-CT/TW, về đợt sinh hoạt chính trị “Học tập và làm theo *Di chúc* của Hồ Chủ tịch”². Nhìn lại chặng đường nửa thế kỷ qua, Đảng đã lãnh đạo quân dân ta làm theo logic biện chứng trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đã giành được nhiều thắng lợi vẻ vang.

. Đầu tiên là ta đánh thắng Mỹ. Đây chưa bao giờ là việc dễ dàng. Lúc ấy, Mỹ đang sở hữu 3 loại vũ khí “răn đe”: tên lửa đạn đạo, tàu ngầm hạt nhân, máy bay ném bom chiến lược B-52. Do vậy, để thắng Mỹ ta phải có sự chuẩn bị thật kỹ càng. Và ngay từ năm 1962, Người hỏi Tư lệnh Bộ đội Phòng không - Không quân Phùng Thế Tài: Chú đã biết gì về máy bay B-52 chưa? Khi làm việc với Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không – Không quân, cuối năm 1967, Người nói: “Sớm muộn rồi đế quốc Mỹ cũng sẽ đưa B52 ra đánh Hà Nội, rồi có thua nó mới chịu thua. Phải dự kiến trước mọi tình huống, càng sớm càng tốt, để có thời gian mà suy nghĩ, chuẩn bị. Nhớ là trước khi thua ở Triều Tiên, đế quốc Mỹ đã hủy diệt Bình Nhưỡng. Ở Việt Nam, Mỹ sẽ nhất định thua, nhưng nó chỉ chịu thua trên bầu trời Hà Nội”³. Và *đúng như Người tiên đoán*, ngày 18/12/1972, Mỹ huy động 197/400 máy bay chiến lược B-52 và 1077/3041 máy bay chiến thuật *hiện có ra ném bom Hà Nội, Hải Phòng và một số địa phương khác với ý đồ đưa miền Bắc về “thời kỳ đồ đá”*. Tuy nhiên, bằng sự chủ động chuẩn bị kỹ lưỡng nên sau 12 ngày đêm quân dân ta chiến đấu kiên cường đã làm nên chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không”, buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pari, rút toàn bộ quân Mỹ và chư hầu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. “Đánh cho Mỹ cút” đã tạo tiền đề để ngày 30/4/1975, “đánh cho Ngụy nhào”, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Chiến tranh đi qua để lại muôn vàn khó khăn cho đất nước ta. *Điểm xuất phát để ta xây dựng lại đất nước rất thấp nên khó khăn càng khó khăn. Song, “không có việc gì khó”,*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 15, tr. 623.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, t. 30, tr. 330.

3. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: *Hồ Chí Minh - Biên niên những sự kiện và tư liệu về quân sự*, NXB Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1990, tr. 203.

50 năm qua cả dân tộc ta đã bền gan vững chí vượt qua khó khăn, thử thách, đặc biệt là thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo. Đổi mới đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Từ tình trạng thiếu đói, nước ta vươn lên thành nước xuất khẩu lương thực có thứ hạng cao trên thế giới là một minh chứng của sự phát triển. Về chính trị: xã hội ổn định, quốc phòng an ninh được giữ vững. Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh; sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên. Về văn hóa – xã hội có bước phát triển; bộ mặt đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi. Về quan hệ đối ngoại: ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu, vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

Như vậy, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ và xây dựng đất nước đã khẳng định đường lối của Đảng là đúng đắn, sáng tạo và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử. Đó đồng thời cũng là thắng lợi của việc Đảng lãnh đạo nhân dân ta làm theo logic biện chứng trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Kết luận

Logic biện chứng trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra con đường và những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Làm theo logic ấy ắt thành công. Năm mươi năm qua, những thành tựu mà toàn Đảng, toàn dân ta đạt được trên thực tế đã nói lên tất cả.

Bản *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một văn kiện lịch sử, sống mãi với thời gian, soi đường cho chúng ta đi. Tiếp tục tự giác học tập và làm theo *Di chúc* của Người để xây dựng đất nước ta ngày càng đàng hoàng hơn, tươi đẹp hơn, dân tộc ta có thể sánh vai các cường quốc năm châu là trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên và mỗi người dân Việt Nam.

VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*ThS. Hoàng Thị Giang**

Chủ tịch Hồ Chí Minh là bậc vĩ nhân của dân tộc Việt Nam, là người học trò xuất sắc của C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin. Người đã vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện lịch sử, văn hóa và con người Việt Nam, giải đáp những yêu cầu lý luận và thực tiễn, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Bác đã để lại cho dân tộc ta tài sản vô giá là hệ thống quan điểm, tư tưởng và tấm gương đạo đức trong sáng. Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập đến rất nhiều vấn đề về cách mạng Việt Nam. Một trong số những nội dung ấy là vấn đề phát triển kinh tế, một trong những nội dung cơ bản về xây dựng chế độ mới.

Trước khi trở về với thế giới bên kia, Hồ Chủ tịch đã để lại cho dân tộc bản *Di chúc* thiêng liêng. *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là văn kiện lịch sử có giá trị sâu sắc với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và các thế hệ mai sau. Ngày nay, *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh trở thành cương lĩnh hành động trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cũng như trong công cuộc đổi mới đất nước. Bên cạnh việc căn dặn những vấn đề về Đảng Cộng sản, đại đoàn kết trong Đảng, vấn đề bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau, về việc riêng... Trong *Di chúc*, Bác đã đề cập đến những vấn đề về phát triển kinh tế sau khi đất nước thống nhất.

Với tư duy đổi mới từ rất sớm, Hồ Chủ tịch đã chỉ ra mục tiêu phát triển kinh tế đất nước, là cùng với văn hóa hướng đến nâng cao đời sống của nhân dân; quan tâm đến việc tận dụng và phát huy các nguồn lực kinh tế, quan trọng nhất là phát huy nguồn lực con người; quan tâm đến phát triển kinh tế các vùng miền, khôi phục và mở rộng các ngành kinh tế, phát triển cân đối các cơ cấu ngành của nền kinh tế bao gồm công nghiệp, nông nghiệp và thương nghiệp và đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò to lớn của con người trong xây dựng và phát triển kinh tế của đất nước.

1. Về mục tiêu phát triển kinh tế

Theo Hồ Chí Minh, đầu tiên cần xác định được mục tiêu phát triển kinh tế, Người cho rằng: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”¹. Đây không chỉ là lời nhắc nhở bình thường mà còn là một tư tưởng lớn, là mục tiêu của cách mạng. Bởi vì theo Người, phát triển kinh tế là nhằm mục đích nâng cao đời sống của nhân dân, “nếu nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì”² và “chủ

* *Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 622.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 64.

nghĩa xã hội là làm cho mọi người dân được ấm no, hạnh phúc”¹.

Phát triển kinh tế phải gắn liền với phát triển văn hóa để nâng cao đời sống nhân dân, đó là một mục tiêu lớn, nhân dân ở đây là những người lao động nghèo khổ. Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh rằng “phát triển kinh tế và văn hóa, nâng cao đời sống của nhân dân, trước hết là của nhân dân lao động”². Kế sâu bền của sự nghiệp dựng nước và giữ nước là lấy dân làm gốc, “nước lấy dân làm gốc”, “gốc có vững thì cây mới bền, xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân”³, vì vậy phát triển kinh tế thì cũng phải dựa vào sức dân là chính. Sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, Người chỉ rõ nhiệm vụ hàng đầu của Nhà nước là chăm lo đời sống của nhân dân, “tất cả những việc và Chính phủ đề ra đều nhằm cải thiện đời sống nhân dân. Làm gì mà không nhằm mục đích ấy là không đúng”⁴.

Phát triển kinh tế nhằm không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân. Người căn dặn: “Ăn no mặc ấm mà không học thì cũng không được”⁵, “không có giáo dục, không có cán bộ, thì không nói gì đến kinh tế, văn hóa”⁶. Mấu chốt của vấn đề “phát triển kinh tế, văn hóa nhằm không ngừng nâng cao đời sống nhân dân” là phải dựa vào sức dân, phát động nhân dân tự lực cánh sinh, “việc cải thiện đời sống cho nhân dân cũng phải do nhân dân tự giúp lấy mình là chính”⁷.

Với Bác, phát triển kinh tế và văn hóa phải đi liền với nhau: “Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển kinh tế và văn hóa. Vì sao không nói phát triển văn hóa và kinh tế? Tục ngữ có câu: có thực mới vực được đạo; vì thế kinh tế phải đi trước... phát triển kinh tế và văn hóa để nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân ta”⁸. “Đời sống ví như chiếc thuyền, sản xuất ví như nước. Mực nước lên cao, thì con thuyền càng nổi lên cao”⁹. Trong xây dựng và phát triển kinh tế cũng như khắc phục các hậu quả khác của chiến tranh, “đó là một công việc cực kỳ to lớn, phức tạp và khó khăn”¹⁰. Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước ta “phải có kế hoạch sẵn sàng, rõ ràng, chu đáo, để tránh khỏi bị động, thiếu sót và sai lầm”¹¹. Đây là một tư tưởng mang đầy màu sắc của tư duy đổi mới trong tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh.

2. Nhân tố con người là động lực phát triển kinh tế

Theo Hồ Chí Minh, để phát triển kinh tế cần phải biết tận dụng các nguồn lực như đất đai, lao động để phát triển: “Lao động trong nông thôn của ta, tính ra còn đang thừa nhiều lãng phí nhiều. Muốn có gạo, có thóc thì cốt cái gì? Trước hết là cốt có đất, hai là sức người. Đất mình có, sức người mình có thì không có lý gì không làm được”¹². Vì vậy đối với Bác,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 12, tr. 521.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 11, tr. 261.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 502.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 10, tr. 310.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 10, tr. 309.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 10, tr. 345.

7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 10, tr. 310.

8. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 12, tr. 470.

9. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 10, tr. 300.

10. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 10, tr. 300.

11. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 10, tr. 300.

12. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 13, tr. 254.

nguồn lực con người là vô cùng quan trọng.

Trong *Di chúc*, Người quan tâm rất nhiều đến việc phát huy nguồn lực con người, đến chiến lược đào tạo nguồn nhân lực. Nhân tố con người giữ vai trò quan trọng, con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, “đầu tiên là công việc đối với con người”¹.

Trước hết, đối với những người đã dùng cảm hy sinh một phần xương máu của mình trong chiến tranh như cán bộ, binh sĩ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong,... thì Người căn dặn rằng “Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để họ có thể dần dần “tự lực cánh sinh”²..

Đối với người đã khuất là các liệt sĩ, Người căn dặn phải xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm để ghi sự hy sinh dũng cảm của các liệt sĩ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân. Đối với cha mẹ, vợ con của các thương binh là liệt sĩ mà thiếu sức lao động và túng thiếu, thì “chính quyền địa phương (nếu ở nông thôn thì chính quyền xã cùng hợp tác xã nông nghiệp) phải giúp đỡ họ có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ bị đói rét”³. Hồ Chí Minh đã rất coi trọng vấn đề tạo việc làm, giảm thiểu thất nghiệp cho người lao động, đặc biệt là những người lao động bị mất sức sống ở những vùng nông thôn đang có hoàn cảnh khó khăn. Việc tạo công ăn việc làm cho người lao động ở nông thôn phải trở thành một chính sách xã hội dưới sự giúp đỡ chính quyền địa phương để cải thiện đời sống, giúp cho đồng bào ở nông thôn thoát nghèo trên sức lao động của mình.

Đối với các chiến sĩ trẻ tuổi, “Đảng và Chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, các nghề, để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc”⁴. Rõ ràng rằng, trong tư duy kinh tế Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế đất nước sau chiến tranh chứa đựng tư tưởng đổi mới và phát triển rất cao. Muốn phát triển kinh tế phải có kế hoạch cho đào tạo nguồn nhân lực. Không chỉ được đào tạo trong nước mà cần phải có kế hoạch gửi đi đào tạo ở nước ngoài đúng hướng để phục vụ phát triển kinh tế. Nếu có kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực thật tốt thì sẽ tạo nên một lực lượng lao động hùng mạnh có đầy đủ phẩm chất cách mạng, có lý tưởng xã hội chủ nghĩa kế tục sự nghiệp của các bậc cha anh trong xây dựng và phát triển kinh tế của đất nước.

Để đi lên chủ nghĩa xã hội cần phải có những con người xã hội chủ nghĩa. Người lao động dưới chủ nghĩa xã hội ngoài việc có kỹ thuật tốt thì phải thấm nhuần lý tưởng của giai cấp công nhân, đó là trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, yêu nước, yêu truyền thống của dân tộc, yêu lao động, yêu nhân loại... Nói một cách khác, con người mới xã hội chủ nghĩa theo Hồ Chí Minh phải vừa có đức (hồng), vừa có tài (chuyên). Chính vì thế, Đảng và Nhà nước cần chú trọng vào hoạt động bồi dưỡng nhân tài, đặc biệt là lớp đoàn viên, thanh niên

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 10, tr. 300.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 616.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 616.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 616-617.

để đáp ứng nhu cầu phát triển một xã hội chủ nghĩa phát triển mà trọng tâm là những con người xã hội chủ nghĩa đúng nghĩa.

Trong *Di chúc*, Hồ Chủ tịch khẳng định rằng, trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, người phụ nữ Việt Nam đã vô cùng đảm đang và dũng cảm, góp phần rất lớn vào công cuộc chiến đấu và sản xuất. Vì vậy, để phát huy nguồn lực con người trong phát triển kinh tế, cần phải quan tâm đến lực lượng này. “Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cân nhắc và giúp đỡ để ngày càng thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo”. Người phụ nữ trở thành bộ phận không nhỏ trong sản xuất cũng như trong chiến đấu, do đó, các cấp chính quyền cần giúp đỡ tạo mọi điều kiện cho họ phát huy vai trò, khả năng trong công tác cũng như trong công việc gia đình “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”.

Đối với những nạn nhân của chế độ cũ, Bác Hồ không quên căn dặn: “Đối với những nạn nhân của chế độ xã hội cũ, như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu, v.v., thì Nhà nước phải dung vừa giáo dục, vừa phải dung pháp luật để cải tạo họ, giúp đỡ họ trở nên những người lao động lương thiện”¹. Để xây dựng chính sách phát triển con người trong kinh tế, cần có chế độ giáo dục, dạy nghề cho phạm nhân, giúp họ trở thành những người có ích trong xã hội.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và chính sách đối với con người để phát triển kinh tế thể hiện trong *Di chúc* rất phong phú. Sự nghiệp phát triển kinh tế sau chiến tranh là một cuộc cách mạng xóa bỏ cái cũ để xây dựng cái mới, cải tạo xã hội cũ để xây dựng xã hội mới, tốt tươi, lành mạnh, chính nghĩa. Hồ Chí Minh vừa xem xét con người dưới góc độ phát huy nguồn lực trong kinh tế nhưng lại mang đậm tính nhân văn cao cả. Muốn thực hiện thành công, cần phải kết hợp nhiều biện pháp, vừa phải giáo dục tinh thần lao động hăng say, vừa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, vừa tiến hành trao đổi nhân lực, đào tạo nước ngoài, nhưng quan trọng nhất là mỗi cá nhân phải tự học tập, ý thức được trách nhiệm của lao động sáng tạo trong nghề nghiệp để góp phần phát triển kinh tế.

3. Về xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý

Một trong những nội dung quan trọng trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý sau khi đất nước hoàn toàn thống nhất. Người cho rằng, để “xây dựng lại thành phố và làng mạc đẹp đẽ, đàng hoàng hơn trước chiến tranh”², cần phát triển kinh tế của các vùng miền, khôi phục và mở rộng các ngành kinh tế, phát triển cân đối cơ cấu ngành của nền kinh tế bao gồm công nghiệp, nông nghiệp và thương nghiệp.

“Ở đây nói về kế hoạch xây dựng lại thành phố và làng mạc đẹp đẽ, đàng hoàng hơn trước chiến tranh” cần phải “khôi phục và mở rộng các ngành kinh tế”³. Trước hết cần phải xác định được cơ cấu kinh tế mà Hồ Chí Minh lựa chọn trong chiến lược phát triển kinh tế thể hiện trong hai loại hình cơ cấu cơ bản là cơ cấu kinh tế ngành và cơ cấu kinh tế nhiều thành phần.

Trong cơ cấu ngành kinh tế, Hồ Chí Minh từng đề cao sự cân đối giữa nông nghiệp,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 617.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 617.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 617.

công nghiệp, thương nghiệp, trong đó nông nghiệp giữ vai trò quan trọng. Hồ Chí Minh viết: “Giữa các ngành công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, văn hóa, giáo dục... với nhau và trong mỗi ngành phải phát triển cân đối”¹. Do nước ta vốn là một nước thuần nông, có điều kiện tự nhiên thuận lợi nên Người coi trọng việc khôi phục phát triển nông nghiệp, đồng thời quan tâm đến phát triển công nghiệp. Hai ngành nông nghiệp và công nghiệp có vai trò, vị trí riêng nhưng giữa chúng lại có mối quan hệ mật thiết với nhau. Người cho rằng: “Người thì có hai chân, kinh tế một nước thì có hai bộ phận chính: nông nghiệp và công nghiệp. Người không thể thiếu một chân, thì nước không thể thiếu một bộ phận kinh tế”². Như vậy nông nghiệp và công nghiệp là hai lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế. Tuy nhiên Người cũng chỉ ra rằng cần phải phát huy vai trò của thương nghiệp trong mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, “về nhiệm vụ thì phải hiểu rõ trong nền kinh tế quốc dân có ba mặt quan trọng: nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp. Ba mặt cộng tác quan hệ mật thiết với nhau. Thương nghiệp là cái khâu giữa nông nghiệp và công nghiệp. Thương nghiệp đưa hàng đến nông thôn phục vụ nông dân, thương nghiệp lại đưa nông sản, nguyên liệu cho thành thị tiêu dùng. Nếu khâu thương nghiệp bị đứt thì không liên kết được nông nghiệp với công nghiệp, không củng cố được công nông liên minh. Công tác thương nghiệp không chạy thì hoạt động nông nghiệp, công nghiệp sẽ rời rạc”³. Ở đây có thể thấy, Người đã đề cập đến việc muốn xây dựng con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta thì phải lấy phát triển nông nghiệp và công nghiệp làm nhiệm vụ trung tâm. Sự nhích nhàng của công nghiệp và nông nghiệp là chìa khóa của công nghiệp hóa – hiện đại hóa thành công.

Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh đã sớm chỉ ra rằng cần phải biết quan tâm đến phát triển nông nghiệp, vì nông nghiệp là ngành sản xuất vô cùng quan trọng ở nước ta, do đó phải có những chính sách ưu tiên phát triển nông nghiệp, kích thích tinh thần sản xuất của nông dân. Người viết: “Nay đã hoàn toàn thắng lợi, tôi có ý đề nghị miễn thuế nông nghiệp một năm cho các hợp tác xã nông nghiệp để cho đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm nhiều phần khởi, đẩy mạnh sản xuất”⁴.

Do xuất phát từ một nước nông nghiệp đi lên chủ nghĩa xã hội nên nền kinh tế mà chúng ta cần phải xây dựng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, theo Hồ Chí Minh là “nền kinh tế bao gồm nhiều thành phần phức tạp”⁵ với nhiều hình thức sở hữu khác nhau, từ hình thức sở hữu nhà nước, sở hữu của hợp tác xã, đến sở hữu của người lao động riêng lẻ và “một ít tư liệu sản xuất thuộc sở hữu của nhà tư bản”⁶. Phải đảm bảo cho nền kinh tế quốc doanh nhằm nắm được vai trò lãnh đạo, “đảm bảo cho nó phát triển ưu tiên”⁷.

Phát triển kinh tế đất nước sau chiến tranh là một cuộc cách mạng toàn diện. Bên cạnh việc chăm lo phát triển kinh tế, *Di chúc* của Người còn nhấn mạnh đến việc “phát triển công

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 13, tr. 470.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 10, tr. 182.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 10, tr. 335.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 617.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 12, tr. 372.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 12, tr. 372.

7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 12, tr. 373.

tác vệ sinh, y tế”¹, phải “sửa đổi chế độ giáo dục cho phù hợp với hoàn cảnh mới của nhân dân”², “củng cố quốc phòng”³ vững chắc để góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế. Để thực hiện thành công sự nghiệp này, không phải là điều đơn giản. Để “giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu không lồ này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân”⁴.

Kết luận

Đã hơn 50 năm kể từ ngày Bác đi xa nhưng giá trị của bản *Di chúc* thiêng liêng vẫn còn vang vọng mãi trong sự nghiệp phát triển của đất nước ta, dân tộc ta. Những nội dung trong tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế trong *Di chúc* có giá trị soi sáng cho quá trình phát triển kinh tế đất nước đặc biệt trong bối cảnh Cách mạng khoa học công nghệ 4.0 hiện nay.

Những năm gần đây, trong công cuộc đổi mới đất nước, chúng ta “thực hiện thành công bước đầu công cuộc đổi mới, ra khỏi tình trạng kém phát triển; đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố, tăng cường...”⁵. Đảng và Nhà nước ta đang tiếp tục ra sức phát triển kinh tế, không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân; phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; phát triển mạnh khoa học và công nghệ; không ngừng hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, “phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt...”⁶. Những kết quả to lớn mà Đảng và Nhà nước ta đã đạt được trên lĩnh vực kinh tế là minh chứng rõ nét nhất cho sự kế thừa và vận dụng tư tưởng về phát triển kinh tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh./.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 617.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 617.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 617.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 617.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 20.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 31.

MỘT VÀI CẢM NHẬN VỀ Ý NGHĨA VÀ GIÁ TRỊ BẢN DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*TS. Phan Thị Hà**

*NCS. Nguyễn Thị Thu Hiền***

“Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta”¹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, người Thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, là anh hùng giải phóng dân tộc và là nhà văn hóa lớn. Người đã ghi dấu son chói lọi của mình trong lịch sử non sông, là biểu tượng tự hào của dân tộc. Tư tưởng của Người là ngọn đuốc thắp sáng cho con đường tương lai của Tổ quốc. Tấm gương của Người mẫu mực cho sự giản dị và tình nhân ái, nhân cách ở người là sự kết tinh các giá trị văn hóa và đạo đức... Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ đã kiến tạo nên các giá trị đạo đức mới cho dân tộc, mà chính Người còn khơi dậy và làm thấm sâu các giá trị ấy vào đời sống tâm hồn của nhân dân ta.

1. Thực trạng xã hội hiện nay và những bài học của bản thân học tập và làm theo tấm gương của Bác

Đặc biệt trong bối cảnh đất nước hiện nay, khi sự hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế dưới sự tác động của toàn cầu hóa và nền kinh tế tri thức thì mặt trái của cơ chế kinh tế thị trường, các giá trị đạo đức bị xâm lấn và tha hóa một cách nghiêm trọng. Đó là sự chệnh vênh, đổ vỡ và hụt hẫng, do các giá trị mới chưa được định hình còn các giá trị cũ thì đang bị phá hỏng và lãng quên.

Hiện trạng các giá trị đạo đức trong bảng giá trị của xã hội đang ở mức báo động, tình trạng xã hội đầy rẫy những thị phi và nhơ bẩn. Một bộ phận lớn tầng lớp nhân dân đang chạy theo giá trị của đồng tiền và thậm chí đánh đổi cả danh dự và các giá trị về nhân văn, luân lý để đạt được mục đích cá nhân. Trong đó, giới trẻ mà đặc biệt là tầng lớp học sinh, sinh viên đang sống thiếu lý tưởng và thích hưởng thụ. Một bộ phận khác thì sùng ngoại, sính ngoại đang tạo nên một mớ bòng bong sự hỗn độn, pha tạp và lai căng. Đối với cán bộ đảng viên, hội nghị Trung ương V khóa VIII Đảng ta cũng đã từng đưa ra nhận định *“sự suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có cán bộ có chức có quyền”* trở nên nghiêm trọng, *“nạn tham nhũng, dùng tiền của nhà nước tiêu xài phung phí, ăn chơi xa đọa không được ngăn chặn có hiệu quả...”².*

Nếu quá trình toàn cầu hóa là một điều kiện để chúng ta tận dụng cơ hội phát triển đất nước thì vấn đề xâm lấn văn hóa và làm xói mòn các giá trị đạo đức dân tộc như là một

**Trường Cao đẳng Kinh tế - Tài chính Vĩnh Long*

***Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.627.

2. ĐCSVN: *Văn kiện Hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.46,47.

tất yếu khách quan. Vì vậy việc bảo tồn và phát huy với các giá trị văn hóa đạo đức tốt đẹp của dân tộc trong bối cảnh hiện nay đặt ra nhiều vấn đề nan giải cần được xem xét cẩn trọng trong từng sự việc cụ thể.

Trước thực trạng đáng báo động ấy, chủ trương học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh không chỉ có ý nghĩa thiết thực mà còn là yêu cầu và đòi hỏi thường xuyên trước sự vận động của xã hội.

Với tư cách là người Giảng viên giảng dạy các môn Lý luận chính trị, tôi luôn đưa vào bài giảng các giá trị về tình yêu quê hương đất nước, về luân lý, đạo đức, thổi hồn vào mỗi vở diễn hay bài tập học kỳ, tốt nghiệp của các em các giá trị nhân sinh. Đồng thời, phơi bày những khuyết tật và ung nhọt của xã hội, hướng con người đến với các giá trị đạo đức hướng thượng.

Hòa vào tinh thần của cả xã hội trong cuộc vận động học tập và làm việc theo tấm gương đạo đức của Bác Hồ, hoạt động giảng dạy và học tập của nhà trường đã thật sự trở thành nơi để Thầy và trò chúng tôi nói lên tiếng nói với tha nhân và gửi gắm các chuẩn mực giá trị đạo đức và lý tưởng của của cuộc sống.

Bên cạnh đó, việc miệt mài trong công tác đào tạo bằng tình yêu thương học trò và trách nhiệm nghề nghiệp, tôi luôn cố gắng dạy cho các em tinh thần cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư. Cố gắng thực hành tiết kiệm đối với các chi tiêu không chính đáng, tiết kiệm thời gian. Dạy cho các em lòng yêu nước, sự dũng cảm và hào hiệp để bênh vực cho chính nghĩa và lên án sự đồi bại của cái ác, lòng đố kỵ và sự ích kỷ. Không chỉ vậy, các em cũng đã từng đặt ra những vấn đề mang tầm tư duy cao khi cho rằng tại sao thế giới chúng ta đang tồn tại song song hai thế đối lập: một bên lại đàng hoàng, to đẹp và mạnh mẽ, còn một bên khác đầy rẫy những bất công, chiến tranh, đói khát đang rình rập mạng sống... Tại sao con người không cùng nhau tận hưởng hạnh phúc mà mình tạo ra mà lại cứ muốn chiếm lấy mọi thứ làm chiến lợi phẩm; tại sao con người cứ sống bằng sự giả tạo để lừa lọc, bon chen... Những câu hỏi ấy của các em đáng yêu và đầy triết lý biết bao, để rồi cả chính các Thầy Cô cũng đang phải trăn trở, suy tư về nó.

2. Giá trị và ý nghĩa Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Người đã chọn một ngày đẹp trời trong dịp kỷ niệm ngày sinh của mình, khi sức khỏe còn rất tốt và trí tuệ minh mẫn, Người đã viết những lời căn dặn cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta. Theo Tiến sĩ Chu Đức Tính, Nhà nghiên cứu về cuộc đời sự nghiệp Chủ tịch Hồ Chí Minh, nguyên Giám đốc Bảo tàng Hồ Chí Minh phân tích: “Bản Di chúc của Bác Hồ được viết trong 5 năm vào lúc Người mạnh khỏe, sáng suốt và minh mẫn. 5 năm ấy, Bác để lại có 10 trang viết nhưng trong 10 trang ấy chúng ta đọc lại có thể thấy rằng Bác không quên một ai và không quên một việc gì. Cho nên Di chúc chúng ta đều thống nhất đánh giá đây là một bản tổng kết thực tiễn, định hướng tương lai và là một cẩm nang cho Đảng ta trong quá trình tiếp tục tiến lên phía trước”.

Trước lúc ra đi, Người để lại Di chúc thiêng liêng, kết tinh trong đó những điều cốt lõi về tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người. Những lời căn dặn và mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bản Di chúc vô cùng giản dị mà thiêng liêng, có ý nghĩa lịch sử và thời đại sâu sắc, đồng thời thấm đẫm tinh thần nhân văn cao cả.

2.1. Giá trị Di chúc

Di chúc là công trình lý luận về công tác xây dựng Đảng

Lời căn dặn đầu tiên của Người là nói về Đảng. Đó là tư tưởng về xây dựng Đảng cầm

quyền trong sạch, vững mạnh; Đó cũng là vấn đề Người trần trở trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình. Quán triệt tư tưởng của Người, vấn đề đoàn kết trong Đảng luôn được Đảng ta quan tâm, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay. Người khẳng định: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta”¹. Người nêu rõ: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”².

Đó là một bằng chứng mạnh mẽ khẳng định giá trị thực tiễn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Bằng chính tấm gương sáng của đời mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định tình cảm giai cấp và tình đồng chí trong Đảng, coi đó là một nhân tố quan trọng để đoàn kết trong Đảng. Người yêu cầu, “Đảng phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”. Trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định “Đảng ta là Đảng cầm quyền”. Để đáp ứng được nhiệm vụ lãnh đạo xã hội, Đảng phải luôn vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và gắn bó máu thịt với nhân dân, không ngừng nâng cao bản chất giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động của mình.

Nhắc nhở trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc bảo vệ và củng cố, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình, Người nêu rõ: “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”³. Về nguyên tắc “thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng”, về “tình đồng chí yêu thương lẫn nhau” trong Đảng và sự trau dồi phẩm chất đạo đức “thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư” của mỗi đảng viên, cán bộ. Trong bản viết bổ sung tháng 5/1968 Người còn nói thêm, ngay sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi thì việc “cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng”. Đảng cầm quyền phải chăm lo phát triển lực lượng cho hiện tại và chuẩn bị cho tương lai một thế hệ trẻ vừa “hồng” vừa “chuyên”, có như vậy mới thực hiện thành công lý tưởng xây dựng một xã hội mới, tiến bộ, văn minh. Bác dặn: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”, đó là công việc bồi dưỡng lý tưởng cộng sản, giáo dục truyền thống yêu nước, ý thức rèn luyện đạo đức cách mạng, đào tạo nguồn nhân lực kế tục sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Di chúc là tâm nguyện, tình cảm, niềm tin của Chủ tịch Hồ Chí Minh với Tổ quốc, nhân dân, chăm lo phát triển thế hệ trẻ và sự nghiệp cách mạng.

Di chúc thể hiện sự tự nhận thức sâu sắc về bản thân của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người đón nhận quy luật cuộc sống bằng phong thái ung dung, tự tại, chuẩn bị việc ra đi của mình bằng những lời tâm huyết dặn lại. Tâm nguyện của Người: “Suốt đời tôi hết lòng phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”⁴.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.622.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.621-622.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.622.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.623.

Ý chí, niềm tin, tinh thần lạc quan cách mạng, trách nhiệm với nhân dân của Người thể hiện sâu sắc ở dự báo về thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ và ngày thống nhất đất nước, ở những chỉ dẫn về công việc của sự nghiệp cách mạng còn dang dở. Di chúc là *tâm sự* của một người đã suốt đời hy sinh hạnh phúc riêng tư, hiến dâng trọn cuộc đời cho Tổ quốc và nhân dân; là tấm lòng chung thủy với “các nước anh em” và “bầu bạn khắp năm châu”.

Di chúc Hồ Chí Minh thấm đẫm tính nhân văn. Đọc Di chúc chúng ta thấy Bác dành tình cảm yêu thương đối với tất cả mọi tầng lớp người trong xã hội, từ những người có công trong kháng chiến như liệt sĩ, thương binh, thân nhân liệt sĩ, thanh niên xung phong, phụ nữ, nhân dân lao động, đến những người vốn là nạn nhân của xã hội cũ như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu,... Người yêu cầu phải chăm lo chu đáo tới đời sống vật chất và tinh thần cho mọi người dân, nhất là thực hiện chính sách “đền ơn, đáp nghĩa” đối với thương binh, gia đình liệt sĩ và những người có công với cách mạng sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ. “Đối với các liệt sĩ, mỗi địa phương (thành phố, làng xã) cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm ghi sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta”¹. Người căn dặn Đảng ta phải quan tâm chăm lo đào tạo, bồi dưỡng thế hệ kế tục sự nghiệp cách mạng cho đời sau. Người nêu rõ: “ĐOÀN VIÊN VÀ THANH NIÊN ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”².

Di chúc là tác phẩm bàn lý luận sự nghiệp đổi mới và tương lai phát triển của đất nước

Trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra nhiều vấn đề then chốt thuộc về phương hướng xây dựng đất nước sau khi đã hòa bình độc lập. Đó là hàn gắn vết thương chiến tranh; xây dựng lại thành phố và làng mạc; khôi phục và mở rộng các ngành nghề kinh tế; phát triển công tác vệ sinh y tế; sửa đổi chế độ giáo dục cho phù hợp với hoàn cảnh mới... Di chúc là điểm kết tinh tư tưởng của Bác về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh Việt Nam, mối quan hệ giữa công bằng và tiến bộ xã hội, mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá trong xây dựng xã hội mới, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc và sức mạnh thời đại, động lực lợi ích và chăm lo chu đáo tới cuộc sống con người, tư tưởng trọng dân, coi dân là gốc, là chủ thể của sự nghiệp xây dựng và đổi mới đất nước. Như Người đã viết: “Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh,...”³.

Giá trị văn hoá của Di chúc rất lớn lao, trong đó Bác chỉ dẫn con đường, mục tiêu phát triển của nền văn hoá Việt Nam; trù tính, dự liệu về những cuộc vận động lớn giáo dục văn hoá trong toàn dân, toàn xã hội, lấy văn hoá chính trị của Đảng Cộng sản cầm quyền và văn hoá trong thể chế nhà nước - một nhà nước dân chủ pháp quyền của dân, do dân, vì dân làm sức mạnh tiêu biểu nêu gương thuyết phục nhân dân. Qua lời dặn dò về việc riêng, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn đề cập đến việc xây dựng một đời sống văn hoá mới; một lối sống tiết kiệm, không lãng phí; mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, môi trường sinh thái.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.616.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.622.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.624.

Di chúc phác thảo những vấn đề quan trọng của sự nghiệp đổi mới đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm, đổi mới là một tất yếu để phát triển; đổi mới là một cuộc đấu tranh bền bỉ, một quá trình xây dựng gian khổ, “là một công việc cực kỳ to lớn, nặng nề và phức tạp”, là “cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi”. Người yêu cầu, Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân.

2.2. Ý nghĩa của Di chúc

Thứ nhất, Di chúc của Người là văn kiện có giá trị vô cùng to lớn đối với quá trình cách mạng Việt Nam. Đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc ta trên nhiều phương diện, nó vạch ra phương hướng cho cách mạng Việt Nam cả hôm nay và trong tương lai, đặc biệt là quan hệ với các Đảng Cộng sản anh em, các nước xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, Di chúc của Hồ Chí Minh vừa là *văn kiện* của một nhà chính trị lỗi lạc, lãnh tụ cao nhất của Đảng và dân tộc, người đã sáng tạo ra thời đại mới, thời đại của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của dân tộc Việt Nam.

Thứ ba, Di chúc của Người thể hiện sự sâu sắc *những tư tưởng đổi mới* của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng đất nước, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam. Người đã căn dặn toàn Đảng, toàn dân ta những việc *to lớn, hệ trọng, cần làm* sau khi đất nước thống nhất.

Suốt cuộc đời đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng con người, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ có một ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, ai cũng có quyền mưu cầu hạnh phúc. Bởi vậy, trước lúc đi xa Người không chỉ để lại cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân một nhân cách lớn, một tư tưởng lớn, một sự nghiệp lớn mà Người còn để lại bản Di chúc lịch sử. Mặc dù Người viết rằng: “để lại mấy lời” và “chỉ nói tóm tắt vài việc thôi” nhưng Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một văn kiện lịch sử vô giá, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Người viết: “... tôi để sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bạn khắp nơi khỏi cảm thấy đột ngột”¹.

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh phản ánh sâu sắc phong cách sống, sinh hoạt hết sức bình dị nhưng vô cùng cao quý, trọn đời vì nước, vì dân, không màng danh lợi, ngay cả phút lâm chung từ giã cõi đời này, Người cũng không làm phiền đến dân, đến nước. Đây là sự kết đọng sâu sắc cả về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, một con người suốt đời chỉ biết hy sinh và dâng hiến cho dân tộc, cho nhân dân.

Với tất cả tình cảm kính yêu vô hạn và niềm tin tuyệt đối vào lời căn dặn của Người, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đồng lòng quyết tâm thực hiện thắng lợi Di chúc thiêng liêng và con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn, xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. “Ngót nửa thế kỷ đã đi qua kể từ ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt bút viết những dòng cuối cùng trong bản Di chúc, thời gian không ngừng trôi với biết bao sự biến đổi và phát triển của đất nước, dân tộc và quốc tế, song những chỉ dẫn của Người trong Di chúc vẫn mãi còn in đậm trong trái tim, khối óc của mọi người dân Việt Nam, nhất là cán bộ, đảng viên trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay”²./.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.621.

2. <http://baotanghochiminh.vn/di-chuc-cua-chu-tich-ho-chi-minh-su-ket-tinh-tu-tuong-dao-duc-phong-cach-ho-chi-minh.htm>

ĐOÀN VIÊN VÀ THANH NIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG THỰC HIỆN THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH GÓP PHẦN XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

*ThS. Nguyễn Chí Hải**

Chủ tịch Hồ Chí Minh, người là anh hùng giải phóng dân tộc, một danh nhân văn hóa của thế giới, người chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Người đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam và nhân dân thế giới. Trước lúc đi xa, Người đã để lại một bản di chúc vô cùng quý báu. Bản *Di chúc* như là những nguyên tắc, những lời răn dạy, đã trở thành nguồn cổ vũ to lớn đối với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta tiến lên giành thắng lợi trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trong bản *Di chúc* của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn kỹ càng mọi việc đối với Đảng với nhân dân. Trong đó, Bác vẫn dành một phần nói về đoàn viên và thanh niên, điều này đã thể hiện tư tưởng, tình cảm, sự quan tâm đặc biệt của Bác đối với những chủ nhân tương lai của đất nước. Người viết “đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa ‘hồng’, vừa ‘chuyên’”¹.

Đoàn viên và thanh niên có vai trò quan trọng, nên việc bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và cần thiết. Đây cũng chính là sự tổng kết lý luận mà Chủ tịch Hồ Chí Minh rút ra từ lịch sử nhân loại, dân tộc; từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh niên của Người qua các thời kỳ cách mạng, để tiếp tục định hướng việc giáo dục rèn luyện và phát huy mọi tiềm năng to lớn của thanh niên trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc.

Đã 50 năm qua, kể từ khi *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh được công bố, bản *Di chúc* vẫn còn nguyên giá trị. Thẩm nhuận, thực hiện những chỉ dẫn của Người, đối với đoàn viên và thanh niên Trường ở Đại học An Giang đã nỗ lực học tập, lao động, phấn đấu xứng đáng với niềm tin yêu, sự khen ngợi và kỳ vọng của Bác. Thực sự là lực lượng xung kích trong sự nghiệp cách mạng, là rường cột, đội hậu bị xứng đáng với sự tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân, để góp phần xây dựng đất nước “đàng hoàng hơn, to đẹp hơn” theo như Bác Hồ đã từng nói.

1. Nhận thức về lời dặn đối với đoàn viên và thanh niên trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

1.1. Đoàn viên và thanh niên là lực lượng hăng hái xung phong, là tương lai của đất nước

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định đoàn viên và thanh niên là một trong những lực

* Trường Đại học An Giang, ĐHQG-HCM

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 510.

lượng nòng cốt của cách mạng, nên ngay từ những năm đầu về nước hoạt động, Bác Hồ đã bí mật thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (tháng 6/1925), chuẩn bị những hạt giống đỏ, ươm mầm cho sự trưởng thành, lớn mạnh của sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Trong 2 cuộc kháng chiến Bác luôn theo dõi chặt chẽ và chỉ dẫn thanh niên tham gia phong trào kháng chiến, luôn đặt niềm tin vào sức mạnh của thanh niên.

Bác luôn coi sự lớn mạnh của tuổi trẻ là thành công của Đảng, là thắng lợi của sự nghiệp cách mạng, là sự trường tồn phát triển của đất nước. Bác luôn dày công chăm lo giáo dục thanh niên trở thành những con người mới của xã hội, chuẩn bị những tiền đề vững vàng để thanh niên sẵn sàng đón nhận sứ mệnh làm chủ nước nhà. Ngày 13-9-1958, nói chuyện tại lớp chính trị do Bộ Giáo dục tổ chức, Người đã nhấn mạnh “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”¹.

Cách mạng tháng Tám thành công năm 1945, lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Nhân ngày khai trường đầu tiên của đất nước Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói “Nước nhà mong chờ ở các em rất nhiều. Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”² mà còn khẳng định, thế hệ trẻ, trước hết là thanh niên chính là đội dự bị, lực lượng kế cận hùng hậu của cách mạng, những người chủ tương lai của nước nhà.

Để hoàn thành sứ mệnh đó, muốn trở thành người đủ đức, đủ tài, có thể gánh vác được những trọng trách mà cách mạng giao phó và chủ nhân tương lai, đoàn viên và thanh niên phải ra sức học tập trong nhà trường, ở gia đình và ngoài xã hội, học tập qua sách vở và trau dồi tri thức, phải cố gắng học tập chính trị, văn hóa, nghề nghiệp theo phương châm học “để phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, làm cho dân giàu, nước mạnh, tức là để làm trọn nhiệm vụ người chủ của nước nhà”³.

Đặc biệt, đoàn viên và thanh niên phải xung phong trong mọi công tác, đi trước, làm trước, phải có tinh thần sẵn sàng dấn thân “đâu Đảng cần thì thanh niên có, việc gì khó thì thanh niên làm”; “phải rèn luyện thân thể cho khỏe mạnh, khỏe mạnh thì mới đủ sức để tham gia một cách dẻo dai, bền bỉ những công việc ích nước lợi dân”, phải đoàn kết chặt chẽ, kiên trì phấn đấu, vượt mọi khó khăn, thi đua học tập và lao động sản xuất, để góp sức vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1.2. Chăm lo bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho đoàn viên và thanh niên

Việc chăm sóc, giáo dục và rèn luyện đoàn viên và thanh niên là công việc mà suốt cuộc đời mình Bác đã làm mà không biết mệt mỏi. Nhân dịp kỷ niệm 20 năm Cách mạng tháng Tám thành công, trong thư gửi cho thanh niên, Bác đã viết: “Phải luôn luôn nâng cao chí khí cách mạng, trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng. Không sợ gian khổ, hy sinh, hăng hái thi đua tăng gia sản xuất và anh dũng chiến đấu, xung phong đi đầu trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước”⁴.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 9, tr. 222.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 4, tr. 35.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 9, tr. 179.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 11, tr. 503-504.

Trên cơ sở quán triệt quan điểm “xây dựng Đoàn là xây dựng Đảng trước một bước”, các tổ chức cơ sở Đoàn phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của đoàn viên, thanh niên, sinh viên trong thi đua thực hiện các nghị quyết của Đảng, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị. Thông qua đó, tạo môi trường thuận lợi để thế hệ trẻ trải nghiệm, tự rèn luyện mình, trưởng thành, phấn đấu, bổ sung lực lượng trẻ cho Đảng, kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.

Với tinh thần đó, để đoàn viên và thanh niên hoàn thành sứ mệnh cách mạng cao cả, Bác đã đề cao trách nhiệm cụ thể của từng đoàn viên “đoàn viên phải gương mẫu trong công tác, trong sản xuất, trong học tập” và trách nhiệm chung “các chi đoàn thanh niên phải xung phong làm đầu tàu trong cuộc thi đua”. Vì thi đua là điều kiện thuận lợi giúp cho Đoàn phát triển mạnh mẽ, vững chắc và thu hút sự quan tâm của thanh niên. Phải thực hiện khẩu hiệu “đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên”. Thanh niên được xác định cánh tay đắc lực, đội hậu bị của Đảng nên Bác nhấn mạnh, “Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa ‘hồng’, vừa ‘chuyên’”¹.

2. Đoàn viên và thanh niên Trường Đại học An Giang thực hiện theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

2.1. Đoàn viên và thanh niên Trường Đại học An Giang xung kích trong các phong trào góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định, Đảng ta đã đào tạo một thế hệ thanh niên cách mạng, gái cũng như trai, rất hăng hái, dũng cảm trong mọi công tác. Trong giai đoạn chúng ta đang thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Các tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên trong Trường Đại học An Giang (ĐHAG) đã chủ động tuyên truyền giáo dục để đoàn viên và thanh niên nhận thức, tích cực xung kích trong các phong trào cách mạng.

Để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, sinh viên Trường ĐHAG đã tích cực tham gia vào các hoạt động của Nhà trường, của Đoàn Thanh niên, của các tổ chức xã hội, và địa phương.

Các hoạt động tình nguyện chung tay xây dựng nông thôn mới. Đăng ký, đảm nhận các công trình, phần việc thanh niên tham gia xây dựng nông thôn mới. Các em đã tham gia xây dựng công trình thanh niên, thấp sáng đường giao thông nông thôn. Vận động người dân tham gia xây dựng đời sống văn hóa mới.

Hoạt động tình nguyện tham gia xây dựng đô thị văn minh. Thực hiện các công trình thanh niên gắn với việc tham gia xây dựng đô thị văn minh. Thực hiện các tuyến đường “Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp”, tuyên truyền xây dựng lối sống, nếp sống văn minh, ứng xử văn hóa trong đoàn viên, thanh niên và nhân dân. Tổ chức “Ngày Chủ nhật xanh”, triển khai đồng loạt trong tháng Thanh niên, Chiến dịch Thanh niên tình nguyện hè.

Tình nguyện bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Hưởng ứng phong trào “Tết trồng cây”. Tham gia hoạt động truyền thông bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu gắn với sự kiện về môi trường như: Giờ Trái đất, Ngày Môi trường thế giới, Tuần

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr. 510.

lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, Tuần lễ Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn.

Tình nguyện tham gia đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Tham gia cuộc vận động “Thanh niên với văn hóa giao thông” với các tiêu chí cụ thể. Duy trì và nhân rộng mô hình công trường an toàn giao thông, tuyến đường an toàn giao thông.

Sinh viên Trường ĐHAG nhận thức rõ nhiệm vụ của bản thân phải ra sức cố gắng học tập để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Các em đã tích cực tham nhiều hoạt động, nổi bật có các chương trình như “Thấp nền tri ân” nhân ngày Thương binh liệt sĩ ngày 27 tháng 7 hàng năm, đã có hàng nghìn sinh viên tham gia viếng nghĩa trang liệt sĩ tỉnh An Giang; tham gia “Hội trại Xuân biên giới” vào dịp Tết quân dân ở tỉnh An Giang; “Sinh viên với biển đảo Tổ quốc” do Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức, nhằm tăng cường tổ chức các hoạt động hỗ trợ, giao lưu giúp sinh viên hiểu truyền thống của dân tộc, vai trò của cá nhân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thực hiện phong trào “Xung kích, tình nguyện phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc”. Đoàn Thanh niên Trường ĐHAG thực hiện các công trình, phần việc thanh niên như dọn rác, vệ sinh đường phố ở thành phố Long Xuyên, xây dựng nhiều bồn hoa, cây cảnh xung quanh khuôn viên Nhà trường. Giữ gìn an toàn giao thông, an ninh trật tự qua phong trào “Thanh niên với văn hóa giao thông”, vận động sinh viên khu vực đô thị xây dựng lối sống thanh lịch, văn minh, nghĩa tình, tham gia hiến máu tình nguyện, các hoạt động an sinh xã hội.

Tổ chức các chương trình, chiến dịch tình nguyện cho nhiều sinh viên tham gia như “Tiếp sức mùa thi”, chiến dịch tình nguyện “Mùa hè xanh” cho sinh viên của Trường, chương trình “Tiếp sức đến trường” đã huy động hàng nghìn sinh viên tham gia, mang lại lợi ích thiết thực, được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân, qua các chương trình đã thể hiện được vai trò của sinh viên Nhà trường.

Tham gia phong trào “Đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp” do Đoàn Thanh niên Trường ĐHAG tổ chức, với việc đẩy mạnh phong trào học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, trong sinh viên. Đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ và phát huy sinh viên danh hiệu “Sinh viên 5 tốt”, Đoàn Thanh niên đã triển khai, vận động thanh niên tham gia tích cực chương trình “Tri thức trẻ vì giáo dục”, chú trọng tư vấn hướng nghiệp, cung cấp thông tin nghề nghiệp, việc làm.

2.2. Đoàn viên và thanh niên Trường Đại học An Giang tích cực bồi dưỡng đạo đức cách mạng để trở thành tương lai của đất nước

Về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng Đoàn viên và thanh niên Trường ĐHAG đã thực hiện tốt Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ, giai đoạn 2015-2030. “Tăng cường giáo dục chính trị cho thế hệ trẻ bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, với sự tham gia, phối hợp có trách nhiệm của nhà trường, gia đình, đoàn thể và toàn xã hội. Chú trọng giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá cho thanh thiếu nhi qua các phong trào hành động cách mạng của tuổi trẻ, qua đó, vừa làm công tác giáo dục, vừa phát huy vai trò của lớp trẻ tham gia phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; đồng

thời, tăng cường khả năng đoàn kết, tập hợp thanh thiếu nhi vào tổ chức”¹.

Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một nội dung quan trọng, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động, Đoàn viên và thanh niên Trường Đại học An Giang luôn tích cực bồi dưỡng đạo đức cách mạng theo cuộc vận động và luôn “nhận thức ngày càng sâu sắc hơn những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; làm cho tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của đời sống xã hội, xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”².

Đã có 100% sinh viên Trường ĐHAG tổ chức học tập chuyên đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với rèn luyện tác phong sáng tạo, trách nhiệm, tiên phong, gương mẫu, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Các em đã tự giác học tập theo cuộc vận động, tham gia chương trình “Thắp sáng ước mơ tuổi trẻ Việt Nam”. Nhiều sinh viên đã được tuyên dương thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác.

Sinh viên Trường ĐHAG đã ý thức được truyền thống cách mạng, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc. Các em đã tham gia các chương trình, hoạt động kỷ niệm 50 năm Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước; Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ngày Quốc khánh Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Tổ chức Lễ thắp nến tri ân các Anh hùng liệt sĩ vào dịp ngày 27 tháng 7 do Nhà trường, Đoàn Thanh niên tổ chức³.

Với truyền thống gần 20 năm xây dựng và trưởng thành, Trường ĐHAG luôn coi trọng và làm tốt công tác tư tưởng trong đoàn viên và thanh niên. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường ĐHAG lần thứ V (nhiệm kỳ 2015 - 2020) xác định “Đảng ủy luôn quan tâm, lãnh đạo công tác tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống đối với cán bộ, đảng viên và học sinh - sinh viên; tổ chức phổ biến, quán triệt các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng,... tích cực đấu tranh ngăn chặn những tư tưởng lạc hậu, các thủ đoạn phá hoại, xuyên tạc, âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch”⁴.

Về đạo đức, lối sống, văn hóa của sinh viên, các em đã tham gia cuộc vận động “Xây dựng giá trị hình mẫu thanh niên Việt Nam thời kỳ mới”. Qua đó, đã có nhiều gương điển hình, người tốt việc tốt, được giới thiệu và nhân rộng. Các tin, bài có giá trị giáo dục, định hướng lối sống cho sinh viên. Tham gia ngày hội Thanh niên sống đẹp.

Đối với công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đã dần hình thành thói

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, *Chỉ thị số 42-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030*, Hà Nội, 2015.

2. Ban Chấp hành Trung ương, *Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị ngày 15/05/2016 về Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*, Hà Nội, 2016.

3. Ban Chấp hành Đoàn trường Đại học An Giang, *Chương trình Công tác Đoàn và Phong trào Thanh niên năm 2016-2017*, An Giang, 2016.

4. Đảng bộ Trường Đại học An Giang, *Văn kiện Đại hội Đại biểu lần thứ V nhiệm kỳ 2015-2020*, An Giang, 2015, tr. 20.

quen của sinh viên Trường ĐHAG “Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”. Sinh viên được phổ biến kiến thức pháp luật, quy định, quy chế của Nhà trường mỗi năm hai lần do Nhà trường tổ chức. Đối với phòng chức năng, khoa, các tổ chức Đoàn Thanh niên, tổ chức xã hội khác, các em thường xuyên được nhắc nhở, đôn đốc, nên ý thức chấp hành pháp luật, quy định, nội quy là rất cao.

3. Kết luận

Đoàn viên và thanh niên là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thanh niên được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược bồi dưỡng, phát huy nhân tố và nguồn lực con người.

Sau 50 năm thực hiện *Di chúc* của Bác, kỷ niệm 20 thành lập Trường ĐHAG, đoàn viên và thanh niên của Nhà trường không ngừng thi đua ra sức rèn luyện, học tập thực hiện theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đoàn viên và thanh niên Trường ĐHAG luôn hăng hái xung kích trong các phong trào góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, tích cực bồi dưỡng đạo đức cách mạng để trở thành tương lai của đất nước.

Thực hiện lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trường ĐHAG cần tăng cường giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa, ý thức cho sinh viên để hình thành thế hệ thanh niên có phẩm chất tốt đẹp, có khí phách và quyết tâm hành động thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới ở nước ta; không ngừng nâng cao trình độ, có tri thức và kỹ năng; không ngừng rèn luyện đạo đức, lối sống, hoàn thiện nhân cách trở thành công dân hữu ích, thành viên tốt trong gia đình, tích cực đóng góp cho sự phát triển của đất nước.

TỪ PHONG TRÀO “NHƯỜNG CƠM SẺ ÁO” NĂM 1945 CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐẾN CÁC CHƯƠNG TRÌNH TÌNH NGUYỆN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÁI NGUYÊN

TS. Hoàng Thị Mỹ Hạnh*

ThS. Nguyễn Thị Hòa**

Đặt vấn đề

Trong tâm thức của mỗi người dân Việt Nam, nạn đói năm 1945 đã đi vào lịch sử và những bài học về tinh thần “*trung thân tương ái*”, “*lá lành đùm lá rách*” vẫn giữ nguyên giá trị đến ngày nay. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên đã tích cực tham gia vào các chương tình tình nguyện. Những hoạt động ấy có sức lan tỏa cao, thể hiện nét đẹp truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam nói chung, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên nói riêng.

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh với phong trào “*Nhuông cơm sẻ áo*”, “*Hũ gạo cứu đói*” năm 1945

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Chính quyền cách mạng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách “*giặc đói*”, “*giặc dốt*” và giặc ngoại xâm đặt cách mạng Việt Nam đứng trước tình thế “*ngàn cân treo sợi tóc*”. Chủ tịch Hồ Chí Minh xem đói nghèo cũng là một thứ giặc nguy hiểm như giặc dốt và giặc ngoại xâm.

Ngày 3/9/1945, ngay trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ tại Hà Nội, “vấn đề giải quyết nạn đói cho nhân dân được coi là nhiệm vụ đột xuất”¹. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Hiện nay những vấn đề gì là vấn đề cấp bách hơn cả... Nhân dân đang đói - Ngoài những kho chứa thóc mà Pháp, Nhật vơ vét của nhân dân, bọn Nhật, Pháp còn bắt đồng bào chúng ta giảm bớt diện tích cấy lúa để trồng thầu dầu, đay và những thứ cây khác cần thiết cho cuộc chiến tranh của chúng. Hơn nữa, chúng ta còn tìm thấy hai kế hoạch của bọn cầm quyền Pháp với mục đích gây nạn đói...” [...] “Hơn hai triệu đồng bào chúng ta đã chết đói vì chính sách độc ác này. Vừa rồi nạn lụt đã phá hoại tám tỉnh sản xuất lúa gạo. Điều đó càng làm cho tình hình trầm trọng hơn. Những người thoát chết đói nay cũng bị đói. Chúng ta phải làm thế nào cho họ sống. Tôi đề nghị Chính phủ là phát động một chiến dịch tăng gia sản xuất... mở một cuộc lạc quyên. Mười ngày một lần, tất cả đồng bào chúng ta nhịn ăn một bữa. Gạo đó tiết kiệm được sẽ góp lại và phát cho người nghèo”².

Ngày 28/9/1945, báo *Cứu quốc* đăng thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào cả nước phát huy tinh thần “*nhường cơm sẻ áo*” cứu giúp dân nghèo:

“Lúc chúng ta nâng bát cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ, chúng ta không khỏi động lòng. Vậy tôi xin đề nghị với đồng bào cả nước, và tôi xin thực hành trước: Cứ 10 ngày nhịn

* Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

** Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

1. Nguyễn Quang Ngọc: *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr. 303.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 6-7.

ăn một bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa. Dem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo. Như vậy, thì những người nghèo sẽ có bữa rau, bữa cháo để chờ mùa lúa năm sau, khỏi đến nỗi chết đói. Tôi chắc rằng, đồng bào ta ai cũng sẵn lòng cứu khổ cứu nạn mà hăng hái hưởng ứng lời đề nghị nói trên”¹.

Ngày 19/11/1945, Chính phủ thành lập Ủy ban Trung ương phụ trách vấn đề sản xuất. Nhiều chính sách được triển khai đồng bộ như ra báo để hướng dẫn nhân dân sản xuất, cho nhân dân vay thóc, vay tiền để sản xuất, chi ngân sách sửa chữa các quãng đê bị vỡ, củng cố hệ thống đê điều, đắp thêm một số đê mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ “nạn đói đã trở nên một quốc nạn”, và kêu gọi đồng bào “cùng Chính phủ thi hành cấp tốc các phương pháp cần thiết để cứu vãn tình thế”, “giúp Chính phủ cứu nạn đói cho dân” bằng cách: “Lập các quỹ cứu tế hàng tỉnh hay hàng huyện...; Lập hũ gạo cứu tế ở làng để có gạo tổ chức những bữa cháo cầm hơi trong khi đói...; Tổ chức việc mua thóc nhà giàu bán cho dân; Tổ chức hợp tác xã góp tiền mua thóc phòng khi đói...”².

Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chí Minh, nhân dân khắp nơi, từ các thôn làng tới những thị xã, thành phố, đâu đâu cũng nô nức phong trào “*Nhường cơm sẻ áo*”, lập “*Hũ gạo tiết kiệm*”, tổ chức “*Ngày đồng tâm*”. Ngày 2/1/1945, *Hội Cứu đói* được thành lập. Ngày 28/11/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Sắc lệnh thiết lập *Ủy ban tối cao tiếp tế và cứu tế*. Phong trào cứu đói diễn ra rộng khắp trên cả nước.

Công cuộc đấu tranh chống “*giặc đói*” được phát động bằng phong trào tăng gia sản xuất và bằng sự đoàn kết của nhân dân theo tinh thần tự nguyện cứu trợ, đồng bào nơi đói ít san sẻ lương thực, thực phẩm cho những vùng bị đói trầm trọng. Chủ tịch Hồ Chí Minh động viên toàn dân tích cực tăng gia sản xuất: “Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa! Đó là khẩu hiệu của ta ngày nay. Đó là cách thiết thực của chúng ta để giữ vững quyền tự do, độc lập”³. Đồng thời, Chính phủ còn tổ chức lạc quyên, ban hành các sắc lệnh tiết kiệm gạo, cấm tích trữ lương thực, ưu tiên vận chuyển lúa gạo từ Nam Bộ, Trung Bộ ra Bắc Bộ. Chính phủ ban hành Nghị định giảm 20% thuế ruộng đất, miễn thuế hoàn toàn cho những vùng lụt. Phong trào tăng gia sản xuất diễn ra sôi nổi trong khắp cả nước, với khẩu hiệu “*tác đất, tác vàng*”. Với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, sản xuất nông nghiệp nhanh chóng được khôi phục, đời sống của nhân dân từng bước được ổn định.

Vấn đề đoàn kết quốc tế, tương trợ lẫn nhau luôn được Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm. Ngày 22/11/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho Tổng thống Mỹ Truman, trình bày về nạn đói ở Việt Nam cùng những nguyên nhân của nó, và yêu cầu Chính phủ Mỹ giúp đỡ. Người viết: “Nhiều người đang chết đói và số người phải cứu tế tăng lên từng ngày. Trong những hoàn cảnh như vậy, Chính phủ lâm thời nước Cộng hòa Việt Nam đã làm tất cả những gì có thể. Nếu các cường quốc lớn trên thế giới và các tổ chức cứu trợ quốc tế không mang lại cho chúng tôi sự viện trợ ngay tức khắc thì, chúng tôi sẽ gặp phải thảm họa trước mắt. Vì thế, tôi tha thiết cầu xin ngài về bất cứ một sự giúp đỡ nào có thể được. Tôi mong ngài nhận lấy ở tôi, thay mặt cho nhân dân tôi, lời cảm ơn trước, tận đáy lòng”⁴. Tuy nhiên, trong chỉ đạo

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 33.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 126..

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 135.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 118.

thực tiễn, Hồ Chí Minh thường xuyên căn dặn cán bộ phải giữ vững lập trường, vững vàng, khôn khéo, chủ động, tích cực, “*tự lực cánh sinh*”; Trong mối quan hệ dân tộc và quốc tế, Hồ Chí Minh coi yếu tố quốc tế có ý nghĩa quan trọng cho thắng lợi của cách mạng nhưng yếu tố độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường luôn giữ vai trò quyết định mọi thắng lợi.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước đã nêu cao ý chí tự lực tự cường, tiến hành những biện pháp cấp bách và lâu dài, phát huy đến mức cao nhất tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái cùng nhau vượt qua mọi khó khăn, nhờ đó, đến hết năm 1946, nạn đói cơ bản được đẩy lùi, đời sống nhân dân dần dần được ổn định.

2. Cán bộ, giảng viên, sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên học tập tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, tham gia tích cực các Chương trình tình nguyện

Trải qua 50 năm xây dựng và phát triển, vượt qua muôn vàn khó khăn thử thách, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên đã từng bước vươn lên khẳng định vai trò, vị thế của một trường Đại học Sư phạm hàng đầu ở trung du miền núi, đóng góp to lớn, xứng đáng vào sự nghiệp giáo dục và đào tạo của đất nước. Từ phong trào “*Nhường cơm sẻ áo*” của Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1945, học tập theo tấm gương của Người, Ban Giám hiệu Nhà trường đã luôn chỉ đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xây dựng kế hoạch và phát động các Chương trình tình nguyện. Cán bộ, giảng viên và sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên đã tích cực tham gia vào các chương trình tình nguyện. Những hoạt động ấy có sức lan tỏa cao, thể hiện nét đẹp truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam nói chung, của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên nói riêng.

Chương trình tình nguyện “Ánh sáng hè”

Chương trình tình nguyện “*Ánh sáng văn hóa hè*” của Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên tại xã Diềm Mặc, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên là một trong những hoạt động nổi bật được bắt đầu thực hiện từ năm 2010. Đây là một xã còn nhiều khó khăn, học sinh phần nhiều là con em đồng bào dân tộc thiểu số, gia đình thuộc diện hoàn cảnh khó khăn; cơ sở vật chất thiếu thốn... Chương trình “*Ánh sáng văn hóa hè*” đã tổ chức được 35 lớp học, với 830 em học sinh tham gia học tập. Ba (03) em thiếu niên có hoàn cảnh khó khăn được nhận đỡ đầu, hơn 30 suất quà được tặng cho các gia đình chính sách, 85 suất quà được tặng cho học sinh nghèo vượt khó, trị giá hàng chục triệu đồng¹.

Sinh viên tình nguyện Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên đã góp một phần công sức của mình vào thành tích chung của xã Diềm Mặc: tỷ lệ học sinh giỏi của 2 Trường Tiểu học Diềm Mặc và Trường THCS Hoàng Ngân được tăng lên hàng năm; nhiều em đạt giải học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh; nhiều hộ gia đình chính sách, hộ gia đình, học sinh có hoàn cảnh khó khăn được giúp đỡ... Có thể khẳng định, Chương trình tình nguyện “*Ánh sáng văn hóa hè*” tại xã Diềm Mặc là cơ hội để đoàn viên, thanh niên Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên có điều kiện trải nghiệm thực tiễn, trau dồi kiến thức, kỹ năng; tham gia các hoạt động chung tay góp sức vì cộng đồng, giúp đỡ người dân địa phương trong các hoạt động sản xuất và sinh hoạt thường ngày; góp phần vào mục tiêu giáo dục sinh viên một cách toàn diện của Nhà trường.

1. Ban Chấp hành Đoàn Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, *Báo cáo tổng kết Chương trình tình nguyện giai đoạn 2010-2015*. Lưu tại Văn phòng Đoàn Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, 2015, tr. 5.

Chương trình ủng hộ nông sản cho bà con nông dân Quảng Ngãi – “Mỗi trái dưa một tấm lòng” năm 2015

Ngay từ khi Đoàn Trường phát động, chương trình đã nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của cán bộ giảng viên và sinh viên trong Trường. Những chia sẻ trên các trang mạng xã hội lập tức được lan tỏa, tạo hiệu ứng mạnh mẽ về một hoạt động thiện nguyện đẹp đẽ của thanh niên.

Những trái dưa hầu vượt qua chặng đường dài từ huyện Trà Bồng - tỉnh Quảng Ngãi về đến Thái Nguyên nhanh chóng được các bạn sinh viên vận chuyển về hai điểm bán: cổng chính của Trường và cổng Ký túc xá. Cán bộ, sinh viên nhà trường cùng đông đảo người dân địa phương đã nhiệt tình ủng hộ với tinh thần nhân văn, nhân ái¹.

Sự thành công của chương trình đã thể hiện tinh thần “*tương thân tương ái*”, “*lá lành đùm lá rách*” của tuổi trẻ Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, đúng như lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “*Đâu cần thanh niên có, việc gì khó có thanh niên*”.

Chương trình tình nguyện “Tặng hoa Nhà giáo vùng cao”

Ngày 12/11/2016, đoàn giảng viên, cán bộ quản lý của Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên tổ chức chương trình “*Tặng hoa Nhà giáo vùng cao*” nhân ngày 20/11 tại các trường học thuộc tỉnh Hà Giang. Đoàn do PGS.TS Mai Xuân Trường – Phó bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng Nhà trường - dẫn đầu đã đến thăm các nhà trường tại huyện Đồng Văn: Trường THPT Đồng Văn, Trường PTDTBT Tiểu học – THCS Tả Lũng, Mầm non Tả Lũng. Tại mỗi trường, đoàn đã tặng hoa chúc mừng các thầy cô giáo nhân Ngày Hiến chương các nhà giáo Việt Nam (20/11) và khảo sát đời sống giáo viên, thực tế giảng dạy của thầy và trò, động viên, tặng quà cho cán bộ giáo viên và học sinh các nhà trường. Quà tặng gồm có: Mỗi trường 1 bộ máy vi tính, tặng cặp sách cho học sinh THCS, 200 bộ khay và thìa ăn cho học sinh Tiểu học, áo ấm mùa đông, gần 3.000 vở viết; thăm trái sắn, bánh kẹo cho trẻ mầm non và 40 suất quà bằng tiền mặt cho các giáo viên nhân ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 với tổng trị giá gần 100 triệu đồng².

Nhân dịp kỷ niệm 36 năm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982 - 20/11/2018), nhằm động viên, thăm hỏi, hỗ trợ giáo viên, học sinh vùng cao, từ ngày 9 - 10/11/2018, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên đã tổ chức Chương trình “*Tặng hoa nhà giáo vùng cao*” tại các trường học ở huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Đây là hoạt động có ý nghĩa sâu sắc, tiếp tục khẳng định vai trò, tình cảm và trách nhiệm của Nhà trường đối với giáo dục ở những địa phương đặc biệt khó khăn, góp phần hỗ trợ giáo viên và các em học sinh dân tộc, vùng cao có điều kiện thuận lợi hơn trong công tác và học tập. Đoàn công tác đã thăm hỏi và tặng 46 suất quà cùng nhiều hiện vật như: sách giáo khoa, vở viết, máy chiếu, loa và các trang thiết bị, đồ dùng phục vụ công tác giảng dạy, học tập... trị giá gần 200 triệu đồng cho giáo viên, học sinh ở Trường Phổ thông Dân tộc bán trú (PTDTBT) Tiểu học Púng Luông, Trường PTDTBT Tiểu học và THCS La Pán Tản và Trường THPT Mù Cang Chải tỉnh Yên Bái³.

1. Báo cáo tổng kết Chương trình tình nguyện giai đoạn 2010-2015. Lưu tại Văn phòng Đoàn Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, tr. 6.

2. Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, Báo cáo Tổng kết năm học 2016 - 2017. Lưu tại Phòng Hành chính - Tổ chức, 2017, tr. 10.

3. Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, Báo cáo Tổng kết năm học 2017 - 2018. Lưu tại Phòng Hành chính - Tổ chức, 2018, tr. 12.

Lễ khởi công xây dựng công trình lớp học điểm trường Huổi Cáy, Trường Mầm non Mùn Chung tại xã Mùn Chung, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên

Ngày 10/6/2017, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên đã tổ chức Lễ khởi công xây dựng công trình lớp học điểm trường Huổi Cáy, Trường Mầm non Mùn Chung tại xã Mùn Chung, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Công trình có tổng vốn đầu tư gần 200 triệu đồng, đây là nguồn đóng góp của tập thể cán bộ, giảng viên và sinh viên của Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên. Với quy mô 01 phòng học, 01 phòng công vụ và 01 nhà vệ sinh, công trình hoàn thành sẽ là nơi học tập, sinh hoạt của gần 30 học sinh và giáo viên. Tháng 7/2017, khánh thành và bàn giao công trình lớp học điểm trường Huổi Cáy, Trường Mầm non Mùn Chung (xã Mùn Chung, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên)¹.

Chương trình “Xuân yêu thương”

Với tình cảm kết nối và sẻ chia yêu thương, ngày 12/01/2018, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên đã tổ chức chương trình Xuân yêu thương 2018, tặng quà cho các em học sinh Mầm non và Tiểu học xã Vân Trình, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Đây là hoạt động thể hiện tình cảm, trách nhiệm của cán bộ, sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên với cộng đồng, xã hội, góp phần phát triển giáo dục tại các vùng khó khăn.

Chương trình *Xuân yêu thương 2018* đã trao tặng 100 chiếc áo ấm, 100 chiếc chăn ấm và 40 suất quà cho các em nhỏ có hoàn cảnh khó khăn, mỗi suất 500.000đ, tổng trị giá chương trình là hơn 60 triệu đồng². Những món quà ý nghĩa này thể hiện mong muốn của tập thể cán bộ và sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên giúp các em học sinh khó khăn có điều kiện tốt hơn trong cuộc sống, học tập và rèn luyện.

Mỗi dịp Tết hằng năm, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên tổ chức chương trình gặp mặt và trao quà Tết cho những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn có ý chí, nghị lực vươn lên trong cuộc sống, trong học tập và rèn luyện. Ngoài ra, Nhà trường còn tặng vé xe, tàu về quê dịp tết cho sinh viên nghèo vượt khó.

Ngoài ra, cán bộ, giảng viên, sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên còn tham gia các hoạt động “*đền ơn đáp nghĩa*” nhân ngày thương binh liệt sĩ 27/7; các chương trình “*Tủ sách vùng cao*”, “*Ánh sáng văn hóa*”; các hoạt động an sinh xã hội: thăm hỏi, chăm sóc, tặng quà, hỗ trợ thanh thiếu nhi, các gia đình neo đơn, hoàn cảnh khó khăn; tổ chức các hoạt động hỗ trợ, tư vấn, giúp thanh niên khởi nghiệp,...; hiến máu tình nguyện; tiếp sức mùa thi;...

Kết luận

Bắt nguồn từ tinh thần “*trương thân tương ái*”, “*người trong một nước phải thương nhau cùng*”, thấu hiểu chủ nghĩa nhân đạo và tinh thần nhân văn sâu sắc của Hồ Chí Minh trong phong trào “*Nhường cơm sẻ áo*”, “*Hũ gạo cứu đói*” năm 1945, cán bộ, giảng viên và sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên đã học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tham gia tích cực các Chương trình tình nguyện; nguyện luôn phấn đấu trở thành những người cán bộ, giảng viên, sinh viên vừa “*hồng*” vừa “*chuyên*”, đủ “*đức*” đủ “*tài*” trong quá trình tự “*bồi dưỡng thể hệ cách mạng cho đời sau*” theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

1. Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, *Báo cáo Tổng kết năm học 2016 - 2017*. Lưu tại Phòng Hành chính - Tổ chức, 2017, tr. 10.

2. Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, *Báo cáo Tổng kết năm học 2017 - 2018*. Lưu tại Phòng Hành chính - Tổ chức, 2018, tr. 12.

DI CHÚC - VẸN NGUYÊN GIÁ TRỊ ĐỊNH HƯỚNG, NGỒI SÁNG VỀ ĐẠO ĐỨC VÀ ĐẶC SẮC VỀ PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

*ThS. Võ Thái Hòa**

Cách đây nửa thế kỷ, trước khi vĩnh biệt chúng ta để trở về với thế giới người hiền, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta một văn kiện lịch sử vô giá; kết tinh tư tưởng, đạo đức, phong cách của một vĩ nhân, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới - đó là bản *Di chúc* mà Người gọi là Tài liệu “*Tuyệt đối bí mật*”. Toàn bộ tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh để lại trong *Di chúc* toát lên những đặc tính, những phẩm chất *khoa học - cách mạng và nhân văn*, mẫu mực về tổng kết lý luận - thực tiễn mang tầm tư tưởng chiến lược của bậc vĩ nhân.

1. Những tư tưởng chiến lược trong *Di chúc*

Trong *Di chúc*, Người đã đề cập toàn diện các vấn đề về cách mạng giải phóng dân tộc ở miền Nam, về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, về Đảng và xây dựng Đảng cầm quyền thực sự trong sạch vững mạnh, về Nhà nước và thực hành dân chủ, thực sự là nước của dân, do dân và vì dân. *Di chúc* trù tính việc trước mắt và việc lâu dài, về dân tộc và quốc tế. *Di chúc* trù tính công việc tương lai, tái thiết đất nước sau chiến tranh, xây dựng đất nước đang hoàng, to đẹp hơn, làm tất cả mọi việc vì hạnh phúc của Nhân dân.

Trong đó tư tưởng lớn có giá trị và ý nghĩa thời sự được đặt lên hàng đầu thể hiện trong *Di chúc* của Người là tư tưởng về Đảng và xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam thực sự trong sạch vững mạnh. Tài sản quý giá nhất về xây dựng tổ chức cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho nhân dân ta, dân tộc ta đó là Đảng Cộng sản Việt Nam - một Đảng cách mạng, chân chính do Người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện. Chính vì thế, trong *Di chúc*, điều tâm nguyện và hệ trọng bậc nhất Người muốn nói đến trước tiên, trên hết, đó là về Đảng: “*Việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng*”. Người nêu rõ những vấn đề cốt yếu của công tác xây dựng Đảng, đó là: Phải giữ gìn mối đoàn kết trong Đảng, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc tự phê bình và phê bình, rèn luyện đạo đức cách mạng, nêu cao tinh thần trách nhiệm, hết lòng phục vụ nhân dân của mỗi cán bộ, đảng viên. Người căn dặn phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như “giữ gìn con ngươi của mắt mình”; thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình trên tình đồng chí thương yêu lẫn nhau; đặc biệt chăm lo xây dựng đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân...

Những điều Người viết để lại cho Đảng ta trong *Di chúc* là sự phát triển, kết tinh tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng và xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, bảo đảm cho sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam theo con đường

* *Trường Sĩ quan Lục quân 2 (Đại học Nguyễn Huệ)*

cách mạng vô sản, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Hiện nay, liên hệ vào thực tế, chúng ta càng thấy cấp thiết hơn bao giờ hết việc Người đặt ở vị trí *trước hết, trên hết* để nói về Đảng. Điều đó cho thấy, công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ chiến lược, là công việc thường xuyên để giữ vững vai trò lãnh đạo và cầm quyền của Đảng rất cần phải thực hành nghiêm túc trong mọi thời điểm như lời Người dặn trong *Di chúc*.

Sau những điều tâm huyết về Đảng, tư tưởng lớn thể hiện tầm nhìn chiến lược và tầm đượm chủ nghĩa nhân văn cộng sản của Chủ tịch Hồ Chí Minh đó là tư tưởng về con người và phát triển con người ở Việt Nam. Xây dựng, giải phóng và phát triển con người trên cơ sở thực tiễn đó luôn là mục tiêu, là động lực và là một triết lý nhân sinh, triết lý hành động, là thực hành đạo làm người của lãnh tụ vĩ đại Hồ Chí Minh. Trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định rõ “*Đầu tiên là công việc đối với con người*”. Thâm nhuần đạo lý, truyền thống tốt đẹp của dân tộc “Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, Người đặc biệt quan tâm tới việc đền ơn đáp nghĩa đối với những người đã vì Tổ quốc mà dũng cảm hi sinh và gia đình hậu phương của họ. Không chỉ quan tâm tới việc giúp đỡ cả vật chất và tinh thần cho thương binh, gia đình thương binh, liệt sĩ, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn quan tâm tới cách thức để cho thương binh “*có thể dần dần tự lực cánh sinh*” và cha mẹ, vợ con của thương binh, liệt sĩ “*có công ăn việc làm thích hợp*”, để họ tự mình phấn đấu vươn lên, không thụ động và bất lực trước hoàn cảnh khó khăn.

Người rất mực quan tâm tới phụ nữ và nông dân, căn dặn “Đảng và Chính phủ cần có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc, kể cả công việc lãnh đạo”¹. Người cũng động viên phụ nữ phải cố gắng vươn lên. Đó là một cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ. Người đề nghị “miễn thuế nông nghiệp cho các hợp tác xã để cho đồng bào hỉ hã, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất”². Đối với những người còn trẻ, đã qua rèn luyện, thử thách, có nhiều cống hiến trong lực lượng vũ trang và thanh niên xung phong, Người yêu cầu Đảng, Chính phủ cần chọn một số người ưu tú để đào tạo họ thành những công nhân và cán bộ tốt, để họ là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đối với những nạn nhân của chế độ xã hội cũ như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu,... thì Nhà nước vừa phải giáo dục vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện.

Hết lòng quan tâm và tin cậy ở thế hệ trẻ, trong *Di chúc*, Người đã nêu một vấn đề có tầm chiến lược, “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”³. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho đoàn viên và thanh niên, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên”. Lại phải chú trọng tới đồng bào các dân tộc ở miền núi, phát triển kinh tế - văn hoá, làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi. Nói tóm lại, Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt, để phát triển kinh tế và văn hoá, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*.

Có thể khẳng định, bao nhiêu việc phải làm, bao nhiêu đối tượng con người phải quan

1. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Thanh niên, Hà Nội, 2000, tr. 31.

2. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Thanh niên, Hà Nội, 2000, tr. 32.

3. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Thanh niên, Hà Nội, 2000, tr. 25.

tâm đều được Người nói đến, nhắc đến. Trong trái tim mênh mông của Người đều có chỗ dành cho tất cả mọi người, mọi cảnh đời và số phận. Trong suy nghĩ, lo toan, định liệu của Người từ việc hôm nay và mai sau, từ chiến tranh còn đang tiếp diễn đến sau ngày thắng lợi khi đã có hoà bình và thống nhất, từ hiện tại bộn bề gian khó đến tương lai với triển vọng tốt đẹp, tươi sáng... Hồ Chí Minh đã giành tất cả trí tuệ và tâm hồn, sức lực và thời gian để chăm lo cho đời sống của Nhân dân.

Trong *Di chúc*, tư tưởng về chủ nghĩa xã hội là một tư tưởng lớn và rất đặc sắc. Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp cận chủ nghĩa xã hội không chỉ ở phương diện chính trị, kinh tế mà cả phương diện đạo đức, văn hóa, trong đó đạo đức là cái tạo nên sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng của Người, trước hết là một chế độ xã hội vì con người, do con người xây dựng nên, con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội là phải đẩy mạnh phát triển kinh tế và văn hóa để không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân. Xây dựng chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp cách mạng lâu dài, khó khăn gian khổ, nặng nề và phức tạp; vừa cải tạo xã hội cũ vừa xây dựng xã hội mới với cả cơ sở hạ tầng, phát triển các ngành kinh tế, sửa đổi chế độ giáo dục, phát triển y tế. Theo Người, để tạo ra một xã hội mới với những cái mới mẻ, tốt tươi, loại trừ những cái cũ kỹ, hư hỏng thì phải động viên *toàn dân*, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân. Ở đây, *Di chúc* toát lên tư tưởng trọng dân, lấy dân làm gốc vốn là tư tưởng lớn, xuyên suốt và nhất quán trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Cương lĩnh xây của Đảng trong thời kỳ đổi mới và hội nhập, Đảng ta đã thể hiện trọn vẹn định hướng mục tiêu của Người thành mục tiêu của đổi mới, đồng thời cũng là đặc trưng tổng quát của chủ nghĩa xã hội Việt Nam - một xã hội đậm tính nhân dân và dân tộc, gắn liền với bản chất giai cấp công nhân và tinh thần thời đại: “*Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*”.

Trong *Di chúc*, tư tưởng về đổi mới và phát triển đất nước là một tư tưởng lớn, thể hiện tầm nhìn, tư duy lý luận khoa học của Chủ tịch Hồ Chí Minh đang soi sáng cho con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn. Cùng với tư tưởng về Đảng, về con người, về chủ nghĩa xã hội được thể hiện trong *Di chúc*, tư tưởng của Người về nhiệm vụ củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam cũng được viết rất ngắn gọn nhưng ý nghĩa rất sâu sắc.

Nghiên cứu về những tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong *Di chúc*, GS.TS Hoàng Chí Bảo đã viết: “Về hình thức, *Di chúc* chỉ có 1.000 từ nhưng chứa đựng những tư tưởng lớn. Đó thực sự là một đại tổng kết lý luận và thực tiễn về sự nghiệp cách mạng về vang của Đảng và của dân tộc đã đánh thắng hai đế quốc to, là một thiết kế lý luận về đổi mới và phát triển, trù tính cho tương lai đất nước, sau khi cách mạng hoàn toàn thắng lợi đi vào thiết kế, xây dựng, phát triển kinh tế và văn hóa mà mục tiêu cao nhất là hướng tới quyền làm chủ và hạnh phúc của nhân dân”¹.

2. *Di chúc* - ngời sáng đạo đức, đặc sắc về phong cách Hồ Chí Minh

Cùng với tư tưởng và thống nhất với tư tưởng là đạo đức, thực hành đạo đức và phong

1. Hoàng Chí Bảo, “*Sự kết tinh tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh trong Di chúc của Người*”, *Tạp chí Cộng sản*, số 901 (11/2017), tr. 46.

cách Hồ Chí Minh. Những điều mà Người viết về Đảng, về công việc đối với con người, về chủ nghĩa xã hội đã chứa đựng tư tưởng đạo đức mang bản chất cách mạng và nhân văn sâu sắc. Đặc biệt, việc thực hành đạo đức của Người qua *Di chúc* làm mỗi người khi đọc *Di chúc* vô cùng xúc động, cảm phục. Có lẽ, đoạn Người viết “Về việc riêng” là gây xúc động mạnh nhất trong *Di chúc* và qua đó cũng đã thể hiện những phẩm chất đạo đức cao quý, thương dân, không muốn lãng phí thì giờ tiền bạc của nhân dân, Người dặn, khi Người mất, “chớ nên tổ chức điều phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân”¹. Đối với thân thể của mình, Người yêu cầu đốt đi để “đối với người sống đã tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất ruộng”, “tro xương thì tìm một quả đồi mà chôn... trên mộ nên xây một cái nhà đơn giản, rộng rãi, chắc chắn, mát mẻ để những người đến thăm có chỗ nghỉ ngơi”². Ở đây, đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư và lòng yêu thương con người của Chủ tịch Hồ Chí Minh hiện hữu trọn vẹn sáng ngời, có một không hai, từ sinh thời cho đến khi “*phải từ biệt thế giới này*”.

Ra đi, Người không có điều gì phải hối hận, hối tiếc vì đã trọn đời dâng hiến cho dân, cho nước, nâng niu tất cả chỉ quên mình. Nỗi niềm tiếc nuối duy nhất chỉ là “*không được phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa*”. Từ lời văn cảm động này khi giải bày, Người đã thể hiện rõ đạo đức của người cách mạng, suốt đời phục sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân với tất cả tình thương và trách nhiệm. Cả cuộc đời gắn bó sâu nặng, tình nghĩa với dân với nước, Người là hiện thân cao quý của đạo đức cách mạng cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, là tấm gương sáng cho mọi thế hệ, cho muôn đời noi theo.

Tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh có quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong *Di chúc*, phong cách Hồ Chí Minh được thể hiện cả ở tư tưởng, đạo đức và ngôn ngữ biểu cảm của Người. Có thể nói, “*phong cách Hồ Chí Minh chính là con người Hồ Chí Minh*”. Phong cách Hồ Chí Minh là phong cách của một lãnh tụ chính trị thấm nhuần chủ nghĩa nhân văn cao cả và triết lý hành động vì con người của một nhà văn hóa lớn. Đó cũng là phong cách một vĩ nhân, của bậc đại trí - đại nhân - đại dũng nhưng không xa lạ, khác thường mà gần gũi, chân tình, thấu hiểu mọi người, hóa thân vào nhân dân và toát lên một kiểu mẫu văn hóa làm người trong thời đại mới. Phong cách ấy xét đến cùng là văn hoá, một bản lĩnh văn hoá của Hồ Chí Minh: khiêm nhường và nhân ái, vị tha và bao dung, quên mình để nghĩ về tất cả. Dấn thân - dâng hiến - hy sinh và hoá thân - đó là Hồ Chí Minh, văn hoá Hồ Chí Minh.

Phong cách Hồ Chí Minh thể hiện trong *Di chúc* rất đặc sắc, mang phong cách “hiền triết Á Đông” và đậm đà bản sắc dân tộc Việt. Từng câu chữ trong *Di chúc* đều thể hiện rõ nhận định này. Người đã lấy cái ít nhất về ngôn từ (tối thiểu) để chuyển tải một cái lớn nhất, nhiều nhất (tối đa) về tư tưởng, hàm xúc và cô đọng, sử dụng ngôn từ chính xác và tinh tế; từng chữ, từng lời có sức lay động đến mỗi trái tim con người. Đó là phong cách, là bản lĩnh Hồ Chí Minh.

Phong cách Hồ Chí Minh thể hiện trong *Di chúc* còn là phong cách của một lãnh tụ có tầm nhìn xa trông rộng, một tinh thần lạc quan, niềm tin mãnh liệt vào tương lai, vào thắng lợi của cách mạng. Người khẳng định, “Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân

1. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Thanh niên, Hà Nội, 2000, tr. 39.

2. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Thanh niên, Hà Nội, 2000, tr. 29.

dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn”¹. Trong *Di chúc*, phong cách Hồ Chí Minh còn thể hiện rất rõ, rất tinh tế qua tính chủ động, lo xa, phòng xa, tự chủ với mọi tình huống có thể đưa đến một cách có ý thức sâu sắc. Đọc đoạn Người viết bổ sung năm 1968 “về việc riêng” và đoạn sửa lại trang cuối cùng bản *Di chúc* vào ngày 10/5/1969 (ngày Người hoàn chỉnh lần cuối cùng bản *Di chúc*) chúng ta càng thấy rất rõ hơn điều này.

Bản *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là văn kiện lịch sử vô giá kết tinh những tinh hoa đạo đức, tâm hồn cao đẹp và phong cách của Người, những nội dung cơ bản, những quan điểm cốt yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh, đúc kết những vấn đề có tính nguyên lý của cách mạng Việt Nam và vạch ra phương hướng phát triển cho cách mạng Việt Nam cả hôm nay và trong tương lai. Bản *Di chúc* không chỉ thể hiện tầm cao tư tưởng mà còn sáng ngời về đạo đức và đặc sắc về phong cách, tất cả được kết hợp nhuần nhuyễn ở Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khẳng định giá trị của bản *Di chúc*, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã khẳng định: “Bản *Di chúc* tuy rất ngắn gọn song nó chứa đựng biết bao giá trị tư tưởng và tình cảm, là sự kết tinh một đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh, đem lại sự đổi đời của dân tộc Việt Nam ta, đồng thời để lại những di sản bất hủ đối với thế hệ mai sau”².

Thực hiện *Di chúc* của Người, trong 50 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, toàn dân, toàn quân ta đã tiến hành thắng lợi cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, hai miền Nam - Bắc sum họp một nhà; cả nước đã cùng đi lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; nhất là trong hơn 30 năm đổi mới và hội nhập quốc tế, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa, an ninh, quốc phòng và đối ngoại; đã làm hết sức mình vì sự đoàn kết, lớn mạnh của phong trào cộng sản quốc tế; đã chủ động hội nhập quốc tế và ngày càng khẳng định uy tín, vị thế trong khu vực và trên trường quốc tế.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đáng ghi nhận, vẫn còn nhiều việc chưa làm được hoặc chưa làm đầy đủ như lời Người căn dặn, nhất là trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ đã chỉ rõ: “Công tác xây dựng Đảng còn không ít hạn chế, khuyết điểm... Nhiều cán bộ, đảng viên, trong đó có người đứng đầu chưa thể hiện tính tiên phong, gương mẫu; còn biểu hiện quan liêu, cửa quyền, chưa thực sự sâu sát thực tế, cơ sở. Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng chưa đủ sức răn đe, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái,... Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng, tập trung vào số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước”. Trong khi đó, “sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống dẫn tới “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” chỉ là một bước ngăn, thậm chí rất ngắn, nguy hiểm khôn lường, có thể dẫn tới tiếp tay hoặc cấu kết với các thế lực xấu, thù địch, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Những hạn chế,

1. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Thanh niên, Hà Nội, 2000, tr. 33.

2. Phạm Văn Đồng: *Bản Di chúc bất hủ sáng ngời tinh thời sự*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2004, tr. 7.

khuyết điểm nêu trên làm giảm sút vai trò lãnh đạo của Đảng; làm tổn thương tình cảm và suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng, là một nguy cơ trực tiếp đe dọa sự tồn vong của Đảng chế độ và Nhà nước ta”¹.

Chính vì lẽ đó, để tiếp tục thực hiện *Di chúc* của Người hiệu quả, nhất là trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, để Đảng luôn trong sạch vững mạnh xứng đáng với vai trò tiên phong thì vấn đề cấp thiết hơn bao giờ hết là tiếp tục quán triệt học tập sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân các Nghị quyết Trung ương về xây dựng Đảng (Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII) gắn với thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; cùng với các nghị quyết về xây dựng văn hóa, con người, phát triển kinh tế Việt Nam trong thời kỳ mới. Đồng thời, phải tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng, tăng cường sự đồng thuận của nhân dân và khối đại đoàn kết dân tộc để nhân lên những thành công, khắc phục yếu kém và khuyết điểm, gạt bỏ những lực cản, tạo động lực mới để phát triển đất nước, thực hiện thắng lợi mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đây là cách tốt nhất để tỏ lòng thành kính nhớ ơn Người và khẳng định giá trị, sức sống trường tồn của bản *Di chúc* lịch sử - bảo vật quốc gia.

Kết luận

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh được viết trong thời gian từ tháng 5/1965 cho tới tháng 5/1969. *Di chúc* là kết tinh tư tưởng, tinh hoa đạo đức, tâm hồn cao đẹp và phong cách của Người; chứa đựng giản dị mà súc tích những nội dung cơ bản, những quan điểm cốt yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh; có giá trị và vạch ra phương hướng phát triển cho cách mạng Việt Nam cả hôm nay và mai sau.

50 năm sau, *Di chúc* của Người vẫn là một văn kiện có giá trị lịch sử quan trọng; đã và đang soi sáng con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và sự nghiệp đổi mới, hội nhập của nhân dân Việt Nam. Đó không chỉ là những chỉ dẫn ở tầm chiến lược cho sự xác định phương hướng, đường lối, nhiệm vụ, chính sách, hệ thống pháp luật của một Đảng cầm quyền; để xây dựng và chỉnh đốn Đảng; để đổi mới và phát triển; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, v.v. để xây dựng và bảo vệ đất nước mà còn là những phác thảo trong chương trình hành động của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân để kiến tạo đất nước phát triển bền vững và hiện đại.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr. 21-23.

TƯ TƯỞNG VÀ TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH VỀ THỰC HÀNH DÂN CHỦ VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG TA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

ThS. Đoàn Thị Huệ*

Từ thời kỳ công xã nguyên thủy vấn đề dân chủ đã được đặt ra, để duy trì sự tồn tại của mình, con người đã biết tổ chức ra những hoạt động có tính cộng đồng, các thành viên công xã đều bình đẳng tham gia vào công việc của xã hội. Ngay từ buổi sơ khai của nhân loại, dân chủ được hiểu với tư cách là “*quyền lực của nhân dân*”.

Kế thừa và phát triển các quan điểm tiên bộ về dân chủ của nhân loại, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lý giải khái niệm dân chủ một cách đơn giản, cô đọng, dễ hiểu, dễ thực hiện nhất. Người nói: “Chế độ ta là chế độ dân chủ. Tức là nhân dân làm chủ”¹. Có thể thấy đây là quan niệm về dân chủ ngắn gọn, dễ thấy, dễ nhớ nhất. Quan điểm trên thể hiện nội dung cơ bản mà nhân loại tiên bộ đã thừa nhận: dân chủ nghĩa là *quyền lực thuộc về nhân dân*.

Như vậy, dân là chủ và dân làm chủ là cốt lõi trong khái niệm dân chủ của Hồ Chí Minh. Người cũng nói nhiều đến dân chủ ngay trong bản *Di chúc* Người viết trước lúc đi xa cho toàn Đảng, toàn dân tộc ta. Theo quan niệm của Người còn cho thấy dân chủ là một hình thức nhà nước, một thiết chế xã hội và quyền lực thuộc về nhân dân. Trong đó bản chất của chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa là vì con người, phục vụ con người, phục vụ xã hội trên tinh thần của chủ nghĩa Mác – Lênin. Trong giai đoạn hiện nay, chúng ta đang đặt ra rất nhiều vấn đề về việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh thì việc thực hiện dân chủ trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa càng cần phải được quan tâm.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hành dân chủ

Toàn bộ di sản Hồ Chí Minh xét cho cùng là những di sản văn hóa, trong đó một giá trị to lớn, đáng tự hào là dân chủ. Hồ Chí Minh là nhà dân chủ nổi bật ở Việt Nam thế kỷ XX. Dưới sự lãnh đạo của Người, dân tộc Việt Nam từ thân phận nô lệ thành người chủ, làm chủ đất nước, xã hội và bản thân.

Dân chủ không phải là một khái niệm trừu tượng, càng không phải là một mô hình duy nhất có thể áp dụng vào mọi quốc gia, dân tộc và trong mọi thời đại. Dân chủ là một giá trị thực tiễn mà các dân tộc sẽ đạt tới theo cách của mình, phù hợp với những đặc điểm đã được định hình của dân tộc ấy qua quá trình tồn tại và phát triển. Ở Việt Nam, chế độ dân chủ nhân dân là một nấc thang trong quá trình phát triển của dân tộc, là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh cách mạng nhằm xây dựng một xã hội mới. Nó không chỉ phủ định chế độ quân chủ đã tồn tại hàng ngàn năm, mà còn phủ định chế độ thực dân - một chế độ xã hội “*phi nhân tính*” do thực dân Pháp áp đặt vào Việt Nam.

* *Trường Đại học Văn Hiến*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 13, tr. 10.

Hàng ngàn năm dưới chế độ phong kiến chuyên chế và gần trăm năm dưới chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nhân dân ta không có một chút quyền tự do dân chủ nào. Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nhân dân ta được hưởng quyền dân chủ. Cách mạng Tháng Tám đã đem lại cho người dân của quý báu nhất là dân chủ. Bởi vì dân chủ là điều kiện tiên lên chủ nghĩa xã hội. Theo Hồ Chí Minh, “làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm”¹. Phải mở rộng dân chủ thật sự với nhân dân, để mọi người có quyền làm, quyền nói. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Có phát huy dân chủ đến cao độ thì mới động viên được tất cả lực lượng của nhân dân đưa cách mạng tiến lên”².

Dân chủ được Bác Hồ giải thích ngắn gọn, súc tích là “*dân làm chủ và dân là chủ*”. Phát huy dân chủ là tìm mọi cách bàn bạc, giải thích cho dân hiểu rõ, ngay cả những việc trực tiếp có lợi cho dân, nếu làm theo cách hạ lệnh, cưỡng bức, thì dân không hiểu, dân oán. Dân oán, dù tạm thời có chút thành công, nhưng về mặt chính trị là thất bại. Theo Bác, muốn thật sự tôn trọng Nhân dân thì phải hiểu dân. Chính tài dân, sức dân, của dân, quyền dân, lòng dân, sự khôn khéo, hăng hái, anh hùng đã tạo nên “*cái gốc*” của dân. Cùng với thái độ đánh giá cao vai trò của Nhân dân, ý thức tôn trọng Nhân dân còn phải chú ý không xâm phạm đến lợi ích, quyền lợi hợp pháp, không xúc phạm Nhân dân; phải luôn tôn trọng và giữ gìn của công của Nhân dân.

Hồ Chí Minh không những xây dựng một hệ thống quan điểm dân chủ mà còn ra sức thực hành dân chủ. Nói đến nước ta, điểm Người nhấn mạnh hàng đầu đó là nước dân chủ. Nói đến Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Để làm cho Đảng mạnh, thì phải mở rộng dân chủ”³, trong Đảng “phải thật sự mở rộng dân chủ để tất cả đảng viên bày tỏ hết ý kiến của mình”⁴. Mặt khác, mỗi đảng viên bất cứ ở địa vị nào cũng phải làm gương dân chủ. Nói đến nhân dân, Người khẳng định nhân dân là chủ và nhân dân làm chủ. Hai cặp phạm trù đó khẳng định vị thế, năng lực và trách nhiệm của người dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc sinh thời đã rất coi trọng xây dựng một chế độ dân chủ và chỉ rõ vai trò, ý nghĩa của việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: “dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, là mục tiêu và động lực của phát triển xã hội; dân chủ là dân là chủ và dân làm chủ; thực hành dân chủ là chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn để giành thắng lợi”⁵.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ. Dân chủ có thể hiểu một cách ngắn gọn là nhân dân nắm chính quyền. Trong một nước dân chủ thì địa vị cao nhất là dân, vì mọi quyền hạn là của dân, mọi lợi ích là vì dân. “Dân chủ” đối lập với “quan chủ” là một quan niệm thể hiện được bản chất của khái niệm dân chủ trong cấu tạo quyền lực của xã hội. Địa vị cao nhất là dân vì “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, t. 15, tr. 293.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 12, tr. 376.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 7, tr. 241.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 10, tr. 118.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 12, tr. 249.

thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân” (Bài nói chuyện tại lớp Nghiên cứu Chính trị khóa 2 Trường Đại học Nhân dân Việt Nam – ngày 8-12-1956).

Địa vị cao nhất là dân vì dân là chủ. Vì vậy, trong quan niệm của Hồ Chí Minh, nhiệm vụ của chính quyền dân chủ là phục vụ nhân dân. Trong Đảng phải thực hành dân chủ rộng rãi, có thực hiện tốt dân chủ trong Đảng mới có dân chủ trong xã hội. Còn đoàn thể là tổ chức của dân phấn đấu cho dân liên lạc mật thiết giữa dân với Chính phủ, Đảng, Nhà nước phải thực hiện những cải cách xã hội để không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, thực hiện dân chủ thật sự. Phong cách Hồ Chí Minh về dân chủ xuất phát từ chỗ tôn trọng Nhân dân, đề cao vai trò, vị trí của Nhân dân. Dù đang giữ cương vị Chủ tịch nước bận rất nhiều công việc đối nội, đối ngoại, nhưng về với dân, đến với quần chúng để học dân, hỏi dân, hiểu dân, nghe dân nói, thấy dân làm, để nắm vững dân tình, dân tâm, dân ý là nhu cầu thường trực của Bác.

Ngay trong bản *Di chúc*, Người cũng đã đề cập đến những vấn đề cốt yếu của công tác xây dựng Đảng. Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh khẳng định: “*Đảng ta là Đảng cầm quyền*”. Để đáp ứng được nhiệm vụ lãnh đạo xã hội, Đảng phải luôn vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và gắn bó máu thịt với Nhân dân, không ngừng nâng cao bản chất giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hoạt động của mình. Cần phải giữ gìn mối đoàn kết trong Đảng, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc tự phê bình và phê bình, rèn luyện đạo đức cách mạng, nêu cao tinh thần trách nhiệm, hết lòng phục vụ nhân dân của cán bộ, đảng viên.

Theo *Di chúc* của Người, để xây dựng sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, Đảng ta phải thực hành dân chủ thực sự. Nhờ có dân chủ thì Đảng mới khơi dậy, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Tự phê bình và phê bình là nguyên tắc quan trọng, là một trong những quy luật phát triển của Đảng. Trong *Di chúc*, Người viết: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng”¹. Di huấn thiêng liêng này là những nội dung cơ bản, cốt lõi nhất trong hệ thống lý luận về xây dựng Đảng cũng như việc thực hiện dân chủ của Hồ Chí Minh. Những nội dung ấy thể hiện triết lý giản đơn, nhưng lại rất khoa học và biện chứng của Người. Tự phê bình và phê bình cũng là nét nổi bật trong phong cách lãnh đạo của Hồ Chí Minh. Ở cương vị Chủ tịch nước, Người luôn là tấm gương sáng thực hành dân chủ ngay trong các bài viết và nói chuyện, với mong muốn đảng viên và nhân dân hiểu rõ bản chất, từ đó thực hành đúng, đầy đủ về dân chủ và thực hành dân chủ. Chúng ta thấy được quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ rất phong phú, sâu sắc và cụ thể. Người vẫn luôn thực hành tự phê bình và phê bình nghiêm túc, nêu một tấm gương sáng về đức tính trung thực, thẳng thắn, thái độ và phương pháp phê bình cho cán bộ, đảng viên. Theo Người, tự phê bình và phê bình phải thường xuyên, nghiêm túc, không nể nang, qua loa đại khái, hình thức. Mục đích của tự phê bình và phê bình là giúp cho bản thân và đồng chí đồng nghiệp ngày càng tiến bộ. Tuyệt đối không phê bình vì mâu thuẫn cá nhân, động cơ cá nhân mà phê bình theo kiểu “*vạch lá tìm sâu*”, “*bới lông tìm vết*” nhằm trù dập, đấu đá, hạ bệ lẫn nhau. Nếu ngừng việc tự phê bình và phê bình tức là ngừng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 611.

tiền bộ, là thoái bộ... Việc tự phê bình và phê bình sẽ giúp tập thể và cá nhân nhận ra khuyết điểm để sửa chữa, không ngừng hoàn thiện.

Tự phê bình và phê bình là cách thức tốt nhất để thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng, làm cho Đảng trong sạch, cán bộ, đảng viên tiến bộ, giữ vững được uy tín của Đảng. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó, như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”¹. Đồng thời, dân chủ là một trong những yếu tố quan trọng để thực hiện phê bình. Nếu không thực hành dân chủ thì cả với cơ quan lãnh đạo, cán bộ lãnh đạo và cán bộ, đảng viên “dù có ý kiến cũng không dám nói, dù muốn phê bình cũng sợ không dám phê bình...”.

Dân chủ vừa là phương pháp thể hiện mối quan hệ mới tốt đẹp trong xã hội vừa là nội dung của một cuộc sống mới của nhân dân, cuộc sống mà người dân đang là chủ thật sự của đất nước, của xã hội. Dân chủ là động lực để xây dựng một xã hội ấm no, hạnh phúc, tự do và bình đẳng. Dân chủ là nhân tố, điều kiện có tính quyết định đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện của Đảng đối với xã hội, là vấn đề tiên quyết cho sự phát triển bền vững của Đảng. Thực hành dân chủ và dân chủ thật sự vừa là nguyên tắc, nhưng cũng là bản chất, đạo đức và văn hóa lãnh đạo của Đảng ta.

2. Sự vận dụng tư tưởng dân chủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

Năm mươi năm qua, nhờ thực hành dân chủ, trong Đảng đã khắc phục dần tình trạng bè phái, cục bộ địa phương, quan liêu, hách dịch, cửa quyền, xa rời quần chúng. Cũng nhờ việc thực hành dân chủ rộng rãi, dân chủ thực sự, thường xuyên, từ Trung ương đến cơ sở mà không còn “*bầu không khí âm u*” trong sinh hoạt Đảng. Trong Đảng cũng thực hiện một nguyên tắc sống còn là dân chủ gắn với tập trung, là biện pháp tốt nhất trong xây dựng Đảng. Kiên quyết đấu tranh chống lại những biểu hiện dân chủ hình thức, lợi dụng dân chủ để truyền bá những quan điểm, tư tưởng cá nhân.

Dân chủ và phát huy dân chủ không chỉ được khẳng định trong chủ trương, đường lối của Đảng mà còn được thể chế hóa và được đảm bảo thực hiện thông qua Hiến pháp và hệ thống pháp luật của Nhà nước. Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định rõ các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm.

Việc thực hành dân chủ đã và đang tạo động lực thúc đẩy, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, thu hút Nhân dân tham gia quản lý Nhà nước, kiểm tra, giám sát các hoạt động của Nhà nước, của các cấp chính quyền; khắc phục tệ nạn quan liêu, tham nhũng, mất dân chủ, xa rời quần chúng nhân dân của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, đóng góp tích cực vào việc cải cách hành chính; góp phần xây dựng bộ máy chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân; đóng góp tích cực vào thành tựu phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước. Văn kiện Đại hội XII của Đảng đã đánh giá, quyền làm chủ của Nhân dân được phát huy tốt hơn trong lĩnh vực chính trị và kinh tế. Nhiều cấp ủy Đảng, chính quyền đã lắng nghe, tăng cường tiếp xúc,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 260.

đối thoại với Nhân dân, tôn trọng các ý kiến khác nhau của Nhân dân.

Tuy nhiên, trong những năm vừa qua, việc thực hiện dân chủ và phát huy dân chủ trong Nhân dân vẫn còn những hạn chế nhất định. Dân chủ trong Đảng chưa được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, vẫn còn phong cách lãnh đạo, quản lý độc đoán, chuyên quyền, thậm chí gia trưởng; nói không đi đôi với làm, nói nhiều làm ít; chấp hành nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước không nghiêm. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng cũng đã nhận định: “Một số cấp ủy, tổ chức Đảng và cán bộ lãnh đạo thiếu tôn trọng và phát huy quyền của đảng viên, ít lắng nghe ý kiến cấp dưới; cán bộ lãnh đạo ở một số nơi gia trưởng, độc đoán, chuyên quyền, mất dân chủ hoặc dân chủ hình thức”¹.

Nhiều tổ chức Đảng có hiện tượng cấp ủy và tổ chức cấp dưới không dám phê bình thẳng thắn cấp ủy cấp trên, nhất là người đứng đầu. Trong sinh hoạt đảng, do những lý do khác nhau, nhiều đảng viên không dám nói chính kiến của mình, ngại đấu tranh, phê bình khuyết điểm của cán bộ đảng, chính quyền cấp trên và cả của đồng chí mình, né tránh các vấn đề phức tạp. Tình trạng thiếu dân chủ thường đi đôi với hiện tượng quan liêu, gia trưởng, độc đoán, chuyên quyền. Một số vụ việc tham nhũng lớn vừa qua, hầu như không một vụ nào do tổ chức Đảng và đảng viên tại chỗ phát hiện mà đều do đảng viên cấp dưới, quần chúng hoặc cơ quan báo chí, cơ quan pháp luật phát hiện. Điều đó cho thấy sự yếu kém về sức chiến đấu của tổ chức Đảng và đảng viên.

Dân chủ trong cơ quan hành chính nhà nước chưa được thực hiện đầy đủ, vẫn còn tình trạng dân chủ hình thức khiến dân chủ không được phát huy, ảnh hưởng đến quyền lợi một số bộ phận quần chúng và tính thống nhất trong quản lý nhà nước. Quyền làm chủ của Nhân dân ở nhiều nơi, nhiều lĩnh vực còn bị vi phạm, có tình trạng lợi dụng dân chủ gây chia rẽ, làm mất đoàn kết nội bộ, gây rối ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Hiện nay, công tác xây dựng Đảng vẫn còn không ít hạn chế, yếu kém, thậm chí có những khuyết điểm kéo dài, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Nếu những căn bệnh nguy hiểm trên không được sửa chữa thì đó sẽ là thách thức đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và sự bền vững của chế độ. Ở nhiều cấp bộ đảng, “Nguyên tắc tập trung dân chủ còn bị vi phạm, ảnh hưởng đến sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng”². Tất cả những sai lầm và khuyết điểm trên đều bắt nguồn từ chủ nghĩa cá nhân, là do thực hành dân chủ không thường xuyên trong sinh hoạt xây dựng Đảng, không thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình. Công tác kiểm tra, giám sát, giữ gìn kỷ cương, kỷ luật ở nhiều nơi, nhiều cấp chưa thường xuyên, ráo riết; đấu tranh với những vi phạm còn nể nang, không nghiêm túc; vai trò giám sát của nhân dân thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội chưa được phát huy, hiệu quả chưa cao. Để giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, mỗi đảng viên, tổ chức Đảng thường xuyên thực hành dân chủ: coi đó là thước đo thang giá trị văn hóa, đạo đức cách mạng của

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 270.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 175-176.

Đảng trong quá trình tự đổi mới bản thân mình về kỷ cương, tính chiến đấu, về tổ chức, nội dung và phương thức lãnh đạo.

Tóm lại, qua hơn 30 năm đổi mới, những thành tựu về xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta rất quan trọng, góp phần tạo động lực thúc đẩy sự nghiệp đổi mới, thúc đẩy công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đúng như Văn kiện Đại hội XI đã nhận định: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa có tiến bộ”; “Dân chủ trong Đảng, trong các tổ chức và xã hội được mở rộng, nâng cao; quyền làm chủ của nhân dân được phát huy tốt hơn. Việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật được coi trọng”¹.

3. Kết luận

Năm mươi năm đã qua đi, Bản *Di chúc* lịch sử – Bảo vật quốc gia mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại vẫn giữ nguyên giá trị. Thực hiện *Di chúc*, Đảng đã lãnh đạo Nhân dân ta thu được nhiều thành tựu quan trọng. Thực hành dân chủ rộng rãi, nghiêm túc tự phê bình và phê bình là một trong những bài học quan trọng được rút ra và tiếp tục thực hiện trong giai đoạn hiện nay. Tư tưởng của Người về chế độ dân chủ nhân dân chứa đựng những giá trị lý luận và thực tiễn to lớn, được Đảng và nhân dân ta kế thừa, phát huy trong sự nghiệp đổi mới đất nước nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 158.

GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TÁC PHẨM DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG SỰ NGHIỆP BẢO VỆ, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

*ThS. Phan Thị Thanh Hương**

Chủ tịch Hồ Chí Minh – Người đã dành trọn vẹn cả cuộc đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, dù đã đi xa nhưng bản Di chúc lịch sử với những giá trị nhân văn sẽ còn sống mãi cùng thời đại. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh không những thể hiện tình cảm, niềm tin của Bác dành cho Đảng, cho dân mà còn là ngọn đuốc soi sáng con đường cách mạng Việt Nam nhằm hoàn thành mục tiêu *Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*. Nghiên cứu và suy ngẫm về những tư tưởng cơ bản của Di chúc để nâng cao đời sống của nhân dân và việc vận dụng những tư tưởng trên vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là việc làm có ý nghĩa lý luận, thực tiễn sâu sắc.

1. Giá trị lý luận của Di chúc Hồ Chí Minh trong sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước qua 50 năm

Thứ nhất, Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là di sản văn hóa tinh thần quý báu của dân tộc, là một Cương lĩnh phác thảo những nét căn bản về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người suốt đời đấu tranh cho độc lập, tự do, cho ấm no và hạnh phúc của nhân dân. Người “*chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành*”¹. Hồ Chí Minh đã cảm nhận sâu sắc mọi niềm đau, nỗi khổ của nhân dân lao động và Người rút ra chân lý “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*”². Đây là phương châm hành động trong suốt cả cuộc đời hoạt động cách mạng của Người.

Những năm cuối đời, Hồ Chí Minh đã viết Di chúc để lại cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta những lời căn dặn đầy tâm huyết, chứa đựng tình yêu thương con người. Bản Di chúc là viên ngọc sáng nhất trong số những viên ngọc, những tác phẩm mà Người để lại. Đó như là cương lĩnh xây dựng Đảng, xây dựng đất nước Việt Nam. Trong cuộc đời cầm bút của mình, Người đã từng viết nhiều tác phẩm nhưng chưa có tác phẩm nào mà Người dành nhiều thời gian, tâm huyết, cẩn thận cân nhắc từng câu, từng chữ, từng ý, xóa đi viết lại, bổ sung nhiều như bản Di chúc. Có thể nói, đây là tác phẩm vô giá trong di sản văn hóa tinh thần của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bản Di chúc của Người là sự kết tinh những tinh hoa tư tưởng, đạo đức và tâm hồn cao đẹp của một vĩ nhân đã suốt đời phấn đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, hạnh phúc cho nhân dân, cho nhân loại.

Có thể nói, bản Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là Cương lĩnh khẳng định sự toàn

* *Trường Đại học Bách Khoa, ĐHQG TP. HCM*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.187.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 131.

thắng của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Giữa những cơn “mưa bom”, “bão đạn” trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Hồ Chí Minh vẫn có niềm tin mãnh liệt vào ngày toàn thắng của dân tộc. Bản Di chúc còn là Cương lĩnh về công tác xây dựng Đảng và định hướng phát triển đất nước khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giành thắng lợi. Người đã tiên liệu những công việc mà toàn Đảng, toàn dân sẽ phải làm sau khi đất nước thống nhất. Trước tiên là về công tác chỉnh đốn và xây dựng Đảng. Bản Di chúc của Bác Hồ đã thể hiện giá trị to lớn về mặt tư tưởng nhằm giáo dục cho cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân trong công tác cán bộ, trong công tác cách mạng. Đó là tư tưởng về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, một Đảng cách mạng của giai cấp công nhân Việt Nam. Người yêu cầu Đảng cần phải chăm lo và bồi dưỡng cho Đoàn viên, thanh niên và những lớp người kế cận, có kế hoạch nâng cao đời sống cho nhân dân lao động để xây dựng một nước Việt Nam “đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”¹.

Thông qua việc thực hiện Di chúc qua 50 năm, Đảng và nhân dân Việt Nam đã khẳng định giá trị vô cùng to lớn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Dân tộc Việt Nam có thể xem Di chúc như một Cương lĩnh, chương trình hành động để xây dựng đất nước phát triển toàn diện và bền vững. Bác đã chỉ dẫn nhân dân về phát triển kinh tế, phát triển văn hóa để góp phần nâng cao đời sống nhân dân, không ngừng đào tạo nguồn nhân lực cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tóm lại, Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một văn bản mang tính khoa học, chứa đựng nhiều tư tưởng lớn cùng sự chỉ đạo của Hồ Chí Minh về sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam.

Thứ hai, Di chúc phản ánh tư tưởng nhân văn sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Giá trị nhân văn của Di chúc được thể hiện qua một số nội dung lớn sau:

Một là, Di chúc thấm đẫm quan điểm vì con người và giải phóng con người

Điều làm nên giá trị tinh thần lớn lao và mang ý nghĩa sâu sắc trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là quan điểm vì con người và giải phóng con người. Vấn đề con người được Hồ Chí Minh thể hiện trong Di chúc đó là tình thương yêu đối với tất cả mọi giai tầng trong xã hội. Người căn dặn chúng ta phải sống có tình có nghĩa, phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau. Khi đi xa, Người để lại muôn vàn tình thương cho tất cả đồng bào. Mong muốn lớn nhất của Người là làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập, đồng bào ta được hoàn toàn tự do, ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.

Hai là, Di chúc thể hiện lòng tin sâu sắc của Người đối với nhân dân

Tính nhân văn được thể hiện trong Di chúc còn là lòng tin tưởng tuyệt đối của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào sức mạnh của nhân dân ở khắp mọi miền Tổ quốc. Người tin tưởng nhân dân sẽ là một lực lượng khổng lồ, sức mạnh chiến đấu vô địch và nhất định sẽ chiến thắng mọi cái xấu, cái ác trong xã hội để xây dựng xã hội mới, văn minh hơn.

Như vậy, trong Di chúc, Hồ Chí Minh khẳng định rằng, toàn bộ sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới chỉ có thể do chính nhân dân thực hiện. Đó là học thuyết cách mạng Hồ Chí Minh, là bài học lớn nhất mà Chủ tịch Hồ Chí Minh rút ra từ tinh hoa văn hóa của dân tộc và nhân loại, từ thực tiễn đấu tranh cách mạng của dân tộc Việt Nam.

Ba là, Di chúc thể hiện lòng bao dung, nhân ái của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Trong Di chúc, Người dặn tỉ mỉ phải chăm lo đời sống cho toàn thể nhân dân và thể hiện tình yêu thương đối với mọi giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Đó không chỉ là “muôn vàn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 131.

*tình thân yêu*¹ của Người để lại cho các thế hệ chúng ta hôm nay và muôn đời con cháu mai sau, mà là sự kết tinh những giá trị văn hóa truyền thống quý báu của dân tộc, là sự tổng kết những kinh nghiệm hoạt động cách mạng của Người. Đồng thời, Hồ Chủ tịch tỏ rõ sự đau xót về mối bất hòa giữa các đảng anh em. Người cũng mong mỏi và tin tưởng rằng, các đảng và các nước anh em nhất định sẽ đoàn kết lại.

Khi nói về việc riêng, bản Di chúc của Bác thể hiện sự quan tâm, lo lắng đến đồng bào, Người lo tốn thời gian, tiền bạc, ruộng đất của nhân dân. Người không nghĩ đến việc riêng, mà luôn thương yêu, quan tâm đến lợi ích nhân dân.

Thứ ba, Di chúc phản ánh tâm hồn, đạo đức của một con người vĩ đại, suốt đời hết lòng phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân

Những điều Hồ Chí Minh để lại trong Di chúc chứa đựng những giá trị tư tưởng và tinh thần vô cùng lớn lao. Đây là một văn kiện lịch sử vô giá, kết tinh trong đó cả tinh hoa tư tưởng, đạo đức và tâm hồn cao đẹp của một vĩ nhân suốt đời phấn đấu hy sinh vì Tổ quốc, vì nhân loại. Trong bản Di chúc, Người đã chuẩn bị khá công phu, kỹ lưỡng với tinh thần trách nhiệm cao. Người đã vạch rõ những việc phải làm, những điều phải lo, từ việc to đến việc cụ thể, từ việc chung đến việc riêng. Qua đó thể hiện tấm lòng yêu nước, thương dân vô hạn của một vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam.

Đây là một tác phẩm có giá trị lý luận cao, chứa đựng tầm nhìn tư duy chiến lược và tình cảm thiết tha của vị lãnh tụ đối với Đảng, với các tầng lớp nhân dân và nhất là công tác đào tạo, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau. Từng câu, từng từ của Di chúc thể hiện rất rõ tâm nguyện, tình cảm, ý chí, niềm tin, trách nhiệm của Hồ Chí Minh đối với Tổ quốc, nhân dân và sự nghiệp cách mạng. Tâm nguyện của Người là “*suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân... chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa*”².

Di chúc mà Bác gửi lại cho nước, cho dân, cho Đảng là một văn kiện lịch sử vô giá, kết tinh trong đó cả tinh hoa tư tưởng, đạo đức và tâm hồn cao đẹp của một vĩ nhân hiếm có, đã trọn một đời phấn đấu hy sinh vì Tổ quốc và nhân loại. Di chúc đã khẳng định thắng lợi tất yếu của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngay từ khi nó đang diễn ra quyết liệt; đồng thời, cũng vạch ra những định hướng mang tính cương lĩnh cho sự phát triển của đất nước sau khi kháng chiến thắng lợi.

Có thể nói, Di chúc là bản văn kiện được thể hiện một cách cô đọng, súc tích những tư tưởng, đạo đức và tâm hồn cao đẹp của một trí tuệ siêu việt, một nhà văn hóa lớn – Hồ Chí Minh. Đồng thời, đây được xem như là một cương lĩnh xây dựng đất nước sau chiến tranh, giàu giá trị nhân văn. Nửa thế kỷ đã trôi qua, mỗi lần đọc lại Di chúc, những lời căn dặn cuối cùng của Người như hồi thức, tiếp sức cho hàng vạn người Việt Nam tiến lên phía trước. Điều này biến thành sức mạnh vật chất giúp cho sự nghiệp cách mạng của chúng ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

2. Giá trị thực tiễn của Di chúc Hồ Chí Minh trong sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước 50 năm qua

Thứ nhất, Di chúc là nguồn cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân đấu tranh giành thắng lợi trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thống nhất Tổ quốc

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 613.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 623.

Năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đi mãi mãi, để lại nỗi đau thương vô hạn đối với đồng bào cả nước. Cũng trong thời điểm này, đế quốc Mỹ ra sức phá hoại miền Bắc xã hội chủ nghĩa để thực hiện mưu đồ đưa miền Bắc trở lại thời kỳ đồ đá. Lời Di chúc của Bác như tiếp thêm nguồn sinh lực mới, cổ vũ mạnh mẽ cán bộ, đảng viên, nhân dân quyết biến đau thương thành hành động cách mạng tích cực: “*Khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng*”¹, “*Chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn*”².

Ngày 29/9/1969, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân học tập và làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bộ Chính trị đã chỉ ra nhiệm vụ mà chúng ta cần làm là: “*Đoàn kết chặt chẽ chung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng, quyết tâm làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất nước nhà*”³.

Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết tâm thực hiện Di chúc thiêng liêng của Người. Cuối cùng, Việt Nam đã giành chiến thắng trong trận “Điện Biên Phủ trên không” buộc đế quốc Mỹ phải ký Hiệp định Paris về việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Tiếp đó, Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng đã quét sạch đế quốc Mỹ và bẻ lũ tay sai ra khỏi Việt Nam. Miền Nam đã được giải phóng, Nam – Bắc sum họp một nhà, đất nước nối liền một dải vào năm 1975.

Có thể nói, Di chúc của Bác Hồ không chỉ là tình cảm và niềm tin của Bác dành cho Đảng, cho dân, mà còn thể hiện đường lối chiến lược, sách lược của cách mạng. Di chúc của Người còn là lời hiệu triệu thiêng liêng của Tổ quốc, thúc giục bao thế hệ người Việt Nam lên đường đánh giặc, cứu nước và xây dựng Tổ quốc Việt Nam ngày càng giàu mạnh, phồn vinh.

Thứ hai, Di chúc là một định hướng cho con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta

Thực hiện Di chúc của Bác Hồ, tại Đại hội VI, Đảng ta đã nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, thực hiện phê bình và tự phê bình, nghiêm túc rút ra những bài học lịch sử của cách mạng Việt Nam: lấy dân làm gốc, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan, đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh tổng hợp để bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Việt Nam tiến hành công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, tiến hành hội nhập với các quốc gia trên thế giới.

Vận dụng các tư tưởng cơ bản của Hồ Chí Minh trong Di chúc về giáo dục, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau. Công tác giáo dục, phát triển đạo đức cách mạng cho thanh niên Việt Nam trong tình hình hiện nay là một vấn đề có ý nghĩa thực tiễn cấp bách. Đây là nhân tố góp phần thực hiện thắng lợi chiến lược con người của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Đối với công tác quán triệt, triển khai Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về *Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*, Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là nguồn sức mạnh, nguồn động viên tinh thần to lớn đối với mỗi cán bộ, đảng viên tự giác tham gia tự phê bình và phê bình, nêu cao ý thức trách nhiệm tính tiền phong gương mẫu của mình trước Đảng, trước dân. Bên cạnh đó, ở Việt Nam cũng còn một bộ phận cán bộ, đảng viên

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 14, tr. 435.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 623.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, t.30, tr. 284.

có biểu hiện giảm sút ý chí, phai nhạt về lý tưởng, dao động về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhiều cán bộ tham nhũng, quan liêu, xa rời quần chúng, thiếu tôn trọng quần chúng... Do đó, các cấp, các ngành phải đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đây là nhiệm vụ then chốt của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Ngày nay, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Đảng cùng toàn thể nhân dân Việt Nam đã và đang ra sức thực hiện đường lối đổi mới, tiến tới thực hiện trọn vẹn ham muốn tốt bậc của Bác Hồ: “*làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành*”¹. Chúng ta phải không ngừng nâng cao đời sống nhân dân. Người dân không chỉ “ăn no, mặc ấm” mà phải tiến lên một tầm cao mới là phải “ăn ngon, mặc đẹp”. Muốn là được điều đó, Việt Nam phải lấy việc phát triển kinh tế làm trọng tâm.

Quán triệt sâu sắc Di chúc thiêng liêng của Người, Đảng Cộng sản Việt Nam đã không ngừng xây dựng và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Sau khi miền Nam Việt Nam được thống nhất, Đảng Cộng sản Việt Nam từng bước đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội và giành được những thành tựu quan trọng trong hơn 30 năm tiến hành công cuộc đổi mới, nổi bật nhất là trong phát triển kinh tế. Việt Nam từ một quốc gia nghèo nàn, lạc hậu, mang nhiều thương tích của chiến tranh đã vươn lên, thoát khỏi tình trạng kém phát triển, gia nhập vào nhóm các nước có thu nhập trung bình năm 2008. Kinh tế phát triển là đầu tàu kéo theo sự phát triển của tất cả các lĩnh vực trong xã hội, để Việt Nam nhanh đạt được các mục tiêu đã đề ra.

Bên cạnh đó, Bộ Chính trị đã đề ra Chỉ thị 06-TC/TW năm 2006 về tổ chức cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Từ việc tổ chức cuộc vận động, đến năm 2011, ta tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động đó lên tầm cao mới. Bộ Chính trị đề ra Chỉ thị số 03-CT/TW về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Đến chỉ thị số 05-CT/TW năm 2016, Bộ Chính trị nhấn mạnh về việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Ở đây, Đảng đã chú trọng và bổ sung thêm việc học tập phong cách của Bác. Nhìn chung, các cuộc vận động này đã và đang diễn ra theo hướng toàn diện, hiệu quả, lan tỏa và có tác dụng lâu dài. Điều này thể hiện sự quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân Việt Nam thực hiện Di chúc của Người. Qua đó cũng khẳng định con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn là đúng hướng.

Tư tưởng Hồ Chí Minh trong Di chúc tiếp tục soi đường cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển thiêng liêng của đất nước. Đồng thời, Di chúc còn dẫn đường, chỉ lối cho việc xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam thật sự trong sạch, vững mạnh để lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tiến nhanh, tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội. Từ giá trị thực tiễn của Di chúc, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã thực hiện và đạt được nhiều thành quả đáng trân trọng.

3. Kết quả, bài học kinh nghiệm và một số đề xuất qua 50 năm thực hiện Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh

3.1. Kết quả 50 năm thực hiện Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh của Đảng và Nhà nước Việt Nam

Một là, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Miền Nam được giải phóng, đất nước được thống nhất là thắng lợi của ý chí cách

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr.187.

mạng tiền công, thắng lợi của đường lối cách mạng đúng đắn, thắng lợi của ý chí quyết tâm thực hiện bằng được lời hứa với Bác: “*Vĩnh biệt Người chúng ta thề: Giương cao mãi ngọn cờ độc lập, quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất đất nước để thỏa lòng mong ước của Người*”¹.

Hai là, từng bước thực hiện lý tưởng xã hội chủ nghĩa, đem lại phồn vinh cho đất nước, hạnh phúc cho nhân dân.

Trước lúc đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh có một mong ước: “*Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân*”². Do đó, sau khi kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng ta đã tập trung sức lực và trí tuệ lãnh đạo nhân dân ta tiến hành công cuộc cách mạng đưa cả nước đi theo con đường Bác Hồ đã chọn. Trong xây dựng kinh tế, chúng ta cũng đã từng phạm sai lầm, khuyết điểm nhưng Đảng ta đã “*nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật*”, kiên định mục tiêu con đường Bác đã chọn, tìm ra nguyên nhân của sự sai lầm và quyết tâm tiến hành sự nghiệp đổi mới. Hơn 30 năm tiến hành đổi mới, đất nước ta đã xây dựng được nền chính trị ổn định, đẩy lùi lạm phát, vượt qua khủng hoảng kinh tế - xã hội. Nền kinh tế phát triển liên tục với tốc độ cao, cải thiện đáng kể đời sống của nhân dân, vị trí và uy tín ngày càng lớn trên trường quốc tế. Những kết đó có ý nghĩa to lớn đối với đất nước ta, khẳng định con đường mà chúng ta đang đi là đúng hướng, khẳng định quyết tâm hiện thực hoá lời thề với Bác: “*Vĩnh biệt Người, chúng ta thề: Đem hết sức mình tiếp tục phấn đấu thực hiện lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa cao đẹp mà Người đã vạch ra cho giai cấp công nhân và nhân dân ta, đem lại phồn vinh cho đất nước, hạnh phúc cho đồng bào*”³.

Ba là, giữ vững đoàn kết thống nhất trong Đảng, kiên định chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, kiên định sự lãnh đạo của Đảng – nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Đảng ta từ khi thành lập đến nay luôn giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa Mác – Lênin, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam.

Thực hiện Di chúc của Người, Đảng ta luôn khẳng định chủ nghĩa Mác – Lênin là nền tảng tư tưởng chính trị của Đảng. Tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng, Đảng ta khẳng định cùng với chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động. Đảng ta là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất đoàn kết, gắn bó với nhân dân, đại diện cho quyền lợi của giai cấp và dân tộc, được nhân dân tin yêu, ủng hộ, giúp đỡ. Trước lúc đi xa, Người nhắc nhở: “*Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình*”⁴.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr.628.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr.622.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr.628.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr.621 – 622.

Bốn là, kiên trì phương châm kết hợp sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại.

Đảng ta ngay từ khi mới ra đời đã giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa quốc tế vô sản, đề ra nhiệm vụ đoàn kết với giai cấp vô sản thế giới, với các dân tộc bị áp bức. Thực hiện lời di huấn của Bác, chúng ta đã tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác, hữu nghị với tất cả các nước, thực hiện chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ. Việt Nam cũng không ngừng giúp đỡ các nước bị thiên tai, thảm họa... Đặc biệt, với sự phát triển liên tục về kinh tế, sự ổn định về chính trị, đời sống nhân dân ngày càng cải thiện rõ rệt đã làm cho bạn bè quốc tế, cảm phục, uy tín của nước ta ngày càng nâng cao. Từ đó, chúng ta đã phần nào thực hiện tốt lời thề với Bác, “*luôn luôn phát huy tình cảm quốc tế trong sáng của Hồ Chủ tịch*”¹.

3.2. Một số kinh nghiệm qua 50 năm thực hiện Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh của Đảng và Nhà nước Việt Nam

Qua thực tiễn 50 năm thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Việt Nam đã rút ra được một số kinh nghiệm quý báu:

Một là, quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đây là một chiến lược, là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng.

Hai là, chúng ta phải đoàn kết thống nhất trong Đảng. Đây là cơ sở, là hạt nhân của đoàn kết toàn dân và đoàn kết trong Mặt trận. Bên cạnh đó, ta phải xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên biết chăm lo đến đời sống nhân dân, có đạo đức cách mạng.

Ba là, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phải tiến hành đổi mới phương thức hoạt động. Mặt trận phải mở rộng các hình thức tập hợp, đi sâu vào từng ngõ ngách, từng khu dân cư, đến với từng hộ gia đình và từng người dân.

Bốn là, phải xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân, mở rộng dân chủ, tạo sự đồng thuận trong xã hội.

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đi vào lịch sử dân tộc đã nửa thế kỷ. Nhiều vấn đề Người nêu ra trong Di chúc, Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam đã thực hiện thắng lợi và tiếp tục rút kinh nghiệm để không ngừng phát triển, hoàn thiện nhiều nội dung lên tầm cao mới.

3.3. Một số đề xuất để thực hiện tốt Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Thứ nhất, đối với Đảng Cộng sản Việt Nam

Một là, Đảng và Nhà nước Việt Nam cần phải nêu cao hơn nữa, quán triệt hơn nữa, nghiêm túc hơn nữa trong việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Cần phải xem Di chúc như một pháp lệnh mà toàn Đảng, toàn dân phải thi hành.

Hai là, Đảng và Nhà nước ta nên đưa Tư tưởng Hồ Chí Minh vào chương trình học tập ở tất cả các cấp học, kể cả tiểu học, trung học phổ thông. Tùy vào trình độ từng cấp bậc mà chúng ta đưa vào những nội dung phù hợp.

Ba là, khi Đảng ta, Nhà nước ta quyết định lấy Tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với Chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng, kim chỉ nam cho mọi hành động thì Đảng phải tăng cường phát huy tính sáng tạo, đoàn kết, thực hiện dân chủ để đưa ra đường lối, chủ trương đúng đắn, hợp lòng dân. Đảng phải đem lại mọi lợi ích cho dân, quyết làm cho dân được ấm no, được an vui, hạnh phúc.

Từ những vấn đề đặt ra đó, Đảng và Nhà nước ta nên đẩy mạnh hơn nữa mọi chủ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr.629.

trương, đường lối, mọi công tác trong Đảng, trong dân, đề ra những kế hoạch cấp bách để thực hiện, nâng cao Đảng trí, quân trí, dân trí, tạo một sức mạnh và vị thế để toàn Đảng, toàn dân cùng phát triển nhằm đẩy mạnh quá trình phát triển của đất nước. Hiện nay, các nước trên thế giới đã tiến bộ trong từng phút, từng giây nên nếu ta giữ mãi sự chần chừ, lê la theo kiểu xem đi xét lại, thụ động, thiếu tính nhanh gọn, giải quyết vấn đề không triệt để thì cho đến bao giờ ta mới đuổi kịp các nền văn minh trên thế giới, đến khi nào đời sống của nhân dân ta mới đạt đến sự ấm no, hạnh phúc đủ đầy như ước nguyện của Hồ Chủ tịch.

Qua quá trình học tập, nghiên cứu tư tưởng của Người cho ta thấy rằng: Những tư tưởng, quan điểm, cách ứng xử, cách sống, cách làm việc... của Người luôn rất đúng mực, luôn rất sáng tạo tùy vào mỗi hoàn cảnh cụ thể, thời kỳ lịch sử cụ thể... Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta hôm nay cũng cần chủ động và sáng tạo, học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Người, những chỉ dẫn của người một cách chủ động và sáng tạo, không nên tỏ ra bằng hình thức, học tập một cách rập khuôn, áp dụng một cách chung chung mà học Bác là phải học cái cụ thể, cái thực tế có ảnh hưởng, tác động cụ thể đến việc đang cần vận dụng tư tưởng sáng tạo, phù hợp với điều kiện cụ thể ở hiện nay.

Trong mọi chủ trương, mọi công tác của Đảng và Nhà nước cần phải lấy dân làm trọng tâm, dân là mục tiêu là điểm đến của mọi kế hoạch của Đảng, dân là tất cả trên mọi chặng đường mà Đảng, Nhà nước ta cần phải không ngừng xây dựng, phát triển trong quá trình tồn tại của mình. Việc “*Lấy dân làm gốc*”¹ mà Đảng đã đề ra là một quan điểm hết sức đúng đắn, hợp quy luật nhưng để làm được điều đó, để cái gốc của đất nước có sự vững chắc, bền chặt thì Đảng ta, Nhà nước ta cần phải phát huy tính dân chủ, tính đoàn kết, trước hết là phát triển giáo dục. Bởi vì chỉ có phát triển giáo dục mới đào tạo được một lực lượng trí thức có chất lượng phục vụ cho quá trình phát triển đất nước, chỉ có phát triển giáo dục mới đào tạo được một lực lượng phục vụ cho quá trình phát triển đất nước, chỉ có phát triển giáo dục thì đời sống dân trí mới được nâng cao, trình độ hiểu biết, sự nhận thức của nhân dân mới có những bước tiến lớn. Khi người dân nhận thức được vai trò, vị trí, tầm quan trọng của mình đối với sự tồn vong của đất nước, khi người dân thấy được lợi ích của mình đang ở đâu và mình cần phải làm gì để đạt đến điều đó thì chắc rằng họ sẽ không ngừng phấn đấu, không ngừng nỗ lực để tự nâng cao chất lượng chính cuộc sống của họ và từ đó nâng cao chất lượng sống của toàn xã hội, toàn dân tộc, giảm bớt gánh nặng cho đất nước và góp phần đẩy mạnh sự phát triển của Tổ quốc. Đồng thời, khi dân trí được nâng cao thì đòi hỏi đội ngũ cán bộ đảng viên cũng phải không ngừng học tập, không ngừng phấn đấu để trở thành một người lãnh đạo xứng đáng với nhân dân, được nhân dân tiếp tục tín nhiệm. Chính sự kéo theo đó sẽ giúp cho Đảng ta giữ nguyên giá trị, giữ vững vị trí và toàn Đảng, toàn dân sẽ có thêm điều kiện để thực hiện tốt hơn Di chúc của Hồ Chủ tịch.

Thứ hai, đối với đoàn thanh niên

Phải khẳng định rằng, đoàn viên thanh niên ở bất kỳ thời đại nào, giai đoạn nào của lịch sử cũng giữ một vai trò rất to lớn đối với sự nghiệp kế thừa việc thực hiện công cuộc xây dựng mà phát triển đất nước. Chính nhờ sự đóng góp quên mình của thanh niên mà đất nước ta qua mỗi thời đại đều đã đạt được những thành công to lớn. Ngày nay, trước quá trình toàn cầu hóa đang đòi hỏi thế hệ trẻ Việt Nam phải bức phá hơn nữa, tiến lên học tập và rèn luyện quyết liệt hơn nữa để đáp ứng với sự đòi hỏi của thời đại, đồng thời thực hiện

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr.501.

lời hứa, tuổi trẻ Việt Nam làm theo lời Bác. Để làm tốt được điều đó, đoàn viên thanh niên Việt Nam hôm nay phải thực hiện tốt những đề xuất sau:

Một là, không ngừng học tập, nghiên cứu những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc, tấm gương đạo đức và phong cách, phương pháp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhằm nâng cao nhân cách, phẩm chất, đạo đức để có những tư tưởng, những định hướng tốt, tạo tiền đề để phát triển trí tuệ và sử dụng trí tuệ vào đúng vị trí, đúng mục tiêu.

Hai là, bên cạnh việc học tập những giá trị đạo đức của dân tộc, của Hồ Chủ tịch thì đoàn viên thanh niên cũng cần có những cái nhìn xa hơn, rộng hơn từ những cái đẹp ở các quốc gia dân tộc trên thế giới, học những con người ưu tú, những hệ thống tư tưởng vượt bậc... để bổ sung, làm giàu thêm cho sự trưởng thành và phát triển ở mỗi người.

Ba là, phấn đấu học tập, đào sâu và mở rộng chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, khoa học kỹ thuật, kỹ năng, có tác phong công nghiệp... để đáp ứng cho nhu cầu của quá trình hội nhập.

Bốn là, học tập, tiếp cận những nền văn hóa trên thế giới để nhằm đem lại cách ứng xử tốt trong quá trình giao lưu học tập, đem lại những lợi ích thiết thực cho quốc gia, dân tộc, hòa nhập chứ không hòa tan, tránh tình trạng thần tượng hóa những nền văn hóa của các nước khác, lãng quên nền văn hóa của nước mình. Đoàn viên thanh niên là lớp kế tục sự nghiệp phát triển đất nước nên cần phải có trách nhiệm hơn trong việc phát huy và làm giàu nền văn hóa Việt.

Năm là, cần nâng cao hơn nữa tinh thần đoàn kết, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau, cùng hỗ trợ cho nhau trong tiến trình hội nhập với một sức mạnh của toàn dân tộc.

Sáu là, đoàn viên thanh niên là lực lượng trẻ, khỏe, năng động, nhạy bén, trí tuệ dồi dào và có nhiều điều kiện, cơ hội, niềm tin để bức phá. Do đó, đoàn viên thanh niên cần phải quan tâm đến đất nước, đến những chủ trương, đường lối của Đảng, của Nhà nước và có những đóng góp thiết thực để đổi mới và đưa đất nước ngày càng phát triển hơn. Đồng thời, chính vì là giới trẻ và có nhiều năng lực nên đoàn viên thanh niên cần phải thẳng thắn, dũng cảm hơn nữa trong việc phê bình và tự phê bình.

Bảy là, cần phải xóa bỏ ngay tình trạng tự cao, tự đại, thiếu kiểm soát, chạy theo lợi nhuận của một số người trong giới trẻ hiện nay.

Tám là, phải liên tục xét lại bản thân, đấu tranh với mặt tiêu cực, đấu tranh với mọi hoạt động của các thế lực phản động gây ảnh hưởng xấu đến quá trình tồn tại và phát triển của đất nước ta, xây dựng lòng tin đối với Đảng, với dân, gần dân, giúp đỡ những người dân đang gặp khó khăn hoạn nạn, nêu cao tinh thần yêu nước thương dân và luôn làm tất cả vì một Việt Nam tốt đẹp ở tương lai.

Có thể nói, nếu tuổi trẻ Việt Nam hôm nay toàn tâm, toàn ý thực hiện triệt để nghĩa vụ và trách nhiệm của một công dân Việt Nam, xóa dần những hạn chế, tiêu cực, có lối sống lành mạnh, hết lòng vì Tổ quốc và luôn giương cao tinh thần của con cháu Cụ Hồ thì chắc hẳn rằng Việt Nam ta ở ngày mai sẽ tươi đẹp và phồn thịnh hơn, phát triển hơn.

Thứ ba, đối với nhân dân lao động

Nhân dân lao động bao giờ cũng là một lực lượng nòng cốt, một lực lượng lớn mạnh nhất làm nên đất nước. Vì vậy, nhân dân lao động cũng phải không ngừng tiến lên và thực hiện những nhiệm vụ tối cao của mình.

Một là, phải giữ vững tinh thần yêu nước, nhớ ơn nguồn cội, tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, quyết thực hiện những chủ trương, đường lối mà Đảng đề ra, bảo vệ và phát triển chế

độ mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn cho dân tộc.

Hai là, không vì những lợi ích trước mắt mà tin theo các tổ chức phản động đang cố tình phá hoại nền độc lập của ta, phải kiên quyết đấu tranh với mọi âm mưu chống phá của kẻ thù và quyết giữ gìn nền hòa bình, hạnh phúc của Tổ quốc.

Ba là, phải cần cù lao động, tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm, phát triển kinh tế, xây dựng đời sống văn minh, ấm no và hạnh phúc.

Bốn là, nâng cao tinh thần đoàn kết, sống có nghĩa, có tình, đùm bọc, yêu thương, là lành đùm lá rách, tương thân tương ái trong mọi hoàn cảnh...

Năm là, sẵn sàng cống hiến hết mình khi đất nước cần và đấu tranh không khoan nhượng với mọi thế lực làm ảnh hưởng đến sự sinh tồn của Tổ quốc...

Tóm lại, thực hiện Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh là một chủ trương đúng đắn của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta ở giai đoạn trước, ở hôm nay và cả mai sau. Điều đó đã tạo nên một sức mạnh tinh thần vô tận đối với toàn thể dân tộc ta, giúp dân tộc có những định hướng phù hợp để bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước. Thế nhưng, để làm tốt được điều đó thì toàn dân tộc ta phải chung sức đồng lòng cùng tiến, cùng lui, nhận thức một cách đầy đủ, đúng đắn, phát huy hết nội lực của dân tộc vào công cuộc làm giàu cho đất nước và góp phần ủng hộ, giúp đỡ các dân tộc còn khó khăn hơn ta trên thế giới, thực hiện tốt đoàn kết dân tộc đi đôi với đoàn kết quốc tế, xây dựng và giữ vững những hình ảnh đẹp của Việt Nam trên trường quốc tế.

Có thể nói, Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là lời hịch vang dậy núi sông, là Cương lĩnh chính trị và Cương lĩnh hành động trước mắt và lâu dài của Đảng và nhân dân ta. Nó hàm chứa nhiều lý luận cách mạng rất sâu sắc, mà trên đây mới chỉ nói đến một bộ phận. Chúng ta còn phải thường xuyên, liên tục nghiên cứu, thấm sâu hơn nữa, biến thành hành động thực tế, thực hiện nghiêm chỉnh Di chúc của Người. Chúng ta thấm sâu hơn nữa, thực hiện đầy đủ hơn nữa, tốt hơn nữa lời thề vĩnh biệt Bác, đặc biệt phấn đấu theo mong muốn cuối cùng của Bác là xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Di chúc là bản tổng kết thực tiễn kinh nghiệm lãnh đạo cách mạng và phương hướng phát triển của dân tộc, đồng thời thể hiện cô đọng nhân cách của vị lãnh tụ, Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, nhà văn hoá kiệt xuất Hồ Chí Minh. Di chúc kết tinh những giá trị lịch sử, văn hoá, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong đó mỗi chữ, mỗi câu, mỗi đoạn văn được viết ra đều là kết quả của sự suy ngẫm, chắt lọc sâu sắc tư tưởng, tình cảm và trí tuệ của Người, là một chương trình hành động trong đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng lại đất nước sau khi nước nhà thống nhất.

Kết luận

Tóm lại, Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là chúc thư của một lãnh tụ thiên tài, một nhà cách mạng lỗi lạc có tầm nhìn xa, trông rộng, một chiến sĩ cộng sản suốt đời thương yêu, trân trọng con người, phấn đấu hy sinh vì tự do, hạnh phúc của con người. Giá trị to lớn của bản Di chúc chính là sự tổng kết toàn bộ tinh thần, tư tưởng Hồ Chí Minh, làm nền tảng, kim chỉ nam cho sự phát triển cách mạng Việt Nam. Những giá trị về lý luận lẫn thực tiễn toả sáng từ Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh mãi mãi là nguồn sức mạnh tinh thần dẫn dắt toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Việt Nam tiến hành thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đây là động lực quan trọng để Việt Nam tiếp tục đổi mới, tiếp tục phát triển đất nước lên tầm cao mới và tiến nhanh, tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội./.

GIỮ GÌN ĐẠO ĐỨC NHÀ GIÁO NHÌN TỪ NỘI DUNG ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*ThS. Võ Thị Mỹ Hương**

1. Dẫn nhập

Ở Việt Nam, nghề giáo luôn được xã hội trân trọng, tôn vinh là “nghề cao quý nhất trong những nghề cao quý”. Người dạy học được gọi là thầy giáo, cô giáo và được coi là “kỹ sư tâm hồn”, không chỉ dạy chữ mà còn dạy cách làm người, hình thành và phát triển nhân cách người học. Xã hội càng tôn trọng nghề dạy học càng đòi hỏi rất cao năng lực và phẩm chất đạo đức của nhà giáo. Do tính chất đặc biệt của nhà giáo nên xã hội luôn mong muốn và yêu cầu cao về đạo đức nghề nghiệp của họ. Nhà giáo được xã hội tôn vinh bởi sứ mệnh trồng người cao cả. Các nhà tư tưởng, nhà giáo dục lớn xưa và nay đều đánh giá rất cao vai trò của nhà giáo đối với sự nghiệp giáo dục, phát triển xã hội. Luôn coi trọng phẩm chất đạo đức của nhà giáo, coi đó là thành tố cơ bản, nền tảng trong nhân cách nhà giáo.

Giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) là một trong những di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và đào tạo được đề cập từ vai trò, nội dung, phương pháp cũng như giải pháp phát triển giáo dục phục vụ cho sự nghiệp cách mạng. Trải qua thời gian, tư tưởng Hồ Chí Minh về GD&ĐT khẳng định được tính đúng đắn, tính thời đại để từ đó, mỗi thế hệ người Việt nếu biết vận dụng linh hoạt, sáng tạo sẽ tạo ra bước chuyển về chất, nhất là trong bối cảnh lĩnh vực GD&ĐT ở nước ta đang “hạt sạn” trải rộng ở nhiều lĩnh vực khác nhau từ đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, chương trình đào tạo cho đến cơ sở vật chất.

Lần giở những trang Di chúc của Người chúng ta nhận thấy, dấu khác biệt về thế hệ, thời gian, song những lời ghi trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh liên quan đến đạo đức cách mạng vẫn là ngọn đuốc soi đường trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Dưới góc nhìn đạo đức cách mạng (bao gồm cả hình thành, giữ gìn) trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho thấy, nếu nhà giáo không giữ gìn được phẩm chất đạo đức thì rất khó có thể hoàn thành nhiệm vụ, vì sản phẩm của hoạt động giáo dục là con người – chủ thể của quá trình cách mạng, là thế hệ tương lai của đất nước. Do vậy, trong điều kiện cùng cả nước cùng đọc lại, suy ngẫm và thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tác giả cho rằng, lĩnh vực GD&ĐT chỉ có thể đứng vững, vượt qua khó khăn, thử thách của hiện tại và vững bước trong tương lai nếu như đội ngũ nhà giáo giữ gìn được phẩm chất đạo đức trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

* Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM

2. Đạo đức nhà giáo – biểu hiện chuẩn mực đạo đức xã hội trong hoạt động nghề nghiệp đặc thù

2.1. Đạo đức – nền tảng tinh thần của dân tộc được lưu truyền qua nhiều thế hệ

Dưới góc độ ngôn ngữ, đạo đức là “những tiêu chuẩn, nguyên tắc được dư luận xã hội thừa nhận, quy định hành vi, quan hệ của con người đối với nhau và đối với xã hội”¹. Dưới góc độ triết học, “đạo đức là quy tắc của sinh hoạt chung trong xã hội và của hành vi của con người quy định những nghĩa vụ của người này đối với người khác và đối với xã hội”². Vũ Trọng Dung (2011) cho rằng, “trong các quan hệ đạo đức, yếu tố khách quan của hành vi không phải lúc nào cũng trùng với yếu tố chủ quan của nó. Có rất nhiều hành vi, xét về mặt đạo đức tuyệt đối thì là vô đạo đức nhưng xét về mặt ý nghĩa xác hội thì nó lại là có đạo đức”³, là sự thể hiện của “sự trừng phạt của lương tri, người ta gọi là trừng phạt bên trong tạo nên sự xấu hổ để gạt bỏ cái xấu, thúc đẩy xã hội vận động tốt đẹp hơn”⁴. Đạo đức mang một dung lượng rất rộng, nó được nhận thức cả từ góc độ ý thức (ý thức đạo đức xã hội và ý thức đạo đức cá nhân), cả từ góc độ thể chế (nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức) và cả từ góc độ thực tiễn (hành vi đạo đức)⁵. Việc đánh giá hành vi con người theo khuôn phép chuẩn mực và quy tắc đạo đức biểu hiện thành những khái niệm về thiện và ác, vinh và nhục, chính nghĩa và phi nghĩa.

Từ các cách tiếp cận về đạo đức cho thấy, cốt lõi của đạo đức là những tiêu chuẩn, nguyên tắc được xã hội thừa nhận. Trong xã hội có nhiều hệ thống chuẩn mực cùng tồn tại tạo nên những giá trị xã hội làm nền tảng cho việc điều chỉnh quan hệ giữa các thành viên trong xã hội. Những nguyên tắc, tiêu chuẩn này được xã hội thừa nhận thông qua nhiều phương thức khác nhau, đó có thể là phong tục, tập quán; có thể là hương ước làng xã; là quy tắc ứng xử của một hiệp hội, lĩnh vực ngành nghề kinh doanh nhất định. Về nội dung của đạo đức là quy định hành vi quan hệ của con người trong các mối quan hệ xã hội thể hiện không chỉ ở những việc nên làm không nên làm mà còn thể hiện trách nhiệm của các bên với nhau và với cộng đồng xã hội, do đó, hành vi đạo đức phản ánh nhận thức chủ quan của người thực hiện hành vi, vì thế, việc đánh giá hành vi ứng xử của các chủ thể trong mỗi quan hệ xác định có phù hợp với những chuẩn mực đạo đức hay không cần phải xem xét kỹ lưỡng động cơ mục đích của những hành vi đó. Trong thi hành, đạo đức chịu sự chi phối rất lớn của dư luận xã hội. Sự đánh giá, phán xét của dư luận xã hội, đôi khi, có tác động mạnh mẽ hơn sự tác động, cưỡng chế của Nhà nước. Do vậy, khi thực hiện những hành vi xử sự trong đời sống xã hội, mỗi cá nhân thường rất thận trọng và tránh hành vi của mình vi phạm đạo đức và bị dư luận xã hội lên án, bởi lẽ, khi đó, giá trị, phẩm giá của mỗi con người trong

1. Viện Ngôn ngữ học: *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội 1989, tr. 311

2. M.Rô-Den-Tan và T.I-U-Đin (chủ biên): *Từ điển triết học*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 1976, tr.285.

3. Vũ Trọng Dung, Mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật trong việc điều chỉnh hành vi của con người, *Thông tin Khoa học xã hội* số 8 năm 2011, tr. 12

4. Vũ Trọng Dung, Mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật trong việc điều chỉnh hành vi của con người, *Thông tin Khoa học xã hội* số 8 năm 2011, tr. 14

5. Trường Đại học Luật Hà Nội: *Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật*, tái bản lần thứ hai, NXB Tư pháp, Hà Nội, 2018, tr.232.

xã hội sẽ bị hạ thấp, thậm chí bị loại trừ ra khỏi cộng đồng xã hội.

Như vậy, đạo đức là nền tảng tinh thần của xã hội, gắn với các chuẩn mực xã hội, gắn với các giá trị văn hóa truyền thống quốc gia, dân tộc. Các giá trị đạo đức ở Việt Nam hiện nay là sự kết hợp sâu sắc truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc với xu hướng tiến bộ của thời đại, của nhân loại. Đó là tinh thần cần cù, sáng tạo, yêu lao động; tình yêu quê hương, đất nước gắn liền với chủ nghĩa xã hội; sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật, có lối sống văn minh, lành mạnh; có tinh thần nhân đạo và tinh thần quốc tế cao cả. Vai trò của đạo đức đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh xem là gốc của mỗi người, trước hết là các cán bộ, đảng viên, khẳng định đạo đức là nguồn nuôi dưỡng và phát triển của con người, cũng giống như gốc của cây, ngọn nguồn của sông suối. Người viết: “*Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân*”¹. Trong *Di chúc*, Người căn dặn: “*Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân*”². Trong bối cảnh hiện nay, dù xã hội có thay đổi, biến chuyển theo hướng nào đi chăng nữa thì nền tảng đạo đức vẫn có giữ nguyên giá trị làm rường cột cho xã hội tồn tại và phát triển³. Điều này càng đúng hơn trong hoàn cảnh Việt Nam chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của truyền thống văn hóa phương Đông dựa trên nền tảng đạo đức, giáo huấn của tiền nhân với nhiều giá trị đạo đức tốt đẹp đã và đang được công nhận và triển khai tại Việt Nam.

2.2. Đạo đức nhà giáo: sự thể hiện chuẩn mực đạo đức trong hoạt động nghề nghiệp đặc thù - đào tạo con người, có năng lực nghề nghiệp và phẩm chất đạo đức

Trong hầu hết các nghiên cứu đều khẳng định, nhà giáo là tấm gương sáng để mọi thế hệ học trò noi theo và để làm tròn sứ mệnh cao cả “trồng người”, mỗi nhà giáo phải luôn tu dưỡng phẩm chất đạo đức nghề nghiệp để xứng đáng với sự tôn vinh và niềm tin yêu của xã hội. Điều này đã tạo ra nhiều hiệu ứng tích cực, nhất là trong bối cảnh đất nước rơi vào hoàn cảnh khó khăn. Phẩm chất đạo đức của nhà giáo đã góp phần tích cực vào việc bồi bổ tâm hồn, thúc đẩy hành động đẹp theo hướng chân, thiện, mỹ của người học. Do đó, sẽ là sai lầm nếu như phủ nhận vai trò nêu gương của thầy cô trong môi trường học đường, bởi lẽ, sức ảnh hưởng của thầy cô giáo là rất lớn đối với việc hình thành và phát triển của các thế hệ người học. Nhấn mạnh khía cạnh đạo đức nhà giáo trong giai đoạn hiện nay một mặt bảo đảm sự tiếp tục của truyền thống giáo dục của mỗi quốc gia. Mặt khác, giữ gìn phẩm chất đạo đức nhà giáo như tấm chắn phòng thủ và bảo đảm cho môi trường không bị vấp đục bởi các hành vi phản đạo đức từ bất cứ lực lượng nào. Đạo đức nhà giáo là phẩm chất cốt lõi quan trọng hàng đầu đối với nhà giáo, là nền tảng, động lực thôi thúc trách nhiệm, nhiệt huyết để mỗi nhà giáo phấn đấu hoàn thành sự nghiệp vẻ vang của mình, xứng danh với nghề cao quý mà xã hội tôn vinh.

Ở phương Đông cổ đại, Nho giáo coi mối quan hệ thầy trò là một trong ba mối quan hệ then chốt của xã hội: quân - thần, sư - đệ, phụ - tử và yêu cầu “thầy ra thầy”, “trò ra trò”.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 292.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 611 – 612.

3. Xem thêm: Hoàng Thị Kim Quế, Mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật trong nhà nước pháp quyền và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam hiện nay, *Tạp chí Luật học*, số 3/2013, tr.42-51.

Triết gia Hy Lạp cổ đại Platon cho rằng: người thợ giày tồi thì quốc gia không quá lo lắng, dân chúng sẽ phải xỏ những đôi giày xấu. Nhưng người thầy mà dốt nát, vô luân thì đất nước sẽ xuất hiện những người kém cỏi xấu xa. Nghề dạy học lấy con người làm đối tượng để tác động, làm biến đổi và phát triển nhận thức, tư tưởng, tình cảm của người học. Các giá trị văn hóa của nhân loại qua bàn tay của người thầy được kết tinh và truyền thụ cho các thế hệ kế tiếp để đào tạo ra những con người có phẩm chất, năng lực phục vụ cho sự phát triển của xã hội. Thành quả của quá trình lao động sư phạm là đào tạo ra những con người mới với nhân cách hoàn chỉnh. Đạt được mục tiêu đó, vai trò của nhà giáo rất quan trọng, họ vừa là người thiết kế, vừa là người thi công trong quá trình dạy học. Đạo đức của họ là tấm gương sống để người học noi theo¹.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: “*Muốn cho học sinh có đức thì giáo viên phải có đức. Ví như bảo học trò phải dậy sớm mà giáo viên thì trưa mới dậy. Cho nên thầy giáo, cô giáo phải gương mẫu, nhất là đối với trẻ con*”². Từ cái gốc đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra cho chúng ta những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo quá trình tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của mỗi con người, Người đã nêu gương thực hành những nguyên tắc đó trong quá trình chỉ đạo xây dựng nền văn hóa mới, nền đạo đức mới của Việt Nam bao gồm các nguyên tắc nói đi đôi với làm, phải nêu gương đạo đức; phải tu dưỡng đạo đức suốt đời³. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, vấn đề then chốt quyết định chất lượng giáo dục chính là đội ngũ những người thầy giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Bởi vì các thầy giáo, cô giáo mang trên mình nhiệm vụ nặng nề là đào tạo cán bộ cho nước nhà; là “người chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng văn hóa”; thầy, cô giáo có trách nhiệm truyền bá cho thế hệ trẻ lý tưởng đạo đức chân chính, hệ thống các giá trị, tinh hoa văn hóa của dân tộc và nhân loại, bồi dưỡng cho họ những phẩm chất cao quý và năng lực sáng tạo phù hợp với sự phát triển và tiến bộ của xã hội.

Nội dung đạo đức nghề nghiệp nhà giáo đã được thể hiện trong Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về đạo đức nhà giáo bao gồm nội dung đạo đức nghề nghiệp⁴; lối

1. Nguyễn Đình Dương, Đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo hiện nay, truy cập tại địa chỉ: <http://tcnn.vn/news/detail/41634/Dao-duc-nghe-nghiep-cua-nha-giao-hien-nay.html> ngày 20/11/2018.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 9, tr. 492.

3. Lý Việt Quang, Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh - nền tảng tinh thần cho xây dựng nền đạo đức mới trong hiện tại và tương lai ở Việt Nam, truy cập tại địa chỉ: http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Ho_Chi_Minh/2017/46742/Tu-tuong-dao-duc-Ho-Chi-Minh-nen-tang-tinh-than.aspx ngày 5/9/2017.

4. Nội dung đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo được quy định Điều 4 Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về đạo đức nhà giáo bao gồm:

- Tâm huyết với nghề nghiệp, có ý thức giữ gìn danh dự, lương tâm nhà giáo; có tinh thần đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ đồng nghiệp trong cuộc sống và trong công tác; có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, đối xử hoà nhã với người học, đồng nghiệp; sẵn sàng giúp đỡ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng.
- Tận tụy với công việc; thực hiện đúng điều lệ, quy chế, nội quy của đơn vị, nhà trường, của ngành.
- Công bằng trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất năng lực của người học; thực hành tiết kiệm, chống bệnh thành tích, chống tham nhũng, lãng phí.
- Thực hiện phê bình và tự phê bình thường xuyên, nghiêm túc; thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục.

sống, tác phong¹.

Các phân tích trên cho thấy, đạo đức có vai trò quan trọng trong hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo, vì nó có ảnh hưởng và tác động trực tiếp đến nhận thức, thái độ của người học đối với nhà giáo. Điều này có thể dễ dàng lý giải trong thực tế thực hành đạo đức nhà giáo thường khắt khe hơn rất nhiều so với các lĩnh vực nghề nghiệp khác. Đây cũng là nguyên nhân của hiện trạng khi xuất hiện hành vi được xem là “vi phạm đạo đức nhà giáo” đã có sự phân hóa xã hội trong đánh giá, phán xét hành vi này, bởi lẽ, xét trên tổng thể, số giáo viên vi phạm đạo đức nhà giáo chỉ là thiểu số, không phải là hiện tượng phổ biến. Trong khi đó, không ít đội ngũ giáo viên công tác ở miền núi, vùng sâu, vùng xa đang không quản vất vả, gian nan miệt mài “giao chữ” cho con em đồng bào vùng dân tộc thiểu số. Họ đã và đang dành được sự kính trọng của toàn xã hội, niềm tin yêu của các thế hệ học sinh mà không được xã hội “để ý” như hiện tượng giáo viên vi phạm đạo đức nhà giáo².

3. Rèn luyện đạo đức nhà giáo dưới góc nhìn đạo đức cách mạng trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Trong hệ thống tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về GD&ĐT hầu hết người nhấn mạnh đến tính chất đặc biệt của nghề giáo vì nó gắn liền với nhân cách con người, bởi lẽ, nhiệm vụ giáo dục rất quan trọng và vẻ vang, vì nếu không có thầy giáo thì không có giáo dục... Không có giáo dục, không có cán bộ thì cũng không nói gì đến kinh tế, văn hóa. Chính vì vậy, thầy giáo xứng đáng là thầy giáo - là người vẻ vang nhất dù là tên tuổi không đăng trên báo, không được thưởng huân chương, song những người thầy giáo tốt là những anh hùng vô danh.

Để rèn luyện, giữ gìn đạo đức nhà giáo theo tinh thần đạo đức cách mạng trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh mỗi nhà giáo cần phải:

1. Nội dung lối sống, tác phong của nhà giáo được quy định tại Điều 5 Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về đạo đức nhà giáo bao gồm:

- Sống có lý tưởng, có mục đích, có ý chí vượt khó vươn lên, có tinh thần phấn đấu liên tục với động cơ trong sáng và tư duy sáng tạo; thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.
- Có lối sống hoà nhập với cộng đồng, phù hợp với bản sắc dân tộc và thích ứng với sự tiến bộ của xã hội; biết ủng hộ, khuyến khích những biểu hiện của lối sống văn minh, tiến bộ và phê phán những biểu hiện của lối sống lạc hậu, ích kỷ.
- Tác phong làm việc nhanh nhẹn, khẩn trương, khoa học; có thái độ văn minh, lịch sự trong quan hệ xã hội, trong giao tiếp với đồng nghiệp, với người học; giải quyết công việc khách quan, tận tình, chu đáo.
- Trang phục, trang sức khi thực hiện nhiệm vụ phải giản dị, gọn gàng, lịch sự, phù hợp với nghề dạy học, không gây phản cảm và phân tán sự chú ý của người học.
- Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp cùng hoàn thành tốt nhiệm vụ; đấu tranh, ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật và các quy định nghề nghiệp. Quan hệ, ứng xử đúng mực, gần gũi với nhân dân, phụ huynh học sinh, đồng nghiệp và người học; kiên quyết đấu tranh với các hành vi trái pháp luật.
- Xây dựng gia đình văn hoá, thương yêu, quý trọng lẫn nhau; biết quan tâm đến những người xung quanh; thực hiện nếp sống văn hoá nơi công cộng.

2. Bùi Minh Tuấn, Tình trạng vi phạm đạo đức nghề giáo, đừng để “con sâu làm rầu nồi canh”, truy cập tại địa chỉ: <https://giaoduc.net.vn/giao-duc-24h/tinh-trang-vi-pham-dao-duc-nghe-giao-dung-de-con-sau-lam-rau-noi-canhh-post165001.gd> ngày 17/1/2016.

Thứ nhất, không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao trình độ, không chỉ là trình độ chuyên môn nghiệp vụ mà còn cả phẩm chất đạo đức

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh người huấn luyện phải học thêm mãi thì mới làm được công việc huấn luyện của mình... Người huấn luyện nào tự cho là mình đã biết đủ cả rồi, thì người đó dốt nhất. Giáo viên cũng phải tiến bộ cho hợp thời đại thì mới hoàn thành nhiệm vụ. Chớ tự túc, tự mãn, cho là giỏi rồi thì dừng lại. Mà dừng lại là lùi bước, là lạc hậu, mình tự đào thải trước. Cho nên phải cố gắng học tập để cải tạo mình, cải tạo tư tưởng của mình, cải tạo con em và giúp vào việc cải tạo xã hội. Đây là nội dung cốt lõi mà Bác đã đòi hỏi “*Day cũng như học phải biết chú trọng cả tài lẫn đức. Đức là đạo đức cách mạng. Đó là cái gốc, rất là quan trọng. Nếu không có đạo đức cách mạng thì có tài cũng vô dụng. Đạo đức cách mạng là triết để trung thành với cách mạng, một lòng một dạ phục vụ nhân dân*”. Cốt lõi của tinh thần ngừng học tập, rèn luyện nâng cao trình độ, không chỉ là trình độ chuyên môn nghiệp vụ mà còn cả phẩm chất đạo đức được thể hiện ở chỗ:

- Học tập là quá trình liên tục “học, học nữa, học mãi” mà Lê nin đã từng căn dặn. Đây cũng là trụ cột trong triết lý giáo dục của UNESCO – giáo dục hướng tới trang bị cho người học kỹ năng tự học tập và học tập suốt đời. Điều này càng quan trọng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư – cuộc cách mạng gia tăng tri thức với cấp số nhân và thay đổi từng ngày. Trong bối cảnh đó, nếu người thầy không tự cập nhật nâng cao tri thức thì có thể bị lạc hậu hơn so với người học và do đó cũng khó có thể làm chủ được quá trình giảng dạy, vì người học có được nhiều kênh thông tin để đối chiếu so sánh tri thức của nhà giáo với tri thức chung của nhân loại cũng như ở các cơ sở giáo dục khác trên phạm vi toàn cầu.

- Quán triệt tinh thần mục tiêu học tập theo nghĩa rộng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại. Điều đó có nghĩa là, mục đích của học tập không phải là để làm quan to, quan nhỏ mà là học để có tri thức, học để có đạo đức cách mạng.

- Phát huy vai trò chủ thể của thầy và trò trong rèn luyện phẩm chất đạo đức trong nhà trường trên tinh thần thầy và trò phải luôn luôn nâng cao tinh thần yêu Tổ quốc, yêu chủ nghĩa xã hội, tăng cường tình cảm cách mạng đối với công nông, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng, triệt để tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sẵn sàng nhận bất kỳ nhiệm vụ nào mà Đảng và nhân dân giao cho. Bởi lẽ, trong một con người, “tài” và “đức” phải luôn song hành với nhau. Đây là hai phạm trù khác nhau nhưng giữa chúng có mối liên hệ biện chứng. Trong mỗi con người, cái “tài”, cái “đức” không phải ngẫu nhiên sẵn có, mà hai chữ ấy phải được vun đắp, trau dồi và phải được giáo dục ngay từ tấm bé. Việc dạy chữ (dạy cái tài) và dạy người (dạy cái đức) phải luôn luôn đi song song với nhau, không được xem nhẹ hay bỏ một trong hai mặt ấy có như vậy con người mới phát triển toàn diện được.

Thứ hai, yêu thương học sinh như con em ruột của mình, không thiên vị đồng thời cũng phải biết kiểm soát hành vi của mình trong quá trình dạy học, nhất là kìm nén các tác động về thể chất cũng như những lời nói ảnh hưởng đến nhân phẩm của học sinh. Nhà giáo cần thực hiện trước hết những điều mình dạy học trò. Muốn cho học sinh có đức thì giáo viên phải có đức, phải gương mẫu. Về điều này, Người viết: “*Trước hết phải dạy trẻ yêu Tổ quốc, yêu lao động, yêu đồng bào và yêu chủ nghĩa xã hội... Trẻ em như cái gương trong sáng, thầy tốt thì ảnh hưởng tốt, thầy xấu thì ảnh hưởng xấu, cho nên phải chú ý giáo dục*

*chính trị tư tưởng trước, chính thầy giáo, cô giáo cũng phải tiến bộ về tư tưởng*¹. Do đó, mỗi thầy cô giáo cần không ngừng tu dưỡng, rèn luyện bản lĩnh chính trị và đạo đức nhà giáo, đó là: cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, trung với nước, hiếu với dân, để nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, sẵn sàng nhận lấy trách nhiệm phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân làm mục tiêu phấn đấu suốt đời, đồng hành với dân tộc tiến hành đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước phồn vinh. Nói cách khác, chỉ khi thực hiện được điều này người thầy mới vững vàng vượt qua trước mọi khó khăn, gian khổ cũng như cám dỗ để làm tròn bổn phận.

Thứ ba, phát huy vai trò nêu gương của mỗi thầy cô giáo trong việc giữ gìn, bảo vệ phát huy đạo đức nhà giáo trong môi trường học đường cũng như môi trường xung quanh. Người thầy là mẫu gương thể hiện lối sống không chỉ bảo tồn những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, mà còn góp phần nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật, hình thành tác phong công nghiệp cho người lao động; đưa lối sống văn hóa thấm sâu vào từng người, trong mỗi gia đình, khu dân cư, công sở, doanh nghiệp... góp phần tạo sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong các thế hệ người học tiếp nối nhau. Tấm gương nhà giáo có tác dụng giáo dục học sinh rất lớn. Thầy tốt thì ảnh hưởng tốt, thầy xấu thì ảnh hưởng xấu; một tấm gương sáng của người thầy sẽ có cả một thế hệ noi theo, ngược lại một hành vi xấu của người thầy có thể làm tổn thương, làm mất niềm tin cả một lớp người. Người thường dặn dò, các thầy, cô giáo không được đánh mất phẩm chất của mình, dù hoàn cảnh nào cũng phải là tấm gương cho học sinh noi theo, tránh thái độ thờ ơ đối với xã hội, xa rời đời sống thực tế, lười biếng trong học tập và nâng cao trình độ; thái độ kèn cựa địa vị, xem nhẹ công việc của mình, thiếu tinh thần xây dựng tập thể,... thì bất luận trong tình huống nào, người thầy cũng phải vượt lên chính mình để giữ gìn phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của mình./.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t. 9, tr.429.

TẠO DỰNG KHÔNG GIAN XÃ HỘI ĐỂ PHỤ NỮ THỰC HIỆN QUYỀN THAM CHÍNH – TỪ DI CHÚC HỒ CHÍ MINH ĐẾN QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. Ngô Thị Huyền*

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam, có thể thấy từ rất sớm, phụ nữ đã tham gia vào lĩnh vực chính trị và có những đóng góp quan trọng. Ở giai đoạn phát triển nào cũng đều có những phụ nữ tài năng, đạo đức và nghị lực phi thường¹. Những đóng góp của phụ nữ Việt Nam trên lĩnh vực tham chính là rất lớn. Vì vậy, Đảng và Chính phủ cần phải quan tâm, tạo mọi điều kiện, đặc biệt là tạo dựng không gian xã hội để phụ nữ được thực hiện quyền tham chính của mình, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thực hiện được điều này cũng chính là làm theo lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu trước lúc Người đi xa: “Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo”².

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của phụ nữ và sự cần thiết phải tạo dựng không gian xã hội để phụ nữ thực hiện quyền tham chính

Sinh thời, chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đánh giá cao vai trò của phụ nữ đối với quá trình phát triển của lịch sử dân tộc. Mặc dù, Hồ Chí Minh không viết những tác phẩm lớn bàn luận về vai trò của phụ nữ, nhưng qua những bài nói, bài viết ngắn của Người ở từng nơi, từng lúc đã cho thấy Người luôn trân trọng, đánh giá cao những đóng góp của phụ nữ Việt Nam trong tiến trình lịch sử của dân tộc. Người nhấn mạnh, phụ nữ là một nửa nhân loại, nói đến phụ nữ là nói đến một nửa xã hội. Việt Nam cũng tương tự, “phụ nữ chiếm một nửa tổng số nhân dân”³. Non sông Việt Nam cũng “do phụ nữ ta, trẻ cũng như già, ra sức dệt thêu mà thêm tốt đẹp, rực rỡ”⁴. Phụ nữ là một lực lượng lao động rất quan trọng, cách mạng giải phóng dân tộc muốn thành công cũng cần phải có nữ giới tham gia. Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội là một quá trình khó khăn và lâu dài, trong đó yếu tố tiên quyết là “phải

* Trường Đại học Lạc Hồng

1. Sử sách Việt Nam còn ghi lại những tấm gương sáng ngời về tài ba, nghị lực phi thường của nhiều phụ nữ trong lĩnh vực tham chính như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Dương Vân Nga, Ý Lan, Bùi Thị Xuân... Thời kỳ chống Pháp, có nữ chiến sĩ cộng sản Nguyễn Thị Minh Khai, Hoàng Thị Ngân... Thời kỳ chống Mỹ, có nữ tướng Nguyễn Thị Định. Nhiều phụ nữ đã trưởng thành trong chiến đấu, khi đất nước hòa bình đã tham gia vào công cuộc xây dựng đất nước và thể hiện tài năng trong quản lý đất nước. Bà Nguyễn Thị Bình, nguyên Phó Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là một nhà ngoại giao thông minh và là nhà hoạt động chính trị tài giỏi...

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr.510.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.10, tr.225.

4. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.6, tr.432.

sản xuất thật nhiều. Muốn sản xuất nhiều thì phải có nhiều sức lao động. Muốn nhiều sức lao động thì phải giải phóng lao động của phụ nữ¹. Do đó, cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, nếu phụ nữ chưa được giải phóng thì xã hội mới được giải phóng một nửa và “xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa”².

Trong hoàn cảnh của đất nước bị đô hộ, phụ nữ thuộc địa nói chung, phụ nữ Việt Nam nói riêng phải sống trong cảnh lầm than, bị áp bức, bị tước hết mọi quyền lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục... thậm chí, cả quyền làm người. Năm 1926, khi đang ở Quảng Châu, Trung Quốc, Người viết tác phẩm *Mục dành cho phụ nữ: Về sự bất công*, trong đó có đoạn: “trong xã hội và gia đình, người phụ nữ bị hạ thấp tột bậc và không được hưởng chút quyền gì”³. Thế nhưng, phụ nữ Việt Nam vẫn âm thầm cống hiến tài năng và trí tuệ cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Trong *Di chúc*, Người viết: “trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, phụ nữ đảm đang ta đã góp phần xứng đáng trong chiến đấu và trong sản xuất”⁴.

Trân trọng những đóng góp và hy sinh lớn lao của nữ giới đối với sự phát triển của xã hội cũng như mong muốn xây dựng một xã hội công bằng, bình đẳng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã luôn quan tâm đến việc phải cởi trói cho phụ nữ, tạo dựng không gian xã hội để phụ nữ thực hiện quyền tham chính. Đây là “một cuộc cách mạng khá to và khó”⁵. Bởi lẽ, trải qua hàng nghìn năm dưới chế độ phong kiến hà khắc, những chuẩn mực đạo đức khắc nghiệt và tư tưởng trọng nam khinh nữ, những định kiến về giới đã ăn sâu vào tiềm thức của mỗi cá nhân và mọi tầng lớp trong xã hội. Dù đời sống kinh tế đã có bước phát triển, pháp luật đã dần công nhận quyền bình đẳng giữa nam và nữ nhưng sức ỳ của tâm lý coi thường phụ nữ đã khiến cho xã hội không tin tưởng giao việc cho cán bộ nữ đúng lúc, đúng việc, đúng tầm. Người đã phê phán trực tiếp tâm lý trọng nam khinh nữ đó, đồng thời lên án những hình thức biểu hiện của tâm lý này như việc cất nhắc, đề bạt, giao việc cho phụ nữ chưa tương xứng với khả năng của họ, thiếu công bằng so với nam giới: “Nhiều người còn đánh giá không đúng khả năng của phụ nữ, hay thành kiến, hẹp hòi. Như vậy là rất sai”⁶. Quyền của phụ nữ phải được luật hóa, nhằm đảm bảo phụ nữ phải được “ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện”⁷. Giải phóng phụ nữ, phải đồng thời “tiêu diệt tư tưởng phong kiến, tư tưởng tư sản trong người đàn ông”⁸. Công việc này sẽ khó khăn, phải tuyên truyền, giáo dục lâu dài. Nhiệm vụ của các cấp lãnh đạo là phải quan tâm về công tác triển khai, thực hiện các quyết sách của Đảng và Chính phủ về giải phóng phụ nữ trong thực tế; đồng thời, phải “chú ý hơn nữa đào tạo cán bộ, phát triển đảng viên và đoàn viên phụ nữ”⁹.

Tiền đề thực tiễn và tiên quyết để thực hiện cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t. 9, tr.531.

2. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t. 9, tr.531.

3. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t. 2, tr.452.

4. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t. 12, tr.510.

5. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t. 6, tr.433.

6. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.12, tr.210.

7. Xem: Điều 9, Hiến pháp 1946. Nguồn: [thuvienphapluat.vn](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-1946-Viet-Nam-Dan-Chu-Cong-Hoa-36134.aspx), link truy cập: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-1946-Viet-Nam-Dan-Chu-Cong-Hoa-36134.aspx> (ngày 10/7/2019)

8. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t. 9, tr.532.

9. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.11, tr.194.

thật sự cho phụ nữ là “sự tiến bộ về chính trị, kinh tế, văn hóa, pháp luật”¹. Cuộc cách mạng này phải bắt đầu ở từng người, từng gia đình, đến toàn dân, trong đó, phụ nữ phải chủ động, tự thân cố gắng để giải phóng chính mình, quyết tâm học tập, phát huy sáng kiến, tin tưởng ở khả năng mình, nâng cao tinh thần tập thể, đoàn kết giúp đỡ nhau để giải quyết mọi khó khăn của phụ nữ trong công tác, không nên ỷ lại vào Đảng, Chính phủ. Trong quá khứ, phụ nữ rất ít có điều kiện, cơ hội tham gia lãnh đạo, quản lý xã hội, đất nước để khẳng định mình trước nam giới, do đó, phụ nữ có tâm lý tự ti, thiếu tin tưởng vào năng lực của chính mình. Hệ tư tưởng Nho giáo với các chuẩn mực khắt khe cũng cột chặt người phụ nữ vào thiên chức làm vợ, làm mẹ, trong việc xây dựng gia đình. Phụ nữ thường có tâm lý an phận, tự nguyện lựa chọn vị trí đứng sau nam giới. Tâm lý tự ti và an phận của phụ nữ cũng là một trở ngại cho chính họ trong việc thực hiện quyền tham chính. Hiểu rõ điều này, nhiều lần Hồ Chí Minh đã thẳng thắn phê bình: “Phụ nữ ta còn có một số nhược điểm như bỡ ngỡ, lúng túng, tự ti, thiếu tin tưởng vào khả năng của mình”², và cũng không quên động viên, khuyến khích chị em phụ nữ cố gắng vươn lên khẳng định bản thân: “tất cả phụ nữ phải hăng hái nhận lấy trách nhiệm của người làm chủ đất nước, tức là phải ra sức thi đua tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm để xây dựng nước nhà, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Muốn làm trọn nhiệm vụ vẻ vang đó, phụ nữ ta phải xoá bỏ cái tâm lý tự ti và ỷ lại; phải có ý chí tự cường, tự lập; phải nâng cao lên mãi trình độ chính trị, văn hoá, kỹ thuật”³. Điều này thể hiện lòng nhân ái bao la của một vị lãnh tụ luôn theo sát, cổ vũ và đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng phụ nữ nói chung, tạo dựng không gian xã hội để phụ nữ thực hiện quyền tham chính nói riêng. Đó là “một cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ”⁴, dù to và khó nhưng nhất định thắng lợi.

3. Tạo dựng không gian xã hội để phụ nữ thực hiện quyền tham chính ở Việt Nam hiện nay – những thành tựu và rào cản cần phải vượt qua

Nhận thức được vai trò của phụ nữ đối với tiến trình lịch sử của dân tộc, thẩm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu trong *Di chúc* thiêng liêng, suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, đặc biệt là trong suốt quá trình đổi mới đất nước, Đảng và Nhà nước đã có chủ trương nhất quán thúc đẩy, thể chế hóa quyền bình đẳng của phụ nữ, tạo điều kiện thuận lợi để phụ nữ phát triển, phát huy vai trò, vị thế của mình trong xã hội cũng như thực hiện quyền tham chính⁵. Đại hội Đảng lần thứ XII (2016) tiếp tục khẳng định: “Nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ; thực hiện tốt bình đẳng giới, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển tài năng”⁶. Tạo dựng không gian xã hội để phụ nữ thực

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t. 6, tr.433.

2. Hồ Chí Minh, *Sđd*, t. 10, tr.185.

3. Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.10, tr.294-295.

4. Hồ Chí Minh, *Sđd*, t. 12, tr.510.

5. Chẳng hạn: *Hiến pháp 1992, 2013*; Nghị quyết số 11/NQ-TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về “*Công tác phụ nữ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*”; *Luật Bình đẳng giới* (2006), *Luật Phòng, chống bạo lực gia đình* (2007), *Luật Hôn nhân và gia đình* (2014); *Luật Phòng, chống mua bán người* (2012), *Bộ luật Lao động* (2012), *Luật Việc làm* (2013),...

6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.163.

hiện quyền tham chính là phương tiện quan trọng nhất nhằm đưa đến quyền bình đẳng thực sự cho phụ nữ. Nhờ đó, Việt Nam được đánh giá là quốc gia có nhiều tiến bộ trong cải thiện bình đẳng giới, thể hiện qua các chỉ số khoảng cách giới và bất bình đẳng giới nói chung¹. Trên lĩnh vực chính trị, phụ nữ đã đảm nhận nhiều vị trí quan trọng: liên tục có những phụ nữ đảm nhận vị trí Phó Chủ tịch nước, các nhiệm kỳ Đại hội Đảng luôn có nữ là Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, và hiện nay, người đứng đầu cơ quan quyền lực cao nhất là Quốc hội cũng là nữ², v.v... Điều đó cho thấy, vị thế, vai trò của phụ nữ Việt Nam trên lĩnh vực chính trị ngày càng được khẳng định và nâng cao.

Tuy nhiên, những năm gần đây, khoảng cách về giới³ trong trao quyền về chính trị ở Việt Nam vẫn còn khá lớn và có xu hướng sụt giảm so với các năm trước. *Báo cáo Khoảng cách Giới Toàn cầu 2018 (The Global Gender Gap Report 2018)* của WEF cho thấy, so với thế giới, chỉ số khoảng cách giới trong trao quyền về chính trị của Việt Nam không thuộc nhóm nước có thứ hạng cao, chỉ đạt 0.124 điểm, xếp thứ 99/149 quốc gia được đánh giá⁴. Điều này đồng nghĩa với việc quyền tham chính của phụ nữ ở Việt Nam vẫn còn những hạn chế nhất định⁵. Thực tế cũng cho thấy, cho đến nay, sau 12 kỳ đại hội Đảng, 11 đồng chí giữ vị trí Tổng Bí thư đều là nam giới; hiện nay, tổng số Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư có 24 người thì nữ chỉ có 3 người, chiếm 12,5%; Trong số 63 tỉnh thành phố của cả nước, có 6/63 tỉnh thành có phụ nữ đang giữ vị trí Bí thư Tỉnh ủy⁶ nhiệm kỳ 2016-2020, chiếm 9,52%. Như vậy, dù phụ nữ đã nắm giữ một số vị trí chủ chốt trong hệ thống chính trị, nhưng con số này vẫn thấp hơn rất nhiều so với nam giới. Điều này cho thấy việc tạo dựng không gian xã hội cho phụ nữ thực hiện quyền tham chính dù đã được chú ý, nhưng thực tế vẫn còn nhiều rào cản đối với phụ nữ so với nam giới.

Những rào cản đó có thể là từ khung chính sách, từ công tác cán bộ đối với nữ giới. Tuy nhiên, tác giả bài viết cho rằng, rào cản lớn nhất đối với phụ nữ trong việc thực hiện quyền tham chính là những rào cản từ chuẩn mực văn hóa truyền thống và định kiến về giới, khả năng cân bằng giữa gia đình và sự nghiệp của chính bản thân người phụ nữ.

Về những rào cản từ chuẩn mực văn hóa truyền thống và định kiến giới, có thể nói, trong xã hội hiện nay, mặc dù quá trình hội nhập đang diễn ra sâu rộng, có sự giao thoa

1. UNDP: *Human Development Report*, Communications Development Incorporated, Washington DC, 2011, tr. 141; và WEF: *The Global Gender Gap Report*, WEF, Geneva Switzerland, 2011, tr.350 (theo báo cáo này, ở chỉ số về trao quyền chính trị cho phụ nữ, Việt Nam xếp thứ 76/135 quốc gia, vùng lãnh thổ được đánh giá).

2. Tham khảo tại: <http://quochoi.vn/pct-nguyen-thi-kim-ngan/Pages/qua-trinh-cong-tac.aspx?ItemID=27966> (truy cập ngày 5.5.2019).

3. Khoảng cách giới trong chính trị được đo lường bằng khoảng cách giữa nam và nữ trong việc ra quyết định ở cấp cao nhất. Chỉ số này được tính toán qua tỷ lệ phụ nữ và nam giới nắm các vị trí cấp bộ và tỷ lệ phụ nữ và nam giới trong quốc hội. Ngoài ra, chỉ số còn được bổ sung bằng tỷ lệ phụ nữ so với nam giới về số năm nắm quyền điều hành ở các vị trí đầu não như thủ tướng hoặc chủ tịch nước.

4. Xem: WEF: *The Global Gender Gap Report*, 2018, tr. 293.

Theo Báo cáo này, Giá trị đo lường được tính trong khoảng từ 0-1, theo đó, nước có thứ hạng cao nhất là Iceland với 0.674 điểm, thấp nhất là Yemen với 0.014 điểm.

5. Thứ hạng của Việt Nam ở tiêu chí này có xu hướng sụt giảm qua các năm 2016, 2017 và 2018, lần lượt là 84, 97, 99 (tham khảo *The Global Gender Gap Report* (2016, 2017, 2018) của WEF).

6. Tham khảo tại: <https://vov.vn/nhan-su/chan-dung-6-nu-bi-thu-tinh-uy-duong-nhiem-811152.vov> (truy cập ngày 10.7.2019).

giữa các nền văn hóa, đặc biệt là văn hóa phương Tây, nhưng đâu đó vẫn còn tồn tại “các quy tắc, giá trị và thông lệ được thừa hưởng từ quan niệm “nho giáo” xa xưa”¹. Nền văn hóa Việt Nam với những truyền thống lâu đời, với tâm điểm dựa trên những qui tắc mang tính gia trưởng về gia đình, đề cao vai trò của nam giới, ủng hộ nam giới thực hiện vai trò lãnh đạo, còn nữ giới phải thực hiện vai trò “xây tổ ấm”. Các công việc nội trợ, chăm sóc các thành viên trong gia đình gần như được “mặc định” là trách nhiệm của người phụ nữ, cho dù, những chuẩn mực đó đang ngày càng xung đột với những chuẩn mực mới và xu hướng phát triển của xã hội hiện đại. Những quan niệm và chuẩn mực văn hóa cũ xưa ấy chính là rào cản lớn nhất đối với nữ giới trong việc thực hiện quyền tham chính cũng như trong quá trình vươn lên khẳng định vị trí, vai trò của họ trong xã hội.

Khả năng cân bằng giữa gia đình và sự nghiệp của chính bản thân người phụ nữ cũng là một rào cản lớn trong quá trình đưa phụ nữ đến với quyền tham chính. Thật vậy, ở Việt Nam nói riêng và các nước châu Á nói chung, phụ nữ thường phải dành nhiều thời gian, công sức cho công việc gia đình, trong khi nam giới tập trung nhiều hơn cho công tác xã hội, điều đó đã trở thành nếp nghĩ truyền thống của xã hội. Theo báo cáo của Tổ chức Quốc tế Chống đói nghèo tại Việt Nam (ActionAid Việt Nam) thì phụ nữ dành trung bình 4,5 giờ/ngày cho công việc chăm sóc không lương, 32 giờ/tuần, 207 ngày/năm. Như vậy, mỗi năm một phụ nữ mất khoảng 7 tháng cho các công việc chăm sóc không lương². Các chuyên gia từ ActionAid Việt Nam cũng cho biết, hiện nay phụ nữ vẫn dành thời gian cho các công việc chăm sóc không lương nhiều hơn nam giới. Người phụ nữ, ngay cả “khi phải đi làm kiếm tiền ở bên ngoài, vẫn phải gánh nhiều trách nhiệm trong gia đình, đặc biệt là chăm sóc con cái và các thành viên lớn tuổi trong gia đình”³. Thực tế đó dẫn đến việc phụ nữ thường có xu hướng chịu nhiều bất lợi hơn so với nam giới trong quá trình xem xét, đề bạt lên các vị trí lãnh đạo, quản lý. Vì vậy, một rào cản cản trở phụ nữ thực hiện quyền tham chính không chỉ nằm ở yếu tố văn hóa, định kiến giới, tâm lý bần khổ của lãnh đạo cấp trên về khả năng lãnh đạo, quản lý của phụ nữ mà còn về việc liệu phụ nữ có thể toàn tâm, toàn ý cho công việc hay không trong khi còn nặng gánh công việc gia đình.

4. Những giải pháp chủ yếu tạo dựng không gian xã hội để phụ nữ thực hiện quyền tham chính ở Việt Nam hiện nay

Giải phóng phụ nữ là giải phóng “phần nửa xã hội”, là một phần của sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người mà chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu đã dành cả cuộc đời mình để tranh đấu. Trong *Di chúc*, Người đã căn dặn Đảng và Chính phủ các công việc cần phải làm rất tỉ mỉ và căn cơ, trong đó, “công việc đối với con người”, đối với “phần nửa xã hội” là một trong những việc quan trọng, cần phải làm ngay. Đây cũng là vấn đề mà Người đã rất trăn trở, sửa chữa, gạch xóa khá nhiều lần trong *Di chúc* mặc dù chỉ “viết thêm mấy điểm không đi sâu vào chi tiết”⁴. Phải cân nhắc kỹ càng như thế bởi

1. WB và UNDP tại Việt Nam: *Chuẩn bị cho tương lai các chiến lược ưu tiên nhằm thúc đẩy bình đẳng giới tại Việt Nam*, WB và UNDP, Hà Nội, 2005, tr.7.

2. ActionAid Việt Nam: *Để ngôi nhà trở thành tổ ấm – Khuyến nghị chính sách*, AAV, Hà Nội, 2016, tr.8.

3. Đại sứ quán Australia: *Dẫn đầu với nhiều gương điển hình Thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ ở Việt Nam*, Đại sứ quán Australia, Hà Nội, 2015, tr.12.

4. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t. 12, tr.509.

Người biết trước rằng “đó là một công việc cực kỳ to lớn, phức tạp và khó khăn”¹.

Suốt 50 năm qua, công việc giải phóng “phần nửa xã hội” trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội vẫn được Đảng và Nhà nước ta kiên trì thực hiện từng bước, trong đó, tạo dựng không gian để phụ nữ thực hiện quyền bình đẳng về chính trị - quyền tham chính luôn được quan tâm nhiều hơn. Bên cạnh những thành tựu đáng ghi nhận, vẫn còn những rào cản cần phải vượt qua, đặc biệt là rào cản về chuẩn mực văn hóa truyền thống và định kiến về giới, khả năng cân bằng giữa gia đình và sự nghiệp của người phụ nữ. Để tháo dỡ những rào cản nói trên, cần phải có một hệ thống các giải pháp khoa học, phù hợp, trong đó, những giải pháp chủ yếu nhằm tạo dựng không gian xã hội cho phụ nữ thực hiện quyền tham chính ở Việt Nam hiện nay bao gồm:

Thứ nhất, trao quyền năng về kinh tế cho phụ nữ. Đây là giải pháp cơ bản, có tính nguyên tắc và chủ yếu nhất trong hành trình giải phóng phụ nữ nói chung, tạo dựng không gian để phụ nữ thực hiện quyền tham chính nói riêng. Nắm quyền về kinh tế là tiền đề thực tiễn đầu tiên, quyết định việc nắm quyền về chính trị và tư tưởng. Trao quyền năng kinh tế cho phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới trên lĩnh vực kinh tế không có nghĩa là mọi người thuộc các giới khác nhau thì phải như nhau, mà bình đẳng giới đề cập đến các quyền, các cơ hội trong lĩnh vực kinh tế không bị phụ thuộc hoặc giới hạn bởi giới tính về mặt sinh học của họ hoặc giới mà xã hội gán cho họ. Do đó để đạt được bình đẳng giới, chúng ta cũng không nhất thiết phải đối xử với tất cả mọi người như nhau, mà chúng ta cần phải tính đến những khác biệt về nhu cầu và về vai trò của các giới trong cuộc đấu tranh với những bất bình đẳng giới đang tồn tại.

Trao quyền năng kinh tế cho phụ nữ cũng không phải là việc trên giấy hay ghi nhận trong các văn bản pháp luật, mà phải được thực thi nghiêm túc trong thực tế, từ cơ hội việc làm đến việc công nhận những cống hiến của phụ nữ trên lĩnh vực kinh tế. Trao quyền năng kinh tế cho phụ nữ cũng cần đảm bảo cho tất cả phụ nữ thuộc các cộng đồng dân tộc thiểu số và có thu nhập thấp, cũng như cho các nữ doanh nhân và những người cần có và xứng đáng được có một môi trường bình đẳng để phát triển công việc kinh doanh của họ. Sự cải cách và sáng tạo từ môi trường kinh tế lành mạnh có thể mang đến những khuôn mẫu mới, tạo ra nhiều cơ hội cho sáng kiến, chấp nhận những giá trị mới qua đó tăng sự chấp nhận của xã hội đối với vị trí của phụ nữ trong hoạt động tham chính. Ngược lại, sự bất bình đẳng về quyền năng kinh tế của phụ nữ có thể hạn chế sự tham gia của phụ nữ vào lĩnh vực chính trị khi cá nhân không được tự do phát triển và buộc phải thực hiện những hoạt động không công bằng và minh bạch.

Thứ hai, tháo dỡ những rào cản, tạo dựng không gian xã hội để phụ nữ thực hiện quyền tham chính ở Việt Nam hiện nay là quá trình tự giải phóng, cần phải có sự chủ động và nỗ lực không ngừng của chính bản thân phụ nữ. Cùng với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về ưu tiên phát triển phụ nữ, phụ nữ Việt Nam phải có ý thức học tập, nâng cao nhận thức về các lĩnh vực kinh tế - chính trị, văn hóa, tư tưởng, ... trang bị cho mình các kỹ năng cần thiết và sự tự tin, năng động, độc lập, vững vàng hơn trước những vận hội và thách thức. Từ đó, có thể tự bảo vệ mình, từng bước khẳng định vị thế của mình trong

1. Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.12, tr.509.

xã hội và trên lĩnh vực chính trị, góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Thứ ba, dỡ bỏ các rào cản, tạo dựng không gian xã hội để phụ nữ Việt Nam thực hiện quyền tham chính cần có sự chung tay của toàn xã hội, là sự nghiệp của toàn xã hội. Mặc dù sự giải phóng, tạo dựng không gian xã hội để thực hiện quyền tham chính của phụ nữ là yêu cầu tự thân và do phụ nữ làm lấy, nhưng một điều không kém quan trọng là sự chung tay của toàn xã hội. Bên cạnh việc thực thi các văn bản pháp luật về Bình đẳng giới cũng như vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong bảo vệ quyền cho phụ nữ, cần phải phát huy mạnh mẽ ưu thế của truyền thông, dư luận xã hội trong việc đảm bảo quyền con người đối với phụ nữ nói chung và quyền tham chính nói riêng. Trong bối cảnh hiện nay, với sự phát triển mạnh mẽ của các phương tiện truyền thông, mạng xã hội, phụ nữ Việt Nam cũng có nhiều cơ hội để tiếp cận và thụ hưởng các thành tựu về kinh tế, văn hóa, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, v.v... để nâng cao trình độ nhận thức về giá trị bản thân, học vấn, sự tự tin và dũng cảm để vượt qua những rào cản về văn hóa truyền thống, định kiến trong xã hội để thực hiện quyền tham chính. Sự phát triển của phương tiện truyền thông, mạng xã hội, thái độ của dư luận cũng góp phần tạo ra áp lực và ngăn chặn, giảm thiểu tình trạng đối xử bất công, bạo lực đối với phụ nữ.

Sự tham gia của xã hội trong việc tháo dỡ các rào cản, mở đường cho phụ nữ đến với các hoạt động tham chính còn thể hiện ở việc giáo dục kiến thức về bình đẳng giới trong các cơ sở giáo dục, ở tất cả các cấp học, đặc biệt là cấp tiểu học. Trang bị cho các bé gái, nữ sinh kiến thức về quyền và giá trị bản thân. Nam giới và trẻ em trai cũng đóng vai trò tích cực trong việc nâng cao vị thế của phụ nữ và phối hợp với phụ nữ để thay đổi cơ cấu, quan hệ quyền lực hướng tới bình đẳng giới nói chung và bình đẳng giới trên lĩnh vực chính trị nói riêng.

Kết luận

Tạo dựng không gian xã hội để phụ nữ thực hiện quyền tham chính trong *Di chúc* của chủ tịch Hồ Chí Minh không những là luận điểm sáng tạo của Người gắn với thực tiễn cách mạng Việt Nam, mà còn là cơ sở để Đảng, Nhà nước ta đề ra các chủ trương, chính sách có liên quan vì sự tiến bộ của phụ nữ, nhằm xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ và trẻ em gái ở mọi nơi.

Trong quá trình học tập và làm theo lời căn dặn của Người trong *Di chúc* về giải phóng phụ nữ, Đảng và Nhà nước luôn chú trọng việc tạo dựng không gian xã hội để phụ nữ Việt Nam vươn lên làm chủ cuộc sống. Tuy còn gặp phải những khó khăn, vướng mắc bởi những tàn dư trong tư tưởng, định kiến giới, và cả những hạn chế trong xây dựng và thực thi các chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, nhưng thành tựu đạt được trong việc giải phóng phụ nữ của Việt Nam những năm qua là một bước tiến dài, cần được ghi nhận và phát huy. Để thúc đẩy việc tạo dựng không gian xã hội cho phụ nữ trong thực hiện quyền tham chính, cần phải có một hệ thống các giải pháp khoa học, phù hợp, trong đó, giải pháp căn cơ nhất là trao quyền kinh tế cho phụ nữ, sự độc lập về kinh tế là cơ sở để làm chủ xã hội, làm chủ bản thân mình, do đó, sự nghiệp giải phóng phụ nữ, tạo dựng không gian xã hội để phụ nữ thực hiện quyền tham chính là sự nghiệp tự thân của phụ nữ. Giải phóng phụ nữ là giải phóng “phần nửa của xã hội”, vì vậy, đó cũng là sự nghiệp của toàn xã hội, đòi hỏi sự chung tay của tất cả mọi người./.

ĐỌC LẠI DI CHÚC CỦA BÁC, NGHĨ VỀ THỰC TRẠNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CHO THẾ HỆ TRẺ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*TS. Ngô Thị Huyền**

*TS. Lê Thị Kim Chi***

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tầm quan trọng của giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ

Cách đây 50 năm, trước lúc đi xa, chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu đã để lại bản *Di chúc* thiêng liêng, kết tinh trong đó những điều cốt lõi về tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người. Trong *Di chúc*, Người đã dành một phần nói về vai trò của thanh niên và không quên căn dặn Đảng phải quan tâm giáo dục đạo đức cho thanh niên. Người viết: Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng”, vừa “chuyên”¹. Việc “bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”².

Tư tưởng của Hồ Chí Minh về tầm quan trọng của việc giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ xuất phát từ quan niệm của Người về vai trò của thanh niên - với tư cách là tương lai của loài người nói chung và của mỗi dân tộc nói riêng. Sự phát triển của lịch sử nhân loại cũng như của mỗi dân tộc đều tuân theo quy luật phát triển liên tục, thế hệ này nối tiếp thế hệ khác. Do đó, tương lai của đất nước, của dân tộc nằm ngay trong tay các thế hệ thanh niên. Người khẳng định, thanh niên là lực lượng cách mạng hùng hậu, bộ phận quan trọng của dân tộc, là lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng của cha anh và kết nối quá khứ với tương lai: “Thanh niên là người tiếp sức cách mạng cho thế hệ thanh niên già, đồng thời là người phụ trách dìu dắt thế hệ thanh niên tương lai - tức là các cháu nhi đồng”³. Mỗi thế hệ chỉ có thể hoàn thành được nhiệm vụ của mình trong một chặng đường cách mạng nhất định và phải được thế hệ sau tiếp bước. Thanh niên “là mùa xuân của xã hội”, là “những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội”⁴. Vì vậy, quan tâm đến sự nghiệp giáo dục, bồi dưỡng thế hệ kế tiếp là một tất yếu, quan trọng và cần thiết.

Việc giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ là quan trọng và cần thiết còn xuất phát từ vai trò của đạo đức đối với người làm cách mạng, đạo đức là “gốc” của người cách mạng. Người nói: “cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài

**Trường Đại học Lạc Hồng*

***Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr.516.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr.516.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 10, tr.488.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr.516.

giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát”¹. Có đạo đức cách mạng thì khi gặp khó khăn, gian khổ, thất bại cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước. Thanh niên là những người kế tục sự nghiệp cách mạng của cha anh, vì vậy, Đảng phải quan tâm giáo dục họ, trong đó phải đặc biệt chú trọng giáo dục đạo đức, để họ trở thành những con người tốt, những công dân tốt, có ích cho bản thân, gia đình và đất nước. Người cho rằng, việc dạy trẻ cũng như trồng cây non. Cây non được trồng tốt thì sau này cây sẽ lên tốt. Dạy trẻ nhỏ tốt thì sau này các em sẽ thành người tốt.

2. Thực trạng giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ ở Việt Nam hiện nay

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tầm quan trọng của giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ trong các tác phẩm của Người nói chung và trong *Di chúc* nói riêng mang tính thời đại sâu sắc. Giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ luôn được Đảng, Nhà nước, gia đình, nhà trường và toàn xã hội quan tâm. Những năm qua, nhiều nghị quyết, chỉ thị của Đảng² về công tác thanh niên và giáo dục thế hệ trẻ đã được triển khai, đạt nhiều kết quả. Nhờ đó, thanh niên Việt Nam đã có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế. Thanh niên Việt Nam tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng của các thế hệ cha anh, có thái độ và ý thức chính trị rõ ràng đối với vận mệnh của đất nước, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, “mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ”³.

Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận thanh niên thiếu bản lĩnh và không nghiêm túc trong rèn luyện, phấn đấu, một bộ phận thanh niên đã phai nhạt lý tưởng, sống buông thả, lười học tập và tu dưỡng đạo đức, thậm chí có người đã vi phạm pháp luật, v.v... Theo số liệu của Bộ Công an, trong tổng số hàng trăm vụ án mạng nghiêm trọng xảy ra gần đây trên cả nước, các đối tượng phạm tội có xu hướng trẻ hóa, số vụ thanh, thiếu niên phạm tội tăng, trong đó có nhiều vụ phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng⁴. Thống kê của Tòa án Nhân dân tối Cao cũng cho thấy, bình quân mỗi năm có hơn 3.000 trẻ vị thành niên bị đưa ra xét xử về hình sự. Điều đáng lo ngại là, nếu như trước đây, hành vi vi phạm pháp luật hình sự của người chưa thành niên chỉ khu biệt ở nhóm tội xâm phạm sở hữu, xâm phạm trật tự công cộng, cố ý gây thương tích, thì nay ở tội danh nào cũng có sự góp mặt của trẻ vị thành niên⁵. Sự gia tăng tội phạm ở lứa tuổi vị thành niên ở mọi lĩnh vực với hành vi và thủ đoạn ngày càng xảo quyệt thật sự đáng lo ngại cho toàn xã hội. Bởi lẽ, một mặt ảnh hưởng đến tương lai của chính thế hệ trẻ, gây cản trở sự phát triển lành mạnh của xã hội, bền vững của đất nước; mặt khác dễ bị các thế lực thù địch khai thác, lợi dụng để tiến hành chiến lược “diễn biến hòa bình”, hòng chống phá cách mạng của nhân dân ta.

Trong nhiều căn nguyên, sự buông lỏng, xem nhẹ trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ được xem là nguyên nhân cơ bản, hàng đầu. *Về phía gia đình*, đó là sự thiếu quan tâm đến con cái của nhiều bậc làm cha mẹ, phương pháp

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 5, tr.489-490.

2. Chỉ thị số 42 - CT/TW của Ban Bí thư T.Ư Đảng khóa XI về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 - 2030”.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 12, tr.516.

4. Xem: <https://anninhthudo.vn/chinh-tri-xa-hoi/toi-pham-ngay-cang-tre-hoa-nhieu-vu-gay-hau-qua-dac-biet-nghiem-trong/778260.antd> (truy cập ngày 10.4.2019).

5. Xem: <https://diendanphapluat.vn/tinh-trang-tre-hoa-toi-pham/> (truy cập ngày 10.4.2019).

giáo dục không phù hợp với sự thay đổi của xã hội. Trước tình trạng trong xã hội ngày càng nhiều người trẻ có hành vi trái với đạo đức, phạm tội, kể cả những tội rất nguy hiểm, trách nhiệm của gia đình trong việc giáo dục đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ đang trở thành vấn đề thời sự, cần được toàn xã hội quan tâm. Gia đình là tế bào của xã hội, mọi gia đình tốt thì xã hội sẽ tốt. Thế nhưng, xã hội phát triển, bối cảnh sống thay đổi đã làm cho người Việt Nam có những thay đổi trong nhìn nhận về các giá trị sống. Đồng thời cũng làm bộc lộ những hạn chế nhất định trong phương pháp giáo dục con cái của gia đình truyền thống. Áp lực công việc đã làm cho không ít cha mẹ lao vào vòng quay kiếm tiền, phó mặc con cái cho nhà trường và xã hội; *về phía nhà trường*, sự quá tải trong truyền thụ kiến thức cho học sinh và áp lực từ những đánh giá xã hội về thành tích của các nhà trường đã làm cho các thầy cô không có đủ thời gian chăm lo giáo dục đạo đức cho học sinh một cách cẩn kẽ, khoa học để các em có thể thấu hiểu và có những trải nghiệm cảm xúc thật sự với những giá trị đạo đức. Những biến đổi theo hướng tiêu cực này có phần mang tính khách quan do tác động phát triển xã hội, kinh tế và công nghệ thông tin. Nhưng cũng có những nguyên nhân chủ quan. Theo giáo sư Trần Ngọc Thêm, việc đề cao vai trò người thầy với quan niệm nghề giáo là nghề cao quý nhất, là mẫu hình lý tưởng cho học trò về mọi phương diện đã dẫn đến hệ quả là xung đột sâu sắc giữa quan niệm đó với thực tế là nghề giáo có thu nhập vào loại thấp nhất¹. Việc quá đề cao vai trò người thầy cũng dẫn đến hệ quả là một bộ phận người thầy ngộ nhận về quyền lực của mình². Và, như một phản ứng ngược lại dẫn đến sự xung đột của học trò với người thầy³; *về phía xã hội*, sự phát triển của kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và mở cửa ngày càng sâu rộng, với mạng xã hội như một phương tiện kết nối và truyền thông nhanh chóng và rộng khắp, hệ giá trị sống của thế hệ trẻ thay đổi nhanh chóng và đa dạng hóa nhờ khả năng tiếp cận nhiều thông tin, nhiều loại giá trị trên khắp thế giới. Sự thay đổi hệ giá trị sống của mỗi cá nhân dẫn đến thế hệ trẻ có những đòi hỏi mới về cách thức ứng xử với họ trong cuộc sống nói chung, trong giáo dục đạo đức nói riêng. Trong khi đó, vai trò định hướng của xã hội đối với một bộ phận giới trẻ vẫn còn mờ nhạt và chưa hiệu quả, dẫn đến đạo đức của một bộ phận không nhỏ những người trẻ đi xuống, với biểu hiện là đề cao lối sống hưởng thụ, ăn chơi lêu lổng, đua đòi thích thể hiện mình.

3. Những giải pháp chủ yếu nhằm đẩy mạnh giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ theo Di chúc Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

Thế hệ trẻ là tương lai của đất nước, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau trong tình hình hiện nay cần đặc biệt coi trọng việc giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên. Đó là giáo dục lòng yêu lao động, ý chí tự lực tự cường, lòng tự tôn dân tộc, khát vọng vươn lên chiếm lĩnh đỉnh cao trí tuệ, không cam chịu nghèo nàn lạc hậu; giáo dục tinh thần xung kích, tình nguyện vì cộng đồng và sự phồn vinh của đất nước; ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật; kế thừa và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống, đấu tranh chống

1. Xem: <https://thanhnien.vn/giao-duc/nguoi-thay-ngo-nhan-quyen-luc-dan-den-hien-tuong-quai-dan-957005.html> (truy cập ngày 10.4.2019).

2. Chẳng hạn, trường hợp cô giáo lớp 11 ở huyện Nhà Bè (TP.HCM) không nói suốt 3 tháng đứng lớp, cô giáo lớp 3 ở Hải Phòng bắt học sinh súc miệng bằng nước giẻ lau bảng...

3. Trường hợp học sinh lớp 8 bóp cổ cô giáo ở Bến Tre, học sinh lớp 12 đâm thầy ở Quảng Bình, phụ huynh xông vào tát cô giáo tại lớp học ở Hải Phòng, phụ huynh bắt cô giáo quỳ gối ở Long An là những ví dụ điển hình cho sự xung đột nói trên.

lối sống ích kỷ, xa lạ với những giá trị tốt đẹp của dân tộc ta... Giáo dục đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội. Theo đó, cần thực hiện tốt các giải pháp chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, nhận thức đúng, đầy đủ tính cấp bách và tầm quan trọng của công tác giáo dục đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ, từ đó xác định trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân và toàn xã hội đối với công tác này.

Thứ hai, xây dựng môi trường lành mạnh, tạo điều kiện để thế hệ trẻ học tập, rèn luyện, phấn đấu, trưởng thành. Phương pháp nêu gương người tốt việc tốt cần phải được quán triệt và nghiêm túc thực hiện. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tư khoá XI về công tác xây dựng Đảng; Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; phát huy vai trò, trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên; ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, công chức, đảng viên. Xây dựng và phát huy lối sống đoàn kết, thương yêu giữa các thành viên trong gia đình, thôn xóm, nhà trường, và các tổ chức, đoàn thể. Tăng cường quản lý văn hoá, thông tin, kịp thời ngăn chặn các sản phẩm văn hoá độc hại, thông tin sai trái tác động đến nhận thức, tư tưởng, tình cảm của thế hệ trẻ, nhất là qua các trang mạng xã hội, trang web phân động, đồi trụy. Có cơ chế khuyến khích, tạo điều kiện để các cơ quan văn hoá, văn học nghệ thuật, xuất bản, báo chí sáng tác và phổ biến tác phẩm có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật, góp phần định hướng, giáo dục đạo đức mới cho thế hệ trẻ. Tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, tạo không gian an toàn cho thế hệ trẻ để họ được học tập, lao động và sáng tạo.

Thứ ba, tăng cường giáo dục chính trị cho thế hệ trẻ bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, với sự tham gia, phối hợp có trách nhiệm của nhà trường, gia đình, đoàn thể và toàn xã hội. Thường xuyên trao đổi, đối thoại với thế hệ trẻ, kịp thời nắm bắt, dự báo tình hình tư tưởng, định hướng dư luận xã hội.

Kết luận

Nửa thế kỷ đã đi qua kể từ ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt bút viết những dòng cuối cùng trong bản *Di chúc*, thời gian không ngừng trôi với biết bao sự biến đổi và phát triển của đất nước, dân tộc và quốc tế, song những chỉ dẫn của Người về công tác giáo dục đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ trong *Di chúc* vẫn là kim chỉ nam, định hướng cho công tác bồi dưỡng thế hệ trẻ, đội ngũ kế cận của Đảng trong quá trình đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế.

Thế hệ trẻ ngày nay được sống, lao động, học tập trong môi trường hòa bình; được thừa hưởng những thành quả của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và công cuộc đổi mới đất nước. Họ được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược bồi dưỡng, phát huy nhân tố và nguồn lực con người. Những lợi thế đó là hành trang giúp thanh niên vững bước tham gia vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”./.

NGHIÊN CỨU CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA LOGIC HỌC BIỆN CHỨNG TRONG BẢN DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*ThS. Trần Thị Liên**

I. Đặt vấn đề

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người học trò xuất sắc của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin, cho nên thế giới quan, tư duy triết học của Người là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Tuy không có những tác phẩm triết học, hay các công trình nghiên cứu triết học cụ thể, nhưng trong tư tưởng cũng như hoạt động thực tiễn của mình, Hồ Chí Minh đã bộc lộ một trình độ triết học sâu sắc, uyên bác. Điều này được biểu hiện qua việc Người nắm vững và vận dụng các nguyên tắc của logic học biện chứng vào thực tiễn cách mạng Việt Nam một cách nhuần nhuyễn. Và nội dung của bản Di chúc chính là một biểu hiện sinh động cho nhận định này.

Thông qua những lời dặn dò trong bản Di chúc, Người đã trang bị cho cán bộ, đảng viên và nhân dân lao động những nguyên tắc cơ bản trong nhận thức và hoạt động thực tiễn, giúp chúng ta nhìn nhận, xem xét, đánh giá đúng tình hình, đề ra đường lối, chủ trương, chính sách sát thực tế, có hiệu quả; đồng thời không rơi vào dao động, không mắc phải sai lầm ảo tưởng, chủ quan, duy ý chí cũng như giáo điều, xét lại,...

Kể từ khi bản Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh được công bố lần đầu tiên năm 1969, có rất nhiều công trình khoa học trong và ngoài nước đã nghiên cứu về giá trị to lớn của tác phẩm này. Tuy nhiên, số lượng các công trình nghiên cứu bản Di chúc dưới góc độ triết học còn rất hạn chế. Vì vậy, nhân dịp kỷ niệm 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tôi mạnh dạn nghiên cứu tác phẩm này với chủ đề *Nghiên cứu các nguyên tắc cơ bản của logic học biện chứng trong bản Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*.

Với tính cách một khoa học, logic học biện chứng có những nguyên tắc và phạm trù xác định. Trong bài viết này, tác giả sẽ phân tích và góp phần làm rõ các nguyên tắc của logic học biện chứng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nắm vững và vận dụng trong việc viết bản Di chúc. Những nguyên tắc cụ thể là: nguyên tắc khách quan, nguyên tắc toàn diện, nguyên tắc phát triển, nguyên tắc thực tiễn, nguyên tắc tích cực, nguyên tắc lịch sử – cụ thể, nguyên tắc mâu thuẫn, nguyên tắc đi từ cái đơn nhất đến cái chung và ngược lại.

II. Giải quyết vấn đề

Trong cuộc họp ngày 3 tháng 9 năm 1969, đồng chí Vũ Kỳ - thư ký của Bác - đã báo cáo với Trung ương một tài liệu do Bác viết.

Đồng chí Vũ Kỳ báo cáo với Trung ương: Từ năm 1965, Bác Hồ bắt đầu suy nghĩ và viết sẵn một số điều dặn lại cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân phòng khi Bác qua đời.

*Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh

Đúng ngày truy điệu đưa tiễn Bác, một phần những trang viết trong tài liệu đó đã được Trung ương công bố với tên gọi *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*.

Từ ngày 10/5/1965 đến lúc kết thúc viết Di chúc ngày 10/5/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần chỉnh sửa, bổ sung và viết lại. Năm 1966 và 1967, Chủ tịch Hồ Chí Minh không có bản viết riêng, chỉ có hai bản bổ sung vào Di chúc năm 1965. Năm 1968, Người viết bổ sung một đoạn gồm 6 trang viết tay, ngày 10/5/1969 viết lại toàn bộ phần mở đầu Di chúc, gồm một trang viết tay.

Nội dung cốt lõi mà bản Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập đến bao gồm vấn đề về Đảng, về đoàn viên thanh niên, về nhân dân lao động, dự báo cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta, về phong trào cộng sản thế giới, và về một số việc riêng... Người cũng nói lên mong muốn cuối cùng trước lúc đi xa là toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Việc nghiên cứu, phân tích kỹ từng nội dung của bản Di chúc sẽ giúp chúng ta thấy được cách Người vận dụng những nguyên tắc cơ bản của logic học biện chứng vào từng vấn đề của cách mạng Việt Nam, góp phần đưa cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi cuối cùng.

Trước hết, cần hiểu rõ nguyên tắc là những điều cơ bản được định ra buộc chủ thể nhận thức hoặc hành động phải tuân theo nhằm đạt được mục đích nào đó. Nguyên tắc của logic học biện chứng được khái quát từ ba quy luật chung của phép biện chứng duy vật trong triết học là quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập, quy luật những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại, quy luật phủ định của phủ định.

Năng lực tư duy biện chứng là tổng hợp những phẩm chất tư duy ở trình độ cao, là khả năng nắm bắt và vận dụng nhuần nhuyễn, linh hoạt, sáng tạo các nguyên lý, phạm trù, quy luật của phép biện chứng với tư cách phương pháp nhận thức và nguyên tắc mà tư duy phải tuân theo nhằm giải quyết một cách hiệu quả nhất những vấn đề nhận thức và thực tiễn đang đặt ra. Năng lực tư duy biện chứng của Chủ tịch Hồ Chí Minh được đặc trưng bởi sự hiểu biết và vận dụng các nguyên lý, phạm trù, quy luật của phép biện chứng duy vật, cũng như các nguyên tắc, phạm trù của logic biện chứng vào việc giải quyết những vấn đề của cách mạng Việt Nam đặt ra, đưa cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi.

1. Nguyên tắc khách quan

Có thể nói, nguyên tắc khách quan là nguyên tắc đầu tiên, là xuất phát điểm của logic học biện chứng. Nguyên tắc này nhằm đảm bảo tính khách quan trong quá trình phản ánh, bảo đảm sự phù hợp giữa tư duy với bản chất của sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan.

Nguyên tắc khách quan đòi hỏi trong quá trình nhận thức cũng như trong hành động, phải xuất phát từ bản thân sự vật, hiện tượng, chúng tồn tại khách quan, độc lập với ý thức con người. Yêu cầu của nguyên tắc khách quan là phải xem xét sự vật, hiện tượng đúng như bản thân vốn có của nó trong hiện thực, không bóp méo, không xuyên tạc sự thật. Trong phần đầu của bản Di chúc, Người khẳng định: *“Năm nay, tôi vừa 79 tuổi, đã là lớp người “xưa nay hiếm” nhưng tinh thần, đầu óc vẫn rất sáng suốt, tuy sức khoẻ có kém so với vài năm trước đây. Khi người ta đã ngoài 70 xuân thì tuổi tác càng cao, sức khoẻ càng thấp.*

*Điều đó cũng không có gì lạ*¹. Bốn năm trời để viết một di chúc, lại chọn đúng dịp ngày sinh của mình, từ ngày 10 tháng 5 đến ngày 20 tháng 5, mỗi ngày dành đúng một tiếng, từ 9 giờ đến 10 giờ, để suy nghĩ và viết về ngày ra đi của mình một cách rất thanh thản, ung dung, đó chính là biểu hiện rõ ràng nhất của việc nhận thức đúng đắn quy luật tất yếu khách quan. Dù có ở thời đại nào đi chăng nữa thì con người cũng không thể chống lại quy luật sinh – lão – bệnh – tử. Người đã thể hiện sự tôn trọng quy luật khách quan, nhận thức và hành động theo quy luật khách quan một cách rất gần gũi, tự nhiên.

Nguyên tắc khách quan còn đòi hỏi khi xem xét sự vật, hiện tượng phải xuất phát từ những thuộc tính và những quy luật khách quan vốn có của sự vật, hiện tượng; phải tôn trọng quy luật khách quan, đồng thời phải nhận thức và hành động theo quy luật khách quan, không được xem thường quy luật khách quan, hành động bất chấp quy luật khách quan. Điều này được thể hiện ngay ở những dòng đầu tiên của bản Di chúc: *“Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn”*².

Vì sao Người lại khẳng định một cách chắc chắn như vậy?

Nghiên cứu những quy luật cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, chúng ta biết rằng có áp bức thì tất yếu có đấu tranh. Sự phát triển của xã hội loài người tất yếu sẽ tiến đến giai đoạn xóa bỏ mọi sự áp bức, bất công trong xã hội; cái cũ lỗi thời, lạc hậu tất yếu sẽ bị thay thế bằng một cái mới tiến bộ hơn. *“Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”*. Đó là một điều chắc chắn, không gì có thể thay đổi được.

Bảo đảm nguyên tắc khách quan không có nghĩa là coi nhẹ vai trò của nhân tố chủ quan, xem thường tính năng động, sáng tạo của ý thức, bởi lẽ, nguyên tắc này còn đòi hỏi phải phát huy mạnh mẽ tính năng động chủ quan, tính sáng tạo của ý thức trong quá trình nhận thức. Chúng ta có thể thấy biểu hiện của nguyên tắc này ở Hồ Chí Minh chính là quá trình kiên trì rèn luyện sức khỏe, để chống chọi lại bệnh tật, tuổi tác, sự khắc nghiệt của chiến tranh, sự thiếu thốn về vật chất, y tế... lúc đó. Sự khổ công rèn luyện về mặt thể chất đã giúp Bác đạt được độ tuổi *“xưa nay hiếm”* so với lúc bấy giờ.

Như vậy, nắm vững nguyên tắc khách quan sẽ giúp chúng ta tránh được quan điểm duy tâm trong nhận thức và hành động. Tôn trọng cái khách quan, đồng thời phải biết phát huy mạnh mẽ vai trò nhân tố chủ quan trong việc nhận thức và hành động, từ đó, chống lại thái độ xem thường, không tôn trọng quy luật khách quan hoặc trông chờ, thụ động trước hoàn cảnh, ngại khó.

2. Nguyên tắc toàn diện

Nguyên tắc toàn diện xuất phát từ nguyên lý về mối liên hệ phổ biến của phép biện chứng duy vật.

Sự vật, hiện tượng tồn tại trong hiện thực với những mối liên hệ, quan hệ rất phong phú và đa dạng, nên để phản ánh một cách đầy đủ về chúng, chúng ta phải xem xét sự vật,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 621.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 621.

hiện tượng như là một hiện thực tồn tại khách quan, nghĩa là phải xem xét đến tất cả mối liên hệ, quan hệ của chúng. Nói cách khác, chúng ta phải có quan điểm toàn diện.

Nắm vững nguyên tắc này, Hồ Chí Minh đã “*để sẵn mấy lời*” để đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột. Tuy nhiên, mấy lời mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại lại bao quát mọi vấn đề của cách mạng Việt Nam, mọi đối tượng tham gia vào cuộc chiến đấu ấy, để đảm bảo cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi cuối cùng. Đó là các vấn đề về Đảng, về đoàn viên thanh niên, về nhân dân lao động, dự báo cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta, về phong trào cộng sản thế giới, và về một số việc riêng... Tất cả những vấn đề này đều có mối liên hệ mật thiết với nhau, ràng buộc chặt chẽ với nhau trong một chỉnh thể thống nhất, đó chính là cuộc cách mạng mà toàn Đảng, toàn dân ta đang ra sức thực hiện.

Hay trong bản sửa chữa năm 1968, khi đề cập đến công việc mà toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta phải ra sức làm ngay sau khi cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi, Người cho rằng “*phải có kế hoạch sẵn sàng, rõ ràng, chu đáo, để tránh khỏi bị động, thiếu sót và sai lầm[...]. Đầu tiên là công việc đối với con người*”¹. Trong kế hoạch này, Người đã nhắc đến tất cả các đối tượng phải quan tâm sau cuộc kháng chiến, từ các cán bộ, binh sĩ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong cho đến các liệt sĩ; từ cha mẹ, vợ con (của thương binh và liệt sĩ) đến những chiến sĩ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong; từ những người phụ nữ đảm đang đã góp phần xứng đáng trong chiến đấu và trong sản xuất đến những nạn nhân của chế độ xã hội cũ, như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu, v.v. Đó chính là biểu hiện của cái nhìn toàn diện đối với thực trạng của một xã hội vừa thoát ra khỏi chiến tranh, từ đó có kế hoạch cụ thể để đưa tất cả những lực lượng này vào trong một sự nghiệp thống nhất của đất nước: sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nguyên tắc toàn diện có ý nghĩa rất quan trọng và cần thiết cho mọi người. Bởi lẽ, việc nắm vững và vận dụng nguyên tắc này đúng đắn sẽ giúp chúng ta nhận thức và hành động đúng đắn, có cách nhìn toàn diện về sự vật, hiện tượng, đánh giá đúng bản chất của nó, tránh những sai lầm chủ quan, phiến diện, cực đoan.

Tuy nhiên, quan điểm toàn diện không có nghĩa là xem xét, nhận thức sự vật, hiện tượng một cách tràn lan, dàn đều mà đòi hỏi trong mỗi giai đoạn, mỗi bước đi phải xác định được mục tiêu cụ thể, xác định trọng tâm, trọng điểm, từ đó có những hành động, giải pháp một cách đồng bộ. Việc xây dựng và phát triển tổ chức Đảng được Bác coi là nhiệm vụ trọng tâm, then chốt. Điều này được Bác thể hiện trong lời dặn lại đầu tiên: “*Trước hết nói về Đảng*”. Bác viết: “*Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.*

[...] Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 616.

ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”¹.

Lời dặn lại tuy không nhiều nhưng Bác đã nói lên được những điều chính yếu nhất của nhiệm vụ xây dựng Đảng. Xây dựng, củng cố Đảng là điều Bác Hồ luôn trăn trở, tập trung biết bao công sức suốt mấy chục năm ròng. Bác cho đó là điều quan trọng hàng đầu để cách mạng thắng lợi, để xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công.

3. Nguyên tắc phát triển

Nguyên tắc phát triển của logic học biện chứng hình thành trên cơ sở nguyên lý về sự phát triển và ba quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật.

Phép biện chứng duy vật khẳng định rằng, mọi sự vật, hiện tượng đều có mối liên hệ, mâu thuẫn bên trong nó và phát triển là xu hướng chung của sự vật, hiện tượng. Sự phát triển này là quá trình vận động, biến đổi, chuyển hóa không ngừng từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, chứ không phải là sự tăng lên hay giảm đi đơn thuần về lượng.

Khi nói về phong trào cộng sản thế giới, Người khẳng định: *“Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hoà hiện nay giữa các đảng anh em! [...] Tôi tin chắc rằng các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại”*². Đây chính là biểu hiện của việc Người nhận thức rất sâu sắc nguyên tắc phát triển trong logic học biện chứng. Mọi sự vật hiện tượng đều có mối liên hệ, mâu thuẫn bên trong của nó nhưng phát triển là xu hướng tất yếu của sự vật, hiện tượng. Người nhận thấy sự phức tạp bên trong mối quan hệ giữa các đảng anh em, nhưng từ xu thế tất yếu của cách mạng, Người tin rằng các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại.

*“Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”*³. Người nhận thức được sự vật, hiện tượng luôn trong trạng thái vận động, biến đổi và phát triển theo những quy luật khách quan vốn có của nó. Phát triển là kết quả của quá trình biến đổi không ngừng, cái mới ra đời thay thế cho cái cũ, cái tiến bộ ra đời thay thế cho cái lạc hậu...

Nắm vững nguyên tắc phát triển và vận dụng nguyên tắc này trong nhận thức và hoạt động thực tiễn có ý nghĩa rất quan trọng đối với mọi đối tượng, bởi vì, nó giúp con người phản ánh đúng đắn sự vận động, biến đổi và phát triển như là xu hướng tất yếu, khách quan của sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan. Và do vậy, đổi mới nhận thức, đổi mới cách nhìn là biểu hiện của tư duy biện chứng, tư duy khoa học.

4. Nguyên tắc thực tiễn

Nguyên tắc thực tiễn là một trong những nguyên tắc quan trọng của logic học biện chứng. Nguyên tắc này thể hiện thế giới quan và phương pháp luận khoa học cho nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người.

Nguyên tắc thực tiễn đòi hỏi, trong nhận thức và hoạt động thực tiễn, phải xuất phát

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 621-622.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 623.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 623.

từ thực tiễn, phải từ thực tiễn điều chỉnh phương pháp nhận thức và hành động sao cho phù hợp với sự vận động, biến đổi và phát triển không ngừng của thực tiễn. Điều này được thể hiện rất rõ khi chúng ta nghiên cứu đầy đủ các bản sửa chữa qua các năm của Bác. Liên tiếp trong bốn năm 1966, 1967, 1968 và 1969, cứ đến dịp kỷ niệm ngày sinh của mình, Bác lại đọc tài liệu *Tuyệt đối bí mật*, xem xét, cân nhắc kỹ từng đoạn, từng câu, từng ý, từng lời, qua đó, thêm bớt, sửa chữa hoặc viết lại những câu, những phần cần thiết. Ngày 19/5/1969 là lần sửa chữa cuối cùng của Bác. Trong việc xác định thời gian còn lại để phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, nhận thức của Bác về sức khỏe của bản thân luôn có sự thay đổi. Trong bản thảo năm 1965, Bác viết: “*Ai đoán biết tôi sẽ sống và phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng mấy năm mấy tháng nữa?*”¹. Lúc này Bác dự đoán thời gian còn lại là mấy năm mấy tháng, nhưng trong bản sửa chữa năm 1968, thời gian chỉ còn là “*mấy tháng, mấy năm*”². Và khi cảm thấy cơ thể như cây đèn đã cạn dầu, năm 1969 Bác viết: “*Nhưng ai mà đoán biết tôi còn phục vụ cách mạng, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân được bao lâu nữa?*”³.

Nguyên tắc thực tiễn cũng yêu cầu, khi xây dựng những kế hoạch, chủ trương, đường lối chính sách... phải được xuất phát từ hiện thực khách quan, từ thực tiễn đời sống xã hội; phải căn cứ vào thực tiễn để kiểm tra tính đúng đắn, chính xác của nhận thức, phải lấy thực tiễn làm tiêu chuẩn của chân lý. Cụ thể như trong bản thảo năm 1965, khi Bác đề cập đến việc riêng: “*Tôi yêu cầu thi hài tôi được đốt đi, nói chữ là “hỏa táng”. Tôi mong rằng cách “hỏa táng” dần dần sẽ được phổ biến. Vì như thế đối với người sống đã tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất ruộng. Bao giờ ta có nhiều điện, thì “điện táng” càng tốt hơn*”⁴. Đây chính là biểu hiện của việc đề ra chủ trương, chính sách xuất phát từ thực tiễn đời sống xã hội. Khi xã hội càng phát triển, điều kiện vật chất thay đổi thì lối sống cũng phải trở nên văn minh, hiện đại hơn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “*Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác – Lênin. Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông*”⁵. Nắm vững nguyên tắc thực tiễn, từ đó vận dụng vào quá trình nhận thức và hoạt động thực tiễn giúp con người không những phản ánh, hành động đúng đắn bản chất sự vật, hiện tượng mà còn khắc phục được bệnh kinh nghiệm và bệnh giáo điều.

Kinh nghiệm thực tiễn có vai trò rất quan trọng đối với nhận thức, lý luận. Do vậy, việc coi trọng kinh nghiệm thực tiễn, tích lũy kinh nghiệm quý báu là việc làm đáng tôn trọng và khích lệ. Nhưng nếu chúng ta chỉ dừng lại ở kinh nghiệm hay tuyệt đối hóa kinh nghiệm, xem thường vai trò lý luận, không tổng kết kinh nghiệm thực tiễn để từ đó khái quát, nâng lên trình độ lý luận... thì sớm hay muộn cũng sẽ rơi vào bệnh kinh nghiệm. Nghĩa là con người sẽ hành động theo thói quen, lối mòn... do vậy sẽ dễ dàng dẫn đến việc bảo thủ, trì trệ và lạc hậu. Ví như việc từ xa xưa, ông cha ta có tục lệ an táng cho người đã khuất bằng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 611.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 615.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.11, tr. 621.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 613.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.11, tr. 95.

cách địa táng. Đây là một truyền thống lâu đời, chứa đựng những giá trị nhân văn, đạo đức quý báu. Tuy nhiên, theo Hồ Chí Minh, khi xã hội phát triển, đất đai dần bị thu hẹp thì việc hỏa táng hay điện táng sẽ tốt hơn, “*vì như thế đối với người sống đã tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất ruộng*”¹.

Người không tuyệt đối hóa lý luận, mà luôn gắn lý luận với thực tiễn, đặc biệt, luôn dựa vào điều kiện kinh tế xã hội, điều kiện lịch sử - cụ thể để xem xét, giải quyết vấn đề... Nhận thức được nguyên tắc này sẽ giúp chúng ta tránh được tình trạng rập khuôn, máy móc, không bị lạc hậu với tình hình thực tiễn đời sống xã hội.

5. Nguyên tắc tích cực

Nguyên tắc tích cực xuất phát từ vấn đề bản chất của nhận thức, đó là sự phản ánh hiện thực khách quan không thụ động mà là chủ động, tích cực và sáng tạo.

Tính tích cực của nhận thức là điều kiện cần thiết, tất yếu để tìm ra bản chất của đối tượng được nghiên cứu, phát hiện ra những thuộc tính, mối liên hệ đặc trưng của sự vật, hiện tượng. Khi phản ánh sự vật, hiện tượng, ngoài việc đảm bảo tính khách quan, chúng ta không thể bỏ qua việc phải phản ánh một cách chủ động, tích cực và sáng tạo.

Chúng ta nhận thấy nguyên tắc này trong Di chúc của Bác khi hiểu rõ bản chất của vấn đề Bác là một trong những vị lãnh tụ vĩ đại nhất của dân tộc, có tầm ảnh hưởng không nhỏ đến lịch sử phát triển của nhân loại. Tuy nhiên, thực tiễn đấu tranh và lãnh đạo của Người lại hoàn toàn xa lạ với chủ nghĩa lãnh tụ, chủ nghĩa quyền uy. Người luôn coi mình là người lính vâng lệnh quốc dân đồng bào ra trận: “*Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa*”².

Nắm vững nguyên tắc tích cực và vận dụng nó trong nhận thức và hoạt động thực tiễn có ý nghĩa quan trọng đối với con người trong việc phát hiện bản chất của sự vật, hiện tượng. Do vậy, chúng ta cần phải khắc phục thái độ thụ động, trông chờ khi nhận thức sự vật, hiện tượng.

Khi xác định công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước còn nhiều khó khăn, gian khổ và có thể còn kéo dài, Người vẫn luôn có thái độ tích cực, lạc quan khi xác định nhiệm vụ sắp tới: “*Tôi có ý định đến ngày đó, tôi sẽ đi khắp hai miền Nam Bắc để chúc mừng đồng bào, cán bộ và chiến sĩ anh hùng, thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quý của chúng ta.*

Kể theo đó, tôi sẽ thay mặt nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa và các nước bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta”³. Như vậy, việc quán triệt nguyên tắc tích cực trong nhận thức hiện thực khách quan nói chung, đã giúp cho Hồ Chí Minh luôn trang bị cho bản thân một phương pháp luận quan trọng. Đó là việc phải rèn luyện tính kiên trì, nhẫn nại, chịu khó trong việc nghiên cứu, tìm ra, xác định chính xác bản chất của sự vật, hiện tượng, đặc biệt là đối với con người, đối với hiện tượng xã hội phức tạp.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 615.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 615.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 618

6. Nguyên tắc lịch sử – cụ thể

Mọi sự vật, hiện tượng đều có quá trình tồn tại, biến đổi và phát triển, nghĩa là nó có quá trình lịch sử của nó. Tuy nhiên, sự tồn tại, biến đổi và phát triển của sự vật, hiện tượng đều gắn với những điều kiện cụ thể nhất định. Do vậy, trong nhận thức, phải tuân thủ nguyên tắc lịch sử - cụ thể.

Nguyên tắc này đòi hỏi chúng ta khi nhận thức phải nắm được lịch sử của bản thân sự vật, hiện tượng, phải xem xét chúng trong sự vận động và phát triển của nó. Bởi vì, có nắm được lịch sử bản thân sự vật, hiện tượng mới cho phép chúng ta phản ánh được bản chất đích thực của sự vật, hiện tượng đó. Chính vì vậy, trong Di chúc của mình, khi đề cập đến mỗi đối tượng cụ thể, tùy vào đặc điểm riêng mà Người có những căn dặn khác nhau. Cụ thể, đối với Đảng thì “*từ Trung ương đến các chi bộ cần giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình*”¹; đối với đoàn viên thanh niên, “*cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa hồng vừa chuyên*”²; đối với nhân dân lao động, “*cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân*”³...

Đối với vấn đề giáo dục, trong bản sửa chữa năm 1968, Người cho rằng cần phải “*sửa đổi chế độ giáo dục cho hợp với hoàn cảnh mới của nhân dân, như phát triển các trường nửa ngày học tập, nửa ngày lao động*”. Người nhận thức được sự tồn tại, biến đổi và phát triển của sự vật, hiện tượng luôn gắn với những điều kiện cụ thể nhất định, cho nên hoạt động của các trường học, việc học tập, lao động của học sinh cũng phải tùy thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước. Người không rơi vào thái độ cực đoan, tuyệt đối hóa yếu tố lịch sử, nghĩa là chỉ biết đề cao quá khứ mà không chú ý xem xét đến hiện tại và tương lai. Người khẳng định: “*Công việc trên đây là rất to lớn, nặng nề, và phức tạp, mà cũng là rất vẻ vang. Đây là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi*”. Việc nắm vững nguyên tắc lịch sử - cụ thể đã góp phần xây dựng phương pháp nhận thức và hành động khoa học, giúp Người đưa ra được những nhiệm vụ cụ thể, sát với thực tiễn đất nước.

7. Nguyên tắc mâu thuẫn

Nguyên tắc mâu thuẫn hình thành trên cơ sở nguyên lý về sự phát triển và quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập.

Mọi sự vật, hiện tượng đều có mối liên hệ, chứa đựng những mâu thuẫn bên trong nó. Sự vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng là do quá trình đấu tranh giữa các mặt đối lập. Điều này được Hồ Chí Minh nắm vững và vận dụng khi đề cập đến vấn đề: “*Đối với những nạn nhân của chế độ xã hội cũ, như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu, v.v. thì Nhà nước phải dùng vừa giáo dục, vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện*”⁴. Người xác định rõ hai mặt đối lập trong mỗi một con người: cái thiện và cái ác. Việc vừa giáo dục, vừa cải tạo sẽ giúp phân thiện trong mỗi con

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 622.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 622.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 622.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 617.

người này chiến thắng được phần ác, biến những con người này từ chỗ là nạn nhân của xã hội cũ trở thành những người lao động lương thiện trong xã hội mới.

Nguyên tắc mâu thuẫn đòi hỏi chúng ta khi nhận thức, cần phải nắm được những mâu thuẫn bên trong sự vật, hiện tượng. Song, để hiểu được bản chất của chúng, chủ thể nhận thức phải biết phân chia, phân tích các mặt đối lập của mâu thuẫn trong sự vật, hiện tượng, đồng thời nhận thức từng mặt đối lập đó.

Nắm vững nguyên tắc mâu thuẫn sẽ giúp con người có được phương pháp nhận thức và hành động khoa học. Việc vận dụng tốt nguyên tắc này sẽ giúp con người phát hiện ra bản chất đích thực của sự vật, hiện tượng.

8. Nguyên tắc đi từ cái đơn nhất đến cái chung và ngược lại

Nguyên tắc này xuất phát trên cơ sở về lý luận nhận thức của phép biện chứng duy vật. Đó là vấn đề khi xem xét sự vật, hiện tượng trong những mối liên hệ, quan hệ khác nhau, chủ thể không chỉ tìm ra, ghi nhận thuộc tính tương ứng của nó mà còn phải phát hiện ra một số thuộc tính đặc trưng cho nhiều sự vật, còn số kia chỉ là mang tính đặc trưng cho sự vật cụ thể, nghĩa là chủ thể đã phân biệt được thuộc tính này là đơn nhất, số khác là cái chung. Người nói: *“Đoàn viên thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ... Đảng và Chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, các nghề, để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta”*¹. Người xuất phát từ đặc điểm chung của lực lượng đoàn viên thanh niên để chọn lọc và bồi dưỡng những cá nhân ưu tú, điển hình, từ đó xây dựng lực lượng chủ lực cho tương lai của đất nước.

Vận dụng nguyên tắc này, trên cơ sở tri giác những thuộc tính của cái đơn nhất, Hồ Chí Minh phát hiện ra những thuộc tính chung ở một nhóm các sự vật, hiện tượng, sau đó chuyển từ cái ít chung đến cái chung hơn, nghĩa là chuyển từ cái đặc thù sang cái chung. Cụ thể, đối với việc trồng cây gây rừng: *“Nên có kế hoạch trồng cây trên và chung quanh đồi. Ai đến thăm thì trồng một vài cây làm kỷ niệm. Lâu ngày, cây nhiều thành rừng sẽ tốt cho phong cảnh và lợi cho nông nghiệp. Việc săn sóc nên giao phó cho các cụ phụ lão”*². Người phát hiện ra rằng, việc bảo vệ và chăm sóc cây rừng nên giao cho các cụ phụ lão, bởi vì chỉ có ở độ tuổi ấy thì con người ta mới có đủ sự kiên trì, cẩn thận, khéo léo để đảm đương công việc này.

Trong quá trình đi từ cái chung đến cái đơn nhất, tất yếu phải cần đến sự vận động của nó từ cái đơn nhất đến cái chung. Vì không có cái chung thì không thực hiện được phương pháp này. Khi đề cập đến vấn đề của Đảng, Người nhấn mạnh: *“Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình[...] Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”*³. Người xác định, Đảng muốn lãnh đạo thành công cuộc cách mạng thì nhiệm vụ xây dựng Đảng phải được thực hiện rộng rãi từ trung ương cho đến từng cán bộ đảng viên. Giữa

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 612.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 615.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 622.

nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng và việc xây dựng đội ngũ đảng viên luôn có sự thống nhất và nằm trong mối quan hệ hữu cơ với nhau.

Cho nên, phương pháp đi từ cái chung đến cái đơn nhất chỉ thực hiện được trong mối quan hệ hữu cơ, trong sự thống nhất với phương pháp đi từ cái đơn nhất đến cái chung. Thực hiện hai chiều quá trình nhận thức của phương pháp đi từ cái đơn nhất đến cái chung và ngược lại sẽ cho phép rút ra những tri thức đúng đắn, khách quan về sự vật, hiện tượng.

III. Kết luận

Sau 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta, nhân dân ta đã và đang giành được những thắng lợi hết sức to lớn trên nhiều lĩnh vực. Thực hiện Di chúc của Người, Đảng ta, nhân dân ta đã tiến hành công cuộc đổi mới thắng lợi về nhiều mặt: kinh tế - xã hội ổn định và ngày càng phát triển với tốc độ nhanh và bền vững; hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh, dân chủ và làm việc có hiệu quả; đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện và nâng cao; nền văn hoá được xây dựng theo hướng tiên tiến, mang đậm bản sắc dân tộc... Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận một thực tế là vẫn còn nhiều việc chúng ta chưa làm được hoặc chưa làm đầy đủ như lời Người căn dặn. Vì vậy, để thực hiện Di chúc của Người hiệu quả, nhất là trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, trong thời gian tới, cần tiếp tục gắn thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về *“Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”* với các Nghị quyết Trung ương về xây dựng Đảng, các nghị quyết về xây dựng văn hóa, con người, phát triển kinh tế Việt Nam trong thời kỳ mới.

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là văn kiện của một nhà chính trị lớn, lãnh tụ cao nhất của Đảng và dân tộc, Người đã sáng tạo ra thời đại mới, “thời đại Hồ Chí Minh”, thời đại của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của dân tộc Việt Nam. Đồng thời bản Di chúc cũng chứa đựng những tư tưởng triết học mác - xít hiện đại. Đó là khả năng vận dụng những nguyên tắc, phạm trù của logic học biện chứng một cách hợp lý, nhuần nhuyễn, sáng tạo, biến nó thành sức mạnh của tư duy trong nhận thức và hoạt động thực tiễn, góp phần đưa cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi cuối cùng. Việc nghiên cứu Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ trang bị cho chúng ta những nguyên tắc cơ bản trong nhận thức và hoạt động thực tiễn, giúp chúng ta nhìn nhận, xem xét, đánh giá đúng tình hình, đề ra đường lối, chủ trương, chính sách sát thực tế, có hiệu quả./.

DI CHỨC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH QUA GÓC NHÌN BIỆN CHỨNG “DĨ BẤT BIẾN ỨNG VẠN BIẾN”

ThS. Hồ Yên Linh*

Người già trước khi nhàn du tiên cảnh thường suy nghĩ lại chặng đường đã qua và đúc kết lại những gì còn âu lo, trần trở. Lịch sử Việt Nam cách đây nửa thế kỷ - mùa thu năm 1969, cả đất nước “*vô hạn bàng hoàng, vô hạn đau thương*” tiễn đưa vị Cha già của dân tộc về với thế giới người Hiền. Cũng như bao chuyến đi xa khác, hành trang Hồ Chủ tịch mang theo chẳng có gì nhưng Người để lại cho toàn Đảng, toàn dân một tài sản tinh thần to lớn - bản Di chúc thiêng liêng.

Là một nhà chiến lược nhạy bén, mẫn cảm và sáng tạo, Bác vạch ra đường lối cho cách mạng Việt Nam và phương pháp biện chứng khoa học. Di chúc Hồ Chí Minh là sự kết hợp một cách rất nhuần nhị giữa *tính nguyên tắc, kiên định* với *tính linh hoạt, mềm dẻo*. Đi sâu nghiên cứu, ta thấy nổi lên những nét độc đáo qua góc nhìn biện chứng “*Dĩ bất biến ứng vạn biến*”.

“*Dĩ bất biến ứng vạn biến*” - lấy cái không đổi để ứng phó với muôn sự đổi thay, là một triết lý phương Đông¹, được cha ông ta vận dụng hiệu quả trong cuộc đấu tranh lâu dài dựng nước và giữ nước nhưng hiền ngôn nó thành một phương châm xử thế cho cả dân tộc chính là Hồ Chí Minh.

Ngày 31/5/1946 trước lúc lên đường sang Pháp, Bác đã căn dặn cụ Huỳnh Thúc Kháng “*Dĩ bất biến ứng vạn biến*” khi xử lý việc nước. “*Điều bất biến*” là độc lập dân tộc. Đây được xem như sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ quá trình đấu tranh mà để đạt được đòi hỏi “*ứng vạn biến*” - sự vận dụng khéo léo, uyển chuyển trong từng thời kỳ. Đúng như Bác từng nói: “*Mục đích bất di bất dịch của ta vẫn là hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ. Nguyên tắc của ta thì phải vững chắc, nhưng sách lược của ta thì linh hoạt*”². Dưới góc nhìn biện chứng “*Dĩ bất biến ứng vạn biến*”, chúng ta tìm hiểu Di chúc của Người trên các bình diện sau:

1. Giữ vững nguyên tắc trước sự đổi thay của tình hình (chính định)

Trong triết lý “*Dĩ bất biến ứng vạn biến*” nội dung cốt lõi là giữ vững cái bất biến, lấy tĩnh chế động. Đạo trời đất sinh hóa vô cùng, hoàn cảnh cuộc sống luôn thay đổi, chỉ trên cơ sở nắm chắc và kiên trì mục tiêu cuối cùng mới có thể xử lý đúng đắn được những vấn đề gay gắt nảy sinh.

**Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM*

1. Về mặt từ nguyên, “*bất biến*” và “*vạn biến*” có nguồn gốc chữ Hán, xuất phát từ triết lý của Khổng Tử dạy các học trò: “*Dĩ bất biến ứng vạn biến, Dĩ chúng tâm vi kỷ tâm*”. Trong quan niệm này của Khổng Tử thì “*bất biến*” chính là nhân và trí, theo đó “*vạn biến*” là những ứng xử trong sinh hoạt hằng ngày của con người, phải xoay quanh nhân trí ấy, đặc biệt đối với người cầm quyền thì trên cơ sở của “*bất biến*” thuần khiết mà phải lấy tâm của mọi người làm tâm của mình, phải thương người (nhân), phải hiểu người (trí).

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.8, tr.555.

Điều cốt tử của cách mạng Việt Nam - *độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội* gắn bó hữu cơ hợp thành một thể thống nhất. Nếu thiếu một trong hai, coi như cách mạng chưa “đi đến nơi, về đến chốn”, mục tiêu chưa thực hiện vẹn tròn. Toàn văn Di chúc áp ủ lời ủy thác, nhắc nhở và động viên của Bác, “tóm tắt vài việc” nhưng đó là cả một chiến lược đại sự quốc gia. Bao trùm lên tất cả là hai “bất biến” lớn.

1.1. Độc lập dân tộc

Trong các tư tưởng triết học từ xưa đến nay thì một trong những vấn đề trung tâm luôn được bàn đến là mối quan hệ giữa “bản thể” và “hiện tượng”, giữa cái “bất biến” và cái “vạn biến”¹. Theo đó, bản thể là cái không thay đổi so với hiện tượng. Còn hiện tượng thì đa dạng, phong phú luôn vận động, chuyên hoá nhưng đều xoay quanh trục của nó. Ý nghĩa triết lý này là ở chỗ trong cuộc sống mỗi người nên nắm giữ *cái lớn lao, cái căn bản, lâu dài*, đừng sa vào *nhỏ nhen, vụn vặt, nhất thời*. Nên đứng ở cái “chốt” mà quan sát và hành động.

Vào đầu những năm 60, tình hình trong nước và quốc tế khá phức tạp. Đã có những ngã nghiêng, dao động. Vậy mà trong vô vàn “tùy thể”, Hồ Chí Minh vẫn nhận ra “bản thể”; giữa “vô thường” phù du, Bác không hề lung lạc. *Đứng ở cái bất biến để quan sát vạn biến*, giữa thảng năm bời bời lửa đạn, Di chúc Hồ Chí Minh vẫn “chính định” (luôn tập trung tư tưởng vào chân lý). Điềm qua Tài liệu tuyệt đối bí mật, ta thấy nhất quán một quyết tâm gang thép không đổi.

Năm 1965, Mỹ ồ ạt đưa quân vào Việt Nam². Cả thế giới lo lắng vì một “dân tộc nhỏ” chống “đế quốc to”. Đúng là vậy xét về mặt hiện tượng, Mỹ leo thang chiến tranh là để tạo ra một hiện tượng công khai, khiến đối phương hoang mang, dao động. “*Ám tại dương chi nội*” (điều bí mật nằm trong sự công khai). Bóc tách “lớp vỏ” sự việc ra sẽ thấy ngay “hạt nhân” cốt lõi bên trong. *Mỹ giàu nhưng không mạnh*. Chúng đưa quân vào trong thế thua, bị động lúng túng về chiến lược. Vì thua mà phải “leo thang” và “leo thang” là để cứu vớt danh dự bị “tụt dốc”. Rõ ràng chỉ có đứng trên cơ sở bất biến, nắm chốt vấn đề thì vạn biến của tình hình mới không làm ta bi quan, bi lụy.

1. Ngay từ rất sớm triết học Đông Tây đã khu định thành hai lĩnh vực: một bên là tồn tại của những bản thể và bên kia là sự hình thành, tiêu vong thường xuyên của các sự vật hiện tượng. Trong mỗi nền triết học cặp phạm trù “bất biến”, “vạn biến” được gọi bằng nhiều tên gọi khác nhau, ở phương Tây đó là vấn đề bản thể luận nổi tiếng với các quan niệm về bản nguyên của thế giới là “lửa” của Hêraclit, “nước” của Talét, “ý niệm tuyệt đối” của Hêghen... Còn trong triết học phương Đông được cụ thể hóa sinh động qua hình tượng “Đạo” của Lão Tử, “Thái cực” trong Kinh dịch. Mặc dù còn nhiều hạn chế do không phân biệt rõ sự khác nhau giữa vật chất với quy luật vận động của vật chất, song có thể nói đây là những tư tưởng về phép biện chứng sơ khai vô cùng đáng quý trong thời đại bấy giờ. Những điều này đã được triết học Mác - Lênin hoàn bị ở một trình độ cách mạng, khoa học thông qua cặp phạm trù “bản chất” và “hiện tượng” cùng với *quy luật về sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập*.

2. Đầu năm 1965, Hoa Kỳ cho ra Sách trắng “Vi sao có vấn đề Việt Nam?” nhằm đổ lỗi cho Bắc Việt Nam xâm lược Nam Việt Nam và biện minh cho việc Hoa Kỳ đưa quân vào nước ta do “có trách nhiệm bảo vệ tự do” ở nơi đây. Ngày 8/3/1965 Mỹ đưa 2 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ thuộc Lữ đoàn hải quân số 9 vào Đà Nẵng, mở đầu cho quá trình ồ ạt đổ quân chiến đấu Mỹ vào miền Nam Việt Nam. Đến cuối năm 1965 đạo quân viễn chinh có mặt là khoảng hơn 180.000 lính Mỹ (chưa kể lực lượng các nước chư hầu gồm Hàn Quốc, Australia, New Zealand, Thái Lan, Philippines).

“*Nếu thấy quân giặc đến ào ào như lửa cháy, gió thổi thì dễ chế ngự*”¹ - câu nói nổi tiếng của Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn năm 1300 có thể không ứng khớp trong trường hợp này bởi vì đế quốc Mỹ không “dễ chế ngự”. Song cái cách mà tiền nhân truyền dạy chúng ta đó là khi nhìn nhận vấn đề không dựa trên cái bề ngoài, mặt di động mà phải nhận ra *đâu cái vĩnh hằng trong cái tạm thời, đâu là cái bản chất nằm trong hiện tượng*. Di chúc được khởi thảo khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đang đi vào thời kỳ quyết liệt nhất: Mỹ đưa hàng chục vạn quân vào miền Nam và tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất. Song, vạn biến tình hình không làm lay ý chí người đứng đầu mà niềm tin tất thắng vẫn bừng sáng: “*Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đông bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà*”². Ai đó từng nói: dùng chữ vào đúng chỗ thì chữ có hồn. Hai từ “nhất định” đã vun đắp chí khí cho toàn thể dân tộc, niềm tin “bất biến” ấy mài sắc tinh thần chiến đấu cao độ. Đó là ý chí lớn, quyết tâm lớn không gì lay chuyển được cũng giống như bản chất của sự vật *phi vận động, bao quát chi phối mọi thứ*.

Trong bối cảnh phải đấu tranh với một kẻ thù có tiềm năng to lớn về nhiều mặt. Di chúc Hồ Chí Minh đã lấy cái bất biến mà nhìn nhận vấn đề, không bị “hào quang ngũ sắc” của sức mạnh Mỹ làm lu mờ tầm nhìn. Ngược lại, “*Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn*”³ (phần mở đầu Di chúc viết năm 1969). Sự đánh giá có tính chất chiến lược như vậy đã minh chứng cho lập trường *rất kiên quyết triệt để, rất kiên định vững vàng*. Cụ Sào Nam từng nói lên một hình ảnh sinh động của quy luật đó như sau: “*Dem hết tâm thành vào một mũi tên có thể bắn tan được đá cứng*”. Bằng tư thế hiên ngang ấy, người Việt Nam đã có thêm nguồn động lực rất bền vững để vươn tới mục tiêu. Là độc lập dân tộc bất khả xâm phạm:

“*Ôi Tổ quốc, nếu cần, ta chết
Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông...*”
(*Sao chiến thắng* - Chế Lan Viên)

Với quan điểm khoa học biện chứng, Di chúc thật sự là kết tinh của phương châm “*Dĩ bất biến ứng vạn biến*”. Nhờ có sự kiên định, vững vàng mà kẻ thù dù gây khó khăn cho ta về nhiều mặt vẫn không đảo ngược được trận địa cách mạng. Dân tộc Việt Nam *đẻo dai và ngoan cường* sẵn sàng đương đầu với cuộc chiến tranh có cường độ cao và vô cùng ác liệt để đi đến mục tiêu “chính định” bất biến - vì độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

1.2. Chủ nghĩa xã hội

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu xuyên suốt của cách mạng Việt Nam. Cũng với tầm nhìn chiến lược sâu rộng đó, trong liên mạch tư duy về xây dựng đất nước, Di chúc chỉ ra:

1. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, vào năm Canh Tý (1300), từ khi lâm bệnh cho đến lúc qua đời Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn đã ba lần để lại lời dặn dò cho người còn lại. Trên đây là lời Di chúc thứ nhất về kế sách giữ nước mà ông truyền lại cho vua Trần Anh Tông. Nguyên văn câu nói: “*Dùng đoàn chế trường là việc thường của binh pháp. Nếu thấy quân giặc đến ào ào như lửa cháy, gió thổi thì dễ chế ngự. Nếu chúng đi chậm như tầm ăn, không cần của dân, không cần được chóng thì phải chọn tướng giỏi xem xét quyền binh như đánh cờ vậy, tùy thời mà làm...*”. Đúc kết ấy cho thấy để ít thắng được nhiều, yếu thắng được mạnh, tất nhiên phải vận dụng chiến thuật phù hợp, linh hoạt quyền biến, biết tùy thời tạo thế.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.612.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.621.

“Còn non, còn nước, còn người,
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!”¹.

Đó chính là con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội với công việc hàn gắn vết thương chiến tranh. Giành được độc lập, thống nhất đất nước là điều cực kỳ quý giá, song trên thực tế, đây mới chỉ là một phần của sự nghiệp khó khăn và lâu dài. Một khi dân còn đói rét thì nhiệm vụ vẫn chưa được hoàn thành. Vì vậy, phải tiến lên Chủ nghĩa xã hội, “đầu tiên là công việc đói với con người” và tiếp đó là “kế hoạch xây dựng lại thành phố và làng mạc đẹp, đàng hoàng hơn trước chiến tranh”.

Đối với nhân dân ta, bao giờ Bác cũng dành một tình yêu thương hết sức đặc biệt. Năm 1965, trong Di chúc Người đã căn dặn Đảng *phải không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân*. Sau những điều quan tâm ấy thì đến năm 1968, trông xa về phía trước, Bác triển khai một kế hoạch chu đáo²: Đối với những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu; đối với cha mẹ, vợ con (của thương binh và liệt sĩ); phụ nữ và đặc biệt sau ngày thắng lợi miễn thuế nông nghiệp một năm để đồng bào nông dân *hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi*. Thật là lời vàng ngọc! “Dĩ bất biến ứng vạn biến, Dĩ chúng tâm vi kỷ tâm” là ở đó. Bởi vì Bác luôn lấy “an quốc lợi dân” làm mục đích, làm chuẩn tắc tối cao.

Từ một cái nhìn khái quát, Di chúc là kết tinh cho lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Vì mục tiêu ấy, cách mạng Việt Nam luôn sẵn sàng ứng phó với mọi khó khăn. Hồ Chí Minh vẫn lòng “không biến” để “vạn biến” tình hình không lung lạc. 50 năm đã trôi qua, toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu theo điều mong muốn cuối cùng của Người: “*xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh*”³.

2. Linh hoạt, mềm dẻo để đạt được mục tiêu (thời trung)

Cuộc sống là một dòng chảy, cách mạng luôn có những sự biến không ngừng. Do đó bên cạnh việc “vụ bản” (chăm chú vào cái căn bản) thì cũng phải “thời trung” (theo kịp thời thế) mà ứng xử linh hoạt. Quy luật phát triển đòi hỏi phải biết *dĩ biến chế biến* giống như nước căn cứ vào địa hình cao thấp mà chế ước hướng chảy (“*Thủy nhân địa nhi chế lưu*”). Chính trên cơ sở đó, Di chúc đề xuất những chủ trương, sách lược uyển chuyển, phù hợp với thực tiễn muôn màu.

2.1. “Kế hoạch thật tốt”

Nâng cao đời sống nhân dân luôn là mối quan tâm hàng đầu của Hồ Chủ tịch. Ngay năm 1965 khởi thảo Tài liệu tuyệt đối bí mật, Bác căn dặn: “*Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân*”⁴. Ở đây chúng ta đặc biệt lưu ý đến “có kế hoạch thật tốt”. Sẽ không thấy được phương châm xử thế “Dĩ bất biến ứng vạn biến” nếu xem “kế hoạch” như một khuôn khổ cứng nhắc. Theo tôi, câu nói đặt ra một cách xử lý công việc rất linh hoạt, mềm dẻo, sáng tạo. Bởi Bác Hồ dạy ta *không căn cứ vào công thức đã thuộc lòng, không nên bám lấy những khuôn khổ cũ kỹ*, mà “kế hoạch thật tốt” đó chính là tinh thần chủ động ứng phó mau lẹ trước những điều kiện cụ thể của cuộc vận động cách mạng.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.612.

2. Toàn văn bút tích Di chúc của Bác do Đảng ta công bố năm 1989 cho thấy rõ, tháng 5/1968 Người đã sửa và bổ sung nhiều nhất. Đặc biệt lần sửa này, Người đã đề cập tương đối toàn diện tới những công việc Đảng ta phải làm sau khi nước nhà hoàn toàn thống nhất.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.624.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.612.

Việc hàn gắn vết thương chiến tranh và những công việc bộn bề sau khi chiến thắng giặc Mỹ thật gian nan và phức tạp. Lênin đã từng nói: “*Những nhiệm vụ trên mặt trận kinh tế còn khó khăn gấp bội những nhiệm vụ trên mặt trận quân sự*”¹. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng cho rằng: “*thắng đế quốc và phong kiến là tương đối dễ; thắng bản cùng và lạc hậu còn khó hơn nhiều*”². Để hoàn thành nhiệm vụ đó đòi hỏi Đảng phải bình tĩnh, sáng suốt trong việc hoạch định đường lối, quyết tâm tổ chức thực hiện và quan trọng hơn là *ứng phó linh hoạt* trước vạn biến mà tình huống đặt ra. Chính trên ý nghĩa đó, năm 1968 Bác khẳng định: “*Chúng ta phải có kế hoạch sẵn sàng, rõ ràng, chu đáo, để tránh khỏi bị động, thiếu sót và sai lầm*”³. Điều có ý nghĩa to lớn trong căn dặn này của Người là tinh thần chủ động, muốn vậy phải lường trước các khả năng, dự kiến được những bước phát triển của quá trình để nhanh tay chèo chống. Vì lịch sử không bao giờ chảy thuận dòng, luôn có những gập ghềnh, quanh co; trong mỗi bước chuyển quan trọng, luôn có những đứt gãy mà lý luận quen thuộc chưa dự liệu, phản ánh.

Từ lời di huấn, có thể thấy “kế hoạch” không phải một khuôn khổ cũ kỹ mà nó đầy tính sáng tạo và nhạy bén, phải rất linh hoạt, rất trúng, rất kịp thời. “*Đĩ bất biến*” là chăm lo đời sống cho nhân dân và “*ứng vạn biến*” là có kế hoạch thật tốt để luôn luôn chủ động. Đây chính là thước đo bản lĩnh, sự mẫn cảm của Đảng cầm quyền trong thời đại mới.

2.2. “*Chỉnh đốn lại Đảng*”

Hồ Chí Minh là người sáng lập, rèn luyện Đảng ta. Chính đảng ấy đã lớn lên trong tầm mắt Bác từng ngày và trong cả trái tim Người. Làm thế nào để quyền lực không tha hóa Đảng viên và giữ cho Đảng luôn trong sạch vững mạnh? Trăn trở ấy để lại trong lời Di chúc: Ngay sau khi cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi thì “*việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng*”⁴.

Giá trị “*ứng biến*” trong câu văn hội tụ ở hai từ “*chỉnh đốn*”. Quan điểm như vậy phản ánh tính cập nhật, linh hoạt, tránh rơi vào “*bão hòa*” sẽ dẫn đến xơ cứng tê liệt. “*Đĩ bất biến ứng vạn biến*” nêu áp dụng trong trường hợp cụ thể này thì “*đĩ bất biến*” chính là giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, còn “*ứng vạn biến*” là thường xuyên tự đổi mới, hoàn thiện trước yêu cầu cách mạng ngày càng cao.

“*Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy*”⁵, “*Đảng ví như cái máy phát điện..., máy mạnh thì đèn sáng*”⁶. Sở dĩ cách mạng Việt Nam tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác cũng nhờ có sự lãnh đạo của Đảng. Dõi theo diễn biến lịch sử, một Cách mạng tháng Tám hào hùng chấm dứt 80 năm đô hộ, rồi đến lượt Điện Biên Phủ “*lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu*”... Đó không đơn thuần là những thời điểm của những biến cố ngẫu nhiên, mà là một tiến trình được chủ động “*điều khiển*”.Bác đã đúng: “*Với tất cả tinh thần khiêm tốn của người cách mạng, chúng ta vẫn có quyền nói rằng: Đảng ta thật là vĩ đại!*”⁷. Nhưng vượt lên trên niềm tự hào đúng đắn ấy, Bác không bao giờ giáo điều rằng hễ Đảng có công trạng vĩ đại thì chắc chắn được nhân dân thừa nhận sự lãnh đạo. Ngược lại, Người yêu cầu nghiêm khắc trong Di chúc: *chỉnh đốn lại Đảng*. “*Chỉnh đốn*” có nghĩa phải không ngừng đổi mới, hoàn thiện mình từng ngày. Vì rằng “*Một dân tộc, một đảng và mỗi con*

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, NXB Tiến bộ, Mátxcova, 1988, t.41, tr.48.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.402.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.616.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.616.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.289.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.15.

7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.400.

người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi”¹. Đó là lúc xuất hiện “đường cong” đi xuống của tổ chức Đảng, là thời điểm mà đội tiên phong “choáng ngợp” trước công trạng của mình nên không thấy được khuyết điểm di căn. Chính vì vậy, chính đốn Đảng phải làm thường xuyên, liên tục. Khi cách mạng khó khăn, chính Đảng để xây dựng thái độ bình tĩnh, sáng suốt, kiên định. Khi cách mạng trên đà thắng lợi, chính Đảng để ngăn ngừa bệnh kiêu ngạo, chủ quan, tự mãn.

Sự thụ nhận lời dạy này của Bác cần phải hiểu “thời trung” không phải để nghiêng ngả mà cho Đảng được “chính định” hơn. Tự đổi mới để không rơi vào bảo thủ, trì trệ - đó cũng là cái “vạn biến” (linh hoạt) để giữ vững cái “bất biến” (vai trò lãnh đạo của Đảng).

3. Sự thống nhất giữa hai mặt đối lập (cương nhu tương dịch)

Ở trên, chúng ta đã tìm hiểu Di chúc ở từng góc độ “riêng biệt” về giữ vững nguyên tắc và linh hoạt mềm dẻo, phần tiếp theo đây sẽ nói về “mối quan hệ biện chứng” giữa bất biến và vạn biến thông qua các cặp phạm trù “*cương nhu tương dịch*”². Điểm nổi bật trong toàn văn đó là đã giải quyết đúng đắn hàng loạt mối quan hệ chằng chịt, phức tạp một cách *cương quyết* và *mềm mỏng*.

Nhu nhưng không phải là quá mềm, lùi một bước để tiến xa hơn, thể hiện tính chiến đấu cao lại dạt dào tình lý. Sự vận dụng thành thực phương pháp này có thể xem như một mẫu mực về phép xử thế “Dĩ bất biến ứng vạn biến”. Đó là sự thống nhất giữa hai mặt đối lập, tuy khác biệt nhưng tương hoà, biến hoá cho nhau.

3.1. “Nghiêm chỉnh” và “thương yêu”

Để giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong Đảng thì phương pháp đã được Hồ Chí Minh nêu ra: “nghiêm chỉnh” và “thương yêu” trong tự phê bình và phê bình. Hai điều đó tựa hồ mâu thuẫn lại bổ cứu cho nhau. Ta hiểu được triết đề sức nóng lan truyền đi sôi nổi qua lời Di chúc: “*Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình... Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau*”³.

“Nghiêm chỉnh” tức đúng phép tắc, quy định, đó là một khuôn khổ mà việc thực hành tự phê bình và phê bình phải tuân theo. Tính từ ấy mang tinh thần uốn nắn, đề phòng thái độ coi nhẹ, buông lỏng, là bất biến xuyên suốt cần phải được nắm vững. Điều cần nói thêm là ý cuối cùng “*Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau*” do Hồ Chí Minh viết tay⁴, sau khi

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.672.

2. Trong triết học phương Đông cổ đại, quan điểm của Kinh dịch rất tiến bộ khi lý giải nguồn gốc vạn vật được sinh ra từ Thái cực. Thái cực có hai thể: *động* và *tĩnh*. Động thì sinh ra dương, động cực rồi lại tĩnh. Tĩnh thì sinh ra âm, tĩnh cực rồi lại động. Cứ một động một tĩnh thay đổi cho nhau, cái nọ lấy cái kia làm gốc, chia làm âm dương lập thành hai nghi, “*cương nhu tương dịch*” (cứng mềm đùn đẩy nhau). Đó cũng là sự thống nhất và chuyển hóa giữa hai mặt đối lập, một tư tưởng đáng quý của phép biện chứng sơ khai.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.611.

4. Hiện nay có nhiều ý kiến khác nhau về thời điểm Bác viết câu Di chúc trên:

+ Theo như lời kể của đồng chí Vũ Kỳ: Bước sang năm 1966, từ ngày 12 đến ngày 14/5, Bác họp Bộ Chính trị. Chính trong những ngày này, Người đã bổ sung liền sau đoạn: “Trong Đảng thực hành dân chủ... thống nhất của Đảng” một câu quan trọng đó là “*Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau*”. Hồi ký ghi rõ: “*Cán bộ, đảng viên chúng ta từ trung ương đến các chi bộ chắc sẽ xúc động biết chừng nào khi biết rằng, sau một năm trời, Bác Hồ chỉ dặn thêm chúng ta một câu như thế*” (Vũ Kỳ: *Thư ký Bác Hồ kể chuyện*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.530).

+ Một bài viết khác của GS. Đặng Xuân Kỳ có đoạn: “*Tháng 5/1965, khi xem lại Di chúc, Bác đã bổ sung đoạn “Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau” vào sau ý tự phê bình và phê bình...*” (Nhiều tác giả: *35 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.450).

toàn bộ bản Di chúc ngày 15/5/1965 đã được đánh máy. Đoạn bổ sung này cho thấy sự nhất quán trong triết lý sống mà Bác thường nêu lên đó là có lý có tình, cương nhu tùy lúc. Có xuất phát từ tính biện chứng, chúng ta mới thấm thía được phép xử thế mà Bác muốn gửi trao để tạo nên *sức mạnh bàn thạch* phải gắn kết nhau bằng *sợi dây tình cảm*.

“Thương yêu” không phải nhún nhường, mềm yếu, “vỗ vè, nuông chiều, thả mặc” mà là hòa hợp lợi ích của mình trong quyền lợi chung của tập thể. Là thái độ chân thành giữa những người cùng lý tưởng, chung chí hướng phấn đấu cho sự nghiệp cách mạng nước nhà. Chỉ một câu được viết thêm nhưng suy cho cùng đó là luật vàng xử thế để tránh “vô độ tắc thát” (không có tiết độ sẽ phạm sai lầm), tránh rơi vào “cái tôi” vị kỷ thấp hèn, thù hận, trả đũa, đổ ky, ghen ghét nhau. Muốn vậy, phải đứng trên cái đại cục, không sa vào vụn vặt nhỏ nhen, lầy xây dựng Đảng làm then chốt, không vì lợi ích thiên cận mà nhìn chệch mục đích cách mạng.

Tự phê bình và phê bình phải tế nhị, khéo léo, lúc cương lúc nhu thì mới đạt kết quả. Ứng xử mềm mỏng, nhẹ nhàng nhưng ráo riết, triệt để, không nể nang, không né tránh. “Nghiêm chỉnh” gắn liền với “thương yêu” sẽ tránh trường hợp nguyên tắc quá lỗ việc hoặc mềm quá sẽ dẫn đến dĩ hòa vi quý.

Xưa có câu: “*Tức nước vỡ bờ*”, “*già néo đứt dây*”, “*già lửa khê com*”... Trong sinh hoạt Đảng, cách thức xử thế đãi nhân cũng không nằm ngoài đạo lý đó. Vật mềm mại không thể đứt đoạn, vật khô cứng không chắc giữ được bền lâu mà phải cương nhu tùy lúc, luôn hướng hòa “*bổ bất túc, tổn hữu dư*” (thiếu thì thêm vào, thừa thì bớt đi). Vì rằng “*lạc mềm buộc chặt*” còn nếu nói theo Binh pháp Tôn Tử - “*hù đế trừu tân*” (rút củi dưới đáy nồi) như muốn nước trong nồi đừng sôi thì hãy rút củi, một phương pháp nhẹ nhàng nhưng hiệu quả triệt để. Cương và nhu, phải chằng dây cũng là phương châm xử thế “*Dĩ bất biến ứng vạn biến*”, là cái mềm trong cứng - sự kết hợp thái độ kiên quyết về nguyên tắc với tính linh hoạt mềm dẻo về sách lược.

3.2. “*Giáo dục*” và “*pháp luật*”

Một trong hai bổ sung quan trọng “viết thêm mấy điểm không đi sâu vào chi tiết” của Tài liệu tuyệt đối bí mật vào tháng 5/1968, đó chính là “*công việc đối với con người*”. Theo đó Bác căn dặn tỉ mỉ, ân cần và cụ thể với từng đối tượng nhân dân. Đặc biệt là những nạn nhân chế độ cũ “*Nhà nước phải dùng vừa giáo dục, vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện*”¹.

Thật cao đẹp và vĩ đại tấm lòng vị lãnh tụ! Không chỉ quan tâm đến người có công với cách mạng, Người còn căn dặn Đảng phải chăm lo cho những kẻ từng lầm đường lạc lối. Để có ứng xử này, đòi hỏi phải có lòng nhân ái, sự bao dung cao rộng. Ở một góc độ khác ta thấy, đây chính là biểu hiện rõ nét của phương châm xử thế “*Dĩ bất biến ứng vạn biến*”, đứng trên cái toàn cục để nhận ra đâu là chốt vấn đề.

Nho giáo cổ có câu: “*Nhân chi sơ, tính bản thiện/ Tính tương cận, tập tương viễn*” (con

+ Trong cuốn sách *Chủ tịch Hồ Chí Minh và bản Di chúc lịch sử* của Bùi Kim Hồng, tác giả đã xếp câu “*Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau*” vào nội dung Di chúc năm 1965 (Bùi Kim Hồng: *Chủ tịch Hồ Chí Minh và bản Di chúc lịch sử*, NXBVăn hóa Thông tin, Hà Nội, 2009, tr.33).

Tuy các ý kiến không thống nhất nhưng người viết vẫn chọn thời điểm 1966 là năm mà Bác viết về Đảng với “*tình đồng chí thương yêu lẫn nhau*” bởi đồng chí Vũ Kỳ là nhân chứng lịch sử từng có vinh dự được sống và làm việc bên Bác suốt 1/4 thế kỷ (26/8/1945 - 2/9/1969).

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.617.

người mới sinh vốn lành, nhưng do ảnh hưởng của xã hội làm cho mỗi ngày dần xa rời đức thiện). Còn đối với Hồ Chí Minh:

*“Ngủ thì ai cũng như lương thiện,
Tỉnh dậy phân ra kẻ dữ, hiền;
Hiền, dữ phải đâu là tính sẵn,
Phân nhiều do giáo dục mà nên”*¹.

Hơn ai hết, Bác luôn trân trọng những phần tốt đẹp ở trong mỗi con người và hiểu rõ những thói hư tật xấu một phần là do ảnh hưởng từ môi trường xã hội (vạn biến) còn con người vốn lương thiện (bất biến). *Từ hiện tượng đến bản chất phải đi từ cái không ổn định đến cái ổn định. Nếu chỉ dừng lại ở cảm giác, ở những hiện tượng bề ngoài sẽ không tìm ra được động lực của sự phát triển.* Cái bản thể nằm trong hiện tượng. Thấm sâu lời di huấn, một thái độ ứng xử rất Hồ Chí Minh - lấy cái không đổi ứng phó với cái đổi thay. Bác luôn nhận ra điều ẩn náu bên trong, đằng sau cái trực tiếp nhìn thấy. Bởi thế, Người coi cờ bạc, trộm cắp, gái điếm... là những “nạn nhân” của chế độ cũ. Trái với ý định “trùng trị trước hết”, Người chủ trương vừa giáo dục, vừa cải tạo trong đó đặt giáo dục lên trước pháp luật để giúp họ sám hối phục thiện. Đó chính là “*Vì chính dĩ đức*” (làm việc chính dùng lấy đức) để chinh phục nhân tâm ví như sao bắc thần đứng một chỗ, mà các sao đều châu về. Như vậy có thể thấy “đức” chính là cái “bất biến”, còn cụ thể hơn trong “đức” ấy lại lấy “nhân” làm căn cốt. “Bất biến nhỏ” trong “bất biến lớn” là khuôn mẫu và tiêu chuẩn để mọi hành xử phải xoay vòng vào đó.

Ý niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc *dùng giáo dục để cải tạo* là biểu hiện của tinh thần “dĩ nhu ức cương” được sử dụng như một phép biện chứng. Dùng mềm để thắng cứng, nhu nhưng trong thế thượng phong và cao đẹp. Với nhân là *cái gốc lớn của sự sinh hoá trong trời đất. Điều thiện nhờ đó mà nảy nở như hoa mùa xuân, người tốt nhờ đó mà thêm nhiều.* Chính cách xử thế biết “gạn đục khơi trong” đã trở thành nhân tố quan trọng trong đường lối đại đoàn kết dân tộc. Vì với Bác thiện lành là cái gốc của mỗi người, hãy dựa vào cội rễ ấy mà giáo dục, cải hóa để cho họ “gần đèn thì rạng”.

Lấy cái đại đồng để khắc phục cái tiểu dị. Tuy vậy, không phải tuyệt nhiên không dùng xử phạt, mà “pháp luật” đi liền phía sau đó để tránh mở đường cho bọn cố ý phá hoại. Như vậy, cương nhu hài hòa, chẳng phải thế mà Vũ Đình Hòe đã gọi “pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh”.

3.3. “Có lý”, “có tình”

Kết hợp sức mạnh dân tộc và thời đại. Để chiến thắng những kẻ thù mạnh hơn mình gấp nhiều lần, Bác coi đây là một vấn đề có tầm quan trọng. Tuy nhiên, khó khăn lớn nhất của ta khi tiến hành cuộc đấu tranh chống Mỹ là phong trào cộng sản lâm vào khủng hoảng, quan hệ Xô - Trung rạn nứt đôi bên². Chính trong tình hình quốc tế phức tạp đó, Bác giương cao ngọn cờ chính nghĩa, tích cực thực hiện ngoại giao “tâm công” với chủ trương “có lý, có tình”. Thêm một lần nữa cặp phạm trù đối lập nhưng không đối chọi đã chuyển hóa cho

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.413.

2. Từ những năm 60 của thế kỷ XX, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế lâm vào tình thế bất hòa, đối kháng lẫn nhau. Trung Quốc, Liên Xô đều muốn giữ vị trí đứng đầu đã lần lượt giương lên những ngọn cờ, học thuyết để tranh thủ, lôi kéo các nước xã hội chủ nghĩa khác đi theo. Về phần mình, đế quốc Mỹ đã “lên chân” trong mối quan hệ rạn nứt để làm cho Việt Nam không còn khả năng nhận được sự ủng hộ, chi viện, phải đi đến “tự lực tàn”.

nhau. *Tình lý* ấy được Đảng luôn khéo léo vận dụng để “cả nhân loại với ta cùng chiến lũy”. Hậu phương quốc tế của cách mạng Việt Nam, trong lúc khó khăn hay thuận lợi đều không nghiêng ngả, vẫn kiên định sự ủng hộ đầu vịn biến tình hình có mau chóng đổi thay¹.

Di chúc như một “thiên cầm nang thần kỳ”, lật giở nó, ta sẽ thấy phương châm xử thế “Dĩ bất biến ứng vạn biến”. Mục tiêu là đoàn kết quốc tế. Cách thức - có lý có tình. Trong tình hình phức tạp mâu thuẫn Xô - Trung, với chính sách ngoại giao cân bằng, *kiên quyết* và *khôn khéo*, ta đã tranh thủ được sự ủng hộ to lớn, rất quý báu của hai nước xã hội chủ nghĩa. Đó cũng là ứng phó linh hoạt trước biến đổi tình hình khi phong trào cộng sản “môi hở răng lạnh” đã xuất hiện ly tâm.

Tóm lại, Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh có thể được khai thác, tìm hiểu dưới nhiều góc độ khoa học và đều rút ra những giá trị lớn. Từ phương châm “Dĩ bất biến ứng vạn biến”, ta nhận thức được phương pháp luận quan trọng - kết hợp *hai phạm trù để giải quyết một vấn đề*. Đó là sự thống nhất giữa các mặt đối lập, “cương nhu tương dịch” (cứng mềm độn đây nhau). Đối với kẻ thù thì kiên quyết trong chiến lược, mềm dẻo trong sách lược. Còn trong nội bộ, đối với những khuynh hướng tiêu cực, ta vừa đấu tranh bền bỉ, vừa có lý có tình. “Dĩ nhu ức cương” để mềm thắng cứng, “nước chảy cho đá trôi nghiêng”.

*

“Dĩ bất biến ứng vạn biến” là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa *tính nguyên tắc, kiên định* về mục tiêu với *tính linh hoạt, uyển chuyển* trong phương pháp cách mạng. Nhìn lại cuộc đời và sự nghiệp Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta càng nghiệm thấy câu nói mà Indira Gandhi, một chính khách Ấn Độ đã ca ngợi Bác - “một nhà lãnh đạo mềm dẻo mà vĩ đại và kiên định”.

Ngắn gọn mà súc tích. Di chúc thể hiện mối quan hệ biện chứng giữa truyền thống với hiện đại, dân tộc và quốc tế, lý với tình mà sợi chỉ đỏ xuyên suốt là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. “*Dĩ bất biến ứng vạn biến*” trong bản *Di chúc lịch sử*, đây không chỉ là nghiên cứu, xem xét những vấn đề đã qua, mà còn có ý nghĩa to lớn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Bởi lẽ Di chúc là “*cương lĩnh xây dựng đất nước sau chiến tranh*”² (PGS.TS Bùi Đình Phong), phương châm xử thế “Dĩ bất biến ứng vạn biến” được xem như “*kẻ giữ nước hiệu quả nhất, có sức tác động mạnh nhất, kể cả ở thời bình cũng như khi thế nước “ngàn cân treo sợi tóc”*”³. Sự kết hợp giữa hai nhân tố này là “bó đuốc soi sáng con đường cách mạng Việt Nam đến mục tiêu”/.

1. Trong những năm 1965 - 1975, viện trợ kinh tế của các nước XHCN lên tới 2.505,659 triệu rúp, tiền cho vay: 1.617,459 triệu rúp, chiếm trên dưới 60% ngân sách hàng năm của nước ta (Chu Văn Phúc: *Tác động của đòn tiến công ngoại giao trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước*, Tạp chí Nghiên cứu quốc tế, số 12, 2002, tr.56).

2. Bùi Đình Phong: *Ba mươi năm Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội, số 5, 1999, tr. 3.

3. Nguyễn Hùng Hậu: *Triết lý “Dĩ bất biến ứng vạn biến” trong tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.5.

NIỀM TIN VỀ XÃ HỘI “DÂN GIÀU, NƯỚC MẠNH” TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*TS. Nguyễn Thị Hiền Oanh**

Mở đầu

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi thảo từ 15/5/1965, hoàn thiện 10/5/1969. Trong nửa thập niên ấy, gần đến ngày sinh của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đều sửa, cân trọng từng dòng, nâng niu từng chữ. Mỗi chữ, mỗi dòng đều tỏa sáng tư tưởng và tình yêu bao la của Người dành cho Đảng, cho nhân dân, đặc biệt cho thế hệ trẻ. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành di sản quý báu của toàn Đảng, toàn dân ta, đã thấm sâu vào nhận thức và tình cảm thiêng liêng của mỗi người Việt Nam.

Xin mượn những dòng thơ của nhà thơ Thu Bồn trong bài thơ *Gửi lòng con đến cùng Cha*:

*Có Người thợ dựng thành đồng
Đã yên nghỉ tận sông Hồng, mẹ ơi
Con đi dưới một vòm trời
Đau thương nhưng vẫn sáng ngời niềm tin!*

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người là hiện thân của sự sống, niềm tin ấy cho chúng tôi, thế hệ trẻ chúng tôi được sinh ra khi Người đã đi xa, thế hệ trẻ đã và đang tìm hiểu về lý tưởng cộng sản và trở thành những đảng viên cộng sản.

Nội dung

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đi để lại sự sống và niềm tin

- Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đi để lại sự sống cho đời

Năm 1969, năm Người đi xa, lúc bấy giờ, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta còn nhiều thử thách, hy sinh. Tin Người từ trần làm cả đất trời xúc động, người người từ già đến trẻ đã bật lên tiếng khóc do không kìm nén được tình cảm yêu thương vô hạn của mình đối với Người, người cha vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Đài Tiếng nói Việt Nam truyền thanh trực tiếp điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, do Bí thư thứ nhất là đồng chí Lê Duẩn đọc trong lễ tang của Người:

Tôn thất này vô cùng lớn lao! Đau thương này thật là vô hạn.

Năm 1911, Người đã ra đi tìm con đường đúng đắn để cứu nước. Muốn đánh đổ thực dân phương Tây, phải sang tận trời Tây để tìm hiểu về họ. Một tư tưởng biện chứng mà không phải người yêu nước nào lúc ấy cũng nghĩ ra. Hành trang ra đi của Người là tấm lòng yêu nước nồng nàn với hai ngoại ngữ là tiếng Hán học thuở thiếu thời cùng cha và ông ngoại, tiếng Pháp học ở trường Quốc học Huế. Không tiền tài, không có người nương tựa trong suốt cuộc hành trình dài, Người phải tự lao động bằng đôi bàn tay thư sinh, phải tự học để tiếp thu tri thức của các dân tộc mà Người đã đi qua, Người đã trưởng thành từ cuộc hành trình ấy, đã trở thành một học giả uyên thâm trên nhiều lĩnh vực, Người đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin,

*Trường Đại học Sài Gòn

tìm thấy ở chủ nghĩa Mác - Lênin ánh sáng soi đường cứu dân, cứu nước. Chính Người đã truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam và vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh nước ta, vạch đường chỉ lối cho cách mạng nước ta. Người đã trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, Người được bầu làm ủy viên Bộ Phương Đông, trực tiếp phụ trách Cục Phương Nam của Quốc tế Cộng sản. Người thành lập tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên với những hạt nhân là những đảng viên cộng sản đầu tiên do Người kết nạp, từ tổ chức cách mạng này gắn bó thử thách cùng phong trào cách mạng cả nước mà phát triển thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Người là cha đẻ của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng, Người là vị lãnh tụ kính yêu của cách mạng Việt Nam, của dân tộc Việt Nam đồng thời là người chiến sĩ cách mạng quốc tế lỗi lạc.

Trong điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng viết: “Hồ Chủ tịch là người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta, là người xây dựng nền cộng hòa dân chủ Việt Nam và Mặt trận Dân tộc thống nhất, là người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Người là linh hồn là ngọn cờ chói lọi, lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đoàn kết một lòng, chiến đấu anh dũng, viết lên những trang sử vẻ vang nhất của Tổ quốc ta”¹.

Một con người, một cuộc đời đã làm nên một thời đại - thời đại Hồ Chí Minh. “Hồ Chủ tịch qua đời! Nhưng Người đã để lại cho chúng ta một di sản vô cùng quý báu. Đó là thời đại Hồ Chí Minh, thời đại rực rỡ nhất trong lịch sử quang vinh của dân tộc. Đó là kỷ nguyên độc lập, tự do của Tổ quốc, kỷ nguyên chủ nghĩa xã hội ở nước ta”².

Vào năm ấy - năm 1969, năm Người đi xa, tôi chưa sinh ra... Sau này, tôi đã tìm đọc về cuộc đời và sự nghiệp của Người. Tôi vẫn thấy Người vẫn như đang sống cùng toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, Người sống mãi cùng dân tộc Việt Nam.

Một thầy dạy triết học đã kể cho tôi nghe rằng năm 17 tuổi, Các Mác đã viết bản luận văn: “*Suy nghĩ của một thanh niên khi chọn nghề*” đã rút ra kết luận: Lịch sử chỉ thừa nhận vĩ nhân là những người cống hiến cho sự nghiệp chung, chính vì vậy mà họ cao thượng hơn. Kinh nghiệm cho thấy ai đem hạnh phúc cho nhiều người nhất thì người ấy là người hạnh phúc nhất.

Cả cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến cho sự nghiệp chung, như vậy Người là vĩ nhân. Người đã hy sinh mọi quyền lợi cá nhân để đem lại hạnh phúc cho nhiều người nhất, như vậy Người hạnh phúc nhất.

Từ đó, từ cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tôi hiểu về chủ nghĩa cộng sản, lý tưởng cộng sản gần gũi hơn, Việt Nam hơn. Chúng tôi đã tâm sự với nhau về những nội dung trong Di chúc của Người. Đối với chúng tôi, phần đầu trở thành một đảng viên cộng sản - lý tưởng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tìm và cả đời cống hiến - là thiêng liêng. Người đã ra đi để lại sự sống cho đời. Thế hệ trẻ Việt Nam đã, đang và mãi mãi tiếp nhận sự sống ấy - cả dân tộc Việt Nam đang thừa hưởng sự sống ấy.

- *Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại niềm tin về chủ nghĩa xã hội*

Từ thưở mười tám, đôi mươi, đau nỗi đau của dân tộc mất độc lập, tự do, thương cảnh đời của bao kiếp người bần cùng trong lao khổ, Nguyễn Tất Thành đã quyết chí ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân. Từ chủ nghĩa yêu nước, sau nhiều năm bôn ba hải ngoại, Người đến với chủ nghĩa cộng sản, tìm thấy ở đây con đường cứu nước, giải phóng dân tộc mình,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t.12, tr.516.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t.12, tr.519.

tìm thấy con đường đi tới tương lai tươi đẹp cho dân tộc - con đường xã hội chủ nghĩa. Từ đó, Người dành trọn cả cuộc đời cho việc thực hiện thắng lợi con đường đó.

Thứ nhất, vấn đề kiên định mục tiêu đã chọn, mục tiêu xã hội chủ nghĩa

Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười năm 1917, loài người bước sang thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Chịu ảnh hưởng của cách mạng vô sản Nga và từ hoạt động thực tiễn trong phong trào cách mạng thế giới, Người đã nhận thức: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không còn con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”¹. Vận dụng vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam, Người chủ trương thực hiện con đường cách mạng vô sản, bắt đầu từ giải phóng dân tộc tiến tới mục tiêu chủ nghĩa xã hội. Trong Chánh cương vắn tắt của Đảng, Người nhấn mạnh: “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”²- một xã hội giải phóng hoàn toàn nhân dân lao động khỏi sự áp bức, bắt công, đem lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

Con đường cứu nước, giải phóng dân tộc đã được Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức toàn dân Việt Nam thực hiện, đã đạt được những bước tiến quan trọng. Năm 1945, Cách mạng tháng Tám đập tan ách thống trị của đế quốc xâm lược và bọn tay sai phong kiến, thành lập chế độ dân chủ nhân dân, một chế độ mới, quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Sau đó, nhân dân Việt Nam tiếp tục tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược (9 năm) chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (21 năm) để bảo vệ cho độc lập dân tộc, bảo vệ chế độ mới, chế độ của dân, do dân, vì dân. Sự kết thúc thắng lợi của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân vào mùa xuân 1975 cũng là sự mở đầu cho giai đoạn mới, giai đoạn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch ra, giai đoạn cả nước độc lập, thống nhất, quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Sau sự sụp đổ của Liên Xô và các nước Đông Âu. Một số người hoang mang, dao động, mất lòng tin vào chủ nghĩa xã hội. Nhưng Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn kiên định: “Đi theo con đường của chủ nghĩa Mác - Lênin, con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn, những người cộng sản Việt Nam và toàn thể nhân dân Việt Nam đồng tâm nhất trí, đoàn kết một lòng, quyết tâm xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, vì hạnh phúc của nhân dân”³, “tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới tiến theo con đường xã hội chủ nghĩa” [1, tr.105] theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Di chúc lịch sử.

Thứ hai, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm về chủ nghĩa xã hội và cách mạng xã hội chủ nghĩa hết sức cụ thể và rất thuyết phục. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu, nước mạnh, xây dựng chủ nghĩa xã hội là xây dựng cuộc sống phồn vinh cho đất nước, tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Mục đích của việc “xây dựng chủ nghĩa xã hội là thay đổi cả xã hội, thay đổi cả thiên nhiên, làm cho xã hội không còn người bóc lột người, không còn đói rét, mọi người đều được ấm no, hạnh phúc, được học hành”⁴. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa tất cả mọi người đều được ăn no, mặc ấm, nghĩa là “mình vì mọi người, mọi

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t.12, tr.314.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t.3, tr.1.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.104.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t.9, tr.447.

người vì mình” phải trở thành đạo lý, nghĩa vụ của mỗi công dân Việt Nam.

Điều mà Chủ tịch Hồ Chí Minh tha thiết mong ước đó là xây dựng một xã hội công bằng, thể hiện bản chất ưu việt của xã hội chủ nghĩa. Trong đó, mọi hoạt động của Đảng và Nhà nước, của toàn xã hội phải vì con người. Trong suốt cuộc đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nghĩ đến việc động viên, tổ chức, phát huy nguồn sức mạnh nơi dân, luôn lấy dân làm gốc. Người đặt lên hàng đầu nhiệm vụ giáo dục, đào tạo, phổ biến khoa học kỹ thuật, nâng cao trí tuệ, trình độ học vấn cho mọi người dân trong xã hội, tạo động lực thúc đẩy công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Theo Người, việc xây dựng chủ nghĩa xã hội rất khó khăn, nhưng dù khó khăn đến đâu, nếu Đảng đưa ra được chính sách đúng, hợp lòng dân thì nhất định sẽ khơi dậy tinh thần tích cực, khả năng sáng tạo của mọi người, biến chúng thành sức mạnh vật chất to lớn, hoàn thành nhiệm vụ.

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập trong trong “Di chúc” thật cụ thể, thiết thực. Đó là những công việc đối với con người, từ những chiến sĩ anh dũng xả thân ngoài chiến trường, đến những người mẹ, người chị ở hậu phương,...đều được Người ân cần quan tâm, đề ra những chủ trương, hướng dẫn thực hiện. Đó là những công việc thật lớn của xã hội, đến những công việc rất nhỏ trong những gia đình Việt Nam. Di chúc của Người, vì thế vĩ đại trong cái bình dị, mà mỗi khi đọc tới ai cũng xúc động, bồi hồi.

Phác thảo của Chủ tịch Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội “dân giàu, nước mạnh”, được Người nhấn mạnh trong Di chúc: “xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”¹ đã trở thành chỉ dẫn quý giá cho công cuộc đổi mới vì chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trong đó, mối quan hệ giữa dân với nước được Người xem xét, giải quyết một cách thống nhất. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Dân có giàu thì nước mới mạnh. Người thường nói: Nước nhà đã có độc lập mà dân còn nghèo đói thì độc lập ấy có nghĩa lý gì. Với Người, dân phải được giàu có, bởi một lẽ giản đơn: một Nhà nước của dân, do dân và vì dân muốn mạnh phải dựa vào dân. Muốn cho dân giàu, nước mạnh, *một mặt* nhà nước phải chăm lo mọi mặt cho dân, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đều nhằm nâng cao đời sống của nhân dân; *Mặt khác*, Nhà nước phải biết dựa vào dân, huy động sức mạnh của mọi người, mọi nhà cho công cuộc xây dựng đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc chúng ta: huy động tiền của dân và sức mạnh của dân để làm việc ích lợi cho dân thì bao giờ dân cũng hăng hái đóng góp, công việc gì họ cũng tham gia tới thành công.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội, về sự giàu có của một dân tộc, sự hùng mạnh của một đất nước, được phản ánh trong Di chúc của Người, là sự trở về với bản chất đích thực của chủ nghĩa xã hội mà Mác - Lênin đã đề cập đến, là sự sáng tạo không ngừng của người cộng sản Việt Nam trước con đường phát triển của dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh định con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội “dân giàu, nước mạnh” là con đường gian khổ, khó khăn và lâu dài. Trong Di chúc Người viết: “Công việc trên đây là rất to lớn, nặng nề và phức tạp, mà cũng rất vẻ vang. Đây là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi...”². Để đạt được mục tiêu “dân giàu, nước mạnh”, không thể nôn nóng, duy ý chí, “không làm mau được, mà phải làm dần dần”, phải đề ra những biện

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t.12, tr.512.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t.12, tr.505.

pháp cụ thể, từng bước xác lập chủ nghĩa xã hội trong cuộc sống.

Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội hoàn toàn mới mẻ đối với nhân dân ta. Vì vậy, trên con đường ấy, học tập kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa đi trước là cần thiết. Nhưng Người cũng chỉ rõ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam phải phù hợp với điều kiện là nước thuộc địa, một nước nông nghiệp lạc hậu lại bị chiến tranh tàn phá, đồng thời lại bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa mà tiến vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Do đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh nước ta khác Liên Xô về kinh tế - xã hội, về phong tục tập quán, cho nên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta tất phải khác con đường của Liên Xô. Những chỉ dẫn của Người, bước đầu đã giúp chúng ta phân định các bước đi trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, giúp hạn chế việc học tập kinh nghiệm nước ngoài một cách máy móc, giáo điều.

2. Làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Để đồng bào, bè bạn và đồng chí trong Đảng khỏi cảm thấy đột ngột, biết mình đã ở tuổi “lớp người xưa nay hiếm”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết sẵn bản Di chúc lần đầu là ngày 15/5/1965. Năm 1968, Người tiếp tục bổ sung Di chúc. Đến ngày 10/5/1969, Người đã viết lại phần mở đầu Di chúc, trước ngày Người mãi đi xa - ngày 2/9/1969 - Một phong cách Hồ Chí Minh: tận tình, chu đáo, thận trọng và sáng suốt trong mọi việc làm.

Bản Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Trước hết nói về Đảng; rồi đến đoàn viên thanh niên; nói đến nhân dân lao động; nói đến cuộc kháng chiến chống Mỹ; nói về phong trào cộng sản thế giới; cuối cùng Người nói về việc riêng rất ngắn gọn và cảm động: “Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa. Sau khi tôi qua đời, chớ nên tổ chức phúng điếu linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân” [6, tr.512].

Một vị lãnh tụ, một vĩ nhân viết bản Di chúc để lại cho đời, sửa đi sửa lại trong mấy năm liền, nhưng chỉ dành về bản thân ngắn gọn như vậy, còn tất cả là nói về Đảng, nói về thanh niên, nói về nhân dân, nói về kháng chiến, nói về phong trào cộng sản thế giới. Cái vĩ đại của Người nằm ngay trong cái giản dị chân tình của một bậc vĩ nhân.

Theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các thế hệ người Việt Nam đã sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Người. Chúng tôi tin và phấn đấu theo lý tưởng mà Người đã chọn.

Vì sao trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người lại dành trước hết nói về Đảng? Lớn lên, trưởng thành cùng với quá trình làm theo Di chúc của Người, chúng tôi đã nhận thức được ý nghĩa của vấn đề.

Ra đi tìm đường cứu nước, Người đã đến với học thuyết về chủ nghĩa cộng sản do Mác - Ăngghen - Lênin xây dựng. Đây là học thuyết tiên tiến nhất, là con đường cứu nước chân chính nhất. Vận dụng lý luận xây dựng đảng kiểu mới của giai cấp công nhân của chủ nghĩa Mác - Lênin, Người đã sáng lập nên Đảng Cộng sản Việt Nam. Điều này là phù hợp với xu thế khách quan của thời đại ngày nay: mỗi một dân tộc, một giai cấp vùng lên đấu tranh cách mạng không thể tách rời vai trò tổ chức và lãnh đạo của một chính đảng cách mạng.

Tuy nhiên, như chúng ta đã biết, vào những năm 20 của thế kỷ XX, Việt Nam đã có nhiều đảng phái khác nhau: Đảng Lập Hiến, Đảng Tân Việt, Đảng Thanh niên và Việt Nam quốc dân Đảng. Nhưng chỉ có Đảng Cộng sản Việt Nam, phát triển từ tiền thân là tổ chức Hội

Việt Nam Cách mạng Thanh niên, đã gắn bó cùng với phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân trong cả nước, mới được dân tộc thừa nhận vai trò lãnh đạo. Đó là sự lựa chọn của lịch sử, của dân tộc Việt Nam. Và từ năm 1930 khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã giữ vững vai trò lãnh đạo cách mạng. Mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam đều bắt nguồn từ sự lãnh đạo của Đảng.

Như vậy, lý tưởng cộng sản là lý tưởng giải phóng các dân tộc bị áp bức đày đọa, là vũ khí lý luận của giai cấp công nhân và nhân dân lao động vùng lên đấu tranh giải phóng để xóa bỏ áp bức bóc lột và đi tới xây dựng xã hội mới tốt đẹp, người người là bạn. Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, của dân tộc Việt Nam, là bộ tham mưu để thực hiện lý tưởng cao đẹp đó của chủ nghĩa cộng sản.

Trước đây, khi chưa có Đảng, để chống ngoại xâm nhân dân ta đã từng vùng lên theo các nhà yêu nước Trương Công Định, Thủ Khoa Huân, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu,... nhưng đều bị thực dân, phong kiến đàn áp dẫn tới thất bại. Sự thật này càng khẳng định vai trò của Đảng đối với đất nước ta, dân tộc ta.

Bởi vậy, trong Di chúc, trước hết Người nói về Đảng. Đó là Người nói về nhân tố to lớn nhất, quyết định nhất cho sự nghiệp cả nước cả trước mắt và cả cho lâu dài. Nhưng điều Người quan tâm không phải ở lý luận xây dựng Đảng nói chung, ở việc đề ra đường lối chủ trương của Đảng, ở những thành tựu Đảng đã đạt được. Trong Di chúc, Người căn dặn những vấn đề cốt lõi nhất đảm bảo cho sự tồn tại, trưởng thành tương xứng với vai trò lãnh đạo của Đảng. Người nói: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập cho đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”¹.

Như vậy, sức mạnh của Đảng bắt nguồn từ sự đoàn kết; mục đích của Đảng là phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc. Đây chính là bản chất nội tại để phân biệt một đảng chân chính với các đảng phái khác của các giai cấp khác trong xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”².

Để giữ gìn đoàn kết trong một tập thể đông người, nhiều ý kiến, nhiều quyền lợi và chính kiến khác nhau không phải là một việc làm dễ dàng.

Dân tộc Việt Nam có truyền thống: “*Nhiễu điều phủ lấy giá gương. Người trong một nước phải thương nhau cùng*” đã tạo nên những giá trị văn hóa cho tinh thần đoàn kết dân tộc. Đảng ta với lý tưởng cộng sản, sự tự nguyện chiến đấu hy sinh của từng cán bộ, đảng viên, những tấm gương trong sáng của các lãnh tụ và các chiến sĩ cách mạng đó là cơ sở xây nên truyền thống đoàn kết trong Đảng. Thực sự, từ khi ra đời cho đến nay, Đảng luôn là một khối đoàn kết thống nhất. Nhưng có lúc, có nơi, trong những trường hợp cục bộ vẫn có những hiện tượng mất đoàn kết. Do đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh để nhắc nhở chúng ta, giữ gìn sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Làm gì để giữ gìn sự đoàn kết, để xây dựng Đảng vững mạnh về tổ chức, trong sáng về chính trị, lành mạnh về tư tưởng? Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Trong Đảng thực

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t.12, tr.510.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t.12, tr.510.

hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu nhau”¹.

Ở đâu không thực hành dân chủ, không duy trì thường xuyên sinh hoạt để thực hiện tự phê bình và phê bình thì ở đó phát huy được dân chủ. Trong nhiều biện pháp, việc làm để xây dựng đoàn kết, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ cho chúng ta dân chủ cùng với tự phê bình và phê bình là “cách tốt nhất”. Bởi vì, ở đây mỗi cán bộ, đảng viên chúng ta đã được tự mình, bằng suy nghĩ và việc làm, nói lên tiếng nói của chính mình. Tuy nhiên, ở đây cần phải chú ý tư tưởng đoàn kết và xây dựng tình đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh còn trên nền tảng “phải có tình đồng chí yêu thương nhau”. Nếu không được đặt trên “tình đồng chí yêu thương nhau” thì nhiều khi tự phê bình và phê bình sẽ trở thành khuôn sáo công thức cứng nhắc.

Ngay từ khi mới ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã gắn bó với nhân dân, đấu tranh vì lợi ích của nhân dân, Đảng lại đưa ra được đường lối chính trị phù hợp với tâm tư, tình cảm và nguyện vọng của toàn dân. Bởi vậy, Đảng ta được cả dân tộc thừa nhận vai trò lãnh đạo cách mạng trong cả nước. Nói về vai trò cầm quyền của Đảng thể hiện bản chất, lý tưởng cộng sản, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Chúng ta có thể coi luận điểm này của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một định nghĩa điển hình về Đảng Cộng sản Việt Nam, một tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng. Vì Đảng Cộng sản Việt Nam là một tổ chức chiến đấu cho lợi ích của giai cấp, của dân tộc và của nhân dân. Trong lịch sử chưa bao giờ có lãnh tụ, vĩ nhân nào đặt khái niệm lãnh đạo và khái niệm đầy tớ ngang nhau, bên nhau. Chỉ có Chủ tịch Hồ Chí Minh mới có tư tưởng thống nhất hai khái niệm ấy. Về cái chung, Đảng ta là đảng cầm quyền: là người lãnh đạo, là người đầy tớ trung thành của nhân dân.

50 năm qua - từ khi Người đi xa, các thế hệ người Việt Nam đã làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, phấn đấu theo lý tưởng của Người, chúng tôi đã trở thành đảng viên Đảng Cộng sản, đang chiến đấu cho lý tưởng cộng sản. Những tư tưởng nói về Đảng trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một mẫu mực về đảng kiểu mới của giai cấp công nhân. Đây là bổ sung của Chủ tịch Hồ Chí Minh làm phong phú thêm lý luận về xây dựng Đảng kiểu mới của Mác - Ăngghen - Lênin.

Viết những dòng trên đây, tôi nghĩ lớp học sinh, sinh viên hôm nay đang có một bộ phận không nhỏ hiểu biết về lý tưởng cộng sản để có niềm tin về chủ nghĩa cộng sản còn rất hạn chế. Đành rằng bồi dưỡng lý tưởng là một quá trình lâu dài. Thế hệ học sinh, sinh viên chúng tôi có Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh làm điểm tựa phấn đấu vươn lên. Chúng tôi tìm thấy lý tưởng cộng sản và niềm tin cộng sản từ trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Để niềm tin đó mãi mãi tươi xanh vì nó không còn là lý luận mà đã là “cây đời” trên mảnh đất Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t.12, tr.510.

dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng”, vừa “chuyên”¹.

Thực hiện lời dạy của Bác, chúng ta cần tăng cường giáo dục lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hệ thống giáo dục ở nước ta.

Sức sống của lý tưởng cộng sản và của tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ đem lại sức mạnh cho chúng ta trong sự nghiệp đưa lý tưởng ấy đến thắng lợi cuối cùng.

Tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Đảng ta tiếp tục khẳng định: “Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh”².

Định hướng chiến lược trên đây là mục tiêu nhất quán xuyên suốt toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Đảng. Ở mỗi giai đoạn cụ thể mục tiêu ấy được thể hiện dưới những hình thức khác nhau, nhưng thực chất chỉ là một: Con đường duy nhất mà Đảng và Bác Hồ đã chọn: “Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”.

Đọc Di chúc, suy nghĩ về những điều mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết, chúng ta càng thấy sự vĩ đại và tầm quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh. Theo chỉ dẫn của Người, đồng thời không ngừng sáng tạo, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định ngày càng rõ hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội với mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Công cuộc đổi mới của đất nước và tư tưởng về chủ nghĩa xã hội của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta đã xác định ngày càng rõ hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, phản ánh những di huấn mà Người đã để lại trong Di chúc lịch sử của Người. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã nêu rõ: Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội... “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”... “*Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới*”³.

Kết luận

Để tiếp tục thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta nguyện suốt đời trung thành với lý tưởng, niềm tin cộng sản của Người, quyết tâm làm tròn nghĩa vụ cao cả vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của Nhân dân. Chúng ta học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh bằng những hành động thiết thực nhất, hiệu quả nhất để thỏa lòng mong ước của Người và xứng đáng với tình thương yêu mà Người đã dành cho chúng ta./.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t.12, tr.510.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Tài liệu hỏi và đáp về các vấn đề Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.60.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011 (Link: <http://m.sggp.org.vn/cuong-linh-xay-dung-dat-nuoc-trong-thoi-ky-qua-do-len-chu-nghia-xa-hoi-bo-sung-phat-trien-nam-2011-234757.html>)

DI CHÚC – SỰ KẾT TINH VÀ TỎA SÁNG CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN HỒ CHÍ MINH

PGS.TS. Lý Việt Quang*

Được bắt đầu viết từ dịp sinh nhật lần thứ 75 của Chủ tịch Hồ Chí Minh, được bổ sung trong những dịp sinh nhật tiếp sau đó của Người¹, *Di chúc* dù được Người gọi là “mấy lời” dặn lại, nhưng đã thực sự là Quốc bảo của dân tộc Việt Nam, là tài sản tinh thần vô cùng quý giá của Đảng và dân tộc. Bởi đó thực sự là kết tinh tất cả những tư tưởng và tình cảm, trí tuệ và tâm huyết trọn cuộc đời của một bậc đại trí, đại nhân, đại dũng, vị anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất của dân tộc Việt Nam. Một trong những giá trị nổi bật và bao trùm trong *Di chúc* là chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh.

Giáo sư Trần Văn Giàu từng nhận xét rất sâu sắc rằng: “Cho phép tôi hiểu rằng tầm cỡ của một nhà hiền triết chưa chắc ở chỗ giải đáp mối tương quan giữa tồn tại và tư tưởng, ở chỗ xác định thế giới là thực tại hay là ảo ảnh, khả tri hay bất khả tri, ở chỗ lựa chọn giáo điều quen thuộc hay sáng tạo mới lạ, mà chung quy là ở mức quan tâm đến con người, con người thật đang phải sống trên quả đất này và chắc còn sống lâu dài đến vô tận thời gian, lấy đó làm trung tâm của mọi suy tư và chủ đích của mọi hành động. Cụ Hồ thuộc loại hiền triết đó, vì thế mà Cụ vĩ đại”².

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn phấn đấu và hiến dâng trọn cuộc đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Từ một người yêu nước chân chính trên hành trình *tìm lại hình của đất nước và hồi sinh dân tộc* đang chìm đắm trong đêm dài nô lệ, Người đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và trở thành một chiến sĩ cộng sản xuất sắc, một nhà tư tưởng lỗi lạc trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế khi đã vận dụng phương pháp luận duy vật biện chứng tìm ra phương thức gắn kết thành công lý tưởng của ba sự nghiệp giải phóng: dân tộc - giai cấp - con người, theo phương châm *vì con người và cho con người*. Sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người của Chủ tịch Hồ Chí Minh chẳng những là một sự nghiệp cách mạng vĩ đại, vẻ vang, mà còn là một sự nghiệp văn hóa - nhân văn cao cả.

Với một sự nghiệp cao cả như vậy, trong quan niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, con người luôn nằm ở vị trí trung tâm, luôn là mục tiêu, là đích đến trong mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước. Người nhiều lần khẳng định và nhắc nhở Đảng và Nhà nước không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của nhân dân, không có mục tiêu nào khác ngoài việc phục vụ cho lợi ích của nhân dân: “Đảng ta là Đảng lãnh đạo cách mạng. Ngoài lợi ích của nhân dân Đảng ta không có lợi ích nào khác. Vì vậy, cán bộ và đảng viên phải một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phải là người đầy tớ hết sức trung thành của nhân dân”³. Người cũng bộc bạch chân thành với báo giới trong nước và quốc tế: “Tôi tuyệt nhiên không

* Phó Viện trưởng Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Riêng dịp sinh nhật lần thứ 77 (tháng 5-1967), Chủ tịch Hồ Chí Minh đi công tác nước ngoài, nên không trực tiếp bổ sung vào bản *Di chúc*.

2. Trần Văn Giàu: *Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh - Đặc điểm và cội nguồn*, in trong: UNESCO và Ủy ban KHXH Việt Nam: *Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990, tr. 237.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 13, tr. 107.

ham muốn công danh phú quý chút nào. [...] Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”¹.

Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, vì đặt con người lên trên hết thảy, nên lợi ích của nhân dân đã trở thành chuẩn mực, tiêu chí xác định tính đúng đắn của những con đường cứu nước. Người chọn cứu nước theo con đường cách mạng vô sản, bởi đó khác với những con đường “cách mạng không đến nơi”, cách mạng giành được thắng lợi nhưng quyền hành và lợi ích lại chỉ nằm trong tay một thiểu số người, mà là con đường “cách mạng đến nơi”, con đường cách mạng triệt để. Sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, Người đã nêu rõ tiêu chí của nước độc lập là tự do, hạnh phúc của nhân dân, bởi “nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”² và “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì”³. Sau này, trên cương vị người lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước, Người cũng chú trọng nhắc nhở: “*Chân lý* là cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho nhân dân. Cái gì trái với lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân tức là không phải chân lý. Ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân - tức là phục tùng chân lý”⁴. Bởi lẽ đó, đối với mỗi người cán bộ, đảng viên *thực sự xứng đáng là đảng viên của Đảng* thì việc gì có lợi cho nhân dân phải ra sức làm, việc gì có hại đến nhân dân thì phải ra sức tránh.

Khởi đầu sự nghiệp cách mạng là *vì con người và cho con người*; trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng Việt Nam luôn phân đấu *vì con người và cho con người*; và cho đến những thời khắc cuối của cuộc đời, trong *Di chúc*, Người vẫn luôn trăn trở, nhất quán mục tiêu cao nhất là *vì con người và cho con người*. *Di chúc* thực sự là sự tiếp nối, kết tinh và tỏa sáng chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh mở đầu bản *Di chúc* thiêng liêng với sự thanh thản, ung dung trước quy luật sinh tử của đời người, đồng thời đầy tinh thần trách nhiệm trước sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc trong tương lai. Người nêu rõ “để lại mấy lời” không phải để nói về cá nhân, hay dặn lại những mong muốn của cá nhân theo như lẽ thông thường của con người, mà trước hết chính là để “đồng bào cả nước và đồng chí trong Đảng khỏi cảm thấy đột ngột”⁵. Thực tế, đó chính là điều Người đã trước hết nghĩ cho đồng bào, đồng chí.

Người quan tâm đề cập *trước hết* trong *Di chúc* là về Đảng ta. Bởi lẽ Đảng là người lãnh đạo sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; Đảng là con nôi của dân tộc, của giai cấp, có sứ mệnh vẻ vang, cũng là trọng trách trước lịch sử dân tộc là phục vụ cho lợi ích của toàn dân tộc, đưa dân tộc đi đến giải phóng triệt để. Suốt cuộc đời luôn lo nghĩ vì dân, cho dân, nên Người cũng luôn quan tâm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, xứng đáng “là đạo đức, là văn minh” để đảm trách vai trò lãnh đạo thành công sự nghiệp cách mạng giải phóng con người một cách triệt để đó.

Trong bản viết bổ sung năm 1968, Người xác định rất rõ: “việc cần phải làm trước tiên là *chỉnh đốn lại Đảng*, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân”. Điều này càng có ý nghĩa bức thiết trong điều kiện Đảng trở thành đảng cầm quyền và phải tinh táo nhận

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 4, tr. 187.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 4, tr. 64.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 4, tr. 64.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 10, tr. 378.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 611.

diện, phòng chống nguy cơ suy thoái bởi sự tha hóa của quyền lực, say sưa và ngu quên trong vầng hào quang của những thắng lợi trước mắt, đặc biệt là nguy cơ của chủ nghĩa cá nhân. Bởi lẽ: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”¹. Do đó các cán bộ, đảng viên phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình; phải thực hành dân chủ, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình, phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; phải giữ gìn Đảng thật trong sạch; phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân. Nhưng có lẽ điều quan trọng hơn cả chính là: “Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”², câu viết được Người bỏ sung năm 1966, sau cả một năm trăm trở, suy ngẫm. Định hướng các cán bộ, đảng viên đến những giá trị tốt đẹp của nhân cách người đảng viên cộng sản, trên nền tảng của sự *chân thật* (nhắc đi nhắc lại 4 lần chữ “thật”), của *tình đồng chí thương yêu lẫn nhau*, thực sự là những giá trị nhân văn hết sức cao đẹp. Những giá trị nhân văn đó lại càng tỏa sáng hơn khi nhằm hướng đến phục vụ lợi ích của dân tộc, của nhân dân.

Theo phương châm được Người nhấn mạnh: “Đầu tiên là công việc đối với *con người*”³, Hồ Chí Minh đã phác thảo một chiến lược về con người và vì con người sau ngày kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi, đất nước thống nhất, Bắc – Nam sum họp một nhà. Người cảm thương với bao gian khổ, cực nhọc mà nhân dân ta, đặc biệt là những người lao động phải chịu đựng nhiều đời dưới ách thống trị và bóc lột của chế độ phong kiến và đặc biệt là chế độ thực dân. Nhân dân cũng là những người phải gánh chịu những hậu quả nặng nề nhất của những cuộc chiến tranh xâm lược. Nhưng đó là những con người rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ khi Đảng ra đời, nhân dân đã luôn tin tưởng và trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Chính vì vậy, vừa là theo đạo lý uống nước nhớ nguồn của dân tộc, vừa xuất phát từ tinh thần giải phóng triệt để con người của chủ nghĩa nhân văn nhân đạo cộng sản, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hoá, nhằm không ngừng nâng cao *đời sống của nhân dân*”⁴.

Người nhắc nhở chính sách đối với những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình (cán bộ, binh sĩ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong,...), Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để họ có thể dần dần “tự lực cánh sinh”. Bởi Người tin vào nghị lực và phẩm giá tốt đẹp của những con người đã từng sẵn sàng cống hiến, hy sinh vì sự nghiệp chung của dân tộc, thì sau chiến tranh, họ cũng sẽ không muốn trở thành gánh nặng cho gia đình, cộng đồng và xã hội, mà luôn không ngừng vươn lên để khẳng định bản thân, khẳng định nghị lực sống hữu ích.

Đối với các liệt sĩ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị mỗi địa phương (thành phố, làng xã) cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm ghi sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ, để tri ân những tấm gương đã hy sinh vì đất nước, vì dân tộc và đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta.

Người cũng quan tâm nhắc nhở chính sách đối với cha mẹ, vợ con (của thương binh và liệt sĩ) mà thiếu sức lao động và túng thiếu, thì chính quyền địa phương (nếu ở nông thôn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 15, tr. 672.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 15, tr. 611.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 15, tr. 616.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 15, tr. 612.

thì chính quyền xã cùng hợp tác xã nông nghiệp) phải giúp đỡ họ có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ bị đói rét. Đó là đạo lý của dân tộc và cũng là mệnh lệnh chính trị luôn mang tính thời sự.

Trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định “*Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ*”¹. Đó chính là niềm tin vào bản chất tốt đẹp của thế hệ trẻ và tình yêu thương vô bờ bến Người dành cho thế hệ trẻ. Người hiểu rõ đó là những chủ nhân tương lai của đất nước và họ chính là những người thừa kế cha anh trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Muốn vậy, Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ về chuyên môn, nghiệp vụ để họ thực sự là những nhân cách toàn diện, vừa có đức vừa có tài, vừa “hồng” vừa “chuyên”. Người dành sự quan tâm đặc biệt đến những chiến sĩ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong đã được rèn luyện, tôi luyện, trưởng thành trong chiến đấu và chỉ ra rằng: “Đảng và Chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, các nghề, để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta”².

Sinh trưởng trong một xã hội còn chịu ảnh hưởng nặng nề bởi tư tưởng phong kiến “trọng nam khinh nữ”, Chủ tịch Hồ Chí Minh hiểu rõ hơn hết những khổ đau mà người phụ nữ phải chịu đựng trong một xã hội thuộc địa nửa phong kiến. Vì vậy, sự nghiệp giải phóng phụ nữ luôn là một trong những mục tiêu hàng đầu mà Người dành tâm huyết phấn đấu thực hiện, bởi: “*Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người. Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa*”³. Do đó, Người đề nghị Đảng và Chính phủ cần phải có *kế hoạch thiết thực* để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc, kể cả công việc lãnh đạo. Đồng thời, để cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ giành được thắng lợi, những người phụ nữ không trông chờ một cách thụ động, mà bản thân “*phải cố gắng vươn lên*”.

Đối với nông dân, lực lượng chiếm số lượng đông nhất trong xã hội và cũng là lực lượng lao động của ngành kinh tế chủ yếu của đất nước khi đó là nông nghiệp, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định những giá trị truyền thống tốt đẹp của người nông dân Việt Nam, đồng thời cũng là những giá trị truyền thống chung của dân tộc như siêng năng, cần cù, hăng hái đóng góp sức người sức của và luôn hết sức trung thành, ủng hộ Đảng và Chính phủ,... Vì vậy, Người đề nghị Đảng, Chính phủ miễn thuế nông nghiệp một năm để đồng bào nông dân hi hã, mát dạ mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất. Chăm lo, bồi dưỡng sức dân luôn là chính sách nổi bật của những bậc minh quân, những nhà lãnh đạo sáng suốt, tiến bộ trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc Việt Nam. Đó cũng là một nét thể hiện chủ nghĩa nhân văn truyền thống của dân tộc.

Chủ nghĩa nhân văn càng tỏa sáng hơn trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi Người quan tâm đến cả những thân phận người tưởng chừng như là “bỏ đi”, không có chỗ đứng trong một xã hội mới tốt đẹp, như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu,... Nhìn nhận con người trong tính cụ thể, thấy rõ cả những Thiện - Ác trong mỗi con người, song Hồ Chí Minh luôn đặt những con người đó trong quá trình vận động theo hướng sẽ ngày càng trở nên tốt đẹp hơn, phần Thiện nảy nở như hoa mùa Xuân, còn phần Ác thì mất dần đi. Chính

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 15, tr. 612.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 15, tr. 616-617.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 12, tr. 300.

vì vậy, trong quan niệm của Người, không có những con người bị “bỏ đi”, mà “phải dùng vừa giáo dục, vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện”. Đó cũng thực sự là một quan niệm, một phương châm xử thế nhân văn cao cả.

Điều luôn nhất quán trong tư duy lý luận và hoạt động thực tiễn của nhà nhân văn Hồ Chí Minh là tình thương yêu của Người đối với nhân dân, đối với con người không bao giờ là sự thương hại, càng không bao giờ là sự ban phát của đấng bề trên cho kẻ dưới, mà là sự đồng cảm giữa những con người cùng trong nỗi khổ và quan trọng hơn là đặt niềm tin tuyệt đối vào bản chất tốt đẹp, sự nỗ lực, phấn đấu của mỗi người để tự họ tham gia vào chính sự nghiệp giải phóng bản thân, đạt được những điều tốt đẹp trong cuộc sống. Chính vì vậy, cùng với những yêu cầu, đề nghị đối với Đảng, Nhà nước chăm lo cho con người, Hồ Chí Minh đồng thời luôn chú trọng khích lệ, khơi dậy những giá trị tốt đẹp trong mỗi con người, để “dựa vào sức mình là chính”, “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”. Do đó, trong cuộc chiến đấu không lờ chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi, “cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân”¹. Đặt niềm tin tuyệt đối vào bản chất tốt đẹp của con người và con người sẽ ngày càng trở nên hoàn thiện, tốt đẹp, tham gia vào chính sự nghiệp giải phóng bản thân mình, đó có thể coi là cấp độ cao nhất, sâu sắc nhất của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh, vượt lên trên những quan niệm thông thường về thương yêu con người.

Không chỉ lo lắng, quan tâm đến đồng bào mình, dân tộc mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn rộng mở tình thương yêu của Người đến với nhân loại. Người trăn trở và đau lòng trước sự bất hòa giữa các đảng, nhà nước trong phe xã hội chủ nghĩa và mong muốn “Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đặc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình”². Rõ ràng, không phải là bằng sức mạnh, cũng không phải là tranh luận hơn thua, mà phải trên nền tảng tư tưởng chung là chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, đặc biệt là phải vừa có lý, có tình, sự đoàn kết, hợp tác quốc tế mới thực sự được thiết lập và bền vững.

Chủ nghĩa nhân văn trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh còn được thể hiện ở phần Người nói về việc riêng. Tưởng như đến phần này là nói về những mong muốn, những nhu cầu riêng của bản thân Người, nhưng thực tế đó cũng lại là những lo nghĩ cho người đang sống, cho dân tộc. Người yêu cầu được hỏa táng để “đối với người sống đã tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất ruộng”, đồng thời nhắc nhở “chớ nên tổ chức điếu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân”. Đó chính là sự nêu gương nếp sống mới văn minh trong nhân dân. “Nâng niu tất cả chỉ quên mình”, tất cả là vì con người, vì dân tộc, vì nhân dân, vì Đảng, không có một chút gì của riêng Người.

Nửa thế kỷ đã trôi qua từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, cũng là nửa thế kỷ để nhìn lại quá trình thực hiện những lời dặn thiêng liêng của Người trong *Di chúc*. Đất nước, dân tộc đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trong thực hiện chiến lược con người của Hồ Chí Minh, nhất là trong 30 năm đổi mới, và cũng còn nhiều điều phải được tiếp tục thực hiện triệt để hơn, kiên quyết hơn, trách nhiệm hơn. Nửa thế kỷ, *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn tỏa sáng những giá trị cao đẹp để tiếp tục dẫn bước dân tộc trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới tốt đẹp, văn minh, với mục tiêu cao nhất là vì con người và cho con người.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 618.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 613.

QUẢNG NGÃI - 50 NĂM THỰC HIỆN DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

*TS. Nguyễn Thị Quyết**
*ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền***

Hồ Chí Minh - một trong những vĩ nhân của thế kỷ XX đã yên nghỉ gần 50 năm, song di sản tư tưởng, tinh thần lớn lao hàm chứa trong từng tác phẩm, bài nói, bài viết của Người đã, đang và sẽ đồng hành cùng dân tộc Việt Nam trong những chặng đường cách mạng. Một trong số những di sản đó chính bản *Di chúc* lịch sử. Bản *Di chúc* là những trăn trở, những điều căn dặn đầy tâm huyết, tiếng nói khiêm nhường của một người cộng sản nặng lòng vì Đảng, vì dân, vì tình đoàn kết giữa các đảng anh em và các dân tộc đang đấu tranh cho hòa bình, công lý; đó là những vấn đề quan trọng, cần thiết phải làm nhằm đảm bảo vai trò lãnh đạo cách mạng của một đảng cầm quyền. Đồng thời, nó còn là một cương lĩnh hành động cho dân tộc Việt Nam, trong đó có Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi trong sự nghiệp đấu tranh chung vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

1. Nội dung cốt lõi trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Bản *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh được Người bắt đầu viết từ tháng 05/1965, sau đó có nhiều lần chỉnh sửa, bổ sung, viết lại và đến tháng 05/1969 là kết thúc. Trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập đến nhiều vấn đề, tập trung với những nội dung cốt lõi sau đây:

- Về Đảng: Đây là vấn đề được Hồ Chí Minh đề cập đầu tiên trong *Di chúc*. Là người có công lao to lớn trong việc sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam nên Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến công tác xây dựng Đảng. Bởi lẽ, Đảng Cộng sản Việt Nam là tổ chức duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng. Khi nói về Đảng, thì vấn đề “đoàn kết” và đoàn kết, thống nhất trong Đảng được nhắc đến nhiều lần trong bản *Di chúc*, theo Hồ Chí Minh nhờ đoàn kết mà dưới sự lãnh đạo của Đảng, cách mạng Việt Nam đã giành nhiều thắng lợi: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này để thắng lợi khác”¹. Để thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng, đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng, Hồ Chí Minh yêu cầu phải tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng; thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình. Ngoài ra, mỗi cán bộ, đảng viên phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng; giữ gìn Đảng thật trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là người lãnh đạo, “người đày tớ” thật trung thành của nhân dân.

* Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM

** Trường Đại học Tài chính - Kế toán

1. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Một văn kiện lịch sử*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 58.

- Về đoàn viên, thanh niên: Sau những điều tâm huyết nói về Đảng, Hồ Chí Minh nhấn mạnh vai trò của thanh niên trong sự nghiệp cách mạng; khẳng định đây là đội hậu bị của Đảng, là người chủ tương lai của đất nước; và yêu cầu Đảng phải chăm lo bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho họ, để họ trở thành những con người có ích cho xã hội: “Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa ‘hồng’ vừa ‘chuyên’”¹.

- Về nhân dân lao động: Tư tưởng và mục đích cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh xuất phát từ con người và cuối cùng trở về với con người. Vì thế, trong *Di chúc*, Người đặc biệt quan tâm đến con người và những việc làm để nâng cao đời sống nhân dân. Hồ Chí Minh nhận thấy sự khổ cực, cần cù nhưng rất đổi anh hùng, dũng cảm, hăng hái luôn đi theo và rất trung thành với Đảng, với cách mạng của nhân dân lao động: “Nhân dân lao động... bao đời chịu đựng gian khổ... Tuy vậy, nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù... luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng”². Bởi thế, Hồ Chí Minh yêu cầu Đảng phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nhằm không ngừng nâng cao đời sống của mọi tầng lớp nhân dân. Điều đáng lưu ý, bản *Di chúc* còn nói đến những con người từng lầm lỗi, là nạn nhân của chế độ cũ. Đối với bộ phận này, Đảng và chính quyền hãy cải tạo họ, giúp họ trở thành những người lương thiện. Điều này thể hiện một tấm lòng nhân văn, tràn đầy sự bao dung, thương yêu đối với dân, vì dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Về dự báo cuộc kháng chiến chống Mỹ: Bản *Di chúc* cho rằng cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc Việt Nam có thể kéo dài nhưng nhất định thắng lợi; và sau khi kháng chiến thắng lợi, toàn Đảng và nhân dân Việt Nam ra sức chinh đốn Đảng, hàn gắn vết thương chiến tranh, thực hiện thống nhất nước nhà, phát triển đất nước về mọi mặt³.

- Về phong trào cộng sản thế giới: Hồ Chí Minh không chỉ là lãnh tụ của nhân dân Việt Nam mà còn là một nhà cách mạng, người cộng sản quốc tế. Vì thế, trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh nói lên lòng tự hào trước sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; đồng thời, Người trăn trở, đau lòng trước những bất hòa giữa các đảng anh em. Vì vậy, Người mong muốn các đảng anh em đoàn kết, giúp đỡ, bảo vệ lẫn nhau, nâng cao tinh thần chủ nghĩa quốc tế vô sản: “Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình”⁴. Đây là một nhiệm vụ quan trọng trong công tác đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam để góp phần vào việc khôi phục lại khối đoàn kết quốc tế, xây dựng thế giới hòa bình, thịnh vượng. Qua đó, thúc đẩy sự phát triển đất nước.

- Về một số việc riêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Là con người sống giản dị, cả đời vì nước, vì dân nên trước lúc đi xa, Hồ Chí Minh mong muốn toàn Đảng, toàn dân Việt Nam đoàn kết phấn đấu xây dựng đất nước hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới. Liên quan đến hậu sự của Người, Người căn dặn chớ nên tổ chức điều phúng linh đình, để khỏi lãng phí thời gian và tiền bạc

1. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Một văn kiện lịch sử*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 58.
2. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Một văn kiện lịch sử*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 58-59.
3. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Một văn kiện lịch sử*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 51.
4. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Một văn kiện lịch sử*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 59.

của nhân dân; thi hài của Người thì hỏa táng để vừa tốt cho môi trường, lại vừa không tốn đất: “Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức điều phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân. Tôi yêu cầu thi hài tôi được đốt đi... Vì như thế, đối với người sống đã tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất ruộng”¹.

Những nội dung cốt lõi trong bản *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là những trăn trở, mong mỏi, lời căn dặn, chỉ dẫn của Người; nó không mang tính áp đặt nhưng được toàn thể dân tộc Việt Nam đồng lòng thực hiện. Tư tưởng cốt lõi của bản *Di chúc* đó chính là tư tưởng vì nước, vì dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó cũng chính là hoài bão, mong muốn lớn nhất của Người: Độc lập, tự do cho Tổ quốc, hạnh phúc cho nhân dân.

Thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tộc Việt Nam, trong đó có Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã giành nhiều thắng lợi trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Tỉnh Quảng Ngãi thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần. Đây là một tổn thất lớn của toàn dân tộc Việt Nam và bạn bè thế giới. Biến nỗi đau thành hành động, thực hiện tâm nguyện và lời căn dặn của Người “đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào”, “còn non, còn nước, còn người. Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay”², Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Quảng Ngãi cùng nhân dân cả nước đã quyết tâm khắc phục khó khăn, đập bằng mọi trở lực, đánh bại quân xâm lược và tay sai với phương châm “Đảng bám dân, dân bám đất, bộ đội và du kích bám địch”, thực hiện khẩu hiệu “một tấc không đi, một ly không rời”, vừa chiến đấu, vừa củng cố và phát triển thực lực cách mạng, từng bước giành lại thế chủ động trên chiến trường, tiến tới phối hợp với toàn miền Nam mở cuộc tiến công chiến lược năm 1972, đánh thắng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, làm thất bại những âm mưu xảo quyệt của địch, buộc chúng phải ký Hiệp định Pari (1973), rút quân Mỹ, quân chư hầu về nước, công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Sau Hiệp định Pari, ở Quảng Ngãi, chính quyền và quân đội Sài Gòn dốc toàn lực mở các cuộc hành quân càn quét, lấn chiếm vùng giải phóng. Trước tình hình đó, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi ra sức phát triển và xây dựng thực lực cách mạng, tạo thế và lực mới, chuẩn bị cùng nhân dân cả nước quyết tâm đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai. Từ cuối năm 1974, khi thời cơ đến, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi nắm chắc phương châm “hai chân, ba mũi giáp công” đẩy mạnh tiến công liên tục, giải phóng Quảng Ngãi vào ngày 24.3.1975, đóng góp sức người, sức của cùng cả nước giành thắng lợi trong chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng miền Nam, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Sau ngày giải phóng, Quảng Ngãi đứng trước muôn vàn khó khăn, thử thách. Các cơ sở kinh tế bị tàn phá nặng nề; tệ nạn xã hội và tàn dư của chế độ cũ còn tồn tại; tư tưởng, tinh thần của một bộ phận nhân dân đang diễn biến phức tạp; các cấp ủy đảng còn thiếu kinh nghiệm trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ mới; đời sống nhân dân gặp rất nhiều khó khăn; các thế lực thù địch luôn tìm mọi cách chống phá cách mạng;....

1. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Một văn kiện lịch sử*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 49.

2. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Một văn kiện lịch sử*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 59.

Thực hiện lời dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân được Người nói trong *Di chúc*, Đảng bộ, chính quyền Quảng Ngãi tập trung làm công tác tư tưởng, làm cho các tầng lớp nhân dân hiểu biết về cách mạng, nhận thức sâu sắc ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; thấy được sức mạnh của quần chúng nhân dân, chính sách của Đảng, chính quyền và mặt trận trong sự nghiệp cách mạng; biết được tình hình đất nước và tình trong giai đoạn mới. Đưa hàng chục vạn đồng bào trong các khu dồn, thị xã, thị trấn trở về quê cũ định cư, ổn định đời sống. Các ngành và địa phương kịp thời phân phối lương thực, dầu hỏa đến các hộ gia đình khó khăn. Ngoài ra, người dân cũng được lực lượng vũ trang giúp đỡ trong việc dựng lại nhà cửa, tháo gỡ bom mìn, san lấp hố bom, sửa chữa đường xá, cầu cống. Đối với thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công cách mạng, Tỉnh ủy chỉ đạo các đoàn công tác thăm hỏi, động viên, vận động nhân dân tu sửa, đánh dấu các phần mộ liệt sĩ. Đối với nạn nhân của chế độ cũ, tổ chức nhiều lớp học tập, cải tạo: “Ở thị xã Quảng Ngãi, Ban Binh vận mở một lớp học tập 07 ngày cho 425 sĩ quan của chế độ cũ có cấp bậc từ chuẩn úy đến thiếu tá”¹. Thực hiện các phong trào khai hoang, phục hóa, làm thủy lợi. Tiến hành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, đưa phần lớn tư liệu sản xuất và hộ nông dân vào các hợp tác xã. Chăm lo công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân... Vì thế, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; tình hình sản xuất, đời sống của nhân dân từng bước được ổn định. Tuy nhiên, do hậu quả của chiến tranh để lại, sự chống phá của các thế lực thù địch và nhất là cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp không còn phù hợp với tình hình mới cùng với những sai lầm về chủ trương, chính sách, về tổ chức thực hiện của Đảng đã làm cho Việt Nam nói chung, tỉnh Quảng Ngãi nói riêng lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Trước tình hình trên, từ năm 1981 đến 1985, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thực hiện Chỉ thị số 100 của Ban Bí thư, Quyết định số 25/CP và 26/CP của Chính phủ, Nghị quyết Trung ương 8 (khóa V),... từng bước đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp và chuyển dần sang cơ chế thị trường. Từ đó, kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi (lúc bấy giờ là tỉnh Nghĩa Bình) có bước phát triển mạnh mẽ, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện.

Bên cạnh thực hiện các nhiệm vụ khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo đời sống cho mọi tầng lớp nhân dân sau ngày giải phóng, thực hiện lời dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong vấn đề chăm lo đào tạo thế hệ trẻ, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Quảng Ngãi cũng tập trung chăm lo khôi phục, phát triển văn hóa, giáo dục: “Tỉnh Đoàn, Hội Liên hiệp Thanh niên mở các lớp học tập, tuyên truyền phát huy thắng lợi của Đại thắng mùa Xuân năm 1975, phát động thanh niên tham gia lực lượng vũ trang, các tổ tuần tra, bảo vệ trị an, tổ chức biểu diễn văn nghệ, hát các ca khúc cách mạng, luyện tập thể dục, thể thao...”², “tổ chức các đợt “Về nguồn”, “Hành quân theo chân Bác”, “Hành quân theo bước chân những người anh hùng””³... Ngoài ra, Quảng Ngãi còn tiến hành đẩy mạnh công tác xóa nạn

1. Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1975-2005)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 18.

2. Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1975-2005)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 21-22.

3. Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1975-2005)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 86.

mù chữ và phát triển bổ túc văn hóa; xây dựng ngành mẫu giáo; khôi phục và phát triển hệ thống giáo phổ thông nhằm đảm bảo việc học cho tất cả các con em trong độ tuổi. Vì vậy, trình độ dân trí trong nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ được nâng lên; đoàn viên, thanh niên ngày càng được trau dồi đạo đức cách mạng, kiến thức, kỹ năng và ý thức hơn vai trò của mình trong sự nghiệp cách mạng.

Trước cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam và Tây Bắc ở Việt Nam cùng với nạn diệt chủng, phá hoại mà lực lượng Khmer Đỏ do Pol Pot lãnh đạo thực hiện tại Campuchia trong thời gian này, thực hiện lời dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong *Di chúc* về vấn đề đoàn kết giữa các đảng anh em nói riêng và vì sự phát triển của phong trào cộng sản thế giới nói chung, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nghĩa Bình đã huy động nhân lực, vật lực góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, giúp đỡ nhân dân Campuchia, trực tiếp là tỉnh Ratanakiri, Xiêm Riệp thoát khỏi họa diệt chủng, xây dựng lại đất nước; đồng cam, cộng khổ, đoàn kết, chia sẻ khó khăn, giúp đỡ Đảng bộ và nhân dân tỉnh Champaxắc (Lào) xây dựng và bảo vệ thành quả cách mạng¹. Cũng trong thời gian này, quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc diễn biến theo chiều hướng xấu, nội bộ cộng đồng người Hoa ở tỉnh Nghĩa Bình có những diễn biến rất phức tạp. Trước tình hình trên, các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng tại Quảng Ngãi tổ chức tuyên truyền, giải thích cho cộng đồng người Hoa hiểu rõ chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn tôn trọng tình hữu nghị Việt Nam - Trung Quốc, động viên người Hoa yên tâm ở lại Quảng Ngãi sinh sống. Đối với những người Hoa có nguyện vọng về nước, các cấp chính quyền chủ động giải quyết theo quy định của pháp luật.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ của cách mạng trong tình hình mới thì sự lãnh đạo của Đảng đóng một vai trò rất quan trọng. Thực hiện lời dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, công tác xây dựng Đảng được Đảng bộ đặc biệt quan tâm. Trước hết, Đảng bộ tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất trong đội ngũ cán bộ, đảng viên về tình hình, nhiệm vụ của cách mạng trong giai đoạn mới, sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ vào bộ máy đảng, chính quyền, mặt trận và đoàn thể các cấp. Tiếp đến là tổ chức nhiều đợt học tập cho cán bộ, đảng viên và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo từ tỉnh đến cơ sở để họ có những hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin; đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước mà trực tiếp là Nghị quyết Đại hội IV của Đảng Cộng sản Việt Nam và các nghị quyết của hội nghị Trung ương, Bộ Chính trị, nghị quyết của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi; nâng cao đạo đức cách mạng, khắc phục những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, xả hơi, hưởng lạc². Công tác phát triển Đảng được các cấp ủy đặc biệt quan tâm. Ngoài ra, thực hiện Chỉ thị số 79-CT/TW của Ban Chấp hành Trung ương, các cấp đảng ủy của tỉnh Quảng Ngãi tổ chức các đợt kiểm tra, tự phê bình và phê bình, qua đó đã phát hiện, xử lý một số cán bộ, đảng viên sai lầm, khuyết điểm. Vì thế, công tác xây dựng Đảng thời kỳ này đạt được những kết quả quan trọng; tư tưởng, chính trị, đạo đức cách mạng của cán

1. Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1975-2005)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 142-143.

2. Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1975-2005)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 33.

bộ, đảng viên được nâng lên; vai trò và sức chiến đấu của Đảng bộ ngày càng được tăng cường, đáp ứng những yêu cầu cơ bản, cấp thiết của tình trong thời kỳ đầu sau giải phóng.

Năm 1989, tỉnh Quảng Ngãi được tái lập trên cơ sở tách tỉnh Nghĩa Bình thành hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định. Khi mới tái lập tỉnh, Quảng Ngãi là một tỉnh nghèo thuần nông, xuất phát điểm về kinh tế - xã hội rất thấp. Sản xuất không đủ để tiêu dùng. Đời sống của đại bộ phận nhân dân còn rất khó khăn. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, các cấp ủy đảng còn chủ quan, nóng vội, bảo thủ, trì trệ. Nội bộ có biểu hiện mất đoàn kết, cục bộ, địa phương chủ nghĩa.

Thực hiện lời dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong giai đoạn đầu đổi mới, Quảng Ngãi tập trung phát triển nông nghiệp, coi đó là nhiệm vụ trọng tâm. Đồng thời, phát triển công nghiệp, dịch vụ; chăm lo đời sống nhân dân; tập trung xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Nhờ vậy, đến năm 1995, Quảng Ngãi đã thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Nhờ sự quan tâm của cấp trên, đặc biệt là sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ, sự đoàn kết, nhất trí, nỗ lực, cố gắng của chính quyền và nhân dân Quảng Ngãi, nhiều công trình dân sinh (cơ sở hạ tầng giao thông, trường học, bệnh viện, công trình thủy lợi Thạch Nham,...), khu kinh tế (Khu kinh tế Dung Quất), khu công nghiệp (Khu công nghiệp Tịnh Phong, Khu công nghiệp Quảng Phú,...); dịch vụ thương mại (ngân hàng, chợ,...);... của tỉnh được đầu tư xây dựng. Điều này góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trong giai đoạn hiện nay, thực hiện chỉ đạo của cấp trên, đồng thời nắm bắt được tiềm năng, lợi thế của địa phương, tỉnh Quảng Ngãi tập trung phát triển kinh tế, trong đó công nghiệp là nhiệm vụ đột phá; phát triển nông nghiệp, dịch vụ, du lịch, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững là nhiệm vụ trọng tâm¹. Vì vậy, năm 2018, tổng sản phẩm của tỉnh đạt khoảng 51.224 tỷ đồng (giá so sánh 2010), GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 57,8 triệu đồng; tỷ trọng công nghiệp - xây dựng chiếm 52,01%; dịch vụ 30,17%; nông, lâm nghiệp và thủy sản 17,82%².

Bên cạnh đó, các cấp chính quyền ở Quảng Ngãi cũng đã quan tâm giải quyết việc làm cho hàng trăm ngàn lao động thông qua thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội, các đề án xuất khẩu lao động. Đối với đối tượng chính sách, người cao tuổi, hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, tỉnh có nhiều chính sách quan tâm, hỗ trợ. Nhờ vậy, đời sống của mọi tầng lớp nhân dân được nâng lên.

Đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ theo lời dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh nói riêng cũng như thực hiện mục tiêu “nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài”, tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành và thực hiện Nghị quyết về “Phát triển văn hóa, xây dựng con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững”; mở rộng, nâng cấp các trường công lập, mở một số trường bán công, hình thành các trung tâm dạy nghề, trường chuyên, lớp chọn, trường cao đẳng, đại học; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chính sách cán bộ, nhất là đối với cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người

1. Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX*, 2015, tr. 63-68.

2. Tỉnh ủy Quảng Ngãi: *Báo cáo số 378-BC/TU về “Sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX”*, 2018, tr. 1-2.

dân tộc thiểu số, thu hút cán bộ khoa học kỹ thuật là người Quảng Ngãi đang làm việc ở các địa phương trong nước về đóng góp xây dựng quê hương. Nhờ vậy, đời sống văn hóa, tinh thần, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, nhân dân, trong đó có thế hệ trẻ được nâng lên rõ rệt. Ngoài ra, đối với học sinh, sinh viên, tỉnh Quảng Ngãi mà trực tiếp là tỉnh Đoàn Quảng Ngãi thường xuyên tổ chức các chương trình, cuộc thi, ngày hội “Về nguồn”, “Ánh sáng soi đường”, “Tuổi trẻ Quảng Ngãi học tập và làm theo lời Bác”, “Tuổi trẻ Quảng Ngãi nhớ lời *Di chúc* theo chân Bác”,... Thông qua đó, giúp đoàn viên, thanh niên của tỉnh có thêm sự hiểu biết về đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tư tưởng, đạo đức, phong cách của Hồ Chí Minh. Từ đó, góp phần trong việc bồi dưỡng, nâng cao đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ.

Về vấn đề phong trào công sản thế giới, thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bản *Di chúc* cũng như thực hiện đường lối đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa trong bối cảnh toàn cầu, hội nhập, tỉnh Quảng Ngãi luôn củng cố, phát triển mối quan hệ hợp tác, bình đẳng với các địa phương, các nước xã hội chủ nghĩa, các Đảng Cộng sản. Ngoài ra, tỉnh còn xác lập các mối quan hệ hợp tác, hữu nghị với các địa phương, các nước tư bản chủ nghĩa, các đảng chính trị khác. Trong 03 năm, từ 2016-2018, hoạt động đối ngoại của tỉnh có nhiều bước chuyển biến tích cực: Ký kết 07 bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác với các địa phương nước ngoài; tiếp nhận hỗ trợ 128 chương trình, dự án với 215,6 tỷ đồng; bảo hộ ngư dân và tàu thuyền của tỉnh bị nước ngoài bắt giữ kịp thời; chủ động phối hợp Cục Lãnh sự và Đại sứ quán Việt Nam ở nước ngoài đấu tranh, can thiệp đưa hàng trăm ngư dân địa phương bị bắt giữ về nước an toàn; thực hiện tốt nghĩa vụ quốc tế trong việc tuyên truyền, quản lý ngư dân đánh bắt cá vùng biển chồng lấn¹. Riêng năm 2018, Quảng Ngãi tiếp và làm việc với 08 đoàn khách ngoại giao đến thăm, làm việc tại tỉnh; xây dựng nội dung hợp tác giữa tỉnh Quảng Ngãi với các tỉnh Fukuoka, Kagoshima (Nhật Bản); không có trường hợp tàu cá và ngư dân của tỉnh vi phạm vùng biển nước ngoài². Ngoài ra, với chủ trương hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, thời gian qua, một số trường cao đẳng, đại học tại Quảng Ngãi (Trường Đại học Phạm Văn Đồng, Đại học Tài chính - Kế toán, Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm,...) đã thực hiện hỗ trợ dạy tiếng Việt cho con em người Việt đang sinh sống tại các tỉnh Nam Lào, đào tạo hàng nghìn lưu học sinh Lào theo diện học bổng do tỉnh Quảng Ngãi cấp cho học sinh của các tỉnh Nam Lào. Ngoài ra, còn đào tạo lưu học sinh Lào theo diện tự túc kinh phí. Điều này thúc đẩy quá trình hợp tác quốc tế phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần xây dựng tinh đoàn kết, hữu nghị, hợp tác với các nước vì mục tiêu hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Để có được những thành quả trong quá trình đổi mới, trực tiếp là thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay, Quảng Ngãi luôn chú trọng và đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng về mọi mặt. Các cấp ủy đảng thường xuyên giáo dục, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật

1. Tỉnh ủy Quảng Ngãi: *Báo cáo số 378-BC/TU về “Sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX”*, 2018, tr. 19.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: *Báo cáo số 302-BC/UBND về “Tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội tháng 12 và cả năm 2018; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2019 của tỉnh Quảng Ngãi”*, 2018, tr. 8.

của Nhà nước, trực tiếp là chủ trương của Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIV, XV, XVI, XVII, XVIII, XIX và nghị quyết của các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ; nâng cao phẩm chất đạo đức, lối sống của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nghiêm túc thực hiện và chỉ đạo thực hiện Chi thị 05 của Bộ Chính trị và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”. Thực hiện công tác tự phê bình và phê bình với tinh thần nghiêm túc, thẳng thắn, cởi mở, chỉ rõ ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân, qua đó chia sẻ và thấu hiểu nhau hơn; nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn về những biểu hiện của sự suy thoái trong cán bộ, đảng viên. Thực hiện việc nêu gương, tạo sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ. Cử hàng ngàn lượt cán bộ, đảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cũng như thực hiện nghiêm túc Kế hoạch số 156-KH/TU ngày 17/9/2018 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII về “Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực, uy tín và ngang tầm nhiệm vụ”. Tăng cường định hướng dư luận và đấu tranh chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch. Công tác kiểm tra, giám sát, nội chính, phòng chống tham nhũng, dân vận cũng được tăng cường và có hiệu quả hơn. Phương thức lãnh đạo của Đảng bộ thường xuyên đổi mới, từ đó năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ cũng như các tổ chức cơ sở đảng ngày càng được nâng lên.

Trong thời gian tới, thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Quảng Ngãi sẽ tiếp tục thực hiện “xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, đồng bộ với phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân”¹ để đưa Quảng Ngãi sớm trở thành một tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại.

3. Kết luận

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là kết tinh những tư tưởng, đạo đức và phong cách của một vị lãnh tụ, người cộng sản cả đời vì nước, vì dân. Là văn kiện lịch sử có giá trị về mặt lý luận và thực tiễn vô cùng to lớn đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Thực hiện *Di chúc* của Người, tỉnh Quảng Ngãi đã tiến hành giải phóng quê hương; khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo đời sống của mọi tầng lớp dân cư; đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, trong đó có thế hệ trẻ; chăm lo xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; góp phần tích cực vào việc củng cố khối đoàn kết giữa các đảng anh em, vì sự phát triển của phong trào cộng sản thế giới. *Di chúc* đã, đang và sẽ là những chỉ dẫn, những phác thảo trong chương trình hành động của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân Việt Nam, trong đó có Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Quảng Ngãi để kiến tạo đất nước, quê hương phát triển bền vững và hiện đại.

1. Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX*, 2015, tr. 61.

TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN TRONG DI CHÚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

ThS. Lê Đức Thọ*

Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự kết tinh từ tư tưởng đến cách hành xử với các vấn đề của đời sống con người luôn chứa đựng tính nhân văn hết sức sâu sắc, cao cả. Tư tưởng nhân văn đó đã được thể hiện rõ trong sự nghiệp của Người, đặc biệt là trong *Di chúc* mà Người để lại cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta trước lúc đi xa. Chính điều này đã làm sáng mãi nhân cách vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh. *Di chúc* là sự thể hiện tuyệt vời những tình cảm lớn, tư tưởng lớn của một con Người chỉ có một ham muốn tột bậc là “nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”. Ở đây, tất cả tình cảm, tư tưởng và hoài bão lớn hòa quyện làm một trong Người anh hùng giải phóng dân tộc và chính Người đã làm rạng rỡ non sông ta, đất nước ta. Học tập tư tưởng nhân văn của Bác là để giác ngộ cách mạng, trau dồi tính nhân văn xã hội chủ nghĩa. Để công cuộc đổi mới đất nước tiếp tục gặt hái được nhiều thành công hơn nữa, cần vận dụng tư tưởng nhân văn trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh để xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, xây dựng con người làm nền tảng cho quá trình phát triển bền vững ở nước ta hiện nay.

1. Nội dung tư tưởng nhân văn trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Trước khi từ biệt thế giới này Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta bản *Di chúc* chứa đựng giá trị nhân văn sâu sắc. *Di chúc* của Người là sự kết tinh của tinh hoa tư tưởng, đạo đức và tâm hồn cao đẹp, giản dị của một vĩ nhân; là văn kiện quan trọng của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam, là một phần không thể thiếu trong quá trình xây dựng, phát triển đất nước hiện nay. Tư tưởng nhân văn trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là lòng yêu thương con người sâu sắc. Đó là sự quan tâm, biết ơn, trân trọng, tin tưởng vào sức mạnh của con người, quyết tâm hành động để mang lại hạnh phúc, ấm no cho con người, giải phóng con người. Đó là tình yêu thương con người của một trái tim lớn và vô cùng nhân hậu. Và chính tình yêu thương con người ấy là động lực mãnh liệt thúc hoạt động không mệt mỏi vì nước, vì dân của Người. Đồng thời, tình thương yêu con người ấy cũng là nền gốc để quy tụ, đoàn kết hết thầy mọi tầng lớp, mọi lực lượng, mọi người trong xã hội tạo nên sức mạnh vĩ đại để giải phóng cho dân tộc, cho mọi người và mỗi người. Nội dung thấm đượm tư tưởng nhân văn cao cả là quan điểm vì con người, triết lý nhân sinh mà Người đã dày công vun đắp trong suốt cuộc đời của mình. Ở bản viết bổ sung tháng 5 - 1968, công việc đối với con người là trọng tâm của mọi suy tư, là nội dung chủ yếu của bản *Di chúc*, Bác viết: “Đầu tiên là công việc đối với con người”¹.

Quan điểm vì con người của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện trong *Di chúc* đó là tình yêu thương bao la đối với tất cả mọi tầng lớp trong xã hội, hướng vào phục vụ con người,

**Trường Cao đẳng Nghệ Đà Nẵng.*

1. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.29.

làm cho con người được phát triển toàn diện, để con người được làm chủ, có cuộc sống ấm no, tự do và hạnh phúc, để con người phát huy năng lực của mình trong mọi hoàn cảnh. Tư tưởng vì con người của Bác không chỉ mang tầm quốc gia mà nó mang tầm quốc tế, và tính thời đại. Tư tưởng Hồ Chí Minh hiện thân khát vọng, thể hiện các giá trị làm người cao quý, là linh hồn, là ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam, lương tâm của thời đại, có sức sống bền vững và có ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng, tình cảm của nhân dân Việt Nam và của nhân dân nhiều dân tộc trên thế giới, cả trong quá khứ, hiện tại và tương lai,... Bởi tư tưởng của Người kế thừa những giá trị vĩnh cửu của nhân loại, mang đậm chủ nghĩa nhân văn, đáp ứng những nguyện vọng sâu xa của các dân tộc yêu chuộng hòa bình trên thế giới.

Về công tác đền ơn đáp nghĩa

Trong *Di chúc* Bác đã dặn toàn Đảng, toàn dân kể cả khi đất nước khó khăn nhất cũng phải ghi ơn những người đã hy sinh vì độc lập dân tộc, giải phóng Tổ quốc, Bác dặn “Cần xây dựng,... bia kỷ niệm để ghi sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ”¹. Đồng thời quan tâm thiết thực đến những người có công với cách mạng và gia đình của họ, “Chúng ta phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, phải mở những lớp dạy nghề thích hợp cho họ, để họ có được hành trang cần thiết bước vào cuộc sống tự lập, tự lực cánh sinh”². Xuất phát từ quan điểm gia đình là tế bào, là nền tảng của xã hội, Người dặn Đảng và Nhà nước chăm lo tới đời sống của mỗi một gia đình là xây dựng nền móng phát triển vững chắc cho xã hội, cho dân tộc. Qua đây cho chúng ta nhận thức sâu sắc hơn về tính nhân văn, sự tinh tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự kết tinh văn hóa dân tộc, bởi hơn ai hết Bác đã xuất phát từ nguyên tắc an cư - lạc nghiệp, nét văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam. Khi đã có nơi ăn chốn ở yên ổn thì người dân mới phát huy hết khả năng của mình, mới toàn tâm, chung tay phát triển đất nước, Bác đã từng dặn “Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”³. Đây là sự kế thừa nét truyền thống độc đáo, luôn đặt dân ở vị trí trung tâm của mọi vấn đề.

Việc coi trọng và tiết kiệm sức dân không chỉ là quy luật tồn vong của một chế độ, mà phải trở thành một đường lối, một chính sách trị nước tích cực của mọi chế độ chính trị. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa những tư tưởng lớn ấy, nhưng ở tầm cao hơn, nhân văn hơn, đó là Người đặt dân lên vị thế người làm chủ đất nước; trong tất cả mọi việc, kể cả huy động sức dân trước hết vẫn là vì chính lợi ích của dân, vì theo Người lợi ích của dân càng cao, sức dân càng mạnh. Chủ tịch Hồ Chí Minh thấu rõ vai trò lịch sử vĩ đại của Nhân dân, thấy được sức mạnh vô địch của quần chúng Nhân dân. Người khẳng định: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, quần chúng là động lực của cách mạng. Chính quần chúng Nhân dân là lực lượng cách mạng đông đảo nhất, trực tiếp thực hiện đường lối cách mạng, biến đường lối cách mạng của Đảng thành hiện thực.

Đối với gia đình liệt sĩ, đời sống khó khăn, thiếu sức lao động Đảng và Nhà nước, chính quyền địa phương “phải giúp đỡ họ có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ đói rét”⁴. Với phương châm “có thực mới vực được đạo”, và không thể có tâm hồn

1. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr.29.

2. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr.29.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.12, tr.212.

4. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr.30.

trong sáng trên một cơ thể ốm yếu, đây là tính thực tiễn, không cao siêu, rất bình dị trong tư tưởng của Người.

Về công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân

Người hiểu rằng đối với con người, không thể có một tâm hồn khỏe mạnh trên một cơ thể yếu ớt, vì vậy bác đảng Đảng và Chính phủ cần chăm lo sức khỏe cho nhân dân, phải “Phát triển công tác vệ sinh, y tế”¹. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định vai trò và vị trí của của sức khỏe cũng như công tác chăm sóc sức khỏe trong kháng chiến và kiến quốc. Mỗi một người dân yếu ớt, tức là cả nước yếu ớt, mỗi một người dân mạnh khỏe tức là cả nước mạnh khỏe, dân cường thì quốc thịnh. Sức khỏe là một tình trạng thoải mái hoàn toàn về thể chất, tinh thần và xã hội, chứ không phải chỉ là một tình trạng không có bệnh tật hay tàn tật. Khởi đầu là sự tiếp thu y lý của Y học phương Đông, nhưng khi đã tiếp cận với lý luận của triết học Mác về con người, con người vừa là thực thể tự nhiên vừa là thực thể xã hội, thì trong tư tưởng của Hồ Chí Minh thể chất và tinh thần lại càng được hòa quyện với nhau trong khái niệm sức khỏe và công tác chăm sóc sức khỏe. Dựa trên khái niệm đúng đắn về sức khỏe, Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy chúng ta về y thuật và đặc biệt Người dạy nhiều về y đạo. Những lời dạy về y thuật và y đạo không phải là những ý ngẫu nhiên hoặc lặp lại một cách đơn thuần những ý của các bậc danh nhân hoặc danh y tiền bối. Chính sự hiểu đúng đắn về sức khỏe, hay nói cách khác, xuất phát từ cơ sở y lý đúng đắn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ cho chúng ta những vấn đề y thuật và y đạo. Đó là tính khoa học và tính thống nhất sâu sắc trong tư tưởng của Người về sức khỏe. Cũng chính từ cơ sở nhận thức đúng đắn về sức khỏe mà Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh đến y đạo, tức tính cao cả của nghề thầy thuốc và trọng trách của người thầy thuốc. Bên cạnh đó, ngành y tế phải được đầu tư, phát triển cả về con người, trang thiết bị đáp ứng cả về chuyên sâu và bề rộng để phục vụ cộng đồng.

Chúng ta cần nhận thức sâu sắc, đó là trong những lúc cách mạng còn nhiều khó khăn, gian khổ, đời sống của nhân dân còn gian nan, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất coi trọng vị trí của công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe. Người cho rằng: Sạch sẽ thì ít ốm đau, sức khỏe thì làm được việc, làm được việc thì có ăn. Như vậy, không phải chỉ khi có ăn mới lo giữ sức khỏe. Theo Hồ Chí Minh dù mình nghèo nhưng ai cấm mình ăn ở sạch sẽ. Ngày nay, trong quá trình phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hội nhập kinh tế,... một số người nhận thức không đầy đủ về công tác chăm sóc sức khỏe và không đặt đúng vị trí của công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Họ thường viện lý cần phải phát triển kinh tế trước, lo cái ăn trước và chăm lo văn hóa xã hội sau. Chúng ta không phủ nhận rằng, kinh tế có phát triển thì mới có điều kiện để đầu tư cho y tế và chữa bệnh cho người dân. Nhưng không vì thế mà lãng quên hoặc coi nhẹ mọi hoạt động của công việc chăm sóc sức khỏe ngay khi bắt đầu xây dựng kinh tế. Hơn thế, câu nói trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh còn cho thấy: Chăm sóc sức khỏe là góp phần tạo ra của cải xã hội chứ không đơn thuần là chỉ tiêu tồn của cải xã hội.

Về công tác phụ nữ

Phụ nữ là những luôn phải chịu nhiều thiệt thòi, phải đảm đang công việc gia đình và gánh vác công việc của xã hội nên Bác đề nghị Đảng và Chính phủ “phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc

1. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd, tr.31.*

kể cả công việc lãnh đạo”¹. Bác cũng nhắc phụ nữ phải cố gắng vượt qua mọi khó khăn để vươn lên, hoàn thiện nhân cách. Đó cũng chính là cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho họ.

Về xây dựng, phát triển văn hóa và giáo dục

Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Người khẳng định phải xã hội chủ nghĩa về nội dung. Để có một nền văn hóa như thế, ta phải phát huy vốn cũ quý báu của dân tộc, đồng thời học tập văn hóa tiên tiến của thế giới. Phương châm xây dựng nền văn hóa mới là; dân tộc, khoa học, đại chúng. Hồ Chí Minh nhắc nhở phải làm cho phong trào văn hóa có bề rộng, đồng thời phải có bề sâu. Trong khi đáp ứng mặt giải trí thì không được xem nhẹ nâng cao tri thức của quần chúng. Bản chất nhân văn của văn hóa trong tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện sâu sắc ở các chức năng cơ bản của văn hóa là nâng cao dân trí, bồi dưỡng lý tưởng và hướng con người đến chân, thiện, mỹ để hoàn thiện bản thân.

Một phương pháp giáo dục trực quan Bác đã gợi mở cho Đảng - Nhà nước các ngành, các cấp, trực tiếp là ngành Giáo dục và Đào tạo trong việc giáo dục thế hệ mai sau, “cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm để ghi sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta”², tri ân những người đã nằm xuống vì Tổ quốc, Bác cũng muốn muôn đời con cháu ghi lòng tạc dạ bằng một phương pháp học tập trực quan, nhẹ nhàng, một không gian học tập mở, không gò ép, nhưng đạt kết quả cao. Nhưng không gây lãng phí bằng những công trình tượng đài đồ sộ, nguy nga.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra mỗi giai đoạn, mỗi hoàn cảnh lịch sử phải có một chương trình giáo dục phù hợp để phục vụ hiệu quả mục đích và yêu cầu đó, Người nói “Sửa đổi chế độ giáo dục cho hợp với hoàn cảnh mới của nhân dân, như phát triển các trường nửa ngày học tập nửa ngày lao động”³. Đất nước bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thời kỳ hội nhập quốc tế rộng rãi,... không thể áp dụng mô hình giáo dục thời chiến. Cách thức tổ chức, chương trình và nội dung phải đáp ứng được thời kỳ mới. Quan điểm xây dựng các trường nửa ngày học tập nửa ngày lao động, thực chất là quan điểm học đi đôi với hành, tránh tình trạng đào tạo nặng lý thuyết, thiếu thực hành, thừa thầy thiếu thợ. Tư tưởng giáo dục Hồ Chí Minh không bó hẹp trong việc giáo dục tri thức, học vấn cho con người, mà có tính bao quát, sâu xa, thiết thực, nhưng sinh động nhằm đào tạo ra những con người toàn diện,...

Về công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên

Trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, ông cha ta đã ý thức rõ việc dùng người là quốc sách. Đó không phải là nguyên nhân duy nhất nhưng có tác dụng trực tiếp đến sự tồn vong của quốc gia, sự trường tồn và phát triển của dân tộc. Phát huy truyền thống và phương sách dùng người của ông cha ta để lại, từ khi ra đời đến nay, Đảng ta đặc biệt quan tâm đến vấn đề cán bộ, coi cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã dày công đào tạo, huấn luyện xây dựng được một đội ngũ cán bộ trung thành với Tổ quốc và dân tộc, tận tụy kiên cường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ qua các thời kỳ. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Vì lợi ích mười năm thì

1. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr.30.

2. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr.29.

3. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr.31.

phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”¹.

Tư tưởng của Người về cán bộ và sử dụng cán bộ là những di sản vô giá, đối với thế hệ tương lai, lực lượng kế cận gánh vác giang sơn, trong Di chúc Bác viết, “Đảng và Chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, các nghề để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta”². Để thực hiện được công tác này, đòi hỏi lãnh đạo Đảng - Nhà nước ở các cấp, các ngành phải chí công vô tư, thực hiện bằng được tư tưởng của tiền nhân hiền tài là nguyên khí quốc gia. Bồi dưỡng nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí là việc làm của mọi dân tộc, mọi thời đại. Như vậy, theo Thân Nhân Trung với câu nói “Hiền tài là nguyên khí quốc gia” thì hiền tài có vai trò quyết định đến sự thịnh - suy của đất nước, hiền tài chính là khí chất làm nên sự sống còn sự phát triển của xã hội, của quốc gia; một nước muốn giàu mạnh thì điều trước tiên cần quan tâm chú trọng là bồi dưỡng, chăm chú, đãi ngộ hiền tài.

Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu chọn trong số những người ưu tú nhất, tức Người khẳng định dân tộc Việt Nam thời kỳ nào cũng có những người con ưu tú, tuy nhiên những bậc hiền tài đó có phát huy hết được những gì mà họ có hay không, lại còn phụ thuộc vào việc có được trọng dụng hay không? Một đất nước, một xã hội muốn phát triển cần thiết phải chăm lo bồi dưỡng, trọng dụng hiền tài, cần trân trọng, tôn vinh những cống hiến, những đóng góp của họ, cần bảo vệ và phát huy những giá trị quý báu mà họ đã đem lại cho xã hội, cần tạo một môi trường xã hội trong sạch, lành mạnh để người hiền tài được phát huy hết tiềm năng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng một khi đã có đường lối cách mạng đúng thì cán bộ là khâu quyết định. Người viết: “Muốn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”. Cán bộ là những người đem đường lối, chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo lại cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ để đặt chính sách cho đúng. Thực tế, mọi chủ trương, đường lối của Đảng và Chính phủ đều do cán bộ nghiên cứu đề xuất, đồng thời cũng do cán bộ tổ chức, hướng dẫn nhân dân thực hiện. Đường lối của Đảng đúng hay sai, tổ chức thực hiện thành công hay không đều phụ thuộc vào cán bộ. Động lực của mọi cuộc cách mạng là quần chúng nhân dân, mà hạt nhân chủ yếu của nó là lực lượng cán bộ, “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”³, chính là quan điểm về con người với tính cách vừa là chủ thể, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng. Đó là biểu hiện cụ thể của quan điểm lấy dân làm gốc.

Để đánh giá đúng bản chất, tính cách của mỗi người, Hồ Chí Minh yêu cầu phải có quan điểm biện chứng. Quan điểm biện chứng nhằm khẳng định mọi sự vật, hiện tượng đều không ngừng biến đổi. Cán bộ cũng như vậy, “có người khi trước theo cách mạng mà nay phản cách mạng. Có người khi trước không cách mạng mà nay lại tham gia cách mạng. Thậm chí có người nay đang theo cách mạng, nhưng sau này có thể phản cách mạng”; “Quá khứ, hiện tại và tương lai của mọi người không phải luôn giống nhau”⁴. Những người làm đường lạc lối, Bác không coi họ là thành phần xấu xa, ruồng bỏ họ. Bởi con người ta cũng

1. “Bài nói của Bác Hồ tại lớp học Chính trị của giáo viên cấp II, cấp III toàn miền Bắc ngày 13-9-1958”, báo *Nhân Dân*, số 1645, ngày 14-9-1958.

2. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, *Sđd*, tr.30.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.5, tr.269.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.5, tr.278.

có thể này, thể khác, người này người khác, nhưng tất cả đều là con cháu Lạc Hồng. Do đó, Bác yêu cầu chúng ta phải có lòng độ lượng, bao dung để “vừa dùng giáo dục, vừa dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện”¹. Ngay từ những năm đầu đất nước được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã, “khuyên đồng bào đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi, năm ngón tay cũng có ngón vắn, ngón dài. Nhưng vắn dài đều họp nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thể này, người thể khác, nhưng thể này hay thể khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhận là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tinh thần thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đại đoàn kết, có đoàn kết thì tương lai chắc sẽ vẻ vang...”². Đây là một trong những yếu tố quan trọng về con người của Hồ Chí Minh, thể hiện tinh thần đại đoàn kết dân tộc, tập hợp sức mạnh toàn dân có như vậy mới phát triển đất nước bền vững.

2. Ý nghĩa của tư tưởng nhân văn trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Tư tưởng nhân văn của Bác là chân lý cách mạng của thời đại, Bác đến với chủ nghĩa Mác - Lênin bắt đầu từ lòng yêu nước, từ tình cảm cách mạng. Ngày nay, nghiên cứu tư tưởng nhân văn của Bác, chúng ta có toàn bộ những lời kêu gọi và những trước tác của Bác, trong đó *Di chúc* được xem là một kiệt tác tư tưởng nhân văn. Đã 50 năm kể từ ngày Bác đi xa, nhưng mỗi khi đọc lại, chúng ta càng thấm rõ giá trị nhân văn trong *Di chúc* của Người. Điều làm nên giá trị tinh thần lớn lao, mang ý nghĩa cải tạo thực tiễn sâu sắc trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là quan điểm về con người và giải phóng con người. Quan điểm này đã thấm đượm chủ nghĩa nhân văn cao cả, một triết lý nhân sinh mà Người đã dày công xác lập. Đây là tư tưởng nhất quán gắn liền với hoạt động thực tiễn trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, con người được khái niệm vừa là mục tiêu của sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, vừa là động lực của chính sự nghiệp đó. Tư tưởng đó được thể hiện rất triệt để và cụ thể trong lý luận chỉ đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Tình yêu thương con người ở Hồ Chí Minh vượt ra ngoài phạm vi dân tộc, mang tính nhân loại, là phẩm chất đạo đức cách mạng giàu sang không quyền rũ, nghèo khó không lay chuyển, uy vũ không khuất phục mà người cộng sản quyết tâm thực hiện để phục vụ quần chúng nhân dân. Cả cuộc đời vì dân vì nước, khi sức khỏe đã yếu với niềm tin cách mạng thành công và một mong muốn thật gần gũi, bình dị, nhân văn “Tôi có định đến ngày đó, tôi sẽ đi khắp hai miền Nam Bắc, để chúc mừng đồng bào, cán bộ và chiến sĩ anh hùng; thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng”³. Tính nhân văn cao cả của người không chỉ đối với dân tộc Việt Nam, trong sự nghiệp hoạt động cách mạng của mình, Người không quên sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế: “tôi sẽ thay mặt nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, và các nước bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ...”⁴.

Trước lúc ra đi Bác “chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn

1. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr.30.

2. ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.8, tr.432-433.

3. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr.35.

4. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr.35.

nữ” cho dân tộc mình. Người không hề đòi hỏi bất cứ điều gì cho riêng mình, Người dặn khi người mất “chớ nên tổ chức diếu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân”¹. Sâu sắc, cảm động và nhân văn nhất là Người muốn mãi mãi gần gũi với nhân dân, mãi mãi sống cùng đồng bào mình, Người dặn “tro thì chia thành ba phần, bỏ vào ba cái hộp sành. Một hộp cho miền Bắc, một hộp cho miền Trung, một hộp cho miền Nam”². Nếu không có trí tuệ vượt thời đại, một triết lý nhân sinh hành động, tầm đượng chủ nghĩa nhân đạo cao cả và tư tưởng nhân văn sâu sắc Chủ tịch Hồ Chí Minh đã không thể có được quan điểm vì con người và tính nhân văn cao cả như vậy.

Trong công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế xã hội Việt Nam đã bộc lộ một số hạn chế, xuất hiện ngày càng nhiều biểu hiện trái thuần phong mỹ tục, trái với nền văn hóa đạo đức truyền thống. Sự đi xuống về mặt đạo đức xã hội, mất dần tính nhân văn trong các mối quan hệ xã hội, trong đó không ít xuất phát từ những hành xử thiếu chuẩn mực của cán bộ công quyền. Để khắc phục những hạn chế đó, Đảng và Nhà nước cần xây dựng một thể chế minh bạch, hiệu quả, phục vụ vì lợi ích dân tộc. Đặc biệt cần có chiến lược xây dựng đội ngũ cán bộ công chức và con người nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển đất nước. Quan điểm vì con người và tính nhân văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh được thể hiện qua Di chúc cho thấy quan điểm, “Làm thế nào cho đời sống của nhân dân ta, vật chất được đầy đủ hơn, tinh thần được vui mạnh hơn, đó là mục đích của đời sống mới”³.

Thứ nhất, bồi dưỡng, giáo dục những giá trị nhân văn cho con người, thông qua việc tăng cường giáo dục nghệ thuật, nâng cao năng lực cảm thụ thẩm mỹ cho nhân dân, đặc biệt là thanh niên, thiếu niên. Phát huy vai trò của văn học - nghệ thuật trong việc bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm của con người. Bảo đảm quyền hưởng thụ và sáng tạo văn hóa của mỗi người dân và của cộng đồng. Nâng cao thể lực, sức khỏe, tuổi thọ cho con người, gắn với việc giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng sống, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì thế, việc xây dựng, hình thành nên những người Việt Nam có phẩm chất, năng lực, “vừa hồng vừa chuyên” là nhiệm vụ trọng tâm trong các chương trình, kế hoạch của các cấp, các ngành.

Thứ hai, phải có chiến lược quốc gia về phát triển con người Việt Nam giai đoạn mới. Đảng ta đã nhận thức rõ vấn đề này, theo đó Đảng ta khẳng định: “Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển. Đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”⁴. Tuy nhiên, khi xây dựng chiến lược này phải quán triệt di huấn của Người trong bản Di chúc thiêng liêng: “Đầu tiên là công việc đối với con người”⁵. Vì vậy, mọi chủ trương chính sách trong chiến lược phát triển con người của Đảng phải luôn hướng đến con người, tất cả vì con người và phải coi “Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển”⁶ trong sự phát triển của xã hội. Chủ trương, chính sách này phải cụ thể rõ ràng trong việc xác định mục đích, tiêu chuẩn,

1. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd, tr.25.

2. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd, tr.28.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.5, tr.94.

4. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.126.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.616.

6. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.76-77.

nguyên tắc cho các tổ chức, cá nhân theo đó mà thực hiện. Như Người đã từng căn dặn: “Xây dựng con người cũng phải có ý định rõ ràng như nhà kiến trúc”¹. Vì vậy, trước hết, cần phải đổi mới tư duy và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng con người trên cơ sở phát huy tính chủ động sáng tạo của Nhà nước trong việc thể chế hóa đường lối, quan điểm của Đảng, đổi mới công tác quản lý của các cơ quan giáo dục đào tạo, văn hóa, xã hội, y tế, thể thao nhằm tạo ra hợp lực chung của tất cả các ngành, các cấp, của cả xã hội trong việc thực hiện chiến lược xây dựng con người. Xây dựng cơ chế phối hợp và chia sẻ trách nhiệm giữa các lĩnh vực chính trị, kinh tế và văn hóa để nâng cao chất lượng và hiệu quả của việc xây dựng con người.

Thứ ba, cần xây dựng hệ giá trị chuẩn của con người Việt Nam trong thời đại mới. Hệ giá trị chuẩn của con người Việt Nam trong thời đại mới phải là sự kế thừa và phát triển mô hình con người phát triển toàn diện của Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, cần bổ sung những tiêu chí cho phù hợp với yêu cầu của sự phát triển xã hội tương lai. Vì vậy, phải căn cứ vào yêu cầu của thực tiễn xã hội đang đặt ra để bổ sung phát triển, hệ giá trị đó phải dự báo được những yêu cầu đặt ra cho con người mà xã hội vận động đòi hỏi. Hệ giá trị con người Việt Nam phát triển toàn diện phải bảo đảm được tính chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn; có sự thống nhất giữa tính dân tộc và tính quốc tế, tính truyền thống và hiện đại; có sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần;... Hệ giá trị chuẩn này là cơ sở để các lĩnh vực: văn hóa, y tế, giáo dục,... các ngành các cấp có căn cứ để vun đắp cho con người Việt Nam những giá trị, tùy theo lĩnh vực hoạt động của mình. Đi đôi với điều đó, cần phải có cơ chế để “đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực... làm tha hóa con người. Có giải pháp khắc phục những mặt hạn chế của con người Việt Nam”².

Thứ tư, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế xã hội gắn với phát triển nhanh và bền vững. Thực chất tập trung phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, nâng cao thu nhập, nâng cao mức sống cho nhân dân, qua đó tạo ra những điều kiện vật chất phục vụ cho con người phát triển thông qua việc đáp ứng tốt các nhu cầu ăn, ở, mặc, đi lại,... Giải quyết vấn đề trên còn tạo cơ hội bình đẳng trong tiếp cận các nguồn lực phát triển và hưởng thụ các dịch vụ cơ bản, các phúc lợi xã hội, giảm chênh lệch mức sống giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng trong cả nước. Đây là những cơ hội cho con người cải thiện điều kiện sinh hoạt vật chất của mình làm nền tảng để phát triển toàn diện. Tuy nhiên, phát triển kinh tế phải gắn với phát triển văn hóa mới tạo ra sự phát triển bền vững, như vậy, đi đôi với việc phát triển kinh tế là phải phát triển văn hóa.

Thứ năm, phải chăm lo phát triển văn hóa. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là sức mạnh nội sinh làm cho xã hội phát triển bền vững, văn hóa còn nuôi dưỡng các giá trị người, là thước đo trình độ phát triển người, làm cho con người phát triển toàn diện. Từ vai trò của văn hóa đối với sự phát triển con người và xã hội, phải quán triệt và thực hiện tốt 5 mục tiêu, 6 nhiệm vụ và 4 giải pháp mà Nghị quyết TW 9 khóa XI đề ra, trong đó tập trung: “Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.665.

2. ĐCSVN: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.51.

triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo”¹. Như vậy, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực văn hóa, phải tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng văn hóa trong kinh tế và chính trị, làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Xây dựng, hoàn thiện đi đôi với nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa.

Thứ sáu, kiên trì thực hiện đổi mới toàn diện nền giáo dục Việt Nam. Giáo dục đào tạo có vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển con người, cung cấp cho con người tri thức, kỹ năng kỹ xảo để mỗi người phát triển mình và phát triển xã hội. Vì vậy, đổi mới toàn diện nền giáo dục Việt Nam nhằm đào tạo ra những con người mới đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại, thông qua đó con người Việt Nam cũng được phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần, tri thức cũng như kỹ năng. Vì vậy, cần quán triệt triết lý giáo dục của Người: “cốt thiết thực chu đáo hơn tham nhiều... huấn luyện phải nhằm đúng nhu cầu”² vào đổi mới giáo dục hiện nay. Cần tập trung đổi mới mạnh mẽ nội dung chương trình, phương pháp giáo dục theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học; nội dung giáo dục cần được đổi mới, bổ sung phát triển về phẩm chất, năng lực ở con người theo yêu cầu sự phát triển xã hội; phương pháp giáo dục phải coi trọng khả năng thực hành của người học, gắn lý luận với thực tiễn,... Bên cạnh đó, phải phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý. Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo.

Trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay, tư tưởng đó tiếp tục được Đảng ta quán triệt vận dụng và phát triển. Con người Việt Nam đang là trung tâm trong chiến lược phát triển toàn diện, đang là động lực của công cuộc xây dựng xã hội mới với mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Để tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng nhân văn trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta cần nhìn thẳng vào sự thật và đánh giá đúng việc thực hiện những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với con người, với các giai tầng và từng đối tượng cụ thể. Mỗi người, dù ở bất kỳ cương vị, chức trách nào, hãy tự xem lại mình đã làm được những gì để thể hiện lòng yêu thương con người, vì con người, trân trọng phẩm giá, sức lao động, trí tuệ, đồng tiền của con người và những gì còn chưa làm được, nhất là những biểu hiện thiếu trách nhiệm, thiếu lương tâm và lòng tự trọng, sống không có nghĩa tình; vì đồng tiền và lợi ích cá nhân mà xử lý giải quyết “công việc đối với con người” không đúng, thiếu tầm nhìn xa trông rộng trong xây dựng con người, có thái độ thờ ơ, vô cảm đối với những con người có thân phận hoàn cảnh khó khăn./.

1. ĐCSVN: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.48.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.357-358.

DI CHỨC HỒ CHÍ MINH – NGUỒN SÁNG DẪN ĐƯỜNG CHO THANH NIÊN VIỆT NAM

*Lương Thị Thương**

Chăm lo, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một bộ phận quan trọng nằm trong hệ thống tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Xuyên suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành cho thế hệ trẻ những tình cảm và sự quan tâm sâu sắc. Học giả người Ấn Độ Mô-ham-mat I-xman Mat-Sua đã từng nói: “Chủ tịch Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ duy nhất luôn luôn quan tâm đến thế hệ trẻ và đánh giá cao vai trò của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc”¹.

Thanh niên là một bộ phận rất quan trọng của xã hội, giữ vị trí và vai trò hàng đầu trong dựng nước và giữ nước. C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin đều coi thanh niên là một lực lượng cách mạng hùng hậu, có vai trò quan trọng trong cách mạng và xem xét vấn đề thanh niên luôn gắn bó với giai cấp công nhân và đảng tiên phong. Lênin luôn coi thanh niên là một lực lượng cách mạng hùng hậu vào khả năng hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ cách mạng của thế hệ trẻ mà các thế hệ trước đây chưa kịp hoàn thành.

Kế thừa những di sản tư tưởng của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin, Hồ Chí Minh đã phát triển sáng tạo các luận điểm mác-xít về vai trò thanh niên, phong trào thanh niên và xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản ở Việt Nam. Gắn thanh niên với vận mệnh của dân tộc, Hồ Chí Minh, trong nhiều bài nói và viết của mình, đã luận giải một cách thuyết phục rằng: “Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà... Nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh, một phần lớn là do các thanh niên”².

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Người luôn quan tâm đến lớp trẻ của dân tộc, thấy rõ vai trò to lớn quyết định của thanh niên trong tiến trình lịch sử và có niềm tin sâu sắc với khả năng cách mạng của thanh niên. Vì vậy trước lúc đi xa Người căn dặn: “Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Bồi dưỡng cho thế hệ cách mạng đời sau là một việc quan trọng, cần thiết”³. Bởi theo người, thế hệ trẻ không những là người kế tục, tiếp bước thế hệ đi trước mà còn là tương lai, tiền đề tươi sáng của dân tộc. Đây chính là sự tổng kết lý luận mà Hồ Chí Minh rút ra từ lịch sử nhân loại, dân tộc; từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh niên của Người qua các thời kỳ cách mạng, để tiếp tục định hướng việc giáo dục rèn luyện và phát huy mọi tiềm năng to lớn của thanh niên trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc.

**Học viện Chính trị khu vực II*

1. Dẫn theo Nguyễn Anh Chương, “Bác Hồ nói về tính tiên phong của Thanh niên”, *Nội san Đại học Vinh*, số 1 (21), 2004, tr.19.

2. *Hồ Chí Minh về giáo dục thanh niên*, NXB Thanh niên, Hà Nội, 1980, tr. 84.

3. Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng: *Một số tác phẩm của Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng*, NXB Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội, 2017, tr.203.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thấy rõ được tầm quan trọng của thanh niên vậy nên sau lời căn dặn đối với công tác Đảng thì Người gửi gắm lời căn dặn của mình tới đoàn viên, thanh thiếu niên, Người viết rằng: “Đoàn viên thanh niên nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại gian khó và có chí tiến thủ”¹. Và để giúp thanh niên thực hiện được vai trò của mình, Người đặc biệt nhấn mạnh tới việc chăm lo công tác bồi dưỡng, giáo dục thanh niên. Coi đó là vai trò của người công dân đối với Nhà nước, với chế độ; vai trò của người chiến sĩ cách mạng đối với lý tưởng và sự nghiệp mà mình theo đuổi. Từ đó, bản thân thanh niên phải biết trau dồi đạo đức cách mạng, hết lòng phục vụ cách mạng, suốt đời phấn đấu, hy sinh cho lý tưởng cao quý; độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Người chỉ rõ: “Nhiệm vụ của thanh niên là phải tự hỏi mình đã là được gì cho nước nhà? Mình phải làm gì cho lợi ích nước nhà nhiều hơn? Mình đã vì lợi ích nước nhà mà hy sinh, phấn đấu chừng nào?”.

Trong Di chúc, Người chủ trương giáo dục, bồi dưỡng cho thế hệ trẻ một cách diện cả đức, trí, thể, mỹ, lao động sản xuất. Để đào tạo các chiến sĩ cách mạng cho đời sau thì phải vừa “hồng” vừa “chuyên” vừa có “đức” vừa có “tài”, phải đào tạo một thế hệ trẻ kế cận vừa có đạo đức vừa có chuyên môn cao, có năng lực phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vừa phải có cái tâm trong sáng, hết sức hết lòng phục vụ nhân dân.

Thấm nhuần và quán triệt tư tưởng của Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước ta luôn đề cao vai trò của đoàn viên, thanh niên. Coi đây “Là lực lượng xã hội to lớn, một trong những nhân tố quan trọng quyết định tương lai, vận mệnh dân tộc; là lực lượng chủ yếu trên nhiều lĩnh vực, đảm nhiệm những công việc đòi hỏi hy sinh, gian khổ, sức khỏe và sáng tạo. Thanh niên là độ tuổi sung sức nhất về thể chất và phát triển trí tuệ, luôn năng động, sáng tạo, muốn tự khẳng định mình... Thanh niên là lực lượng xung kích cách mạng, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng; công tác thanh niên là vấn đề sống còn của dân tộc. Xuất phát từ vị trí, vai trò to lớn của thanh niên, Đảng ta tiếp tục khẳng định: “Chăm lo, bồi dưỡng, giáo dục thanh niên thành lớp người “vừa hồng vừa chuyên” theo tư tưởng Hồ Chí Minh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quan trọng của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, nhà trường và xã hội.

Trong những thời kỳ cách mạng khác nhau, Đảng ta luôn thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo công tác thanh niên và đoàn thanh niên. Trong tất cả các kỳ đại hội đại biểu toàn quốc, Đảng ta đều đánh giá công tác thanh niên và đề ra nhiệm vụ lãnh đạo công tác thanh niên. Trong từng giai đoạn, thời kỳ cụ thể, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương Đảng đều có nghị quyết chuyên đề về sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên. Kế thừa và phát triển các quan điểm của Đảng, ngày 25/7/2008, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) đã ra Nghị quyết số 25-NQ/TW về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”. Nghị quyết đánh giá cao vai trò của thanh niên Việt Nam và tầm quan trọng của công tác thanh niên: “Thanh niên là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thanh niên được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược bồi dưỡng, phát huy

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.622.

nhân tố và nguồn lực con người. Chăm lo, phát triển thanh niên vừa là mục tiêu, vừa là động lực bảo đảm cho ổn định và phát triển vững bền của đất nước”; và “Công tác thanh niên là vấn đề sống còn của dân tộc”. Đây là phương hướng, nhiệm vụ để Đảng, Nhà nước và toàn xã hội chăm lo, phát triển thanh niên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Tại Đại hội lần thứ XII của Đảng chủ trương khuyến khích, cổ vũ thanh niên nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, xung kích, sáng tạo, làm chủ khoa học, công nghệ hiện đại. Đồng thời, “phát huy vai trò của thế hệ trẻ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”¹. Qua đó khơi dậy tiềm năng to lớn của tuổi trẻ, tạo cơ hội, môi trường để thế hệ trẻ góp sức vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, hiện nay, trước những tác động nhiều mặt của tình hình kinh tế – xã hội, một bộ phận thanh niên sống thiếu lý tưởng, giảm sút niềm tin, ít quan tâm đến tình hình đất nước, thiếu ý thức chấp hành pháp luật, sống thực dụng, xa rời truyền thống văn hóa dân tộc... Học vấn của một bộ phận thanh niên, nhất là ở vùng sâu, vùng xa còn thấp; nhiều thanh niên còn thiếu kiến thức và kỹ năng trong hội nhập quốc tế. Tính độc lập, tự chủ, ý chí, nghị lực, chủ động, sáng tạo, năng lực thực hành sau đào tạo của thanh niên còn yếu, chưa đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước....

Với truyền thống tốt đẹp của thanh niên Việt Nam cùng với lời căn dặn của Người, đoàn viên thanh niên cần luôn xem đó là một trách nhiệm, niềm vinh dự mà mình cần cố gắng nỗ lực, rèn luyện bản thân, học hỏi từ những việc đơn giản hằng ngày, trau dồi đạo đức của mình để xứng đáng là người đoàn viên thanh niên Cộng sản mang tên Người.

Thực hiện di huấn của Người và để thực hiện tốt chiến lược “trồng người”, nhằm bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau đạt hiệu quả, đảm bảo xây dựng đội ngũ kế cận tài đức, hoàn thành tốt trọng trách mà Tổ quốc và nhân dân giao phó, trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp sau:

Một là, quán triệt sâu sắc chủ trương của Đảng, Nhà nước về vị trí, vai trò của thế hệ trẻ, về “đổi mới nội dung, phương thức chính trị, tư tưởng, truyền thống, bồi dưỡng lý tưởng, lòng yêu nước, xây dựng đạo đức lối sống lành mạnh, ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật cho thế hệ trẻ. (...) Phát huy vai trò của thế hệ trẻ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”² theo Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ, giai đoạn 2015-2030”. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình - nhà trường - Đoàn Thanh niên - xã hội trong đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ toàn diện về mọi mặt; trong đó, chú trọng nguyên tắc đào tạo gắn với bồi dưỡng, tin tưởng giao việc, tạo điều kiện để tuổi trẻ được trải nghiệm, phấn đấu và trưởng thành; xây dựng nguồn cán bộ trẻ, đảm bảo quy hoạch cho trước mắt và lâu dài, “phải khéo léo kết hợp cán bộ già với cán bộ trẻ”, “không nên coi thường cán bộ trẻ” như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn.

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr. 162-163.

2. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.162.

Hai là, Đào tạo thế hệ trẻ cần phải gắn bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, rèn luyện bản lĩnh chính trị, tri thức lý luận với rèn luyện đạo đức cách mạng, thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Đưa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh nói chung, theo chủ đề hằng năm nói riêng thành nhu cầu tự thân của mỗi người, mỗi tổ chức cơ sở Đoàn gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị, với phòng chống suy thoái về đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, góp phần xây dựng Đoàn, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh... Tích cực đấu tranh phòng, chống chủ nghĩa cá nhân, phê phán những thói hư, tật xấu, lối sống vị kỷ và cổ vũ lối sống trong sạch, có chí tiến thủ, tinh thần đoàn kết, thường xuyên tiến hành tự phê bình và phê bình để giúp nhau cùng tiến bộ, đề tuổi trẻ vững tin thực hiện ước mơ, hoài bão của mình, kiên định mục tiêu cách mạng.

Ba là, chú trọng học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tế trong đào tạo, bồi dưỡng văn hóa, khoa học - kỹ thuật, công nghệ, quân sự, ngoại ngữ, v.v.. và thường xuyên bồi dưỡng thể chất, rèn luyện thân thể cho thế hệ trẻ, để “mỗi một người dân mạnh khỏe, tức là cả nước mạnh khỏe”. Cụ thể, theo Hồ Chí Minh, ở cấp “- Đại học thì cần kết hợp lý luận khoa học với thực hành, ra sức học tập lý luận và khoa học tiên tiến của các nước bạn, kết hợp với thực tiễn của nước ta, để thiết thực giúp ích cho công cuộc xây dựng nước nhà. - Trung học thì cần đảm bảo cho học trò những tri thức phổ thông chắc chắn, thiết thực, thích hợp với nhu cầu và tiền đề xây dựng nước nhà, bỏ những phần nào không cần thiết cho đời sống thực tế. - Tiểu học thì cần giáo dục các cháu thiếu nhi: yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, trọng của công”¹.

Bốn là, gắn bồi dưỡng thế hệ trẻ với các phong trào thực tiễn, nhất là tiếp tục triển khai hiệu quả ba phong trào hành động cách mạng: “Thanh niên tình nguyện”, “Tuổi trẻ sáng tạo”, “Tuổi trẻ xung kích bảo vệ Tổ quốc” trong từng nhóm đối tượng và duy trì các phong trào đặc thù. Từ đó, xây dựng, nhân rộng các mô hình hay, cách làm sáng tạo của các gương điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong cha mẹ, thầy cô, nhân dân và trong chính thế hệ trẻ để “làm gương mẫu cho các em trước mọi việc”. Đồng thời, bản thân mỗi người trẻ cũng phải tự học tập, tự tu dưỡng, phấn đấu ở mọi nơi, mọi lúc và suốt đời, để xây dựng tương lai cho chính mình và đi tiên phong trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giàu mạnh, bền vững. Có quá trình chuẩn bị, bồi dưỡng thường xuyên về đức và tài cho thế hệ trẻ; có sự chuẩn bị chu đáo, thận trọng, chuyển tiếp liên tục và vững vàng giữa các thế hệ cán bộ như Hồ Chí Minh đã căn dặn, đất nước Việt Nam sẽ có đủ sức mạnh nội lực, trí tuệ, đạo đức để tự tin, kiên định, vững vàng trên con đường đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững.

Như vậy, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một nhiệm vụ khó khăn, lâu dài, bền bỉ, nhưng dưới ánh sáng của tư tưởng Hồ Chí Minh và quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân, chúng ta nhất định thực hiện thành công để các thế hệ trẻ cùng “đoàn kết, phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh” như mong muốn của Người trong *Di chúc*./

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.10, tr.186.

CHĂM LO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN TRONG DI CHỨC HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG TA

*ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy**

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tốt bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”. Tư tưởng này xuyên suốt trong cuộc đời cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đến khi sắp “gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác”, Hồ Chí Minh vẫn nghĩ về nhân dân lao động: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”¹. Đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam luôn thực hiện mục tiêu “dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ công bằng văn minh”. Trong khuôn khổ của hội thảo, tác giả sẽ phân tích tư tưởng chăm lo đời sống nhân dân trong *Di chúc* Hồ Chí Minh; đồng thời chỉ ra sự vận dụng của Đảng ta trong quá trình lãnh đạo đất nước.

1. Tư tưởng chăm lo đời sống nhân dân của Hồ Chí Minh

1.1. Người thanh niên yêu nước, thương dân

Sinh ra và lớn lên trong cảnh nước mất nhà tan, Nguyễn Ái Quốc chứng kiến cảnh tổ quốc bị lâm nguy, dân tộc bị áp bức, cá nhân bị chà đạp. Người hiểu được nỗi khổ của người mất tự do và quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân. Khi ra đi, Hồ Chí Minh mang theo trong mình truyền thống yêu nước và thương người. Người mang theo cả nỗi đau của người nô lệ mất nước. Người ra đi là để tìm con đường cách thức đánh đuổi thực dân Pháp, giải phóng dân tộc, giải phóng đồng bào. Người nói: “Tôi muốn đi ra nước ngoài xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta”². Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, lòng yêu nước gắn bó chặt chẽ với lòng yêu thương con người, khát vọng giải phóng dân tộc gắn liền với khát vọng giải phóng con người.

Đi nhiều nơi, Hồ Chí Minh nhận thức được rằng: ở đâu chủ nghĩa thực dân cũng tàn ác, ở đâu các dân tộc thuộc địa cũng đau khổ. Dù màu da có khác nhau, trên đời này cũng chỉ có hai giống người, giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một tình hữu ái mà thôi: tình hữu ái vô sản. Người thấy được sự thống nhất giữa giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

1.2. Vị Chủ tịch vì nước vì dân

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa được thành lập đã bước ngay vào cuộc đấu tranh quyết liệt cho sự tồn tại của mình. Đất

* *Trường Đại học Tài chính – Kế toán.*

1. *Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Thanh Niên, 2000, tr.38.

2. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, NXB Trẻ - NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 14.

nước đứng trước những khó khăn chồng chất. Nền kinh tế bị đình đốn. Nền tài chính đất nước bị kiệt quệ. Bộ máy nhà nước thiếu những cán bộ quản lý hành chính có kinh nghiệm. Trình độ văn hóa của nhân dân thấp kém. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa thành lập nhưng chưa có nước nào trên thế giới thừa nhận, lại đang bị chủ nghĩa đế quốc và phản động bao vây, đe dọa từ mọi phía. Đất nước Việt Nam đứng trước một tình thế cực kỳ hiểm nghèo. Trong hoàn cảnh đó, Hồ Chí Minh nói: “Vì yêu mến và tin cậy tôi, mà đồng bào giao vận mệnh nước nhà, dân tộc cho tôi gánh vác. Phận sự tôi như một người cầm lái, phải chèo chống thế nào để đưa chiếc thuyền Tổ quốc vượt khỏi những cơn sóng gió, mà an toàn đi đến bờ bến hạnh phúc của nhân dân”¹. Người thẳng thắn thừa nhận: những năm bị áp bức các thành viên trong Hội đồng Chính phủ đều chưa quen với kỹ thuật hành chính. Nhưng điều đó không làm cho mọi người lo ngại, vừa học vừa làm, vừa làm vừa học. Mọi người sẽ phạm khuyết điểm nhưng sẽ can đảm sửa chữa khuyết điểm.

Ngay trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ, ngày 3 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra sáu vấn đề cấp bách Chính phủ phải tập trung giải quyết để đưa nước nhà ra khỏi hiểm nguy: một là giải quyết nạn đói, hai là thanh toán nạn dốt, ba là tổ chức tổng tuyển cử, bốn là giáo dục lại nhân dân theo tinh thần cần, kiệm, liêm, chính, năm là bỏ ngay các thứ thuế bóc lột vô nhân đạo và sáu là thực hiện tự do tín ngưỡng, lương giáo đoàn kết. Đó là những vấn đề cấp bách, giải quyết kịp thời, có hiệu quả đưa đất nước từng bước vượt qua tình thế khó khăn.

Giặc đói, giặc dốt là đồng minh của giặc ngoại xâm. Muốn đưa đất nước vượt qua tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” cần phải diệt giặc đói, giặc dốt. Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng Chính phủ phát động một chiến dịch tăng gia sản xuất và mở cuộc lạc quyên cứu đói. Người viết thư gửi đồng bào toàn quốc, hô hào nhân dân chống nạn đói, “coi cuộc chống nạn đói cũng như cuộc chống ngoại xâm”. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa!”, cả nước thi đua thực hiện “tắc đất, tắc vàng”, “không một tắc đất bỏ hoang”.

Ngoài ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề xướng phong trào quyên gạo cứu đói. Người viết: “Lúc chúng ta nâng bát cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ, chúng ta không động lòng. Vậy tôi xin đề nghị với đồng bào cả nước và tôi xin thực hành trước: cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo”².

Tại buổi khai mạc cuộc lạc quyên tổ chức ở Nhà hát Lớn Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đem phần gạo nhịn ăn của mình quyên trước tiên. Tấm gương của vị Chủ tịch kính yêu đã khích lệ đồng bào cả nước. Một phong trào tương thân, tương ái, lá lành đùm lá rách với nhiều hình thức phong phú như “hũ gạo cứu đói”, “ngày đồng tâm nhịn ăn”,... được tổ chức trên khắp phố xá, làng quê. Nạn đói từng bước được đẩy lùi. Nhân dân thêm vững tin vào Chính phủ và chế độ mới.

Cùng với diệt giặc đói, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động chiến dịch giặc dốt. Vì “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu” nên Người đã kêu gọi đẩy mạnh phong trào thanh toán nạn mù chữ và nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân. “Những người đã biết chữ hãy dạy

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.165.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.31.

cho những người chưa biết chữ... Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết đi. Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không biết thì con bảo”¹. Nhân dịp khai giảng năm học đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết thư gửi các học sinh, chỉ ra cái may mắn của các em là được hưởng một nền giáo dục mới, “một nền giáo dục nó sẽ đào tạo các em nên những công dân hữu ích cho nước Việt Nam, một nền giáo dục sẽ làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em”².

Tháng 5 năm 1954, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng. Tuy nhiên, do hậu quả nặng nề của chiến tranh và thiên tai, từ cuối năm 1954 đến giữa năm 1955, nạn đói đã liên tiếp diễn ra ở nhiều nơi trên miền Bắc. Trước tình hình đó, Người nói: “Chính sách của Đảng và Chính phủ là phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi...”³. Người phát động thi đua sản xuất và tiết kiệm mùa xuân, kêu gọi cấy lúa mùa xuân, trồng các loại hoa màu ngăn ngày để cứu đói, vận động nhân dân giúp đỡ lẫn nhau, tiến hành trung vay để giúp đỡ những nơi cấp bách... Chính phủ cho một số tiền lớn vào việc sửa chữa các hệ thống nông giang, vận động nhân dân tích cực đào mương, khơi ngòi, đắp đê, khai hoang phục hóa,... Nhờ những biện pháp trên, diện tích trồng trọt và sản lượng lương thực đều tăng, nạn đói đã được giải quyết, tạo ra cơ sở thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp phát triển những năm sau.

Đại hội III (năm 1960), Đảng Lao động Việt Nam chủ trương: Miền Bắc thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là “phải xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn hóa và khoa học tiên tiến. Theo Người, “chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm là cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc”⁴.

Đại hội III của Đảng Lao động Việt Nam đã đề ra đường lối công nghiệp hóa ở Miền Bắc. Về phương hướng phát triển công nghiệp, Người chỉ rõ: phát triển công nghiệp trước hết phải nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp, phục vụ nhu cầu tiêu dùng và cải thiện đời sống nhân dân, tăng cường tích lũy để đẩy mạnh công nghiệp hóa. Đồng thời, cần phải bảo đảm sự cân đối giữa thực hiện công nghiệp hóa với đời sống của nhân dân.

Tại cuộc họp Bộ Chính trị, ngày 30-7-1962, Chủ tịch Hồ Chí Minh phát biểu: “Ta phải tìm cách nào, nếu cần có thể giảm bớt một phần xây dựng để giải quyết vấn đề ăn và mặc cho nhân dân được tốt hơn nữa, đừng để cho tình hình đời sống căng thẳng quá. Vấn đề con người hết sức quan trọng. Nhà máy cũng rất cần có thêm, có sớm, nhưng cần hơn là con người”⁵.

Người thường nhắc nhở trách nhiệm của người lãnh đạo, quản lý phải quan tâm đến điều kiện sinh hoạt vật chất của công nhân,... phải chăm nom đến chỗ ăn, chỗ ở, chỗ làm

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.36.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.33.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.572.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.13.

5. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, t.8, tr.272.

việc của công nhân, hướng dẫn anh chị em cách tổ chức nhà ăn, nhà ở, nhà giữ trẻ cho tốt, cho chu đáo. Bởi vì kinh tế không có mục đích tự thân, kinh tế phải phục vụ tiến bộ xã hội và hạnh phúc của người lao động.

Tổ quốc thống nhất, Bắc Nam sum họp. Đó là mục tiêu lớn nhất, nguyện vọng thiết tha nhất của toàn dân ta, của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngày đêm, Người quan tâm đến sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Một ngày miền Nam chưa được giải phóng, Người vẫn ăn chưa ngon, ngủ chưa yên. Trách nhiệm với đồng bào miền Nam vẫn canh cánh bên lòng của Người. Người theo dõi sát sao tình hình miền Nam từng tin chiến chiến thắng, từng giờ phút khó khăn.

Tình cảm của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với miền Nam còn thể hiện ở sự quan tâm tỉ mỉ trong việc chăm lo đến nơi ăn chốn ở của các đoàn đại biểu miền Nam. Người thường nhắc nhở các đồng chí phục vụ phải lo quần áo ấm, cơm canh hợp khẩu vị để bảo đảm sinh hoạt cho các đồng chí miền Nam. Thân tình như người cha, người bác, người anh, Người hiểu tấm lòng của đồng bào miền Nam đối với mình.

1.3. Lòng yêu nước thương dân của nhà nhân văn vĩ đại

Ngày 10-05-1969, Người xem và viết lại toàn bộ phần mở đầu *Di chúc*, gồm một trang viết tay. Bản *Di chúc* thiêng liêng được hoàn tất và đi vào lịch sử, được viết trên mặt sau một tờ bản tin hàng ngày. Sau khi được công bố, bản *Di chúc* đã gây một sự xúc động lớn, một niềm cảm phục sâu sắc, không chỉ đối với toàn thể nhân dân Việt Nam mà với tất cả các dân tộc đang đấu tranh cho hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội trên khắp các lục địa. *Di chúc* là một văn kiện lịch sử vô giá, kết tinh trong đó cả tinh hoa tư tưởng, đạo đức và tâm hồn cao đẹp của một vĩ nhân hiếm có đã suốt đời phấn đấu hy sinh vì Tổ quốc và nhân loại.

Trong *Di chúc*, Người căn dặn: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống nhân dân”. “Đầu tiên là công việc đối với con người”, tức là nhắc nhở phải coi nhân tố con người là vấn đề số một, phải quan tâm đến chính sách xã hội đối với con người sau chiến tranh. Đó là một biểu hiện sâu sắc lòng yêu nước thương dân của một nhà nhân văn vĩ đại.

Tháng 5 năm 1968, Người viết tiếp trong *Di chúc*: “Đối với những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình (cán bộ, binh sĩ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong,...), Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để họ có thể dần dần “tự lực cánh sinh”.

Đối với các liệt sĩ, mỗi địa phương (thành phố, làng xã) cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm ghi sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta.

Đối với cha mẹ, vợ con (của thương binh và liệt sĩ) mà thiếu sức lao động và túng thiếu, thì chính quyền địa phương (nếu ở nông thôn thì chính quyền cùng hợp tác xã nông nghiệp) phải giúp đỡ họ có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ bị đói rét.

Những chiến sĩ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong đều đã được rèn luyện trong chiến đấu và đều tỏ ra dũng cảm. Đảng và Chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, các nghề, để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững

chắc. Đó là đội quân chủ trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cân nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi việc kể cả công việc lãnh đạo. Bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên. Đó là một cuộc cách mạng đưa quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ.

Đối với những nạn nhân của chế độ xã hội cũ thì Nhà nước phải vừa giáo dục, vừa dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp đỡ họ trở nên những người lao động lương thiện”¹.

Có thể nói, *Di chúc* đã toát lên phẩm chất, nhân cách của một người vĩ đại mà khiêm nhường hết mực. Dường như, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phác thảo ra cả một kế hoạch cho công cuộc đổi mới sau chiến tranh.

2. Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam về tư tưởng chăm lo đời sống nhân dân trong *Di chúc* Hồ Chí Minh

2.1. Đảng - Nhà nước thực hiện Di chúc của Người

Đất nước thống nhất, với “ham muốn tột bậc” muốn tiến nhanh tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội nên Đảng Cộng sản Việt Nam tập trung phát triển kinh tế, thực hiện công nghiệp nặng. Tuy nhiên, Đảng chưa giải quyết được các nhu cầu thiết yếu của con người, chưa giải quyết được việc làm cho hầu hết nhân dân lúc bấy giờ. Cùng với những nguyên nhân khách quan khác, đất nước rơi vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng về kinh tế, xã hội.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 12 năm 1986 đã nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đổi mới một cách toàn diện trên tất cả mọi lĩnh vực. Đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm hướng tới mục tiêu người dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Các vấn đề xã hội được nâng lên tầm chính sách xã hội. Nhận thức rõ hơn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; vai trò của chính sách xã hội, sự thống nhất và kết hợp hài hòa giữa chính sách kinh tế với chính sách xã hội. Đảng Cộng sản Việt Nam từng bước khắc phục những hạn chế nhằm đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhất quán chủ trương xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh; các giai cấp, các tầng lớp dân cư đoàn kết, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi; phát huy vai trò giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, đội ngũ doanh nhân, thế hệ trẻ, người cao tuổi, phụ nữ, cựu chiến binh, cộng đồng lành mạnh, đồng thuận trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

Chính sách xã hội vì hạnh phúc con người là động lực to lớn phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, thể hiện rõ bản chất, tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Chính sách xã hội bảo đảm và không ngừng nâng cao đời sống vật chất của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh và nâng cao thể chất. Thực hiện chính sách xã hội, giải quyết các vấn đề xã hội là trách nhiệm của toàn xã hội, của mỗi đơn vị, của từng gia đình theo phương châm xã hội hóa, trong đó Nhà nước đóng vai trò chủ đạo.

2.2. Giải pháp nhằm nâng cao chăm lo đời sống nhân dân

Qua hơn 32 năm, việc thực hiện chính sách xã hội đã đạt được những thành tựu nhất

1. Toàn văn *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, NXB Thanh Niên, 2000, tr.30-31.

định. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn những hạn chế. Khoảng cách giàu nghèo ngày càng tăng. Một số bức xúc xã hội chậm được giải quyết; một số vấn đề mới nảy sinh liên quan đến giai cấp, dân tộc, tôn giáo, dân số, đất đai, lao động, việc làm, thu nhập, ... chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả. Do đó, để phát huy nhân tố con người, Đảng và Nhà nước phải có một chiến lược toàn diện từ giải quyết việc làm, chăm lo sức khỏe, đời sống vật chất, tinh thần đến đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt và sử dụng đúng đắn đối với con người.

Cán bộ phải gần dân, hiểu tâm tư nguyện vọng của nhân dân. Quan tâm điều chỉnh hài hòa lợi ích giữa các giai tầng xã hội, các vùng miền, các lĩnh vực, gắn nghĩa vụ với quyền lợi, cống hiến với hưởng thụ, lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và lợi ích cộng đồng xã hội. Từ đó có đường lối, chính sách phù hợp với thực tiễn khách quan. Quyền lợi phải đi đôi với nghĩa vụ công dân, chú trọng lợi ích trực tiếp của người dân; huy động sức dân phải bồi dưỡng sức dân; những việc có lợi cho dân thì hết sức làm, những gì có hại cho dân thì hết sức tránh.

Tiếp tục hoàn thiện chính sách an sinh xã hội phù hợp với quá trình phát triển kinh tế- xã hội. Mở rộng đối tượng và nâng cao hiệu quả của hệ thống an sinh xã hội đến người dân. Tổ chức tốt hơn việc cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản thiết yếu.

Phát triển đa dạng các hình thức từ thiện, đẩy mạnh phong trào “lá lành đùm lá rách”. Thực hiện tốt các chính sách nhà ở cho các đối tượng chính sách, người nghèo, vùng xa, vùng khó khăn.

Có những chính sách đầu tư cho giáo dục và y tế. Coi trọng chăm sóc sức khỏe nhân dân, xây dựng gia đình hạnh phúc.

Đảng và Nhà nước tiếp tục quan tâm bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, quy chế bảo đảm phát huy dân chủ, quyền làm chủ của dân, tôn trọng nhân dân, chăm lo đời sống nhân dân.

Với lẽ sống: lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ, cả cuộc đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đấu tranh cho tự do, hạnh phúc của mọi người. Đến khi sức khỏe yếu gần đất xa trời, trong *Di chúc* của Người vẫn dành một phần rất quan trọng về *chăm lo đời sống nhân dân*. Tư tưởng của Người mãi soi sáng cho cách mạng Việt Nam. Phải luôn chăm lo đời sống nhân dân, lấy dân làm gốc vì “Thuyền bị lật mới biết sức dân mạnh như sức nước, nước có thể chở thuyền những có thể lật thuyền được”./.

DI CHÚC – SỰ THỂ HIỆN TINH THẦN BIỆN CHỨNG TRONG PHONG CÁCH TƯ DUY HỒ CHÍ MINH

TS. Đặng Thị Minh Tuấn*

Hồ Chí Minh (1890 - 1969) là lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam và là một danh nhân văn hóa thế giới kiệt xuất, một vĩ nhân mà ở đó có sự kết tinh của cả tinh hoa văn hóa nhân loại và tâm hồn dân tộc, là sự hội tụ của nhà tư tưởng, nhà chính trị, nhà giáo dục, nhà đạo đức, nhà báo, nghệ sĩ, ... trong một con người mang tầm vóc thời đại. Vì vậy, Người là nguồn cảm hứng lớn cho nhiều nhà nghiên cứu cũng như các văn nghệ sĩ ở Việt Nam và trên toàn thế giới.

Cách đây tròn năm mươi năm, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đi về cõi vĩnh hằng, để lại *Di chúc* thiêng liêng, trong đó kết tinh những điều cốt lõi về tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người. Theo các tài liệu lịch sử ghi lại, bản *Di chúc* được viết lần đầu tiên vào năm 1965, được sửa hai lần vào năm 1968 và 1969 và được Bộ Chính trị chính thức công bố sau khi Người qua đời ngày 2/9/1969.

Di chúc Hồ Chí Minh là một văn bản ngắn gọn, cô đọng, súc tích thể hiện trí tuệ, niềm tin, tình cảm, sự suy tư, trăn trở của một vị lãnh tụ về những vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với cách mạng Việt Nam. *Di chúc* có một phần nói về việc riêng nhưng trọng tâm là nói về Đảng, về nhân dân, về nhân tố con người, tức là nói về nguồn gốc, nguyên nhân, động lực quyết định sự thành bại của cách mạng. *Di chúc* không chỉ mang giá trị lịch sử là những chỉ dẫn quý báu, ngọn đuốc soi đường cho hành trình xây dựng và bảo vệ đất nước cho toàn Đảng, toàn dân ta mà còn toát lên một tinh thần biện chứng sâu sắc trong phong cách tư duy Hồ Chí Minh.

Phong cách tư duy – còn gọi là kiểu tư duy, là biểu hiện cách thức nhận thức và vận dụng của năng lực tư duy trong những chủ thể nhất định. Năng lực tư duy là tổng hợp những phẩm chất tâm lý – tinh thần đang hoạt động trong nhận thức của một chủ thể để sản xuất và ứng dụng tri thức, là sự thống nhất giữa nền tảng logic của trí tuệ và trực giác bẩm sinh của con người. Năng lực tư duy có ảnh hưởng trực tiếp tới phong cách tư duy. Phong cách tư duy là sự thể hiện tổng hợp của năng lực tư duy và trình độ tư duy của mỗi chủ thể nhất định được định hình thông qua kinh nghiệm, rèn luyện trong môi trường hoạt động của họ. Phong cách tư duy vừa biểu hiện ở nội dung tư duy vừa biểu hiện ở việc sử dụng ngôn từ, ở mức độ diễn đạt phong phú hay đơn giản, dài dòng hay hàm súc, ở cách đặt và giải quyết vấn đề, ở logic của sự trình bày, ở sự phát hiện và sáng tạo... của chủ thể. Phong cách tư duy của Hồ Chí Minh là phong cách tư duy hành động mang tính biện chứng dựa trên thực tiễn của dân tộc và thời đại, có sự gắn kết giữa lý luận và thực tiễn. Đó là một phong cách tư duy năng động, sáng tạo, luôn biết kế thừa và đổi mới.

* Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM

Sinh thời, Hồ Chí Minh tự nhận là người học trò nhỏ của các bậc hiền triết trong lịch sử như Khổng Tử, Giê-su, Tôn Dật Tiên, đặc biệt là chủ nghĩa Mác – Lênin. Chính Người đã tiếp thu đồng thời đem tinh túy, sâu sắc của chủ nghĩa Mác – Lênin diễn đạt thành những điều dễ hiểu, chuyên hóa triết học vào cuộc sống để mọi tầng lớp nhân dân đều có thể hiểu được dễ dàng. Thế giới quan của Hồ Chí Minh là thế giới quan duy vật biện chứng và thế giới quan ấy được thể hiện xuyên suốt trong lý luận và toàn bộ cuộc đời hoạt động cách mạng của Người, làm nên một phong cách độc đáo, riêng có trong nhân cách, văn hóa, đạo đức và tư duy. Tinh thần biện chứng trong phong cách tư duy Hồ Chí Minh là sự kết hợp giữa tư tưởng biện chứng trong triết học mác xít với triết học phương Đông và phương Tây, là sự thể hiện nhất quán quan điểm toàn diện, quan điểm phát triển, quan điểm lịch sử - cụ thể một cách linh hoạt và sáng tạo.

Trước hết, tinh thần biện chứng trong phong cách tư duy của Hồ Chí Minh luôn thể hiện tính kiên định về nguyên tắc, mục tiêu chiến lược nhưng linh hoạt, mềm dẻo theo tinh thần “dĩ bất biến, ứng vạn biến”. Tức là kiên định mục tiêu của cách mạng, lực lượng lãnh đạo và sức mạnh quyết định để giành thắng lợi, còn về mục tiêu cụ thể, bước đi, mô hình phương pháp, tổ chức lực lượng thì phải phù hợp với từng thời kỳ. Trong *Di chúc*, sự kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa yêu nước gắn liền với chủ nghĩa vô sản, giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội và giải phóng con người được Người khẳng định với một niềm tin chắc chắn: “Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh, nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn...”¹. “Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to – là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc”². Người còn nhắc lại mong muốn của mình ở cuối *Di chúc*: “Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”³. Đồng thời, tính linh hoạt về mục tiêu cụ thể, bước đi, mô hình, phương pháp, tổ chức lực lượng... cũng được Người nhắc nhở trong *Di chúc* với từng đối tượng và từng vấn đề cụ thể. Đối với tổ chức Đảng, Người căn dặn: “Đoàn kết là một truyền thống quý báu của Đảng và của dân ta... cần giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình...”⁴. Đối với Đoàn viên thanh niên, Người căn dặn: “cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”⁵. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, Người biết rằng: “Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người”⁶ nhưng vẫn mong

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.12, tr. 509.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 511.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 512.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 510.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 510.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 511.

mới: “Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn”¹ và tin tưởng:

“Còn non, còn nước, còn người

Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!”²

Còn đối với nhiệm vụ của cách mạng sau chiến tranh, dự cảm được khi thực hiện một sự nghiệp cách mạng mới mẻ thì những người đi tiên phong luôn khó tránh khỏi sai lầm nhưng nếu ý thức được điều đó thì giảm bớt được vấp vấp, Người nhắc nhở: “phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”³. Phong cách tư duy toàn diện, phát triển, ưu tiên trọng tâm, trọng điểm, nhận thực, suy nghĩ và hành động linh hoạt, biện chứng trong quá trình vận động của sự vật – hiện tượng ấy của Hồ Chí Minh đã trở thành kim chỉ nam cho con đường xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội của dân tộc Việt Nam. Xuất phát từ tư duy đó, trong quá trình đổi mới Đảng ta biết đi từng bước vững chắc và chọn trọng tâm, trọng điểm, tìm đúng khâu đột phá mà giải quyết vấn đề từ việc nhỏ đến việc lớn, cả trong xây dựng kinh tế, ổn định chính trị - tư tưởng, chỉnh đốn Đảng và phát triển văn hóa - xã hội.

Trong *Di chúc*, đặc biệt là phần viết bổ sung vào tháng 5/1968, tinh thần biện chứng trong phong cách tư duy Hồ Chí Minh thể hiện rõ tính độc lập, tự chủ, sáng tạo của một tư duy mở và có tính dự báo. Đây là phần Người căn dặn về những công việc sau khi kết thúc chiến tranh, tức là kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Nhiệm vụ cơ bản và cần thiết của cách mạng lúc này là “hàn gắp vết thương chiến tranh” và đổi mới xã hội mà trước hết là đổi mới tư tưởng. Người khẳng định, đó là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi. Rõ ràng, tư duy Hồ Chí Minh đã có dự cảm lớn về tinh thần đổi mới sau khi đất nước chuyển sang giai đoạn hòa bình, xây dựng. Đó không chỉ là đổi mới trong tư tưởng, đổi mới trong đạo đức mà cả đổi mới trong tổ chức, đổi mới trong hệ thống kinh tế - xã hội. Tính độc lập, tự chủ, sáng tạo trong phong cách tư duy Hồ Chí Minh không chấp nhận những gì có tính khuôn mẫu, sẵn có mà vô cùng biện chứng với tinh thần “không phải cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới. Cái gì cũ mà xấu thì phải bỏ... Cái gì cũ mà không xấu nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý... Cái gì cũ mà tốt thì phải phát triển thêm... Cái gì mới mà hay thì ta phải làm”⁴. Tinh thần biện chứng, tinh thần đổi mới đó trong *Di chúc* đã được hiện thực hóa bằng công cuộc đổi mới mà Đảng ta phát động thật sự bắt đầu từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI năm 1986. Tính mở trong phong cách tư duy Hồ Chí Minh kết nối sự phát triển của dân tộc vào xu thế chung của thời đại, phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, mở cửa hội nhập với cả thế giới kể cả với nước đã từng là kẻ thù trực tiếp của nước ta trước đây. Hướng đi mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đang thực hiện trong công cuộc đổi mới trên con đường xây dựng đất nước hôm nay chính là xuất phát từ phong cách tư duy rộng mở, mở cửa với tầm nhìn toàn cầu, tầm nhìn thời đại của Hồ Chí Minh.

Tinh thần biện chứng trong phong cách tư duy Hồ Chí Minh ở *Di chúc* còn được thể

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 511.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 511.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 511.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr. 94-95.

hiện trong phần Người viết *về việc riêng*. Có lẽ, đây là đoạn gây xúc động mạnh mẽ nhất đối với người đọc nói chung và mỗi người dân nước Việt Nam nói riêng. Phong cách tư duy Hồ Chí Minh là luôn đặt lợi ích của dân tộc, của nhân dân, của Đảng lên trên lợi ích của cá nhân. Suốt đời, mục tiêu của Người là chăm lo cho đời sống của nhân dân. Người lấy việc phục vụ nhân dân, phấn đấu cho đất nước được hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh, nhân dân được ấm no, hạnh phúc, mọi người được thoát khỏi nghèo đói và bất hạnh là mục đích, là hạnh phúc lớn nhất của đời mình. Đến cả việc ra đi của mình, Người vẫn còn lo cho nhân dân khi căn dặn: “Sau khi tôi qua đời, chớ nên tổ chức phúng điếu linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân”¹. Điều này là một trong rất nhiều minh chứng cho sự thống nhất giữa thực tiễn và lý luận, giữa lời nói và hành động trong phong cách tư duy Hồ Chí Minh. Người đã suy tư, trăn trở, đi vào cuộc sống của nhân dân để nắm bắt thực tiễn, hiểu rõ nhu cầu, lợi ích, nguyện vọng, tâm lý của nhân dân, từ đó, kết hợp với lý luận về chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mà làm cho mọi hoạt động của Đảng, của Nhà nước mang lại hiệu quả thiết thực cho lợi ích toàn diện của nhân dân. Hiểu dân, tôn trọng và đề cao dân không chỉ về mặt xã hội mà cả mặt thể chất, không chỉ ý chí mà cả trí tuệ và đạo đức là phong cách tư duy bao dung, đầy nhân văn theo nguyên lý nhân văn mácxít của Hồ Chí Minh. Phong cách tư duy ấy được Người hiện thực hóa thành hành động đạo đức trong đời sống hàng ngày với lối sống cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, giản dị và vô cùng thanh cao. Chính phong cách tư duy và lối sống ấy càng làm cho Hồ Chí Minh gần gũi với dân, được dân tin tưởng và nó đã thực sự mang lại giá trị cảm hóa, quy tụ, đoàn kết rất lớn.

Phong cách tư duy không chỉ thể hiện bởi nội dung tư duy và phương pháp tư duy mà còn thể hiện bởi hình thức tư duy. Về mặt hình thức, văn phong để biểu đạt tư duy của Hồ Chí Minh trong sáng, ngắn gọn, giàu hình ảnh và có hiệu quả truyền đạt cao. Để biểu đạt tư duy của mình, Hồ Chí Minh không sử dụng kiểu diễn đạt trừu tượng, hàn lâm mà sử dụng kiểu diễn đạt cụ thể. Với Người, ngôn từ phải giản dị, cô đọng, hàm súc, dễ nhớ, dễ hiểu mà vẫn thể hiện được cái bản chất, cái cốt lõi của vấn đề, của sự vật, sự việc. Trong phong cách tư duy của mình, Hồ Chí Minh luôn tìm cách đơn giản hóa những vấn đề lý luận phức tạp để nhanh chóng hiện thực hóa vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Với phương châm: “lý luận cốt để áp dụng vào thực tiễn”, phải cho lý luận cách mạng thấm sâu vào quần chúng mới có tác dụng dẫn dắt, chỉ đạo hành động cách mạng nên Người luôn chọn cách diễn đạt, ngôn ngữ sao cho giản dị, ngắn gọn, trong sáng, sử dụng những hình ảnh gần gũi với đời sống hàng ngày, phù hợp với lối tư duy bằng hình ảnh của người phương Đông, qua đó, có tác dụng cải tạo tư tưởng của đối tượng, nhưng không làm mất đi tính lý luận. Bản *Di chúc* thiêng liêng, lịch sử của Người để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta hàm chứa những tư tưởng vĩ đại, lớn lao có tính định hướng cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, của nhân dân Việt Nam nhưng chỉ vòn vẹn hơn 1000 từ, rất ngắn gọn, cô đọng, súc tích, giản dị, dễ hiểu. Cách đặt vấn đề của Người trong *Di chúc* rất tự nhiên, nhẹ nhàng, thể hiện sự thấu hiểu quy luật, sẵn sàng chuẩn bị cho sự ra đi của chính mình khi mở đầu bằng một phong thái ung dung, tự tại với những lời mộc mạc: “Khi người ta đã ngoài 70 xuân, thì tuổi tác càng cao, sức khỏe càng thấp. Điều đó cũng không có gì lạ. Nhưng ai mà đoán biết tôi còn phục

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr. 512.

vụ cách mạng, phục vụ nhân dân được bao lâu nữa. Vì vậy, tôi đề sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột”¹. Mấy lời đề lại ấy, tuy ngắn gọn nhưng với tư duy logic, sự sắp xếp khoa học đã thu tóm được những công việc lớn lao của Đảng, của cách mạng từ khẳng định vị trí, vai trò của Đảng trong sự nghiệp cách mạng; những yêu cầu đối với Đảng cầm quyền; sự cần thiết của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ; khẳng định vai trò to lớn và lòng trung thành của nhân dân lao động đối với Đảng; trách nhiệm, nghĩa vụ của cách mạng Việt Nam đối với phong trào cách mạng thế giới đến việc riêng của Người. Chỉ mấy lời đơn giản nhưng *Di chúc* hội tụ lối nói, viết của hàng ngàn tác phẩm mà Hồ Chí Minh để lại kể từ khi bắt đầu cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, thể hiện phong cách tư duy biện chứng, gãy gọn, sắc nét của một lãnh tụ có tầm nhìn xa trông rộng. Không phải vĩ nhân nào cũng có được phong cách tư duy như thế. “Phong cách Hồ Chí Minh là nói để làm. Điều đó không làm giảm tính lý luận, trái lại làm cho lý luận gần gũi với cuộc sống, dễ thâm nhập vào cuộc sống, dễ thâm nhập vào quần chúng để biến thành sức mạnh vật chất. Phải ở một trình độ cao, sâu sắc, nhuần nhuyễn lắm về lý luận mới có được cách diễn đạt dễ hiểu các vấn đề lý luận phức tạp như văn phong Hồ Chí Minh”².

Năm mươi năm đã đi qua, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đã nhận thức sâu sắc những điều Người dặn dò, gửi gắm trong *Di chúc* là vô cùng hệ trọng đối với sự nghiệp cách mạng của đất nước và vận mệnh của dân tộc và đã đoàn kết, ra sức phấn đấu thực hiện những trăn trở, tâm nguyện của Người, nỗ lực vì một nước Việt Nam giàu mạnh, phát triển, một xã hội hòa bình, phồn vinh, hạnh phúc. Tinh thần biện chứng sâu sắc trong phong cách tư duy của Hồ Chí Minh và sự kết tinh tư tưởng, tinh hoa đạo đức, tâm hồn cao đẹp của Người trong *Di chúc* đã, đang và sẽ mãi mãi là ngọn đuốc soi đường cho hành trình xây dựng đất nước của dân tộc Việt Nam./.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 509-510.

2. Nguyễn Đức Bình: *Một số vấn đề về công tác lý luận tư tưởng và văn hóa*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 352.

DI CHỨC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH – SỰ KẾT TINH CỦA CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN CÁCH MẠNG

*TS. Nguyễn Thị Mộng Tuyền**

1. Về Chủ nghĩa nhân văn cách mạng

Nguyễn Ái Quốc đã tự khai thành phần xuất thân là “nhà Nho”, lúc bấy giờ, mặc định đó là tầng lớp ưu tú của xã hội Việt Nam. Do đó mà người Việt Nam xưa kia tu thân theo nền văn hóa “Luân thường” là căn bản, là “đức tin” của “kế sĩ”, thời nay nên nối tiếp, kế thừa và phát huy tinh túy giá trị tu dưỡng của “nhà Nho”, mà hình mẫu là Bác Hồ được cả thế giới ngưỡng mộ. Cội nguồn Phương Đông trong tư tưởng của Người như: “thân dân” tức gần dân nay gọi là vì dân; “nhân ái” tức thương dân nay hàm ý phục vụ dân; “quân tử” tức người chính trực (ngay thẳng), trung với vua – hiếu với cha mẹ, tôn trọng dòng tộc... Đó có thể được coi là chủ nghĩa nhân văn truyền thống của Đạo Khổng, của Việt Nam cổ truyền.

Thuật ngữ “Chủ nghĩa nhân văn” bắt nguồn từ thời Phục hưng ở châu Âu, là trào lưu tư tưởng và văn hoá, là một phong trào chống Thiên Chúa giáo nhằm đề cao con người, giải phóng cá nhân khỏi sự đè nén tinh thần của chế độ phong kiến, chống chủ nghĩa thần quyền, kinh viện của giáo hội, hướng con người vào xây dựng cuộc sống thực tại. Với khẩu hiệu Tự do, Bình đẳng, Bác ái, giai cấp tư sản đã phát cao ngọn cờ nhân văn hay nhân đạo để thu hút sức mạnh của đông đảo quần chúng chống lại giới chủ nô, chế độ phong kiến về phụ thuộc giáo hội; hình thành một quan niệm mới về chủ nghĩa nhân văn gắn với việc giải thoát con người khỏi chế độ nô lệ, khỏi sự bóc lột tàn bạo của bọn chủ nô và quan lại phong kiến câu kết với giáo hội.

Nguyễn Tất Thành từ chủ nghĩa yêu nước, là nhà Nho trẻ nhiều tâm huyết với đất nước, với dân tộc; tự xác định cho mình trách nhiệm tham gia cứu nước, năm 1911 quyết chí sang Pháp để thấu hiểu tư tưởng “tự do, bình đẳng, bác ái”, vì sao lại có sự cai trị nô dịch người dân thuộc địa dã man như người Pháp thực dân trái ngược với lý tưởng và đạo lý nói trên. Sau thời gian bôn ba, ở Pháp và nhiều nước trên thế giới, Nguyễn Ái Quốc thấy rõ mâu thuẫn xã hội: giàu-nghèo, bất công và áp bức, kỳ thị chủng tộc, coi thường phụ nữ...; tư tưởng “tự do, bình đẳng, bác ái” không hiện thực, giả hiệu trong chế độ Tư bản chủ nghĩa thời bấy giờ.

Trong hoạt động chính trị, tham gia Đảng Xã hội của Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã đến với Chủ nghĩa Mác - Lênin, thấu hiểu Chủ nghĩa nhân văn Mác-xít, Lênin-nít; trở thành con người có tư tưởng chủ đạo cho toàn bộ công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước của mình. Sứ mệnh tìm kiếm con đường cứu nước và phương pháp đấu tranh cách mạng đã cơ bản định hình vào cuối năm 1920 khi Người tham gia lập Đảng Cộng sản Pháp tại Đại hội Tua như chúng ta đã biết.

* Trường Đại học Mở TP.HCM

Từ những năm 1920 cho đến cuối đời năm 1969, tư tưởng và hành động của Người không ngừng thấu hiểu và phát triển Chủ nghĩa Mác- Lênin vận dụng trong thực tiễn Cách mạng Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Đảng Cộng sản lãnh đạo nhân dân ta thành công trong công cuộc đánh đổ chế độ thực dân, giải phóng dân tộc và từng bước tiến lên Chủ nghĩa xã hội như các Cương lĩnh của Đảng gần 90 năm qua. Chủ nghĩa nhân văn mới, cách mạng ra đời như cách định danh của Giáo sư Trần Văn Giàu trong tác phẩm *Vĩ đại một con người*. Ngày nay, nhiều nhà lý luận Việt Nam gọi là Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh, sợi chỉ đỏ xuyên suốt Tư tưởng Hồ Chí Minh, nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Như vậy, từ chủ nghĩa nhân văn Mác-xít đến Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh bắt đầu từ việc Hồ Chí Minh đã học tập Chủ nghĩa Mác-Lênin và vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh nước ta. Thành Duy viết: “*Về nguyên tắc Hồ Chí Minh hoàn toàn thống nhất với Chủ nghĩa Mác-Lênin về việc xây dựng một xã hội mới xã hội chủ nghĩa, thật sự nhân bản, mang lại tự do, hạnh phúc cho con người, nhưng về phương pháp cách mạng để đi đến mục tiêu đó, Hồ Chí Minh khác với các nhà kinh điển, do điều kiện khách quan và chủ quan của cách mạng Việt Nam*”¹. Nhận xét của Trần Văn Giàu: “... không phải Người (tức Hồ Chí Minh), đi từ Mác đến Lênin mà từ Lênin về với Mác, vào hẳn một dạng chủ nghĩa nhân văn mới, cách mạng, trong đó khẩu hiệu lớn là: bãi bỏ tình trạng xã hội người bóc lột người thì tình trạng thái xã hội áp bức dân tộc sẽ không còn nữa...”².

2. Di chúc - Sự kết tinh của Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh đã viết trong di chúc rằng: “*Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: ... xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.*” Đó là lý tưởng giải phóng xã hội, mục tiêu phấn đấu và phục vụ suốt đời; là lý tưởng Hồ Chí Minh, hiện thực hóa lý tưởng cộng sản chủ nghĩa ở Việt Nam gần 90 năm qua.

Tìm hiểu giá trị của Di chúc thì thấy trước hết là về phương diện *tư liệu lịch sử*. Đây là một trong những văn kiện quan trọng cuối cùng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho dân tộc trước lúc đi xa. Giá trị của Di chúc kết tinh những *tư tưởng lớn* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, những quan điểm cơ bản của Người về xây dựng và chỉnh đốn Đảng để “xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”, về “công việc đối với con người”, về giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, về xây dựng chế độ xã hội mới - chế độ xã hội chủ nghĩa, về xây dựng khối đoàn kết quốc tế và góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới... Giá trị của Di chúc còn đặc biệt là chỗ chứa đựng những *tình cảm lớn* của Người đối với toàn Đảng, toàn dân ta, với đồng chí và bầu bạn khắp năm châu.

Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh với niềm tin vào năng lực tự giải phóng của con người thể hiện rõ trong Di chúc: toàn bộ sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ xã hội, toàn bộ sự nghiệp làm cho con người và xã hội phát triển toàn diện chỉ có thể do chính nhân dân thực hiện. Toàn bộ niềm tin của Hồ Chí Minh đối với nhân dân thể hiện một cách thật sâu sắc trong luận điểm: “*Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại*

1. Thành Duy: *Về chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 138.

2. Trần Văn Giàu: *Vĩ đại một con người*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008.

của toàn dân”. “Động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân”, đó là kết tinh chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh, triết lý sống Hồ Chí Minh, học thuyết cách mạng Hồ Chí Minh.

Sự nghiệp cách mạng mà những người cộng sản tiên hành, nói một cách giản dị theo cách của Hồ Chí Minh, là sự nghiệp vì hạnh phúc của con người, là thay thế cái xã hội đầy thù hận bằng một xã hội mà trong đó con người “sống với nhau có tình có nghĩa”, một xã hội chan chứa tình yêu thương. Hồ Chí Minh đã từng nói: “Người kiên quyết cách mạng nhất lại là người đa tình, chí hiếu nhất”¹. Di chúc là một trong những tác phẩm đã thể hiện một cách cô đọng chủ nghĩa nhân văn ấy. Di chúc, nội dung cốt lõi là Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh trong hành động cách mạng, có giá trị bền vững, tiếp tục thúc giục, soi sáng con đường cách mạng Việt Nam. Chủ nghĩa nhân văn ấy có giá trị nhân loại hết sức hấp dẫn mà nhiều nhà tư tưởng và chính khách đã đánh giá.

Chúng tôi trích dẫn hai đoạn tiêu biểu về tính nhân đạo và chủ nghĩa nhân văn cách mạng nổi bật trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh như sau:

- Một là “*Đầu tiên là công việc đối với con người.*”

Đối với những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình (cán bộ, binh sĩ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong...), Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để họ có thể dần dần “tự lực cánh sinh”.

Đối với các liệt sĩ, mỗi địa phương (thành phố, làng xã) cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm ghi sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta.

Đối với cha mẹ, vợ con (của thương binh và liệt sĩ) mà thiếu sức lao động và túng thiếu, thì chính quyền địa phương (nếu ở nông thôn thì chính quyền xã cùng hợp tác nông nghiệp) phải giúp đỡ họ có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ bị đói rét.

Những chiến sĩ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong đều đã được rèn luyện trong chiến đấu và đều tỏ ra dũng cảm. Đảng và Chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, các nghề, để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, phụ nữ đảm đang ta đã góp phần xứng đáng trong chiến đấu và trong sản xuất. Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo. Bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên. Đó là một cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ.

Đối với những nạn nhân của chế độ xã hội cũ, như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu, v.v... thì Nhà nước phải dùng vừa giáo dục, vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện.

Trong bao năm kháng chiến chống Pháp, tiếp đến chống đế quốc Mỹ, đồng bào ta, nhất là đồng bào nông dân đã luôn luôn hết sức trung thành với Đảng và Chính phủ ta, ra

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t.7, tr.60.

sức góp của góp người, vui lòng chịu đựng mọi khó khăn gian khổ. Nay ta đã hoàn toàn thắng lợi, tôi có ý đề nghị miễn thuế nông nghiệp 1 năm cho các hợp tác xã nông nghiệp để cho đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất”¹.

- Hai là “Về việc riêng - Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức đám đình, lãng phí ngày giờ và tiền bạc của nhân dân.

Tôi yêu cầu thi hài tôi được đốt đi, nói chữ là “hỏa táng”. Tôi mong rằng cách “hỏa táng” dần dần sẽ được phổ biến. Vì như thế đối với người sống đã tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất. Bao giờ ta có nhiều điện, thì “điện táng” càng tốt hơn.

Tro xương thì tìm một quả đồi mà chôn. Gành Tam Đảo và Ba Vì như hình có nhiều đồi tốt. Trên mộ, nên xây 1 cái nhà giản đơn, rộng rãi, chắc chắn, mát mẻ để những người đến thăm viếng có chỗ nghỉ ngơi.

Nên có kế hoạch trồng cây trên đồi. Ai đến thăm thì trồng một cây làm kỷ niệm. Trồng cây nào phải tốt cây ấy. Lâu ngày, cây nhiều thành rừng, sẽ tốt cho phong cảnh và lợi cho nông nghiệp.

Nếu tôi qua đời trước ngày nước ta được thống nhất, thì nên gửi một ít tro xương cho đồng bào miền Nam”²...

Khi nào trình độ khoa học của chúng ta còn giữ được gần như nguyên vẹn kim thân của Bác, chúng ta chưa thực hiện ý nguyện “về việc riêng” nói trên của Bác. Ngày nay, cán bộ, chiến sĩ, nhân dân trong mọi miền đất nước và bạn bè quốc tế... viếng Bác mỗi ngày; vì sự ngưỡng mộ, trân trọng, đời đời nhớ ơn Bác. Đây là một thực tế minh chứng Tư tưởng nhân văn và hành trang của Người sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta.

Mặc khác, *Di chúc* đã thể hiện tập trung tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng con người toàn diện, triệt để. Tư tưởng giải phóng ấy được khái quát trong luận điểm của Hồ Chí Minh: “Công việc trên đây là rất to lớn, nặng nề, và phức tạp, mà cũng là rất vẻ vang. Đây là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi”.

Hơn nữa, trong chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh, con người chính là chủ thể sáng tạo cao nhất và duy nhất. Chính họ là lực lượng có đủ năng lực tự giải phóng mình.

Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến vấn đề con người, thấu hiểu và yêu thương con người, quyết đấu tranh để giải phóng con người, song quan trọng hơn cả, đó là giác ngộ, tập hợp, phát huy sức mạnh của con người để con người tự giải phóng chính mình, đó là nội dung cơ bản của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh, xuyên suốt cuộc đời và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong cách mạng giải phóng dân tộc, ngay cả khi các phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân thất bại, tâm lý chán nản bao trùm, Hồ Chí Minh vẫn thấy và tin tưởng sâu sắc rằng, đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến. Sứ mệnh của bộ phận ưu tú là phải thúc đẩy cho thời cơ đó mau đến, là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng. Khi chia tay những người bạn chiến đấu ở Pháp, Hồ Chí Minh đã nói: Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 616-617.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 613.

họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập.

Trong xây dựng chế độ xã hội mới, Hồ Chí Minh chỉ rõ rằng: Chủ nghĩa xã hội là do quần chúng nhân dân tự mình xây dựng nên, đó là công trình tập thể của quần chúng lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng và chủ nghĩa xã hội chỉ có thể xây dựng được với sự giác ngộ đầy đủ và lao động sáng tạo của hàng chục triệu người.

Bao trùm toàn bộ tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng con người, đó là quan điểm: “lấy sức ta mà giải phóng cho ta”. Quan điểm đó thể hiện niềm tin tưởng sâu sắc của Hồ Chí Minh đối với nhân dân, niềm tin trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân.

3. Kết luận:

1- Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh ngày nay là chủ nghĩa nhân văn mới, cách mạng, mà tiêu biểu nhất là tính chất nhân văn trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Chủ nghĩa nhân văn trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội là chủ nghĩa nhân văn có tính tự giác cao, có tính hệ thống. Về mặt thực tiễn, chủ nghĩa nhân văn này có cơ sở kinh tế xã hội mới, những nội dung và hình thức mới, những tính chất và trình độ mới.

2- Về tính quy luật của chủ nghĩa nhân văn mới theo Tư tưởng Hồ Chí Minh: Đó là “sống, chiến đấu, lao động và học tập” noi gương Chủ tịch Hồ Chí Minh. Song, điều quan trọng hơn cả là ở hành động thực hiện cho được cái triết lý sống động ấy nhằm xây dựng một nền văn minh mới, cũng có thể gọi là văn minh xã hội chủ nghĩa nối tiếp và thay thế nền văn minh tư bản chủ nghĩa đã tỏ ra không còn phù hợp với thời đại mới. Di chúc của Bác là di chúc chính trị như một cương lĩnh căn bản trong tiến trình phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

3- Việc tiếp tục nghiên cứu, giáo dục và thực hiện Di chúc của Bác được thể hiện trong Cương lĩnh, các nghị quyết của Đảng. Kể từ khi Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 03-CT/TW (14/5/2011) đến nay, Đảng ta liên tục phát động: học tập và làm theo tư tưởng, phong cách và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, trong đó Di chúc một “tư liệu lịch sử” vô giá là một căn cứ tổng kết qua từng chặng đường phát triển của cách mạng nước ta./.

CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN HỒ CHÍ MINH TỎ SÁNG TRONG “DI CHỨC” CỦA NGƯỜI

*ThS. Hoàng Ngọc Vĩnh**
*TS. Hoàng Trần Như Ngọc***

Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh là sự kết hợp, hòa quyện từ truyền thống nhân ái cao cả của dân tộc Việt Nam; từ-bi-hỷ-xả của Phật giáo, nhân nghĩa của Nho giáo, nhân từ hy sinh cao nhất vì sự cứu rỗi con người của Chúa Giê-Su, tự do, bình đẳng, bác ái của dân chủ tư sản, đặc biệt là từ chủ nghĩa nhân đạo cộng sản. Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh được biểu hiện vô cùng đa dạng, phong phú, nó thấm đượm trong toàn bộ cuộc đời và sự nghiệp của Người, được toả sáng trong từng việc làm, từng cử chỉ, từng mối quan tâm ân cần đối với mỗi con người; tất cả đều toát lên tình yêu thương, sự tôn trọng, thái độ bao dung và niềm tin vào khả năng cải tạo của con người, dù cho họ có nhất thời lầm lạc. Bằng hành động và ứng xử của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh truyền lại cho chúng ta một đạo lý làm người là phải biết yêu thương, rộng lượng với mọi người và sống với nhau có tình nghĩa.

Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh là toàn bộ suy nghĩ và tình cảm đã chi phối suốt cuộc đời Người: Đấu tranh không mệt mỏi cho độc lập của dân tộc, cho tự do và hạnh phúc của nhân dân, cho chủ nghĩa xã hội, cho sự giải phóng nhân loại và giải phóng mỗi con người. Nó thể hiện ở ba phương diện cơ bản: Một là sự cảm nhận, thông cảm sâu sắc với mọi niềm đau nỗi khổ của con người nô lệ và con người cùng khổ. Hai là quyết tâm hy sinh chiến đấu để giải phóng con người và đem lại hạnh phúc cho con người. Ba là tin tưởng tuyệt đối ở khả năng tự giải phóng của con người và không ngừng rèn luyện, phát huy khả năng ấy.

Nói đến Chủ tịch Hồ Chí Minh, là nhớ ngay đến tấm gương đạo đức cách mạng sáng ngời của Người: tấm gương trọn đời phấn đấu, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người và giải phóng nhân loại; tấm gương của ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, vượt qua mọi thử thách, khó khăn để đạt mục đích cách mạng; tấm gương tuyệt đối tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân, kính trọng nhân dân, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân; tấm gương của một con người nhân ái, vị tha, khoan dung, nhân hậu hết mực vì con người; tấm gương cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị và đức khiêm tốn phi thường.

Điểm nổi bật trong đạo đức cách mạng của Người, là lòng thương yêu, quý trọng đối với nhân dân. Mọi suy nghĩ, mọi hành động của Người đều vì lợi ích của nhân dân. Người luôn đặt đời sống của mình trong đời sống của nhân dân và suốt đời gắn bó với nhân dân. Điều làm chúng ta cảm động là khi nói đến nhà ở, áo mặc, Người đều nghĩ đến nhân dân. Điều làm ta phải suy nghĩ và xúc động là Bác đã dặn dò cả việc phải làm đối với những nạn nhân của xã hội cũ như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu... thì Nhà nước ta vừa phải giáo dục, vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên người lương thiện. Trong muôn vạn tình thương yêu của Người, Bác Hồ không để sót một ai, không quên một ai, có quên chăng là chỉ quên mình!

* Trường Đại học Khoa học Huế

** Trường Đại học Khoa học Huế

Trong bài viết này, chúng tôi chỉ chủ yếu bàn về sự tỏa sáng chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh trong “Di chúc” của Người. Đó là *suốt đời vì hạnh phúc của nhân dân* - mà Bác đã dày công vun đắp cho các thế hệ người Việt Nam.

1. Là người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng thời là người đầu tiên chấm dứt sự khủng hoảng đường lối cứu nước của Việt Nam kéo dài gần 100 năm (từ giữa thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX), Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn chăm lo cho công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch vững mạnh để tận tâm trung thành, tận lực tận tụy cung phụng lợi ích chân chính của nhân dân.

Đứng vững trên lập trường của chủ nghĩa Mác-Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Cách mạng “trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”¹; Đảng Cộng sản Việt Nam là chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam, là đội tiên phong của giai cấp công nhân, có khả năng đoàn kết, tập hợp, lôi kéo các tầng lớp nhân dân khác đứng lên làm cách mạng. Đảng thật sự “là đội tiên phong, là bộ tham mưu của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và của cả dân tộc”², “là đội tiên phong dũng cảm và bộ tham mưu sáng suốt của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và của cả dân tộc”³, “kiên quyết nhất, hăng hái nhất, trong sạch nhất, tận tâm tận lực phụng sự Tổ quốc và nhân dân”⁴, “tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp và của nhân dân”⁵, “tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp vô sản và của dân tộc”⁶.

Chính vì thế, trong “Di chúc” của Người, điều mà Bác quan tâm trước hết và là “việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi”⁷.

“Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau.

Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”⁸.

2. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sớm nhận rõ vị trí, vai trò của thế hệ trẻ. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Người đặc biệt quan tâm đến việc giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ. Quan điểm của Người về vai trò của thế hệ trẻ là: Muốn thức tỉnh một dân

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.289.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.14, tr.467.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.14, tr.608.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.7, tr.50.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.12, tr.416.

6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.12, tr.673.

7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.15, tr.616.

8. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.15, tr.611-612.

tộc, trước hết phải thức tỉnh thanh niên. Theo Người, thanh niên là những người trẻ tuổi, có sức khoẻ, nhiệt tình, hăng hái, ham tìm hiểu, nhanh tiếp thu cái mới..., có vai trò quan trọng trong các phong trào xã hội. Thức tỉnh thanh niên là bước đầu tiên để thức tỉnh một dân tộc đứng lên giành độc lập và xây dựng xã hội mới.

Năm 1946, trong thư gửi học sinh, Người viết: “Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội”¹. Điều này khẳng định vai trò quan trọng của thanh niên đối với sự phát triển của xã hội. Chăm lo tốt cho thế hệ trẻ là đảm bảo tương lai phát triển bền vững và tươi sáng của dân tộc. Người cũng đã từng viết: “Người ta thường nói: Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên. Thanh niên muốn làm người chủ tương lai cho xứng đáng thì ngay hiện tại phải rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải ra làm việc chuẩn bị cho cái tương lai đó”². “Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà và Đoàn Thanh niên Lao động là cánh tay đắc lực của Đảng”³.

Trong thư gửi cho học sinh, nhân ngày khai trường đầu tiên sau khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Người kêu gọi: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”⁴. Trong thư gửi nhi đồng, nhân Tết Trung thu đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Người viết: “Ngày nay, các cháu là nhi đồng. Ngày sau, các cháu là người chủ của nước nhà, của thế giới. Các cháu đoàn kết thì thế giới hoà bình và dân chủ, sẽ không có chiến tranh. Các cháu phải thi đua, tuỳ theo sức của các cháu, làm được việc gì có ích cho kháng chiến thì thi đua việc ấy”⁵.

Với niềm tin vào thế hệ trẻ, vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Người đã bắt đầu các hoạt động cách mạng của mình trong thanh niên và luôn quan tâm đến sự nghiệp giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ. Trong “Di chúc” có 3 lần Người nhắc đến cụm từ xã hội chủ nghĩa, thì 2 lần gắn liền với thanh niên. Bác chỉ rõ lực lượng to lớn để xây dựng đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa là thanh niên, cán bộ nòng cốt lãnh đạo công cuộc xây dựng đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa là thanh niên. Chính thế, việc thứ hai trong “Di chúc”, Bác dặn: “*Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên”.* “*Những chiến sĩ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong đều đã được rèn luyện trong chiến đấu và đều tỏ ra dũng cảm. Đảng và Chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, các nghề, để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta*”. *Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết*”.

3. Chủ tịch Hồ Chí Minh không đứng bên ngoài dân, mà đứng trong lòng nhân dân,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.194.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.216.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.293.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.35.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.186.

đập cùng một nhịp tim, chia cùng một sức sống, mang cùng một khát vọng với nhân dân. Trung thành với chủ nghĩa yêu nước truyền thống của dân tộc Việt Nam về vai trò của nhân dân trong sự nghiệp cứu nước và trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin về vai trò của quần chúng nhân dân, Người khẳng định mục tiêu của cách mạng là giải phóng nhân dân, mang lại tự do hạnh phúc cho nhân dân.

Từ quyền con người trong hai bản Tuyên ngôn của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ 1776 và Cộng hòa Pháp 1791, Người khái quát thành quyền dân tộc: *“Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”*¹. Chính vì thế, bản “Tuyên ngôn Độc lập” của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ định vị được nền độc lập của dân tộc Việt Nam, mà còn khẳng định triển vọng cho các dân tộc bị áp bức thoát khỏi ách thuộc địa của các đế quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đầu tiên đã thống nhất biện chứng chủ quyền quốc gia và quyền con người cả về lý luận và thực tiễn. Đó là đóng góp vĩ đại của Người đối với các dân tộc thuộc địa trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng kiệt xuất quyết tâm của dân tộc Việt Nam, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giành và giữ vững chủ quyền quốc gia dân tộc thống nhất biện chứng với quyền con người của Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới.

Tâm lòng nhân ái của Người bao dung đối với mọi người. Chính tâm lòng nhân ái bao la, khoan dung cao cả, trân trọng cái phần thiện dù nhỏ nhất ở mỗi con người, mà Người đã quy tụ rộng rãi được toàn thể dân tộc, đoàn kết quốc tế rộng rãi. Người nâng niu trân trọng khuyến khích mặt tốt, mặt thiện trong mỗi con người, lấy đó làm biện pháp giúp đỡ những người có thói hư, tật xấu, lầm đường lạc lối. Người viết: *“đối với những người có thói hư tật xấu, trừ hạng người phản lại Tổ quốc và nhân dân, ta cũng phải giúp họ tiến bộ bằng cách làm cho cái phần thiện trong con người nảy nở để đẩy lùi phần ác, chứ không phải đập cho tơi bời”*².

Người có niềm tin mãnh liệt vào sức mạnh và tính chủ động sáng tạo của quần chúng nhân dân. *“Không: người Đông Dương không chết, người Đông Dương vẫn sống, sống mãi mãi... Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến”*³; *“Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”*⁴; *Dân ta tài năng, trí tuệ và sáng tạo, họ biết “giải quyết nhiều vấn đề một cách đơn giản, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra”*⁵. Niềm tin vào sức mạnh của dân ở Người còn được nhận thức từ mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng và Chính phủ: nếu không có nhân dân thì Chính phủ không có đủ lực lượng, nếu không có Chính phủ thì nhân dân không có ai dẫn đường. Đã là người cộng sản thì phải tin nhân dân và niềm tin quần chúng sẽ tạo nên sức mạnh cho người cộng sản.

Chính niềm tin ấy mà Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương hy sinh cao nhất, đấu tranh để giải phóng con người, đem lại tự do, hạnh phúc cho con người. Ở Hồ Chí Minh, trong sự

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.1.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.672.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.40.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.453

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.335.

thống nhất giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp và giải phóng người, là sự đề cao dân tộc nhưng không hạ thấp giai cấp; con người là mục tiêu của cách mạng, thì mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đều vì lợi ích chính đáng của con người. Tin ở sức mạnh của nhân dân, cảm thông sâu sắc với nỗi khổ của nhân dân, và với lòng thương yêu dân vô hạn, trong “Di chúc” Bác dặn: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hoá, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”¹.

“Đối với những người đã dưng cảm hy sinh một phần xương máu của mình (cán bộ, binh sĩ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong...), Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để họ có thể dần dần “tự lực cánh sinh”.

Đối với các liệt sĩ, mỗi địa phương (thành phố, làng xã) cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm ghi sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta.

Đối với cha mẹ, vợ con (của thương binh và liệt sĩ) mà thiếu sức lao động và túng thiếu, thì chính quyền địa phương (nếu ở nông thôn thì chính quyền xã cùng hợp tác xã nông nghiệp) phải giúp đỡ họ có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ bị đói rét.

Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo. Bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên. Đó là một cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ.

Đối với những nạn nhân của chế độ xã hội cũ, như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu, v.v., thì Nhà nước phải dùng vừa giáo dục, vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện.

Trong bao năm kháng chiến chống thực dân Pháp, tiếp đến chống đế quốc Mỹ, đồng bào ta, nhất là đồng bào nông dân đã luôn luôn hết sức trung thành với Đảng và Chính phủ ta, ra sức góp của góp người, vui lòng chịu đựng mọi khó khăn gian khổ. Nay ta đã hoàn toàn thắng lợi, tôi có ý đề nghị miễn thuế nông nghiệp 1 năm cho các hợp tác xã nông nghiệp để cho đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất”².

Suốt đời vì nhân dân, công hiến cho hạnh phúc của nhân dân, mà về việc riêng, Bác dặn sau khi Bác đã qua đời, hãy “hoả táng” đi. Bác mong rằng “cách “hoả táng” sau này sẽ được phổ biến. Vì như thế đối với người sống đã tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất ruộng. Khi ta có nhiều điện, thì “điện táng” càng tốt hơn”.

Tro thì chia làm 3 phần, bỏ vào 3 cái hộp sành. Một hộp cho miền Bắc. Một hộp cho miền Trung. Một hộp cho miền Nam.

Đồng bào mỗi miền nên chọn 1 quả đồi mà chôn hộp tro đó. Trên mỏ, không nên có bia đá tượng đồng, mà nên xây 1 ngôi nhà giản đơn, rộng rãi, chắc chắn, mát mẻ, để những người đến thăm viếng có chỗ nghỉ ngơi.

Nên có kế hoạch trồng cây trên và chung quanh đồi. Ai đến thăm thì trồng một vài cây làm kỷ niệm. Lâu ngày, cây nhiều thành rừng sẽ tốt cho phong cảnh và lợi cho nông nghiệp. Việc săn sóc nên giao phó cho các cụ phụ lão”³.

Điều mong muốn cuối cùng của Bác là: “Toàn Đảng toàn dân ta đoàn kết phấn đấu,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.622.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.616-612.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.615.

xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”¹.

4. Đền với chủ nghĩa Mác-Lênin, nêu cao tư tưởng giải phóng con người, khẳng định quyền con người, quyền công dân, Người đã hy sinh trọn đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Ngay sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945, ngày 2/9/1945 Người đã trình trọng tuyên bố với dân tộc Việt Nam và thế giới bản “Tuyên ngôn Độc lập” bất hủ về thống nhất biện chứng giữa chủ quyền quốc gia và quyền con người.

Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh trong “Tuyên ngôn Độc lập” chính là: giải phóng con người trước hết là giải phóng họ khỏi những tai hoạ do cái đói, cái rét, cái dốt gây nên. Cuộc chiến đấu đó không thể tách rời cuộc chiến đấu để giải phóng dân tộc. Chỉ có thoát khỏi thân phận nô lệ, mỗi con người mới lấy lại được phẩm giá làm người. Hơn nữa, đó còn là cuộc chiến đấu vì hoà bình và tình hữu nghị giữa các dân tộc, vì sự giải phóng của toàn nhân loại. Giá trị triết học về con người của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh cũng chính là ham muốn cao nhất của Người: *“Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”².*

Trọn đời hiến dâng cho dân tộc, cho nhân dân, chủ nghĩa nhân văn cách mạng Hồ Chí Minh lại tỏa sáng trong “Di chúc” của Người. “Di chúc” là sự tóm tắt trí tuệ, tư tưởng, tình cảm của Người. Đó là một tấm gương phản chiếu cô đọng tập trung nhất chiều sâu của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh. Ở đó, Người quan tâm đến mọi số phận của nhân dân. Người yêu cầu Đảng và Chính phủ phải đền đáp và phải có kế hoạch phát triển kinh tế xã hội nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho mọi tầng lớp nhân dân; phải chăm lo xây dựng những thế hệ trẻ cách mạng nòng cốt, trở thành lực lượng chủ lực xây dựng thắng lợi xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đó là cuộc đấu tranh chống nạn áp bức dân tộc, áp bức và bất công xã hội, đấu tranh chống nghèo đói, lạc hậu, dốt nát, đấu tranh chống cường quyền, độc đoán, quan liêu và chủ nghĩa cá nhân để hướng tới độc lập tự do, ấm no hạnh phúc cho dân tộc và nhân dân Việt Nam. Đó là sự nghiệp vô cùng vĩ đại, lâu dài, khó khăn nhưng hết sức vinh quang. Chính sự nghiệp đó, với tư cách là người suốt đời phấn đấu hy sinh và cùng nhân dân mình thực hiện từng bước mà Người được thế giới công nhận là Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, Danh nhân văn hóa kiệt xuất.

Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh mở ra một giai đoạn mới của truyền thống nhân văn Việt Nam. Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh đã kết tinh chủ nghĩa nhân văn Việt Nam với chủ nghĩa nhân văn Đông-Tây của nhân loại xưa và nay, có tác dụng định hướng lớn và phát huy cao độ nội lực trong phát triển bền vững, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay. Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh không chỉ là giá trị về mặt văn hóa, mà còn là tầm tinh hoa triết học. Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh là một cơ sở và một nội dung chủ yếu của chủ nghĩa duy vật biện chứng về nhân văn. Thế giới còn đổi thay nhưng chủ nghĩa nhân văn cách mạng Hồ Chí Minh mãi mãi soi sáng con đường cách mạng Việt Nam và nhân loại./.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.624.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.187.

MỤC LỤC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN.....	7
LỜI NÓI ĐẦU	9
PHẦN THỨ NHẤT	
DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH VỚI VẤN ĐỀ XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC	13
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XII VỀ “CHỈNH ĐÓN LẠI ĐẢNG” THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	15
<i>ThS. Phan Thị Ánh</i>	
LỜI CĂN DẶN ĐỐI VỚI ĐẢNG TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG Ở NƯỚC TA HIỆN NAY	22
<i>TS. Nguyễn Đình Cả</i>	
VẬN DỤNG PHONG CÁCH NÊU GƯƠNG TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀO THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM NÊU GƯƠNG CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	28
<i>Bùi Chiến Công</i> <i>Trần Nguyễn Sĩ Nguyên</i>	
DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG CHỈNH ĐÓN ĐẢNG HIỆN NAY	34
<i>ThS. Nguyễn Thành Công</i> <i>CN. Lê Đại Đồng</i>	
GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA DI CHỨC HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CHỈNH ĐÓN ĐẢNG HIỆN NAY	43
<i>ThS. Nguyễn Thị Hà</i>	
VẤN ĐỀ ĐẢNG CẦM QUYỀN TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH....	49
<i>ThS. Trần Hải Hà</i>	
GIỮ GÌN SỰ ĐOÀN KẾT THỐNG NHẤT CỦA ĐẢNG TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	53
<i>ThS. Vũ Thị Hiền</i>	
Ý NGHĨA DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG HIỆN NAY Ở VIỆT NAM	57
<i>ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền</i>	
GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA DI CHỨC VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM HIỆN NAY	64
<i>ThS. Trần Bá Hiệp</i>	

TRUNG VỚI NƯỚC, HIẾU VỚI DÂN – NỘI DUNG QUAN TRỌNG TRONG HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH CỦA NGƯỜI CÁN BỘ CÁCH MẠNG	69
<i>Đại úy - CN. Nguyễn Thị Hoài</i>	
<i>CN. Huỳnh Ngọc Lương Huyền</i>	
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG CẦM QUYỀN PHỤNG SỰ, LIÊM CHÍNH VÀ ĐOÀN KẾT	78
<i>TS. Dương Đức Hưng</i>	
DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH – TÂM NHÌN CHIẾN LƯỢC TRONG VIỆC XÂY DỰNG, CHÍNH ĐÓN ĐẢNG	85
<i>ThS. Lưu Thị Xuân Hương</i>	
DI CHỨC HỒ CHÍ MINH VỚI VẤN ĐỀ XÂY DỰNG “VĂN MINH CẦM QUYỀN” CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	94
<i>Bùi Thị Hương</i>	
TỪ ÁNH SÁNG DI CHỨC CỦA BÁC, NGHĨ VỀ PHẨM CHẤT CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN HIỆN NAY	100
<i>TS. Nguyễn Khoa Huy</i>	
YÊU CẦU VỀ ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	106
<i>CN. Nguyễn Thị Huyền</i>	
CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CHÍNH ĐÓN ĐẢNG HIỆN NAY THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	111
<i>ThS. Nguyễn Cao Lâm</i>	
DI CHỨC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH – ĐỌC VÀ SUY NGẪM VỀ TINH THẦN ĐOÀN KẾT TRONG ĐẢNG	115
<i>TS. Nguyễn Thị Kim Liên</i>	
GIỮ GÌN SỰ ĐOÀN KẾT NHẤT TRÍ TRONG ĐẢNG THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	119
<i>TS. Phạm Ngọc Lợi</i>	
DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH – BẢO VẬT VÔ GIÁ ĐỐI VỚI VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	125
<i>ThS. Phạm Văn Lương</i>	
TƯ TƯỞNG “DÂN LÀ GỐC” TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - Ý NGHĨA THỰC TIỄN TRONG QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY	131
<i>ThS. Nguyễn Văn Mạnh</i>	
TƯ TƯỞNG VỀ ĐẢNG CẦM QUYỀN TRONG DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH	137
<i>ThS. Trần Thị Thúy Nga</i>	
VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM VỀ QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ THỂ HIỆN TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI CÔNG CUỘC XÂY DỰNG, CHÍNH ĐÓN ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY	141
<i>Trung úy Trần Nguyễn Sĩ Nguyên</i>	
<i>HVCH. Phạm Thế Hiển</i>	

ĐỔI MỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG CHÍNH ĐÓN ĐẢNG HIỆN NAY THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	147
<i>ThS. Mai Trọng Phú</i>	
VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG VIỆC XÂY DỰNG CHÍNH PHỦ KIẾN TẠO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	154
<i>ThS. Trần Thị Phương</i>	
XÂY DỰNG ĐẢNG THỰC SỰ ĐOÀN KẾT, TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	161
<i>TS. Đặng Thị Minh Phương</i>	
DI CHỨC HỒ CHÍ MINH - KIM CHỈ NAM CHO MỖI CÁN BỘ ĐẢNG VIÊN THỰC HIỆN TỐT VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM CỦA MÌNH, GÓP PHẦN XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG SẠCH VỮNG MẠNH	166
<i>TS. Nguyễn Thị Phương</i>	
TỪ QUAN ĐIỂM “CHÍNH PHỦ LÀ CÔNG BỘC CỦA DÂN” CỦA HỒ CHÍ MINH ĐẾN VIỆC XÂY DỰNG “CHÍNH PHỦ KIẾN TẠO” HIỆN NAY	171
<i>Nguyễn Hồng Quý</i>	
GIÁ TRỊ LÝ LUẬN TRONG DI CHỨC HỒ CHÍ MINH	182
<i>TS. Nguyễn Thị Quyết</i>	
SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	189
<i>ThS. Nguyễn Thị Xuân Quỳnh</i>	
QUAN ĐIỂM VỀ XÂY DỰNG VÀ CHÍNH ĐÓN ĐẢNG TRONG DI CHỨC HỒ CHÍ MINH	194
<i>ThS. Tạ Văn Sang</i>	
NHỮNG GIÁ TRỊ VỀ TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG TRONG DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG TA VỀ CÔNG TÁC GIÁO DỤC, RÈN LUYỆN ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.....	200
<i>ThS. Lưu Thị Mai Thanh</i>	
MỐI QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA XÂY DỰNG, CHÍNH ĐÓN ĐẢNG VỚI XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	206
<i>ThS. Nguyễn Thị Thành</i>	
TÌM HIỂU GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TƯ TƯỞNG VỀ ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CỦA CÁN BỘ VÀ ĐẢNG VIÊN TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	214
<i>ThS. Tạ Trần Trọng</i>	
ĐOÀN KẾT THỐNG NHẤT TRONG ĐẢNG THEO DI CHỨC CỦA BÁC HỒ	221
<i>ThS. Hồ Thị Thanh Trúc</i>	
<i>ThS. Hoàng Xuân Sơn</i>	
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ, PHẨM CHẤT VÀ PHONG CÁCH CỦA NGƯỜI CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN - DI SẢN VÀ BÀI HỌC	227
<i>TS. Nguyễn Thị Thanh Tùng</i>	

XÂY DỰNG ĐẢNG - NỘI DUNG TƯ TƯỞNG CỐT YẾU TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	234
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----

TS. Bùi Thanh Xuân

ThS. Lê Tuấn Anh

PHẦN THỨ HAI

DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH VỚI VẤN ĐỀ DÂN CHỦ, DÂN TỘC VÀ NHÂN LOẠI	243
-------------------------------------------------------------------------------	-----

NHỮNG VẤN ĐỀ THỜI ĐẠI TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	245
---------------------------------------------------------------------------	-----

ThS. Nguyễn Hữu Anh

GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	251
------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----

CN. Nguyễn Tiến Anh

DI CHỨC - SỰ THỂ HIỆN TRÁCH NHIỆM TRỌN VẸN CỦA HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI DÂN TỘC VÀ NHÂN LOẠI	255
------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----

ThS. Phan Thanh Bằng

DI CHỨC LÀ “TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP THỨ HAI” CỦA HỒ CHÍ MINH	264
----------------------------------------------------------------------	-----

Đặng Tiến Bình

DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH – GIÁ TRỊ TRƯỜNG TỒN ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM	267
---------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----

CN. Nguyễn Xuân Cẩn

DI CHỨC VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI TRONG TƯ TƯỞNG VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC CỦA HỒ CHÍ MINH	276
------------------------------------------------------------------------------------------------	-----

ThS. Trương Thị Mỹ Châu

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ “LẤY DÂN LÀM GỐC” – GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ Ý NGHĨA THỰC TIỄN	281
-----------------------------------------------------------------------------------------------	-----

ThS. Lê Mạnh Chí

ĐOÀN KẾT THỐNG NHẤT TRONG ĐẢNG THEO DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG QUA CÁC ĐẠI HỘI THỜI KỲ ĐỔI MỚI	286
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----

ThS. Võ Hoàng Đông

DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN HIỆN NAY	292
---------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----

TS. Võ Văn Dũng

BẤT ĐỒNG XÔ - TRUNG VÀ SỰ TRĂN TRỞ VỀ PHONG TRÀO CỘNG SẢN THẾ GIỚI TRONG DI CHỨC BÁC HỒ	299
------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----

ThS. Nguyễn Thị Hiền

“GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG CÔNG CUỘC BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐÀO Ở NƯỚC TA HIỆN NAY”	304
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----

TS. Võ Minh Hùng

TS. Phan Thị Hà

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG DI CHỨC CỦA NGƯỜI (1969) VÀO GIẢI QUYẾT NHỮNG TRANH CHẤP QUỐC TẾ TRÊN BIÊN ĐÔNG HIỆN NAY	310
<i>CN. Hà Triệu Huy</i>	
TƯ TƯỞNG NHÂN DÂN TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	321
<i>ThS. Dư Thị Huyền</i>	
THỰC HIỆN TỰ PHÊ BÌNH VÀ PHÊ BÌNH TRONG ĐẢNG THEO DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH	325
<i>ThS. Đỗ Thị Thanh Huyền</i>	
THỰC HIỆN DI CHỨC HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT	330
<i>TS. Trịnh Thị Mai Linh</i>	
TƯ TƯỞNG ĐOÀN KẾT CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH QUA BẢN DI CHỨC LỊCH SỬ	335
<i>ThS. Nguyễn Văn Lĩnh</i>	
ĐOÀN KẾT XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG QUỐC GIA DÂN TỘC THỐNG NHẤT THEO DI CHỨC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	339
<i>PGS. TS. Nguyễn Thị Quế Loan</i>	
THỰC HÀNH DÂN CHỦ THEO DI CHỨC HỒ CHÍ MINH	345
<i>ThS. Lại Văn Nam</i>	
GIƯỜNG CAO ĐỒNG THỜI HAI NGỌN CỜ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	351
<i>TS. Hoàng Trần Như Ngọc</i>	
<i>ThS. Nguyễn Thị Lý</i>	
SỰ KIẾN ĐỊNH CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	357
<i>TS. Nguyễn Thị Như</i>	
VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG NGOẠI GIAO TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀO TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI VÀ HỘI NHẬP CỦA VIỆT NAM	362
<i>NCS. Trần Hùng Minh Phương</i>	
TƯ TƯỞNG ĐẠI ĐOÀN KẾT TRONG DI CHỨC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ GIÁ TRỊ Ở HIỆN TẠI	371
<i>TS. Trần Việt Quân</i>	
<i>TS. Lê Văn Phục</i>	
50 NĂM TƯ TƯỞNG ĐẠI ĐOÀN KẾT TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (1969 - 2019)	378
<i>ThS. Nguyễn Hữu Sơn</i>	
QUÁ TRÌNH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐẾN VỚI CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN MÁC XÍT	383
<i>Trần Thanh Sơn</i>	
VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG ĐẠI ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG DI CHỨC HỒ CHÍ MINH ĐỂ THỰC HIỆN THẮNG LỢI SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA NƯỚC TA HIỆN NAY	391
<i>TS. Thái Ngọc Tăng</i>	

TƯ TƯỞNG ĐOÀN KẾT TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN HIỆN NAY	396
<i>ThS. Dương Vũ Thái</i>	
TƯ TƯỞNG VỊ DÂN TỘC, VỊ NHÂN SINH TRONG DI CHỨC HỒ CHÍ MINH	406
<i>TS. Nguyễn Thị Toàn Thắng</i>	
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC BỀN VỮNG TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH.....	413
<i>ThS. Hoàng Diệu Thảo</i>	
VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG VÀ THỰC THI CÁC CHỦ TRƯỞNG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở NƯỚC TA TRONG CÁC LĨNH VỰC: XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG, TÔN GIÁO HIỆN NAY	419
<i>TS. Cù Thị Thanh Thúy</i>	
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TRONG TÁC PHẨM DI CHỨC VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	426
<i>ThS. Huỳnh Thị Phương Thúy</i>	
GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG ĐẠI ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM HIỆN NAY	434
<i>ThS. Lê Thị Thanh Thúy</i>	
NGHIÊN CỨU TƯ TƯỞNG VỀ ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	440
<i>ThS. Phạm Thị Giang Thùy</i>	
TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC VÀ THÀNH TỰU XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI SAU 50 NĂM THỰC HIỆN DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH.....	446
<i>TS. Vương Thị Bích Thủy</i>	
<i>TS. Đinh Thị Phương</i>	
XÂY DỰNG “CHÍNH PHỦ KIẾN TẠO” THỰC HÀNH DÂN CHỦ THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	453
<i>TS. Nguyễn Thị Trang</i>	
DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA LỢI ÍCH GIAI CẤP VÀ LỢI ÍCH DÂN TỘC GIAI ĐOẠN 1930 – 1945 Ở NƯỚC TA	460
<i>ThS. Trần Văn Vĩ</i>	
THỰC HÀNH TƯ TƯỞNG VỀ DÂN CHỦ TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH LÀ ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC HIỆN NAY	468
<i>TS. Nguyễn Hữu Vượng</i>	
PHẦN THỨ BA	
DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH VỚI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO CON NGƯỜI	473
DI CHỨC HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC BỒI DƯỠNG THẾ HỆ CÁCH MẠNG CHO ĐỜI SAU	475
<i>TS. Trương Văn Bảy</i>	
<i>CN. Hoàng Anh Tuấn</i>	

HỒ CHÍ MINH VỚI SỰ NGHIỆP GIẢI PHÓNG DÂN TỘC.....	483
<i>PGS. TS. Nguyễn Anh Cường</i>	
<i>PGS. TS. Trần Mai Ước</i>	
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ GIẢI PHÓNG CON NGƯỜI VÀ SỰ NGHIỆP TRỒNG NGƯỜI TRONG DI CHỨC	490
<i>ThS. Trịnh Quang Dũng</i>	
VAI TRÒ CỦA ĐOÀN VIÊN, THANH NIÊN TRONG DI CHỨC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ VIỆC THỰC HIỆN DI CHỨC CỦA ĐOÀN VIÊN THANH NIÊN HIỆN NAY	499
<i>ThS. Từ Thị Cẩm Giang</i>	
TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH TRONG DI CHỨC VỚI VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY	504
<i>ThS. Dương Tấn Giàu</i>	
<i>ThS. Đào Thị Mộng Ngọc</i>	
BỒI DƯỠNG THỂ HỆ CÁCH MẠNG CHO ĐỜI SAU THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	510
<i>TS. Lê Thị Minh Hà</i>	
QUAN ĐIỂM VỀ CON NGƯỜI VÀ TRÍ THỨC TRONG DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH	515
<i>PGS. TS. GVCC. Đoàn Đức Hiếu</i>	
TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN TRONG DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC GIÁO DỤC NHÂN CÁCH CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	522
<i>ThS. Lê Thị Ngọc Hoa</i>	
ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	530
<i>PGS. TS. Nguyễn Văn Hòa</i>	
<i>ThS. Nguyễn Thị Vân An</i>	
TRIẾT LÝ NHÂN VĂN CỦA CHIẾN LƯỢC “TRỒNG NGƯỜI” TRONG DI CHỨC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH – GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN ĐỐI VỚI GIÁO DỤC Ở TÂY NAM BỘ	536
<i>NCS. Phạm Thị Huệ</i>	
TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH TRONG DI CHỨC VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO SINH VIÊN HIỆN NAY	541
<i>TS. Lê Thị Kim Hưng</i>	
GIÁ TRỊ NHÂN VĂN TRONG DI CHỨC HỒ CHÍ MINH VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ ĐỐI VỚI VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO SINH VIÊN HIỆN NAY	546
<i>ThS. Dương Thị Thu Hương</i>	
THỰC HIỆN “CẦN, KIỂM, LIÊM, CHÍNH” THEO DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH	552
<i>ThS. Đỗ Thị Thanh Huyền</i>	
XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI CĂN BẢN TOÀN DIỆN GIÁO DỤC THEO ÁNH SÁNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	557
<i>TS. Ngô Bá Khiêm</i>	
<i>ThS. Lê Thị Hà</i>	

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VIỆC “BỒI DƯỠNG THỂ HỆ CÁCH MẠNG CHO ĐỜI SAU”	563
<i>ThS. Đặng Văn Khoa</i>	
TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH TRONG DI CHỨC VỚI VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY	568
<i>ThS. Đinh Thị Kim Loan</i>	
TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG, THỰC HIỆN CẦN KIỂM LIÊM CHÍNH, CHỈ CÔNG VÔ TƯ THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	574
<i>ThS. Lê Bình Phương Luân</i>	
CHỐNG CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	580
<i>TS. Trần Hồng Lưu</i>	
VẤN ĐỀ THANH NIÊN TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH.....	586
<i>ThS. Nguyễn Văn Mão</i>	
TÌNH YÊU THƯƠNG CON NGƯỜI TRONG DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH VÀ Ý NGHĨA ĐỐI VỚI XÂY DỰNG NGƯỜI GIẢNG VIÊN HIỆN NAY	590
<i>TS. Đào Văn Minh</i>	
TIẾP TỤC XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	596
<i>ThS. Nguyễn Hoàng Minh</i>	
BỒI DƯỠNG THỂ HỆ TRẺ SINH VIÊN VIỆT NAM Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH.....	601
<i>ThS. Đỗ Thị Nga</i>	
GIÁO DỤC SINH VIÊN TINH THẦN TỰ HỌC THEO TƯ TƯỞNG, TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH.....	609
<i>ThS. Hoàng Thị Nga</i>	
TRIẾT LÝ GIÁO DỤC VÀ CHIẾN LƯỢC “TRỒNG NGƯỜI” TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	615
<i>ThS. Thân Thị Thu Ngân</i>	
<i>ThS. Nguyễn Thị Xuyên</i>	
DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI VẤN ĐỀ GIÁO DỤC, BỒI DƯỠNG THANH NIÊN	620
<i>ThS. Phạm Văn Ngọc</i>	
THỰC HIỆN DI HUẤN CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ GIÁO DỤC LÝ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC CHO ĐOÀN VIÊN THANH NIÊN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	625
<i>ThS. Hoàng Thị Mỹ Nhân</i>	
DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - GIẢI PHÁP VỀ CÔNG TÁC BỒI DƯỠNG THANH NIÊN HIỆN NAY CỦA ĐẢNG	630
<i>Dương Minh Nhật</i>	
NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CỦA SINH VIÊN THEO DI HUẤN CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	635
<i>ThS. Đàm Yến Nhi</i>	

DI CHỨC BÁC HỒ VỚI VIỆC BỒI DƯỠNG THỂ HỆ SINH VIÊN “VỪA HỒNG”, “VỪA CHUYÊN” TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	641
<i>TS. Nguyễn Thị Phương</i>	
TỪ CHIẾN LƯỢC “TRỒNG NGƯỜI” ĐẾN CHÍNH SÁCH TRỌNG DỤNG CÁN BỘ NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN TRẺ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	646
<i>ThS. Nguyễn Văn Quý</i>	
GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CHO THANH NIÊN VIỆT NAM THEO DI CHỨC HỒ CHÍ MINH	652
<i>TS. Nguyễn Thị Quyết</i>	
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI TRONG DI CHỨC HỒ CHÍ MINH VÀ Ý NGHĨA ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI HIỆN NAY	660
<i>ThS. Lê Thị Như Quỳnh</i>	
GIÁ TRỊ DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC ĐÀO TẠO – BỒI DƯỠNG THANH NIÊN VIỆT NAM	666
<i>TS. Thái Ngọc Tăng</i>	
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ QUYỀN CON NGƯỜI VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG ĐỂ ĐẢM BẢO QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM TRONG CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0.....	671
<i>ThS. Trần Thị Thảo</i>	
CÔNG TÁC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THEO TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC VÀ DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	679
<i>TS. Huỳnh Đức Thiện</i>	
TRIẾT LÝ NHÂN SINH TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH.....	693
<i>ThS. Hà Văn Thiều</i>	
THẨM NHUẬN ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG, CẦN KIỆM LIÊM CHÍNH, CHÍ CÔNG VÔ TƯ TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH.....	697
<i>ThS. Tạ Thị Thùy</i>	
VAI TRÒ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG VIỆC CHĂM LO GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CHO ĐOÀN VIÊN – THANH NIÊN THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	701
<i>TS. Nguyễn Thị Như Thúy</i>	
DI CHỨC HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC GIÁO DỤC, BỒI DƯỠNG THỂ HỆ TRẺ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	707
<i>ThS. Trần Thị Thủy</i>	
TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CHO ĐOÀN VIÊN THANH NIÊN THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	715
<i>ThS. Nguyễn Văn Toán</i>	
VẤN ĐỀ NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	722
<i>TS. Đỗ Thị Thùy Trang</i>	

TƯ TƯỞNG VỀ “TRỒNG NGƯỜI” TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH -
GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ Ý NGHĨA THỰC TIỄN TRONG BỒI DƯỠNG THẾ HỆ TRẺ VIỆT
NAM VỪA HỒNG VỪA CHUYỀN..... 728

ThS. Ngô Quang Ty

“BỒI DƯỠNG THẾ HỆ CÁCH MẠNG CHO ĐỜI SAU LÀ MỘT VIỆC RẤT QUAN
TRỌNG VÀ RẤT CẦN THIẾT” – LUẬN ĐIỂM THỂ HIỆN TÂM NHÌN CHIẾN LƯỢC
CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG DI CHỨC..... 734

PGS. TS. Trần Mai Ước

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG VIỆC ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN 740

PGS. TS. Nguyễn Huy Vị

PHẦN THỨ TƯ

DI CHỨC CỦA HỒ CHÍ MINH VỚI CÁC VẤN ĐỀ KINH TẾ, VĂN HOÁ, XÃ HỘI..... 749

LÓGIC BIỆN CHỨNG CỦA MỘT SỐ LUẬN ĐIỂM CƠ BẢN TRONG DI CHỨC CỦA
CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH 751

NGUT.PGS. TS. Lê Hữu Ái

TS. Nguyễn Thị Thu Hương

SÁNG NGỒI NIỀM TIN TẮT THẰNG CỦA NGƯỜI TRƯỚC LÚC ĐI XA 758

ThS. Dương Hoài An

DI CHỨC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH MỘT BẢO VẬT QUỐC GIA MANG TÍNH NHÂN
VĂN DÂN TỘC 761

ThS. Huỳnh Ngọc An

DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC NÂNG CAO Ý THỨC TRÁCH
NHIỆM CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY 769

ThS. Ngô Văn An

VẤN ĐỀ NÔNG NGHIỆP TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
VÀ SỰ VẬN DỤNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH 775

ThS. Phùng Thế Anh

HỘI NÔNG DÂN TỈNH ĐỒNG NAI THỰC HIỆN DI CHỨC CỦA BÁC HỒ TRONG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI 781

TS. Lê Quan Cần

LỜI DẶN CỦA BÁC VỀ “CÔNG VIỆC ĐỐI VỚI CON NGƯỜI” TRONG DI CHỨC..... 792

TS. Lê Thị Kim Chi

MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH 796

ThS. Trần Ngọc Chung

ThS. Lê Quang Chung

DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH MÃI SOI SÁNG CON ĐƯỜNG CÁCH
MẠNG VIỆT NAM 799

TS. Đỗ Thành Đô

TS. Đỗ Thị Thuỳ Trang

TÌM HIỂU VỀ LOGIC BIỆN CHỨNG TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	805
<i>ThS. Nguyễn Văn Đức</i>	
VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	811
<i>ThS. Hoàng Thị Giang</i>	
MỘT VÀI CẢM NHẬN VỀ Ý NGHĨA VÀ GIÁ TRỊ BẢN DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	817
<i>TS. Phan Thị Hà</i>	
<i>NCS. Nguyễn Thị Thu Hiền</i>	
ĐOÀN VIÊN VÀ THANH NIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG THỰC HIỆN THEO DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH GÓP PHẦN XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC	822
<i>ThS. Nguyễn Chí Hải</i>	
TỪ PHONG TRÀO “NHƯỜNG CƠM SẼ ÁO” NĂM 1945 CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐẾN CÁC CHƯƠNG TRÌNH TÌNH NGUYỆN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÁI NGUYÊN	828
<i>TS. Hoàng Thị Mỹ Hạnh</i>	
<i>ThS. Nguyễn Thị Hòa</i>	
DI CHỨC - VỆNG NGUYÊN GIÁ TRỊ ĐỊNH HƯỚNG, NGỒI SÁNG VỀ ĐẠO ĐỨC VÀ ĐẶC SẮC VỀ PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH	833
<i>ThS. Võ Thái Hòa</i>	
TƯ TƯỞNG VÀ TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH VỀ THỰC HÀNH DÂN CHỦ VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG TA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	839
<i>ThS. Đoàn Thị Huệ</i>	
GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TÁC PHẨM DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG SỰ NGHIỆP BẢO VỆ, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC	845
<i>ThS. Phan Thị Thanh Hương</i>	
GIỮ GÌN ĐẠO ĐỨC NHÀ GIÁO NHÌN TỪ NỘI DUNG ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	855
<i>ThS. Võ Thị Mỹ Hương</i>	
TẠO DỰNG KHÔNG GIAN XÃ HỘI ĐỀ PHỤ NỮ THỰC HIỆN QUYỀN THAM CHÍNH – TỪ DI CHỨC HỒ CHÍ MINH ĐẾN QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	862
<i>TS. Ngô Thị Huyền</i>	
ĐỌC LẠI DI CHỨC CỦA BÁC, NGHĨ VỀ THỰC TRẠNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CHO THẾ HỆ TRẺ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	869
<i>TS. Ngô Thị Huyền</i>	
<i>TS. Lê Thị Kim Chi</i>	
NGHIÊN CỨU CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA LOGIC HỌC BIỆN CHỨNG TRONG BẢN DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	873
<i>ThS. Trần Thị Liên</i>	

DI CHỨC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH QUA GÓC NHÌN BIỆN CHỨNG “ĐĨ BẮT BIẾN ÚNG VẠN BIẾN”	883
<i>ThS. Hồ Yến Linh</i>	
NIỀM TIN VỀ XÃ HỘI “DÂN GIÀU, NƯỚC MẠNH” TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	892
<i>TS. Nguyễn Thị Hiền Oanh</i>	
DI CHỨC – SỰ KẾT TINH VÀ TỎA SÁNG CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN HỒ CHÍ MINH	900
<i>PGS. TS. Lý Việt Quang</i>	
QUẢNG NGÃI - 50 NĂM THỰC HIỆN DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	905
<i>TS. Nguyễn Thị Quyết</i>	
<i>ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền</i>	
TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	913
<i>ThS. Lê Đức Thọ</i>	
DI CHỨC HỒ CHÍ MINH – NGUỒN SÁNG DẪN ĐƯỜNG CHO THANH NIÊN VIỆT NAM	922
<i>Lương Thị Thương</i>	
CHĂM LO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN TRONG DI CHỨC HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG TA	926
<i>ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy</i>	
DI CHỨC – SỰ THỂ HIỆN TINH THẦN BIỆN CHỨNG TRONG PHONG CÁCH TƯ DUY HỒ CHÍ MINH	932
<i>TS. Đặng Thị Minh Tuấn</i>	
DI CHỨC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH – SỰ KẾT TINH CỦA CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN CÁCH MẠNG	937
<i>TS. Nguyễn Thị Mộng Tuyền</i>	
CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN HỒ CHÍ MINH TỎA SÁNG TRONG DI CHỨC CỦA NGƯỜI	942
<i>ThS. Hoàng Ngọc Vĩnh</i>	
<i>TS. Hoàng Trần Như Ngọc</i>	

ISBN: 978-604-73-7400-7



9 786047 374007

SÁCH KHÔNG BÁN